

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
AUG 24 2006
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

THỊ XÃ AN KHÊ



Đ/c Đặng Khắc Thành Tâm - P. Bí thư, Chủ tịch UBND thị xã

Với vị trí cửa ngõ phía đông của cao nguyên Gia Lai và lịch sử hình thành phát triển dân cư, thị xã An Khê được xem là địa bàn trung tâm các huyện, thị phía đông của Gia Lai (K Bang - An Khê - Đak Pơ - Kông Chro), thị xã có tuyến quốc lộ 19 xuyên suốt, nối liền đồng bằng Bình Định lên các tỉnh Tây Nguyên. An Khê là căn cứ địa của cuộc khởi nghĩa nông dân Tây Sơn hiện có hơn 65 nghìn dân, trình độ dân trí tương đối khá so với vùng đồng tỉnh Gia Lai.

ĐỊA CHỈ
587 Quang Trung - thị xã An Khê - tỉnh Gia Lai
Điện thoại: (059) 832 305



Sau khi chia tách huyện An Khê cũ, thành lập huyện Đak Pơ và thị xã An Khê (tháng 1/2004), cơ cấu kinh tế của thị xã đã chuyển dịch đúng hướng, GDP bình quân giai đoạn 2004 - 2005 đã đạt mục tiêu đề ra: Công nghiệp - xây dựng tăng 21,1%; thương mại - dịch vụ tăng 10,82%; nông nghiệp - lâm nghiệp tăng 7,15%. Cơ cấu kinh tế năm 2005, công nghiệp - xây dựng đạt 51,8%; thương mại - dịch vụ đạt 28,4%; nông nghiệp - lâm nghiệp đạt 18,8%; mức tăng trưởng giá trị sản xuất theo giá so sánh 15,25%; thu nhập bình quân đầu người 8,15 triệu đồng/năm; thu ngân sách 2001 -2005 tăng bình quân hằng năm 18,46%, riêng năm 2005 tăng 28,5%.

PHÁT HUY NHỮNG THÀNH TỰU ĐẠT ĐƯỢC, ĐẠI HỘI LẦN THỨ XIV ĐẢNG BỘ THỊ XÃ (NHIỆM KỲ 2005 -2010) XÁC ĐỊNH:

+ Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, toàn diện, đồng bộ; đẩy mạnh tốc độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, huy động mọi nguồn lực xã hội, tăng cường hợp tác, liên kết bảo đảm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội nhanh, bền vững.

+ Xây dựng thị xã An Khê giàu về kinh tế, ổn định về chính trị, phát triển về văn hóa - xã hội, giữ vững quốc phòng an ninh.

+ Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng: Công nghiệp - xây dựng; thương mại - dịch vụ và nông nghiệp - lâm nghiệp, phấn đấu đạt mức tăng trưởng GDP bình quân giai đoạn 2005 - 2015 là 14,5%, đến năm 2015 tổng sản phẩm xã hội tăng 3,7 lần và GDP bình quân đầu người tăng 2,9 lần so với năm 2005.

+ Phấn đấu đến năm 2010 công nghiệp - xây dựng chiếm 60,5%; thương mại dịch vụ hằng năm tăng trưởng bình quân của ngành thương mại - dịch vụ là 12,39%, đến 2010 ngành thương mại dịch vụ chiếm tỷ trọng 27,35% nền kinh tế thị xã.

+ Lĩnh vực nông - lâm nghiệp tiếp tục củng cố xây dựng quan hệ sản xuất mới, nhất là kinh tế hợp tác; khuyến khích, hỗ trợ kinh tế cá thể.; chuyển dịch dần lao động nông nghiệp sang tiểu thủ công nghiệp - dịch vụ - thương mại; khuyến khích tập trung nguồn nhân lực khoa học - kỹ thuật ở các ngành xác định là mũi nhọn để tạo bước tăng trưởng đột phá.

Digitized by Google

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

THÁNG 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 759

13
7-2006

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
TẠ NGỌC TẤN



Bìa 1: Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI

Ảnh: NHẤT DŨNG - TTXVN

MỤC LỤC

KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XI

NGUYỄN PHÚ TRỌNG - Tăng cường đoàn kết, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng và các Nghị quyết của Quốc hội 3

LÊ BẢO LONG - Những nội dung quan trọng và phương thức làm việc hiệu quả tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI 8

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

HỒ XUÂN HÙNG - Thách thức và triển vọng đối với doanh nghiệp nhà nước khi chuyển sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp (năm 2005) 13

NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU - Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu hội nhập 19

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LƯU VĂN SÙNG - Về sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa hiện nay 23

NHỊ LÊ - Kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, với quyết tâm mới và hành động mới 29

TRỊNH MINH TỨ - Phát triển giáo dục từ xa góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 33

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

BÙI VĂN HUẤN - Tăng cường công tác dân vận của quân đội trong tình hình hiện nay 38

PHẠM THẮNG - Phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta - một số vấn đề đặt ra 42

NGUYỄN QUỐC VIỆT - Những giải pháp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau đến năm 2010 48

DOÃN ĐÌNH HUỀ - Phát triển kinh tế nông nghiệp từ chuyển đổi mùa vụ hợp lý và kinh tế trang trại ở huyện Phú Xuyên, Hà Tây 52

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

ĐÀO THẾ TUẤN - Bàn về giá trị công bằng và tương trợ trong nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa 57

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

VĂN BA - Bệnh vô cảm 61

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN HUY QUÝ - Quan điểm "phát triển một cách khoa học" của Đảng Cộng sản Trung Quốc 62

TRẦN VĂN TÙNG - Con đường phát triển kinh tế của Trung Quốc và Ấn Độ 68

67 BO AA M61 2294
02/07 02-031-01
Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• НГУЕН ФУ ЧОНГ Активизация солидарности в целях успешного выполнения Резолюции X Съезда Партии и постановлений Национального собрания. • ЛЕ БАО ЛОНГ Важное содержание и эффективные методы работы на 9-ой сессии Национального собрания X созыва. • ХО СУАН ХУНГ Испытания и потенциальные возможности перед государственными предприятиями при переходе к функционированию соответственно Закону о предприятиях (2005 г.) • НГУЕН ЧОНГ ДИЕУ Создание отряда государственных кадров, служащих, удовлетворяющих требованиям интеграции. • ЛЫУ ВАН ШУНГ О развитии с социалистической ориентацией на данном этапе • БУЙ ВАН ХУАН Активизация агитационных и пропагандистских работ армии среди народных масс в сегодняшней обстановке • ФАМ ТХАНГ Развитие промышленных, промышленно-экспортных зон во Вьетнаме – некоторые поставленные вопросы • НГУЕН КУОК ВЬЕТ Мероприятия по социально-экономическому развитию провинции Камау до 2010 г. • НГУЕН ХУ КУИ Точка зрения «научное развитие» Коммунистической партии Китая. • ЧАН ВАН ТУНГ Путь экономического развития Китая и Индии.

CONTENTS

• NGUYÊN PHÚ TRONG Increasing solidarity, successfully implementing resolutions of the Xth Party Congress and resolutions of the National Assembly • LE BÁO LONG Important contents and efficient working methods at IXth session of the National Assembly of XIth tenure • HÔ XUAN HUNG Challenges and prospects for state enterprises while shifting to operate under Law on Enterprises (2005) • NGUYÊN TRONG ĐIEU Building the contingent of cadres, government employees and officials to satisfy the demands of integration • LƯU VAN SUNG Regarding current socialist-oriented development • BÙI VĂN HUAN Increasing the Army's agitation and propaganda toward the people in the present circumstances • PHAM THÀNG Development of industrial and processing zones in our country- the put forward problem • NGUYÊN QUÔC VIET Solutions for socio-economic development of Cà Mau province up to 2010 • NGUYEN HUY QUÝ The conception " Development in a very scientific way" of the Communist Party of China • TRAN VAN TUNG Path of economic development of China and India

SOMMAIRE

• NGUYÊN PHÚ TRONG Renforcer la solidarité mettre en application avec succès les résolutions prises par le Xe Congrès national du PCV et de l'Assemblée nationale. • LÊ BÁO LONG Les contenus importants et le mode de travail efficace à la 9e session de l'Assemblée nationale (XIe législature) • HO XUAN HUNG Défis et perspectives pour les entreprises étatiques après le passage au fonctionnement selon la Loi sur les entreprises (2005) • NGUYEN TRONG ĐIEU Edification d'un contingent de cadres et de fonctionnaires satisfaisant les exigences de l'intégration • LƯU VÀN SUNG Sur le développement actuel à orientation socialiste • BUI VAN HUAN Renforcement du travail de sensibilisation de l'armée auprès du peuple dans le contexte actuel • PHAM THANG Développement des zones industrielles et des zones franches dans notre pays – quelques questions posées • NGUYEN QUOC VIET Solutions du développement socio-économique de la province de Cà Mau jusqu'à 2010 • NGUYEN HUY QUY Le point de vue « développement de façon scientifique » du Parti communiste chinois • TRAN VÀN TUNG La voie du développement économique de la Chine et de l'Inde

SUMARIO

• NGUYÊN PHÚ TRONG Intensificar la unidad y cumplir exitosamente la resolución del X Congreso Nacional del Partido y las resoluciones de la Asamblea Nacional • LÊ BÁO LONG Importantes contenidos y medidas de trabajo efectivo en el noveno período de sesiones de la Asamblea Nacional (XI Legislatura) • HO XUÂN HUNG Retos y perspectivas para con las empresas estatales cuando sus actividades se realizan al conforme de la Ley de Empresas (2005). • NGUYEN TRONG ĐIEU La formación de un cuerpo de cuadros y funcionarios conforme a las demandas de integración • LƯU VÁN SUNG Acerca del actual desarrollo a orientación socialista • BUI VAN HUAN Fortalecer el trabajo de agitación popular realizado por el ejército en la actual situación • PHAM THANG El amplio de parques industriales y zonas de procesamiento para la exportación en Vietnam – ciertos problemas surgidos • NGUYEN QUOC VIET Soluciones para el desarrollo socioeconómico de la provincia de Ca Mau hasta el 2010 • NGUYEN HUY QUY Puntos de vistas de 'desarrollo científico' del Partido Comunista Chino • TRAN VAN TUNG El camino de fomento económico de China y de India

目 录

• 阮富仲：加强团结，胜利落实党十大决议及国会各决议• 黎宝龙：十一届国会第九次会议中的重要内容以及有效的工作方式• 胡春雄：按照《企业法》运作对国有企业的挑战和展望• 阮仲调：建设干部、职员、公务员队伍，满足融入国际需求• 刘文崇：当前关于按照社会主义定向的发展（内涵）• 裴文训：在当前形势下加强军队的民运工作• 范胜：在我国发展工业区和出口加工区所面临的一些问题• 阮国越：金瓯省到2010年社会经济发展的解决措施• 阮辉贵：中国共产党的“科学发展观”• 陈文松：中国和印度的经济发展道路。

Digitized by Google

TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XI

- **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN MINH TRIẾT ĐƯỢC BẦU LÀM CHỦ TỊCH NƯỚC**
- **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN TẤN DŨNG ĐƯỢC BẦU LÀM THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**
- **ĐỒNG CHÍ NGUYỄN PHÚ TRỌNG ĐƯỢC BẦU LÀM CHỦ TỊCH QUỐC HỘI**



CHỦ TỊCH NƯỚC
NGUYỄN MINH TRIẾT



THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
NGUYỄN TẤN DŨNG



CHỦ TỊCH QUỐC HỘI
NGUYỄN PHÚ TRỌNG

TĂNG CƯỜNG ĐOÀN KẾT, THỰC HIỆN THẮNG LỢI NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀ CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI *

Chủ tịch Quốc hội NGUYỄN PHÚ TRỌNG

SAU gần một tháng rưỡi làm việc tích cực, khẩn trương, dân chủ và trách nhiệm, hôm nay Quốc hội khóa XI đã hoàn thành tốt đẹp chương trình làm việc của kỳ họp thứ 9. Đây là kỳ họp diễn ra trong bối cảnh Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X

* Lời bế mạc kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI (ngày 29-6-2006). Đầu đề của Báo Nhân Dân

Digitized by Google

của Đảng vừa kết thúc thắng lợi; các ngành, các cấp, các địa phương trong cả nước đang khẩn trương triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội, quyết tâm phấn đấu đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã được nghe ý kiến phát biểu chỉ đạo của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh; đã tập trung xem xét, quyết định nhiều vấn đề quan trọng trên cả ba lĩnh vực lập pháp, giám sát và quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước.

Trong 5 năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với sự cố gắng vượt bậc của các ngành, các cấp, các địa phương, cơ sở..., hầu hết các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đều đạt và vượt kế hoạch. Tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,5%; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; kinh tế đối ngoại và tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến quan trọng. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng lên; khoa học, công nghệ có những chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện; công tác xóa đói, giảm nghèo đạt kết quả khá. Chính trị, xã hội ổn định; quốc phòng, an ninh được giữ vững. Vị thế quốc tế của nước ta tiếp tục được nâng cao.

Trong những tháng cuối năm 2005 và 4 tháng đầu năm 2006, kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển, sản xuất công nghiệp tăng khá, các ngành dịch vụ có nhiều tiến bộ, thị trường xuất khẩu và thị trường trong nước được mở rộng,... góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế của đất nước. Tuy vậy, chất lượng tăng trưởng kinh tế, năng lực cạnh tranh của nhiều sản phẩm, nhiều ngành hàng còn thấp. Sản xuất công nghiệp, nông nghiệp gặp nhiều khó khăn, phát triển chưa ổn định. Giá cả nhiều mặt hàng tăng mạnh đã tác động bất lợi đến sản xuất và đời sống nhân dân. Chất lượng dịch vụ y tế, văn hóa, giáo dục chưa đáp ứng yêu cầu. Tai nạn giao thông còn nhiều. Môi trường sinh thái nhiều nơi bị xuống cấp nghiêm trọng...

Phát huy những thắng lợi trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, trong 5 năm tới cần đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, nâng cao hiệu quả và tính bền vững của sự phát triển; cải thiện rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020; giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và an ninh quốc gia; tiếp tục củng cố và mở rộng các quan hệ đối ngoại, nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực và trên trường quốc tế.

Trên cơ sở báo cáo của Chính phủ, các cơ quan hữu quan và Báo cáo thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, Quốc hội đã thảo luận, phân tích toàn diện những thuận lợi, khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005; quyết định những vấn đề trọng tâm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, kết hợp với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2005, việc triển khai nhiệm vụ năm 2006 và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2004.

Digitized by Google

Tiếp tục đổi mới, cải tiến quy trình xây dựng luật, tại kỳ họp này Quốc hội đã thông qua 10 dự án luật và 3 Nghị quyết có chứa quy phạm pháp luật, đó là: Luật bảo hiểm xã hội; Luật kinh doanh bất động sản; Luật hàng không dân dụng Việt Nam; Luật công nghệ thông tin; Luật điện ảnh; Luật luật sư; Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS); Luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Luật trợ giúp pháp lý; Luật chứng khoán; Nghị quyết về dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư; Nghị quyết về kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 và Nghị quyết về phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010 của cả nước. Quốc hội cũng đã thảo luận, cho ý kiến về 13 dự án luật khác để chuẩn bị trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp sau. Các đạo luật được Quốc hội thông qua tại kỳ họp này nhằm tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế.

Xây dựng và ban hành các đạo luật là quan trọng, song điều mà cử tri và nhân dân quan tâm, có ý nghĩa quyết định nhất là việc đưa các đạo luật thực thi vào cuộc sống. Vì lẽ đó, Quốc hội đề nghị Chính phủ, các cơ quan hữu quan khẩn trương ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành; các cơ quan, tổ chức trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình, nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật và đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong cán bộ, công chức và nhân dân.

Tại kỳ họp này, Quốc hội đã tiến hành giám sát chuyên đề ***"Về việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật đất đai"***. Đất đai là lĩnh vực đã và đang có nhiều bức xúc, khiếu kiện trong nhân dân, được cử tri và các vị đại biểu Quốc hội đặc biệt quan tâm. Qua xem xét Báo cáo của Chính phủ và Báo cáo giám sát của Ủy ban thường vụ Quốc hội, Quốc hội đã thảo luận, phân tích sâu sắc, đánh giá về những kết quả đạt được, những khuyết điểm tồn tại trong công tác quy hoạch, kế hoạch và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; về những tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đất, những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về đất đai; nguyên nhân, giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai nói chung và công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng; đồng thời đề ra những giải pháp cụ thể để khắc phục.

Cũng tại kỳ họp này, Quốc hội đã xem xét Báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc các cơ quan tiến hành tố tụng ở quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện thẩm quyền mới theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự và Bộ Luật tố tụng dân sự; nghe Báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Ủy ban Quốc phòng và an ninh về tình hình thực hiện Pháp lệnh dân quân tự vệ và Pháp lệnh về lực lượng dự bị động viên; nghe Báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban về các vấn đề xã hội về tình hình thực hiện pháp luật dân số, người cao tuổi và người tàn tật; xem xét Báo cáo công tác của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các ủy ban của

Digitized by Google

Quốc hội; của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Quốc hội đã nghe Báo cáo của Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam về tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri cả nước gửi đến Quốc hội, Chính phủ và các cơ quan hữu quan. Quốc hội hoan nghênh các ý kiến, kiến nghị của cử tri cả nước, coi đây là sự đóng góp quý báu, thiết thực, thể hiện tâm huyết của cử tri đối với sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước.

Quốc hội cũng đã dành thời gian nghe 12 vị bộ trưởng và Thủ tướng Chính phủ báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội. Với tinh thần đổi mới, hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tại kỳ họp này tiếp tục được cải tiến. Việc gắn kết giữa hoạt động chất vấn của đại biểu Quốc hội với hoạt động giám sát chuyên đề và các báo cáo chung; không trình bày các văn bản trả lời chất vấn được chuẩn bị trước để tăng thời gian đối thoại trực tiếp; tranh luận, làm rõ từng vấn đề giữa thành viên Chính phủ với các vị đại biểu Quốc hội; tăng số lượng thành viên Chính phủ trả lời chất vấn đã góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động chất vấn và giám sát. Nhìn chung, các vị đại biểu Quốc hội đã phát huy tốt vai trò đại biểu của mình, thể hiện trách nhiệm cao đối với đất nước, đối với cử tri, tập trung vào các vấn đề bức xúc, nổi cộm được dư luận nhân dân cả nước quan tâm trong thời gian vừa qua. Các vị trả lời chất vấn đã thể hiện trách nhiệm trước những vấn đề mà đại biểu Quốc hội nêu ra, thẳng thắn nhận những yếu kém, khuyết điểm của ngành mình, thấy rõ trách nhiệm của cá nhân và đưa ra những giải pháp khắc phục. Qua hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn, nhiều vấn đề đã được làm rõ. Quốc hội đã yêu cầu Chính phủ chỉ đạo các bộ, ngành tổ chức thực hiện tốt các giải pháp đã nêu, khắc phục những yếu kém trong lĩnh vực công tác của từng bộ, ngành để không ngừng hoàn thiện bộ máy nhà nước, thực hiện tốt hơn chức năng, nhiệm vụ được giao; đáp ứng nguyện vọng chính đáng và lòng mong đợi của cử tri.

Trong thời gian tới, Quốc hội cần tăng cường hoạt động chất vấn giữa hai kỳ họp Quốc hội để hoạt động chất vấn trở thành một trong những hoạt động thường xuyên, một hình thức giám sát trực tiếp và hữu hiệu đối với bộ máy nhà nước, đồng thời giải quyết kịp thời các vấn đề do cuộc sống đặt ra.

Thể theo nguyện vọng của các vị lãnh đạo cấp cao của Nhà nước: Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội mong muốn bàn giao chức vụ cho những người kế nhiệm ngay tại kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI. Quốc hội đã phê chuẩn việc miễn nhiệm và tiến hành bầu mới các chức danh Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội; phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ Phó Thủ tướng và bộ trưởng của một số bộ; bầu Tổng kiểm toán nhà nước. Với tinh thần trách nhiệm trước Đảng, trước nhân dân cùng với việc tiếp tục đổi mới cách thức xem xét, quyết định nhân sự tại kỳ họp này, các vị đại biểu Quốc hội đã phát huy tinh thần dân chủ, lựa chọn người có đủ phẩm chất đạo đức, có trình độ,

Digitized by Google

năng lực bầu vào các chức danh quan trọng của bộ máy nhà nước với sự nhất trí cao. Kết quả này là sự tiếp tục tiến trình đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước; là một bước chuyển giao các thế hệ cán bộ, bảo đảm tính liên tục, kế thừa và phát triển vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Quốc hội ghi nhận những lời tâm huyết mà các vị lãnh đạo cấp cao của Nhà nước trình bày trước Quốc hội khi nhận trọng trách được Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó. Quốc hội tin tưởng rằng, trên cương vị công tác mới của mình, các vị lãnh đạo sẽ nỗ lực phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ, xứng đáng với sự tin cậy của Quốc hội và nhân dân.

Thay mặt nhân dân cả nước, Quốc hội trân trọng và đánh giá cao những cống hiến cho đất nước, cho sự nghiệp cách mạng của các đồng chí Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nguyễn Văn An và các đồng chí lãnh đạo khác. Chúng ta kính chúc các đồng chí luôn mạnh khỏe, tiếp tục đóng góp khả năng và kinh nghiệm phong phú của mình cho sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong giai đoạn mới.

Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI là một sự kiện chính trị quan trọng của đất nước ta, diễn ra tiếp sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng. Quốc hội khẳng định quyết tâm đoàn kết một lòng, cùng với toàn Đảng, toàn dân và toàn quân phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đại hội ngay từ năm 2006, tiếp tục đưa đất nước đi lên trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Quốc hội đề nghị Chính phủ, lãnh đạo các ngành, các cấp, các địa phương tiếp tục nâng cao hiệu quả chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện tốt nhiệm vụ năm 2006; khắc phục tệ quan liêu, lãng phí, tham nhũng. Sau kỳ họp này, các vị đại biểu Quốc hội báo cáo kết quả kỳ họp với cử tri, tích cực thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, góp phần làm cho Nhà nước ta gắn bó chặt chẽ với nhân dân, thực sự là Nhà nước của dân, do dân và vì dân.

Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI đã thành công tốt đẹp. Nhân dịp này, Quốc hội xin trân trọng cảm ơn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, nhiệt liệt hoan nghênh và cảm ơn sự đóng góp tích cực của cử tri cả nước, các vị lão thành cách mạng; của Chính phủ, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các ngành, các cấp; của các vị đại biểu Quốc hội và cơ quan của Quốc hội; các cơ quan phục vụ đã góp phần quan trọng vào thành công của kỳ họp. Xin cảm ơn các vị đại diện đoàn ngoại giao, các tổ chức quốc tế đã đến dự kỳ họp; cảm ơn các cơ quan thông tấn, báo chí trong nước và nước ngoài đã theo dõi và đưa tin về kỳ họp.

Quốc hội kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước, kiều bào ta ở nước ngoài tăng cường đoàn kết, thống nhất tư tưởng và hành động, quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng và các Nghị quyết của Quốc hội, trọng tâm là phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Với niềm tin tưởng và phấn khởi trước kết quả của kỳ họp, tôi xin tuyên bố bế mạc kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI.

Xin trân trọng cảm ơn.

Digitized by Google

NHỮNG NỘI DUNG QUAN TRỌNG VÀ PHƯƠNG THỨC LÀM VIỆC HIỆU QUẢ TẠI KỲ HỌP THỨ 9, QUỐC HỘI KHÓA XI

LÊ BẢO LONG *

KỲ họp thứ 9 của Quốc hội khóa XI khai mạc ngày 16-5-2006, diễn ra sau thắng lợi của Đại hội X của Đảng và khí thế quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta.

Kỳ họp cũng được tiến hành trong bối cảnh nền kinh tế - xã hội của đất nước đang có những biến động phức tạp. Bên cạnh những thuận lợi, đất nước vẫn phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức như: giá cả nhiều mặt hàng leo thang, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất và đời sống nhân dân; những rào cản thương mại tiếp tục gia tăng làm hạn chế khả năng xuất khẩu một số sản phẩm; tình trạng lãng phí, tham nhũng và tệ nạn xã hội xảy ra khá phổ biến, gây bất bình trong nhân dân; những diễn biến không thuận của thời tiết và thiên tai, dịch bệnh đã gây thiệt hại lớn cho tài sản của nhân dân và tài sản nhà nước... Mặc dù vậy, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, các ngành, các cấp đã và đang nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của năm 2006.

Trong bối cảnh đó, tại kỳ họp này, Quốc hội xem xét, quyết định nhiều vấn đề quan trọng, trong đó có nhiệm vụ trọng tâm là thể chế hóa Nghị quyết Đại hội X của Đảng bằng việc quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010. Quốc hội đã xem xét, thông qua 10 dự án luật, 1 dự thảo nghị quyết và cho ý kiến về 13 dự án luật khác. Thực hiện chương trình giám sát năm 2006, Quốc hội trực tiếp giám sát việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai; xem xét báo cáo kết quả giám sát chuyên đề do các cơ quan của Quốc hội trình bày; nghe báo cáo tình hình giải quyết kiến nghị của cử tri và trả lời chất vấn của đại biểu Quốc hội. Quốc hội còn xem xét, quyết định một số vấn đề quan trọng khác như: kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 trên địa bàn cả nước; phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2004; bầu lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước; phê chuẩn một số chức danh khác theo thẩm quyền của Quốc hội và miễn nhiệm chức vụ bộ trưởng một số bộ.

Để hoàn thành chương trình kỳ họp với chất lượng cao, Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các vị đại biểu Quốc hội đã tiếp tục cải tiến phương pháp, cách thức làm việc. Sau khi tiếp thu ý kiến của các vị đại biểu Quốc hội, chương trình làm việc chi tiết của kỳ họp đã được cân nhắc tương đối hợp lý giữa thảo luận và thông qua các nội dung kinh tế -

* Vụ Công tác đại biểu của Quốc hội

Digitized by Google

xã hội, ngân sách nhà nước, các dự án luật, nghị quyết... Với tinh thần đó, Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI đã đạt được những kết quả sau:

Thứ nhất, Quốc hội xem xét, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế – xã hội 5 năm 2006 – 2010 và đánh giá bổ sung về kết quả thực hiện nhiệm vụ kinh tế – xã hội và ngân sách nhà nước năm 2005, việc triển khai thực hiện nhiệm vụ năm 2006

Về nội dung này, trong báo cáo trình Quốc hội, Chính phủ nhận định rằng, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, nhưng với sự cố gắng vượt bậc của các ngành, các cấp, các địa phương, cơ sở, hầu hết các chỉ tiêu của kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 đều đạt và vượt kế hoạch mà Quốc hội đã đề ra. Trong đó, đáng chú ý là chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 7,5% (theo kế hoạch là 7,5%), cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, kinh tế đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế có bước tiến quan trọng, chất lượng nguồn nhân lực có bước chuyển biến, khoa học - công nghệ có tiến bộ. Một số lĩnh vực văn hóa - xã hội có tiến bộ đáng kể, nhất là thành tựu trong xóa đói, giảm nghèo, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng - an ninh được giữ vững, công tác đối ngoại được tăng cường. Tuy nhiên, Báo cáo của Chính phủ cũng nêu lên nhiều hạn chế, yếu kém trong công tác điều hành, khiến cho kết quả đạt được chưa tương xứng với tiềm năng của đất nước và chưa đáp ứng mục tiêu phát triển bền vững.

Bước vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, tình hình thế giới và trong nước sẽ có những tác động mạnh đến khả năng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước ta. Tình hình đó vừa tạo ra những cơ hội đan xen với những thách thức mà chúng ta phải vượt qua. Kế thừa và phát huy những thắng lợi trong việc thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, trong 5 năm 2006 - 2010, cần duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và bền vững, tạo chuyển biến mạnh mẽ về sức cạnh tranh và hiệu quả của nền kinh tế. Chủ động đẩy nhanh hội nhập kinh tế quốc tế; huy động tối đa các nguồn lực đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội nhằm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức. Giữ vững an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, cải thiện thêm một bước đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân; bảo vệ môi trường. Tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao hiệu lực của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, tạo bước chuyển rõ rệt về cải cách hành chính, ngăn chặn và đẩy lùi tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ; củng cố và nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

Trên cơ sở các báo cáo của Chính phủ, các cơ quan hữu quan và báo cáo thẩm tra của các cơ quan của Quốc hội, Quốc hội đã phân tích một cách toàn diện những thành tựu đạt được, những yếu kém cần khắc phục, phân tích rõ nguyên nhân của thiếu sót và non kém trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 2001 - 2005, kết hợp với đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2005 và việc triển khai nhiệm vụ năm 2006. Từ đó, Quốc hội đã tập trung phân tích về dự báo các cân đối lớn của nền kinh tế, những thuận lợi và khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm 2006 - 2010; cho ý kiến về các chỉ tiêu chủ yếu mà Chính phủ trình, định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực và các giải pháp tổng thể cũng như các giải pháp cụ thể cho từng ngành, lĩnh vực. Trên cơ sở đó, Quốc hội quyết định những vấn đề trọng tâm về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010.

Thứ hai, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2004

Năm 2004, Chính phủ đã chỉ đạo sát sao các bộ, ngành, địa phương thực hiện khá tốt dự toán thu ngân sách nhà nước được giao, thực hiện chính sách động viên hợp lý, khai thác và quản lý chặt chẽ hơn các nguồn thu. Quốc hội

Digitized by Google

và các cơ quan của Quốc hội đã tăng cường giám sát việc chấp hành dự toán ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, qua thanh tra, kiểm tra, kiểm toán đã phát hiện nhiều sai phạm trong quản lý kinh tế - tài chính; số thu để ngoài ngân sách còn lớn; báo cáo tài chính của nhiều đơn vị chưa phản ảnh đầy đủ các khoản thu, chi thực tế phát sinh; một số địa phương để ngoài cân đối ngân sách khoản vay đầu tư xây dựng cơ bản; sự lãng phí các nguồn lực, tình trạng tham nhũng từ các nguồn vốn vay ODA... Thực trạng đó cho thấy, việc thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định và những quy định của pháp luật về quản lý tài chính - ngân sách chưa nghiêm.

Quốc hội đã xem xét, thảo luận và đánh giá mức độ sát thực của Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2004 do Chính phủ trình tại kỳ họp; phân tích nguyên nhân của những yếu kém từ cơ chế, chính sách, các định mức, chế độ thu, chi ngân sách, đặc biệt là cơ chế quản lý vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), đến nhận thức, trách nhiệm của những người đứng đầu từng lĩnh vực cụ thể; về kỷ cương trong công tác quản lý, điều hành ngân sách. Quốc hội đã thảo luận kỹ những giải pháp quản lý nguồn thu, chống thất thu, tiết kiệm chi, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, kiểm toán, giám sát thu, chi ngân sách nhà nước. Tại kỳ họp này, việc thảo luận và quyết định ngân sách nhà nước đã được bố trí trong một phiên họp riêng, ngay sau khi thảo luận về tình hình kinh tế - xã hội. Với cách làm này, các đại biểu Quốc hội có điều kiện đi sâu thảo luận, xem xét, quyết định những vấn đề liên quan đến ngân sách nhà nước.

Thứ ba, quyết định kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 – 2010 của cả nước, giám sát chuyên đề việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai

Qua các báo cáo và xem xét thực tiễn cho thấy rằng, kế hoạch sử dụng đất chưa được triển khai một cách thực chất và đều khắp ở tất cả các cấp. Đến nay, vẫn còn nhiều tỉnh chưa điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất theo Luật Đất đai năm 2003, nhiều huyện, xã chưa có quy hoạch sử dụng đất. Công tác kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất chưa thực sự nghiêm túc, kịp thời... Trước thực trạng đó, Quốc hội đã xem xét, cho ý kiến đánh giá về hiện trạng sử dụng đất, tình hình thực hiện các chỉ tiêu của kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2001 - 2005. Đồng thời, căn cứ vào các chỉ tiêu quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đến năm 2010 và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2010, Quốc hội đã cho ý kiến về chỉ tiêu, kế hoạch sử dụng từng nhóm đất; kế hoạch chuyển mục đích sử dụng giữa các loại đất; kế hoạch sử dụng đất của cả nước phân kỳ đến từng năm trong thời kỳ 2006 - 2010, kế hoạch thu, chi tài chính từ đất và những giải pháp thực hiện kế hoạch sử dụng đất... làm căn cứ để quyết định toàn bộ kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2006 - 2010 của cả nước. Để việc xem xét những vấn đề kinh tế - xã hội thực sự chất lượng, cách thức thảo luận tại kỳ họp này đã được cải tiến theo hướng các đại biểu Quốc hội thuyết trình ngắn gọn, súc tích và tập trung vào những vấn đề trọng tâm sẽ được quyết định trong các Nghị quyết của Quốc hội; hướng không khí tranh luận, phản biện vào việc làm rõ những vấn đề được nêu ra bàn thảo.

Quản lý và sử dụng quỹ đất là vấn đề gây ra nhiều bức xúc, khiếu kiện trong nhân dân nhiều năm qua, được cử tri và đại biểu đặc biệt quan tâm. Năm 2005, Quốc hội đã quyết định sẽ trực tiếp giám sát chuyên đề này trong chương trình giám sát năm 2006 với mục đích đánh giá tổng thể công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; đồng thời, tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, những quy định của pháp luật về đất đai để Nhà nước có cơ sở chỉ đạo thực hiện Luật Đất đai có hiệu quả.

Digitized by Google

Tại kỳ họp này, trong quá trình xem xét báo cáo của Chính phủ và báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội đã cho ý kiến về những kết quả đạt được, những yếu kém trong công tác quy hoạch, kế hoạch và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, về những tiêu cực, tham nhũng trong quản lý đất; những vướng mắc trong quá trình thực hiện pháp luật về đất đai; nguyên nhân và giải pháp nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quản lý đất đai nói chung và công tác quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nói riêng; từ đó, đưa ra những giải pháp khắc phục.

Thứ tư, thông qua và cho ý kiến về nhiều đạo luật quan trọng

Theo dự kiến chương trình, tại Kỳ họp thứ 9 khóa XI, Quốc hội xem xét, thông qua 10 dự án luật, 1 dự thảo nghị quyết. Trong số các dự án luật nêu trên, có 7 dự án luật đã được Quốc hội cho ý kiến tại Kỳ họp thứ 8 là: Luật Bảo hiểm xã hội; Luật Kinh doanh bất động sản; Luật Hàng không dân dụng Việt Nam (sửa đổi); Luật Công nghệ thông tin; Luật Điện ảnh; Luật về luật sư; Luật phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS). Các dự án này đã được thảo luận, đóng góp ý kiến tại Hội nghị đại biểu Quốc hội chuyên trách tổ chức vào tháng 2-2006 và gửi đến các vị đại biểu Quốc hội để tổ chức thảo luận ở Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội. Quốc hội cũng thảo luận và xem xét thông qua 3 dự án luật còn lại theo đúng quy trình tại kỳ họp, đó là: Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật; Luật Trợ giúp pháp lý; Luật Chứng khoán và 1 dự thảo nghị quyết, đó là Nghị quyết về các dự án, công trình quan trọng quốc gia trình Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư. Đối với các dự án, dự thảo này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã chỉ đạo sát sao công tác nghiên cứu tiếp thu và giải trình ý kiến đại biểu, bảo đảm việc tiếp thu, chỉnh lý được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ, kịp thời, đạt chất lượng cao.

Ngoài ra, Quốc hội đã cho ý kiến về 13 dự án luật, đó là: Luật Đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Luật Dạy nghề; Luật Bình đẳng giới, Luật Quản lý thuế; Luật Thể dục - thể thao; Luật về hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người; Luật về hội; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật lao động; Luật Chuyển giao công nghệ; Luật Đê điều; Luật Cư trú; Luật Công chứng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội (dự án Luật này, theo đề nghị của một số đại biểu thì nên thực hiện theo quy trình xem xét, thông qua tại 2 kỳ họp và thảo luận chung ở một hội trường).

Trên cơ sở tiếp tục cải tiến phương thức làm việc, tại kỳ họp này, cách thức cho ý kiến lần đầu về các dự án luật trình Quốc hội để xin ý kiến tiếp tục được thực hiện theo hướng cùng một lúc, Quốc hội thảo luận đồng thời các dự án luật tại hai địa điểm nhằm nâng chất lượng, số lượng văn bản luật để tiết kiệm thời gian. Đối với các dự án luật trình lần đầu, cả Tờ trình và Báo cáo thẩm tra chỉ trình bày những vấn đề chủ yếu như phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và những vấn đề còn có ý kiến khác nhau (không đọc toàn văn văn bản).

Để phát huy hiệu quả của cách thức thảo luận này, các vị đại biểu Quốc hội đã nêu cao tinh thần trách nhiệm, nắm bắt toàn diện nội dung của các dự thảo luật; tham dự và đóng góp nhiều ý kiến có chất lượng; tăng cường tranh luận, phản biện trực tiếp trong quá trình thảo luận, góp ý kiến về các dự án luật. Thông tin về nội dung của mỗi buổi thảo luận ở hai địa điểm và Báo cáo tổng hợp ý kiến của đại biểu Quốc hội về từng dự án luật được cập nhật thường xuyên đến các vị đại biểu Quốc hội. Với cách làm đó, quy trình làm luật của Quốc hội sẽ tiếp tục được cải tiến và sẽ được đánh giá hiệu quả, tổng kết, rút kinh nghiệm, làm cơ sở cho việc sửa đổi Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật tới đây.

Thứ năm, xem xét các báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

Digitized by Google

Quốc hội đã quyết định giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội giám sát việc các cơ quan tiến hành tố tụng ở huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thực hiện thẩm quyền mới theo quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự và Bộ Luật tố tụng dân sự nhằm xem xét tình hình hoạt động, biên chế và điều kiện cơ sở vật chất của các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện trong việc giải quyết các vụ án hình sự theo quy định tại Nghị quyết số 523/2004/NQ-UBTVQH11 và giải quyết các vụ án dân sự theo Nghị quyết số 742/2004/NQ-UBTVQH11, dự kiến tiếp tục giao thẩm quyền này cho các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện còn lại. Do đó, trên cơ sở báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các cơ quan hữu quan, đề nghị các vị đại biểu Quốc hội thảo luận phản ảnh tình hình của địa phương mình, đưa ra các giải pháp tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc cho các cơ quan tiến hành tố tụng cấp huyện trong việc giải quyết các vụ án theo thẩm quyền mới đạt được kết quả tốt hơn.

Bên cạnh việc nghe báo cáo kết quả giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội đã nghe các báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Ủy ban Quốc phòng và An ninh về tình hình thực hiện Pháp lệnh Dân quân tự vệ và Pháp lệnh Dự bị động viên; của Ủy ban về các vấn đề xã hội về tình hình thực hiện Pháp lệnh dân số, Pháp lệnh người cao tuổi và người tàn tật. Trong quá trình xem xét các báo cáo này, các đại biểu Quốc hội đã nêu lên những khó khăn, vướng mắc khi thực hiện pháp lệnh về những lĩnh vực trên và đề xuất nhiều biện pháp khắc phục, tạo cơ sở cho việc sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành khi nâng các pháp lệnh này lên thành các luật.

Thứ sáu, chất vấn các thành viên Chính phủ

Hoạt động chất vấn và trả lời chất vấn tiếp tục được cải tiến theo hướng các vị đứng đầu các cơ quan nhà nước được lựa chọn trả lời chất vấn không đọc các văn bản trả lời được chuẩn bị từ trước (mà chỉ gửi đến các vị đại biểu Quốc hội nghiên cứu), đồng thời, trả lời ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề được hỏi, tránh diễn giải dài dòng. Các câu hỏi chất vấn của đại biểu Quốc hội đã tập trung vào những vấn đề bức xúc, nổi cộm được dư luận nhân dân cả nước quan tâm trong thời gian vừa qua. Đồng thời, đề cao trách nhiệm của những người đứng đầu các ngành, các cấp đã để xảy ra những sai phạm nghiêm trọng. Các chất vấn của đại biểu Quốc hội cũng cần ngắn gọn, đi thẳng vào vấn đề, chất vấn nên gắn với những nội dung đã thảo luận, cho ý kiến về các báo cáo chung và báo cáo giám sát chuyên đề tại hội trường. Trong quá trình điều hành chất vấn và trả lời chất vấn, chủ tọa phiên họp sẽ hướng các chất vấn đến những vấn đề được nhiều đại biểu và dư luận xã hội quan tâm; tăng đối thoại trực tiếp, tranh luận làm rõ từng vấn đề. Trước đây, người trả lời chất vấn được trình bày 20 phút và đối thoại 40 phút, nay không đọc (không trình bày) văn bản chuẩn bị trước nên thời lượng đối thoại sẽ tăng lên từ 50 phút đến 1 giờ.

Thứ bảy, xem xét, quyết định nhân sự cấp cao của các cơ quan nhà nước

Quốc hội đã dành thời gian xem xét nguyện vọng của các vị đứng đầu Nhà nước: Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội bàn giao chức vụ cho những người kế nhiệm ngay tại Kỳ họp thứ 9, Quốc hội khóa XI. Theo đó, Quốc hội đã bầu các vị lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước theo trình tự thủ tục do luật định. Ngoài ra, Quốc hội đã xem xét, phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn nhiệm và bổ nhiệm chức vụ bộ trưởng của một số bộ. Việc miễn nhiệm, bầu hoặc phê chuẩn các chức vụ thuộc thẩm quyền của Quốc hội là công việc hệ trọng. Trên cơ sở các quy định của pháp luật, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã thực hiện việc cung cấp đầy đủ thông tin về từng người được giới thiệu để các vị đại biểu Quốc hội cân nhắc, sáng suốt quyết định những người xứng đáng giữ trọng trách trong các cơ quan nhà nước. ❑

Digitized by Google

THÁCH THỨC VÀ TRIỂN VỌNG ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC KHI CHUYỂN SANG HOẠT ĐỘNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP (NĂM 2005)

HỒ XUÂN HÙNG *

I - KẾT QUẢ ĐỔI MỚI DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

Năm 2005 là năm cuối cùng thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 khóa IX (9-2001) và là năm "áp chót" thực hiện Nghị quyết Trung ương 9 khóa IX (05-1-2004) của Đảng *về sắp xếp, đổi mới và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước;* khởi đầu một giai đoạn mới - thực hiện Nghị định 187/NĐ-CP thay thế 64/NĐ-CP của Chính phủ về cổ phần hóa. Theo đó sẽ có bước chuyển cơ bản về chất trong việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, theo các nội dung sau:

- Chuyển cổ phần hóa từ việc chỉ thực hiện ở những doanh nghiệp nhỏ làm ăn thua lỗ, khó khăn sang cổ phần hóa những doanh nghiệp có quy mô lớn, kể cả một số tổng công ty.

- Từ cổ phần hóa một số lĩnh vực sang hầu hết các lĩnh vực kinh tế - văn hóa bao gồm cả hàng không, hàng hải, điện lực, bưu chính - viễn thông, dịch vụ dầu khí, tài chính bảo hiểm, ngân hàng...

- Từ cổ phần hóa theo kiểu "chia phần" khép kín là chủ yếu sang cổ phần hóa theo hình thức đấu giá công khai theo nguyên tắc thị trường.

Cổ phần hóa được xác định là giải pháp cơ bản trong quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, Nghị định 187/NĐ-CP, hiệu lực từ 20-12-2004, có tác dụng quyết định đến sự thành bại của quá trình này. Cùng với nó, các Quyết định số 155/TTg về tiêu chí doanh nghiệp mà Nhà nước giữ 100% vốn hay cổ phần chi phối, các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan, nhất là Thông tư số 126, ngày 24-12-2004, của Bộ Tài chính... đã thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đổi mới doanh nghiệp nhà nước. Theo tôi, đây là một trong những khâu quan trọng nhất, tạo bước đệm trong chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp.

Ngoài ra, việc tổ chức quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập theo mô hình mẹ - con được thực hiện theo Nghị định 153/NĐ-CP, ngày 9-8-2004. Đây là văn bản pháp lý rất quan trọng, vì sau một thời gian dài thí điểm, việc chuyển đổi tổng công ty, công ty nhà nước mới được chính thức hóa và cũng được tập trung chỉ đạo thực hiện trong năm 2005; vừa đáp ứng yêu cầu đổi mới doanh nghiệp nhà nước, vừa phù hợp Luật Doanh nghiệp.

* Phó Trưởng ban, Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước Trung ương

Digitized by Google

Một số văn bản khác liên quan đến giao, bán, phá sản, giải thể và chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên cũng đã được bổ sung, sửa đổi và hoàn thiện hơn trước.

Đến năm 2005 cơ chế chính sách về đổi mới doanh nghiệp nhà nước đã được hoàn thiện thêm một bước quan trọng theo hướng nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và nhất là bình đẳng với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế khác trong kinh tế thị trường. Các mốc quan trọng của quá trình đó là việc Quốc hội thông qua, bổ sung, sửa đổi các luật như: Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư (chung), Luật Đấu thầu, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán, Luật Cạnh tranh, Luật Đất đai.

Kết quả đến cuối 2005, chúng ta đã cơ bản hoàn thành việc cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, giảm mạnh các doanh nghiệp nhỏ thua lỗ, tập trung kiện toàn các tổng công ty giữ được vai trò nòng cốt trong nền kinh tế và cơ bản đáp ứng yêu cầu an ninh quốc phòng và nhu cầu dịch vụ công ích. Doanh nghiệp nhà nước đóng góp 40% GDP và nộp 50% ngân sách quốc gia; 77% doanh nghiệp có lãi so với 40% năm 2003, 13% hòa vốn (năm 2003 là 40%), 10% lỗ. Tổng số doanh nghiệp đã được sắp xếp từ năm 2001 đến hết năm 2005 là 3.590 trong số 5.655 doanh nghiệp nhà nước có từ đầu năm 2001 (năm 1992 cả nước có 12.000 doanh nghiệp nhà nước).

Doanh nghiệp nhà nước tuy đã được sắp xếp lại một cách cơ bản, nhưng quy mô vẫn nhỏ (mới đạt bình quân 71 tỉ VND vốn nhà nước cho mỗi doanh nghiệp). Còn hơn 40% doanh nghiệp có vốn nhà nước dưới 5 tỉ VND. Còn tồn tại nhiều doanh nghiệp trong tình trạng Nhà nước đang nắm giữ 100% vốn, nhưng hoạt động trong các lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ hoặc chi phối. Còn hơn 10% doanh nghiệp nhà nước kinh doanh thua lỗ. Đáng chú ý là 20 tổng công ty nhà nước (chiếm 20%) hoạt động kém hiệu quả, thua lỗ lớn.

Mới khoảng 15% số vốn nhà nước có tại doanh nghiệp được cổ phần hóa, theo nhiều đánh giá đây là tỷ lệ còn quá nhỏ bé. Nhà nước giữ cổ phần vẫn nhiều (bình quân là 46,5%) đặc biệt là vẫn nắm chi phối tới 38% số doanh nghiệp cổ phần hóa. Mới có 30% số doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa theo phương thức Nhà nước không nắm giữ cổ phần.

Nhiều ý kiến cho rằng, việc chuyển đổi tổng công ty nhà nước sang mô hình công ty mẹ - con còn có nhiều sơ hở, cho nên một số doanh nghiệp thành viên "trốn" cổ phần hóa bằng cách "chui" vào trong công ty mẹ 100% vốn nhà nước; cho nên vẫn còn tình trạng "bình mới, rượu cũ".

Nguyên nhân chủ yếu của những thành công:

- Mọi quốc gia trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế từ kế hoạch hóa tập trung sang kinh tế thị trường đều phải đối mặt với việc giải quyết các vấn đề về doanh nghiệp nhà nước. Nhưng chúng ta đã thành công trong việc đặt ra nhiệm vụ đổi mới doanh nghiệp nhà nước đồng bộ với quá trình hoạch định chính sách đổi mới. Nói cách khác, đổi mới doanh nghiệp nhà nước ở Việt Nam đã gắn liền với đổi mới kinh tế - chính trị - xã hội của đất nước, đồng thời là một bộ phận không thể tách rời trong đường lối đổi mới của Đảng.

- Thực tiễn 20 năm đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo cho thấy, việc chọn giải pháp "đổi mới từ từ", chứ không chọn "liệu pháp sốc"; không chỉ để vừa làm, vừa rút kinh nghiệm trong từng bước đi, mà thực tế đã làm ổn định chính trị, xã hội và đạt mục tiêu tạo môi trường tốt cho mọi thành phần kinh tế cùng phát triển, có thời gian để thích ứng với môi trường mới; để doanh nghiệp nhà nước có điều kiện củng cố, sắp xếp, đổi mới mà vẫn giữ được vị trí quan trọng, là công cụ vật chất cho Chính phủ điều tiết kinh tế vĩ mô, phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

- Công tác tư tưởng đã được chuẩn bị kỹ, thường xuyên, liên tục từ trong Đảng đến từng người dân, đặc biệt là đối với người lao động,

Digitized by Google

lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước. Phải làm cho họ hiểu được đổi mới doanh nghiệp nhà nước là mang lại lợi ích cho chính họ, chứ không phải là để Chính phủ từ bỏ trách nhiệm hoặc bao cấp trở lại.

- Trong quá trình đổi mới Chính phủ Việt Nam đã cử rất nhiều đoàn cán bộ cao cấp, các chuyên gia, lãnh đạo nhiều doanh nghiệp nhà nước đi nghiên cứu và học tập kinh nghiệm của các nước trên thế giới, từ khâu chính sách đến thực tế của các doanh nghiệp thuộc nhiều thành phần, đối tượng khác nhau. Mặt khác, chúng ta cũng tranh thủ được sự giúp đỡ nhiều mặt của các chính phủ, các tổ chức, cá nhân dưới nhiều hình thức, như: cử chuyên gia, tư vấn, hội thảo...

- Vừa làm vừa dò, từ thí điểm - rút kinh nghiệm đến đại trà, nhằm mục đích hoàn thiện dần chính sách, hệ thống văn bản pháp lý. Phải mất hơn 10 năm Việt Nam mới cơ bản có đủ hệ thống văn bản pháp lý cho việc đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

- Mở ra môi trường cạnh tranh cả thị trường trong nước và quốc tế, công bố lộ trình đổi mới... để tạo "áp lực" thúc đẩy các doanh nghiệp nhà nước đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh để tồn tại, không còn con đường nào khác.

- Phải có tổ chức phù hợp, linh hoạt từ trung ương đến bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp để thực thi công việc. Tổ chức đó phải lựa chọn đội ngũ cán bộ có năng lực, tâm huyết với sự nghiệp đổi mới của Đảng.

- Sự lãnh đạo sát sao của Đảng không chỉ bằng chủ trương, đường lối, mà cả bằng việc bố trí đúng cán bộ, kiểm tra, đôn đốc và quyết tâm của cả hệ thống chính trị. Và sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ huy động bộ máy đủ lực để triển khai thực hiện nhiệm vụ.

Nguyên nhân của những hạn chế:

- Một số bộ, ngành, tỉnh, tổng công ty nhà nước chưa quán triệt sâu sắc và chưa chấp hành nghiêm nghị quyết của Đảng, quy định của Nhà nước trong đổi mới doanh nghiệp nhà nước.

- Thiếu chương trình, kế hoạch cụ thể, chưa sâu sát trong chỉ đạo thậm chí còn hữu khuynh, thiếu kiên quyết.

- Nhiều ưu ái bất hợp lý đối với doanh nghiệp nhà nước chưa được xóa bỏ. Sự tồn tại 2 luật của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân đã tạo ra tư tưởng chần chừ, do dự, thậm chí thiếu niềm tin.

- Tư tưởng bao cấp còn đang "nặng", chưa được giải phóng. Sự dùng dằng trong tư tưởng, lúng túng trong lý luận về "định hướng phát triển doanh nghiệp nhà nước"... là nguyên nhân dẫn đến chần chừ và chờ đợi trong tổ chức thực hiện.

- Những gánh nặng do lịch sử để lại cho doanh nghiệp nhà nước chưa được xử lý dứt điểm, như: lao động chất lượng thấp, tình trạng tài chính xấu, công nợ dây dưa, đầu tư bất hợp lý, chậm thích ứng với kinh tế thị trường...

- Những khó khăn, vướng mắc của nhiều doanh nghiệp trong giai đoạn hậu cổ phần hóa chậm được tháo gỡ làm giảm động lực thúc đẩy quá trình cổ phần hóa tiếp theo v.v..

- Cơ chế, chính sách, quy trình chuyển đổi nhất là đối với tập đoàn, công ty mẹ - con còn thiếu và chưa kịp thời cũng là nguyên nhân vừa làm chậm tiến trình chuyển đổi, vừa gây ra những yếu kém vừa qua.

II - NHỮNG THÁCH THỨC

Trong Báo cáo về các văn kiện tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã đề cập đến Chiến lược quốc gia về phát triển doanh nghiệp, xây dựng một hệ thống doanh nghiệp có sức cạnh tranh cao, chủ lực là một số tập đoàn kinh tế và công ty lớn dựa trên hình thức cổ phần. Theo đó, cần tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, trọng tâm là cổ phần hóa...

Như vậy, khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, phải đáp ứng mấy yêu cầu sau đây:

- Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước, giảm dần số lượng, nâng chất lượng doanh nghiệp mà

Digitized by Google

Nhà nước giữ 100% vốn. Chủ động tập trung vào một số lĩnh vực kết cấu hạ tầng và sản xuất tư liệu sản xuất và dịch vụ công ích quan trọng của nền kinh tế, những lĩnh vực dân doanh chưa làm được.

- Theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì doanh nghiệp nhà nước là doanh nghiệp mà trong đó Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ. Vì vậy, doanh nghiệp nhà nước có các hình thức sau: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước, 2 thành viên trở lên mà Nhà nước là thành viên chi phối; Công ty cổ phần Nhà nước giữ trên 50% vốn, nếu là tổng công ty thì đó là tổng công ty do Nhà nước đầu tư hoặc là tổng công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con mà trong đó công ty mẹ nhất thiết là công ty nhà nước hoặc là công ty cổ phần Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

- Thúc đẩy hình thành được một số tập đoàn kinh tế mạnh, có tầm cỡ khu vực và quốc tế. Nhưng đó là các tập đoàn đa sở hữu, đa ngành nghề, đa quốc gia mà Nhà nước giữ cổ phần chi phối.

- Chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp phải làm cho chúng mạnh hơn, phải là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước điều tiết vĩ mô. Thời gian chuyển đổi đã được xác định là 4 năm.

Để đáp ứng được 4 yêu cầu cơ bản trên quá trình chuyển đổi, phải vượt qua những thách thức lớn sau đây:

- Thách thức lớn nhất đối với các mô hình là hệ thống pháp lý chưa hoàn thiện, nhất là các quy định cho quá trình chuyển đổi tổng công ty, công ty lớn sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đặc biệt là các tổng công ty ở Việt Nam hầu hết các tổng công ty ra đời trên cơ sở hợp nhất các công ty độc lập. Sau một thời gian hoạt động, văn phòng tổng công ty (cơ sở để xây dựng công ty mẹ) phần lớn là điều hành hành chính, thực lực kinh tế yếu, lao động lại dư thừa nhiều, năng lực kinh doanh của đội ngũ cán bộ văn phòng phần lớn là thiếu năng động.

Mô hình tập đoàn đang là "mốt" hiện nay, mặc dầu trong chủ trương đang chỉ đạo thí điểm, nhưng nhìn chung còn lúng túng, chưa có văn bản pháp quy gì cụ thể ngoài Điều 149 của Luật Doanh nghiệp. Để tập đoàn kinh tế mạnh, điều quan trọng nhất là cơ chế cho tập đoàn, nhất là cơ chế tài chính và cơ chế quản lý cán bộ. Nếu không thì chẳng khác gì tổng công ty được khoác cái tên gọi là "tập đoàn".

Mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Nhà nước đã được quy định rõ, nhưng phần lớn các lãnh đạo doanh nghiệp không hào hứng, ngoại trừ trường hợp không muốn cổ phần hóa và lại không còn hình thức nào khác thì chấp nhận chuyển sang hình thức này.

Công ty cổ phần mà các cổ đông là doanh nghiệp nhà nước hoặc có vốn góp của Nhà nước trên 50% (mới thành lập) đang đặt ra "dấu hỏi" lớn, nhất là vấn đề vốn góp. Phần lớn các công ty cổ phần khi thành lập, vốn điều lệ rất thấp, nhiệm vụ kinh doanh thì rất lớn. Huy động vốn vay quá nhiều, thậm chí vay cả ngân hàng thương mại để góp cổ phần. Có lẽ là cực chẳng đã mà phải "đẻ" ra nó. Số doanh nghiệp còn lại, đa số có quy mô lớn, hoạt động kinh doanh và cơ cấu tài chính phức tạp, lao động đông nên quá trình cổ phần hóa gặp nhiều khó khăn.

- Nội tại doanh nghiệp nhà nước: mặc dầu sau nhiều năm kiện toàn, củng cố, doanh nghiệp nhà nước đã có bước sắp xếp lại, quy mô được mở mang nhưng nhìn chung năng lực tài chính còn yếu. Vì vậy, khả năng để tổng công ty hoặc tập đoàn mà ở đó nó tự đầu tư tài chính là mỏng manh, không đáp ứng yêu cầu. Nhiều doanh nghiệp có tỷ lệ vốn tự có/vốn vay, và vốn tự có/tổng tài sản đang nằm trong giới hạn không an toàn. Gánh nặng do lịch sử để lại là lao động chất lượng thấp, dôi dư, công nợ và thua lỗ lớn. Hiện tại 20/101 tổng công ty thua lỗ rất lớn, số còn lại, nếu mổ xẻ ra thì cũng đang có nhiều vấn đề. Đội ngũ cán bộ doanh nghiệp nhà nước, nhất là tổng công ty, phần lớn đang bất cập trước yêu cầu của kinh tế hội nhập, bất cập

Digitized by Google

trước yêu cầu vận hành doanh nghiệp theo mô hình mới, nhìn chung năng lực quản trị công ty còn yếu.

- Doanh nghiệp nhà nước hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, theo đó cơ chế chủ quản được giảm thiểu từ Chính phủ đến bộ, ngành và địa phương. Điều này đòi hỏi phải chuyển đổi một số chức năng của Chính phủ, bộ, tỉnh và phải tổ chức lại, hợp lý hóa các cơ quan nhà nước, nhất là cấp cục, vụ, sở, vì vậy đụng độ trực tiếp đến lợi ích và quyền hạn của một số bộ phận không nhỏ và có quyền lực.

- Tái tạo việc làm xã hội đang rất khó khăn, cộng với bảo hiểm thất nghiệp, y tế... còn quá yếu đang gây áp lực rất lớn cho quá trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, nhất là khi tiến hành quá trình đa sở hữu, hoặc sắp xếp lại lao động nội bộ doanh nghiệp nhà nước.

- Tâm lý hoài nghi của xã hội đối với doanh nghiệp nhà nước biểu hiện trên 2 mặt:

Nghi ngờ tính hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước. Thực tế các nước chuyển đổi và ở Việt Nam đều khẳng định rằng: "chừng nào doanh nghiệp nhà nước còn tồn tại thì vẫn còn một nguồn ngân sách mềm rất khó kiểm soát", vì vậy loại ý kiến này cho rằng không nên chuyển đổi loanh quanh mà đòi hỏi cổ phần hóa triệt để không giữ bất cứ loại hình nào 100% vốn nhà nước, hạn chế loại hình cổ phần nhà nước giữ chi phối, có chăng chỉ giữ chi phối ở công ty mẹ (trừ lĩnh vực trực tiếp liên quan đến an ninh, quốc phòng).

Lo ngại rằng, nếu cứ cổ phần hóa tiếp, nhất là cổ phần hóa tổng công ty và công ty lớn, liệu có dẫn đến tình trạng Nhà nước "tuột tay" và mất định hướng phát triển.

- Thị trường vốn, thị trường nhân lực, nhất là nhân lực quản trị doanh nghiệp đang rất non kém, phát triển chậm vì vậy gây tâm lý hoài nghi cho đội ngũ lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước. Họ đang tìm cách tranh thủ dựa dẫm vào Nhà nước, nhất là vốn cấp, vốn ưu đãi, vốn do tăng trưởng được cấp lại... Thị trường nhân lực quản trị chưa hình thành, vì vậy cơ chế thi, tuyển chọn, thuê lãnh đạo các cấp, các bộ phận quản trị doanh nghiệp không dễ gì thực hiện được, dễ dẫn đến tư tưởng chần chừ, kéo dài thời gian chuyển đổi về cuối (hy vọng biết đâu đến đó luật doanh nghiệp này lại được sửa đổi, chưa biết chừng ?!).

- Những vướng mắc của các doanh nghiệp hậu cổ phần chậm được giải quyết làm giảm tính hiệu quả của các công ty này và đang có tác động xấu đến các doanh nghiệp nhà nước sắp cổ phần hóa.

- Vừa qua, cải cách hành chính tiến triển ỳ ạch, cùng với sự phối hợp không tốt trong hệ thống hành chính, sự đùn đẩy trách nhiệm cộng với cách làm có tính chất ôm đồm của cấp trên... cũng làm chậm tiến trình chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước.

III - NHỮNG THUẬN LỢI VÀ TRIỂN VỌNG

Bên cạnh những thách thức nêu trên, sắp tới công tác chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước cũng có rất nhiều thuận lợi:

- Kinh nghiệm đổi mới doanh nghiệp nhà nước hơn 10 năm qua giúp cho đội ngũ cán bộ làm công tác này có quyết tâm, và tìm tòi được cách làm tốt hơn.

- Đối tượng chuyển đổi tập trung hơn, chủ yếu tại 101 tổng công ty (kể cả việc bàn giao các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty cổ phần độc lập thuộc bộ, tỉnh, thành phố về tổng công ty đầu tư kinh doanh vốn). Các văn bản pháp lý cho hoạt động các công ty con rõ hơn, đầy đủ hơn.

- Tính nhất quán trong đường lối của Đảng về phát triển kinh tế nhiều thành phần, kinh tế thị trường và chỉ đạo điều hành cụ thể của Chính phủ.

- Thành quả gặt hái được của các doanh nghiệp nhà nước sau khi chuyển đổi trong nhiều năm qua là động lực trực tiếp thúc đẩy các doanh nghiệp sắp chuyển đổi, nhất là quyền tự chủ, lợi ích của doanh nghiệp và người lao động đều tăng lên rõ rệt, nhất là hiệu quả từ quá trình

Digitized by Google

cổ phần hóa 2.900 doanh nghiệp đã rõ ràng (doanh số tăng 45%, lợi nhuận và nộp thuế đều tăng, thu nhập người lao động tăng 12%, cổ tức bình quân 17,11%, lao động tăng thêm 6,6%...).

IV - PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP

- Đẩy mạnh việc hoàn thiện các văn bản pháp quy hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp và các luật liên quan như Luật Đầu tư, Luật Đất đai... Ban hành được các tiêu chí đáp ứng yêu cầu chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước như tiêu chí chuẩn về điều kiện hình thành tập đoàn kinh tế, soát xét lại các lĩnh vực Nhà nước cần giữ 100% vốn hoặc cổ phần chi phối, để có tiêu chí các doanh nghiệp nhà nước tiếp tục thực hiện cổ phần hóa theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X.

- Ban hành sớm các quy chế đánh giá hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, quy chế kiểm soát, giám sát và nhất là cơ chế tuyển chọn cán bộ quản lý doanh nghiệp. Vừa thúc đẩy nâng cao trách nhiệm giám đốc doanh nghiệp, vừa tạo tâm lý ổn định, phấn đấu không chỉ vì kinh tế mà cả mục đích, lý tưởng chính trị - xã hội của họ.

- Mở rộng thị trường vốn, kiên quyết cắt bỏ đầu tư không hợp lý từ vốn nhà nước vào doanh nghiệp nhà nước dưới mọi hình thức. Khuyến khích doanh nghiệp huy động vốn xã hội vào mở rộng sản xuất, kinh doanh. Khẩn trương thu hẹp, tiến tới xóa bỏ độc quyền nhà nước mà một số doanh nghiệp đang lạm dụng và xóa bỏ triệt để độc quyền kinh doanh.

- Tạo điều kiện thúc đẩy thị trường sức lao động phát triển, chú ý để có được thị trường sức lao động quản trị doanh nghiệp. Chuyển nhận thức và có cơ chế coi "giám đốc" là một nghề, chứ không phải là chức tước, phát triển thị trường thuê giám đốc. Hướng giám đốc hoạt động vì mục tiêu hiệu quả, lợi nhuận của doanh nghiệp, thoát ly vấn đề quốc tịch và vị thế chính trị.

- Thúc đẩy quá trình cải cách hành chính phục vụ cho chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước. Giảm thiểu cơ chế trình duyệt, thực chất cũng là "xin - cho", đẩy mạnh phân cấp quyết định chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước cho các bộ, tỉnh, thành phố, chủ tịch hội đồng quản trị tổng công ty, tập đoàn. Cùng với quá trình xây dựng tiêu chí, cần tạo ra môi trường để các doanh nghiệp tổ chức lại, đối chiếu với các tiêu chí quy định để đăng ký mô hình hoạt động phù hợp với Luật Doanh nghiệp.

- Tập trung kiện toàn các tổng công ty nhà nước theo hướng sau:

Lựa chọn những tổng công ty mạnh đủ điều kiện theo tiêu chí của tập đoàn kinh tế để làm hạt nhân hình thành các tập đoàn kinh tế. Đây là những tập đoàn đóng vai trò rất quan trọng giúp Nhà nước chủ động trong điều tiết vĩ mô, đảm bảo phát triển kinh tế đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa: là những tập đoàn mang được thương hiệu Việt Nam ra thế giới, bảo vệ, sử dụng và phân phối hiệu quả một bộ phận tài nguyên quốc gia theo hướng bền vững.

Kiên quyết hình thành tập đoàn kinh tế theo kết cấu đa sở hữu: công ty mẹ - tập đoàn - có thể 100% vốn nhà nước, có thể là đa sở hữu, nhưng Nhà nước giữ hơn 50% vốn điều lệ. Còn các tổng công ty, công ty trong đó hầu hết là đa sở hữu. Theo phương án đã được chuẩn bị, sẽ để lại khoảng 1.800 doanh nghiệp nhà nước do Nhà nước giữ 100% vốn được chuyển sang công ty trách nhiệm hữu hạn. Tuy vậy, cũng cần tích cực soát xét tiếp để giảm thiểu số lượng này. Một số tổng công ty có chiến lược sản xuất, kinh doanh tương đồng với các tập đoàn đang xây dựng có thể tổ chức lại theo hướng sát nhập, hợp nhất. Việc làm này không chỉ đơn thuần là giảm đầu mối, mà quan trọng hơn là để tập đoàn mạnh, cổ phần hóa được thuận lợi hơn.

Những tổng công ty mà điều kiện tài chính xấu, chiến lược kinh doanh không rõ, khả năng khắc phục hậu quả thua lỗ hạn chế, cần tập trung xử lý theo hướng: tách những công ty "lành mạnh" ra để tổ chức lại. Khoanh những đơn vị thua lỗ kéo dài để kiên quyết giải thể

(Xem tiếp trang 28)

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC ĐÁP ỨNG YÊU CẦU HỘI NHẬP

NGUYỄN TRỌNG ĐIỀU *

CHỦ động hội nhập kinh tế quốc tế là một chủ trương lớn mang tính chiến lược của Đảng ta. Đại hội lần thứ IX của Đảng xác định, chúng ta cần: "Phát huy cao độ nội lực, đồng thời tranh thủ nguồn lực bên ngoài và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững". Sau đó, Bộ Chính trị (khóa IX) ra Nghị quyết số 07-NQ/TW, ngày 27-11-2001, *Về hội nhập kinh tế quốc tế*, và Chính phủ ban hành Chương trình hành động số 35/2002 để thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị. Như vậy, hội nhập kinh tế quốc tế không chỉ là một tất yếu mà trở thành một nhu cầu, một động lực, một công việc quan trọng trên con đường phát triển bền vững của chúng ta. Hội nhập kinh tế quốc tế bao hàm một nội dung rất rộng lớn, phức tạp, liên quan đến nhiều hoạt động trên nhiều lĩnh vực, đòi hỏi sự nỗ lực rất cao. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đề cập đến một khía cạnh, đó là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Hơn 10 năm trước, sau rất nhiều cố gắng, nhất là sau khi giải quyết vấn đề nợ với Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) và Ngân hàng thế giới (WB), quan hệ kinh tế đối ngoại của chúng ta đã có một bước đột phá cơ bản. Việc gia nhập Hiệp hội Đông - Nam Á (ASEAN); tham gia Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Diễn đàn Á - ÂU (ASEM), Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC); ký Hiệp định với Liên minh châu Âu (EU) và Hiệp định Việt Nam - Hoa Kỳ là những thành công lớn, góp phần nâng cao thế chủ động của chúng ta trong tiến trình hội nhập. Đặc biệt hiện nay, chúng ta đang tiến hành những khâu cuối cùng trong đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), và vào cuối năm nay, Việt Nam sẽ là nước chủ nhà đăng cai Hội nghị Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC). Đây thực sự là những cơ hội lớn để chúng ta tiến những bước mạnh hơn, sâu hơn trên lộ trình này. Có thể nói, một triển vọng tốt đẹp đang mở ra; đồng thời, những khó khăn to lớn, thậm chí nan giải đang thách thức chúng ta.

Bởi lẽ, hội nhập kinh tế quốc tế hàm chứa cả 2 mặt: cơ hội và thách thức. Chúng ta biết rằng, cho đến nay, trên 90% giao dịch thương mại thế giới thuộc về các nước thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới. Do vậy, những nước còn lại sẽ gặp không ít khó khăn trên thương trường quốc tế. Việc chúng ta gia nhập thành công Tổ chức Thương mại thế giới sẽ là một cơ hội lớn để tiếp tục thực hiện đường lối của Đảng về tranh thủ nguồn

* PGS, TS, Thứ trưởng Bộ Nội vụ

Digitized by Google

lực nước ngoài, và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế để phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững, trên nền tảng quan hệ ngoại giao với 167 nước, mở rộng quan hệ thương mại với 150 nước, phát triển quan hệ đầu tư với gần 70 nước và vùng lãnh thổ. Với những ưu thế về nhiều mặt, nhất là sự ổn định chính trị, sẽ tạo điều kiện tốt cho chúng ta chủ động tiến trên lộ trình đã hoạch định.

Song, sự cạnh tranh thiếu bình đẳng, những rủi ro luôn luôn rình rập, những quy chế khắt khe sẽ ràng buộc, thách thức mà nếu không trù định và giải quyết hữu hiệu, chúng ta phải chịu không ít thua thiệt và bỏ lỡ cơ hội phát triển.

Có thể nói, những vấn đề trong hội nhập kinh tế quốc tế trở thành cơ hội hay biến thành thách thức, chúng ta có đạt được thành công trong lộ trình hội nhập, một phần cơ bản và quan trọng nhất là, chuẩn bị đến mức độ nào về sự sẵn sàng của nguồn nhân lực nói chung, ở đây là đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức - những người hoạch định và thực thi các chính sách để thực hiện tốt đường lối của Đảng nói riêng.

Xuất phát từ thể chế chính trị của nước ta, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được hiểu không chỉ giới hạn gồm những người làm việc trong bộ máy nhà nước, hay hẹp hơn là trong phạm vi nền hành chính quốc gia, mà là toàn thể những người hoạt động thường xuyên trong cả hệ thống chính trị bao gồm các tổ chức của Đảng, của Nhà nước và của các tổ chức chính trị - xã hội. Trong đội ngũ đó, có những người hoạt động trực tiếp liên quan đến công việc hội nhập quốc tế, cũng có nhiều người hoạt động trên các lĩnh vực khác. Nhưng hội nhập xuyên suốt mọi lĩnh vực, mọi khâu, mọi quá trình kinh tế - xã hội, cho nên không cơ quan nào, cán bộ, công chức, viên chức nào không liên quan, chỉ khác nhau ở mức độ trực tiếp hay gián tiếp mà thôi! Bởi vậy, khi nói đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là nói đến toàn bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của hệ thống chính trị; nói tới hội nhập là nói tới trách nhiệm của cả bộ máy, của mọi cán bộ, công chức, viên chức.

Hiện nay, chúng ta có khoảng 1.600.000 cán bộ, công chức, viên chức (không kể lực lượng vũ trang), trong đó có khoảng 200.000 công chức làm việc trong các cơ quan hành chính nhà nước; 83.000 cán bộ, công chức thuộc cơ quan đảng, đoàn thể; khoảng 1.320.000 viên chức sự nghiệp và 250.000 cán bộ chuyên trách ở xã, phường, thị trấn. Đội ngũ này chiếm khoảng 2% dân số cả nước. Đó chưa phải là tỷ lệ cao so với nhiều quốc gia. Tuy nhiên, vấn đề quan tâm là, *cơ cấu* của đội ngũ còn khá nhiều bất cập dẫn đến tình trạng "vừa thiếu, vừa thừa". Do đó, vấn đề trước hết là, tiếp tục rà soát lại cơ cấu, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của từng bộ, từng địa phương, từng cơ quan, đơn vị của cả hệ thống chính trị, từ đó, tiếp tục lập lại thế bố trí chiến lược một cách phù hợp.

Về *chất lượng* đội ngũ, có hai bình diện để xem xét. Trước hết là phẩm chất chính trị và phẩm hạnh đạo đức, lối sống. Đây là cái "gốc" của cán bộ. Nếu cán bộ đánh mất "gốc" là tự đánh mất mình. Những năm qua nhiều hiện tượng đáng buồn, thậm chí đáng báo động xảy ra trên nhiều lĩnh vực; nhiều cán bộ đã không rèn luyện dẫn đến suy thoái tư tưởng chính trị, tham nhũng, thoái hóa trong sinh hoạt, làm tổn thất không nhỏ cho Đảng và Nhà nước, và họ tự thủ tiêu chính mình. Đây là vấn đề hệ trọng, chúng ta cần đặc biệt quan tâm. Vì vậy, đánh giá cán bộ là khâu hết sức quan trọng, cần tiếp tục đổi mới quy trình này một cách khoa học và hiệu quả.

Khía cạnh thứ hai là năng lực của cán bộ, công chức. Nhân tố này càng đặc biệt quan trọng khi tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế càng đi vào chiều sâu, nó quyết định sự thành bại của mỗi cá nhân, thậm chí mỗi lĩnh vực hội nhập. Đảng và Nhà nước cần có cơ chế đào tạo, bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ cho cán bộ, công chức. Nhưng trên thực tế, thường xảy ra hiện tượng khi thì quá

Digitized by Google

xem trọng phẩm chất, lúc lại chỉ đề cao năng lực cho nên đã lâm vào phiến diện, lệch lạc trong việc xem xét, sử dụng cán bộ dẫn đến vừa làm tổn hại phong trào vừa làm thui chột cán bộ, làm mất cán bộ. Vì vậy, nhất thiết phải xem trọng đồng thời cả hai mặt này một cách đồng bộ, chặt chẽ.

Để thực hiện tốt yêu cầu của tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, một mặt phải xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của cả hệ thống chính trị; đồng thời, đặc biệt chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ những người trực tiếp làm công tác đối ngoại - những người ứng phó thường xuyên với sự phát triển của hội nhập kinh tế quốc tế. Điều cần nhấn mạnh là đội ngũ đó: - Phải có chuyên môn giỏi, nghiệp vụ sâu về lĩnh vực mà mình thực hiện. Không như thế không thể chủ động đề xuất những phương hướng phát triển, chủ động ứng phó với những hiện tượng làm phương hại đến lợi ích của chúng ta; - Có kiến thức rộng, hiểu biết bao quát về những vấn đề kinh tế, chính trị - xã hội có liên quan đến lĩnh vực cụ thể về luật pháp, về thương mại, về quan hệ quốc tế, về văn hóa - xã hội, lịch sử, phong tục của các quốc gia, về kỹ năng thương thuyết đàm phán... đủ sức ứng phó với mọi tình huống trong giao dịch quốc tế; - Phải có phong cách lịch lãm, đồng thời, phải có phương pháp làm việc khoa học; - Phải hết sức linh hoạt và có tinh thần cảnh giác cao. Họ vừa là những nhà chuyên môn giỏi trên các lĩnh vực, đồng thời vừa là những nhà ngoại giao luôn trong tư thế chủ động; - Phải giữ vững kỷ cương, luôn đứng vững trên quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước để giải quyết công việc; - Phải thành thạo ngoại ngữ, hiểu biết công nghệ thông tin.v.v..

Chúng ta tiếp tục đổi mới nhằm xây dựng *khung pháp lý* phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và mở rộng hội nhập kinh tế quốc tế. Chúng ta đã có Pháp lệnh Cán bộ - Công chức, nhưng thực tế cho thấy, từ góc độ pháp lý, rõ ràng chưa đủ hiệu lực để xử lý mọi tình huống. Với yêu cầu của thời kỳ đổi mới, cần xây dựng một Bộ Luật Công vụ. Hơn nữa, cùng với Luật Công vụ, cần xây dựng Luật Đạo đức cán bộ, công chức. Điều cần nhấn mạnh hơn là, nhất thiết tiếp tục hoàn thiện hệ thống luật pháp chặt chẽ, nghiêm minh để điều chỉnh hoạt động của cán bộ, công chức, viên chức là công việc hết sức quan trọng, có ý nghĩa quyết định trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Đó cũng là đòi hỏi khách quan.

Vấn đề có ý nghĩa then chốt là, chúng ta tiếp tục đổi mới *công tác tổ chức – cán bộ* phục vụ yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế. Trong rất nhiều vấn đề, ở đây phải đồng thời coi trọng 5 khâu: tuyển dụng, bổ nhiệm, đánh giá, luân chuyển và đào tạo.

Phải rất coi trọng khâu đầu tiên là khâu tuyển dụng. Có thể nói, cho đến nay khâu tuyển dụng của chúng ta còn nhiều bức xúc như lạm dụng quyền lực đưa con cháu vào bộ máy công vụ, tệ đút lót chạy việc, vấn nạn văn bằng giả, thói thi cử hình thức, v.v...

Vấn đề bổ nhiệm cũng còn không ít nhức nhối. Sự thử thách, tập sự chỉ là hình thức, chiếu lệ dẫn đến tình trạng để lọt không ít người không hội đủ yêu cầu về đạo đức và trình độ vẫn gia nhập công vụ và thăng tiến. Việc đánh giá cán bộ cũng còn nặng về hình thức và cảm tính. Nhiều người có sai phạm không bị phê phán, xử lý. Khâu điều động và luân chuyển cán bộ cũng còn mang tính chủ quan vẫn chưa được khắc phục. Đào tạo cán bộ cho đến nay vẫn còn chạy theo số lượng mà chưa thật quan tâm đến chất lượng.

Tất cả những điều đó xảy ra không phải là cá biệt đã ảnh hưởng đến lòng tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước. Bởi vậy, để đổi mới thực sự quy trình xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, trước mắt cần tập trung làm tốt những nội dung sau đây:

+ Thực hiện đầy đủ nguyên tắc công khai, minh bạch trong tất cả các khâu từ tuyển

Digitized by Google

dụng đến sử dụng, đánh giá, đề bạt, luân chuyển cán bộ;

+ Việc đánh giá, đề bạt, điều động, luân chuyển cán bộ nhất thiết phải do tập thể quyết định và thực hiện đúng đắn chủ trương của Đảng về chính sách cán bộ trên cơ sở phát huy nguyên tắc tập trung dân chủ;

+ Kiểm tra là khâu rất quan trọng trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Ngoài việc kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, cần coi trọng sự kiểm tra, giám sát của nhân dân và các phương tiện thông tin đại chúng;

+ Quy hoạch cán bộ, công chức cũng là khâu rất quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Kinh nghiệm cho thấy, quy hoạch chỉ thành công khi chúng ta lựa chọn một đội ngũ để từ đó chọn lựa những tài năng, thông qua thử thách để giao nhiệm vụ, chứ không quy hoạch từng cá nhân với từng vị trí riêng biệt nhằm tránh cho họ những áp lực của dư luận, từ đó họ không dám phát huy năng lực, chỉ nhằm giữ an toàn cho mình. Cho nên, quy hoạch cả một tập thể cán bộ là phương thức hiệu quả nhất;

+ Muốn có một đội ngũ cán bộ mạnh, có chất lượng cao, phải đặc biệt quan tâm đến việc tạo nguồn nhân lực. Để có được điều đó, chúng ta cần quan tâm nâng cao chất lượng của cả hệ thống giáo dục, đào tạo. Giáo dục, đào tạo phải góp phần tạo ra những con người tài năng, có lòng tự tôn và tự hào dân tộc, biết hết lòng phục vụ Đảng, Nhà nước và Nhân dân.

Chúng ta có xây dựng thành công đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngang tầm yêu cầu hội nhập hay không, cùng với các nội dung trên, một phần quan trọng tùy thuộc vào những *điều kiện* có tính chất cần và đủ sau đây:

+ Tiếp tục phân định một cách khoa học việc *quản lý* đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan như Ban Tổ chức Trung ương, Bộ Nội vụ, các bộ, ngành, các cơ quan trong hệ thống chính trị và các địa phương. Người đứng đầu các tổ chức phải chịu trách nhiệm cá nhân trong công tác tổ chức và cán bộ. Phát huy dân chủ, thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong mọi quá trình từ tuyển dụng đến sử dụng, từ đánh giá đến luân chuyển cán bộ.

+ *Tiền lương* là một yếu tố quan trọng trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, phải làm sao đủ bảo đảm cho cán bộ, công chức, viên chức thi hành công vụ yên tâm và đây là *yếu tố ràng buộc chặt chẽ* họ với công vụ. Cùng với tiền lương, các chế độ chính sách khác, nếu cần thiết cũng nên được tiền tệ hóa để tránh sự lạm dụng quyền hạn nhằm mưu lợi.

+ Từng bước hoàn thiện *hệ thống công sở* theo hướng bảo đảm sự nghiêm túc của cơ quan công quyền, nhưng phải thật sự gần dân.

+ Tiếp tục hoàn thiện *cơ chế kiểm tra, giám sát* của nhân dân đối với người thi hành công vụ, đồng thời xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ gây phương hại đến lợi ích hợp pháp của cán bộ, công chức, viên chức.

+ Tất cả mọi sự điều chỉnh, xử lý đối với cán bộ, công chức, viên chức phải được thực hiện trên cơ sở của pháp luật. Tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa là đòi hỏi rất bức xúc trong quá trình xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngang tầm với nhiệm vụ thì việc bố trí cán bộ đúng chỗ, đúng lúc, đúng năng lực, sở trường và việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo quy hoạch, kế hoạch, khoa học, hợp lý sẽ góp phần bảo đảm cho công cuộc hội nhập kinh tế quốc tế của chúng ta. Đây cũng là một nội dung lớn thuộc đường lối chiến lược của Đảng ta và liên quan đến nhiều chủ trương, chính sách khác trong một chiến lược tổng thể về hội nhập kinh tế quốc tế. ❑

Digitized by Google

VỀ SỰ PHÁT TRIỂN THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA HIỆN NAY

LƯU VĂN SÙNG *

I - CHỦ NGHĨA XÃ HỘI - NHỮNG PHƯƠNG ÁN Ở THẾ KỶ XX

Vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản bộc lộ đầy đủ nhất tính chất bất nhân, dã man của nó. Chẳng hạn:

- Chế độ sở hữu tư bản tư nhân dẫn đến tha hóa, bần cùng hóa giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

- Thị trường tư bản tự do dẫn đến những cuộc khủng hoảng kinh tế chu kỳ, hủy hoại cơ sở vật chất, của cải xã hội.

- Các nước đế quốc đem quân đi xâm lược các nước lạc hậu, biến các nước này thành thuộc địa, phụ thuộc; áp bức, bóc lột dã man đối với nhân dân các nước thuộc địa, phụ thuộc.

- Các nước đế quốc gây ra các cuộc chiến tranh chia lại thị trường thế giới đã hủy hoại nghiêm trọng của cải vật chất, các nền văn hóa và biết bao sinh mạng con người.

Chủ nghĩa xã hội với tư cách là chủ nghĩa nhân đạo nhân dân đã chống lại sự bất nhân, dã man của chủ nghĩa tư bản. Đó là một mô hình xã hội dường như đối lập, trái ngược với chủ nghĩa tư bản: xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ công hữu trên phạm vi toàn xã hội; xóa bỏ thị trường tự do, điều tiết, quản lý nền kinh tế theo kế hoạch; Nhà nước trực tiếp điều hành mọi hoạt động xã hội. Trên thực tế, đây cũng chính là mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết.

Ra đời và tồn tại gần 74 năm (1917 - 1991), chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xô-viết đã đạt được những thành tựu to lớn:

Thứ nhất, trên phạm vi toàn xã hội không còn giai cấp bóc lột. Mọi người lao động đều làm công ăn lương dưới sự lãnh đạo quản lý của những người cộng sản hết lòng vì sự nghiệp chung, nên đã khơi dậy được cao trào lao động quên mình trong đời sống xã hội, tạo nên bước phát triển nhảy vọt về kinh tế - xã hội.

Thứ hai, mọi nguồn lực xã hội đều do nhà nước quản lý nên có thể tập trung phát triển nhanh công nghiệp nặng, xây dựng kết cấu hạ tầng, giải quyết các vấn đề giáo dục, y tế, phúc lợi xã hội.

Thứ ba, toàn xã hội đoàn kết thành một khối, chung một ý chí dưới dự chỉ huy thống nhất, tạo nên sức mạnh có thể đánh bại tất cả

* GS, TS, Viện Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

các cuộc tấn công của các thế lực đế quốc từ bên ngoài.

Thứ tư, giúp đỡ các nước thuộc địa và phụ thuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc giành độc lập dân tộc; chống chiến tranh, cứu loài người thoát khỏi họa phát-xít.

Song, trong quá trình tồn tại, phát triển, chủ nghĩa xã hội hiện thực Xô-viết đã chứa đựng những khuyết tật:

- Xóa bỏ tư hữu tràn lan, xóa bỏ thị trường dẫn đến hạn chế sự sáng tạo, hạn chế động lực phát triển, và trên một ý nghĩa nhất định, dẫn đến hạn chế dân chủ. Kết quả là, của cải xã hội ngày càng thiếu thốn, sự bình đẳng được thực hiện bằng chủ nghĩa bình quân, chia đều sự nghèo khổ.

- Nhà nước trực tiếp điều hành nền kinh tế, quyết định mọi vấn đề của đời sống xã hội. Điều đó dẫn đến tình trạng Nhà nước ngày càng trở thành tổ chức quan liêu, trong khi kinh tế, xã hội luôn sống động, phát triển. Để có thể điều hành được mọi hoạt động kinh tế, xã hội, bộ máy nhà nước buộc phải phình to lên nhưng lại càng tỏ ra quan liêu, bất lực.

- Hệ thống chính trị được tổ chức theo kiểu hình tháp, tập trung quyền lực nhưng thiếu cơ chế cân bằng và kiểm soát quyền lực. Do vậy, không chỉ hạn chế sự thích ứng và tự điều chỉnh của hệ thống, mà còn nảy sinh quan liêu, tham nhũng, lạm quyền, tha hóa quyền lực. Quyền lực chính trị, quyền lực nhà nước vốn là của nhân dân, trở thành xa lạ, đối lập với nhân dân.

Những khuyết tật trên, trong điều kiện diễn ra cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế, ngày càng bộc lộ một cách rõ rệt và dẫn đến khủng hoảng toàn bộ hệ thống xã hội chủ nghĩa. Từ những năm 80 của thế kỷ XX, công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới diễn ra ở tất cả các nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây, song sự thành công lớn lại ở chính các nước tiếp tục lựa chọn mục tiêu xã hội chủ nghĩa từ đó đến nay.

Khác với những người cộng sản, thực hiện những giá trị của học thuyết Mác bằng cách mạng bạo lực, giành chính quyền; thiết lập chuyên chính vô sản, thực hiện cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới, những người xã hội dân chủ thực hiện bằng con đường cải cách dần dần trong phạm vi xã hội tư bản. Những giá trị trong cương lĩnh của các Đảng Xã hội dân chủ có nguồn gốc từ những giá trị nhân đạo của học thuyết Mác với mục tiêu giải phóng nhân dân lao động. Khi chưa trở thành đảng cầm quyền, các Đảng Xã hội dân chủ dựa vào phong trào công đoàn - những tập đoàn gây áp lực với chính phủ, để thực hiện phần nào lợi ích của nhân dân lao động. Khi trở thành đảng cầm quyền, các Đảng Xã hội dân chủ thực hiện chủ trương: thiết lập nền dân chủ đa nguyên; phát triển nền kinh tế hỗn hợp; xây dựng nhà nước phúc lợi; phối hợp hòa giải mâu thuẫn giữa giới chủ và người lao động.

Các nước Bắc Âu tuy vẫn là mô hình xã hội tư bản, nhưng ở đó các Đảng Xã hội dân chủ đã cầm quyền trong nhiều năm, bởi vậy chủ trương trên có tác dụng đối với đời sống xã hội. So với Tây Âu và Bắc Mỹ, đời sống xã hội ở các nước Bắc Âu dân chủ và công bằng hơn, nhân đạo và đồng thuận hơn. Nhưng thực hiện chủ trương trên lại nảy sinh những vấn đề khó giải quyết, nợ của chính phủ ngày càng tăng, một bộ phận người lao động lười biếng ỷ lại vào trợ cấp xã hội. Chủ nghĩa xã hội dân chủ cũng đang bị khủng hoảng.

Phân tích trên cho thấy, mô hình chủ nghĩa xã hội Xô-viết, chủ nghĩa xã hội dân chủ hoặc bất cứ mô hình xã hội nào khác đều không thể là mô hình hoàn thiện, hoàn mỹ. Có thể coi đó là những phương án của loài người giải quyết những vấn đề đặt ra từ đời sống xã hội trong những điều kiện lịch sử nhất định. Những phương án này có những thành công, nhưng

Digitized by Google

cũng có không ít khiếm khuyết, và khi điều kiện xã hội thay đổi thì cần có sự đổi mới hoặc được thay thế bằng những phương án khác.

II - ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA - NHỮNG XU HƯỚNG HIỆN NAY

1 – Xu hướng trong các nước đang chuyển đổi mô hình xã hội

Có thể nói, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội theo mô hình Xô-viết ở Liên Xô và Đông Âu là thất bại lớn của chủ nghĩa xã hội. Song điều đó không có nghĩa là con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã "đi vào ngõ cụt", là "con đường sai lầm" của lịch sử. Tiến lên chủ nghĩa xã hội là tiến tới xã hội nhân đạo, hoàn bị, khắc phục mọi tha hóa, áp bức, bóc lột, bất công, bảo đảm điều kiện cho sự phát triển toàn diện của con người. Với những mục tiêu ấy, chẳng lẽ con đường đi lên chủ nghĩa xã hội lại là sai lầm của lịch sử? Nếu con đường ấy dẫn đến "ngõ cụt" thì nhân loại sẽ đi đến đâu? Sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ của một mô hình chủ nghĩa xã hội cụ thể trong quá trình phát triển. Hay nói cách khác, những phương án của nhân loại nhằm giải quyết những vấn đề đặt ra từ đời sống xã hội ở thế kỷ XX đã thành công trong một giai đoạn nhất định, đến nay không còn phù hợp, cần thay bằng phương án khác.

Như chúng ta biết, trong những năm 80, 90 của thế kỷ XX, nhiều nước xã hội chủ nghĩa tiến hành công cuộc cải tổ, cải cách, đổi mới nhằm thay đổi kết cấu mô hình xã hội, thay đổi phương án giải quyết những vấn đề đặt ra từ đời sống xã hội. Các nước này đều áp dụng những giải pháp:

- Chuyển nền kinh tế dựa trên chế độ công hữu dưới hai hình thức sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể sang nền kinh tế đa thành phần, đa sở hữu.

- Chuyển nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế.

- Chuyển từ tổ chức nhà nước kiểu Xô-viết sang tổ chức nhà nước pháp quyền.

Công cuộc cải cách, đổi mới của Trung Quốc, Việt Nam và một số nước khác vẫn giữ vững mục tiêu xã hội chủ nghĩa, thực hiện mục tiêu ấy bằng phương thức mới. Còn công cuộc cải tổ của các nước thuộc Liên Xô trước đây và các nước Đông Âu đã dẫn đến từ bỏ mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Trung Quốc và Việt Nam đã thực hiện thắng lợi bước đầu công cuộc cải cách, đổi mới; Đảng Cộng sản vẫn giữ được quyền lãnh đạo; chính trị ổn định, kinh tế thoát ra khỏi khủng hoảng, đạt tốc độ tăng trưởng cao. Còn ở các nước thuộc Liên Xô trước đây và Đông Âu, Đảng Cộng sản mất quyền lãnh đạo; khủng hoảng kinh tế dẫn đến khủng hoảng chính trị và khủng hoảng chính trị lại làm trầm trọng thêm khủng hoảng kinh tế. Hiện nay, các nước này đã có sự tăng trưởng về kinh tế, song tình hình chính trị còn nhiều biến động, đặc biệt là xu hướng ly khai, khủng bố vẫn đang là nguy cơ.

So sánh hai xu hướng trên cho thấy, con đường phát triển theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa tối ưu hơn, có bước tiến nhanh hơn. Tuy mới đạt được những thành tựu bước đầu và còn có những khó khăn nhất định, nhưng nó chứng tỏ sức sống mới của chủ nghĩa xã hội hiện thực.

2 – Xu hướng trong các nước tư bản chủ nghĩa

Xu hướng thị trường xã hội ngày càng chiếm ưu thế. Có thể thấy, vào cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, xu hướng thị trường tự do là xu hướng chiếm ưu thế. Khi đó, người ta tưởng rằng, sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất chính là sự tự do của từng người về những cái mà người ấy có; thị trường tự do và tự do cạnh tranh sẽ tạo ra sự hài hòa xã hội và cực đại hóa sự thịnh vượng xã hội. Nhưng, sau một thời gian thực hiện, người ta thấy kết quả ngược lại: tự do cạnh tranh dẫn đến tình trạng "cá lớn nuốt cá bé". Bởi vậy, tự do ở đây chỉ là tự do đối với những người giàu, người có sở hữu, còn những người nghèo, chỉ

Digitized by Google

có hai bàn tay trắng, thì không có tự do, nếu có chăng chỉ là tự do bán sức lao động. Cũng từ đây, nảy sinh tình trạng bất bình đẳng, bất công xã hội, "kẻ ăn không hết, người lần không ra"; xung đột giai cấp, dân tộc diễn ra gay gắt, quyết liệt. Hơn nữa, thị trường tự do không phải là cỗ máy tự động tạo ra sự hài hòa; ngược lại, chính nó là một cơ chế gây khủng hoảng chu kỳ mà hậu quả là làm hủy hoại của cải, hủy hoại lực lượng sản xuất. Tuy nhiên, việc khắc phục hậu quả này đã được thực hiện ở mức độ nhất định trong lòng xã hội tư bản.

Từ giữa thế kỷ XX, một số nước tư bản thực hiện thị trường xã hội. Thị trường này đóng vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội, nhưng cần đặt trong khuôn khổ điều tiết nhất định của Nhà nước. Nhà nước điều tiết thị trường bằng các giải pháp: 1 - tạo lập khung pháp lý cho thị trường (chiến lược, pháp luật, chính sách); 2 - bảo đảm quyền tham quyết của người lao động trong các doanh nghiệp; công đoàn phải tác động đến việc ký kết thỏa ước lao động; 3 - các doanh nghiệp chịu sự tác động của thị trường nhưng cũng phải có nghĩa vụ đối với xã hội; 4 - phán quyết của người tiêu dùng có tác động trực tiếp đến quan hệ thị trường.

Bằng sức mạnh kinh tế, nhà nước thực hiện sự điều tiết đối với nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường thường phát triển theo chu kỳ hình sin. Bởi vậy, trong chu kỳ tăng trưởng kinh tế, nhà nước có thể tăng thêm nguồn thu ngân sách để đến chu kỳ suy thoái, nhà nước dùng ngân sách này tạo ra "cầu" (kích cầu). Nguồn ngân sách đó được đầu tư vào xây dựng kết cấu hạ tầng, chương trình đào tạo, cải thiện dân sinh. Đây cũng chính là giải pháp tăng "cầu" để kéo nền kinh tế đi lên. Nếu như nền kinh tế phát triển quá "nóng", nhà nước sẽ áp dụng các giải pháp để kiềm chế lại. Thông qua các giải pháp như vậy, nhà nước có thể tạo ra sự kiểm soát xã hội đối với thị trường, giảm thiểu tác động của khủng hoảng.

Thực hiện sự điều tiết đối với nền kinh tế thị trường và bằng chính sách, pháp luật, nhà nước bảo đảm hình thành bốn hệ thống bảo hiểm đối với người lao động: 1 - bảo hiểm y tế; 2 - bảo hiểm hưu trí; 3 - bảo hiểm thất nghiệp; 4 - bảo hiểm khi mất khả năng lao động.

Hiện nay, trong các nước tư bản vẫn tồn tại hai xu hướng thị trường là thị trường tự do và thị trường xã hội, nhưng thị trường xã hội ngày càng chiếm ưu thế. Ban đầu, thị trường xã hội được thực hiện ở các nước Bắc Âu; đến nay nó đã được thực hiện ở nhiều nước. Đây là loại thị trường chịu sự kiểm soát, điều tiết của nhà nước, bởi vậy, sự hủy hoại của thị trường được hạn chế, an sinh xã hội và nhân phẩm của con người được bảo đảm tôn trọng ở mức độ nhất định. Nói cách khác, chủ nghĩa nhân đạo được thực hiện ở mức độ nào đó trong hiện thực.

Kinh tế tri thức tạo ra tiền đề khắc phục phần nào sự tha hóa lao động. Từ khi xuất hiện chế độ tư hữu và sự phân chia giai cấp đến nay, xã hội loài người đã trải qua những bước tiến kỳ diệu trên con đường tiến hóa, phát triển, song những nỗi đau của nhân loại vẫn chưa được khắc phục hết. Một trong những nỗi đau ấy là sự tha hóa lao động. Sự tha hóa lao động được hình thành, phát triển như sau: giá trị của hàng hóa là lao động của con người kết tinh trong hàng hóa nhưng lại xa lạ với chính người lao động và khi tập trung thành của cải của một số người, nó trở thành phương tiện bóc lột người lao động. Giai cấp bóc lột dùng cái đã tước đoạt được làm phương tiện để tiếp tục đi tước đoạt. Còn giai cấp bị bóc lột do không có tư liệu sản xuất nên phải đi làm thuê, bán sức lao động và tiếp tục bị tước đoạt. Tha hóa lao động gắn liền với tha hóa tộc loại, tức là bản chất con người bị tách khỏi con người.

Chủ nghĩa tư bản tạo ra điều kiện, môi trường xã hội để sự tha hóa phát triển đến đỉnh cao, nhưng cũng tạo ra tiền đề để khắc phục

Digitized by Google

phần nào sự tha hóa. Ở đây, tiền đề chủ yếu là sự ra đời của kinh tế tri thức - kinh tế trực tiếp dựa vào việc sản xuất, phân phối, sử dụng tri thức. Trong kinh tế tri thức, người lao động là nguồn lực của tri thức. Tri thức, trí tuệ của họ chính là tư liệu sản xuất chủ yếu, không tách rời họ, thuộc về họ và không ai tước đoạt được.

Sự phát triển của kinh tế tri thức đã tạo điều kiện để con người vừa là người lao động, vừa là người sở hữu tư liệu sản xuất của mình không ai có thể tước đoạt được. Như vậy, kinh tế tri thức sẽ khắc phục được phần nào sự tha hóa lao động, tạo tiền đề để con người phát triển một cách tự do và toàn diện. Đó là một trong những mục tiêu của chủ nghĩa nhân đạo, hay có thể gọi là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

Văn minh chính trị tạo ra tiền đề khắc phục sự tha hóa quyền lực. Nỗi đau của nhân loại trên con đường tiến hóa, phát triển còn là sự tha hóa quyền lực. Quyền lực công vốn là của xã hội, của mọi người. Khi xã hội có sự phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp, quyền lực công được tổ chức thành nhà nước, do một giai cấp nắm giữ và đứng lên trên xã hội, xa lạ với xã hội, trở thành công cụ đàn áp lại nhân dân. Giai cấp thống trị muốn dùng quyền lực ấy để mưu lợi cho mình, còn nhân dân lại đấu tranh đòi giai cấp thống trị dùng quyền lực ấy phục vụ cho lợi ích chung của xã hội. Đó là cuộc đấu tranh diễn ra gay go, quyết liệt từ khi xã hội loài người phân chia thành giai cấp đến nay. Thực chất, đó là cuộc đấu tranh đòi dân chủ của nhân dân. Kết quả của cuộc đấu tranh đó đã đưa đến sự tiến hóa của các nền dân chủ và tiến dần đến văn minh chính trị. Văn minh chính trị sẽ tạo ra những tiền đề để khắc phục một phần sự tha hóa quyền lực. Đó là những giá trị của văn minh, là tài sản của nhân loại. Văn minh chính trị sẽ thể hiện ở những giá trị cơ bản sau:

1 - Thiết lập đồng bộ ba yếu tố kinh tế thị trường, nhà nước pháp quyền và xã hội dân sự nhằm bảo đảm sự hài hòa, ổn định và phát triển của xã hội. Mô hình nền chính trị hiện đại xác định rõ phạm vi của quyền lực nhà nước, phạm vi của quyền tự do cá nhân (bất khả nhượng) và phạm vi của xã hội dân sự - khoảng trống giữa quyền lực nhà nước và quyền tự do cá nhân. Đặc biệt, mô hình đó tạo điều kiện để quyền tự do cá nhân được bảo đảm ở mức tối đa, trên cơ sở bảo đảm phúc lợi chung và nâng cao trách nhiệm xã hội. Do vậy, các tổ chức phi chính phủ, phi lợi nhuận (xã hội dân sự) có điều kiện phát triển trong khuôn khổ luật pháp, lấy nguyên tắc thỏa thuận, thuyết phục là nguyên tắc hoạt động chính trị.

2 - Quyền lực tối thượng thuộc về nhân dân. Điều này được ghi nhận trong hiến pháp của nhiều nước. Quyền lực tối thượng thuộc về nhân dân trước hết biểu hiện ở quyền lập hiến của họ. Cụ thể, việc xác lập, sửa đổi Hiến pháp thường được thực hiện thông qua trưng cầu ý dân và dựa vào mức độ đồng thuận cao trong đời sống chính trị - xã hội. Ở đây, người ta nhận thấy, sự ổn định về luật cơ bản (Hiến pháp) là yếu tố đầu tiên để bảo đảm sự ổn định về chính trị. Hiện nay, ở nhiều nước, việc quyết định những vấn đề hệ trọng của quốc gia cũng thông qua trưng cầu dân ý.

3 - Bảo đảm tính chính đáng của sự ủy quyền. Quyền lực công, quyền lực nhà nước là do mọi thành viên xã hội nhượng một phần quyền của mình để góp vào. Sự ủy quyền được thực hiện thông qua bầu cử. Do vậy, phải tự do, dân chủ, minh bạch trong bầu cử để bảo đảm tính chính đáng của sự ủy quyền. Mọi hành vi thao túng quyền lực, tự chia quyền giữa các phe cánh với nhau đều là không chính đáng và phi pháp.

4 - Bảo đảm tự do chính trị. Tự do chính trị thể hiện ở các nội dung:

- Thiết lập và thực thi quyền lực nhà nước trong những giới hạn cần thiết, không vi phạm và hạn chế tự do cá nhân. Nhà nước chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép, còn

Digitized by Google

người dân được làm những gì mà pháp luật không cấm. Xác lập và thực thi quyền lực nhà nước một cách vô hạn là trái với tự do chính trị.

- Thiết lập thể chế phân quyền và kiểm soát quyền lực ngay bên trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị để hạn chế sự lạm quyền, chuyên quyền, tha hóa quyền lực, và như vậy mới bảo đảm tự do chính trị cho mọi người.

- Bảo đảm sự cạnh tranh bình đẳng giữa các lực lượng xã hội, các cá nhân trên chính trường, và nhân dân là người phán quyết tối hậu về kết quả cạnh tranh đó.

- Công luận bảo đảm tính khách quan, công khai, dân chủ về đời sống chính trị - xã hội qua các phương tiện thông tin đại chúng.

- Những quyết định chính trị - xã hội dựa trên chính kiến của đa số và vì lợi ích của đa số, nhưng vẫn bảo lưu chính kiến của thiểu số và bảo vệ lợi ích của thiểu số.

- Xây dựng thể chế bảo đảm cho nhân dân thực sự tham gia vào đời sống chính trị. Chẳng hạn, nhân dân chủ động, tự giác tham gia các cuộc bầu cử, trưng cầu ý dân; giám sát quá trình xây dựng, ban hành chính sách và kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện chính sách; giám sát các cơ quan, cá nhân được ủy quyền thực thi quyền lực và tham gia bỏ phiếu tín nhiệm hoặc bất tín nhiệm các cơ quan, cá nhân ấy theo định kỳ.

Như vậy, ở nhiều nước tư bản phát triển, xu hướng phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa về kinh tế, chính trị, xã hội, dù tự giác hay không tự giác, ngày càng được bộc lộ. Đó cũng chính là những tiền đề cho việc thiết lập một xã hội nhân đạo hoàn bị - xã hội xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, để thiết lập chủ nghĩa xã hội hiện thực ở các nước đó, theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, điều quan trọng là phải tạo ra được cuộc cách mạng xã hội triệt để mà người lãnh đạo nó chỉ có thể là Đảng Cộng sản chân chính - đội tiền phong của giai cấp công nhân hiện đại. ❑

THÁCH THỨC...

(Tiếp theo trang 18)

(nếu đủ điều kiện) hoặc phá sản. Kiên quyết giải thể những tổng công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài, kém hiệu quả, nhất là trong những lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ.

Những tổng công ty còn lại cần được soát xét theo tiêu chí mới phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội X để một số tổng công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, mà hầu hết công ty con đều được cổ phần hóa. Hạn chế công ty mẹ 100% vốn nhà nước. Đối với một số tổng công ty, cổ phần hóa toàn bộ ngay từ đầu, hoặc gắn với quá trình chuyển đổi, xây dựng đề án cổ phần hóa ngay công ty mẹ, như đề án Tập đoàn bảo hiểm tài chính mà Chính phủ đã phê duyệt.

- Chuyển đổi các công ty độc lập thuộc bộ, tỉnh, thành phố: quá trình này chỉ có thể được tiến hành nhanh khi tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước đi vào hoạt động. Một loạt công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và công ty cổ phần sẽ được bàn giao về tổng công ty này. Số còn lại, những địa phương, bộ có tổng công ty nên soát lại và bàn giao cho tổng công ty những doanh nghiệp cùng ngành nghề, và phải được tiến hành cổ phần hóa ngay từ đầu. Những nơi không có tổng công ty thì gắn quá trình chuyển đổi với bàn giao cho tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn.

- Hạn chế chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là Nhà nước. Soát lại các doanh nghiệp này để thực hiện cổ phần hóa. Mô hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được ít người ủng hộ vì triển vọng hiệu quả không rõ ràng.

- Tiếp tục củng cố Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển doanh nghiệp nhà nước từ trung ương đến các bộ, ngành, địa phương và tổng công ty để có đủ năng lực thực hiện việc chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang hoạt động theo Luật Doanh nghiệp có hiệu lực từ 1-7-2006. ❑

Digitized by Google

Kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, với quyết tâm mới và hành động mới

NHỊ LÊ

BẤT cứ một quốc gia, dân tộc nào muốn tồn tại, phát triển, đều phải có tư tưởng của mình hoặc phải chọn lấy tư tưởng thích hợp với mình. Kinh nghiệm lịch sử cũng chỉ rõ, sự lựa chọn ấy chỉ được coi là đúng đắn, khi một mặt phải bắt nguồn sâu xa từ thực tế đất nước, từ truyền thống của dân tộc, từ ước vọng tha thiết của nhân dân; và mặt khác, phải phù hợp với quy luật phát triển khách quan của xã hội, với xu thế vận động tất yếu của nhân loại tiến bộ.

Sự lựa chọn mục tiêu phát triển của Việt Nam, không nằm ngoài sự tất yếu ấy. Đây là một tiến trình lựa chọn *kép* đầy khắc nghiệt của lịch sử: *từ* những cái đã, đang có và chúng đang vận động trong lòng dân tộc; *từ* những cái đã, đang có và chúng đang vận động trong đời sống nhân loại tiến bộ.

Như chúng ta biết, năm 1858, thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm nước ta. Trước hành động xâm lược của kẻ thù, chế độ phong kiến mà đại biểu là triều đình nhà Nguyễn thối nát đã hèn nhát đầu hàng, dâng nước ta cho Pháp. Chế độ phong kiến Việt Nam trước đó mấy thế kỷ từng là đại biểu cho dân tộc, đến lúc này bộc lộ rõ sự mục ruỗng, bất lực và phản động. Mặc dù vậy, các phong trào yêu nước với gần một trăm cuộc khởi nghĩa chống Pháp của nhân dân ta liên tiếp nổ ra khắp Bắc, Trung, Nam, nhưng đều bị kẻ thù dập tắt trong máu lửa. Từ năm 1885, phong trào Cần Vương chống Pháp dưới sự lãnh đạo các sĩ phu yêu nước phát triển rầm rộ khắp cả nước và kéo dài đến cuối thế kỷ XIX, nhưng đều bị thất bại. Điều đó chỉ rõ rằng: *Độc lập dân tộc không còn gắn với chế độ phong kiến nữa.*

Sang đầu thế kỷ XX, thực dân Pháp tiếp tục tiến hành khai thác, bóc lột thuộc địa ở Việt Nam, làm cho xã hội nước ta có nhiều biến đổi: giai cấp công nhân và giai cấp tư sản hình thành cùng với sự phân hóa của các giai cấp cũ, kéo theo sự thay đổi về ý thức và đời sống xã hội. Cũng vào thời điểm này, các trào lưu tư tưởng dân chủ tư sản dồn dập dội vào nước ta: nước Nhật duy tân, chủ nghĩa "Tam dân" của Tôn Trung Sơn, tư tưởng dân tộc, dân quyền của Lương Khải Siêu và Khang Hữu Vi, tư tưởng cách mạng Pháp, v.v.. Với sự ảnh hưởng của các trào lưu tư tưởng đó, phong trào yêu nước Việt Nam chuyển sang khuynh hướng mới, tiêu biểu là các phong trào Đông du, Đông kinh nghĩa thục, cải cách dân chủ, v.v.. Sau một thời gian phát triển rầm rộ, các phong trào trên cũng nối tiếp nhau tan rã trước sự đàn áp man rợ của đế quốc Pháp. Cuộc khởi nghĩa

Digitized by Google

Yên Bái (1930) thất bại cho thấy sự cáo chung của tư tưởng tư sản và sự nỗ lực của giai cấp tư sản Việt Nam trước vận mệnh dân tộc. Điều đó càng chứng tỏ ở Việt Nam, *độc lập dân tộc cũng không gắn với chế độ tư bản chủ nghĩa.*

Trong bối cảnh đó, độc lập dân tộc càng trở nên yêu cầu cơ bản, khách quan của xã hội Việt Nam. Nhưng bằng con đường nào và giai cấp nào có khả năng gánh vác sứ mệnh trọng đại đó?

Để giải đáp câu hỏi này đối với nước ta lúc bấy giờ, trước hết là phải xuất phát từ thực tế của tính chất xã hội của đất nước, từ tính cách của dân tộc, từ ước nguyện tha thiết của nhân dân. Đó là điều kiện hết sức *cơ bản.* Nhưng, chỉ như vậy là không đủ, thậm chí là sai lầm. Nói như V.I. Lê-nin: Chỉ có dựa trên cơ sở hiểu biết những đặc điểm cơ bản của một thời đại, chúng ta mới có thể tính đến những đặc điểm chi tiết hơn của nước này hay nước nọ. Đó là *biện chứng phát triển của lịch sử từng dân tộc, của toàn thế giới.* Và giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa Mác ra đời. Nó đã vạch ra cái tất yếu từng bị che lấp bởi màn sương mù lịch sử và khẳng định chủ nghĩa tư bản sẽ được thay thế bởi chủ nghĩa cộng sản. Đó là một tiếng sét trong lòng chủ nghĩa tư bản ở vào thời thịnh trị của nó. Năm 1917, Cách mạng Tháng Mười Nga thành công, mở đầu cho một thời đại mới của lịch sử thế giới. Nếu trước Cách mạng Tháng Mười, chế độ tư bản chủ nghĩa hiện thực phát triển đến mức người ta rêu rao tưởng như một "định mệnh", như một "trật tự vĩnh hằng", thì sau Tháng Mười - 1917, cái "then" hãm thế giới mà chủ nghĩa tư bản cài đặt và khống chế thế giới ấy đã bị bẻ gãy. Điều định mệnh mà chủ nghĩa tư bản rêu rao ấy thành ảo tưởng. Cái trật tự do chủ nghĩa tư bản áp đặt ấy bị lật nhào, tạo ra phản ứng dây chuyền của hàng loạt cuộc đấu tranh giải phóng có quy mô to lớn và chiều sâu cách mạng chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại. Rõ ràng, tới những năm 20 của thế kỷ XX, với những biến động "long trời, lở đất" của Cách mạng Tháng Mười Nga "rung chuyển thế giới", đã làm cho *tính chất thời đại thay đổi, giai cấp trung tâm của thời đại thay đổi, vai trò lãnh đạo cách mạng cũng thay đổi.* Vì vậy, con đường để giải quyết mâu thuẫn của xã hội, lực lượng cách mạng và phương pháp cách mạng cũng thay đổi.

Tình hình đó của thế giới, bằng nhiều con đường, dội vào Việt Nam - nơi mà chính "sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi; chủ nghĩa cộng sản chỉ còn phải làm cái việc là gieo hạt của công cuộc giải phóng nữa thôi". Hơn ai hết, Nguyễn Ái Quốc đã đi từ chủ nghĩa yêu nước đến với chủ nghĩa xã hội. Ở Người, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam đã "bắt gặp" chủ nghĩa Mác - Lê-nin, nói như cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng - một cuộc gặp gỡ đẹp như cùng hẹn trước - đã chung đúc nên tư tưởng Hồ Chí Minh. Với kỳ công của Nguyễn Ái Quốc, chủ nghĩa Mác - Lê-nin kết hợp với phong trào yêu nước và phong trào công nhân Việt Nam đã đưa tới một tất yếu lịch sử: Ngày 3-2-1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời. Sự kiện này là *mốc son đánh dấu sự kết hợp các nhân tố dân tộc và giai cấp, quốc gia và quốc tế, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong bản chất của Đảng.* Vừa ra đời, Đảng tuyên bố: "Chủ trương tư sản dân quyền cách mạng và thời đại cách mạng để đi tới xã hội cộng sản". Ngay sau lời tuyên bố ấy của Đảng, chủ nghĩa xã hội không chỉ là mục tiêu lựa chọn mà đã thực sự thúc đẩy lịch sử dân tộc Việt Nam chuyển mình, trước hết là cao trào cách mạng 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ - Tĩnh hào hùng và đẫm máu, là con đường dân tộc Việt Nam đã và đang đi từ đó dọc thế kỷ XX,

Digitized by Google

và tiếp tục đi cho tới đích cuối cùng. Bởi, như Hồ Chí Minh chỉ rõ: Chỉ có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ; chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc.

Đảng ta, Hồ Chí Minh và nhân dân ta đã lựa chọn con đường tất yếu ấy.

Rõ ràng, sự lựa chọn *mục tiêu độc lập dân tộc gắn chặt với chủ nghĩa xã hội* của Đảng và nhân dân ta, xét về *lô–gíc* là một tất yếu khách quan; xét về *lịch sử,* là hoàn toàn phù hợp với sự vận động của cách mạng Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại; và xét về *nhu cầu,* là hoàn toàn xuất phát từ điều kiện cụ thể của một nước thuộc địa, nửa phong kiến và nguyện vọng cháy bỏng của nhân dân Việt Nam.

Giải quyết vấn đề độc lập dân tộc theo ý thức hệ phong kiến và tư sản, trong khuôn khổ của chế độ phong kiến và chế độ tư bản chủ nghĩa không tránh khỏi những mâu thuẫn và những hạn chế to lớn. Đó là những mâu thuẫn và hạn chế bắt nguồn từ bản chất kinh tế và chính trị các chế độ ấy - những hình thái kinh tế - xã hội dựa trên các quan hệ tư hữu về tư liệu sản xuất và các quan hệ đối kháng giai cấp.

Vượt qua những mâu thuẫn và những hạn chế trong việc giải quyết vấn đề độc lập dân tộc theo lập trường phong kiến và tư sản *chỉ có thể là con đường gắn liền độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội,* tức là giải quyết độc lập dân tộc theo lập trường của giai cấp công nhân, dưới ánh sáng của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đó là: độc lập dân tộc thực sự phải là độc lập về đường lối chính trị, kinh tế, văn hóa, đối ngoại. Độc lập dân tộc thực sự đòi hỏi phải xóa bỏ tình trạng áp bức bóc lột và nô dịch của dân tộc này đối với dân tộc khác về kinh tế, chính trị và tinh thần. Do đó, độc lập gắn liền với tự do và bình đẳng, công việc nội bộ quốc gia - dân tộc phải do quốc gia - dân tộc đó giải quyết không có sự can thiệp từ bên ngoài. Mục tiêu của chủ nghĩa xã hội là thực hiện triệt để giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội, giải phóng con người. Chủ nghĩa xã hội sẽ xóa bỏ căn nguyên kinh tế sâu xa của tình trạng người bóc lột người do chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất sinh ra. Nó xóa bỏ cơ sở kinh tế sinh ra ách áp bức con người về chính trị và sự nô dịch con người về tinh thần, ý thức và tư tưởng. Chủ nghĩa xã hội thực hiện độc lập dân tộc để mở đường đưa dân tộc tới sự phát triển phồn vinh về kinh tế, sự phát triển phong phú đa dạng về văn hóa, tinh thần, sự thực hiện quyền lực của nhân dân. Lần đầu tiên trong lịch sử nước ta, chỉ với chủ nghĩa xã hội, độc lập dân tộc mới đạt tới chân giá trị của nó ở chỗ nó hướng tới phục vụ lợi ích và quyền lực của mọi người lao động, làm cho mọi thành viên của cộng đồng dân tộc trở thành người chủ thực sự có cuộc sống vật chất ngày càng đầy đủ và cuộc sống tinh thần ngày càng phong phú. Đó là *văn hóa của sự phát triển bền vững của dân tộc ta trong thời đại ngày nay.*

Sự phát triển thực chất và bền vững của độc lập dân tộc được đo bằng những khả năng và điều kiện bảo đảm cho dân tộc ta thoát khỏi tình cảnh nô lệ, phụ thuộc, bị áp bức bóc lột và nô dịch. Nó cũng bảo đảm cho dân tộc ta vượt qua tình trạng đói nghèo, lạc hậu và tụt hậu trong tương quan với các

Digitized by Google

dân tộc khác trong thế giới ngày nay và ngày càng đạt tới những đỉnh cao của sự giàu có, văn minh, hiện đại, công bằng, dân chủ và bình đẳng trong các mối quan hệ giữa con người với con người, giữa cộng đồng dân tộc này với cộng đồng dân tộc khác, giữa nước ta với thế giới.

Toàn bộ khả năng và điều kiện bảo đảm đó chỉ có thể được tìm ***thấy*** và giải quyết bằng con đường ***phát triển xã hội chủ nghĩa***.

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trở thành *hệ giá trị phát triển* của Việt Nam, dưới ngọn cờ của Đảng, trong thời đại ngày nay. Đó cũng chính là cái lô-gíc phát triển lịch sử của dân tộc Việt Nam, 76 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, làm nên *cốt cách* Việt Nam, *bản lĩnh* Việt Nam, *giá trị* Việt Nam và *vị thế* Việt Nam, trước thế giới hiện đại.

Nhận thức và hành động theo hệ giá trị đó, Đảng ta đã lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945, một điển hình trong các dân tộc thuộc địa, tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến hoàn toàn không cân sức với "hai đế quốc to", mở ra thời kỳ phi thực dân hóa sau Việt Nam cho cả hệ thống thuộc địa và các nước phụ thuộc trên thế giới.

Qua 20 năm đổi mới, với hệ giá trị đó, Đảng Cộng sản Việt Nam đã xứng đáng tiêu biểu cho bản lĩnh Việt Nam trong việc giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Không vì sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa mà lung lạc quyết tâm, đã tỏ rõ tính độc lập tự chủ trong mọi đường lối, chính sách đối nội và đối ngoại, đưa đời sống nhân dân lên ngày một cao hơn, đưa đất nước và dân tộc lên vị thế mới trong khu vực và trên toàn thế giới. Nói khái quát, đó là bản lĩnh kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định chiến lược đại đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng giải phóng dân tộc; là quyết tâm "đem sức ta mà tự giải phóng cho ta", "dù có đốt cháy dãy Trường Sơn cũng phải giành cho được độc lập"; là luận điểm nổi tiếng "Không có gì quý hơn độc lập tự do"; là quan điểm "chỉ có đi theo chủ nghĩa xã hội thì dân tộc mới thực sự được giải phóng" trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Đó là luận điểm: Đảng ta luôn giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa xã hội, kiên quyết lãnh đạo toàn dân đấu tranh xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần bảo vệ hòa bình ở Đông - Nam Á và thế giới, dù Hồ Chí Minh đã viết cách đây 37 năm, nhưng vẫn hoàn toàn cập nhật, đúng đắn cả về đối nội và đối ngoại. Theo tư tưởng của Người, Đảng ta nhấn mạnh: "Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là bài học xuyên suốt cách mạng nước ta. Độc lập dân tộc là điều kiện tiên quyết để thực hiện chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội là cơ sở bảo đảm vững chắc cho độc lập dân tộc".

Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, đó không chỉ là *mục tiêu*, là *nhu cầu* mà còn là *cương lĩnh hành động* của dân tộc Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Không thể kể hết những kiến giải và ứng xử của dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, theo ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Bài học cho mọi quyết sách trong thời đại mới là, phải tiếp tục tìm hiểu hệ giá trị đó để giữ vững "bản lĩnh Việt Nam"; dưới ánh sáng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh để tìm ra những kiến giải và ứng xử tối ưu trong

(Xem tiếp trang 37)

Digitized by Google

Phát triển giáo dục từ xa góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước

TRỊNH MINH TÚ *

TRONG những thập kỷ cuối thế kỷ XX, thế giới có những bước tiến vượt bậc về khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin. Sự phát triển khoa học - công nghệ, nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và xu thế bình đẳng, dân chủ đòi hỏi một hệ thống giáo dục thích ứng, phù hợp, đồng thời đó cũng là những nhân tố thúc đẩy giáo dục và đào tạo phát triển.

Hai mươi năm qua, đất nước đã và đang đổi mới trên nhiều lĩnh vực, trong đó có giáo dục và đào tạo. Đảng và Nhà nước có nhiều chủ trương về đa dạng hoá giáo dục và đào tạo; giáo dục đã trở thành quốc sách hàng đầu và đang được từng bước mở rộng về phương thức, quy mô, phạm vi... Bài viết này chúng tôi xin chỉ trình bày về giáo dục từ xa.

1 – Những chủ trương và đường lối của Đảng và Nhà nước về giáo dục từ xa.

Đánh giá vai trò và tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo nói chung và giáo dục từ xa nói riêng phục vụ các yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, Đảng và Chính phủ đã có những chỉ đạo mang tính định hướng cho sự phát triển giáo dục từ xa. "Xây dựng quy hoạch đào tạo nhân lực theo phương thức kết hợp học tập trung, học từ xa, học qua máy tính"; "Đẩy mạnh phong trào học tập trong nhân dân bằng những hình thức giáo dục chính quy và không chính quy, thực hiện giáo dục cho mọi người, cả nước trở thành một xã hội học tập"; "Từng bước xúc tiến việc nối mạng In-tơ-nét ở trường học, tạo điều kiện học tập, nghiên cứu trên mạng". Chỉ thị số 58-CT/TW, ngày 17-10-2000, của Bộ Chính trị về đẩy mạnh ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nêu rõ: "Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác giáo dục và đào tạo ở các cấp học, bậc học, ngành học. Phát triển các hình thức đào tạo từ xa phục vụ cho nhu cầu học tập của toàn xã hội". Chiến lược phát triển giáo dục 2001 - 2010 cũng đã nêu: *"Phát triển giáo dục không chính quy như là một hình thức huy động tiềm năng của cộng đồng để xây dựng xã hội học tập, tạo cơ hội cho mọi người ở mọi trình độ, mọi lứa tuổi, mọi nơi có thể học tập suốt đời, phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của mỗi cá nhân, góp phần nâng cao dân trí và chất lượng nguồn nhân lực" ... "Củng cố và mở thêm các cơ sở giáo dục thường xuyên như Trung tâm giáo dục thường xuyên, Trung tâm học tập cộng đồng, trường Bổ túc văn hóa đáp ứng nhu cầu học tập thường xuyên của mọi người, ở mọi lứa tuổi và trình độ. Tăng cường cho 2 đại học Mở về phương tiện, thiết bị, tài liệu để mở rộng hình thức giáo dục từ xa".* Đây chính là những cơ sở quan trọng để chúng ta nghiên cứu xây dựng mạng lưới giáo dục từ xa quốc gia góp phần công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và hướng tới một xã hội học tập.

* GS, TS, Bộ Giáo dục và Đào tạo

Digitized by Google

2 – Đặc điểm và tính lợi ích của giáo dục từ xa.

Hình thức giáo dục từ xa thuộc phương thức giáo dục không chính quy trong hệ thống giáo dục quốc dân. Giáo dục từ xa là một quá trình giáo dục, trong đó phần lớn có sự gián cách giữa người dạy và người học về mặt thời gian và không gian. Người học theo hình thức giáo dục từ xa chủ yếu là tự học qua học liệu như giáo trình, băng hình, băng tiếng, đĩa CD-ROM, phần mềm vi tính, bằng việc sử dụng các phương tiện nghe nhìn cá nhân, phát thanh, truyền hình, các tổ hợp truyền thông đa phương tiện, mạng Internet, Intranet dưới sự tổ chức, trợ giúp của nhà trường. Giáo dục từ xa lấy tự học là chính, đòi hỏi người học phải tự giác, kiên trì và quyết tâm cao để hoàn thành chương trình học tập của mình.

Giáo dục từ xa có nhiều lợi ích, đặc biệt là:

- Giáo dục từ xa góp phần thực hiện bình đẳng trong giáo dục, tạo cơ hội cho nhiều người được học tập, học suốt đời. Giáo dục từ xa có thể vươn tới những nơi mà giáo dục truyền thống chưa vươn tới hoặc chưa đáp ứng được (về vị trí địa lý, đối tượng đào tạo, cách thức phục vụ, v.v...). Giáo dục từ xa tạo điều kiện cho học viên ở vùng đặc biệt khó khăn, vùng biên giới, hải đảo có thể theo học bậc đại học qua các phương tiện truyền tải thông tin. Thế mạnh này của giáo dục từ xa có ý nghĩa lớn lao trong việc thực hiện chính sách dân tộc, công bằng xã hội về cơ hội học tập và tạo ra sự phát triển đồng đều giữa các vùng khác nhau của đất nước.

- Giáo dục từ xa phát huy tối đa tính chủ động tự giác, tư duy sáng tạo trong học tập của người học (vì bản chất của giáo dục từ xa là tự học dưới sự hướng dẫn cả về nội dung và phương pháp học tập của cơ sở đào tạo), đó chính là nhân tố quyết định thành công và hiệu quả của quá trình học tập.

- Học viên không nhất thiết phải đến trường, nên chi phí đào tạo giảm đáng kể đối với cả người học và nhà trường. Người học không phải chi phí cho việc đi lại, ăn ở tại nơi học, lại tận dụng được nhiều kênh thông tin để tiếp thu kiến thức. Nhà trường bớt được phần chi phí cho cơ sở vật chất, giảm được đội ngũ cán bộ, nhân viên và cán bộ giảng dạy. Nếu như lớp học truyền thống chỉ khoảng vài chục hoặc vài trăm người, thì chương trình giáo dục từ xa có thể có hàng triệu người cùng học thông qua các phương tiện truyền tải thông tin: đài phát thanh, vô tuyến truyền hình, tài liệu in ấn, băng tiếng, băng hình, đĩa CD-ROM, máy vi tính, hệ thống vi tính nối mạng v.v.. Các cơ sở đào tạo thường mời những nhà khoa học, giảng viên có trình độ học vấn cao, giàu kinh nghiệm thiết kế và biên soạn chương trình cho giáo dục từ xa; vì vậy nguồn tri thức cung cấp cho người học được bảo đảm chất lượng.

- Với tốc độ truyền thông tin nhanh, nhạy của kỷ nguyên điện tử, giáo dục từ xa ngày nay có thể cập nhật những kiến thức mới nhất, hiện đại để người học có thể áp dụng ngay vào công việc của mình.

- Giáo dục từ xa tích cực góp phần đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, giúp người dạy, người học tiếp cận nhanh chóng với nội dung và phương pháp hiện đại; góp phần quan trọng trong việc giải quyết mối quan hệ giữa quy mô và chất lượng trong giáo dục và đào tạo.

- Giáo dục từ xa bổ trợ hữu hiệu cho giáo dục truyền thống (dạy - học trực tiếp). Theo kết quả nghiên cứu của các học giả trên thế giới, học liệu biên soạn cho các chương trình giáo dục từ xa, đặc biệt là những chương trình có tính cập nhật trên mạng vi tính, rất có tác dụng cho các học viên đang theo học các trường truyền thống để tham khảo, tự học, cập nhật tri thức và mở mang kiến thức. Nhiều nước phát triển như Mỹ, Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa... đã sử dụng công nghệ giáo dục từ xa để giảng dạy nhiều môn hoặc nhiều phần trong chương trình đào tạo cho những sinh viên các trường truyền thống (qua hệ thống vi-đi-ô, vi tính nối mạng, thư viện điện tử, phần mềm vi tính).

Digitized by Google

- Học liệu của giáo dục từ xa còn là phương tiện hữu hiệu chuyển tải kiến thức khoa học, công nghệ, nghề nghiệp, kinh nghiệm sản xuất, kỹ năng cuộc sống... đến mọi người, là một công cụ hữu hiệu nhằm nâng cao dân trí và xây dựng nền kinh tế tri thức.

Tuy nhiên, giáo dục từ xa cần có sự đầu tư ban đầu ở mức độ cần thiết để xây dựng cơ sở vật chất cho công nghệ thông tin và để thiết kế, biên soạn và sản xuất học liệu. Số lượng người học phải đạt tới mức độ nhất định thì mới thực sự mang lại hiệu quả kinh tế.

3 – Nhu cầu và tình hình phát triển giáo dục từ xa ở Việt Nam.

Hiện nay, nước ta đang đứng trước thách thức là, phải khẩn trương đuổi kịp các nước đang phát triển trong khu vực về trình độ sản xuất và đời sống xã hội, hòa nhập với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế, tránh nguy cơ bị tụt hậu. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi cạnh tranh trên cơ sở giá thành hạ và chất lượng cao; nguồn nhân lực cần được đào tạo và tái đào tạo liên tục. Nguồn nhân lực có trí tuệ và sáng tạo là yêu cầu số một của nền sản xuất hiện đại. Yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang trải qua những biến đổi sâu sắc, và những biến đổi này đã ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa người với người, nhất là đời sống gia đình, lao động và công ăn việc làm, kỹ thuật sản xuất và mẫu hình tiêu dùng. Tất cả đã thay đổi do sự chuyển đổi nền kinh tế dựa trên sự phát triển cao của khoa học - kỹ thuật. Trong bối cảnh ấy, kể cả các cá nhân có trình độ học vấn cao cũng thấy khó khăn để tiến kịp với kỹ thuật mới, cần thiết cập nhật kiến thức và kỹ thuật cho mình.

Cả nước hiện có khoảng 40 triệu lao động cần nâng cao trình độ và cập nhật kiến thức, có gần 1 triệu giáo viên các cấp cần chuẩn hoá, nâng cao trình độ nhằm đáp ứng những yêu cầu mới của ngành giáo dục và đào tạo, hàng triệu cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công nhân viên chức cần được đào tạo và đào tạo lại, hàng triệu thanh niên và người lao động cần được bồi dưỡng, cập nhật các kiến thức về công nghệ mới, mỗi năm có gần 600.000 người tốt nghiệp trung học phổ thông không được tiếp tục học ở các trường đại học hoặc cao đẳng cần được đào tạo nghề và kỹ năng lao động. Giáo dục từ xa còn góp phần quan trọng trong việc phổ cập trung học cơ sở tiến tới phổ cập bậc trung học, phân luồng đào tạo sau phổ thông trung học. Giáo dục và đào tạo có vai trò to lớn đáp ứng các nhu cầu khác nhau của xã hội đang đổi thay và có thể giải quyết nhiều vấn đề cấp bách của phát triển. Không có giáo dục và đào tạo không thể phát triển bền vững, bởi lẽ "chìa khóa" của sự phát triển thành công mang tính nhân văn là sự tham gia tích cực với ý thức trách nhiệm cao và sự hiểu biết của nhân dân.

Nước ta còn nghèo, cơ sở vật chất và các nguồn lực khác cho giáo dục - đào tạo có hạn, các trường đào tạo theo phương thức truyền thống (dạy - học trực tiếp) đang trong tình trạng quá tải nặng nề, không đáp ứng được nhu cầu học tập của nhân dân và nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực có tri thức của nền sản xuất hiện đại. Làm thế nào để phát huy tới mức cao nhất những nguồn lực sẵn có và sử dụng hiệu quả nhất nguồn trí tuệ của xã hội, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của đông đảo nhân dân trong công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Phương châm "giáo dục cho mọi người", "đào tạo liên tục", "học suốt đời" phải trở thành kim chỉ nam cho mọi hoạt động giáo dục - đào tạo. Giáo dục từ xa phải được ưu tiên thích đáng vì nó là giải pháp hữu hiệu để giải quyết bài toán về quan hệ giữa quy mô và chất lượng đào tạo, là hướng đầu tư tiết kiệm hiệu quả nhất cho giáo dục. Đây cũng chính là tư duy mới của thời đại, mở ra tầm cao mới của nền giáo dục đóng vai trò như một công cụ tạo dựng xã hội học tập hiện đại. Trên cơ sở những thành tựu của khoa học và công nghệ, đặc biệt là của công nghệ thông tin hiện đại, nhiều học giả trên thế giới đã dự đoán rằng

Digitized by Google

ưu tiên cho giáo dục thế kỷ XXI thuộc về giáo dục từ xa.

Nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển giáo dục từ xa, Chính phủ đã cho phép thành lập hai Đại học Mở (Viện đại học Mở Hà Nội và Đại học Mở – Bán Công thành phố Hồ Chí Minh) với chức năng và nhiệm vụ chủ yếu là giáo dục từ xa. Từ năm 1994 đã bắt đầu thành lập các trung tâm đào tạo từ xa ở một số trường đại học. Hiện có 10 trường đại học đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép tiến hành đào tạo theo phương thức giáo dục từ xa (1). Hệ thống trung tâm giáo dục từ xa vệ tinh và trung tâm giáo dục thường xuyên tại các địa phương đã được hình thành và phát triển, tạo thành mạng lưới rộng khắp, rất thuận lợi cho việc phát triển giáo dục từ xa. Hiện có 87.639 người đang theo học theo phương thức giáo dục từ xa các chương trình đào tạo bậc đại học.

Những năm qua, ngành giáo dục- đào tạo đã tích lũy được một số kinh nghiệm về lý luận và thực tiễn trong quá trình chỉ đạo, tổ chức và tiến hành giáo dục từ xa. Cùng với hai Đại học Mở; các trường đại học Huế và đại học Sư phạm Hà Nội; một số trường đại học vùng đã có nhiều cố gắng xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý, giảng dạy, đầu tư trang thiết bị hiện đại phục vụ công nghệ giáo dục từ xa; đồng thời nghiên cứu, thử nghiệm biên soạn nhiều học liệu có chất lượng khoa học thích hợp với đối tượng tự học, từng bước hoàn thiện quy trình tổ chức, quản lý dạy và học theo phương thức giáo dục từ xa không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo.

Hệ thống phát thanh - truyền hình quốc gia đã phát triển mạnh, đài phát thanh - truyền hình ở các tỉnh (thành phố) đã có đủ khả năng tiếp sóng đài trung ương nên việc truyền tải các chương trình giáo dục từ xa bằng công nghệ nghe - nhìn tới các vùng dân cư có nhiều thuận lợi. Hệ thống bưu chính - viễn thông quốc gia đã phát triển và nối mạng quốc tế, bảo đảm thông tin đa chiều cho giáo dục từ xa.

4 – Phát triển giáo dục từ xa để hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới

Ngày nay nhiều nước trên thế giới đã và đang xây dựng hệ thống giáo dục - đào tạo theo hình thức học từ xa song hành và bổ trợ cho hệ thống giáo dục - đào tạo truyền thống. Mỗi hình thức giáo dục đều có những thế mạnh riêng và là thành phần cấu thành của hệ thống giáo dục quốc dân. Giáo dục từ xa góp phần thực hiện xã hội hóa giáo dục, tạo cho mọi người được bình đẳng về cơ hội tiếp nhận giáo dục - đào tạo.

Để tổ chức và thực hiện các chương trình giáo dục từ xa, nhiều nước đã thành lập các trường đại học chuyên hoặc bán chuyên đào tạo theo hình thức từ xa như các trường Đại học Mở ở Anh, Ấn Độ...; các trường đại học hàm thụ ở Pháp, Bun-ga-ri, Nam Phi; Trường đại học Phát thanh và Truyền hình ở Trung Quốc, Trường đại học Không trung ở Nhật Bản, Hàn Quốc.v.v. Để tổ chức, liên kết hợp tác, trao đổi kinh nghiệm trong lĩnh vực giáo dục từ xa, hiện nay trên thế giới đã hình thành nhiều tổ chức như Hội đồng quốc tế về giáo dục từ xa (Internatinal Council for Distance Education), Hội đồng quốc tế đại học không tường (Universities Whithout Walls International Council), Hiệp hội các trường Đại học Mở châu Á mà Viện đại học Mở Hà Nội là một thành viên.

Các nước đang phát triển muốn rút ngắn khoảng cách trong quá trình đuổi kịp các nước phát triển, tránh nguy cơ bị tụt hậu, đã coi giáo dục - đào tạo là quốc sách hàng đầu và lấy giáo dục từ xa làm phương tiện hữu hiệu để đào tạo và tái đào tạo nguồn nhân lực, thích ứng với yêu cầu của nền sản xuất hiện đại. Các nước nghèo còn tiến hành giáo dục từ xa để khắc phục khó khăn, thiếu thốn về cơ sở vật chất như

(1) Đó là Trường đại học Huế, Trường đại học Sư phạm Hà Nội, Trường đại học Ngoại ngữ Hà Nội, Viện đại học Mở Hà Nội, Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh, Trường đại học Đà Nẵng, Trường đại học Bách khoa Hà Nội, Trường đại học Đà Lạt, Trường đại học Ngoại ngữ thuộc Đại học quốc gia Hà Nội, Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

trường, lớp, trang thiết bị và thiếu hụt về đội ngũ cán bộ, giáo viên...

Giáo dục từ xa Việt Nam đang ở giai đoạn đầu, quy mô nhỏ cần được quan tâm đầu tư thích đáng, song thành tựu đạt được đã khẳng định vị thế mới của nó trong hệ thống giáo dục quốc dân. Chúng tôi cho rằng, để nhanh chóng xây dựng mạng lưới giáo dục từ xa, đất nước cần tập trung vào các việc sau:

Một, xây dựng hành lang pháp lý, cơ chế chính sách cho giáo dục từ xa bao gồm quy chế tổ chức và hoạt động, hệ thống quy chế quản lý, các thông tư liên ngành, các quy định liên quan bảo đảm cho việc phát triển giáo dục từ xa.

Hai, kiện toàn hệ thống mạng lưới giáo dục từ xa từ trung tâm giáo dục từ xa quốc gia, khu vực đến các trung tâm giáo dục từ xa của trường đại học, cao đẳng và địa phương có đủ năng lực thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ về giáo dục từ xa do xã hội yêu cầu.

Ba, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ giáo dục từ xa, tận dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ thông tin hiện đại phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Bốn, xây dựng hệ thống học liệu đa dạng, phong phú có chất lượng, tập trung đầu tư cho các trung tâm dữ liệu, thư viện điện tử.

Năm, đào tạo cán bộ chuyên sâu, cán bộ quản lý thiết kế chương trình, biên soạn học liệu, kiểm tra - đánh giá và các nhân viên kỹ thuật cho hệ thống giáo dục từ xa.

Sáu, đầu tư kinh phí thường xuyên cho giáo dục từ xa đủ hoạt động.

Bảy, đẩy mạnh hợp tác quốc tế về giáo dục từ xa, thu hút nguồn lực quốc tế, nguồn viện trợ ODA cho giáo dục từ xa. Khuyến khích và vận động các tổ chức quốc tế và các nhà đầu tư đóng góp kinh nghiệm, học liệu, đào tạo cán bộ... cho hệ thống giáo dục từ xa nước nhà.

Tám, xây dựng quy trình đào tạo, đánh giá chặt chẽ, nhằm bảo đảm chất lượng, vì chất lượng đào tạo là sự sống còn của giáo dục từ xa. ❑

KIÊN ĐỊNH...

(Tiếp theo trang 32)

mọi tình huống chiến lược của cách mạng trong giai đoạn mới, trước tình thế hiện nay.

Thế kỷ XXI mở đầu thiên niên kỷ thứ III sau Công nguyên của một thế giới đầy biến động, cũng đồng thời mở ra một kỷ nguyên hội nhập, đua tranh gay gắt của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong cộng đồng quốc tế. Trong nước, các thế lực chống đối cùng các tệ nạn vẫn chưa thôi ngáng trở bước tiến của toàn dân, toàn Đảng, trong khi trên thế giới, các thế lực đế quốc vẫn tiếp tục khoác cái luật lệ "mạnh được, yếu thua" lên đời sống loài người. Dù thời cuộc biến đổi xoay vần ra sao, dù đối mặt với xu thế toàn cầu hóa kinh tế phức tạp thế nào, dù đi vào kinh tế tri thức đầy thách thức... thì *hệ giá trị ấy – độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác – Lê–nin và tư tưởng Hồ Chí Minh,* trong những kiến giải và hành xử vẫn là *quốc bảo phù hợp xu thế thời đại, ứng biến với mọi đổi thay của thế giới ngày nay* để dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sẽ tiếp tục làm nên những điều tưởng chừng không thể làm nổi, như đã làm dọc thế kỷ XX; để thế kỷ XXI sẽ là thế kỷ nhân dân ta tiếp tục giành thêm nhiều thắng lợi to lớn hơn nữa trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, đưa đất nước ta sánh vai cùng các nước phát triển trên thế giới.

Đó là quyết tâm, bản lĩnh của dân tộc, là tất yếu, nhu cầu, và nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, trên con đường xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trong thời đại ngày nay. ❑

Digitized by Google

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC DÂN VẬN CỦA QUÂN ĐỘI TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

BÙI VĂN HUẤN *

DƯỚI sự lãnh đạo của Đảng, từ khi ra đời đến nay, Quân đội ta luôn luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của một đội quân chiến đấu và đội quân công tác. Quân đội ta từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà phục vụ, luôn luôn trung thành, gắn bó với nhân dân. Vì thế, công tác dân vận có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quân đội. Ngay từ những ngày đầu thành lập quân đội, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ, công tác dân vận là chức năng, nhiệm vụ chính trị của quân đội cách mạng kiểu mới. Hơn sáu mươi năm qua, thực hiện đường lối của Đảng, quân đội ta đã làm rất tốt công tác này.

Với chức năng là cơ quan tổ chức, thực hiện công tác đảng, công tác chính trị trong Quân đội nhân dân Việt Nam, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, trực tiếp là Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị luôn xác định nhiệm vụ chỉ đạo công tác dân vận là một trong những nội dung quan trọng nhằm không ngừng củng cố, tăng cường mối quan hệ đoàn kết quân dân "như cá với nước" - một nhân tố quan trọng làm cho quân đội ta trưởng thành, vững mạnh, hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân giao phó. Thực tiễn hơn 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của quân đội đã khẳng định: Công tác dân vận của quân đội là một bộ phận quan trọng trong công tác dân vận của Đảng và Nhà nước. Dù ở giai đoạn cách mạng nào, trong chiến tranh khốc liệt cũng như trong xây dựng hòa bình, khó khăn, phức tạp, bất kỳ ở đâu, bất kỳ hoàn cảnh nào, quân đội nhân dân Việt Nam đều làm tốt công tác dân vận; cán bộ, chiến sỹ luôn xác định: nhân dân là cội nguồn của sức mạnh, biết dựa vào dân, đoàn kết gắn bó chặt chẽ với nhân dân để tồn tại, phát triển, chiến đấu và chiến thắng.

Trong giai đoạn mới của cách mạng, do yêu cầu khách quan và thực tế đòi hỏi của nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nâng cao chất lượng tổng hợp của quân đội, nhất là xây dựng về chính trị, công tác dân vận ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng, là điều kiện để quân đội luôn gắn bó với nhân dân. Công tác dân vận không chỉ trực tiếp tham gia củng cố, phát huy bản chất cách mạng của cán bộ, chiến sỹ, mà còn tranh thủ sự giúp đỡ, chăm lo của nhân dân, thực hiện quân dân một ý chí, chống lại âm mưu của kẻ thù nhằm "phi

* Trung tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

Digitized by Google

chính trị hóa" quân đội, chia rẽ quân dân. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị, bảo đảm sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu thắng lợi trong mọi tình huống, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ nhân dân và chủ quyền quốc gia..., quân đội không chỉ coi trọng xây dựng thực lực về vật chất - kỹ thuật, nâng cao trình độ tác chiến và khả năng sẵn sàng chiến đấu, mà còn phải xây dựng lực lượng chính trị quần chúng ngày càng vững mạnh, cùng toàn Đảng, toàn dân xây dựng nền quốc phòng toàn dân, lấy xây dựng "thế trận lòng dân" làm nền tảng. Trong tham gia xử lý các tình huống, vụ, việc phức tạp, quân đội trước hết phải biết dựa vào dân, vận động nhân dân, để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, giữ vững ổn định tình hình chính trị của đất nước.

Nhận thức sâu sắc vai trò, vị trí, tầm quan trọng của công tác dân vận trong giai đoạn mới và xác định rõ vị trí, trách nhiệm của mình, trong những năm qua, Tổng cục Chính trị luôn chủ động, nhạy bén nắm bắt tình hình, quán triệt sâu sắc, triệt để các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về công tác vận động quần chúng, để tập trung chỉ đạo, nghiên cứu, giúp Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, cấp ủy và chỉ huy các cấp trong toàn quân, đề ra nhiều chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện, và triển khai tích cực, cụ thể, chặt chẽ các hoạt động công tác dân vận của quân đội trong tình hình mới. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Bộ Quốc phòng, Tổng cục Chính trị đã ban hành kịp thời nhiều chỉ thị, nghị quyết, hướng dẫn toàn quân về công tác dân vận. Nhờ theo sát tình hình thực tiễn, nên các chỉ thị, văn bản luôn được bổ sung, sửa đổi kịp thời qua các hoạt động tổng kết kinh nghiệm từ cơ sở. Công tác dân vận đã có bước phát triển toàn diện cả bề rộng và chiều sâu, hướng mạnh xuống cơ sở, vùng sâu, vùng xa, với nhiều nội dung, hình thức, biện pháp phong phú, đa dạng, có hiệu quả. Công tác tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước; xây dựng, củng cố, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở xã, phường; tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, xóa đói, giảm nghèo; phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, được thực hiện tốt. Các cuộc vận động, các phong trào quần chúng hành động cách mạng ở cơ sở, góp phần củng cố thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân, nâng cao cảnh giác cách mạng, đấu tranh làm thất bại âm mưu, thủ đoạn chống phá của kẻ thù...

Kết quả nổi bật trong công tác dân vận của quân đội vừa qua là:

1 – Góp phần quan trọng vào việc tham gia xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở, giữ vững sự ổn định về chính trị, củng cố quốc phòng – an ninh

Quân đội đã thực hiện các hình thức công tác dân vận như: kết nghĩa, huấn luyện dã ngoại, làm dân vận, tổ chức các tổ, đội công tác, cử sỹ quan tăng cường cho xã, phường. Đến nay 100% các đơn vị cấp cơ sở đã tổ chức kết nghĩa với địa phương, với trên 10.000 tổ chức cơ sở; tổ chức gần 12.000 lượt từ cấp đại đội đến cấp trung, lữ đoàn hành quân dã ngoại làm công tác dân vận ở các địa bàn vùng sâu, vùng xa; tổ chức trên 11.000 lượt tổ, đội tham gia xây dựng cơ sở trên phạm vi toàn quốc (trong đó có nhiệm vụ xây dựng cơ sở chính trị ở các địa bàn trọng điểm, phức tạp); cử trên 4.000 sỹ quan tăng cường cho xã, phường; tham gia xây dựng, củng cố trên 10.000 lượt xã, phường, trong đó có 2.400 lượt xã, phường vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc và 1.240 lượt cơ sở vùng tôn giáo; tham gia củng cố 36.000 lượt các tổ chức chính trị - xã hội; tham mưu và phối hợp với một số địa phương giải quyết nhiều vụ việc phức tạp phát sinh; tham gia tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng,

Digitized by Google

chính sách, pháp luật của Nhà nước cho trên 25 triệu lượt người; tổ chức hàng ngàn buổi giao lưu văn hóa - thể thao giữa các đơn vị với địa phương... Qua những hoạt động dân vận này, cán bộ, chiến sỹ đã nhận lại sự giúp đỡ tận tình về nhiều mặt từ nhân dân để ngày một tiến bộ, trưởng thành.

2 – Tích cực tham gia lao động sản xuất góp phần phát triển kinh tế, văn hóa – xã hội; xóa đói, giảm nghèo; phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai; định canh, định cư ổn định đời sống nhân dân; thực hiện tốt việc kết hợp kinh tế với quốc phòng ở các địa bàn chiến lược vùng sâu, vùng xa

Các đơn vị trong toàn quân đã triển khai nhiều nội dung công tác giúp địa phương phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, gắn với củng cố quốc phòng - an ninh như: khai hoang, phục hóa, quai đê lấn biển, rà phá bom mìn, vật cản, khử chất độc hóa học cho hàng vạn héc-ta đất canh tác, trồng hàng vạn héc-ta rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc theo Chương trình 327. Nhiều đơn vị tham gia xây dựng những công trình thủy lợi, đường giao thông, thủy điện, trường học, bệnh xá có hiệu quả. Hàng chục ngàn hộ đồng bào dân tộc được giúp đỡ định cư, chuyển đổi vật nuôi cây trồng, khoanh nuôi bảo vệ rừng, xóa bỏ cây thuốc phiện, khai hoang phục hóa đất bỏ hoang và có đời sống ngày càng khá giả; hơn 100.000 hộ thoát khỏi tình trạng đói nghèo. Thời gian qua, quân đội đã tham gia mở gần 4.000 lớp học xóa mù chữ, giúp giáo dục phổ cập tiểu học cho trên 80.000 lượt người; xây dựng trên 2.000 phòng học, xây mới và sửa chữa trên 2.800 ngôi nhà tình nghĩa, xây dựng, tu sửa, nâng cấp trên 650 bệnh xá quân dân y; khám chữa bệnh, cấp thuốc miễn phí cho hàng triệu lượt người; phối hợp mở 50 lớp học đào tạo 2.000 cán bộ nguồn của địa phương; tặng gần 18.000 sổ tiết kiệm (trị giá gần 50 tỉ đồng) cho các đối tượng chính sách, phụng dưỡng 1.375 Mẹ Việt Nam anh hùng; thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách nhân các dịp lễ, tết trị giá trên 60 tỉ đồng... Cán bộ, chiến sỹ không quản ngại gian khổ, hiểm nguy kịp thời đến với nhân dân những lúc gặp thiên tai để cứu hộ, cứu nạn, giảm thiểu đến mức thấp nhất thiệt hại về tính mạng, tài sản của Nhà nước và nhân dân; với hàng triệu lượt cán bộ, chiến sỹ, dân quân tự vệ, cùng nhiều phương tiện, phát động quyên góp hàng chục tỉ đồng để giúp đỡ đồng bào ổn định cuộc sống. Trong cơn bão số 7, số 8 của năm 2005, cán bộ, chiến sỹ đã nêu tấm gương sáng sẵn sàng vượt mọi khó khăn, nguy hiểm bảo vệ dân, thể hiện hình ảnh cao đẹp của "Anh bộ đội Cụ Hồ" trong giai đoạn mới.

3 – Phát triển ngày càng sâu rộng cơ chế phối hợp hoạt động công tác dân vận giữa các cơ quan, đơn vị trong và ngoài quân đội

Dưới sự lãnh đạo chặt chẽ của cấp ủy, chỉ huy đơn vị và sự chỉ đạo, điều hành thống nhất của cấp ủy, chính quyền địa phương trên từng địa bàn, việc phối hợp hoạt động này đã ngày càng chặt chẽ và từng bước đi vào nền nếp; phát huy được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị tiến hành công tác dân vận, đem lại hiệu quả ngày càng rõ nét. Cơ quan quân sự địa phương các cấp phát huy tốt vai trò làm tham mưu cho cấp ủy, chính quyền và làm trung tâm phối hợp hiệp đồng các lực lượng tiến hành công tác dân vận ở các địa bàn. Nhiều mô hình Ban chỉ đạo công tác dân vận liên ngành được hình thành, triển khai ở các địa phương như: Ban chỉ đạo xây dựng địa bàn, cụm địa bàn an toàn, làm chủ, sẵn sàng chiến đấu ở các tỉnh thuộc Quân khu IV; Ban chỉ huy thống nhất các lực lượng làm công tác vận động quần chúng ở các tỉnh thuộc Quân khu V; Ban chỉ đạo liên ngành công tác vận động quần chúng các tỉnh thuộc Quân khu VII và một số tỉnh thuộc Quân khu III... Việc phối hợp thực hiện Nghị quyết liên tịch và chương trình hoạt động giữa quân đội với các tổ chức chính trị -

Digitized by Google

xã hội từ trung ương đến cơ sở được duy trì thường xuyên và bằng những việc làm cụ thể, thiết thực như: phối hợp giữa quân đội với Hội Nông dân chỉ đạo tham gia xóa đói, giảm nghèo, giúp bà con dân tộc các xã: Đắc Pne (tỉnh Kon Tum); xã Tú Nang (tỉnh Sơn La); hỗ trợ kinh phí tham gia xóa đói, giảm nghèo ở các tỉnh Sơn La, Cao Bằng; phối hợp giữa quân đội với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam chi viện giúp đỡ bộ đội Trường Sa, cụm đảo Đông Bắc... Năm 2002 - 2003, được sự phối hợp của Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Dân tộc, Ban Tôn giáo Chính phủ, Bộ Công an, Tổng cục Chính trị đã mở lớp tập huấn kiến thức về dân tộc, tôn giáo, công tác dân vận cho hàng trăm cán bộ trong toàn quân. Trong các hoạt động phối hợp với các cơ quan và địa phương để làm công tác dân vận, quân đội luôn luôn phát huy cao độ nhiệt tình, trách nhiệm và tính tiên phong gương mẫu để hoàn thành tốt nhiệm vụ, cũng như khiêm tốn, lắng nghe, học tập kinh nghiệm để ngày một nâng cao trình độ về mọi mặt.

*
* *

Công tác dân vận của quân đội trong thời gian qua đã góp phần thực hiện ngày càng tốt hơn 3 chức năng: chiến đấu, công tác, lao động sản xuất của quân đội, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", củng cố phát triển mối quan hệ gắn bó "máu thịt" quân dân trong tình hình mới. Càng trong thử thách gay go, trong thiên tai, địch họa, dịch bệnh... cán bộ, chiến sỹ càng tỏ rõ phẩm chất cao đẹp "tận trung với nước, tận hiếu với dân" xứng đáng với sự chăm lo xây dựng, giáo dục, nuôi dưỡng của Đảng, Nhà nước và nhân dân. Công tác dân vận đã góp phần quan trọng rèn luyện ý thức tổ chức kỷ luật, nâng cao phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị; góp phần xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện; nâng cao chất lượng tổng hợp, sức mạnh chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu của quân đội.

Từ thực tiễn quân đội làm công tác dân vận trong thời gian qua, có thể rút ra mấy bài học kinh nghiệm nhằm tiếp tục làm tốt hơn nữa trong thời gian tới là:

Một là, tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, phát huy bản chất, truyền thống "Bộ đội Cụ Hồ", nâng cao nhận thức, trách nhiệm và phát huy tính năng động, sáng tạo, tinh thần khắc phục khó khăn của mọi cấp, mọi ngành, của cán bộ, chiến sỹ làm tốt công tác dân vận, nhất là trên địa bàn trọng điểm, miền núi, biển đảo, vùng đồng bào dân tộc, tôn giáo, vùng sâu, vùng xa...

Hai là, tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, hướng công tác dân vận vào nhiệm vụ trọng tâm là góp phần xây dựng cơ sở địa phương vững mạnh toàn diện, thực hiện thắng lợi các mục tiêu công tác dân vận, trong thời kỳ mới.

Ba là, phát triển, đa dạng hóa các nội dung, hình thức, biện pháp công tác dân vận; phối kết hợp chặt chẽ thực hiện các chương trình hoạt động giữa quân đội với các ban, ngành, đoàn thể quần chúng của địa phương nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, tiến hành có hiệu quả công tác dân vận ở cơ sở.

Bốn là, chỉ đạo chặt chẽ việc gắn nội dung công tác dân vận với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, xây dựng tổ chức quần chúng vững mạnh; giáo dục, quản lý bộ đội giữ nghiêm kỷ luật quan hệ quân dân; không ngừng củng cố, tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt với nhân dân.

Năm là, phát huy vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành công tác dân vận của cấp ủy, chỉ huy đơn vị; tích cực bồi dưỡng về phẩm chất, trình độ năng lực nghiệp vụ công tác dân vận cho cán bộ, chiến sỹ; củng cố và nâng cao chất lượng tham mưu, chỉ đạo giúp cấp ủy, chỉ huy của cơ quan, cán bộ nghiệp vụ dân vận các cấp. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT Ở NƯỚC TA - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

PHẠM THẮNG

Kể từ Đại hội VI của Đảng đến nay, vai trò và hiệu quả kinh tế của việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất đã được Đảng ta xác định rõ trong các văn kiện quan trọng về đường lối phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Đây cũng là những định hướng quan trọng của Đảng và Nhà nước nhằm thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tại Đại hội X, Đảng ta tiếp tục khẳng định: "Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm và công nghiệp bổ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm xuất khẩu và thu hút nhiều lao động; phát triển một số khu kinh tế mở và đặc khu kinh tế, nâng cao hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất"(1)

Dưới sự chỉ đạo của Đảng và Nhà nước, công tác thể chế hóa chủ trương, ban hành và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến khu công nghiệp, khu chế xuất đã được thực hiện nghiêm túc, tạo khung pháp lý cho tổ chức thực hiện phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất. Chính phủ đã hình thành một hệ thống Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất cấp tỉnh nhằm giúp Chính phủ quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất. Các bộ, ngành ủy quyền cho Ban Quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất cấp tỉnh thực hiện các nhiệm vụ về quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp, khu chế xuất.

Tuy thời gian phát triển chưa lâu, song các khu công nghiệp, khu chế xuất đã đem lại những kết quả rất đáng khích lệ. Điều đó được thể hiện:

1 - Doanh thu và giá trị kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp tăng nhanh và đều qua các năm. Năm 2002, doanh thu của các doanh nghiệp này đạt 4,1 tỉ USD, chiếm 21% giá trị sản lượng công nghiệp của cả nước, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt gần 2,4 tỉ USD, chiếm 14% kim ngạch xuất khẩu của cả nước. Năm 2003, doanh thu đã tăng lên gần 7,3 tỉ USD, gấp 1,78 lần so với năm 2002. Đến năm 2005, con số này đã tăng lên 14 tỉ USD, gấp gần 2 lần so với năm 2003, trong đó kim ngạch xuất khẩu đạt khoảng 6 tỉ USD.

2 - Cùng với doanh thu và kim ngạch xuất khẩu tăng trưởng mạnh mẽ, đóng góp của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất vào ngân sách nhà nước cũng ngày một tăng. Năm 2002, các doanh nghiệp này đã nộp ngân sách 140 triệu USD; năm 2003

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 91

Digitized by Google

nộp 421 triệu USD; năm 2005 nộp trên 650 triệu USD, cao gấp 4,6 lần năm 2002.

3 - Giá trị sản xuất công nghiệp và xuất khẩu của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất tăng trưởng mạnh đã góp phần chuyển dịch cơ cấu ngành của nền kinh tế theo hướng tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp trong GDP, từ 23,79% năm 1991 lên 41,03% năm 2005; trong khi đó, tỷ trọng ngành nông - lâm - ngư nghiệp giảm tương ứng từ 40,49% năm 1991 xuống còn 20,89% năm 2005.

4 - Với tốc độ tăng trưởng mạnh mẽ như vậy, các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất đã tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động. Đến nay, các doanh nghiệp này đã thu hút được khoảng 750 nghìn lao động trực tiếp và hơn 1 triệu lao động gián tiếp. Phần lớn những lao động này là lao động trẻ, có khả năng tiếp thu nhanh chóng kỹ thuật - công nghệ mới. Như vậy, việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất đã góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, ổn định đời sống, xóa đói, giảm nghèo cho một bộ phận đáng kể dân cư.

5 - Thực tiễn 15 năm phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất cho thấy, cùng với luồng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, nhiều kỹ thuật, công nghệ và phương pháp quản lý sản xuất tiên tiến, hiện đại trên thế giới đã được du nhập vào trong nước, góp phần nâng cao năng suất lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất nói riêng và cả nước nói chung. Ngoài ra, với sức lôi kéo và lan tỏa của mình, các khu công nghiệp, khu chế xuất đang tạo ra những vùng nguyên liệu, đô thị vệ tinh để phục vụ các hoạt động của các doanh nghiệp, góp phần quan trọng vào việc công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn ở nước ta.

Có thể thấy, sau 15 năm xây dựng và phát triển, đến nay nước ta đã có một hệ thống khu công nghiệp, khu chế xuất khá phong phú, phân bố ở hầu hết các vùng trong cả nước với nhiều hình thức khác nhau (khu chế xuất, khu công nghiệp, cụm công nghiệp...). Các khu công nghiệp, khu chế xuất đã bước đầu thể hiện được vai trò không thể thay thế của mình trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; là địa chỉ hấp dẫn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước; sản xuất một lượng lớn hàng hóa công nghiệp phục vụ nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Đồng thời, giải quyết công ăn việc làm cho một bộ phận không nhỏ những người lao động ở khắp mọi nơi trên cả nước; tạo động lực cho quá trình tiếp thu công nghệ tiên tiến; làm hình thành một hệ thống đô thị mới ở nông thôn, góp phần công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn.

*
* *

Tuy vậy, sau nhiều năm phát triển, bên cạnh những ưu thế, những thành tựu nổi bật, các khu công nghiệp, khu chế xuất cũng đã bộc lộ một số khiếm khuyết, đặt ra nhiều vấn đề bức xúc cần tiếp tục được nghiên cứu, giải quyết trong thời gian tới. Cụ thể là:

Thứ nhất, công tác quy hoạch phát triển còn thiếu đồng bộ.

Thời gian qua, số lượng các khu công nghiệp, khu chế xuất được thành lập tăng lên nhanh chóng; điều đó phản ánh phần nào tiềm năng của các vùng trong việc phát triển sản xuất công nghiệp. Đối chiếu với mục tiêu lâu dài của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thì số lượng các khu công nghiệp, khu chế xuất theo quy hoạch hiện nay chưa phải là nhiều. Nhưng điều đáng quan tâm là ở chỗ, việc phân bổ các khu công nghiệp, khu chế xuất giữa các vùng còn bất hợp lý. Chẳng hạn, thành lập quá nhiều khu công nghiệp, khu chế xuất ở cùng một vùng, trong khi khả năng thu hút đầu tư hạn chế hoặc không phát huy được hiệu quả của vốn đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật và xã hội cho các khu công nghiệp. Điều này vô hình trung hình thành nên các khu công nghiệp, khu chế xuất có chức năng tương tự ở các địa phương, dẫn tới tình trạng cạnh tranh gay gắt, tự phát, chạy đua theo "phong trào", thu hút đầu tư không phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của vùng và phát triển các khu công nghiệp, khu

Digitized by Google

chế xuất của cả nước. Tình trạng này làm cho hiệu quả sử dụng vốn đầu tư thấp, không khai thác được những lợi thế riêng có của các địa phương trong việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất. Hơn nữa, giữa công tác quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch chưa gắn với nhau. Nhiều quy hoạch được duyệt, thậm chí đã đi vào xây dựng kết cấu hạ tầng vẫn bị địa phương thay đổi quy hoạch về diện tích, ranh giới, gây ra sự hoài nghi về tính ổn định của môi trường đầu tư và hiệu lực của các cơ quan quản lý nhà nước.

Trong thời gian tới, để phát huy được những lợi thế riêng có của các địa phương và nâng cao hơn nữa vai trò của các khu công nghiệp, khu chế xuất, chúng ta phải: 1 - Rà soát, điều chỉnh lại các bản quy hoạch phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất trong từng vùng và trong phạm vi cả nước để hình thành một quy hoạch thống nhất. Quy hoạch này phải mang tính tổng thể, căn cứ vào tiềm năng, lợi thế phát triển của từng tỉnh, thành phố và khu vực, tạo được sự liên kết giữa tất cả các hình thức tổ chức sản xuất trong toàn lãnh thổ (khu công nghiệp, khu chế xuất vừa và nhỏ của địa phương, cụm công nghiệp, điểm công nghiệp...); liên kết được sự phát triển giữa các ngành, các vùng lãnh thổ, đồng thời phải tính đến các yếu tố bên ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất cũng như thị trường trong và ngoài nước. 2 - Khi xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất phải tuân thủ các quy hoạch được phê duyệt; tránh tình trạng làm quy hoạch để đối phó, chiếu lệ, còn khi tổ chức xây dựng thì "tùy nghi di tản", không đúng quy hoạch. Quy hoạch chi tiết trên địa bàn nào thì đồng thời triển khai ngay các công trình hạ tầng ở địa bàn đó, đi liền với tạo cơ chế thuận lợi để các doanh nghiệp vào đầu tư, lấp đầy ngay diện tích của địa bàn. Chỉ có như vậy mới nâng cao được hiệu quả các nguồn vốn đầu tư xây dựng hạ tầng, khai thác được lợi thế so sánh của các địa phương và các doanh nghiệp cùng nhóm ngành, sử dụng có hiệu quả các diện tích phục vụ khác ngoài khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thứ hai, tình trạng tự phát trong việc thu hút đầu tư còn diễn ra phổ biến.

Trong thời gian qua, để khuyến khích các thành phần kinh tế trong và ngoài nước đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cấp, các ngành đã không ngừng nghiên cứu, hoàn thiện các chính sách ưu đãi, thủ tục đầu tư thuận tiện, đơn giản hơn so với bên ngoài. Tuy nhiên, hiện tại đang nổi nên một thực tế là các địa phương ra sức ganh đua, cạnh tranh để thu hút các nguồn vốn đầu tư về khu công nghiệp, khu chế xuất ở địa phương mình. Nhiều địa phương đã ban hành những ưu đãi riêng, có tính chất "xé rào" nhằm thu hút đầu tư, chấp nhận dùng ngân sách địa phương để bù lỗ. Điều này làm ảnh hưởng tới ngân sách nhà nước. Thậm chí, ở một số địa phương còn xảy ra tình trạng chèn lấn, "ngáng chân" nhau trong việc thu hút đầu tư, làm giảm hiệu quả của các khu công nghiệp, khu chế xuất, không tận dụng được lợi thế của địa phương và các doanh nghiệp.

Trong thời gian tới, vấn đề này cần được xem xét một cách nghiêm túc. Nhà nước có chính sách cân đối các dự án đầu tư giữa các địa phương, vùng, miền. Đồng thời, tập trung ưu đãi, đầu tư lớn cho các địa phương, vùng, miền trọng tâm, trọng điểm về dân cư, địa lý hành chính, tiềm lực nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ, về điều kiện tài nguyên - môi trường, giao thông - vận tải, kể cả về an ninh - quốc phòng... Đặc biệt, cần có sự ưu đãi đối với các địa phương, vùng, miền tuy có sự hạn chế về nguồn vốn nhưng có tiềm lực lớn về nguồn nhân lực, đất đai, có điều kiện thuận lợi trong phát triển nông - lâm - ngư nghiệp. Bởi vì, đầu tư phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở những nơi này sẽ tạo nên một nền công nghiệp hỗn hợp và quan trọng hơn, góp phần to lớn vào việc công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn và xóa đói, giảm nghèo. *Tóm lại*, để khắc phục tình trạng tự phát trong việc thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất, chúng ta cần dựa trên nguyên tắc: vừa đầu tư theo kế hoạch thống nhất của

Digitized by Google

Nhà nước, vừa phát huy tính chủ động, sáng tạo của các địa phương trong việc huy động các nguồn vốn tại chỗ; vừa đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, dàn đều, vừa đầu tư theo quy mô rộng lớn nhằm tạo sự phát triển mạnh mẽ, đồng bộ về kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng trên phạm vi cả nước.

Thứ ba, cơ cấu đầu tư còn nhiều bất cập.

Trong những năm gần đây, xu hướng đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất của các doanh nghiệp trong và ngoài nước đang ngày càng tăng. Tuy nhiên, cơ cấu đầu tư còn nhiều bất cập. Hầu hết các dự án hoạt động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất đều là các dự án công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, tiêu dùng như dệt, sợi, may mặc, da giày... Còn các dự án đầu tư vào những ngành công nghiệp nặng hay những ngành đòi hỏi công nghệ tiên tiến, hiện đại như điện, điện tử, vật liệu mới còn quá ít. Đây là vấn đề rất đáng quan tâm, bởi vì nếu không thu hút và phát triển được những ngành đòi hỏi công nghệ cao thì nước ta khó tránh khỏi tụt hậu và vẫn là thị trường gia công cho nước ngoài. Hơn nữa, cơ cấu nguồn vốn đầu tư cũng đang nổi lên nhiều vấn đề đáng chú ý, đó là: 1 - Trong những năm đầu phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, nguồn vốn đầu tư vào chủ yếu là nguồn vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài, nhưng trong những năm gần đây, nguồn vốn này đang có xu hướng giảm sút. Quy mô bình quân của một dự án có chiều hướng năm sau thấp hơn năm trước. Thực tế này cho thấy, các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta vẫn chưa đủ sức hấp dẫn những nhà đầu tư từ các công ty lớn, xuyên quốc gia, nắm những công nghệ gốc, sản xuất những sản phẩm có hàm lượng chất xám cao. 2 - Mặc dù có trên 40 quốc gia và vùng lãnh thổ có vốn đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất ở Việt Nam, nhưng phần lớn là từ các nước châu Á (chiếm gần 80%), còn những quốc gia châu Âu, Bắc Mỹ - những nước có kỹ thuật cao, công nghệ hiện đại, hiện có vị trí khá khiêm tốn trong cơ cấu đầu tư vào khu vực này.

Thực trạng trên cho thấy, chúng ta cần có sự điều chỉnh cơ cấu đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất một cách thích hợp để không chỉ đem lại sự tăng trưởng kinh tế trước mắt mà còn cả về lâu dài, không chỉ đem lại sự tăng trưởng kinh tế nhanh, mà còn cả sự tăng trưởng ổn định, bền vững, chắc chắn. Muốn vậy, ngoài việc nhanh chóng đưa các khu công nghiệp, khu chế xuất về công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, tiêu dùng vào hoạt động ổn định, đạt hiệu quả cao, cần thành lập thêm những khu công nghiệp, khu chế xuất về công nghiệp nặng. Ở đây, điều cần lưu ý là, có thể chuyển mục đích sử dụng, hoặc xen kẽ mục đích sử dụng giữa hai khu vực này. Cụ thể, chuyển hoàn toàn hoặc chuyển một phần các khu công nghiệp, khu chế xuất về công nghiệp nhẹ, công nghiệp thực phẩm, tiêu dùng làm ăn kém hiệu quả thành khu công nghiệp, khu chế xuất về công nghiệp nặng. Việc thành lập các khu công nghiệp, khu chế xuất về công nghiệp nặng cần dựa trên nguyên tắc trọng tâm, trọng điểm chứ không nhất thiết phải căn cứ vào sự đồng đều giữa các vùng, miền, và điều quan trọng nữa là cần có sự đầu tư lớn, thích đáng, dứt điểm. Bên cạnh đó, cần có sự ưu tiên, ưu đãi, tạo điều kiện hết sức thuận lợi đối với các nhà đầu tư trong nước và đặc biệt là nước ngoài tại khu vực này.

Thứ tư, còn thiếu lao động có trình độ cao.

Hiện nay, đang tồn tại một nghịch lý trong việc cung cấp lao động cho các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển một lực lượng lớn lao động có kỹ thuật, tay nghề cao, có kỷ luật lao động tốt, thế nhưng đa số lực lượng lao động ở các địa phương không đáp ứng được những yêu cầu này. Theo số liệu điều tra, hầu hết lực lượng lao động ở các địa phương có khu công nghiệp, khu chế xuất chưa đáp ứng được trình độ chuyên môn, không quen với môi trường lao động công nghiệp, chưa đáp ứng được những yêu cầu của công nghệ quản lý, sản xuất hiện đại của các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất. Số lao động có

Digitized by Google

trình độ đại học và trên đại học trong các khu công nghiệp, khu chế xuất chỉ chiếm 4,5% tổng số lao động, công nhân kỹ thuật đã qua đào tạo chiếm 31%, lao động giản đơn chiếm tới 60%. Chính vì vậy, tỷ lệ thất nghiệp của các địa phương có khu công nghiệp, khu chế xuất vẫn ở mức cao, trong khi các doanh nghiệp lại thiếu lao động.

Trong thời gian tới, chúng ta cần có chính sách phát triển nguồn nhân lực cho các khu công nghiệp, khu chế xuất như sau: 1 - Trước mắt, các địa phương và Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất chủ động, nhanh chóng kết hợp với các bộ, ngành có liên quan để mở các trung tâm đào tạo nghề nhằm trực tiếp đào tạo công nhân kỹ thuật cho các doanh nghiệp tại các khu vực này. Về phía các doanh nghiệp, chủ động tiếp cận các cơ sở đào tạo nghề để kết hợp mở các khóa đào tạo nghề cho người lao động trong doanh nghiệp. 2 - Về lâu về dài, các cơ quan quản lý nhà nước cần quy hoạch sắp xếp lại các cơ sở dạy nghề, có cơ chế bồi dưỡng, đào tạo theo nhiều hình thức, phù hợp với nhiều loại đối tượng học nghề để đáp ứng yêu cầu nguồn lao động cho các khu công nghiệp, khu chế xuất. Mặt khác, Nhà nước có kế hoạch hỗ trợ nâng cấp trang thiết bị học tập tại các trung tâm đào tạo nghề gắn với địa bàn các khu công nghiệp, khu chế xuất; đổi mới chương trình giảng dạy và phát triển đội ngũ giảng viên dạy nghề; mở rộng nhiều hình thức dạy nghề theo đơn đặt hàng của các doanh nghiệp. Đồng thời, cũng phải tính đến việc sử dụng nguồn nhân lực có trình độ cao sao cho có hiệu quả như các nhà khoa học, quản lý, các du học sinh đang được đào tạo ở nước ngoài.

Thứ năm, quản lý và sử dụng đất còn nhiều hạn chế.

Trong các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta hiện nay, việc phát triển hạ tầng kỹ thuật vẫn được tiến hành theo hình thức Nhà nước giao đất cho doanh nghiệp phát triển hạ tầng thuê đất để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, hoặc thuê lại đất đã phát triển hạ tầng. Doanh nghiệp muốn đầu tư vào khu công nghiệp, khu chế xuất thuê lại đất đã xây dựng hạ tầng của doanh nghiệp phát triển hạ tầng. Do đó, giá thuê đất trong khu công nghiệp, khu chế xuất bao gồm giá đất thô cộng với chi phí giải tỏa, chi phí đầu tư phát triển hạ tầng và lợi nhuận của doanh nghiệp. Do không có sự quy định rõ ràng về quyền cho thuê đất thô (của Nhà nước) và quyền cho thuê hạ tầng (của doanh nghiệp phát triển hạ tầng) nên đã dẫn đến hiện tượng một số doanh nghiệp hạ tầng đầu cơ đất. Điều này làm cho Nhà nước không chi phối được giá cho thuê đất, và khi Nhà nước có chính sách thu hút bằng việc miễn, giảm tiền thuê đất thì khó có thể can thiệp một cách trực tiếp và cụ thể. Một vấn đề nữa đáng quan tâm là, việc đền bù giải phóng mặt bằng ở các khu công nghiệp, khu chế xuất trong thời gian qua còn nhiều bất cập, hạn chế. Tình trạng này đã làm tốn nhiều thời gian, tiền bạc của nhiều dự án. Không ít dự án phải mất 2 - 3 năm mới đền bù, giải tỏa xong. Điều này đã đẩy chi phí xây dựng tăng lên, dẫn đến giá cho thuê đất tăng cao, làm giảm tính hấp dẫn của khu công nghiệp, khu chế xuất.

Để quản lý và sử dụng đất trong các khu công nghiệp, khu chế xuất có hiệu quả, cần tách bạch giữa việc cho thuê đất (quyền của Nhà nước) và phí sử dụng hạ tầng (quyền của doanh nghiệp phát triển hạ tầng). Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng cần có một chế tài pháp lý thích hợp và có sự chỉ đạo, phối hợp chặt chẽ giữa các chính quyền địa phương với các doanh nghiệp phát triển hạ tầng. Luật Đất đai (năm 2003) quy định việc phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng đất cho chính quyền địa phương, trong đó có thẩm quyền thu hồi đất. Bởi vậy, để việc sử dụng đất đúng mục đích, nhanh chóng, thuận lợi, nhất là đối với các khu công nghiệp, khu chế xuất, các cấp ủy và chính quyền địa phương cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ công tác giải tỏa đền bù khi thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật. Đặc biệt, cần tuân thủ nghiêm chỉnh nguyên tắc định giá đất tại Điều 56 của Luật Đất đai

Digitized by Google

khi thu hồi đất để cấp cho các dự án khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thứ sáu, xuất hiện nhiều vấn đề xã hội bức xúc xung quanh các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thực tế thời gian qua cho thấy, việc phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất không hài hòa với phát triển các công trình xã hội (nhà ở, các công trình giáo dục, y tế... phục vụ đời sống người lao động và gia đình họ làm việc trong khu công nghiệp, khu chế xuất). Nhà ở cho người lao động ở các khu công nghiệp, khu chế xuất đang là vấn đề gay gắt trong những năm gần đây. Nguyên nhân chủ yếu là công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất phần lớn là dân nhập cư từ các tỉnh khác, chưa có nhà ở hoặc không đủ tiền mua nhà ở. Để giải quyết tình trạng thiếu nhà ở cho người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, thiết nghĩ: 1 - Nhà nước cần trực tiếp hoặc kết hợp với các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp đầu tư xây dựng nhà ở để bán trả góp hoặc cho công nhân thuê. 2 - Trong khi quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất phải gắn với quy hoạch nhà ở cho người lao động nói chung và người lao động từ các tỉnh khác đến làm việc nói riêng. Khi xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, dứt khoát phải dành quỹ đất để xây dựng nhà ở cho các đối tượng người lao động. 3 - Có chính sách ưu đãi thích hợp đối với những doanh nghiệp tự bỏ vốn xây dựng nhà ở cho người lao động của mình theo quy hoạch.

Vấn đề môi trường trong và xung quanh các khu công nghiệp, khu chế xuất cũng đang đặt ra và cần được giải quyết. Khu công nghiệp, khu chế xuất là nơi tập trung số lượng lớn các nhà máy công nghiệp. Tại đây, nếu chất thải công nghiệp không được xử lý tốt sẽ làm cho môi trường bị ô nhiễm trên diện rộng, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sống cũng như sức khỏe của người lao động và nhân dân trong vùng. Thế nhưng, do sự phát triển không đồng bộ và chưa quan tâm đúng mức nên ở hầu hết các khu công nghiệp, khu chế xuất, việc gây ô nhiễm môi trường đang trong tình trạng báo động đỏ, đe dọa sự phát triển bền vững trong thời gian tới. Để khắc phục tình trạng này, thiết nghĩ, các cơ quan chức năng cần: 1 - Tăng cường đầu tư xử lý chất thải chung cho các cụm, khu công nghiệp, nhất là các khu công nghiệp vừa và nhỏ. 2 - Buộc các doanh nghiệp phải lắp đặt thiết bị xử lý chất thải và thực hiện chủ trương "ai gây ô nhiễm, người đó phải chi trả".

Một vấn đề nổi lên ở các khu công nghiệp, khu chế xuất trong thời gian gần đây là tình trạng công nhân tổ chức đình công đòi giới chủ tăng lương và tăng thêm tiền phụ cấp độc hại. Những cuộc đình công này không chỉ diễn ra ở các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài mà còn lan ra cả một số doanh nghiệp trong nước. Theo nhiều chuyên gia kinh tế, nguyên nhân của hiện tượng này là do có nhiều tiêu cực trong việc thực hiện chế độ trả lương, đối xử không công bằng và thô bạo với người lao động. Hơn nữa, áp lực công việc quá lớn, chế độ nghỉ, phụ cấp, lương thưởng rất ít đã làm cho người lao động không chịu đựng nổi, đành phải đình công. Bên cạnh đó, nhiều công ty nhận lao động theo kiểu luân phiên, hoặc thử việc vài tháng rồi thải ra, tuyển lao động khác, tìm cách chấm dứt hợp đồng nhằm thu lợi từ nguồn trợ cấp, bảo hiểm xã hội cho người lao động... Để bảo đảm quyền lợi của người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, theo chúng tôi, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam cần tìm cách đẩy mạnh vai trò của các tổ chức công đoàn trong các khu công nghiệp, khu chế xuất để bảo đảm quyền lợi của người lao động như đóng bảo hiểm xã hội đúng và đầy đủ cho người lao động; cùng với giới chủ xây dựng chế độ điều chỉnh tiền lương cho người lao động sao cho tương ứng với nhịp độ tăng thu nhập và giá cả sinh hoạt. Mặt khác, có chính sách phù hợp đối với các cán bộ công đoàn để họ không phải là người làm công, làm thuê, mà thực sự là người đại diện cho quyền lợi của công nhân. ❑

Digitized by Google

NHỮNG GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA TỈNH CÀ MAU ĐẾN NĂM 2010

NGUYỄN QUỐC VIỆT *

GIAI đoạn 2001 - 2005, Cà Mau đã vượt qua nhiều khó khăn thách thức, phát triển kinh tế - xã hội tương đối toàn diện và đạt nhiều kết quả quan trọng. Kinh tế liên tục tăng với tốc độ khá cao, nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư và đưa vào sử dụng có hiệu quả; đời sống vật chất, văn hóa, tinh thần của nhân dân được cải thiện; an ninh chính trị ổn định, trật tự an toàn xã hội được bảo đảm. Hệ thống chính trị được kiện toàn và hoạt động có hiệu quả. Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm 11,24%; GDP bình quân đầu người năm 2005 đạt 582USD. Cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, xây dựng và dịch vụ. Tổng đầu tư toàn xã hội trong 5 năm đạt khoảng 12.000 tỉ đồng, chiếm 24% GDP, tăng 14%/năm. Thu ngân sách tăng 22,4%/năm. Kim ngạch xuất khẩu đạt 520 triệu USD vào cuối năm 2005.

Tuy kinh tế tăng trưởng chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của tỉnh; kết cấu hạ tầng còn yếu kém ảnh hưởng đến phát triển sản xuất, *nhưng phải khẳng định rằng: thành tựu đạt được 5 năm qua là rất quan trọng và khá toàn diện, tạo ra thuận lợi mới cho bước phát triển tiếp theo.*

Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ VIII xác định đến năm 2010, phấn đấu duy trì tốc độ phát triển kinh tế cao, tăng trưởng kinh tế bền vững, gắn với phát triển văn hóa, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, giải quyết tốt các vấn đề xã hội và bảo vệ tài nguyên môi trường, trong đó phải xây dựng, điều chỉnh quy hoạch phát triển kinh tế của từng vùng, từng địa phương, từng ngành sát hợp với tình hình thực tế; "Đưa Cà Mau sớm thoát khỏi tỉnh nghèo, đạt mức bình quân chung của cả nước". Để thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu đó cần có một số nhóm giải pháp:

1- Giữ vững tốc độ tăng trưởng cao và phát triển bền vững

Giai đoạn 2006 - 2010, tốc độ tăng GDP phải đạt mức bình quân khá cao, hằng năm từ 12% đến 12,5 %. Đây là vấn đề có ý nghĩa rất quan trọng, là nền tảng vững chắc cho những giai đoạn tiếp theo. Chỉ số phát triển còn là chỉ tiêu tổng hợp, là thước đo đánh giá về nhân lực, trí tuệ, hiệu quả khai thác tiềm năng... để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Do đó, chính quyền các cấp trong tỉnh phải tạo điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp phát triển,

* Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

Digitized by Google

hướng dẫn và hỗ trợ cho mọi thành phần kinh tế phấn khởi, yên tâm đầu tư vào sản xuất, kinh doanh. Trong tình hình hiện nay, phải nhận thức rằng, các doanh nhân làm ăn có hiệu quả, chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, họ là những người tiên phong trong phát triển kinh tế - xã hội. Chính các doanh nghiệp này hằng năm đóng góp rất lớn cho ngân sách tỉnh và giải quyết được việc làm cho nhiều người lao động.

Tích cực mở rộng thị trường, tăng hàm lượng giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cho các sản phẩm xuất khẩu. Chỉ tiêu xuất khẩu 1 tỉ USD vào năm 2010 là chỉ tiêu rất lớn, đòi hỏi các cấp, các ngành, các đơn vị sản xuất kinh doanh và nhân dân trong tỉnh phải đặc biệt quan tâm chỉ đạo từ khâu tổ chức sản xuất nguyên liệu, hệ thống thu mua, chế biến đến tìm kiếm thị trường, tiêu thụ sản phẩm...

Ưu tiên đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực cho tỉnh. Hiện nay, tổng số biên chế hành chính, sự nghiệp trong toàn tỉnh là 20.100 người, trong đó có 01 tiến sỹ, 42 thạc sỹ, 91 chuyên khoa cấp I của ngành y tế, 3.965 đại học... (đội ngũ cán bộ khoa học - công nghệ đầu đàn của tỉnh còn quá mỏng). Những dự án lớn, quan trọng, yêu cầu kỹ thuật cao... đều phải nhờ các cơ quan ngoài tỉnh tư vấn, gây tốn kém rất lớn, đồng thời triển khai thực hiện dự án luôn bị động, kéo dài.

Trong giai đoạn từ năm 2006 đến 2010, có kế hoạch đào tạo sau đại học khoảng 200 cán bộ, công chức hành chính - sự nghiệp của tỉnh ở những trường quốc tế mở tại Việt Nam. Ưu tiên tuyển chọn khoảng 20 người đưa đi đào tạo ở nước ngoài. Mạnh dạn dùng tiền ngân sách hỗ trợ sinh viên học sau đại học trong nước và học sinh giỏi đi học ở nước ngoài. Huy động nguồn lực của toàn xã hội, kể cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài bằng nhiều hình thức đầu tư để phát triển số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ trí thức, khoa học cho tỉnh.

Quản lý chặt chẽ các nguồn vốn đầu tư. Triệt để chống thất thoát, lãng phí, đầu tư dàn trải, kém hiệu quả. Rà soát lại các dự án, công trình đã được phê duyệt nhưng triển khai thực hiện chậm, không đúng với quy hoạch, dự án đã được duyệt để có biện pháp chấn chỉnh, đẩy nhanh tiến độ thực hiện. Kiên quyết xử lý các công trình, dự án vi phạm các quy định về tiến độ, nguồn vốn, sai sót về giải pháp kỹ thuật, phát sinh vốn đầu tư. Xây dựng các dự án cụ thể để tranh thủ các nguồn vốn trung ương, vốn ODA và các nguồn vốn khác.

Hoàn thiện các cơ chế, chính sách mời gọi đầu tư, phát triển các thành phần kinh tế để thúc đẩy sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm, tăng tích luỹ từ nội bộ nền kinh tế và tái đầu tư; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; đẩy mạnh hoạt động xúc tiến thương mại và đầu tư; phát triển du lịch và dịch vụ. Vận động mọi tầng lớp nhân dân tiết kiệm trong tiêu dùng để tích lũy vốn đầu tư cho sản xuất, kinh doanh.

2 – Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng kinh tế –xã hội

Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các dự án có tính khả thi, hiệu quả; huy động nguồn lực xã hội trong việc đầu tư vào các dự án phát triển sản xuất, các khu công nghiệp, đặc biệt là khu công nghiệp của địa phương gắn liền với cụm công nghiệp khí - điện - đạm Cà Mau. Ưu tiên lựa chọn các ngành công nghiệp sử dụng nguyên liệu, lực lượng lao động tại chỗ và sản phẩm phù hợp nhu cầu thị trường, có hàm lượng giá trị gia tăng và tính cạnh tranh cao. Đầu tư xây dựng các nhà máy chế biến thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu, ưu tiên phát triển các loại hình doanh nghiệp, dịch vụ trong nông nghiệp.

Sớm quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch các khu đô thị, nơi tập trung dân cư ở vùng nông thôn. Hoàn thành các dự án phát triển đô thị để 5 năm tới tập trung đầu tư nâng cấp thành phố Cà Mau thành đô thị loại 2, thị trấn Năm Căn, thị trấn Sông Đốc đạt đô thị loại 4.

Digitized by Google

Năm đầu nhiệm kỳ, bắt tay ngay vào việc xây dựng giao thông bộ, cải tạo hệ thống giao thông thủy ở các vùng, các địa phương để phục vụ phát triển sản xuất, giao thương hàng hóa, phát triển du lịch và dịch vụ... Tuy nhiên, phải đầu tư có trọng điểm, ưu tiên cho những công trình trọng tâm có thể phát huy hiệu quả sớm và cân đối được nguồn vốn từ ngân sách địa phương với các nguồn đầu tư khác.

Quy hoạch sử dụng đất đai cho các công trình văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục - thể thao từng bước đáp ứng yêu cầu phát huy tốt hiệu quả. Xã hội hóa trên các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao nhằm huy động nhiều nguồn lực xã hội cùng tham gia đầu tư phát triển, Ủy ban nhân dân tỉnh có chủ trương cụ thể nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức và cá nhân đầu tư vào các lĩnh vực này.

3 – Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu sản xuất ngư –nông –lâm nghiệp

Tổ chức khảo sát các đặc điểm địa lý tự nhiên, nguồn lực lao động để tiến hành phân vùng kinh tế, quy hoạch vùng sản xuất tập trung, chuyên canh, chuyên ngành để tạo thuận lợi trong đầu tư, sản xuất và tiêu thụ sản phẩm; chủ động nguồn nguyên liệu, con giống, cây giống. Tăng cường liên kết khu vực, liên kết vùng để tăng hiệu quả sản xuất, hiệu quả tiêu thụ sản phẩm và tiết kiệm nguồn vốn đầu tư, khai thác ưu thế của từng vùng để cùng phát triển.

Đổi mới công tác khuyến ngư, khuyến nông, khuyến lâm, phát triển kinh tế hợp tác, trang trại. Ứng dụng thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất, tăng giá trị sản phẩm trên một đơn vị diện tích; chọn lọc những loại giống cây - con sạch bệnh, năng suất cao cho thật phù hợp với từng vùng sinh thái ngọt, mặn...

Phát triển ngư - nông - lâm nghiệp phải gắn với bảo vệ môi trường, làm cho mọi người nhận thức được rằng: bảo vệ môi trường chính là bảo vệ sự sống của mình, là động lực cho phát triển sản xuất bền vững. Từng bước hoàn thiện hệ thống thủy lợi phục vụ ngăn mặn, giữ ngọt và nuôi trồng thủy sản. Tập trung đầu tư thiết bị, năng lực khai thác của các đội tàu đánh bắt xa bờ nhằm khai thác nguồn lợi thủy sản có giá trị kinh tế cao; phát triển mô hình nuôi tôm sinh thái, duy trì và phát triển nguồn lợi cá đồng; đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi và chăn nuôi theo hướng quy mô tập trung, phòng chống được dịch bệnh, rủi ro ít.

Ưu tiên lựa chọn ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, công nghệ sản xuất sản phẩm sạch, công nghệ xử lý nước thải... Tăng cường mối liên kết giữa doanh nghiệp, nhà nước, nhà khoa học để thực hiện tốt việc ứng dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, chủ động cung ứng vốn, vật tư, giống... để sản xuất có hiệu quả hơn.

Các đề tài, dự án khoa học được nhà nước đặt hàng và giao cho các trung tâm, các trường đại học, viện nghiên cứu, các tổ chức khoa học nghiên cứu, triển khai như: công nghệ khai thác, bảo quản, chế biến nông sản, lâm sản; khai thác, bảo vệ có hiệu quả nguồn tài nguyên và hệ sinh thái rừng ngập nước; công nghệ sinh học phục vụ nuôi trồng, chế biến thủy sản; phát triển thủy sản nước ngọt; nhân giống và nuôi công nghiệp thủy sản nước mặn; bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

4 – Giải pháp về các vấn đề xã hội

Giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện công bằng, tiến bộ xã hội đi đôi với phát triển kinh tế. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chính sách nhằm tạo việc làm, hỗ trợ vốn sản xuất cho các hộ nghèo, hình thành nguồn vốn từ các chương trình quốc gia, các quỹ tín dụng ưu đãi, ngân sách nhà nước và trong nội bộ nhân dân. Hướng dẫn chuyển đổi nghề nghiệp phù hợp, sản xuất theo quy mô hộ gia đình, hợp tác xã; bố trí, sắp xếp ổn định dân cư, thực hiện đề án đào tạo, dạy nghề và giải quyết việc

Digitized by Google

làm, đề án xuất khẩu lao động v.v... để giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo một cách căn cơ.

Đẩy mạnh hơn nữa việc kiện toàn mạng lưới y tế cơ sở cả về đội ngũ y, bác sỹ và cơ sở vật chất. Hoàn thành và đưa vào sử dụng bệnh viện đa khoa, các bệnh viện chuyên khoa đồng thời với việc đào tạo chuyên ngành đối với đội ngũ bác sỹ đủ sức phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh và điều trị theo kỹ thuật cao cho bệnh nhân. Tăng cường giám sát dịch tễ và phòng chống dịch bệnh, xây dựng kế hoạch ứng phó có hiệu quả với các loại dịch bệnh. Tổ chức truyền thông và dựa vào cộng đồng để giảm mức tăng dân số và chăm sóc tốt sức khỏe bà mẹ, trẻ em.

Nâng dần chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý; hoàn thành chương trình kiên cố hóa trường, lớp học; hình thành trường cao đẳng dạy nghề, cao đẳng cộng đồng, hướng đến thành lập trường đại học cộng đồng để giải quyết nhu cầu nhân lực cho tỉnh.

Thực hiện tốt công tác phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội, bảo đảm trật tự an toàn xã hội; phòng, chống cháy nổ trong địa bàn dân cư, vùng rừng U Minh hạ; phát huy tính tự quản của cộng đồng thông qua việc thực hiện quy ước, hương ước của từng ấp, khóm, quy chế tự quản, hoạt động của các tổ an ninh nhân dân.

Tiếp tục thực hiện cuộc vận động "toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" đạt chất lượng cao hơn, xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, giao tiếp ứng xử văn minh, tạo sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư. Hoàn thiện một số chính sách nhằm chăm lo bồi dưỡng các tài năng trẻ trên các lĩnh vực văn học, nghệ thuật, thể thao; tạo điều kiện để anh chị em văn nghệ sĩ sáng tạo nhiều tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao và mang dấu ấn của vùng đất Mũi Cà Mau trong công cuộc đổi mới.

5 – Cải cách hành chính

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, kiện toàn và sắp xếp bộ máy hành chính nhà nước từ tỉnh đến cơ sở theo hướng tinh, gọn, hiệu quả và tiêu chuẩn hóa từng chức danh cán bộ, công chức; phân cấp, phân quyền và tăng cường trách nhiệm cho các ngành, các địa phương trong quản lý nhà nước chuyên ngành, quản lý nguồn vốn đầu tư và điều hành chỉ đạo sản xuất theo quy hoạch.

Tập trung rà soát các thủ tục, quy định nhằm điều chỉnh kịp thời, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi trong đầu tư, giảm phiền hà cho nhân dân. Kiểm tra, đánh giá việc thực hiện quy trình "một cửa" tại các sở, ngành, huyện và thành phố Cà Mau để hoàn thiện quy trình cấp phép đầu tư, nhà đất, đăng ký kinh doanh... theo hướng công khai, minh bạch, nhanh, gọn, chính xác và đơn giản hóa thủ tục hành chính. Tăng cường trách nhiệm của cán bộ, công chức trong thực thi công vụ và phát huy quy chế dân chủ cơ sở; giữ nghiêm kỷ luật, kỷ cương hành chính, kịp thời xử lý những hành vi sách nhiễu, gây phiền cho công dân của cán bộ - công chức.

Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý hành chính nhà nước; đẩy nhanh tiến độ thực hiện và thực hiện có hiệu quả đề án 112, nối mạng thông tin đến các sở, ngành, địa phương; duy trì, cập nhật thông tin và phát triển trang tin điện tử của tỉnh phục vụ sự quản lý, điều hành của tỉnh và cung cấp thông tin cho công dân.

Một số giải pháp chủ yếu trên là nhằm đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà, chăm sóc tốt hơn đời sống nhân dân. Những giải pháp đó có mối quan hệ tương tác, chi phối lẫn nhau. Vì thế, cần phải được triển khai một cách đồng bộ, khoa học. Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII Đảng bộ tỉnh để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đã đề ra, phấn đấu đưa Cà Mau sớm thoát khỏi tỉnh nghèo, đạt mức bình quân chung của cả nước, đem lại cuộc sống tốt hơn cho nhân dân tỉnh nhà. ❑

Digitized by Google

Phát triển kinh tế nông nghiệp từ chuyển đổi mùa vụ hợp lý và kinh tế trang trại ở huyện Phú Xuyên, Hà Tây

DOÃN ĐÌNH HUỀ

PHÚ Xuyên là một huyện đặc trưng bởi đồng chiêm trũng, nằm ở phía Nam của tỉnh Hà Tây, có tổng diện tích tự nhiên 17.104,6 ha, trong đó đất canh tác 10.422 ha. Dân số toàn huyện có 186.400 người, có 26 xã, 2 thị trấn, 147 thôn và 10 cụm dân cư. Cốt đất nơi đây vào loại thấp của đồng bằng Bắc Bộ, trung bình từ +1,8m đến +2,2m, một số nơi thấp dưới mực nước biển (cốt số 0). Chảy qua địa bàn huyện có hệ thống sông Hồng, sông Nhuệ, sông Lương. Trên địa bàn huyện có đường sắt Bắc - Nam, đường quốc lộ 1A và đường cao tốc Pháp Vân - Cầu Giẽ chạy qua, huyện cách Thủ đô Hà Nội chỉ trên 30 km. Đây là những điều kiện rất thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế và phát triển sản xuất hàng hóa trong cơ chế thị trường.

Trong những năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, huyện Phú Xuyên là một trong những địa phương đi đầu trong việc đưa nhiều giống lúa mới, năng suất cao vào đồng chiêm trũng, phát triển mạnh cây vụ đông thành vụ chính,... để nâng cao năng suất và giá trị kinh tế trên một đơn vị diện tích, do đó đã được các địa phương đến thăm quan, học tập kinh nghiệm làm kinh tế.

Quá trình tìm tòi, thử nghiệm phát triển cây vụ đông, đưa cây vụ đông thành vụ chính, rồi từ đó nhân ra diện rộng trên địa bàn huyện không những đã góp phần làm thay đổi một cách căn bản cơ cấu mùa vụ cho địa phương, mà còn cho cả vùng đồng bằng sông Hồng. Khả năng sản xuất được 3 vụ trong năm đã trở thành hiện thực, nhờ đó mà, Phú Xuyên đã có những bước tiến dài trong nông nghiệp và trên con đường từ thuần nông cây lúa sang sản xuất hàng hóa. Không những thế, việc thay đổi mùa vụ đã có tác dụng tích cực trong việc sản xuất gắn với việc tìm kiếm đầu ra phù hợp nhu cầu thị trường, khai thác hợp lý các điều kiện đất đai, khí hậu cũng như trình độ canh tác của các hộ nông dân.

Nếu vụ đông năm 1985 - 1986 cả huyện chỉ canh tác được tổng diện tích là 1.842,6 ha, thì đến vụ đông năm 2004 - 2005 diện tích vụ đông đã lên đến 8.154 ha, tăng gấp 4,5 lần. Thu nhập từ sản xuất vụ đông đã tăng lên đáng kể, tổng giá trị sản lượng vụ đông năm 2004 - 2005 đã đạt gần 70 tỉ đồng, trong đó riêng đậu tương đạt 65 tỉ đồng, năng suất đạt 16 tạ/ha. Quá trình phát triển cây vụ đông đã góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2005 do Đảng bộ huyện đề ra.

Digitized by Google

Bên cạnh việc tăng cường các biện pháp thâm canh, thay đổi mùa vụ hợp lý và đưa các loại cây trồng thích hợp, có giá trị kinh tế cao, thì các làng nghề truyền thống của Phú Xuyên cũng phát triển mạnh. Đến nay toàn huyện có 98 trong tổng số 147 thôn có ngành nghề, trong đó có 33 làng nghề đạt tiêu chí của tỉnh (cao hơn tiêu chí làng nghề quốc gia). Các làng nghề đã tạo ra được những mặt hàng có chỗ đứng vững chắc trong cơ chế thị trường, có giá trị hàng hóa cao trong và ngoài nước, thu hút nhiều lao động. Điều đó thể hiện chương trình khuyến công của huyện đã được thực hiện có hiệu quả.

Nhờ phát triển tương đối toàn diện cả nông nghiệp và công nghiệp nên tổng giá trị sản xuất của cả huyện cũng đã có bước tăng trưởng khá, năm 2005 đạt 1.413,3 tỉ đồng, tăng bình quân 12,7% (chỉ tiêu kế hoạch là 8,1%); tổng sản phẩm xã hội (GDP) năm 2005 đạt 700,8 tỉ đồng, tăng bình quân 11,8%/năm (kế hoạch là 7,6%). Cơ cấu kinh tế đã có bước chuyển biến tích cực. Nông nghiệp tuy phát triển mạnh, nhưng tỷ trọng sản phẩm nông nghiệp trong GDP giảm dần, tỷ trọng công nghiệp và dịch vụ tăng dần; cụ thể là: nông nghiệp chiếm 40,4% (kế hoạch 43,02%), công nghiệp và xây dựng 35,9% (kế hoạch 32,85%), thương mại và dịch vụ 23,7% (kế hoạch 24,13%). Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 5,7 triệu đồng, tăng bình quân 12,2% (kế hoạch là 4 triệu đồng trở lên).

Từ thực tiễn sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện Phú Xuyên có thể rút ra một số *bài học kinh nghiệm* sau:

1 – Đẩy mạnh sản xuất bằng mở rộng diện tích cây vụ đông, đưa vụ đông thành vụ chính, tăng diện tích có khả năng canh tác 3 vụ để tạo nhiều sản phẩm hàng hóa cho xã hội, góp phần nâng cao thu nhập cho các hộ gia đình nông dân, thực hiện xóa đói giảm nghèo bền vững.

Toàn huyện hiện có 33 hợp tác xã nông nghiệp với tổng số vốn là 38 tỉ đồng, trong đó: vốn lưu động 13 tỉ đồng, vốn cố định 25 tỉ đồng. Nếu như năm 1985 cả huyện có 53 trạm bơm với 237 máy, công suất 368.000 m^3/h thì năm 2005 có 93 trạm bơm với tổng công suất 630.000 m^3/h. Đây là những tiền đề quan trọng để đưa giống mới và các kỹ thuật canh tác thích hợp đến với kinh tế hộ gia đình. Nhờ có hệ thống thủy lợi mà nhiều vùng đất canh tác đã được chuyển đổi sang mô hình VAC (khoảng 391 ha) để phát triển hàng hóa nông sản.

Quá trình hình thành và phát triển vụ đông trên địa bàn huyện Phú Xuyên là sự quyết tâm của lãnh đạo huyện trong hoàn cảnh "cái khó ló cái khôn". Do địa hình trũng mà mỗi lần mưa bão huyện Phú Xuyên thường bị ngập gây hậu quả nặng nề. Điển hình là cơn bão số 4 xảy ra ngày 14-9-1985 với lượng mưa lên tới 524 mm, làm ngập úng toàn bộ diện tích lúa mùa, cả huyện như một biển nước, làm thiệt hại nghiêm trọng. Trước tình hình trên, các đồng chí lãnh đạo huyện đã tìm cách giải quyết vấn đề lương thực để chống đói giáp vụ (từ tháng 9 đến sản xuất vụ xuân năm sau là 6 - 7 tháng), đồng thời tiếp tục phát động nhân dân gieo trồng các cây trồng vụ đông như: khoai lang, khoai tây, rau các loại và trồng ngô bầu trên diện tích lúa vừa bị mất trắng ở tất cả các xã trên địa bàn huyện bằng giống ngô ngắn ngày, như: ngô nếp S_2, ngô tẻ TSB_2... Mới đầu, cây ngô vụ đông được trồng bằng kỹ thuật đắp luống cao và dùng thuyền thúng chở phân chuồng, bầu ngô ra để đặt bầu ngô lên luống, điển hình các xã đồng trũng thành công như: Chuyên Mỹ, Phúc Túc, Tân Dân, ... Việc đưa giống cây ngô đông ngắn ngày vào trồng trong vụ đông đã được Ban Thường vụ Huyện ủy bàn bạc và tiến hành chỉ đạo sâu sát nên đã cho kết quả thu hoạch khá tốt, đạt 80 kg đến 100 kg/sào. Điều đáng phấn khởi là cây ngô đông trên đất hai lúa, trên đồng trũng là có cơ

Digitized by Google

sở và vụ đông đã được hình thành, từ đây góp phần giải quyết khó khăn thiếu lương thực trên địa bàn huyện. Thành công bước đầu của cây ngô đông từ cánh đồng trũng, đặc biệt là cánh đồng Chuyên Mỹ, đã được nhiều đoàn cán bộ và nhân dân trong và ngoài huyện đến thăm quan học tập tại đầu bờ, sau đó tổng kết nhân rộng ra toàn huyện. Vụ đông năm 1985, toàn huyện đã gieo trồng được 399,3 ha; các loại cây trồng đều cho thu hoạch khá tốt, góp phần làm giảm bớt khó khăn về lương thực vào thời kỳ giáp hạt.

Cây ngô đông trên đồng trũng huyện Phú Xuyên như phát đi một tín hiệu tốt lành về khả năng hiện thực trong việc mở rộng sản xuất cây ngô đông. Nhờ có sự chỉ đạo sâu sát và đúng hướng nên cây vụ đông nhanh chóng được phát triển trên diện rộng, được các hộ gia đình tích cực hưởng ứng; diện tích trồng ngô tăng dần qua các năm. Trong một thời gian ngắn cây ngô đã có mặt ở tất cả các xã trong huyện, tạo được niềm tin, niềm phấn khởi làm tăng thu nhập cho các hộ gia đình. Có xã như Đại Thắng coi cây ngô là cây chủ lực, trồng trên 500 mẫu ngô giống TSB_2 cho năng suất 120kg - 150 kg/sào bằng phương pháp đắp luống, đặt bầu ngô trên mặt luống sau khi thu hoạch lúa mùa sớm.

Không phải ngẫu nhiên mà có được phong trào cây vụ đông như vậy. Cán bộ các cấp trong huyện đã cùng với nông dân giải quyết không ít những khó khăn, nhất là về tư tưởng. Các vấn đề về địa bàn, khâu làm đất, thời vụ, chính sách hỗ trợ, giao chỉ tiêu kế hoạch, tập huấn kỹ thuật chăm bón, giải quyết khâu sau thu hoạch... đã được quán triệt và tổ chức hợp lý thành vòng tròn khép kín ngay từ sản xuất vụ xuân đầu năm. Huyện chỉ đạo các phòng, ban, các cơ quan, đoàn thể về tận các xã mình phụ trách xin ruộng làm vụ đông để làm gương cho toàn dân noi theo. Các đồng chí lãnh đạo huyện đã gương mẫu đi đầu làm ngô bầu vụ đông rất thành công đã có sức thuyết phục lớn trong nhân dân tại các xã Nam Phong, Tân Dân, Đại Đồng, Bãi Chim, Khai Thái...

Cùng với cây ngô đông, cây đậu tương cũng được đưa vào trồng vụ đông trên đất 2 vụ lúa. Yếu tố thuận lợi ban đầu là huyện đã được Viện khoa học Nông nghiệp Việt Nam giúp đỡ khâu kỹ thuật canh tác tại các xã Nam Phong, Phú Xuyên. Bằng phương pháp làm đất cày đắp thành luống rộng từ 1,2 m - 1,4 m sau đó rút nước đập rãnh tra hạt theo hàng trên diện tích 10 ha. Vụ đậu tương đầu tiên năm 1989 cho năng suất 45 kg/sào. Từ những kết quả trên, xã Nam Phong đã nhân ra gieo trồng trên diện rộng là 150 ha, cho năng suất khá cao. Thành tựu này đã giúp Phú Xuyên mở ra hướng sản xuất mới đa dạng hóa cây trồng chính trong tập đoàn cây sản xuất vụ đông. Từ mô hình điểm ở xã Nam Phong, huyện Phú Xuyên đã phát động tất cả các xã trong toàn huyện tham gia vào làm cây đậu tương kết hợp với cây ngô đông tùy theo đặc điểm của từng vùng, từng miền, về đất đai và tập quán canh tác, phương pháp chỉ đạo và hệ thống thủy lợi tưới tiêu. Qua mô hình Nam Phong, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn mở hội nghị tại Phú Xuyên, đã thăm quan đầu bờ tại xã Nam Phong và chính thức phát động các tỉnh tổ chức nhân ra diện rộng ở vùng đồng bằng và trung du Bắc Bộ.

Trong quá trình phát triển và mở rộng cây vụ đông bằng cây đậu tương đã xuất hiện nhiều điển hình của những tập thể và cá nhân có nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật canh tác trên địa bàn huyện, như có hộ nông dân ở xã Nam Triều đã thuê lao động trồng 35 mẫu đậu tương bằng phương pháp hoàn toàn mới - gieo vãi, tiết kiệm được rất nhiều công lao động, mà vẫn bảo đảm cây đậu tương phát triển tốt, vụ đầu tiên cho thu lãi 100 triệu đồng. Đặc biệt là vụ đông năm 2005 có hộ nông dân trồng 160 mẫu đậu tương thu lãi gần 200 triệu đồng. Toàn huyện đã có 191 hộ trồng từ 5 đến 10 mẫu, 27 hộ trồng từ 20 mẫu

Digitized by Google

trở lên. Nhờ có cơ cấu cây và mùa vụ hợp lý, nhất là cây đậu tương mà việc thâm canh tăng vụ không những cho phép tránh được tình trạng bóc lột đất quá mức, mà còn giảm hẳn lượng phân vô cơ, giúp cho đất ngày một thêm màu mỡ, bảo đảm phát triển theo hướng bền vững.

Nhiều xã đã có bước chuyển biến rất mạnh mẽ. Xã Đại Xuyên năm 2004 trồng 1.200 mẫu đậu tương, xã Đại Thắng gieo trồng cây vụ đông 100% diện tích là 750 mẫu, xã Chuyên Mỹ trồng 900 mẫu, xã Tân Dân trồng 900 mẫu, hợp tác xã Đại Đồng, thị trấn Phú Xuyên trồng 100% diện tích. Từ những kết quả trên, huyện Phú Xuyên đã đón hàng trăm đoàn khách từ nhiều tỉnh đến thăm quan học tập tại huyện như Hà Tĩnh, Nghệ An, Thanh Hóa, Nam Định, Hà Nam, Hải Dương, Hải Phòng, Thái Nguyên, Lai Châu...

2 – Coi trọng chuyển dịch cơ cấu sản xuất trong nông nghiệp, cơ cấu kinh tế trong nông thôn, phát triển kinh tế trang trại theo hướng sản xuất hàng hóa, xây dựng nông thôn mới, nâng cao mức sống cho nhân dân, tạo việc làm cho người lao động, góp phần giảm bớt phân hóa giàu nghèo.

Phú Xuyên là vùng có truyền thống thâm canh lúa giỏi, đồng thời cũng là vùng có làng nghề nổi tiếng của tỉnh Hà Tây, với nhiều mặt hàng được người tiêu dùng trong và ngoài nước biết đến. Người dân nơi đây lại năng động trong làm kinh tế, nên ở thời nào cũng vậy sản xuất ở vùng này đều coi Hà Nội là thị trường quan trọng trong việc tiêu thụ sản phẩm số lượng lớn.

Những năm qua, nhờ có chính sách của Đảng và Nhà nước về khuyến khích phát triển kinh tế trang trại nên các hộ gia đình đã đầu tư thành lập các loại hình trang trại đa dạng trên địa bàn huyện. Nếu năm 1995 cả huyện mới chỉ có 1 trang trại tổng hợp (lúa - cá - trồng cây lấy gỗ) với diện tích 30 ha, thì đến năm 1999 toàn huyện đã tăng lên 6 trang trại; trong đó có 5 trang trại chuyên nuôi trồng thủy sản, quy mô bình quân mỗi trang trại là 2,68 ha. Số vốn đầu tư vào sản xuất là 1 tỉ đồng, có 11 lao động của chủ hộ trang trại và 88 lao động thuê ngoài thường xuyên. Hiệu quả của các trang trại đi trước đã tạo động lực để nhiều hộ noi theo. Số trang trại trên địa bàn huyện tiếp tục tăng lên nhanh chóng không những cả về số lượng, mà còn cả về lĩnh vực hoạt động sản xuất, kinh doanh: từ 14 trang trại (năm 2000), trong đó có 5 trang trại trồng cây hằng năm, 8 trang trại thủy sản và 1 trang trại kinh doanh tổng hợp, lên 236 trang trại (năm 2005), trong đó có 33 trang trại trồng cây hằng năm, 2 trang trại trồng cây lâu năm, 30 trang trại chăn nuôi, 75 trang trại nuôi trồng thủy sản và 96 trang trại kinh doanh tổng hợp. Số trang trại này chủ yếu tập trung ở 24 xã, thị trấn, có 667 lao động của chủ trang trại, 716 lao động thuê ngoài thường xuyên và lao động thời vụ. Diện tích đất sử dụng là 508 ha, trong đó đất trồng cây hàng năm 178,4 ha, đất trồng cây lâu năm là 14 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản 311 ha, đất khác 4,5 ha. Các trang trại đã huy động được một lượng vốn đầu tư khá lớn cho sản xuất, đạt 39.036 triệu đồng. Tổng giá trị hàng hóa mỗi năm do các trang trại tạo ra là 44.331 triệu đồng. Thu nhập bình quân một trang trại là 38.500 ngàn đồng mỗi năm.

Nhờ sự chỉ đạo toàn diện sâu sát của các cấp ủy, chính quyền, các đoàn thể chính trị từ huyện đến cơ sở thường xuyên phổ biến thông tin kinh tế, khoa học - kỹ thuật, chuyển giao công nghệ tới từng hộ nông dân, kiểm tra, đôn đốc, uốn nắn, động viên phong trào, nên kinh tế trang trại trên địa bàn huyện phát triển khá. Từ năm 2001 đến năm 2005, kinh tế trang trại đã thực sự tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng. Đã xuất hiện trang trại cây ăn quả và nhiều trang trại chăn nuôi. Diện tích đất sử dụng tăng gấp 4,4 lần, vốn đầu tư vào sản xuất tăng gấp 35 lần, tổng thu

Digitized by Google

nhập của các trang trại tăng gấp 12,3 lần, lực lượng lao động tăng gấp 4,6 lần. Nhiều chủ trang trại làm ăn giỏi, năng động trong cơ chế mới, vận dụng sáng tạo kinh nghiệm ở nơi khác vào thực tiễn của địa phương, nhiều trang trại đã có hướng phát triển bền vững và hiệu quả như: Trang trại tổng hợp của anh Nguyễn Đắc Hải ở xã Chuyên Mỹ; trang trại chăn nuôi Minh Toàn ở xã Vân Từ; trang trại chăn nuôi của anh Quang ở xã Thụy Phú; trang trại cây ăn quả của chị Phương ở xã Văn Nhân; trang trại hoa và cây ăn quả của anh Khéo ở xã Hồng Minh. Những trang trại này hiện đang phát triển sản xuất trên địa bàn có hiệu quả. Điều quan trọng là nhiều trang trại đã biết áp dụng những thành tựu mới về khoa học - công nghệ để phục vụ sản xuất nên tạo được uy tín trên thương trường. Đến nay đã có nhiều sản phẩm hàng hóa của các trang trại gia đình huyện Phú Xuyên vươn ra chiếm lĩnh thị trường trong nước và nước ngoài như: Hồng Công, Nhật Bản, Xin-ga-po...

Qua quá trình phát triển kinh tế trang trại của huyện Phú Xuyên cho thấy, đã có xu hướng phát triển mạnh và bền vững, góp phần quan trọng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển những diện tích đồng trũng, đồng cao hạn kém hiệu quả thành khu vực sản xuất hàng hóa có giá trị kinh tế cao, như: lợn hướng nạc, cá chim trắng, tôm càng xanh, cá rô phi đơn tính, ba ba...; sản lượng trứng vịt và gia cầm tăng mạnh. Các giống cây trồng mới năng suất, chất lượng cao, như: bưởi Diễn, cam Canh, nhãn Hương Chi, hoa các loại... đã tạo nên những vùng thâm canh cao, khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực trong nông nghiệp nông thôn, tăng hộ giàu, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nông nghiệp của huyện.

Thực tế cho thấy, các trang trại là nơi có nhiều điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật mới, công nghệ sản xuất mới, tiên tiến, các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất và chất lượng cao vào sản xuất nông nghiệp hàng hóa quy mô trung bình và lớn. Dã có nhiều giống cây trồng, vật nuôi mới và đặc sản được đưa vào sản xuất rất sớm ở các trang trại. Các trang trại cũng là mô hình tốt, những điển hình tiên tiến về trình độ thâm canh, về năng suất, chất lượng sản phẩm, về quản lý kinh doanh cho các hộ nông dân học tập rút kinh nghiệm. Mặt khác, kinh tế trang trại góp phần làm tăng hộ giàu, giảm hộ nghèo trong nông thôn, tạo việc làm tăng thu nhập người lao động.

Trong bước đường tiếp tục phát triển kinh tế - xã hội của Phú Xuyên ở giai đoạn 2006 - 2010 đã đề ra những chỉ tiêu chủ yếu: Tốc độ tăng trưởng GDP là 12,8%; cơ cấu kinh tế: công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng 43%, nông nghiệp 30%, thương mại - dịch vụ, du lịch 27%; thu nhập bình quân đầu người 12 triệu đồng; tổng sản phẩm xã hội tăng bình quân 17%; tổng giá trị sản xuất tăng bình quân 12,2%; giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, xây dựng đạt 1.333 tỉ đồng, tăng bình quân 15,3%; giá trị sản xuất nông nghiệp đạt 709 tỉ đồng, tăng bình quân 7,2%; giá trị thương mại, dịch vụ, du lịch đạt 469 tỉ đồng, tăng 12,7%; bình quân lương thực đầu người 527 kg/năm; giá trị kinh tế 45,74 triệu đồng/ha canh tác; thu ngân sách nhà nước tăng 15%; tỷ lệ phát triển dân số tự nhiên dưới 0,9%; tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 15%; tỷ lệ hộ nghèo giảm 2%/năm...

Muốn thực hiện thắng lợi các mục tiêu trên, huyện Phú Xuyên cần tiếp tục phát huy tinh thần năng động, sáng tạo của nhân dân, khi đã phát hiện những nhân tố mới có tác dụng tốt, cần chỉ đạo quyết liệt của các cấp lãnh đạo, như trong những năm qua đã làm được; sớm phát hiện để có biện pháp khắc phục kịp thời các mặt còn hạn chế để đưa kinh tế nông nghiệp của huyện vững bước đi

(Xem tiếp trang 67)

Digitized by Google

Bàn về giá trị công bằng và tương trợ trong nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa

ĐÀO THẾ TUẤN *

CHÚNG ta đang xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Về kinh tế thị trường, loài người đã đi được một quãng đường khá dài, nên hướng phát triển và những ưu điểm, khuyết điểm, thành công và thất bại của nó đã tương đối rõ, nhưng về định hướng xã hội chủ nghĩa thì vấn đề không chỉ dừng lại ở mục tiêu lý tưởng mà phải có những hướng phát triển, bước đi thật cụ thể. Bởi vậy, trong khuôn khổ của bài viết, tôi xin bàn về góc độ giá trị công bằng và tương trợ của chủ nghĩa xã hội.

Trong lịch sử thế giới đã có nhiều phong trào muốn thực hiện hoài bão của loài người là xây dựng một xã hội công bằng và tương trợ. Trong vấn đề này thực tế đã chỉ rõ, không những mô hình kế hoạch hóa tập trung quan liêu của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô thất bại, mà mô hình nhà nước phúc lợi của các nước do các đảng xã hội dân chủ lãnh đạo cũng không mấy thành công. Nhiều nhóm nước trên thế giới đang đi tìm các mô hình chủ nghĩa xã hội mới. Đáng chú ý là từ năm 2001 đến nay, hằng năm đều có các diễn đàn xã hội thế giới để thảo luận về vấn đề *toàn cầu hóa theo kiểu khác* (Alter-globalisation). Diễn đàn này đã có tác dụng thúc đẩy các phong trào cách mạng tiến bộ ở nhiều nước châu Mỹ La-tinh.

Qua nghiên cứu các xu thế tiến bộ trên thế giới, tôi thấy việc Đảng ta lựa chọn con đường phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là hoàn toàn đúng đắn. Tuy vậy, cũng cần tham khảo kinh nghiệm và các ý tưởng mới trên thế giới để từ đó có thể giúp ta suy nghĩ về các biện pháp thực hiện thành công định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Bước đầu tôi xin mạnh dạn nêu lên một số nội dung sau:

Một là, *chống chủ nghĩa tự do mới.* *Chủ nghĩa tự do mới* là một xu hướng triết học - chính trị - kinh tế nhằm loại bỏ sự can thiệp của nhà nước vào nền kinh tế. Thuyết này chủ trương dùng các phương pháp tự do hóa thị trường, hạn chế kinh doanh ít nhất và xác định quyền sở hữu cá nhân. Về mặt chính trị - đối ngoại, họ chủ trương dùng áp lực kinh tế để mở cửa thị trường, can thiệp cả về ngoại giao và quân sự. Năm 1989 các tổ chức tài chính quốc tế cùng với Cục Dự trữ liên bang Hoa Kỳ (FED) đã đề ra thỏa thuận gọi là "Đồng thuận Oa-sinh-tơn" (Washington Consensus) muốn hướng nền kinh tế thế giới về tự do hóa thị trường và xóa bỏ tất cả các biện pháp điều tiết do nhà nước đặt ra. Các tổ chức này đưa ra một chương trình cải cách kinh tế trọn gói, kêu gọi sẽ cho các nước vay tiền nếu chấp nhận mô hình chủ nghĩa tự do mới với mở cửa thị trường và tư nhân hóa. Thế nhưng, đối với những mặt hàng mà họ đang bị yếu thế, các nước đang phát triển đang có lợi thế thì lại được bảo hộ dưới nhiều thủ đoạn rất tinh vi. Đó là chưa nói đến các thủ thuật chuyển lượng phế thải công nghiệp và công nghệ thải loại sang các nước khác núp dưới các hình thức đầu tư ra nước ngoài.

Tuy vậy, hiện nay xu hướng này đang ảnh hưởng rất mạnh đến cán bộ và doanh nhân nước ta, nhất là trong việc chỉ thấy tính tất yếu của hội nhập, mà không thấy rõ những thách thức của quá trình đó. Đây là nguy cơ lớn nhất đối với việc thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa. Bởi vậy, phải làm cho cán bộ có ý thức cảnh giác cao độ với

* GS, Viện sĩ, Trung tâm Phát triển Nông thôn PHANO

Digitized by Google

khuynh hướng quá đề cao vai trò của thị trường và hội nhập như là những bài thuốc vạn năng có thể chữa bách bệnh.

Đối với nước ta trong việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, dù hội nhập kinh tế quốc tế là một xu thế tất yếu, thì cũng giống như thị trường, nó chỉ là phương tiện và tuyệt nhiên không lẫn lộn giữa phương tiện với mục tiêu. Về mặt tư tưởng, chúng ta phải chống lại các xu hướng phản phát triển và chủ nghĩa thực dân kinh tế mới dưới mọi hình thức, trong đó có chủ nghĩa tự do mới, phải vạch rõ các khía cạnh tiêu cực của nó để bảo vệ định hướng xã hội chủ nghĩa và độc lập, chủ quyền của dân tộc.

Hai là, *xây dựng một nền kinh tế mang tính xã hội và tương trợ nhiều hơn.* Trong việc chống lại chủ nghĩa tự do mới, ngay tại các nước tư bản chủ nghĩa cũng đang có nhiều hành động thực tiễn và cả các phong trào đấu tranh cho việc xây dựng *một nền kinh tế mang tính xã hội và tương trợ.* Kinh tế mang tính xã hội dùng để chỉ các nhóm người (chứ không phải là vốn) giữ một vai trò kinh tế: các hợp tác xã, các hội tương trợ, hội quản lý, hiệp hội, hội từ thiện, tổ chức phi chính phủ... Các tổ chức này mang tính tự nguyện, phi lợi nhuận và hợp tác, độc lập đối với nhà nước. Đạo đức của kinh tế mang tính xã hội là: nhằm cung cấp dịch vụ cho hội viên hay tập thể chứ không vì lợi nhuận; tự chủ trong quản lý; quá trình quyết định mang tính dân chủ; coi trọng con người và công việc hơn là vốn trong việc phân phối thu nhập.

Kinh tế mang tính xã hội và tương trợ khác kinh tế thị trường ở chỗ nó lấy mục tiêu phi lợi nhuận và phương tiện thực hiện là hợp tác và tương trợ. Phát triển mạnh nền kinh tế này sẽ hạn chế các khuyết tật và khía cạnh tiêu cực của kinh tế thị trường.

Về hợp tác xã, hiện nay đang có sự lẫn lộn giữa hợp tác xã và công ty cổ phần. Không thể có *hợp tác xã cổ phần.* Các hợp tác xã cổ phần hiện nay là các công ty tư nhân trá hình, hay là tổ chức kinh tế của các nông dân giàu để làm dịch vụ thu lãi. Hợp tác xã thuộc về kinh tế mang tính xã hội, còn công ty cổ phần thuộc về kinh tế thị trường. Tuy rằng, trong hợp tác xã, các xã viên cũng phải đóng một phần vốn. Ở các nước, để tránh sự lẫn lộn này người ta không gọi số tiền do xã viên đóng góp để thực hiện dịch vụ là cổ phần, mà gọi là *phần vốn xã hội.* Khác nhau giữa vốn xã hội và cổ phần là vốn xã hội không được chia lãi, vì hợp tác xã không có lãi, mà chỉ có dịch vụ phí thừa ra. Số dịch vụ phí thừa ra này lại không chia theo cổ phần, mà chia theo khối lượng dịch vụ. Mỗi xã viên thường chỉ đóng một phần vốn xã hội, và các xã viên chỉ được quyền bỏ mỗi người một phiếu chứ không phải bỏ phiếu theo số cổ phần như trong công ty cổ phần. Một số hợp tác xã kiểu mới ở nước ta đã được xây dựng ở huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương và nó đang được nông dân tự phát triển rất nhanh.

Nông dân nước ta trong việc tiêu thụ các sản phẩm do mình sản xuất ra thường phải bán giá rất thấp. Ở các nước có tổ chức phong trào "Thương mại công bằng" (fair trade) là một biện pháp để điều tiết buôn bán quốc tế. Trong buôn bán quốc tế người sản xuất và người tiêu dùng thường bị "cắt đứt" nhau, thường thiếu các tiêu chuẩn hàng hóa, nên đã sinh ra các hình thức bóc lột, mà người sản xuất ở các nước đang phát triển là nạn nhân. Hiện nay nhiều xí nghiệp muốn thay thế *sự điều tiết* bằng sự *quan tâm.* Không đặt lại vấn đề về sự phân phối nguồn lợi không công bằng trên thế giới, người ta chú ý hơn đến "đạo đức" kết hợp trong các dịch vụ buôn bán. Có nghĩa là dùng văn hóa tiêu dùng để hạn chế các khuyết tật của thị trường và bảo đảm tính bền vững của phát triển.

Hơn thế nữa, thương mại công bằng còn là một phong trào chống lại sự bành trướng và bất công trong buôn bán của các công ty đa quốc gia. Ở các nước đang phát triển, phong trào này hỗ trợ người sản xuất bằng cách xác định một giá công bằng cho sản phẩm của họ, tổ chức các nhóm để nâng cao năng lực sản xuất và xúc tiến thị trường. Ở các nước đã phát triển phong trào này tổ chức việc tiêu thụ các sản phẩm theo kiểu thương mại công bằng. Lúc đầu thì kêu gọi người tiêu dùng mua với một giá cao hơn để giúp người sản xuất ở các nước đang phát triển, sau đấy tìm biện pháp để cải tiến chất lượng và người tiêu dùng trả giá đúng với chất lượng của hàng hóa. Thường thì các tổ chức phi chính phủ giúp nông dân thực hiện các công việc này.

Ba là, *xã hội hóa các hoạt động xã hội.* Một xu hướng nữa của định hướng xã hội chủ nghĩa là xã hội hóa công tác xã hội. Xu hướng xã hội hóa này là do việc giải quyết các vấn đề xã hội bằng nhà nước phúc lợi hay ban ơn (the Welfare State) của các nước do các đảng xã hội dân chủ lãnh đạo không có hiệu quả. Thực chất ngân sách nhà nước đầu tư cho các hoạt động xã hội cũng là tiền của nhân dân đóng góp, nhưng nếu giao tiền ấy cho

Digitized by Google

các tổ chức xã hội thực hiện thì sẽ tránh được tham nhũng và đem lại hiệu quả cao hơn. Muốn thực hiện được rộng rãi các hoạt động xã hội phải huy động quần chúng tham gia. Việc này đang được thực hiện trong giáo dục, y tế, khuyến nông...

Khái niệm xã hội hóa đầu tiên được hiểu là hòa hợp với cộng đồng, với xã hội, là những hành động gặp nhau vì những mục đích xã hội, là tham gia vào các hoạt động xã hội. Sau đó khái niệm này được dùng để chỉ các hoạt động quốc hữu hóa hay tập thể hóa các tài sản tư nhân của nhà nước xã hội chủ nghĩa. Hiện nay ở nước ta nhiều người đang lẫn lộn xã hội hóa với tư nhân hóa, thương nghiệp hóa (thí dụ trong văn hóa, thể thao, y tế, giáo dục...). Cách hiểu đúng về xã hội hóa là phải giao các hoạt động xã hội cho cộng đồng, cho các tổ chức quần chúng.

Về việc này, chúng tôi đã giúp nông dân một số tỉnh xây dựng các tổ chức nông dân để thực hiện các dịch vụ nông nghiệp (quản lý thủy nông, nhân giống, chăn nuôi, thú y, tín dụng, tiêu thụ nông sản, xây dựng thương hiệu...). Các hình thức tổ chức này đang từng bước tiến lên thành lập các hợp tác xã kiểu mới.

Bốn là, *phát triển cộng đồng.* Trong quá trình phát triển đất nước, nhiều công việc nhà nước không thể làm hết, nhưng cũng không thể giao phó cho thị trường, chẳng hạn như phát triển nông thôn... Bởi vậy, muốn có hiệu quả thực sự trong quá trình phát triển nông thôn phải giao cho các cộng đồng nông thôn thực hiện. Nhà nước và các tổ chức xã hội phải bồi dưỡng và hỗ trợ cho các cộng đồng để họ có đủ điều kiện tự đứng ra thực hiện công việc này.

Công tác phát triển nông thôn là hoạt động tổng hợp, phải có sự tham gia của nông dân vào quá trình ra quyết định. Phải tạo quyền lực cho các cộng đồng làm việc với Chính phủ và khu vực tư nhân. Phát triển nông thôn trên cơ sở cộng đồng là một cách tiếp cận giảm nghèo khá hiệu quả bằng cách tạo hành động tập thể của cộng đồng và cho họ kiểm tra các sự can thiệp, lấy các tổ chức cộng đồng làm động lực phát triển.

Tổ chức cộng đồng là một tổ chức gồm những người có cùng một lợi ích chung, như các tổ chức người sản xuất, các nhóm cùng nguồn lợi, các ban phát triển của làng, thôn... Sự phát triển dựa trên khái niệm về vốn thì nhấn mạnh các nguồn vốn khác nhau của cộng đồng: thuế, con người và xã hội, môi trường tự nhiên, kết cấu hạ tầng... Các nguyên tắc của phát triển nông thôn cộng đồng là: tạo môi trường thể chế cơ bản về luật lệ, quy ước, hỗ trợ của Nhà nước; củng cố các tổ chức cộng đồng; tăng cường năng lực các tác nhân; khuyến khích sáng tạo bằng các biện pháp mềm dẻo.

Năm là, *phải chú ý đến sự phát triển nông thôn trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.* Kinh nghiệm lịch sử cho thấy, trong quá trình công nghiệp hóa ở các nước, nông thôn là khu vực chịu nhiều thiệt thòi nhất. Do trong các bước đi không tính toán đến lợi ích của nông thôn, nên rút cuộc lại phải tốn nhiều công của để sửa chữa sai lầm, cụ thể là bằng trợ cấp cho nông nghiệp, mà hiện nay các nước phát triển đang áp dụng. Đây cũng là lĩnh vực đang bị các nước đang phát triển phản đối kịch liệt trong các vòng đàm phán thuộc Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Ở Trung Quốc, sau gần 30 năm cải cách tập trung vào công nghiệp hóa, hiện nay đang phải thực hiện việc xây dựng "nông thôn mới xã hội chủ nghĩa".

Ở nước ta, nông thôn chiếm gần 80% dân số, nếu chỉ tập trung công nghiệp hóa ở đô thị, thì khó có thể bảo đảm công bằng xã hội. Hơn nữa cần quan niệm nông thôn như là một nguồn lực quan trọng, và chính nông thôn là thị trường chủ yếu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa chứ không phải là thị trường nước ngoài; là thị trường bền vững cho cả nền kinh tế, khi đời sống của bộ phận dân cư nông thôn không ngừng được cải thiện và hơn nữa không bị chênh lệch quá mức so với thành thị.

Trong 15 năm tới, để trở thành một nước công nghiệp, mục tiêu chiến lược đã đặt ra là phải làm thế nào để giảm đi một nửa số lao động nông nghiệp. Muốn vậy, một mặt phải tìm cách để tăng nhanh năng suất lao động nông nghiệp và thu nhập của nông dân. Mặt khác, phải chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế để tạo nhiều việc làm trong khu vực dịch vụ và công nghiệp. Chuyển 50% lao động nông nghiệp sang công nghiệp và dịch vụ, nhường lại đất cho các hộ có đủ năng lực tập trung phát triển nông nghiệp hàng hóa lớn. Chuyển các hộ trung nông lên thành các trang trại gia đình sản xuất hàng hóa. Đây là con đường phát triển của kinh tế hộ nông dân như ở đa số các nước tiên tiến. Chuyển đổi các hộ phi nông nghiệp sang các xí nghiệp vừa và nhỏ để xây dựng một khu vực phi nông nghiệp và thị trường nông thôn. Bảo vệ đất nông nghiệp và thành quả của cải cách ruộng đất trong

Digitized by Google

quá trình phát triển thị trường ruộng đất để bảo đảm an ninh thực phẩm. Xây dựng các tổ chức nghề nghiệp của nông dân để bảo vệ quyền lợi của họ trong nền kinh tế thị trường. Cần lưu ý rằng, xây dựng hợp tác xã và các quan hệ kinh tế hợp tác đúng với tính chất của nó là một thể chế tổ chức nông dân chủ yếu dựa trên sự tương trợ, thuộc về kinh tế mang tính xã hội và tương trợ chứ không phải nhằm mục đích thu lợi nhuận.

Sáu là, *phải đề cao trách nhiệm trong kinh doanh.* Ngoài trách nhiệm về kinh tế, doanh nghiệp phải có cả trách nhiệm về xã hội. Doanh nhân phải phối hợp đạo đức với phát triển kinh tế. Nhiệm vụ của doanh nghiệp là: tạo nên sự giàu có và bảo đảm tính bền vững của doanh nghiệp. Doanh nghiệp phải phân phối sự giàu có tạo ra cho khách hàng và cho các tác nhân cùng tham gia kinh doanh; tôn trọng con người, trong kinh doanh phải có trách nhiệm với tập thể các con người (công dân, người làm công, cổ đông, khách hàng, người cung cấp đầu vào, người cạnh tranh); bảo vệ môi trường, không làm cạn kiệt các nguồn lợi chỉ vì lợi ích trước mắt, ảnh hưởng tiêu cực đến tương lai.

Chúng ta đặt ra luật pháp để trừng phạt những người vi phạm luật kinh doanh, nhưng không chú ý đúng mức đến việc giáo dục. Hiện nay trên thế giới người ta thảo luận nhiều đến đạo đức trong kinh doanh. Vấn đề mà chúng ta đang quan tâm là trong kinh doanh có bóc lột không, nếu có thì ở mức độ nào là vừa phải? Nhưng còn một khía cạnh nữa là khía cạnh đạo đức. Nếu trong một xã hội mà mọi người đều chạy theo tiền, lấy mục tiêu làm giàu - "kiếm tiền" là chính thì tính định hướng của chủ nghĩa xã hội, nghĩa là tính tương trợ, giúp đỡ sẽ yếu đi; khó tránh khỏi tình trạng cá lớn nuốt cá bé, chạy đua, tranh dành lợi ích, tạo ra một xã hội với những con người ích kỷ, thực dụng... Nếu vậy sẽ không thể bảo đảm cho một tương lai phát triển bền vững. Trong các vấn đề chống tham nhũng, chống tội phạm, chống tệ nạn xã hội cũng vậy, không thể, và không phải chỉ có các biện pháp pháp luật là giải quyết được, mà còn phải đề cao khía cạnh đạo đức và giáo dục.

Đạo đức kinh doanh là một bộ phận quan trọng của đạo đức xã hội bàn đến các quy tắc và nguyên tắc trong việc kinh doanh, chẳng hạn: cạnh tranh đối lập với hợp tác, gian dối trong kế toán, trốn lậu thuế, đưa và nhận hối lộ, gian dối trong giao dịch, đầu cơ, buôn lậu, vi phạm luật lao động, gian dối trong quảng cáo, vi phạm bản quyền, thương hiệu, làm kém chất lượng, làm hàng giả...

Trên đây là một số nhận thức trong quá trình nghiên cứu và hoạt động thực tiễn về nội dung định hướng xã hội chủ nghĩa. Những xu hướng này chúng tôi đang áp dụng trong công tác phát triển nông thôn ở các vùng khác nhau của đất nước ta và đang đưa lại khá nhiều hứa hẹn. ❑

LỜI CẢM ƠN

Nhân dịp kỷ niệm Ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam (21-6-2006), Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản nhận được sự chúc mừng và những tình cảm thân thiết của các đồng chí lãnh đạo, các cơ quan, đoàn thể, đơn vị quân đội, công an, doanh nghiệp, cá nhân... ở trung ương và các địa phương.

Chúng tôi xin bày tỏ sự cảm ơn chân thành và coi đó là nguồn động viên to lớn đối với mỗi cán bộ, phóng viên, công nhân viên của Bộ Biên tập, để tiếp tục phấn đấu nâng cao chất lượng Tạp chí Cộng sản, đáp ứng với sự quan tâm và tin yêu của bạn đọc.

BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

Bệnh VÔ CẢM

VĂN BA

GẦN đây, báo chí nói nhiều đến một căn bệnh xã hội: bệnh vô cảm. Vô cảm, nghĩa là không có cảm xúc, dửng dưng, thờ ơ trước những hiện tượng xã hội, dù cho những hiện tượng ấy có tác động xấu đến đồng loại.

Người vô cảm khi nhìn thấy kẻ bị móc túi, lờ đi không nói; gặp người ngã xe trên đường, vẫn dửng dưng. Người vô cảm sống lạnh lùng, "mũ ni che tai", chỉ quan tâm đến lợi ích riêng của mình.

Bệnh vô cảm đã có từ lâu, nhưng gần đây rộ lên, có nguy cơ trở thành phổ biến, bị xã hội lên án mạnh.

Thật là tệ hại, khi bệnh vô cảm thâm nhập, len lỏi vào trong đội ngũ những người cán bộ, đảng viên, làm mất đi tính nhân ái "mình vì mọi người" của họ. Người cán bộ, đảng viên khi mắc bệnh vô cảm không thể làm "đầy tớ trung thành" của nhân dân và không thể mang lại hạnh phúc cho nhân dân.

Xin nêu một chuyện mới xảy ra ở một chi bộ có 100% đảng viên là cán bộ hưu trí. Buổi tối hôm ấy đúng vào kỳ họp chi bộ, đồng chí bí thư chi bộ điểm danh thấy vắng mặt hai đảng viên. Hai đảng viên này là vợ, chồng, ở cách nơi họp chỉ vài ba số nhà, nhưng không người nào tìm gọi hoặc nhắn tin, mặc dù có máy điện thoại trong phòng họp.

Hôm sau, đồng chí bí thư chi bộ mới được ông chồng báo cáo về sự vắng mặt của họ. Chẳng là, cơm tối xong, bà vợ trượt cầu thang ngã, bị chấn thương. Nhà vắng người, lúng túng mãi, ông chồng mới đưa được bà vợ đi cấp cứu, không kịp báo cho ai.

Trước mặt đồng chí bí thư chi bộ, ông chồng tỏ ra rất xót xa cho bà vợ và áy náy là đã không báo cáo kịp thời lý do vắng mặt với chi bộ. Còn đồng chí bí thư chi bộ thì đăm chiêu, vô cùng ân hận, tự trách mình và chi bộ: "Nếu như tối hôm ấy, mình hoặc ai đó sốt sắng liên hệ xem tại sao họ không đến họp thì sẽ biết chuyện và giúp được họ bớt khó khăn!"

Câu chuyện buồn này, bảo là nhỏ cũng được, nhưng, nó đã phản ánh một hiện tượng thờ ơ, thiếu trách nhiệm, thiếu tình đồng chí - một căn bệnh không phải ít trong xã hội ta, đó là bệnh vô cảm!

Thời gian này, dư luận đang ồn lên về vụ án PMU 18. Chắc rằng, trước khi vụ án bị phanh phui, đã có không ít cán bộ, đảng viên trong ngành giao thông - vận tải biết chuyện, nhưng do nhiều lý do, trong đó có bệnh vô cảm nên họ im lặng. Thậm tệ hơn, khi bệnh vô cảm lây lan sang cả những cán bộ, đảng viên cấp trên của ngành, cả những cơ quan chức năng, tạo ra sự thờ ơ, "im lặng đáng sợ" trước những đơn, thư tố giác của những quần chúng tích cực về lối sống xa hoa, trác táng ngang nhiên của những cán bộ thoái hóa, biến chất trong vụ án đó. Chính sự vô cảm ấy đã trở thành "ô dù" cho bọn sâu mọt chui sâu, leo cao, đục phá tiền bạc, của cải nhà nước. Hậu quả là, Đảng, Nhà nước bị mất cán bộ, mất uy tín; nhân dân phải gánh chịu thiệt hại hàng nghìn tỉ đồng.

Bệnh vô cảm đã nặng rồi, vậy phải chạy chữa sao đây?

Xin thưa, phải dùng phương thuốc đặc trị. Đó là, mạnh dạn nhìn thẳng vào sự thật, không nương tay, bao che, chạy tội cho những kẻ thoái hóa, biến chất, đánh mất tình người. Quyết tâm xử lý nghiêm khắc những hiện tượng thiếu tinh thần trách nhiệm, thờ ơ với cuộc sống, với hạnh phúc của mọi người, không hoàn thành chức trách của mình, chỉ lo cho lợi ích của cá nhân và gia đình mình. Đặc biệt, phải xử nặng đối với những người là cán bộ, đảng viên vi phạm. Trong Điều lệ Đảng thông qua tại Đại hội X, Đảng ta nhấn mạnh chức năng giám sát của các cấp, các ngành. Nếu thực hiện tốt chức năng đó, chắc chắn sẽ ngăn chặn được sự nhiễm bệnh vô cảm của cán bộ, đảng viên; đồng thời, sẽ kịp thời phát hiện, xử lý được những cán bộ, đảng viên bị nhiễm bệnh, không để bệnh lây lan ra diện rộng. Đó cũng là sự bổ sung cho các cấp ủy, cán bộ, đảng viên một phương thuốc đặc trị nữa là: cần thường xuyên quan tâm, giám sát đến kết quả công việc, đến đời sống nhân dân; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, để ngăn chặn cái xấu và kịp thời phát hiện những yếu tố nảy sinh mà công tâm khắc phục vì lợi ích quốc gia.

Chữa lành bệnh là việc cấp bách đặt ra, nhưng về lâu dài phải có biện pháp phòng bệnh tốt. Biện pháp đó, đã có từ lâu và nhân dân ta đã có những câu ca dao, tục ngữ đầy nhân tính để nhắc nhở mọi người. Đó là: "chị ngã, em nâng", "bầu ơi thương lấy bí cùng...", "một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ", "mình vì mọi người, mọi người vì mình"...

Ngày hôm nay, trong cuộc sống hối hả của nền kinh tế thị trường, mọi người mải lo chạy đua về kinh tế, thiết nghĩ cũng nên thường xuyên đọc lại những câu ca dao, tục ngữ này để tu dưỡng và phòng bệnh cho tốt, để không mắc phải cái **bệnh vô cảm** đáng ghét. ❑

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM "PHÁT TRIỂN MỘT CÁCH KHOA HỌC" CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRUNG QUỐC

NGUYỄN HUY QUÝ *

NHỮNG năm đầu thế kỷ XXI, trong bối cảnh lịch sử mới, Trung Quốc đã đặc biệt đề cao quan điểm "Phát triển một cách khoa học", coi đó là phương châm chỉ đạo công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa trong giai đoạn hiện nay. Trong bài phát biểu với tiêu đề "Quán triệt quan điểm phát triển một cách khoa học trong suốt quá trình phát triển", Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Hồ Cẩm Đào đã khẳng định: "Muốn giải quyết vấn đề phát triển của Trung Quốc, đạt được sự phát triển nhanh và hoàn hảo thì phải nắm vững và thực sự quán triệt quan điểm phát triển một cách khoa học" (1).

I - QUAN ĐIỂM "PHÁT TRIỂN MỘT CÁCH KHOA HỌC" LÀ CĂN CỨ LÝ LUẬN CHỈ ĐẠO CÔNG CUỘC CẢI CÁCH PHÁT TRIỂN

Khoa học về phát triển là một môn khoa học có tính tổng hợp cao, bởi nó liên quan tới tất cả các ngành khoa học tự nhiên và xã hội, nhân văn. Chủ nghĩa Mác ra đời là một cuộc cách mạng trong khoa học phát triển. Về phương diện phương pháp luận, Mác đã dựa vào những luận cứ khoa học, chỉ rõ mục tiêu và con đường phát triển của nền văn minh nhân loại.

Thế nhưng, vận dụng phương pháp luận mác-xít vào mỗi quốc gia, dân tộc, trong từng giai đoạn lịch sử, đòi hỏi phải có sự sáng tạo về lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn, mới có thể rút ra những kết luận đúng đắn cho con đường phát triển.

Liên hệ với thực tiễn ở Trung Quốc trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội 55 năm qua, đặc biệt là trong hơn 25 năm tiến hành cải cách, mở cửa, hiện đại hóa đất nước, các nhà lãnh đạo Trung Quốc đã nhận định rằng bên cạnh những thành tựu đã đạt được, còn tồn tại những vấn đề quan trọng về lý luận và thực tiễn phải giải quyết trên con đường phát triển. Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc - Đại hội chuyển giao thế kỷ, cũng là Đại hội chuyển giao thế hệ lãnh đạo thứ ba sang thế hệ lãnh đạo thứ tư, đã khẳng định: "Để hoàn thành mục tiêu phấn đấu của Đảng trong giai đoạn mới, thế kỷ mới, phải có lối suy nghĩ mới về phát triển, phải có đột phá mới trong cải cách, phải có cục diện mới về mở cửa, tất cả mọi công việc đều phải có cách làm mới" (2).

Qua hai thập niên cuối thế kỷ XX, Trung Quốc đã đạt được những thành tựu to lớn trong cải cách và phát triển, "đã hoàn thành bước một

---

* PGS, Viện Khoa học xã hội Việt Nam

(1) Hồ Cẩm Đào: "Quán triệt quan điểm phát triển một cách khoa học trong suốt quá trình phát triển", Tạp chí *Cầu Thị*, số 1-2005

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 38

Digitized by Google

và bước hai trong chiến lược ba bước phát triển kinh tế - xã hội" nhằm mục tiêu hiện đại hóa, "về tổng thể đời sống nhân dân đã đạt mức khá giả" (3). Tuy nhiên, những vấn đề tồn tại cũng không nhỏ, chủ yếu là tăng trưởng kinh tế chưa hài hòa với phát triển xã hội, và tăng trưởng kinh tế thiếu tính bền vững. Những mâu thuẫn và vấn đề tích tụ từ lâu, hoặc mới xuất hiện trong quá trình cải cách, mở cửa, nếu không được giải quyết thỏa đáng có thể dẫn đến nguy cơ bất ổn xã hội. Do vậy, Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc đã đề ra mục tiêu "xây dựng toàn diện xã hội khá giả", coi đó là nhiệm vụ chiến lược phải được hoàn thành trong 20 năm đầu của thế kỷ XXI. Trung Quốc coi đây là "thời kỳ then chốt" của quá trình hiện đại hóa. Về vấn đề này, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã nói rõ: "Hiện nay, công cuộc cải cách phát triển ở nước ta đang ở vào thời kỳ then chốt. Căn cứ vào yêu cầu của Đại hội XVI và Hội nghị Trung ương 3, khóa XVI, căn cứ vào yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới, không ngừng thúc đẩy tiến trình xây dựng toàn diện xã hội khá giả, mở ra một cục diện mới của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc là một vấn đề trọng đại chúng ta cần đi sâu nghiên cứu và thực sự nắm vững... Nhìn nhận một cách tổng quát, nói công cuộc cải cách phát triển nước ta đang ở vào thời kỳ then chốt, chủ yếu là căn cứ vào mấy điểm sau đây: cạnh tranh về sức mạnh tổng hợp của đất nước ngày càng quyết liệt, tình hình quốc tế ngày càng phức tạp khó lường; tiến trình công nghiệp hóa và đô thị hóa nước ta tăng nhanh, điều chỉnh kết cấu kinh tế tăng nhanh, một số lượng lớn lao động dư thừa ở nông thôn chuyển sang các lĩnh vực phi nông nghiệp; trình độ thị trường hóa của nền kinh tế được nâng cao nhanh chóng, cải cách theo chiều sâu đã đụng tới những mâu thuẫn và vấn đề ở tầng sâu; việc đổi mới thể chế đã bước vào giai đoạn cốt lõi, phát triển giữa các khu vực không đồng đều, kinh tế - xã hội phát triển không cân đối, nhiệm vụ thu hẹp khoảng cách chênh lệch về phát triển giữa các khu vực và thúc đẩy phát triển hài hòa kinh tế - xã hội còn rất nặng nề; mức độ phụ thuộc vào bên ngoài của nền kinh tế nước ta không ngừng tăng lên, ảnh hưởng của nền kinh tế thế giới đối với sự phát triển của nước ta rõ nét hơn; nhu cầu vật chất và văn hóa của quần chúng nhân dân không ngừng tăng và ngày càng đa dạng hóa, quan hệ lợi ích trong xã hội ngày càng đa dạng hóa, quan hệ lợi ích trong xã hội ngày càng phức tạp, thống nhất điều hòa lợi ích của các bên càng khó khăn; ý thức pháp chế dân chủ của quần chúng nhân dân không ngừng tăng cường, nhiệt tình tham gia chính trị của họ không ngừng nâng cao, đặt ra những đòi hỏi mới trong phát triển dân chủ xã hội chủ nghĩa và thực hiện các nguyên tắc quản lý đất nước bằng luật pháp; tư tưởng quan niệm của mọi người chịu ảnh hưởng từ nhiều nguồn hơn và mức độ sâu hơn, tính độc lập, tính lựa chọn, tính thay đổi, tính khác biệt trong hoạt động tư tưởng tăng lên rõ rệt. Nói tóm lại, đây là một thời kỳ vừa có tiềm lực và động lực phát triển to lớn, vừa có nhiều khó khăn và nguy cơ, là một thời kỳ vừa có cơ hội hiếm có vừa có thử thách gay go" (4).

Đó là bối cảnh lịch sử mà Đảng và Nhà nước Trung Quốc đưa ra phương châm "phát triển một cách khoa học" nhằm giải quyết những vấn đề tồn tại và đáp ứng với những đòi hỏi mới trên con đường phát triển của đất nước.

Quan điểm "phát triển một cách khoa học" đã trở thành căn cứ lý luận để hoạch định đường lối, phương châm, chính sách của Đảng và Nhà nước Trung Quốc trong giai đoạn hiện nay.

II - QUAN ĐIỂM "LẤY CON NGƯỜI LÀM GỐC" VÀ "XÂY DỰNG XÃ HỘI HÀI HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA"

Hai nội dung quan trọng của quan điểm "phát triển một cách khoa học" là "lấy con người làm gốc" và "xây dựng xã hội hài hòa".

1 – "Lấy con người làm gốc"

Câu hỏi đầu tiên phải trả lời khi bàn về phát triển là phát triển vì ai?, hay nói cách khác mục tiêu phát triển là gì? Về vấn đề này, hiện nay Trung Quốc đã đưa ra phương châm "lấy con người làm gốc".

"Lấy con người làm gốc" có ý nghĩa là phát triển nhằm mục đích vì lợi ích của đông đảo quần chúng nhân dân. Đó là nguyên lý của chủ nghĩa Mác, cũng là mục tiêu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhưng quan điểm đó

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 13

(4) Hồ Cẩm Đào: Tạp chí *Cầu Thị đã dẫn*, số 1-2005

Digitized by Google

được đặc biệt nhấn mạnh ở Trung Quốc hiện nay có một ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng.

Trong mỗi giai đoạn lịch sử, khái niệm "lấy con người làm gốc" có nội dung cụ thể khác nhau. Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào và các nhà lãnh đạo Trung Quốc chủ trương nắm vững quan điểm "lấy con người làm gốc" trong giai đoạn hiện nay có nghĩa là khẳng định mục tiêu thực hiện sự phát triển toàn diện của con người, chủ trương xuất phát từ lợi ích căn bản của quần chúng nhân dân để thúc đẩy phát triển, không ngừng đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về vật chất và tinh thần của quần chúng nhân dân, thực sự bảo đảm những quyền lợi về kinh tế, chính trị, văn hóa của quần chúng nhân dân, để toàn thể quần chúng nhân dân cùng được hưởng những thành quả của cải cách và phát triển.

Việc đề cao lý luận "lấy con người làm gốc" là xuất phát từ tổng kết thực tiễn của quá trình cải cách, phát triển ở Trung Quốc trong thời gian qua. Bên cạnh những thành tựu to lớn đã đạt được, quá trình đó cũng bộc lộ những khiếm khuyết không nhỏ: tăng trưởng kinh tế chưa gắn liền với phát triển xã hội, một bộ phận cư dân đã không được hưởng thành quả của cải cách, phát triển, thậm chí là nạn nhân của cải cách, phát triển, như những nhân viên công chức nhà nước bị "tinh giảm biên chế", những công nhân trong xí nghiệp quốc doanh bị mất việc làm qua cải cách, những nông dân mất ruộng đất qua quá trình phát triển đô thị mà không được hỗ trợ xứng đáng để duy trì và cải thiện đời sống, những nạn nhân vì tai nạn lao động, ô nhiễm môi trường do chính quyền hay doanh nghiệp chỉ lo tăng trưởng kinh tế, chạy theo thành tích, mà coi nhẹ lợi ích thậm chí tính mạng của người lao động... Những khiếm khuyết đó nếu không được khắc phục, không những sẽ làm cho phát triển sai mục đích, mà còn dẫn đến những bất ổn xã hội, gây cản trở, thậm chí phá hoại thành quả phát triển.

Quan điểm "lấy con người làm gốc" còn có nghĩa là phát triển chủ yếu phải dựa vào con người, muốn hiện đại hóa đất nước phải phát huy được nhiệt tình và trí tuệ của quần chúng nhân dân, của toàn dân tộc. Trong thời đại kinh tế tri thức, mặt bằng dân trí và đội ngũ nhân tài càng có ý nghĩa quan trọng đối với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội.

Các học giả Trung Quốc cũng nói rõ quan điểm "lấy con người làm gốc" của Trung Quốc hiện nay khác biệt về bản chất so với chủ nghĩa nhân đạo phương Tây, với lý luận trừu tượng về "con người"; cũng khác với khái niệm "lấy dân làm gốc" dưới chế độ phong kiến Trung Hoa, chỉ là phương sách trị dân của vua chúa phong kiến [5].

Quán triệt quan điểm "lấy con người làm gốc", kế hoạch năm 2006 và quy hoạch 5 năm lần thứ XI (2006 - 2010) phát triển kinh tế - xã hội vừa được kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa X Trung Quốc thông qua đã khẳng định: "phải luôn nhớ tôn chỉ cầm quyền vì dân, tất cả vì nhân dân. Phải tập trung giải quyết những vấn đề lợi ích đông đảo quần chúng quan tâm nhất, trực tiếp nhất, thiết thực nhất, đặc biệt là phải thực sự làm tốt các mặt công tác giải quyết việc làm, bảo hiểm xã hội, khám chữa bệnh, an toàn lao động...".

2 – "Xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa"

Một xã hội hài hòa vốn là mơ ước từ ngàn năm của nhân loại, cũng là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội khoa học. Một xã hội không có bóc lột giai cấp, không có áp bức dân tộc; lao động trí óc và lao động chân tay, thành thị và nông thôn, cuộc sống vật chất và đời sống tinh thần, con người và thiên nhiên hài hòa với nhau, là một xã hội lý tưởng mà nhân loại đang phấn đấu để đạt tới.

Trong xã hội Trung Quốc hiện nay, một loạt vấn đề đang được đặt ra để đạt tới sự phát triển hài hòa nhằm mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa. Trong lĩnh vực kinh tế, tốc độ tăng trưởng phải hài hòa với nguồn cung cấp vật tư năng lượng, bảo vệ môi trường... để bảo đảm phát triển bền vững. Trong lĩnh vực chính trị phải thực thi pháp chế dân chủ xã hội chủ nghĩa để đạt tới sự đồng thuận đời sống chính trị của đất nước. Trong xã hội phải xử lý các mối

(5) Xem: Thu Thạch: "Hiểu rõ một cách toàn diện và chính xác hàm nghĩa khoa học của quan điểm lấy con người làm gốc", Tạp chí *Cầu Thị*, số 7-2005, tr 21

Digitized by Google

quan hệ lợi ích giữa các tầng lớp, tạo ra một xã hội hài hòa... Trong 20 năm cuối của thế kỷ XX, tuy đã thu được những thành tựu to lớn về cải cách và phát triển kinh tế, nhưng tình trạng không hài hòa vốn tồn tại từ trước trong xã hội vẫn chưa được khắc phục, lại xuất hiện những vấn đề mới cần giải quyết, như tăng trưởng kinh tế chưa hài hòa với phát triển xã hội, quan hệ lợi ích giữa các tầng lớp xã hội chưa được giải quyết một cách thỏa đáng...

Đại hội XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc năm 2002 đề ra nhiệm vụ chiến lược "xây dựng toàn diện xã hội khá giả", lần đầu tiên đưa ra chủ trương "làm cho xã hội hài hòa hơn". Chủ trương này đã được phát triển về lý luận và quán triệt vào thực tiễn trong những năm sau đó. Trong cuộc Hội thảo chuyên đề về xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa với sự tham dự của lãnh đạo các tỉnh và thành phố trực thuộc được tổ chức vào đầu năm 2005, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào đã nêu rõ "xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa phải là một xã hội pháp quyền dân chủ, công bằng chính nghĩa, tin cậy thương yêu, tràn đầy sức sống, ổn định trật tự, con người sống hài hòa với thiên nhiên" (6).

Nhằm thực hiện mục tiêu xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa, Hội nghị Trung ương 3, khóa XVI (10-2003) đã ra "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về mấy vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa", trong đó chủ trương "thống nhất quy hoạch phát triển thành thị và nông thôn, thống nhất quy hoạch phát triển các khu vực, thống nhất quy hoạch phát triển kinh tế xã hội, thống nhất quy hoạch phát triển hài hòa giữa con người và thiên nhiên, thống nhất quy hoạch phát triển trong nước và mở cửa đối ngoại" (7).

Trong vấn đề điều hòa lợi ích giữa các thành phần kinh tế, giữa các tầng lớp xã hội, Trung Quốc chủ trương củng cố và phát triển kinh tế công hữu, đồng thời khuyến khích giúp đỡ và hướng dẫn kinh tế phi công hữu phát triển; vừa bảo hộ quyền sở hữu tài sản công cộng vừa bảo hộ quyền sở hữu tài sản tư nhân; đặt vấn đề "tam nông" (nông dân, nông nghiệp, nông thôn) vào vị trí đặc biệt quan trọng, tìm mọi cách để tăng thu nhập cho nông dân, thu hẹp khoảng cách chênh lệch ngày càng xa về thu nhập giữa cư dân nông thôn và cư dân thành thị. Trong thời gian kế hoạch 5 năm lần thứ X (2001 - 2005), thu nhập thực tế bình quân đầu người của cư dân thành phố tăng 58,3% (năm 2005 đạt 10.493 NDT), trong khi thu nhập thực tế của cư dân nông thôn chỉ tăng 29,2% (năm 2005 đạt 3.255 NDT). Trong kế hoạch năm 2006 và Quy hoạch 5 năm lần thứ XI (2006 - 2010), Trung Quốc đặt ra nhiệm vụ "xây dựng nông thôn mới xã hội chủ nghĩa" vào vị trí đặc biệt quan trọng, đưa ra một loạt giải pháp để phát triển nông nghiệp, tăng thu nhập cho nông dân, phấn đấu hình thành cục diện phát triển hài hòa giữa nông thôn và thành thị. Vấn đề tạo việc làm mới, giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp ở thành phố và lao động dư thừa ở nông thôn, tăng cường các chế độ bảo đảm xã hội, được coi là những nhiệm vụ cấp bách. Trong năm 2006, Trung Quốc đang phấn đấu tạo ra khoảng 9 triệu việc làm mới ở thành phố, giảm tỷ lệ thất nghiệp (có đăng ký) ở thành phố ở mức 4,6%.

Trong các lĩnh vực chính trị và văn hóa tư tưởng, nhằm mục đích xây dựng xã hội hài hòa xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc một mặt nỗ lực phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền, đoàn kết các tầng lớp xã hội, mặt khác ra sức đề cao tinh thần dân tộc nhằm tập hợp nhân dân các dân tộc trong nước và kiều bào hải ngoại gắn bó với nhau, cùng phấn đấu cho "sự nghiệp vĩ đại phục hưng dân tộc Trung Hoa".

III - NÂNG CAO NĂNG LỰC TỰ CHỦ SÁNG TẠO VÀ TĂNG CƯỜNG NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO PHÁT TRIỂN

Muốn "phát triển một cách khoa học", phải nắm vững khoa học phát triển. Đối với giới khoa học kỹ thuật, phải có trình độ và năng lực sáng tạo cao. Đối với người lãnh đạo, phải có đủ bản lĩnh và năng lực lãnh đạo phát triển. Trong hơn 25 năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, đất nước Trung Quốc đã tiến một bước dài trên con đường phát triển. Bước sang thế kỷ XXI, trong bối cảnh lịch sử mới,

(6) Tạp chí *Cầu Thị*, số 11-2005, tr 9

(7) *Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về một số vấn đề hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa*, Nxb Nhân Dân, Bắc Kinh 2003, tr 2

Digitized by Google

Trung Quốc đang đứng trước một nhiệm vụ quan trọng là phải nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo và tăng cường bản lĩnh và năng lực lãnh đạo phát triển. Trung Quốc đang từng bước trở thành một cường quốc thế giới, cần phải và có thể thực hiện nhiệm vụ lịch sử đó.

1 – Nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo

Thế giới đang trải qua một cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật mới diễn ra mau lẹ, thay đổi từng ngày cùng với nhịp độ ngày càng nhanh của quá trình toàn cầu hóa và tri thức hóa nền kinh tế thế giới. Cạnh tranh sức mạnh tổng hợp giữa các cường quốc ngày càng gay gắt, chủ yếu dựa vào trình độ khoa học - kỹ thuật.

Thành tựu phát triển của Trung Quốc trong hai thập niên cuối thế kỷ XX chủ yếu dựa vào tài nguyên và lao động trong nước, cùng với nguồn vốn, khoa học - kỹ thuật cao và kinh nghiệm quản lý tiên tiến thu hút từ hải ngoại, chủ yếu là các nước tư bản phát triển. Bối cảnh mới của tình hình trong nước và quốc tế đòi hỏi Trung Quốc phải có sự chuyển hướng về chiến lược phát triển. Kinh tế Trung Quốc từ phát triển theo chiều rộng, sử dụng nhiều lao động, vật tư và năng lượng, phải chuyển sang phát triển theo chiều sâu với hàm lượng khoa học - kỹ thuật cao. Trong phạm vi toàn cầu, Trung Quốc là một cường quốc thế giới, kinh tế và quốc phòng phải dựa vào những sáng tạo riêng của mình mới có thể tự chủ trong cuộc cạnh tranh quốc tế. "Hiện nay Trung Quốc đã là cường quốc về kinh tế và thương mại, nhưng kỹ thuật cơ bản của một số ngành còn do nước ngoài nắm giữ, một loạt các thiết bị quan trọng còn phải nhập khẩu, nghiên cứu khoa học còn kém xa các nước phát triển, tình trạng đó tạo vật cản, gây trở ngại cho nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục phát triển" (8).

Trước tình hình đó, Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào và các nhà lãnh đạo Trung Quốc trong những năm gần đây đã đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng và tính cấp bách của việc nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo về khoa học - kỹ thuật. Hội nghị Trung ương 5, khóa XVI Đảng Cộng sản Trung Quốc coi việc xây dựng Trung Quốc thành một "đất nước sáng tạo" là một trong những nhiệm vụ chủ yếu trong Quy hoạch 5 năm lần thứ XI phát triển kinh tế - xã hội (2006 - 2010).

Một loạt vấn đề cụ thể được đặt ra đòi hỏi phải nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo. Để thực hiện sự chuyển đổi căn bản trong phương thức tăng trưởng kinh tế đòi hỏi phải sáng tạo trong tiết kiệm, năng lượng, vật tư, bảo vệ môi trường sinh thái, tháo gỡ những ách tắc trong phát triển. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cấp ngành nghề, cải tạo các ngành nghề truyền thống, phát triển các ngành công nghệ cao, đòi hỏi phải tự chủ sáng tạo về khoa học - kỹ thuật và quản lý. Trong bối cảnh cạnh tranh quốc tế ngày càng gay gắt, Trung Quốc cần tăng sức cạnh tranh, nhất là sau khi gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), đòi hỏi phải nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo. Đặc biệt là trong lĩnh vực quốc phòng, tiềm lực quân sự của Trung Quốc phụ thuộc chủ yếu vào năng lực tự chủ sáng tạo về khoa học - kỹ thuật, một cường quốc quân sự không thể chỉ dựa vào vũ khí và phương tiện quân sự mua của nước ngoài.

Hiện nay, Trung Quốc đang áp dụng một loạt biện pháp: tăng đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học kỹ thuật; đổi mới cơ chế hoạt động nghiên cứu khoa học, đặc biệt là chế độ đào tạo tuyển dụng sử dụng ưu đãi nhân tài; nâng cao trình độ dân trí với phương châm "dựa vào khoa học - giáo dục để xây dựng đất nước".

2 – Tăng cường năng lực lãnh đạo phát triển

Lãnh đạo toàn bộ công cuộc cải cách, mở cửa, hiện đại hóa đất nước theo con đường chủ nghĩa xã hội đặc sắc Trung Quốc là sứ mệnh lịch sử cao cả và cũng là nhiệm vụ lịch sử khó khăn của Đảng Cộng sản Trung Quốc. Bối cảnh lịch sử hiện nay đòi hỏi Đảng phải nâng cao hơn nữa năng lực cầm quyền, khâu trung tâm là năng lực lãnh đạo phát triển. "Quyết định của Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc về tăng cường năng lực cầm quyền của Đảng" thông qua tại Hội nghị Trung ương 4, khóa XVI đã nêu rõ:

---

(8) "Ra sức nâng cao năng lực tự chủ sáng tạo, xây dựng một quốc gia sáng tạo", Tạp chí *Cầu Thị*, số 24-2005, tr 3

Digitized by Google

"Nâng cao năng lực cầm quyền của Đảng, trước hết phải nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển của Đảng..., nắm vững quan điểm phát triển một cách khoa học..., thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển" (9).

Để tăng cường năng lực lãnh đạo phát triển, mấy năm qua, Đảng Cộng sản Trung Quốc đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao trình độ lý luận, khả năng nhận thức thực tiễn và trau dồi phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên.

Công tác xây dựng Đảng được tiến hành với sự chỉ đạo của "tư tưởng quan trọng ba đại diện" nhằm nâng cao năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo phát triển kinh tế và văn hóa trong bối cảnh lịch sử mới, giáo dục tư tưởng và tình cảm của người đảng viên luôn gắn bó với quần chúng nhân dân.

Tổng Bí thư Hồ Cẩm Đào trong nhiều bài phát biểu đã kêu gọi cán bộ, đảng viên nắm vững quan điểm phát triển một cách khoa học và quán triệt quan điểm đó trong hoạt động thực tiễn, chủ trương đánh giá năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên phải căn cứ vào năng lực lãnh đạo phát triển và tinh thần phục vụ nhân dân, tất cả vì lợi ích của quần chúng nhân dân hôm nay và các thế hệ con cháu mai sau. Tổng Bí thư cho rằng: "Quan điểm phát triển một cách khoa học là tư tưởng khoa học chỉ đạo phát triển... cán bộ lãnh đạo các cấp cần nâng cao nhận thức cơ sở lý luận, nội dung sâu sắc, yêu cầu cơ bản và ý nghĩa chỉ đạo của quan điểm phát triển một cách khoa học, kiên quyết từ bỏ những quan niệm gây trở ngại cho thực hiện phát triển một cách khoa học, kiên quyết sửa chữa những hành vi trái với quan điểm phát triển một cách khoa học, thực sự xác lập phương pháp tư tưởng theo yêu cầu của quan điểm phát triển một cách khoa học" (10). ❑

(9) Hoàng Trấn Đông: "Quán triệt toàn diện quan điểm phát triển một cách khoa học, ra sức nâng cao năng lực lãnh đạo phát triển", Tạp chí *Cầu Thị*, số 6-2005, tr 15

(10) Hồ Cẩm Đào: "Quán triệt quan điểm phát triển một cách khoa học trong suốt quá trình phát triển", Tạp chí *Cầu Thị*, số 1-2005

PHÁT TRIỂN KINH TẾ...

(Tiếp theo trang 56)

lên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

Biện pháp trước mắt là hoàn chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất nông nghiệp theo vùng, theo cơ cấu cây trồng; ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, nâng cao chất lượng và giá trị sản phẩm, áp dụng các biện pháp thâm canh tăng vụ, tạo bước đột phá về giá trị hàng hóa các sản phẩm nông nghiệp. Chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây trồng đưa nhanh các loại giống mới thay thế bộ giống hiện có. Tiếp tục duy trì và phát triển vụ đông là chính trên địa bàn huyện. Khuyến khích phát triển chăn nuôi đa dạng gia súc, gia cầm, thủy sản, các loại con đặc sản, đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng tập trung dự án thành vùng sản xuất hàng hóa. Phát triển các mô hình kinh tế trang trại theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa các tiến bộ khoa học - công nghệ vào trong sản xuất, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao. Coi trọng công tác chế biến, tiêu thụ sản phẩm từ lĩnh vực nông nghiệp nhằm tăng sức cạnh tranh và tăng giá trị sản phẩm. Để kinh tế nông nghiệp và kinh tế trang trại ở Phú Xuyên tiếp tục phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đề nghị Nhà nước cần sớm có chính sách: Hỗ trợ xây dựng cơ sở hạ tầng như xây trạm điện, đường giao thông, vệ sinh môi trường từ Quỹ hỗ trợ đầu tư; Công tác tín dụng ngân hàng cần đổi mới chính sách huy động vốn trung và dài hạn về thủ tục cho vay, về thời hạn và số lượng vốn vay cho kinh tế hộ phát triển kinh tế gia đình và kinh tế trang trại; Tăng cường chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, cung cấp dịch vụ thông tin kinh tế nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. ❑

Digitized by Google

CON ĐƯỜNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ CỦA TRUNG QUỐC VÀ ẤN ĐỘ

TRẦN VĂN TÙNG *

Từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, trật tự kinh tế thế giới đã có nhiều thay đổi lớn. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, trật tự kinh tế thế giới hai cực mau chóng chuyển sang đa cực. Cùng với xu thế toàn cầu hóa, xu thế hợp tác, phát triển đã thúc đẩy quá trình tự do hóa thương mại và đầu tư vận động theo hướng có lợi cho nhiều nước đang phát triển, đặc biệt là các nước lớn như Trung Quốc và Ấn Độ. Sự xuất hiện của Trung Quốc và Ấn Độ với tư cách là những "người chơi" mới trong nền kinh tế toàn cầu đã làm chúng ta nhớ lại sự xuất hiện của nước Đức trước chiến tranh thế giới thứ hai và Hoa Kỳ đầu thế kỷ XX. Bởi vì những sự kiện đó sẽ góp phần thay đổi trật tự kinh tế thế giới.

1 – Hiện tượng đặc biệt của kinh tế Trung Quốc

Trong suốt những thập kỷ gần đây, báo chí quốc tế bàn nhiều về sự phát triển rất nhanh của nền kinh tế Trung Quốc. Quốc gia này đang trở thành một trung tâm của kinh tế thế giới trong bối cảnh toàn cầu hóa đang phát triển mạnh mẽ.

Nếu so sánh nền kinh tế Trung Quốc với Nhật Bản thì có thể nói rằng, nền kinh tế Trung Quốc đang phát triển theo con đường không phải chủ yếu dựa vào sao chép công nghệ, mà là nơi đầu tư những thành tựu công nghệ mới. Ít có nước nào thay đổi nhanh chóng và mạnh mẽ như Trung Quốc kể từ năm 1970. Quốc gia đông dân nhất thế giới này đã tự do hóa toàn diện nền kinh tế và chuyển từ xuất khẩu hàng hóa tiêu dùng giản đơn có chất lượng thấp sang hàng hóa tinh vi, công nghệ cao nhờ thu hút được hơn 500 tỉ USD vốn đầu tư trong thời kỳ từ năm 1990 - 2003. Nước này đã trở thành "một công xưởng khổng lồ", sản xuất hàng hóa xuất khẩu với kim ngạch 380 tỉ USD vào năm 2003. Trung Quốc chiếm tới 16% mức tăng trưởng của nền kinh tế thế giới vào năm đó và chỉ đứng sau Mỹ.

Những chiến lược thành công của Trung Quốc là do chính sách mở cửa, cải cách, chú trọng vào công nghệ cao và quyết tâm trở thành một "nhà lãnh đạo kinh tế trong khu vực", một cường quốc về kinh tế. Nhờ những tiến bộ vượt bậc về công nghệ, viễn thông, Trung Quốc đã có quyền lực mạnh hơn nhiều trong nền kinh tế toàn cầu khi nó đạt tới thời kỳ hoàng kim nếu so với cuộc cách mạng công nghiệp ở châu Âu diễn ra vào năm 1820. Trung Quốc có ảnh hưởng ngoại giao lớn để củng cố sức mạnh kinh tế và chính trị. Việc phóng thành công tàu Thần Châu 5 có người lái vào năm 2005 cho thấy tiềm lực kinh tế, khoa học công nghệ mạnh mẽ của Trung Quốc. Quyết định mở cửa nền kinh tế bằng cách thúc đẩy hoạt động thương mại và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đưa lại cơ hội cho Trung Quốc

* PGS, TS, Viện Kinh tế và Chính trị thế giới

Digitized by Google

hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế thế giới. Năm 2004, Trung Quốc là nước đứng thứ hai thế giới (sau Mỹ) về thu hút FDI với tổng vốn đầu tư tích lũy chiếm tới hơn 40% GDP.

Ngoài sự tăng trưởng cao đặc biệt do đầu tư nước ngoài tạo ra, sự phát triển của Trung Quốc còn thể hiện ở cam kết phát triển các ngành công nghệ cao, quyết tâm bước nhanh vào kinh tế tri thức. Năm 2004, tổng số điện thoại cố định gần 400 triệu, tăng 90 lần so với năm 1989, 69 triệu người truy cập In-tơ-nét bằng máy tính cá nhân, hơn 200 triệu hộ gia đình Trung Quốc có truyền hình cáp, hơn 200 triệu người sử dụng điện thoại di động, hàng triệu người truy cập In-tơ-nét bằng điện thoại di động. Trung Quốc trở thành một thị trường truyền thông lớn nhất thế giới.

Thành công của Trung Quốc đã làm thay đổi thị trường ngành công nghiệp điện tử châu Á vốn trước đây do Nhật Bản, Hàn Quốc chi phối. Trung Quốc chiếm hơn 30% lượng xuất khẩu hàng điện tử trong khu vực này. Các công ty của Đài Loan là những nhà cung cấp linh kiện điện tử chủ yếu cho các công ty sản xuất máy tính hàng đầu Trung Quốc. Nhờ vậy, Trung Quốc có thể sản xuất ra số lượng lớn các máy tính xuất khẩu sang phần còn lại của thế giới.

Mức tăng trưởng ấn tượng gần đây về xuất khẩu và nhập khẩu cho thấy Trung Quốc đã trở thành một "mắt xích" rất quan trọng trong chuỗi sản xuất toàn cầu đối với nhiều loại sản phẩm. Mười lăm năm trước đây, dòng thương mại nội vùng châu Á rất đơn giản. Hàng hóa và linh kiện điện tử được xuất khẩu từ Nhật Bản, đi đến các nước NIEs để chế biến, sau đó lại xuất khẩu sang các nước công nghiệp. Việc Trung Quốc mở cửa thị trường đã bổ sung thêm một "mắt xích" của chuỗi sản xuất này. Dòng chảy đó là một bằng chứng cho thấy Trung Quốc nổi lên thành một trung tâm kép. Nói cách khác, Trung Quốc trở thành một trung tâm chế tạo cho phần còn lại của thế giới hàng hóa cấp thấp sử dụng nhiều lao động, đồng thời cũng là trung tâm chế tạo những hàng hóa có hàm lượng vốn và công nghệ cao. Sự bùng nổ xuất khẩu, nhập khẩu và đầu tư nước ngoài tại Trung Quốc là động lực cho sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Trong thập kỷ 90 của thế kỷ trước, kim ngạch nhập khẩu của Trung Quốc từ châu Á tăng nhanh, từ 4,1 tỉ USD (năm 1990) lên 370 tỉ USD (năm 2004) và xuất khẩu tăng từ 4,6 tỉ USD lên 380 tỉ USD. Nếu Trung Quốc vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng xuất nhập khẩu như hiện nay thì trong vài năm tới, kim ngạch xuất khẩu của nước này sẽ vượt Nhật Bản. Chính nhờ những thành công của Trung Quốc nên Mỹ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc yêu cầu Trung Quốc phải điều chỉnh lại giá trị đồng nhân dân tệ để giảm lượng hàng hóa xuất khẩu của Trung Quốc sang các nước này. Nhờ tỷ giá cố định, Trung Quốc kể cả Hồng Công hiện nay, đang có lượng dự trữ ngoại tệ lên tới 649 tỉ USD.

2 – Ấn Độ theo đuổi chính sách trở thành cường quốc

Theo dự báo của IMF, WB và nhiều công trình nghiên cứu, Ấn Độ có thể trở thành một cường quốc kinh tế vào giữa thế kỷ XXI với GDP đạt khoảng 30.000 tỉ USD, vượt Nhật Bản và chỉ đứng sau Mỹ. Liệu dự báo này có trở thành hiện thực hay không?

Trong quá trình toàn cầu hóa, Ấn Độ là nước có nhiều tiềm năng thu hút đầu tư nước ngoài phục vụ cho xuất khẩu hàng công nghệ cao. So với Trung Quốc, Ấn Độ thua xa về thu hút đầu tư nước ngoài. Năm 2002, Trung Quốc thu hút 52 tỉ USD FDI trong khi đó Ấn Độ chỉ thu hút được 6 tỉ USD. Nhưng Ấn Độ phát huy thế mạnh khác là sử dụng nguồn nhân lực tài năng qua đào tạo, đặc biệt trong lĩnh vực toán học và công nghệ ở trong và ngoài nước. Nhiều đánh giá cho rằng sau khi Trung Quốc trở thành "công xưởng" của thế giới thì Ấn Độ được lợi từ quá trình toàn cầu hóa do di chuyển lao động có kỹ năng. Nhiều công ty lớn trên thế giới đã sử dụng đội ngũ nhân công lành nghề Ấn Độ. Sự cất cánh của công nghệ Ấn Độ là một hiện tượng thần kỳ đang đe dọa nhiều

Digitized by Google

quốc gia, kể cả Mỹ. Năm 2000, Ấn Độ mới xuất khẩu được 6 tỉ USD sản phẩm phần mềm. Ước tính đến năm 2008, con số đó là hơn 50 tỉ USD, chiếm 1/3 tổng kim ngạch xuất khẩu của quốc gia. Hiện nay, 300 công ty xuyên quốc gia trong số 500 công ty lớn nhất thế giới có hợp đồng mua phần mềm của Ấn Độ. Trí tuệ Ấn Độ đang có giá làm cho tỷ lệ kỹ sư phần mềm thất nghiệp của Mỹ tăng gấp đôi. Số lượng kỹ sư công nghệ thông tin làm việc tại Băng-ga-lo của Ấn Độ là 150 nghìn người, nhiều hơn cả thung lũng Xi-li-côn của Mỹ (120 nghìn người). Ít nhất có tới 1/3 sản lượng của ngành công nghệ thông tin Mỹ được thực hiện ở nước ngoài, chủ yếu là ở Ấn Độ với khoảng 3 triệu chỗ làm việc. Ấn Độ đang tiếp quản nhiều việc làm từ các quốc gia khác bởi vì lương kỹ sư công nghệ của Ấn Độ khá cao, khoảng 10.000 USD/ năm. Chính nguồn chất xám có chỉ số IQ cao, chi phí thấp, nói tiếng Anh thành thạo giúp cho Ấn Độ vượt Trung Quốc trong việc gây ảnh hưởng với Mỹ, ít nhất là trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Ngoài công nghệ thông tin, phân tích tài chính cũng là một thế mạnh của các chuyên gia Ấn Độ. Các công ty chứng khoán phố Uôn đã chuyển nhiều hợp đồng phân tích tài chính cho các trung tâm thuộc miền Nam Ấn Độ.

Ấn Độ có chiến lược phát triển giáo dục tốt, tạo ra đội ngũ nhân lực tài năng trong những ngành công nghiệp cao. Để phát triển đất nước theo con đường nhanh nhất, Chính phủ Ấn Độ xác định cần phải đầu tư ở mức cao về vốn, nhân lực cho việc phát triển các lĩnh vực công nghệ cao. Ấn Độ khuyến khích các nhà khoa học - công nghệ Ấn Độ đang hoạt động tại Mỹ trở về giảng dạy và lập các trường đại học ở trong nước. Nhiều người Mỹ gốc Ấn đã giúp chính phủ Ấn Độ thành lập các trường kinh doanh, công nghệ, liên kết với các trường đại học của Mỹ để thu hút các nhân tài gốc Ấn về nước. Theo đánh giá của WB, kinh tế Ấn Độ đạt tốc độ tăng trưởng 7,5% vào năm 2005 là nhờ đóng góp của các lĩnh vực công nghệ cao, chủ lực là công nghệ thông tin và công nghệ tự động hóa.

Bên cạnh việc phát triển các ngành công nghệ cao, các ngành công nghiệp tập trung nhiều lợi thế về nguồn tài nguyên, lao động dồi dào cũng được Chính phủ Ấn Độ chú ý phát triển, điển hình là ngành dệt may. Ngành dịch vụ hiện là một thế mạnh của Ấn Độ và có xu thế tăng trưởng nhanh hơn công nghiệp chế tạo, đây là một đặc điểm khác với Trung Quốc. Trong những thập kỷ vừa qua, ngành dịch vụ của Ấn Độ luôn đạt mức tăng trưởng 9%/năm ngay cả khi tốc độ tăng trưởng GDP chỉ đạt 5%. Nhiều đánh giá cho rằng, quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế dựa vào công nghệ cao, ngành dịch vụ và nhân lực tài năng của Ấn Độ có thể vượt Trung Quốc và đe dọa cả ngành dịch vụ của Mỹ. Với thị trường mở cửa, môi trường đầu tư luôn được cải thiện thì khả năng cạnh tranh của Ấn Độ, theo đánh giá của Diễn đàn kinh tế thế giới, là ngang bằng với Pháp và Tây Ban Nha.

Việc Ấn Độ trở thành cường quốc hạt nhân, đạt trình độ công nghệ cao tầm cỡ thế giới trong lĩnh vực công nghệ thông tin, đã làm cho uy tín của nước này ngày càng tăng lên.

3 – Một vài đánh giá so sánh

Một số nhà kinh tế học của Đại học Ha-vớt (Mỹ) cho rằng, Trung Quốc dùng đầu tư nước ngoài làm đòn bẩy tặng trưởng kinh tế. Biện pháp chính sách của Ấn Độ dựa vào công nghệ thông tin, dịch vụ mang lại hiệu quả chậm hơn nhưng bền vững hơn. Mục tiêu của hai nước đều muốn trở thành cường quốc về kinh tế, nhưng không phải con đường phát triển không có những khó khăn thách thức.

a – Trường hợp Trung Quốc

Trung Quốc đạt được những kết quả rất đáng ghi nhận trong phát triển kinh tế - xã hội khi thực hiện quá trình cải cách, mở cửa. Tuy nhiên, quá trình này cũng gặp phải những khó khăn, thách thức rất lớn.

Thứ nhất, nghèo khổ và bất bình đẳng tiếp tục gia tăng. Trung Quốc có số dân khổng lồ, với hơn 1,3 tỉ người, hằng năm tăng thêm 16 triệu người. Từ năm 1990 đến 1999, dân số

Digitized by Google

trong độ tuổi lao động tăng thêm hơn 150 triệu người. Gần 70% dân số Trung Quốc sống ở nông thôn. Trước đây, tăng trưởng của Trung Quốc chủ yếu do các xí nghiệp vừa và nhỏ tạo ra. Sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, các doanh nghiệp nhỏ sử dụng công nghệ lạc hậu không thể cạnh tranh với các công ty lớn của nước ngoài đang đầu tư tại Trung Quốc. Hàng loạt xí nghiệp hương trấn đứng trước hoàn cảnh hoặc phải đóng cửa, hoặc phải sáp nhập và phá sản. Số lượng lao động thất nghiệp ở nông thôn đang tăng nhanh. Lao động không qua đào tạo có thu nhập thấp hơn, hậu quả là 150 triệu người di chuyển vào các thành phố lớn tìm kiếm việc làm, bất bình đẳng xã hội tăng cao. Nhiều nhà kinh tế học phương Tây cho rằng, cách thức thúc đẩy tăng trưởng sẽ là hợp lý hơn nếu như Trung Quốc có chính sách đầu tư phát triển các doanh nghiệp trong nước để họ nâng cao năng lực cạnh tranh với doanh nghiệp nước ngoài thay vì thu hút FDI để thúc đẩy tăng trưởng. Bởi vì cách thức đó tạo ra số lượng người thất nghiệp tăng. Chênh lệch về phát triển giữa miền Đông và miền Tây rất lớn. Thậm chí dẫn đến tình trạng dư thừa công suất trong một số ngành sản xuất.

Thứ hai, tình trạng xuống cấp của môi trường Trung Quốc là một thách thức to lớn sau thách thức về bất bình đẳng thu nhập. Môi trường của Trung Quốc ngày càng bị ô nhiễm nghiêm trọng do tốc độ tăng trưởng kinh tế quá nóng trong thời gian qua.

Tăng trưởng về công nghiệp khuyến khích các xí nghiệp mở rộng quy mô sử dụng nhiều năng lượng. Trung Quốc có trữ lượng dầu mỏ, khí đốt hạn chế, nhưng trữ lượng than khổng lồ, do đó hầu hết các xí nghiệp sử dụng năng lượng than. Khai thác than với chi phí thấp đã đáp ứng nhu cầu tăng vọt về năng lượng nhằm thỏa mãn yêu cầu của cuộc cách mạng công nghiệp. Năm 2004 Trung Quốc đã khai thác hơn 1,2 tỉ tấn than và sử dụng tới 3/4 lượng than của cả thế giới.

Thứ ba, một cuộc khủng hoảng tài chính có thể xảy ra ở Trung Quốc do việc bơm tiền vào nền kinh tế. Trong thời kỳ 1997 - 1998, các xí nghiệp của Trung Quốc đã vay 120 tỉ USD/năm, chiếm 80 - 90% tổng tín dụng mà các ngân hàng và tổ chức tài chính khác đã cho Trung Quốc vay. Theo thẩm định, các khoản tín dụng này không có hiệu quả, có tới 20 - 25% vốn tín dụng của ngân hàng Trung Quốc là khoản nợ khó đòi, tăng từ 250 tỉ USD năm 1997 lên 600 tỉ USD năm 2002.

b – Trường hợp Ấn Độ

Trước hết, Ấn Độ đã có những thành tích đáng tự hào trong phát triển công nghiệp dựa vào các ngành công nghiệp chế tạo, tự động hóa, công nghệ thông tin. Theo đánh giá của Tạp chí tài chính *Forbers,* năm 2002, trong 200 công ty phát triển tốt nhất thế giới thì Ấn Độ có 13 công ty, Trung Quốc chỉ có 4 công ty. Tuy nhiên, số lượng các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh cao của Ấn Độ trên thế giới chưa nhiều. Hầu hết các ngành công nghiệp trong nước hiện đang thiếu khả năng tham gia vào những sân chơi lớn, do chính phủ chưa chú ý phát triển toàn diện các ngành công nghiệp. Do thiếu vốn đầu tư để sản xuất hàng hóa xuất khẩu, Ấn Độ đang gặp khó khăn trong việc đuổi kịp tốc độ các nước Đông Á về tăng trưởng. Thực tế cho thấy, Ấn Độ cần phải cải thiện môi trường đầu tư để thu hút các nhà đầu tư phục vụ xuất khẩu.

Thứ hai, Ấn Độ là nước đang phát triển, nhưng lại có mức bảo hộ mậu dịch tương đối cao. Nhiều khu vực kinh tế chưa được cải cách. Cơ cấu kinh tế chuyển đổi rất chậm, tình trạng nghèo đói ở nông thôn không được cải thiện. Một quốc gia với số dân hơn 1 tỉ người nhưng 35% - 40% dân số Ấn Độ mù chữ, cứ 3 người thì có 1 người phải xoay sở với cuộc sống dưới 1 USD/ngày. Tỷ lệ người có thu nhập dưới 1 USD/ngày của Ấn Độ là 35% (cao hơn so với tỷ lệ của Trung Quốc hiện là 22%).

Thứ ba, Ấn Độ là cường quốc đang nổi lên và đã có những thay đổi đáng kể về thể chế chính trị, tư duy chiến lược. Những thay đổi đó được vận dụng rất có hiệu quả trong chính sách đối ngoại của mình. Tuy nhiên, kẻ thù trí tuệ

Digitized by Google

của nước này là sự phân biệt đối xử, trọng nam khinh nữ và sự xuất hiện trở lại tư tưởng cuồng tín của các tín đồ Hin-đu. Thể chế chính trị là dân chủ, nhưng xung đột tôn giáo có thể phá hủy nền kinh tế, trong bối cảnh những cơ hội cho phát triển của Ấn Độ vẫn chưa chắc chắn. Đối với Ấn Độ, cải cách xã hội là một thách thức rất lớn.

4 – Trung Quốc và Ấn Độ trên bản đồ thế giới

Những thập kỷ trước đây, có người cho rằng toàn cầu hóa là "Mỹ hóa", ngược lại, những đánh giá gần đây cho thấy thế kỷ XXI là thế kỷ của châu Á với sự nổi lên của Trung Quốc và Ấn Độ. Sự kết hợp giữa tốc độ tăng trưởng cao, liên tục, năng lực quân sự hùng mạnh, dân số đông sẽ là cơ sở vững chắc làm tăng quyền lực kinh tế và chính trị của hai quốc gia này. Do dân số của Trung Quốc và Ấn Độ tăng nhanh, ước tính vào năm 2020 dân số Trung Quốc khoảng 1,4 tỉ và Ấn Độ 1,3 tỉ người nên mức sống ở những nước này chưa đạt ngang mức sống của các nước phương Tây, nhưng họ vẫn là cường quốc kinh tế. Tổng sản phẩm quốc nội của Trung Quốc có thể vượt qua tất cả các nước (trừ Mỹ) và Ấn Độ sẽ đuổi kịp các nền kinh tế Tây Âu. Tất cả những lợi ích của toàn cầu hóa sẽ không chia đều cho các quốc gia. Mặc dầu cho đến năm 2020, Mỹ có thể vẫn tiếp tục giữ vị trí hàng đầu, thế nhưng khoảng cách giữa Mỹ, Trung Quốc và Ấn Độ sẽ bị thu hẹp. Bởi vì những lợi ích của toàn cầu hóa sẽ đổ dồn vào những nước tiếp thu được công nghệ mới, do quá trình lan tỏa công nghệ giữa các nước công nghiệp sang các nước đang phát triển rất nhanh chóng. Theo đuổi chính sách tiếp thu công nghệ toàn cầu giúp cho các nước đang phát triển có thể bỏ qua một số giai đoạn của quá trình phát triển để đến giai đoạn mà một số quốc gia hàng đầu về công nghệ như Mỹ và Tây Âu phải nỗ lực trong suốt thời gian dài mới sản sinh ra công nghệ mới. Trung Quốc và Ấn Độ là những nước tranh thủ được các cơ hội đó và họ cũng đang đầu tư nhiều hơn cho nghiên cứu khoa học cơ bản để thống trị một số lĩnh vực chủ chốt trên thế giới. Mỹ sẽ phải chứng kiến quyền lực của mình bị xói mòn cho dù đến năm 2020, họ vẫn có khả năng giữ vị trí hàng đầu trên mọi phương diện quyền lực. Tăng trưởng mạnh mẽ của Trung Quốc và Ấn Độ trong vòng 20 năm tới có thể sẽ không chỉ tái định hình quá trình toàn cầu hóa, làm cho bộ mặt toàn cầu hóa không còn mang đặc điểm phương Tây, mà còn thay đổi cả sân chơi chính trị.

Sự lớn mạnh của Trung Quốc khiến nước này cùng với EU, Nhật Bản, Nga, Ấn Độ trở thành những mũi chủ lực phá thế đơn cực. Để làm giảm sức ép từ Mỹ, Trung Quốc đã thiết lập các quan hệ đối tác với Nga và Ấn Độ. Nhờ các quan hệ ngày càng thắt chặt trên nguyên tắc cởi mở giữa ba nước Nga - Trung - Ấn, trục liên minh này phần nào đã làm giảm sức ép của Mỹ và phương Tây trong việc giải quyết các cuộc tranh chấp quốc tế.

Trong nhiều thập kỷ qua, quan hệ Trung - Ấn đã trải qua nhiều thăng trầm. Năm 2002, sau chuyến thăm của cựu Thủ tướng Trung Quốc Chu Dung Cơ, quan hệ hai nước đã có những thay đổi lớn. Sự thay đổi gần đây dựa vào những biến động sau thời kỳ chiến tranh lạnh, trong bối cảnh quốc tế chuyển từ quan hệ chính trị sang quan hệ kinh tế. Trung Quốc và Ấn Độ là hai quốc gia đang phát triển lớn nhất thế giới. Sự hòa hợp về mục tiêu phát triển và lợi ích quốc gia là nhân tố để hai nước xích lại gần nhau hơn. Tình hình quốc tế sau sự kiện ngày 11-9-2001 cũng tạo lập cơ sở cho hai nước hợp tác chống khủng bố. Ngày 23-6-2003 tại Bắc Kinh, Trung Quốc và Ấn Độ đã ký "Tuyên bố nguyên tắc quan hệ và hợp tác toàn diện" Trung - Ấn. Tuyên bố bảo đảm cho hai nước phát triển quan hệ đối tác, hợp tác lâu dài cùng tồn tại hòa bình, tôn trọng lẫn nhau, giữ vững sự ổn định và phồn vinh tại khu vực châu Á và trên thế giới. Ngoài các hiệp định hợp tác kinh tế, Trung Quốc và Ấn Độ cũng đang tích cực hợp tác trong lĩnh vực quân sự, kinh tế. Trong vài năm tới, Trung Quốc sẽ thay thế Mỹ trở thành là đối tác thương mại lớn nhất của Ấn Độ. ❑

Digitized by Google





ĐẠI HỌC HUẾ

Địa chỉ: 03 Lê Lợi, thành phố Huế * Điện thoại: 054.825 866 - 832 093 * Fax: 054.825 902

Giám đốc: NGƯT.GS.TSKH NGUYỄN VIỄN THỌ

Bí thư Đảng ủy - Phó Giám đốc: NGƯT.PGS.TS NGUYỄN VĂN TOÀN

Phó Giám đốc: NGƯT.PGS.TS: NGUYỄN ĐỨC HƯNG

Đại học Huế là một trong năm Đại học Quốc gia và khu vực hàng đầu của Việt Nam, được thành lập theo Nghị định 30/CP, ngày 04/4/1994, của Chính phủ. Đại học Huế có truyền thống hoạt động giáo dục, đào tạo trên vùng đất Cố đô Huế lịch sử - Di sản văn hoá của nhân loại - cách đây tròn nửa thế kỷ (3/1957 - 2006).

Là một Đại học vùng đa ngành, đa lĩnh vực, trung tâm văn hoá, đầu mối giao lưu văn hoá và khoa học lớn nhất miền Trung, ĐH Huế hiện có 7 trường ĐH thành viên: Trường ĐH Sư phạm, ĐH Khoa học, ĐH Y khoa, ĐH Nông Lâm, ĐH Kinh tế, ĐH Nghệ thuật, ĐH Ngoại ngữ, Khoa Giáo dục thể chất trực thuộc và Phân hiệu ĐH Huế tại tỉnh Quảng Trị. Ngoài ra ĐH Huế còn có nhiều Trung tâm nghiên cứu, giảng dạy thực hành và chuyển giao công nghệ trực thuộc.

ĐỘI NGŨ CÁN BỘ:

- 2.800 Cán bộ công chức, trong đó có 1.500 giảng viên.
- 80 giáo sư và phó giáo sư.
- 350 giảng viên cao cấp và giảng viên chính.
- 350 tiến sĩ khoa học và tiến sĩ.
- 650 thạc sĩ.

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

- 80 ngành cử nhân.
- 61 chuyên ngành thạc sĩ.
- 22 chuyên ngành tiến sĩ.
- 45 chuyên ngành bác sĩ chuyên khoa cấp I, II và bác sĩ nội trú.

QUY MÔ ĐÀO TẠO HIỆN NAY:

-Hệ chính quy:	20.000 sinh viên.
- Hệ tại chức, chuyên tu:	22.000 sinh viên.
- Hệ đào tạo từ xa tại các địa phương:	45.000 học viên.

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ:

Hằng trăm đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, cấp bộ, cấp tỉnh, cấp cơ sở đã góp phần xác lập các luận cứ khoa học, nhằm đổi mới, hoàn thiện các cơ chế quản lý, chính sách kinh tế - xã hội, đề xuất các điều kiện giải pháp thúc đẩy sản xuất, tăng trưởng kinh tế bền vững của khu vực.

HỢP TÁC QUỐC TẾ:

Quan hệ hợp tác trao đổi song phương với trên 100 Trường, Viện ĐH, Tổ chức quốc tế ở các khu vực: Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á - Thái Bình Dương...

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN:

Đại học Huế được Chính phủ phê duyệt Đề án "*Quy hoạch phát triển tổng thể ĐH trọng điểm đến năm 2015*" với mục tiêu chung: "*Xây dựng ĐH Huế trọng điểm là trung tâm đào tạo đa ngành, đa lĩnh vực, đa cấp, đa hệ, chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn quốc gia và khu vực về các lĩnh vực khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, y dược, khoa học kỹ thuật và công nghệ; là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của khu vực miền Trung và của cả nước; là trung tâm hợp tác và giao lưu về khoa học công nghệ, khoa học xã hội nhân văn và khoa học giáo dục trong nước và quốc tế nhằm đáp ứng nhu cầu sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước*".




Lễ Tốt Nghiệp Thạc Sĩ

Digitized by Google

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

Vietnamnational coal, minerals industries group- vinacomin

Đảng và Nhà nước đã phong tặng:

Huân chương Sao Vàng cho công nhân, cán bộ ngành than năm 1996.

Danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới cho Tổng công ty TVN tháng 1 - 2005.

Xe Kamaz và xe Kraz lắp ráp, sản xuất tại Tập đoàn TKS





Chào mừng 81 năm ngày Báo chí Cách mạng Việt Nam

21/6/1925 - 21/6/2006

Địa chỉ: 226 Lê Duẩn - Q. Đống Đa - Tp. Hà Nội

Điện thoại: (84-4)5 180 141 , 8 510 780 * **Fax:** (84-4)5 180 724

Email: vanphong@vinacoal.com.vn * **Website:** www.vinacoal.com.vn

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY SÔNG ĐÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG



Bí thư - CTHĐQT
TRẦN NGỌC LAN

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Công ty cổ phần Sông Đà 10 là đơn vị thành viên của Tổng công ty Sông Đà có chuyên ngành xây dựng.

- Công trình ngầm, công trình thủy điện.
- Công trình công nghiệp.
- Công trình công cộng, nhà ở.
- Công trình thủy lợi, giao thông.
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông.
- Xuất khẩu vật tư thiết bị công nghệ xây dựng

25 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG TY ĐƯỢC NHÀ NƯỚC PHONG TẶNG CÁC DANH HIỆU:

- Đơn vị Anh hùng Lao động năm 1998
- Huân chương Độc lập hạng Nhất năm 2003
- Huân chương Độc lập hạng Nhì 1995
- Huân chương Độc lập hạng Ba năm 1989
- Huân chương Lao động hạng Nhì năm 1986
- Huân chương Lao động hạng Ba năm 1998
- 06 cá nhân Anh hùng Lao động

CÁC ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 10.1
138 Lê lợi - phố Hoa Lư - TP Pleiku - Gia Lai

XÍ NGHIỆP SÔNG ĐÀ 10.2
Hòa Hiệp - Liên Chiểu - Đà Nẵng

XÍ NGHIỆP SÔNG ĐÀ 10.3
Thủy điện Tuyên Quang - Nà Hang - Tuyên Quang

XÍ NGHIỆP SÔNG ĐÀ 10.4
Hướng Tân - Hướng Hóa - Quảng Trị

XÍ NGHIỆP SÔNG ĐÀ 10.5
Xuân Mỹ - Thường Xuân - Thanh Hóa

XÍ NGHIỆP SÔNG ĐÀ 10.6
Xã Ít Ong - Huyện Mường La - Tỉnh Sơn La

XÍ NGHIỆP SÔNG ĐÀ 10.7
Công trình thủy điện Sê Ka Man 3





ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2010

Xây dựng và phát triển công ty trở thành một đơn vị xây lắp chuyên ngành mạnh có khả năng thi công trọn gói các công trình lớn ở trong nước và khu vực.

⌘ Thực hiện đa dạng hóa ngành nghề, đa dạng hóa sản phẩm và chế độ sở hữu trên cơ sở duy trì và phát triển ngành nghề truyền thống của công ty.

⌘ Phát huy cao độ mọi nguồn lực để nâng cao năng lực cạnh tranh lấy hiệu quả kinh tế làm thước đo chủ yếu cho sự phát triển bền vững của công ty, góp phần vào việc xây dựng và phát triển Tổng công ty Sông Đà trở thành một tập đoàn kinh tế mạnh.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2010

- Tổng giá trị sản xuất kinh doanh 1.014 tỉ đồng
- Tổng doanh thu 924 tỉ đồng.
- Lợi nhuận đạt được 40,4 tỉ đồng.
- Nộp ngân sách nhà nước 72 tỉ đồng.
- Vốn tự có 120 tỉ đồng.
- Lao động 4.415 người.
- Thu nhập bình quân 3,5 triệu đồng/ người/ tháng.

Trụ sở: Tầng 5 Tòa nhà Tổng công ty Sông Đà - Đường Phạm Hùng - Mỹ Đình - Từ Liêm - Hà Nội.
Điện thoại: (84-4) 7 683 998 Fax: (84-4) 7 683 997

Digitized by Google

Tập Đoàn Bưu Chính Viễn Thông VIỆT NAM
Bưu Điện Tỉnh KHÁNH HÒA
02 Trần Phú - Nha Trang - Khánh Hòa
Tel: (058) 828828 / 821002 / Fax: (058) 823805

VNPT



THÀNH TÍCH

Trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ:
Được tặng thưởng 5 Huy chương Giải phóng các hạng. Trong công cuộc xây dựng CNXH: Bưu điện tỉnh đã được nhà nước tặng thưởng một Huân chương Độc lập hạng Ba, các Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì và Ba.
Nhiều năm liền được tặng thưởng Cờ luân lưu của Chính phủ về thành tích dẫn đầu ngành Bưu điện trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, công tác khoa học công nghệ, sản xuất kinh doanh và phát triển mạng lưới.

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ

- Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành khai thác và cung cấp các dịch vụ trên mạng lưới bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin thuộc địa bàn tỉnh Khánh Hòa.
- Tư vấn, khảo sát, xây lắp chuyên ngành thông tin liên lạc. Xây dựng lắp đặt các loại tổng đài và mạng lưới. Thiết kế các công trình thông tin chuyên dụng.
- Kinh doanh vật tư thiết bị chuyên ngành Bưu chính - Viễn thông.
- Phục vụ thông tin biển đảo.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

1- CÔNG TY ĐIỆN BÁO - ĐIỆN THOẠI
2- BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ NHA TRANG
3- CÔNG TY XÂY LẮP BƯU ĐIỆN
4- BƯU ĐIỆN HỆ I
5- BƯU ĐIỆN THỊ XÃ CAM RANH
6- BƯU ĐIỆN HUYỆN DIÊN KHÁNH
7- BƯU ĐIỆN HUYỆN NINH HÒA
8- BƯU ĐIỆN HUYỆN VẠN NINH
9- BƯU ĐIỆN HUYỆN KHÁNH SƠN
10- BƯU ĐIỆN HUYỆN KHÁNH VĨNH

Cuộc sống đích thực

Digitized by Google

XI MĂNG HÀ TIÊN 1
Lớn mạnh
do bạn và vì bạn

VỮA XÂY – VỮA TÔ – GẠCH BLOCK
XI MĂNG HÀ TIÊN 1

Vật liệu MỚI

CHO CÔNG NGHỆ MỚI



Viên gạch của chúng ta trước kia được tạo thành từ đất và những chiếc lò gạch ngút khói.

Bây giờ thì sao? Những viên gạch được sản xuất theo dây chuyền với công nghệ hiện đại ở trong nhà máy, chúng được trộn theo một công thức đặc biệt của đá, chất phụ gia và xi măng. Các chuyên gia của Xi măng Hà Tiên 1 trước đó đã phải tính toán cẩn trọng về độ chịu ẩm, độ chịu lực, chịu nhiệt để sao cho chúng không những thật vững chắc mà còn phải cách âm tốt và sử dụng tiện lợi. Những chiếc lò gạch xưa kia giờ đây đã được thay thế bằng nhà máy mới khang trang và hiện đại!

Gạch block, công ty Xi măng Hà Tiên 1, sản phẩm mới cho thời đại mới.



VỮA XÂY - VỮA TÔ


GẠCH XÂY CỘT


GẠCH DEMI


GẠCH THẺ


GẠCH XÂY TƯỜNG ĐƠN


GẠCH XÂY TƯỜNG ĐÔI


GẠCH TRỐNG CỎ

9-19 Hồ Tùng Mậu, P. Nguyễn Thái Bình, Q.1, TP. HCM ✿ Tel: (84) 8215 545 ✿ Fax: (84) 8215 540

Digitized by Google



Hiệu trưởng
DƯƠNG XUÂN ĐỤC

TRƯỜNG DẠY NGHỀ SỐ 3 - BỘ QUỐC PHÒNG

ĐỊA CHỈ: 248 LÊ DUẨN, KIẾN AN, HẢI PHÒNG

ĐIỆN THOẠI: 031.877 987; 876 250; 696 241 * FAX: 84-31.777 362; 790 218

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

- Đào tạo nghề chính quy dài hạn, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho quân nhân xuất ngũ và các đối tượng chính sách xã hội.
- Tổ chức đào tạo nghề, bồi dưỡng tay nghề gắn với tạo việc làm, giới thiệu việc làm, thực hiện cung ứng lao động, tuyển lao động cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu sử dụng lao động hợp tác trong và ngoài nước.
- Tổ chức sản xuất và dịch vụ nhằm tạo việc làm tại chỗ, tận dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, kết hợp với dạy nghề và nâng cao tay nghề, chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật.

CÁC NGHỀ ĐANG ĐÀO TẠO TẠI TRƯỜNG

Các nghề ngắn hạn: Lái xe ôtô dân sự các loại; Lái xê ô tô quân sự; Điện tử dân dụng; Điện dân dụng; Hàn; Nề; Tin học văn phòng; Cấp thoát nước; Vệ sỹ; Giáo dục định hướng XKLĐ; Ngoại ngữ (tiếng Hàn quốc).

Các nghề dài hạn: Sửa chữa ôtô bậc 3/7; Vận hành máy thi công nền bậc 3/7; Xây dựng (Nề) bậc 3/7; CNKT Hàn bậc 3/7; Sửa chữa xe máy bậc 2/7; May công nghiệp bậc 2/6; Điện dân dụng bậc 2/7; Sửa chữa thiết bị lạnh bậc 2/7; Lái cẩu bậc 2/7; Vận hành máy xúc - đào bậc 3/7 (dự kiến); Điện xí nghiệp bậc 3/7 (dự kiến).

Liên kết đào tạo: Đại học Nông nghiệp gồm ngành trồng trọt, ngành nghề kinh tế nông nghiệp, cao đẳng động lực, cao đẳng văn hóa cơ sở, trung học May - thiết kế thời trang.



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Phát huy thành tích vẻ vang hơn 45 năm trường Lái xe quân khu 3. Nhà trường luôn hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ, kết quả đào tạo dạy nghề hàng năm đạt từ 3.000- 9.000 người; Giải quyết việc làm sau đào tạo từ 1.500- 3.500 người; Năm 2000 đạt danh hiệu Trường tiên tiến xuất sắc; Năm 2001 đạt cờ thi đua của UBND thành phố Hải Phòng; Năm 2002 được bằng khen của Bộ quốc phòng, bằng khen của Bộ GD & ĐT, cờ thi đua của Bộ LĐTB & XH, năm 2003 được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng Nhì; Năm 2004 được Bộ Tư Lệnh Quân khu 3, Bộ LĐTB & XH tặng cờ Thi đua, năm 2006 tặng cờ Thi đua của Thủ Tướng Chính phủ.



Giờ lên lớp ĐTCNKT sửa chữa ôtô bậc 3/7

KHU KINH TẾ CỬA KHẨU TÀ LÙNG

Địa chỉ: Thị trấn Tà Lùng, huyện Phục Hòa, tỉnh Cao Bằng * Điện thoại: (84-26) 824 061/ 824 295

TRƯỞNG BAN QUẢN LÝ: NGUYỄN ANH TUẤN



Về quan điểm: Vận dụng các nghị quyết của Đảng, chính sách của Nhà nước về chủ động hội nhập kinh tế và Nghị quyết 06/NQ-TU của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh Cao Bằng, khóa XV về phát triển kinh tế cửa khẩu giai đoạn 2001- 2010; quan điểm chỉ đạo của tỉnh Cao Bằng về phát triển kinh tế cửa khẩu Tà Lùng là:

- Phát triển kinh tế cửa khẩu và đầu tư có hiệu quả nhất là cơ sở hạ tầng để đẩy nhanh thu hút đầu tư và tăng trưởng kinh tế để phát triển thành khu kinh tế mở trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy kinh tế trọng điểm của tỉnh Cao Bằng, phấn đấu đến năm 2020 trở thành đô thị sầm uất, giầu đẹp, văn minh làm cầu nối giữa Tà Lùng - Cao Bằng (Việt Nam) và Long Châu - Quảng Tây (Trung Quốc).
- Mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại với Quảng Tây (Trung Quốc) nhất là lĩnh vực thương mại, xuất nhập khẩu; quan tâm đến trao đổi hàng hóa và buôn bán của dân cư, đẩy mạnh hoạt động biên mậu.
- Tạo lập môi trường, cơ chế chính sách thông thoáng và hành lang pháp lý cho các hoạt động tại khu vực cửa khẩu.
- Đảm bảo phát triển kinh tế cửa khẩu bền vững, bảo vệ môi trường sinh thái.

Về định hướng: Khu kinh tế cửa khẩu Tà Lùng - huyện Phục Hòa - tỉnh Cao Bằng được đầu tư xây dựng để trở thành một vùng kinh tế trọng điểm, là khu vực phát triển năng động nhất, đóng vai trò động lực phát triển kinh tế xã hội, là trọng tâm chuyển dịch cơ cấu kinh tế của cả tỉnh; tạo môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho các thành phần kinh tế hoạt động thương mại và xuất nhập khẩu.

- Xây dựng thành trung tâm giao dịch thương mại với các hoạt động: Xuất nhập khẩu, quá cảnh; chuyển tải hàng hóa; thông tin thương mại; tư vấn đầu tư.
- Tập trung đầu tư cơ sở hạ tầng theo hướng văn minh, hiện đại nâng cấp lên thành cửa khẩu quốc tế để đáp ứng yêu cầu xuất-nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, du lịch ngày càng tăng.
- Cung ứng các loại dịch vụ về cơ sở hạ tầng sân kho, bến bãi, bảo hiểm, tài chính, ngân hàng, vận tải, thông tin liên lạc... bảo đảm cho các hoạt động giao lưu qua cửa khẩu; tạo điều kiện thuận lợi thu hút vốn đầu tư trong và ngoài nước và dòng du lịch quốc tế tới Cao Bằng nói chung và Tà Lùng- Phục Hòa nói riêng.

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 827536



Vì ích nước, lợi nhà
hãy mua
vé số Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT DỊCH VỤ TỔNG HỢP ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Số 03 Quốc lộ 1K - TP.Biên Hòa - Đồng Nai
ĐT: (061) 822562 - (061) 822580 Fax: (061) 851066

KINH DOANH CÁC NGÀNH NGHỀ:

- XỔ SỐ KIẾN THIẾT
- DỊCH VỤ IN VÉ SỐ, IN OFFSET, NHÃN, BIỂU MẪU CHỨNG TỪ VÀ VĂN HÓA PHẨM
- DỊCH VỤ THƯƠNG MẠI, KHÁCH SẠN ĂN UỐNG
- XÂY DỰNG CƠ SỞ HẠ TẦNG KHU DÂN CƯ

Mua Vé Số Kiến Thiết Đồng Nai Là Góp Phần Xây Dựng Công Trình Phúc Lợi Xã Hội



Digitized by Google

Huyện HẠ HÒA



Đ/C NGUYỄN QUỐC LIÊN
TUV, Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch HĐND huyện

Huyện Hạ Hòa là huyện miền núi, nơi Quốc mẫu Âu Cơ khai sơn mở ấp, nằm ở phía Tây - Bắc của tỉnh Phú Thọ, tiếp giáp với tỉnh Yên Bái và hướng Sơn La - Nghĩa Lộ dọc theo hai bờ sông Thao. Năm 1996, Huyện được tái lập với diện tích 339,34 km^2, dân số 11 vạn người, 21 dân tộc với 33 xã, thị trấn. Huyện có 2 chiến khu cách mạng, có đền Tổ Mẫu Âu Cơ và nhiều công trình kiến trúc cổ ghi nhận các địa danh và danh nhân của đất nước.

NHỮNG MỤC TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2010

PHÁT TRIỂN KINH TẾ:

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân: 11,5% trở lên.
- Giá trị sản xuất NLN: tăng bình quân 6% năm trở lên.
- Giá trị sản xuất CN- TTCN: tăng 12% năm trở lên.
- Giá trị sản xuất các nghành dịch vụ: tăng 18,5% trở lên.
- Cơ cấu kinh tế: NLN: 35%; CN- TTCN: 34%; DV- TM- DL: 31%.
- Sản lượng lương thực: 41.000 tấn trở lên.
- Lương thực bình quân: 380 kg/người/năm.
- Giá trị sản xuất bình quân: 8 triệu đồng/người/năm.
- Diện tích chè trồng mới: 300 ha, sản lượng chè búp tươi đạt 13.000 tấn.
- Diện tích rừng trồng mới: 600 ha/năm trở lên.

VĂN HÓA XÃ HỘI:

- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: dưới 1%.
- Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi suy dinh dưỡng: dưới 15%.
- Tỷ lệ hộ nghèo: dưới 10% (theo tiêu chuẩn mới)
- Số lao động được giải quyết việc làm mới: 5.000 lao động.
- Số máy điện thoại: 5,5 máy/ 100 dân.
- Tỷ lệ hộ có phươnmg tiện nghe nhìn: 99%.
- Tỷ lệ hộ dùng điện: 98%.
- 60% trường tiểu học, 15% trường THCS, !)% trường mầm non đạt chuẩn QG.
- 60% số xã, thị trấn đạt chuẩn QG về y tế.
- 70% khu dân cư và hộ gia đình đạt "khu dân cư văn hóa, gia đình văn hóa", 80% cơ quan, đơn vị văn hóa.

VỀ XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ CÁC TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ:

- Tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể đạt trong sạch vững mạnh: 65%.
- Đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ: 99%
- Kết nạp đảng viên: 200 người/năm
- Tỷ lệ tập hợp đảng viên, hội viên các đoàn thể: 70%



Digitized by Google

VIETTEL

Hãy nói theo cách của bạn



Đại tá: Đỗ Ngọc Cường
CHỦ TỊCH- GIÁM ĐỐC CÔNG TY

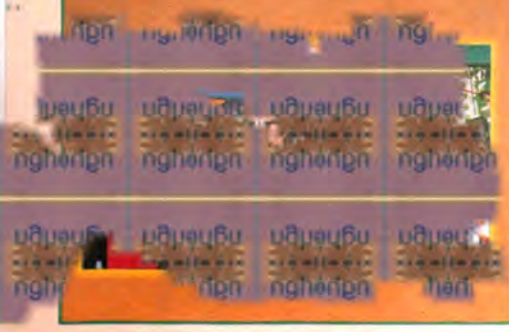
NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Xuất nhập khẩu trực tiếp các thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, các vật tư, công trình, thiết bị công cụ sản xuất bưu chính- viễn thông, điện, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin, đo lường, điều khiển, y tế.

- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, công trình, thiết bị công cụ sản xuất bưu chính - viễn thông, điện, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin, đo lường, điều khiển.

- Kinh doanh các dịch vụ tư vấn, chuyển giao công nghệ, dịch vụ kỹ thuật, các thiết bị, vật tư, công trình, thiết bị công cụ sản xuất bưu chính- viễn thông, điện, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin, đo lường, điều khiển.

- Lắp ráp, sản xuất, sửa chữa, bảo trì, bảo hành thiết bị, vật tư, công trình, thiết bị công cụ sản xuất bưu chính - viễn thông, điện, điện tử, tin học, phát thanh, truyền hình, công nghệ thông tin, đo lường, điều khiển.



TỔNGCÔNGTYVIỄNTHÔNGQUÂNĐỘI

CÔNG TY TNHH NHÀ NƯỚC MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ XUẤT NHẬP KHẨU VIETTEL

Địa chỉ: Số 1 Giang Văn Minh Ba Đình Hà Nội
Điện thoại: 042661399 * Fax: 042661205
E-mail: viettellimex@viettel.com.vn * Website: www.viettel.com.vn



CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU

- Thực hiện nhập khẩu và cung cấp vật tư thiết bị cho công trình đường trục cáp quang Bắc Nam- dự án 1A (phục vụ quốc phòng), dự án 1B, dự án 1C.

- Thực hiện nhập khẩu và bảo đảm trang thiết bị triển khai các dự án thông tin di động GSM, thiết bị mạng truyền dẫn, PSTN, dự án Internet của tổng công ty Viễn thông quân đội.

- Cung cấp và lắp đặt hệ thống điện tử, thông tin, hệ thống quản lý tòa nhà Trung tâm hội nghị quốc gia.

- Cung cấp thiết bị và lắp đặt các dự án ĐTVT và CNTT phục vụ Quốc phòng và nền kinh tế quốc dân.



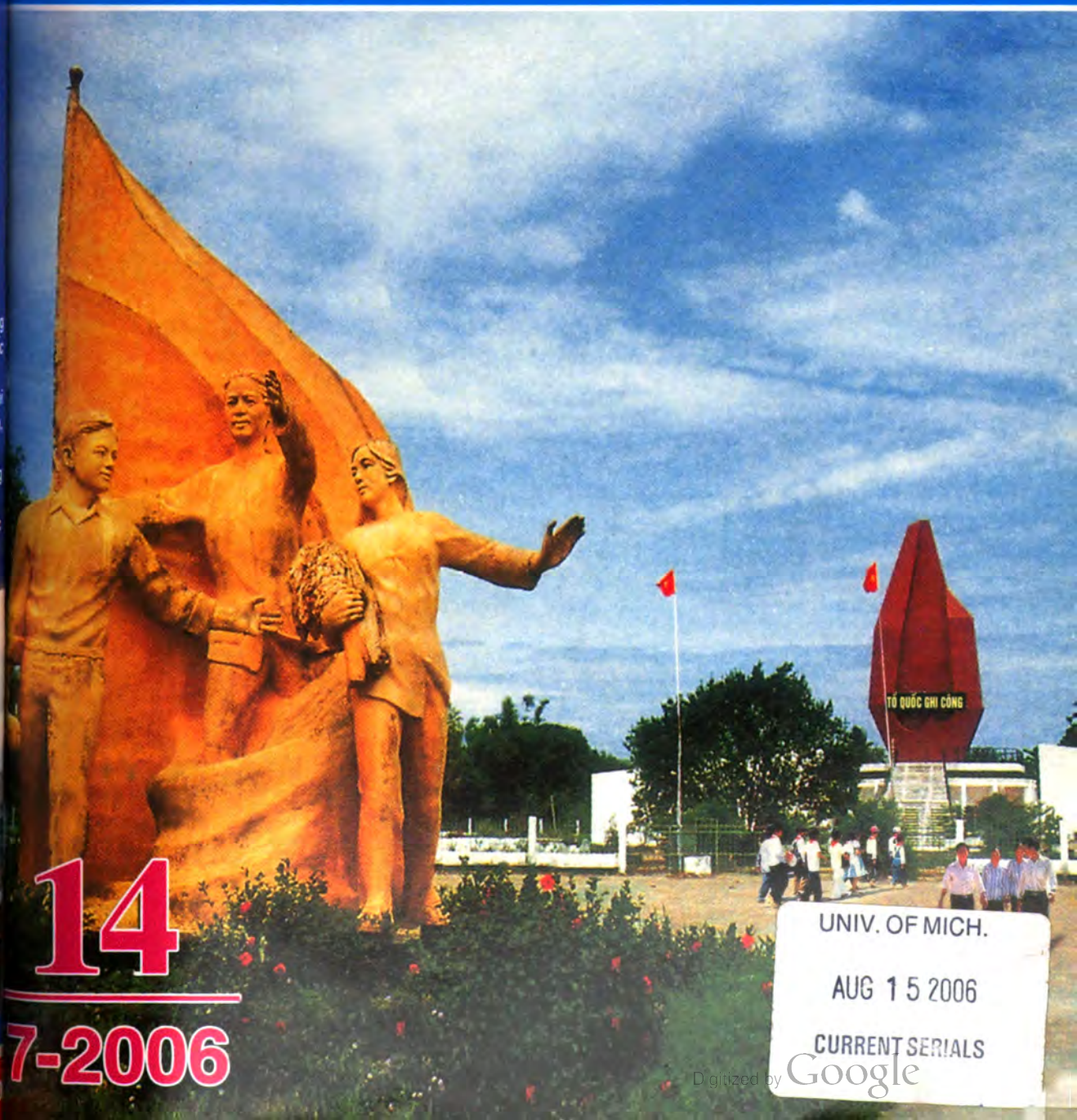
Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CÔNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ: 600

HX
H088

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



14
7-2006

UNIV. OF MICH.
AUG 15 2006
CURRENT SERIALS
Digitized by Google

CÔNG TY

In & VĂN HOÁ PHẨM

PRINTING AND CULTURAL PRODUCT COMPANY



HIỆN ĐẠI

TIN CẬY

HIỆU QUẢ



TRỤ SỞ CHÍNH: 83 - PHỐ HÀO NAM - ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI

Tel: 04.514 2255 - 04.851 7631 - 04.512 0389 • Fax: 04.514 2319 • Email: pcp-co@hn.vnn.vn

Mô hình hoạt động: *Doanh nghiệp nhà nước (Hạng I)*

Chức năng nhiệm vụ: *In sách báo, giấy tờ quản lý, nhãn hàng, bao bì, kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư thiết bị ngành in. Sản xuất, Đại lý mua bán hàng hoá văn hoá phẩm, đồ gỗ, nhạc cụ...*

Sản phẩm chủ yếu: *In sách báo các loại, Tạp chí, Vật tư ngành in...*

Công nghệ đặc thù: *In Offset*

Digitized by Google



THÁNG 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 760

14
7-2006

● **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

● **Tổng Biên tập :**
TẠ NGỌC TẤN



Bìa 1: Nghĩa trang liệt sỹ huyện Lai Vung (Đồng Tháp)
Ảnh: ***THANH NHÃ***

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

VŨ TRỌNG KIM - Xây dựng các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh ở các doanh nghiệp cổ phần hóa 3

ĐẶNG NGỌC CHIẾN - Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với người lao động và vai trò của công đoàn 8

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ HỮU NGHĨA - Bàn về vai trò thúc đẩy tăng trưởng và phát triển theo hướng bền vững của các khu chế xuất, khu công nghiệp ở Việt Nam 12

PHƯƠNG MINH HÒA - "Tâm, tầm, trí" của người chính ủy, chính trị viên trong giai đoạn cách mạng mới 18

NGUYỄN THIỆN TRƯỞNG - Chương trình dân số Việt Nam với việc thực hiện Mục tiêu Thiên niên kỷ 21

PHAN DOÃN NAM - Ngoại giao Việt Nam sau 20 năm đổi mới 26

PHẠM NGỌC QUANG - Đảng viên làm kinh tế tư nhân và giữ vững bản chất của Đảng 31

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

BÙI HỒNG LĨNH - Biểu dương tập thể, cá nhân tiêu biểu trong phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" ở nước ta 36

NGUYỄN HỮU CHÍ - Tiền Giang tăng cường hợp tác phát triển du lịch sinh thái sông nước 41

TRẦN VĂN LỢI - Phát triển kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài - vấn đề đặt ra và một số giải pháp 46

NGUYỄN TRUNG THU - Công tác dân vận ở Binh đoàn Tây Nguyên trong xây dựng thế trận an ninh nhân dân vững chắc trên địa bàn 51

TRẦN MINH TƠN - Nguyên nhân và giải pháp khắc phục tình trạng gia tăng đình công tự phát 56

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

LÊ TRỌNG - Để ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng 61

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

LÊ THÀNH - "Biết" với "làm" 63

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ĐINH CÔNG TUẤN - Một số vấn đề về cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc 64

PHẠM THỊ NGỌC TRẦM - Bệnh tật - vấn đề toàn cầu của thế giới ngày nay và ở Việt Nam 69

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• ВУ ЧОНГ КИМ: Строительство укрепленных социально-политических организаций в акционированных предприятиях. • ДАНГ НГОК ТЬИЕН: Акционирование государственных предприятий, трудящиеся и роль профсоюза. • ЛЕ ХЫУ НГИА: Обсуждение о роли ускорения темпов роста и устойчивого развития экспортно-промышленных и промышленных зон во Вьетнаме. • НГУЕН ТХИЕН ЧЫОНГ: Программа народонаселения Вьетнама и выполнение Цели Тысячелетия. • ФАН ЗОАН НАМ: Вьетнамская дипломатия за 20 лет обновления. • ФАМ НГОК КУАНГ: Занимаясь частной экономикой, члены Партии сохраняют партийную сущность. • БУЙ ХОНГ ЛИНЬ: Прославление примерных коллективов, личностей движения «Отблагодарить и воздать добром за добро» во Вьетнаме. • НГУЕН ХЫУ ТЬИ: Провинция Тиензянг активизирует сотрудничество в развитии водного экологического туризма. • ЧАН ВАН ЛОЙ: Развитие экономического сектора, имеющего иностранные инвестиции, – намеченные проблемы и некоторые меры решения. • ФАМ ТХИ НГОК ЧАМ: Болезни – глобальная проблема сегодняшнего мира и во Вьетнаме.

CONTENTS

• VŨ TRỌNG KIM: Building steady socio - political organisations in equitised enterprises. • ĐẶNG NGỌC CHIẾN: State enterprises' equitisation and the workers and trade unions' role. • LÊ HỮU NGHĨA: Discussing about the role for accelerating growth and development in a sustainable orientation in processing, industrial zones in Vietnam. • NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG: Vienam's population program and the implementation of the Millennium's targets. • PHAN DOÃN NAM: Vietnam's diplomacy after 20 years of renovation. • PHẠM NGỌC QUANG: Doing business in private sector economy by Party members and steady preservation of the Party's essences. • BÙI HỒNG LĨNH: Praising example collectives and persons in the campaign " To repay for favour" in our country. • NGUYỄN HỮU CHÍ: Tiền Giang province increases collaborative development of water eco - tourism. • TRẦN VĂN LỢI: Economic development with foreign investments - the problems put forward and some solutions. • PHẠM THỊ NGỌC TRẦM: Diseases - a current global problem of the World and Vietnam.

SOMMAIRE

• VŨ TRỌNG KIM : Edifier les collectivités socio-politiques solides dans les entreprises à actionalisation. • ĐẶNG NGỌC CHIẾN : Les travailleurs face à l'actionalisation des entreprises étatiques et le rôle du syndicat. • LÊ HỮU NGHĨA : Sur le rôle de promouvoir la croissance et le développement solides des zones franches et industrielles au Vietnam. • NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG : Le programme de démographie du Vietnam et la réalisation de l'Objectif de millénaire. • PHAN DOÃN NAM : La diplomatie vietnamienne après vingt ans de renouveau. • PHẠM NGỌC QUANG : La participation aux activités économiques privées des membres du PCV qui tiennent fermement leur nature. • BÙI HỒNG LĨNH : Glorifier les individus et les collectivités représentatifs du mouvement « Remerciements pour les bienfaits » au Vietnam. • NGUYỄN HỮU CHÍ : Renforcer la coopération de touriste écologique dans les zones fluviaux à Tiền Giang. • TRẦN VĂN LỢI : Le développement économique aux investissements étrangers : questions posées et quelques solutions. • PHẠM THỊ NGỌC TRẦM : Maladie – problème universel du monde d'actuel et au Vietnam.

SUMARIO

• VŨ TRỌNG KIM: Construir las asociaciones socio-políticas fuertes en las empresas capitalizadas por acciones. • ĐẶNG NGỌC CHIẾN: La capitalización por acciones de empresas estatales para con los trabajadores y el papel del sindicato. • LÊ HỮU NGHĨA: Discusiones acerca del papel de impulsar el crecimiento y el desarrollo de los parques industriales y de las zonas de procesamiento para la exportación de Vietnam a la orientación estable. • NGUYỄN THIỆN TRƯỜNG: El programa de población vietnamita y el cumplimiento de la Meta milenaria. • PHAN DOÃN NAM: La diplomacia vietnamita después de 20 años de renovación. • PHẠM NGỌC QUANG: La participación del militante del Partido en la economía privada y el mantenimiento firme de la naturaleza del Partido. • BÙI HỒNG LĨNH: La premiación de colectivos e individuos notables en el movimiento de "recompensar a los acreedores de méritos para con la patria" en Vietnam. • NGUYỄN HỮU CHÍ: La provincial de Tiền Giang aumenta la cooperación de desarrollo del ecoturismo fluvial. • TRẦN VĂN LỢI: El fomento de la economía poseída del fondo extranjero – cuestiones planteadas y algunas soluciones. • PHẠM THỊ NGỌC TRẦM: Enfermedades – asuntos globales de actual mundo y de Vietnam.

目 录

•武仲金：在股份化企业中建设稳定强大的政治一社会团体•邓玉战：国企股份化与劳动者及工会的作用•黎友义：越南出口加工区和工业区在促进增长及按可持续方向发展中的作用分析•阮善长：越南人口计划工程与落实新千年的目标•潘尹南：20年革新后的越南外交•范玉光：党员经营私有经济与保持党的本质•裴鸿岭：表彰我国"知恩图报"运动中具有代表性的集体和个人•阮友志：前江省加强江河生态旅游的发展与合作•陈文利：发展外资经济——面临的问题及一些解决措施•范氏玉沉：疾病——当今世界及越南面临的全球性问题。

Digitized by Google

XÂY DỰNG CÁC ĐOÀN THỂ CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI VỮNG MẠNH Ở CÁC DOANH NGHIỆP CỔ PHẦN HÓA

VŨ TRỌNG KIM *

1 – Các đoàn thể chính trị – xã hội tham gia quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước là nhiệm vụ vừa cấp bách, vừa lâu dài, với nhiều khó khăn, phức tạp. Chính vì vậy, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, phát huy quyền làm chủ của người lao động và vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội tại các doanh nghiệp cổ phần hóa là một trong những nhiệm vụ có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

Để tham gia quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần chỉ đạo của Trung ương, thời gian qua ở hầu hết các doanh nghiệp chuyển đổi, các đoàn thể chính trị - xã hội (chủ yếu là tổ chức công đoàn và đoàn thanh niên) trước hết đã tích cực tuyên truyền, in ấn tài liệu gửi tới các tổ, đội, phân xưởng, tổ chức quán triệt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp cho tất cả các đoàn viên và người lao động, nhằm không ngừng nâng cao nhận thức và đồng tình ủng hộ của người lao động đối với việc thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Tiếp đó, các đoàn thể chính trị - xã hội tham gia vào ban chỉ đạo, tổ giúp việc; phối hợp với lãnh đạo doanh nghiệp xây dựng chương trình kế hoạch, xác định các bước tiến hành cổ phần hóa, thống nhất các tiêu chí để sắp xếp lao động, xác định giá trị tài sản, quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi; tổ chức hội nghị công nhân, lao động; tham gia bán cổ phiếu cho công nhân, lao động; tham gia tổ chức đại hội cổ đông, v.v... Đồng thời, các đoàn thể chính trị - xã hội thực hiện quyền giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách đối với người lao động, vận động họ mua cổ phần, tham gia xây dựng điều lệ, các quy chế quản lý công ty cổ phần, góp phần tích cực vào việc thúc đẩy và phát triển sản xuất kinh doanh.

Sau khi chuyển đổi, các đoàn thể chính trị - xã hội đã nhanh chóng kiện toàn tổ chức, đổi tên cho phù hợp với đặc điểm và điều kiện mới của doanh nghiệp cổ phần, tiếp tục tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tổ chức ký kết thỏa ước lao động, hợp đồng lao động, động viên công nhân, người lao động tích cực hưởng ứng các phong trào, đẩy mạnh sản xuất kinh doanh. Nhiều doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa đã khai thác được các thế mạnh, huy động các nguồn vốn, tập trung đầu tư nâng cấp trang thiết bị, đổi mới quy trình công nghệ, áp dụng các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, bố trí lại lao động hợp lý, mở rộng sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả, góp phần nâng cao đời sống người lao động.

---

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Thường trực, Ban Dân vận Trung ương

Digitized by Google

Từ năm 1992 đến nay, cả nước đã cổ phần hóa được 2.996 doanh nghiệp nhà nước, riêng năm 2005 là 724 doanh nghiệp. Một số bộ, ngành và địa phương (trong năm 2005) thực hiện cổ phần hóa đạt số lượng khá, như: Bộ Công nghiệp (100 doanh nghiệp, bộ phận doanh nghiệp), Bộ Giao thông - Vận tải (63 doanh nghiệp), thành phố Hải Phòng (26 doanh nghiệp), tỉnh Đồng Nai (18 doanh nghiệp).

Nhìn chung, các doanh nghiệp nhà nước sau cổ phần hóa, hiệu quả kinh tế tăng lên rõ rệt. Qua khảo sát cho thấy, năm 2005 doanh thu tăng gần 24%, lợi nhuận tăng 140%, nộp ngân sách nhà nước tăng 25%, thu nhập của người lao động tăng 12%.

Kết quả trên mới là bước đầu, nhưng đã chứng tỏ chủ trương đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là khâu quan trọng để tạo chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, tạo động lực mạnh mẽ cho sản xuất phát triển. Từ kết quả sản xuất kinh doanh, uy tín của nhiều doanh nghiệp cổ phần hóa được nâng lên, các mối quan hệ trong sản xuất kinh doanh và thị trường tiếp tục được mở rộng. Công nhân và người lao động phấn khởi, tin tưởng, gắn bó và trách nhiệm hơn đối với các hoạt động của doanh nghiệp. Vị trí, vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp tiếp tục được phát huy, nhiều nơi tổ chức công đoàn thể hiện rõ vai trò đại diện và bảo vệ lợi ích của người lao động, được đoàn viên tin cậy.

2 – Tổ chức và hoạt động của các đoàn thể chính trị – xã hội trong các doanh nghiệp cổ phần hóa

Về tổ chức bộ máy, chuyển sang công ty cổ phần, tổ chức bộ máy các đoàn thể chính trị - xã hội của doanh nghiệp cơ bản được giữ nguyên, chỉ thay đổi tên gọi cho phù hợp. Công ty cổ phần có thành phần chính là cổ đông. Cơ cấu tổ chức bộ máy của công ty do đại hội đồng cổ đông bầu chọn. Vì vậy, các đoàn thể chính trị - xã hội của doanh nghiệp có tham gia vào các tổ chức lãnh đạo, tư vấn của doanh nghiệp hay không, còn tùy thuộc vào tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp. Hiện nay, có nhiều mô hình bố trí cán bộ đoàn thể trong doanh nghiệp cổ phần hóa rất khác nhau.

Vị trí và vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội trong các công ty cổ phần đang là những vấn đề lớn, có nơi thuận lợi, nơi khó khăn. Đây không chỉ là vấn đề có ý nghĩa trước mắt cần phải nghiên cứu, xác lập vai trò, chức năng bằng các chế định pháp luật (buộc cơ cấu tổ chức phải tôn trọng), mà còn có ý nghĩa chiến lược lâu dài đối với sự nghiệp cách mạng nói chung.

Về tổ chức sinh hoạt, hội họp của các đoàn thể, quy chế phối hợp giữa các đoàn thể chính trị - xã hội với lãnh đạo công ty, điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần đã có những đổi mới cho phù hợp với các mối quan hệ trong doanh nghiệp.

Về hoạt động của các đoàn thể chính trị – xã hội, có ý kiến cho rằng khi chuyển sang doanh nghiệp cổ phần thì các hoạt động chính trị, văn hóa, xã hội, thể dục - thể thao, bảo vệ an ninh trật tự sẽ ít được quan tâm, mà chỉ thiên về hoạt động kinh tế, tập trung sản xuất kinh doanh v.v... Thực tế, phong trào thi đua yêu nước, đang được phát động sôi nổi, góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất kinh doanh trong nhiều công ty cổ phần. Chúng ta cần có những điều tra, khảo sát, đánh giá một cách toàn diện về lĩnh vực này.

Với cơ chế mới, cách làm mới, cán bộ của các tổ chức chính trị - xã hội trong nhiều doanh nghiệp cổ phần hóa đã chủ động, sáng tạo, tham mưu kịp thời cho cấp ủy, tích cực phối hợp với lãnh đạo công ty xây dựng các chương trình hành động, tổ chức phát động các phong trào thi đua, đề ra các giải pháp thiết thực; vừa chỉ đạo triển khai thực hiện nhiệm vụ chính trị của tổ chức mình, vừa tích cực tham gia hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ của công ty. Một trong những nét mới của đội ngũ cán bộ các đoàn thể chính trị - xã hội trong các doanh nghiệp cổ phần hóa là phong cách làm việc sâu sát, gần gũi, xóa dần quan liêu, hành chính, nắm bắt tâm tư nguyện vọng của quần chúng kịp thời hơn. Đối với đoàn viên, người lao động, tinh thần trách nhiệm với

Digitized by Google

nhiệm vụ phân công được nâng lên một bước, vì vậy hiệu quả lao động cao hơn. Hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội đang từng bước chuyển biến, đi vào chiều sâu, tham gia giải quyết có hiệu quả những vấn đề mà người lao động quan tâm. Năm 2005, nhiều đơn vị đã tổ chức và phát động các phong trào thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng những ngày lễ lớn của dân tộc, chào mừng Đại hội Đảng bộ các cấp, tổ chức sinh hoạt truyền thống, thi tìm hiểu về Đảng, Bác Hồ, quê hương đất nước. Tổ chức quán triệt các đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, chủ trương của các đoàn thể cấp trên, tham gia đóng góp ý kiến vào các văn bản khi được hỏi. Tiếp tục đẩy mạnh các phong trào văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao, "đền ơn đáp nghĩa", "uống nước, nhớ nguồn", xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài, tích cực vận động công nhân, người lao động quyên góp ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt, ủng hộ quỹ vì người nghèo...

Các đoàn thể chính trị - xã hội đã phối hợp với các tổ chức chuyên môn khảo sát, nắm tình hình đời sống của công nhân, người lao động, quan tâm tới công tác cán bộ, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tay nghề, giải quyết các chế độ chính sách... được người lao động đánh giá cao. Đặc biệt, các đoàn thể đã chủ động đề xuất và phối hợp với lãnh đạo doanh nghiệp quan tâm chỉ đạo và tổ chức phát động các phong trào nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, tay nghề, nghiên cứu và áp dụng những tiến bộ mới về khoa học - công nghệ, cải tiến dây chuyền sản xuất, thực hành tiết kiệm, hạ giá thành sản phẩm, đổi mới mẫu mã, công nghệ quảng cáo, tiếp thị. Các tổ chức đoàn thể đã ký kết đảm nhận các công trình, các phần việc, vận hành những thiết bị tiên tiến, hiện đại; vận động đoàn viên, người lao động tham gia quản lý, nghiên cứu khoa học. Nhiều sáng kiến được áp dụng, mang lại lợi ích nhiều mặt cho doanh nghiệp.

Thông qua việc phát động và tổ chức thực hiện phong trào, các đoàn thể chính trị - xã hội đã góp phần quan trọng tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp phát triển, vị thế của các tổ chức chính trị - xã hội không ngừng được củng cố và tăng cường, nhiều đoàn viên ưu tú phấn đấu tích cực và đã được tổ chức đảng xem xét kết nạp. Nhiều mô hình hoạt động tốt đang ngày được phát huy và nhân rộng ở các công ty như: Công ty cổ phần Thăng Long, Công ty bao bì Bỉm Sơn, Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc, Công ty cổ phần Nhựa Thiếu niên tiền phong, Công ty cổ phần Dược phẩm OPC,v.v..

Qua khảo sát cho thấy, sự tham gia của các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội có ý nghĩa tích cực đối với sự phát triển, đổi mới, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Các đoàn thể đã tham gia tích cực và góp phần thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi đua yêu nước trong công nhân, người lao động; thường xuyên quan tâm bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp của người lao động, tôn trọng và phát huy vai trò giám sát và quyền làm chủ của người lao động đối với các hoạt động trong doanh nghiệp.

Tuy nhiên, thực tế ở không ít công ty cổ phần, các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động yếu, nhất là người đứng đầu lúng túng, chưa tìm cách tháo gỡ để tổ chức hoạt động phù hợp với cơ chế quản lý mới của công ty. Việc phối hợp giữa các đoàn thể với lãnh đạo công ty để xây dựng các quy chế và triển khai chương trình hành động, các phong trào thi đua còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều nội dung hoạt động của công ty, các đoàn thể không được biết, hoặc vai trò rất hạn chế, vị trí và vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội đang phai nhạt dần, một số đoàn viên ít gắn bó với tổ chức của mình.

Tình hình trên do những nguyên nhân cơ bản sau:

- Những nơi các đoàn thể hoạt động yếu là do cán bộ của các đoàn thể không có đại diện tham gia hội đồng quản trị, lãnh đạo công ty. Thiếu sự quan tâm phối hợp chỉ đạo của lãnh đạo công ty, vì vậy, việc tổ chức quán triệt chủ trương, phát động phong trào, triển khai thực hiện, sơ kết, tổng kết các phong trào còn nhiều yếu kém. Có những công ty, một cán bộ lãnh đạo kiêm cả ba chức danh (bí thư đảng ủy, chủ tịch hội đồng

Digitized by Google

quản trị, giám đốc công ty), nếu lãnh đạo công ty không quan tâm phối hợp với các đoàn thể thì hiệu quả hoạt động của các đoàn thể, kể cả doanh nghiệp sẽ rất hạn chế.

- Một số lãnh đạo công ty cổ phần chưa nhận thức đúng vị trí, vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội, nên có dấu hiệu buông lơi trong chỉ đạo và phối hợp hoạt động; chưa kịp thời chỉnh sửa, bổ sung các quy chế phối hợp giữa chuyên môn và các đoàn thể.

- Đội ngũ cán bộ của các đoàn thể nhìn chung còn yếu kém về lý luận, trình độ chưa tương xứng, năng lực chỉ đạo thực tiễn còn nhiều hạn chế, không nhạy bén, chưa đổi mới cách nghĩ, cách làm, phương pháp tiếp cận, thiếu năng động trong việc lựa chọn nội dung, hình thức cho phù hợp với đặc điểm mới của công ty cổ phần.

- Một số công nhân, người lao động thiếu ý thức tổ chức, chạy theo đồng tiền, ít quan tâm đến hoạt động, sinh hoạt tập thể, thờ ơ với việc học tập các chủ trương chính sách, chỉ quan tâm đến lợi ích trước mắt, chưa thấy quyền lợi lâu dài nên ít sinh hoạt các đoàn thể quần chúng.

- Thiếu các văn bản quy phạm pháp luật quy định về tổ chức và hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội trong các loại hình doanh nghiệp. Nhiều văn bản trùng, chéo nhau, không thống nhất, thiếu đồng bộ. Vì vậy, hiện nay không ít công ty bố trí cán bộ đoàn thể rất tùy tiện.

Vấn đề lớn đặt ra hiện nay là làm sao trong các công ty cổ phần cũng như các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đều phải thành lập các đoàn thể chính trị - xã hội, thu hút quần chúng và duy trì hoạt động thường xuyên, có hiệu quả, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở ngày càng vững mạnh.

3 – Một số giải pháp về xây dựng các đoàn thể chính trị – xã hội vững mạnh nhằm làm tốt công tác vận động quần chúng, người lao động ở các doanh nghiệp cổ phần hóa

Một là, phải đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội trong doanh nghiệp cổ phần hóa. Ban chấp hành các đoàn thể phải nghiên cứu nắm vững đặc điểm, cơ chế quản lý và các mối quan hệ liên quan đến tổ chức và hoạt động của các đoàn thể, đến công nhân lao động trong công ty cổ phần. Đây là vấn đề quan trọng để từ đó có cơ sở đề ra các chương trình hành động và nội dung sinh hoạt của đoàn thể cho phù hợp. Đổi mới nội dung và hình thức tuyên truyền, giáo dục sao cho thiết thực, hiệu quả, đúng định hướng chính trị, đem chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước đến với đông đảo đoàn viên, công nhân, người lao động. Hoạt động của đoàn thể phải tập trung vào những vấn đề có ý nghĩa thúc đẩy sản xuất kinh doanh, nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp, tạo môi trường thuận lợi cho công nhân, người lao động phấn đấu trưởng thành về mọi mặt.

Hai là, phải đổi mới toàn diện công tác cán bộ, từ khâu lựa chọn, bồi dưỡng, đào tạo, bố trí, sử dụng đến chính sách đối với cán bộ của các đoàn thể. Cán bộ đoàn thể cần được lựa chọn từ trong phong trào quần chúng, là người tâm huyết, có trách nhiệm cao, được quần chúng tin yêu, tín nhiệm để làm đại diện cho họ. Đồng thời, cán bộ phải có trình độ chuyên môn, có năng lực thực sự trong việc chỉ đạo phong trào và tham gia có hiệu quả các hoạt động phối hợp với lãnh đạo doanh nghiệp.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy và sự chỉ đạo sâu sát của các đoàn thể cấp trên đối với cơ sở. Quan tâm tới những cơ sở mới được chuyển sang công ty cổ phần đang còn nhiều khó khăn, phức tạp. Chỉ đạo các hoạt động giám sát đối với doanh nghiệp theo quy định của pháp luật (Luật Công đoàn, Luật Thanh niên, Luật Doanh nghiệp...). Cấp ủy và ban chấp hành các đoàn thể phân công cán bộ đi sâu, đi sát quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng để phối hợp công tác lãnh đạo, chỉ đạo, đảm bảo phát huy dân chủ của đoàn viên, người lao động ngay tại cơ sở (theo Quy chế Dân chủ ở cơ sở). Không để tình trạng đoàn viên, người lao động mất chỗ dựa, quay lưng lại với đoàn thể, hành động một cách tự phát.

Digitized by Google

Bốn là, về cơ chế chính sách và việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản của các đoàn thể chính trị - xã hội cần tiến hành đồng bộ, kịp thời, sát thực tế, sớm định hướng cho cơ sở thực hiện. Các văn bản này nhằm xác lập địa vị pháp lý, vị trí và vai trò của các đoàn thể chính trị - xã hội hoạt động trong công ty cổ phần. Trước khi ban hành văn bản, các cơ quan soạn thảo cần khảo sát, nắm bắt tình hình thực tế, trao đổi và thống nhất với các đoàn thể chính trị - xã hội, để văn bản được ban hành mang tính khả thi cao.

Năm là, xây dựng quy chế phối hợp hoạt động giữa các đoàn thể chính trị - xã hội với hội đồng quản trị và ban giám đốc công ty. Các đoàn thể cần chủ động phối hợp với lãnh đạo công ty chỉnh sửa, bổ sung những quy chế không còn phù hợp. Đặc biệt phải quy định rõ mối quan hệ công tác, trách nhiệm của các bên và trách nhiệm của người đứng đầu các tổ chức; quy định định kỳ kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện các quy chế, quy định đã được cam kết.

4 – Một số kiến nghị và đề xuất

Thứ nhất, tiếp tục làm rõ mục đích, mục tiêu hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội là góp phần làm giàu cho doanh nghiệp, mang lại lợi ích cho công ty và người lao động, bảo đảm sự ổn định và phát triển; đặc biệt giữ vững kỷ luật lao động và khí thế thi đua phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật trong doanh nghiệp. Quán triệt tinh thần đó, hội đồng quản trị và ban giám đốc phải thông suốt và ủng hộ một cách tích cực.

Thứ hai, đề nghị các đoàn thể chính trị - xã hội cấp trên bố trí một bộ phận cán bộ chuyên trách, tập trung chỉ đạo, theo dõi hoạt động của đoàn thể mình trong các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Từng thời điểm thích hợp, phải có những đề tài nghiên cứu khoa học, có khảo sát, đánh giá việc xây dựng tổ chức và hoạt động của đoàn thể chính trị - xã hội, kịp thời đề ra các chủ trương, giải pháp tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của cấp trên trước yêu cầu mới, đang đặt ra trách nhiệm rất lớn cho tổ chức mình.

Thứ ba, đề nghị Nhà nước có chính sách tạo điều kiện hỗ trợ kinh phí hoạt động, trang bị cơ sở vật chất, đào tạo bồi dưỡng cán bộ, tăng cường giao lưu, trao đổi kinh nghiệm, học tập các đơn vị điển hình tiên tiến. Quan tâm đến đời sống công nhân (nhà ở, việc làm, tay nghề...), thông qua đầu tư, giao việc cho các tổ chức đoàn thể với tư cách đoàn thể là người đại diện và chăm lo lợi ích người lao động.

Thứ tư, cần cụ thể hóa chức năng giám sát và phản biện xã hội của đoàn thể chính trị - xã hội trong công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn, doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Đề nghị các cơ quan chức năng nghiên cứu để trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung Luật Công đoàn cho phù hợp với đặc điểm của tình hình, khi đã có nhiều loại hình cơ sở mới ra đời trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay.

Thứ năm, đề nghị Nhà nước luật hóa việc lãnh đạo của tổ chức công đoàn tham gia thành viên hội đồng quản trị với tư cách là đại diện tập thể cổ đông (gồm những đoàn viên công đoàn). Có như vậy, vị trí của công đoàn trong doanh nghiệp cổ phần hóa mới phát huy tốt và có trách nhiệm cao hơn trong việc bảo vệ lợi ích chính đáng, hợp pháp cho đoàn viên và người lao động tại doanh nghiệp.

Đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa là yêu cầu khách quan của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc tuyên truyền, giáo dục và tổ chức động viên đoàn viên, người lao động thi đua thực hiện tốt các chủ trương chính sách của Đảng và Nhà nước; hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, ổn định và phát triển doanh nghiệp, không ngừng nâng cao thu nhập cho người lao động. Quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và tạo điều kiện kịp thời cho các đoàn thể chính trị - xã hội trong các loại hình doanh nghiệp hiện nay chính là từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu: "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", tạo động lực mạnh mẽ hơn nữa cho sự phát triển bền vững đất nước.❑

Digitized by Google

CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VAI TRÒ CỦA CÔNG ĐOÀN

ĐẶNG NGỌC CHIẾN *

NGHỊ quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, xác định rõ mục tiêu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là: "Tạo ra loại hình doanh nghiệp có nhiều chủ sở hữu, trong đó có đông đảo người lao động, phát huy vai trò làm chủ thực sự của người lao động, của cổ đông và tăng cường sự giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp; bảo đảm hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp và người lao động. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước không được biến thành tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước".

Từ khi thực hiện thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước năm 1992, đến nay cả nước đã có hơn 2.900 doanh nghiệp nhà nước chuyển thành công ty cổ phần. Theo số liệu điều tra khảo sát của công đoàn các cấp, hầu hết các doanh nghiệp sau cổ phần hóa đều có bước phát triển đáng khích lệ: các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật như vốn, lợi nhuận, nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước, việc làm, thu nhập và quyền lợi của người lao động đều được bảo đảm. Điều đáng ghi nhận là, nhiều doanh nghiệp, trước cổ phần hóa kinh doanh không có lãi, việc làm và thu nhập của người lao động bấp bênh, nhưng chỉ một thời gian ngắn sau cổ phần hóa, tình hình thay đổi hẳn, sản xuất phát triển, kinh doanh có lãi.

1 – Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tác động tích cực tới người lao động

– *Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tạo thêm nhiều việc làm.* Để bảo đảm cho người lao động không bị mất việc làm, vấn đề hệ trọng đầu tiên, khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã luôn bám sát, tham gia tích cực và có trách nhiệm vào quá trình xây dựng các văn bản liên quan đến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, quy định về sắp xếp, sử dụng tối đa số lao động hiện có tại doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa được thể hiện rất cụ thể trong các văn bản pháp quy.

Trong thực tế, không có doanh nghiệp nào sa thải người lao động khi thực hiện cổ phần hóa. Việc sắp xếp lao động và giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư được thực hiện đúng theo quy định hiện hành. Kết quả điều tra của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tại hơn 100 doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa cho thấy, số lao động mới vào làm việc tại các doanh nghiệp sau cổ phần hóa chiếm 15% tổng số lao động hiện có. Nhiều doanh nghiệp khi tiến hành sắp xếp lao động, số người dôi dư nghỉ hưởng trợ cấp theo Nghị định 41/CP chiếm từ 20% đến 40% tổng số lao động trong doanh

* TS, Phó Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam

Digitized by Google

nghiệp, nhưng sau khi chuyển thành công ty cổ phần, nhờ phát hành thêm cổ phiếu, huy động được vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, nên tạo ra nhiều việc làm mới, thu hút thêm nhiều lao động hơn cả số lao động đã nghỉ trước đó. Những công ty điển hình có số lao động tăng mạnh sau cổ phần hóa là: Công ty cổ phần Đại lý Liên hiệp vận chuyển (tăng 430%), Công ty cổ phần May Hồ Gươm (tăng 280%), Công ty cổ phần Giấy HAPACO Hải Phòng (tăng gần 200%, chưa kể số lao động được tuyển vào các đơn vị thành viên mới thành lập của công ty, v.v...)

– *Tiền lương và thu nhập của người lao động được bảo đảm.* Một trong những vấn đề mà người lao động rất băn khoăn, lo lắng khi chuyển sang công ty cổ phần là tiền lương và thu nhập sẽ ra sao? Kết quả khảo sát và báo cáo của công đoàn các cấp cho thấy, thu nhập của người lao động tại doanh nghiệp sau cổ phần hóa tăng đáng kể so với trước, bình quân 12%, chưa kể thu nhập có được từ cổ tức. Ví dụ: Công ty cổ phần Đại lý Liên hiệp vận chuyển tăng gấp 4 lần, Công ty cổ phần Thủy sản Hoài Nhơn tăng 200%, Công ty cổ phần Hóa chất Minh Đức tăng gấp đôi. Ngoài ra, người lao động là cổ đông trong các công ty cổ phần, hằng năm còn được nhận cổ tức từ phần vốn cổ phần mà họ có trong công ty. Khảo sát cho thấy, mức cổ tức bình quân của các công ty cổ phần cao gấp 2 - 3 lần lãi suất ngân hàng (phổ biến từ 12% đến 20%/năm). Nhiều doanh nghiệp có mức cổ tức ổn định và cao như: Công ty cổ phần May Bình Minh (49%), Công ty cổ phần Chế biến Lâm - Thủy sản (48%), Công ty cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Kim khí (41%), Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng Bình Chánh (35%), Công ty cổ phần Khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An (30%) v.v...

Sở dĩ tiền lương và thu nhập của người lao động không ngừng tăng, bởi lẽ: cơ chế quản lý ở công ty cổ phần về cơ bản được đổi mới; đặc biệt, ban kiểm soát do đại hội cổ đông bầu có vai trò quan trọng trong việc kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty cổ phần. Tổ chức bộ máy của công ty cổ phần được sắp xếp lại gọn nhẹ, năng động, khu vực hành chính được giảm tối đa. Ở nhiều công ty cổ phần, số cán bộ gián tiếp chỉ còn chiếm 7% - 8% tổng số lao động trong công ty. Vấn đề chi tiêu trong công ty cổ phần được giám sát chặt chẽ, giảm tối đa những khoản chi lãng phí. Mọi khoản chi và mức chi trong công ty đều phải công khai, do đại hội cổ đông và hội đồng quản trị quyết định. Nhờ công khai, dân chủ, nên giá cả nguyên vật liệu, thiết bị và dịch vụ đầu vào và bán thành phẩm đầu ra được kiểm soát chặt chẽ, tránh được các hiện tượng thỏa thuận tăng giá "đầu vào", giảm giá "đầu ra" để thu lợi bất chính...

– *Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của người lao động là cổ đông được bảo đảm.* Theo báo cáo của các công ty cổ phần đã được chuyển đổi, người lao động hiện đang nắm giữ 38% vốn điều lệ, hầu như họ đều mua hết số cổ phần ưu đãi mà họ được hưởng. Nhiều người còn vay mượn hoặc hoãn chi tiêu riêng nhiều khoản để dành tiền mua cổ phần. Trong công ty cổ phần, người lao động là cổ đông không những có quyền lợi, nghĩa vụ của người lao động mà còn có quyền và nghĩa vụ của cổ đông, đó là quyền được bầu cử, ứng cử tại đại hội cổ đông, quyền biểu quyết, quyền được hưởng cổ tức khi công ty kinh doanh có lãi, quyền chất vấn, phê bình, kiến nghị về công việc của hội đồng quản trị, giám đốc và kiểm soát viên về hoạt động của công ty. Nhóm cổ đông đại diện cho 25% vốn điều lệ được yêu cầu triệu tập đại hội cổ đông bất thường khi có dấu hiệu không lành mạnh về hoạt động tài chính của giám đốc, thành viên hội đồng quản trị và ban kiểm soát. Đây chính là những yếu tố quan trọng làm tăng tiền lương và thu nhập của người lao động.

– *Chính sách đối với lao động dôi dư do sắp xếp và cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước* được các doanh nghiệp và người lao động hoan nghênh, đón nhận tích cực. Do có chính sách này, các doanh nghiệp nhà nước khi thực hiện

Digitized by Google

cổ phần hóa đã sắp xếp lại lao động một cách cơ bản. Người lao động vì nhiều lý do khác nhau không đáp ứng được yêu cầu mới trong sản xuất kinh doanh được giải quyết phù hợp (nghỉ chờ hưu, đào tạo lại...). Doanh nghiệp có cơ hội tuyển dụng lao động có trình độ chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển sản xuất kinh doanh. Nhờ đó, các doanh nghiệp sau cổ phần hóa đều phát triển khá vững chắc, năng suất lao động, chất lượng sản phẩm được nâng lên rõ rệt.

Người lao động dôi dư khi rời khỏi doanh nghiệp được Nhà nước trợ cấp, hỗ trợ. Nhiều người đã sử dụng số tiền này để tìm việc làm hoặc tự tạo cho mình việc làm mới phù hợp hơn, bảo đảm cuộc sống cho bản thân và gia đình. Thực tế cho thấy, điều làm cho người lao động dôi dư phấn khởi và yên tâm, nhất là được bảo lưu chế độ bảo hiểm xã hội, được tạo điều kiện để tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội khi làm việc ở các doanh nghiệp khác thuộc khu vực ngoài quốc doanh. Đặc biệt, với nhóm đối tượng lao động dôi dư đã có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội từ 15 năm đến dưới 20 năm, nhưng vì tuổi cao (nam trên 55, nữ trên 50) không có cơ hội tìm việc làm mới, được tự đóng bảo hiểm xã hội cho đến khi đủ tuổi hưu để hưởng chế độ hưu trí.

2 – Công đoàn tham giã tích cực vào quá trình cổ phần hóa

Là thành viên Ban Đổi mới quản lý doanh nghiệp từ trung ương đến địa phương và các cơ sở, thời gian qua, công đoàn đã tham gia tích cực và có trách nhiệm vào quá trình xây dựng và hoạch định chính sách cổ phần hóa, đặc biệt là các chính sách có liên quan trực tiếp đến người lao động khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần như: chính sách bảo đảm việc làm cho người lao động, chính sách đối với lao động dôi dư, chính sách ưu đãi cổ phiếu đối với công nhân viên chức, ưu đãi đối với người lao động nghèo trong doanh nghiệp cổ phần hóa; chính sách đối với quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng v.v.. Trong quá trình tham gia xây dựng chính sách cổ phần hóa, nhiều vấn đề công đoàn góp ý đã được Chính phủ và các cơ quan chức năng tiếp thu, giúp bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người lao động.

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là vấn đề mới, các chính sách có liên quan liên tục được đổi mới và hoàn thiện, nên công đoàn các cấp đã rất coi trọng công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước về cổ phần hóa, phổ biến nội dung các nghị định của Chính phủ và thông tư hướng dẫn của các bộ, ngành, làm cho công nhân, viên chức hiểu rõ mục đích, yêu cầu của cổ phần hóa, các quyền, lợi ích và trách nhiệm của người lao động để họ tự giác tham gia.

Liên đoàn Lao động các cấp, công đoàn ở các ngành đã tổ chức nhiều lớp tập huấn cho cán bộ công đoàn và cán bộ quản lý doanh nghiệp thuộc địa phương và ngành mình; trực tiếp đến từng doanh nghiệp tuyên truyền, vận động công nhân viên chức tham gia cổ phần hóa, hướng dẫn, giải đáp các vấn đề mà người lao động băn khoăn, thắc mắc, .v.v... Nhờ đó, giúp người lao động thêm tự tin, không những tự tham gia mua cổ phần mà còn vận động người ngoài doanh nghiệp cùng tham gia.

3 – Những vấn đề đặt ra cần quan tâm giải quyết

– Có chính sách ưu đãi đối với người lao động nghèo. Đa số người lao động trong các doanh nghiệp còn rất khó khăn, một phần không nhỏ trong số họ rất nghèo, không có tiền mua cổ phần khi doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa. Để bảo đảm quyền lợi về kinh tế, chính trị cho người lao động nghèo khi chuyển doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, Thông báo 63-TB/TW của Bộ Chính trị, ngày 4-4-1997, về tiếp tục triển khai tích cực và vững chắc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, chỉ rõ: "Có chính sách hỗ trợ cho công nhân nghèo mua được một số cổ phần cần thiết, nhằm tạo động lực, góp phần xóa đói giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội".

Digitized by Google

Thực hiện chủ trương trên của Đảng, các Nghị định 28/CP, 44/1998/NĐ-CP và 64/2002/NĐ-CP của Chính phủ đều quy định: "Người lao động nghèo được mua chịu cổ phần với giá ưu đãi, được hoãn trả trong 3 năm đầu và trả dần trong 7 năm tiếp theo". Nhờ chính sách này, nhiều người lao động nghèo đã mua được cổ phần, và được hưởng mọi quyền lợi chính trị và kinh tế của một cổ đông. Do đó, không ít người đã thoát nghèo, góp phần giảm tỷ lệ nghèo đói của cả nước trong mấy năm qua.

Có thể nói, chính sách ưu đãi đối với người lao động nghèo khi cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước được thực hiện gần mười năm qua đã mang lại hiệu quả kinh tế xã hội đáng kể. Người lao động nói chung, đặc biệt là lao động nghèo trong các doanh nghiệp cổ phần hóa, hết sức phấn khởi và mong muốn chính sách này tiếp tục được thực hiện đối với các công ty nhà nước sắp chuyển đổi thành công ty cổ phần. Tuy nhiên, tại Nghị định 187/CP, chính sách đối với người lao động nghèo đã bị cắt bỏ, gây tâm tư, bất bình đối với người nghèo nói chung, trong đó có người lao động nghèo ở các doanh nghiệp nhà nước thực hiện cổ phần hóa. *Đề nghị Chính phủ khôi phục lại chính sách ưu đãi đối với người lao động nghèo khi thực hiện cổ phần hóa.*

– *Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý để người lao động giữ được cổ phần, chống tư nhân hóa doanh nghiệp nhà nước.* Trong quá trình thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, có tình trạng một bộ phận người lao động chưa nhận thức hết được quyền lợi của cổ đông, nên đã sớm bán cổ phần ưu đãi của mình. Làm như vậy, không những người lao động đánh mất quyền và lợi ích lâu dài trong công ty cổ phần mà còn tạo điều kiện cho một số cá nhân mua gom cổ phần với mục đích thâu tóm công ty, biến công ty cổ phần thành công ty tư nhân. Để hạn chế tình trạng này, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, *Về đổi mới, sắp xếp, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước,* khẳng định: "Cần phải có quy định để người lao động giữ được cổ phần ưu đãi". Thể chế hóa vấn đề này, Nghị định 64/CP quy định "Người lao động mua cổ phần ưu đãi không được chuyển nhượng trong 3 năm đầu kể từ khi mua. Trường hợp đặc biệt khi cần chuyển nhượng trước thời hạn phải được hội đồng quản trị công ty cổ phần chấp nhận". Nhờ đó, nhiều công ty cổ phần ổn định, giảm hẳn hiện tượng ngấm ngầm tranh giành, thâu tóm công ty. Người lao động giữ được cổ phần nên đã phát huy tốt quyền làm chủ của mình để tham gia quản lý công ty, yên tâm làm việc, gắn bó quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm của mình với công ty. Người lao động và các công ty cổ phần đều mong muốn nghị định này được duy trì. Nhưng, Nghị định 187/CP đã bỏ quy định này, tạo kẽ hở cho việc thâu tóm cổ phiếu. Trong cùng một công ty, có người lao động (chủ yếu là cán bộ quản lý, điều hành công ty) sở hữu số cổ phần giá trị hàng trăm triệu đồng, nhưng có tới 26% số người lao động không có cổ phần, 41% số người lao động chỉ sở hữu số cổ phần có giá trị dưới 10 triệu đồng. Điều đó dẫn đến sự chênh lệch rất lớn về thu nhập từ cổ tức, khiến sự phân hóa giàu - nghèo ngày càng tăng, có nguy cơ biến cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước thành tư nhân hóa, trái với mục tiêu cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước mà Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, đã xác định.

– *Có chính sách đối với vốn tự bổ sung.* Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3, khóa IX, chỉ rõ: "Nghiên cứu sử dụng một phần vốn tự có của doanh nghiệp để hình thành cổ phần của người lao động, người lao động được hưởng lãi nhưng không được rút cổ phần này khỏi doanh nghiệp". Tuy nhiên, cho đến nay chủ trương đó vẫn chưa được thể chế hóa. Vì vậy, Chính phủ cần thể chế hóa vấn đề nêu trên, có quy định trích một phần vốn tự có để hình thành cổ phần của người lao động, cổ phần này không được rút khỏi công ty cổ phần. Cổ tức thu được từ cổ phần này được sử dụng để phát triển quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng hoặc chia cho người

(Xem tiếp trang 17)

Digitized by Google

BÀN VỀ VAI TRÒ THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN THEO HƯỚNG BỀN VỮNG CỦA CÁC KHU CHẾ XUẤT, KHU CÔNG NGHIỆP Ở VIỆT NAM

LÊ HỮU NGHĨA *

HAI mươi năm qua, trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng ta đề ra nhiều chủ trương đúng đắn, nhờ vậy đã tạo điều kiện thúc đẩy tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ. Trong các chủ trương đó, phải kể đến chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, huy động mọi nguồn lực để phát triển đất nước, trong đó có vốn đầu tư trong nước và nước ngoài. Khu chế xuất và khu công nghiệp (sau đây gọi tắt là KCX, KCN) được hình thành là một trong những giải pháp quan trọng để thu hút vốn đầu tư phát triển, nhất là vốn đầu tư nước ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Ngày 24-09-1991, khu chế xuất đầu tiên đã được phép hình thành ở Tân Thuận thành phố Hồ Chí Minh do Đài Loan và Việt Nam liên doanh đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng. Sau đó khoảng 1 năm (1992), khu chế xuất thứ hai ra đời. Đó là KCX Linh Trung 1 cũng ở thành phố Hồ Chí Minh do Việt Nam và Trung Quốc liên doanh xây dựng kết cấu hạ tầng.

Quá trình ra đời các văn bản pháp quy liên quan trực tiếp đến xây dựng và phát triển các khu chế xuất, khu công nghiệp cho thấy rõ tầm quan trọng của việc quy hoạch, xây dựng và vận hành các KCX, KCN. Ngày 18-10-1991, Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) đã ban hành Nghị định số 322/HĐBT về Quy chế khu chế xuất. Ngày 28-12-1994, Chính phủ ban hành Nghị định số 192/CP về Quy chế khu công nghiệp. Ngày 06-08-1996, trên cơ sở thực tiễn phát triển công nghiệp và dự báo nhu cầu phát triển công nghiệp của đất nước, Chính phủ đã ra Quyết định số 519/TTg về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển khu công nghiệp và kết cấu hạ tầng thời kỳ 1996 - 2010. Theo đó, danh mục 33 KCX, KCN đầu tiên của cả nước theo quy hoạch đã được công bố.

Ngày 24-04-1997, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 36/NĐ-CP về Quy chế các khu

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

công nghiệp, khu chế xuất thay thế hai văn bản cũ là Nghị định 322 và Nghị định 192. Ngày 30-08-1997, Thủ tướng Chính phủ ra Quyết định số 713/TTg, theo đó bổ sung vào danh mục cũ theo Quyết định 519 thêm 23 khu công nghiệp.

Ngoài ra, theo đề nghị của ủy ban nhân dân các tỉnh và thành phố trực thuộc Trung ương, Thủ tướng Chính phủ cũng đã chấp thuận về mặt chủ trương hình thành đối với một số KCX, KCN.

Có thể nói, phát triển các KCX, KCN đã có được sự tập trung chỉ đạo đặc biệt của Chính phủ, nhờ đó mà các KCX, KCN đã có được những bước phát triển tương đối rõ nét (xem bảng 1).

Bảng 1: Tình hình các khu chế xuất và khu công nghiệp ở Việt Nam tính đến tháng 5 năm 2005

	KCX, KCN đã thành lập và hoạt động	KCX, KCN đã thành lập và đang XDCB	Tính chung
Số lượng KCX, KCN	69	53	122
Tổng diện tích tự nhiên, héc-ta	15183	9767	24950
Diện tích có thể cho thuê, héc-ta	10351	6312	16663
Diện tích đã được cho thuê, héc-ta	6364	1069	7433
Tỷ lệ diện tích đã cho thuê, %	61,48	16,94	44,61
Vốn đầu tư nước ngoài:			
- Số dự án	1648	90	1738
-Vốn, triệu USD	14182	486	14668
Vốn đầu tư trong nước:			
- Số dự án	1603	214	1817
- Vốn, tỉ VND	79479	9520	88999
Lao động Việt Nam, người	628858	44486	673344

Nguồn: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (http://www.mpi.gov.vn)

Phân tích hiện trạng ra đời và quá trình xây dựng KCX, KCN cho thấy (số liệu bảng 1), tính đến tháng 5-2005, trong số 69 KCX, KCN đã được thành lập và hoạt động, tỷ lệ lấp đầy của số diện tích có thể cho thuê đạt gần 61,5%. Trong số các KCX, KCN đã thành lập và đang trong quá trình xây dựng cơ bản, tỷ lệ đó mới chỉ đạt gần 17,0%. Tính chung cho tất cả các KCX, KCN của cả nước tỷ lệ lấp đầy nằm ở mức 44,5%.

Trong kế hoạch 5 năm 1991 - 1995 cả nước chỉ có 12 giấy phép xây dựng KCX, KCN (trong đó có 1 KCN đến nay vẫn đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản, đó là KCN Đài Tư, Hà Nội do phía Đài Loan làm chủ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng).

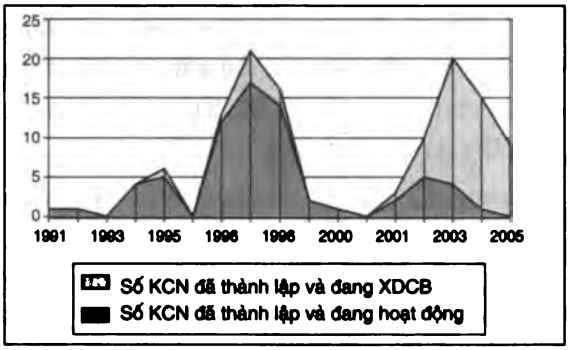
Kế hoạch 5 năm tiếp theo (1996 - 2000) tốc độ cấp giấy phép xây dựng KCX, KCN tăng lên đột biến - đạt 53 giấy phép, trong đó hiện vẫn đang còn 7 KCX, KCN đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản).

Trong kế hoạch 5 năm vừa qua, (2001 - 2005), số lượng các giấy phép có tăng nhưng không nhiều, chỉ đạt 57 giấy phép, trong số đó có 45 KCX, KCN đang trong thời kỳ xây dựng cơ bản.

Nhìn lại số lượng các KCX, KCN đã được cấp phép cho thấy, các giấy phép chủ yếu tăng lên vào giữa kế hoạch 5 năm, nhất là năm thứ hai và thứ ba của kế hoạch 5 năm, và giảm đi đáng kể trong 2 - 3 năm cuối kỳ kế hoạch (xem biểu đồ 1). Sự giao động lên - xuống có tính chất chu kỳ (mùa) theo từng kế hoạch 5 năm cho thấy yếu tố liên tục và kế thừa trong việc thực hiện quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển KCX, KCN còn yếu, nếu không muốn nói là rất yếu. Thay vào đó, yếu tố chủ quan, kíp lãnh đạo hay còn gọi là nhân sự của từng nhiệm kỳ - kế hoạch 5 năm có vai trò quyết định đến việc cấp phép và triển khai các KCX, KCN.

Digitized by Google

Biểu đồ 1: Giao động lên xuống của số lượng các giấy phép xây dựng KCX, KCN đã được cấp theo 3 kế hoạch 5 năm (1991 – 1995, 1996 – 2000 và 2001 – 2005)



Nguồn: Xử lý số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (http://www.mpi.gov.vn)

Đáng chú ý là trong số các KCX, KCN đã đi vào hoạt động, có 10 KCX, KCN xin cấp phép lần hai và lần ba để phát triển, mở rộng hoặc bổ sung thêm vốn theo từng giai đoạn I và II của quy hoạch. Điều đó cho thấy, số KCX, KCN này có chiều hướng phát triển khá về mặt thu hút các doanh nghiệp vào đầu tư sản xuất, kinh doanh. Chỉ có 1 KCN Đình Trám ở Bắc Giang là đang trong quá trình xây dựng cơ bản đã tiếp tục xin cấp giấy phép mở rộng giai đoạn II chỉ trong vòng 2 năm (2003 - 2005).

Theo số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết năm 2005, cả nước đã có 130 KCX, KCN với diện tích tự nhiên là 26.517 ha, trong đó đất có thể cho thuê là 17.766 ha (chiếm khoảng 67% diện tích tự nhiên). Đã có 45 tỉnh, thành phố có KCX, KCN. Hiện có 75 KCX, KCN đang vận hành (khoảng 16.381 ha, trong đó đất công nghiệp có thể cho thuê chiếm 71,4% tương đương 11.114 ha), từ đó nâng tỷ lệ lấp đầy lên đến 62,56%. Hiện còn 4.511 dự án đầu tư còn hiệu lực trong các KCX, KCN, trong đó có 2.202 dự án đầu tư nước ngoài có số vốn huy động là 17,6 tỉ USD; 2.314 dự án đầu tư trong nước có số vốn huy động lên tới 103.000 tỉ VND.

Theo số liệu thống kê trong năm 2005, các KCX, KCN đã tạo ra giá trị sản xuất công nghiệp lên tới 14 tỉ USD, tương đương 28% tổng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước. Giá trị kim ngạch xuất khẩu của các KCX, KCN đạt 6 tỉ USD, tương đương 19% tổng kim ngạch xuất khẩu cả nước. Ngoài ra, các KCX, KCN còn nộp ngân sách nhà nước được 650 triệu USD và thu hút được khoảng 740 ngàn lao động.

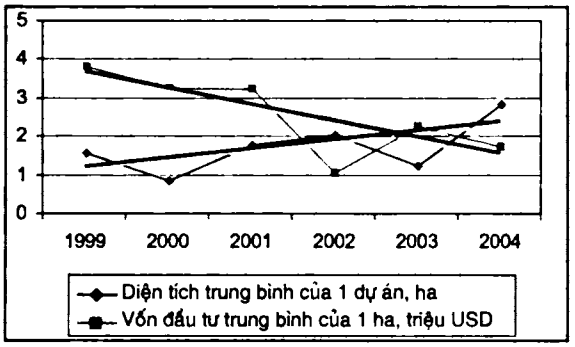
Nhìn chung, đất nước chúng ta đang quyết tâm phấn đấu để sớm trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020, do đó trên con đường phát triển, nhất là tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa không thể thiếu vai trò quan trọng của công nghiệp, trong đó có việc phát triển các KCX, KCN. Bởi vậy, hiệu quả kinh tế, vốn đầu tư và tính bền vững cả về kinh tế, môi trường sinh thái, xã hội và môi trường văn hóa của các KCX, KCN có một ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Tuy vậy, nhìn thẳng vào thực trạng xây dựng và hoạt động của các KCX, KCN vừa qua có thể thấy nổi lên mấy vấn đề như sau:

- Cùng với sự tăng lên nhanh chóng về số lượng các KCX, KCN, thì quy mô vốn đầu tư của từng dự án vào KCX, KCN đang có chiều hướng giảm dần. Cụ thể nếu tính số vốn bình quân cho một dự án thì: năm 1997 là 23 triệu USD; năm 1998 - 21 triệu; năm 1999 - 3,8 triệu; năm 2000 - 3,0 triệu; năm 2001 - 4,3 triệu; năm 2002 - 3,2 triệu và năm 2003 là 3,4 triệu. Sáu tháng đầu năm năm 2004 con số đó là 4,0 triệu USD/dự án.

- Nếu tính trung bình cho một dự án về các chỉ tiêu, như diện tích đất của một dự án đầu tư vào KCX, KCN có xu hướng tăng lên, trong lúc vốn đầu tư trung bình cho mỗi héc-ta diện tích tại các KCX, KCN thì đang có xu hướng giảm dần (xem biểu đồ 2).

Digitized by Google

Biểu đồ 2: Xu hướng vận động của các chỉ tiêu diện tích trung bình của một KCX, KCN và vốn đầu tư trung bình của mỗi đơn vị diện tích (ha).



Nguồn: Xử lý số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (http://www.mpi.gov.vn)

- Các địa phương đều chạy đua để có được các KCX, KCN, nên tệ xin - cho xuất hiện dưới nhiều hình thức. Từ đó dẫn đến nguy cơ phát triển tràn lan, tự phát, không theo quy hoạch chung của cả nước. Ở đây có cả vấn đề nhận thức chưa đúng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Rõ ràng, muốn giảm mạnh tỷ trọng khu vực I (từ nông, lâm và ngư nghiệp) trong GDP thì phải phát triển mạnh khu vực II (công nghiệp và xây dựng). Thế nhưng, mỗi địa phương phải tuân thủ quy hoạch chung của cả nước, trong đó thế mạnh và các nguồn lực hiện có của các địa phương không hoàn toàn giống nhau. Bởi vậy, không thể có một cơ cấu kinh tế giống nhau, nhất là cơ cấu ngành sản xuất và cơ cấu sản phẩm của từng ngành. Chất lượng của cơ cấu phải được thể hiện rõ trong chất lượng tăng trưởng, mức sống của dân cư (không hoàn toàn đồng nhất với mức thu nhập trung bình tính theo GDP, mà phải chú trọng đến độ đồng đều của thu nhập giữa các nhóm dân cư thuộc các khu vực khác nhau).

- Bên cạnh đó, quy hoạch chung của cả nước cũng chưa thật rõ ràng, tính chất bắt buộc phải tuân thủ trong phát triển các KCX, KCN chưa cao cũng xuất phát từ sự không rõ ràng đó. Quy hoạch là phải tính toán trên cơ sở khai thác tốt nhất, hiệu quả nhất các nguồn lực và lợi thế của cả nước (theo cách tiếp cận đại cục) trên cơ sở dự báo dài hạn về nhu cầu thị trường và thành tựu mới của khoa học, công nghệ, chứ không phải chia nhỏ theo lối "địa phương này có cái này, thì địa phương khác cũng phải có". Một quy hoạch tổng thể xây dựng và phát triển KCX, KCN phải vừa bao hàm được những tiềm năng, lợi thế quốc gia, vừa đánh giá đúng tiềm năng, lợi thế của từng địa phương, từng ngành theo giác độ phân công lao động xã hội để tạo ra một sự phối hợp, kết hợp đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh trên cả ba cấp độ - quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm. Chẳng hạn, những địa phương có nhiều nguồn đất đai màu mỡ cho phát triển trồng trọt, thì không nhất thiết phải có nhiều các KCX, KCN, nếu có chỉ là những KCX, KCN có tính chất phục vụ cho việc thâm canh, nâng cao giá trị hàng hóa của sản phẩm trồng trọt từ khai thác lợi thế đất đai (như công nghiệp chế biến nông sản...). Nếu không, rất dễ rơi vào tình trạng lấy lợi thế này (trước) đè lên (triệt tiêu) lợi thế khác (sau), trong lúc có địa phương lại chịu nhiều thiệt thòi do không có nhiều lợi thế. Đó là chưa nói đến khả năng sản xuất thừa do chạy đua theo kiểu tự phát, phong trào.

- Tình trạng nóng vội thu hút vốn đầu tư nên tìm cách lách luật, đưa ra nhiều chính sách ưu tiên, ưu đãi riêng của địa phương mang tính "tự trị", chạy theo lợi ích cục bộ, địa phương sai nguyên tắc. Điều này cũng bắt nguồn từ nguyên nhân chạy đua theo phong trào, nhưng cũng có cả nạn xin - cho còn tồn tại. Hậu quả là làm thiệt hại cho lợi ích chung của cả nước vì thất thu thuế, sử dụng nguồn lực đất đai bất hợp lý, nhất là triển khai KCX, KCN trước rồi xin giấy phép sau... làm cho vốn của Nhà nước không muốn dàn trải cũng

Digitized by Google

trở thành dàn trải, thời gian thi công kết cấu hạ tầng kéo dài, lãng phí, môi trường thu hút vốn đầu tư kém hấp dẫn.

- Để hấp dẫn các nhà đầu tư, một số địa phương thường chọn địa điểm nơi có mức đến bù rẻ, vùng hoang vu, đầm lầy, đồi núi... Do đó, điều kiện để tiến hành sản xuất, sinh hoạt (điện, nước, thông tin, liên lạc, văn hóa...) của các nhà doanh nghiệp và công nhân gặp rất nhiều khó khăn. Hậu quả là hình thành một số các KCX, KCN gượng ép, tỷ lệ lấp đầy không cao, hiệu quả thấp.

- Thực tế cho thấy, số KCX, KCN có mức độ chuyên môn hóa cao, nghĩa là tập trung sản xuất ổn định một số mặt hàng nào đó còn quá ít (theo số liệu thống kê năm 2004 chỉ có 4 trong số 81 KCX, KCN đạt tiêu chuẩn này). Bởi vậy, các địa phương chưa hình thành được những KCX, KCN mũi nhọn, làm động lực thúc đẩy phát triển các mặt hàng chủ lực có tính cạnh tranh cao cả trên thị trường trong và ngoài nước. Điều đó có nghĩa là KCX, KCN chưa thực sự phát huy vai trò đầu tàu trong thu hút đầu tư kết hợp với chuyển giao công nghệ tiên tiến, hiện đại, thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng kinh tế địa phương và cả nước.

- Tình trạng nhiều KCX, KCN chưa có chuyên môn hóa, nên dẫn đến hậu quả là các doanh nghiệp vào KCX, KCN mang tính đa ngành, thực chất là tình trạng "xôi đỗ". Có trường hợp các ngành sản xuất tồn tại gần bên nhau trong một KCX, KCN, nhưng không những không tạo ra thế hợp tác, mà còn đối lập nhau về phương thức sản xuất, vệ sinh an toàn, xử lý môi trường... Điều đó cho thấy, các biện pháp lấp đầy KCX, KCN vẫn mang tính tự phát, thu hút kỳ được, thiếu tính toán, quy hoạch, vớ được doanh nghiệp nào thì hay doanh nghiệp đó, nên mối liên kết ngành trong sản xuất không những không có, lại còn gây ảnh hưởng tiêu cực cho nhau.

Giá đất, kể cả giá đền bù tăng dần qua các năm, lại có sự chênh lệch quá lớn giữa đất trồng trọt với đất xây dựng (nhất là sau khi chuyển đổi mục đích) và giữa các địa phương cận kề đô thị, nên việc giải tỏa lấy đất, giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn. Mỗi địa phương lại làm một kiểu, có khi chỉ cách nhau một con đường (như khu Mỹ Đình của Hà Nội với An Khánh của Hà Tây), nên tình trạng so bì thiệt hơn khá phổ biến. Ở đây có một số vấn đề liên quan đến chính sách đất đai. Chẳng hạn, việc tách quyền sở hữu và quyền sử dụng đất, một mặt, đã tạo ra cơ chế thông thoáng, tăng quyền tự chủ cho người sản xuất, quyền tự quyết trong việc mua - bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.., nhưng mặt khác cũng đang đặt ra không ít vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu, giải quyết, nhất là trong việc thu hồi, giải phóng mặt bằng.

Đình công do mâu thuẫn lợi ích giữa giới chủ và người lao động trong các KCX, KCN cũng đang xảy ra nhiều nơi, có xu hướng tăng lên một cách tự phát cả về mật độ và quy mô. Tính riêng 2 tháng đầu năm 2006, theo báo Lao Động, cả nước đã có gần 150 cuộc đình công lớn, nhỏ, số người tham gia lên đến hàng trăm ngàn người. Mâu thuẫn chủ yếu là chế độ thù lao lao động bất hợp lý.

Ngoài ra, còn có hiện tượng mất an ninh trật tự, tệ nạn xã hội khu vực lân cận các KCX, KCN, do công nhân đông, thuê nhà trọ sinh hoạt đan xen với khu dân cư... Đó cũng là những vấn đề cần được quan tâm giải quyết.

Chính sách của Nhà nước cũng còn có một số hạn chế, như:

Tiêu chí có cơ sở khoa học và thực tiễn về thành lập KCX, KCN chưa rõ ràng làm giảm tính chất bắt buộc của quy hoạch xây dựng và phát triển KCX, KCN.

Có quy hoạch rồi thì vấn đề xây dựng KCX, KCN nào trước, KCX, KCN nào sau cũng chưa có tính tự giác, có tính toán kỹ càng, nên còn bị rơi vào tình trạng bị động, tự phát. Tệ hại nhất là còn có nạn xin - cho cả về vốn đầu tư lẫn quy hoạch. Có nơi có

Digitized by Google

quy hoạch rồi mà vẫn không xây dựng được, có nơi chưa có quy hoạch thì vẫn xin được giấy phép và vốn đầu tư (do có nhà đầu tư chấp thuận cấp vốn liên doanh hoặc 100% vốn xây dựng kết cấu hạ tầng).

Môi trường đầu tư trong nước chưa thật sự thuận lợi đang làm ảnh hưởng đến hiệu quả của các KCX, KCN, nhất là trong việc khai thác thị trường đầu vào (lao động, nguyên, nhiên, vật liệu, vốn đầu tư...) và tiêu thụ sản phẩm đầu ra cả thị trường trong và ngoài nước.

Chính sách phát triển KCX, KCN chưa được đổi mới. Quy chế các KCN và KCX theo tinh thần của Nghị định 36/NĐ-CP cần sớm được sửa đổi cho phù hợp với hoàn cảnh mới... Nhất là làm sao để các KCX, KCN ra đời vừa bảo đảm tính hiệu quả kinh tế cao, thu hút vốn đầu tư mạnh kết hợp với chuyển giao công nghệ tiên tiến, vừa bảo đảm tính bền vững về môi trường tự nhiên và môi trường văn hóa, xã hội.

Lúc đầu, KCX, KCN ra đời là nhằm tạo ra một khu vực tập trung có quy chế riêng, năng động và thông thoáng so với môi trường kinh doanh hiện tại của cả nước. Nhưng tính chất chủ yếu, có ý nghĩa dài hạn của các KCX, KCN lại không hoàn toàn như vậy. Chẳng hạn, khi môi trường kinh doanh chung của cả nước thông thoáng dần, các rào cản về hành chính, chính sách quản lý đối với sự phát triển dần được gỡ bỏ, đất nước hội nhập sâu hơn vào các luật chơi chung mang tính quốc tế..., thì KCX, KCN phải là nơi tập trung hóa, chuyên môn hóa, xử lý tốt các phát thải công nghiệp để bảo vệ môi trường tốt nhất, hiệu quả nhất. Trong khi đó, tại phần lớn các KCX, KCN của Việt Nam do phải giảm mạnh chi phí đầu tư để cạnh tranh thu hút vốn, nên phần đầu tư cho khâu xử lý phát thải công nghiệp và bảo vệ môi trường chưa được chú trọng đúng mức. Thực tế đó đang làm giảm đáng kể tính chất bền vững của quá trình xây dựng và phát triển các KCX, KCN.❑

Cổ phần hóa...

(Tiếp theo trang 11)

lao động trong công ty cổ phần. Công đoàn công ty cổ phần đại diện phần vốn này tham gia đại hội cổ đông và hội đồng quản trị.

– *Quyền dân chủ của người lao động trong công ty cổ phần cần được phát huy.* Khi còn là doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp đều xây dựng và thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở theo Nghị định 07/1999/NĐ-CP, ngày 13-2-1999 của Chính phủ, tổ chức đại hội công nhân viên chức theo quy định của Luật Doanh nghiệp nhà nước, tổ chức và hoạt động của ban thanh tra nhân dân theo Luật Thanh tra. Khi chuyển thành công ty cổ phần, tất cả các hình thức nhằm bảo đảm quyền dân chủ cho người lao động nêu trên không còn. Vì vậy, chỉ có người lao động là cổ đông mới được dự đại hội cổ đông, được biết, được bàn và quyết định những vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của cổ đông. Người lao động không phải là cổ đông, hoặc là cổ đông nhỏ không được tham gia đại hội cổ đông và cũng không có bất kỳ một diễn đàn hay hình thức dân chủ nào để họ được biết, được bàn, được tham gia những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền và lợi ích của mình. Do đó, cần có quy định về hình thức phát huy quyền dân chủ của người lao động trong công ty cổ phần.

– *Thực hiện quyền đại diện bảo vệ người lao động của tổ chức công đoàn.* Về mặt pháp lý, công đoàn là đại diện bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động tại công ty cổ phần, nhưng không có cơ chế đủ để công đoàn ở cơ sở thực hiện chức năng đó. Do vậy, việc bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động trong công ty cổ phần gặp nhiều khó khăn hơn so với khi còn là doanh nghiệp nhà nước. Cần có cơ chế để công đoàn được tham gia hội đồng quản trị, ban kiểm soát công ty cổ phần để nhằm phát huy tốt và hiệu quả vai trò là đại diện bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động, góp phần tích cực phát triển doanh nghiệp. ❑

Digitized by Google

"TÂM, TẦM, TRÍ" CỦA NGƯỜI CHÍNH ỦY, CHÍNH TRỊ VIÊN TRONG GIAI ĐOẠN CÁCH MẠNG MỚI

PHƯƠNG MINH HÒA *

TRONG lịch sử xây dựng, chiến đấu và trưởng thành của Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng và Bác Hồ kính yêu đã không ngừng chăm lo bồi dưỡng, giáo dục, đào tạo, chú trọng bố trí sắp xếp đội ngũ cán bộ làm công tác Đảng, công tác chính trị; đồng thời, luôn luôn đổi mới và hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với quân đội.

Để tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực công tác đảng, công tác chính trị và hiệu lực của chế độ một người chỉ huy, bảo đảm cho Quân đội ta hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, ngày 20-7-2005, Bộ Chính trị (khóa IX) đã ra Nghị quyết số 51/NQ-TW "Về tiếp tục hoàn thiện cơ chế lãnh đạo của Đảng, thực hiện chế độ một người chỉ huy gắn với thực hiện chế độ chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam"; ngày 3, 4-4-2006, Đảng ủy Quân sự Trung ương ra quyết định "Về việc ban hành chức danh chính ủy, phó chính ủy, chính trị viên, chính trị viên phó trong Quân đội nhân dân Việt Nam", quy định trách nhiệm, quyền hạn, mối quan hệ làm việc của người chỉ huy và chính ủy, chính trị viên trong Quân đội nhân dân Việt Nam. Chức trách và quyền hạn của người chính ủy, chính trị viên gắn chặt với toàn bộ hoạt động công tác đảng, công tác chính trị và các hoạt động khác trong đơn vị. Các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, phương pháp tác phong công tác cũng đòi hỏi hơn so với cương vị của người phó chỉ huy về chính trị như trước đây. Theo đó, người chính ủy, chính trị viên phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện về phẩm chất, năng lực, phương pháp, tác phong công tác, tập trung chủ yếu vào hoàn thiện và nâng cao "Tâm, Tầm, Trí" - những vấn đề nền tảng để họ hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, xứng đáng với trách nhiệm, quyền hạn được Đảng, Nhà nước, Quân đội giao cho trong giai đoạn cách mạng mới.

"Tâm" là khái niệm chủ yếu dùng để chỉ tình cảm của con người. Tuy nhiên, đó phải là những tình cảm tốt đẹp, trong sáng, nhân ái, hướng thiện. Bởi vậy, các quan niệm của người xưa như "làm người cốt ở cái tâm", "chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài" đã trở thành giá trị truyền thống của mỗi người Việt Nam, của dân tộc Việt Nam. "Tâm" của người chính ủy, chính trị viên là sự kế thừa, nhân lên các giá trị ấy của dân tộc và thời đại, thấm đượm và toát lên nét đẹp của chủ nghĩa nhân văn cộng sản, thương yêu con người, nhân dân, đồng chí sâu sắc. "Đối với bộ đội, chính trị viên phải thân

* Thiếu tướng, Ủy viên Trung ương Đảng, Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân

Digitized by Google

thiết như một người chị, công bình như một người anh, hiểu biết như một người bạn"[1].

"Tâm" mang bản chất xã hội, gắn chặt với mỗi chủ thể nhận thức, hành động. Ngoài những đặc điểm chung mà ở người cán bộ cách mạng, người lãnh đạo, chỉ huy quân sự phải có thì "Tâm" của người chính ủy, chính trị viên phải đạt đến độ trong sáng, chính tâm, thành tâm, thiện tâm và trở thành những phẩm chất thường trực, bền vững trong tư duy, trong đạo đức, lối sống.

"Tâm" của người chính ủy, chính trị viên gắn chặt với bản lĩnh chính trị, bản lĩnh lãnh đạo, chỉ huy; đồng thời, phản ánh đầy đủ nhất bản lĩnh ấy, thể hiện lòng trung thành vô hạn đối với Đảng, Quân đội, nhân dân. Do đó, nó trở thành nhân tố nội tại quyết định hiệu suất, chất lượng công tác. Nó biểu hiện ở năng lực đề xuất với Đảng, Nhà nước, Quân đội những chủ trương đúng đắn, trên cơ sở quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng. "Tâm" cũng biểu hiện ở việc dám chịu trách nhiệm, đồng thời biết tổ chức tốt hoạt động thực tiễn để hoàn thành xuất sắc công tác đảng, công tác chính trị trong đơn vị; biết xử lý nhanh, sáng tạo, hiệu quả, đúng quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước những vấn đề nhạy cảm nảy sinh trong thực tiễn.

Để làm được điều đó, hơn lúc nào hết, người chính ủy, chính trị viên phải trở thành tấm gương sáng trong đơn vị. Đó là, thường xuyên rèn luyện tác phong đã nói là làm, đã hứa là thực hiện; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, không vì địa vị mà "nịnh bợ", "chạy chọt", "mua chuộc" bỏ mất cốt cách của người cán bộ cách mạng; không vì giàu sang, hưởng lạc để rồi rơi vào tham nhũng; không vì sắc mà tha hóa đạo đức và lối sống; không vì cá nhân hoặc một tập thể nhỏ mà cục bộ địa phương, ích kỷ hẹp hòi. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

"Tầm" là khái niệm để biểu hiện nhãn quan, tầm nhìn, kỹ năng, cách thức nhìn nhận, đánh giá, xem xét các sự kiện, các vấn đề trong đời sống xã hội của con người. Với người chính ủy, chính trị viên, các kỹ năng trên không giới hạn ở lĩnh vực quốc phòng, quân sự, mà phải bao hàm hết thảy những vấn đề liên quan đến toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Do đó, tầm nhìn ấy phải "bao khắp không gian, xuyên suốt thời gian", "học mười có thể thâu tóm thành một, biết một có thể suy ra mười".

Hoạt động của chính ủy, chính trị viên gắn chặt với công tác đảng, công tác chính trị. Do vậy, mối quan hệ giữa chính trị và quân sự phải được đội ngũ cán bộ này biểu hiện sâu sắc trong tư duy và hành động. Hơn ai hết, họ phải thấm nhuần những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Quân sự mà không có chính trị như cây không có gốc, vô dụng lại có hại"[2], chính trị của quân đội là chính trị trong quân sự, vì thế "chính trị biểu hiện ra trong lúc đánh giặc"[3]. Cho nên, mỗi người chỉ huy về quân sự cũng như về chính trị, phải là kiểu mẫu, phải giữ đúng đạo đức của quân nhân cách mạng.

Mối quan hệ giữa người chỉ huy với người chính ủy, chính trị viên cùng cấp là mối quan hệ giữ vai trò quyết định các mối quan hệ khác trong đơn vị, trở thành nhân tố quan trọng giữ vững và tăng cường sự đoàn kết, nhất trí tạo nên sức mạnh tổng hợp. Vượt lên những quy định về trách nhiệm và quyền hạn, mối quan hệ ấy còn được biểu hiện ở những nét văn hóa, ở những giá trị nhân văn của một quân đội cách mạng, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu và trưởng thành. Trong đó, người chính ủy, chính trị viên luôn chủ động thực hiện sự đoàn kết, tin cậy, tôn trọng lẫn nhau trong thực hiện các nhiệm vụ chính trị, quân sự; xây dựng tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện.

Người chính ủy, chính trị viên cần có năng lực nhìn nhận thấu đáo các mối quan hệ "bảo

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 392

(2), (3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 6, tr 318, 319

Digitized by Google

vệ" và "tự bảo vệ", "diễn biến hòa bình" và "tự diễn biến hòa bình". Đặc biệt, họ phải phân tích, lý giải kỹ lưỡng được tầm quan trọng, nội dung mới, yêu cầu mới của "tự bảo vệ" cũng như tính chất nguy hại của "tự diễn biến hòa bình", làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch.

Tầm nhìn của người chính ủy, chính trị viên phải được mở rộng và nâng cao về mặt chiến lược ở sự vận động, chuyển hóa giữa đối tượng và đối tác. Nhiệm vụ lãnh đạo, chỉ huy đơn vị của người chính ủy, chính trị viên không chỉ sẵn sàng đánh thắng trong chiến tranh, mà ưu tiên hơn là phải tạo ra thế mới, lực mới nhằm đẩy lùi, ngăn chặn chiến tranh. Chức trách, nhiệm vụ mà người chính ủy, chính trị viên đảm nhiệm không giới hạn trong phạm vi quốc phòng, quân sự mà tác động đến nền kinh tế, văn hóa, xã hội... trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Để làm được điều đó, người chính ủy, chính trị viên phải không ngừng tự hoàn thiện, tự bồi dưỡng, tiếp nhận, chuyển hóa, hình thành, củng cố, phát triển những phẩm chất, những giá trị, những yếu tố hợp thành khả năng tư duy; đồng thời, sáng tạo ra những giá trị, phẩm chất, yếu tố mới, làm cho năng lực tư duy vươn tới những trình độ cao hơn, đáp ứng các yêu cầu của nhận thức và hoạt động thực tiễn.

"Trí" là khái niệm chỉ khả năng nhận thức nhanh nhạy, sự hiểu biết sâu rộng của con người và việc vận dụng những khả năng ấy vào hoạt động thực tiễn. Với người chính ủy, chính trị viên "trí" được biểu hiện ở năng lực nhận thức, ở trí thức sâu, rộng và khả năng vận dụng tri thức ấy vào mọi hoạt động của đơn vị, được tập trung vào hoạt động công tác đảng, công tác chính trị.

Về nhận thức, người chính ủy, chính trị viên cần phải: 1 - Nắm vững xu thế phát triển của thời đại, thế giới, khu vực, đặc biệt những vấn đề nhạy cảm liên quan đến quốc phòng, quân sự; 2 - Nhận diện đúng bản chất, tham vọng và khả năng hiện có của đối tượng và đối tác; 3 - Dự báo khoa học xu hướng của các vấn đề chính trị, quân sự, đối ngoại v.v.. tác động đến lĩnh vực quốc phòng, quân sự nước ta trong những năm tới; 4 - Quán triệt sâu sắc đường lối của Đảng, Chiến lược bảo vệ Tổ quốc, sự gắn kết Chiến lược đối ngoại với quốc phòng, an ninh, những phát triển mới về vai trò, nhiệm vụ của Quân đội và của đơn vị trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Về tri thức, người chính ủy, chính trị viên cần phải: 1 - Có kiến thức toàn diện, liên ngành, hỗ trợ và phục vụ tốt cho hoạt động công tác đảng, công tác chính trị phù hợp với cương vị công tác; 2 - Nắm vững các bộ môn khoa học xã hội và nhân văn quân sự, đặc biệt phải thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng sáng tạo, bảo vệ và phát triển các giá trị của học thuyết ấy trong điều kiện mới; 3 - Nắm vững quan điểm duy vật và phương pháp tư duy biện chứng, trên cơ sở đó nghiên cứu sâu sắc và làm rõ những vấn đề mới về chiến tranh, quân đội, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; 4 - Nắm vững các quy luật của chiến tranh, đấu tranh vũ trang và nghệ thuật quân sự; nắm được những học thuyết quân sự mới nhất và những thay đổi chiến lược của các nước trên thế giới, đặc biệt là các nước là đối tượng tác chiến và các nước trong khu vực có liên quan đến biên giới, lãnh thổ, vùng biển, vùng trời của ta, góp phần tìm hiểu những khái niệm, phạm trù mới về quốc phòng, quân sự, những phát triển mới về vũ khí, phương tiện chiến tranh công nghệ cao; 5 - Nắm chắc khoa học, nghệ thuật quân sự Việt Nam và phát triển nó trong điều kiện, hoàn cảnh mới.

Trên cơ sở khả năng nhận thức và vốn tri thức như trình bày ở trên, người chính ủy, chính trị viên phải có năng lực *tổ chức hoạt động thực tiễn;* biết xem người, xem việc, biết vì Đảng mà cân nhắc người tốt, đề phòng kẻ gian; kết hợp chặt chẽ giữa dân chủ và kỷ luật, giữa giáo dục

(Xem tiếp trang 30)

Digitized by Google

CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ VIỆT NAM VỚI VIỆC THỰC HIỆN MỤC TIÊU THIÊN NIÊN KỶ

NGUYỄN THIỆN TRƯỞNG *

VIỆC đáp ứng ngày càng tăng nhu cầu nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống của các thành viên trong xã hội là mục tiêu và yêu cầu đặt ra đối với mọi dân tộc, mọi quốc gia và mọi nền kinh tế. Để đạt được mục đích đó, đồng thời với việc phát triển kinh tế - xã hội, cần phải điều chỉnh các xu hướng dân số, làm cho nó phù hợp với sự phát triển. Dân số phù hợp sẽ kích thích sự phát triển nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, nâng cao tiềm lực của lực lượng sản xuất, góp phần thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Dân số phù hợp với sự phát triển là yếu tố cơ bản để xóa đói, giảm nghèo, giảm tình trạng thất nghiệp, sử dụng ngày công lao động thấp, giảm suy dinh dưỡng, giảm tỷ lệ mù chữ, nâng cao trình độ học vấn, nâng cao vị thế của người phụ nữ, giảm rủi ro về môi trường, mở rộng dịch vụ y tế, xã hội và huy động được nguồn lực để đầu tư cho phát triển sản xuất - kinh doanh, khoa học - công nghệ, bảo đảm công bằng xã hội. Với ý nghĩa đó, Đảng và Nhà nước ta đã xác định công tác dân số là một bộ phận quan trọng của chiến lược phát triển đất nước, là một trong những vấn đề kinh tế - xã hội hàng đầu, là yếu tố cơ bản để nâng cao chất lượng cuộc sống của từng người, từng gia đình và của toàn xã hội.

Trong đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010, Việt Nam đã đề ra các Mục tiêu phát triển. Các mục tiêu này về cơ bản phù hợp với các Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ (MDG) mà 189 vị đứng đầu Nhà nước và Chính phủ các nước thành viên đã cùng nhau cam kết thực hiện tại Hội nghị Thượng đỉnh tháng 9-2002. Việt Nam đã lồng ghép 8 mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (bao gồm: xóa bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói; phổ cập giáo dục tiểu học; tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ; giảm tỷ lệ tử vong trẻ em; tăng cường sức khỏe bà mẹ; phòng chống HIV/AIDS, sốt rét và các bệnh dịch khác; bảo đảm bền vững về môi trường; thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì phát triển) vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch 5 năm và hằng năm. Chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình là một trong các chương trình có một số mục tiêu phát triển thiên niên kỷ được lồng ghép trong quá trình thực hiện. Cùng với các chương trình mục tiêu quốc gia

* TS, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em

Digitized by Google

khác, chương trình mục tiêu quốc gia dân số - kế hoạch hóa gia đình đã có những đóng góp hết sức quan trọng vào các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

I – Kết quả thực hiện chiến lược dân số với một số mục tiêu phát triển thiên niên kỷ

Thứ nhất, *thực hiện chiến lược dân số góp phần xoá bỏ tình trạng nghèo cùng cực và thiếu đói*

Đông con vừa là nguyên nhân vừa hệ quả của đói, nghèo. Kết quả của Chương trình dân số trong 15 năm qua, đặc biệt là trong giai đoạn 2001 – 2005 đã góp phần đáng kể vào việc xóa đói, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống, đẩy mạnh phát triển kinh tế – xã hội và tăng tổng sản phẩm quốc nội bình quân đầu người hằng năm. Tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người phụ thuộc trực tiếp vào tỷ lệ tăng tổng sản phẩm quốc nội và tỷ lệ tăng dân số, trong đó tỷ lệ tăng tổng sản phẩm quốc nội là tử số và tỷ lệ tăng dân số là mẫu số. Các nhà khoa học đã đưa ra một công thức gần đúng để tính toán tỷ lệ GDP bình quân đầu người tăng hằng năm bằng tỷ lệ tăng GDP trừ đi tỷ lệ tăng dân số. Như vậy, để tăng được chỉ tiêu GDP tính trên đầu người thì tổng sản phẩm quốc nội phải tăng nhanh hơn tỷ lệ tăng dân số. Việc hạ thấp tỷ lệ tăng dân số (nếu không làm GDP giảm) cũng sẽ làm tăng GDP bình quân đầu người. Trên cơ sở tính toán này, nếu so sánh mức sống giữa 2 cộng đồng, giả sử có tỷ lệ tăng GDP như nhau, nhưng một cộng đồng có quy mô dân số ổn định và cộng đồng khác có tỷ lệ tăng dân số 2% thì sau 35 năm sự chênh lệch về mức sống sẽ lên tới 50 lần. Đối với Việt Nam, Liên hợp quốc dự báo rằng, nếu thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình thì quy mô dân số sẽ ổn định ở mức 120 triệu người và đến năm 2035, GDP bình quân đầu người bằng 31,2 lần GDP bình quân đầu người năm 1990. Và ngược lại, nếu không thực hiện tốt chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình thì quy mô dân số sẽ ổn định ở mức 160 triệu người và đến năm 2035, GDP bình quân đầu người chỉ bằng 25 lần GDP bình quân đầu người của năm 1990.

Từ công thức lý thuyết và số liệu thực tế ở Việt Nam ta thấy việc giảm tỷ lệ tăng dân số đã góp phần đáng kể vào việc tăng GDP bình quân đầu người qua số liệu sau.

Giai đoạn	Tỷ lệ gia tăng GDP	Tỷ lệ tăng dân số	Tỷ lệ tăng GDP/người
1976-1980	0,4	2,47	-2,07
1981-1985	6,4	2,52	3,88
1986-1990	3,9	2,1	1,8
1991-2000	7,56	1,7	5,86
2001-2005	7,5	1,37	6,13

Trong giai đoạn 1991 - 2000, tổng sản phẩm trong nước tăng liên tục qua các năm với tốc độ tăng bình quân mỗi năm 7,56%. Đến năm 2000, tổng sản phẩm trong nước đã gấp 2,07 lần năm 1990, đạt và vượt mức mục tiêu tổng quát đề ra cho chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1991 - 2000 là tổng sản phẩm trong nước gấp 2 lần. Đồng thời, tỷ lệ tăng dân số đã giảm rất nhanh và đạt mức tăng 1,7% mỗi năm và do đó, tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người cao nhất trong ba thập kỷ là 5,86% bình quân mỗi năm. Đến giai đoạn 2001 - 2005, tỷ lệ tăng dân số tăng 1,37% mỗi năm thì tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người đã đạt 6,1% bình quân mỗi năm.

Như vậy, chúng ta thấy trong thập kỷ 90 của thế kỷ XX, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của Việt Nam vào khoảng 7,56% nhưng nếu tỷ lệ tăng dân số không giảm xuống mức 1,7% mà vẫn tăng ở mức 2,4% - 2,5% như những năm đầu thập kỷ 80 thì tỷ lệ tăng GDP bình quân đầu người mỗi năm sẽ giảm 1,3% và trong giai đoạn 2001 - 2005 mỗi năm sẽ giảm 2,2%. Vì vậy, việc thực hiện thành công mục tiêu của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình trong những năm 90 của thế kỷ XX đã góp phần làm tăng GDP bình quân đầu người 1% mỗi năm và giai đoạn 2001 - 2005 là 2% mỗi

Digitized by Google

năm. Nếu so sánh giai đoạn 1991 - 2000 với giai đoạn 2001 - 2005, thì việc thực hiện mục tiêu của chương trình dân số đã tiếp tục góp phần làm tăng GDP bình quân đầu người gần 1% mỗi năm.

Đất nông - lâm nghiệp bình quân chung 1 hộ, 1 nhân khẩu, 1 lao động đã tăng lên đáng kể. Ngoài nguyên nhân tăng chủ yếu là do khai hoang còn phải kể đến một nguyên nhân nữa là số nhân khẩu bình quân 1 hộ tiếp tục giảm (từ 4,6 người năm 1999 xuống còn 4,35 người năm 2004) do phong trào nhân dân thực hiện kế hoạch hoá gia đình tiếp tục được duy trì và có bước phát triển, số con của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ tiến tới mức sinh thay thế (2005: 2,11 con) cũng góp phần đưa diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người tăng lên.

Không những kết quả của chương trình góp phần tăng GDP bình quân đầu người mà nó còn tiết kiệm chi tiêu dịch vụ xã hội, tăng số lượng người trong độ tuổi lao động. Tỷ lệ dân số dưới 15 tuổi giảm mạnh, từ 33,5% (1-4-1999) còn 27,1% (1-4-2005). Tỷ lệ dân số từ 60 tuổi trở lên chỉ tăng từ 8,1% (1-4-1999) lên 9% (1-4-2005). Tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tăng từ 58,4% (1-4-1999) lên 63,9% (1-4-2005). Tỷ lệ phụ thuộc của dân số giảm từ 71% năm 1999 xuống còn 58,63% năm 2004, mà trong đó hầu hết là do giảm tỷ lệ phụ thuộc trẻ em (tỷ lệ phụ thuộc trẻ em 0 - 14 tuổi đã giảm từ 57% năm 1999 xuống còn 44,4% năm 2004, tỷ lệ phụ thuộc của nhóm người già không thay đổi, vẫn ở mức 14%). Như vậy, hiện nay cứ 100 người trong độ tuổi lao động từ 15 đến 59 tuổi chỉ còn phải nuôi 58 người ăn theo thay cho con số 65 người năm 1999. Với cơ cấu này, dân số Việt Nam đang ở trong giai đoạn có dồi dào lực lượng lao động.

Thứ hai, *tăng cường bình đẳng nam nữ và nâng cao vị thế cho phụ nữ*

Nhờ kết quả thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình mà bình quân hiện nay cả nước chỉ có khoảng 1,4 - 1,5 triệu phụ nữ mang thai và sinh đẻ trong mỗi năm, so với con số nếu không thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình thì bình quân sẽ có 2,2 - 2,3 triệu phụ nữ mang thai và sinh đẻ hằng năm, có nghĩa là hằng năm giảm khoảng 80 vạn phụ nữ không tham gia vào sinh đẻ, nhờ vậy sẽ có thêm 80 vạn phụ nữ có điều kiện thời gian để học tập và tham gia vào các hoạt động và góp phần phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Nhờ đẻ muộn, đẻ thưa, đẻ ít mà các cặp vợ chồng không chỉ có điều kiện về thời gian mà còn có sức khỏe, tiết kiệm được chi phí tiêu dùng dịch vụ xã hội để đầu tư cho phát triển kinh tế, nuôi con học hành đầy đủ, hưởng thụ văn hóa, nghệ thuật, do đó góp phần xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và góp phần quan trọng vào sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của mỗi cộng đồng cũng như toàn xã hội.

Thứ ba, *giảm tỷ lệ tử vong ở trẻ em, giảm tỷ lệ tử vong bà mẹ khi sinh sản*

Trình độ học vấn của người mẹ, tuổi người mẹ, số lần sinh và khoảng cách giữa các lần sinh có ảnh hưởng rất lớn đến việc giảm tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi. Trong những năm qua, nhờ sự thành công của chương trình chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em và chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình mà tỷ lệ chết của trẻ em giảm đáng kể.

Trình độ học vấn của người mẹ càng cao thì tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi càng thấp. Theo kết quả điều tra nhân khẩu học và sức khỏe 2002 (DHS 2002), tỷ suất chết dưới 5 tuổi của con các bà mẹ chưa đi học (66‰) cao gấp đôi so với tỷ suất chết của con các bà mẹ đã tốt nghiệp trung học cơ sở (33‰) và cao gấp ba lần rưỡi so với con của các bà mẹ tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên (19‰).

Trẻ em do những bà mẹ sinh con trong độ tuổi lý tưởng 20 - 29 có mức độ chết thấp hơn so với những độ tuổi khác. Theo DHS2002, tỷ

Digitized by Google

suất chết sơ sinh của con các bà mẹ dưới 20 tuổi cao gấp đôi so với con của các bà mẹ 20 - 29. Con của các bà mẹ 30 - 39 tuổi sinh ra chết trong 12 tháng tuổi đầu tiên cao gấp rưỡi so với con của các bà mẹ 20 - 29 tuổi. Kết quả điều tra biến động dân số - kế hoạch hóa gia đình 1-4-2005 cho thấy, hiện nay mức sinh cao nhất tập trung vào nhóm tuổi 20 - 24 (137‰) và 25 - 29 (130‰).

Khoảng cách giữa các lần sinh càng ngắn thì tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi càng cao, trường hợp khoảng cách sinh dưới 2 năm có nguy cơ tử vong cao gần gấp 3 lần so với trường hợp khoảng cách sinh trên 4 năm. Vào năm 2002, khoảng cách trung bình giữa các lần sinh đã tăng lên 47 tháng.

Những kết quả đó cho thấy lợi ích của chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình trong việc vận động tuổi sinh con lý tưởng, số con tối ưu và khoảng cách giữa các lần sinh hợp lý cùng với sự thành công của chương trình chăm sóc sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, chăm sóc trẻ sơ sinh đã làm giảm rất nhanh tỷ lệ chết trẻ em dưới 1 tuổi từ 36,7‰ năm 1999 xuống còn 17,8‰ năm 2005; tỷ suất tử vong mẹ giảm từ 95/100.000 trẻ đẻ sống năm 2000 xuống còn 80/100.000 năm 2005. Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi còn 25,2%, gần đạt được mục tiêu kế hoạch 5 năm 2001 - 2005. Tầm vóc, thể lực của người Việt Nam được cải thiện, đã xuất hiện quy luật gia tăng về tầm vóc cơ thể của người Việt Nam. Chiều cao trung bình của người trưởng thành ở nam giới là 163,7cm, tăng 3,7cm so với năm 1975; ở nữ giới là 154cm, tăng 4cm. Chỉ số phát triển con người tiếp tục tăng và đạt 0,704 điểm, Việt Nam xếp thứ 108 so với 177 quốc gia trên thế giới tham gia xếp hạng.

Có thể nói, những thành công bước đầu trong việc thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ mà Việt Nam đạt được trong giai đoạn 2001 - 2005 đã có sự đóng góp không nhỏ của việc thực hiện chiến lược dân số Việt Nam 2001 - 2010.

II – Chiến lược dân số Việt Nam 2001 – 2010 với các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ trong giai đoạn 2006 – 2010

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược phát triển ngành, vùng trong từng thời kỳ, Việt Nam luôn đặt con người vào vị trí trung tâm, coi con người vừa là động lực, vừa là mục tiêu của sự phát triển, gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, phát triển văn hóa, bảo vệ môi trường. Tuy nhiên, Việt Nam vẫn là một nước nghèo, đang phát triển, GDP bình quân đầu người hằng năm mới đạt khoảng hơn 500USD, vẫn là nước có thu nhập thấp. Những năm tới, bên cạnh sự tăng trưởng kinh tế thì dân số Việt Nam cũng sẽ vẫn tăng đáng kể, dù với tỷ lệ thấp hơn. Vấn đề dân số vẫn là một trong những thách thức lớn đối với sự phát triển bền vững của đất nước. Việc giảm tỷ lệ gia tăng dân số sẽ giúp cho chúng ta điều chỉnh quy mô dân số ở mức hợp lý, góp phần vào thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ, bảo vệ tốt hơn tài nguyên, môi trường, làm cơ sở cho sự phát triển bền vững của đất nước. Mối quan hệ chặt chẽ giữa chiến lược dân số và tăng trưởng kinh tế đã được nhìn nhận và thể hiện trong Chiến lược tổng thể về phát triển và giảm đói nghèo. Chiến lược này đã chỉ ra rằng thành công trong nỗ lực giảm tỷ lệ tăng dân số đã góp phần quan trọng vào việc giảm đói nghèo, đồng thời chiến lược cũng chỉ rõ trong thời gian tới cần phải tập trung mọi nỗ lực để tiếp tục duy trì tỷ lệ tăng trưởng dân số hiện nay thông qua việc mở rộng sự tiếp cận của người dân tới các thông tin và dịch vụ về sức khoẻ sinh sản và kế hoạch hóa gia đình.

Chiến lược Dân số Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 là bước đi quan trọng và đúng hướng. Chiến lược được xây dựng phù hợp với khuyến nghị của Hội nghị quốc tế về Dân số và Phát triển (ICPD) được tổ chức tại Cai-rô

Digitized by Google

năm 1994 và Hội nghị ICPD + 5 được tổ chức năm 1999. Chiến lược dân số mới đã chuyển hướng từ trọng tâm giảm sinh sang việc giải quyết những vấn đề dân số theo hướng rộng hơn, nó bao gồm những vấn đề về chất lượng dân số, cơ cấu dân số, phân bố dân cư, sức khỏe sinh sản, bình đẳng giới. Đặc biệt mục tiêu nâng cao chất lượng dân số đã được xét trên cả ba phương diện chính của sự nghiệp phát triển con người: giáo dục, sức khỏe và mức sống. Chiến lược dân số mới là một bộ phận của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2001 - 2010, gắn liền với những chiến lược khác có liên quan, như Chiến lược chăm sóc sức khỏe sinh sản, Chiến lược xóa đói, giảm nghèo nhằm góp phần đạt được mục tiêu: *tăng gấp đôi GDP vào năm 2010 và giảm tỷ lệ tăng dân số từ mức 1,33% hiện nay xuống còn 1,1 – 1,14% một năm; bảo đảm cho mọi trẻ em ở lứa tuổi tiểu học đều được đến trường và phổ cập trung học cơ sở toàn quốc; nâng cao tuổi thọ trung bình từ 68 tuổi lên 70 – 71 tuổi.*

Việc thực hiện Chiến lược dân số trong giai đoạn 2006 - 2010 vẫn còn nhiều khó khăn thách thức để đạt được mục tiêu ổn định quy mô dân số vào giữa thế kỷ XXI. Kết quả giảm sinh trong giai đoạn 2001 - 2005 mặc dù đang tiến đến mức sinh thay thế nhưng kết quả đạt được là chưa vững chắc, nhiều chỉ báo nhân khẩu học vẫn chưa đạt mục tiêu Chiến lược dân số giai đoạn 2001 - 2005, vẫn còn tiềm ẩn việc dân số tăng nhanh trở lại. Năm 2002, nước ta đã đạt mức sinh thay thế (số con bình quân của một phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ là 2,12 con) nhưng do những nguyên nhân khách quan và chủ quan, năm 2003 và năm 2004, mức sinh lại tăng trở lại và chúng ta đã phải mất khoảng thời gian 2 - 3 năm để khắc phục. Quy mô dân số nước ta đã khá lớn, mật độ dân số rất cao, tiếp tục gây sức ép lớn, là yếu tố cản trở những nỗ lực phát triển kinh tế - xã hội, giảm khoảng cách tụt hậu so với các nước. Theo số liệu chính thức của Cục Thống kê nhà nước Trung Quốc, năm 1980 Trung Quốc đã đạt và tiệm cận mức sinh thay thế với tổng tỷ suất sinh là 2,3 con, nhưng sau đó tỷ lệ sinh tăng trở lại và do không khắc phục được trong một thời gian ngắn nên phải mất 10 năm sau, tức năm 1990 mới đạt lại mức tổng tỷ suất sinh là 2,3 con. Nếu chúng ta không có quyết tâm cao, phấn đấu liên tục, bền bỉ thực hiện mục tiêu chính sách dân số - kế hoạch hóa gia đình thì rất dễ phải trả giá với thời gian phải dài hơn để có quy mô dân số ổn định và quy mô dân số sẽ lớn hơn dự kiến 120 triệu người vào giữa thế kỷ XXI. Điều này cho chúng ta hình dung đến tác động của quy mô và tốc độ tăng dân số của nước ta đến phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, khai thác, sử dụng tài nguyên và đặc biệt là thực hiện các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.

Trong những năm tới, chúng ta phải tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết 47 của Bộ Chính trị và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết 47 của Chính phủ, thực hiện có kết quả Chương trình mục tiêu quốc gia dân số, gia đình và trẻ em giai đoạn 2006 - 2010, đạt được các mục tiêu của Chiến lược dân số giai đoạn 2001 - 2010 cụ thể như sau: *giảm tỷ lệ sinh trung bình 0,25 hằng năm, duy trì vững chắc tổng tỷ suất sinh đã đạt được để tỷ lệ phát triển dân số là 1,14% và quy mô dân số dưới 89 triệu người vào năm 2010. Nâng cao một bước chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ và tinh thần, đưa chỉ số HDI đạt mức trung bình tiên tiến vào năm 2010. Thực hiện đăng ký dân số, xử lý và cung cấp các thông tin, tư liệu về dân số đáp ứng yêu cầu quản lý kinh tế – xã hội.* Đây là những định hướng lớn mà chúng ta phải thực hiện tốt trong những năm tới để sớm đạt được mục tiêu duy trì mức sinh thay thế, tiến tới ổn định quy mô dân số và giữa thế kỷ XXI. ❑

Digitized by Google

NGOẠI GIAO VIỆT NAM SAU 20 NĂM ĐỔI MỚI

PHAN DOÃN NAM *

SAU 20 năm tiến hành sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử, làm cho đất nước khởi sắc về mọi mặt, trong đó có sự đóng góp của mặt trận ngoại giao. Báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về các văn kiện Đại hội X do Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh trình bày nêu rõ: "Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp"(1).

Để thấy rõ hơn ý nghĩa lịch sử của những thành tựu hiện nay về mặt đối ngoại, cần nhớ lại tình hình khó khăn của ta về ngoại giao trước khi tiến hành đổi mới.

Sau khi giải phóng miền Nam và thống nhất Tổ quốc, tuy còn gặp nhiều khó khăn do 30 năm chiến tranh gây ra, nhưng Việt Nam đã tạo lập được vị thế và uy tín rất cao trên trường quốc tế. Tuy nhiên, do những sai lầm chủ quan, duy ý chí, nóng vội, chúng ta đã lâm vào một cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội và bị cô lập về ngoại giao. Nhân tình hình đó, các thế lực chống đối đã lợi dụng những khó khăn của Việt Nam để câu kết với nhau, chống phá ta. Ta còn rất ít bạn bè. Một số nước trước đây ủng hộ Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ đã xa lánh ta. Quan hệ giữa nước ta với các nước ASEAN và các nước lớn (trừ Liên Xô và Ấn Độ) gặp nhiều vướng mắc và không giải tỏa được khiến cho nền an ninh nước ta bấp bênh khi phải đối phó với sự căng thẳng ở cả hai đầu biên giới. Trong lúc đó, những khó khăn về kinh tế lại càng chồng chất vì phải chi tiêu rất lớn cho quân sự, quốc phòng.

Để thoát ra khỏi tình hình khó khăn, tháng 7-1986, Bộ Chính trị đã họp và ra Nghị quyết 32 xác định rõ chủ trương và điều chỉnh chính sách ngoại giao và tiến tới giải pháp về Cam-pu-chia. Nghị quyết nêu rõ:

- Nhiệm vụ đối ngoại của Việt Nam là kết hợp tốt sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại, tranh thủ những điều kiện quốc tế thuận lợi nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, chủ động tạo thế ổn định để tập trung xây dựng kinh tế.

- Cần chủ động chuyển sang một giai đoạn phát triển mới, cùng tồn tại hòa bình với Trung Quốc, ASEAN, Mỹ, xây dựng Đông - Nam Á thành một khu vực hòa bình, ổn định, hợp tác.

---

* Bộ Ngoại giao

(1) Xem: Báo *Nhân Dân*, ngày 19-4-2006, tr 3

Digitized by Google

- Cần có một giải pháp về Cam-pu-chia giữ vững được thành quả cách mạng, bảo đảm cho cách mạng Cam-pu-chia tiến lên, tăng cường khối Liên minh ba nước, tạo ra một hoàn cảnh hòa bình ở Đông - Nam Á để ba nước nhanh chóng phát triển kinh tế, củng cố quốc phòng, xây dựng, bảo vệ đất nước.

Có thể nói, đây là một chủ trương đúng đắn nhưng chưa đủ sức để xoay chuyển tình thế. Bởi vì nó được triển khai chậm; yêu cầu của ta đặt ra cho một giải pháp chính trị về Cam-pu-chia quá cao, các bên liên quan khó có thể chấp nhận. Mặt khác, có thể coi đây là một bước trong quá trình đổi mới tư duy đối ngoại nhưng nó diễn ra trong bối cảnh chưa có một chuyển biến hay đổi mới tư duy trong toàn Đảng, toàn dân nên chủ trương này chưa phát huy được hiệu quả như mong muốn.

Chỉ sau Đại hội Đảng VI (tháng 12-1986) khi Đảng ta đề ra chủ trương đổi mới toàn diện, trước hết là đổi mới tư duy kinh tế, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 13 ngày 20-5-1988 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới thì ngoại giao mới có bước chuyển biến quan trọng. Với chủ đề "giữ vững hòa bình phát triển kinh tế", Nghị quyết 13 nhấn mạnh nhiệm vụ ngoại giao là phục vụ ổn định chính trị, ưu tiên phát triển kinh tế là hàng đầu, đồng thời bảo vệ Tổ quốc. Nghị quyết còn đưa ra các chủ trương cụ thể để thực hiện việc chuyển hướng về đối ngoại như: góp phần giải quyết vấn đề Cam-pu-chia, bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc, cải thiện quan hệ với các nước ASEAN, mở rộng quan hệ với các nước Tây, Bắc Âu và Nhật Bản, từng bước bình thường hóa quan hệ với Mỹ v.v..

Do đó, có thể xem Nghị quyết 13 (1988) của Bộ Chính trị là cơ sở để phát triển và nâng cao đường lối đối ngoại của ta thành đường lối độc lập tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ như ngày nay. Triển khai Nghị quyết của Bộ Chính trị, chúng ta đã ký Hiệp định Pa-ri về một giải pháp cho vấn đề Cam-pu-chia (1991), bình thường hóa quan hệ với Trung Quốc (1991) và từng bước cải thiện quan hệ với từng nước ASEAN và bản thân tổ chức này. Trên cơ sở những thành tựu mới, Đại hội VII của Đảng (1991) đã tiến thêm một bước là "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Sau Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ (1994), trong lĩnh vực ngoại giao đã có nhiều phát triển mới, nổi lên là ba sự kiện trong năm 1995: bình thường hóa quan hệ với Mỹ (11-7-1995); ký Hiệp định khung hợp tác với Liên minh châu Âu (17-7-1995) và trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội các nước Đông - Nam Á - ASEAN (28-7-1995).

Cho đến nay, sau khi tiến hành đổi mới, nước ta đã có quan hệ ngoại giao đầy đủ với 169 nước, trong đó có tất cả các nước láng giềng và các nước lớn, có quan hệ thương mại với trên 180 nước và vùng lãnh thổ, là thành viên chính thức của hầu hết các tổ chức quốc tế lớn. Vai trò của Việt Nam trong Liên hợp quốc và phong trào Không liên kết được đề cao. Chúng ta đã tổ chức tốt nhiều Hội nghị cấp cao lớn như Hội nghị cấp cao Á - Âu và sắp tới sẽ là Hội nghị thượng đỉnh Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương - APEC 14.

Có thể nói, công cuộc đổi mới đã làm cho vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao và đưa nước ta trở thành một người bạn và là một đối tác tin cậy của nhân dân tất cả các nước.

*

* *

Digitized by Google

Qua việc nhìn lại những thành tựu đã đạt được về mặt ngoại giao trong 20 năm đổi mới có thể rút ra một số bài học như sau:

Bài học thứ nhất là luôn đổi mới tư duy cho kịp với sự phát triển của thời đại. Dòng chủ lưu của thời đại hiện nay là hòa bình và phát triển, do đó không thể mang tư duy "chiến tranh lạnh" để giải quyết các vấn đề quốc tế hiện nay. Việc đổi mới tư duy là phải thường xuyên, phải theo kịp thực tiễn của cuộc sống đang biến đổi từng ngày, từng giờ trong thời đại tin học và kinh tế tri thức. Trong thập kỷ 70 của thế kỷ trước, chu kỳ thay đổi của một công nghệ mới là 15 năm, nay chỉ còn 2 năm. Trong quan hệ quốc tế, việc đổi mới tư duy trước hết là qua việc đánh giá tình hình và nắm bắt những xu thế chính của thời đại. Trong thời đại mà hòa bình và phát triển là dòng chảy chính thì hợp tác phải thay cho đối đầu. Hợp tác không có nghĩa là không cạnh tranh, nhưng cạnh tranh là để tăng cường hợp tác chứ không phải để dẫn đến đối đầu.

Do đó, việc đổi mới tư duy sẽ dẫn ta đến việc thay đổi cách xác định bạn, thù. Thời đại đơn thuần dùng ý thức hệ để phân biệt bạn, thù đã qua rồi. Mỗi dân tộc có quyền lựa chọn con đường phát triển riêng của mình. Điều này phù hợp với các quy tắc ứng xử quốc tế.

Đổi mới tư duy còn dẫn đến việc giải quyết những mâu thuẫn quốc tế. Thế giới với trên 200 nước, hàng trăm dân tộc, hàng ngàn bộ tộc và tôn giáo thì không thể không còn mâu thuẫn. Trong thời kỳ "chiến tranh lạnh", phương thức giải quyết mâu thuẫn là theo cách mà ông cha ta thường nói là "cái sảy nảy cái ung". Trong thế giới của hòa bình và phát triển, nếu một khi mâu thuẫn nhỏ xảy ra thì phải thông qua tiếp xúc thương lượng để giải quyết và khi mâu thuẫn lớn xảy ra thì phải biến nó thành mâu thuẫn nhỏ, không để mâu thuẫn dù lớn hay nhỏ ảnh hưởng đến quan hệ quốc tế.

Bài học thứ hai là đặt lợi ích dân tộc lên trên hết và nắm vững nguyên tắc độc lập, tự chủ trong mọi hoạt động đối ngoại.

Lợi ích cao nhất của nhân dân ta là độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết một chân lý ngắn gọn là "không có gì quý hơn độc lập, tự do". Bảy mươi sáu năm đấu tranh của Đảng và 60 năm của chính quyền nhân dân là nhằm thực hiện và bảo vệ lợi ích dân tộc tối cao đó. Lợi ích cao nhất của dân tộc ta hoàn toàn phù hợp với những quyền dân tộc cơ bản mà luật pháp quốc tế đã công nhận. Đó là lợi ích dân tộc chân chính và vĩnh viễn của nhân dân ta, không vì lợi ích trước mắt, cục bộ nào đó mà có thể nhân nhượng. Tuy nhiên, đất nước ta từng bị thực dân phong kiến đô hộ hàng thế kỷ, phải đối đầu với các thế lực đế quốc lớn mạnh hơn gấp nhiều lần nên cuộc đấu tranh để thực hiện những quyền cơ bản của dân tộc ta phải lâu dài, biết thắng từng bước, thậm chí có lúc phải nhân nhượng để tiếp tục tiến lên, nhưng trong bất cứ trường hợp nào, chúng ta luôn đặt mục tiêu đấu tranh cuối cùng là nhằm thực hiện và bảo vệ lợi ích dân tộc tối cao đó.

Để đạt được và bảo vệ lợi ích tối cao của dân tộc, trong mọi chính sách và hoạt động đối ngoại đòi hỏi phải giữ vững nguyên tắc độc lập, tự chủ. Chỉ có độc lập, tự chủ thì trong chủ trương chính sách và biện pháp đấu tranh ngoại giao mới bảo vệ trọn vẹn lợi ích dân tộc mình. Có đường lối ngoại giao độc lập, tự chủ mới chủ động tránh được sức ép của bên ngoài, bảo đảm được những lợi ích của dân tộc. Điều này không có nghĩa là ta chủ trương theo đuổi một chính sách dân tộc vị kỷ. Trong khi bảo vệ, đấu tranh cho lợi ích của dân tộc mình, chúng ta đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Digitized by Google

Bài học thứ ba là trong khi chúng ta chủ trương trở thành bạn và đối tác tin cậy của các dân tộc trong cộng đồng quốc tế thì ưu tiên hàng đầu là phải có quan hệ láng giềng tốt với tất cả các nước trong khu vực và có quan hệ cân bằng với tất cả các nước lớn. Trước năm 1986, do quan hệ giữa Việt Nam với các nước láng giềng và các nước lớn gặp nhiều trắc trở nên trong thời gian gần 10 năm, nước ta bị cô lập về ngoại giao. Quan hệ với các nước lớn rất phức tạp, đòi hỏi phải có một chính sách ngoại giao nhìn xa, trông rộng và tài đối xử khéo léo trên tinh thần cùng có lợi và cùng tồn tại hòa bình.

Thực tiễn của thế giới cho thấy, giữa các nước láng giềng với nhau luôn có những vấn đề tranh chấp do lịch sử để lại. Ngoài ra, lực lượng so sánh và lợi ích của các nước nằm trong một khu vực, biên giới kế tiếp nhau không bao giờ như nhau. Từ đó có thể nảy sinh nhiều mâu thuẫn. Giải quyết những mâu thuẫn đó đòi hỏi nỗ lực và thiện chí của tất cả các bên liên quan mà điều kiện đầu tiên là phải có chính sách láng giềng thân thiện, sống hòa hiếu với nhau, giải quyết các tranh chấp bằng thương lượng hòa bình trên cơ sở gác lại quá khứ, nhìn về tương lai, triệt để tôn trọng các nguyên tắc của luật pháp quốc tế và các quyền cơ bản của các dân tộc, cùng nhau xây dựng một cộng đồng hòa bình, phát triển và phồn vinh.

Do vị trí địa lý và lịch sử, nước ta có quan hệ với hầu hết các nước lớn. Do đó, nếu chúng ta không có chính sách ngoại giao độc lập, tự chủ thì rất dễ trở thành một "sân chơi" để các nước lớn tranh giành ảnh hưởng và biến nước ta một lần nữa thành nạn nhân của cuộc tranh giành đó. Do đó, xuất phát từ lợi ích tối cao của dân tộc, chúng ta cần thực hiện chính sách ngoại giao cân bằng, triệt để khai thác phát triển quan hệ với các nước lớn, vì sự nghiệp hòa bình, phát triển của đất nước và toàn khu vực, tránh "đi" với nước lớn này để làm đối trọng với nước lớn khác và cần tránh gây hằn thù với bất cứ một nước lớn nào, đặc biệt cần tránh gợi lại quá khứ bi thương giữa dân tộc ta với một số nước lớn đã từng xâm lược hoặc thống trị nước ta trước đây.

Bài học thứ tư là có sự phối hợp chặt chẽ giữa mặt trận ngoại giao và mặt trận kinh tế đối ngoại. Trước đây trong chiến tranh, chúng ta đã tạo được một sức mạnh tổng hợp bằng sự phối hợp giữa ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao. Ngày nay, bước vào thời bình khi mặt trận kinh tế nổi lên hàng đầu thì giữa ngoại giao và kinh tế cần phối hợp chặt chẽ với nhau. Và không chỉ phối hợp, ngoại giao phải biết làm kinh tế để phục vụ công tác kinh tế. Quan hệ đôi bên có chặt chẽ và có cơ sở vững chắc hay không được thể hiện qua quan hệ kinh tế. Ngoại giao phải là cầu nối đưa doanh nghiệp các nước xích lại gần nhau. Các cuộc đi thăm cấp cao của chúng ta là các dịp tốt để đưa doanh nhân Việt Nam tìm hiểu thị trường, đặt hàng và chào hàng với các xí nghiệp của bạn. Để chuẩn bị cho các chuyến thăm như thế thì vai trò của các đại sứ quán, của các tham tán thương mại tại các nước sở tại trong việc tham mưu cho các doanh nghiệp trong nước là hết sức quan trọng. Chính kinh tế thương mại là sợi dây ràng buộc quan hệ, là thước đo tầm sâu của quan hệ chính trị, chiến lược. Do đó, việc đánh giá một cơ quan đại diện ngoại giao có năng lực hay không, một phần lớn là xem sự đóng góp của cơ quan đó vào công cuộc xây dựng quan hệ kinh tế - thương mại giữa nước ta với nước đó.

Bài học thứ năm là luôn tuyệt đối trung thành và chấp hành nghiêm chỉnh sự lãnh đạo của Đảng. Ngoại giao khác các ngành khác là ở chỗ nó "động" đến quan hệ với thế giới. Có thể nói "sai một ly đi một dặm". Việc chấp

Digitized by Google

hành nghiêm chỉnh sự lãnh đạo của Đảng diễn ra hằng ngày, thể hiện trong chế độ thỉnh thị báo cáo và phát ngôn.

Sau 20 năm đổi mới, ngoại giao Việt Nam đã đạt được những thành tích to lớn. Tuy nhiên, cũng còn nhiều việc phải làm và nhiều thiếu sót cần khắc phục: Chúng ta vẫn còn chậm trong việc xác định khâu đột phá tạo chuyển biến cơ bản trong quan hệ hợp tác với một số đối tác quan trọng hàng đầu. Trong một số vấn đề đối ngoại phức tạp tồn tại lâu nay và trong hoạt động ngoại giao đa phương, chúng ta chưa thật chủ động tìm ra phương cách ứng xử thích hợp. Quá trình hội nhập quốc tế vẫn còn chậm. Công tác tham mưu cho lãnh đạo Đảng và Nhà nước về đối ngoại, nghiên cứu cơ bản và dự báo về tình hình thế giới, khu vực, về đối tác cần được tăng cường hơn nữa cả về mức độ cũng như chất lượng, xử lý nhanh nhạy các vấn đề mới nảy sinh có lợi nhất cho đất nước. Cần chú ý hơn nữa khâu quản lý thống nhất công tác đối ngoại, tạo ra sự phối hợp đồng bộ giữa ngoại giao, kinh tế, quốc phòng; giữa ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân. Cần thống nhất quản lý công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại và kiện toàn hơn nữa sự chỉ đạo thống nhất công tác giữa trung ương và địa phương, giữa các ngành và Bộ Ngoại giao và Ban Đối ngoại Trung ương.

Cần tích cực triển khai nghị quyết Đại hội X của Đảng, hoạt động đối ngoại trong thời gian tới, tiếp tục phát huy tính nhạy bén và tỉnh táo trong nhận thức và đối sách, vừa linh hoạt, vừa kiên định đối với các vấn đề mới nảy sinh nhằm tạo điều kiện thuận lợi phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ an ninh Tổ quốc, phát huy những thành tựu đã đạt được trong 20 năm đổi mới, góp phần nâng cao hơn nữa vị thế quốc tế của đất nước. ❑

"Tâm, tầm, trí"...

(Tiếp theo trang 20)

và thuyết phục, từ đó nhân lên nhiều lần mặt tốt, hạn chế tối đa mặt xấu của từng con người, từng tổ chức trong đơn vị và toàn quân.

Để làm được điều đó, người chính ủy, chính trị viên phải không ngừng nâng cao khả năng tự học, với động cơ đúng đắn; kết hợp chặt chẽ giữa tự nghiên cứu trong sách vở tài liệu... với tự học trong hoạt động thực tiễn; học ở đồng chí, ở nhân dân.

Trong điều kiện hiện nay, việc sử dụng các phương tiện học tập hiện đại đã trở thành phổ biến như sử dụng các kỹ thuật buồng, máy tập, mô hình học cụ... Vì thế, vốn tri thức mà người chính ủy, chính trị viên thu nhận được không chỉ đòi hỏi "rộng và sâu" mà còn phải "cao và mới" theo kịp sự vận động, phát triển của kinh tế tri thức, góp phần xây dựng quân đội theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, lấy xây dựng chính trị làm cơ sở.

Trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội. Các nhà lý luận mác-xít đã rút ra kết luận khoa học ấy, khi bàn về bản chất con người. Vì vậy, quá trình hoàn thiện và nâng cao "Tâm - Tầm - Trí" của chính ủy, chính trị viên là quá trình kết hợp chặt chẽ giữa các yếu tố cá nhân và xã hội. Tuy nhiên, sự tự tu dưỡng, phấn đấu, rèn luyện của mỗi người chính ủy, chính trị viên giữ vai trò quyết định đối với các yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực, tác phong công tác. Có như vậy mới cảm hóa được mọi người bằng tư cách, phẩm chất của mình. Hơn lúc nào hết, người chính ủy, chính trị viên phải tự học tập, tự rèn luyện nhiều hơn bởi vì "Tư cách của chính trị viên có ảnh hưởng rất quan trọng đến bộ đội. Người chính trị viên tốt, thì bộ đội ấy tốt"(4). ❑

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 5, tr 392

Digitized by Google

ĐẢNG VIÊN LÀM KINH TẾ TƯ NHÂN VÀ GIỮ VỮNG BẢN CHẤT CỦA ĐẢNG

PHẠM NGỌC QUANG *

VẤN đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, trong đó có kinh tế tư bản tư nhân, đã được đặt ra cách đây hơn chục năm. Nhiều công trình khoa học nghiên cứu, nhiều đề xuất... nhưng vẫn chưa được giải quyết thỏa đáng. Từ kết quả tổng kết thực tiễn, dựa trên quan niệm đúng đắn về phép biện chứng giữa mục tiêu lý tưởng lâu dài và nhiệm vụ chính trị cụ thể của từng thời kỳ, Đại hội X của Đảng khẳng định: "đảng viên làm kinh tế tư nhân** phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương".(1)

Xét riêng về đạo đức, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đề cao trách nhiệm cá nhân trong mối tương quan với cộng đồng. Từ đó, nó làm nảy sinh ở con người nhân cách tự chủ. Vai trò của người chủ có lương tâm và trách nhiệm đích thực được đề cao, trách nhiệm của chủ doanh nghiệp mang tính trực tiếp. Bởi vậy, nó tạo ra cho chủ thể kinh tế một bản lĩnh độc lập, tự chủ; có năng lực quyết đoán đúng đắn, chịu trách nhiệm trực tiếp về các quyết định của mình. Nó có tác động tích cực tới việc bài trừ sự dựa dẫm, ỷ lại,...(2)

Nói cách khác, kinh tế thị trường góp phần khẳng định "cái tôi chủ thể" của con người nói chung, con người - đảng viên nói riêng; nó không hòa tan, không làm mất "cái cá nhân" trong "cái cộng đồng", như trong nền kinh tế tự nhiên hay bao cấp trước đây.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa kích thích cá nhân hoạt động có hiệu quả. Vì, lợi ích của người sản xuất, kinh doanh được thể hiện và thực hiện trực tiếp, nhanh nhạy, rõ ràng... Tính đúng sai của các quyết định và hoạt động sản xuất, kinh doanh được trả giá tức thì và rất cụ thể.

Một trong những đặc trưng cần có của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là cạnh tranh lành mạnh trong tính tất yếu kinh tế - kỹ thuật. Đặc trưng đó làm nảy sinh ở con người đức tính coi trọng quy tắc công bằng, tính thành thực trong đời sống kinh tế lành mạnh; có ý nghĩa quan trọng trong việc hình thành và khẳng định những giá trị đạo đức tích cực.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, bản thân hoạt động kinh tế đáp ứng đòi hỏi phát triển tiến bộ xã hội vì lợi ích của con người đã có giá trị đạo đức trong sáng. Trong hoàn cảnh hiện nay, khi đưa đất nước thoát khỏi tình

---

* GS, TS

** Gồm kinh tế cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân

(1) *Tạp chí Cộng sản*, số 9 (5-2006), tr 31

(2) Xem: PGS,PTS, Nguyễn Chí Mỳ (chủ biên): *Sự biến đổi của thang giá trị đạo đức trong nền kinh tế thị trường với việc xây dựng đạo đức mới cho cán bộ quản lý ở nước ta hiện nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1999, tr 23

Digitized by Google

trạng một nước nghèo để vươn tới một nước phát triển toàn diện cả về kinh tế lẫn chính trị đang là một nhiệm vụ cấp bách, thì mọi hành vi kinh tế góp phần tích cực vào việc đạt mục tiêu đó cũng là một hành vi đạo đức, nó góp phần làm cho mọi người dân ngày càng được sống đầy đủ hơn cả về vật chất lẫn tinh thần. Trong nghĩa đó, đạo đức phải được thể hiện ngay trong kinh tế và vì sự phát triển của kinh tế hướng tới con người.

Một trong những nguyên tắc cạnh tranh của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là, dùng sản phẩm rẻ và chất lượng tốt, mẫu mã đẹp để đánh bại đối thủ cạnh tranh, dùng xí nghiệp hoạt động có hiệu quả cao để loại bỏ xí nghiệp yếu kém. Sự cạnh tranh lành mạnh đó là động lực của sự phát triển đạo đức trong sáng: thắng lợi đạt được trong cạnh tranh không phải là kết quả của việc lợi dụng kẽ hở của pháp luật, không phải là kết quả của sự lừa bịp lẫn nhau và lừa bịp người tiêu dùng, của những thủ đoạn phi kinh tế, của những mưu đồ... mà phải là thành quả của sáng kiến trong quản lý, trong cải tiến công nghệ, trong áp dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật mới, trong việc đầu tư có hiệu quả cho nhân tố con người... Do vậy, nó có vai trò to lớn trong việc kích thích sự học hỏi, cầu tiến bộ, ham sáng kiến và cải tiến, không ngừng đổi mới, không ngừng sáng tạo...Tư duy bảo thủ, ngưng trệ, lười suy nghĩ... là kẻ thù "không đội trời chung" của phong cách mà nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi.

Thực tế 20 năm đổi mới cho thấy, đội ngũ cán bộ, đảng viên có bước trưởng thành rất đáng kể. Chúng ta đã từng bước hình thành được một đội ngũ đảng viên có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự chủ, tự lực tự cường, năng động và sáng tạo; có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn... thích nghi dần với cơ chế mới của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Tính năng động, tự chủ, tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động của mình càng ngày càng được nâng lên; sự ỷ lại, trông chờ đang từng bước được loại bỏ.

Mặt khác, cũng cần thấy rằng, kinh tế thị trường ngay cả trong trường hợp mang tính định hướng xã hội chủ nghĩa cũng có những mặt trái, tác động không thuận tới sự phát triển nhân cách con người trên một số phương diện nhất định. Lối sống vụ lợi, thực dụng phát triển, vì lợi ích kinh tế đơn thuần, đoạt lợi ích kinh tế cá nhân bằng mọi cách; lối sống chạy theo chức tước kể cả bằng tiền làm xã hội nhức nhối... Bên cạnh đó, nền kinh tế thị trường đòi hỏi cả nước phải là một thị trường thì bệnh cục bộ, bản vị địa phương lại phát triển.

Khi xem xét thực trạng người đảng viên trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, một vấn đề nổi cộm được nhiều người quan tâm là, *vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, trong đó có tư bản tư nhân, và nguy cơ biến chất của họ.*

Qua báo cáo của 43 tỉnh, thành phố cho thấy, tính đến tháng 2 - 2003, đã có 622 đảng viên đang làm chủ các doanh nghiệp tư nhân(3). Tỷ lệ doanh nghiệp do đảng viên làm chủ trên tổng số doanh nghiệp tư nhân là 1,98% (622/31.296). Đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân so với tổng số đảng viên tại 43 tỉnh, thành phố chiếm 0,05% (622/1.200.000).

Về quy mô (4), hầu hết các cơ sở kinh tế tư nhân do đảng viên làm chủ đều thuộc loại vừa và nhỏ, rất ít cơ sở thuộc loại lớn.

Thành phố Hà Nội có 18 cơ sở kinh tế tư nhân do đảng viên làm chủ thuộc loại lớn (trong tổng số 37 doanh nghiệp tư nhân do đảng viên làm chủ). Tiêu biểu là: Công ty Đầu tư thương mại Nghi Tàm có 1.000 lao động,

---

(3) Trong số các doanh nghiệp do đảng viên làm chủ, mới phân rõ 339 cơ sở là doanh nghiệp tư nhân, 118 công ty trách nhiệm hữu hạn, 75 công ty cổ phần, 20 trang trại (số còn lại địa phương không báo cáo rõ loại hình)

(4) Các số liệu dưới đây đều lấy ở báo cáo của các địa phương vào năm 2003

Digitized by Google

doanh thu 120 tỉ đồng, nộp thuế 4 tỉ đồng; Công ty Máy tính truyền thông CMC đạt doanh số 400 tỉ đồng, có 400 lao động, nộp thuế 9 tỉ đồng mỗi năm.

Thành phố Hồ Chí Minh có khoảng 100 đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân (trong tổng số 120.000 đảng viên của Đảng bộ thành phố). Số chủ doanh nghiệp tư nhân lớn (vốn từ 50 đến 100 tỉ đồng, thuê từ 100 đến 150 lao động) chỉ có khoảng vài chục. Đó là Công ty trách nhiệm hữu hạn Hải Thanh, vốn đầu tư 120 tỉ đồng, có 100 lao động.

Thành phố Đà Nẵng có 42 doanh nghiệp tư nhân do đảng viên làm chủ, chiếm 2% tổng số doanh nghiệp tư nhân ở Đà Nẵng. Chỉ có 3 doanh nghiệp có số vốn trên 10 tỉ đồng, trong đó doanh nghiệp lớn nhất là Công ty trách nhiệm hữu hạn Phước Thành hoạt động trong lĩnh vực tận thu khoáng sản, có vốn 30 tỉ đồng và 1.000 lao động. Thành phố Hải Phòng có 59 đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân, phần lớn là loại vừa và nhỏ (vốn khoảng 5 tỉ đồng và có 300 lao động). Quy mô lớn nhất là Công ty trách nhiệm hữu hạn Thái Bình Dương, gia công sản xuất giày, vốn đầu tư 21 tỉ đồng, 1.500 lao động. Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có 35 đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân, tính bình quân mỗi doanh nghiệp có 7 tỉ đồng vốn và 67 lao động.

Các đảng viên làm chủ doanh nghiệp tư nhân thường là cán bộ từng làm trong cơ quan, doanh nghiệp nhà nước, trong đó có cả cán bộ chưa đến tuổi về hưu, họ được nhà nước đào tạo cả về nghiệp vụ chuyên môn, cả về tri thức chính trị - quản lý. Một số từng là cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp nhà nước, nay ra làm doanh nghiệp tư nhân cùng ngành, cùng nghề. Họ có kinh nghiệm và kỹ thuật, hiểu rõ chính sách của Nhà nước, nắm được "đầu vào" và "đầu ra" của quá trình sản xuất - kinh doanh; có quan hệ làm ăn với không chỉ doanh nghiệp, các cơ quan trong nước, một số còn thiết lập cả quan hệ với các đối tác nước ngoài. Họ biết khai thác triệt để những ưu thế và những quan hệ đó trong làm ăn để doanh nghiệp do mình làm chủ có sức cạnh tranh cao. Một số là bộ đội xuất ngũ, công an chuyển ngành. Một số là con, em cán bộ trung - cao cấp đương chức.

Hầu hết họ vẫn giữ được tính đảng của mình, nên việc chấp hành chính sách, pháp luật trong kinh doanh, việc thực hiện chính sách đối với người lao động cũng như đối xử với người lao động thường tốt hơn chủ doanh nghiệp không phải đảng viên (tất nhiên có ngoại lệ nhất định, nhưng không nhiều). Trong hầu hết các doanh nghiệp do đảng viên làm chủ, vai trò của tổ chức đảng được xem trọng, các tổ chức quần chúng (như Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp thanh niên, Công đoàn...) được quan tâm về tổ chức và hoạt động. Một số đảng viên là chủ doanh nghiệp đã biết dựa vào chi bộ, tranh thủ ý kiến của chi bộ để giáo dục công nhân, nhằm tăng cường sự ổn định trong nội bộ doanh nghiệp.

Thực trạng đảng viên làm kinh tế tư nhân nêu trên có tác động thuận nghịch khác nhau đối với tâm tư, tình cảm ngay trong Đảng.

Số tán thành cho đảng viên làm kinh tế tư nhân, kể cả tư bản tư nhân, cho rằng, để đảng viên làm kinh tế tư nhân là có lợi, với lập luận: góp phần làm cho đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu là nhiệm vụ trọng đại của toàn Đảng, toàn dân lúc này. Đảng viên phải đi đầu trong việc thực hiện nhiệm vụ đó. Đảng viên phải gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, trong đó có chủ trương phát triển kinh tế tư nhân, kể cả kinh tế tư bản tư nhân. Nếu xem làm kinh tế tư bản tư nhân là xấu, thì quần chúng cũng không muốn là người xấu. Vô hình trung, đường lối của Đảng không được thực thi. Đảng viên cũng là công dân, họ được làm mọi cái gì pháp luật không cấm. Bỏ vốn ra kinh doanh, người đảng viên ấy sẽ phải vắt óc suy nghĩ để làm sao mang lại hiệu quả cao nhất. Trong giới hạn thực hiện đúng pháp luật, hiệu quả đó mang tính tích cực xã hội hơn là tính tích cực cá nhân. Họ góp phần tạo dựng nguồn lực kinh tế, giúp tăng đầu tư, giải quyết

Digitized by Google

nhiều chỗ làm cho người lao động, đóng góp vật chất nhiều hơn cho Nhà nước và xã hội. Nhờ vậy, họ góp phần tích cực giải quyết nhiều vấn đề bức bách của xã hội và của bản thân mình...

Số không tán thành cho rằng, đảng viên mà làm chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân là đi ngược lại mục tiêu, lý tưởng căn bản của Đảng. Cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì trong Đảng có "đảng viên - ông chủ" và "đảng viên - đày tớ" theo nghĩa đen của từ đó, giữa họ không thể có tiếng nói chung. Đảng sẽ không còn là tổ chức chính trị tiên phong của giai cấp, của dân tộc mà giai cấp công nhân là đại diện. Đảng bị biến thành câu lạc bộ. Vì cho rằng "người biết làm giàu hợp pháp là người tiên tiến nhất", số "đảng viên - ông chủ" sẽ nắm những cương vị chủ chốt trong bộ máy của Đảng, của Nhà nước. Lợi ích của họ sẽ là cơ sở hoạch định đường hướng phát triển của đất nước. Cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân còn là cách tốt nhất để một số cán bộ tham nhũng hợp pháp hóa nguồn vốn do tham nhũng mà có...

Từ hai quan niệm khác nhau cơ bản đó, có những kiến nghị khác nhau liên quan tới vấn đề cho hay không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân:

- Không cho đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân.

- Cho làm không hạn chế và không cần bất cứ một quy định riêng nào của Đảng.

- Cho làm trong khuôn khổ của pháp luật và phù hợp với một số quy định bổ sung của Đảng dành cho chủ doanh nghiệp là đảng viên.

- Cho làm thí điểm một bước.

Trước tình hình phức tạp đó, người đảng viên cần có thái độ xử lý sao cho đúng để vừa giữ được phẩm chất cách mạng của mình, vừa góp phần giải phóng sức sản xuất của xã hội nói chung, của cá nhân đảng viên nói riêng? Thái độ và cách xử lý vấn đề này là bằng chứng nói lên tính vững vàng về phẩm chất của người đảng viên. Quyết định của Đại hội X về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, trong đó có tư bản tư nhân, thể hiện tinh thần đó.

Trong khi khẳng định dứt khoát rằng không thể để cho chế độ người bóc lột người xuất hiện lại ở nước ta; phải làm cho kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, cùng kinh tế tập thể đóng vai trò nền tảng của nền kinh tế quốc dân; hiện thực hóa nguyên tắc phân phối theo chất lượng và hiệu quả lao động,.. chúng ta cũng cần thấy rõ tính tất yếu khách quan của thành phần kinh tế tư nhân (trong đó có tư bản tư nhân) trong nền kinh tế nhiều thành phần ở nước ta hiện nay, trong việc giải phóng sức sản xuất, góp phần phát triển kinh tế - xã hội... Từ đó, phải tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cả về chủ trương, chính sách, pháp luật lẫn cơ chế và môi trường xã hội cho mọi thành phần kinh tế, trong đó có thành phần kinh tế tư bản tư nhân phát triển.

Trong nhận thức cũng như hành động, chúng ta cần có nhận thức dứt khoát rằng, đã có tư bản tư nhân thì có bóc lột giá trị thặng dư, nhưng cũng cần thấy tính đặc thù của sự bóc lột đó ở nước ta và tính tất yếu phải chấp nhận sự tồn tại của nó trong giai đoạn hiện nay. Loại bỏ nó là đi ngược lại quy luật phát triển, sẽ phải trả giá đắt.

Đã làm chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân, họ là người bóc lột. Song, nếu có những quy định thích hợp dành riêng cho loại doanh nghiệp do đảng viên làm chủ, thì doanh nghiệp đó trở thành tấm gương để định hướng sự phát triển lành mạnh của thành phần kinh tế tư bản tư nhân nói chung, tấm gương về sự phát triển tất yếu của doanh nghiệp tư bản tư nhân theo con đường chủ nghĩa tư bản nhà nước nói riêng.

Khi đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân thì cũng có nguy cơ thoái hóa, biến chất, nhưng với những quy định thích hợp, với việc nâng cao sự kiểm tra, giám sát của chi bộ, của nhân dân, của cán bộ - công nhân viên trong

Digitized by Google

doanh nghiệp, cộng với sự thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng của bản thân đồng chí đó, thì nguy cơ thoái hóa sẽ ở mức tối thiểu, cũng tương tự như nguy cơ thoái hóa của một bộ phận cán bộ, đảng viên khi thực hiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

Hơn nữa, chúng ta cũng cần phân biệt mục tiêu, lý tưởng căn bản, lâu dài, "cương lĩnh tối đa"... với mục tiêu cụ thể trong giai đoạn hiện nay, "cương lĩnh tối thiểu" lúc này. Đi tới xã hội không còn bóc lột phải trải qua nhiều giai đoạn, nhiều bước. Trong giai đoạn hiện nay, vấn đề là không làm cho quan hệ bóc lột thành quan hệ thống trị; là làm cho đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Ai góp phần tích cực vào việc thực hiện yêu cầu đó thì xứng đáng là đảng viên của Đảng.

Cũng cần phân biệt thành phần xuất thân của đảng viên với phẩm chất, tư cách của bản thân người đó. Tuy ở đây người đảng viên vẫn là chủ doanh nghiệp tư bản tư nhân, có bóc lột giá trị thặng dư, nên theo nghĩa nào đó, người đó là tư sản. Nhưng nếu đảng viên đó thực hiện nghiêm túc luật pháp, gương mẫu thực hiện mọi chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, đi tiên phong trong việc cải thiện quan hệ giữa chủ và thợ, xác lập mối quan hệ tốt đẹp trong doanh nghiệp, tham gia trực tiếp vào việc quản lý doanh nghiệp, gương mẫu thực hiện những quy định của Đảng, thậm chí, chia một phần lợi nhuận cho người lao động dưới những hình thức thích hợp thì sự bóc lột đó không hoàn toàn mang tính chất, nội dung và mức độ như một doanh nghiệp tư bản tư nhân thực thụ, cá nhân đồng chí đó không phải là nhà tư sản; họ vẫn thực hiện chủ trương phát triển kinh tế - xã hội của Đảng. Do đó, họ vẫn xứng đáng là đảng viên.

Các đảng viên là chủ doanh nghiệp tư nhân nếu vẫn thực hiện được các yêu cầu nêu trên thì rõ ràng không làm ảnh hưởng tới bản chất của Đảng. Hơn nữa, bản chất của Đảng trước hết và chủ yếu được quy định bởi bản chất hệ tư tưởng của Đảng, bởi nguyên tắc tổ chức và phương thức hoạt động của Đảng, bởi quy luật phát triển nội tại của Đảng... Do vậy, trong khi không xem nhẹ yếu tố nguy cơ có thể có, cũng cần thấy rằng không nên đặt Đảng trong tình thế thụ động trước nguy cơ; bằng nỗ lực của mình, Đảng có thể hạn chế tối đa nguy cơ đó để giữ vững bản chất của mình.

Trong những năm qua, bên cạnh đa số đảng viên làm kinh tế tư nhân giữ vững được phẩm chất của mình, một số người cũng vì lợi nhuận mà gian lậu thuế, gian lận thương mại, chú ý không thoả đáng đến người lao động; họ cũng lợi dụng kẽ hở pháp luật để kinh doanh thu lời bất chính; cũng móc ngoặc với một số cơ quan, công chức nhà nước để làm ăn gian dối... Một số đảng viên giàu có lên cũng có thay đổi không tốt trong đời sống tinh thần.

Như vậy, để đứng vững được trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (không chỉ đứng vững, mà còn làm chủ được quá trình phát triển nền kinh tế đó), đảng viên vừa phải có trình độ giác ngộ cao về lý tưởng, có năng lực làm kinh tế giỏi, biết phát huy những mặt tích cực của kinh tế thị trường, hạn chế các tác động tiêu cực của nó, vừa phải có phẩm chất chính trị vững vàng trước mọi cám dỗ do mặt trái của cơ chế thị trường nảy sinh, quan tâm và góp phần giải quyết những vấn đề xã hội, để vừa góp phần tích cực vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, vừa làm giàu chính đáng cho bản thân và gia đình. Họ phải trở thành tấm gương về làm giàu chính đáng trong xã hội. Sự phù hợp của tư chất chủ quan người đảng viên với đòi hỏi khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nhân tố cơ bản nhất, bảo đảm họ phát huy được sức mạnh của mình trong quá trình thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế đó, vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". ❑

Digitized by Google

BIỂU DƯƠNG TẬP THỂ, CÁ NHÂN TIÊU BIỂU TRONG PHONG TRÀO "ĐỀN ƠN, ĐÁP NGHĨA" Ở NƯỚC TA

BÙI HỒNG LĨNH *

Để có được hòa bình, phát triển, đổi mới và hội nhập như ngày hôm nay, Tổ quốc, nhân dân ta đời đời tưởng nhớ và biết ơn sự hy sinh to lớn của các liệt sỹ, thương binh, gia đình người có công với nước. Bác Hồ đã nói: "Máu nóng của các liệt sỹ đã nhuộm lá quốc kỳ vẻ vang càng thêm thắm đỏ, tiếng thơm của các liệt sỹ muôn đời lưu truyền sử xanh". Chia sẻ nỗi đau cùng các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình người có công với nước, thế hệ hôm nay và mai sau mãi mãi biết ơn các người mẹ, người cha, người vợ đã hiến dâng cho Tổ quốc những người con, người vợ, người chồng hết sức thân thương của mình cùng hàng chục vạn đồng bào và chiến sỹ đã hy sinh một phần xương máu của mình vì sự tồn vong của dân tộc.

Trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đầy khó khăn, gian khổ nhưng vô cùng vinh quang, hàng triệu người con của dân tộc đã ngã xuống hoặc mang thương tật suốt đời... Một bộ phận gia đình chính sách còn khó khăn trong cuộc sống, nhiều anh chị em thương binh, bệnh binh hằng ngày phải đối mặt với thương tật, ốm đau, một số đồng chí còn bị chất độc da cam hành hạ. Đó là những hy sinh và mất mát lớn lao, những cống hiến vô giá mà Đảng, Nhà nước và nhân dân ta mãi mãi biết ơn, mãi mãi ghi nhớ. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn: *"Thương binh, bệnh binh, gia đình quân nhân, gia đình liệt sỹ là người có công với Tổ quốc, với nhân dân. Cho nên bổn phận của mỗi người chúng ta phải quan tâm, thương yêu và giúp đỡ họ"*. Tư tưởng, tình cảm của Người đối với thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng đã được thấm nhuần sâu sắc trong đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước ta và trở thành phong trào cách mạng sâu rộng tới mọi tầng lớp nhân dân và đặc biệt được chú trọng trong thời kỳ đổi mới.

Ghi sâu lời dạy của Bác, trong những năm qua, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã giành cho thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng sự chăm sóc về vật chất và tinh thần với tấm lòng biết ơn sâu sắc và trách nhiệm cao cả. Cách đây hơn 20 năm, Đảng, Nhà nước ta chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, theo cơ chế thị trường trong điều kiện hoàn cảnh kinh tế - xã hội đất nước còn bộn bề, chồng chất khó khăn. Hậu quả của cuộc chiến tranh lâu dài,

* Thứ trưởng Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội

Digitized by Google

gian khổ, khốc liệt vẫn còn dai dẳng, ảnh hưởng nặng nề đến đời sống xã hội Việt Nam. Điểm khởi đầu cho sự nghiệp đổi mới, phát triển kinh tế - xã hội ở một đất nước còn rất nghèo trong khi yêu cầu nhiệm vụ của sự nghiệp xây dựng, phát triển lại rất lớn. Đặc biệt nguồn tài chính chi bảo đảm xã hội, khắc phục hậu quả chiến tranh để lại chiếm một tỷ trọng không nhỏ đối với nền tài chính quốc gia. Mặc dù hoàn cảnh kinh tế - xã hội của đất nước còn nhiều khó khăn, song Đảng, Nhà nước ta luôn quan tâm và đã khẳng định rõ trong Cương lĩnh xây dựng đất nước của Đảng (2000 - 2010): ***Không chờ kinh tế phát triển cao mới giải quyết các vấn đề xã hội mà ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển, tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội.*** Để thực hiện chiến lược này, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng xác định: *"Chăm lo tốt hơn đối với các gia đình chính sách và những người có công với cách mạng,* bảo đảm tất cả các gia đình chính sách có cuộc sống bằng hoặc khá hơn mức sống trung bình của người dân địa phương trên cơ sở kết hợp ba nguồn lực: Nhà nước, cộng đồng và cá nhân các đối tượng chính sách tự vươn lên. Chăm sóc, giúp đỡ người già không nơi nương tựa, những người tàn tật và những nạn nhân do hậu quả chiến tranh để lại"(1). Đây chính là mục tiêu đồng thời cũng là động lực của xã hội đối với người và gia đình có công với cách mạng. Trong công cuộc xây dựng và đổi mới đất nước, Đảng, Nhà nước và nhân dân ta luôn luôn trân trọng quá khứ lịch sử hào hùng của dân tộc, tôn vinh, biết ơn các thế hệ cách mạng đi trước bằng những việc làm cụ thể để thương binh, gia đình liệt sỹ, người có công với cách mạng được chăm lo ngày một tốt hơn. Thực hiện Chỉ thị số 08-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng và phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" trong giai đoạn mới, Chỉ thị số 12/2002/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, công tác thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng từng bước giải quyết một cách căn bản những nhu cầu bức thiết về đời sống. Pháp lệnh quy định danh hiệu vinh dự nhà nước Bà mẹ Việt Nam anh hùng, Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng cùng hệ thống cơ chế, chính sách ưu đãi được ban hành đã có tác dụng to lớn, sâu rộng về kinh tế, chính trị, xã hội, được toàn dân, toàn quân hưởng ứng, trở thành tình cảm thiêng liêng trong đời sống xã hội của đất nước. Một số tồn đọng và những vấn đề mới nảy sinh đã và đang được giải quyết một cách tích cực, khẩn trương như: xác nhận liệt sỹ, thương binh, chính sách đối với người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học, vấn đề mộ liệt sỹ, các công trình ghi công liệt sỹ, cải thiện nhà ở, chăm sóc sức khỏe, chính sách tín dụng, đào tạo nghề, tạo việc làm, phát triển sản xuất, xóa đói, giảm nghèo...

Cùng với chính sách ưu đãi của Đảng và Nhà nước, phong trào toàn dân chăm sóc thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng đã không ngừng phát triển cả bề rộng lẫn bề sâu. Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" đã đạt được những thành tựu to lớn, phát huy được sức mạnh của toàn xã hội tham gia với phương châm Nhà nước, xã hội cùng chăm sóc người có công với cách mạng. Trách nhiệm và tình cảm đối với người có công với cách mạng đã trở thành nội dung quan trọng trên các diễn đàn và các phương tiện truyền thông đại chúng, trở thành nét đẹp trong đời sống văn hóa và tâm linh của người dân Việt Nam. Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa"

(1) *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX),* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 816, 817

Digitized by Google

đã phát triển với 5 chương trình tình nghĩa là: *xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa"; xây dựng nhà tình nghĩa; tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa, vườn cây tình nghĩa, giếng nước tình nghĩa, áo lụa tặng bà; phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng; giúp đỡ gia đình thương binh, bệnh binh, bố mẹ, con liệt sỹ mồ côi* v.v.. cùng nhiều hoạt động tình nghĩa nảy nở từ thôn, bản, làng, xã, đường phố, cơ quan, doanh nghiệp, trường học, đơn vị. Bằng những việc làm thiết thực, trong 10 năm qua (1996 - 2006) được sự quan tâm hưởng ứng của các bộ, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội và nhân dân cả nước, phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" đã tiếp nhận được 3.760 tỉ đồng trong đó Quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa" trong cả nước đã vận động được 1.410 tỉ đồng; xây dựng mới 236.498 căn nhà tình nghĩa và sửa chữa 97.537 căn nhà tình nghĩa, với tổng số tiền 2.251 tỉ đồng, đã giúp đỡ trên 300.000 gia đình chính sách có nhà ở ổn định; tặng trên 200.000 sổ tiết kiệm tình nghĩa, 15.000 vườn cây tình nghĩa trị giá hàng trăm tỉ đồng. Tiêu biểu trong phong trào này là Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, Tổng công ty Xi-măng Việt Nam, Tổng công ty Dầu khí Việt Nam, Tổng công ty Bưu chính - Viễn thông Việt Nam, Tổng công ty Cao su Dầu Tiếng, Tổng công ty Thương mại Sài Gòn, Tổng công ty Xăng dầu Việt Nam... Các thành phố như Hà Nội, Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Hải Phòng, Bình Dương,... ngoài việc thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho họ ở địa phương chu đáo, còn kết nghĩa với nhiều địa phương, giúp đỡ xây dựng hàng ngàn nhà tình nghĩa tặng các gia đình chính sách ở các tỉnh Tây Bắc, Tây Nguyên, miền Trung và Nam Bộ, chung sức giúp đỡ thương binh nặng về ổn định cuộc sống ở gia đình. Nhiều tỉnh mặc dù kinh tế còn gặp nhiều khó khăn, song các cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể đã thường xuyên quan tâm chăm sóc đời sống người có công với cách mạng như các tỉnh Cà Mau, Tiền Giang, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Đắc Lắc, Hà Tây, Thái Bình, Bắc Giang...

Cả nước có 45 ngàn mẹ được Nhà nước phong tặng và truy tặng danh hiệu cao quý Bà mẹ Việt Nam anh hùng. Phong trào phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng được tổ chức và phát triển sâu rộng. Hiện nay có 7.000 mẹ còn sống, 100% các mẹ được các cơ quan, đơn vị, cá nhân nhận phụng dưỡng đến cuối đời với số tiền lên tới hàng trăm tỉ đồng. Trên 60.000 thân nhân liệt sỹ được các cơ quan nhận chăm sóc, trong đó đỡ đầu 10.500 con thương binh, con liệt sỹ. Đồng thời trong 10 năm qua đã có hàng vạn thương binh nặng ở các trung tâm nuôi dưỡng được các địa phương và gia đình đón về nuôi dưỡng, như các tỉnh Thái Bình, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tây, Hà Nội... Các trung tâm nuôi dưỡng, điều dưỡng thương bệnh binh nặng đã từng bước được nâng cấp, bảo đảm việc chăm sóc thương bệnh binh ngày càng tốt hơn, với tinh thần phục vụ chu đáo. Tiêu biểu như Trung tâm dưỡng lão Hà Nội, Trung tâm thương bệnh binh và người có công với cách mạng ở Liêm Cần (Hà Nam) đã được tuyên dương đơn vị Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới.

Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" đã được tổng kết và nhân rộng điển hình ở khu dân cư, xã, phường. Sau 10 năm phát động, cả nước đã có 9.708 xã, phường được ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố tặng bằng công nhận, đạt 89,1%, trong đó nhiều tỉnh, thành phố đã phấn đấu đạt 100% xã, phường được công nhận xã, phường làm tốt công tác thương binh, liệt sỹ. Tiêu biểu có một số tỉnh như Hà Tây, Bình Dương, Hải Phòng, Tiền Giang, Trà Vinh hoàn thành kế hoạch sớm... đã góp phần nâng cao đời sống gia đình chính sách khó khăn từ 40% năm 1996 xuống còn 15% vào năm 2005.

Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" của cả nước đã tạo thành nguồn lực thúc đẩy, động viên các gia đình thương binh, liệt sỹ và người

Digitized by Google

có công vươn lên tự khắc phục khó khăn. Chúng ta luôn trân trọng và tự hào đối với những thành tựu đã đạt được trong phong trào *"Đền ơn, đáp nghĩa"* với người có công. Việc làm đó để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", góp phần ổn định chính trị - xã hội trên cả nước, có tác dụng giáo dục các thế hệ trẻ yêu nước, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những việc làm sáng tạo trong phong trào *"Đền ơn, đáp nghĩa"* đã được Đảng, Nhà nước và nhân dân hết sức trân trọng. Từ thực tiễn đó, chúng ta rút ra một số bài học kinh nghiệm sau:

Một là, xuyên suốt trong mọi thời kỳ lịch sử của cách mạng, Đảng, Nhà nước ta luôn coi trọng công tác chăm sóc thương binh, liệt sỹ và người có công với cách mạng là "vấn đề chính trị, tư tưởng, tình cảm và xã hội", nên đã ban hành hệ thống pháp luật, chính sách và tổ chức thực hiện tốt. Chính sách của Nhà nước cùng phong trào *"Đền ơn, đáp nghĩa"* đã tạo điều kiện cho thương binh, gia đình liệt sỹ vươn lên cải thiện và ổn định cuộc sống. Mười năm qua công tác chăm sóc thương binh, gia đình liệt sỹ và người có công với cách mạng đạt được những kết quả to lớn, nên đã góp phần ổn định, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần đối với họ. Các cấp ủy, chính quyền từ tỉnh đến xã, phường ban hành các chỉ thị, nghị quyết, kế hoạch hành động từng bước đưa công tác này vào hoạt động có nền nếp, giải quyết kịp thời những khó khăn trong cuộc sống đặt ra đối với người có công.

Hai là, phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" được tổ chức với nhiều hình thức, động viên rộng rãi và phát huy thế mạnh của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, đoàn thể với tình cảm và trách nhiệm, thực hiện ngày càng tốt hơn, hiệu quả hơn. Trong thời gian vừa qua, việc quản lý, sử dụng Quỹ "Đền ơn, đáp nghĩa" được thực hiện công khai, đúng mục đích, không để xảy ra tiêu cực, góp phần giúp đỡ hàng vạn con thương binh, con liệt sỹ có điều kiện học tập nâng cao trình độ, tạo việc làm, tăng thu nhập cho gia đình; giúp đỡ trên 300.000 gia đình chính sách có nhà ở ổn định. Đến nay trên 20 tỉnh, thành phố như: Hà Nội, Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, các tỉnh Khánh Hòa, Phú Thọ, Hà Tây, Bắc Ninh, Quảng Ninh, Bình Định, Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Tiền Giang, Bạc Liêu, Lạng Sơn, Lào Cai, Hòa Bình, Gia Lai,... đã cơ bản hoàn thành việc xóa nhà tạm cho người có công.

Tính đến ngày 31-12-2005, cả nước đã có 85% gia đình chính sách có mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi cư trú. Nhiều tỉnh, thành phố có 100% gia đình chính sách có mức sống bằng và cao hơn mức sống trung bình của nhân dân nơi nơi cư trú như: Nam Định, Hải Dương, Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, thành phố Cần Thơ... Song song với phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" đã có trên 50 tỉnh, thành phố cơ bản hoàn thành giải quyết tồn đọng trong công tác xác nhận người có công. Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" phát triển cả chiều rộng lẫn chiều sâu, tạo được sức mạnh của cộng đồng.

Ba là, tinh thần phấn đấu, chủ động vươn lên của chính thương binh, bệnh binh, các gia đình liệt sỹ và người có công là yếu tố quan trọng để ổn định cuộc sống của bản thân và gia đình. Là những người đã hiến dâng cả tuổi thanh xuân cho lý tưởng cao đẹp, vì độc lập, tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, nay trở về với cuộc sống đời thường họ vẫn tiếp tục phát huy truyền thống tự lực, tự cường, nêu cao ý chí tiến công, không lùi bước trước mọi thử thách, không cam chịu cảnh đói nghèo, mặc dù trên mình còn mang đầy thương tích, còn chưa nguôi đi nỗi đau mất mát, không trông chờ, ỷ lại, phấn đấu vươn lên xứng đáng với lời căn dặn của Bác Hồ mãi mãi là "người công dân kiểu mẫu", "gia đình cách mạng gương mẫu".

Digitized by Google

Bốn là, thường xuyên tổng kết thực tiễn, đổi mới nội dung, hình thức hoạt động, nâng cao chất lượng phong trào thi đua, xây dựng điển hình, biểu dương khen thưởng kịp thời, nhân rộng điển hình tiên tiến, làm cho phong trào được phát triển rộng rãi trên cả nước, khơi dậy và phát huy truyền thống của dân tộc.

Phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa", chăm sóc người và gia đình có công với cách mạng, trong giai đoạn hiện nay đang đặt ra những vấn đề cần được quan tâm và tiếp tục làm tốt hơn trong thời gian tới là:

Thứ nhất, tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác ưu đãi xã hội đối với người có công với cách mạng. Xác định rõ quan điểm đi đôi với phát triển kinh tế phải giải quyết tốt các vấn đề xã hội, thực hiện Nghị quyết của Đảng, ưu đãi xã hội phải gắn liền với tăng trưởng, kinh tế, tiến bộ và công bằng xã hội. Thế hệ chúng ta và muôn đời con cháu mai sau mãi mãi nhớ ơn các anh hùng liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người có công với cách mạng bằng xương máu, bằng mồ hôi, công sức sẽ mở đường cho dân tộc ta đi tới độc lập, tự do, đi tới ấm no, hạnh phúc. Muốn làm được điều đó phải tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền để đưa đường lối, chính sách, pháp luật ưu đãi người có công với cách mạng của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống, biến chủ trương, nghị quyết, chính sách ấy thành hiện thực cách mạng sinh động. Chăm sóc, giúp đỡ người và gia đình có công với cách mạng là tình cảm, trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội.

Thứ hai, tiếp tục duy trì và phát huy phong trào chăm sóc người có công với cách mạng, "Đền ơn, đáp nghĩa" bằng những chương trình, hành động cụ thể. Chương trình này trong thời gian qua chưa đạt yêu cầu, nhiệm vụ chính trị đề ra, cần khắc phục, thực hiện tốt trong thời gian tới. Về nguồn lực của phong trào cần xác định rõ Nhà nước, cộng đồng xã hội và đối tượng cùng tham gia để phong trào mang tính phổ biến trên diện rộng và có quy mô cả chiều rộng lẫn chiều sâu. Làm sao cho phong trào này trở thành nét đẹp văn hóa truyền thống Việt Nam, khẳng định ưu đãi xã hội đối với người có công với cách mạng là phát huy đạo lý của cha ông *"uống nước, nhớ nguồn", "ăn quả nhớ người trồng cây"*, làm cho người có công với cách mạng ổn định về vật chất, vui vẻ về tinh thần. Đây cũng là một mục tiêu để có một xã hội tiến bộ, công bằng, dân chủ và văn minh. Hiện nay, theo thống kê chưa đầy đủ, cả nước có gần 55.000 hộ chính sách còn tạm bợ về nhà ở cần được quan tâm giải quyết.

Thứ ba, đề cao ý chí tự lực tự cường, ý chí vươn lên, tinh thần sáng tạo của người có công với cách mạng trong cuộc sống. Chúng ta phải biết khơi dậy tiềm năng, phát huy nội lực bản chất cách mạng và những kinh nghiệm, phẩm chất cách mạng của mỗi thương binh, thân nhân liệt sỹ để mọi người nỗ lực vươn lên trong cuộc sống. Cần xây dựng những mô hình, gương điển hình trong số những người có công hiện nay. Hàng triệu người có công đang hưởng trợ cấp, có nhiều người gương mẫu tích cực, sáng tạo nỗ lực vươn lên làm giàu cần phải được nêu gương cho nhiều người khác học tập và noi theo.

Thứ tư, quan tâm chú trọng hơn nữa đến công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực này, với những yêu cầu cụ thể như: hoàn thiện văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện ưu đãi xã hội, xây dựng bộ máy, bố trí cán bộ quản lý vừa có "tâm" lại vừa có "tầm" trong hoạt động ưu đãi xã hội. Chú trọng công tác tuyên truyền vận động. Công tác kiểm tra, thanh tra mọi mặt lĩnh vực ưu đãi xã hội phải được tiến hành thường xuyên, đầy đủ, trách nhiệm và hiệu quả cao, góp phần xây dựng và phát triển phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa" sâu rộng trong cả nước. ❑

Digitized by Google

TIỀN GIANG TĂNG CƯỜNG HỢP TÁC PHÁT TRIỂN DU LỊCH SINH THÁI SÔNG NƯỚC

NGUYỄN HỮU CHÍ *

TIỀN Giang nằm ở vùng đồng bằng sông Cửu Long, với 32 km bờ biển, cách thành phố Hồ Chí Minh hơn 70km. Thiên nhiên và con người Tiền Giang mang đặc trưng của nền văn minh sông nước Nam Bộ, với vị trí thuận lợi là nằm dọc bờ phía Bắc sông Tiền, là cửa ngõ đi vào các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long. Với hệ thống giao thông đường bộ, đường thủy tỏa khắp trong toàn tỉnh, đã tạo nên những ưu thế và thuận lợi cho hoạt động du lịch, thu hút sự hấp dẫn theo hướng du lịch sinh thái và du lịch văn hóa.

Tiền Giang còn là vùng đất có bề dày về truyền thống văn hóa, truyền thống yêu nước và cách mạng, gắn liền với tên tuổi các anh hùng như: Trương Định, Thủ Khoa Huân, Thiên Hộ Dương, Lê Thị Hồng Gấm, v.v... Trên quê hương Tiền Giang còn có địa danh Gò Thành nằm trong di chỉ khảo cổ Óc Eo cách đây 20 thế kỷ; với những lăng mộ, đền chùa, đình miếu vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị văn hóa như lăng Hoàng Gia, lăng Trương Định, đền thờ Thủ Khoa Huân, chùa Vĩnh Tràng, đình Long Hưng... Trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm, Tiền Giang còn là nơi diễn ra những trận đánh với những chiến công vang dội như trận Rạch Gầm - Xoài Mút và chiến thắng Ấp Bắc...

Ngoài ra, cuộc sống, sinh hoạt của người dân nơi đây còn thể hiện rõ đặc điểm của vùng đồng bằng sông Cửu Long như: nhiều thế hệ trong gia đình, phương thức đánh bắt thủy sản, các loại thuyền, chài, lưới, các hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống, với các lễ hội và các di tích lịch sử, văn hóa - nghệ thuật ngày càng thu hút khách du lịch muốn tham quan, tìm hiểu lịch sử - văn hóa Nam Bộ.

Hiện nay ở Tiền Giang đã hình thành 3 vùng sinh thái tự nhiên, rất thuận lợi để đẩy mạnh phát triển du lịch, như:

- Vùng sinh thái nước ngọt: gồm các vùng cây trái trên các cù lao và vùng dân cư nằm dọc sông Tiền của các huyện Cái Bè, Cai Lậy, Châu Thành và thành phố Mỹ Tho.

- Vùng sinh thái ngập mặn: đã hình thành nên khu du lịch biển Tân Thành - Hàng Dương (thuộc huyện Gò Công Đông) phục vụ nhu cầu tham quan nghỉ biển.

- Vùng sinh thái ngập phèn: với khu bảo tồn sinh thái Đồng Tháp Mười (thuộc huyện Tân Phước). Đây là cánh đồng mênh mông với hệ sinh thái ngập phèn độc đáo ở nước ta;

* Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang

Digitized by Google

những loài động, thực vật đặc hữu sẽ phục vụ tốt cho công tác nghiên cứu của các nhà khoa học cũng như tham quan nghỉ dưỡng.

Bên cạnh việc khai thác các tài nguyên thiên nhiên và văn hóa đã được đưa vào phục vụ, ngành du lịch Tiền Giang trong những năm qua đã tiếp tục đầu tư phát triển, mở rộng các khu du lịch sinh thái Tân Thành, cù lao Thới Sơn, Cái Bè; cải tạo, nâng cấp cơ sở lưu trú, phát triển phương tiện vận chuyển khách và phát triển nguồn nhân lực trong ngành, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, bảo vệ môi trường, đáp ứng nhu cầu thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế.

Cùng với xu thế phát triển du lịch trong khu vực và cả nước, tốc độ tăng lượt khách du lịch đến Tiền Giang hằng năm tương đối cao: Từ năm 2001 - 2005, tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm 9,91%, trong đó khách quốc tế tăng 17,26% (là một trong những tỉnh có lượng khách quốc tế cao nhất đồng bằng sông Cửu Long). Năm 2005, Tiền Giang đón gần 518.200 lượt khách, trong đó có hơn 318.500 lượt khách quốc tế.

Tuy nhiên, trong các năm qua việc phát triển và hiệu quả mang lại chưa tương xứng với tiềm năng du lịch của tỉnh, chưa đáp ứng kịp theo yêu cầu phát triển ngành. Trong định hướng tới, Tiền Giang xác định "việc đầu tư và thực hiện tốt các chính sách để phát triển mạnh các ngành dịch vụ, xem đây là khâu đột phá" và "quan tâm đầu tư cho ngành du lịch để trở thành ngành kinh tế quan trọng của tỉnh", với mục tiêu là tận dụng ưu thế về môi trường thiên nhiên, cơ sở vật chất hiện có, tăng cường hợp tác đầu tư phát triển du lịch sinh thái một cách cơ bản và bền vững, nâng cao sức cạnh tranh, phấn đấu đưa du lịch trở thành một trong những ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh.

Mặc dù Tiền Giang có cả 3 vùng sinh thái: vùng sinh thái nước ngọt, vùng sinh thái nước mặn, vùng sinh thái ngập phèn; nhưng ngành du lịch Tiền Giang đã xác định phát triển theo hướng du lịch sinh thái sông nước miệt vườn, một lợi thế mà thiên nhiên đã ưu đãi cho vùng đất này. Từ định hướng phát triển, ngành du lịch Tiền Giang đã đầu tư phát triển các tuyến du lịch sinh thái:

Tuyến du lịch cù lao Thới Sơn. Năm 1988 sau khi đất nước bước sang thời kỳ đổi mới cũng là lúc ngành du lịch Tiền Giang có bước chuyển biến phát triển du lịch sinh thái sông nước miệt vườn, với tour đầu tiên là đến cù lao Thới Sơn, một cù lao với diện tích 12,24 km^2 với gần 6.000 dân có 569 ha vườn, với nhiều loại cây trái quanh năm, có nhiều kênh rạch dan xen tạo nên những tuyến đò chèo với hai bên là bần và dừa nước cùng không gian thoáng mát, yên lành đã đáp ứng nhu cầu tham quan nghỉ mát của khách du lịch.

Nằm trải dọc theo sông Tiền, Thới Sơn là một trong quần thể 4 cù lao lớn (tứ linh): gần vị trí phân nhánh của sông Tiền trước khi đổ ra biển Đông. Nằm trong vùng ảnh hưởng của địa bàn trọng điểm phía Nam giữa thành phố Cần Thơ và thành phố Hồ Chí Minh, cù lao Thới Sơn thực sự là điểm đến của khách du lịch trong và ngoài nước. Tỉnh Tiền Giang cũng đã xây dựng quy hoạch chi tiết phát triển du lịch sinh thái cù lao Thới Sơn và đang kêu gọi các thành phần kinh tế tham gia đầu tư xây dựng 7 khu chuyên đề, phát triển cù lao Thới Sơn trở thành trung tâm du lịch sinh thái của tỉnh.

Tuyến du lịch dọc sông Tiền. Đây là tour du lịch nhằm đưa đến cho du khách những hình ảnh về cuộc sống của cư dân vùng sông nước dọc theo hai bờ sông Tiền, khu Rạch Gầm - Xoài Mút, tham quan cù lao Ngũ Hiệp hoặc đến các nhà vườn ở xã Vinh Kim sẽ đưa du khách trở về với một vùng thiên nhiên và sẽ có dịp để tìm hiểu cuộc sống truyền thống của cư dân địa phương, thông qua việc tham quan

Digitized by Google

vườn cây ăn trái, nơi sinh hoạt người dân và len lỏi trong những kênh rạch bằng xuồng chèo, ngắm cảnh sông nước miệt vườn.

Tuyến du lịch chợ nổi Cái Bè. Đây là nơi mua bán nhiều loại trái cây miệt vườn bằng các phương tiện trên sông. Nét đặc biệt trên chợ nổi này là du khách được chứng kiến một nếp sống thương hồ - nếp sống của những cư dân sống bằng nghề mua bán trên sông từ thuở xa xưa, nay được tái hiện bằng hình ảnh của những chiếc thuyền, ghe bầu, xuồng nhỏ có mái vòm chất đầy các loại cây trái, rau quả trồng khắp nơi vùng đồng bằng sông Cửu Long. Ngoài những nét nhộn nhịp, sung túc mà chợ nổi Cái Bè đang có, còn ẩn náu bên trong đó một tinh thần cộng đồng hào phóng của những cư dân sống dọc theo vùng sông nước Mê Công. Đó là những nét đẹp của một nền văn hóa dân gian, một nền văn hóa đã được hội tụ và hòa nhập với nhiều nền văn hóa khác trên thế giới.

Nối tour với chợ nổi Cái Bè du khách sẽ đến những khu vườn cây trái xanh tươi, tham quan tìm hiểu cuộc sống, sinh hoạt và phương thức làm vườn của người dân ở cù lao Tân Phong, xã Đông Hòa Hiệp, xã Hòa Khánh thuộc huyện Cái Bè. Tham quan các hộ dân sống ven sông với nghề làm bánh tráng, cốm, kẹo truyền thống hoặc đến tham quan những ngôi nhà cổ đã tồn tại hàng trăm năm (trong đó có ngôi nhà cổ đã được Tổ chức JICA Nhật Bản tài trợ gần 1 tỉ đồng để trùng tu).

Du lịch Tiền Giang sẽ dễ dàng nối tuyến với khu du lịch sinh thái làng nổi Tân Lập, lăng mộ Nguyễn Huỳnh Đức (Long An), các di tích văn hóa - lịch sử như: các lăng mộ Nguyễn Đình Chiểu, Võ Trường Toản, Phan Thanh Giản (Bến Tre); di tích lịch sử Gáo Giồng, Xẻo Quýt, di tích cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc (Đồng Tháp); các điểm nhà vườn cù lao Bình Hòa Phước, di tích Văn Thánh Miếu (Vĩnh Long), cùng với nhiều di tích văn hóa - lịch sử khác; các sân chim, vườn cò, các vườn quốc gia,... của các tỉnh khác trong vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Với tiềm năng phong phú, đa dạng, trong những năm gần đây khách du lịch đến Tiền Giang ngày càng tăng và loại hình du lịch sinh thái sông nước miệt vườn cũng đã thu hút đến 80% lượt khách, nhất là đối với khách quốc tế. Cách thành phố Hồ Chí Minh, không xa trong tương lai, khi tuyến đường cao tốc thành phố Hồ Chí Minh - Mỹ Tho được hoàn thành thì chỉ cần 1 giờ là khách du lịch có thể đến Tiền Giang. Tiềm năng du lịch sinh thái đa dạng, trải dài từ Đông sang Tây cặp theo dòng sông Tiền với chiều dài trên 100 km, có nhiều sông ngòi, kênh rạch chằng chịt và nhiều cù lao nổi trên sông như cù lao Thới Sơn, Ngũ Hiệp, Tân Phong, Cồn Ngang,... cùng với những vườn cây trái nổi tiếng như: cam sành Cái Bè, xoài cát Hòa Lộc, vú sữa Vĩnh Kim, thanh long Chợ Gạo, sơ ri Gò Công,... khí hậu mát mẻ, người dân hiền hòa, mến khách sẽ tạo ấn tượng thân thiện, thanh bình đối với du khách. Từ đó có thể tổ chức nhiều loại hình du lịch đặc trưng cho miền sông nước đồng bằng sông Cửu Long.

Tiền Giang trong quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam thời kỳ 1995 - 2010, cũng như trong chương trình phát triển du lịch tiểu vùng sông Mê Công (GMS) có du lịch tham quan, nghỉ dưỡng, du lịch sinh thái sông nước. Thành phố Mỹ Tho cũng đã được Chính phủ công nhận là đô thị loại II và là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Đặc biệt, Tiền Giang đang triển khai thực hiện dự án xây dựng bến tàu du lịch thành phố Mỹ Tho là điểm dừng đầu tiên cho các tàu du lịch quốc tế trên tuyến du lịch sông Mê Công; sẽ là yếu tố thuận lợi tăng cường hợp tác phát triển du lịch với các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Digitized by Google

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi ngành du lịch Tiền Giang cũng gặp nhiều thách thức:

Mô hình "xã hội hóa" trong hoạt động du lịch đã phát huy hiệu quả, việc huy động các nguồn lực trong nhân dân tham gia liên kết vào các hoạt động du lịch, đã từng tạo được thế cạnh tranh so với các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long nay không còn, bởi những "bài bản" này đã được các tỉnh bạn vận dụng, các tour du lịch như đi đò chèo trên sông rạch, tham quan vườn cây trái, nghe ca nhạc tài tử không còn là sản phẩm độc quyền của du lịch Tiền Giang. Mặc dù lượng du khách đến Tiền Giang vẫn ngày càng tăng nhưng làm thế nào để giữ được lượng khách ổn định và kéo dài thời gian lưu trú, đang là vấn đề khó khăn được đặt ra. Vì vậy, việc tìm ra những giải pháp đúng đắn để thu hút đầu tư phát triển du lịch, tạo sản phẩm đặc thù riêng là một thách thức lớn cho ngành du lịch Tiền Giang.

Trong những năm qua, bên cạnh việc hợp tác cộng đồng địa phương phát triển du lịch sinh thái sông nước miệt vườn thì Tiền Giang cũng đã tăng cường hợp tác với thành phố Hồ Chí Minh phát triển kinh tế - xã hội trong đó có lĩnh vực du lịch. Hợp tác đầu tư các khu điểm du lịch, phát triển sản phẩm và thu hút lượng lớn khách du lịch ở thành phố Hồ Chí Minh và khách du lịch quốc tế đi qua cảng hàng không Tân Sơn Nhất.

Tuy nhiên, do đặc thù của các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long đều có chung sản phẩm sông nước, cây trái miệt vườn và sinh hoạt đời sống nông thôn, đã dẫn đến tình trạng cạnh tranh quyết liệt giữa các doanh nghiệp các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long. Vì vậy, tăng cường hợp tác liên kết chọn ra những sản phẩm đặc trưng, riêng biệt của từng địa phương để xây dựng thành sản phẩm du lịch là nhu cầu bức xúc cho các nhà quản lý và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch. Có thể hình thành một tour du lịch sinh thái liên kết giữa các tỉnh, mang đậm nét văn hóa truyền thống của cư dân vùng sông nước. Việc tăng cường hợp tác liên kết sẽ thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái bền vững cho toàn vùng.

Để đạt được mục tiêu này ngành du lịch Tiền Giang cần tập trung thực hiện tốt những nhiệm vụ và các giải pháp sau đây:

***Một là,** quy hoạch phát triển sản phẩm dựa trên lợi thế so sánh, tập trung đầu tư các dự án lớn phát triển sản phẩm đặc thù riêng biệt.*

Tiền Giang không có cảnh quan thiên nhiên hùng vĩ, chỉ có sông nước, vườn cây trái mênh mông của vùng nông thôn Nam Bộ. Vì vậy, phải quy hoạch, phát triển sản phẩm du lịch sinh thái sông nước phù hợp ưu thế của mình, dựa trên cơ sở đánh giá đúng tài nguyên du lịch địa phương và phù hợp quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, nhằm phát triển các loại hình du lịch phù hợp cho các đối tượng khách. Thiết kế các chương trình du lịch gần gũi với thiên nhiên gắn với các di tích văn hóa lịch sử, trong đó coi trọng nét đặc thù, để chương trình có nét độc đáo riêng, phân biệt so với các địa phương lân cận...

Có chính sách ưu đãi, môi trường đầu tư thông thoáng, hấp dẫn thu hút các thành phần kinh tế trong và ngoài nước, tập trung đầu tư có trọng điểm các dự án phát triển du lịch. Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn trung ương đầu tư phát triển hạ tầng. Huy động nguồn lực trong nhân dân để phát triển các vệ tinh, liên kết với các doanh nghiệp phát triển các điểm du lịch, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm thu hút khách.

Đẩy mạnh xã hội hóa du lịch, thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch phát triển du lịch. Phải bảo đảm sự phân chia lợi ích hợp lý giữa các đơn vị kinh doanh du lịch và cộng đồng địa phương, nâng cao đời sống cộng đồng dân cư và góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội.

Digitized by Google

Hai là, *tăng cường hợp tác phát triển du lịch với thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long.*

Là trung tâm kinh tế lớn của cả nước, thành phố Hồ Chí Minh là hạt nhân phát triển của địa bàn kinh tế trọng điểm phía Nam, thành phố sẽ có những tác động mạnh mẽ đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đồng thời thúc đẩy cho sự phát triển kinh tế du lịch Tiền Giang nói riêng và vùng đồng bằng sông Cửu Long nói chung. Mặt khác, khi du lịch Tiền Giang phát triển sẽ góp phần giải quyết các nhu cầu về du lịch của du khách thành phố, đóng góp vào sự phát triển chung của vùng kinh tế trọng điểm phía Nam cũng như vùng đồng bằng sông Cửu Long.

Tăng cường liên kết các tỉnh xây dựng cơ chế hợp tác phát triển du lịch sinh thái liên kết vùng, trên cơ sở hợp tác xây dựng sản phẩm du lịch đặc sắc, phù hợp với tài nguyên du lịch sinh thái, văn hóa của mỗi vùng và địa phương theo hướng hạn chế việc phát triển sản phẩm trùng lắp, dẫn đến giảm hiệu quả kinh doanh trong hoạt động du lịch.

Bên cạnh đó cần phát huy vai trò hợp tác liên kết của cộng đồng trong việc khai thác có hiệu quả các giá trị tài nguyên du lịch, bảo tồn tài nguyên, môi trường và văn hóa để bảo đảm phát triển du lịch bền vững.

Ba là, *hợp tác đào tạo nguồn nhân lực du lịch.*

Tiềm năng phát triển du lịch sinh thái vùng đồng bằng sông Cửu Long là rất lớn nhưng nguồn nhân lực đáp ứng cho ngành còn yếu, thiếu tính năng động và chuyên nghiệp. Nguồn nhân lực du lịch đóng vai trò rất quan trọng trong sự nghiệp phát triển ngành. Vì vậy, nhu cầu hợp tác các tỉnh để phát triển đào tạo nguồn nhân lực cho ngành cần đặt lên ngang tầm với nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu phát triển ngành trong thời kỳ mới.

Liên kết với các tỉnh để phối hợp Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh, Trường nghiệp vụ Du lịch Vũng Tàu và các trường nghiệp vụ khác để đào tạo, bồi dưỡng lực lượng lao động ngành. Ngoài việc hợp tác để đào tạo đối với cán bộ trong ngành, cần có giải pháp lâu dài là có kế hoạch đầu tư, tuyển dụng lao động từ các trường đại học, để có một lực lượng lao động giỏi, có trình độ năng lực chuyên môn cao, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ mới và thích ứng được môi trường cạnh tranh ngày càng gay gắt trong hoạt động du lịch. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh việc tập huấn, bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng hợp tác cho cộng đồng địa phương tham gia các hoạt động du lịch, phát triển du lịch cộng đồng.

Bốn là, *hợp tác với các tỉnh tiến tới thành lập Hiệp hội Du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long, nâng cao năng lực cạnh tranh.*

Tăng cường mối liên kết với các tỉnh, thành lập Hiệp hội Du lịch vùng đồng bằng sông Cửu Long nhằm hợp tác phát triển. Hiệp hội sẽ thống nhất trong việc quảng bá, xúc tiến du lịch cho toàn vùng. Xây dựng tour, tuyến du lịch liên tỉnh, tạo nên những sản phẩm du lịch thực sự có sức hấp dẫn đối với khách. Đồng thời thông qua Hiệp hội sẽ tạo điều kiện cho sự phát triển, đặc biệt trong vấn đề đầu tư và gắn kết hoạt động. Hiệp hội cũng sẽ hỗ trợ các doanh nghiệp liên kết trong lĩnh vực kinh doanh lữ hành quốc tế, tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp.

Với quyết tâm của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh cùng sự hỗ trợ tích cực của Tổng cục Du lịch, ngành du lịch Tiền Giang sẽ cùng các tỉnh vùng đồng bằng sông Cửu Long đi đến những giải pháp thống nhất, cùng hợp tác thực hiện một điều mà chúng ta thường đề cập đến: Hợp tác phát triển du lịch liên kết vùng, để cùng thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái bền vững vùng đồng bằng sông Cửu Long. ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KINH TẾ CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI - VẤN ĐỀ ĐẶT RA VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP

TRẦN VĂN LỢI *

SAU 20 năm đổi mới và 15 năm thực hiện chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, Việt Nam đã đạt được một số thành tựu có ý nghĩa quan trọng. Thu hút đầu tư nước ngoài đã góp phần to lớn vào quá trình thay đổi cơ cấu của nền kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa Việt Nam chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Tính đến cuối năm 2004, Việt Nam đã thu hút được 2.098 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đăng ký là 17,8 tỉ USD. Riêng năm 2005, số vốn đăng ký là 5,835 tỉ USD, tăng 45,2% so với năm 2004, vốn đầu tư nước ngoài đã thực hiện 3,747 tỉ USD tăng hơn 300 triệu USD so với năm 2004 (1).

Tác động tích cực của đầu tư nước ngoài đối với Việt Nam được biểu hiện ở một số khía cạnh sau:

- Đầu tư nước ngoài đã góp phần tích cực vào quá trình tăng trưởng và thay đổi cơ cấu của nền kinh tế.

Bước vào thời kỳ đổi mới, nguồn vốn nước ngoài đã có vai trò rất quan trọng thúc đẩy tăng trưởng. Tính chung, từ năm 1988 đến 2004, vốn đầu tư nước ngoài đã tạo ra khoảng 14,3% tổng GDP của Việt Nam. Nguồn vốn từ bên ngoài, bao gồm cả vốn ODA và vốn đầu tư nước ngoài chiếm 40% tổng vốn đầu tư của toàn xã hội cho nền kinh tế giai đoạn 1991 - 1997.

Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thời kỳ 1991 - 1995 tăng là 30%; 1996 - 2000 là 43%, 2001 - 2005 là 42%(2). Hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần quan trọng vào việc gia tăng tốc độ của kim ngạch xuất khẩu. Quan trọng hơn là nó đã thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, bằng việc thay đổi cơ cấu hàng xuất khẩu theo hướng tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến, giảm tương ứng xuất khẩu sản phẩm thô và nguyên liệu.

- Đầu tư nước ngoài đã góp phần tích cực vào quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển lực lượng sản xuất.

Nhờ thu hút đầu tư vào các ngành công nghiệp quan trọng, các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm 38% sản lượng công nghiệp

---

* ThS, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương

(1) Báo cáo của Văn phòng Chính phủ

(2) Nguồn Vụ Kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Digitized by Google

chung của cả nước và có tốc độ tăng trưởng 20%/năm. Đầu tư nước ngoài đã góp phần mở ra những ngành công nghiệp với công nghệ và phương thức kinh doanh tiên tiến. Các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài chiếm gần 100% về khai thác dầu thô, 80% công nghệ sản xuất ô-tô, máy giặt, máy điều hòa nhiệt độ, máy tính, 60% sản lượng thép cán, 30% xi-măng, 33% thiết bị điện tử, 76% dụng cụ y tế chính xác, 55% sợi các loại, 49% da giày, 25% thực phẩm và đồ uống...(3) Các lĩnh vực công nghiệp trên đây đã góp phần tạo ra bước phát triển về chất trình độ hiện có của lực lượng sản xuất, làm cho lực lượng sản xuất của nước ta phát triển theo hướng hiện đại, phù hợp với xu thế và mục tiêu chung của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Đầu tư nước ngoài là nhân tố góp phần quan trọng vào quá trình hình thành một lực lượng lao động mới ở Việt Nam. Những năm qua, theo số liệu thống kê chưa đầy đủ, đầu tư nước ngoài đã giải quyết cho hơn 90 vạn lao động có việc làm trực tiếp và khoảng vài triệu lao động gián tiếp. Phần lớn số lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều là lực lượng lao động ít nhiều đã qua đào tạo. Trong quá trình làm việc được bổ túc nghề nghiệp và đào tạo lại theo hướng chuyên môn hóa và nâng cao trình độ tay nghề. Lực lượng lao động trong các doanh nghiệp được tuyển chọn từ nhiều nguồn khác nhau. Họ được làm việc trong hệ thống dây chuyền công nghiệp hiện đại và đòi hỏi tuân thủ kỷ luật lao động cao. Đây chính là môi trường tốt để đào tạo đội ngũ chuyên gia mới, có phong cách làm việc phù hợp với công nghiệp hiện đại và kinh doanh tiên tiến.

- Đầu tư nước ngoài đã tác động tích cực đến quá trình thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần ở nước ta. Để tạo điều kiện thu hút và mở rộng đầu tư, Nhà nước đã cho phép các nhà đầu tư trong nước được kinh doanh những ngành và lĩnh vực mà pháp luật không cấm. Chỉ sau một thời gian ngắn, hàng chục vạn doanh nghiệp tư nhân mới ra đời. Ngoài việc dựa vào những lợi thế riêng về đất đai và ưu đãi về thuế, các doanh nghiệp tư nhân Việt Nam hình thành còn trên cơ sở đáp ứng nhu cầu phát triển của các doanh nghiệp nước ngoài. Nhiều doanh nghiệp nhằm cung cấp nguyên liệu, phân phối hàng hóa, hoạt động dịch vụ, cung ứng lao động và các lĩnh vực khác... Có thể nói dưới tác động của đầu tư nước ngoài, nhiều loại hình doanh nghiệp tư nhân ra đời, góp phần khai thác tốt các tiềm năng và lợi thế, thúc đẩy nền kinh tế tăng trưởng và phát triển.

Bên cạnh mặt thuận lợi, đầu tư nước ngoài cũng đang đặt ra những thách thức không nhỏ. Có thể khái quát, chúng ta đang đối mặt với những thách thức sau đây:

- Mất cân đối nghiêm trọng về phân bổ đầu tư giữa các vùng lãnh thổ và các ngành khác nhau trong cơ cấu của nền kinh tế.

Sau 20 năm đổi mới, chúng ta hình thành một số vùng kinh tế. Nguồn vốn nước ngoài chỉ tập trung ở các vùng kinh tế lớn, trọng điểm phía Bắc như Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, phía Nam như thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai. Cả hai vùng này chiếm 75% lượng vốn đầu tư nước ngoài của cả nước. Các vùng còn lại chỉ chiếm 25%. Rõ ràng sự mất cân đối này đã tác động không nhỏ đến chiến lược phát triển chung của cả nước. Khắc phục tình trạng trên đây là việc làm không đơn giản và rất cần phải có thời gian.

Ngoài mất cân đối về vùng, lãnh thổ, mất cân đối giữa các ngành kinh tế khác nhau

(3) Nguồn Vụ Kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Digitized by Google

trong cơ cấu kinh tế chung cũng là những vấn đề rất hệ trọng. Vì mục tiêu lợi nhuận, đầu tư nước ngoài chỉ chú trọng tập trung vào những lĩnh vực rủi ro thấp, có khả năng thu hồi vốn nhanh, hiệu quả cao. Các nhà đầu tư nước ngoài chắc chắn rất ít chú trọng đến tính cơ cấu và các vấn đề xã hội nảy sinh trong quá trình phát triển ở Việt Nam. Thực tiễn hơn 15 năm qua cho thấy, hầu hết các dự án có vốn đầu tư nước ngoài đều tập trung vào các lĩnh vực công nghiệp tiêu dùng và dịch vụ. Rất ít các công ty tập trung đầu tư phát triển các lĩnh vực công nghiệp chế tạo, công nghiệp nặng then chốt của nền kinh tế.

- Vấn đề ô nhiễm môi trường và trình độ lạc hậu của các thiết bị, công nghệ cũng là vấn đề đáng quan tâm. Là một nước chậm phát triển, lại đi sau so với nhiều quốc gia trong quá trình hội nhập, chúng ta ý thức rất rõ mức độ hiện đại của các thiết bị, công nghệ nhập ngoại có tầm quan trọng to lớn đối với chất lượng tăng trưởng của nền kinh tế. Tuy nhiên, giữa mong muốn của chúng ta và thực tế luôn luôn có khoảng cách. Theo số liệu của các cơ quan có thẩm quyền, thời kỳ đầu 70% các thiết bị công nghệ được chuyển giao vào Việt Nam đều là những thiết bị được chế tạo trước những năm 60 - 70 của thế kỷ XX. Những năm gần đây, tình hình có khá hơn do chúng ta có nhiều tiêu chuẩn kiểm tra nghiêm ngặt, nhưng nhìn chung các thiết bị công nghệ được chuyển giao về cơ bản không thuộc nhóm công nghệ thực sự hiện đại. Thực trạng trên đây tác động rất lớn đến vấn đề ô nhiễm môi trường. Hầu hết các nhà máy có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động tại Việt Nam đều chỉ đạt tiêu chuẩn xử lý ô nhiễm ở mức trung bình. Không ít các doanh nghiệp thuộc nhóm xử lý thấp, rất thấp. Vì mục tiêu tăng trưởng và việc làm, nhiều chỉ tiêu về môi trường không được đặt ra như là những vấn đề có tính pháp lệnh trong thu hút đầu tư. Giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường từ thu hút đầu tư, xét về cả trước mắt và lâu dài đang thực sự trở thành vấn đề bức xúc nhất hiện nay.

- Tranh chấp lao động cũng là vấn đề tương đối nổi cộm. Do có nhiều ưu thế về điều kiện làm việc ổn định, lương, thưởng cao hơn so với các doanh nghiệp trong nước, hầu hết các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đều tập trung thu hút nguồn nhân lực có trình độ tay nghề cao. Tranh chấp và những mâu thuẫn nảy sinh giữa các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, xung quanh vấn đề lao động đang là hiện tượng có nhiều bức xúc. Để giải quyết và khắc phục tình trạng này cần có nhiều giải pháp, trong đó giải pháp về kinh tế đóng vai trò không nhỏ. Ngoài tranh chấp giữa các doanh nghiệp, tranh chấp giữa chủ và thợ trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư cũng đang là vấn đề nổi cộm. Do đó, phải có chính sách đủ mạnh từ phía các cơ quan có thẩm quyền.

Ngoài những vấn đề nêu trên, quá trình tiếp nhận đầu tư cũng đang bộc lộ hàng loạt các vấn đề khác rất cần được quan tâm như: vấn đề thống nhất về cơ chế chính sách, vấn đề bất cập của hệ thống pháp luật, chất lượng nguồn nhân lực, tiêu cực trong bộ máy công quyền, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường đầu tư... Những vấn đề ấy ảnh hưởng không nhỏ đến chiến lược thu hút đầu tư - một nguồn lực quan trọng để tạo động lực tăng tốc sự phát triển.

Chúng ta nhận thức rất rõ, bên cạnh những mặt tích cực, thu hút đầu tư nước ngoài cũng bộc lộ nhiều hạn chế và bất cập. Tuy nhiên, xu thế quốc tế hóa hiện nay, không cho phép bất kỳ quốc gia nào tự tách mình ra khỏi dòng chảy của sự phát triển. Do đó, chủ động hội nhập và thu hút đầu tư nước ngoài phải trở thành nhu cầu không thể thiếu của cuộc sống.

Digitized by Google

Để khẳng định tầm quan trọng của chính sách khuyến khích thu hút đầu tư, trên tinh thần thực hiện chính sách ngoại giao, đa phương, mở rộng, Đại hội X của Đảng tiếp tục khẳng định kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là một bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Tính đến cuối năm 2005, đầu tư nước ngoài tại Việt Nam đã thu hút được 5.918 dự án, với số vốn đầu tư chiếm 32% so với tổng vốn đầu tư của Việt Nam.

Để thu hút đầu tư nước ngoài thực sự phát huy tác dụng và hiệu quả, chúng tôi kiến nghị:

- Về sở hữu của các nhà đầu tư nước ngoài, trước hết là sở hữu vốn. Vốn thuộc quyền sở hữu bao gồm vốn riêng của nhà đầu tư và vốn nhà đầu tư đi vay, kể cả nguồn vốn vay của nước tiếp nhận đầu tư. Các nguồn vốn cộng với sở hữu trí tuệ được tập trung đầu tư để phát triển sản xuất ở các nước tiếp nhận đầu tư. Thực tiễn hơn 15 năm thực hiện chính sách tiếp nhận đầu tư nước ngoài cho thấy, chúng ta chỉ mới khuyến khích các nhà đầu tư chuyển sở hữu vốn thuộc quyền sở hữu cá nhân và vốn đi vay từ bên ngoài. Chúng ta chưa khuyến khích các nhà đầu tư được vay và sử dụng các nguồn vốn nhàn rỗi ở trong nước. Trong xu thế hội nhập hiện nay, nguồn vốn đi vay thông qua hệ thống ngân hàng trở thành nguồn vốn quan trọng của các nhà đầu tư nói chung và đầu tư nước ngoài nói riêng. Vì thế, để khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài yên tâm gắn bó làm ăn lâu dài với Việt Nam, Nhà nước nên có cơ chế hỗ trợ thông thoáng, giúp các nhà đầu tư nước ngoài được tiếp cận với các nguồn vốn vay trong nước thông qua hệ thống ngân hàng. Nếu sử dụng vốn vay kém hiệu quả, nhà đầu tư phải có trách nhiệm bồi hoàn. Nguyên tắc vay vốn đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh thông qua hệ thống ngân hàng trở thành nguyên tắc pháp lệnh mang tính quốc tế. Ngoài phần tài sản thuộc sở hữu, nhà đầu tư có quyền đi vay để phát triển sản xuất. Chấp thuận cho nhà đầu tư vay vốn nhàn rỗi trong nước, chúng ta vừa làm cho họ yên tâm, vừa tận dụng được các khoản tiền nhàn rỗi đóng băng trong các ngân hàng và còn ở trong dân cho đầu tư phát triển sản xuất, sử dụng trí tuệ, năng lực tổ chức quản lý, công nghệ, thị trường, đẩy nhanh quá trình hội nhập. Vì vậy, rất cần một môi trường pháp lý ổn định để các nhà đầu tư sớm có điều kiện huy động thêm các nguồn vốn trong nước vào quá trình sản xuất.

- Ở góc độ quản lý và sử dụng lao động. Nhà đầu tư sử dụng nguồn vốn nào, về mặt pháp lý họ vẫn là người chịu trách nhiệm pháp lý cao nhất. Tuy nhiên, trong điều kiện hiện nay, tách rời giữa chủ sở hữu vốn và chủ kinh doanh đang trở thành xu thế có tính phổ biến. Ngày càng có nhiều nhà đầu tư thuê giám đốc điều hành doanh nghiệp của mình là người nước ngoài hay ngay cả người sở tại, sử dụng lao động tại chỗ. Sử dụng chuyên gia sở tại và lao động tại chỗ là lợi thế cho họ. Nguồn nhân lực này tốt, sẽ hỗ trợ hậu thuẫn quyết định cho việc thu hút đầu tư nước ngoài. Vì thế, để thu hút đầu tư mạnh mẽ và hiệu quả hơn, cần sớm hoàn thiện cơ chế tuyển dụng đào tạo giám đốc, một thế hệ doanh nhân mới có nghề giám đốc, đồng thời Nhà nước phải chấp nhận đầu tư cho công tác tuyển chọn lao động có tay nghề. Chuẩn bị tốt nguồn nhân lực cho tương lai, trong đó kể cả công việc chủ động tuyển chọn nguồn nhân lực phục vụ các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là vấn đề rất cấp bách để thúc đẩy mọi loại hình doanh nghiệp nói chung, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nói riêng.

Digitized by Google

- Vấn đề lợi nhuận trong lĩnh vực thu hút đầu tư nước ngoài cũng là một lĩnh vực cần đặc biệt chú trọng. Do tâm lý sợ bóc lột và mong muốn kinh tế nhà nước phải trở thành thành phần chủ đạo - lo sợ mở rộng thu hút đầu tư, độc lập chủ quyền và lợi ích quốc gia sẽ bị đe dọa, chúng ta chưa thật thoải mái và yên tâm khi lượng vốn nước ngoài tăng nhanh ở những vị trí then chốt và nhạy cảm. Kinh nghiệm cho thấy, có những nước như Xin-ga-po đầu tư nước ngoài chiếm 65% GDP, nhưng họ vẫn giữ được chủ quyền. Chính vì vậy, cần có cơ chế thông thoáng để phân bổ lợi nhuận hợp lý trong cơ chế kinh tế thị trường. Nguyên tắc phân phối ngày nay là phân phối dựa trên cơ cấu sở hữu các nguồn lực, phân phối theo sở hữu vốn, trí tuệ và sở hữu công nghệ. Theo nguyên tắc này, nhà đầu tư có vốn kinh doanh họ thu lợi nhuận, đóng thuế trên cơ sở hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Nhà nước là chủ sở hữu đất đai, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thì thu địa tô, người lao động làm việc trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhận tiền công. Luật hóa vấn đề lợi nhuận từ sở hữu, tạo điều kiện để nhà đầu tư tiếp tục đầu tư hay chuyển vốn đi nước ngoài là việc làm cần thiết. Không vì bất cứ lý do gì cản trở và can thiệp không lành mạnh vào quá trình phân phối và sử dụng lợi nhuận của các nhà đầu tư.

- Vấn đề đình công, bãi công của công nhân ở các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Nhìn chung, người lao động nước ta chưa hoàn toàn thích nghi với môi trường làm việc theo kiểu chủ - thợ, chưa thích nghi với tâm lý làm thuê. Vì thế, trong quá trình sản xuất, do nhiều quy định không rõ ràng, chỉ cần nảy sinh những tình huống thiếu tế nhị như: phạt, la mắng, hay đánh đập người lao động, lập tức tạo sự phản ứng dây chuyền. Đình công, bãi công đang có dấu hiệu không kiểm soát, là nỗi ám ảnh của những nhà đầu tư. Để mở rộng thu hút đầu tư, Nhà nước một mặt phải nâng cao giáo dục ý thức lao động và trách nhiệm công dân, mặt khác phải có cơ chế, chính sách và hệ thống pháp luật chặt chẽ. Kiên quyết xử nghiêm các nhà đầu tư vi phạm pháp luật đối với người lao động, nhưng mặt khác cũng phải xử nghiêm các hành vi bãi công, đình công và kích động bãi công, đình công vô nguyên tắc, thiếu tôn trọng kỷ luật lao động. Phấn đấu để sớm ổn định môi trường pháp lý trong lĩnh vực tuyển dụng quản lý đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực. Hạn chế và chấm dứt tình trạng đình công, bãi công vô nguyên tắc, là tạo điều kiện để mở rộng và thu hút đầu tư.

Tóm lại, thu hút đầu tư nước ngoài là một trong những vấn đề có tính quy luật của quá trình toàn cầu hóa. Dòng chảy của đầu tư sẽ lan tỏa đến tất cả những nơi mà ở đó có khả năng phát huy hiệu quả một cách tối ưu nhất. Nhờ có chính sách đầu tư thông thoáng và hấp dẫn, nhiều nước chậm phát triển đã huy động được các nguồn vốn khác nhau, tập trung đầu tư phát triển sản xuất, tạo ra sự bứt phá thần kỳ và ngoạn mục trên con đường phát triển. Hơn 15 năm qua, Việt Nam cũng đã có những bước tiến quan trọng trong thu hút các nguồn vốn đầu tư. Bên cạnh những kết quả rất đáng khích lệ, cũng còn bộc lộ nhiều hạn chế thiếu sót. Với định hướng Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước, không phân biệt sự khác nhau về chế độ chính trị, phấn đấu vì một đất nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh, chúng ta thực sự có nhu cầu hội nhập sâu rộng hơn nữa. Vì thế, cần tiếp tục hoàn thiện chính sách thu hút đầu tư, tạo nhiều điều kiện thông thoáng và hấp dẫn để mở rộng hợp tác, huy động nhiều nguồn lực, góp phần đẩy nhanh quá trình thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa là trách nhiệm to lớn của toàn xã hội. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC DÂN VẬN Ở BINH ĐOÀN TÂY NGUYÊN TRONG XÂY DỰNG THẾ TRẬN AN NINH NHÂN DÂN VỮNG CHẮC TRÊN ĐỊA BÀN

NGUYỄN TRUNG THU *

TÂY Nguyên là địa bàn rất quan trọng trong chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, địa bàn Tây Nguyên thường xuyên tập trung một lực lượng bộ đội chủ lực mạnh. Từ lực lượng này, ngày 26-3-1975, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã quyết định thành lập Binh đoàn Tây Nguyên.

Ngay mùa xuân năm 1975, Binh đoàn Tây Nguyên đã làm nên chiến thắng oanh liệt trong chiến dịch Tây Nguyên và tiếp đó là trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trên một hướng chủ yếu của chiến dịch góp công làm nên Đại thắng mùa xuân, thống nhất đất nước. Sau ngày miền Nam giải phóng, Binh đoàn tiếp tục tham gia xây dựng chính quyền cách mạng, ổn định đời sống nhân dân và truy quét bọn phản động FULRO giữ vững an ninh chính trị khu vực Sài Gòn/Gia Định, Nam Tây Nguyên; bảo vệ biên giới Tây Nam, làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia và bảo vệ biên giới phía Bắc. Thực hiện Nghị quyết số 02/BCT của Bộ Chính trị Trung ương Đảng khóa VI và Nghị quyết của Đảng ủy quân sự Trung ương, với chức năng là Binh đoàn chủ lực cơ động chiến lược của Bộ Quốc phòng, cuối năm 1987, Binh đoàn đã trở lại hoạt động trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên.

Trở lại địa bàn quen thuộc, nơi Binh đoàn sinh ra là niềm tự hào và vinh dự to lớn, nhưng trọng trách cũng nặng nề hơn. Để tiếp tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, cán bộ, chiến sĩ Binh đoàn Tây Nguyên phải đối diện với nhiều khó khăn và thách thức mới. Vùng đứng chân của đơn vị có diện tích rộng gần 60 nghìn km^2; đường biên giới giáp Lào, Căm-pu-chia khoảng 700 km. Là vùng có nhiều dân tộc, đa tôn giáo, nơi tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Những năm qua Đảng, Nhà nước ta có nhiều chương trình đầu tư phát triển kinh tế - xã hội, nhưng do nhiều nguyên nhân, Tây Nguyên vẫn là một trong những địa phương có nhiều khó khăn. Lợi dụng tình hình đó các thế lực thù địch đẩy mạnh hoạt động chống phá, hòng gây mất ổn định.

---

* Thiếu tướng, Tư lệnh Binh đoàn Tây Nguyên

Digitized by Google

Truyền thống vẻ vang: "Quyết thắng, sáng tạo, đoàn kết, thống nhất, nghiêm túc, tự lực" và phẩm chất cao đẹp Bộ đội Cụ Hồ của cán bộ chiến sỹ Binh đoàn tiếp tục tỏa sáng. Binh đoàn luôn được Bộ Quốc phòng đánh giá hoàn thành toàn diện và xuất sắc nhiệm vụ. Trong thành tích đó, lĩnh vực mà đơn vị có nhiều đóng góp và có những bài học kinh nghiệm quý trên hành trình đổi mới, phát triển cùng Tây Nguyên và đất nước là: ***Công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt***.

Học tập tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận, cán bộ và chiến sĩ toàn Binh đoàn coi tư tưởng của Người là một phương châm công tác, phương cách ứng xử mang lại hiệu quả cao nhất: "Dân vận kém thì việc gì làm cũng kém, dân vận tốt thì việc gì làm cũng thành công", "dân chúng đồng lòng thì việc gì cũng làm được, dân chúng không ủng hộ thì việc gì cũng không nên". Với phương châm tư tưởng ấy, gần 20 năm qua Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Binh đoàn luôn xác định: "Binh đoàn có đứng vững và phát triển được hay không, vấn đề cốt lõi là phải dựa vào dân, thắt chặt mối quan hệ đoàn kết giữa đơn vị với đảng bộ, chính quyền và nhân dân địa phương, tích cực tham gia xây dựng hệ thống chính trị cơ sở địa phương vững mạnh, thế trận quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân trên địa bàn vững chắc". *Công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* tốt sẽ phát huy được sức mạnh tổng hợp của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên, xây dựng nên một khu vực phòng thủ vững chắc, vành đai an toàn, đời sống vật chất tinh thần của nhân dân được nâng cao và tạo thế ổn định chính trị bền vững. Góp phần xây dựng Tây Nguyên giàu đẹp còn là dịp Binh đoàn đền ơn đáp nghĩa với Đảng bộ, chính quyền và đồng bào các dân tộc Tây Nguyên đã che chở, đùm bọc, giúp đỡ đơn vị trong kháng chiến chống Mỹ trước đây, cũng như trong giai đoạn hiện nay. Đó cũng là cơ sở và nền tảng để xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh gắn với xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện hoàn thành thắng lợi mọi nhiệm vụ.

1 - *Công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* mang tính khách quan và tất yếu trong quá trình cách mạng. Trong giai đoạn mới, nhận thức này càng có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Nó vừa mang tính cơ bản chiến lược lâu dài, vừa là yêu cầu cấp bách đối với không chỉ cán bộ chiến sỹ của đơn vị mà nó còn là tư tưởng chỉ đạo của toàn quân trong lịch sử chiến đấu và chiến thắng. Đó là tư tưởng của Đảng, của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Gần 20 năm qua, Binh đoàn Tây Nguyên đã phát huy sức mạnh tổng hợp để tiến hành *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* đạt kết quả cao. Cấp ủy, chỉ huy các cấp đã giáo dục cho cán bộ, chiến sỹ nhận thức sâu sắc quan điểm, chủ trương về công tác dân vận của Đảng, của Quân đội. Đưa nội dung công tác dân vận vào các đợt sinh hoạt chính trị để từng đơn vị tổ chức cho cán bộ, chiến sỹ (trước hết là cán bộ, đảng viên) nghiên cứu quán triệt Nghị quyết Trung ương 8b, (khóa VI), Nghị quyết 152 của Đảng ủy Quân sự Trung ương về: *"Tiếp tục đổi mới và tăng cường công tác dân vận trong thời kỳ mới"*, Chỉ thị 58/CP của Thủ tướng Chính phủ về *xây dựng cơ sở chính trị, địa phương vững mạnh*, Nghị quyết trung ương 5, khóa IX của Đảng về *đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị địa phương*. Hằng năm, Binh đoàn mở các lớp tập huấn cho các đơn vị và lựa chọn cử cán bộ tham gia học tập, bồi dưỡng các lớp tập huấn của tỉnh, của Quân khu về công tác dân vận; đưa nội dung công tác dân vận vào các cuộc thi, kiểm tra nhận thức, tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm, bồi dưỡng thảo luận dân chủ với bộ đội. Địa bàn Tây Nguyên có đến 47 dân tộc thiểu số cùng sinh sống. Các dân tộc như Ra-rai, Ba-na,

Digitized by Google

Mnông, Xê-đăng... có số lượng đông hơn. Để làm tốt công tác dân vận, trước hết phải hiểu được đồng bào qua tiếng nói và văn hóa. Binh đoàn đã chủ động phối hợp với địa phương mở 10 lớp học tiếng Ra-rai, Ba-na cho hàng trăm cán bộ để cùng các đồng chí trong đơn vị là con em đồng bào dân tộc Tây Nguyên làm nòng cốt cho việc tuyên truyền vận động nhân dân. Cán bộ, chiến sỹ ngày càng hiểu sâu sắc hơn vị trí vai trò quan trọng của *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt,* coi đây là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên. Từ chỗ tập trung được sự đoàn kết thống nhất cao về quan điểm, nhận thức trong mỗi cá nhân đã biến thành quyết tâm, trách nhiệm tập thể, tạo ra sức mạnh toàn Binh đoàn hoàn thành tốt nhiệm vụ.

2 - Binh đoàn Tây Nguyên chủ động phối hợp với cấp ủy, chính quyền, ban, ngành địa phương thống nhất cùng làm công tác dân vận. Qua các hình thức hoạt động kết nghĩa, hành quân dã ngoại làm công tác dân vận và thành lập các *tổ đội công tác, đội thanh niên tình nguyện mùa hè xanh...,* đi xuống các buôn, thôn... để tuyên truyền trực quan, hành động thực tế, làm báo cáo viên, cung cấp tài liệu, tranh ảnh, chiếu phim vi-đi-ô, biểu diễn văn nghệ xung kích, giao lưu văn hóa - văn nghệ, thể dục - thể thao... đã vận động tuyên truyền đến hàng trăm nghìn lượt người. Nội dung tuyên truyền tập trung vào chủ đề truyền thống lịch sử dân tộc Việt Nam, chính sách đại đoàn kết dân tộc, chính sách tôn giáo, phổ biến các chủ trương, quy định của Đảng và Chính phủ giúp dân nâng cao nhận thức, nâng cao cảnh giác cách mạng. Các đội công tác đã tích cực vận động và hướng dẫn nhân dân thực hiện tốt chủ trương phát triển kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa phương, chính sách định canh, định cư, hướng dẫn đồng bào chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, xây dựng làng văn hóa, xây dựng đời sống văn hóa mới ở khu dân cư, bảo vệ môi trường, xóa bỏ tập tục lạc hậu, làm đường giao thông, xây dựng trạm y tế, nhà Rông, hướng dẫn kỹ thuật trồng lúa nước...

Cách làm là khảo sát nắm vững địa bàn để cùng với địa phương, bàn bạc thống nhất nội dung, kế hoạch, biện pháp tổ chức thực hiện các chương trình công tác. Phương châm là lấy dân làm chỗ dựa, cấp ủy, chính quyền địa phương trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn, kiên trì làm đâu chắc đó, xây dựng các mô hình làng (bản), xã (phường) điển hình từng mặt và toàn diện, từ đó rút kinh nghiệm phổ biến nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến. Tổ, đội công tác vừa tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương, vừa trực tiếp tham gia cùng địa phương xây dựng các đoàn thể chính trị - xã hội ở cơ sở hoạt động đúng nguyên tắc, đúng cơ chế, chức năng, nhiệm vụ. Các đội công tác còn hướng dẫn các đoàn thể quần chúng xây dựng các chương trình hành động cách mạng, bồi dưỡng, phát triển đảng viên, đoàn viên và nguồn đào tạo cán bộ cốt cán cho địa phương. Những năm qua, các các tổ đội công tác của Binh đoàn đã tham gia cùng với địa phương củng cố 62 chi bộ thôn, 24 tổ chức mặt trận, 36 hội cựu chiến binh, 13 hội nông dân tập thể, 20 đội dân quân tự vệ, 46 hội phụ nữ xã, thành lập mới và củng cố 120 tổ chức cơ sở đoàn hoạt động có nền nếp đạt hiệu quả, tham gia xây dựng 24 xã ở hai tỉnh Gia Lai, Kon Tum từ mức yếu, trung bình thành xã khá, xã điểm toàn diện.

3 - Nhằm tăng thêm hiệu quả hoạt động thực tiễn, "nói đi đôi với làm" là biện pháp được chú trọng thường xuyên trong đơn vị. Chỉ tính từ năm 2000 đến nay, Binh đoàn đã giúp địa phương khai hoang phục hóa 50,6 ha lúa nước và trồng rừng; đào đắp, nạo vét

Digitized by Google

82 km kênh mương. Tu sửa làm mới 318 km đường liên thôn, 132 phòng học, sửa chữa làm mới 345 nhà giúp các gia đình chính sách và các gia đình gặp khó khăn (trong đó có 5 nhà Rông văn hóa), giúp và hỗ trợ xóa đói, giảm nghèo cho 4.119 hộ, giúp dân định canh, định cư 190 hộ. Giúp các cháu học sinh đồ dùng học tập trị giá hàng trăm triệu đồng, vận động hàng trăm cháu học sinh bỏ học trở lại trường, phụng dưỡng 8 bà mẹ Việt Nam anh hùng, thăm hỏi tặng quà, sổ tiết kiệm, nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách, gia đình đặc biệt khó khăn, khám chữa bệnh cho 84.739 lượt người... Kết quả đó làm tăng thêm niềm tin và sự gắn bó giữa quân đội với nhân dân, củng cố niềm tin với Đảng và Chính phủ.

Năm nào Binh đoàn cũng tham gia nhiều đợt tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho nhân dân trên địa bàn đóng quân. Qua đó nhân dân các dân tộc Tây Nguyên càng thấy rõ nghĩa vụ và trách nhiệm của mình với việc bảo vệ Tổ quốc, nâng cao cảnh giác cách mạng, đề kháng được với luận điệu của kẻ xấu xúi giục, lôi kéo, phá hoại, âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc. Từ năm 2000 đến nay, Binh đoàn đã tham gia huấn luyện cho 2.565 dân quân tự vệ, 5.298 học sinh, sinh viên đại học và hàng ngàn lượt dân quân dự bị động viên, tiếp nhận và huấn luyện cho 388 thanh niên người dân tộc thiểu số trên địa bàn, bồi dưỡng văn hóa trung học cơ sở 33 đồng chí cán bộ người dân tộc, trực tiếp đào tạo, gửi đi đào tạo ở các trường của Bộ Quốc phòng diện ngắn và dài hạn cho nhiều người. Các đơn vị trong Binh đoàn còn phối hợp với các địa phương, trên địa bàn duy trì giao ban nắm tình hình, đánh giá dự kiến được các vụ việc phức tạp, "điểm nóng" xảy ra, bàn phương án bảo vệ từng khu vực, kịp thời giải quyết có hiệu quả những vấn đề mới nảy sinh.

Đảng ủy - Bộ Tư lệnh Binh đoàn đã tổ chức lực lượng, thành lập các đội công tác bố trí trên địa bàn nhiều xã, huyện thuộc hai tỉnh Gia Lai và Kon Tum. Các tổ, đội công tác có 5 nhiệm vụ và 3 chức năng. Năm nhiệm vụ là: Tham mưu giúp cấp ủy và chính quyền địa phương củng cố và xây dựng hệ thống chính trị cơ sở, bảo đảm cho sự phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh, phòng chống thiên tai, bài trừ tệ nạn xã hội; Tham mưu giải quyết các vấn đề phức tạp xảy ra ngay tại cơ sở; Tuyên truyền các chủ trương đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, nâng cao dân trí, nhận diện nhanh và vạch mặt thủ đoạn các thế lực thù địch; Xây dựng đời sống văn hóa và củng cố khối đại đoàn kết toàn dân; Thực hiện 4 cùng: cùng ăn, cùng ở, cùng làm, cùng nói tiếng dân tộc trong giao tiếp với đồng bào. Ba chức năng là: Tham gia xây dựng và củng cố cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể quần chúng; Phối hợp xây dựng tiềm lực quốc phòng - an ninh, xây dựng thế trận lòng dân và trực tiếp tổ chức các hoạt động xã hội trên địa bàn. Các đội công tác luôn phát huy cao trách nhiệm hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, được nhân dân tin cậy.

Trong nhiều nội dung hướng tới mục tiêu xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, Binh đoàn tiếp tục coi *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* là một trọng tâm tăng cường mối quan hệ máu thịt quân dân. Các phong trào thi đua coi việc làm tốt công tác dân vận là một chỉ tiêu bình xét, đánh giá quan trọng. Vì vậy, kết quả *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* của Binh đoàn trong thời kỳ đổi mới đã góp phần to lớn trong xây dựng quốc phòng - an ninh trên địa bàn chiến lược Tây Nguyên vững mạnh và rút ra được những bài học quý giá. Những bài học ấy không chỉ có giá trị thực tiễn làm phong phú thêm lịch sử vẻ

Digitized by Google

vang của Binh đoàn trong thời kỳ đổi mới mà nó còn được Bộ Quốc phòng đánh giá cao trong toàn quân. Đó là:

Trước hết là về nhận thức. Cấp ủy, chỉ huy các cấp phải thường xuyên quán triệt sâu sắc, nắm chắc, vận dụng, tổ chức thực hiện tốt các quan điểm, chủ trương của Đảng chính sách của Nhà nước về *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* trong thời kỳ mới. Đây là kinh nghiệm quan trọng, sâu sắc, xuyên suốt trong lãnh đạo, chỉ đạo và tác vụ để tạo ra nhận thức và hành động của Binh đoàn. Từ cái gốc là quán triệt sâu sắc mới có nhận thức đúng đắn. Qua đó cấp ủy, chỉ huy các cấp trong Binh đoàn mới ra được nghị quyết, kế hoạch, hành động *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* sát hợp với đặc điểm địa phương và yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị. Nhờ vậy, hầu hết các nội dung hoạt động trong công tác dân vận tuyên truyền đặc biệt mà Binh đoàn xác định đều triển khai nhanh chóng và đạt kết quả thiết thực, tránh được thiếu sót, sai lầm trong tổ chức thực hiện. Vai trò và năng lực, uy tín lãnh đạo của các cấp ủy đảng được nâng cao, tạo được sự thống nhất trong niềm tin, ý chí và hành động.

Thứ hai là về phương châm hành động. Mọi hoạt động ở cơ sở, các tổ đội công tác phải phối hợp chặt chẽ với cấp ủy, chính quyền, ban ngành địa phương, lực lượng vũ trang nhân dân trên địa bàn nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong đó vai trò của già làng, trưởng bản, cựu chiến binh, các đảng viên, cán bộ lão thành cách mạng, những người có uy tín trong nhân dân được đề cao và phát huy tác dụng trong xây dựng cơ sở chính trị địa phương vững mạnh toàn diện. Nắm chắc tình hình địa bàn, kịp thời phát hiện xử lý những tình huống phức tạp nảy sinh, không để xảy ra bất ngờ mất ổn định chính trị, thực hiện đúng cơ chế: "Đảng lãnh đạo, chính quyền quản lý, điều hành, cơ quan chức năng làm tham mưu" được quy định tại các Nghị quyết của Trung ương Đảng, quyết định của Chính phủ và nghị quyết khác của Bộ Quốc phòng về *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* trong tình hình mới.

Thứ ba là phương thức nâng cao hiệu quả hoạt động thực tiễn: Lãnh đạo, chỉ huy, cán bộ, chiến sỹ khi chỉ đạo, triển khai công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt trên địa bàn phải luôn nắm chắc đối tượng được "dân vận", hiểu biết nhân dân, đặc biệt là phong tục tập quán, văn hóa. Không ngừng học tập cả trong lý thuyết lẫn thực tế. Phải học tập từ thực tiễn môi trường công tác, học trong dân các phương cách ứng xử. Nhân dân địa phương chính là kho tàng tri thức dân gian, tri thức bản địa được lưu truyền. Các tri thức đó vừa là kinh nghiệm vừa là truyền thống về văn hóa trong cộng đồng và giữa cộng đồng xã hội với môi trường tự nhiên. Từ đó sẽ đề ra nội dung phù hợp, thiết thực, cách làm khoa học, sáng tạo. Hành động của cán bộ, chiến sỹ phải thực sự gương mẫu, kỷ luật nghiêm, nói đi đôi với làm, "đi dân nhớ, ở dân thương". Luôn quan tâm giữa nội dung hoạt động xây dựng: "đơn vị dân vận tốt" với "xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện, đảng bộ, chi bộ trong sạch vững mạnh" phù hợp với sự chuyển biến của nền quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh trên địa bàn.

Trước yêu cầu nhiệm vụ đặt ra trong tình hình mới, cấp ủy, chỉ huy các cấp, cơ quan, đơn vị trong toàn Binh đoàn đang tiếp tục phấn đấu nhiều mặt hơn nữa để đưa *công tác dân vận, tuyên truyền đặc biệt* đạt kết quả cao hơn đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu phát triển đơn vị và góp phần vào sự phát triển toàn diện trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh trên vùng cao nguyên của Tổ Quốc..❑

Digitized by Google

NGUYÊN NHÂN VÀ GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC TÌNH TRẠNG GIA TĂNG ĐÌNH CÔNG TỰ PHÁT

TRẦN MINH TƠN *

HIỆN nay, tình hình đình công tự phát trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh đang diễn biến phức tạp và có chiều hướng gia tăng, gây ra những hậu quả về chính trị, kinh tế - xã hội, làm xấu đi hình ảnh, môi trường đầu tư của Việt Nam, gây thiệt hại đến quyền lợi của doanh nghiệp, nhà nước và lợi ích của người lao động, tác động không tốt đến an ninh xã hội. Tình trạng trên do nhiều nguyên nhân và phải được đánh giá từ nhiều góc độ. Trong bài viết này, chúng tôi phân tích hai nguyên nhân cơ bản: Từ phía doanh nghiệp, từ phía các cơ quan nhà nước, các tổ chức công đoàn và đề xuất một số giải pháp khắc phục.

1 – Trách nhiệm trước hết thuộc giới chủ

Theo thống kê chưa đầy đủ, mấy năm nay, cả nước xảy ra khoảng 1000 vụ đình công tự phát lớn nhỏ trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh với sự tham gia của hàng trăm, nghìn công nhân. Địa bàn xảy ra nhiều là ở thành phố Hồ Chí Minh, các tỉnh miền Đông Nam Bộ và chủ yếu trong các doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài (FDI) ở các khu công nghiệp, khu chế xuất . Đình công tự phát đang có nguy cơ lan rộng ra các địa bàn khác, kể cả các tỉnh phía Bắc (Hải Phòng, Quảng Ninh). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến công nhân đình công tự phát là do người sử dụng lao động vi phạm nghiêm trọng Luật Lao động, trả lương thấp, bớt xén tiền công, trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, không bảo đảm các điều kiện tối thiểu về lao động, an toàn - vệ sinh lao động, phúc lợi và sinh hoạt.

– Bóc lột công nhân.

Theo kết quả điều tra thị trường, từ năm 1999 đến tháng 9-2005, chỉ số tiêu dùng tăng 25%, giá lương thực - thực phẩm tăng 40%, giá công lao động trên thị trường tăng từ 30% đến 50%, năng suất lao động tăng 56,69%, nhưng thu nhập thực tế của công nhân, lao động không được cải thiện đáng kể. Lương công nhân ở các khu công nghiệp, khu chế xuất phổ biến ở mức từ 600 - 800.000 đồng/người/tháng. Công nhân cho biết, với mức thu nhập như trên, trừ chi phí cho tiền ăn uống, tiền nhà trọ, tiền điện, nước, sinh hoạt phụ..., tằn tiện hết mức, họ chỉ còn có thể để ra được khoảng 100.000 đồng/tháng, không có điều kiện tái sản xuất sức lao động. Tại Công ty Cổ phần giầy Thanh Bình, thành phố Hồ Chí Minh, nơi vừa xảy ra cuộc đình công của 200 công nhân trong tháng 2-2006, công nhân cho biết, nhiều người làm việc từ 5 đến 10 năm ở đây nhưng chủ chỉ trả công

* Viện Chiến lược và Khoa học công an, Bộ Công an

Digitized by Google

18.000 đồng/người/ngày. Tại Công ty trách nhiệm hữu hạn Sao Vàng, Hải Phòng, nơi vừa xảy ra cuộc đình công của hơn 5.000 công nhân (từ ngày 17 đến 22-2-2006) công nhân làm việc vất vả suốt ngày đêm chỉ được trả 400.000 đồng/người/tháng. Về vấn đề này, một cán bộ Liên đoàn Lao động Đà Nẵng bức xúc nói: ... Công nhân làm việc từ tháng 3 đến tháng 10, không một ngày được nghỉ, mỗi ngày làm 12 tiếng, lương chỉ từ 600.000 - 700.000 đồng/người/tháng.

Do thu nhập thấp, đời sống khó khăn, trong công nhân lao động nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp. Ở các khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương, do phải tiết kiệm tiền thuê nhà, tiền điện, nước, nhiều công nhân nam, nữ phải chung sống như vợ chồng. Tình trạng nạo phá thai ở các khu công nghiệp, khu chế xuất Sóng Thần, Linh Xuân, Linh Trung... đã đến mức báo động (300 - 500 ca mỗi tháng). Tình trạng công nhân, lao động nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS chưa giảm (theo số liệu của Trung tâm Phòng chống ma tuý, HIV/AIDS, Tổng Liên đoàn Lao động, hiện có trên 3.000 cán bộ công nhân viên - lao động nghiện ma tuý, năm 2000 mới phát hiện 11 người bị nhiễm HIV thì đến cuối năm 2004 đã tăng lên 665 người).

– Trốn tránh nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và chế độ vệ sinh – an toàn lao động.

Theo thống kê đến thời điểm hiện nay giới chủ mới thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho khoảng 30%, ký hợp đồng lao động chưa được 50%, các điều kiện lao động hết sức tồi tệ. Hiện cả nước còn khoảng 4,2 triệu laọ động không được chủ doanh nghiệp đóng bảo hiểm. Nguyên nhân dẫn đến nổ ra cuộc đình công tự phát của 300 công nhân Xí nghiệp Chế biến gỗ thuộc Công ty CP Upexim (chủ người Đài Loan), Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh từ 25-2 đến 1-3-2006 là do chủ doanh nghiệp không ký hợp đồng lao động, không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho công nhân, chỉ trả công từ 12.000 - 27.000 đồng/người/ngày, mặc dù xí nghiệp này đã hoạt động 10 năm nay.

Theo số liệu thống kê chưa đầy đủ của Cục An toàn lao động, Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, trong năm 2005, cả nước xảy ra 4.050 vụ tai nạn lao động cướp đi sinh mạng của 495 người và gây thương tật cho hàng trăm người khác. Cũng theo nguồn tin trên, thực tế các vụ tai nạn xảy ra nhiều hơn con số thống kê, lý do là các địa phương báo cáo không đầy đủ và kịp thời. Nguyên nhân để xảy ra các vụ tai nạn lao động phần lớn là do người sử dụng lao động không tuân thủ nghiêm túc các quy định về vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, như không trang bị các dụng cụ bảo hộ theo quy định, coi thường tính mạng người lao động, ngay cả khi họ làm việc trong điều kiện cực kỳ nguy hiểm, độc hại. Trong khi đó, sức khỏe người lao động bị giảm sút, lại phải lao động với cường độ cao, trong môi trường nguy hiểm nên dễ để xảy ra sơ suất. Tình trạng các doanh nghiệp, nhất là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, do không tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh an toàn thực phẩm, vệ sinh môi trường đã gây tổn hại đến sức khỏe của công nhân. Trong năm 2005, có khá nhiều vụ công nhân bị ngộ độc thức ăn sau bữa ăn ca do doanh nghiệp tổ chức, có vụ số người bị ngộ độc phải đi cấp cứu lên đến mấy chục người. Công nhân làm việc cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Minh Hải, Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh cho biết: do chủ doanh nghiệp không giao kết hợp đồng lao động, không tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho họ, khi ốm đau phải tự bỏ tiền chữa trị, đã thế bữa cơm hôm sống, hôm nhão, hôm khê, không chịu đựng nổi họ đã đình công (cuộc đình công xảy ra từ ngày 4 đến ngày 7-3-2006).

– Người lao động phải làm việc quá sức, bị đối xử tàn nhẫn, đời sống vật chất, tinh thần không được chăm lo.

Digitized by Google

Theo kết quả nghiên cứu của một trường đại học ở thành phố Hồ Chí Minh tại các khu công nghiệp, khu chế xuất gần đây cho thấy, công nhân làm việc trong các khu công nghiệp, khu chế xuất ít khi hoặc không bao giờ có thời gian và điều kiện đi xem ca nhạc, xem phim, xem kịch, đọc sách báo. Kết quả nghiên cứu tại Xí nghiệp cổ phần may Thuận Phú (Công ty cổ phần may Sài Gòn) trong năm 2004 cho thấy, một trong các yếu tố công nhân bị suy giảm sức khỏe và không có thời gian nghĩ đến việc vui chơi, giải trí là do hoạt động tăng ca của Xí nghiệp (công nhân phải làm thêm giờ 4 - 5 tiếng/ngày, có khi phải làm ca đêm liên tục 6 đêm liền). Trên thực tế, việc tăng ca triền miên trong khi các chế độ phúc lợi đã kém lại còn bị bớt xén, bữa ăn kém chất lượng, thiếu nước uống, cường độ lao động cao đã vắt kiệt sức người lao động. Có những trường hợp công nhân ngất xỉu ngay trên máy, hoặc không còn tỉnh táo dẫn đến tai nạn đáng tiếc, kết quả là công nhân mất việc làm, kinh tế gia đình lao đao. Trong các trường hợp này, chủ doanh nghiệp hoàn toàn vô cảm.

Trong nhiều doanh nghiệp, nhất là các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và liên doanh, giới chủ người nước ngoài thường không thực hiện đúng pháp luật Việt Nam, áp dụng chế độ quản lý hà khắc, thiếu dân chủ như phạt trừ lương, đánh đập (có nhiều trường hợp phải mang thương tật suốt đời), sa thải công nhân... Họ sử dụng một bộ máy "cai" người Việt gọi là "cán bộ khung" (được trả lương cao hơn gấp nhiều lần công nhân nên số này rất trung thành với chủ) trực tiếp quản lý, đốc công trong các phân xưởng với chế độ kiểm soát rất nghiêm ngặt, hà khắc. Tình trạng trên đã gây phản ứng gay gắt trong giới công nhân, lao động. Tại nhiều doanh nghiệp, do không chịu được bất công, áp bức công nhân đã tổ chức đình công gây áp lực với chủ, đòi hỏi được đối xử tử tế, công bằng hơn (chỉ tính trong 9 ngày đầu tháng 2 và tháng 3 năm 2006), toàn tỉnh Đồng Nai đã xảy ra 16 cuộc đình công tự phát của 2 vạn công nhân để phản đối chế độ kiểm soát hà khắc và chính sách sử dụng đội ngũ "cai" người Việt của giới chủ).

2 - Trách nhiệm của các cơ quan nhà nước và công đoàn đến đâu?

Dưới ánh sáng của đường lối đổi mới, mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng và Nhà nước, mọi năng lực và sức sản xuất trong nước đã được giải phóng, môi trường đầu tư được cải thiện đang thu hút các nhà đầu tư và nguồn vốn nước ngoài. Việt Nam luôn được đánh giá là một trong rất ít nước có môi trường an toàn, ổn định và hấp dẫn. Tuy nhiên, nền kinh tế thị trường nhiều thành phần đang đặt ra nhiều vấn đề xã hội bức xúc. Hệ thống chính sách, pháp luật của ta không kịp điều chỉnh so với sự tăng trưởng của nền kinh tế và các vấn đề nảy sinh trong quá trình mở cửa, hội nhập. Quan hệ lao động là một vấn đề nhạy cảm, phức tạp trong nền kinh tế đa thành phần và có yếu tố nước ngoài. Vai trò quản lý nhà nước của các cơ quan chức năng và tổ chức công đoàn trong lĩnh vực này là rất quan trọng. Để xảy ra các tranh chấp dẫn đến đình công tự phát còn có trách nhiệm của các cơ quan quản lý nhà nước và các tổ chức công đoàn.

Trước hết là hệ thống chính sách, pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế thiếu đồng bộ, chậm được sửa đổi, bổ sung, không theo kịp tình hình. Trong các cuộc hội thảo góp ý xây dựng Dự án Bộ luật Lao động cũng như Luật Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, có rất nhiều ý kiến phê phán những sai sót, bất cập trong quá trình xây dựng luật của các nhà làm luật. Ví dụ, Dự án sửa đổi, bổ sung Bộ luật Lao động, Ban soạn thảo đưa ra quá nhiều thủ tục rườm rà về tranh chấp lao động, đình công. Theo Dự án này, việc giải quyết tranh chấp lao động chỉ do cơ quan lao động và công đoàn giải quyết, chưa thấy nói đến vai trò của tòa án và rất ít vai trò của trọng tài kinh tế. Chúng ta đã thấm thía các bài học về giải quyết các tranh chấp lao động và hợp đồng kinh tế quốc tế, do luật pháp chưa đầy đủ, do hệ thống tòa án,

Digitized by Google

luật sư yếu kém, ít hiểu biết về luật pháp quốc tế nên phần lớn đã chịu thua thiệt trong các vụ kiện cáo quốc tế (vụ cá Ba-sa, cá da trơn ở Mỹ, vụ tranh chấp lao động ở Sa-moa, Ma-lay-xi-a...). Hay như Dự thảo Luật Bảo hiểm xã hội có những quy định mới gây thua thiệt cho lợi ích của Nhà nước và lợi ích của người lao động (đương nhiên chỉ có lợi cho doanh nghiệp). Ví dụ, Dự thảo luật tước bỏ quyền được hưởng trợ cấp mất việc và trợ cấp thôi việc của người lao động. Nếu điều này được thông qua, giới chủ sẽ thả sức sa thải công nhân (vì không phải trả tiền trợ cấp). Trong khi giới chủ tìm mọi cách trốn tránh nghĩa vụ tham gia đóng bảo hiểm cho người lao động, thì nhà nước lại không hề có biện pháp chế tài nào buộc họ phải chấp hành. Dư luận đồng tình cho rằng, một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến đình công tự phát hiện nay là do Nhà nước chậm cải cách chế độ tiền lương. Theo quy định chung, nếu chỉ số tiêu dùng tăng 10 % thì Nhà nước phải điều chỉnh tiền lương tối thiểu, tuy nhiên từ năm 1999 đến cuối năm 2005, chỉ số giá tiêu dùng đã tăng 25%, nhưng các bộ, ngành chức năng và công đoàn mới đề nghị Chính phủ điều chỉnh, mà mới chỉ điều chỉnh lương tối thiểu cho người lao động trong các doanh nghiệp có vốn nước ngoài (Nghị định 03/2006/NĐ-CP). Việc điều chỉnh chính sách đã chậm, việc triển khai thực hiện còn chậm hơn, dẫn đến sự hiểu lầm giữa người lao động với người sử dụng lao động (điển hình là cuộc biểu tình của công nhân Công ty trách nhiệm hữu hạn Sao Vàng, Hải Phòng). Ngành lao động, thương binh và xã hội, công đoàn và chính quyền các cấp thiếu trách nhiệm trong việc đôn đốc các doanh nghiệp chấp hành Nghị định của Chính phủ, nên đã tạo điều kiện cho các chủ doanh nghiệp cố tình dây dưa không điều chỉnh mức lương tối thiểu cho người lao động. Chỉ đến khi nổ ra các cuộc đình công, họ mới thực hiện; có doanh nghiệp chỉ hứa thực hiện hoặc tìm nhiều thủ đoạn đối phó như: điều chỉnh lương tối thiểu nhưng lại cắt giảm các khoản phụ cấp, không xây dựng thang bảng lương...

Trong quá trình chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, vai trò của công đoàn đã có sự thay đổi sâu sắc. Ở khu vực ngoài quốc doanh, vai trò của công đoàn ngày càng bị mờ nhạt, nhiều tổ chức công đoàn cơ sở đang tự đánh mất mình. Tại Hội thảo "Sự tác động của quá trình sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp ngoài nhà nước đối với tổ chức và hoạt động của công đoàn" do Công đoàn Giao thông - Vận tải tổ chức tại Hà Nội ngày 18-2-2006, nhiều ý kiến cho rằng, vai trò, sức chiến đấu của cán bộ công đoàn cơ sở đang giảm sút, không bảo vệ được quyền lợi của người lao động, sự hợp tác giữa chủ doanh nghiệp với công đoàn cơ sở bị mất dần, thậm chí có nơi chủ doanh nghiệp coi công đoàn là vật cản... Trong khi đó đội ngũ cán bộ công đoàn đã thiếu lại yếu. Kết quả khảo sát tại Liên đoàn Lao động tỉnh Khánh Hòa cho thấy: Sau khi sắp xếp lại tổ chức, công đoàn Khánh Hòa chỉ còn 72 cán bộ chuyên trách, phụ trách 739 công đoàn cơ sở với gần 49.000 đoàn viên (bình quân mỗi cán bộ phải quán xuyến 10 cơ sở, nếu mỗi tháng đi công tác một lần, thì 1 năm cán bộ chuyên trách chỉ đến cơ sở 1 lần). Trong khi đó vẫn còn 20% số cán bộ công đoàn chuyên trách không có nghiệp vụ chuyên môn, 50% chưa được học các lớp chính trị từ trung cấp trở lên, 70% không có nghiệp vụ công đoàn. Tình trạng trên cũng là tình trạng của nhiều công đoàn ngành và địa phương. Với những hạn chế như vậy, cán bộ công đoàn làm sao có điều kiện sâu sát cơ sở dẫn đến tình trạng thiếu thông tin nên rất lúng túng khi xử lý các việc xảy ra, nhất là giải quyết tranh chấp lao động. Đó là chưa kể nhiều tổ chức công đoàn cơ sở ở các doanh nghiệp đang bị vô hiệu hóa, thậm chí cán bộ công đoàn bị chủ doanh nghiệp trù dập . Một thực tế cho thấy, lãnh đạo công đoàn cơ sở ở các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thường là cán bộ khung của doanh nghiệp, được chủ trả lương (chủ tịch, thư ký công đoàn thường là trưởng phòng hành chính - tổ chức, thậm chí là phó tổng giám đốc phụ trách công tác tổ chức) nên rất khó xử lý trong vấn đề hòa giải các tranh chấp lao động, lại càng khó hơn khi đứng

Digitized by Google

về phía công nhân chống lại ông chủ mình. Công đoàn được luật pháp cho phép tổ chức và lãnh đạo các cuộc đình công, nhưng rất ít tổ chức công đoàn cơ sở có khả năng này. Nhiều công đoàn cơ sở chỉ lấy việc thăm hỏi, hiếu hỉ làm hoạt động chính.

3 – Một số giải pháp khắc phục tình trạng gia tăng đình công tự phát

Nhằm sớm khắc phục tình trạng đình công tự phát, đề nghị các cơ quan chức năng, chính quyền và tổ chức công đoàn các cấp cần nhìn nhận, đánh giá một cách khách quan bản chất và nguyên nhân của vấn đề , để từ đó xây dựng hệ thống giải pháp chiến lược. Trước mắt, cần thực hiện các biện pháp sau đây:

Một là, Nhà nước cần sớm hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về lao động, bảo hiểm và công đoàn. Hiện nay ta đang thực hiện các văn bản pháp luật trên, tuy nhiên có nhiều điều không còn phù hợp hoặc chưa được đề cập. Một trong những mục đích cơ bản của luật về lao động là phải bảo vệ quyền lợi chính đáng của công nhân bên cạnh lợi ích của doanh nghiệp, lợi ích của Nhà nước và xã hội. Bảo vệ quyền lợi của công nhân lao động, không chỉ đơn giản là bảo vệ một lĩnh vực đơn lẻ, mà chính là bảo vệ lợi ích của Nhà nước và xa hơn, thực chất là bảo vệ chủ quyền quốc gia. Về pháp luật bảo hiểm xã hội, cần có chế tài xử lý mạnh các vi phạm của doanh nghiệp trốn tránh nghĩa vụ đóng bảo hiểm cho người lao động; đảm bảo quyền được hưởng trợ cấp mất việc và trợ cấp thôi việc của người lao động...

Hai là, sớm triển khai và đưa chính sách, pháp luật vào thực tiễn cuộc sống, khắc phục căn bệnh chậm trễ như hiện nay. Đây là trách nhiệm chính của các cơ quan chức năng, chính quyền, công đoàn các cấp, nhất là ở cơ sở. Thực tế cho thấy, ở đâu chính quyền, các cơ quan nhà nước, tổ chức công đoàn quan tâm chỉ đạo, kiểm tra gắt gao, sát cơ sở thì tính nghiêm minh của pháp luật được thực thi, lợi ích của người lao động được đảm bảo, ở đó không để xảy ra đình công. Đồng thời, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền phổ biến chính sách, pháp luật, giáo dục truyền thống đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân đến từng doanh nghiệp, từng người lao động. Phần lớn công nhân lao động hiện nay ở các khu công nghiệp là người nhập cư, trình độ văn hóa thấp, ít am hiểu pháp luật, trong khi đó công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật trong công nhân lao động còn bị xem nhẹ.

Ba là, Nhà nước cần đẩy mạnh các hoạt động giáo dục dạy nghề cho người lao động, tạo ra một đội ngũ lao động có tay nghề cao đáp ứng được đòi hỏi ngày càng cao của nền kinh tế. Đây cũng là liệu pháp chống lại sự ép giá nhân công của giới chủ. Đình công hiện nay chủ yếu xảy ra ở các lĩnh vực lao động yêu cầu kỹ thuật giản đơn, lao động từ nông thôn ra, chưa được đào tạo nghề (dễ bị chủ doanh nghiệp bắt chẹt), ít hoặc không xảy ra ở các doanh nghiệp công nghệ cao (do được trả lương cao, chủ không dễ gì bắt chẹt). Nhiều đề tài nghiên cứu nước ngoài chứng minh rằng, giá nhân công rẻ mạt không phải là yếu tố thu hút đầu tư, cái chính là các chính sách ưu đãi khác và một xã hội ổn định.

Bốn là, chính quyền cơ sở cần chủ động phối hợp với doanh nghiệp quan tâm chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Trước hết là chăm lo về nhà ở, cải thiện điều kiện sống, chế độ khám, chữa bệnh, trợ cấp khó khăn, tai nạn rủi ro; chăm lo đời sống tinh thần, xây dựng văn hóa doanh nghiệp...

Năm là, cần đổi mới về cơ cấu, tổ chức, chế độ hoạt động, thẩm quyền của các tổ chức công đoàn, nhất là công đoàn cơ sở, tạo điều kiện cho công đoàn hoàn thành nhiệm vụ bảo vệ quyền lợi của người lao động.

Trong bối cảnh hiện nay, đình công xảy ra là khó tránh khỏi. Các cuộc đình công tự phát xảy ra vừa qua tuy chưa hợp pháp nhưng phần lớn diễn ra có trật tự và giành được thắng lợi. Tuy nhiên, về lâu dài nếu chúng ta không có các giải pháp chiến lược giải quyết vấn đề nhạy cảm này, đình công tự phát sẽ tiếp tục có những diễn biến phức tạp, gây ra các hậu quả khó lường.❑

Digitized by Google

Để ngăn chặn và đẩy lùi tham nhũng

LÊ TRỌNG *

THỰC trạng tham nhũng ở nước ta là nghiêm trọng và ngày càng tăng đã và đang "làm cho nhân dân bất bình, lo lắng và làm giảm lòng tin đối với Đảng, Nhà nước"(1). Vì vậy, với tiêu đề này tôi xin kiến nghị những giải pháp chủ yếu cho cuộc chiến chống tham nhũng hiện nay như sau:

Một là: Cần nhận thức đúng vai trò của Đảng cầm quyền, một đảng đã lãnh đạo nhân dân hy sinh biết bao xương máu mới giành được chính quyền, lập nên Nhà nước của dân, do dân, vì dân Đảng đảm nhận sứ mệnh lịch sử của dân tộc giao phó và đã đưa sự nghiệp cách mạng đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác kể từ khi thành lập Đảng đến nay. Thế mà, tại sao trong 20 năm nay một số quan chức đều là đảng viên, được giữ vai trò lãnh đạo lại lợi dụng uy tín của Đảng cầm quyền để tham nhũng, rồi lợi dụng số đông "quan tham" biểu quyết, hợp thức hóa nguyên tắc "thiểu số phục tùng đa số" của Đảng để vừa tiếp tục tham nhũng, vừa bao che tham nhũng, vừa trù dập những đảng viên, những người dám đấu tranh chống tham nhũng. Sinh thời Bác Hồ đã sớm chỉ ra tham ô, tham nhũng là "giặc nội xâm", nên cần phải có giải pháp tương ứng để sớm tiêu diệt chúng nhằm bảo vệ Đảng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ...

Cần nhận thức đúng tác hại của "quốc nạn tham nhũng đã trở thành nguyên nhân số một của các nguy cơ...". Ở đây xin nhấn mạnh tư tưởng của Bác Hồ: "Tham ô là trộm cướp" là "giặc nội xâm" nên "chống tham ô... cũng quan trọng và cần kíp như việc đánh giặc trên mặt trận". Tham nhũng chẳng những là từ một nguy cơ đã trở thành một hiểm họa trong thực tế, mà chính nó đã trở thành nguyên nhân số một của các nguy cơ "tụt hậu về kinh tế" khiến cho việc thực hiện giải pháp đặc biệt ưu tiên đầu tư vốn phát triển công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, khó có thể đạt tới mục tiêu đã định. Và, "Điều đáng sợ là "diễn biến hòa bình" từ nội bộ Đảng ta"(2). Do đó cuộc đấu tranh này phải được coi là một nhiệm vụ cấp thiết để bảo vệ sự trong sạch của Đảng như bảo vệ "con ngươi của mắt mình". Kiên quyết thải loại những đảng viên tham nhũng và bao che cho tham nhũng, vì thực chất họ đã phản bội Đảng, làm ngược Chính cương, Điều lệ Đảng. Muốn vậy, rút kinh nghiệm qua quá trình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII phải có kế hoạch, biện pháp cụ thể để nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng và mới có thể củng cố được Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Cần có chính sách tăng cường các biện pháp để khuyến khích cá nhân, tổ chức, nhà báo, nhà khoa học... tham gia đấu tranh chống "giặc tham nhũng". Khi họ bị kẻ tham nhũng hãm hại thì cần được suy tôn là liệt sỹ, hoặc thương binh như trong kháng chiến diệt giặc ngoại xâm. Trong nhiều năm, ở nhiều tỉnh, nông dân, công nhân, đảng viên, nhà báo, trí thức, cựu chiến binh... chân chính đã đứng lên đấu tranh bằng nhiều hình thức. Trong đó có những vụ từ kêu

---

* PGS, TS, Trung tâm Nghiên cứu Kinh tế - Xã hội

(1) Báo cáo tại Hội nghị toàn quốc Kiểm điểm tình hình thực hiện Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2), khóa VIII, diễn ra tại Hà Nội, từ ngày 27 đến 28-2-2006. Báo *Nông nghiệp Việt Nam* ngày 28-2-2006

(2) Phạm Văn Đồng: *Tạp chí Cộng sản*, số 5-2006, tr 12

Digitized by Google

kiện liên tục, kêu kiện kéo dài, kêu kiện vượt cấp đến kêu kiện tập thể. Thế nhưng có những vụ kiện, kêu kiện đúng lại bị những cán bộ tham nhũng trong cơ quan có thẩm quyền đàn áp bằng nhiều hình thức như vụ: khai trừ đảng của đồng chí Nguyễn Tăng Thắng (báo Nhân Dân ngày 15-4-1999), khai trừ đồng chí Nguyễn Đăng Tam (báo Nông Nghiệp Việt Nam ngày 3-5-2000), v.v... Đặc biệt là hàng loạt vụ nông dân bị ức hiếp lấy đất... lại bị đàn áp: "người bị lấy đất lại... bị đẩy vào tù" (báo Nông Nghiệp Việt Nam ngày 19-9-2000), "Kẻ tham nhũng không xử lại bắt giam người chống tham nhũng?" (Báo Nông Nghiệp Việt Nam ngày 3-12-1999)... Đáng chú ý là các vụ đấu tranh chống tham nhũng, kêu kiện tập thể của nông dân tỉnh Thái Bình mà đồng chí Trần Đức Lương, nguyên Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước đã viết: "Sự việc xảy ra ở Thái Bình... Đảng, Nhà nước và nhân dân ta rút ra được những bài học vô giá"(3).

Hai là: Về tổ chức trừ giặc tham nhũng, thiết nghĩ nên vận dụng sáng tạo tinh thần của Sắc lệnh 64-SL do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 23-11-1945 có thể phải thành lập Ban Thanh tra đặc biệt và tòa án đặc biệt để diệt giặc tham nhũng, nhưng phải có thể chế chặt chẽ, chỉ huy thống nhất và đủ mạnh. Có thể tổ chức Hội nghị Diên Hồng chuyên bàn về đánh giặc tham nhũng. Thể chế đó phải làm sao huy động được tất cả đảng viên và nhân dân tham gia phát hiện và diệt trừ giặc tham nhũng. Cần phải tổ chức một "đường dây nóng" để nhân dân tham gia phát giác, cung cấp những thông tin ban đầu chống giặc tham nhũng.

Ba là: Phải phát động tư tưởng quần chúng, làm cho quần chúng khinh ghét tệ tham ô, lãng phí quan liêu; biến hàng ức, hàng triệu con mắt, lỗ tai cảnh giác của quần chúng thành những ngọn đèn pha soi sáng khắp nơi, không để cho tệ tham ô, lãng phí, quan liêu có chỗ ẩn nấp. Và do đó, cần phát huy dân chủ trực tiếp rộng rãi trong Đảng, trong nhân dân; tăng cường pháp chế, giữ vững trật tự, kỷ cương và phát động tư tưởng quần chúng đấu tranh diệt giặc tham nhũng thắng lợi, xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh, không để kẻ thù lợi dụng. Ai thành khẩn thì được Đảng, nhân dân khoan hồng, ai ngoan cố thì đấu tranh nghiêm trị. Đồng thời có chế độ bảo vệ cho quần chúng đấu tranh, có chính sách thưởng thích đáng những người đấu tranh đúng, phạt nghiêm minh những kẻ lợi dụng dân chủ để vu cáo, gây rối nội bộ và phá hoại.

Bốn là: Cần công khai việc kê khai tài sản cá nhân trước quần chúng nhân dân và bao gồm cả thân nhân của cán bộ có chức quyền (trong khoảng 20 năm trở lại đây). Tránh kê khai mang tính hình thức không đúng sự thật. Tài sản xuất phát từ nguồn gốc tham nhũng phải bị tịch thu, phải bồi hoàn để sung công.

Năm là: Phát huy sức mạnh tổng hợp của của tất cả các cơ quan chức năng của Đảng, Nhà nước, Mặt trận, quân đội, công an, đặc biệt là các cơ quan truyền thông đại chúng. Tính chất của bọn tham nhũng rất ngoan cố, chúng đang tìm cách cố giữ quyền lực để tham nhũng, nên chúng rất sợ công luận nêu tên, lên án. Do đó, phải phát huy vai trò của báo chí trong phát hiện, đấu tranh chống tham nhũng, đồng thời yêu cầu công luận phải trung thực, công tâm, nghiêm túc.

Sáu là: Người đứng đầu một tổ chức, một địa phương, một ngành đến người đứng đầu toàn quốc trong Đảng và Nhà nước đã để cho cán bộ tham nhũng có tính nghiêm trọng, kéo dài phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và nhận kỷ luật trước Đảng, trước nhân dân, nếu tòng phạm hoặc cố ý bao che thì phải bị truy tố trước pháp luật.

Bảy là: Những cán bộ có chức, có quyền đã tham nhũng dưới bất kỳ hình thức nào, sa vào chủ nghĩa cá nhân, hám danh, hám lợi, sống giả dối, cơ hội, "dối trên, lừa dưới", "nói nhưng không làm", "nói một đàng làm một nẻo", ức hiếp quần chúng nhân dân, tạo cho mình một cuộc sống vương giả, sa đọa bằng đồng tiền tham nhũng, thu nhập bất chính..., thì ngoài việc truy tố trước pháp luật, nhất thiết phải khai trừ ra khỏi Đảng, không để xảy ra tình trạng sai ở xã lại nhắc lên huyện, ở huyện nhắc lên tỉnh, sai ở tỉnh cất nhắc lên trung ương, hoặc từ ngành này sang ngành khác, và nguy hại hơn là còn đề bạt lên chức vụ cao hơn. Phải loại trừ tệ nạn đỡ đầu, phe cánh trong công tác cán bộ. ❑

(3) Báo *Nhân Dân*, 2-3-1998

Digitized by Google

"Biết" với "làm"

LÊ THÀNH

TRONG câu lạc bộ chỉ còn một nhóm nhỏ rì rầm. Ba năm làm chủ nhiệm câu lạc bộ hưu trí, tôi biết những cuộc trao đổi nhỏ lẻ cuối ngày như thế nhiều khi rất lý thú và bổ ích nên cũng kéo ghế đến "chầu rìa" nghe ghé, nghe là chính. Cụ An đang tiếp tục câu chuyện:

- Kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XI thực sự dân chủ, công khai, thẳng thắn. Các vị bộ trưởng bị chất vấn và giải trình nghiêm túc. Có vị bộ trưởng đã tự nhận trách nhiệm vì đã để xảy ra những tiêu cực nghiêm trọng trong bộ mình và xin từ chức... Đó mới gọi là "biết trách nhiệm" của mình, nhưng trong nhiều trường hợp chỉ "biết" rồi để đấy thì chỉ là "biết" giả, chưa phải là "biết" thật.

Cụ Dần thắc mắc:

- Thế thì khó nhỉ! Làm sao phân biệt được "biết" giả với "biết" thật, "biết" với "làm", hay như cụ Bảo nói, "tri" với "hành"? Có khi người ta "biết" mà không "làm" hoặc làm ngược lại cái người ta biết, thì sao?

- Thí dụ? - Cụ Cam gặng hỏi.

- Khối. - Cụ Dần đáp lại ngay, không chút do dự - ngay quanh ta đây, từ một anh cán bộ địa chính phường chẳng hạn. Anh ta biết thừa trách nhiệm của mình là phải tạo mọi điều kiện cho nhân dân kê khai và làm "sổ đỏ" nhà đất nhanh gọn, nhằm bảo đảm quyền lợi của dân và quản lý của Nhà nước. Nhưng anh ta cứ gây khó dễ, hạch sách đủ điều, ra oai, dọa nạt. Để làm gì các cụ biết cả. Ai cũng có thể nêu ra ở các cấp, hàng chục, hàng trăm trường hợp "biết" và "làm", "tri" và "hành" là hai chứ không phải là một. Cái gì tách rời chúng ra như vậy?

Không ngờ cụ Dần nêu ra vấn đề gây cấn, mọi người nhìn nhau. Lại chính là cụ Bảo lên tiếng trước:

- Theo tôi, cái tách rời "biết" với "làm", "tri" với "hành" chính là tư dục, tức là dục vọng cá nhân vị kỷ, chỉ biết mình, là chủ nghĩa cá nhân, "giặc nội xâm", như Bác Hồ nói. Cho nên "biết" chưa đi đôi với "làm" là chưa thực biết, cùng lắm cũng mới chỉ là *cái biết kiến văn* mà thôi. Các cụ nghĩ xem, bao nhiêu người có hiểu biết, ở cương vị này nọ, cán bộ, đảng viên lâu năm, có khi cả một tập thể thị ủy, cả những nhân vật chủ chốt của một tổng công ty..., không thể nói là họ không biết trách nhiệm đối với dân với nước ở cương vị cụ thể của họ và tác dụng nêu gương đạo đức chí công, vô tư. Vậy mà họ lại lợi dụng chức vụ để "vinh thân, phì gia", cấp đất cho nhau, moi tiền nhà nước, xây lầu này, gác kia, "vui *trước* thiên hạ"... (!), làm bao điều phi pháp, xấu xa, là vì sao? Chẳng qua đều là vì tư dục. Càng không thể nói là họ không biết pháp luật, nhưng họ chỉ biết pháp luật để né tránh pháp luật, lách luật, che chắn cho nhau. Đó cũng là vì tư dục. Cái biết của họ chỉ là sáo mép, lý thuyết suông, cái biết để rao giảng, để bảo người khác "hãy làm những gì tôi nói, chớ làm những gì tôi làm". Cái biết của họ chưa phải là cái biết tâm can, cái biết máu thịt...

Thật sự sửng sốt vì lập luận chặt chẽ và giọng nói hùng hồn của cụ Bảo, tôi liên tưởng đến triết lý "tri *là* hành" mà tôi vừa đọc được ở đâu đó: "Biết là cả một cuộc sống đạo lý mà chúng ta chỉ có thể thu hoạch bằng cách thanh khiết tâm hồn khỏi những tối tăm của đam mê và kích thích. Tri thức không phải là cái vật để gọn vào một góc nào đó của não bộ, mà là cái nó thâm nhập vào bản thể của chúng ta, ám ảnh tâm hồn chúng ta và thân thiết với chúng ta cũng như sự sống vậy. Chính cái năng lực chủ động ấy qua tri thức đã khuôn đúc toàn thể nhân cách, rèn luyện xúc cảm và điều tiết ý chí. *Trí* còn phải có *đức* mới là trí thực,... Tôi đang mải suy nghĩ theo hướng ấy thì ai đó đã giục cụ Bảo:

- Hay lắm! Cụ nói tiếp đi.

Cụ Bảo lau mồ hôi trán, hắng giọng:

- Cái biết thật ra phải từ cái tâm, phải trở thành máu thịt.

(Xem tiếp trang 68)

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ CẢI CÁCH DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở TRUNG QUỐC

ĐINH CÔNG TUẤN *

Cải cách doanh nghiệp nhà nước đang là thách thức lớn đối với những nước có nền kinh tế chuyển đổi, trong đó có Trung Quốc. Mặc dù Trung Quốc đã tập trung mọi nguồn lực, thực hiện các chương trình nhằm hỗ trợ và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước như cơ chế giữ lại thu nhập, chế độ thuế thu nhập công ty, cơ chế trách nhiệm hợp đồng và cổ phần hóa..., song hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước vẫn thấp hơn so với khu vực ngoài quốc doanh. Tại Trung Quốc, từ năm 1978 đến năm 1997, đóng góp của doanh nghiệp nhà nước vào tổng sản lượng công nghiệp của cả nước giảm từ 78%/năm xuống còn 27%/năm. Hơn 20 năm thực hiện chương trình cải cách doanh nghiệp nhà nước (1978 - 2006) với nhiều biện pháp, Trung Quốc bước đầu đã đạt được một số thành tựu, nhưng vẫn còn không ít những khó khăn và tồn tại.

1 - Quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc từ năm 1978 đến nay

Ở Trung Quốc, doanh nghiệp nhà nước giữ vai trò trụ cột trong nền kinh tế quốc dân. Báo cáo Chính trị Đại hội Đảng XVI của Trung Quốc đã nhấn mạnh: Căn cứ vào yêu cầu giải phóng và phát triển sức sản xuất, kiên trì và hoàn thiện chế độ kinh tế cơ bản lấy chế độ công hữu làm chủ thể, kinh tế thuộc nhiều loại sở hữu cùng phát triển... Phải kiên trì không lay chuyển việc củng cố và phát triển kinh tế công hữu. Phát triển và làm lớn mạnh kinh tế quốc hữu, kinh tế quốc hữu khống chế mạch máu của nền kinh tế quốc dân, có vai trò then chốt trong việc phát huy tính ưu việt của chế độ xã hội chủ nghĩa, tăng cường thực lực kinh tế, thực lực quốc phòng và sự gắn bó dân tộc... Tiếp tục điều chỉnh sự phân bố và kết cấu kinh tế quốc hữu, cải cách thể chế quản lý tài sản quốc hữu là nhiệm vụ quan trọng để đưa cải cách thể chế kinh tế vào chiều sâu. Doanh nghiệp nhà nước là trụ cột của nền kinh tế quốc dân, phải đi sâu cải cách doanh nghiệp nhà nước, tiếp tục tìm tòi nhiều hình thức thực hiện có hiệu quả chế độ công hữu, nhất là chế độ công hữu nhà nước, ra sức đẩy mạnh sáng tạo về thể chế, kỹ thuật và quản lý của doanh nghiệp (1).

Có thể chia quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc thành 3 giai đoạn chủ yếu sau:

Giai đoạn 1: Từ tháng 12-1978 đến tháng 10-1984. Đây là giai đoạn chuẩn bị, mở đầu nhằm tiến hành thí điểm cải cách doanh nghiệp nhà nước. Nội dung cải cách chủ yếu là "nới quyền nhượng lợi", tức là nới rộng quyền tự chủ và tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Nhà nước đã ban hành hàng loạt các chính sách pháp quy nhằm mở rộng quyền tự chủ của xí nghiệp, kết hợp

---

* TS, Phó Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu châu Âu, Viện Nghiên cứu châu Âu thuộc Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XVII Đảng cộng sản Trung Quốc* (sách tham khảo), Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 46 - 47

Digitized by Google

trách nhiệm hiệu quả với lợi ích kinh tế của doanh nghiệp và người lao động nhằm khích lệ tính tích cực trong hoạt động sản xuất. Tháng 5-1984, Quốc vụ viện đã ra "Quy định tạm thời về việc mở rộng quyền tự chủ của doanh nghiệp công nghiệp quốc doanh" trên 10 vấn đề, đây là *"mười điều nới quyền"* nổi tiếng.

Đồng thời với việc mở rộng quyền tự chủ của doanh nghiệp nhà nước là quá trình điều chỉnh dần mối quan hệ phân phối giữa nhà nước và doanh nghiệp nhà nước. Năm 1983 là năm đầu tiên thực hiện bước 1 cải cách lợi nhuận thành thuế xí nghiệp, đến năm 1984 thực hiện bước 2. Qua hai bước, Nhà nước đã thay đổi từ việc trích lợi nhuận của doanh nghiệp nhà nước sang thu thuế thu nhập hoặc thuế lợi nhuận, đồng thời thực hiện chế độ xí nghiệp giữ lại một phần lợi nhuận. Trong một chừng mực nhất định, việc làm này có tác dụng nâng cao hơn sức sống của doanh nghiệp nhà nước (2).

Tuy vậy, biện pháp cải cách này đã làm nảy sinh một số vấn đề bất hợp lý như: tỷ lệ phân chia lợi nhuận của các doanh nghiệp tăng lên thì tỷ trọng thu nhập tài chính của nhà nước trong toàn bộ thu nhập quốc dân bị giảm xuống (từ 37,2% năm 1978 xuống còn 26,5% năm 1983). Do vậy, nếu cứ kéo dài tình trạng này, Nhà nước sẽ bị thất thu thuế, đất nước sẽ không tập trung đủ vốn để xây dựng các dự án trọng điểm và phát triển kết cấu hạ tầng.

Giai đoạn 2: Từ tháng 10-1984 đến tháng 12-1991. Đây là giai đoạn triển khai toàn diện cải cách doanh nghiệp nhà nước. Trong giai đoạn này, Trung Quốc xác định rõ cải cách doanh nghiệp nhà nước là khâu then chốt trong cải cách thể chế kinh tế. Yêu cầu cơ bản của cải cách doanh nghiệp nhà nước là xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa nhà nước và xí nghiệp, phát huy tính tích cực của xí nghiệp và của người lao động. Tư tưởng chính của cải cách doanh nghiệp nhà nước là: tách quyền hạn giữa doanh nghiệp nhà nước với chính quyền; phân biệt rõ quyền sở hữu với quyền kinh doanh; xác định doanh nghiệp nhà nước là tổ chức kinh tế có quyền tự kinh doanh, tự chịu lỗ lãi, trên cơ sở đó xây dựng các hình thức chế độ trách nhiệm. Biện pháp tiến hành chủ yếu là thực hiện chế độ khoán trong kinh doanh đối với phần lớn các doanh nghiệp, chế độ thuế kinh doanh đối với các doanh nghiệp nhà nước loại nhỏ, đồng thời bước đầu tiến hành thí điểm chế độ cổ phần và tập đoàn doanh nghiệp. Từ năm 1997, cả nước có 95% doanh nghiệp nhà nước công thương thực hiện chế độ khoán trách nhiệm kinh doanh. Thông qua hình thức ký hợp đồng, chế độ khoán trách nhiệm đã xác định mối quan hệ chặt chẽ giữa nhà nước với doanh nghiệp, làm cho trách nhiệm và quyền lợi của doanh nghiệp có sự kết hợp chặt chẽ và được thực hiện thực sự; phát huy tác dụng trong việc nâng cao sức sống của doanh nghiệp.

Năm 1986, Nhà nước đã ban hành "Luật Phá sản"; năm 1988 ban hành "Luật Doanh nghiệp công nghiệp nhà nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa". Lần đầu tiên, chế độ mới của doanh nghiệp nhà nước được xác định bằng luật pháp, mục tiêu cải cách và những bảo đảm về luật pháp của doanh nghiệp được xác định (3).

Tuy nhiên, chế độ nhận khoán kinh doanh kéo theo một số vấn đề phức tạp mới như sự phân phối thiên về dành cho doanh nghiệp và cá nhân, tỷ lệ thu nhập tài chính của nhà nước suy giảm mạnh, doanh nghiệp chỉ cần lãi mà không chịu lỗ; các doanh nghiệp chỉ coi trọng sản xuất, xem nhẹ đầu tư và không chú ý bảo dưỡng trang thiết bị (4).

Giai đoạn 3: Từ tháng 1-1992 đến nay. Kể từ khi chế độ doanh nghiệp hiện đại bước đầu được xác lập, cải cách doanh nghiệp nhà nước chuyển từ trạng thái điều chỉnh chính sách sang xây dựng chế độ mới và bước đầu xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại phù hợp với yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Đặc điểm nổi bật nhất của giai đoạn này là cải cách doanh nghiệp theo mục tiêu tổng thể của thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa, xây dựng doanh nghiệp nhà nước thành thực thể pháp nhân độc lập và chủ thể cạnh tranh trên trường quốc tế và nội địa. Doanh nghiệp tồn tại và phát triển trên thị trường theo nguyên tắc tự đào thải. Căn cứ vào nhu cầu chuyển đổi cơ chế kinh doanh của

---

(2) Lý Thiết Ánh: *Về cải cách và mở cửa ở Trung Quốc*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, tr 200, 201

(3) *Sđd*, tr 200, 201

(4) Hà Hồng Vân: *"Tìm hiểu quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc", Tạp chí Nghiên cứu Trung Quốc*, số 2 (36), 2001, tr 10

Digitized by Google

doanh nghiệp, tháng 7-1992, Trung Quốc đã ban bố và thực hiện "Điều lệ chuyển đổi cơ chế kinh doanh của doanh nghiệp công nghiệp sở hữu toàn dân", xác định bằng luật pháp mục tiêu chuyển đổi cơ chế các doanh nghiệp nhà nước, làm cho doanh nghiệp thích ứng với nhu cầu thị trường, trở thành đơn vị sản xuất kinh doanh hàng hóa theo phương thức tự kinh doanh, tự chịu lỗ lãi, tự phát triển và tự ràng buộc, là xí nghiệp pháp nhân có quyền lợi và nghĩa vụ dân sự độc lập. Việc thực hiện triệt để điều lệ đã có tác dụng thúc đẩy tiến trình chuyển đổi cơ chế kinh doanh của doanh nghiệp, doanh nghiệp nhà nước từng bước vận hành theo yêu cầu của quy luật kinh tế thị trường. Đồng thời, việc thí điểm chế độ cổ phần, tập đoàn doanh nghiệp và chế độ nộp thuế, đấu thầu, hợp doanh, phá sản... được triển khai theo nhiều tầng bậc, nhiều hướng khác nhau.

Tháng 11-1993, Hội nghị Trung ương 3, khóa XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua "Quyết định về một số vấn đề xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại" đã xác định rõ cải cách doanh nghiệp nhà nước theo hướng xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại. Đặc trưng của chế độ doanh nghiệp hiện đại là quyền tài sản và trách nhiệm quyền hạn đều rõ ràng, chính quyền và doanh nghiệp phải tách rời nhau. Trong đó, đáng chú ý là các doanh nghiệp nhà nước thực hiện chế độ công ty theo các hình thức: công ty vốn nhà nước 100%, công ty trách nhiệm hữu hạn và công ty cổ phần hữu hạn. Từ năm 1994, Chính phủ và các ngành đã chọn 100 doanh nghiệp để thí điểm xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại. Tính đến cuối năm 1995, tổng giá trị tài sản của 100 doanh nghiệp thí điểm là 308,3 tỉ NDT, tăng 15,5% so với năm 1994. Tính đến cuối năm 1998, trong tổng số 2.500 doanh nghiệp tham gia thí điểm, có 2.200 doanh nghiệp hoàn thành cải cách chế độ công ty. Như vậy, sau một thời gian dài thí điểm, đến Hội nghị Trung ương 5, khóa XIV của Đảng Cộng sản Trung Quốc, cải cách doanh nghiệp nhà nước đã tạo ra một bước đột phá về lý luận. Theo đó, dưới tiền đề tập trung phát triển kinh tế nhà nước, Trung Quốc đã nhấn mạnh đến việc loại bỏ dần những doanh nghiệp làm ăn kém hiệu quả. Đến Đại hội Đảng XV (1997), Trung Quốc chủ trương "tốt giữ lại, xấu thải đi" đối với doanh nghiệp nhà nước. Hội nghị Trung ương 4, khóa XV của Đảng Cộng sản Trung Quốc đã thông qua "quyết nghị của Trung ương Trung Quốc về một số vấn đề lớn trong cải cách và phát triển doanh nghiệp", trong đó quy định rõ hai nhiệm vụ quan trọng liên quan đến cải cách doanh nghiệp nhà nước. Nét mới của quyết nghị này là gắn cải cách doanh nghiệp nhà nước với việc điều chỉnh bố cục và kết cấu của thành phần kinh tế nhà nước. Với tinh thần *"kiên trì có tiến, có lùi, có cái làm được, có cái chưa làm được"*, bản quyết nghị đã xác định rõ những ngành nghề, lĩnh vực nhà nước cần "tiến", cần khống chế như: ngành liên quan đến an ninh quốc gia, ngành mang tính lũng đoạn tự nhiên, ngành cung cấp sản phẩm công cộng, dịch vụ quan trọng liên quan đến kỹ thuật mới. Ngoài ra, nhà nước có thể "lùi" ở một số ngành nhằm tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phi quốc hữu tham gia vào nền kinh tế. Có thể nói đây là cơ sở và là tiền đề quan trọng cho lý luận "doanh nghiệp nhà nước rút lui khỏi lĩnh vực mang tính cạnh tranh", một chủ đề đang được thảo luận sôi nổi trên các tạp chí nghiên cứu kinh tế của Trung Quốc thời gian gần đây (5).

Đại hội XVI của Đảng Cộng sản Trung Quốc họp tháng 11-2002 đã chủ trương: Đi sâu cải cách doanh nghiệp nhà nước, ngoài một số ít doanh nghiệp nhà nước phải hoạt động với 100% vốn nhà nước, cần tích cực đẩy mạnh thực hiện chế độ cổ phần, phát triển kinh tế sở hữu hỗn hợp. Thực hiện đa nguyên hóa chủ thể đầu tư, những doanh nghiệp nhà nước quan trọng do nhà nước khống chế cổ phần. Căn cứ vào yêu cầu của chế độ doanh nghiệp hiện đại, các doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn và vừa tiếp tục cải cách theo chế độ công ty chính quy, hoàn thiện kết cấu do pháp nhân quản lý. Xúc tiến cải cách ngành nghề độc quyền, tích cực đưa vào cơ chế cạnh tranh. Thông qua sự hướng dẫn của thị trường và chính sách, phát triển các công ty lớn, các tập đoàn doanh nghiệp lớn có sức cạnh tranh quốc tế. Tiếp tục nới lỏng, tạo sức sống cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Như vậy, trong giai đoạn hiện nay, Trung Quốc chủ trương cải cách doanh nghiệp nhà nước với

---

(5) Phạm Sĩ Thành: "Bước đột phá mới về lý luận trong cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc", sách *Trung Quốc 25 năm cải cách – mở cửa, những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004, tr 225

Digitized by Google

những thử nghiệm sau: xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại; bán các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ; sáp nhập các doanh nghiệp nhà nước; cho phá sản các doanh nghiệp không thể tiếp tục kinh doanh.

Về vấn đề xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại, tại Hội nghị Trung ương 3, khóa XIV (14-11-1993), Đảng Cộng sản Trung Quốc đã nhấn mạnh: Xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại là yêu cầu tất yếu của nền sản xuất lớn; xã hội hóa là phương hướng của công cuộc cải cách doanh nghiệp quốc hữu. Trung Quốc đã thử nghiệm xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại, thực chất là tiến hành công ty hóa các doanh nghiệp nhà nước bằng biện pháp cổ phần hóa. Như vậy, cổ phần hóa là nhiệm vụ quan trọng của công cuộc xây dựng chế độ doanh nghiệp hiện đại. Tại Đại hội Đảng XV (1997), Tổng Bí thư Giang Trạch Dân đã khẳng định chế độ cổ phần là hình thức tổ chức vốn của doanh nghiệp nhà nước, có lợi cho việc tách quyền sở hữu và quyền kinh doanh, đồng thời nâng cao hiệu quả vận hành doanh nghiệp và sử dụng vốn.

2 - Đánh giá về cải cách doanh nghiệp nhà nước hiện nay ở Trung Quốc

Muốn nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng cường sức mạnh của nền kinh tế, tất yếu phải tiến hành cải cách các doanh nghiệp nhà nước. Trải qua hơn 20 năm tiến hành cải cách doanh nghiệp nhà nước, Trung Quốc đã phải đối mặt với không ít khó khăn, thử thách. Theo đánh giá của các chuyên gia Trung Quốc, sự nghiệp cải cách doanh nghiệp nhà nước ở Trung Quốc mới thực sự khởi sắc trong một vài năm trở lại đây, nhất là khi Trung Quốc tham gia vào Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Bước ngoặt trong cải cách doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc là từ bỏ chính sách *"giảm chính, nhượng quyền"* và *"giảm thuế, nhượng lời"*, thay vào đó là chủ trương mới thông qua những sáng tạo về chế độ doanh nghiệp, tận dụng đặc điểm tách rời quyền sở hữu với quyền kinh doanh của chế độ công ty làm cho tiền vốn sở hữu nhà nước bỏ vào doanh nghiệp vừa giữ được quyền sở hữu cuối cùng nhà nước, vừa làm doanh nghiệp trở thành chủ thể độc lập của thị trường. Thực hiện chủ trương nói trên, bốn mặt của một vấn đề đã được giải quyết: *Thứ nhất,* chính phủ từ chỗ là người sở hữu doanh nghiệp nhà nước chuyển sang thành người nắm giữ tiền vốn của nhà nước tại doanh nghiệp nhà nước và làm đồng vốn đầu tư trở nên có tính lưu chuyển, linh hoạt. *Thứ hai,* đồng vốn nhà nước từ chỗ đầu tư vào tất cả lĩnh vực của nền kinh tế chuyển sang tập trung vào những lĩnh vực, ngành nghề cần kiểm soát nhằm giảm bớt gánh nặng ngân sách. *Thứ ba,* xây dựng thể chế đại diện ủy quyền chủ sở hữu phù hợp với kinh tế thị trường và bảo đảm hiệu lực của mối quan hệ đại diện ủy quyền. *Thứ tư,* doanh nghiệp nhà nước phải được công ty hóa, chuyển sang quản lý và hoạt động theo chế độ công ty, tách rời quyền sở hữu của nhà nước với quyền kinh doanh của doanh nghiệp. Người đại diện sở hữu nhà nước có quyền nắm cổ phần, chịu trách nhiệm hữu hạn.

Chủ trương cải cách doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc về cơ bản là sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước theo hướng thu hẹp phạm vi, giảm số lượng và tập trung dần vào những lĩnh vực, ngành nghề quan trọng của nền kinh tế; cơ cấu lại quản lý nội bộ doanh nghiệp theo chế độ công ty phù hợp với cơ chế thị trường, đồng thời cải cách theo hướng *"ba tách"*: tách nhà nước với doanh nghiệp; tách chức năng sở hữu với chức năng quản lý hành chính của nhà nước; tách quyền sở hữu với quyền kinh doanh.

Cho đến cuối năm 2002, Trung Quốc vẫn còn hơn 181.000 doanh nghiệp nhà nước với tổng giá trị tài sản gồm 12 nghìn tỉ NDT, trong đó doanh nghiệp nhà nước trung ương có 5,6 nghìn tỉ NDT (chiếm 48%) và doanh nghiệp địa phương có 6,2 nghìn tỉ NDT (chiếm 52%). Tính đến hết năm 2003, Trung Quốc đã có 1.287 công ty niêm yết cổ phiếu ra thị trường, thu hút 642,8 tỉ NDT; giá trị cổ phiếu lưu thông trên sàn giao dịch Thâm Quyến và Thượng Hải đã đạt đến 1.317,8 tỉ NDT. Nhưng đến tháng 5-2005, 1.828 doanh nghiệp nhà nước lớn và vừa của Trung Quốc làm ăn thua lỗ, gây thất thoát trong quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước lên đến 317,8 tỉ NDT. Hiện nay, Trung Quốc đặc biệt chú trọng biện pháp cho phá sản doanh nghiệp nhà nước hoạt động không hiệu quả nhằm chống thất thoát tài sản nhà nước. Tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa X của Trung Quốc (3-2005), Thủ tướng Ôn Gia Bảo nhấn mạnh vào việc cần hoàn thiện phương thức giám sát quản lý và thể chế quản lý tài sản nhà nước, chống thất thoát tài sản nhà nước và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho

Digitized by Google

người lao động trong quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt trong quá trình tiến hành phá sản các doanh nghiệp. Trung Quốc đã chỉ ra những lỗ hổng làm thất thoát tài sản nhà nước trong quá trình cải cách doanh nghiệp nhà nước: *Một là,* việc nhượng quyền sở hữu doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa hoàn toàn đưa ra thị trường. Nhiều người đã dùng thủ đoạn tinh vi để đánh giá thấp tài sản doanh nghiệp nhà nước khi chuyển nhượng với mục đích thu lợi cho cá nhân, tập thể, gây thất thoát tài sản nhà nước. *Hai là,* công tác quản lý việc chuyển nhượng tài sản của các doanh nghiệp nhà nước còn nhiều vấn đề nổi cộm. Một số doanh nghiệp đã tự chọn cơ quan trung gian định giá tài sản, người kinh doanh ở vị trí chủ đạo, tự bán tự mua làm thất thoát tài sản nhà nước. *Ba là,* nhiều doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu đã khấu trừ tiền bồi thường cho người lao động vào giá, làm hạ giá bán doanh nghiệp, nhưng trên thực tế họ không trả khoản tiền này cho người lao động, hoặc trả rất ít, không minh bạch (6).

Tóm lại, cải cách doanh nghiệp nhà nước của Trung Quốc là một quá trình thử nghiệm liên tục nhằm đem lại sức sống mới cho doanh nghiệp. Sự tách biệt quyền sở hữu và quyền quản lý với chế độ tự quản cao của doanh nghiệp đã dẫn đến một số bất lợi như việc lợi dụng chức quyền, chạy theo lợi nhuận trước mắt, tham nhũng làm tổn hại đến tài sản nhà nước... Do vậy, không thể giải quyết vấn đề này bằng các biện pháp hành chính hay các biện pháp khác như kiểm toán, kế toán; cần áp dụng các đòn bẩy kinh tế, thông qua các hình thức cải cách khác nhau như "nắm lớn, buông nhỏ", cổ phần hóa, xây dựng chế độ công ty, chế độ doanh nghiệp hoạt động; chủ trương doanh nghiệp nhà nước rút lui toàn diện khỏi lĩnh vực mang tính cạnh tranh. Quá trình cải cách này đòi hỏi phải có nhiều thời gian, đặc biệt khi nền kinh tế, xã hội Trung Quốc hiện còn nhiều khó khăn (7).❑

(6) Nguyễn Trần Quế: *"Khu vực doanh nghiệp Trung Quốc tiếp tục điều chỉnh cải cách thích ứng và phát triển"*, đề tài cấp bộ, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam, 2005

(7) Nguyễn Phú Thái: "Đổi mới doanh nghiệp nhà nước Trung Quốc chặng đường dài đầy khó khăn", Tạp chí *Nghiên cứu Trung Quốc*, số 5 (21), 1998

"Biết" với "làm"

(Tiếp theo trang 63)

"Biết trách nhiệm" của mình lại càng phải như vậy mới gọi là biết. Các cụ còn nhớ: năm 1945, trong hoàn cảnh nước nhà vừa giành được độc lập, đã gặp phải nạn đói Ất Dậu kinh hoàng, lũ lụt, "thù trong, giặc ngoài", chính quyền non trẻ như "ngàn cân treo sợi tóc". Vậy mà Bác Hồ đã tự phê bình: *"...Trước hoàn cảnh khó khăn đó đồng bào đã cố gắng, người giúp sức, kẻ giúp tiền. Còn tôi và Chính phủ thì lo lắng ngày đêm để làm tròn nhiệm vụ của mình sao cho khỏi phụ lòng đồng bào toàn quốc. Chỉ vì tôi tài hèn sức mọn, cho nên chưa làm đầy đủ sự mong muốn của đồng bào..."*. Bác tự phê như vậy rồi Bác lãnh đạo toàn dân chống "giặc đói, giặc dốt", "mời" được quân Tàu Tưởng cút về nước buộc bọn phản động phải cuốn gói theo chủ, hòa hoãn với quân Pháp để ta có đủ thì giờ chuẩn bị kháng chiến, mở rộng mặt trận đoàn kết toàn dân, rèn luyện cán bộ, chỉnh đốn Đảng, xây dựng chính quyền ngày càng vững mạnh, kháng chiến thành công, v.v. Bác nói và việc gì Bác cũng làm trước, cả nước hướng về Bác, noi gương Bác. Ở Bác, "tri" với "hành" là một. Cái "biết trách nhiệm" của Bác Hồ là như thế đó.

Thật đáng bái phục "bộ nhớ" của các cụ cụm dân cư này. Cụ Dần chép miệng:

- Trong các tầng lớp nhân dân và đội ngũ cán bộ, đảng viên có rất nhiều người ưu tú học tập được cái "biết" của Bác Hồ, noi gương Bác Hồ "ích nước, lợi dân"; song tiếc thay, ngày nay cũng không ít người có chức, có quyền chẳng học được một tí gì của Bác Hồ, vì tư dục, nên nói "biết" nhưng không làm, mà sinh ra quan cách, tham nhũng, lao vào vòng xoáy chức - quyền - tiền, dối trá, mất đoàn kết, nêu gương xấu, lây lan ra xã hội, tác động mạnh đến thế hệ trẻ...

Các cụ gật gù đồng tình, tán thưởng. Bỗng có tiếng trống trường tiểu học gần đấy, ai nấy bừng tỉnh, đứng dậy tìm mũ áo, chào tạm biệt nhau để đi đón các cháu tan trường. Tôi sắp xếp lại sách báo, ra sau cùng, cửa câu lạc bộ khóa lại rồi mà vẫn còn văng vẳng bên tai cuộc đàm luận của các cụ: *Thế nào là "biết" với "làm"?* ❑

Digitized by Google

BỆNH TẬT - VẤN ĐỀ TOÀN CẦU CỦA THẾ GIỚI NGÀY NAY VÀ Ở VIỆT NAM

PHẠM THỊ NGỌC TRẦM *

1 - Vấn đề bệnh tật trong thế giới ngày nay

Bệnh tật là một trong những vấn đề toàn cầu phức tạp và nan giải nhất của thế giới ngày nay. Bệnh tật vốn đi liền với sự tồn tại và phát triển của con người và xã hội loài người. Bởi lẽ, con người là một thực thể sinh vật - xã hội, mà "sinh, lão, bệnh, tử" vốn là một quy luật tự nhiên. Tuy nhiên, không phải lúc nào bệnh tật cũng là vấn đề toàn cầu. Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người đã có những lúc một số dịch bệnh như bệnh dịch hạch, bệnh đậu mùa, lao phổi... đã làm chết hàng trăm, hàng nghìn vạn người ở các nước châu Âu vào thế kỷ XVIII - XIX, nhưng đó cũng chỉ là tình hình bệnh tật mang tính khu vực. Chỉ có đến ngày nay, bệnh tật mới trở thành vấn đề toàn cầu nguy hiểm. Vì rằng, từ giữa thế kỷ XX, với cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và tiếp theo là cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, con người đã làm biến đổi thế giới một cách sâu sắc, mạnh mẽ và nhanh chóng, mang đến cho xã hội biết bao kỳ tích vĩ đại, nhưng đồng thời cả những hậu quả tiêu cực, những thách thức không thể lường trước được cho môi trường sống, cho sức khỏe của con người và sự tồn vong của xã hội loài người. Cùng với các cuộc khủng hoảng sinh thái cục bộ và sự đe dọa của cuộc khủng hoảng sinh thái toàn cầu, tình hình bệnh tật trên toàn thế giới hiện nay là những hậu họa nguy hiểm nhất của sự phát triển xã hội, của quá trình toàn cầu hóa cũng như đối với sự sống của con người.

Cuộc sống hiện đại đã mang đến cho con người nhiều tiện nghi trong gia đình như ti-vi, tủ lạnh, máy điều hòa nhiệt độ, vi tính, In-tơ-nét, v.v... nhiều phương tiện đi lại thuận tiện: máy bay, tàu hỏa, xe hơi, tàu thủy... giúp cho con người có thể dễ dàng đi tham quan du lịch khắp nơi trên thế giới, thưởng thức mọi loại hoa quả, mọi món ăn đặc sản khắp các châu lục... Tuy nhiên, cũng chính những tiện nghi và phương tiện thuận lợi đó lại mang đến cho con người nhiều căn bệnh, đặc biệt là những bệnh truyền nhiễm đáng sợ mà ít ai ngờ tới. Lại nữa, cuộc sống hiện đại với sự phổ biến lối sống hoang phí, sa đọa, hưởng thụ của một bộ phận đáng kể trong xã hội đã làm cho xã hội tràn ngập các chất kích thích như các chất gây nghiện (ma túy), các chất gây thác loạn (thuốc lắc), v.v...

Có thể nói rằng, ngày nay, mỗi con tàu, mỗi máy bay, mỗi chuyến xe tải, mỗi con người đi du lịch, mỗi chuyến hàng vượt biên giới... đều là những phương tiện ẩn chứa và gieo rắc mầm bệnh tiềm tàng, từ các bệnh truyền nhiễm đến các bệnh xã hội như dịch SARS, dịch cúm gia cầm H5N1, "nạn xâm lược sinh học", HIV/AIDS, Ebola, bệnh bò điên, v.v...

Thế giới đang vô cùng lo lắng về nguy cơ lây lan bệnh dịch trong cuộc sống hiện đại ngày nay. Sự lây lan dịch bệnh trên toàn cầu trong nhiều trường hợp chỉ đơn giản là qua một chuyến bay (người du lịch ủ một mầm bệnh nguy hiểm, qua một vài sinh vật có mang các loại vi-rút gây bệnh, qua một con chim hay một con vật nhập khẩu có mang mầm bệnh, hoặc qua hoa quả nhập khẩu có vi-rút, v.v...). Chẳng hạn vi-rút Tây sông Nin, chưa hề thấy ở nước Mỹ trước năm 1999 và nếu như năm 1999 chỉ mới có một loại vi-rút này được tìm thấy, thì năm 2000 đã lên đến 7 loại. Vi-rút Tây sông Nin đã gây ra một số bệnh hiểm nghèo.

Trong năm 2003, thế giới đã kinh hoàng trước sự bùng phát của hai nạn đại dịch nguy hiểm: dịch SARS và dịch cúm gia cầm H5N1, mà nguyên nhân của chúng cho đến nay con người vẫn chưa xác minh được một cách chính xác. Dịch SARS bắt đầu từ một người nhiễm bệnh ở Quảng Châu (Trung Quốc) và một người nước

* PGS, TS, Viện Triết học, Viện Khoa học Xã hội Việt Nam

Digitized by Google

ngoài ở Việt Nam, chỉ trong vòng mấy tháng (từ tháng 3 đến tháng 6-2003) dịch SARS đã lan truyền ra khắp các châu lục, mà các ổ dịch lớn nhất là Ca-na-đa, Trung Quốc, nhiều nước và vùng lãnh thổ ở châu Á như Hồng Công, Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Thái Lan, Việt Nam, v.v... Dịch cúm gia cầm H5N1 không chỉ gây ra những thiệt hại to lớn về vật chất như hàng triệu con gà và các loại gia cầm khác phải bị tiêu hủy, mà còn nguy hiểm hơn nữa là vi-rút này lại có khả năng đột biến thành những chủng vi-rút khác và có thể truyền sang được cho người và nhanh chóng gây tử vong. Đến tháng 1-2006, dịch cúm gia cầm lan ra hầu hết khắp các châu lục và đã có khoảng hơn 70 người chết vì đại dịch này, đặc biệt nghiêm trọng là ở Thổ Nhĩ Kỳ, Ấn Độ, Trung Quốc, In-đô-nê-xi-a, Thái Lan và cả ở Việt Nam.

Đặc trưng của hai đại dịch SARS và cúm gia cầm H5N1 là tàn phá, hủy hoại nhanh chóng bộ máy hô hấp của con người, dẫn đến tử vong trong một thời gian rất ngắn.

Bệnh bò điên đã nhiều lần làm khuynh đảo cả châu Âu và Bắc Mỹ. Rồi bệnh lở mồm, long móng không còn là nỗi lo riêng của châu Âu mà đã trở thành vấn đề toàn cầu. Các loại dịch bệnh này của đàn gia súc không chỉ gây thiệt hại lớn cho nền kinh tế ở các nước phát triển, mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe của con người. Chẳng hạn, chỉ riêng lệnh cấm nhập gia súc và các sản phẩm chế biến từ gia súc của Mỹ ngày 13-3-2001 đã gây thiệt hại tới 527 triệu USD cho ngành chăn nuôi EU. (1)

Việc lạm dụng các hóa chất phòng trừ dịch bệnh, kích thích sự tăng trưởng và phát triển của cây trồng và vật nuôi, các hóa chất bảo quản nông sản sau thu hoạch cũng như các hóa chất để chế biến lương thực thực phẩm... đang làm bùng phát những bệnh tật nguy hiểm cho con người. Bởi vì, sự lạm dụng bừa bãi các loại hóa chất trong chăn nuôi, trồng trọt, bảo quản và chế biến lương thực, thực phẩm, vô hình chung đã làm cho các chất độc hại tự do phát tán vào không khí, đất, nước gây ô nhiễm nặng nề môi trường sống, nguy hiểm hơn nữa là các hóa chất độc hại đó đã thấm sâu vào trong cơ thể động, thực vật - nguồn thức ăn của con người - biến chúng thành những tác nhân gây hại cho người sử dụng như bị ngộ độc thức ăn, gây ra những bệnh hiểm nghèo, thậm chí còn dẫn đến chết người. Đồng thời, việc lạm dụng các hóa chất độc hại còn mang đến một hậu quả nữa không kém phần nguy hiểm, đó là càng ngày con người càng tạo ra những loại cây, cỏ, sâu bệnh, nấm mốc có độc tố cao hơn, nguy hiểm hơn. Loại nấm mốc mi-co-tơ-xin là một ví dụ về một loại độc tố rất nguy hiểm, nhưng cũng rất phổ biến hiện nay. Sự hình thành loại nấm mốc mi-co-tơ-xin này là kết quả của việc lạm dụng quá nhiều các loại hóa chất phòng trừ dịch hại trong sản xuất nông nghiệp. Theo số liệu của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc thì có tới hơn 80% tổng sản lượng lương thực và thức ăn gia súc của thế giới bị lây nhiễm mi-co-tơ-xin. Khi mi-co-tơ-xin phát triển trong ngũ cốc, chúng sản sinh ra khoảng 10 độc tố, nhưng cho đến nay, các nhà khoa học chỉ mới nghiên cứu 3 loại. Đối với con người, sử dụng lương thực, thực phẩm đã bị nhiễm độc mi-co-tơ-xin có nguy cơ mắc các bệnh ung thư, rối loạn hệ miễn dịch, thần kinh, chứng bệnh loãng máu, v.v... (2)

Vấn đề vệ sinh, an toàn lương thực, thực phẩm liên quan rất chặt chẽ đến sức khỏe và bệnh tật của con người. Các loại gia súc, gia cầm như bò, lợn, gà, cừu, dê... khi được tiêm chích các loại hoóc môn tăng trưởng, ăn các loại thức ăn có chất tăng trọng có chứa nhiều chất kích thích, đặc biệt là độc tố đi-ô-xin... sẽ phát triển rất nhanh, nhưng đồng thời cũng là nguồn thực phẩm nguy hiểm, không an toàn đối với sức khỏe của con người. Bởi vì, các loại thực phẩm bị nhiễm độc là nguồn gốc tiềm tàng gây ra các chứng bệnh nan y như ung thư, khớp, da liễu, các chứng bệnh thần kinh...

Cùng với sự phát triển của công nghệ và đặc biệt là công nghệ sinh học, con người đang đứng trước những mối đe dọa mới cả về thể chất lẫn tinh thần. Với công nghệ gien, loài người đang phải đối mặt với cái gọi là "vũ khí gien" hay "bom sắc tộc", mà theo nhiều nhà khoa học, còn đáng sợ hơn cả vũ khí hóa học, vũ khí vi trùng và cả vũ khí hạt nhân. Dựa trên nguyên tắc: gien quyết định đến khả năng di truyền các tính trạng, trong đó bao hàm cả các đặc điểm sắc tộc màu da, giới tính, v.v.. nên bằng công nghệ gien người ta hoàn toàn có thể tạo ra loại vi-rút nguy hiểm nhằm vào mục đích tiêu diệt một nhóm sắc tộc, dân tộc nào đó đang là đối thủ tấn công của mình để gây ra những căn bệnh hiểm nghèo mang tính tuyệt diệt đối với dân tộc, sắc tộc đó. Loại vũ khí này được gọi là "vũ khí gien" hay "bom sắc tộc". Nhiều nước đã nghiêm cấm việc sản xuất loại vũ khí này. Tuy nhiên, cũng có nước đang khuyến khích sản xuất và sử dụng loại vũ khí giết người hàng loạt đó". (3)

---

(1) Xem: Thông tấn xã Việt Nam: *Tin thế giới*, ngày 14-3-2001, tr 13

(2) Xem: Minh Quang: "Thế giới vi sinh đe dọa sự sống thời hiện đại", Tạp chí *Khoa học, Công nghệ, Môi trường*, số 8-1998, tr 13 - 14

(3) Xem: Báo *Khoa học và Đời sống*, số 36, 1999, tr 12

Digitized by Google

Ngoài những vũ khí sinh học do con người tạo ra, sự sống trên Trái Đất còn bị đe dọa bởi nạn *"xâm lược sinh học"*. Đó là sự phát triển mạnh mẽ, nhanh chóng của những sinh vật lạ nguy hiểm. Những loài sinh vật này có sức sống mãnh liệt, nguồn thức ăn rất đa dạng, vì vậy chúng không chỉ tàn sát thế giới động vật, thực vật, mà còn là mối đe dọa đối với sự sống của con người và xã hội loài người, vì chúng mang những mầm bệnh nguy hiểm có thể lây truyền sang cho người và phá hoại cây trồng và vật nuôi. Chẳng hạn, chỉ tính riêng ở nước Mỹ, những loại cây, thú lạ nguy hiểm đã gây thiệt hại tới 122 tỉ USD mỗi năm.(4) Hiện nay trên thế giới có khoảng hơn 100 loại sinh vật kiểu này, và ở Việt Nam có khoảng 9 loài, chủ yếu là mới nhập từ nước ngoài về. Các sinh vật lạ này cũng là một nguồn phát sinh và lây lan bệnh tật nguy hiểm và tiềm tàng của con người.

Đại dịch bệnh lớn nhất, nguy hiểm nhất đối với xã hội loài người là đại dịch HIV/AIDS, nó không chỉ tàn phá con người hiện tại, mà di truyền lại cho các thế hệ mai sau. Với việc phá hoại hệ miễn dịch, vi-rút HIV đã phá hoại rào cản của cơ thể con người đối với bệnh tật. Hiện nay trên thế giới đã có hàng trăm triệu người nhiễm vi-rút HIV, hàng triệu người mang căn bệnh quái ác AIDS do HIV gây ra và đã chết, nhất là ở châu Phi. Thế giới đã gióng hồi chuông báo động khẩn cấp đối với đại dịch bệnh HIV/AIDS. Tuy nhiên, thế giới cũng đang có những cách ứng xử khác nhau đối với đại dịch bệnh này. Đa số người đang rất quan tâm, lo lắng và đang tìm mọi cách để ngăn chặn việc lây lan của HIV/AIDS, như chế tạo ra các loại dược liệu khác nhau để chữa trị bệnh; tuyên truyền, vận động chống lại các tệ nạn xã hội - một trong những nguyên nhân quan trọng làm lây lan HIV/AIDS. Còn một bộ phận người khác thì lại lao vào các tệ nạn xã hội như nghiện ngập ma túy, mại dâm, hoặc tạo điều kiện cho các tệ nạn xã hội phát triển như buôn bán ma túy và các chất kích thích khác, kinh doanh mãi dâm...

Ngoài các đại dịch bệnh và các bệnh tật đã kể trên, sự sống của con người còn bị đe dọa bởi những bệnh tật hiểm nghèo do cuộc sống hiện đại quá đầy đủ tiện nghi và dư thừa dinh dưỡng; do những điều kiện sống quá ồn ào, căng thẳng bởi sự cạnh tranh khốc liệt trên thương trường, cũng như do ô nhiễm môi trường... gây ra. Đó là những căn bệnh thuộc *mô hình bệnh tật hiện đại* như các bệnh về tim mạch (huyết áp cao, nhồi máu cơ tim, tai biến mạch máu não...), bệnh về hệ thần kinh (tâm thần, stress, suy giảm trí tuệ...), bệnh về đường tiết niệu (đái tháo đường, u tiền liệt tuyến, sỏi thận và tiết niệu...), các bệnh về đường hô hấp (suy hô hấp, hen suyễn, ung thư phổi...), các bệnh về hệ tiêu hóa (đau dạ dày, các bệnh viêm gan A, B, C, viêm tụy...), bệnh suy giảm miễn dịch, bệnh béo phì v.v... Song song với mô hình bệnh tật hiện đại vẫn còn tồn tại *mô hình bệnh tật cổ điển* ở các nước chậm phát triển và đang phát triển. Đặc trưng của mô hình bệnh tật cổ điển là sự chiếm ưu thế của các loại bệnh tật truyền nhiễm.

Nhìn chung, trong một tương lai gần, con người vẫn phải đương đầu với nhiều loại dịch bệnh và bệnh tật hiểm nghèo. Do vậy, bệnh tật vẫn là một trong những vấn đề toàn cầu cấp thiết và nan giải của xã hội loài người.

2 - Vấn đề bệnh tật ở Việt Nam: thực trạng, nguyên nhân, xu thế biến đổi và một số giải pháp

Ở Việt Nam cũng như ở các nước còn kém phát triển hiện nay đang đồng thời tồn tại hai loại mô hình bệnh tật cơ bản: mô hình bệnh tật cổ điển và mô hình bệnh tật hiện đại

a - Thực trạng, nguyên nhân và xu hướng biến đổi của bệnh tật ở nước ta

Môi trường sống càng ngày càng bị ô nhiễm nặng nề hơn: ô nhiễm không khí, nước, đất, ô nhiễm tiếng ồn, điện từ, phóng xạ... là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến sự gia tăng nhanh chóng của nhiều bệnh tật, cả những bệnh thuộc mô hình bệnh tật cổ điển (các bệnh nhiễm trùng và truyền nhiễm), lẫn những bệnh tật thuộc mô hình bệnh tật hiện đại (các bệnh không lây truyền).

Tình trạng vệ sinh an toàn lương thực, thực phẩm không bảo đảm và một chế độ dinh dưỡng không hợp lý như sử dụng quá nhiều bia rượu, ăn quá nhiều đạm, dùng nhiều các chất kích thích... là nguyên nhân gây ra nhiều bệnh không lây truyền nguy hiểm như bệnh ngộ độc thức ăn, dị ứng, béo phì, gút, tiểu đường, tim mạch, ung thư... Dư lượng các chất bảo vệ thực vật, các chất kích thích tăng trọng còn tồn tại trong cây trồng và vật nuôi, cũng như các hóa chất dùng trong chế biến lương thực, thực phẩm khi đi vào cơ thể con người sẽ là mối đe dọa trực tiếp hoặc tiềm ẩn đối với sức khỏe.

Nhịp sống gấp gáp, căng thẳng của lối sống hiện đại trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đô thị hóa và thị trường hóa, cùng với việc sử dụng quá nhiều các sản phẩm của công nghệ hiện đại như máy vi tính, điện thoại di động... đang làm gia tăng thêm nhiều loại bệnh tật mới rất nguy hiểm như các bệnh về thần kinh, tim mạch, mắt, chấn thương do các tai nạn nghề nghiệp và

(4) Xem: *Tài liệu đã dẫn*, số 132, 10-1999

Digitized by Google

đặc biệt là tai nạn giao thông. Tai nạn và thương tích đã trở thành nguyên nhân hàng đầu gây mắc bệnh và tử vong ở nước ta hiện nay cũng như trong tương lai.

Tình trạng lạm dụng và sử dụng không hợp lý các loại thuốc, đặc biệt là thuốc kháng sinh phổ rộng đã gây nên hiện tượng kháng thuốc kháng sinh phổ biến trong nhân dân, đã làm cho tình trạng kháng kháng sinh trở thành một vấn nạn ở Việt Nam.

Một thách thức lớn nữa đối với việc chăm sóc sức khỏe và chữa trị bệnh tật ở Việt Nam đó là *sự gia tăng số lượng người giàu và dân số đang lão hóa với tốc độ cao*. Tỷ lệ người già cao hơn so với trẻ em, có nghĩa là tỷ lệ bệnh tật sẽ tăng lên, số căn bệnh tuổi già sẽ nhiều hơn như các bệnh tiểu đường, u tiền liệt tuyến, tim mạch, ung thư, suy giảm trí tuệ, các bệnh về xương khớp... và do đó sức ép lên ngành y tế cũng lớn hơn. (5)

HIV/AIDS là một đại dịch bệnh của toàn thế giới, cũng đang phát triển khá nhanh ở Việt Nam, mà nguyên nhân chính là do tệ nạn ma túy và mại dâm. Theo nhận định của Bộ Y tế, HIV/AIDS có khả năng trở thành một nguyên nhân chủ yếu gây ra bệnh tật và tử vong trong tương lai của Việt Nam.

b - Một số giải pháp

Đối với những bệnh tật thuộc nhóm nhiễm trùng và truyền nhiễm, giải pháp đầu tiên để ngăn ngừa bệnh và chống lây lan bệnh là phải tạo ra một môi trường sống vệ sinh, sạch sẽ. Việc tạo ra một môi trường sống trong lành, vệ sinh, sạch sẽ là điều kiện tiên quyết để ngăn ngừa, phòng ngừa hữu hiệu các bệnh nhiễm trùng, truyền nhiễm và các bệnh ký sinh trùng (bệnh do giun, sán gây ra).

Đối với các loại bệnh tật không phải do vi khuẩn và vi-rút gây ra mà do những điều kiện sống hiện đại tạo nên khó có thể đưa ra một giải pháp chung cho toàn xã hội. Tuy nhiên, cũng có thể có những giải pháp, mà nếu thực hiện chúng sẽ có ảnh hưởng tốt đến sức khỏe của rất nhiều người. Chẳng hạn như vấn đề *bảo đảm vệ sinh, an toàn lương thực, thực phẩm. Để làm được điều này, không phải chỉ đến* khâu cuối cùng trước khi sản phẩm được đưa vào sử dụng mới kiểm tra chất lượng và độ vệ sinh an toàn của chúng, mà phải thực hiện các qui trình sản xuất và chế biến theo những qui tắc khoa học chặt chẽ.

Ngoài ra, có *một chế độ dinh dưỡng, luyện tập phù hợp với từng lứa tuổi* là vô cùng cần thiết. Chế độ dinh dưỡng đó phải đầy đủ chất, nhất là các yếu tố vi lượng. Phải hạn chế bớt việc sử dụng các chất kích thích như bia, rượu, thuốc lá, là nguyên nhân gây ra rất nhiều bệnh tật.

Xử lý triệt để các chất thải của sản xuất nông nghiệp là một giải pháp quan trọng để giảm thiểu mức độ ô nhiễm môi trường do các chất độc như CO_2, SO_2, H_2S,... là nguyên nhân của nhiều bệnh tật hiểm nghèo như ung thư, nhiễm độc, hen suyễn...

Toàn dân tích cực và *nghiêm chỉnh thực hiện luật an toàn giao thông* là hành động thiết thực để bảo vệ cuộc sống của chính mỗi người cũng như toàn xã hội, là giải pháp cần thiết để ngăn chặn các tai nạn và thương tích đang rất bức xúc ở nước ta hiện nay. Chỉ riêng trong mấy ngày Tết năm 2006 đã có tới hàng trăm tai nạn giao thông nghiêm trọng, làm chết hàng trăm người và làm bị thương hàng ngàn người. Xem "Bản tin an toàn giao thông" mỗi ngày trên vô tuyến truyền hình, chúng ta càng thấy sự nguy hiểm của việc không chấp hành luật lệ giao thông và càng thấy tính chất đặc biệt nghiêm trọng của các loại bệnh tật do tai nạn và thương tích gây ra.

Ngăn chặn và đẩy lùi dần các tệ nạn xã hội như mại dâm, nghiện ma túy... là một giải pháp vô cùng quan trọng để kiểm soát, quản lý và chữa trị hữu hiệu các bệnh xã hội, đặc biệt là HIV/AIDS - một căn bệnh rất nguy hiểm nhưng lại đang phát triển mạnh ở nước ta trong thời gian gần đây. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề y tế, mà còn là vấn đề về sự sống và tương lai phát triển của đất nước.

Đối với các bệnh tật có vắc-xin phòng ngừa cần tiếp tục duy trì tiêm chủng mở rộng, nhất là các bệnh phổ biến ở trẻ em như bại liệt, sởi, ho gà, bạch hầu, uốn ván, quai bị, thủy đậu... Cần tạo điều kiện tiêm chủng những bệnh tật khác đối với cả người lớn và trẻ em với giá cả phải chăng như các bệnh viêm gan siêu vi A, B, C, viêm màng não, cảm cúm, viêm phổi, viêm phế quản, viêm tai, mũi, họng... Đây là những bệnh lây lan nhanh và có thể gây ra những biến chứng rất nguy hiểm và rất dễ gây tử vong.

Duy trì Chương trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Tổ chức mạng lưới y tế đều ở tất cả các tuyến từ cấp thôn, bản, xã, huyện, tỉnh đến Trung ương, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc ít người. Bảo đảm sự công bằng trong chăm sóc sức khỏe. Cần có sự hỗ trợ nhân đạo để người nghèo cũng có thể tiếp cận được với những dịch vụ y tế hiện đại. Cần có sự quản lý chặt chẽ hơn nữa trong lĩnh vực dược phẩm. ❑

(5) Xem: "Việt Nam khỏe để phát triển bền vững", *Nghiên cứu tổng quan ngành Y tế Việt Nam*, tháng 5-2001, tr 187 - 189

Digitized by Google

THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

QUẬN SƠN TRÀ

Địa chỉ: An Vĩnh - An Hải Tây * Điện thoại: 0511.944 068 * Fax: 0511.944 068



Thành ủy viên, Bí thư Quận ủy: NHẬT THÀNH

Sơn Trà là một trong 8 quận, huyện của thành phố Đà Nẵng. Nằm về phía Đông Bắc của thành phố, ba mặt giáp với sông, biển, núi, có thế "thế núi - dáng sông" hùng vĩ, thơ mộng, với những đặc trưng văn hóa vùng biển; có Bán đảo Sơn Trà là Khu bảo tồn thiên nhiên cấp quốc gia, có bờ biển đẹp của cả nước; Cảng biển quốc tế Tiên Sa là cửa ngõ giao thông quan trọng của hành lang kinh tế Đông Tây.

Mục tiêu chung là xây dựng quận Sơn Trà thành một trong những quận có hạ tầng đô thị phát triển, gắn với các ngành kinh tế hướng biển: Cảng biển và dịch vụ cảng biển, công nghiệp hướng xuất khẩu, du lịch biển, thương mại; nâng cao mức sống văn hóa và văn minh đô thị, gắn kết 3 yếu tố: kinh tế, xã hội và môi trường.

Sơn Trà có hai thế mạnh là kinh tế thủy sản và du lịch.

Xây dựng, phát triển thủy sản là một trong những ngành kinh tế mũi nhọn theo hướng sản xuất hàng hóa xuất khẩu, làm cơ sở tạo nguồn nguyên liệu cho sản xuất công nghiệp, đạt mức tăng trưởng bình quân hàng năm 6%, sản lượng khai thác đạt 35 ngàn tấn hải sản / năm. Trung ương đã quyết định đầu tư Chợ đầu mối hải sản khu vực miền Trung tại quận Sơn Trà.

Phát triển du lịch sinh thái - thể thao với các tuyến du lịch khép kín, kết hợp các chương trình du lịch leo núi Sơn Trà, du lịch lặn biển. Phát triển các khu bãi tắm đẹp như bãi Bụt, bãi Rạng, bãi Nam, bãi Bắc, bãi Tiên Sa, xây dựng Bảo tàng biển... Xây dựng tại bãi Nam Thọ và Mỹ Khê thành khu du lịch quốc tế, kết hợp các lễ hội văn hóa dân gian truyền thống, như lễ hội cầu ngư, huyền thoại Tiên Sa...

Digitized by Google

TRUNG TÂM QUẢN LÝ BAY DÂN DỤNG VIỆT NAM

VIETNAM AIR TRAFFIC MANAGEMENT





Kíp trực tại trung tâm AACC - Trung tâm quản lý bay miền Nam



Kíp trực trên đài kiểm soát không lưu sân bay Nội Bài - Trung tâm quản lý bay miền Bắc



Trạm Radar thông tin Sơn Trà Trung tâm quản lý bay miền Trung



Trạm Radar thông tin trac 2000 Trung tâm quản lý bay miền Nam

ĐC: 200/6 Đường Nguyễn Sơn, P. Bồ Đề, Q. Long Biên - Hà Nội
Tel: 04.8271636 E-mail: vatm@hn.vnn.vn Fax: 04.8272597

Digitized by Google

TRƯỜNG QUẢN LÝ KINH TẾ CÔNG NGHIỆP

CƠ SỞ CHÍNH: Xã Giai Phạm- H. Yên Mỹ- T. Hưng Yên **Điện thoại:** 0321. 943 550 **Fax:** 0321. 967 065
CƠ SỞ 2: Xã Đồng Quang- H. Từ Sơn- T. Bắc Ninh **Điện thoại:** 0241. 831 709 **Fax:** 0241. 740 293

CƠ CẤU TỔ CHỨC:

- Giám hiệu.
- Các phòng: + Phòng hành chính- tổ chức.
  + Phòng đào tạo.
  + Phòng tài chính- kế toán.
  + Phòng quản trị đời sống.
  + Phòng công tác học sinh.
- Các khoa: khoa kinh tế, khoa tin học, khoa điện, khoa công nghệ may.
- Các lớp học.
- Đội ngũ cán bộ, giáo viên: tổng số cán bộ, công chức: 104 (hợp đồng 25). Trường có 85 giáo viên, trong đó: 15 thạc sỹ, 2 nhà giáo ưu tú, 5 giáo viên giỏi toàn quốc, nhiều giáo viên giỏi cấp tỉnh và cấp bộ.

HIỆU TRƯỞNG: Thạc sỹ Đinh Văn Đông
PHÓ HIỆU TRƯỞNG: Thạc sỹ, NGƯT Phạm Ngọc Hòa
PHÓ HIỆU TRƯỞNG: Cử nhân Ktế Nguyễn Văn Tiến

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ:

- Đào tạo cán bộ trung học các ngành kinh tế, tin học, điện tử, điện dân dụng và đào tạo nghề.
- Bồi dưỡng cán bộ quản lý cho ngành công nghiệp.
- Liên kết, hợp tác với các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, các cơ sở nghiên cứu, các doanh nghiệp thực hiện đa dạng hóa các loại hình đào tạo và tham gia các đề án công tác quản lý doanh nghiệp.

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

- Trung học: Hạch toán kế toán; tin học quản lý; điện tử; điện dân dụng
- Công nhân: điện tử; điện dân dụng; may công nghiệp; mộc mỹ nghệ.

Chỉ tiêu tuyển sinh năm 2006: 2700 học sinh. Trong đó: hệ trung học - 1700; hệ công nhân - 1000.
Hình thức xét tuyển: xét tuyển theo kết quả học tập ở phổ thông.

THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC:

- Huân chương Lao động Hạng Ba
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
- Nhiều bằng khen của Bộ Công nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, UBND tỉnh Hưng Yên và Bắc Ninh cho tập thể và cá nhân.
- Nhiều năm liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến, Đảng bộ trong sạch vững mạnh.



Đáp ứng nhu cầu lao động ngày càng tăng, đặc biệt các tỉnh Hưng Yên và Bắc Ninh đang là khu vực phát triển kinh tế sôi động với nhiều khu công nghiệp đã hình thành và đang hoạt động hiệu quả, trường QLKT CN phấn đấu bồi dưỡng đội ngũ, nâng cao chất lượng đào tạo để Nhà trường thực sự là địa chỉ đáng tin cậy về đào tạo nghề.

Digitized by Google

ỦY BAN DÂN SỐ GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM TỈNH NINH BÌNH

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG ĐÔNG THÀNH, THỊ XÃ NINH BÌNH, TỈNH NINH BÌNH

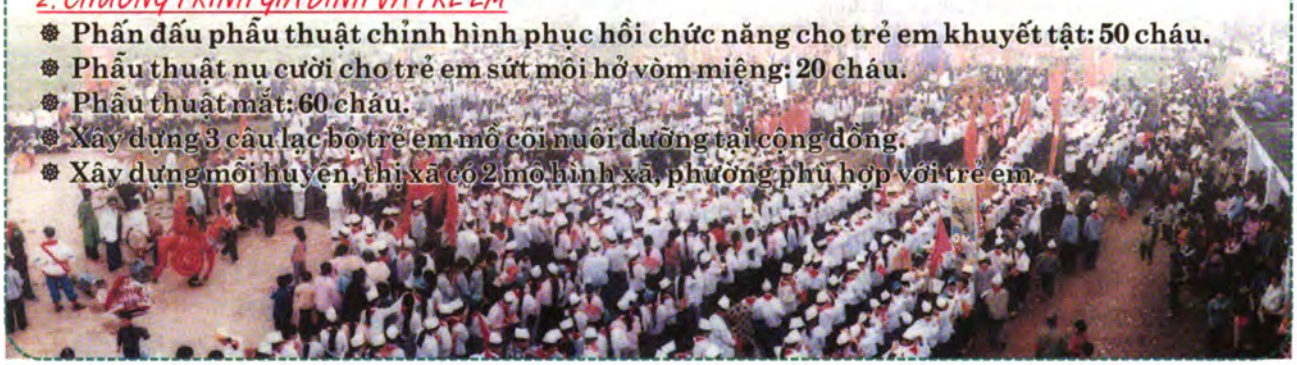
Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của ủy ban Dân số, Gia đình và Trẻ em Việt Nam, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, ngành Dân số, gia đình và trẻ em đã triển khai thực hiện đồng bộ các mục tiêu sau:

1. CHƯƠNG TRÌNH DÂN SỐ- KHHGĐ

- Phấn đấu giảm tỷ lệ sinh 0,25% so với năm 2005
- Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên 1,5% so với năm 2005
- Tăng tỷ lệ người sử dụng BPTT lên 1-1,5% so với năm 2005

2. CHƯƠNG TRÌNH GIA ĐÌNH VÀ TRẺ EM

- Phấn đấu phẫu thuật chỉnh hình phục hồi chức năng cho trẻ em khuyết tật: 50 cháu.
- Phẫu thuật nụ cười cho trẻ em sứt môi hở vòm miệng: 20 cháu.
- Phẫu thuật mắt: 60 cháu.
- Xây dựng 3 câu lạc bộ trẻ em mồ côi nuôi dưỡng tại cộng đồng.
- Xây dựng mỗi huyện, thị xã có 2 mô hình xã, phường phù hợp với trẻ em.



CSC

CÔNG TY CP XÂY DỰNG & SẢN XUẤT NHÔM

NHÔM COSEVCO

SANG TRỌNG, LÂU BỀN CÙNG THỜI GIAN

NHÔM COSEVCO - ISO 9001 : 2000

VĨNH PHƯỜNG - NHA TRANG - Tel: 058.837 692 - Fax: 058.541 270 - Email: Nhomcosevco@dng.vnn.vn

Digitized by Google

CÔNG TY VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI

Địa chỉ: 120 đường Lê Duẩn, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (0084) 4 942 4647- 942 1117 * Fax: (0084) 4 822 4736

CÔNG TY CÓ CÁC NHIỆM VỤ SAU:

- Khai thác kinh doanh vận tải hành khách, hành lý, bao gửi, tham gia vận tải đa phương thức trong nước và liên vận quốc tế.
- Bảo dưỡng, chỉnh bị đầu máy, toa xe và cơ sở vật chất được Tổng công ty giao.
- Đề xuất các phương án cải tạo, thiết kế, chế tạo, đóng mới đầu máy, toa xe, nâng cấp cơ sở vật chất kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ vận tải. Tổ chức và quản lý chạy trong khu vực. Cung cấp đầu máy theo kế hoạch của Tổng công ty.
- Tổ chức triển khai và phối hợp chặt chẽ với các đơn vị hữu quan trong và ngoài ngành đường sắt để thực hiện công tác cứu chữa và đảm bảo an toàn giao thông đường sắt.
- Đại lý vận tải, xăng, dầu, mỡ nhờn và bảo hiểm các loại.
- Sản xuất kinh doanh hàng tiêu dùng, thực phẩm, nước uống và bao bì.
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ ăn uống công cộng
- Cho thuê địa điểm văn phòng, phương tiện, thiết bị quảng cáo.

Phương thức bán vé: Ưu tiên bán vé tập thể cho các cơ quan, xí nghiệp, trường học, lực lượng vũ trang... Ưu tiên bán trước nhiều ngày- bán vé qua các đại lý- bán vé khứ hồi. Quý khách muốn biết thêm chi tiết xin gọi điện thoại tới bộ phận chỉ dẫn ga Hà Nội, điện thoại: 04. 942 3697 và các ga trên tuyến đường sắt.



TỔNG GIÁM ĐỐC: KỸ SƯ TRẦN ĐỨC GIAO

Hiện nay Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà Nội đang cho thuê một đôi tàu khách chạy ban ngày, một trong ba tuyến đường sắt: Hà Nội- Lào Cai, Hà Nội- Hải Phòng, Hà Nội- Vinh và ngược lại.

Kính mời các công ty du lịch, các doanh nghiệp vận tải, dịch vụ du lịch trong và ngoài nước có nhu cầu mua trọn gói tàu khách các tuyến trên xin liên hệ trực tiếp với: Phòng Hợp tác Quốc tế & Phát triển thị trường của Công ty, điện thoại 04. 747 0303- máy lẻ 2502, Fax 04 822 1179, Email: htqt_marketting@hn.vnn.vn

CHƯƠNG TRÌNH PHỤC VỤ HÀNH KHÁCH ĐI DU LỊCH TRONG DỊP HÈ NĂM 2006:

Công ty vận tải hành khách đường sắt Hà Nội đã cho chạy tàu tuyến Hà Nội- Vinh từ ngày 18/5/2006 như sau:

Các tàu Nghệ An (NA) NA1, NA5, NA6 hành trình không thay đổi.
Tàu NA1: xuất phát tại Hà Nội 21 giờ 00 đến Vinh 5 giờ 35.
Tàu NA2: xuất phát tại Vinh 20 giờ 20 đến Hà Nội 4 giờ 00.
Tàu NA3: xuất phát tại Hà Nội 21 giờ 50 đến Vinh 6 giờ 25.
Tàu NA4: xuất phát tại Vinh 21 giờ 10 đến Hà Nội 5 giờ 20.
Tàu NA5: xuất phát tại Hà Nội 6 giờ 15 đến Vinh 14 giờ 20.
Tàu NA6: xuất phát tại Vinh 11 giờ 05 đến Hà Nội 19 giờ 30.
Tàu 731: xuất phát tại Hà Nội 8 giờ 50 đến Vinh 17 giờ 00.
Tàu 732: xuất phát tại Vinh 9 giờ 00 đến Giáp Bát 17 giờ 00 về Hà Nội 20 giờ 20.
Tàu 731,732 dọc đường có dừng tại ga Thanh Hóa 5 phút để thay ban máy.

CÔNG TY VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐƯỜNG SẮT HÀ NỘI
KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH HÀNG SỨC KHỎE- HẠNH PHÚC

CÔNG ĐOÀN TỔNG CÔNG TY HÓA CHẤT VIỆT NAM



Địa chỉ: số 2 Phạm Ngũ Lão- Hà Nội * Điện thoại: (04) 9330014

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG ĐƯỜNG THỦY VIỆT NAM

VIETNAM WATERWAY CONSTRUCTION CORPORATION

Trụ sở công ty: 40 Phùng Hưng - Hà Nội
ĐT: (84-4) 9 285 109 * Fax: (84-4) 9 285 124
Website: http://www.vinawaco.com.vn
Chi nhánh Tổng công ty tại thành phố Hồ Chí Minh
Địa chỉ: 18E 3 Chu Văn An, phường 26, quận Bình Thạnh
ĐT: (84-8) 5 110 926/ 5 110 927 * Fax:(84-8) 8 040 576

Phấn đấu cho một tương lai tốt đẹp vì sự phát triển cộng đồng vì sự giàu mạnh của một đất nước vùng biển Đông. Hơn 40 năm qua, từ một vài đơn vị nhỏ làm nhiệm vụ đơn lẻ: Nạo vét, trục vớt, đảm bảo giao thông đường thủy, ngày nay, Tổng công ty Xây dựng đường thủy Việt Nam (VINAWACO) trở thành tổng công ty chuyên ngành duy nhất, hàng đầu Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xây dựng các công trình cảng đường thủy, thủy công, nạo vét mới và duy tu luồng vận tải biển, sông; san lấp mặt bằng, xây dựng các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu đô thị và khu dân cư mới; dự án cầu, đường bộ; dự án các ngành kinh tế trọng điểm của đất nước như: Thủy điện, dầu khí, than, xi măng, thép, thủy sản.

Ngoài ra Tổng công ty còn dịch vụ tư vấn thiết kế các công trình thủy, xuất khẩu lao động, xuất khẩu và sửa chữa công nghiệp.

AGRIBANK

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

Vàng Agribank

Tiêu chuẩn Quốc tế

Chế tác
Kinh doanh
Xuất nhập khẩu

Vàng trang sức, Vàng miếng "3 chữ A"



CÔNG TY KINH DOANH MỸ NGHỆ VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ AGRIBANK
AJC
Địa chỉ: Số 198 đường Thái Thịnh, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội
Điện thoại: (84.4) 5.146.421 / 5.146.417
Fax: (84.4) 5.146.424
Email: dzungngt@yahoo.com
Giám đốc: Ông Nguyễn Thanh Trúc Mobile: 0904.015.668

CÔNG TY KINH DOANH MỸ NGHỆ VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ AGRIBANK TP. HỒ CHÍ MINH
VJC
Địa chỉ: Số 3-5 đường Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (84.8) 8.210.422 / 8.231.918
Fax: (84.8) 8.222.865/8.215.324
Email: vjcvbard@hcm.vnn.vn
Giám đốc: Ông Nguyễn Minh Trí Mobile: 0903.960.436

HỆ THỐNG ĐẠI LÝ: 2.000 CHI NHÁNH AGRIBANK TRONG CẢ NƯỚC

www.agribank.com.vn

Agribank mang phồn thịnh đến với khách hàng

Digitized by Google

HUYỆN PHÚ GIÁO

Khu phố II, thị trấn Phước Vĩnh, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương

Với đặc thù là một huyện thuần nông, trong những năm qua dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, UBND huyện cùng sự nỗ lực không ngừng của cán bộ, nhân dân, huyện Phú Giáo đã nhanh chóng chuyển đổi cơ cấu vật nuôi, cây trồng với mũi nhọn là cây công nghiệp dài ngày và chăn nuôi gia súc. Sự chuyển đổi này đã mang lại hiệu quả kinh tế đáng kể cho địa phương với đà tăng trưởng bình quân đạt 9% theo hướng bền vững. Năm 2005 huyện Phú Giáo đã đạt được những thành tựu quan trọng rất đáng khích lệ.

Về kinh tế, nếu như năm 2001 cơ cấu kinh tế của huyện được xác định với tỷ lệ: nông - lâm nghiệp - 72,5%; công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - 14,7%; thương mại - dịch vụ - 12,8%, thì đến hết năm 2005 tỷ lệ này là 55,7%; 25% và 19,3%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 6,6 triệu đồng, tăng hơn 2 lần so với năm 2001.

Trên lĩnh vực văn hoá - xã hội, huyện cũng có những bước phát triển mạnh mẽ. Đến năm 2005 huyện đã có 03 trường THPT, 05 trường THCS và cả 11 xã, thị trấn đều đã có trường mầm non. Về y tế: huyện đã xây dựng bệnh viện đa khoa và đưa vào sử dụng năm 2005; có 5/ 11 trạm xá được công nhận đạt chuẩn quốc gia; chất lượng việc khám chữa bệnh cho nhân dân ngày càng được nâng cao.

Năm 2005, toàn huyện đã có 38 cơ sở đảng đạt danh hiệu "Trong sạch vững mạnh", 01 cơ sở khá, không có cơ sở yếu kém và có hơn 98% đảng viên hoàn thành và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Với niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vào sự nghiệp đổi mới của đất nước. Đảng bộ và nhân dân Phú Giáo quyết tâm thực hiện nhiệm vụ năm 2006 với thắng lợi cao nhất.



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

TRƯỜNG TRUNG HỌC CÔNG NGHỆ LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM

296 Lưu Hữu Phước, phường 15, quận 8, TP.Hồ Chí Minh
Điện thoại: 8756.993 - 8776.919 Fax: (08) 8756.634

THÔNG BÁO TUYỂN SINH NĂM 2006

I. HỆ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP

1. Ngành học
   - Chế biến và bảo quản lương thực
   - Công nghệ chế biến bảo quản thực phẩm
   - Kiểm nghiệm chất lượng lương thực thực phẩm (KCS)
   - Hạch toán kế toán
   - Điện công nghiệp và dân dụng
   - Sửa chữa và khai thác thiết bị cơ khí
2. Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT)
3. Thời gian đào tạo : 24 tháng
4. Ngày xét tuyển : 28/8/2006
5. Tiêu chí xét : Điểm trung bình các môn học lớp 12

II. HỆ TRUNG CẤP CHUYÊN NGHIỆP KHÔNG CHÍNH QUY

1. Ngành học
   - Chế biến và bảo quản lương thực
   - Công nghệ chế biến bảo quản thực phẩm
   - Kiểm nghiệm chất lượng lương thực thực phẩm (KCS)
   - Hạch toán kế toán
2. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT)
3. Thời gian đào tạo : 24 tháng
4. Ngày xét tuyển : 26/10/2006
5. Tiêu chí xét : Điểm trung bình các môn học lớp 12

III. HỆ TRUNG CẤP NGHỀ

1. Nghề
   - Chế biến và bảo quản nông sản
   - Mua bán, giao nhận và bảo quản vật tư hàng hóa
   - Sản xuất Bột ngọt - Gia vị - Sữa - Bánh - Mứt, Kẹo - Sản xuất đường
   - Tiện, Gò Hàn - Nguội - Điện công nghiệp - Điện lạnh - Điện tử - Sửa chữa máy nổ.
   - Thư ký văn phòng - Kiểm nghiệm các sản phẩm chế biến (Chỉ tuyển sinh học sinh tốt nghiệp THPT)
2. Đối tượng tuyển sinh : Tốt nghiệp PTCS trở lên
3. Thời gian đào tạo : 18-24 tháng
4. Hình thức : Xét tuyển
5. Ngày xét tuyển : 30/9/2006

IV. THỦ TỤC VÀ THỜI GIAN TUYỂN SINH

Hồ sơ tuyển sinh khai theo mẫu của Bộ GD&ĐT, Bộ LĐTB&XH, mua và nộp hồ sơ tại các cơ sở GD&ĐT, Sở LĐTB&XH các tỉnh, thành phố hoặc tại trường.

Mọi chi tiết xin liên hệ với:
Phòng Đào tạo - ĐT (08) 877 6919
Phòng công tác học sinh - ĐT: (08) 876 2612

Trường nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển từ ngày 04/03/2006

CÔNG TY TNHH XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 827536



Vì ích nước, lợi nhà hãy mua vé số Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH YÊN BÁI

Địa chỉ: km6- Phường Yên Thịnh- Tp. Yên Bái * Điện thoại: 029.852 469



Đồng chí Hoàng Đức Quế
Chủ tịch Liên đoàn Lao động Yên Bái

Thực hiện sự lãnh đạo của Đảng ủy khối cơ quan dân chính Đảng tỉnh Yên Bái, trong năm 2005 chi bộ cơ quan LĐLĐ tỉnh đã lãnh đạo cán bộ, đảng viên của chi bộ vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ với các kết quả cụ thể như sau:

1. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC:

- Đẩy mạnh công tác tuyên giáo của tổ chức công đoàn trong tình hình mới.
- Xây dựng kế hoạch tuyên truyền và kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm như kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Đảng, ngày Quốc tế lao động 1- 5...
- Tổ chức nhiều hoạt động khác như: phổ biến và thực hiện Nghị quyết 04 của Ban Chấp hành Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam về nâng cao tay nghề cho CNVC- LĐ, tổ chức triển khai Nghị quyết 46, 47 của Bộ chính trị, tổ chức nhiều cuộc thi được CNVC- LĐ tham gia sôi nổi như tìm hiểu "60 năm ngày thành lập nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ..."



2. CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA:

- Ngay từ đầu năm LĐLĐ tỉnh đã tổ chức phát động nhiều phong trào thi đua yêu nước.
- Tổng kết 5 năm phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo, đã có 58 tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc được tặng bằng khen và giấy khen.



3. CÔNG TÁC CHĂM LO VÀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI HỢP PHÁP CHO CNVC- LĐ, ĐẨY MẠNH CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG ĐOÀN:

- LĐLĐ Tỉnh đã tham gia tích cực các công tác sắp xếp lại doanh nghiệp, bố trí lao động và kiểm tra giám sát chặt chẽ việc thực hiện các chế độ, chính sách cho CNVC- LĐ.
- Tiếp tục duy trì 8 dự án với số tiền 730 triệu đồng nhằm giải quyết việc làm cho CNVC- LĐ.
- Thường xuyên quan tâm công tác phát triển đoàn viên, xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

4. CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- Công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, học tập các chỉ thị, nghị quyết của Đảng được tổ chức thường xuyên.
- Quy chế Dân chủ ở cơ sở được thực hiện nghiêm túc, mỗi đảng viên đều nêu cao tinh thần phê và tự phê, gương mẫu thực hiện Pháp lệnh Công chức.
- Xếp loại đảng viên năm 2005: 100% đảng viên đạt tiêu chuẩn đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Trong năm 2006, LĐLĐ tỉnh Yên Bái quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách; đẩy mạnh phong trào CNVC- LĐ và hoạt động công đoàn, góp phần xây dựng quê hương Yên Bái ngày càng giàu đẹp.



Trong năm 2006, LĐLĐ tỉnh Yên Bái quyết tâm vượt qua khó khăn, thử thách đẩy mạnh phong trào CNVC- LĐ và hoạt động công đoàn, góp phần xây dựng quê hương Yên Bái ngày càng giàu đẹp.

Digitized by Google

5130

THỊ XÃ MÓNG CÁI

Địa chỉ : Đường Hữu Nghị - thị xã Móng Cái - tỉnh Quảng Ninh.
Điện thoại: 033. 883 857 * Fax : 033. 881 120.
Bí thư : NGUYỄN VĂN TRUNG

Sáu tháng đầu năm 2006, Đảng bộ thị xã tập trung lãnh đạo cấp ủy Đảng, chính quyền, tổ chức chính trị - xã hội các cấp; tổ chức triển khai học tập nghị quyết đại hội Đảng các cấp đến các tổ chức Đảng, đảng viên đạt kết quả cao. Kinh tế, xã hội của Thị xã phát triển ổn định, đạt mức tăng trưởng khá; thu ngân sách đạt khá, lĩnh vực nông, lâm nghiệp, xây dựng cơ bản đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Lĩnh vực văn hoá xã hội được tập trung chỉ đạo, tuyên truyền có hiệu quả, tạo được sự đồng thuận trong xã hội. Hệ thống chính trị của Thị xã ổn định, tiếp tục được kiện toàn, củng cố; Quốc phòng, an ninh được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân không ngừng được cải thiện, nhân dân phấn khởi tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

1. Hoạt động các ngành dịch vụ

- Thương mại: Hoạt động thương mại xuất nhập khẩu phát triển ổn định. Tổng kim ngạch hàng hóa xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Móng Cái 6 tháng đầu năm ước đạt 797,5 triệu USD, tăng 49,1% so CK.

Thị xã đã tổ chức Hội chợ du lịch, thời trang và quà tặng Móng Cái năm 2006 thành công tốt đẹp, mở ra khả năng mới trong việc huy động, thu hút các doanh nghiệp tham gia Hội chợ.

- Du lịch: Trong 6 tháng, qua lại cửa khẩu Móng Cái có khoảng 1.261.075 lượt người, tăng 19,5% CK.

- Giao thông vận tải: Đảm bảo thông suốt, an toàn; khối lượng vận tải hàng hoá ước đạt 855 ngàn tấn, tăng 3% CK; vận tải hành khách đạt 825 ngàn lượt người, tăng 6% CK; tổng doanh thu vận tải ước đạt 9,2 tỉ đồng, tăng 10% CK.

- Hoạt động bưu chính viễn thông: Đã chú trọng đầu tư hiện đại cơ sở vật chất kỹ thuật, nâng cấp chất lượng dịch vụ, góp phần phục vụ sản xuất, phát triển kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng.

2. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp:

Ngành CN-TTCN phát triển ổn định, đạt mức tăng trưởng khá. Tổng giá trị sản lượng hàng hoá (theo giá thực tế) đạt 234,6 tỉ đồng, bằng 57,22% KH, tăng 43,08% CK.

3. Sản xuất nông, lâm, nghiệp:

- Trồng trọt: Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng sản xuất hàng hoá, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.

- Chăn nuôi: Thị xã đã tập trung chỉ đạo các ngành chức năng thực hiện đồng bộ các biện pháp kiểm tra, kiểm soát đường biên, cửa khẩu, thành lập các chốt kiểm dịch.

4. Tài chính, ngân hàng:

Đến hết ngày 18/06/2006, tổng thu ngân sách trên địa bàn thị xã: 183,09 tỉ đồng, đạt 72,2% KH, tăng 24,5% CK.

5. Thu hút vốn đầu tư nước ngoài:

Đến nay, trên địa bàn thị xã có 21 dự án thuộc các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng số vốn đầu tư đăng ký 169,8 triệu USD.

6. Công tác xây dựng Đảng:

Trong công tác chỉ đạo, lãnh đạo, Thị Uỷ và cấp ủy đã bám sát chương trình công tác năm, cụ thể hoá thành kế hoạch, nhiệm vụ của tháng, quý, năm, kịp thời bổ sung những vấn đề mới phát sinh.

Ngoài việc lãnh đạo theo chương trình, kế hoạch, các đồng chí lãnh đạo chủ chốt cấp uỷ đã tăng cường kiểm tra, trực tiếp làm việc với một số sở, ban, ngành của tỉnh và các xã, phường, cơ quan trên địa bàn, kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc để thực hiện đúng lộ trình xây dựng Móng Cái trở thành Thành phố trước năm 2010 theo Nghị quyết 19 của Tỉnh uỷ và Nghị quyết 54 của Bộ Chính trị.

Tiếp tục chỉ đạo các xã, phường, tổ chức chính trị xã hội quan tâm công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thời kỳ 2006-2010. Tăng cường công tác phát triển Đảng, phấn đấu xoá vùng trắng đảng viên, 6 tháng đã kết nạp được 62 đảng viên, tăng 3,3% CK.



Trung tâm Thương mại Móng Cái



Bến xuất nhập khẩu Ka Long - Móng Cái



Xe ô tô chờ xuất cảnh tại cửa khẩu Móng Cái

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU 5 NĂM 2006 - 2010

Kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm đạt từ 14% trở lên
Giá trị các ngành dịch vụ tăng từ 18% đến 19 %/năm
Giá trị sản xuất công nghiệp,xây dựng tăng trên 20%/năm
Tỷ trọng ngành dịch vụ chiếm 70%, công nghiệp 18% và nông nghiệp chiếm 12% giá trị kinh tế của Thị xã
Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tăng trên 6% năm.

Văn hóa - xã hội

Giải quyết việc làm hàng năm : 2000 - 3500 lao động
Giảm hộ nghèo hàng năm : 1,3% - 1,5%/năm (theo tiêu chí mới)
Giảm tỷ suất sinh bình quân 0,2%/năm
Giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 từ 1,5% - 2%/năm, đến năm 2010 còn dưới 10%
Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng giảm bình quân 0,5%/năm, đến năm 2010 còn dưới 12%.
95% số thôn, bản, khu phố có nhà sinh hoạt cộng đồng
100% trạm y tế xã, phường có bác sỹ
Số dân được dùng nước sạch khu vực đô thị là 100%, khu vực nông thôn là 80%
Trên 98% số dân được dùng điện lưới quốc gia

Xây dựng Đảng,chính quyền, đoàn thể

Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng TSVM từ 65% trở lên
Phát triển đảng viên mới bình quân 5% - 6%/năm
Xây dựng tổ chức chính quyền, cơ quan, đoàn thể đạt vững mạnh từ 65% trở lên.

Với những thành tích nổi bật trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thị xã Móng Cái đã 2 lần được Đảng, Nhà nước phong tặng đơn vị anh hùng
- Anh hùng Lực lượng Vũ trang trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp
- Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới.



Cảng cửa khẩu Vạn Gia - Vĩnh Thực

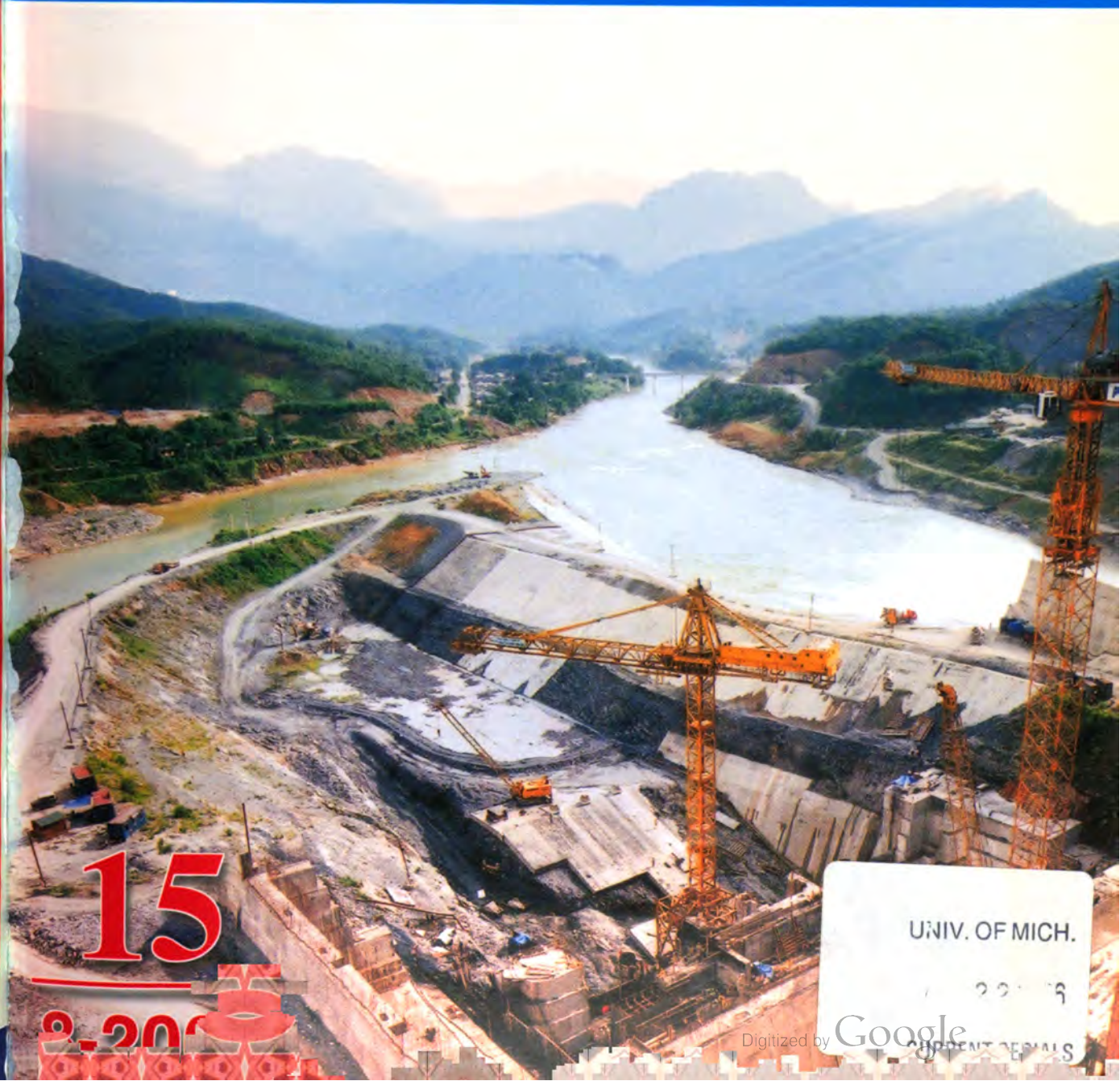
Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 6000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



15
8-20

UNIV. OF MICH.
Digitized by Google
CURRENT PERIODICALS

TỈNH VĨNH PHÚC

THỊ XÃ VĨNH YÊN

THÀNH TỰU KINH TẾ - XÃ HỘI NỔI BẬT NHIỆM KỲ 2000-2005

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 5 năm (2001 - 2005) là 22,6%(tỉnh đạt 14,4%).
- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch mạnh theo hướng tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp dịch vụ, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp. Năm 2005 công nghiệp xây dựng đạt 49,2%; Dịch vụ 45,6%, nông - lâm nghiệp - thuỷ sản 5,2%.
- Thu nhập bình quân đầu người năm 2005 đạt 988 USD (mục tiêu đề ra là 360 USD)
- Tổng thu ngân sách 5 năm đạt 347,3 tỉ đồng, tăng bình quân 34,1%; chi ngân sách 148,5 tỉ đồng tăng bình quân 38,1%.
- CN xây dựng có mức tăng trưởng cao, bình quân giá trị sản xuất hằng năm đạt 54,9% (MTĐH 16,2%; MTCL 18%; tỉnh đạt 22,1%). CN có vốn đầu tư nước ngoài tăng mạnh, giá trị sản xuất tăng 121%/năm, thu hút 32 dự án, giải quyết việc làm cho trên 8.000 lao động (MTĐH 5.500).
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm từ 8,7% (năm 2001) xuống còn 3% (năm 2005) tiêu chí mới tỷ lệ hộ nghèo của thị xã hiện nay là 6,2%.
- Thị xã đã xây mới và sửa chữa 82 nhà tình nghĩa trị giá: 1,426 tỉ đồng, đã xoá xong nhà tạm, nhà tranh tre dột nát.
- Giáo dục - đào tạo đạt chuẩn phổ cập tiểu học đúng độ tuổi và hoàn thành phổ cập THCS vào năm 2002.
- Về y tế: 100% xã, phường có trạm y tế, 4,5 bác sỹ/ 1 vạn dân. Có 3 xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế xã.
- Năm 2005, tỷ lệ tăng dân số tự nhiên: 1, 03 % (MTĐH 1,1%).
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi còn 18,5%, giảm 11,5% so với năm 2000.
- Có 80% số hộ gia đình đạt tiêu chuẩn gia đình văn hoá, 55/112 thôn, làng khu phố đạt tiêu chuẩn văn hoá.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng đạt TSVM tăng từ 60,7% (năm 2000) lên 76,5% (năm 2004). Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 57,5% (năm 2002) lên 63,7% (năm 2004). Đảng viên không đủ tư cách giảm từ 0,53% năm xuống còn 0,35% năm 2004. Trong 5 năm đã kết nạp được 850 đảng viên mới.



Đồng chí
NGUYỄN VĂN MẠC
Uỷ viên BTV Tỉnh ủy
Bí thư thị ủy Vĩnh Yên.



Năm 2001 thị xã Vĩnh Yên đã được Nhà nước phong tặng danh hiệu:
Anh hùng LLVTND thời kỳ chống Pháp



MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA THỊ XÃ VĨNH YÊN

1. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2010

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2006 - 2010 đạt 20% năm.
Trong đó:
+ CN xây dựng tăng 21,1% năm.
+ Dịch vụ tăng 17 % năm.
+ Nông lâm nghiệp thuỷ sản tăng 4,2% năm.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2010: Dịch vụ 50%; CNXD 47%; nông - lâm nghiệp - thuỷ sản 3%
- Thu nhập bình quân đầu người đến 2010 đạt 1350 USD (gấp 1,3 lần so với bình quân trung bình của tỉnh)
- Tỷ lệ gia đình VH đạt trên 90%. Thôn, làng, khu phố đạt chuẩn VH trên 80%.
- Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên 1% năm.
- Số lao động được giải quyết việc làm: trên 2.000 người/ năm.
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 40 - 45%.
- Cơ cấu lao động: công nghiệp xây dựng và dịch vụ: trên 80%; nông - lâm nghiệp - thuỷ sản: dưới 20%.
- Tỷ lệ hộ nghèo giảm mỗi năm 1%
- Tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em còn dưới 15%.
- 100% xã, phường đạt chuẩn quốc gia về y tế: 5,5 bác sỹ/vạn dân
- Năm 2010 đạt phổ cập THPT.
- Kết nạp người vào Đảng hằng năm từ 170 người trở lên.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở Đảng đạt TSVM hàng năm trên 80%.

2. MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2020

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2010 - 2020 khoảng 15%/năm.
- GDP bình quân đầu người đến 2020 đạt 3000 USD/ năm.
- Cơ cấu kinh tế đến năm 2020:
+ Dịch vụ CNXD: 98 - 99%
+ Nông Lâm nghiệp thủy sản: 1 - 2%
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo: 60 - 65%
- Cơ cấu lao động: công nghiệp xây dựng trên 90%; nông - lâm nghiệp - thủy sản dưới 10%.

Thị xã Vĩnh Yên đang phấn đấu và đã hoàn toàn đủ điều kiện trở thành thành phố vào đầu năm 2007.

Khu công nghiệp Khai Quang
Digitized by



THÁNG 2 KỲ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 761

15

8-2006

● **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

● **Tổng Biên tập :**
TẠ NGỌC TẤN



Bìa 1: Xây dựng nhà máy thủy điện Na Hang (Tuyên Quang)

Ảnh: TRẦN TUẤN (TTXVN)

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TÔ HUY RỨA - Phát huy vai trò động lực của văn hóa đối với sự phát triển kinh tế - xã hội 3

HÀ ĐĂNG - Đại hội X - nhìn từ mục tiêu tổng quát và nhiệm vụ xây dựng Đảng 9

VƯƠNG ĐÌNH HUỆ - Kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo - một biện pháp quan trọng trong phòng và chống tham nhũng, lãng phí 14

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

HỒ NGỌC LUẬT - Hướng phát triển thị trường khoa học và công nghệ ở nước ta 20

NGUYỄN NHÂM - Tìm hiểu quan điểm đảng viên làm kinh tế tư nhân trong văn kiện Đại hội X của Đảng 25

MAI HẢI OANH - Về phát triển văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 29

NGUYỄN ĐỨC LỮ - Tôn giáo cùng tồn tại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội 34

HỘI NGHỊ KHOA HỌC - THỰC TIỄN

Mười lăm năm xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất

*** Tổng thuật Hội nghị 38

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN SỸ - Bắc Ninh đẩy nhanh lộ trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn 45

NGUYỄN VIẾT KHAI - Công tác xây dựng Đảng ở một trường quân đội anh hùng 50

ĐẶNG VŨ LIÊM - Đổi mới sinh hoạt đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng đồn biên phòng 54

DANH NGỌC HÙNG - Giải pháp nâng cao đời sống vùng đồng bào dân tộc Khơ-me ở Kiên Giang 58

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

HOÀNG THỊ CHỈNH - Từ vụ PMU 18: nghĩ về công tác cán bộ ở nước ta 63

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Cái "sân sau" 66

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH - Kinh tế - chính trị châu Phi thập niên đầu thế kỷ XXI 68

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• ТО ХУ РЫА: Повышение роли движущей силы культуры в социально-экономическом развитии. • ХА ДАНГ: X съезд Компартии Вьетнама – рассмотрение под углом зрения об общей цели и задачах партийного строительства. • ВЫОНГ ДИНЬ ХУЭ: Контроль над экономической ответственностью руководящих работников – одни из важных методов в предупреждении и борьбе с коррупцией и расточительством. • ХО НГОК ЛУАТ: Направления развития научных и технологических рынков во Вьетнаме. • НГУЕН НЬЯМ: Изучение концепции о занятии членов Компартии частной экономикой в Материалах X съезда Компартии Вьетнама. • МАЙ ХАЙ ОАНЬ: О культурном развитии в условиях рыночной экономики с социалистической ориентацией во Вьетнаме. • НГУЕН ДЫК ЛЫ: Сосуществование религий в процессе строительства социализма. • НГУЕН ШИ: Провинция Бакнинь ускоряет процесс индустриализации, модернизации сельского хозяйства, сельских деревень. • ДАНГ ВУ ЛИЕМ: Обновление партийной деятельности, повышение руководящей способности и боевитости первичных парторганизаций в пограничных заставах. • ДО ДЫК ТХИНЬ: Экономика-политика Африки в первое десятилетие XXI века.

CONTENTS

• TÔ HUY RÚA: Promoting the impulse role of culture for socio - economic development. • HÀ ĐĂNG: Xth Party Congress - viewed from the comprehensive objectives and the task of Party building. • VƯƠNG ĐÌNH HUỆ: Auditing the economic responsibilities of leading cadres - an important measure to prevent and resist corruption and squandering. • HÔ NGỌC LUẬT: Developmental direction of scientific and technology market in our country. • NGUYỄN NHÂM: Studying the viewpoint on private business doing by Party members in documents of Xth Party Congress. • MAI HẢI OANH: Regarding cultural development under socialist-oriented market economy in our country. • NGUYỄN ĐỨC LỮ: Religion is coexisting with the process of socialism building. • NGUYỄN SỸ: Bắc Ninh provice accelerates industrialisation, modernisation of agriculture and the rural areas. • ĐẶNG VŨ LIỄM: Renovating the Party's activities, enhancing the leadership capability and fighting power of grassroots Party organisations at border posts. • ĐỖ ĐỨC ĐỊNH: African politics-economy in the first decade of the 21st century.

SOMMAIRE

• TÔ HUY RÚA : Faire valoir le rôle moteur de la culture dans le développement socio-économique. • HÀ ĐĂNG : Le Xe Congrès national du PCV – vu de l'angle des objectifs majeurs et de la tâche d'édification du Parti. • VƯƠNG ĐÌNH HUỆ : Auditer la responsabilité économique des cadres dirigeants – une mesure importante dans la prévention et la lutte contre la corruption et le gaspillage. • HÔ NGỌC LUẬT : Orientation de développement du marché scientifique et technique au Vietnam. • NGUYỄN NHÂM : Chercher à comprendre le point de vue sur l'économie privée des membres du Parti dans les Documents du Xe Congrès national du Parti. • MAI HẢI OANH : Sur le développement de la culture dans l'économie de marché à orientation socialiste dans notre pays. • NGUYỄN ĐỨC LỮ : Coexistence des religions dans le processus d'édification du socialisme. • NGUYỄN SỸ : La province de Bắc Ninh accélère l'itinéraire de l'industrialisation et de la modernisation de la campagne. • ĐẶNG VŨ LIỄM : Rénover les activités du Parti, rehausser la capacité de direction et la combativité de l'organisation de base du Parti dans les postes frontaliers. • ĐỖ ĐỨC ĐỊNH : Situation socio-politique de l'Afrique dans la première décennie du XXIe siècle.

SUMARIO

• TÔ HUY RÚA: Desplegar el rol de fuerza motriz de la cultura para con el desarrollo socioeconómico. • HÀ ĐĂNG: El X Congreso Nacional del PCV – vista partida de la meta general y la tarea de construcción del Partido. • VƯƠNG ĐÌNH HUỆ: La verificación de responsabilidad económica a los cuadros de dirección – una importante medida en la prevención y la lucha contra la corrupción y el despilfarro. • HÔ NGỌC LUẬT: La dirección del desarrollo de mercado científico y tecnológico en nuestro país. • NGUYỄN NHÂM: A conocer la visión sobre la práctica del militante del Partido en la economía privada manifestada en los documentos del X Congreso Nacional del PCV. • MAI HẢI OANH: A cerca del desarrollo cultural en la economía mercantil a orientación socialista en Vietnam. • NGUYỄN ĐỨC LỮ: La coexistencia de religión en el proceso de construcción socialista. • NGUYỄN SỸ: La aceleración del itinerario de industrialización y modernización de la agricultura y del campo en la provincia de Bắc Ninh. • ĐẶNG VŨ LIỄM: La renovación de actividades del Partido y la elevación de capacidad directiva y combativa de las organizaciones de base del Partido en los puestos de tropas guardafronteras. • ĐỖ ĐỨC ĐỊNH: La economía-política de África en la primera década del siglo XXI.

目 录

• 苏辉若：发挥对于经济——社会发展的文化动力作用 • 何登：从总体目标和党建任务看十大 • 王亭恩：对领导干部进行经济责任审计——防范及反腐败浪费的一项重要措施 • 胡玉律：我国科学及技术市场的发展方向 • 阮壬：了解党的十大文件中有关党员从事私营经济的观点 • 梅海莺：关于在我国社会主义定向的市场经济下发展文化 • 阮德旅：宗教在建设社会主义进程中共存 • 阮士：北宁省加快工业化农业与农村现代化进程 • 邓武廉：提高边防哨所基层党组织的领导能力及战斗力，革新党组织生活 • 杜德定：二十一世纪初十年非洲的经济——政治。

Digitized by Google

PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘNG LỰC CỦA VĂN HÓA ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

TÔ HUY RÚA *

Từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, loài người tiến vào thời kỳ cách mạng khoa học - kỹ thuật lần thứ ba, được gọi là cuộc cách mạng khoa học - công nghệ. Đây là thời kỳ có nhiều sự phát triển mới, trong đó có kinh tế tri thức và sự xuất hiện *quan hệ mới giữa văn hóa và kinh tế*. Đặc trưng quan trọng của sản xuất trí tuệ hóa là "kinh tế hóa văn hóa" và "văn hóa hóa kinh tế", từ đó nảy sinh xu thế nhất thể hóa văn hóa kinh tế đương đại. Nhận thức được tầm quan trọng của văn hóa, ngay từ Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, khóa VIII, Đảng ta đã đề ra chính sách *văn hóa trong kinh tế*. Vấn đề văn hóa trong phát triển ngày càng được quan tâm nhận thức và vận dụng vào thực tiễn đổi mới ở nước ta. Cùng với phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, Đảng ta nhấn mạnh phát triển văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội.

Văn hóa đóng vai trò là động lực và mục tiêu của sự phát triển kinh tế - xã hội. Để phát huy có hiệu quả hơn vai trò của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội và xử lý đúng đắn sự tác động qua lại giữa kinh tế và văn hóa, Đảng ta trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội X chỉ rõ phải *gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn nữa giữa văn hóa và kinh tế*.

I - VĂN HÓA LÀ ĐỘNG LỰC THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Văn hóa trở thành động lực của phát triển kinh tế là kết quả tất nhiên khi kinh tế phát triển tới một trình độ nhất định. Cùng với sự phát triển kinh tế và mức thu nhập bình quân đầu người tăng cao, sức lao động và giá trị sản xuất đã chuyển dịch từ nông nghiệp sang công nghiệp, rồi từ công nghiệp sang dịch vụ. Hiện nay, trong kết cấu kinh tế của các quốc gia phát triển, giá trị tăng trưởng của dịch vụ đạt đến 70% - 80%. Để thích ứng với điều đó, các loại hình nguồn lực mà phát triển kinh tế phải trông chờ vào cũng thay đổi, từ nguồn lực tài nguyên thiên nhiên và sức lao động tiến sang nguồn lực vốn, rồi tiến tới nguồn lực tri thức kỹ thuật. Động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển kinh tế giờ đây không chỉ còn là sức lao động và tư bản nữa, mà bao gồm cả tri thức, khoa học, kỹ thuật, công nghệ... Những tri thức đó mang sức mạnh của nguồn lực trí tuệ, do đó không tách rời mà gắn liền với con người, với năng lực và trình độ của chủ thể người - chủ thể sáng tạo văn hóa.

* PGS, TS, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Digitized by Google

Nguyên nhân trực tiếp khiến văn hóa trở thành động lực của phát triển kinh tế là sự thay đổi của kết cấu kinh tế. Nhưng nguyên nhân chủ yếu lại là sự biến đổi của nhu cầu. Nhu cầu của con người phát triển từ thấp đến cao mà *văn hóa chính là nhu cầu cao cấp nhất của con người. Sản xuất vật chất ngày nay vừa phải tạo ra sản phẩm đáp ứng các nhu cầu kinh tế của xã hội, trong đó có nhu cầu của chính nền sản xuất; đồng thời phải tạo ra sản phẩm đáp ứng các nhu cầu tinh thần của từng cá nhân người và toàn xã hội. Lôgíc tồn tại và vận động của sản xuất và kinh tế hiện đại đang tạo ra tiền đề và điều kiện làm gia tăng vai trò của yếu tố văn hóa nói chung và nhu cầu tinh thần nói riêng.* Tạp chí Thời đại của Mỹ tháng 12-1999 dự đoán rằng, trước và sau năm 2015 các quốc gia phát triển sẽ tiến với thời đại nhàn nhã vui chơi giải trí. Ngành công nghiệp giải trí sẽ chiếm 1/2 trong tổng giá trị sản xuất quốc dân nước Mỹ, còn hiện nay ngành công nghiệp giải trí đã trở thành một hoạt động kinh tế hàng đầu của nước Mỹ. Ngành vui chơi giải trí kỹ thuật số có thể sẽ thay thế ngành điện ảnh vào thế kỷ XXI và trở thành một bộ phận tạo nên sản nghiệp vui chơi giải trí quan trọng nhất. Việc phổ biến hóa nhu cầu cao cấp của mọi người là nguồn phát triển của công nghiệp văn hóa.

Là một trong những động lực phát triển kinh tế, văn hóa phát huy tác dụng đối với phát triển kinh tế - xã hội bằng hai phương thức: trực tiếp và gián tiếp. Trên quan điểm *hoạt động* và *sản xuất* ra vật phẩm và giá trị, bản thân văn hóa cũng có ngành công nghiệp văn hóa, nó tham gia trực tiếp vào quá trình phát triển kinh tế. Ở một nước, công nghiệp văn hóa đã trở thành một trong những ngành công nghiệp phát triển nhất, có lợi nhuận cao nhất. Nhiều quốc gia phát triển trên thế giới đều coi trọng phát triển công nghiệp văn hóa cũng là vì lẽ đó. Cùng với phương thức trực tiếp, phát triển mạnh mẽ công nghiệp văn hóa, chúng ta không thể coi nhẹ phương thức gián tiếp. Phương thức gián tiếp là thông qua việc thẩm thấu vào các tầng diện và các khâu của phát triển kinh tế, văn hóa thực hiện vai trò động lực và trở thành yếu tố điều tiết sự phát triển. Trong quá trình tiêu dùng sản phẩm vật chất, nếu sản phẩm ấy có tác dụng tăng thêm sự thoải mái và thích thú về tinh thần thì quá trình tiêu thụ sản phẩm chắc chắn sẽ hiệu quả hơn do đó sẽ tăng nhanh lợi nhuận. Điều đó giải thích vì sao các nhà sản xuất ngày càng phải quan tâm thích đáng đến yếu tố văn hóa của sản phẩm mình làm ra, đẩy mạnh hoạt động tiếp thị, làm cho sản phẩm thích nghi ngày càng sâu đối với văn hóa tiêu dùng của các nhóm khách hàng... Thông qua việc đưa nhân tố văn hóa xuyên thấm một cách rộng rãi và sâu sắc đến các tầng diện và các khâu của phát triển kinh tế, văn hóa và kinh tế được nhất thể hóa với nhau và thúc đẩy nhau phát triển một cách hài hòa toàn diện. Trong điều kiện đạt được sự nhất thể hóa hợp lý, nội dung và phương thức phát triển kinh tế và phát triển văn hóa đều có những thay đổi sâu sắc.

Mặc dù văn hóa tác động đến phát triển kinh tế, nhưng vì văn hóa không phải là nhân tố tồn tại cô lập, cho nên không thể xác định mối quan hệ giữa văn hóa với phát triển kinh tế một cách đơn giản. Chúng tồn tại tương hỗ ràng buộc và chi phối lẫn nhau theo quy luật nhân - quả. Vì thế, không thể bàn luận một cách chung chung trừu tượng về mối quan hệ giữa chúng mà phải đặt chúng vào trong điều kiện lịch sử nhất định của một quốc gia để tiếp cận, nghiên cứu; đồng thời, cần chú ý đến sự thống nhất giữa trạng thái tĩnh và động trong văn hóa và mối quan hệ giữa văn hóa với kinh tế. Lấy Việt Nam làm thí dụ: Vào những năm đầu của thời kỳ đổi mới chúng ta đã chuyển từ nền kinh tế kế hoạch sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hiện nay chúng ta đang chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Để thực hiện bước chuyển quan trọng này của phát triển phải rất chú

Digitized by Google

trọng *nhân tố điều kiện* và cơ chế thực hiện nó. Đảng ta luôn nhấn mạnh phải giữ vững *ổn định chính trị, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc*. Với quan điểm đúng đắn đó sự phát triển của Việt Nam trong 20 năm qua luôn giữ được sự ổn định, đó là sự ổn định tích cực về chính trị và xã hội. Thành quả này không chỉ là thành quả của đổi mới chính trị mà sâu xa hơn còn là sự phát triển văn hóa chính trị, là năng lực văn hóa của chủ thể lãnh đạo, quản lý là Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị. Có thể thấy niềm tin, thái độ và quan điểm giá trị là những yếu tố có khả năng thúc đẩy hoặc kìm hãm đối với phát triển kinh tế. Sự phát triển bền vững của nước ta trong thời gian tới sẽ tùy thuộc rất nhiều vào cách xử lý mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa để từ đó phát huy vai trò động lực của văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội.

Ngày nay, một phong trào được gọi là văn hóa doanh nghiệp đã hình thành trong giới doanh nghiệp ở những nước phát triển như Mỹ, Tây Âu và đặc biệt là Nhật Bản. Ngay sau đó, nó đã nhanh chóng lan ra khắp thế giới. Về cơ bản đây là nhu cầu xuất phát từ sự sinh tồn và phát triển của doanh nghiệp. Muốn sinh tồn, phát triển, doanh nghiệp phải xử lý chính xác các mối quan hệ đối với môi trường bên ngoài, đồng thời tùy vào sự biến đổi của môi trường mà điều chỉnh chiến lược phát triển của chính doanh nghiệp đó. *Văn hóa doanh nghiệp* là biểu trưng cho tính đặc thù của doanh nghiệp, là cầu nối duy trì sự hòa nhập bên trong và bên ngoài doanh nghiệp, là hàn thử biểu thể hiện chiến lược phát triển doanh nghiệp, cũng là yếu tố cho thấy doanh nghiệp có thích ứng với cách quản lý doanh nghiệp trong thời đại ngày nay hay không. Văn hóa sản xuất, văn hóa kinh doanh là văn hóa nói lên trình độ hoạt động sản xuất - kinh doanh của các doanh nhân, các chủ doanh nghiệp. Do đó, văn hóa doanh nghiệp, văn hóa sản xuất kinh doanh và văn hóa doanh nhân là một tổng hợp sức mạnh của động lực văn hóa đối với phát triển kinh tế - xã hội nhìn từ mối quan hệ qua lại giữa kinh tế và văn hóa. Để nâng cao văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo động lực phát triển kinh tế cần quan tâm đến ba phương diện sau:

Một là, thay đổi quan điểm giá trị doanh nghiệp. Quan điểm giá trị lấy *doanh nghiệp là trung tâm* đã nhường chỗ cho quan điểm *khách hàng là trung tâm* với khẩu hiệu "khách hàng là thượng đế", đã phản ánh rất rõ sự thay đổi có tính căn bản trong đời sống doanh nghiệp. Như vậy, việc tìm kiếm lợi nhuận của doanh nghiệp phải gắn liền với việc tạo nên những sản phẩm phù hợp với thị hiếu, sở thích, tâm lý luôn biến đổi và ngày càng cao của khách hàng. Đã qua rồi thời kỳ nhà sản xuất bắt người tiêu dùng sử dụng những sản phẩm vừa xấu về hình thức, vừa kém về chất lượng như thời bao cấp trước đây. Điều đó đòi hỏi doanh nghiệp phải có chiến lược phát triển kinh doanh đúng đắn và xây dựng văn hóa doanh nghiệp phù hợp với thực tế. Nếu doanh nghiệp tự giác lấy quan điểm giá trị khách hàng làm trung tâm để xây dựng doanh nghiệp thì quan hệ giữa doanh nghiệp với xã hội sẽ thuận lợi, sản phẩm của doanh nghiệp sẽ được ưa chuộng, sức sống của doanh nghiệp sẽ được nâng cao.

Hai là, xây dựng năng lực tự giác về văn hóa. Sự tốt đẹp của văn hóa doanh nghiệp không những thể hiện ở trạng thái *tĩnh* (như là quan điểm, giá trị, ý tưởng và sứ mệnh của doanh nghiệp) mà còn thể hiện ở trạng thái *động* (sự chuyển biến hành vi kinh doanh và sự thay đổi chiến lược phát triển của doanh nghiệp). Điều đó đòi hỏi toàn thể công nhân viên chức của doanh nghiệp phải tự giác chấp hành văn hóa doanh nghiệp. Trình độ hiểu biết và năng lực tự giác chấp hành văn hóa doanh nghiệp là yếu tố then chốt quyết định hình ảnh tốt đẹp của doanh nghiệp và uy tín của doanh nghiệp đối với khách hàng. Vào cuối thập kỷ 90 của thế kỷ trước, các nhà quản lý của

Digitized by Google

Hàn Quốc đã rất chú trọng đưa nhân tố văn hóa vào các chương trình, dự án và chính sách phát triển, nhất là phát triển kinh tế. Văn hóa được coi là tiềm lực phát triển của các doanh nghiệp.

Một nền kinh tế thị trường phát triển theo hướng văn minh và hiện đại không thể không chú trọng văn hóa trong kinh tế.

Các doanh nhân, chủ doanh nghiệp đã thấy sự cần thiết phải xây dựng triết lý kinh doanh, coi đó là tinh thần chủ đạo trong hoạt động quản lý, là định hướng mục tiêu để phát triển doanh nghiệp. Xã hội hiện đại ngày nay với vai trò ngày càng gia tăng của học vấn, tri thức, của tiến bộ khoa học - công nghệ đã tất yếu phải chú trọng xây dựng nhu cầu học tập của người lao động, của công nhân, viên chức, tạo dựng hình ảnh của một xã hội học tập với nền giáo dục liên tục, suốt đời. Đó là gì nếu không phải là sức mạnh thúc đẩy của văn hóa đối với kinh tế.

Học vấn, chuyên môn, sự thành thạo, tinh thông nghiệp vụ và nói rộng ra là văn hóa không chỉ là tăng chất lượng của nguồn nhân lực lao động mà còn nâng cao chất lượng, giá trị của sản phẩm hàng hóa, tăng năng suất lao động xã hội, từ đó làm tăng lợi nhuận trong kinh doanh và tăng trưởng kinh tế nói chung.

Văn hóa còn tham dự vào các quá trình cải biến cơ chế quản lý theo hướng tích cực và tiến bộ, *văn hóa* quan hệ giữa các nhà sản xuất - kinh doanh với khách hàng, tạo ra uy tín và ảnh hưởng xã hội của doanh nghiệp làm cho mỗi doanh nghiệp, doanh nhân tự biểu hiện và tự khẳng định mình như một *thương hiệu* qua các sản phẩm và giá trị.

Thương hiệu cũng không chỉ được nhìn nhận từ bình diện kinh tế thuần túy mà *có thể* và *cần* được đánh giá từ lăng kính văn hóa.

Ba là, tạo ưu thế riêng về văn hóa để tăng cường sức cạnh tranh của doanh nghiệp. Sức cạnh tranh của doanh nghiệp phụ thuộc vào các nhân tố như đổi mới kỹ thuật công nghệ, đổi mới tổ chức, đổi mới cơ chế quản lý, đổi mới chính sách và khách hàng v.v... Không thể phủ nhận rằng đổi mới kỹ thuật công nghệ là nhân tố có tính cơ sở tạo nên sức cạnh tranh cơ bản của doanh nghiệp. Nhưng vì tính chất có thể bắt chước và tính chất khuếch tán của kỹ thuật công nghệ mà địa vị của nó trong sức cạnh tranh doanh nghiệp có thể không lâu dài. Đó là lúc vai trò của văn hóa nổi lên rõ nét bởi lẽ các nhân tố văn hóa doanh nghiệp như triết lý, quan điểm giá trị độc đáo với hệ thống ý tưởng, phương thức hành vi sẽ tạo nên cá tính, bản sắc độc đáo của doanh nghiệp. Cá tính đó có đặc điểm rất khó bắt chước hay chí ít cũng không thể bắt chước được toàn bộ. Trong hoàn cảnh ấy, nó trở thành nhân tố then chốt tạo nên sức cạnh tranh cơ bản của doanh nghiệp. Do đó, việc xây dựng văn hóa doanh nghiệp tốt đẹp không những là sự đổi mới khiến cho đối thủ cạnh tranh không thể bắt chước được và đó còn là sự đổi mới nhằm kích thích sự sáng tạo về phương diện kỹ thuật và phương diện tổ chức.

Sản xuất và tiêu dùng là chủ đề vĩnh hằng của phát triển kinh tế, là động lực phát triển kinh tế. Trước đây, chúng ta chỉ quan tâm đến sản xuất mà chưa chú ý thích đáng đến tiêu dùng. Người tiêu dùng luôn ở thế bị động, họ phải chấp nhận cả những sản phẩm kém cỏi. Ngày nay, nhà sản xuất luôn phải nghe ngóng, quan sát thái độ, tâm lý, thị hiếu của người tiêu dùng để tung ra thị trường những sản phẩm đáp ứng nhu cầu của họ. Như vậy, chính tiêu dùng* là yếu tố cơ bản thúc đẩy toàn bộ sự vận hành của kinh tế, quyết định quy mô của các tập đoàn sản xuất. Hiện nay, ý nghĩa của tiêu dùng đối với phát triển kinh tế trở nên quan trọng hơn rất nhiều so với bất cứ thời đại nào trước đây. Do vậy, làm thế nào để thúc đẩy tiêu dùng

* Tiêu dùng của cá nhân, tổ chức và xã hội, cả của sản xuất, của thụ hưởng, vv...

Digitized by Google

đã trở thành một chủ đề mới của phát triển kinh tế. Tiêu dùng vượt khỏi điều kiện thực tế; tiêu dùng bị cường điệu hóa, tuyệt đối hóa sẽ dẫn đến xã hội tiêu thụ - một trong những yếu tố làm cho xã hội tư bản suy thoái, khủng hoảng trong hàng chục năm qua. Ngược lại, tiêu dùng quá hạn hẹp sẽ làm triệt tiêu động lực quan trọng nhất của nền sản xuất xã hội; như Mác và Ăng-ghen đã từng đề cập khi nghiên cứu vai trò của tiêu dùng và thị trường.

Cùng với sự nâng cao không ngừng của phát triển kinh tế và mức thu nhập, nhu cầu của người tiêu dùng cũng thay đổi theo hướng đa dạng hóa và ngày càng cao cấp. Điều này dẫn đến kết quả: *Thứ nhất,* sản phẩm có khả năng thỏa mãn nhu cầu vừa đa dạng, vừa cao cấp sẽ được người tiêu dùng thích thú; *thứ hai,* doanh nghiệp sản xuất những sản phẩm đa dạng, trong đó có sản phẩm cao cấp sẽ thành công trong phát triển kinh tế. Sản phẩm thỏa mãn nhu cầu cao cấp của người tiêu dùng chủ yếu có hai loại: loại sản phẩm tinh thần nhằm thỏa mãn nhu cầu văn hóa tinh thần của người tiêu dùng và loại nhu yếu phẩm thỏa mãn nhu cầu vật chất, trong đó có nhu cầu vật chất hàng ngày của con người và nhu cầu tái sản xuất mở rộng của nền sản xuất hiện đại. Khi những nhu cầu vật chất cơ bản đã được đáp ứng thì người tiêu dùng ngày càng chú ý đến những sản phẩm kết tinh trong đó hàm lượng văn hóa cao. Sản phẩm hàng hóa không chỉ thể hiện *tính kinh tế,* tính tiện ích trong tiêu dùng mà còn vươn tới *tính văn hóa,* hướng vào nhu cầu thụ hưởng, *cảm thụ* nó như một giá trị văn hóa, thẩm mỹ, tinh tế. Văn hóa cao là sự phát triển cao của nhân tính mà hàng hóa phải đáp ứng.

Những thay đổi như vậy trong xã hội tiêu dùng chứng tỏ sự phát triển kinh tế ngày càng *nhân tính hóa.* Sản phẩm hàng hóa không còn là một thứ vật phẩm tiêu dùng thuần túy mà đã thấm đậm sắc thái nhân văn. Trong nền kinh tế hướng tới việc thỏa mãn nhu cầu tinh thần đa dạng, điều đáng được coi trọng nhất là *tính sáng tạo* của con người, vì con người. Đây chính là nhân tố văn hóa cao nhất trong phát triển kinh tế. Nhưng để có hàm lượng văn hóa ngày càng cao trong hàng hóa không hề đơn giản. Nó đòi hỏi bản thân người sản xuất phải có văn hóa và một cơ chế kinh tế tạo mọi điều kiện để giải phóng tiềm năng sáng tạo cao nhất của con người.

II - THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN HÀI HÒA GIỮA VĂN HÓA VÀ KINH TẾ Ở NƯỚC TA

1 – Chú trọng nâng cao chất lượng văn hóa trong phát triển kinh tế

– Coi trọng văn hóa trong xây dựng doanh nghiệp. Điều này trước hết thể hiện ở việc xây dựng và khẳng định được thương hiệu cho doanh nghiệp thông qua các nhãn hiệu sản phẩm có uy tín của doanh nghiệp. Nhãn hiệu sản phẩm là thương hiệu thể hiện văn hóa và thực lực doanh nghiệp, là cách mở rộng ảnh hưởng của doanh nghiệp trên thị trường. Về một phương diện nào đó, *quá trình hình thành nhãn hiệu sản phẩm thực tế là quá trình hình thành văn hóa doanh nghiệp.* Điều thứ hai, phải coi nhiệm vụ cơ bản của phát triển văn hóa doanh nghiệp là tôn trọng con người, quan tâm tới con người, bồi dưỡng con người, nâng cao đạo đức, tư tưởng và tri thức khoa học của công nhân viên chức, kích thích tính tích cực và tính sáng tạo của họ. Điều quan trọng thứ ba là xây dựng được cung cách quản lý và kinh doanh hợp lý, nâng tác nghiệp quản lý lên trình độ của văn hóa quản lý.

Mô hình quản lý là sự thể hiện tập trung của văn hóa doanh nghiệp. Phải xác lập ý thức quản lý hiện đại nhằm nỗ lực thực hiện sự thống nhất hữu cơ giữa phát triển doanh nghiệp và phát triển con người.

– Coi trọng văn hóa trong xây dựng các ngành công nghiệp. Đồng thời với việc hình thành và phát triển công nghiệp văn hóa, phải

Digitized by Google

chú trọng nâng cao cấp độ văn hóa các ngành công nghiệp gắn bó chặt chẽ với đời sống của con người: ăn có văn hóa ẩm thực, mặc có văn hóa thời trang, uống có văn hóa trà, ở có văn hóa phong thủy, đi lại có văn hóa giao thông, vui chơi nhàn tản có văn hóa du lịch... Chỉ như thế, các sản phẩm mới đủ khả năng vừa thỏa mãn được nhu cầu tiêu dùng đa dạng của quần chúng vừa nâng cao hiệu quả kinh tế và sức mạnh cạnh tranh của những ngành công nghiệp này.

– *Coi trọng yếu tố văn hóa trong phát triển kinh tế khu vực.* Thực tế cho thấy văn hóa dân tộc nói chung, văn hóa vùng nói riêng có tác động đến sự phát triển kinh tế - xã hội khu vực. Phát triển kinh tế khu vực phải coi trọng phát huy ưu thế của truyền thống văn hóa, các sắc thái văn hóa đặc biệt của vùng. Phát triển kinh tế vùng, miền, khu vực là một phân hệ của hệ thống tổng thể phát triển kinh tế của quốc gia - dân tộc. Các doanh nhân, các nhà lãnh đạo quản lý kinh tế phải được trau dồi công phu không chỉ kiến thức, kỹ năng và kinh nghiệm, mà còn phải phấn đấu vươn tới sự am hiểu sâu sắc văn hóa, có nhãn quan văn hóa. Đó là điều cần thiết để năng lực tư duy và hành động của họ luôn thấm nhuần các giá trị văn hóa. Cần ý thức sâu sắc rằng phát triển kinh tế khu vực không chỉ là tác động tới phát triển của một địa kinh tế, mà còn thẩm thấu vào đó cả những tác động của địa chính trị và địa văn hóa nữa. Phải xúc tiến việc tạo dựng hình ảnh văn hóa khu vực gắn kết với môi trường kinh tế. Ở nhiều nước trên thế giới, các thành phố sau khi kinh tế phát triển tới một trình độ nhất định thường lấy văn hóa để thể hiện sắc thái riêng, lấy văn hóa để nói về trình độ cao hay thấp của tiến bộ và phát triển. Chỉ trên cơ sở phát huy tốt vai trò của văn hóa vùng trong phát triển kinh tế - xã hội của các khu vực, vai trò của văn hóa mới được phát huy đầy đủ, có hiệu quả trong phát triển kinh tế - xã hội của cả nước.

2 – Phát huy yếu tố kinh tế trong phát triển văn hóa

Để xây dựng được một nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần chú ý một số vấn đề sau:

- Vận dụng quy luật của kinh tế thị trường để thúc đẩy sự phát triển của công nghiệp văn hóa.

Đối với các sản phẩm văn hóa vừa phải chú ý đúng mức thuộc tính tinh thần thuộc về giá trị sử dụng của nó vừa không được xem nhẹ thuộc tính giá trị của hàng hóa đặc biệt này. Do đó cũng phải coi trọng các khâu lưu thông tiếp thị, quảng cáo, phải tuân theo quy luật giá trị. Khi phát triển công nghiệp văn hóa phải chú trọng nghiên cứu nhu cầu thị trường và căn cứ vào sự biến đổi của thị trường để tổ chức sản xuất. Sản xuất sản phẩm văn hóa phải đặt hiệu quả xã hội lên hàng đầu nhưng phải chú trọng đúng mức đến hiệu quả kinh tế. Nếu không chú trọng giá thành sức tiêu thụ sản phẩm sẽ dẫn tới phá sản doanh nghiệp.

- Vận dụng kinh nghiệm cải cách thể chế kinh tế để thúc đẩy cải cách thể chế văn hóa. Hệ thống chính sách của Nhà nước phải trở thành hành lang pháp lý để nâng đỡ lực lượng sản xuất văn hóa, nâng đỡ có trọng điểm những doanh nghiệp văn hóa, kể cả doanh nghiệp tư nhân để chúng nhanh chóng trở thành lực lượng quan trọng trong chiến lược phát triển công nghiệp văn hóa.

- Lôi cuốn các lực lượng kinh tế, các doanh nghiệp vào xã hội hóa sự nghiệp văn hóa, vào việc xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa, cải tạo tổ chức văn hóa, triển khai hoạt động văn hóa một cách đa dạng; khuyến khích ngày càng nhiều đơn vị văn hóa đi vào con đường xã hội hóa văn hóa, lấy hiệu quả kinh tế để nâng đỡ hiệu quả xã hội. Hơn nữa, bên cạnh việc

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

ĐẠI HỘI X - NHÌN TỪ MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ XÂY DỰNG ĐẢNG

HÀ ĐĂNG

ĐỐI chiếu với chủ đề được nêu ra "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển", có thể nói, Đại hội X đã thành công tốt đẹp trên nhiều mặt. Không chỉ thành công trong việc thông qua nội dung các văn kiện, hoạch định đường lối, phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và các quyết sách chiến lược cho giai đoạn phát triển mới, mà còn thành công cả trong vấn đề nhân sự, bầu Ban Chấp hành Trung ương, đủ sức gánh vác nhiệm vụ lãnh đạo của Đảng.

Trong khuôn khổ bài viết, chỉ tập trung làm rõ thành công của Đại hội X nhìn từ mục tiêu tổng quát của giai đoạn 2006 - 2010 và nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng mà Đại hội đã đề ra, hai trong các vấn đề thể hiện quan điểm nhất quán của Đảng ta trong sự nghiệp lãnh đạo xây dựng đất nước, lấy phát triển kinh tế làm nhiệm vụ trung tâm và xây dựng Đảng làm nhiệm vụ then chốt.

I - MỤC TIÊU TỔNG QUÁT CỦA GIAI ĐOẠN 2006 - 2010

Báo cáo Chính trị tại Đại hội X chỉ rõ: "Mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 - 2010 là: *Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, huy động và sử dụng tốt mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; phát triển văn hóa; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; tăng cường quốc phòng và an ninh, mở rộng quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; giữ vững ổn định chính trị – xã hội; sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại*" (1)

Mục tiêu và phương hướng tổng quát nêu trên bao quát toàn bộ chủ đề của Đại hội cùng với những nhân tố quan trọng nhất của sự phát triển đất nước, từ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội đến an ninh, quốc phòng và quan hệ đối ngoại, trong đó mục tiêu tổng quát nhất là "sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển". Hai cái mốc quan trọng nhất là, đến năm 2010, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, và đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Có thể coi đó là hai cái mốc đánh dấu hai chặng đường, hai bước nhảy lớn về chất của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước ta.

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 23

Digitized by Google

Ba mươi năm về trước, ngay sau khi nước nhà thống nhất, năm 1976, Đại hội IV của Đảng đã đề ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, trong đó, công nghiệp hóa là nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ. Nhưng do nhiều nguyên nhân khác nhau, cả khách quan và chủ quan, chỉ mấy năm sau, bên cạnh những thành tựu đã đạt được, đất nước lâm vào tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, kéo dài. Năm 1986, với đường lối đổi mới toàn diện, Đại hội VI của Đảng đề ra nhiệm vụ khắc phục khủng hoảng (tuy cụm từ "khủng hoảng" lúc này chưa dùng), ổn định mọi mặt tình hình kinh tế - xã hội, tiếp tục xây dựng những tiền đề cần thiết cho việc đẩy mạnh công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa trong chặng đường tiếp theo. Tiếp đó, qua Đại hội VII (1991) đến Đại hội VIII (1996), với những thành tựu to lớn sau hơn 10 năm đổi mới, Đảng ta đã đi đến kết luận: "**Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội**, (cuộc khủng hoảng này kéo dài hơn 15 năm - HĐ), **nhưng một số mặt còn chưa vững chắc.**

Nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".(2) Như vậy từ năm 1996 trở đi, nước ta đã thật sự bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Năm 2001, Đại hội IX của Đảng đề ra *Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001 – 2010*, theo đó, đến năm 2010, đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển và tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

Có ý kiến cho rằng, mục tiêu tổng quát về kinh tế - xã hội mà Đại hội X nêu lên chỉ là sự khẳng định lại mục tiêu của *Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001 – 2010*. Thật ra, tuy không có sự khác biệt nhiều về cách diễn đạt, song về nội dung, có mấy điều cần được nhấn mạnh. *Trước hết*, về mặt thời gian, Đại hội X đề ra mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển là hàm ý phải phấn đấu đạt mục tiêu đó trước năm 2010. *Hai là*, khái niệm về "tình trạng kém phát triển" cũng được hiểu một cách rộng hơn, không chỉ là tình trạng thu nhập bình quân đầu người thấp, mà còn là chỉ số phát triển con người thấp và tình trạng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội lạc hậu, thiếu thốn. *Ba là*, tiêu chí về một nước công nghiệp theo hướng hiện đại cũng được hiểu một cách sâu sắc hơn, phù hợp với tiêu chí của thế giới trong thời kỳ phát triển kinh tế tri thức.

Vậy căn cứ vào đâu để Đại hội X đưa ra mục tiêu tổng quát đó? Có thể khẳng định, đó là căn cứ vào những thành tựu của 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX và của 20 năm đổi mới nói chung.

Trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX, về mặt kinh tế - xã hội, chúng ta đã đạt được những thành tựu rất quan trọng: nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao, năm sau cao hơn năm trước; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được xây dựng bước đầu; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có bước tiến mới rất quan trọng; văn hóa - xã hội có tiến bộ trên nhiều mặt, việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực, chỉ số phát triển con người được nâng lên,...

Trong 5 năm 2001 - 2005, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hằng năm 7,5%, đạt mức kế hoạch. Năm 2005 được coi là đỉnh cao của sự phát triển trong giai đoạn 2001 - 2005; các chỉ tiêu đạt được trên tất cả

(2) *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 455

Digitized by Google

các lĩnh vực sản xuất, xây dựng, dịch vụ, xuất nhập khẩu, phát triển văn hóa, xã hội đều là cao nhất so với từ trước tới nay. Năm 2005 còn là năm GDP theo giá hiện hành đạt 838 nghìn tỉ đồng, bình quân đầu người trên 10 triệu đồng, tương đương khoảng 640 đô-la Mỹ. Trong cơ cấu GDP, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng tăng từ 36,7% (năm 2000) lên 41% (năm 2005), (kế hoạch là 38% đến 39%); tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm từ 24,5% xuống còn 20,9% (kế hoạch là 20% đến 21%); tỷ trọng dịch vụ ở mức 38,1% (kế hoạch từ 41% đến 42%).

Chúng ta cũng nhận định rằng, những thành tựu đạt được tuy rất quan trọng nhưng vẫn còn "dưới mức khả năng phát triển của đất nước". Mặc dù vậy, nhìn một cách tổng thể của 20 năm đổi mới, có thể thấy rõ những thành tựu đạt được là to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Với những thành tựu ấy, đất nước ta đã có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp. Đó chính là cơ sở, là nền tảng để Đại hội X đề ra quyết sách đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển trước năm 2010.

Bước nhảy 2010 là bước nhảy lớn đánh dấu sự kết thúc *Chiến lược phát triển kinh tế – xã hội 10 năm 2001 – 2010*, tức là giai đoạn đầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta, để rồi bước vào giai đoạn tiếp theo của thời kỳ này, giai đoạn thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011 - 2020. Đó là bước nhảy về chất, đưa nước ta từ tình trạng kém phát triển trở thành một nước có trình độ phát triển cao hơn, hay nói theo cách phân định của Ngân hàng Thế giới, từ loại nhóm nước có thu nhập thấp (dự kiến đến năm 2010 là 950 đô-la Mỹ/người) tiến vào nhóm nước có thu nhập trung bình thấp (trên 950 đô-la Mỹ/người). Các chỉ tiêu định hướng chủ yếu về kinh tế được xác định như sau: Tốc độ tăng GDP bình quân trong 5 năm đạt 7,5% đến 8% và phấn đấu đạt trên 8%/năm; GDP năm 2010 theo giá so sánh gấp hơn hai lần năm 2000; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt khoảng 1.050 đến 1.100 đô-la Mỹ. Các chỉ tiêu định hướng về văn hóa, xã hội, môi trường cũng được nâng lên theo hướng tích cực, thể hiện rõ rằng nếu đạt được (và chắc chắn phải đạt được) thì có thể bảo đảm nước ta nhất định sẽ ra khỏi tình trạng kém phát triển.

Bước nhảy 2010 sẽ tiếp tục chuẩn bị vào tạo đà cho bước nhảy 2020 là bước nhảy cao hơn, xa hơn trên con đường phát triển, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

II - NHIỆM VỤ THEN CHỐT XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Để thực hiện mục tiêu tổng quát về phát triển giai đoạn 2006 - 2010, trong khi đề ra một cách toàn diện những nhiệm vụ cơ bản của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ tới, từ kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại đến xây dựng hệ thống chính trị, Đại hội X đã dành một sự chú trọng đặc biệt đến nhiệm vụ then chốt: xây dựng, chỉnh đốn Đảng; trong đó nội dung quan trọng hàng đầu là "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng".

Sự chú trọng đặc biệt ấy xuất phát từ vai trò lãnh đạo của Đảng và tình hình xây dựng, chỉnh đốn Đảng mấy chục năm qua.

Trước hết, Đảng ta là đảng cầm quyền, đảng duy nhất lãnh đạo cách mạng ở nước ta. Mọi thành tựu và khuyết điểm của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đều gắn liền với trách nhiệm lãnh đạo và hoạt động của Đảng.

Hai là, trong thời kỳ 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX cũng như suốt mấy chục năm đổi mới vừa qua, Đảng ta đã có rất nhiều tiến bộ và thành tựu trong lãnh đạo, trong việc giữ vững bản chất cách mạng và tính tiên phong của Đảng, trong việc đề ra đường lối, chủ

Digitized by Google

trương và chính sách đúng đắn cho công cuộc phát triển đất nước cũng như trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng, sự quản lý, điều hành có hiệu quả của Nhà nước, sự nỗ lực vượt bậc và phát huy tính năng động, sáng tạo của toàn dân, trên thực tế đã là ba nhân tố thường xuyên, ba nguyên nhân cơ bản có ý nghĩa quyết định đối với những thắng lợi đã giành được.

Ba là, bên cạnh những tiến bộ và thành tựu cơ bản đó, Đảng ta cũng mắc phải những khuyết điểm và yếu kém, nổi lên là năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng còn nhiều mặt chưa đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới; chậm làm sáng tỏ nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; chậm cụ thể hóa và thể chế hóa một số quan điểm lớn, đúng đắn về sự lãnh đạo của Đảng và công tác xây dựng Đảng. Ngoài ra, tổ chức thực hiện vẫn là một khâu yếu.

Đại hội X nhận định rằng: Trong tình hình hiện nay, cơ hội và thách thức đan xen nhau, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng phải đáp ứng bằng được yêu cầu vừa kiên định sự lãnh đạo của Đảng, vừa phải không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng để Đảng ngang tầm với trọng trách của mình. Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng phải được hiểu một cách toàn diện, bao gồm nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách; năng lực tổ chức, chỉ đạo thực hiện; năng lực tổng kết lý luận - thực tiễn, tạo thống nhất nhận thức và hành động trong Đảng; năng lực lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể quần chúng, tăng cường mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân. Nâng cao sức chiến đấu của Đảng là làm cho từng cán bộ, đảng viên, từng tổ chức và cấp ủy nói chung là toàn Đảng, phải có ý chí vươn lên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; thường xuyên rèn luyện phẩm chất đạo đức; không nể nang, né tránh, "dĩ hòa vi quý", kiên quyết đấu tranh với những luận điệu và hành động tiêu cực, tham nhũng, suy thoái ở ngay trong bản thân mỗi đảng viên, ở trong tổ chức đảng, cơ quan nơi mình sinh hoạt, công tác, ở trong Đảng và trong xã hội; dũng cảm đấu tranh chống các tư tưởng, quan điểm và hành động sai trái, thù địch.

Đại hội X coi việc đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, xây dựng Đảng ta thật sự trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, đoàn kết nhất trí cao, gắn bó mật thiết với nhân dân, có phương thức lãnh đạo khoa học, có đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ phẩm chất và năng lực là một nhiệm vụ then chốt, có ý nghĩa sống còn đối với Đảng và sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Nội dung xây dựng, chỉnh đốn Đảng bao gồm nhiều mặt: nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ trí tuệ của Đảng; kiện toàn và đổi mới hoạt động của tổ chức cơ sở đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên; thực hiện nghiêm túc nguyên tắc *tập trung dân chủ* trong Đảng; tăng cường quan hệ gắn bó giữa Đảng với nhân dân, nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát; đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Hai vấn đề được coi là mới nhất được Đại hội X nêu lên trong công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng là: 1- làm sáng tỏ bản chất của Đảng và đưa ra cách diễn đạt mới về Đảng; 2 - cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân (bao gồm cả tư bản tư nhân).

Thay vì cách diễn đạt như Điều lệ của các kỳ Đại hội trước: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc", Đại hội X bổ sung thêm một vế, trở thành cách diễn đạt mới: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích

Digitized by Google

của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của dân tộc".(3)

Một số ý kiến không đồng tình, cho rằng cách diễn đạt đó sẽ làm nhạt nhòa bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng, có thể dẫn tới trượt theo quan điểm "Đảng toàn dân".

Từ sự phân tích sâu sắc bản chất giai cấp công nhân và mối quan hệ hữu cơ giữa giai cấp và dân tộc, những ý kiến diễn đạt về Đảng mà Chủ tịch Hồ Chí Minh từng đề ra, đồng thời xuất phát từ thực tiễn xây dựng Đảng của Đảng ta, Đại hội X đã khẳng định: cách diễn đạt mới vừa nói lên được bản chất giai cấp công nhân của Đảng theo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, vừa nói lên được nét đặc thù của Đảng ta theo sự phát triển sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh, phù hợp với thực tế Việt Nam và đáp ứng được nguyện vọng, tình cảm của nhân dân. Diễn đạt như thế hoàn toàn không phải là hạ thấp bản chất giai cấp công nhân của Đảng, trượt theo quan điểm "Đảng toàn dân", mà chính là hiểu bản chất giai cấp công nhân của Đảng một cách sâu sắc hơn, nhuần nhuyễn hơn. Điều đó đòi hỏi Đảng ta chẳng những phải trung thành với giai cấp công nhân, nâng cao lập trường, tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn phải học tập, kế thừa, phát huy truyền thống dân tộc, tăng cường đoàn kết, tập hợp nhân dân, phấn đấu vì lợi ích của giai cấp và dân tộc.

Về vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân, có sự lo lắng chính đáng rằng, làm như vậy liệu có thể dẫn đến sự tha hóa, biến chất trong Đảng. Nhưng sự thật thì, xuất phát từ quyết sách của Đảng ta là ra sức phát triển lực lượng sản xuất, động viên mọi nguồn lực, mọi thành phần kinh tế vào việc xây dựng "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; từ quan điểm không xem kinh tế tư nhân ở nước ta là gắn với chủ nghĩa tư bản mà lãnh đạo kinh tế tư nhân phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cũng xuất phát từ thực tế hiện nay số đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân còn ít nhưng phần lớn đều gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước. Do đó, Đảng ta đã đi đến quyết định cho đảng viên làm kinh tế tư nhân nhưng phải gương mẫu chấp hành luật pháp, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Có thể hiểu rằng, những quy định này là nhằm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên vừa giữ được tư cách của đảng viên và bản chất của Đảng. Trong những quy định ấy, có hai điều không thể không có: *Một là*, đảng viên làm kinh tế tư nhân phải là những người không thuộc phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh Công chức và Luật Phòng, chống tham nhũng; đảng viên không ở trong biên chế của hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội), không tại ngũ quân đội và công an. *Hai là*, phải trực tiếp tham gia lao động: lao động chân tay, lao động quản lý, lao động điều hành sản xuất, lao động kỹ thuật ở doanh nghiệp do đảng viên làm chủ,...

Trong 20 năm đổi mới vừa qua, kể từ Đại hội VI (1986) đến Đại hội X (2006), Đảng ta đã họp 5 kỳ Đại hội mà Đại hội nào cũng đều đánh dấu một cột mốc quan trọng trên con đường xây dựng và phát triển của đất nước và của Đảng ta. Đại hội X, với toàn bộ nội dung phong phú của nó, đặc biệt là với việc đề ra mục tiêu tổng quát cho giai đoạn 2006 - 2010 và nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng như đã nêu trên, thật sự xứng đáng là một trong những cột mốc chói sáng ấy. Trách nhiệm và vinh dự của mỗi cán bộ, đảng viên, của toàn Đảng ta là cùng với toàn dân phấn đấu hết mình để Nghị quyết của Đại hội X đi vào cuộc sống và các mục tiêu trở thành hiện thực càng sớm càng tốt. ❑

(3) *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 3 - 4

Digitized by Google

KIỂM TOÁN TRÁCH NHIỆM KINH TẾ ĐỐI VỚI CÁN BỘ LÃNH ĐẠO - MỘT BIỆN PHÁP QUAN TRỌNG TRONG PHÒNG VÀ CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

VƯƠNG ĐÌNH HUỆ *

TRONG những năm gần đây, tình trạng tham nhũng, lãng phí ngân sách nhà nước, tiền và tài sản nhà nước đang trở nên nghiêm trọng, gây bức xúc trong xã hội. Sự ra đời của Luật Phòng, Chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, Chống lãng phí đã thể hiện rõ quyết tâm, không khoan nhượng của Đảng và Nhà nước ta trên mặt trận chống tham nhũng, lãng phí. Để nâng cao hiệu lực, hiệu quả cuộc đấu tranh chống tham nhũng và lãng phí đòi hỏi phải tiến hành đồng bộ nhiều biện pháp. Trong đó, việc tìm ra một cơ chế hữu hiệu để quy định rõ *trách nhiệm kinh tế* và xác định *trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo* là rất quan trọng.

Kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo là hoạt động kiểm tra và đánh giá của cơ quan Kiểm toán Nhà nước về trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo trong nhiệm kỳ công tác thông qua việc kiểm tra, đánh giá tính trung thực, hợp pháp và hiệu quả trong hoạt động tài chính và các hoạt động kinh tế liên quan khác của địa phương, đơn vị do họ lãnh đạo. Cán bộ lãnh đạo phải chịu trách nhiệm kinh tế về các mặt, như: Quyết định và ra các quyết định gây thiệt hại lớn về kinh tế; hành vi trực tiếp vi phạm quy định pháp luật của Nhà nước về kinh tế, tài chính; hành vi tạo điều kiện, sai khiến, ra lệnh, dung túng, bao che cho cấp dưới vi phạm quy định pháp luật về kinh tế, tài chính; hành vi tắc trách không làm đúng bổn phận; các hành vi khác vi phạm quy định pháp luật về kinh tế, tài chính...

Từ khái niệm trên có thể rút ra một số đặc trưng cơ bản của kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo là:

- Nếu xét về mục tiêu kiểm toán, kiểm toán trách nhiệm kinh tế là một dạng của ***kiểm toán tuân thủ*** có kết hợp với xem xét ***tính hiệu quả*** đối với các hoạt động kinh tế và thu chi tài chính của đơn vị và tổ chức gắn với trách nhiệm quản lý, điều hành của cán bộ lãnh đạo. Tuy mục đích của kiểm toán trách nhiệm

* GS, TS, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Tổng Kiểm toán Nhà nước

Digitized by Google

kinh tế không nhằm xác nhận tính trung thực, hợp pháp của báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, nhưng lại gắn liền với các nội dung kiểm toán của các báo cáo này. Vì vậy, nếu xét về nội dung kiểm toán thì kiểm toán trách nhiệm kinh tế có thể được coi là một dạng *kiểm toán hỗn hợp,* được thực hiện trong cùng một cuộc kiểm toán các nội dung kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán, kiểm toán tuân thủ và kiểm toán hoạt động.

- Phạm vi của kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo chủ yếu liên quan đến lĩnh vực thu chi tài chính và các hoạt động kinh tế của đơn vị có liên quan đến trách nhiệm quản lý của người cán bộ lãnh đạo. Trách nhiệm này được xác định trên cơ sở chức trách, nhiệm vụ, quyền hạn của cán bộ có thẩm quyền, trong nhiệm kỳ mà người cán bộ đó giữ chức vụ lãnh đạo đơn vị.

- Chủ thể của kiểm toán trách nhiệm kinh tế là cơ quan Kiểm toán Nhà nước và kiểm toán viên nhà nước. Do đây là loại hình đặc thù liên quan đến kiểm tra, đánh giá cán bộ của Nhà nước, nên chủ thể kiểm toán chỉ có thể là Kiểm toán Nhà nước, không thể ủy thác cho kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ của đơn vị.

- Mục đích của kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo là thông qua xem xét, kiểm tra để ***đánh giá, xác định trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo.*** Do đó, loại hình kiểm toán này được coi như một hình thức đặc biệt để đánh giá cán bộ lãnh đạo. Đồng thời, do mục đích đánh giá cán bộ nên có sự khác biệt giữa ***chủ thể kiểm toán*** và ***người yêu cầu kiểm toán.*** Ở đây, chủ thể kiểm toán là Kiểm toán Nhà nước, nhưng người yêu cầu (người "đặt hàng") lại là cơ quan có thẩm quyền trong việc trực tiếp quản lý và đánh giá cán bộ. Vì vậy, trong quá trình kiểm toán phải có sự tham gia của nhiều bên và phải có cơ chế cụ thể trong việc phối hợp giữa Kiểm toán Nhà nước và các cơ quan có liên quan khác.

Kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các tổ chức kinh tế nhà nước là một biện pháp quan trọng để kiểm tra và đánh giá trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cấp ủy và chính quyền các cấp, các ngành, đồng thời là một biện pháp chống oan sai, bảo vệ cán bộ một cách minh bạch.

Sự cần thiết phải thực hành kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo xuất phát từ mấy nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, kiểm toán trách nhiệm kinh tế là một khâu quan trọng trong việc tăng cường giám sát cán bộ lãnh đạo.

Việc lựa chọn, sử dụng đúng cán bộ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc bảo đảm thực hiện thành công các chủ trương, đường lối, nghị quyết của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, có vai trò quan trọng trong xây dựng đội ngũ cán bộ. Để tuyển chọn, sử dụng cán bộ đúng thì phải có phương pháp kiểm tra khoa học và ***cơ chế giám sát*** hoàn thiện.

Trên cơ sở kiểm tra thực trạng tài chính, kế toán; thẩm tra, xem xét tình hình hoàn thành chỉ tiêu kinh tế; việc đưa ra các quyết sách, quyết định lớn trong kinh doanh, trong quản lý; tình hình chấp hành quy định kinh tế - tài chính của Nhà nước; mức độ tuân thủ kỷ luật, liêm chính của cán bộ lãnh đạo trong nhiệm kỳ công tác... kiểm toán trách nhiệm kinh tế cho phép tìm hiểu, phản ánh trung thực thành tích, năng lực, đạo đức của cán bộ một cách toàn

Digitized by Google

diện trên nhiều mặt. Từ đó có thể đánh giá được cán bộ lãnh đạo ở một mức độ nhất định về: phẩm chất chính trị và trình độ quyết sách cần có ở một người làm công tác quản lý, công tác kinh tế; Việc thực hiện chức trách, chấp hành pháp luật, quy định hiện hành về kinh tế, tài chính của Nhà nước. Kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế là căn cứ tham khảo quan trọng để cơ quan quản lý cán bộ đánh giá, tuyển chọn và sử dụng cán bộ một cách đúng đắn, chính xác. Vì vậy, kiểm toán trách nhiệm kinh tế của cán bộ lãnh đạo cũng trở thành *một khâu quan trọng của công tác giám sát cán bộ*. Đồng thời, kiểm toán trách nhiệm kinh tế còn có tác dụng giáo dục, cảnh cáo, răn đe đối với số đông cán bộ; từ đó có thể thực hiện được mục đích không chỉ "chống", mà còn "phòng ngừa" các biểu hiện thoái hóa, biến chất của cán bộ để nâng cao hiệu quả của công tác đánh giá, tuyển chọn, quản lý, sử dụng cán bộ theo chính sách cán bộ của Đảng và Nhà nước.

Thứ hai, kiểm toán trách nhiệm kinh tế là một biện pháp quan trọng nhằm phòng, chống và xử lý tham nhũng, lãng phí ngay từ gốc; đề cao đạo đức cần, kiệm, liêm, chính của cán bộ lãnh đạo.

Trong quá trình đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhiệm vụ phát triển kinh tế của cán bộ lãnh đạo ngày càng nặng nề, trách nhiệm ngày càng cao và càng được xác định cụ thể. Cán bộ lãnh đạo có quán triệt đúng đắn phương châm *phát triển kinh tế là nhiệm vụ **trọng tâm**, xây dựng Đảng là **then chốt*** hay không?; có sử dụng đúng quyền hạn được giao hay không?; quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước, tiền và tài sản nhà nước hợp lý, hiệu quả và đúng pháp luật hay không?... là những vấn đề quan trọng có ý nghĩa quyết định đến việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị là phát triển kinh tế - xã hội hằng năm, từng thời kỳ cũng như thực hiện đường lối, chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hiện nay, tình trạng kỷ cương pháp luật không nghiêm trong quản lý tài chính nhà nước và tài sản nhà nước, nhất là chi tiêu ngân sách, quản lý đầu tư xây dựng cơ bản, quản lý đất đai, tài sản công... còn khá phổ biến; các biện pháp đưa ra còn nhiều bất cập, làm cho tệ nạn trên có lúc, có nơi trở nên nghiêm trọng. Một trong các nguyên nhân chính của tình trạng trên có liên quan đến việc thực thi chức trách, nhiệm vụ và quyền hạn của cán bộ lãnh đạo. Trong vấn đề này, có một số biểu hiện chủ yếu sau:

- Vi phạm quy chế dân chủ, quy trình và trình tự xử lý các công việc, cá nhân hoặc một nhóm nhỏ cán bộ lãnh đạo tự quyết, đưa ra các quyết định sai lầm làm thất thoát, lãng phí ngân sách nhà nước, tiền và tài sản nhà nước;

- Tắc trách trong công việc, buông lỏng quản lý tạo kẽ hở cho kẻ xấu lợi dụng, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, của tập thể;

- Chạy theo thành tích, không tuân thủ các quy định của pháp luật, thậm chí làm ăn gian dối, hạch toán *lãi giả, lỗ thật*, dùng các thủ đoạn không chính đáng để phô trương hình thức và mạo nhận thành tích;

- Không quan tâm đến lợi ích của Nhà nước và quần chúng nhân dân; mắc phải tư tưởng cục bộ, bản vị, địa phương chủ nghĩa; chiếm dụng vốn, lập quỹ trái phép; thậm chí còn tham ô, nhận hối lộ, ngày càng dấn sâu vào con đường phạm pháp.

Qua nghiên cứu, khảo sát kinh nghiệm thực tiễn của nước ngoài, chúng tôi thấy, nếu thực hiện chế độ kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo có thể tăng cường hơn

Digitized by Google

nữa không những trách nhiệm cá nhân, mà còn cho phép giám sát chặt chẽ cán bộ lãnh đạo; kiểm tra, xử lý cương quyết những cán bộ coi thường các định chế tài chính - kinh tế, vi phạm pháp luật; góp phần nâng cao trình độ quản lý cán bộ, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật và khả năng tự rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, tác phong cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của cán bộ lãnh đạo; làm cho công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng và đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí thu được nhiều thắng lợi.

Thứ ba, kiểm toán trách nhiệm kinh tế là biện pháp hữu hiệu để xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện sống và làm việc theo pháp luật, quản lý nhà nước bằng pháp luật.

Mức độ chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; tuân thủ các quy định pháp luật; làm việc hiệu quả, có đủ khả năng đưa ra những quyết sách đúng đắn, xử lý vấn đề theo đúng pháp luật... phản ánh trực tiếp năng lực và trình độ quản lý theo pháp luật của cán bộ lãnh đạo. Đây chính là "nguyên nhân của mọi nguyên nhân" và có quan hệ mật thiết đến chiến lược xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, quản lý nhà nước bằng pháp luật. Điều quan trọng của việc quản lý nhà nước bằng pháp luật là nghiêm chỉnh chấp hành, quản lý theo đúng pháp luật; làm việc theo pháp luật - khâu quan trọng nhất của pháp chế xã hội chủ nghĩa.

Thực hiện chế độ kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo có tác dụng thiết thực cho giám sát nghiêm ngặt và hữu hiệu việc thực thi quyền lực của cán bộ lãnh đạo, khắc phục được tình trạng tắc trách, vượt quyền hay lạm dụng quyền lực được giao; thúc đẩy cán bộ lãnh đạo tự giác nâng cao nhận thức về pháp chế và ý thức pháp luật, học hỏi và vận dụng thành công các phương pháp thực thi pháp luật để lãnh đạo công tác kinh tế, quản lý xã hội, tiêu chuẩn hóa hành vi hành chính của bản thân, hướng dẫn cán bộ lãnh đạo quản lý và sử dụng quyền hạn một cách đúng đắn.

Thứ tư, kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo là một trong các phương pháp giúp cho các cơ quan quản lý cán bộ đánh giá được sát và đúng năng lực, trình độ và tư cách của cán bộ, đảng viên phục vụ công tác bồi dưỡng, đào tạo, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật và luân chuyển cán bộ; đồng thời là biện pháp quan trọng để bảo vệ cán bộ.

Đánh giá cán bộ là một nội dung quan trọng, quyết định sự thành công của công tác cán bộ. Cả về mặt lý luận cũng như thực tiễn có thể áp dụng nhiều phương pháp đánh giá cán bộ khác nhau (cho điểm theo các tiêu chuẩn; bỏ phiếu nhận xét cán bộ...). Tuy nhiên, do đặc thù của kiểm toán, nên so với các phương pháp khác nó cho phép loại trừ được nhiều hơn các yếu tố chủ quan, cá nhân ở chỗ mọi nhận xét, kết luận và kiến nghị của kiểm toán đều dựa trên cơ sở các bằng chứng kiểm toán đầy đủ và tin cậy. Công việc kiểm toán tiến hành bởi các kiểm toán viên có kiến thức, kinh nghiệm, đào tạo tương xứng với yêu cầu nghề nghiệp, lại được thực hiện theo một quy trình và phương pháp khoa học, định lượng rõ ràng, công khai, quy định chặt chẽ nên kết quả đánh giá là tin cậy, minh bạch và có sức thuyết phục.

Thông qua kết quả kiểm toán do cơ quan Kiểm toán nhà nước cung cấp, các cơ quan có thêm những căn cứ quan trọng và xác đáng khi

Digitized by Google

đánh giá, bổ nhiệm, đề bạt, luân chuyển cán bộ hoặc cách chức. Đồng thời, kết quả kiểm toán trách nhiệm kinh tế sẽ góp phần làm rõ đúng sai, bảo vệ những cán bộ, đảng viên trung thực, liêm khiết, trong sáng.

Như vậy, kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo là một trong các biện pháp quan trọng, mang tính ***đột phá*** để ngăn ngừa, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, bồi dưỡng và xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo; sẽ được đông đảo quần chúng nhân dân đồng tình, ủng hộ. Điều đó có những lý do rất cơ bản, như sau:

- Tình trạng quan liêu, tham nhũng của một bộ phận cán bộ trong bộ máy lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ở các cấp đang trở thành một nguy cơ của đất nước trong quá trình đổi mới và được xã hội quan tâm, cần được ngăn chặn bằng những hình thức và biện pháp kiên quyết, thích hợp để nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Việc đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, thất thoát ngân sách nhà nước, tiền và tài sản nhà nước, ngoài những chủ trương, nghị quyết đúng đắn của Đảng, Chính phủ cần có công cụ và biện pháp tổ chức thực hiện rất cụ thể. Cùng với các công cụ thanh tra, kiểm tra, giám sát khác, kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo ở các cấp, các ngành, đặc biệt là các cán bộ lãnh đạo chủ chốt tại các doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức kinh tế nhà nước là rất cần thiết. Cán bộ lãnh đạo biết rõ khi kết thúc nhiệm kỳ công tác hoặc trong thời gian giữ chức vụ lãnh đạo được xem xét kiểm toán trách nhiệm kinh tế, thì ý thức trách nhiệm của họ sẽ cao hơn, suy nghĩ thấu đáo hơn trước khi ra các quyết định, như vậy công việc sẽ đạt hiệu quả cao hơn. Do đó, kiểm toán trách nhiệm kinh tế là giải pháp tốt ngăn chặn các tệ nạn quan liêu, tham nhũng, lãng phí nguồn lực có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của cán bộ lãnh đạo. Bên cạnh đó, với cơ chế kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo được duy trì thường xuyên sẽ giúp cho Đảng, Nhà nước kiểm soát, đánh giá đúng năng lực, trình độ, khả năng điều hành quản lý và đạo đức của cán bộ lãnh đạo từ đó giúp cho Đảng, Nhà nước có được sự sàng lọc, bố trí, bổ nhiệm đúng người, đúng việc, đúng cương vị công tác mà cán bộ có thể đảm nhận. Điều quan trọng hơn khi thực hiện cơ chế kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo sẽ tạo điều kiện nâng cao năng lực quản lý của Nhà nước, của các cấp, các ngành và hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước, nhằm phát huy được thế mạnh, nâng cao năng lực cạnh tranh và vai trò chủ đạo của nền kinh tế.

- Để có thể thực hiện được kiểm toán trách nhiệm kinh tế, cần phải có cơ chế và cách thức thực hiện. Trước hết cần có cơ sở pháp lý vững chắc; có cơ chế hội nghị liên tịch và sự phối hợp nhịp nhàng giữa Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống quan liêu, tham nhũng, các cơ quan kiểm tra, quản lý cán bộ của Đảng, Nhà nước (Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Bộ Nội vụ) với các cơ quan thanh tra, kiểm toán (Thanh tra Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước), trong đó Ban chỉ đạo Trung ương về phòng, chống quan liêu, tham nhũng hoặc cơ quan quản lý cán bộ chủ trì; Kiểm toán Nhà nước là người được ủy thác nhiệm vụ và trực tiếp thực hiện kiểm toán để báo cáo kết quả.

Digitized by Google

- Bảo đảm sự lãnh đạo của cấp ủy và chính quyền các cấp. Đối tượng của kiểm toán trách nhiệm kinh tế rất đặc biệt, công tác có độ khó cao, tách khỏi sự quan tâm, lãnh đạo của các cấp ủy, chính quyền rất khó triển khai.

- Xây dựng và hoàn thiện chế độ quy định, quy trình, phương pháp và kỹ thuật kiểm toán. Công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế có tính chính sách mạnh, yêu cầu cao, rủi ro lớn, phải bằng cách xây dựng, kiện toàn chế độ quy định, tiêu chuẩn hóa công tác, mới có thể bảo đảm chất lượng công việc.

- Kiện toàn cơ cấu tổ chức, bổ sung lực lượng, bảo đảm nguồn kinh phí. Kiểm toán trách nhiệm kinh tế là một nhiệm vụ mới, có tính đặc thù, có yêu cầu và độ khó khăn phức tạp, nhiệm vụ tổ chức nặng nề, đòi hỏi phải có cơ cấu tổ chức phù hợp, lực lượng cán bộ, kiểm toán viên đáp ứng nhiệm vụ, bảo đảm kinh phí đầy đủ, kịp thời và các nguồn lực cần thiết khác.

Chúng tôi cho rằng, để thực thi kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo Đảng cần có chủ trương, hoặc nghị quyết cụ thể về vấn đề này và giao cho Ban Tổ chức Trung ương chủ trì phối hợp các Ban của Đảng nghiên cứu, soạn thảo các quy định của Đảng trình cấp có thẩm quyền ban hành và tổ chức thực hiện. Trước mắt, có thể thực hiện ngay việc kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với cán bộ lãnh đạo là những người đứng đầu các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế nhà nước như: Chủ tịch Hội đồng quản trị, tổng giám đốc các tập đoàn kinh tế, tổng công ty 90, 91, các doanh nghiệp nhà nước khác. Sau đó, tiến hành tổng kết rút kinh nghiệm và thực hiện mở rộng từng bước kiểm toán trách nhiệm kinh tế đối với các đối tượng cán bộ lãnh đạo khác. Đồng thời gắn kết quả kiểm toán, thanh tra, điều tra vụ việc, vụ án tham nhũng, lãng phí với kết luận về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị để xảy ra tham nhũng, lãng phí. Thành lập các đoàn công tác liên ngành (các cơ quan kiểm tra Đảng, thanh tra, kiểm toán, công an, kiểm sát...) để phối hợp xử lý trách nhiệm người đứng đầu trong các vụ tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng.

Với những điều kiện pháp lý cần thiết, cùng với việc hoàn thiện bộ máy tổ chức và đổi mới các hoạt động của mình, Kiểm toán Nhà nước có thể tiến hành các cuộc kiểm toán trách nhiệm kinh tế trong nhiệm kỳ đối với cán bộ lãnh đạo, trở thành công cụ đắc lực và hữu hiệu trong quản lý ngân sách nhà nước, tiền và tài sản nhà nước nói chung, trong công cuộc phòng, chống quan liêu, tham nhũng và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí nói riêng.

Trong vấn đề này, chúng ta có thể tham khảo những kinh nghiệm quý trong cuộc phòng chống tham nhũng, lãng phí của Trung Quốc, một nước có sự tương đồng về mặt thể chế chính trị và đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng như trong quá trình cải cách nền kinh tế từ cơ chế tập trung, quan liêu, bao cấp sang nền kinh tế thị trường. Hơn nữa, từ những năm 80 thế kỷ XX cơ quan Kiểm toán Nhà nước Trung Quốc đã căn cứ vào yêu cầu của Trung ương Đảng và Chính phủ để triển khai kiểm toán trách nhiệm đối với giám đốc các doanh nghiệp nhà nước khi rời khỏi chức vụ lãnh đạo. Bắt đầu từ năm 1998, ở Trung Quốc công tác kiểm toán trách nhiệm kinh tế đã bước đầu được nhân rộng trên phạm vi toàn quốc và đạt được những kết quả rất cơ bản. ❑

Digitized by Google

HƯỚNG PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ Ở NƯỚC TA

HỒ NGỌC LUẬT *

THỊ trường khoa học và công nghệ là một phương thức thương mại hóa các thành quả khoa học và công nghệ, thúc đẩy gắn kết khoa học và công nghệ với sản xuất. Theo nghĩa rộng, thị trường khoa học và công nghệ là tổng hòa các mối quan hệ trao đổi mua bán, môi giới, giám định, thưởng phạt, khiếu kiện giữa các bên giao dịch.

Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng nhấn mạnh: Phát triển thị trường khoa học và công nghệ trên cơ sở đổi mới cơ chế, chính sách để phần lớn sản phẩm khoa học và công nghệ (trừ nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu phục vụ xây dựng đường lối, chiến lược, chính sách phát triển) trở thành hàng hóa. Thông tin rộng rãi và tạo môi trường cạnh tranh để các sản phẩm khoa học và công nghệ được mua bán thuận lợi trên thị trường. Chuyển các tổ chức nghiên cứu và phát triển thuộc nhiều loại hình sở hữu sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp.

Về xây dựng và phát triển thị trường công nghệ, Luật Khoa học - Công nghệ cũng đã chỉ rõ: Nhà nước có các chính sách và biện pháp khuyến khích mọi hoạt động chuyển nhượng, chuyển giao công nghệ theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, các bên cùng có lợi; hoàn thiện chính sách, pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ; áp dụng các chính sách ưu đãi đối với sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm bằng công nghệ mới; sản phẩm được làm ra từ công nghệ mới lần đầu tiên áp dụng tại Việt Nam; hoạt động tư vấn khoa học và công nghệ; thiết bị công nghệ cao nhập khẩu, xuất khẩu công nghệ; áp dụng chế độ thưởng cho tập thể lao động và cá nhân có sáng chế, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất và ứng dụng công nghệ mới được chuyển giao; các tổ chức khoa học và công nghệ được thành lập tổ chức dịch vụ khoa học và công nghệ, doanh nghiệp trực thuộc; được hợp tác, liên doanh với tổ chức, cá nhân để tiến hành hoạt động chuyển giao công nghệ.

Nói đến thị trường, cơ bản phải bàn đến "cung, cầu", môi trường pháp lý và xã hội để cung và cầu có thể quan hệ, giao tiếp, trao đổi với nhau. Giai đoạn ban đầu, đặc trưng của thị trường khoa học và công nghệ là sự tự nguyện giải quyết những vấn đề sản xuất (đơn vị sản xuất) đặt ra cho các cá nhân, tổ chức khoa học và công nghệ. Các cá nhân, tổ chức khoa học và công nghệ bắt đầu tham gia vào các dịch vụ tư vấn kỹ thuật, hỗ trợ các doanh nhân, doanh nghiệp trong việc giải quyết các vấn đề kỹ thuật trong sản xuất; chuyển giao thành quả khoa học và công nghệ cho sản xuất. Khi nhận thức của xã hội về vai trò không thể thiếu được

* TS, Vụ trưởng Vụ Khoa học Tự nhiên, Công nghệ và môi trường, Ban Khoa giáo Trung ương

Digitized by Google

của khoa học và công nghệ đối với xây dựng kinh tế ngày một nâng cao, thì thị trường khoa học và công nghệ sẽ được chỉ đạo, định hướng và tổ chức để hình thành một thị trường thực sự đối với các thành quả khoa học và công nghệ. Khi thành quả khoa học và công nghệ được thừa nhận là hàng hóa, được thương mại hóa thực sự, lúc đó thị trường khoa học và công nghệ mới khẳng định được vị trí và vai trò của nó. Như vậy, sự phát triển thị trường khoa học và công nghệ là hệ quả của phát triển kinh tế, phát triển của khoa học và công nghệ và mối quan hệ cung cầu giữa khoa học, công nghệ và sản xuất; sự phát triển nhận thức của xã hội đối với lực lượng khoa học, công nghệ là một lực lượng sản xuất, đối với thành tựu khoa học và công nghệ là một sản phẩm hàng hóa.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh, đổi mới sản phẩm, đổi mới công nghệ, hợp lý hóa, nâng cao trình độ công nghệ, nâng cao hiệu quả của các khâu sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, nhu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nông nghiệp, đổi mới cây trồng, vật nuôi, chuyên canh hóa sản xuất,... là rất lớn. Thế nhưng, hiện nay nhu cầu ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ của nhiều doanh nghiệp chưa trở thành cấp thiết trong cạnh tranh. Điều này, trong khu vực kinh tế nhà nước do tác động của cơ chế bao cấp và trong nền kinh tế nói chung có vấn đề bảo hộ hàng nội địa. Các doanh nghiệp nhà nước không dễ gì đổi mới công nghệ vì không chủ động được vốn; muốn có vốn vay phải qua nhiều cửa, nên bỏ lỡ nhiều cơ hội kinh doanh. Các công trình do Nhà nước đầu tư, khi xem xét luận chứng phải qua nhiều thủ tục hành chính, nên các giải pháp công nghệ trong nước, mặc dù có hiệu quả hơn thường không được chấp nhận. Như vậy, chế độ bao cấp, độc quyền trong sản xuất, kinh doanh và nhiều cơ chế, chính sách khác đang gây cản trở cho việc đổi mới công nghệ, ứng dụng tiến bộ khoa học. Một số quy tắc đấu thầu trong sản xuất hiện nay (đòi hỏi các thiết bị mới, các sản phẩm mới phải được ứng dụng có kết quả qua nhiều năm...) không phù hợp, đang loại trừ các sản phẩm nghiên cứu ở trong nước, cản trở phát huy nội lực của các nhà khoa học và công nghệ.

Ở nước ta, mức đầu tư bình quân của các doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ không quá 0,25% doanh thu, trong khi các nước công nghiệp tỉ lệ này thường là 5% - 6%, còn các nước phát triển là 10%; đối với các ngành công nghệ cao, đầu tư cho nghiên cứu - phát triển chiếm từ 10% - 20% doanh thu. Hiện Việt Nam có trên 110.000 doanh nghiệp. Qua điều tra 5.000 doanh nghiệp, kinh phí đầu tư cho nghiên cứu - phát triển, chuyển giao đổi mới công nghệ là 895 tỉ đồng. Trong đó cho hoạt động nghiên cứu - phát triển khoảng 60 tỉ còn lại 835 tỉ dành cho hoạt động chuyển giao công nghệ.

Thực tế cho thấy, những khó khăn thực sự của sản xuất, nhất là các doanh nghiệp quốc doanh thời gian qua chưa bị thúc ép đến chân tường để phải tìm đến khoa học công nghệ, tìm đến những giải pháp giải quyết triệt để; thay vào đó các doanh nghiệp có thể tìm được những giải pháp đơn giản hơn (giãn nợ, xóa nợ...) mà vẫn ung dung tồn tại và *"phát triển"*. Bên cạnh đó, nói về cung của thị trường khoa học và công nghệ, chúng ta có một đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ không nhỏ, một hệ thống tổ chức khoa học và công nghệ về mọi lĩnh vực khoa học, một hệ thống các chương trình, đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ các cấp,... Nhưng kết quả nghiên cứu của ta, phần lớn vẫn trằn trọc trên bàn các nhà khoa học; nung nấu, mong muốn mà tỷ lệ kết quả trở thành hàng hóa, trở thành thương phẩm mang tên Việt Nam, công nghệ Việt Nam, sức

Digitized by Google

mạnh kinh tế của Việt Nam vẫn là con số quá nhỏ.

Ở nước ta hiện nay chưa có thị trường công nghệ theo đúng nghĩa đầy đủ (được hiểu là thị trường công nghệ hoạt động trên cơ sở pháp lý và được quản lý bằng pháp luật; có điều lệ quản lý thị trường công nghệ và hệ thống pháp quy kèm theo nó; có hệ thống tổ chức quản lý và triển khai các hoạt động nghiệp vụ, có hệ thống cơ quan trung gian môi giới dịch vụ được ra đời và hoạt động theo pháp quy thống nhất). Từ nhiều năm qua, triển khai các quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, Nhà nước ta đã ban hành nhiều cơ chế, chính sách, các văn bản quy phạm pháp luật tạo môi trường thuận lợi, khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trực tiếp phục vụ sản xuất kinh doanh.

Có thể nói, những điều kiện cơ bản cần thiết nhất, như chủ trương, đường lối và cơ chế, chính sách cho phát triển thị trường khoa học và công nghệ đủ để bắt đầu xúc tiến phát triển thị trường này. Tuy nhiên, trên thực tế mức độ đi vào cuộc sống của các chủ trương này rất hạn chế, mới dừng lại ở mức nêu ra cái cần và cái phải làm, chưa có văn bản nêu ra làm gì và làm thế nào để xây dựng và đưa thị trường khoa học và công nghệ vào hoạt động. Phần nào liên quan đến quyền của công dân, các tổ chức được làm, thì nội dung đó được thực hiện; phần nào liên quan đến phải đổi mới cơ chế, chính sách quản lý để phù hợp với xu thế và nhu cầu phát triển của thực tiễn thì nội dung đó được triển khai một cách dè dặt, chậm trễ. Nhưng vấn đề là ở chỗ, không một cán bộ nào phải chịu trách nhiệm vì việc triển khai chậm trễ hoặc không được thực thi.

Vấn đề đáng quan tâm là, ở nước ta chưa hình thành hệ thống tổ chức thị trường khoa học và công nghệ hoạt động theo đúng ý nghĩa của nó là có quản lý, có trật tự, trên cơ sở luật pháp mà mới chỉ có các tổ chức có hoạt động liên quan đến môi giới, chuyển giao công nghệ (các trung tâm chuyển giao công nghệ, liên hiệp khoa học - sản xuất...). Ở nước ta cũng chưa hình thành hệ thống cơ quan chỉ đạo, quản lý nghiệp vụ, tổ chức trung gian từ trung ương đến các địa phương, ngành - những yếu tố cấu thành khung tổ chức của thị trường khoa học - công nghệ. Chúng ta cũng đã tổ chức các hội chợ triển lãm sản phẩm sản xuất trong nước, trong đó có mặt các sản phẩm mới, công nghệ mới; một số hội chợ thương mại quốc tế. Tuy nhiên, các hội chợ này chưa phải là hội chợ giao dịch mua bán công nghệ giữa bên bán và bên mua mà chỉ mang nặng tính trưng bày kết quả hoạt động khoa học và công nghệ để động viên, khen thưởng, không phải nhằm mục tiêu chuẩn hóa thành sản phẩm hàng hóa công nghệ để có thể giao dịch và mua bán.

Nhận thức của xã hội về sở hữu trí tuệ còn rất thấp so với đòi hỏi bức bách của kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế thế giới hiện nay. Nhiều nhãn hiệu hàng hóa của ta bị chiếm đoạt trên thị trường quốc tế, do chúng ta không kịp thời đăng ký như nhãn Vinataba, Cà phê Trung Nguyên, gần đây là của Petro Việt Nam... Những quy định trong các văn bản quy phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ đều rất chung chung, không rõ ràng, dẫn đến có trong cùng một trường hợp, mỗi người có thể hiểu theo một cách khác nhau. Những vụ tranh chấp dai dẳng nhiều năm về nhãn hiệu "Super Maxilite" và "Super Maxilitex" giữa Công ty Sơn Nippon và Công ty Sơn ICI, tranh chấp nhãn hiệu "Trường Sinh" giữa Công ty TNHH Trường Sinh và Công ty TNHH Foremost, tranh chấp nhãn hiệu "Hữu Nghị" giữa Công ty Thực phẩm miền Bắc và Công ty cổ phần Bánh kẹo Hữu Nghị... là những ví dụ sinh động nhất về sự không rõ ràng trong pháp luật về sở hữu trí tuệ hiện nay. Sự "đa nghĩa" của Luật Sở hữu trí tuệ đang bào mòn niềm tin của các doanh nhân nước ngoài đối với môi trường kinh doanh của Việt Nam, ít nhất là trên góc độ pháp luật.

Digitized by Google

Việc thực thi pháp chế về sở hữu trí tuệ chưa nghiêm minh, xử lý hành chính chưa kịp thời, chưa đúng mức; đội ngũ thực thi các nhiệm vụ này quá yếu. Chưa có cơ chế gắn kết, ràng buộc lợi ích của người sáng tạo, lợi ích người áp dụng thành quả sáng tạo và lợi ích toàn xã hội. Một khía cạnh quan trọng trong thực thi pháp chế sở hữu trí tuệ là quyền tài sản trí tuệ không có trong truyền thống ở Việt Nam. Đây thực sự là một nét thiếu trong văn hóa chúng ta. Người Nhật, người Hoa và hầu hết xứ sở chịu ảnh hưởng của Nho giáo đã lần lượt biến xứ sở của họ thành xứ sở công nghệ. Người Việt Nam chưa quen tiếp nhận tài sản trí tuệ, chưa biết giữ gìn khai thác và làm giàu bởi thứ tài sản này. Việc cung cấp tài sản trí tuệ phần lớn do Nhà nước đảm nhiệm. Thực sự đã đến lúc hình thành thị trường và xúc tiến các tư duy phát triển thị trường tài sản trí tuệ và tiến tới để thị trường đó điều tiết hướng phát triển của trí tuệ Việt Nam. Làm ra tài sản trí tuệ trước hết là công việc của toàn xã hội, trong đó Nhà nước đóng vai trò quan trọng, chủ chốt trong bảo hộ quyền về tài sản trí tuệ. Đây là chìa khóa tạo lập điều kiện cơ bản, cần thiết cho thị trường khoa học và công nghệ phát triển.

Thực tiễn trên đây phần nào lý giải nguyên nhân thị trường khoa học và công nghệ Việt Nam chưa phát triển. Để phát triển nhanh chóng thị trường khoa học công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, trước mắt chúng ta cần tập trung thực hiện những nhiệm vụ cơ bản sau:

Thứ nhất, thành lập *cơ quan quản lý và xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ.* Ở trung ương là Trung tâm quản lý và xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ; ở tỉnh, thành phố là văn phòng quản lý và xúc tiến thị trường khoa học và công nghệ, và tổ chức mạng lưới các thị trường khoa học và công nghệ liên kết chặt chẽ với nhau. Bố trí địa điểm cố định và các phiên giao dịch định kỳ cho thị trường khoa học và công nghệ; định kỳ tổ chức các hội chợ triển lãm thành quả khoa học và công nghệ; xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên về công tác thị trường khoa học và công nghệ.

Thứ hai, đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động khoa học và công nghệ gắn với đổi mới quản lý và tổ chức hoạt động kinh tế; bảo đảm sự gắn kết lợi ích của người sáng tạo và lợi ích của các thành phần kinh tế - xã hội. Soát xét lại các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế theo hướng sớm thu hẹp bao cấp, giảm độc quyền, giảm chi phí sản xuất, bảo hộ mậu dịch nhằm thúc đẩy cạnh tranh và hội nhập kinh tế, phát triển thị trường khoa học và công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa.

Thứ ba, việc chuyển các tổ chức khoa học và công nghệ thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ sang chế độ tự trang trải kinh phí và được hoạt động theo cơ chế của doanh nghiệp là một *hướng đi quan trọng có tính đột phá,* tạo ra một môi trường hoạt động khoa học và công nghệ năng động, gắn với nhu cầu phát triển của sản xuất kinh doanh, gắn hoạt động khoa học và công nghệ với lợi ích của sản xuất và lợi ích của các tổ chức khoa học và công nghệ, của các nhà khoa học. Đây là một chủ trương mới, mang lại nhiều chính sách ưu đãi đối với các tổ chức khoa học và công nghệ, tạo nhiều điều kiện thuận lợi cho các tổ chức có năng lực thực sự phát triển thành những cơ sở mạnh, có uy tín, có công nghệ và thương phẩm của riêng mình; đồng thời tạo điều kiện để phát triển nhanh các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh theo kết quả nghiên cứu.

Thứ tư, nhanh chóng xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến thị trường khoa học và công nghệ, ví dụ như về hợp đồng công nghệ, khuyến khích chuyển giao thành quả khoa học và công nghệ, điều lệ quản lý thị

Digitized by Google

trường khoa học và công nghệ. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng, khai thác và phát huy tác dụng của các sáng chế và các giải pháp hữu ích nhằm đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa Việt Nam. Pháp luật hóa quyền sử dụng, chuyển giao thành quả khoa học và công nghệ, quyền chuyển giao của bằng độc quyền, chuyển giao quyền nộp đơn xin cấp bằng độc quyền, hợp đồng chuyển giao bí quyết, hợp đồng cho phép khai thác bằng độc quyền... Các hoạt động chuyển giao thành tựu khoa học và công nghệ phải tuân theo các nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, công bằng, trung thực theo các thỏa thuận trong hợp đồng, tuân thủ pháp luật, bảo vệ lợi ích quốc gia, không được làm phương hại đến lợi ích của cộng đồng và xã hội. Quyền sở hữu trí tuệ trong chuyển giao các thành tựu khoa học và công nghệ được pháp luật bảo hộ.

Thứ năm, hoàn thiện cơ sở pháp lý và nâng cao hiệu lực thực thi pháp luật về sở hữu trí tuệ. Có chế tài để xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật về sở hữu trí tuệ; bảo hộ, khuyến khích việc sử dụng những giải pháp, sáng chế mới. Tăng cường năng lực quản lý nhà nước và công tác thanh tra chuyên ngành trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Rà soát lại các cơ chế, chính sách quản lý kinh tế để thúc đẩy phát triển thị trường khoa học và công nghệ, tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa. Tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và cá nhân tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong kinh doanh, giảm đến mức tối đa sự can thiệp hành chính của các cơ quan nhà nước vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp; thực hiện nguyên tắc công khai, minh bạch trong kinh doanh.

Thứ sáu, ban hành chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất, kinh doanh. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào hoạt động khoa học và công nghệ, bước đầu khuyến khích, thúc đẩy các doanh nghiệp đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm. Cần tiến hành tổng kết, phân tích, đánh giá, rút ra những bài học thực tiễn nhằm đưa ra được những chính sách thiết thực hơn nữa, hỗ trợ nhiều hơn nữa cho các doanh nghiệp, cho các doanh nhân phát triển sản xuất - kinh doanh, tăng cường năng lực cạnh tranh bằng ứng dụng các thành tựu khoa học, đổi mới công nghệ; tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp liên kết với các cơ sở nghiên cứu, các trường đại học trong việc nghiên cứu chuyển giao công nghệ và đào tạo. Cần phấn đấu tiến đến thực hiện nguyên tắc chung là Nhà nước chỉ tài trợ cho những sản phẩm và dịch vụ mà Nhà nước đặt hàng. Chuyển dần trách nhiệm đầu tư vào lĩnh vực nghiên cứu và phát triển công nghệ cho các doanh nghiệp đảm nhận, Nhà nước hỗ trợ bằng cơ chế, chính sách; đồng thời tạo cơ chế để doanh nghiệp chủ động tìm các nguồn khác nhau để đầu tư vào lĩnh vực này.

Thứ bảy, thí điểm mô hình dạy nghề có sự phối hợp giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp với nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước và từ doanh nghiệp. Trong quá trình phát triển thị trường khoa học và công nghệ, doanh nghiệp là một trong những nhân tố cơ bản và quan trọng nhất quyết định hướng phát triển của công nghệ. Có sự tập trung nỗ lực của các cấp, các ngành chia sẻ và tháo gỡ để doanh nghiệp thực sự có môi trường kinh doanh tốt; có sự phối kết hợp năng động và hiệu quả với các tổ chức khoa học và công nghệ (nghiên cứu, đào tạo) để giải quyết những vấn đề về công nghệ đang đặt ra cho doanh nghiệp. Như vậy, doanh nghiệp - khoa học - đào tạo - Nhà nước phải phối hợp làm một để chiếm lĩnh thị trường, đáp ứng những đòi hỏi ngày càng gay gắt của thương trường và mục tiêu của sự phát triển. ❑

Digitized by Google

TÌM HIỂU QUAN ĐIỂM ĐẢNG VIÊN LÀM KINH TẾ TƯ NHÂN TRONG VĂN KIỆN ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG

NGUYỄN NHÂM *

KINH tế tư nhân có vị trí quan trọng trong nền kinh tế thị trường. Ngay ở các nước phát triển, sự đóng góp của kinh tế tư nhân chiếm tỷ trọng khá lớn trong nền kinh tế. Chủ trương của Đảng ta cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân và không giới hạn quy mô là thức thời, hợp với quy luật thực tế khách quan. Đây là một vấn đề rất nhạy cảm, khiến mọi người quan tâm muốn làm rõ luận điểm trên. Trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng đã khẳng định: "Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương"(1). Đây là chủ trương đúng đắn phù hợp với lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, để làm rõ những căn cứ lý luận và thực tiễn của chủ trương trên, trong khuôn khổ của bài viết này chúng tôi xin trình bày hai vấn đề nhận thức có liên quan trực tiếp đến chủ trương quan trọng này.

1 – Nhận thức về kinh tế tư nhân

Kinh tế tư nhân là thành phần kinh tế dựa trên chế độ sở hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, với lao động của các chủ thể kinh tế và lao động làm thuê, bao gồm: kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân.

Cho đến nay đã có nhiều cách khác nhau để xác định cơ cấu và các nấc thang phát triển của kinh tế tư nhân. Sau Cách mạng Tháng Mười năm 1917, V.I.Lê-nin đã chỉ ra kết cấu kinh tế tư nhân ở nước Nga lúc đó gồm: "Kinh tế nông dân kiểu gia trưởng, kinh tế sản xuất hàng hóa nhỏ, kinh tế tư bản tư nhân". Ở nước ta, từ khi đổi mới, trong các văn kiện Đại hội Đảng đã xác định có nhiều thành phần kinh tế, trong đó có kinh tế tư nhân được chia thành 2 thành phần: kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân(2). Đến Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng lại xác định thành phần kinh tế tư nhân bao gồm: cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân(3).

Thực tiễn trong quá trình đổi mới cho thấy thành phần kinh tế tư nhân với những loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh: cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân phản ánh các nấc thang phát triển và là một quá trình biện chứng, liên tục không thể cắt rời; các chính sách khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân của Đảng và Nhà nước ta là đồng bộ, nhất quán, bình đẳng trước pháp luật. Do đó, việc xác định thành phần

---

* Đại tá, Viện Chiến lược quân sự, Bộ Quốc phòng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 302

(2) *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr 480 - 481, 646

(3) *Văn kiện Đại hội Đảng X đã dẫn*, tr 83

Digitized by Google

kinh tế tư nhân bao gồm các loại hình kinh tế cá thể, tiểu chủ và tư bản tư nhân là đúng đắn phù hợp với thực tế khách quan của Việt Nam.

Trải qua một quá trình nhận thức, vai trò của thành phần kinh tế tư nhân cũng đã được khẳng định là quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Đây là một bước phát triển mới về nhận thức lý luận trên cơ sở tổng kết thực tiễn. Kinh tế tư nhân là một mắt khâu quan trọng trong hệ thống kinh tế nhiều thành phần định hướng xã hội chủ nghĩa. Đây là thành phần kinh tế trực tiếp tạo nên sự nhạy cảm về mặt kinh tế - chính trị. Do đó, việc thừa nhận vai trò của kinh tế tư nhân như hiện nay là một bước đột phá quan trọng. Nếu như những năm trước đổi mới, thành phần kinh tế tư nhân chỉ được coi là một thành phần kinh tế *"tàn dư"*, chỉ tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và sẽ bị thu hẹp dần trong quá trình lớn lên của các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa (toàn dân và tập thể), thì đến Đại hội VIII và Đại hội IX của Đảng thành phần kinh tế tư nhân mới được khẳng định sự tồn tại lâu dài *"cả đến khi chủ nghĩa xã hội được xây dựng"*.

Thực tiễn cho thấy, trong kế hoạch 5 năm 2001 - 2005 thành phần kinh tế tư nhân phát triển với tốc độ cao, tỷ trọng đóng góp vào ngân sách nhà nước lớn. Theo số liệu thống kê, công nghiệp ngoài quốc doanh (bao gồm cả kinh tế tư nhân) tuy vẫn là khu vực nhỏ nhất so với các khu vực khác, nhưng có nhịp độ tăng trưởng cao nhất: năm 2000 chiếm 24,6% trong giá trị sản xuất theo giá thực tế của toàn ngành công nghiệp, năm 2003 là 27,5%, năm 2004 tăng lên 28,5% và năm 2005 đạt trên 37%. Hiện nay, trong lĩnh vực nông nghiệp đã có hàng triệu cơ sở kinh tế cá thể, tiểu chủ, hơn 71.000 trang trại và hơn 12 vạn doanh nghiệp tư nhân. Chỉ tính trong 4 năm gần đây với 72.601 doanh nghiệp có vốn đăng ký đạt 145.000 tỉ đồng (tương đương với 9 tỉ USD), tỷ trọng đầu tư của các loại doanh nghiệp tư nhân trong tổng đầu tư xã hội đạt từ 23% đến 25%, năm 2005 kinh tế tư nhân đóng góp khoảng hơn 37% GDP. Vì vậy, trong Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng đã khẳng định rằng kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Đó là một bước tiến về mặt lý luận đã được rút ra từ tổng kết thực tiễn 20 năm đổi mới.

2 – Đảng viên có thể và cần phải làm kinh tế tư nhân

Báo cáo Chính trị tại Đại hội X của Đảng đã xác định đảng viên được làm kinh tế tư nhân. Điều này là phù hợp với nhu cầu thực tế khách quan, hợp lòng dân, tạo điều kiện để đảng viên phát huy vai trò tiên phong của đảng viên trong lãnh đạo sự nghiệp xây dựng, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

a – Đảng viên cũng phải thể hiện vai trò tiền phong, gương mẫu trong phát triển kinh tế tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa

Để thực hiện mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta từ nay đến năm 2010, Đảng ta xác định: "phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt". Vì vậy, các cấp ủy phải tăng cường lãnh đạo kinh tế, thông qua hoạt động kinh tế mà "đổi mới, chỉnh đốn Đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng". Do đó, đảng viên phải gương mẫu, phải đi tiên phong trong mọi lĩnh vực xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm cả phát triển thành phần kinh tế tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, kinh tế tư nhân là một bộ phận trong nền kinh tế nhiều thành phần, tỷ trọng cán bộ, công nhân viên, người lao động hoạt động trong khu vực này là không nhỏ. Do tính tự phát tư bản chủ nghĩa của thành phần kinh tế này nên nó chứa đựng nhiều nguy cơ chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, việc lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng đối với thành phần kinh tế tư nhân là rất cần thiết. Do đó, vai trò lãnh đạo của các cơ sở đảng và tính

Digitized by Google

tiên phong, gương mẫu của các đảng viên hoạt động trong khu vực kinh tế này là rất quan trọng bảo đảm cho thành phần kinh tế tư nhân phát triển đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, sớm đưa nước ta thoát khỏi tình trạng kém phát triển, cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

b – Cần làm rõ giá trị thặng dư và bóc lột kiểu tư bản chủ nghĩa

Vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân ở nước ta đã được đề cập đến từ khi đổi mới, nhưng cho đến Đại hội IX của Đảng vấn đề này vẫn còn bị bỏ ngỏ. Trong các điều quy định đảng viên không được làm vẫn xác định đảng viên không được làm kinh tế tư bản tư nhân. Một trong những nguyên nhân là do trong Điều lệ của Đảng quy định: đảng viên là những người có lao động không bóc lột. Do đó, vấn đề đặt ra là phải có nhận thức đúng đắn về vấn đề giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và bóc lột kiểu tư bản chủ nghĩa.

Chúng ta biết rằng, vào cuối thời kỳ công xã nguyên thủy, đầu thời kỳ xã hội nô lệ, loài người đã có một bước nhảy vọt trong lĩnh vực sản xuất ra của cải vật chất. Trong sản xuất đã bắt đầu có sản phẩm **thặng dư,** tức là phần sản phẩm vượt quá phần sản phẩm tất yếu do người sản xuất tạo ra, mặc dầu lúc đầu sự "dư thừa" đó chỉ là ngẫu nhiên. Cùng với chế độ tư hữu được xác lập, người lao động đã có thể làm chủ những sản phẩm "dư thừa" đó, mang trao đổi với nhau để nhận lại những sản phẩm mà mình thiếu, do kết quả của phân công lao động và chuyên môn hóa đưa lại. Thị trường sơ khai đã xuất hiện từ đó.

Tuy nhiên, phải trải qua thời kỳ phát triển lâu dài, mãi đến cuối của xã hội phong kiến, đầu thời kỳ phát triển của xã hội tư bản chủ nghĩa là kinh tế hàng hóa giai đoạn thấp của kinh tế thị trường mới được hình thành và phải đến cuối thời kỳ phát triển của chủ nghĩa tư bản tự do cạnh tranh thì kinh tế thị trường mới được xác lập một cách tương đối toàn diện.

Kinh tế hàng hóa với đặc trưng phổ biến của nó là sản xuất ra sản phẩm với mục đích để bán, chứ không phải để tiêu dùng, hay sản phẩm dư thừa như trước đây. Ngày nay, kinh tế thị trường hiện đại đã phát triển một cách phổ biến thì đặc trưng căn bản đó không mất đi, nó được bổ sung làm phong phú hơn các hình thức và nội dung của quan hệ trao đổi và vai trò can thiệp của Nhà nước vào quá trình kinh tế.

Như vậy, kinh tế thị trường phát triển từ sơ khai đến hiện đại là một công trình sáng tạo của loài người. Trong quá trình sản xuất và trao đổi kinh tế thị trường đánh dấu một trình độ văn minh mà nhân loại đã đạt được. Do đó, việc phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta là sự kế thừa những thành tựu văn minh của nhân loại. Cái cốt lõi của sự văn minh đó là kinh tế phát triển, xã hội ngày càng có nhiều sản phẩm thặng dư (giá trị thặng dư) để tăng cường tính tích lũy và đầu tư phát triển trên cơ sở đó quan hệ trao đổi ngày càng hiện đại.

Tuy nhiên, trong xã hội có giai cấp, giai cấp tư sản đã biết nắm lấy những thành tựu của nhân loại để mưu cầu lợi ích riêng cho mình bằng "nghệ thuật" chiếm đoạt giá trị thặng dư, bóc lột giai cấp công nhân với các thủ đoạn: kéo dài thời gian ngày lao động, tăng cường độ lao động, rút ngắn thời gian lao động tất yếu và các thủ đoạn khác... như C.Mác đã trình bày một cách đầy đủ và sâu sắc trong bộ Tư bản. Ngày nay, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, do Đảng Cộng sản lãnh đạo như ở nước ta thì phương thức chiếm đoạt giá trị thặng dư kiểu tư bản chủ nghĩa không được phép tồn tại cả về mặt pháp lý và đạo đức; Nhà nước xã hội chủ nghĩa hoàn toàn có thể bằng chức năng quản lý vĩ mô nền kinh tế mà đánh thuế thu nhập các loại phân phối giá trị thặng dư vì lợi ích của người lao động và toàn xã hội.

Digitized by Google

Đối với khu vực kinh tế tư bản tư nhân việc quan niệm thế nào là bóc lột cũng cần có nhận thức mới cho phù hợp với thực tế cuộc sống. Chúng ta biết rằng, bất kỳ loại hình sản xuất, kinh doanh nào trong nền kinh tế thị trường ở nước ta cũng đều phải có lợi nhuận (trừ các doanh nghiệp công ích phi lợi nhuận). Tuy nhiên, lợi nhuận ở đây được hiểu là phần giá trị dôi ra ngoài phần giá trị tất yếu (bao gồm cả phần lao động quản lý của chủ doanh nghiệp), còn quan hệ bóc lột hay không, bóc lột nhiều hay ít là phụ thuộc vào phần dôi ra ngoài phần giá trị tất yếu của toàn bộ doanh nghiệp và phần dôi ra đó được sử dụng như thế nào? Việc xác định mức độ bóc lột là vấn đề không khó khăn. Tuy nhiên, theo chúng tôi thì trong quan hệ cung cầu trên thị trường lao động, việc chấp nhận mức tiền công giữa người lao động và người sử dụng lao động (trên cơ sở bộ Luật Lao động và chính sách tiền lương của Nhà nước trong từng giai đoạn, từng lĩnh vực) có thể là thước đo về tính hợp lý của quan hệ trao đổi, có thể coi đó là mức độ chấp nhận được của tất cả các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm cả doanh nghiệp tư bản tư nhân và doanh nghiệp tư bản tư nhân do đảng viên là chủ sở hữu. Do đó, đảng viên của Đảng hoàn toàn có thể "làm kinh tế tư nhân" mà không vi phạm Điều lệ Đảng và quy định cụ thể của Ban Chấp hành Trung ương khi các mối liên hệ về lợi ích giữa chủ và người lao động được thể chế hóa một cách cụ thể, trên cơ sở đó mà thực hiện phân phối lợi nhuận (giá trị thặng dư) hợp lý, bảo đảm hài hòa giữa lợi ích của mình, của người lao động làm công ăn lương và của xã hội.

Mặt khác, cần thấy rằng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang hướng tất cả các thành phần kinh tế đều phải kinh doanh có lãi (có lợi nhuận), có năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh cao, nhất là trên thương trường khu vực và quốc tế. Đồng thời, thông qua điều hành vĩ mô của Nhà nước để bảo đảm cho sự phân phối sản phẩm thặng dư - lợi nhuận ngày càng hợp lý hơn trên phạm vi toàn xã hội và trong từng doanh nghiệp. Mục tiêu phấn đấu là làm cho nguyên tắc "phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo mức đóng góp vốn và các nguồn lực khác..." được thực hiện ngày càng công bằng hơn, bình đẳng hơn, làm cho quan hệ phân phối tạo ra động lực phát triển nhanh bền vững hướng tới mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Để quan điểm đảng viên làm kinh tế tư nhân của Đảng sớm đi vào đời sống thực tế, thiết nghĩ chúng ta cần quan tâm đến một số giải pháp chủ yếu sau đây:

Một là, đầu tư vào công tác nghiên cứu đổi mới lý luận, nhất là lý luận kinh tế chính trị, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; làm rõ các hình thức biểu hiện cụ thể của giá trị thặng dư, các hình thức lợi nhuận và quan hệ lợi ích giữa chủ thể kinh doanh với chủ thể lao động trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Hai là, có chính sách khuyến khích các chủ thể kinh tế tư nhân là đảng viên phát triển các hình thức sản xuất, kinh doanh đa dạng, bao gồm cả kinh doanh tư bản tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Ba là, có chủ trương phát triển đảng viên trong các doanh nghiệp kinh tế tư nhân, trước hết là những người lao động và chủ doanh nghiệp thể hiện được vai trò tiền phong trong xây dựng, phát triển doanh nghiệp tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo đảm sự lãnh đạo tuyệt đối, toàn diện của Đảng trong các loại hình doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế tư nhân.

Bốn là, xác định đảng viên không chỉ có vai trò tiền phong trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh với tư cách là chủ thể lao động, mà phải tiền phong cả trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh với tư cách là chủ doanh nghiệp tư nhân theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

VỀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

MAI HẢI OANH

VIỆC xây dựng một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong điều kiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi chúng ta phải có một tư duy mới, giàu tính sáng tạo. Sự kết hợp hai yếu tố "thị trường" và "định hướng xã hội chủ nghĩa" nói lên một ý nghĩa bao trùm, trong đó, yếu tố kinh tế và yếu tố văn hóa quyện chặt vào nhau nhằm tạo nên sự phát triển đúng hướng và lành mạnh của văn hóa.

Để nhìn nhận vấn đề một cách biện chứng, trước hết chúng ta phải nhận thức đầy đủ về tính chất của nền kinh tế thị trường. Về bản chất, kinh tế thị trường là tất yếu của nền kinh tế hàng hóa, nhưng là bước phát triển cao hơn của kinh tế hàng hóa. Chính nền kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay đã làm cho lực lượng sản xuất được giải phóng và phát triển vượt bậc. Mặt khác, sự vận động của kinh tế thị trường thường gắn liền với xu hướng chủ nghĩa tư bản: nâng cao đến mức vô hạn sức sản xuất nhằm đạt lợi nhuận tối đa. Bởi thế, nền kinh tế thị trường một chiều sẽ dẫn đến nguy cơ phá hoại môi trường tự nhiên, phá hoại môi trường văn hóa cũng như bản thân văn hóa của con người, làm xuất hiện nguy cơ của cải được tích lũy, con người thì ngược lại, bị sa đọa. Đây là mặt tiêu cực phản văn hóa của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa. Nhiều nhà khoa học đã từng khẳng định bản chất của nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là sự tôn thờ đồng tiền, tôn thờ chủ nghĩa cá nhân và chủ nghĩa vụ lợi. Ở đó tất cả đều bị thương mại hóa. Đó là lý do đòi hỏi chúng ta phải xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nhằm tạo nên những sản phẩm văn hóa thực sự có giá trị, giàu tính nhân văn. Nhưng trong quá trình xây dựng nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải cố gắng xây dựng mối quan hệ hợp lý giữa nhân tố kinh tế và văn hóa. Sở dĩ ta phải phân biệt hai loại nhân tố trên bởi vì một khi sự phát triển xã hội được quan niệm như một tổng thể hoàn chỉnh thì các nhân tố kinh tế hay nhân tố thị trường phải có sự hợp tác và thẩm thấu chặt chẽ của các nhân tố văn hóa.

Tuy rằng xét về tổng thể lịch sử, kinh tế thị trường là bước tiến của nhân loại, và với nó, nhân loại đã tìm ra hình thức phát triển kinh tế hơn hẳn so với những hình thức kinh tế từng có trước đây. Nhưng thị trường lại chính là đầu mối của vô vàn hành động phi đạo đức. Trong lịch sử nhân loại, sự mở rộng thị trường đã gây nên nhiều cuộc tranh chấp, cướp đoạt, lừa dối, và trăm nghìn thủ đoạn phi nhân, phi nghĩa

Digitized by Google

khác, kể cả chiến tranh và giết người hàng loạt. Theo đó, xuất hiện mâu thuẫn thực sự giữa quy luật thị trường và quy luật văn hóa, giữa lôgic thị trường và lôgic văn hóa. Tất nhiên trong những trường hợp nào đó, người ta có thể sử dụng cơ chế thị trường để huy động tính tích cực của văn hóa. Nhưng điều đó đòi hỏi không ít điều kiện của môi trường văn hóa. Như vậy, chúng ta phải luôn luôn bảo vệ và phát huy lợi ích của văn hóa trước những tác động tiêu cực của thị trường, không để cho thị trường chi phối văn hóa mà ngược lại phải để cho văn hóa, với tất cả ý nghĩa tốt đẹp của nó, tác động và chi phối đời sống thị trường.

Nhận thức trên đây có thể soi tỏ một số hoạt động xã hội (kể cả kinh tế và phi kinh tế) có ý nghĩa văn hóa thường xuyên và rộng lớn, đồng thời cũng nói đến những hoạt động văn hóa đặc thù, thường được gọi là ngành văn hóa. Bất luận trong trường hợp nào cũng không được để cho những hoạt động trên đây, dưới danh nghĩa "thích ứng với thị trường" mà rơi vào tình trạng phản đạo đức, phản văn hóa hoặc chí ít là từ bỏ chức năng văn hóa của nó. Mặt khác, những người hoạt động trong các lĩnh vực đã nói trên, với tư cách là những đại diện văn hóa của một xã hội, cũng phải là những tấm gương cụ thể thể hiện những chuẩn mực văn hóa mà xã hội đó có thể đạt được. Ví dụ như các cơ quan lãnh đạo, các cơ quan pháp luật, tài chính, đặc biệt các cơ quan văn hóa cũng như những người trong các cơ quan đó đều là những thực thể tượng trưng cho nền văn hóa và điều hành những hoạt động có ý nghĩa văn hóa của một xã hội. Đó chính là những thực thể phi thị trường, phi kinh doanh, và sản phẩm của họ là những sản phẩm không được tính đến lợi nhuận, hoặc trong một số trường hợp chỉ được phép coi lợi nhuận là mục tiêu thứ yếu. Với một số ngành sản xuất và dịch vụ, Nhà nước chính là người đánh giá các sản phẩm của họ với tư cách là "khách hàng". Một mặt, Nhà nước có quyền đặt ra yêu cầu, nhưng mặt khác phải có sự ứng xử và đãi ngộ với họ xứng đáng, tương đương với những điều kiện của thị trường đang tồn tại ngoài xã hội nếu Nhà nước không muốn những hoạt động mang ý nghĩa văn hóa đó bị sự tấn công rồi vùi dập của thị trường.

Thực tế cho thấy, phải có một thời gian chuyển qua nền kinh tế thị trường, chúng ta mới có điều kiện để nhìn nhận và rút ra những bài học kinh nghiệm đắt giá.

Có lẽ, thoạt đầu, bị mê hoặc vì một số lý luận nào đó về kinh tế thị trường, hay vì hình ảnh phiến diện của một số nước có nền kinh tế thị trường, chúng ta đã *không hiểu hết thực chất của nền kinh tế thị trường*, cứ nghĩ rằng đó là sự mở đường thuận lợi cho các hoạt động trong xã hội, kể cả hoạt động văn hóa, là sự kích thích những năng lực bấy lâu bị kìm hãm. Chúng ta đã không lường trước mặt trái của kinh tế thị trường. Kết quả là trong lĩnh vực kinh tế đã xuất hiện những hiện tượng, ở các mức độ khác nhau, chạy theo lợi nhuận bất chấp những chuẩn mực văn hóa: hàng giả tràn lan, lậu thuế tràn lan, quảng cáo vô tội vạ... Tất cả những tình trạng đó đã tạo nên sự hỗn loạn khó bề kiểm soát của nhiều hoạt động kinh tế ảnh hưởng lớn đến môi trường văn hóa của xã hội.

Bên cạnh đó, *chúng ta đã để cho quy luật thị trường len vào một số cơ quan và cán bộ nhà nước*, những thực thể có chức năng quan trọng là giữ gìn bộ mặt văn hóa của đất nước. Nhân "thời buổi kinh tế thị trường" khi mà những quy định, thủ tục làm ăn chưa chặt chẽ, không ít cán bộ đã lợi dụng chức quyền để bòn rút của Nhà nước, vơ vét của nhân dân, trở thành những kẻ tham nhũng và sa đọa. Có thể nói một cách đau đớn rằng sự biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ và đảng viên trước sự cám dỗ tầm thường trong nền kinh tế thị trường là một tổn thất lớn của chúng ta về

Digitized by Google

mặt văn hóa. Không ít lĩnh vực vốn dĩ là mảnh đất thiêng liêng của chủ nghĩa nhân văn, của tinh thần đạo đức, nói tóm lại là của văn hóa, cũng bị xâm phạm khi sa vào quy luật mua bán đổi chác bằng đồng tiền của thị trường như y tế, giáo dục...

Những điều vừa trình bày trên đây là những mất mát và tổn hại không thể lường hết được về mặt văn hóa ngay giữa lúc nền kinh tế thị trường đang phát triển và tạo nên một bề ngoài ấn tượng rằng chính nó đang thay đổi da thịt cho đất nước. Từ khi chúng ta chuyển sang nền kinh tế thị trường, những cách sống và lối sống xa lạ, thực dụng, chạy theo giá trị vật chất đã xuất hiện. Vì lợi nhuận nhiều người đã bất chấp và chà đạp lên tất cả, người ta làm đủ loại hàng giả: từ đồ ăn, thức uống đến các sản phẩm tinh thần. Thói đua đòi ăn chơi, lối sống xa hoa phung phí tiền của trở nên phổ biến, tạo thế không cân bằng giữa cống hiến và hưởng thụ. Nạn tham nhũng, buôn lậu, làm giàu bất chính và các tệ nạn xã hội khác tràn lan. Tệ "buôn thần, bán thánh" xuất hiện khắp nơi; tôn giáo tín ngưỡng bị lạm dụng và lợi dụng làm phương hại nghiêm trọng đến đời sống tinh thần lành mạnh của toàn xã hội. Điều đó đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ 5, khóa VIII của Đảng khẳng định: *"Về mặt khách quan mà nói* kinh tế thị trường với sức mạnh tự phát ghê gớm của nó đã khuyến khích chủ nghĩa cá nhân, lối sống thực dụng làm cho người ta chú ý tới lợi ích vật chất mà coi nhẹ giá trị tinh thần, chỉ chú ý đến lợi ích cá nhân mà coi nhẹ lợi ích cộng đồng, chú ý lợi ích trước mắt mà coi nhẹ lợi ích lâu dài, cơ bản"(1).

Việc nhiều hoạt động của ngành văn hóa đi vào thị trường với phương châm "tự hoạch toán", "lấy thu bù chi"... cũng đem lại những kết quả không như ý muốn của chúng ta. Bởi thế, có một số hoạt động tuy là cốt tử của ngành văn hóa, có ý nghĩa văn hóa rất lớn, nhưng không có khả năng thương mại, với những sản phẩm không thị trường hóa được, thì một khi kinh phí tài trợ của Nhà nước quá lèo tèo, đã phải sống lay lắt, thậm chí có thời gian "chết" hẳn, như nhiều xưởng phim tài liệu, công trình nghiên cứu văn hóa và hệ thống các thư viện địa phương... Còn các hoạt động khác có khả năng "thích ứng với thị trường" thì dần dần đã ngả sang phía tiêu cực, nghĩa là lấy thị trường làm cứu cánh, chạy theo lợi nhuận và ở mức độ khác nhau, dần từ bỏ chức năng văn hóa của mình. Thực tế của thị trường báo chí, thị trường ca nhạc, băng vi-đi-ô... đã nói lên điều này. Rõ ràng, việc đổi mới và nâng cao trình độ quản lý thị trường văn hóa sao cho hợp lý là một vấn đề cần được quan tâm thích đáng.

Điều quan trọng nhất của việc xây dựng văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là thị trường văn hóa và quản lý thị trường văn hóa. Sự hình thành bước đầu thị trường văn hóa và mở rộng xã hội hóa hoạt động văn hóa đang đặt chúng ta trước những trách nhiệm nặng nề và thách thức không nhỏ đối với năng lực quản lý và trình độ tổ chức hoạt động của đội ngũ cán bộ văn hóa. Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong điều kiện cơ chế mới, hoạt động văn hóa hiện nay còn bộc lộ những xu hướng không lành mạnh, có mặt khá nghiêm trọng. Đó là xu hướng "thương mại hóa", chạy theo lợi nhuận, coi thường chất lượng văn hóa đã lan tràn trong nhiều sản phẩm, dịch vụ văn hóa. Trong khi đó, công tác quản lý văn hóa không theo kịp tình hình, tỏ ra lúng túng, bị động. Một số nơi, do nhận thức không đúng tính đặc thù của thị trường văn hóa với các hàng hóa thông thường khác, có xu hướng buông lỏng quản lý chất lượng tư tưởng, không chăm sóc, đầu tư

(1) *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr 29 - 30

Digitized by Google

nâng cao chất lượng văn hóa. Thị trường văn hóa là cây cầu nối với việc sản xuất văn hóa và tiêu dùng văn hóa. Sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa một khi đi vào lĩnh vực lưu thông dưới hình thức hàng hóa thì tạo nên thị trường văn hóa (bao gồm ngành vui chơi giải trí văn hóa, thị trường điện ảnh, sách báo, mĩ thuật, biểu diễn, thị trường âm hình vi đi ô, thị trường giao lưu văn hóa trong và ngoài nước). Các loại thị trường này đã trở thành một bộ phận hữu cơ không thể thiếu được trong hệ thống thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Cho nên quản lý thị trường văn hóa trở thành một vấn đề quan trọng.

Để phát triển văn hóa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chúng ta cần thực hiện một số nhiệm vụ cấp thiết sau:

Một là, người làm công tác quản lý văn hóa phải coi trọng việc phân tích chi tiết hóa đối với hành vi tiêu dùng văn hóa; phải coi hứng thú và quyền lợi cá nhân của người tiêu dùng như một trọng điểm nghiên cứu; kết hợp hoạt động kinh tế của tiêu dùng văn hóa đại chúng với những đặc điểm và sự biến đổi tâm lý người tiêu dùng để nghiên cứu một cách sát hợp; chú ý phương thức ảnh hưởng lẫn nhau và ảnh hưởng của môi trường xã hội với hành vi tiêu dùng của quần chúng. Từ góc độ quản lý hoạt động cung cấp sản phẩm văn hóa, người làm công tác quản lý văn hóa phải chú ý chặt chẽ động cơ hành vi và phương thức hành vi của người cung cấp các loại sản phẩm văn hóa, xem xét động cơ gây dựng uy tín và động cơ kinh tế của họ để hướng dẫn, chỉ đạo một cách hợp lý, chủ động. Phải lưu ý chức năng cảm hóa và tác động tinh thần của sản phẩm văn hóa đối với đông đảo người tiêu dùng, nâng đỡ những tác phẩm có giá trị tư tưởng và nghệ thuật xuất sắc, biết tuân thủ nguyên tắc thị trường đồng thời kiên trì xây dựng một thị trường văn hóa giàu tính nhân văn.

Hai là, nhanh chóng định ra pháp luật, pháp quy và hệ thống chính sách tương ứng về quản lý thị trường văn hóa, làm cho các ngành chức năng hữu quan vận dụng các biện pháp thích hợp để quy phạm thị trường văn hóa, làm cho việc quản lý thị trường văn hóa được pháp chế hóa, chế độ hóa, quy phạm hóa.Vận dụng *biện pháp kinh tế* can thiệp vào thị trường văn hóa. Thông qua đòn bẩy kinh tế, làm cho xuất hiện ngày càng nhiều sản phẩm văn hóa và dịch vụ văn hóa tiến bộ, lành mạnh có giá trị cao đi vào thị trường. Căn cứ vào quy luật kinh tế khách quan của phát triển thị trường văn hóa mà vận dụng các biện pháp kế hoạch kinh tế, hiệu quả kinh tế, hạch toán kinh tế, trách nhiệm kinh tế để tăng cường việc quản lý đối với thị trường văn hóa. Vận dụng *biện pháp hành chính* để can thiệp vào thị trường văn hóa. Chính quyền phải chú trọng và điều hành kiểm soát vĩ mô, xóa bỏ các hoạt động kinh doanh phi pháp nhằm làm thông thoáng cơ chế quản lý thị trường văn hóa, làm cho hoạt động kinh doanh văn hóa phát triển lành mạnh, có trật tự. Vận dụng những *biện pháp tuyên truyền* dư luận, biện pháp giáo dục để hướng dẫn thị trường văn hóa. Phải tiến hành giáo dục và hướng dẫn đối với người sản xuất, người kinh doanh, người tiêu dùng sản phẩm văn hóa, từ đó dẫn dắt thị trường văn hóa đi theo định hướng thẩm mỹ, thúc đẩy văn hóa phát triển phồn vinh.

Ba là, phải tăng cường giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống xã hội chủ nghĩa sâu rộng trong nhân dân, đặc biệt trong thế hệ trẻ, từ đó xây dựng niềm tin của toàn dân vào lý tưởng chủ nghĩa xã hội. Đảng ta khẳng định "chăm lo văn hóa là chăm lo xây dựng củng cố nền tảng tinh thần của xã hội. Thiếu nền tảng tinh thần lành mạnh và tiến bộ, không quan tâm giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội thì không có sự phát triển kinh tế xã hội bền vững. Xây

Digitized by Google

dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục tiêu văn hóa, vì xã hội công bằng văn minh con người phát triển toàn diện". Chỉ có chủ nghĩa xã hội với mục tiêu giải phóng con người, xây dựng một xã hội công bằng dân chủ, văn minh, mới tạo ra những điều kiện tốt nhất cho con người phát triển tự do và toàn diện, mới có thể ngăn cản và hạn chế được nguy cơ xâm nhập của các hiện tượng phản văn hóa cũng như những mặt trái của cơ chế thị trường. Cùng với việc phát triển kinh tế đất nước chúng ta phải tăng cường phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Bốn là, phát huy vai trò của báo chí và văn học nghệ thuật trong việc giáo dục động viên và định hướng tư tưởng cho xã hội; làm tốt vai trò xung kích trong đấu tranh phê phán, làm thất bại mọi âm mưu chống phá cách mạng nước ta của các thế lực thù địch. Bên cạnh đó, báo chí và văn học nghệ thuật có sứ mệnh rất to lớn phát triển sâu rộng và nâng cao chất lượng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, gắn kết chặt chẽ và đồng bộ hơn với phát triển kinh tế - xã hội; làm cho văn hóa thấm sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Đồng thời báo chí và văn học - nghệ thuật góp phần mở rộng giao lưu văn hóa; giới thiệu văn hóa, đất nước và con người Việt Nam ra thế giới.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa để nó thực sự trở thành cuộc vận động văn hóa lớn có sức lan tỏa và ảnh hưởng sâu rộng, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và xây dựng con người mới; từng bước tạo đà phát triển mới cho các lĩnh vực hoạt động văn hóa nhằm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã đề ra, thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện, phát triển nhanh và bền vững, sớm đưa đất nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. ❑

Phát huy vai trò...

(Tiếp theo trang 8)

xây dựng kết cấu hạ tầng văn hóa còn phải biết kinh doanh kết cấu hạ tầng văn hóa một cách hiệu quả và chủ động, từng bước hình thành đầu tư tài chính, đầu tư chính sách và đầu tư xã hội một cách đồng bộ nhằm làm cho sự nghiệp văn hóa nói chung và công nghiệp văn hóa nói riêng ngày càng phát triển, phục vụ tốt nhất cho việc nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa không thể chỉ chú trọng giải quyết các nhiệm vụ kinh tế - tài chính, kinh tế - kỹ thuật - công nghệ, hoàn thiện thể chế luật pháp và thúc đẩy phát triển các quan hệ thị trường, các loại hình thị trường trong cơ cấu của nó mà còn phải thường xuyên chăm lo phát triển nhân tố văn hóa trong kinh tế, làm cho văn hóa phát huy tác dụng như một động lực thúc đẩy kinh tế phát triển.

Từ quan điểm nhân văn, tức là văn hóa, phát triển xã hội không xem kinh tế là cứu cánh. Xét đến cùng, kinh tế là nhân tố quyết định phát triển xã hội nhưng chủ thể phát triển kinh tế lại là con người xã hội, là cá nhân và cộng đồng. Phát triển kinh tế để phát triển văn hóa vì mục tiêu phục vụ con người và phát triển tự do, toàn diện con người, hoàn thiện nhân cách của nó, của mỗi người và của cả cộng đồng trong sự thống nhất hài hòa - đó mới là mục đích tự thân của lịch sử như C. Mác đã từng nói.

Con người chính là giá trị cao nhất của mọi giá trị văn hóa. Nâng cao chất lượng nguồn lực con người - tài nguyên đặc biệt quý giá, tài nguyên của mọi tài nguyên, nguồn lực của mọi nguồn lực, đó là giải pháp, chiến lược sâu xa để phát triển kinh tế - xã hội. Chính điều đó tỏ rõ rằng, văn hóa vừa là động lực vừa là *mục tiêu* của phát triển kinh tế - xã hội. ❑

Digitized by Google

TÔN GIÁO CÙNG TỒN TẠI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

NGUYỄN ĐỨC LỮ *

TÔN giáo, tín ngưỡng đã tồn tại suốt chiều dài lịch sử nhân loại ở mọi quốc gia, qua nhiều thể chế chính trị. Tuy thịnh suy mỗi thời một khác, nhưng vai trò và ảnh hưởng của nó đối với đời sống xã hội không như nhau.

1 - Người Việt Nam, dù là dân tộc thiểu số hay đa số, có tôn giáo hay không có tôn giáo, theo tôn giáo này hay tôn giáo khác, sống trong nước hay định cư ở nước ngoài, trong sâu thẳm của tâm hồn họ vẫn ẩn chứa niềm tự hào về nguồn gốc huyền thoại con Rồng, cháu Tiên của mình. Mọi người đều quý trọng mảnh đất thiêng liêng hình chữ S, mà ở đấy mỗi tấc đất đều thấm máu và mồ hôi của ông cha qua nhiều thế hệ dựng nước và giữ nước. Nơi ấy có hồn thiêng sông núi, có linh hồn ông bà tổ tiên kết đọng ở Đền Hùng - cội nguồn của dân tộc Việt. Vì vậy, việc gắn đạo với đời, tôn giáo với dân tộc để cho "nước vinh đạo sáng" luôn là tâm nguyện của mọi người bao đời nay, dễ gì để cho ai đó có toan tính phân ly, chia tách.

Ấy thế mà những người không mấy thiện cảm với người cộng sản và chủ nghĩa xã hội đã đối lập giữa người cộng sản với tín đồ các tôn giáo. Họ tung ra đủ những luận điệu, nào là vô thần và hữu thần như nước với lửa; chủ nghĩa xã hội không tương dung với tôn giáo; chủ nghĩa xã hội phủ nhận sự tồn tại của Thượng đế; chủ nghĩa xã hội không phù hợp với nền văn minh Ki-tô giáo. Họ còn gán cho những người cộng sản đủ thứ xấu xa, đó là những kẻ vô Tổ quốc, vô gia đình và vô đạo. Thậm chí, họ còn đồng nhất người cộng sản với quỷ dữ..., rằng: cộng sản diệt công giáo, cố làm cho nhân dân quên thực dân Pháp chính là kẻ tử thù của công giáo, của cộng sản cũng như của toàn dân...

Thực tiễn quá trình thực hiện hai cuộc cách mạng: giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, tự nó đã bác bỏ những luận điệu xuyên tạc trên. Từ trước đến nay và mai sau, những người cộng sản chưa bao giờ có ý định phủ nhận sự tồn tại của tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội và cũng chưa khi nào có chủ trương chống tôn giáo mà chỉ chống những kẻ lợi dụng tôn giáo vì mục đích chính trị phản động. Ngay từ "Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844", C. Mác đã viết: chủ nghĩa vô thần là phủ nhận Thượng đế và đặt làm định đề cho sự tồn tại của con người thông qua sự phủ định đó: *nhưng chủ nghĩa xã hội như chính nó không cần đến cầu nối đó.* Ph. Ăng-ghen đã từng phê phán gay gắt những phần tử tả khuynh vô chính phủ khi họ muốn ghi vào cương lĩnh của đảng công nhân

* PGS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

việc công khai thừa nhận chủ nghĩa vô thần theo cái nghĩa là tuyên chiến với tôn giáo. Năm 1874, ông đã phê phán tuyên ngôn của phái Blăng-ki và cho rằng: tuyên chiến ầm ĩ của họ với tôn giáo là dại dột; rằng: tuyên chiến như thế là một phương pháp tốt nhất làm kích động thêm sự quan tâm của người ta đối với tôn giáo. Năm 1877, trong tác phẩm "Chống Đuy-rinh", Ph. Ăng-ghen lại lên án tư tưởng cách mạng giả hiệu của Đuy-rinh, khi ông ta chủ trương cấm tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội.

V.I Lê-nin cũng đã từng tỏ thái độ không đồng tình đối với những phần tử tả khuynh vô chính phủ muốn phủ nhận sự tồn tại của tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội và những hành vi thô bạo của họ. Ông cho rằng: Đối với chúng ta, sự thống nhất của cuộc đấu tranh thực sự cách mạng đó của giai cấp bị áp bức để sáng tạo một cảnh cực lạc trên trái đất, là quan trọng hơn sự thống nhất ý kiến của những người vô sản về cảnh cực lạc trên thiên đường. Theo ông, điều mà người cộng sản cần và có trách nhiệm là: Đoàn kết họ lại vì cuộc đấu tranh thực sự nhằm giành lấy một cuộc đời tốt đẹp hơn trên trần thế.

Ở nước ta, ngay từ năm 1945, chỉ sau một ngày khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ ta tuyên bố: Tín ngưỡng tự do, lương giáo đoàn kết. Năm 1951, trước luận điệu xuyên tạc của kẻ địch về nguy cơ cộng sản tiêu diệt tôn giáo, trong buổi kết thúc lễ ra mắt của Đảng Lao động Việt Nam, Người khẳng định: "Chúng tôi... xin nói rõ để tránh mọi sự hiểu lầm: ...về vấn đề tôn giáo thì Đảng Lao động Việt Nam hoàn toàn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người"(1). Sau khi miền Bắc được giải phóng, một số bà con tín đồ các tôn giáo còn băn khoăn về sinh hoạt tôn giáo trong chế độ mới, Hồ Chí Minh đã nêu rõ: Đảng Cộng sản chẳng những không tiêu diệt tôn giáo mà còn bảo hộ tôn giáo; Đảng Cộng sản chỉ tiêu diệt tội ác người bóc lột người, vì thế đồng bào có đạo rất an tâm. Ngày 10-05-1958, khi trả lời câu hỏi của các cử tri Hà Nội: tiến lên chủ nghĩa xã hội thì tôn giáo có bị hạn chế không?, Hồ Chí Minh một lần nữa nhắc lại thái độ của người cộng sản đối với tôn giáo rằng: ở các nước xã hội chủ nghĩa, tín ngưỡng hoàn toàn tự do. Ở Việt Nam cũng vậy.

Năm 1990, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết 24 về công tác tôn giáo, xác định: tôn giáo là vấn đề còn tồn tại lâu dài. Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân. Đạo đức tôn giáo có nhiều điều phù hợp với công cuộc xây dựng xã hội mới. Tiếp theo, Nghị quyết Trung ương 7, khóa IX (năm 2003) khẳng định: *"Tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại cùng dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.* Đồng bào các tôn giáo là bộ phận của khối đại đoàn kết toàn dân tộc"(2). Người cộng sản không chỉ thừa nhận về sự tồn tại của tôn giáo trong chủ nghĩa xã hội, mà còn thấy sự tương đồng nhất định về lý tưởng tôn giáo với lý tưởng xã hội chủ nghĩa.

2 - Tôn giáo với học thuyết chủ nghĩa xã hội khoa học là hai hệ tư tưởng khác nhau. Chủ nghĩa duy linh và chủ nghĩa duy vật là ngược nhau. Cộng sản vô thần, công giáo hữu thần, nhưng cộng sản và công giáo vẫn có chỗ giống nhau, cả hai đều phản ánh khát vọng về sự giải phóng con người khỏi áp bức, bất công, nô dịch và nghèo khổ.

Những nhà sáng lập ra học thuyết Mác - Lê-nin thừa nhận: "Trong lịch sử đạo Cơ Đốc sơ kỳ có những điểm giống đáng lưu ý với phong trào công nhân hiện đại... Cả đạo Cơ Đốc lẫn chủ nghĩa xã hội công nhân đều tuyên truyền sự

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 1995, t 6, tr 183

(2) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 48

Digitized by Google

giải phóng con người trong tương lai khỏi cảnh nô lệ và nghèo khổ"(3). Thiên quốc chẳng qua chỉ là một chế độ xã hội trong đó không có sự khác biệt về giai cấp, không có tài sản tư hữu, không có chính quyền nhà nước tách biệt, đối lập với mọi thành viên trong xã hội và xa lạ với nó. Phải chăng, những đặc trưng của chủ nghĩa cộng sản và thiên đường mà một số tôn giáo từng hứa hẹn về cơ bản là giống nhau về mục tiêu vươn tới. Phi-đen Cát-xtơ-rô cho rằng: "Những sự trùng hợp giữa Ki-tô giáo và chủ nghĩa cộng sản nhiều gấp vạn lần so với những trùng hợp có thể có giữa Ki-tô giáo với chủ nghĩa tư bản"(4).

Kế thừa tư tưởng của các nhà sáng lập học thuyết Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh rất chú ý khai thác điểm tương đồng giữa tôn giáo với chủ nghĩa xã hội, chính điều đó đã thu hút, tập hợp quần chúng có tôn giáo cùng toàn dân tích cực không chỉ trong cách mạng giải phóng dân tộc mà cả trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Khi nói với đồng bào có đạo, còn ít hiểu biết về chủ nghĩa xã hội, trong những ngày đầu xây dựng xã hội mới, Hồ Chí Minh giải thích rất cụ thể, thiết thực và rõ ràng: Xã hội ngày càng lớn, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là chủ nghĩa xã hội. Người luôn tôn trọng những giá trị đạo đức, văn hóa có trong tín ngưỡng, tôn giáo. Người cho rằng Phật Thích Ca, Chúa Giê-su và Đức Khổng Tử đều là những vĩ nhân của lịch sử, là bậc thầy. Họ đã từng hy sinh, phấn đấu cho hạnh phúc của con người, chống lại áp bức, bất công và luôn mơ ước về một xã hội tốt đẹp. Dù tôn giáo là "hạnh phúc hư ảo của nhân dân", nhưng sự hy sinh của các đấng bậc ấy cho ước mơ của con người là rất đáng trân trọng. Người cho rằng: Nếu Đức Giê-su sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước những nỗi khổ đau của người đương thời, chắc Ngài sẽ là một người xã hội chủ nghĩa đi tìm đường cứu khổ loài người. Ý tưởng này cũng giống như đối với Khổng Tử, khi Người viết: Cũng có khả năng là siêu nhân này chịu thích ứng với hoàn cảnh và nhanh chóng trở thành người kế tục trung thành của Lê-nin.

Trong bài viết đăng trên báo Sự thật năm 1949, đồng chí Trường Chinh - cố Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam nói rõ: cộng sản vô thần, công giáo hữu thần, thế nhưng cộng sản và công giáo vẫn có chỗ giống nhau. Lý tưởng cộng sản và lý tưởng của Chúa Cơ Đốc không khác nhau mấy. Chúa muốn người ta đừng lừa đảo, bóc lột lẫn nhau, Chúa muốn người ta tương thân tương ái. Người cộng sản cũng muốn thế. Trong khi đánh đuổi bọn độc tài, bọn ăn bám, bọn bóc lột, người cộng sản chính đã làm theo ý Chúa Cơ Đốc. Thật ra, có thể nói điểm tương đồng cơ bản giữa chủ nghĩa xã hội và tôn giáo là tất cả vì hạnh phúc cho con người. Cùng quan điểm trên, đồng chí Nguyễn Văn Linh - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam của thời kỳ đầu đổi mới, cho rằng: Phật Thích Ca khi thấy quần chúng lầm than, đau khổ đã từ bỏ ngôi báu tìm con đường cứu khổ của nhân loại và kết luận: "Mục đích của Giê-su và Thích Ca giống nhau ở chỗ làm việc thiện, việc đạo đức thể hiện lòng thương người nghèo, ghét xa hoa, phù phiếm, bóc lột, áp bức nhân dân lao động". Về đạo Cao Đài, đồng chí nêu, đạo này có nét độc đáo là: "Thờ nhiều vị: Các Mác, Lê-nin, Vích-to Huy-gô, Phật Thích Ca, Tôn Dật Tiên..." và họ: "Đều là những người yêu nước, thương người nghèo khổ, có tư tưởng tiến bộ"(5).

Ki-tô giáo khởi thủy là tôn giáo của người nghèo, của những người bị áp bức và nô lệ. Tôn giáo ấy phản ánh sự phản kháng của

---

(3) C Mác-Ph Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 22, tr 663

(4) *Về tôn giáo*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, t 1, tr 9

(5) Nguyễn Văn Linh: *Đổi mới công tác quần chúng*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 40 và 42

Digitized by Google

quần chúng cần lao đối với chế độ thống trị, bóc lột. Khởi thủy, đó là phong trào chính trị tiến bộ. Thực tế lịch sử đã chứng minh một số người sáng lập và lãnh đạo các tôn giáo là những người nguyện hy sinh vì người nghèo. Những phong trào mà họ khởi xướng ít nhiều đều phản ánh trào lưu chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản không tưởng - một trong những tiền đề tư tưởng cho sự xuất hiện của chủ nghĩa xã hội khoa học sau này.

3 - Cả người cộng sản và người có tôn giáo đều có ước mơ về một xã hội tốt đẹp và phấn đấu để đạt được ước mơ đó, nhưng phương pháp để đạt mục đích ấy lại khác nhau. Những người cộng sản tìm thấy sự giải phóng trước hết trong hiện thực vật chất, thực tế, nhờ tinh thần con người, như V.I Lê-nin từng nói. Họ đem hết sức lực, trí tuệ để xây dựng "thiên đường" ngay trên cõi trần, còn chủ nghĩa cơ đốc đem sự giải phóng đó đặt vào mai sau, đặt trong "đời sống" sau lúc chết, đặt ở trên trời.

Như vậy, sự khác biệt giữa lý tưởng tôn giáo và chủ nghĩa xã hội cơ bản nằm trong khuôn khổ của thế giới quan cũng như phương pháp và lực lượng thực hiện sứ mệnh giải phóng con người. Tôn giáo hứa hẹn xã hội hoàn thiện ở "thế giới bên kia", trong khi những người cộng sản chủ trương thay đổi cái nhà nước ấy và xã hội hiện tại ấy bằng một xã hội khác cao hơn, công bằng hơn, trong đó, chế độ người bóc lột người sẽ bị thủ tiêu. Tuy nhiên, không phải vì vậy mà người cộng sản phủ nhận nhu cầu hướng tới "thiên đường" của quần chúng - chừng nào đồng bào có đạo còn có nhu cầu ấy. Sự khác nhau về nhận thức không tất yếu dẫn đến sự khác nhau về quan điểm chính trị. Nghĩa là, người có cũng như không có tín ngưỡng, tôn giáo vẫn có thể cùng phấn đấu cho một mục tiêu chính trị nhất định.

Nhân dân ta trải qua ba thập kỷ kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ với bao khó khăn, gian khổ, mất mát, hy sinh; trong đó, có không ít tín đồ và chức sắc các tôn giáo. Năm 1975, đánh dấu một trang sử mới của lịch sử dân tộc - nước nhà thống nhất, giang sơn quy về một mối, cả nước cùng đi lên chủ nghĩa xã hội. Hòa vào niềm vui chung của cả dân tộc với sự kiện lịch sử trọng đại này, đồng bào các tôn giáo cùng toàn dân đang nỗ lực thực hiện sự nghiệp xây dựng chế độ mới trên phạm vi cả nước.

Theo Hồ Chí Minh: cách mạng là việc chung của dân chúng chứ không phải việc của một hai người, mà đã là việc chung thì phải vận động mọi người cùng đoàn kết tham gia gánh vác. Xây dựng khối đoàn kết dân tộc là trách nhiệm chung của toàn dân ta, trong đó Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có vai trò đặc biệt quan trọng. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam có trách nhiệm: tập hợp đồng bào có tín ngưỡng, tôn giáo và đồng bào không có tín ngưỡng, tôn giáo cùng nhau xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có trách nhiệm phản ánh kịp thời những tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị của nhân dân về các vấn đề có liên quan đến tín ngưỡng, tôn giáo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tham gia tuyên truyền, vận động chức sắc, nhà tu hành, tín đồ, người có tín ngưỡng, các tổ chức tôn giáo và nhân dân thực hiện pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo; tham gia xây dựng và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo.

Tại Hội nghị lần thứ sáu Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa V), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh khẳng định: "Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không chỉ là biểu tượng của khối đoàn kết toàn dân tộc mà còn là một tổ chức hoạt động đầy sức sống, tập hợp đông đảo nhất, rộng rãi nhất mọi tầng lớp nhân dân, mọi dân tộc, mọi tôn giáo, mọi thành phần kinh tế, mọi cá nhân mong muốn phấn đấu vì một nước Việt Nam

(Xem tiếp trang 44)

Digitized by Google

MƯỜI LĂM NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN KHU CÔNG NGHIỆP, KHU CHẾ XUẤT

Lời Bộ Biên tập: *Thực hiện Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, trong 2 ngày 14 và 15–7–2006, tại tỉnh Long An, Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, Tạp chí Cộng sản và các bộ, ngành, cơ quan liên quan tổ chức Hội nghị Khoa học – Thực tiễn* ***"Tổng kết 15 năm xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất và sơ kết hoạt động của các khu kinh tế ở Việt Nam"****. Tham dự Hội nghị có trên 550 đại biểu đại diện cho nhiều bộ, ban, ngành trung ương; nhiều tỉnh, thành phố và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế, một số doanh nghiệp. Trên 100 báo cáo khoa học đã gửi đến Ban Tổ chức Hội nghị. Sau đây là bài Tổng thuật.*

TỔNG THUẬT HỘI NGHỊ

1 – Những thành tựu trong 15 năm xây dựng và phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất

Hội nghị khẳng định, trong 15 năm (1991 - 2006), việc xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta đã đạt được những thành tựu nổi bật như sau:

1 – Hệ thống các khu công nghiệp, khu chế xuất được hình thành trên cơ sở chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội của cả nước; chiến lược, quy hoạch và nhu cầu, điều kiện phát triển kinh tế – xã hội của các địa phương, vùng lãnh thổ. Tính đến hết năm 2005, cả nước đã có 131 khu công nghiệp, khu chế xuất, với 26.986 ha đất tự nhiên, trong đó diện tích đất công nghiệp có thể cho thuê đạt 18.044 ha. Các khu công nghiệp, khu chế xuất được phân bố theo hướng vừa tập trung đẩy mạnh phát triển công nghiệp ở các địa phương, vùng, miền có lợi thế và tiềm năng, vừa tạo điều kiện cho các địa phương, vùng, miền có ít lợi thế và tiềm năng hơn cũng có được động lực để thúc đẩy chuyển dịch cơ sấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quy mô các khu công nghiệp, khu chế xuất tương đối đa dạng và phù hợp với tiềm năng, lợi thế phát triển của từng địa phương, vùng, miền. Các khu công nghiệp, khu chế xuất được hình thành, phát triển phù hợp với mục tiêu của các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm của cả nước (1991 - 1995, 1996 - 2000, 2001 - 2005); đồng thời,

Digitized by Google

phù hợp với quy hoạch xây dựng, phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất của cả nước và định hướng phát triển, phân bố công nghiệp của các địa phương.

2 – Các khu công nghiệp, khu chế xuất đã huy động được lượng vốn đầu tư lớn của các thành phần kinh tế trong nước và ngoài nước, phục vụ cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Với các chính sách ưu đãi và những điều kiện thuận lợi về kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật, các khu công nghiệp, khu chế xuất ngày càng là địa điểm hấp dẫn của các nhà đầu tư nước ngoài. Số dự án đầu tư và tổng vốn đăng ký của các nhà đầu tư nước ngoài vào các khu công nghiệp, khu chế xuất dần được mở rộng trong giai đoạn đầu (1991 - 1995) và tăng trưởng với tốc độ cao trong các kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và 2001 - 2005. Tính đến cuối tháng 12-2005, các khu công nghiệp, khu chế xuất đã thu hút được 2.120 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 16.843 triệu USD, chiếm 45% tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký trên cả nước. Bên cạnh đó, các khu công nghiệp, khu chế xuất còn là một trong những giải pháp để thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát huy nội lực của các thành phần kinh tế trong nước. Tính đến cuối tháng 12-2005, có 2.367 dự án đầu tư trong nước còn hiệu lực trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, với tổng vốn đầu tư là 113 nghìn tỉ đồng. Đáng chú ý là, trong 2 năm 2004 và 2005, số dự án trong nước còn hiệu lực đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất đã vượt số dự án đầu tư nước ngoài.

3 – Các khu công nghiệp, khu chế xuất đóng vai trò quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế của các địa phương theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm, góp phần chuyển dịch cơ cấu cũng như tăng trưởng kinh tế chung của cả nước và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế. Trong 15 năm qua, giá trị sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp, khu chế xuất đều tăng dần qua các năm. Đặc biệt, trong các kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 và 2001 - 2005, tốc độ gia tăng giá trị sản xuất trong các khu công nghiệp, khu chế xuất đều vượt tốc độ gia tăng giá trị sản xuất công nghiệp của cả nước. Trong thời kỳ 2001 - 2005, tổng giá trị sản xuất công nghiệp của các khu công nghiệp, khu chế xuất tăng bình quân khoảng 32%/năm; trong khi đó, tốc độ tăng trưởng bình quân chung của cả nước chỉ đạt 16%/năm. Sức cạnh tranh của các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu chế xuất trên thị trường thế giới ngày càng được nâng cao. Tỷ trọng xuất khẩu của các doanh nghiệp này trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước tăng từ khoảng 15% năm 2000 lên khoảng 20% năm 2005. Các doanh nghiệp trong khu công nghiệp, khu chế xuất bước đầu đã có sự đóng góp tích cực vào ngân sách nhà nước. Trong thời kỳ 2001 - 2005, tổng giá trị nộp ngân sách nhà nước của các doanh nghiệp này tăng mạnh và đạt khoảng 2 tỉ USD, tăng bình quân khoảng 45%/năm và gấp 6 lần so với thời kỳ 1996 - 2000.

4 – Các khu công nghiệp, khu chế xuất đã tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng mới, hiện đại, có giá trị lâu dài đối với các địa phương và góp phần hiện đại hóa hệ thống kết cấu hạ tầng trong cả nước. Trong các khu công nghiệp, khu chế xuất, hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật được xây dựng khá hoàn chỉnh, trong đó một số đạt tiêu chuẩn quốc tế như đường sá, kho bãi, điện, nước, thông tin liên lạc và các dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm. Tại các địa phương có khu công nghiệp, khu chế xuất, việc tạo ra một hệ thống kết cấu hạ tầng mới, hiện đại ở trong và ngoài hàng

Digitized by Google

rào đã góp phần quan trọng vào việc hiện đại hóa hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội; tạo điều kiện thuận lợi cho việc đẩy mạnh thu hút đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất và các ngành công nghiệp khác của địa phương. Đồng thời, nó cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy mối liên kết kinh tế ngành, vùng, miền.

5 – Các khu công nghiệp, khu chế xuất đã góp phần quan trọng vào việc giải quyết việc làm, nâng cao dân trí và thực hiện các chính sách xã hội. Đóng góp to lớn về mặt xã hội của các khu công nghiệp, khu chế xuất là đã giải quyết việc làm cho hàng chục vạn lao động, trong đó phần lớn là lao động dư thừa ở các địa phương. Trong thời kỳ 2001 - 2005, các khu công nghiệp, khu chế xuất đã thu hút thêm được 656.000 lao động trực tiếp, gấp 4 lần so với thời kỳ trước (1991 - 1996). Tính đến tháng 6-2006, tại đây đã thu hút được khoảng 865.000 lao động trực tiếp. Nếu tính cả số lao động gián tiếp thì số lao động thu hút được còn lớn hơn nhiều (ước tính số lao động gián tiếp khoảng 1,5 triệu người). Các khu công nghiệp, khu chế xuất là nơi sử dụng lao động có chuyên môn kỹ thuật phù hợp với công nghệ mới - công nghệ áp dụng vào sản xuất đạt trình độ khu vực và quốc tế. Vì vậy, các khu công nghiệp, khu chế xuất có đóng góp quan trọng vào việc đào tạo nguồn nhân lực cho nền công nghiệp hiện đại của đất nước. Hiện nay, nhiều khu công nghiệp đã thành lập các trường dạy nghề, như Trung tâm dạy nghề Việt Nam - Xin-ga-po, Trường Kỹ nghệ Thừa Thiên - Huế, Trường cao đẳng Kỹ thuật - công nghệ Biên Hòa...

6 – Các khu công nghiệp, khu chế xuất có tác dụng lan tỏa tích cực tới trình độ phát triển của các vùng, các ngành. Các khu công nghiệp, khu chế xuất ra đời đã tạo nên những khu công nghiệp tập trung, tác động rất tích cực tới việc phát triển các vùng nguyên liệu; thúc đẩy phát triển các loại hình dịch vụ công nghiệp; nâng cao giá trị nông sản hàng hóa. Bên cạnh đó, sự liên kết ngành trong phạm vi nội bộ các khu công nghiệp, khu chế xuất bước đầu có những hiệu quả nhất định. Chẳng hạn, các ngành trong các khu này có sự bổ trợ lẫn nhau và tiêu thụ nguyên liệu, sản phẩm của nhau.

Ngoài ra, một số ý kiến cho rằng, việc xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất ở nước ta có tác động mạnh đến sự thay đổi không gian, quy hoạch nông thôn, đô thị, giao thông vận tải, phát triển các ngành dịch vụ và thay đổi lối sống của một bộ phận dân cư theo hướng văn minh, công nghiệp, hiện đại; góp phần nâng cao năng lực quản lý, điều hành cũng như cải cách hành chính ở địa phương; tạo tiền đề vững chắc cho Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế;...

2 – Những hạn chế chủ yếu trong quá trình phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất

Nhiều tham luận đi sâu phân tích những những hạn chế chủ yếu trong quá trình xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, trong đó nhấn mạnh các vấn đề sau:

Một là, chất lượng quy hoạch chưa cao, tổ chức thực hiện quy hoạch chưa triệt để. Trong thời gian qua, việc xây dựng quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất chủ yếu được xem xét trên cơ sở đề nghị của của địa phương, chưa thực sự gắn với quy hoạch ngành, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trên cả nước; chưa gắn kết đồng bộ với quy hoạch đô thị, khu dân cư, hạ tầng kỹ thuật và xã hội. Bên cạnh đó, công tác chuẩn bị cho sự ra đời của các khu công nghiệp, khu chế xuất còn bộc lộ nhiều yếu kém, như: thiếu cán bộ quản lý có đủ năng

Digitized by Google

lực, trình độ; thiếu sự chuẩn bị về nội dung mời gọi các nhà đầu tư; việc xây dựng kết cấu hạ tầng chưa được giám sát chặt chẽ...

Hai là, công tác đền bù, giải phóng mặt bằng còn gặp nhiều khó khăn, phức tạp; hiệu quả sử dụng đất chưa cao. Thực tế cho thấy, một số khu công nghiệp, khu chế xuất triển khai chậm, thu hút đầu tư thấp vì nhiều lý do chủ quan và khách quan như công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng triển khai chậm và gặp nhiều khó khăn, suất đầu tư quá cao, chồng chéo về quy hoạch hoặc cơ sở hạ tầng ngoài hàng rào khu công nghiệp chưa phát triển. Một số khu công nghiệp, khu chế xuất được hình thành từ những vùng đất nông nghiệp tương đối tốt nhưng hiện để trống, không triển khai xây dựng, gây lãng phí.

Ba là, nhà ở cho công nhân đang là vấn đề bức xúc. Nhà ở cho công nhân hiện đang thiếu cả về số lượng lẫn chất lượng, phát triển tự phát, không theo quy hoạch. Công nhân sống trong điều kiện nhà cho thuê rất tạm bợ, điều kiện sống hết sức khó khăn. Nhà ở có tác động rất lớn tới phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất trên nhiều mặt: tác động trực tiếp tới đời sống người lao động; ảnh hưởng đến an ninh, trật tự trên địa bàn; ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp...

Bốn là, vấn đề môi trường chưa được giải quyết triệt để, nghiêm túc. Trong khuôn khổ của Hội nghị, Ban Tổ chức đã tiến hành hội thảo chuyên đề về vấn đề này. Hội thảo tập trung bàn thảo và đánh giá: thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu chế xuất đã được chú trọng hơn, nhưng vẫn chưa được cải thiện nhiều, chưa đáp ứng được những tiêu chuẩn môi trường theo quy định. Khu công nghiệp, khu chế xuất là nơi tập trung các cơ sở công nghiệp, nhưng cũng là nơi thải ra môi trường các loại chất thải rắn, lỏng, khí và chất thải nguy hại. Hệ thống các văn bản pháp quy, hệ thống các tiêu chuẩn môi trường chưa cụ thể, rõ ràng và phù hợp với đặc thù hoạt động của các khu công nghiệp, khu chế xuất; các nhà quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất cũng như các doanh nghiệp còn thiếu kiến thức về quản lý môi trường, chưa có ý thức cao về bảo vệ môi trường. Cơ chế quản lý môi trường trong các khu công nghiệp, khu chế xuất chưa thực sự hiệu quả; sự phân công và phối hợp giữa các bộ phận môi trường trong ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất với sở tài nguyên và môi trường địa phương còn chưa chặt chẽ.

Năm là, vấn đề người lao động vẫn còn nhiều bức xúc, nan giải, chưa được giải quyết thỏa đáng, kịp thời. Về chất lượng lao động: hiện vẫn còn khoảng 60% lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất là lao động giản đơn; số lao động có trình độ đại học và trên đại học còn chiếm tỷ trọng rất nhỏ (khoảng 4% - 5%). Về đời sống người lao động: người lao động trong các khu công nghiệp, khu chế xuất tiếp cận với các dịch vụ xã hội như bảo hiểm xã hội, y tế và chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là các quyền về hộ khẩu, hộ tịch chưa được bảo đảm và có sự khác biệt rất rõ giữa người lao động nhập cư và người lao động sở tại. Nhiều doanh nghiệp chưa thực sự chăm lo đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động; tổ chức công đoàn ở nhiều nơi chưa được hình thành và hoạt động còn mang tính hình thức. Chẳng hạn, không tuân thủ quy định về ký kết hợp đồng lao động, dẫn tới sa thải công nhân một cách tùy tiện; chính sách tiền lương trả cho người lao động chậm thay đổi và rất lạc hậu so với biến động của giá cả thị trường và tỷ giá hối đoái. Do vấn đề đời sống người lao động chưa được giải quyết thỏa đáng, kịp thời nên trong thời gian qua, ở một số khu công nghiệp, khu chế xuất, liên tiếp

Digitized by Google

xảy ra các cuộc đình công, lãn công của công nhân.

3 – Các giải pháp phát triển khu công nghiệp, khu chế xuất trong thời gian tới

Tại Hội nghị, nhiều giải pháp đưa ra nhằm giải quyết những hạn chế và tạo sự phát triển mới cho các khu công nghiệp, khu chế xuất. Có thể nêu một số giải pháp chủ yếu sau:

Thứ nhất, nâng cao chất lượng quy hoạch và hiệu quả triển khai quy hoạch. Nhiều ý kiến cho rằng, về nguyên tắc, việc xây dựng quy hoạch các khu công nghiệp, khu chế xuất cần bảo đảm mối quan hệ gắn kết giữa quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất với quy hoạch ngành, vùng, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và của cả nước. Về phương pháp, việc xây dựng và điều chỉnh quy hoạch cần căn cứ vào các yếu tố: 1 - Xem xét toàn diện sự phù hợp của khu công nghiệp, khu chế xuất đối với hệ thống các quy hoạch ngành, vùng, quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của cả nước; 2 - Đánh giá xu hướng thu hút đầu tư trên thế giới, từ đó dự báo nhu cầu và khả năng thu hút vốn đầu tư của từng địa phương và vùng lãnh thổ; 3 - Khảo sát thực tế, đánh giá vị trí, điều kiện thuận lợi của địa điểm khu vực dự kiến quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất; 4 - Thường xuyên nắm bắt những yêu cầu mới, chuyển biến mới trong phát triển kinh tế - xã hội để điều chỉnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất. Về nội dung quy hoạch, cần dự kiến thứ tự ưu tiên thành lập mới và mở rộng các khu công nghiệp, khu chế xuất phù hợp với định hướng phát triển vùng, địa phương trong cả nước, đồng thời xây dựng tiêu chí thành lập khu công nghiệp, khu chế xuất một cách rõ ràng, cụ thể. Mặt khác, cần rà soát chi tiết quy hoạch sử dụng đất khu công nghiệp, khu chế xuất trên địa bàn cả nước. Trong xây dựng quy hoạch sử dụng đất, cần bảo đảm mức độ sử dụng đất nông nghiệp và việc chuyển đổi hợp lý từ đất nông nghiệp sang đất khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thứ hai, phát triển kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào một cách đồng bộ với kết cấu hạ tầng trong hàng rào. Về giải pháp này, một số tham luận đưa ra ý kiến như sau: Khi xây dựng quy hoạch phát triển, các địa phương cần có kế hoạch triển khai xây dựng hạ tầng kỹ thuật một cách đồng bộ giữa bên trong và bên ngoài hàng rào khu công nghiệp, khu chế xuất. Chẳng hạn, cần chú ý đến một số kết cấu hạ tầng như: khu tái định cư, nhà ở cho người lao động, vệ sinh môi trường, an ninh trật tự, các dịch vụ công cộng như trường học, bệnh xá, khu vui chơi, giải trí... Trong xây dựng các công trình ngoài hàng rào, ngoài việc dùng vốn ngân sách, chính quyền địa phương cần có cơ chế khuyến khích các tập thể, cá nhân tích cực đầu tư để đẩy mạnh tiến độ lan tỏa của các khu công nghiệp, khu chế xuất.

Thứ ba, xây dựng cơ chế, chính sách về nhà ở cho người lao động. Một số ý kiến cho rằng, quy hoạch khu công nghiệp, khu chế xuất phải gắn với quy hoạch khu nhà ở cho công nhân. Quy hoạch khu nhà ở cho công nhân cần đáp ứng quy hoạch chung của đô thị và nhà ở dành cho công nhân là một bộ phận cấu thành của hệ thống nhà ở đô thị. Cơ chế xây dựng nhà ở cho công nhân cần được thực hiện theo hướng: huy động tổng hợp các nguồn lực để đầu tư xây dựng nhà ở; dành một tỷ lệ vốn ngân sách, vốn của các chủ doanh nghiệp và nhà đầu tư, huy động tiềm lực của dân doanh dưới sự hướng dẫn và quản lý của Nhà nước; áp dụng mức ưu đãi ở mức cao nhất về thuế, đất đai; quản lý điều kiện tối thiểu về nhà ở cho thuê. Nhà ở được xây dựng phù hợp với

Digitized by Google

người lao động về mức thu nhập, trình độ văn hóa.

Thứ tư, xây dựng cơ chế hỗ trợ và quản lý môi trường. Hội thảo tập trung thảo luận về những giải pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường như: xây dựng bộ phận chuyên trách về bảo vệ môi trường trong các khu công nghiệp, khu chế xuất; phân cấp quản lý môi trường, điều chỉnh văn bản pháp quy về tiêu chuẩn môi trường; xây dựng cơ chế hỗ trợ tài chính và huy động vốn trong xây dựng các công trình xử lý chất thải...

Thứ năm, giải quyết tích cực và kịp thời những vấn đề về người lao động. Đây là một trong những giải pháp được nhiều nhà khoa học và nhà quản lý kinh tế - xã hội quan tâm bàn luận. Các ý kiến xoay quanh một số vấn đề cơ bản sau: 1 - Cần tích cực phát triển và đào tạo nguồn nhân lực có tay nghề và tay nghề cao. Các địa phương cần hoạch định chiến lược, xây dựng chương trình đào tạo và phối hợp với các ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, các trường đại học, các viện nghiên cứu trong đào tạo nghề bậc cao, chuyên sâu; 2 - Cần chăm lo các dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe, vấn đề cư trú và bảo đảm các quyền lợi của công nhân theo hướng bảo đảm công bằng giữa lao động địa phương và lao động nhập cư; 3 - Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động; rà soát và điều chỉnh các quy định về tiền lương tối thiểu; nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội cơ sở trong các doanh nghiệp; 4 - Tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật; tích cực tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Luật Lao động; đẩy nhanh việc thành lập tổ chức công đoàn tại doanh nghiệp và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn cơ sở.

Thứ sáu, hoàn thiện hệ thống các chính sách ưu đãi đầu tư, đẩy mạnh vận động, xúc tiến đầu tư. Một số ý kiến cho rằng, trong thời gian tới, chính sách ưu đãi đầu tư và cơ chế quản lý hoạt động đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất cần hoàn thiện theo hướng: 1 - Bảo đảm thống nhất và công bằng giữa khu vực trong nước và ngoài nước; 2 - Có những chính sách khuyến khích cao hơn đối với những chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng các khu công nghiệp chuyên ngành và công nghệ cao; 3 - Điều chỉnh thủ tục đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng cũng như các đầu tư khác vào các khu công nghiệp, khu chế xuất. Mặt khác, cần đổi mới mạnh mẽ nội dung và phương pháp vận động, xúc tiến đầu tư vào các khu công nghiệp, khu chế xuất; chú trọng xúc tiến đầu tư theo lĩnh vực, địa bàn và đối tác đầu tư cụ thể; chú trọng thu hút đầu tư của các tập đoàn xuyên quốc gia cũng như các doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Thứ bảy, kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý và hoàn thiện chính sách phát triển. Nhiều đại biểu khẳng định vai trò của ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất cấp tỉnh và cho rằng, để nâng cao hiệu quả hoạt động của các Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất theo cơ chế "một cửa, tại chỗ", cần đẩy mạnh phân cấp gắn với tính tự chịu trách nhiệm, nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý tại các ban quản lý. Hiện tại, các chính sách liên quan tới phát triển khu công nghiệp đã được thể hiện trong nhiều văn bản pháp luật về đầu tư, doanh nghiệp, đất đai, lao động, xây dựng, thuế thu nhập, thuế xuất nhập khẩu..., không còn bó hẹp trong Nghị định 36/CP ngày 24-4-1997 của Chính phủ. Thời gian tới, cần bổ sung và hoàn chỉnh các quy định có liên quan đến khu công nghiệp, khu chế xuất như chính sách về thuế, đất đai, nhà ở, bảo vệ môi

Digitized by Google

trường để tiến tới có một hệ thống các quy định pháp luật hoàn chỉnh về các khu này.

*

* *

Hội nghị cũng dành thời gian đáng kể để trao đổi về định hướng, chính sách phát triển các khu kinh tế. Hiện nay, cả nước có 8 khu kinh tế đã được thành lập. Sự hoạt động của các khu kinh tế đang mở ra những triển vọng mới, nhưng cũng đặt ra nhiều vấn đề cần tập trung tháo gỡ. Tại Hội nghị, các đại biểu đã đề xuất những định hướng và chính sách cơ bản nhằm đẩy mạnh phát triển các khu kinh tế: 1 - Cần tập trung chỉ đạo và đẩy mạnh sự phát triển ở các khu kinh tế đã được thành lập để tạo động lực phát triển mới của khu vực duyên hải miền Trung. Nghiên cứu xây dựng quy hoạch tổng thể các khu kinh tế ở Việt Nam gắn với các tiêu chí hình thành khu kinh tế, với tiến độ triển khai đầu tư các dự án trọng điểm tại các khu kinh tế. 2 - Xây dựng kế hoạch đầu tư phát triển dài hạn các khu kinh tế gắn với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch phát triển các khu chức năng trong các khu kinh tế; đồng thời, tổ chức quản lý, phổ biến, hướng dẫn và triển khai thực hiện Quy chế hoạt động, quy hoạch và kế hoạch phát triển các khu kinh tế. 3 - Ban hành chính sách ưu đãi đặc thù và mô hình quản lý chung, thống nhất cho các khu kinh tế theo hướng tạo ra sự phát triển vượt trội và đảm nhận được vai trò là hạt nhân, trọng điểm phát triển của từng khu vực, từng vùng, miền. 4 - Nghiên cứu, đề xuất các phương án cụ thể nhằm huy động các nguồn vốn cho đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật và xã hội ở các khu kinh tế. ❑

PHẠM THẮNG
(Tổng thuật)

Tôn giáo cùng tồn tại...

(Tiếp theo trang 37)

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"(6).

Hai mươi năm của sự nghiệp đổi mới, nhân dân ta đã thu được những thành công quan trọng trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó, có lĩnh vực tôn giáo. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các tôn giáo được cải thiện, chức sắc và tín đồ các tôn giáo an tâm phấn khởi, ngày càng tin tưởng vào chủ trương, chính sách của Đảng, của Nhà nước và cùng toàn dân tích cực tham gia vào sự nghiệp đổi mới đất nước.

Là người Việt Nam, dù theo tôn giáo này hay tôn giáo khác; dù theo tôn giáo hay không theo tôn giáo; dù là dân tộc đa số hay thiểu số; dù ở trong nước hay định cư ở nước ngoài; dù có tham gia phong trào giải phóng dân tộc hay đã từng một thời lầm đường lạc lối... hẳn ai cũng đều mong muốn Tổ quốc yêu quý của chúng ta cường thịnh, non sông đất nước ta tươi đẹp, xã tắc bình yên, con người hạnh phúc, làm rạng danh Việt Nam trên trường quốc tế. Khát vọng ấy đã, đang và sẽ mãi mãi là mẫu số chung, là sự tương đồng để đoàn kết mọi người mang dòng máu Lạc - Việt, để "Tăng cường sự đồng thuận giữa những người có tín ngưỡng, tôn giáo và những người không tín ngưỡng, tôn giáo; giữa những người có các tín ngưỡng, tôn giáo khác nhau". Muốn vậy, một phần rất quan trọng là phải "Tăng cường hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong việc tuyên truyền chủ trương, chính sách đối với chức sắc, chức việc, nhà tu hành và tín đồ các tôn giáo"(7). ❑

---

(6) *Hội nghị lần thứ sáu Ủy Ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam (khóa V)*, Hà Nội, tháng 3-2004, tr 58

(7) *Văn kiện Hội Nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 53

Digitized by Google

BẮC NINH ĐẨY NHANH LỘ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN

NGUYỄN SỸ *

1 – Từ những chủ trương lớn

Các Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII, lần thứ IX, Hội nghị Trung ương 5 (khóa IX) của Đảng đề ra nội dung cơ bản của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong đó đặc biệt coi trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, từng bước hình thành nông thôn mới văn minh, hiện đại.

Đối với tỉnh Bắc Ninh, xuất phát từ điều kiện của mình, tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được đẩy mạnh từ năm 1996. Nghị quyết Đại hội 15 của Đảng bộ tỉnh (1997 - 2000) xác định: "Khai thác mọi nguồn lực, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật để từng bước tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, chú trọng công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh sản xuất tiểu, thủ công nghiệp và xuất khẩu, phát triển kinh tế nhiều thành phần, tích cực chuyển dịch cơ cấu kinh tế". Đến Đại hội 16 của Đảng bộ tỉnh (2001 - 2005), những nhiệm vụ của tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn được thể hiện rõ hơn: "Đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tập trung phát triển các ngành công nghiệp có công nghệ cao trong các khu công nghiệp cùng với phát triển tiểu, thủ công nghiệp. Chuyển hẳn nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, mở rộng và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ. Tăng trưởng kinh tế cao, chuyển mạnh cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu đến năm 2015, Bắc Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp".

Trên những cơ sở đó, Bắc Ninh hoạch định những chương trình hành động thích hợp, nhằm khơi dậy và phát huy những tiềm năng của địa phương, thực hiện tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

2 – Những biện pháp cụ thể và khả thi

a – Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa

Trong giai đoạn vừa qua, cơ cấu kinh tế của Bắc Ninh đã có sự chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ. Tỷ trọng của công nghiệp, xây dựng trong tổng GDP đã tăng mạnh: từ 23,8% (năm 1997) lên 35,6% (năm 2000) và 47,1% (năm 2005); tỷ trọng của các ngành nông, lâm, ngư nghiệp giảm: từ 45% (năm 1997) xuống còn 38% (năm 2000) và chỉ còn 25,7% (năm 2005). Bắt đầu từ năm 2001, tỷ trọng công nghiệp và xây dựng của tỉnh đã vượt qua tỷ trọng nông nghiệp.

* Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Bắc Ninh

Chuyển dịch cơ cấu kinh tế bước đầu kéo theo sự chuyển dịch lao động và phân công lại lao động. Nếu năm 1996, số lao động trong khu vực nông, lâm, thủy sản chiếm 80,8%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 8,6%; khu vực dịch vụ chiếm 10,6%; thì tốc độ chuyển dịch tương ứng ngày càng tốt dần theo thời gian: năm 2000 là 80,2%, 12,5% và 7,3%; năm 2003 là 68,6%, 18,5% và 12,9%; và năm 2005 là 62,2%, 20,7%, 17,1%.

Với chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, phát huy mạnh mẽ nội lực, tăng cường đầu tư chiều sâu, đổi mới chính sách thu hút các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh đầu tư trên địa bàn, nên công nghiệp có bước phát triển đột phá làm tăng trưởng kinh tế của tỉnh ở mức cao, tạo sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế mạnh mẽ. Tỷ trọng công nghiệp trong GDP gấp gần 2 lần so với tỷ trọng nông nghiệp, tạo đà cho kinh tế Bắc Ninh phát triển hơn nữa trong những năm tới. Sự phát triển công nghiệp ở các khu vực kinh tế trên (kể cả công nghiệp quốc doanh trung ương, địa phương và công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp nông thôn) đã tạo ra một số sản phẩm công nghiệp và các ngành hàng chủ yếu.

Bản thân ngành nông nghiệp cũng có sự chuyển dịch cơ cấu tích cực. Tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất nội bộ ngành nông nghiệp bình quân giai đoạn 1997 - 2000 đạt 9,2% và giai đoạn 2001 - 2005 đạt 5,2%. Bắc Ninh tập trung đưa chăn nuôi thành ngành sản xuất chính, đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 11,4% giai đoạn 1997 - 2000 và 11% giai đoạn 2001 - 2005. Tuy vậy, đến năm 2005, chăn nuôi cũng mới chỉ chiếm khoảng 37,2% trong cơ cấu nông nghiệp, sự chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp diễn ra chậm, ngành trồng trọt vẫn đóng vai trò chủ đạo.

b – Làm tốt công tác quy hoạch, thu hút đầu tư

Bắc Ninh hiện nay đã triển khai quy hoạch và đầu tư xây dựng 4 khu công nghiệp tập trung là: Tiên Sơn (600 héc-ta), Quế Võ (636 héc-ta), Yên Phong (540 héc-ta), và Đại Đồng - Hoàn Sơn (285,3 héc-ta). Tính đến nay, 166 dự án được cấp giấy phép đầu tư, trong đó có 128 dự án vốn đầu tư trong nước với số vốn đăng ký 7.509,9 tỉ đồng (tương đương 440,1 triệu đô-la Mỹ) và 38 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với tổng số vốn đăng ký 312,16 triệu đô-la Mỹ. Tỷ lệ lấp đầy bình quân chung các khu công nghiệp đạt khoảng 60% diện tích đất công nghiệp cho thuê. Có 55 dự án đi vào hoạt động, thu hút 9.142 lao động trong các khu công nghiệp tập trung (trong đó 70% số lao động là người địa phương). Ngoài ra, trên địa bàn có 10 dự án đầu tư từ vốn FDI là 157,673 triệu đô-la Mỹ. Đến nay, toàn tỉnh có 1.369 doanh nghiệp được cấp phép đăng ký kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp với tổng số vốn điều lệ 3.194 tỉ đồng, chiếm 70% số lượng doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp, ngoài ra còn gần 20 ngàn hộ sản xuất cá thể trong các làng nghề của địa phương.

Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn Bắc Ninh thời kỳ 2001 - 2005 tăng bình quân 26,9%: từ 774,3 tỉ đồng (năm 1996) lên 1.183,5 tỉ đồng (năm 2000) và 3.889,3 tỉ đồng (năm 2005), bằng 46,6% GDP. Về vốn trong nước, thu hút 1.061 doanh nghiệp, trong đó có 636 công ty trách nhiệm hữu hạn, 364 doanh nghiệp tư nhân và 79 công ty cổ phần với số vốn đăng ký 2.777 tỉ đồng. Năm 2005, có 44 dự án với số vốn FDI đăng ký trên 326 triệu đô-la Mỹ... Điều đáng chú ý là, nguồn vốn ngân sách nhà nước chiếm tỷ trọng lớn trong những năm trước đây, nay đã có xu hướng giảm dần, từ 44,8% (năm 2000) xuống còn khoảng 16,5% (năm 2005). Điều đó thêm chứng tỏ Bắc Ninh đã tạo dựng bước đầu môi trường đầu tư hấp dẫn đối với các doanh nghiệp.

Đồng thời, tỉnh ban hành nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trong việc đầu tư kinh phí hỗ trợ các lĩnh vực: sản xuất giống cây trồng, con vật nuôi, kiên cố hóa kênh mương, giao thông nông thôn,

Digitized by Google

phát triển công nghiệp và dịch vụ, nước sạch và vệ sinh môi trường, sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, xóa đói giảm nghèo... Những chủ trương trên đã được triển khai, phổ biến và tổ chức chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đã góp phần phát triển lực lượng sản xuất, chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn, củng cố quan hệ sản xuất, thực hiện chính sách xã hội, xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập, cải thiện đời sống của nhân dân khu vực nông thôn của tỉnh.

c – Lựa chọn bước đi thích hợp

Một là, coi phát triển khu công nghiệp tập trung; khu, cụm công nghiệp làng nghề, đa nghề là *khâu đột phá.*

Thực tế cho thấy, một tỉnh thuần nông, sản xuất nhỏ, kỹ thuật lạc hậu, công nghiệp và tiểu, thủ công nghiệp manh mún, nếu không tập trung phát triển công nghiệp, khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp làng nghề, không thể thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Bởi vì, nguồn thu ngân sách hằng năm từ nông nghiệp rất nhỏ bé, bình quân diện tích đất canh tác chỉ có 530 m^2/người, do đó, vấn đề giải quyết việc làm, tăng thu nhập, đổi mới kinh tế nông thôn, nông nghiệp của tỉnh sẽ gặp nhiều khó khăn. Mặt khác, các làng nghề truyền thống nếu không được đầu tư phát triển theo quy hoạch thì một số nghề sẽ bị mai một, môi trường tiếp tục bị ô nhiễm, sản phẩm hàng hóa không có thị trường.

Vì vậy, Bắc Ninh xác định chủ trương phát triển các khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp vừa và nhỏ, làng nghề là một giải pháp đột phá để thực hiện mục tiêu Nghị quyết Đại hội 16 và 17 của Đảng bộ tỉnh: "Phấn đấu đến năm 2015 cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp". Nhờ đó, tỷ trọng công nghiệp, xây dựng trong GDP đã tăng dần từng năm và vượt tỷ trọng ngành nông nghiệp. Nếu những năm đầu tái lập tỉnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân các năm 1997 - 2000 chỉ đạt 12,65%, nhưng sau đó, do phát triển mạnh khu công nghiệp tập trung, khu cụm công nghiệp làng nghề, tốc độ tăng trưởng 5 năm tiếp theo (2001 - 2005) đạt 13,9%, trở thành tỉnh xếp thứ hai trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ (sau Vĩnh Phúc đạt 15,3%). Huyện Từ Sơn đã có tỉ trọng công nghiệp trong GDP chiếm 65,8% - cao nhất trong tỉnh - do phát triển mạnh khu công nghiệp tập trung, cụm công nghiệp làng nghề và dịch vụ.

Hai là, xây dựng quy hoạch nông nghiệp, nông thôn toàn diện và có tính chiến lược phải nằm trong quy hoạch tổng thể của tỉnh; trong đó, quy hoạch không gian, quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội phải *đi trước một bước* và là quy hoạch *có tính bắt buộc.*

Quy hoạch phải đi trước một bước và được thực hiện, quản lý chặt chẽ; kịp thời điều chỉnh, bổ sung sao cho phù hợp với tình hình thực tế và xu hướng phát triển chung của đất nước, của vùng và lợi thế so sánh của địa phương. Đồng thời cần kịp thời bổ sung, chỉnh sửa quy hoạch và ban hành một số chính sách, quy định của địa phương hỗ trợ phát triển nông nghiệp, nông thôn như trong các lĩnh vực giống cây trồng, vật nuôi, thủy lợi, ứng dụng khoa học - công nghệ, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, đào tạo nguồn nhân lực, nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, chương trình xóa đói, giảm nghèo... để đạt được mục tiêu toàn diện, vững chắc.

Ba là, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn theo hướng *phát triển toàn diện, sản phẩm hàng hóa nhiều về số lượng, tốt về chất lượng, gắn với lợi thế từng vùng và gắn với thị trường* là khâu *động lực.*

Kinh tế nông nghiệp, nông thôn Bắc Ninh đã và đang chuyển dịch theo hướng đa dạng hóa sản phẩm: cây trồng vật nuôi có hiệu quả kinh tế đã thay thế các loại giống cũ chất lượng và hiệu quả thấp, cơ cấu mùa vụ, tập quán canh tác cũng đã có sự thay đổi. Bắc Ninh hình thành một số vùng tập trung chuyên sản xuất giống

Digitized by Google

lúa lai, lúa thơm, rau quả xuất khẩu, sản xuất cá, gia cầm, thịt lợn hướng nạc, góp phần tăng thu nhập cho người lao động, khai thác có hiệu quả đất đai và bước đầu hình thành các thị trường tiêu thụ nông sản hàng hóa.

Toàn tỉnh xây dựng 13 vùng lúa hàng hóa tập trung với quy mô mỗi vùng từ 50 đến 100 héc-ta, đạt hiệu quả kinh tế gấp 1,5 đến 2 lần lúa thường. Cùng với đó là 24 vùng sản xuất khoai tây, 26 vùng sản xuất rau xuất khẩu và một số vùng sản xuất hoa, cây cảnh. Điển hình là vùng lúa tám xoan ở Quế Võ (gần 200 héc-ta); vùng lúa nếp ở Từ Sơn (150 héc-ta); vùng hoa, rau ven thị xã Bắc Ninh, Việt Hùng, Đào Viên (Quế Võ); vùng cá có quy mô trên 100 héc-ta ở Bình Dương, Nhân Thắng (Gia Bình), An Thịnh, Phú Hòa, Trừng Xá (Lương Tài); vùng bò sữa ở Cảnh Hưng, Tri Phương (Tiên Du); vùng sản xuất khoai tây thương phẩm ở Việt Hùng, Quế Tân (Quế Võ) với gần 2.000 héc-ta; vùng sản xuất giống đậu tương đông ở huyện Gia Bình; vùng cà chua ở Yên Phong. Những vùng sản xuất trên bước đầu đã đem lại giá trị sản xuất và hiệu quả kinh tế cao.

Các chủ trương, chính sách của tỉnh là một trong những tác động rất lớn đến sự phát triển sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu, thủ công nghiệp nông thôn, thúc đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn ở Bắc Ninh.

3 – Những nhiệm vụ sắp tới

a – Làm tốt hơn nữa công tác quy hoạch, đẩy mạnh thu hút đầu tư

Thời gian tới, Bắc Ninh tập trung giải quyết tình trạng đất giao chậm được khai thác sử dụng có hiệu quả, đồng thời lựa chọn các dự án đầu tư để trong những năm tới đảm bảo cho sự tăng trưởng bền vững. Các dự án phải có công nghệ cao, bảo vệ môi trường sinh thái, sản phẩm đáp ứng được yêu cầu của thị trường, giải quyết lao động địa phương. Đồng thời khắc phục tình trạng ít vùng sản xuất hàng hóa tập trung có chất lượng phục vụ cho chế biến và xuất khẩu. Thu hút các ngành công nghiệp có thế mạnh về sử dụng lao động, nguyên liệu tại chỗ như dệt may, da giày, đồ gia dụng; công nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

Về chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp, Bắc Ninh sẽ khắc phục tính tự phát, theo phong trào, thiếu quy hoạch và hướng dẫn chặt chẽ, cả trong sản xuất nông nghiệp. Cùng với đó, việc nâng cao trình độ khoa học - công nghệ trong nhiều lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp cũng sẽ được quan tâm hơn, nâng tỷ trọng chăn nuôi lên hơn nữa, đồng thời cải thiện giá trị thu được trên một đơn vị diện tích đất canh tác, hướng tới mục tiêu đạt 50 - 55 triệu đồng/héc-ta.

Trong những năm 1997 - 2005 công nghiệp nông thôn Bắc Ninh đạt được tốc độ phát triển cao (18,88%), nhất là những năm 2001 - 2005 đạt tốc độ 20% - 21% (tốc độ tăng trưởng công nghiệp chung của tỉnh là 26,1%/năm), nhưng cũng chỉ đứng ở vị trí thứ 2 sau vùng đồng bằng sông Hồng. Rõ ràng, với một tỉnh có lợi thế vị trí, điều kiện tự nhiên, xã hội, nhất là có nhiều làng nghề truyền thống, nếu tốc độ tăng trưởng công nghiệp nông thôn chỉ đạt mức cao hơn con số bình quân của cả nước một chút ít thì nguy cơ tụt hậu thành nhãn tiền, nếu như không có bước đột phá về phát triển công nghiệp nông thôn - một nội dung quan trọng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn.

Do đó, sự phát triển của các làng nghề phi nông nghiệp tiếp tục là hướng đi đúng đắn của sự phân công lao động tại chỗ, giải quyết việc làm, tăng thu nhập của dân cư nông thôn. Vấn đề cần quan tâm của khu vực này là, quy hoạch mặt bằng sản xuất, kinh doanh và quy định các yêu cầu trong sản xuất, kinh doanh của hộ gia đình, hạn chế đến mức thấp nhất tiếng ồn, các loại chất thải gây ảnh hưởng sức khỏe cho cộng đồng dân cư và gây thiệt hại cho trồng trọt, chăn nuôi.

b – Đẩy mạnh đào tạo nghề

Chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh chưa theo kịp yêu cầu của tiến trình công nghiệp

Digitized by Google

hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn. Điểm đáng chú ý là, phần lớn lao động nông thôn hiện nay chưa đào tạo cơ bản, chủ yếu là qua truyền nghề. Ở Bắc Ninh có 6 trường và trung tâm dạy nghề, mỗi năm đào tạo học sinh ra trường từ 500 - 600 người, dạy nghề theo hình thức kèm cặp 3.000 lao động/năm, dạy nghề theo hình thức bồi dưỡng 4 đến 5 nghìn người/năm. Tình trạng đó chưa đáp ứng được yêu cầu lao động phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong điều kiện hiện nay.

Hướng ra cho vấn đề này là, liên kết đào tạo nghề với các cơ sở đào tạo ở các trung tâm kinh tế lớn, chủ động nâng cao hiệu quả và số lượng đào tạo của các cơ sở trong tỉnh, bằng cách mời các chuyên gia đến để truyền thụ và chuyển giao. Đồng thời, một hướng không kém phần quan trọng là cần quan tâm cơ chế đãi ngộ với người lao động. Phải tận dụng lợi thế gần các trung tâm phát triển, thuận lợi cho đi lại, chế độ đãi ngộ hợp lý của các doanh nghiệp được coi là biện pháp hiệu quả thu hút lao động cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

c – Thực hiện tốt chính sách xã hội

Đẩy nhanh tốc độ xóa đói, giảm nghèo. Khắc phục quá trình xây dựng các khu công nghiệp, khu dân cư, đô thị không có sự kết hợp giữa quy hoạch chuyển đổi đất nông nghiệp thành đất chuyên dùng với sử dụng lao động tại chỗ, tạo việc làm mới và chuyển nghề cho nông dân, dẫn đến nguy cơ làm tăng tình trạng thiếu việc làm đối với nông dân đã diễn ra những năm qua và tiếp tục vào những năm tới (từ năm 1998 đến nay đất nông nghiệp chuyển sang đất chuyên dùng gần 3.000 héc-ta và đang tiếp tục tăng). Mặt khác, tiếp tục thu hẹp khoảng cách thu nhập giữa nông thôn và thành thị mà hiện nay vẫn đang có sự chênh lệch lớn. Phân bổ lại tư liệu sản xuất giữa nhóm hộ giàu so với nhóm hộ nghèo (nhiều nơi chênh lệch gấp 10 lần).Hạ tỷ lệ nghèo xuống dưới 3,5% (nếu áp dụng chuẩn nghèo mới: 200.000 đồng/người/tháng, tỷ lệ nghèo nông thôn lên đến 20%). Khắc phục sự bất cập trong việc thực hiện chủ trương xã hội hóa y tế, giáo dục nhằm làm cho đời sống của bộ phận dân cư nông thôn ngày càng được cải thiện hơn.

Trước mắt, phát huy kết quả của công tác *xóa đói, giảm nghèo.* Cụ thể là, giảm nhanh tỷ lệ nghèo từ 10,2% (năm 2000) xuống còn 3,5% (tương đương 15,21% theo chuẩn năm 2005). Nhờ sản xuất phát triển, nông thôn Bắc Ninh đã được đổi mới, đời sống nông dân ở phần lớn các vùng nông thôn được cải thiện rõ rệt, thu nhập bình quân tăng từ 3,5 triệu đồng/người (năm 2000) lên 7,5 triệu đồng/người (năm 2005). Tỷ lệ nghèo ở nông thôn từ 9,8% năm 1996 giảm xuống còn 3,5% năm 2005 (tiêu chí mới là 15,21%). Để giải quyết thật cơ bản tình trạng đói nghèo, Bắc Ninh tập trung thực hiện tốt tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, tạo ra nhiều việc làm, tiếp cận với kiến thức và cơ hội làm ăn cho mọi đối tượng, dưới sự điều tiết của các cấp chính quyền.

Về giải quyết việc làm, bình quân 5 năm qua, Bắc Ninh đã giải quyết được việc làm cho 14 nghìn lao động/năm, vượt 16,7% so mục tiêu đề ra. Năm 2005, có 18 nghìn lao động có thêm việc làm và việc làm mới. Tiếp tục hạ thấp tỷ lệ thất nghiệp ở khu vực thành thị từ 4,9% (năm 2003) xuống còn 4,23% (năm 2004) và dưới 4% vào năm 2006 và những năm tiếp theo. Nâng hệ số sử dụng thời gian lao động của khu vực nông thôn từ 70,8% (năm 2000) lên 81,38% (năm 2005) và gần 85% vào năm 2006. Công tác xuất khẩu lao động có cố gắng, hằng năm xuất khẩu lao động từ 2.000 đến 2.500 người.

Tạo ra nhiều việc làm vừa đáp ứng nhu cầu nhân lực của tỉnh trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đồng thời mở ra cơ hội cải thiện cuộc sống cho người dân. Đây là những vấn đề cần tiếp tục quan tâm giải quyết trong những năm tới của Đảng bộ và nhân dân Bắc Ninh. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG Ở MỘT TRƯỜNG QUÂN ĐỘI ANH HÙNG

NGUYỄN VIẾT KHAI *

TRƯỜNG Sĩ quan Lục quân 2 được thành lập ngày 27-8-1961 tại chiến trường Đông Nam Bộ, từ tiền thân là Trường Quân chính trung sơ cấp Quân giải phóng miền Nam. Sau chặng đường 45 năm xây dựng và phát triển, được sự quan tâm đặc biệt của Đảng, Nhà nước và quân đội, Trường Sĩ quan Lục quân 2 đã đào tạo hàng vạn cán bộ đóng góp tích cực vào sự nghiệp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; tham gia làm nhiệm vụ quốc tế. Ngày nay, trường đang tích cực phấn đấu để trở thành một trung tâm đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp phân đội, có trình độ đại học, chất lượng ngày càng cao, đáp ứng yêu cầu xây dựng quân đội cách mạng chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, ở khu vực phía Nam.

Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với nhiệm vụ chính là đào tạo đội ngũ sĩ quan có bản lĩnh chính trị vững vàng, tuyệt đối trung thành với Đảng, có đạo đức, lối sống trong sáng, có chuyên môn nghiệp vụ giỏi,... Trường Sĩ quan Lục quân 2 còn là một đơn vị trực tiếp tham gia chiến đấu trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, đã lập nhiều chiến công xuất sắc.

Từ sau ngày đất nước thống nhất, cán bộ, giáo viên, học viên của trường đã phát huy cao độ ý thức trách nhiệm, tinh thần tự lực, tự cường, khắc phục khó khăn, độc lập, sáng tạo, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ. Đội ngũ cán bộ, sĩ quan được đào tạo luôn thể hiện lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với nhân dân, sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Với những thành tích xuất sắc trong gần nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, trường đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, quân đội tặng thưởng nhiều danh hiệu cao quý, trong đó có hai Huân chương Quân công hạng nhất và hạng ba; bảy Huân chương Chiến công hạng nhất, nhì, ba; năm lần nhận cờ Luân lưu của Chính phủ và Bộ Quốc phòng... Đặc biệt, năm 1996, nhà trường vinh dự được Nhà nước phong tặng danh hiệu **Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân**.

Thành quả đó có được do nhiều nguyên nhân, trong đó, một trong những nguyên nhân có vai trò quyết định là *trường đã xây dựng được các tổ chức đảng vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức, luôn coi việc nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng, xem đó là nhân tố bảo đảm đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao trong việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục – đào tạo của nhà trường*. Đây vừa là định hướng phát triển, vừa là bài học tổng quát xuyên suốt quá trình

* Thiếu tướng, Bí thư Đảng ủy, Chính ủy Trường Sĩ quan Lục quân 2

Digitized by Google

xây dựng và trưởng thành. Những bài học cụ thể được rút ra là:

Thứ nhất, ra sức xây dựng, củng cố các cấp ủy cơ sở thực sự "trong sạch, vững mạnh". Đảng bộ nhà trường đã thường xuyên làm tốt việc kiện toàn cấp ủy các cấp có chất lượng, đủ số lượng và có cơ cấu hợp lý; nắm vững tiêu chuẩn cấp ủy theo quy định của Trung ương và Đảng ủy Quân sự Trung ương, thực hiện đúng quy trình, lựa chọn những đồng chí đủ tiêu chuẩn vào cấp ủy. Căn cứ vào đặc điểm, nhiệm vụ của từng loại hình tổ chức đảng để có số lượng và cơ cấu phù hợp, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo; gắn chặt xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, đặc biệt là cán bộ chủ trì với củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng cấp ủy. Trong sắp xếp cán bộ các cấp, luôn chú ý đến tính ổn định cho cả nhiệm kỳ của cấp ủy, hạn chế thấp nhất việc điều động đột xuất gây xáo trộn trong đội ngũ lãnh đạo, chỉ huy. Luôn quan tâm đúng mức việc bồi dưỡng, rèn luyện toàn diện, nhất là rèn luyện phẩm chất, đạo đức và năng lực trí tuệ cho đội ngũ cấp ủy viên các cấp; xây dựng đội ngũ bí thư thực sự tiêu biểu về mọi mặt trong đảng bộ, chi bộ, có đầy đủ những phẩm chất, năng lực, phương pháp và tác phong công tác tương xứng với vị trí, nhiệm vụ của mình. Tích cực đổi mới phong cách lãnh đạo của các cấp ủy cơ sở, xây dựng lề lối làm việc khoa học, có kế hoạch, quy chế làm việc rõ ràng, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, xác định rõ nhiệm vụ, quyền hạn của tập thể cấp ủy, phạm vi, trách nhiệm của cá nhân phụ trách, giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa lãnh đạo và chỉ huy, giữa bí thư với cấp ủy, bí thư với chỉ huy, chỉ huy với cấp ủy đúng theo tinh thần Nghị quyết 51 của Bộ Chính trị (khóa IX)và Quyết định 85/QĐ-ĐUQSTW của Thường vụ Đảng ủy Quân sự Trung ương. Qua phân tích, đánh giá chất lượng tổ chức đảng hằng năm, có trên 95,24% tổ chức cơ sở đảng đạt "trong sạch, vững mạnh", nhiều tổ chức cơ sở đảng, nhiều năm liền đạt "trong sạch, vững mạnh", lãnh đạo đơn vị hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Thứ hai, thường xuyên cải tiến và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Công tác chuẩn bị sinh hoạt được các chi bộ tiến hành chu đáo cả về nội dung và hình thức. Nội dung sinh hoạt có trọng tâm, trọng điểm. Trong sinh hoạt chi bộ luôn chú trọng phát huy trách nhiệm, trí tuệ của tập thể chi ủy, người chỉ huy; đồng thời có dự thảo nghị quyết ngắn gọn, đánh giá đúng các mặt mạnh, yếu và nguyên nhân; xác định rõ mục tiêu, chỉ tiêu, chủ trương và biện pháp tổ chức thực hiện.

Tiến hành sinh hoạt nghiêm túc, thực hiện đúng thủ tục, nguyên tắc; mở rộng dân chủ, đề cao tính chiến đấu, tự phê bình và phê bình, tạo không khí tranh luận làm rõ đúng, sai.

Triển khai tổ chức thực hiện, xác định rõ trách nhiệm của từng cá nhân và tập thể trong thực hiện nghị quyết của chi bộ. Khắc phục tình trạng "đánh trống bỏ dùi" hoặc triển khai chung chung, không phân rõ trách nhiệm cho từng cá nhân và tập thể.

Các chi bộ thường xuyên bồi dưỡng nâng cao nhận thức, trách nhiệm của đảng viên, nhất là bí thư, chi ủy viên trong sinh hoạt. Chú trọng cải tiến nội dung, hình thức sinh hoạt chi bộ theo quan điểm đổi mới của Đảng. Các chi bộ đã quán triệt và triển khai thực hiện nghiêm túc Hướng dẫn số 57/HD - BTCTW ngày 16-3-2006 của Ban Tổ chức Trung ương, Công văn số 418/CV-CT ngày 5-5-2006 của Tổng cục Chính trị về "Một số vấn đề nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ". Tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy cơ sở đối với hoạt động sinh hoạt chi bộ. Định kỳ sơ, tổng kết, rút kinh nghiệm việc duy trì và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ.

Thứ ba, thường xuyên coi trọng công tác xây dựng đội ngũ đảng viên, gắn với xây dựng

Digitized by Google

đội ngũ cán bộ; nâng cao chất lượng, gắn công tác đào tạo cán bộ với công tác phát triển đảng viên. Các cấp ủy ở Trường Sĩ quan Lục quân 2 luôn nhận thức sâu sắc rằng: xây dựng đội ngũ đảng viên luôn là một nội dung cơ bản, quan trọng trong công tác xây dựng đảng, là trọng tâm của công cuộc đổi mới, chỉnh đốn Đảng, là nội dung trong chiến lược xây dựng con người do Đảng đề ra. Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 bao gồm đảng viên là cán bộ, giáo viên, học viên, chiến sỹ, công nhân viên chức quốc phòng; trong đó đảng viên là cán bộ, giáo viên chiếm trên 44% tổng số đảng viên trong đảng bộ. Đây là lực lượng giữ vai trò quan trọng, quyết định đến chất lượng, hiệu quả công tác giáo dục - đào tạo của nhà trường. Xây dựng đội ngũ đảng viên ở đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 được tiến hành toàn diện. Trong đó đảng bộ đã thường xuyên làm tốt việc giáo dục, bồi dưỡng nâng cao nhận thức chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức đúng đắn tình hình, nhiệm vụ cách mạng, quân đội và nhà trường; xác định rõ kẻ thù, có ý thức cảnh giác cách mạng, đề cao trách nhiệm chính trị, hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao cho đội ngũ đảng viên. Thường xuyên quan tâm xây dựng đội ngũ đảng viên là cán bộ, giáo viên có đầy đủ phẩm chất, năng lực, đạo đức cách mạng tốt, có trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, chỉ huy giỏi. Bằng nhiều biện pháp: phối hợp chặt chẽ với các học viện, nhà trường trong và ngoài quân đội, bố trí cho đội ngũ cán bộ, giáo viên đi đào tạo, nhất là đào tạo sau đại học; thường xuyên tổ chức tốt học tập tại chức, tập huấn, tổ chức các hội thi, hội thao; cử cán bộ đi thực tế; động viên cán bộ, giáo viên tự học tập, tự nghiên cứu nâng cao trình độ nhận thức, bản lĩnh chính trị, năng lực công tác; thực hiện tốt công tác chính sách cán bộ. Năm 1995, nhà trường chỉ có 12% cán bộ, giáo viên có trình độ đại học, đến nay, đội ngũ này đã có 99,8% trình độ đại học và sau đại học, trong đó có 25% sau đại học (15 tiến sĩ, 150 thạc sĩ). Nhà trường luôn gắn đào tạo cán bộ với phát triển đảng viên, bảo đảm chặt chẽ, chất lượng tốt. Hằng năm có trên 99% học viên tốt nghiệp ra trường được kết nạp vào Đảng, có một số khóa học 100% học viên được kết nạp vào Đảng.

Cấp ủy các cấp luôn thực hiện nghiêm quy chế, chương trình, kế hoạch giáo dục chính trị, phổ biến giáo dục pháp luật cho đảng viên. Quản lý chặt chẽ, nhất là về tư tưởng, hiệu quả công tác, các mối quan hệ của đảng viên; phối hợp với cấp ủy các địa phương để quản lý đảng viên nơi cư trú. Duy trì nghiêm chế độ nền nếp và nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng; đánh giá, phân loại, nhận xét cán bộ, đảng viên đúng thực chất, đề cao tự phê bình và phê bình. Qua phân tích đánh giá chất lượng hàng năm có trên 85% đảng viên đủ tư cách hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Thứ tư, lãnh đạo tăng cường công tác kiểm tra đảng. Thường xuyên coi trọng giáo dục ý nghĩa, tác dụng, tư tưởng chỉ đạo, nội dung, phương hướng, nguyên tắc, thủ tục tiến hành công tác kiểm tra đảng nhằm nâng cao nhận thức, trách nhiệm, năng lực cho các cấp ủy và đảng viên. Chú trọng kiện toàn hệ thống ủy ban kiểm tra các cấp; luôn bồi dưỡng nâng cao năng lực tiến hành công tác kiểm tra đảng cho ủy ban kiểm tra, trước hết là Ủy ban Kiểm tra đảng ủy nhà trường, đội ngũ làm công tác kiểm tra có đầy đủ phẩm chất, năng lực thực hiện nhiệm vụ kiểm tra; tổ chức rút kinh nghiệm chỉ rõ ưu, khuyết điểm, nguyên nhân và biện pháp nâng cao chất lượng hiệu quả công tác kiểm tra đảng.

Trong các nhiệm kỳ qua, trên cơ sở quán triệt phương hướng, nguyên tắc và quy định của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Đảng ủy Quân sự Trung ương, công tác kiểm tra ở đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 luôn

Digitized by Google

bảo đảm bám sát mục tiêu, yêu cầu nhiệm vụ xây dựng đảng bộ và nhiệm vụ chính trị của nhà trường; xác định đối tượng, nội dung kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm; trong đó vừa chủ động kiểm tra theo kế hoạch của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp, vừa kiểm tra đột xuất đối với tổ chức đảng và đảng viên có dấu hiệu vi phạm kỷ luật và lấy tự kiểm tra của các tổ chức đảng làm chính. Các cấp ủy, tổ chức đảng có kế hoạch kiểm tra cụ thể và tổ chức thực hiện có nền nếp, có chất lượng công tác kiểm tra. Luôn làm tốt việc chỉ đạo kiểm tra, giám sát của cấp ủy cấp trên đối với cấp ủy cấp dưới. Định kỳ cấp ủy cấp trên nghe cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới báo cáo tình hình và giải quyết kịp thời những bức xúc do thực tiễn đặt ra. Công tác kiểm tra đã ngăn ngừa các hiện tượng vi phạm tiêu chuẩn đảng viên, cấp ủy viên, vi phạm Điều lệ Đảng, nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng, giúp cho các tổ chức đảng, đảng viên giữ vững vai trò, vị trí, thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình, từ đó góp phần củng cố đoàn kết nội bộ.

Kế tục truyền thống vẻ vang 45 năm qua, để xây dựng nhà trường vững mạnh toàn diện, Nghị quyết Đại hội đảng bộ nhà trường lần thứ XII nhiệm kỳ 2005 -2010 đã xác định: " Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; xây dựng nhà trường cách mạng, chính quy mẫu mực, từng bước hiện đại, phấn đấu đến năm 2010 chuẩn hóa các yếu tố của một trường đại học quân sự. Xây dựng nhà trường vững vàng về chính trị, tư tưởng trong mọi tình huống; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo và nghiên cứu khoa học; nhà trường mẫu mực về nền nếp chính quy , chấp hành kỷ luật, có đời sống vật chất, tinh thần tốt; các tổ chức đảng "trong sạch, vững mạnh", hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong mọi điều kiện". Để cụ thể hóa Nghị quyết đó, đảng bộ, Ban Giám hiệu nhà trường đã thống nhất tập trung triển khai thực hiện tốt những nhiệm vụ cơ bản sau đây:

1 - Xây dựng nhà trường vững mạnh về tư tưởng, tuyệt đối trung thành với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trước diễn biến tình hình thế giới và trong nước không có biểu hiện dao động hoặc suy thoái về chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống; phát huy dân chủ và đoàn kết, chủ động khắc phục khó khăn, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao trong mọi tình huống.

2 - Tích cực nghiên cứu đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo theo đúng phương châm *"Cơ bản, hệ thống, thống nhất chuyên sâu"*, đáp ứng với mặt bằng các đối tượng đào tạo của quốc gia, bảo đảm học viên ra trường có bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng, có năng lực và sức khỏe hoàn thành chức trách, nhiệm vụ theo mục tiêu, yêu cầu đào tạo.

3 - Xây dựng đội ngũ cán bộ, giảng viên có số lượng đủ, chất lượng cao, toàn diện, có phẩm chất đạo đức tốt, có trình độ chuyên môn, năng lực sư phạm, năng lực nghiên cứu khoa học và năng lực quản lý, chỉ huy giỏi. Phấn đấu đến năm 2010 có đủ số lượng giảng viên, 100% có trình độ đại học, trong đó có trên 40% trình độ sau đại học, trên 10% tiến sĩ, từ 3% - 5% nhà giáo ưu tú và một số có học hàm phó giáo sư.

4 - Đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học; tăng cường đầu tư mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, nâng cấp giảng đường, thao trường, hiện đại hóa thư viện và phương tiện dạy học, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần cho cán bộ, giảng viên, học viên, chiến sỹ, công nhân viên toàn trường.

5 - Nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của các tổ chức đảng ngang tầm nhiệm vụ.

(Xem tiếp trang 62)

Digitized by Google

ĐỔI MỚI SINH HOẠT ĐẢNG, NÂNG CAO NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO VÀ SỨC CHIẾN ĐẤU CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG ĐỒN BIÊN PHÒNG

ĐẶNG VŨ LIÊM *

ĐẢNG thực hiện sự lãnh đạo bằng nhiều phương thức, trong đó phương thức quan trọng nhất là đề ra và tổ chức thực hiện tốt nghị quyết. Để nâng cao chất lượng các nghị quyết, phải rất coi trọng đổi mới sinh hoạt đảng. Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong quân đội trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Đảng ta khẳng định: "Muốn làm tròn vai trò lãnh đạo của đảng ủy, vấn đề tất yếu là phải nâng cao chất lượng sinh hoạt"(1).

Thực hiện cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn Đảng, các tổ chức cơ sở đảng trong Bộ đội Biên phòng đã có sự đổi mới về sinh hoạt, do đó đã lãnh đạo đơn vị hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao. Tuy nhiên, đây vẫn là khâu yếu của một số đảng bộ, chi bộ cơ sở mà biểu hiện tập trung nhất là sinh hoạt đảng vẫn còn mang tính chất hành chính, hình thức; chưa phát huy tốt trí tuệ tập thể; nghị quyết không được quán triệt rộng rãi và thực hiện nghiêm túc.

Qua kinh nghiệm xây dựng Đảng bộ Bộ đội Biên phòng mấy năm qua cho thấy, quá trình đổi mới sinh hoạt đảng cần chú ý mấy vấn đề sau.

1 – Đổi mới nội dung lãnh đạo trong các cuộc họp thường kỳ của đảng ủy, chi ủy đồn biên phòng

Một thực trạng phổ biến trước đây là sinh hoạt thường kỳ, nhiều đảng bộ, chi bộ đồn biên phòng đều đưa ra nghị quyết lãnh đạo toàn diện. Chính vì vậy, nhiều vấn đề nghị quyết phiên họp tháng trước đề ra chưa được thực hiện thì nghị quyết tháng sau lại đề cập lại. Tình trạng "nghị quyết chồng lên nghị quyết" đã dẫn đến hiệu lực lãnh đạo của một số cấp ủy không cao.

Để khắc phục tình trạng trên, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng đã thống nhất về nội dung của các loại nghị quyết cho các kỳ họp như sau: Nghị quyết lãnh đạo toàn diện (của nhiệm kỳ đại hội; nghị quyết năm - gắn với kiểm điểm công tác năm trước và triển khai công tác năm sau của người chỉ huy và nghị quyết quý); các tháng còn lại ra nghị quyết lãnh đạo một số nhiệm vụ trọng tâm hoặc ra nghị quyết chuyên đề (để lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ đột xuất hoặc một vấn đề mang tính chuyên sâu như công tác cán bộ, huấn luyện, quản lý kỷ luật...). Căn cứ định hướng trên và tình hình cụ thể từng thời gian mà đảng bộ, chi bộ cơ sở vận dụng tổ chức sinh hoạt sao cho phù hợp. Tinh thần chung là phải bảo đảm cho cấp ủy đồn biên phòng lãnh đạo toàn diện, có chiều sâu, có trọng tâm, trọng điểm; đồng thời các nghị quyết phải có hiệu lực cao, được

* Thiếu tướng

(1) Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam: *Tổng kết công tác đảng, công tác chính trị trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954 – 1975*, Nxb Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1990, tr 207

Digitized by Google

tổ chức thực hiện nghiêm túc. Khắc phục cơ bản tình hình các nghị quyết đề ra nhiệm vụ gần giống nhau, hoặc chưa thực hiện xong đã ra nghị quyết tiếp theo với nhiệm vụ mới.

2 – Đổi mới công tác chuẩn bị nội dung của sinh hoạt đảng

Để sinh hoạt đảng đạt kết quả tốt, nhất thiết việc chuẩn bị phải chu đáo. Trước hết, *làm tốt việc thu thập, phân tích, xử lý thông tin.* Đây là khâu chuẩn bị nhưng có ý nghĩa quyết định chất lượng sinh hoạt. Ở đây, người bí thư phải biết dựa vào nhiều nguồn và kênh thông tin khác nhau, trong đó, kênh thông tin từ người chỉ huy có vai trò đặc biệt quan trọng. Do đó, người bí thư và người chỉ huy phải thường xuyên trao đổi tình hình và trước khi chuẩn bị nghị quyết cần bố trí thời gian cùng với các đồng chí phó chỉ huy đánh giá sơ bộ tình hình thực hiện nghị quyết, xác định rõ những vấn đề cấp bách nổi lên để dự kiến đề xuất với cấp ủy, chi bộ những chủ trương, biện pháp tháo gỡ. Sau khi trao đổi, bí thư và người chỉ huy phân công nhau xuống địa bàn kiểm tra các đội công tác, gặp gỡ trao đổi với cấp ủy, chính quyền các xã biên giới, trên cơ sở đó làm rõ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau khi trao đổi, từ đó bổ sung thêm chủ trương, giải pháp sắp tới. Ngoài ra, bí thư phải trực tiếp làm việc với Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên cơ sở để nắm tình hình công tác đoàn, tâm tư, nguyện vọng đoàn viên thanh niên, nghe Đoàn Thanh niên kiến nghị những vấn đề cần lãnh đạo. Từ các nguồn thông tin trên và căn cứ vào các nghị quyết, chỉ thị, hướng dẫn của cấp trên, người bí thư tiến hành phân tích, tổng hợp tình hình, hình thành những vấn đề lớn để dự thảo nghị quyết.

Soạn thảo văn bản chuẩn bị hội nghị cấp ủy. Việc chuẩn bị nghị quyết là trách nhiệm trước hết của bí thư và phó bí thư. Căn cứ vào kết quả thu thập, phân tích, xử lý thông tin, bí thư và phó bí thư trực tiếp dự thảo nghị quyết. Đối với nghị quyết đại hội nhiệm kỳ và các nghị quyết chuyên đề, sau khi dự thảo cần lấy ý kiến tham gia của cấp ủy, tổ chức đảng cấp dưới và ý kiến của quần chúng trong đơn vị. Một số vấn đề cần bàn sâu, có thể tổ chức các buổi tọa đàm, trao đổi với một số cán bộ hiểu sâu về vấn đề này. Quá trình chuẩn bị nghị quyết cũng cần phải tiếp tục trao đổi với các đồng chí trong ban chỉ huy đơn vị và các đội công tác biên phòng để dự thảo nghị quyết chứa đựng được nhiều ý kiến đóng góp.

3 – Đổi mới sinh hoạt đảng ở chi bộ đồn biên phòng

Một buổi sinh hoạt đảng có chất lượng phải đạt được mấy yêu cầu cơ bản sau: đúng nguyên tắc, thủ tục quy định; có tính lãnh đạo, giáo dục và chiến đấu; đề cao dân chủ, phát huy trí tuệ tập thể các cấp ủy viên, đảng viên; đề ra được chủ trương, biện pháp lãnh đạo giải quyết các nhiệm vụ đặt ra; củng cố được sự thống nhất về tư tưởng và hành động trong cấp ủy và trong đảng viên, tăng cường đoàn kết nội bộ, nâng cao ý chí trách nhiệm, tăng cường kỷ luật trong Đảng.

Để đạt được các yêu cầu trên, cần thực hiện tốt mấy vấn đề sau. *Thứ nhất,* giáo dục cho các cấp ủy viên và đảng viên nhận rõ quyền hạn và trách nhiệm trong sinh hoạt đảng. Quy chế làm việc của cấp ủy và chi bộ phải xác định rõ: việc tham gia ý kiến, trình bày chính kiến trong sinh hoạt đảng là nhiệm vụ bắt buộc của mọi cấp ủy viên và đảng viên. Trên cơ sở đó, các cấp ủy viên và đảng viên chủ động tự giác chuẩn bị và mạnh dạn trong thảo luận. Mặt khác, phải thường xuyên quan tâm xây dựng bầu không khí tích cực, lành mạnh trong quan hệ nội bộ từng cấp ủy và giữa cấp ủy với mọi đảng viên trong sinh hoạt cũng như trong cuộc sống hằng ngày.

Thứ hai, trong sinh hoạt, cấp ủy và đảng viên cần được cung cấp nhiều thông tin thiết thực để có cơ sở nhìn nhận toàn diện và xem xét, cân nhắc khi xây dựng nghị quyết. Một tình trạng khá phổ biến trước đây trong quy trình sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ là: bí thư đọc dự thảo nghị quyết; chi bộ thảo luận; bí thư kết luận. Với quy trình trên, ở nhiều cấp ủy, chi bộ sau khi bí thư đọc dự thảo nghị quyết, chỉ có một số ít cấp ủy viên hoặc đảng viên có chức vụ phát biểu, còn lại chủ yếu là tán thành. Tình trạng đó có nhiều

Digitized by Google

nguyên nhân, trong đó có một nguyên nhân là thiếu thông tin. Để khắc phục tình trạng này, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng đã chỉ đạo: trước khi trình bày dự thảo nghị quyết, bí thư và phó bí thư (thường là cấp trưởng của đơn vị) thông báo cho cấp ủy, chi bộ những thông tin cần thiết như những chủ trương và chỉ đạo của cấp trên, tình hình nhiệm vụ mới của đơn vị, tình hình địa bàn, tình hình hoạt động của các đối tượng, tâm tư nguyện vọng của đoàn viên, thanh niên, cán bộ, chiến sĩ... Những thông tin đó sẽ giúp cho các cấp ủy viên, đảng viên có tầm nhìn rộng, đầy đủ những vấn đề có liên quan tới nội dung thảo luận và quyết định của cấp ủy, chi bộ, từ đó có cơ sở nghiên cứu dự thảo nghị quyết và suy nghĩ chuẩn bị thảo luận. Sau khi cung cấp thông tin, bí thư trình bày nguyên văn dự thảo nghị quyết, không phân tích dài dòng, dành nhiều thời gian cho thảo luận.

Thứ ba, bí thư làm tốt khâu điều hành hội nghị. Người bí thư phải có nghệ thuật đặt vấn đề để tất cả các cấp ủy viên, đảng viên phát biểu. Cần hướng vào các vấn đề trọng tâm, những vấn đề còn có những ý kiến khác nhau. Mặt khác, người bí thư phải tạo được không khí cởi mở, dân chủ, chân tình, tin tưởng, tôn trọng lẫn nhau, làm cho mọi người chủ động nâng cao trách nhiệm trong thảo luận một cách trung thực, thẳng thắn. Phải đấu tranh với mọi biểu hiện dân chủ hình thức, độc đoán, gia trưởng, coi thường ý kiến người khác, phản ứng tiêu cực với những ý kiến trái với mình. Bí thư phải hết sức trân trọng, lắng nghe tất cả các ý kiến phát biểu, nhất là các ý kiến trái ngược nhau, ý kiến không thống nhất với dự thảo nghị quyết của cấp ủy. Phải coi đây là việc bình thường, thể hiện tinh thần dân chủ, lành mạnh trong sinh hoạt đảng. Vấn đề là ở chỗ thảo luận để đi đến thống nhất. Nhất thiết không được coi nội dung chuẩn bị và ý kiến của người chỉ huy là "nhất thành bất biến" trước khi kết luận.

Khi các vấn đề thảo luận đã rõ, bí thư xin ý kiến cấp ủy và hội nghị để có thể kết luận. Trường hợp vấn đề chưa thống nhất, nếu vấn đề nào cần phải kết luận ngay để thực hiện thì lấy biểu quyết và chấp hành theo đa số; vấn đề nào chưa gấp thì đề nghị cho để lại để tiếp tục nghiên cứu, khảo sát và xem xét vào kỳ họp sau. Kết luận của bí thư cần gọn, rõ, khái quát được những vấn đề thảo luận, phân công tổ chức thực hiện, xác định rõ thời gian hoàn thành và yêu cầu đạt được.

Yêu cầu quan trọng nhất là, nâng cao tính chiến đấu, thực hiện tốt tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt đảng. Trước đây, việc tự phê bình và phê bình chưa được tiến hành thường xuyên, thường là gắn với phiên họp cuối năm hoặc khi xem xét kỷ luật. Tình trạng phổ biến là e dè, nể nang, ngại va chạm (nhất là với cán bộ chủ trì đơn vị).

Để khắc phục tình trạng trên, Đảng ủy Bộ đội Biên phòng đã chỉ đạo: việc tự phê bình và phê bình không chỉ thực hiện trong các phiên họp cuối năm và cuối nhiệm kỳ, mà phải được tiến hành thường xuyên trong các buổi sinh hoạt của cấp ủy, chi bộ. Tính nghiêm túc trong phê bình, tự phê bình phải được thể hiện trước tiên trong dự thảo nghị quyết. Trong phần kiểm điểm của dự thảo nghị quyết, khi đánh giá hạn chế, yếu kém, cấp ủy phải chỉ rõ, đâu là thuộc về trách nhiệm của tập thể cấp ủy, của ban thường vụ; đâu là do khâu tổ chức thực hiện của lãnh đạo đơn vị; đâu là thuộc về trách nhiệm của các đồng chí cấp ủy viên phụ trách các mặt; đâu là từ vai trò tự tu dưỡng, rèn luyện của cán bộ, đảng viên... Sự nghiêm túc, tự phê bình của cấp ủy trong dự thảo nghị quyết có tác dụng tốt định hướng tự phê bình và phê bình trong sinh hoạt. Khi thảo luận dự thảo nghị quyết, các cấp ủy viên, đảng viên căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ của từng người, của tập thể cấp ủy mà vừa tự phê bình, vừa phê bình tập thể và cá nhân. Yêu cầu các cấp ủy viên, đảng viên khi phê bình cần có phương pháp xem xét khách quan, khoa học; có thái độ chân thành, thẳng thắn, xây dựng, không vì mục đích và động cơ cá nhân; các đồng chí được phê bình phải thực sự cầu thị, nghiêm túc với bản thân, không bảo thủ khi tiếp thu phê bình. Ở đây, sinh hoạt lãnh đạo, sinh hoạt tự phê bình và phê bình, sinh hoạt học tập được

Digitized by Google

kết hợp với nhau một cách nhuần nhuyễn. Có như vậy mới làm cho buổi sinh hoạt vừa có tính lãnh đạo, vừa có tính giáo dục và tính chiến đấu cao.

4 – Đổi mới tổ chức thực hiện nghị quyết

Đổi mới sinh hoạt đảng phải gắn liền với đổi mới thực hiện nghị quyết, vì đây là một khâu quan trọng của quy trình lãnh đạo. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dạy, lãnh đạo đúng thể hiện ở 3 khâu: "Phải quyết định mọi vấn đề một cách cho đúng... Phải tổ chức sự thi hành cho đúng... Phải tổ chức sự kiểm soát..."(2)

Để tổ chức thực hiện nghị quyết có hiệu quả, cần làm tốt mấy vấn đề sau.

Một là, sau khi ban hành nghị quyết, nhất thiết phải xây dựng kế hoạch thực hiện. Phải khắc phục tình trạng nghị quyết sau khi thông qua được bảo quản rất cẩn thận, mà không phổ biến, quán triệt để mọi người quan tâm, thực hiện. Vì vậy, dẫn tới tình trạng chủ trương nhiều nhưng hiệu quả lãnh đạo thấp. Căn cứ vào nội dung nghị quyết, người bí thư phải chủ động thống nhất với người chỉ huy xây dựng kế hoạch thực hiện. Trong đó, phải xác định rõ: những công việc lớn phải làm, người chỉ đạo; cơ quan chịu trách nhiệm chính việc hướng dẫn, theo dõi; cơ quan phối hợp; thời gian hoàn thành... Kế hoạch này được gửi đến các cơ quan và cá nhân có liên quan để căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của mình mà xây dựng kế hoạch cụ thể để chỉ đạo tổ chức thực hiện, đồng thời gửi cho các cấp ủy viên để thực hiện và theo dõi, kiểm tra.

Đối với người chỉ huy, phải căn cứ vào nghị quyết, tình hình mọi mặt của đơn vị, chủ động bàn bạc với bí thư và các đồng chí phó chỉ huy để cụ thể hóa nghị quyết thành mệnh lệnh, chỉ thị, kế hoạch công tác trên các mặt nghiệp vụ biên phòng, quân sự, hậu cần, tài chính, huấn luyện, xây dựng địa bàn...

Kế hoạch tổ chức thực hiện nghị quyết của bí thư và kế hoạch công tác của người chỉ huy phải ăn khớp nhau để khi điều hành được thống nhất. Hai kế hoạch đó phải được chuẩn bị ngay khi có dự thảo nghị quyết. Sau khi cấp ủy, chi bộ thông qua nghị quyết thì bổ sung, hoàn chỉnh, có như vậy, khi nghị quyết ban hành mới có thể triển khai đồng bộ và hiệu quả.

Hai là, phải phổ biến rộng rãi, công khai các quyết định của cấp ủy, chi bộ đến mọi cán bộ, đảng viên, đoàn viên, thanh niên. Việc quán triệt phải làm rõ: căn cứ, mục đích, nội dung, yêu cầu của các quyết định, những giải pháp chủ yếu để thực hiện các quyết định đó; trách nhiệm của từng bộ phận, từng cán bộ, đảng viên, chiến sĩ. Việc tổ chức quán triệt nghị quyết phải do bí thư hoặc phó bí thư trực tiếp thực hiện; phải chỉ đạo chặt chẽ và bố trí thời gian thỏa đáng (nên đưa vào nội dung hoạt động của "ngày đảng", hoặc "ngày văn hóa tinh thần" hằng tháng).

Ba là, kiểm tra, đôn đốc thực hiện nghị quyết. Cần kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra của cấp ủy với kiểm tra đôn đốc của bí thư, phó bí thư. Đối với cấp ủy, phải tổ chức kiểm tra theo Điểm 2, Điều 30 của Điều lệ Đảng, trong đó có việc thực hiện nghị quyết. Đối với bí thư, phó bí thư phải đôn đốc các đồng chí cấp ủy viên, các đồng chí chủ trì các mặt công tác. Trong trường hợp cần thiết, bí thư, phó bí thư kiểm tra, đôn đốc một số đơn vị trọng điểm. Thông qua kiểm tra cấp ủy, chỉ huy rà soát, bổ sung, điều chỉnh kế hoạch, biện pháp, điều chỉnh cán bộ để tổ chức thực hiện thắng lợi nghị quyết.

Làm tốt việc đổi mới sinh hoạt sẽ là một khâu đột phá để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng đồn biên phòng. Ở đây, đòi hỏi phải đổi mới toàn diện, đồng bộ từ khâu chuẩn bị nghị quyết đến tổ chức sinh hoạt và tổ chức thực hiện nghị quyết. Để làm tốt vấn đề này, trước hết cấp ủy và mọi đảng viên phải nâng cao nhận thức, từ đó xây dựng quyết tâm và đề ra chủ trương, biện pháp cụ thể. Mặt khác, phải đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện bảo thủ, trì trệ, làm theo lối mòn và mọi biểu hiện tự do, tùy tiện, chấp hành không nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách.❑

---

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 5, tr 285

Digitized by Google

GIẢI PHÁP NÂNG CAO ĐỜI SỐNG VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC KHƠ-ME Ở KIÊN GIANG

DANH NGỌC HÙNG *

KIÊN Giang có 3 dân tộc chính: Kinh, Khơ-me và Hoa sống xen kẽ trong cộng đồng. Trong kháng chiến chống ngoại xâm trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, đồng bào các dân tộc vốn có truyền thống đoàn kết yêu nước, luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, gắn bó với cộng đồng, góp phần tích cực cùng Đảng bộ và quân dân trong tỉnh, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh - quốc phòng.

Đồng bào Khơ-me có 204.531 người, chiếm 12,78% dân số trong tỉnh, đứng thứ ba trong khu vực, sau tỉnh Trà Vinh và Sóc Trăng. Toàn tỉnh có 73 chùa Phật giáo Nam tông Khơ-me với 1.305 sư sãi, 146 vị *à cha* và 3.285 vị trong ban quản trị các chùa. Đồng bào Khơ-me cần cù lao động, sống chủ yếu bằng nghề nông, phần lớn cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ, xa trục lộ giao thông, một bộ phận cư trú ở khu vực biên giới; hầu hết theo đạo Phật Nam tông, chùa Khơ-me vừa là nơi tu hành và là trung tâm sinh hoạt các lễ hội văn hóa của đồng bào.

Thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, Nhà nước, nhất là từ khi có Chỉ thị số 68/CT-TW, ngày 18-4-1991 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VI) *Về công tác vùng đồng bào dân tộc Khơ-me* và một số chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc; đặc biệt là từ khi có Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) *Về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, về công tác dân tộc, công tác tôn giáo;* công tác trong vùng đồng bào dân tộc Khơ-me đã có những chuyển biến quan trọng.

Quán triệt các nghị quyết nói trên, Đảng bộ Kiên Giang nhận thức về tầm quan trọng chiến lược của công tác dân tộc ngày càng sâu sắc hơn; sự lãnh đạo và thực hiện các chủ trương, chính sách đối với đồng bào dân tộc đã tạo bước chuyển biến mới. Tỉnh chú trọng tập trung và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn của trung ương và ngân sách địa phương trong việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở vùng có đông đồng bào dân tộc. Các chương trình quốc gia về xóa đói, giảm nghèo, y tế, văn hóa, giáo dục... được tổ chức triển khai khá tốt. Đời sống của đồng bào dân tộc được cải thiện, số hộ khá, đủ ăn ngày càng tăng, không còn hộ đói. Số hộ nghèo giảm từ 31,23% năm 2000 xuống còn 16,8% (theo tiêu chí cũ) năm 2005.

Tuy nhiên, kinh tế ở vùng đồng bào Khơ-me phát triển còn chậm. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vẫn còn thấp kém so với mặt bằng chung

* Tỉnh ủy viên, Trưởng ban Dân tộc và Tôn giáo tỉnh Kiên Giang

Digitized by Google

của tỉnh. Các chương trình đầu tư hỗ trợ vốn được tăng cường, nhưng còn thiếu hướng dẫn về cung cách làm ăn, đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất. Chuyển đổi cơ cấu kinh tế diễn ra chậm, tập quán sản xuất, sinh hoạt có tiến bộ, nhưng vẫn còn lạc hậu. Một số đồng bào Khơ-me sang, bán đất, dẫn đến không có đất, phải đi làm thuê, đời sống ngày càng khó khăn hơn. Trình độ dân trí được nâng cao một bước nhưng vẫn còn thấp, tỷ lệ hộ nghèo, người mù chữ còn cao. Bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc chưa được bảo tồn và phát huy đúng mức, đời sống tinh thần và mức hưởng thụ văn hóa chưa ngang tầm với điều kiện kinh tế - xã hội hiện nay.

Hệ thống chính trị cơ sở vùng dân tộc một số nơi còn yếu. Đội ngũ cán bộ là người dân tộc và cán bộ làm công tác dân tộc chưa ngang tầm công việc. Công tác phát triển đảng và tập hợp quần chúng vào tổ chức còn hạn chế. Nhiều cán bộ làm công tác dân tộc không biết tiếng nói và chữ viết dân tộc nên việc tuyên truyền, vận động đồng bào gặp khó khăn.

Về mặt khách quan nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém là do sự phân bổ tự nhiên hình thành trong quá trình lịch sử lâu đời, đồng bào Khơ-me đại bộ phận cư trú ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, ở những nơi kết cấu hạ tầng và văn hóa - xã hội kém phát triển. Tập quán sản xuất sinh hoạt lạc hậu, chủ yếu là thuần nông và chưa có tích lũy để tái đầu tư mở rộng sản xuất. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp và cán bộ, đảng viên về vấn đề dân tộc, chính sách dân tộc, công tác dân tộc chưa sâu sắc và toàn diện. Việc cụ thể hóa các chủ trương, chính sách dân tộc còn chậm và chưa thật sát với tình hình thực tế.

Gần đây, các thế lực thù địch đẩy mạnh các hoạt động gây chia rẽ dân tộc với âm mưu, thủ đoạn ngày càng phức tạp và tinh vi hơn. Các tổ chức Khơ-me Cam-pu-chia Krôm tiếp tục tăng cường các hoạt động chống phá Việt Nam, thường xuyên tổ chức hội họp, tập hợp lực lượng và kích động xuyên tạc lịch sử. Chúng phát tán tài liệu (băng, đĩa, sách báo) trái phép vào vùng đồng bào Khơ-me, nhằm tuyên truyền gây chia rẽ dân tộc. Đáng chú ý là tình hình khiếu kiện tranh chấp đất đai, nhất là trong đồng bào dân tộc, nếu ta giải quyết sơ hở dễ bị địch lợi dụng kích động, gây phức tạp, bất ổn về chính trị.

Để thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị Trung ương 7, khóa IX về công tác dân tộc, tỉnh Kiên Giang đã đề ra chương trình hành động và kế hoạch thực hiện nhằm góp phần nâng cao đời sống và xây dựng lực lượng chính trị trong vùng đồng bào dân tộc Khơ-me từ nay đến năm 2010, trong đó có những giải pháp sau đây:

1. Chú trọng đầu tư, phát triển kinh tế, nâng cao đời sống, thực hiện có hiệu quả chương trình xóa đói, giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc Khơ-me

Đây là nhân tố có ý nghĩa quyết định nhằm nâng cao cuộc sống vật chất và tinh thần cho đồng bào. Do đó cần phải đa dạng hóa ngành, nghề; đẩy mạnh giải quyết việc làm trên cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, từng bước chuyển từ độc canh, thuần nông sang hướng đa canh, đa ngành. Đây được coi là nhiệm vụ hàng đầu. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến ngư, tăng cường chuyển giao, hướng dẫn các tiến bộ khoa học vào sản xuất, nhằm tăng năng suất và giá trị trên một đơn vị sản xuất. Tổ chức các loại hình kinh tế hợp tác từ thấp đến cao, đẩy mạnh và khuyến khích việc tổ chức các mô hình liên kết phát triển công nghiệp, chế biến tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ ở vùng có đông đồng bào dân tộc.

Chú trọng đẩy mạnh xóa đói, giảm nghèo trong đồng bào dân tộc Khơ-me, phấn đấu đến hết năm 2010, tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc còn khoảng 12% (theo tiêu chí mới). Để đạt được mục tiêu trên phải thực hiện nhiều chính sách, giải pháp đa dạng và đồng bộ; mỗi vùng, mỗi xã phải chọn được mô hình sản xuất cây, con, mô hình kinh tế hộ cho từng tiểu vùng

Digitized by Google

để xóa đói, giảm nghèo (vốn đầu tư không lớn, kỹ thuật chỉ ở mức độ trung bình, mang tính phổ thông, ít dịch bệnh, có thị trường). Chú trọng hướng dẫn cách tổ chức sản xuất, từng bước làm thay đổi thói quen và nếp nghĩ trong đồng bào; xây dựng dự án, thành lập tổ, nhóm theo từng chuyên ngành cụ thể trong mỗi địa bàn dân cư; cho vay vốn đáp ứng khả năng, điều kiện của từng hộ; tăng cường quản lý, giám sát giúp đỡ của tổ chức đoàn thể, cán bộ kỹ thuật hoặc người khá giả, biết làm ăn, giáo dục, hướng dẫn số nghèo; giáo dục đồng bào năng lực lao động và ý chí làm ăn, có ý thức tiết kiệm và biết tích lũy; thực hiện có kết quả việc sinh đẻ có kế hoạch...

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục không để đồng bào cầm cố, sang bán đất sản xuất. Đối với các hộ không có đất, hoặc thiếu đất, nhưng cần cù, chịu khó làm ăn, cần tạo điều kiện giúp họ chuộc lại đất, hoặc giao cấp đất cho hộ nghèo theo tinh thần Nghị định 134 của Thủ tướng Chính phủ, hoặc chuyển sang các ngành nghề và việc làm khác. Tổ chức vận động con em đồng bào dân tộc đi học tại các trường dạy nghề, các lớp kỹ thuật... Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ hoặc miễn giảm học phí cho các hộ dân tộc nghèo, nhằm tạo điều kiện giải quyết việc làm, bố trí ngành nghề, chuyển dần từ lao động nông nghiệp sang các ngành nghề khác. Có chính sách và tạo điều kiện cho đồng bào được vay vốn với lãi suất ưu đãi, từng bước thu hẹp dần và tiến tới xóa bỏ tình trạng đồng bào phải vay nặng lãi, bán lúa non, cầm cố đất.

2. Chăm lo cho công tác giáo dục, nâng cao dân trí, đào tạo nguồn nhân lực trong đồng bào dân tộc Khơ-me

Nâng cao trình độ dân trí cho đồng bào là vấn đề có tầm chiến lược để phát triển kinh tế - xã hội. Để thực hiện có kết quả vấn đề này phải tập trung làm tốt những việc như: Huy động trẻ em dân tộc trong độ tuổi đến trường đạt tỷ lệ cao (trên 95%). Xây dựng các trường mầm non công lập ở vùng có đông đồng bào dân tộc Khơ-me. Củng cố, duy trì vững chắc kết quả phổ cập tiểu học, trung học cơ sở và chống tái mù chữ ở các địa phương. Mở một số lớp nhỏ, hoặc phân hiệu bậc trung học phổ thông ở một số điểm có vị trí trung tâm các xã có đông đồng bào dân tộc. Tạo điều kiện để con em đồng bào dân tộc tiếp thục theo học trung học phổ thông. Tăng số lượng học sinh dân tộc được cử tuyển vào các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, dự bị đại học trong và ngoài tỉnh theo địa chỉ, để sau khi ra trường về công tác ở vùng dân tộc. Phấn đấu hằng năm có từ 20 - 30 em tốt nghiệp đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp ra trường về công tác tại địa phương. Mở rộng các hình thức đào tạo, kể cả dạy nghề trong đồng bào dân tộc. Tổ chức tốt việc đưa chương trình dạy nghề, nhất là các nhóm nghề nông - lâm - ngư nghiệp phù hợp với đặc điểm, trình độ của từng địa phương. Gắn việc dạy văn hóa với dạy nghề trong các trường dân tộc nội trú theo quy định của Bộ Giáo dục - Đào tạo nhằm tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng có đông đồng bào Khơ-me sinh sống.

Mở rộng việc dạy và học chữ dân tộc Khơ-me ở các điểm trường có đông con em đồng bào Khơ-me theo học, ở các trường dân tộc nội trú. Xã hội hóa giáo dục bằng cách khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các chùa dạy chữ Khơ-me theo chương trình của Bộ Giáo dục - Đào tạo. Trong khi ngành giáo dục chưa có đủ giáo viên để tổ chức các lớp dạy song ngữ theo hệ thống giáo dục ở vùng có đông đồng bào dân tộc, các địa phương cần tổ chức đào tạo, bồi dưỡng giáo viên dạy chữ dân tộc; tiếp tục vận động các chùa tổ chức các lớp dạy chữ Khơ-me cho con em đồng bào dân tộc trong dịp hè, có chính sách hỗ trợ một phần kinh phí để bồi dưỡng cho số giáo viên sư sãi tham gia giảng dạy.

Áp dụng chính sách miễn, giảm đóng học phí, quỹ xây dựng trường lớp; học sinh dân tộc nghèo được mượn sách giáo khoa và cấp vở, viết. Đối với con em của các hộ dân tộc quá

Digitized by Google

khó khăn nhưng học giỏi hoặc thi đậu đại học, cao đẳng được xét trợ cấp học bổng...

3. Chú trọng phát triển văn hóa – thông tin trong vùng đồng bào dân tộc

Phát triển văn hóa - thông tin trong vùng đồng bào dân tộc cũng là một nội dung hết sức quan trọng để góp phần phát triển kinh tế - xã hội. Trên lĩnh vực văn hóa, cần quan tâm bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc Khơ-me, thường xuyên tổ chức các hội thi, hội diễn văn hóa - thể thao, nhất là trong các dịp lễ hội. Các xã trọng điểm cần tập trung đầu tư xây dựng các trung tâm văn hóa, nơi sinh hoạt, học tập của cộng đồng. Tăng thời lượng và nâng cao chất lượng chương trình phát thanh - truyền hình của địa phương bằng tiếng Khơ-me; tăng thêm chuyên mục khuyến nông, khuyến ngư để đồng bào theo dõi, nắm bắt và từng bước áp dụng vào sản xuất đạt hiệu quả. Lập hồ sơ đề nghị xếp hạng di tích và hỗ trợ trùng tu sửa chữa một số chùa có công trong kháng chiến, hỗ trợ xây nhà hỏa táng, đóng mới và sửa chữa ghe ngo, tủ sách pháp luật, nhạc cụ dân tộc...

Trước mắt tập trung thực hiện tốt cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư" kết hợp với vận động, hướng dẫn đồng bào khắc phục tiến tới xóa bỏ mê tín dị đoan, các tập tục lạc hậu trong sinh hoạt, thực hành tiết kiệm, giáo dục ý thức tự lực, tự cường, không trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước, hoặc phó mặc cho số phận làm cản trở sự phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc Khơ-me.

4. Đầu tư nhiều hơn nữa về xây dựng kết cấu hạ tầng ở vùng đồng bào dân tộc

Những vùng nông thôn có đông đồng bào Khơ-me sinh sống, Nhà nước cần ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình có liên quan trực tiếp đến phát triển sản xuất, nâng cao đời sống như: cầu, đường giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, nước sinh hoạt, trạm y tế, trường học, chợ... Đồng thời, có kế hoạch đưa đồng bào dân tộc còn ở rải rác trong vùng sâu, vùng ngập lũ ra cư trú ở các cụm, tuyến dân cư, gần trục lộ, trục kênh, nhằm tạo môi trường, điều kiện ổn định nơi ăn ở, phát triển sản xuất cải thiện dần mức sống cho đồng bào dân tộc nghèo. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực thuộc Chương trình 135 và các chương trình dự án khác, kể cả huy động sự tài trợ của các tổ chức xã hội - từ thiện để xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống, thúc đẩy việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào Khơ-me.

5. Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh trong vùng đồng bào dân tộc

Để đẩy nhanh việc phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong vùng đồng bào dân tộc, các cấp ủy cần phải thường xuyên xây dựng, củng cố hệ thống chính trị ở vùng dân tộc nói chung và quan tâm đào tạo xây dựng đội ngũ cán bộ cơ sở là người dân tộc. Chú trọng xây dựng lực lượng chính trị, nòng cốt trong giới chức sắc và những người có uy tín trong đồng bào dân tộc Khơ-me.

Giới chức sắc phần lớn xuất thân từ nông dân lao động, là lớp người trí thức, đại diện cho dân tộc, có vai trò to lớn trong đời sống tinh thần của đồng bào Khơ-me, am hiểu phong tục, tập quán, cuộc sống luôn gần gũi, gắn bó với quần chúng. Đồng bào Khơ-me xem sư sãi là hiện thân của Đức Phật nên rất kính trọng, tin tưởng gởi gắm tình cảm, bày tỏ tâm tư, nguyện vọng, tin, nghe và làm theo sự chỉ dẫn của các chức sắc.

Người có uy tín trong dân tộc bao gồm một bộ phận cán bộ của Đảng đang công tác hoặc đã nghỉ hưu ở các địa phương; trưởng, phó trưởng ban quản trị chùa; số nhân sĩ, trí thức được đào tạo qua các thời kỳ, người đứng đầu dòng họ lớn, các cụ à cha; những người có ảnh hưởng về kinh tế như: các nhà doanh nghiệp, bác sĩ, thầy thuốc giỏi... được đồng bào kính trọng, tin tưởng, tuy mức độ ảnh hưởng đến quần chúng khác nhau, trong từng phum, sóc, xã, huyện hoặc cả vùng nhưng vai trò, vị trí của họ rất to lớn... Nếu các chủ trương của Đảng, Nhà nước

Digitized by Google

được các vị chức sắc, người có uy tín đồng tình ủng hộ, làm nòng cốt vận động đồng bào thì nhất định chủ trương của Đảng, Nhà nước sẽ mang lại hiệu quả cao.

Vì vậy, công tác vận động tranh thủ chức sắc, người có uy tín để họ trở thành lực lượng chính trị cốt cán trong đồng bào dân tộc Khơ-me là trách nhiệm trực tiếp của các cấp ủy, chính quyền, là nhiệm vụ quan trọng thường xuyên của Mặt trận và các đoàn thể, nhằm phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, trong nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước tình hình mới.

Mặt khác, các địa phương phải quan tâm và thực hiện tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng đội ngũ cán bộ là người dân tộc Khơ-me, nhất là ở cấp huyện và cơ sở. Trước hết các cấp ủy phải rà soát đánh giá lại thực trạng cán bộ là người dân tộc hiện có, qua đó sắp xếp, phân công, bố trí lại cho phù hợp với trình độ năng lực của từng đồng chí và theo yêu cầu nhiệm vụ chính trị của địa phương, nhằm sử dụng tốt đội ngũ cán bộ hiện có, bảo đảm cả cho trước mắt và lâu dài. Chú trọng làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và tạo nguồn cán bộ là người dân tộc, nên chú ý số học sinh, sinh viên đã được đào tạo từ các trường, số thanh niên sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự là con em đồng bào dân tộc Khơ-me... Ngoài đối tượng là những cán bộ chủ chốt ở cơ sở, nên tập trung phát triển đảng viên mới ở đều khắp các tổ chức xã hội kể cả các vị là sư sãi và các vị trong ban quản trị chùa. Về tiêu chuẩn, nên vận dụng linh hoạt, chú trọng những người có năng lực thực tiễn, có khả năng tập hợp, tổ chức quần chúng, được quần chúng tín nhiệm; không nhất thiết bắt buộc phải có đủ điều kiện về văn hóa. Ngoài ra, trong vùng đồng bào dân tộc cần phải tổ chức triển khai và thực hiện tốt Quy chế Dân chủ ở cơ sở đúng theo quy định của Đảng, Nhà nước. Có như vậy mới thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm giữ vững an ninh quốc phòng ở địa phương.❑

Công tác xây dựng Đảng...

(Tiếp theo trang 53)

Bảo đảm có trên 95% tổ chức đảng "trong sạch, vững mạnh", không có tổ chức cơ sở đảng yếu kém; có trên 90% đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Xây dựng nhà trường mẫu mực về nền nếp chính quy, chấp hành kỷ luật, giảm tỷ lệ vi phạm kỷ luật thông thường xuống dưới 0,25%, không có vi phạm kỷ luật nghiêm trọng, nhà trường vững mạnh toàn diện.

Đất nước ta đang thực hiện đường lối mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, tiến hành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Hơn lúc nào hết, Đảng, Nhà nước và quân đội ta rất cần có một đội ngũ cán bộ, đảng viên đủ sức đảm đương sứ mệnh đó. Vì vậy, nhà trường xác định càng phải tăng cường hơn nữa công tác đảng, công tác chính trị; giáo dục nâng cao nhận thức chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng; xây dựng cho cán bộ, giáo viên, học viên, chiến sỹ công nhân viên lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, sẵn sàng nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao; tập trung xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật ngày càng hiện đại phục vụ cho nhiệm vụ giáo dục - đào tạo và công tác nghiên cứu khoa học ngày càng hiệu quả hơn.

Tự hào với những thành tựu đã đạt được sau nửa thế kỷ xây dựng và trưởng thành, Trường Sĩ quan Lục quân 2 tiếp tục phát huy bản chất, truyền thống đơn vị anh hùng; đẩy mạnh phong trào thi đua học tập, công tác, phục vụ tốt; đoàn kết, phấn đấu, khắc phục khó khăn, xây dựng nhà trường ngày càng mẫu mực, chính quy, hiện đại; góp phần cùng toàn Đảng, toàn dân và toàn quân thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

Từ vụ PMU 18:
NGHĨ VỀ CÔNG TÁC CÁN BỘ Ở NƯỚC TA

HOÀNG THỊ CHỈNH*

Vụ án PMU 18 vừa qua là rất nghiêm trọng, để lại nhiều tai tiếng. Nó nghiêm trọng và nhiều tai tiếng bởi quy mô tham nhũng quá lớn, liên quan đến hàng loạt cán bộ có chức, có quyền; không chỉ ảnh hưởng trong nước mà còn cả các nhà tài trợ nước ngoài thông qua nguồn vốn mà họ cung cấp cho Việt Nam và để lại những hậu quả nghiêm trọng.

Thứ nhất, làm thất thoát tài sản lớn của quốc gia. Theo kết luận của Thanh tra Chính phủ thì tỷ lệ thất thoát bình quân là trên 13% (theo dư luận 29% - 30%). Thử tưởng tượng mỗi năm, Bộ Giao thông - Vận tải được giao đầu tư hàng chục ngàn tỉ đồng thì số tiền thất thoát ít nhất cũng lên tới cả ngàn tỉ đồng; trong đó, PMU 18 là một thành viên chủ chốt chiếm tới hơn 70% khối lượng vốn hằng năm của toàn ngành giao thông - vận tải. Tài sản của Nhà nước bị thất thoát còn do mua sắm hơn 150 xe đời mới từ 4 đến 7 chỗ ngồi, với giá trị lên tới hơn 80 tỉ đồng, trong đó, PMU 18 đã cho các quan chức "mượn" sử dụng tương đương với giá trị hơn 20 tỉ đồng và nhiều xe còn trốn thuế khi chuyển đổi mục đích sử dụng (chỉ tính riêng 7 xe nhập khẩu trong dự án xây dựng cầu trên quốc lộ 1 chuyển quyền sử dụng vào tháng 7-1997 đã làm thất thoát của Nhà nước lên tới 4,8 tỉ đồng!). Sự thất thoát tài sản của Nhà nước còn thể hiện ở những vụ làm ăn, chia chác, thanh lý tài sản với giá rẻ. Thí dụ, máy tính để bàn lúc mua là 47,8 triệu đồng, thanh lý chỉ còn 344.000 đồng; máy tính xách tay lúc mua có giá là 24,4 triệu đồng, lúc thanh lý chỉ còn 700.000 đồng. Thất thoát tài sản của Nhà nước còn do khai khống, tăng vốn so với kế hoạch ban đầu... Có thể nói họ có tới "ngàn lẻ một" cách biến hóa để làm thất thoát tài sản của Nhà nước. Trong khi mỗi người dân phải "thắt lưng, buộc bụng", nhiều người còn quá nghèo khổ mà tiền bạc, tài sản của Nhà nước, của nhân dân bị thất thoát nhiều như vậy là rất nghiêm trọng, cần phải được xử lý nghiêm khắc.

Thứ hai, chất lượng các công trình xây dựng quá kém do "bị rút ruột" trong quá trình thi công. Có thể coi đây là hậu quả nghiêm trọng nhất của vụ tham nhũng ở PMU 18 (chưa kể những PMU khác của Bộ Giao thông - Vận tải chưa bị phát hiện). Có những công trình theo thiết kế thì cọc tiêu phải là trụ sắt, thế mà người ta lại đóng bằng... cọc tre!?. Nghe mà "hết hồn"; quốc lộ 18 phải xuất toán 50 tỉ đồng; cầu Phả Lại do ép tiến độ thi công để chạy theo thành tích đã bị nứt và xuống cấp ngay sau khi khánh thành; dự án Pháp Vân - Cầu Giẽ, mặt đường không êm,

* GS, TS Trường đại học Kinh tế thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

không bằng phẳng, có công trình hoàn thành đã 3 năm vẫn chưa được đưa vào sử dụng;... Chất lượng công trình kém chẳng những có ở PMU 18, mà cả ở PMU 5, R-PMU, gây ảnh hưởng xấu đến những người dân sử dụng các công trình đó, thậm chí có thể gây ra tai nạn chết người, chi phí vận chuyển cao, phải phá đi làm lại càng làm thiệt hại cho Nhà nước.

Thứ ba, quản lý kiểu PMU 18 đã làm nảy sinh một bộ phận cán bộ thoái hóa, đảng viên biến chất, ăn chơi sa đọa, đục khoét tài sản của nhân dân, làm mất lòng tin của dân chúng vào chính quyền, vào vai trò lãnh đạo của Đảng. Số tiền mà Tổng giám đốc PMU 18 Bùi Tiến Dũng cá độ bóng đá lên tới 2,6 triệu USD, quy ra đồng Việt Nam là hơn 41 tỉ, quả là một số tiền quá lớn mà bất cứ một người dân nào làm ăn lương thiện tích cóp cả đời cũng khó có thể có được. Nguyễn Văn Hồng, nguyên là cán bộ Cục Cảnh sát đường bộ - đường sắt cũng tham gia cá độ bóng đá với số tiền lên đến cả tỉ đồng; để có biển số xe phù hợp với ngày sinh của người tình, Bùi Tiến Dũng đã không ngần ngại chi ra 2.000 USD, rồi còn phóng tay cho mỗi tiếp viên nhà hàng 100USD để "rửa xe"! Nguyễn Mậu Thôn, Vũ Mạnh Tiên chạy án với nhiều tỉ đồng; những căn nhà cực kỳ sang trọng của Bùi Tiến Dũng, những trang trại hàng chục héc-ta của Nguyễn Việt Tiến... Chỉ có tiền Nhà nước mà họ coi là "tiền chùa" mới được sử dụng như vậy! Rồi những cuộc ăn chơi sa đọa, trác táng mà báo chí đã đưa tin và lời khai của những nạn nhân, khiến bất cứ người nào có lương tri cũng cảm thấy "rợn gáy", không thể nghĩ rằng đấy là cách ứng xử của những đảng viên, cán bộ lãnh đạo PMU 18.

Thứ tư, làm mất lòng tin của các nhà tài trợ, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế. Vụ PMU 18 đã gây xôn xao dư luận ở nước ngoài, nhất là ở những nước tài trợ vốn ODA cho Việt Nam. Các phương tiện thông tin đại chúng ở Nhật, ở Đan Mạch... đã đưa tin về PMU 18 của Việt Nam. Ông Norio Hattori, đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam đã bày tỏ sự quan tâm và lo ngại về vụ PMU 18. Các nhà tài trợ song phương và đa phương cho Việt Nam đều mong muốn Chính phủ Việt Nam phải xử lý thích đáng vụ bê bối này.

Nguyên nhân sâu xa ở đây là thiếu một cơ chế minh bạch đã vô tình làm mảnh đất màu mỡ sinh ra tham nhũng, tiêu cực. Bộ Giao thông - Vận tải đã hình thành nên các tổ chức không phù hợp, cụ thể là mô hình các Ban quản lý dự án (PMU), thực chất chỉ là cơ quan trung gian, trách nhiệm thì ít mà quyền lợi thì quá nhiều. Chủ đầu tư lại không phải là đơn vị sử dụng kết quả đầu tư nên "tác oai, tác quái", chẳng cần biết đến chất lượng của các công trình và hậu quả của nó. Đó là thiếu một khung pháp lý hoàn thiện trong công tác thu hút và sử dụng nguồn vốn ODA; thiếu một cơ chế giám sát, kiểm tra, kiểm soát thường xuyên mỗi dự án để ngăn chặn kịp thời các vụ việc tiêu cực...

Còn nguyên nhân trực tiếp ở đây chính là con người, nhân tố trực tiếp gây ra những hậu quả nghiêm trọng kể trên.

Qua vụ PMU 18, có thể thấy những yếu kém trong công tác tổ chức cán bộ và sử dụng nguồn nhân lực, đó là:

– *Còn nhiều thiếu sót trong công tác đề bạt cán bộ.* Có một điều dễ nhận thấy là hầu hết các vị quan chức dính líu đến PMU18 đều đã từng "có vấn đề" trong nhiều năm trước đây, nhưng vẫn nghiễm nhiên được "thăng quan, tiến chức". Thí dụ, theo thông tin của Bộ Nội vụ thì vào thời điểm bổ nhiệm ông Tiến làm Thứ trưởng Bộ Giao thông - Vận tải đã có 5 vấn đề cần được làm rõ liên quan đến tư cách của ông này như: quậy phá nhà hàng, gây gổ với đồng nghiệp, cư xử thiếu văn hóa với những người xung quanh, có biểu hiện cơ hội... Tại sao một người có quá nhiều khuyết điểm như vậy mà vẫn được đề cử là Thứ trưởng thường trực một bộ? Hay ông Nguyễn Ngọc Long là Phó Tổng giám đốc PMU 18 đã từng bị khởi tố, bị bắt giam do có liên quan đến vụ lừa đảo đất đai; ngay từ năm 2002, các ông Đào Đình Bình, ông Nguyễn

Digitized by Google

Việt Tiến, ông Bùi Tiến Dũng đều có nhiều đơn thư, tố cáo, nhưng các ông vẫn cứ yên vị trên con đường thăng tiến. Phải chăng là có những vấn đề cần phải xem xét lại trong việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ?

– *Đưa nhiều người thân vào làm việc trong cùng một cơ quan.* Vụ PMU 18 cho thấy giữa các nhân vật đều có mối quan hệ mật thiết với nhau: không là bà con ruột thịt thì là anh em "cọc chèo"; không là anh em thì là đồng hương. Ông Nguyễn Ngọc Long, Phó Tổng giám đốc PMU 18 là cháu của Thứ trưởng Thường trực Nguyễn Việt Tiến; ông Nguyễn Văn Lâm, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ, người bỏ quên chiếc cặp da, trong đó chứa nhiều tiền tại sân bay Nội Bài cách đây 3 năm, là em rể của bị can Nguyễn Việt Bắc, nguyên Phó Tổng giám đốc Công ty đường cao tốc Việt Nam đã bị khởi tố vì tội đánh bạc. Trong khi đó, ông Nguyễn Việt Bắc lại là anh rể của ông Nguyễn Việt Nam, thành viên Hội đồng quản trị của Công ty Hoa Việt, một "sân sau" đáng tin cậy của Bùi Tiến Dũng. Ông Nguyễn Việt Bắc đã từng là thư ký, "đệ tử ruột" của Thứ trưởng Nguyễn Việt Tiến; ông Nguyễn Duy Hồng, Vụ trưởng vụ 1A thuộc Viện Kiểm sát nhân dân tối cao là em họ của ông Nguyễn Văn Lâm; ông Cao Ngọc Oánh, thiếu tướng, đồng hương của "Dũng Huế", một "sân sau" của Bùi Tiến Dũng đứng ra chạy án... Cứ cái kiểu bà con quen thân như vậy thì họ càng tạo nên những "ê-kíp" mạnh, bao che cho nhau, sẵn sàng xả thân vì nhau, pháp luật khó lòng mà can thiệp được.

– *Tổ chức đảng không phát huy được tác dụng.* Vụ PMU 18 cho thấy, tổ chức đảng ở đây đã không phát huy được tác dụng, chưa thể hiện được tính chiến đấu, tính tiên phong. Những đảng viên như Bùi Tiến Dũng chẳng hiểu làm sao lại có thể lên đến chức bí thư, phụ trách cả bao nhiêu đảng viên, và còn là một trong bảy thường vụ đảng ủy của Bộ Giao thông - Vận tải. Bản thân Dũng được xếp loại đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ (A1), còn chi bộ do Dũng lãnh đạo liên tục đạt "trong sạch, vững mạnh" trong nhiều năm liền? Theo ông Thuật, Phó Bí thư Đảng ủy Bộ Giao thông - Vận tải thì "PMU 18 là đơn vị được Bộ Giao thông - Vận tải đánh giá rất cao vì luôn hoàn thành nhiệm vụ chính trị, chuyên môn, chưa năm nào Đảng ủy PMU 18 lại không thuộc diện "trong sạch, vững mạnh". Cho đến thời điểm trước khi khởi tố, cả Bùi Tiến Dũng, Vũ Mạnh Tiên, Phạm Tiến Dũng, đều là những đảng viên đủ tư cách, hoàn thành tốt nhiệm vụ và được xếp loại A1. Như vậy, rõ ràng tổ chức đảng ở PMU 18 không phát huy được vai trò, trách nhiệm của mình trong công tác tổ chức, cán bộ, cụ thể là việc xem xét, đánh giá đối với cán bộ, đảng viên.

Từ vụ PMU 18, xin đề xuất những giải pháp sau:

Một là, rà soát lại toàn bộ nguồn nhân lực ở các bộ và các cơ quan ban, ngành, nhất là những ngành nhạy cảm, có nguy cơ tham nhũng cao. Phát hiện những cán bộ biến chất cần thay thế bằng cách thường xuyên lấy phiếu tín nhiệm từ quần chúng.

Hai là, thành lập website "tham nhũng" và thường xuyên công khai trên mạng những tội phạm tham nhũng.

Ba là, thay vì kê khai tài sản rất hình thức như hiện nay, bằng việc từng bước chuyển sang thanh toán qua tài khoản cá nhân, mọi thu nhập của mỗi cá nhân đều có thể biết được một cách chính xác qua hệ thống thanh toán này.

Bốn là, trong tuyển dụng và bố trí cán bộ cố gắng hạn chế đến mức thấp nhất việc đưa những người có quan hệ gia đình, đồng hương, vào cùng một cơ quan, nhất là ở những cương vị lãnh đạo, đặc biệt đối với những lĩnh vực, những ngành có quan hệ mật thiết với nhau.

Năm là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, lựa chọn kết nạp những người thực sự có đủ tư cách, đồng thời cho ra khỏi Đảng những người không đủ tư cách. Nhiều người có chung một nhận xét là những năm gần đây vào Đảng dễ quá. Có người chẳng có gì nổi trội, nhưng chỉ cần muốn vào và làm đơn là

(Xem tiếp trang 67)

Digitized by Google

Cái "sân sau"

NAM DŨNG

HỘI nghị tổng kết năm của cán bộ chủ chốt các sở, ban, ngành ở tỉnh X được tổ chức ngắn gọn, không lặp lại kiểu đánh giá tràng giang đại hải như những năm trước; đồng chí bí thư tỉnh ủy sau khi điểm những kết quả chính đã đưa ra nhận xét, tỉnh ta năm qua đã tháo gỡ được ba cái "rào cản" quan trọng tạo điều kiện cho "sân chơi" trong cơ chế thị trường ngày càng bình đẳng hơn:

Một là, chúng ta đã tháo gỡ cơ bản những nhiêu khê phiền hà trong đầu tư và kinh doanh. Các thủ tục hành chính được cải tiến đã tiếp cận hơi thở của cuộc sống, doanh nhân đỡ kêu ca hơn về các "rào" của hải quan, thuế, quản lý thị trường; ngay công việc rất nan giải để xây dựng hạ tầng cơ sở như cấp đất, giải phóng mặt bằng... cũng được khơi thông. *Hai là,* chúng ta tự tháo gỡ trong tư tưởng và thói quen ở đội ngũ cán bộ về cơ chế "xin - cho", nhất là tích cực bài trừ tệ quan liêu và cửa quyền. Cửa quyền như một thứ bệnh lâu năm, nó đẻ ra "đứa con" độc tôn là cơ chế "xin - cho"; luồng gió *đổi mới* đã đưa chúng ta vượt qua chính mình và từng bước cải tiến cơ chế đó. Chúng ta đều biết, sản phẩm của cơ chế "xin - cho" là độc quyền, ắt sẽ dẫn đến cửa quyền, tất yếu của cửa quyền sẽ sinh ra bệnh nan y là tham nhũng. *Ba là,* tháo gỡ về công tác cán bộ. Chúng ta vẫn thường nói, nguyên nhân của mọi nguyên nhân chính là công tác cán bộ. Cán bộ là "gốc" của mọi công việc. Nhiều năm qua công tác đào tạo đã giúp chúng ta có trong tay một đội ngũ cán bộ năng động, đủ tri thức để đảm trách công việc tương thích. Và không ai khác chính chúng ta đã mạnh dạn, dũng cảm sử dụng họ bằng cách "lắp ráp" vào những vị trí thích hợp, không bảo thủ nhìn họ với lăng kính của kẻ bề trên, không công thần để thấy họ còn xa tầm hoặc còn "non" quá, chúng ta đã đặt lên vai họ số "ki-lô-gam" vừa sức để họ "gánh vác" và họ đã không phụ lòng...

Ra về, mọi người đều tỏ ra hỉ hả, tán đồng cách tổng kết, đánh giá của đồng chí bí thư tỉnh ủy, vừa ngắn gọn lại súc tích. Tuy nhiên, có đồng chí bí thư đảng bộ sở công an không phát biểu ở hội trường mà gặp riêng đồng chí bí thư tỉnh ủy để nêu ý kiến của mình: Tôi thấy trong vài năm gần đây chúng ta đã "gỡ" được khá nhiều việc nhưng có cái rào cản rất "hiện đại" có nguy cơ làm phương hại đến an sinh phát triển của tỉnh mà chưa được tháo gỡ. Rào cản này được ví như câu chuyện Mỵ Châu, chỉ có điều trớ trêu là chàng Trọng Thủy lại đang ở ngay sau lưng Mỵ Châu rồi. Nó được "bố trí" ngay trong nhà một số cán bộ "có cỡ" của tỉnh, và ở đó không còn là "sân chơi" bình đẳng nữa mà là hàng loạt các "sân sau", là công ty tư nhân do một số lãnh đạo tỉnh vô tình hay cố ý "đẻ" ra. Chính đồng chí cũng đang bị "tấn công", đang bị

Digitized by Google

gây áp lực để ra đời một công ty làm "sân sau" cho các hoạt động kinh tế. Các công ty này vừa có lực vừa có thế, ít ai dám "đụng" đến nó. Mọi chủ trương, chính sách của lãnh đạo tỉnh dù bí mật đến mấy cũng đều được họ thông tỏ ngõ tường. Ví như việc quy hoạch mở đường, đầu tư dự án khu công nghiệp, khu chế xuất... họ còn nắm cả "gan, ruột" hơn một số cán bộ đầu ngành của tỉnh... Dân trong tỉnh bàn tán rằng, con "quan" bây giờ không thích làm "quan" nữa, mà thích làm "công" (công ty). "Công" dựa vào "quan", còn "quan" thì nuôi "công" ngay ở cái "sân sau" nhà mình. Ngày xưa, "lão nông tri điền" cả đời chỉ khát khao có "cái sân gạch", bây giờ các "quan" chỉ thích có cái "sân sau". Thưa đồng chí bí thư, "sân chơi" mà còn tồn tại các "sân sau" như vậy thì có ngày sẽ như Trọng Thủy "đưa" cơ đồ tỉnh ta đến vực sâu đấy. Tôi nói ra điều này mong đồng chí suy ngẫm và chưa muộn để chúng ta cùng tháo gỡ cái "rào cản" đầy nguy hại này... Đồng chí bí thư tỉnh ủy giật mình thảng thốt. Đúng, mình có nghe đứa cháu đề nghị thành lập công ty gì gì đó, mà nó nói là đúng luật và hoạt động nghiêm chỉnh. Thưa anh, nó "nói vậy nhưng không phải vậy". Vì người khác lại "chỉ đạo" nó. Nó "mượn" anh làm "bình phong" và tôi biết rất rõ điều đó... một số công ty hiện ra đời rất đúng luật và cũng hoạt động đúng luật, một số công ty dạng "cậu ấm" chỉ dựa vào quyền lực và có bàn tay của kẻ khác "đạo diễn" thì khi hoạt động bất chấp cả luật pháp nếu không nói là "đè" trên cả luật pháp đấy... đồng chí bí thư tỉnh ủy đã bình tâm trở lại nhưng vẫn thốt lên: Chà, cái "sân sau" mới là rào cản ghê gớm, khủng khiếp làm sao. Cũng may là chưa muộn!❑

Từ vụ PMU 18...

(Tiếp theo trang 65)

được xét, nếu lý lịch không có vấn đề là được kết nạp. Thậm chí có nơi khi bầu bí thư chọn người rảnh rỗi, ít việc! Nên chi tiết hóa tiêu chuẩn phân loại đảng viên. Loại A1 phải thực sự xuất sắc. Tránh tình trạng loại A1 chỉ rơi vào các cán bộ lãnh đạo đơn vị. Khi xét tư cách đảng viên không chỉ căn cứ vào khối lượng công việc hoàn thành mà phải xét đầy đủ tác phong, lối sống của đảng viên đó.

Sáu là, tăng cường công tác phê và tự phê ở mỗi đơn vị. Có một thực tế chung là ngày nay trong các cuộc họp để kiểm điểm cá nhân cuối tháng, cuối năm..., rất ít người phê phán, góp ý cho nhau, có chăng chỉ nói toàn những ưu điểm, còn khuyết điểm thì không ai nói gì. Có một nghịch lý là: trong khi các cụ về hưu thì kiểm điểm rất sâu sắc, góp ý rất thẳng thì cán bộ đương chức, khi họp góp ý thì lại... im lặng!

Bảy là, đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, vì chính cơ chế hoạt động của các doanh nghiệp này đã làm nảy sinh ra tham nhũng, tiêu cực. Các vụ án lớn vừa qua xảy ra ở ngành dầu khí, thương mại, điện lực, bưu chính - viễn thông, giao thông - vận tải... đã chứng minh điều đó.

Tám là, lành mạnh hóa hoạt động ở các nhà hàng, khách sạn, kiên quyết xóa bỏ các tệ nạn xã hội như bia ôm, mại dâm, ma túy, đánh đề, cá độ bóng đá...

Chín là, hợp tác chặt chẽ với Interpol quốc tế để kịp thời ngăn chặn việc di chuyển tiền bạc, tài sản ra nước ngoài và một số kẻ làm ăn bất chính móc nối với các quan chức biến chất, lợi dụng hệ thống luật pháp còn sơ hở của Việt Nam để làm ăn phi pháp.

Mười là, giáo dục con ngoan, gia đình sống có văn hóa, chấp hành tốt chính sách và pháp luật của Nhà nước, không lợi dụng chức vụ của cha mẹ để làm ăn phi pháp, cũng phải được coi là một tiêu chí để đánh giá phẩm chất của cán bộ lãnh đạo.❑

Digitized by Google

KINH TẾ - CHÍNH TRỊ CHÂU PHI THẬP NIÊN ĐẦU THẾ KỶ XXI

ĐỖ ĐỨC ĐỊNH *

SAU nhiều thập kỷ chìm đắm trong chiến tranh và nghèo đói, từ năm 2000 đến nay, châu Phi đã có những dấu hiệu ổn định về chính trị - xã hội, bước đầu đạt được một số tiến bộ về tăng trưởng kinh tế. Năm 2003 và năm 2004, châu Phi là khu vực có tốc độ tăng trưởng GDP đứng thứ hai trong nhóm các nước đang phát triển sau Đông - Nam Á. Mặc dù còn xa mới có thể đạt được *các Mục tiêu Thiên niên kỷ* (MDG) nhằm giảm một nửa tỷ lệ nghèo đói và nâng tốc độ tăng trưởng lên là 7%/năm vào năm 2015, nhưng những tiến bộ đạt được trong những năm đầu thế kỷ XXI cho thấy bức tranh kinh tế - chính trị châu Phi đang có chiều hướng sáng dần lên.

1 – Tình hình chính trị và kinh tế châu Phi những năm đầu thế kỷ XXI

Về phương diện chính trị, tình hình châu Phi có dấu hiệu thay đổi theo chiều hướng tích cực:

Thứ nhất, các nước châu Phi đang cùng nhau thực hiện những nỗ lực mang tính toàn khu vực nhằm ngăn chặn chiến tranh và xung đột, tạo sự ổn định lâu dài về chính trị. Trong nhiều thập kỷ qua, do không có hòa bình, các nước châu Phi chưa có điều kiện để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội. Năm 2003, các nhà lãnh đạo Liên minh châu Phi (AU)[1] đã thành lập Hội đồng hòa bình và an ninh (PSC) gồm 15 nước thành viên theo mô hình của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc nhằm thúc đẩy tiến trình hòa bình, an ninh và ổn định khu vực. Hiện nay, PSC đang xúc tiến các hoạt động khắc phục tình trạng khủng hoảng và hỗ trợ nhân đạo tại Xu-đăng; thành lập một hệ thống tư pháp thống nhất của châu lục trên cơ sở sáp nhập Tòa án tư pháp châu Phi và Tòa án châu Phi về con người và quyền con người để thực hiện quyền bình đẳng, công bằng cho người dân toàn châu lục. Những chia rẽ, bất đồng đang dần được dàn xếp, đem lại sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế ngày càng nhiều cho châu Phi.

Thứ hai, các nước châu Phi đang nỗ lực thiết lập một nền dân chủ nhằm tạo điều kiện cho phát triển kinh tế – xã hội. Ngoài một số nước vẫn duy trì chế độ độc đoán như Ê-ri-vê-a, Ê-qua-tô-ri-a Ghi-nê, Xu-đăng, Dim-ba-bu-ê, Găm-bi-a.., các nước châu Phi khác đang chuyển dần sang cơ chế chính trị dân chủ. Một trong những cải cách mạnh mẽ ở châu Phi là việc thành lập Nghị viện châu Phi (PAP) theo mô hình Liên minh châu Âu (EU) nhằm bảo đảm sự tham gia đầy đủ của người dân trong điều hành, phát triển và hội nhập kinh tế. Liên minh châu Phi đã thành lập một cơ chế giám sát châu Phi (APRM) với 24 nước thành viên nhằm

* PGS, TS, Viện nghiên cứu châu Phi - Trung Đông, Tổng Biên tập Tạp chí Nghiên cứu châu Phi - Trung Đông

(1) Nhằm nâng cao vai trò của châu Phi trên thế giới, năm 2002, Liên minh châu Phi (AU) đã chính thức được thành lập với mục tiêu đưa châu Phi vượt qua đói nghèo, xung đột và bệnh tật, tiến tới ổn định và phát triển kinh tế - xã hội.

Digitized by Google

thúc đẩy dân chủ, nâng cao tinh thần trách nhiệm thông qua việc thực hiện các chính sách và tiêu chuẩn, đem lại sự ổn định chính trị, phục vụ cho tăng trưởng kinh tế cao và phát triển ổn định. Hoạt động của APRM tập trung vào 4 lĩnh vực chính: dân chủ và thể chế chính trị, cơ chế quản lý kinh tế, cơ chế quản lý công ty và phát triển kinh tế - xã hội.

Mặc dù đã có những dấu hiệu tích cực về chính trị, nhưng châu Phi vẫn phải đối mặt với nhiều thách thức lớn, đó là:

Xung đột sắc tộc và tôn giáo vẫn tiếp diễn ở nhiều nơi, ẩn chứa nhiều rủi ro và nguy cơ lớn đối với hòa bình và phát triển ở châu Phi. Xung đột kéo dài ở châu Phi đã làm chết khoảng 7 triệu người và ước tính thiệt hại khoảng 250 tỉ USD. Hiện nay, vẫn còn 9 nước châu Phi đang phải đối mặt với xung đột (2). Tại Công-gô, cuộc xung đột đã gây khủng hoảng cho chương trình cứu trợ nhân đạo của Liên hợp quốc. Nguy hiểm hơn là cuộc khủng hoảng sắc tộc này đã kéo theo sự căng thẳng với các nước láng giềng như Ru-an-đa, U-gan-đa; tạo nên dòng xoáy bạo lực triền miên tại Trung Phi. Mặc dù các nhà lãnh đạo châu Phi đang tập trung thảo luận, tìm các biện pháp giải quyết vấn đề chia sẻ quyền lực chính trị, song tình hình không mấy khả quan.

Tình trạng thể chế chính trị yếu kém, nạn tham nhũng hoành hành. Thể chế chính trị yếu kém bắt nguồn chủ yếu từ hệ thống quản lý thiếu minh bạch, hạn chế về nguồn lực tài chính và nguồn nhân lực không có kỹ năng. Sự yếu kém này không chỉ thể hiện trong hiến pháp và pháp luật, mà còn trong cơ cấu nội bộ của các đảng phái chính trị. Xu hướng mua chuộc trong bầu cử được áp dụng nhiều hơn là việc đưa ra các chương trình hoạt động chính trị toàn diện, có sức thuyết phục. Trình độ của người đại diện chính quyền và dân chúng còn hạn chế, châu Phi đang thiếu một hệ thống chính trị hiện đại để có thể đáp ứng được những nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Thể chế chính trị yếu kém là nguyên nhân cơ bản dẫn đến nạn tham nhũng tràn lan ở các nước châu Phi. Theo đánh giá của Ngân hàng thế giới (WB, 2003), việc kiểm soát tham nhũng ở châu Phi tỏ ra không hiệu quả. Từ năm 1996 đến năm 2002, trong số 8 nước được coi là nhóm có những điều chỉnh ổn định nhất châu Phi, chỉ có Buốc-ki-na Pha-xô cải thiện được tình trạng tham nhũng, 7 nước còn lại không có tiến bộ, thậm chí tham nhũng còn nặng nề hơn như ở Mô-dăm-bích và U-gan-đa.

Về phương diện kinh tế, châu Phi là khu vực nghèo nhất trên thế giới hiện nay. Thu nhập đầu người ở châu Phi thấp, có xu hướng giảm. Hiện 35 trong tổng số 48 nước nghèo nhất thế giới là các nước thuộc châu Phi. Hơn 40% dân số ở vùng hoang mạc Sa-ha-ra sống dưới mức 1 USD/ngày/người. Năm 2003, khoảng 200 trong tổng số 831 triệu người dân châu Phi bị thiếu ăn do sản lượng lương thực tại 31 quốc gia giảm; 35% trong 115 triệu trẻ em không được đến trường. Số người nghèo ở châu Phi có xu hướng tăng nhanh, hiện nay là khoảng 350 triệu người; chỉ có 4 nước có khả năng đạt được các Mục tiêu Thiên niên kỷ là giảm một nửa số người nghèo vào 2015.

Châu Phi có dịch bệnh triền miên, đặc biệt là đại dịch bệnh HIV/AIDS. Khu vực Sa-ha-ra chiếm 10% dân số thế giới nhưng chiếm gần 70% số người nhiễm HIV. Với tốc độ dịch bệnh tăng nhanh như hiện nay, trong 10 năm tới, đại dịch HIV/AIDS có thể làm giảm một nửa lực lượng lao động ở miền Nam châu Phi và đến năm 2020 tuổi thọ trung bình của khu vực này sẽ giảm khoảng 20 tuổi. Ước tính mỗi năm đại dịch này làm thiệt hại từ 0,5% đến 2,5% GDP của châu Phi. Đây là nguyên nhân khiến tệ nạn xã hội gia tăng, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, tỷ lệ thất nghiệp cao. Đến nay đã có 20 triệu người châu Phi chết vì dịch bệnh HIV/AIDS. Hiện tại, cứ 10 người dân châu Phi có 4 người nhiễm HIV/AIDS.

(2) Xu-đăng, Cốt Đi-voa, Công-gô, Ni-giê-ri-a, Xô-ma-li, U-gan-đa, Ru-an-đa, Bu-run-đi, và Ăng-gô-la

Digitized by Google

Châu Phi là khu vực bị cô lập cao với thế giới bên ngoài. Trong khi xu hướng toàn cầu hóa, đặc biệt là hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra sâu rộng trên toàn thế giới, châu Phi vẫn chưa có bất kỳ phương thức hội nhập kinh tế hiệu quả nào, vẫn bị cách ly với xu hướng phát triển của thời đại. Nhận thức được điều này, trong các hội nghị của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), các diễn đàn kinh tế quốc tế, các nhà lãnh đạo châu Phi đã nhiều lần lên tiếng kêu gọi các nước và cộng đồng quốc tế trợ giúp châu Phi khai thác và sử dụng các nguồn lực hiện có để phát triển và hội nhập. Tuy nhiên, tình hình vẫn không mấy khả quan khi châu Phi chỉ chiếm 1% tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), 1% GDP và 2% kim ngạch thương mại toàn cầu. Theo báo cáo Thống kê thương mại quốc tế năm 2003, xuất nhập khẩu của châu Phi chỉ đạt mức tăng trưởng 2% so với mức 4% của toàn thế giới. Nguyên nhân chính là do chính sách trợ giá, đặc biệt là trợ giá nông sản của các nước phát triển. Theo Ngân hàng phát triển châu Phi (AFDB), trung bình mỗi năm các nước phát triển trợ giá cho nông dân 310 tỉ USD, do vậy, chính sách đó đã bóp nghẹt khả năng cạnh tranh của hàng hóa châu lục này.

Châu Phi là khu vực sống nhờ vào viện trợ nước ngoài và phải chịu gánh nặng về nợ nước ngoài. Đối với hầu hết chính phủ các nước châu Phi, viện trợ nước ngoài là một nguồn thu lớn, chiếm khoảng 1/2 tổng nguồn thu nhằm phục vụ cho chi tiêu ngân sách. Chính sự phụ thuộc này đã phản ánh mức độ nghèo nàn, hạn hẹp về tài chính và kinh tế của đất nước, và là một yếu tố quan trọng dẫn đến thâm hụt ngân sách nặng nề, lạm phát cao, tính kém hiệu lực trong điều hành, thực thi các chính sách kinh tế của chính phủ các nước châu Phi.

Thâm hụt cao dẫn đến nợ nước ngoài lớn. Hiện nay, nợ nước ngoài chiếm 60,7% GDP của châu Phi. Trong vài thập kỷ qua, viện trợ nước ngoài hầu hết được dùng để chi trả các khoản nợ nước ngoài. Mức vay nợ nước ngoài cao khiến WB và Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) phải đưa ra Sáng kiến giảm nợ cho các nước nghèo nhất thế giới (HIPC). Tỷ lệ nợ/xuất khẩu của HIPC tăng từ 170% năm 2001 lên là 208% năm 2003, chủ yếu tập trung ở các nước châu Phi.

Tuy phải đối mặt trước những khó khăn như vậy, nhưng theo đánh giá của giới chuyên môn, *châu Phi đang có dấu hiệu tăng trưởng kinh tế tương đối khả quan.* Tốc độ tăng GDP của châu Phi trong những năm gần đây được cải thiện đáng kể (năm 2002 là 3,2%, năm 2003 là 3,8% và năm 2004 là 4,4%). Năm 2004, có 35 trong số 53 nước đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh (trong đó 21 nước đạt trên 5%; 7 nước đạt trên 7%). Nguyên nhân là nhờ sản lượng nông nghiệp tăng do thời tiết tốt và giá nguyên liệu trên thị trường thế giới phục hồi; các nước xuất khẩu dầu tăng trưởng cao nhờ mở rộng đầu tư và xuất khẩu.

Nhờ thể chế chính trị và môi trường kinh tế vĩ mô của các nước châu Phi có xu hướng ổn định dần, *lạm phát cũng đang dần được kiềm chế.* Theo IMF, trong 2 năm 2003 và 2004, tỷ lệ lạm phát ở châu Phi được giữ ở mức một con số. Cụ thể, năm 2004 lạm phát ở châu Phi đã giảm xuống 8,8%, mức thấp nhất trong vòng hơn 20 năm qua; thâm hụt ngân sách giảm xuống 1,7% GDP, thấp nhất trong 10 năm qua.

Môi trường đầu tư của châu Phi trở nên tốt hơn. Lý do khiến FDI vào châu lục này tăng là do các nước châu Phi đang nỗ lực đạt được hòa bình, ổn định chính trị, ngăn chặn xung đột và tích cực cải cách kinh tế. Nổi bật là Bô-uan-na, Nam Phi, Mô-ri-xơ, Na-mi-bi-a, Tuy-ni-di đã và đang đẩy mạnh tự do hóa thị trường; thực hiện các chính sách cải cách như tăng tỷ lệ phụ nữ tiếp cận với các cơ hội giáo dục; bình đẳng giới và sức khỏe; nâng cao chất lượng lao động, hiệu quả chính sách giảm nghèo; cải cách hệ thống luật pháp.

Tuy nhiên, bên cạnh đó, FDI vẫn tập trung phần lớn ở các nước có nguồn tài nguyên dầu lửa. Trong số 10 nước tiếp nhận FDI lớn nhất châu Phi các năm 2001 - 2004, có 7 nước là sản xuất dầu lửa. Ngoài ra, tham nhũng, như đã nói

Digitized by Google

ở trên, đang là cản trở lớn nhất đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào châu Phi. Báo cáo của WB năm 2005 cho biết có nước, 75% công ty nước ngoài phải chi tiền hối lộ; 70% công ty ở một vài nước gặp phải những khúc mắc từ các quy định luật pháp. Trong các năm 2000 - 2004, FDI vào châu Phi gặp phải cản trở do tình trạng hối lộ, mua chuộc, tống tiền; khả năng tiếp cận thị trường yếu kém; tình hình kinh tế, chính trị chưa năng động; nguồn tài chính hạn chế, chi phí hành chính cao; cơ sở hạ tầng nghèo nàn, chế độ thuế không hấp dẫn; nguồn lao động kỹ năng thiếu, hệ thống luật pháp chưa hoàn chỉnh; nguồn tài nguyên hạn chế, chính sách khuyến khích đầu tư và thương mại thấp...

Xuất khẩu của châu Phi ngày càng tăng. Do nhận thức được tầm quan trọng của thương mại quốc tế, các nước châu Phi đang nỗ lực tự do hóa thương mại và mở rộng các hoạt động trao đổi thương mại trong nội bộ khối và với thế giới bên ngoài. Năm 2004, nhờ có những biến động có lợi trên thị trường thế giới, thặng dư buôn bán của châu Phi đạt 5 tỉ USD. Xuất khẩu của châu Phi tăng 18,6% về giá trị, 4,6% về khối lượng. Hiện nay, các sản phẩm xuất khẩu của châu Phi có tiềm năng lớn bao gồm cà phê, chè, bông, đồng, vàng, kim cương và dầu khí. Ngoài ra, châu Phi còn dự định xuất khẩu một số sản phẩm chế biến, chế tạo như phụ tùng ô tô và linh kiện điện tử; đẩy nhanh sự tham gia vào chuỗi dây chuyền sản xuất và trao đổi sản phẩm chế tạo quốc tế.

2 – Dự báo giai đoạn 2005 – 2010

Bức tranh đa dạng về tình hình kinh tế - chính trị châu Phi trong thời gian qua đủ cơ sở để đánh giá về một triển vọng tương đối sáng sủa của khu vực này trong giai đoạn tới. Theo đánh giá của AFDB, châu Phi hiện đang có cơ hội tăng nhanh tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, đưa tỷ lệ nghèo đói xuống mức trung bình của thế giới thông qua những biện pháp như ổn định tài chính, giảm phụ thuộc vào viện trợ bên ngoài; thực hiện cải cách hành chính và cơ chế chính trị nhằm tạo ra một cơ chế dân chủ hơn phục vụ cho các hoạt động kinh tế - xã hội; tăng cường phối hợp chính sách giữa các nước, kêu gọi sự trợ giúp của cộng đồng quốc tế để nâng cao hiệu quả của quá trình cải cách.

Tương lai của châu Phi sẽ tốt đẹp hơn khi kinh tế phát triển, quyền con người được tôn trọng và xung đột quân sự giảm. Với việc mở cửa thị trường với các nước phương Bắc, châu Phi hy vọng sẽ thoát khỏi cái bẫy nghèo khổ. Kinh tế toàn cầu phục hồi mạnh sau một vài năm trì trệ vào đầu thế kỷ XXI, cùng triển vọng tăng trưởng kinh tế của Mỹ và Trung Quốc, cầu về hàng hóa nguyên nhiên liệu từ châu Phi đang có xu hướng tăng dần. Theo đánh giá của IMF, tình trạng lạm phát ở một số nước châu Phi sẽ tiếp tục được kiềm chế và tài khoản hiện hành tiếp tục được cải thiện. Hai nhóm nước dự báo sẽ đạt được tốc độ tăng trưởng nhanh nhất trong giai đoạn 2005 - 2010 là các nước xuất khẩu dầu lửa gồm Ê-qua-tô-ri-a, Ghi-nê, Ăng-gô-la, Công-gô... và những nước đang đẩy mạnh công cuộc cải cách tích cực như Mô-dăm-bích, Dăm-bi-a, Tan-da-ni-a...

Những khó khăn lớn hiện đang cản trở sự phát triển ở châu Phi là do chi phí vận tải cao, quy mô thị trường nhỏ, năng suất nông nghiệp thấp, bệnh tật hoành hành, việc phổ biến các công nghệ nước ngoài hầu như không đáng kể, tỷ lệ dân số tăng quá nhanh làm ảnh hưởng đến tỷ lệ tiết kiệm quốc gia. AFDB đã đưa ra những kế hoạch phát triển lâu dài cho châu Phi trong đó có *sáng kiến lớn* về phát triển nguồn nước ở châu Phi với số vốn huy động là 14,7 tỉ USD. Theo AFDB, phát triển nguồn nước sẽ giúp đem lại sự an toàn vệ sinh, xóa bỏ đói nghèo, ổn định kinh tế cho châu Phi.

AFDB đã quyết định lập một quỹ trị giá 140 triệu USD giúp các nước mới thoát khỏi xung đột, thanh toán các khoản nợ nước ngoài để tìm kiếm các khoản vay mới cho tái thiết kinh tế. AFDB đã thông qua khoản cho vay hơn 372 triệu USD dành cho phát triển kết cấu hạ tầng theo chương trình của Quan hệ đối tác mới vì sự phát triển của châu Phi (NEPAD) và 580 triệu USD cho các dự án phát triển khác.

Digitized by Google

Ngoài ra, cộng đồng quốc tế cũng đang nỗ lực giúp châu Phi thoát khỏi đói nghèo và lạc hậu. Theo Liên hợp quốc, Tổ chức Nông lương thế giới (FAO), WB, AFDB, trong thời gian tới, nông nghiệp vẫn là động lực phát triển của châu Phi. Các cơ quan Liên hợp quốc và châu Phi đã xây dựng Chương trình phát triển nông nghiệp toàn diện của châu Phi (CAADP) cùng 3 chương trình phát triển nông nghiệp ngắn hạn khác bao gồm: mở rộng diện tích sản xuất nông nghiệp; tăng nguồn cung cấp lương thực và giảm đói nghèo; cải thiện cơ sở hạ tầng nông thôn và nâng cao năng lực tiếp cận thị trường của nông dân. Về dài hạn, châu Phi sẽ thúc đẩy nghiên cứu nông nghiệp, ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất nông nghiệp để tăng năng suất và hiệu quả chế biến nông sản.

Trong vòng đàm phán thương mại thế giới tổ chức tại Can-cun (11-2001), các nước châu Phi đã kêu gọi cộng đồng thế giới khai thác những nguồn nhân lực và tài nguyên của châu Phi; đồng thời qua đó, dành những lợi ích của thương mại thế giới thông qua việc châu Phi hội nhập vào nền kinh tế toàn cầu. Châu Phi là khu vực có tiềm năng lớn về dầu mỏ, đặc biệt là các nước Bắc Phi. Do vậy, các nước có dầu mỏ hy vọng sẽ thu được 200 tỉ USD nhờ xuất khẩu dầu mỏ trong thập niên đầu của thế kỷ XXI. Hiện nay, châu Phi đang tiến hành triển khai luật khai thác dầu mỏ, chính sách thu hút đầu tư nước ngoài, nâng cấp cơ sở hạ tầng như xây dựng đường ống dẫn dầu lớn xuyên lục địa... Nhiều tập đoàn dầu khí lớn của các nước phát triển đã đầu tư khai thác dầu mỏ tại châu Phi, điển hình là dự án đầu tư khai thác dầu của Mỹ trị giá 50 tỉ USD đến năm 2010. Ngoài ra, WB và Chương trình phát triển của Liên hợp quốc (UNDP) đã giúp châu Phi xây dựng Chương trình hỗ trợ quản lý năng lượng (ESMAP) nhằm tăng cường phối hợp các lĩnh vực năng lượng và phi năng lượng như giáo dục, y tế, nông nghiệp, viễn thông, môi trường... WB còn kêu gọi Mỹ gia hạn điều khoản ưu đãi đối với hàng dệt may của châu Phi theo Luật cơ hội và tăng trưởng dành cho châu Phi (AGOA); cho phép hàng chục nước châu Phi được xuất khẩu tự do và miễn thuế một số mặt hàng, trong đó có hàng dệt may sang Mỹ. AGOA đã góp phần tạo ra 190.000 việc làm, đem lại 340 triệu USD đầu tư cho châu Phi. Với trên 1 tỉ USD xuất khẩu của các nước liên quan sang Mỹ, AGOA đã trở thành một yếu tố thúc đẩy châu Phi phát triển. Theo yêu cầu của WB, Mỹ đã quyết định gia hạn đạo luật này thêm 10 năm đến năm 2018 (trước đây hạn đến năm 2008).

Bên cạnh đó, Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp đang nỗ lực góp phần vào sự phát triển của châu Phi. 51 nước thành viên (trong đó có 24 nước châu Phi) đã bàn đến các vấn đề hợp tác kinh tế, xóa đói giảm nghèo, bảo tồn sự đa dạng văn hóa. Trong 2 năm 2005 - 2006, Cộng đồng Pháp ngữ tăng cường trợ giúp các nước châu Phi đẩy mạnh công tác xóa mù chữ, hoàn thiện hệ thống giáo dục các cấp, tăng số lượng các trường chuyên nghiệp và kỹ thuật, phổ cập từng bước In-tơ-nét, hợp tác giáo dục đại học giữa các nước. Ngoài ra những vấn đề khác như hòa bình, an ninh, dân chủ, công lý, quyền con người... đều được coi là những nhân tố bảo đảm sự phát triển bền vững cho châu Phi.

Cùng với các châu lục khác, châu Á cũng đang có những giải pháp phát triển tối ưu nhất cho châu Phi. Tại diễn đàn quốc tế Tô-ky-ô về phát triển châu Phi lần thứ ba (TICAD III) tổ chức năm 2004, các nước đều hướng châu Phi vào việc thực hiện các Mục tiêu Thiên niên kỷ đến năm 2015 bao gồm: giảm một nửa đói nghèo, đạt được giáo dục tiểu học toàn diện, thúc đẩy chất lượng giới và quyền lợi cho phụ nữ, giảm 2/3 tỷ lệ trẻ em tử vong, cải thiện sức khỏe sinh sản, chặn đứng đại dịch HIV/AIDS, bảo vệ môi trường, phát triển các đối tác toàn cầu... Để thực hiện các mục tiêu này, châu Phi cần tới khoản viện trợ chiếm từ 20 - 30% GDP, tức là khoảng 25 tỉ USD/ năm. Đây là một nhiệm vụ rất lớn, đòi hỏi những nỗ lực từ người dân châu Phi và sự trợ giúp từ cộng đồng quốc tế. ❑

Digitized by Google

SỞ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VĨNH PHÚC

TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ VĨNH PHÚC

CƠ QUAN CHỦ QUẢN: UBND TỈNH VĨNH PHÚC

SỐ GIẤY PHÉP: 42/GP-BC ngày 09/02/2004 do Cục Báo chí, Bộ Văn hoá-Thông tin cấp

TRƯỞNG BAN BIÊN TẬP: ÔNG NGUYỄN VĂN CHÚC, Giám đốc Sở Bưu chính -Viễn thông tỉnh Vĩnh Phúc

ĐỊA CHỈ: Đường Nguyễn Trãi, phường Đống Đa, thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc

ĐIỆN THOẠI: 0211.845 858 * Fax: 0211.846 488

EMAIL: banbientap@vinhphuc.gov.vn

HTTP://www.vinhphuc.gov.vn * http://www.vinhphuc.vn

Duy trì kỹ thuật, vận hành Cổng thông tin24h/ngày;

Thu thập, biên tập, tạo lập tin điện tử từ các đơn vị và các nguồn thông tin khác trong tỉnh theo quy định và chỉ đạo của UBND tỉnh, của Ban Biên tập Cổng thông tin;

Dịch sang tiếng Anh và cập nhật lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh các tin, bài (được phép công bố) như: lịch sử, văn hóa, thu hút đầu tư, cải cách hành chính…

Phối hợp với các đơn vị, các sở, ban, ngành, huyện, thị xã trong tỉnh xây dựng và từng bước triển khai các giao tiếp điện tử, giao dịch điện tử trên Cổng thông tin hướng tới Chính phủ điện tử;

Tích hợp các cơ sở dữ liệu lựa chọn từ trung tâm tích hợp dữ liệu của tỉnh như: Hệ thống thông tin địa lý (GIS), Hệ thống thông tin doanh nghiệp, Hệ thống thông tin dân cư và an sinh xã hội.. để triển khai ứng dụng trên Cổng thông tin;

Thiết kế các trang quảng cáo trên cổng thông tin.

CÔNG DÂN ĐIỆN TỬ

CỘNG ĐỒNG ĐIỆN TỬ

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ

CHÍNH PHỦ ĐIỆN TỬ

VINH PHUC PORTAL



Digitized by Google

TRƯỜNG CAO ĐẲNG GIAO THÔNG VẬN TẢI II

HIỆU TRƯỞNG: *Thạc sỹ Lê Đức Hân*
PHÓ HIỆU TRƯỞNG: *Thạc sỹ Đoàn Trọng Hòa*
PHÓ HIỆU TRƯỞNG: *Thạc sỹ Lương Thanh Hải*

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ:

Đào tạo và bồi dưỡng cán bộ có trình độ cao đẳng, trung học chuyên nghiệp, công nhân kỹ thuật trên phạm vi toàn quốc trong các lĩnh vực: xây dựng giao thông, cơ khí giao thông, kinh tế giao thông vận tải nhằm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao cho mọi thành phần kinh tế xã hội của đất nước, cũng như trong tiến trình Việt Nam hội nhập kinh tế thế giới.

Nghiên cứu khoa học, triển khai các hoạt động công nghệ trong giáo viên và học sinh, sinh viên nhằm gắn kết giữa lý luận với thực tiễn, đặc biệt là thực tiễn sản xuất chế tạo các công trình giao thông mới theo tiêu chuẩn hiện nay của thế giới.

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO:

1.Hệ cao đẳng: thời gian đào tạo 3 năm
- Xây dựng công trình cầu đường.
- Sửa chữa ô tô, máy xây dựng.
- Kinh tế xây dựng.
- Kế toán doanh nghiệp giao thông vận tải.

2.Hệ trung cấp: thời gian đào tạo 2 năm
- Xây dựng công trình cầu đường.
- Sửa chữa ô tô, máy xây dựng.
- Kinh tế xây dựng.
- Kế toán doanh nghiệp giao thông vận tải.

3.Hệ công nhân: Vận hành và sửa chữa máy công trình (1 năm)

THÀNH TÍCH TRONG 30 NĂM XÂY DỰNG TRƯỞNG THÀNH:

Về đào tạo: đã có 30 khóa học sinh, sinh viên, trong đó có 28 khóa đã tốt nghiệp với hơn 1000 sinh viên hệ cao đẳng, 9000 hệ trung cấp và 5000 hệ công nhân kỹ thuật, hơn 300 bồi dưỡng nâng tay nghề của công nhân.

Về nghiên cứu khoa học: đã thực hiện được nhiều đề tài khoa học có giá trị, đã biên soạn và xuất bản được 19 giáo trình và 50 đầu sách tham khảo cho chuyên ngành trong ngành giao thông vận tải.

Về xây dựng đội ngũ: Nhà trường có 198 cán bộ, giáo viên và công nhân viên, trong đó có 145 giáo viên (chiếm 73,23%), 15 giảng viên chính, 32 thạc sỹ.

Một số thành tích nổi bật:

Huân chương Lao động hạng Nhất (2003)
Huân chương Lao động hạng Nhì (1997)
Huân chương Lao động hạng Ba (1991)
Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (2003)

Cùng nhiều bằng khen, cờ thi đua của các cấp, các ngành tặng Đảng bộ, Chính quyền, Công đoàn, Đoàn thanh niên...

Là trường cao đẳng có tỷ lệ "đầu ra" có cơ hội tìm việc làm dễ nhất, đúng chuyên ngành.Chất lượng đào tạo nguồn nhân lực của Nhà trường đã được bộ Giáo dục & Đào tạo và bộ Giao thông vận tải khẳng định, được xã hội đặc biệt là giới doanh nghiệp - đơn vị trực tiếp sử dụng lao động thừa nhận.



Địa chỉ: 28 Ngô Xuân Thu - Hòa Hiệp Bắc- Liên Chiểu - Đà Nẵng
Điện thoại: 0511. 842 266*Fax: 0511. 842 086 * Email: Caodanggtvt2@dng.vnn.vn * Website: caodanggtvt2.edu.vn

Digitized by Google



Thành phố HẠ LONG

ĐỊA CHỈ: THÀNH PHỐ HẠ LONG, QUẢNG NINH
ĐIỆN THOẠI: 033 825 793; FAX: 033 622 493

Qua 5 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XXI và các Nghị quyết của cấp trên, Đảng bộ và nhân dân thành phố Hạ Long đã đoàn kết nhất trí, nỗ lực phấn đấu, phát huy nội lực, tranh thủ thời cơ thuận lợi, khắc phục khó khăn, vượt qua thử thách, thực hiện thắng lợi toàn diện các mục tiêu nhiệm vụ do Đại hội lần thứ XXI đề ra, một số chỉ tiêu đạt và vượt so với kế hoạch. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, năng lực sản xuất của nhiều ngành được nâng lên, nhất là ngành đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng, du lịch và cảng biển có nhiều khởi sắc. Các thành phần kinh tế phát triển đa dạng; hạ tầng kinh tế - xã hội đổi thay nhanh chóng theo hướng khang trang hiện đại, văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, đời sống nhân dân được cải thiện và nâng cao; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội được giữ vững, hoàn thành tốt nhiệm vụ quốc phòng và công tác quân sự địa phương, tiếp tục thực hiện có kết quả cuộc vận động xây dựng, chỉnh đốn đảng. Hệ thống chính trị của thành phố được củng cố, kiện toàn; vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp được tăng cường và phát huy. Nhân dân tin tưởng phấn khởi, tạo thế và lực mới để thành phố phát triển với tốc độ cao hơn.

ĐỊNH HƯỚNG PHẤN ĐẤU GIAI ĐOẠN 2005 - 2010

A. CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU:

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp; đến năm 2010, tỉ trọng công nghiệp và xây dựng chiếm 55%; các ngành dịch vụ chiếm 44%; nông lâm, thủy sản 1%
- Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng từ 18% trở lên.
- Doanh thu các ngành dịch vụ tăng 20% - 25%/năm.
- Giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 1,5%/năm.
- Thu ngân sách thành phố tăng 8%/năm so với kế hoạch tỉnh giao.
- Hằng năm giảm tỷ suất sinh 0,01% và trẻ em suy dinh dưỡng giảm 1%.
- Mỗi năm tạo việc làm cho 5.000 lao động trở lên.
- Phát triển đảng viên mới bình quân mỗi năm đạt 3% - 3,5%/tổng số đảng viên.
- Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt 70% trở lên.
- Đến năm 2010, giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống dưới 1%

B. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

- Tạo điều kiện và môi trường thúc đẩy công nghiệp, TTCN phát triển nhanh trên cơ sở các lợi thế của thành phố để tạo ra một ngành, sản phẩm có sức cạnh tranh cao.
- Đẩy mạnh phát triển các ngành dịch vụ.
- Tiếp tục chuyển đổi sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp
- Công tác tài chính- thuế: nâng cao chất lượng và hiệu quả tài chính công, hiệu quả sử dụng vốn ngân sách và vốn trong doanh nghiệp.
- Tập trung chỉ đạo làm tốt công tác quy hoạch, xây dựng cơ bản, giải phóng mặt bằng, quản lý đô thị, quản lý tài nguyên và môi trường.
- Đẩy mạnh phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo.
- Chăm lo sự nghiệp y tế, tích cực giải quyết các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.
- Phát triển, đổi mới các hoạt động văn hóa, thông tin tuyên truyền và thể dục - thể thao.
- Xây dựng chính quyền các cấp vững mạnh như: ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước, xác định trách nhiệm cá nhân người đứng đầu, công khai các thủ tục hành chính, tiến tới quản lý hành chính nhà nước theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2000.
- Xây dựng đảng: áp dụng mô hình bí thư kiêm chủ tịch UBND và bí thư đảng ủy kiêm giám đốc các doanh nghiệp.
- Đổi mới và nâng cao hoạt động của MTTQ và các đoàn thể nhân dân.



Digitized by Google



Đồng chí NGUYỄN DANH NGỌC
Bí thư Huyện ủy

Huyện Vân Đồn

Địa chỉ: Thị trấn Cái Rồng, huyện Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 033.874 234 *Fax: 033.874 232

Vân Đồn là huyện có nhiều tiềm năng phát triển về kinh tế cũng như văn hóa xã hội. Ngày 31 - 5 - 2006 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt đề án "Phát triển kinh tế - xã hội khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh".

Khu kinh tế Vân Đồn bao gồm toàn bộ huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh; phía Bắc và Đông Bắc giáp huyện Tiên Yên, Đầm Hà, phía Đông Nam giáp huyện Cô Tô; phía Tây giáp thị xã Cẩm Phả và thành phố Hạ Long. Khu kinh tế Vân Đồn có 1 thị trấn và 11 xã, với trên 600 hòn đảo lớn nhỏ nằm trong vịnh Bái Tử Long.

Vân Đồn là trung tâm kinh tế miền Đông tỉnh Quảng Ninh và vùng đồng bằng Sông Hồng; là một trong những cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng của vùng Đông Bắc Việt Nam; có vị trí quốc phòng, an ninh quan trọng ở phía Bắc Việt Nam.

Khu kinh tế Vân Đồn có chức năng là trung tâm du lịch sinh thái biển- đảo chất lượng cao, trung tâm dịch vụ cao cấp, vận tải hàng hải và hàng không quy mô lớn có ý nghĩa với vùng Đông Bắc Việt Nam; là một trong những động lực phát triển vùng kinh tế trọng điểm của miền Bắc; là tiền đồn vững chắc tại phía Đông Bắc của Tổ quốc.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN 2005- 2010.

- Quan điểm phát triển chủ yếu: Bám sát chủ trương của Chính phủ về đầu tư phát triển khu kinh tế tổng hợp Vân Đồn, tập trung quản lý tốt quy hoạch, bảo vệ tài nguyên môi trường sinh thái để phát triển kinh tế - xã hội bền vững, cân đối, trên cơ sở kết hợp hài hòa lợi ích của địa phương với lợi ích quốc gia. Tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội. Phát huy nội lực, tranh thủ ngoại lực, đẩy mạnh xây dựng cơ sở hạ tầng, phục vụ phát triển kinh tế biển và dịch vụ du lịch. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông, lâm nghiệp theo hướng công nghiệp hóa và từng bước hiện đại hóa nông thôn. Tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh của kinh tế biển đảo và phát triển đa dạng, bền vững theo hướng "Sản xuất hàng hóa và xuất khẩu, gắn với thị trường". Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trên các lĩnh vực: quản lý, du lịch- dịch vụ, thủy sản.

- Những chỉ tiêu cơ bản:

Tổng giá trị sản xuất hằng năm tăng từ 15% - 20%.

Thu ngân sách nhà nước hằng năm tăng từ 15% - 20%.

Tổng sản lượng thủy sản đạt 10.000 tấn vào năm 2010, trong đó khai thác 7.500 tấn, nuôi trồng 2.500 tấn. Tổng giá trị sản lượng 250 tỉ đồng.

Tỷ suất sinh giảm từ 0,5‰ - 0,6‰/năm.

Mỗi năm tạo việc làm trung bình cho 2.000 - 2.500 lao động.

Tỷ lệ hộ nghèo dưới 5% vào năm 2010 (tính theo tiêu chí mới).

Phủ sóng truyền thanh 90% - 95%, sóng truyền hình 85% - 90%. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch là 90%. Tỷ lệ hộ sử dụng điện 85% - 90%.

Phát triển đảng viên mới hằng năm: 5% - 6%.

Tỷ lệ tổ chức cơ sở đảng "trong sạch, vững mạnh" hằng năm đạt 60% - 65%



Digitized by Google

HUYỆN ĐẦM HÀ













Đầm Hà là huyện miền núi, ven biển của tỉnh Quảng Ninh. Diện tích đất tự nhên 414,368 km^2; trong đó diện tích đất nông nghiệp trên 3.000 hec-ta, đất lâm nghiệp trên 22.000 hec-ta; đất trống đồi núi trọc trên 9.000 hec-ta; có chiều dài bờ biển 21 km với trên 5.000 hec-ta đất bãi triều ven biển.

Dân số toàn huyện trên 31.000 người với 9 dân tộc. Đơn vị hành chính gồm 8 xã và 1 thị trấn. Có 27 tổ chức cơ sở đảng trực thuộc với hơn 900 đảng viên.

Đại hội lần thứ XXI của huyện đã xác định cơ cấu kinh tế của huyện là nông nghiệp - dịch vụ - tiểu thủ công nghiệp. Trong quá trình thực hiện nghị quyết Đầm Hà có một số thuận lợi: Có điều kiện phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, các ngành dịch vụ và tiểu thủ công nghiệp. Đội ngũ cán bộ trẻ tâm huyết với công việc. Nhân dân phấn khởi, nhiệt tình hưởng ứng các chủ trương của Đảng. Được sự quan tâm của Tỉnh ủy, HĐND - UBND tỉnh và sự giúp đỡ của các cơ quan chuyên môn của tỉnh.

KẾT QUẢ THỰC HIỆN:

- Sản xuất nông- lâm- ngư nghiệp: Huyện đã quan tâm chỉ đạo để chuyển dịch cơ cấu giống cây, con, mùa vụ, cơ cấu sử dụng đất làm tăng giá trị sản xuất nông nghiệp: Bình quân sản lượng lương thực 3 năm đạt 16.268 tấn, bằng 90,4% so với mục tiêu Đại hội, đã xây dựng được một số mô hình mới trong chăn nuôi gia súc, gia cầm. Sản xuất lâm nghiệp có tiến bộ. Phát triển ngành thủy sản là một chủ trương lớn của huyện.

- Các ngành dịch vụ phát triển khá, với sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế, đáp ứng cơ bản nhu cầu sản xuất, tiêu dùng và cải thiện đời sống của nhân dân.

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp - xây dựng kết cấu hạ tầng: Đã có 3 cơ sở sản xuất công nghiệp đi vào hoạt động đó là nhà máy gạch tuy nen, nhà máy dệt sợi lưới ni lông; xí nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản.

- Tài chính tín dụng: thu ngân sách trên địa bàn tăng nhanh. Bảo đảm thu đúng, thu đủ, khuyến khích vượt thu để đầu tư phát triển sản xuất.

- Công tác giáo dục đào tạo: Tất cả các xã, thị trấn trong huyện đã có đủ các bậc học, cấp học. Toàn huyện hiện có 27 trường với hơn 8.200 học sinh. Chất lượng đại trà từng bước được nâng lên, tỷ lệ chuyển lớp, chuyển cấp đạt từ 98% trở lên. Chất lượng mũi nhọn đã có bước tiến mới.

- Công tác văn hóa - thông tin - thể dục thể thao: Thực hiện tốt cuộc vận động " Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư". 69/69 làng, khu phố đã tổ chức khai trương xây dựng làng văn hóa. Đã xây dựng được 20 nhà văn hóa thôn bản với tổng giá trị hơn 600 triệu đồng, trong đó nhân đóng góp 50%, Nhà nước hỗ trợ 50%.

CHỈ TIÊU CHỦ YẾU ĐẾN NĂM 2010.

A. Về kinh tế:

- Sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 10,7%/năm.

- Lương thực bình quân đạt 500 kg trở lên/người/năm.

- Giá trị thu nhập bình quân trên một đơn vị hec-ta canh tác: 20 - 22 triệu đồng/năm.

- Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20%/năm.

- Các ngành dịch vụ: đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 14%/năm.

- Thu ngân sách trên địa bàn tăng 15%/năm so với kế hoạch tỉnh giao.

B. Về xã hội:

- 100% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.

- Giảm tỷ suất sinh hàng năm từ 0,05% đến 0,06%.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi đạt 2% hàng năm.

- Hàng năm giải quyết việc làm cho 400-500 lao động.

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn dưới 20% (theo tiêu chí mới).

- Có 30% số trường tiểu học; 50% số trường THCS và 01 trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

C. Về xây dựng Đảng:

- Kết nạp đảng viên mới hàng năm đạt 6,0% trở lên so với tổng số đảng viên.

- Hàng năm có 75% trở lên số chi, bộ trong sạch vững mạnh và có 90% đảng viên đủ tư cách hoàn thành nhiệm vụ trở lên, trong đó hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ là 20%.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM



Lễ phát động thi đua tại Khu CN Dung Quất TCT Dầu khí ủng hộ quỹ vì người nghèo tỉnh Quảng Nam 100 triệu đồng.

Phát huy thế mạnh, khắc phục khó khăn, Đảng bộ Tổng công ty Dầu khí quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ X và nhiệm vụ, kế hoạch của ngành dầu khí giai đoạn 2000- 2005, đã lãnh đạo các tổ chức Đảng trực thuộc triển khai mọi hoạt động, đạt được các kết quả đáng biểu dương, góp phần hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch của toàn ngành như sau:

1. VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH: liên tục tăng về doanh thu và nộp ngân sách, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch kinh tế - xã hội 5 năm 2001- 2005 của Nhà nước. Các chỉ tiêu chủ yếu đều vượt và cao hơn 5 năm trước:

- Khai thác dầu thô đạt 90,97 triệu tấn = 101,1% KH 5 năm.
- Tổng doanh thu đạt 449,113 tỉ đồng = 165,2% KH 5 năm.
- Nộp ngân sách đạt 204,321 tỉ đồng = 282,3% KH 5 năm.

2. VỀ QUẢN LÝ TRIỂN KHAI CÁC DỰ ÁN: số lượng các dự án được triển khai đầu tư rất lớn, tăng đột biến cả về số lượng và quy mô. Cụ thể là:

- Triển khai, hoàn thành và đưa vào khai thác nhiều công trình quan trọng góp phần vào tăng trưởng của TCT và của đất nước như: khai thác sớm các mỏ Sư Tử Đen, mỏ Rạng Đông, mỏ Ruby, dự án khí Nam Côn Sơn, Dự án nhà máy đạm Phú Mỹ...
- Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương Đảng và Chính phủ đối với các dự án dầu khí trọng điểm, chủ động đề xuất các giải pháp tích cực trong đàm phán và triển khai các dự án.

3.ĐỔI MỚI CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ XÂY DỰNG TCT:

- Đã xây dựng chiến lược phát triển ngành Dầu khí đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 và đề án thành lập Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trình Chính phủ phê duyệt.
- Kết quả công tác sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp: 6 công ty đã triển khai cổ phần hóa, 2 công ty đang làm thủ tục chuyển đổi thành công ty TNHH 1 thành viên.

4. CÔNG TÁC XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG: luôn được chú trọng và đạt kết quả tốt.

- Luôn chú trọng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng: nghiêm túc triển khai học tập, quán triệt nghị quyết, gắn việc học tập với liên hệ tình hình thực tiễn của Đảng bộ và ngành, khuyến khích và hỗ trợ việc học tập lý luận của đảng viên, duy trì các lớp cao cấp chính trị với chất lượng tốt. Đã mở 8 lớp bồi dưỡng quần chúng tích cực với 787 học viên.
- Đã kịp thời củng cố, kiện toàn tổ chức các chi bộ đảng phù hợp với việc sắp xếp đổi mới tổ chức của TCT.
- Công tác đánh giá, phân loại đảng viên được thực hiện nghiêm túc, chế độ sinh hoạt đảng được đảm bảo theo quy định.
- Đã kết nạp 321 quần chúng ưu tú vào Đảng và công nhận đảng viên chính thức cho 258 đồng chí.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU TRONG KẾ HOẠCH 2006- 2010 CỦA TCT DẦU KHÍ:

- **Tổng khai thác quy dầu: 134,83 triệu tấn**
- **Kinh doanh sản phẩm dầu khí:**
  - **+ Xuất khẩu dầu thô: 77,41 triệu tấn.**
  - **+ Tiêu thụ khí thiên nhiên: 35,96 tỉ m^3.**
- **Kinh doanh xăng dầu: 11,21 triệu tấn.**
- **Tiền lương bình quân (không tính XNLD Vietsopetro): 4,42 triệu đồng.**
- **Doanh thu: 673 115,69 tỉ đồng.**
- **Nộp ngân sách: 203 408,39 tỉ đồng.**

Phát huy truyền thống vẻ vang của ngành Dầu khí, Đảng bộ cơ quan TCT lãnh đạo toàn thể đảng viên, công nhân viên quán triệt tinh thần Đại hội X của Đảng và chương trình hành động của TCT quyết tâm hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ Đảng, Chính phủ giao cho, xây dựng TCT trở thành một Tập đoàn kinh tế mạnh của đất nước.

Digitized by Google

SỞ DU LỊCH HÀ TÂY

Địa chỉ: Đường Trần Phú - Hà Đông - Hà Tây

Hòa chung cả nước về phát triển du lịch, trong những năm qua, Hà Tây đã có những bước tiến vượt bậc; Dựa vào lợi thế là địa phương ở vị trí liền kề với thủ đô, có nhiều di tích lịch sử văn hóa, lễ hội làng nghề truyền thống nổi tiếng lại có hệ thống núi đá, rừng suối, thác, sông, hồ phong phú và đa dạng đây là điều kiện lý tưởng để phát triển du lịch.

MỤC TIÊU VÀ QUAN ĐIỂM VỀ PHÁT TRIỂN DU LỊCH CỦA TỈNH:

- Phát triển du lịch phải hướng đến mục tiêu trở thành ngành kinh tế mũi nhọn và bền vững. Nhà nước xây dựng và phải quản lý quy hoạch tổng thể đầu tư cơ sở hạ tầng du lịch, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các nguồn lực, khai thác nhanh lợi thế du lịch của một tỉnh ven đô, trước mắt ưu tiên phát triển du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí.
- Phát triển du lịch phù hợp với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế -xã hội của tỉnh và được đặt trong mối liên hệ chặt chẽ với phát triển của các ngành kinh tế trong tỉnh, nhất là các ngành thương mại, dịch vụ đồng thời thúc đẩy hỗ trợ các ngành cùng phát triển.
- Phát triển du lịch gắn với du lịch của các tỉnh và thành phố trong cả nước đặc biệt là các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ và thủ đô Hà Nội, gắn với việc bảo đảm, giữ gìn an ninh, chính trị trật tự an toàn xã hội, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái .
- Phát triển du lịch Hà Tây với tính chất là du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, du lịch văn hóa lễ hội, du lịch làng nghề trong đó du lịch sinh thái nghỉ dưỡng là chủ yếu , tập chung ở 3 cụm du lịch trọng điểm là: Sơn Tây - Ba Vì , Hương Sơn - Quan Sơn(Mỹ Đức), Hà Tây và phụ cận. Trong đó Sơn Tây - Ba Vì là trọng tâm.

TỪ NHỮNG QUAN ĐIỂM TRÊN, LÃNH ĐẠO SỞ DU LỊCH HÀ TÂY ĐƯA RA MỤC TIÊU CỤ THỂ ĐẾN NĂM 2010 NHƯ SAU:

- Về khách sạn du lịch, năm 2010 đón 4,38 triệu lượt khách trong đó có 228,700 lượt khách quốc tế (chiếm 5% tổng lượt khách) tốc độ bình quân 10%/năm
- Doanh thu xã hội về du lịch :năm 2010 đạt trên 600 tỉ VNĐ, tốc độ tăng bình quân trong 5 năm là 15%/ năm.
- Xây dựng hình thành mới được 6 khu du lịch tổng hợp (gồm các sản phẩm du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng vui chơi giải trí ...). Có khoảng 2.400 phòng khách sạn, hình thành một số lượng khách sạn từ 3 sao trở lên tại các khu trong điểm du lịch.
- Xây dựng một trung tâm dịch vụ du lịch làng nghề truyền thống Hà Tây. Đầu tư phát triển 3 làng nghề thành các điểm du lịch (Sơn Đông, Phú Vinh, Chuyên Mỹ).
- Đẩy mạnh việc đầu tư khai thác du lịch 6 điểm di tích lịch sử lễ hội trong tỉnh(Khu di tích thắng cảnh du lịch Hương Sơn, làng việt cổ Đường Lâm, Chùa Thầy, Chùa Tây Phương, Chùa Đậu, Đền Hữu Vinh).

NHIỆM VỤ ĐẶT RA:

- Xây dựng sản phẩm du lịch độc đáo mang nét đặc trưng Hà Tây
- Phát triển nhanh cơ sở vật chất của ngành du lịch.
- Đẩy mạnh tuyên truyền quảng bá du lịch tỉnh, xúc tiến đầu tư, kêu gọi đầu tư huy động mọi nguồn lực cho phát triển du lịch tỉnh.
- Xây dựng đào tạo nguồn nhân lực du lịch có trình độ và kỹ năng nghiệp vụ, đáp ứng nhu cầu phát triển và hội nhập quốc tế.
- Bảo vệ, tôn tạo và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên và môi trường du lịch, tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, đảm bảo phát triển bền vững.

Hy vọng Hà Tây sẽ là một điểm du lịch hấp dẫn đối với du khách trong và ngoài nước, đi tiên phong về phát triển du lịch

SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH XÃ HỘI PHÚ THỌ

TRƯỜNG DẠY NGHỀ TỈNH PHÚ THỌ

Trường dạy nghề tỉnh Phú Thọ được thành lập theo QĐ số 3586/1999/QĐ-UB, ngày 17/12/1999, của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ.

Chức năng nhiệm vụ:

1- Đào tạo công nhân kỹ thuật phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của địa phương và xuất khẩu lao động.
2- Bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho công nhân.
3- Tham gia đào tạo hướng nghiệp.
4- Giúp các cơ sở dạy nghề của tỉnh xây dựng chương trình dạy nghề ngắn hạn.
5- Tham gia nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học- kỹ thuật.
6- Phối hợp với các trường đại học, cao đẳng đào tạo, bồi dưỡng trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ, giáo viên các cơ sở dạy nghề của tỉnh.
7- Tư vấn cho người lao động, người sử dụng lao động về nghề nghiệp.

Ngành nghề đào tạo:

- Đào tạo nghề gò, hàn, tiện, phay, bào. Sửa chữa ôtô, xe máy, điện công nghiệp, đường dây và trạm hạ thế, điện dân dụng, điện tử, điện lạnh, may công nghiệp, tin học, mộc, vật liệu xây dựng, thủ công mỹ nghệ, thương mại và du lịch.
- Đào tạo các nghề tạo nguồn cho xuất khẩu lao động: cơ khí, điện, nông nghiệp.
- Liên kết với các trường cao đẳng và đại học đào tạo bồi dưỡng về chuyên môn nghiệp vụ cho mọi đối tượng.

Tư vấn du học và xuất khẩu lao động:

- Cung ứng, đào tạo xuất khẩu lao động sang: Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Ma-lai-xi-a...
- Tuyển sinh du học Nhật Bản, Hàn Quốc, Síp, Xin-ga-po...
- Liên tục mở các lớp ngoại ngữ tiếng Anh, Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc.

Năm 2006, trường sẽ chuyển thành trường trung cấp nghề với số học sinh đào tạo là 2.500 hs/năm. Phấn đấu năm 2007, trường trở thành trường cao đẳng nghề với số học sinh các ngành đào tạo từ 3.500-4.000 hs/năm.



Địa chỉ: Xã Vân Phú - thành phố Việt Trì - tỉnh Phú Thọ **Điện thoại:** (0210) 954 014 - **Email:** truongdaynghept@yahoo.com

Digitized by Google

TRƯỜNG SĨ QUAN LỤC QUÂN 2

ĐỊA CHỈ: XÃ TAM PHƯỚC, HUYỆN LONG THÀNH, TỈNH ĐỒNG NAI



Thượng tướng Lê Văn Dũng, Bí thư Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng Cục chính trị thăm và kiểm tra học tập của Trường Sĩ quan Lục quân 2 (năm 2003).

Trường Sĩ quan Lục quân 2 - Trung tâm đào tạo sĩ quan chỉ huy tham mưu cấp phân đội có trình độ đại học của quân đội ta tại khu vực phía nam, tiền thân là trường quân chính trung sơ cấp quân giải phóng miền Nam, thành lập ngày 27-8-1961.

Bốn mươi lăm năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, trực tiếp là Đảng ủy Quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng; được sự đùm bọc, giúp đỡ của đảng bộ, chính quyền, nhân dân các địa phương, đơn vị bạn, với ý chí tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, tinh thần quyết chiến, quyết thắng của các thế hệ cán bộ, giáo viên, học viên, chiến sĩ, công nhân viên, nhà trường đã liên tục phấn đấu vượt mọi khó khăn, gian khổ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giáo dục-đào tạo, chiến đấu, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vẻ vang của sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và công cuộc xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.

Với những chiến công và thành tích xuất sắc, Trường Sĩ quan Lục quân 2 vinh dự được Đảng, Nhà nước, Quân đội trao tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang nhân dân và nhiều phần thưởng cao quý khác.



Ban Chấp hành Đảng bộ nhà trường nhiệm kỳ 2005-2010.



Học viên khóa 52 thực hành hội nghị cấp ủy thông qua kế hoạch chiến đấu của chỉ huy.

Để xây dựng nhà trường vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường Sĩ quan Lục quân 2 lần thứ XII (2005-2010) xác định: *"Tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện và sức chiến đấu của các tổ chức đảng; xây dựng nhà trường cách mạng, chính quy mẫu mực, từng bước hiện đại, phấn đấu đến năm 2010 chuẩn hóa các yếu tố của một trường đại học quân sự. Xây dựng nhà trường vững vàng về chính trị tư tưởng trong mọi tình huống; đổi mới toàn diện, nâng cao chất lượng giáo dục-đào tạo và nghiên cứu khoa học; nhà trường mẫu mực về nề nếp chính quy, chấp hành kỷ luật, có đời sống vật chất tinh thần tốt; các tổ chức đảng trong sạch vững mạnh, hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao trong mọi điều kiện".*

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC VIỆT NAM

NHÀ MÁY THỦY ĐIỆN IALY

IALY HYDRO POWER PLANT (IHPP)

Địa chỉ: Xã Ialy, huyện Chưpăh, tỉnh Gia Lai
ĐT: 84 59 845 467 - 845 479 Fax: 84 59 845 470
Email: ialyhpp@evn.com.vn
Giám đốc nhà máy: Kỹ sư Huỳnh Nở





CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CỦA NHÀ MÁY

- Quản lý vận hành và sản xuất điện năng các nhà máy thủy điện trên sông Sê San
- Sửa chữa, bảo dưỡng, cải tạo nâng cấp các thiết bị và công trình nhà máy thủy điện.
- Dịch vụ sửa chữa, thí nghiệm, hiệu chỉnh thiết bị điện và gia công cơ khí.
- Tư vấn, giám sát, lắp đặt thiết bị cơ khí thủy lực, cơ khí thủy công, thiết bị quan trắc, thiết bị điện, thông tin của các công trình thủy điện.
- Đầu tư, cải tạo và khai thác các dịch vụ du lịch.

Sau hơn 6 năm quản lý vận hành, nhà máy đã sản xuất được 18,5 tỉ kWh điện, góp phần đáng kể vào sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, thúc đẩy phát triển kinh tế, xã hội của địa phương. Ngoài việc vận hành an toàn, hiệu quả, nhà máy còn có nhiều sáng kiến, đề tài khoa học, cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất làm lợi hàng trăm tỉ đồng cho Nhà nước.



Gian máy ngầm thủy điện Ialy

Với những thành tích đạt được, nhà máy đã được Nhà nước thưởng Huân chương Lao động hạng Ba cho tập thể và cá nhân, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì cho cá nhân; 02 Cờ thi đua xuất sắc của Thủ tướng Chính phủ, 2 cúp Vàng phát triển bền vững vì sự nghiệp xanh Việt Nam. Tổng liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ đơn vị dẫn đầu trong phong trào Xanh - Sạch - Đẹp, Công đoàn vững mạnh có phong trào thi đua xuất sắc. Ủy ban Nhân dân tỉnh Gia Lai, Kon Tum và các bộ, các ngành tặng thưởng cờ và nhiều bằng khen khác. Được Tỉnh ủy Gia Lai tặng cờ Cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu 5 năm liền.



Đón nhận cờ Đảng bộ 5 năm trong sạch, vững mạnh tiêu biểu

Digitized by Google

PETROVIETNAM
PVFCCo
ĐẠM PHÚ MỸ ®

CÔNG TY PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Trân trọng cám ơn *Người Tiêu Dùng* đã bình chọn
sản phẩm **ĐẠM PHÚ MỸ ®** của chúng tôi là

"HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2006"

cho mùa bội thu



HÀNG VIỆT NAM
2006
CHẤT LƯỢNG CAO

DO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN



TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY PHÂN ĐẠM & HÓA CHẤT DẦU KHÍ - PVFCCo.
Số 10 Phổ Quang - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP. HCM
Tel: 08. 9 974748 - Fax: 08. 9 974757

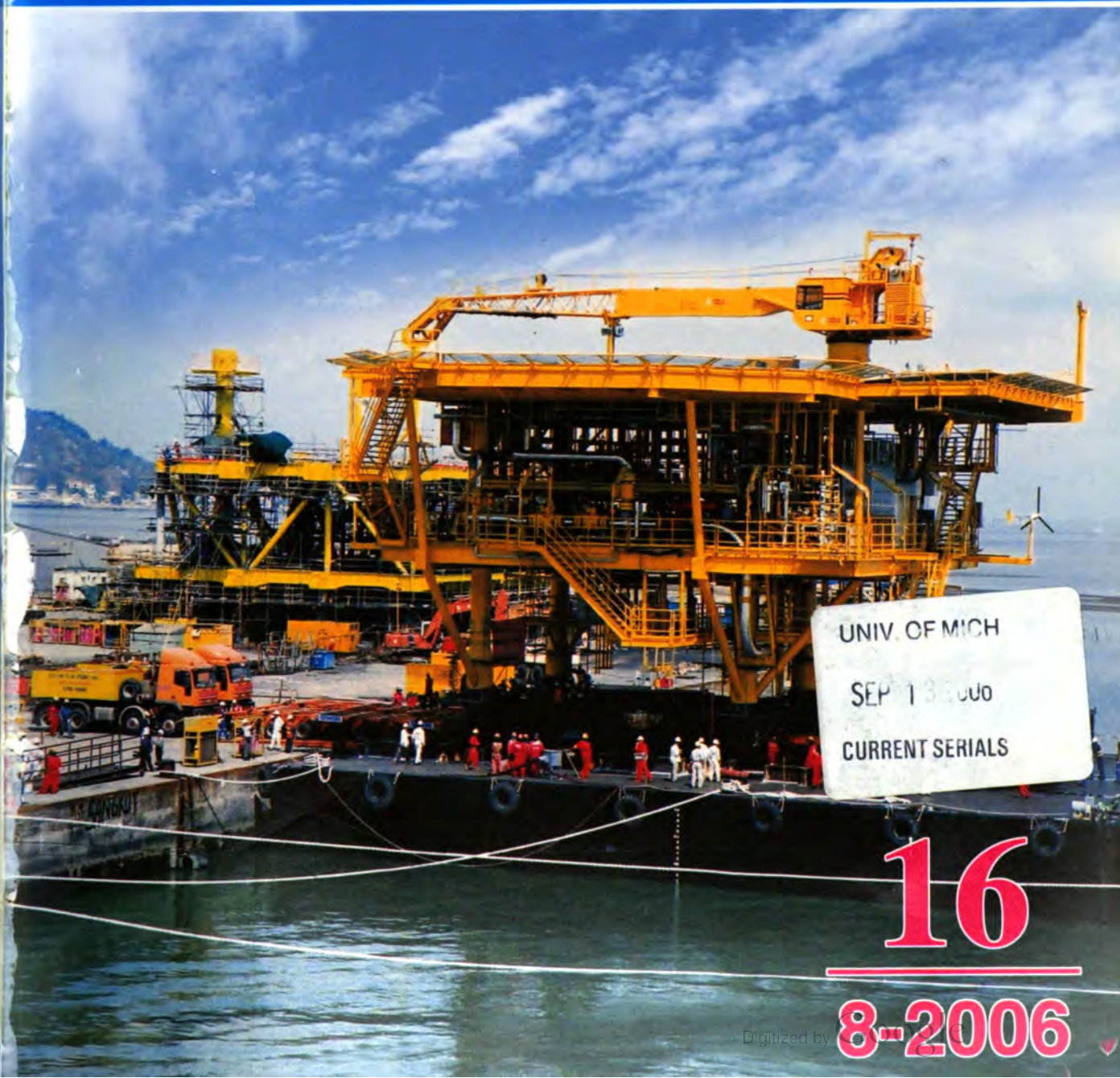
Nhà máy đạm Phú Mỹ
Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I - Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: 064. 921468 - Fax: 064. 921477

Digitized by Google

tX
9
.H08B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH
SEP 1 [illegible]
CURRENT SERIALS

16
8-2006

Digitized by [illegible]

ĐẢNG BỘ
CÔNG TY THAN CỌC SÁU



NÂNG CAO HIỆU QUẢ LÃNH ĐẠO TOÀN DIỆN

- Số đảng viên hiện nay: 1051 đồng chí, tương đương 24,5% tổng số cán bộ, công nhân viên.
- Đoàn thanh niên: 212 người.
- Đảng viên nữ:214 người.
- Đảng viên là người dân tộc: 19 người.
- Đảng viên có trình độ đại học cao đẳng: 342 người.
- Đảng viên có trình độ cao cấp lý luận: 27 người.
- Đảng viên có trình độ trung cấp lý luận: 147 người.

NHỮNG THÀNH TÍCH NỔI BẬT TRONG 46 NĂM QUA

- Bác Hồ tuyên dương tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III.
- Năm 1968 được Trung ương trao tặng Cờ thưởng Luân lưu của Bác Hồ.
- Huân chương Độc lập Hạng Ba (1991), Hạng Nhất năm 2006.
- 3 Huân chương chiến công (Hạng Nhì 1967, Hạng Ba 1990, 1996)
- 70 Huân chương Lao động (Hạng Nhất, Hạng Nhì, Hạng Ba) thưởng tập thể và cá nhân.
- 78 bằng khen của Thủ tướng Chính phủ tặng tập thể và cá nhân (1994- 2004)
- Năm 2001, 2003, 2005 được tặng Cờ thi đua của Thủ tướng Chính phủ.
- 3 người được phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động.
- Năm 2002 Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân cho cán bộ công nhân viên và lực lượng vũ trang Mỏ than Cọc Sáu.

Địa chỉ: Phường Cẩm Phú - thị xã Cẩm Phả - tỉnh Quảng Ninh * Điện thoại: 033 862 062

Digitized by Google



THÁNG 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16
SỐ 762
16
8-2006

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
TẠ NGỌC TẤN



Bìa 1: Hạ thủy Dàn khoan dầu giếng C1, thành tựu của kỹ sư, công nhân nước ta

Ảnh: TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

NÔNG ĐỨC MẠNH - Đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là quyết tâm chính trị của toàn Đảng, toàn dân ta 3

NGUYỄN THỊ DOAN - Nâng cao hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp 7

NHÂN KỶ NIỆM 61 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 2006)

DƯƠNG TRUNG QUỐC - Những giá trị ngày càng trở nên sống động 15

NGUYỄN MẠNH HÀ - Bàn thêm về đặc điểm của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 19

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

TẠ NGỌC TẤN - Giám sát xã hội như một giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí 23

QUANG CẬN - Tiếp tục đổi mới tư duy về sở hữu xã hội chủ nghĩa 30

PHẠM VĂN ĐỨC - Đổi mới nhận thức về sở hữu và vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân 34

NHỊ LÊ - Về sự cầm quyền của Đảng 40

CAO ĐỨC THÁI - Sự phát triển nhận thức của Đảng ta về quyền con người 45

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

NGUYỄN MINH TÚ - Phát triển hợp tác xã ở nước ta 49

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG - Tình hình nợ ngân hàng trong lộ trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước 53

HÀ KHANH - Để ngăn chặn và đẩy lùi tệ nạn ma túy ở nước ta 58

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

MAI NINH - Chia chân, tiễn tay 63

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

TRẦN KHÁNH - Môi trường địa - chính trị Đông - Nam Á với hội nhập Việt Nam - ASEAN 64

VÕ THỦ PHƯƠNG - Trung Đông - miền hội tụ nhiều mâu thuẫn lớn khó bề giải quyết 69

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• НОНГ ДЫК МАНЬ: Предупреждение и борьба с коррупцией, расточительством есть политическая решимость всей нашей Партии, всего нашего народа. • НГУЕН ТХИ ЗОАН: Повышение эффективности контрольной, надзорной работ ревизионных комиссий различных инстанций. • ЗЫОНГ ЧУНГ КУОК: С каждым днём полученные ценности становятся более оживленными. • НГУЕН МАНЬ ХА: Обсуждение ещё о характерных чертах Августовского всеобщего восстания 1945 г. • ТА НГОК ТАН: Общественный надзор – одно из мероприятий борьбы с коррупцией, расточительством. • КУАНГ КАН: Дальнейшее обновление мышления о социалистической собственности. • ФАМ ВАН ДЫК: Обновление познания о собственности и проблема занятия членами Партии частной экономикой. • НЬИ ЛЕ: Об удержании Партией власти. • КАО ДЫК ТХАЙ: Развитие познания нашей Партии о правах человека. • ВО ТХУ ФЫОНГ: Ближний Восток – регион сосредоточия многочисленных трудно решенных противоречий.

CONTENTS

• NÔNG ĐỨC MẠNH: Struggling for preventing, resisting corruption and squandering is the political determination of our whole Party and whole people. • NGUYỄN THỊ DOAN: Enhancing efficiency of the control and supervision matters of inspection committees at all levels. • DƯƠNG TRUNG QUỐC: The values that become more and more lively. • NGUYỄN MẠNH HÀ: Some more discussions about the characteristics of 1945 August General Insurrection. • TẠ NGỌC TẤN: Social supervision as a solution to prevent and resist corruption, squandering. • QUANG CẬN: Continuing to renovate the thinking on socialist ownership. • PHẠM VĂN ĐỨC: Renovating perception on ownership and the problem of private business doing by Party members. • NHỊ LÊ: Regarding the power holding of the Party. • CAO ĐỨC THÁI: The development of our Party's perception on human rights. • VÕ THỦ PHƯƠNG: Middle East - a meeting region of the contradictions that could hardly be resolved.

SOMMAIRE

• NÔNG ĐỨC MẠNH : La prévention et la lutte contre la corruption et le gaspillage constituent la détermination politique de tout le Parti, de tout notre peuple. • NGUYỄN THỊ DOAN : Elever l'efficacité du travail de contrôle et de supervision des comités de contrôle de tous les échelons. • DƯƠNG TRUNG QUỐC : Les valeurs de plus en plus vivantes. • NGUYỄN MẠNH HÀ : A propos des caractéristiques de l'Insurrection générale d'Août 1945. • TẠ NGỌC TẤN : La supervision sociale comme une solution contre la corruption et le gaspillage. • QUANG CẬN : Continuer de renouveler la pensée sur la propriété socialiste. • PHẠM VĂN ĐỨC : Le renouveau de la connaissance de la propriété et la question de l'économie privée des membres du Parti. • NHỊ LÊ : Sur le pouvoir du Parti. • CAO ĐỨC THÁI : Le développement de la connaissance de notre Parti des droits de l'homme. • VÕ THỦ PHƯƠNG : Le Moyen Orient – terre de concentration des conflits difficiles à régler.

SUMARIO

• NÔNG ĐỨC MẠNH: La prevención y el combate a la corrupción y el despilfarro son la determinación política de todo nuestro Partido y pueblo. • NGUYỄN THỊ DOAN: Elevar la eficiencia el control y la inspección de las comisiones de control en las instancias. • DƯƠNG TRUNG QUỐC: Los valores cada días más vivos. • NGUYỄN MẠNH HÀ: Más discusiones sobre las características de la Insurrección General de Agosto de 1945. • TẠ NGỌC TẤN: Considerar la inspección social como una medida de prevención y lucha contra la corrupción y el despilfarro. • QUANG CẬN: Seguir renovando el pensamiento sobre la propiedad socialista. • PHẠM VĂN ĐỨC: La renovación del conocimiento sobre la propiedad y la cuestión de la práctica de economía privada realizada por el militante del Partido. • NHỊ LÊ: A cerca de la administración del poder ejercida por el Partido. • CAO ĐỨC THÁI: El proceso de conocimiento de nuestro Partido sobre los derechos del hombre. • VÕ THỦ PHƯƠNG: Medio Oriente – zona convergida de numerosas contradicciones insolubles.

目 录

• 农德孟：反腐反浪费斗争是全党全民的政治决心 • 阮氏端：提高各级检查委员会检查监督工作的效果 • 杨中国：日益成为生动有活力的若干价值 • 阮孟河：再论1945年八月总起义的特点 • 谢玉晋：社会监督是反腐反浪费的一个解决办法 • 光近：继续革新关于社会主义所有制的思维 • 范光德：革新对党员从事私人经济及所有制问题的认识 • 珥黎：关于党的执政 • 高德泰：我党关于人权认识的发展 • 武守芳：中东——多种难以解决矛盾的聚集地。

Digitized by Google

ĐẤU TRANH PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ LÀ QUYẾT TÂM CHÍNH TRỊ CỦA TOÀN ĐẢNG, TOÀN DÂN TA *

NÔNG ĐỨC MẠNH
Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương
Đảng Cộng sản Việt Nam

Lời Bộ biên tập: *Từ ngày 24-7 đến ngày 29-7-2006, tại Hà Nội, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X đã họp Hội nghị lần thứ ba. Hội nghị đã thảo luận và thông qua Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X; Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X; Chương trình làm việc toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X; Nghị quyết về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí; Quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân; xem xét một số vấn đề công tác nhân sự và kỷ luật đảng.*

Sau đây, Tạp chí Cộng sản xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu quan trọng của đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh tại phiên họp bế mạc Hội nghị.

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí dự Hội nghị,

Sau một tuần làm việc khẩn trương, nghiêm túc, thảo luận dân chủ, thẳng thắn, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành chương trình đề ra.

Bộ Chính trị đã giải trình những vấn đề được thảo luận tại Hội nghị và Ban Chấp hành Trung ương đã thông qua nghị quyết.

Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư khóa X vừa được thông qua đã tiếp thu, kế thừa quy chế của khóa trước, đồng thời có những điểm mới phù hợp với yêu cầu của thực tiễn và tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Quy chế đã cụ thể hóa hơn trách nhiệm của tập thể và từng cá nhân bao gồm Tổng Bí thư và các đồng chí được phân công đảm nhiệm những công việc quan trọng của đất nước và của Đảng, giữ vững nguyên tắc sinh hoạt Đảng, góp phần đổi mới phương thức lãnh đạo, chế độ làm việc và phương pháp công tác, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ban Chấp hành Trung ương.

---

* Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương khóa X vừa được thông qua bảo đảm cụ thể hóa, triển khai thực hiện thắng lợi các mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ quan trọng mà Đại hội Đảng lần thứ X đã quyết định theo đúng trách nhiệm, quyền hạn của Ban Chấp hành Trung ương, trong đó chú trọng hơn công tác xây dựng Đảng. Tuy nhiên, khi cần thiết Trung ương có thể điều chỉnh để bảo đảm lãnh đạo giải quyết kịp thời các vấn đề lớn mới nảy sinh của đất nước và của Đảng.

Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương khóa X đã kế thừa quy chế của nhiệm kỳ trước và đã được cụ thể hóa thêm nhiệm vụ giám sát cho ủy ban kiểm tra các cấp được ghi trong Điều lệ Đảng khóa X.

Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí", một Nghị quyết rất quan trọng trong quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, đáp ứng yêu cầu của toàn Đảng và mong muốn của toàn dân, toàn quân ta.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã thảo luận và thông qua "Quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân". Những quy định này thể hiện sự quán triệt và cụ thể hóa những định hướng đã nêu tại Đại hội X của Đảng về đảng viên làm kinh tế tư nhân, phù hợp với Điều lệ Đảng và pháp luật hiện hành, kế thừa phát triển những kết quả nghiên cứu đã có và sát hợp với thực tiễn, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách, phẩm chất đảng viên và bản chất của Đảng.

Thưa các đồng chí,

Trong phiên bế mạc, tôi xin nhấn mạnh thêm một số ý kiến chung quanh Nghị quyết về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí".

1 - Từ khi giành được chính quyền, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Trong những năm qua, nhất là khi có Nghị quyết Trung ương 6 (lần 2) khóa VIII và Kết luận của Hội nghị Trung ương 4 khóa IX, cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đã đạt một số kết quả nhất định; nhiều vụ tham nhũng lớn, phức tạp, gây hậu quả nghiêm trọng tồn tại từ lâu đã bị phát hiện, xử lý; tệ tham nhũng, lãng phí đã từng bước được kiềm chế. Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng, lãng phí vẫn còn nghiêm trọng, phạm vi rộng, tính chất rất phức tạp, làm cho nhân dân lo lắng, là một trong những nguy cơ lớn đe dọa sự tồn vong của chế độ ta.

Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã yêu cầu "Toàn Đảng, toàn bộ hệ thống chính trị phải có quyết tâm chính trị cao đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí". Thể hiện quyết tâm chính trị đó, Ban Chấp hành Trung ương đã thảo luận và ra nghị quyết nhằm ngăn chặn, từng bước đẩy lùi tham nhũng, lãng phí, tạo chuyển biến rõ rệt bảo đảm giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố lòng tin trong Đảng và trong nhân dân; xây dựng Đảng, bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh, đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính.

Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương phải được quán triệt trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trước hết, các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các cán bộ cao cấp của toàn bộ hệ thống chính trị phải là những người nêu gương về sự trong sạch, kiên quyết đấu tranh và đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, lãng phí.

Chống tham nhũng, lãng phí là một cuộc đấu tranh vừa cấp bách, vừa có tính lâu dài,

Digitized by Google

phức tạp. Nhìn xuyên suốt cả nhiệm vụ đấu tranh thì phòng ngừa là chính. Nhưng trước tình hình bức xúc hiện nay, phải hết sức coi trọng việc kiên quyết đấu tranh, phát hiện, xử lý kịp thời; kiên quyết xử lý cũng là để răn đe, là một biện pháp phòng ngừa. Tích cực phòng ngừa và kiên quyết phát hiện xử lý có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, không vì phòng ngừa là chính mà không kiên quyết điều tra, xử lý những vụ việc đã rõ, cũng như không chỉ kiên quyết xử lý mà coi nhẹ các biện pháp cơ bản để phòng ngừa.

2 - Cuộc đấu tranh phòng và chống tham nhũng, lãng phí đòi hỏi phải tiến hành và thực hiện nghiêm túc các giải pháp đồng bộ. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, Trung ương đã đề ra các nhóm giải pháp về tư tưởng, chính trị, kinh tế, pháp luật, bao gồm giáo dục đạo đức, lối sống; bổ sung hoàn chỉnh các cơ chế, quy định trước hết về quản lý kinh tế, tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động kinh tế, tài chính; cải cách hành chính nhà nước; cơ chế thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát; thực hiện cơ chế giám sát của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, của cơ quan truyền thông đại chúng và của nhân dân; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương. Tạo điều kiện thuận lợi cho người tố cáo, bảo vệ và có chính sách khen thưởng người tố cáo đúng các vụ tham nhũng, lãng phí, xử lý nghiêm khắc những ai trù dập người tố cáo hoặc lợi dụng tố cáo tham nhũng để vu khống, hãm hại người khác, gây chia rẽ, mất đoàn kết nội bộ. Đề cao vai trò, trách nhiệm của báo chí trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí, đồng thời bảo đảm tính trung thực, chính xác, hoạt động đúng luật pháp, kiên quyết khắc phục lối thông tin một chiều hoặc quy kết một cách không căn cứ, làm lộ lọt bí mật của cơ quan điều tra.

Hành vi tham nhũng, lãng phí là biểu hiện sự suy thoái về đạo đức, lối sống trong cán bộ, công chức. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: "Tham ô, lãng phí tài sản của Nhà nước, của tập thể, của nhân dân là hành động trộm cắp, mà ai cũng phải thù ghét, phải trừ bỏ". Do đó, trong thời gian tới, kết hợp với việc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, toàn Đảng sẽ tiếp tục tiến hành một cách thiết thực cuộc vận động "Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh" về cần kiệm, liêm chính, chí công, vô tư, tạo nên phong trào tự tu dưỡng, rèn luyện trong cán bộ, đảng viên, công chức. Cùng với việc giáo dục đạo đức là giáo dục chính sách, luật pháp, đặc biệt là Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí... để mọi người tuân theo và có căn cứ để giám sát đảng viên, giám sát cán bộ, công chức. Nêu gương "người tốt, việc tốt", gương cán bộ, công chức liêm chính để đẩy lùi tư tưởng và hành vi tiêu cực; biểu dương, khen thưởng tập thể và cá nhân có thành tích đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí.

Tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên và các tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước có vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh này. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu trong đạo đức, lối sống và đi đầu trong cuộc đấu tranh; coi đó là một tiêu chí để đánh giá và xem xét, sử dụng, bổ nhiệm cán bộ, công chức. Đồng thời các cấp ủy đảng phải tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan chức năng thực thi pháp luật trong trường hợp cán bộ, công chức trong tổ chức của mình có hành vi tham nhũng, lãng phí cần xử lý, không được dung túng, bao che. Người có hành vi tham nhũng phải bị xử lý kiên quyết, kịp thời, nghiêm minh về trách nhiệm hành chính hoặc hình sự, bất kể người đó là ai, ở cương vị nào, dù đương chức hay về hưu.

Digitized by Google

Kinh nghiệm xử lý các vụ tham nhũng vừa qua cho thấy vai trò cán bộ quản lý và người đứng đầu các tổ chức là rất quan trọng. Cán bộ quản lý, nhất là người đứng đầu liêm khiết, gương mẫu chấp hành Điều lệ Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, không tơ hào hoặc phung phí của công thì cơ quan, tổ chức đó sẽ trong sạch, công tác có hiệu quả, được nhân dân tin yêu. Do đó, việc quản lý cán bộ, đánh giá đúng, sử dụng và bổ nhiệm đúng có vai trò rất quan trọng trong cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Kiên quyết không đề bạt, bổ nhiệm, giới thiệu tái cử những người mắc vào tệ tham nhũng, lãng phí hoặc bao che, tiếp tay cho tham nhũng, lãng phí. Thực hiện nghiêm quy định về xử lý trách nhiệm như miễn nhiệm, bãi nhiệm người đứng đầu các tổ chức để xảy ra tham nhũng, lãng phí nghiêm trọng.

Mỗi đồng tiền ngân sách, có nguồn gốc từ ngân sách hoặc tài sản của tập thể đều là mồ hôi nước mắt của nhân dân, của tập thể, do đó phải có trách nhiệm sử dụng đúng luật pháp, đúng chính sách và có hiệu quả. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện những quy định và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; công khai và minh bạch việc mua sắm công cũng như các hoạt động kinh tế khác theo luật pháp. Không dùng công quỹ làm quà tặng mang tính cá nhân; không sử dụng những phương tiện công tác và sinh hoạt quá quy định; không tổ chức các cuộc hội họp hình thức, tốn kém công của và thời gian; không lợi dụng các sinh hoạt riêng như việc tang, việc cưới, sinh nhật... để phô trương thanh thế và thu lợi bất chính.

3 - Tuy cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí là khó khăn và phức tạp, nhưng với quyết tâm cao của toàn Đảng và của Ban Chấp hành Trung ương, được nhân dân đồng tình ủng hộ và đòi hỏi thực hiện tốt; lại có Luật Phòng, chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, có Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, có các cơ quan chức năng được củng cố và những kinh nghiệm trong các cuộc đấu tranh với các vụ án tham nhũng, lãng phí lớn vừa qua, chúng ta tin tưởng cuộc đấu tranh sẽ thắng lợi, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, thực hiện thắng lợi Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm đầu thế kỷ XXI. Kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí đồng thời phải giữ vững ổn định chính trị để phát triển; muốn giữ vững ổn định chính trị để phát triển thì một trong những việc quan trọng là phải kiên quyết đấu tranh và đấu tranh có hiệu quả chống tham nhũng, lãng phí. Đảng giữ vững vai trò lãnh đạo của mình đối với cuộc đấu tranh này, đồng thời phải huy động toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt là phải dựa chắc vào nhân dân, đó là nhân tố chính yếu bảo đảm thành công.

Thưa các đồng chí,

Hội nghị Trung ương đã thảo luận, thông qua những nghị quyết quan trọng. Vấn đề có ý nghĩa quyết định là "nói thì phải làm" như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu lên trong tư cách người cách mạng, ngay từ ngày mới thành lập Đảng.

Muốn cho các cấp "nói thì phải làm", trước hết từng đồng chí Ủy viên Trung ương chúng ta phải gương mẫu. Mỗi đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và gia đình của mình phải là tấm gương trong xã hội về cuộc sống trong sạch, liêm khiết. Tôi tin chắc là chúng ta có thể làm được như thế, xứng đáng là đảng viên của Đảng do Bác Hồ sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện.

Tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X.

Chúc các đồng chí mạnh khỏe.

Xin trân trọng cảm ơn.❑

Digitized by Google

NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT CỦA ỦY BAN KIỂM TRA CÁC CẤP

NGUYỄN THỊ DOAN*

KIỂM tra, giám sát là chức năng quan trọng đối với quản lý con người và các tổ chức của nó để thực hiện các mục tiêu đã đề ra. Thực tiễn cách mạng cũng đã khẳng định, kiểm tra, giám sát là những chức năng, công cụ hữu hiệu là phương thức, nội dung lãnh đạo, quản lý quan trọng của tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước. V. I. Lê-nin khẳng định, muốn thực hiện tốt nhiệm vụ chính trị của từng giai đoạn cách mạng và xây dựng đảng cách mạng trong sạch, vững mạnh thì những người cộng sản phải nắm chắc công cụ kiểm tra, giám sát, coi đó là "những nhiệm vụ đã trở thành tự nhiên đối với những người xã hội chủ nghĩa sau khi đã giành được chính quyền"(1).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Khi đã có chính sách đúng, thì sự thành công hoặc thất bại của chính sách đó là do nơi cách tổ chức công việc, nơi lựa chọn cán bộ, và do nơi kiểm tra. Nếu ba điều ấy sơ sài, thì chính sách đúng mấy cũng vô ích...Có kiểm tra mới huy động được tinh thần tích cực và lực lượng to tát của nhân dân, mới biết rõ năng lực và khuyết điểm của mỗi cán bộ, mới sửa chữa và giúp đỡ kịp thời"(2).

Ngay từ ngày thành lập, Đảng ta đã rất quan tâm, coi trọng công tác kiểm tra, giám sát kỷ luật đảng. Trong các văn kiện và Điều lệ Đảng của các nhiệm kỳ đều nhấn mạnh đến yêu cầu kiểm tra, giám sát của Đảng đối với cán bộ, đảng viên, tổ chức đảng và cơ quan nhà nước. Chẳng hạn, văn kiện Đại hội V của Đảng đã chỉ rõ: "Hiệu lực tổ chức chỉ đạo thực hiện đòi hỏi phải hết sức coi trọng và tăng cường công tác giám sát và kiểm tra việc thực hiện các quyết định"(3)... Thực tế cho thấy, giai đoạn nào công tác kiểm tra, giám sát được coi trọng đúng mức, thì chẳng những việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của giai đoạn cách mạng đó thu được nhiều thắng lợi, mà công tác xây dựng Đảng cũng được bảo đảm trong sạch, vững mạnh, nâng cao được năng lực lãnh đạo của Đảng, được nhân dân tin cậy.

---

* GS, TS, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương

(1) V.I. Lênin: *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ Mát-xcơ-va, 1977, t 36, tr 298

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 520

(3) Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t 43, tr 346

Digitized by Google

Trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, công tác kiểm tra Đảng đã có những đóng góp quan trọng vào việc bảo vệ đường lối, quan điểm, các nguyên tắc tổ chức của Đảng; thúc đẩy thực hiện các nhiệm vụ chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng; góp phần tăng cường, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng...

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, hiện nay công tác kiểm tra trong Đảng ở các cấp ủy còn bộc lộ nhiều yếu kém, chất lượng và hiệu quả kiểm tra chưa cao; nhiều khuyết điểm, sai lầm của đảng viên và tổ chức đảng chậm được phát hiện; nhiều tổ chức cơ sở đảng yếu kém, giảm sút sức chiến đấu, nhưng chưa được kịp thời phát hiện, xử lý, dẫn đến nhân dân lo lắng và lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng bị giảm sút; tính phòng ngừa, ngăn chặn vi phạm chưa được coi trọng.

Nguyên nhân chính của tình trạng trên là vì công tác kiểm tra còn mang tính bị động, nhiều vụ việc xảy ra nghiêm trọng rồi mới đi kiểm tra, làm rõ sai phạm; nhiều vụ việc được phát hiện là do quần chúng nhân dân phát giác, tố cáo và công luận phản ánh. Tình hình trên còn có nguyên nhân sâu xa là trong công tác kiểm tra còn xem nhẹ khâu giám sát. Vì vậy, chưa phát huy được tính chất phòng ngừa, ngăn chặn kịp thời các lỗi phạm ngay từ lúc mới phát sinh, dẫn đến một số tổ chức đảng, đảng viên vi phạm có hệ thống, suy thoái về tư tưởng chính trị, tổ chức, thoái hóa về phẩm chất, đạo đức, lối sống; chủ nghĩa cá nhân phát triển; bệnh quan liêu, tham nhũng ngày càng nặng... Ở một phương diện khác, nếu Đảng không được giám sát chặt chẽ, rất dễ rơi vào tình trạng lộng quyền, lạm quyền và tất nhiên dễ mắc phải nguy cơ của một đảng cầm quyền là sai lầm về đường lối; xa dân và quan liêu, tham nhũng...

Kiểm tra và giám sát có quan hệ biện chứng với nhau, chúng thống nhất về mục đích, nhưng không đồng nhất về phương thức tiến hành; về nội hàm trong giám sát có một phần nội dung kiểm tra và trong kiểm tra có một phần nội dung giám sát. Kiểm tra và giám sát đều nhằm mục tiêu là nắm vững và đánh giá đúng tình hình, từ đó điều chỉnh, uốn nắn kịp thời mọi biểu hiện lệch lạc của tổ chức đảng, hành vi sai trái của đảng viên.

Khác với kiểm tra, giám sát được tiến hành thường xuyên, liên tục trong suốt quá trình hoạt động và phát triển của tổ chức đảng, nên có nội dung rất rộng: từ việc giám sát về tư tưởng chính trị; công việc, các mối quan hệ; sinh hoạt, đạo đức, lối sống; việc thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao; thực hiện các quy định, quy chế và giám sát hồ sơ, lưu trữ v.v. Hoạt động giám sát cho phép kịp thời nhắc nhở tổ chức đảng, đảng viên có biểu hiện chưa đúng trong quá trình thực hiện Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị, quy định của Đảng và những biểu hiện không lành mạnh trong sinh hoạt, đạo đức, lối sống của đảng viên.

Như vậy, giám sát là biện pháp tốt để nâng cao tính tự giác của tổ chức đảng, đảng viên vì nó có tính thường xuyên và chủ động phòng ngừa, ngăn chặn sai lầm, khuyết điểm. Hiện nay, cùng với công tác kiểm tra, công tác giám sát đang cần được tăng cường, xuất phát từ đòi hỏi khách quan của yêu cầu xây dựng Đảng và nhiệm vụ chính trị trong giai đoạn cách mạng mới, bảo đảm cho tổ chức đảng, đảng viên luôn kiên định về lập trường chính trị, vững vàng về đường lối, không chệch hướng, có phẩm chất cách mạng tốt đẹp, ngăn ngừa những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, thoái hóa về đạo đức, lối sống.

Digitized by Google

Nhận thức rõ được điều đó, tại Đại hội X của Đảng (4-2006), một trong những bài học kinh nghiệm chủ yếu trong công tác xây dựng Đảng qua 20 năm đổi mới đã được đúc kết là: "Đảng phải tăng cường và nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát. Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đảng để phát huy ưu điểm, phòng ngừa và khắc phục kịp thời sai lầm, khuyết điểm; kiểm tra, giám sát công tác, năng lực và phẩm chất của cán bộ, đảng viên, xây dựng tổ chức đảng, cơ quan nhà nước và cán bộ, đảng viên ngày càng trong sạch, vững mạnh. Phát huy vai trò giám sát của nhân dân, Mặt trận, các đoàn thể và của các cơ quan thông tin đại chúng"(4).

Điều lệ Đảng (khóa X) đã được bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ giám sát của các tổ chức đảng, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp. Đồng thời chỉ rõ phương hướng kiểm tra, giám sát thời gian tới là: "Đổi mới và nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát trong Đảng và trong cả hệ thống chính trị. Kiểm tra nhận thức, năng lực lãnh đạo, xây dựng và tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; kiểm tra phẩm chất chính trị và đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên. Xây dựng các quy chế và biện pháp thực hiện sự giám sát của nhân dân đối với hoạt động của Đảng, Nhà nước và cán bộ, đảng viên"(5).

Như vậy, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của cả hệ thống chính trị nói chung và kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên nói riêng là nhiệm vụ quan trọng trong suốt nhiệm kỳ Đại hội X. Muốn vậy, phải nâng cao đồng bộ hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát của các tổ chức đảng, cấp ủy, ủy ban kiểm tra các cấp; giám sát của Nhà nước, của các tổ chức chính trị xã hội và giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng và đảng viên. Phải kết hợp các lực lượng giám sát này để tạo thành hệ thống giám sát chặt chẽ nhằm phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời các khuyết điểm, vi phạm. Bước đầu, xin đề xuất một số giải pháp chính như sau:

Trước hết, cần làm rõ và nhận thức đúng, đầy đủ về hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát trong Đảng. Hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát đảng không chỉ đơn thuần và không thể định lượng bằng chi phí và kết quả thu được, bởi kết quả của nó tác động đến tất cả các lĩnh vực hoạt động nhằm phục vụ một cách lâu dài, toàn diện hơn, sâu sắc hơn đối với nhiệm vụ xây dựng đảng và thực hiện nhiệm vụ chính trị của mỗi giai đoạn cách mạng.

Hiệu quả trực tiếp của công tác kiểm tra, giám sát có thể là những tác động tích cực của nó đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị và xây dựng Đảng trong từng giai đoạn nhất định hoặc đến từng tổ chức đảng, đảng viên qua mỗi cuộc kiểm tra, giám sát. Về tổng thể đó là những đóng góp quan trọng vào việc đẩy lùi những biểu hiện thoái hóa, biến chất, tiêu cực trong đảng. Như vậy, khi đánh giá hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát phải chú trọng đến hiệu quả chính trị - xã hội. Nghĩa là qua kiểm tra, giám sát phải giúp tổ chức đảng, đảng viên thấy rõ thiếu sót, khuyết điểm để khắc phục; thấy sai phải sửa ngay, không để xảy ra vi phạm hoặc không để từ vi phạm nhỏ dẫn đến vi phạm nghiêm trọng, từ vi phạm của cá nhân trở thành vi phạm của tổ chức... theo phương châm "phòng bệnh hơn chữa bệnh". Đồng thời chỉ ra những ưu điểm để phát huy, từ đó mà góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững

(4) *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 48 - 49

(5) *Điều lệ đã dẫn*, tr 50 - 51

Digitized by Google

mạnh; bảo đảm sự đoàn kết, thống nhất, tăng cường dân chủ trong Đảng; đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; phát huy và mở rộng dân chủ trong Đảng và trong xã hội, củng cố lòng tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng; xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh... Về phương diện kinh tế, làm tốt công tác kiểm tra, giám sát đảng sẽ góp phần làm cho các thành phần kinh tế phát triển đúng định hướng, nền kinh tế quốc dân phát triển bền vững. Trong những cuộc kiểm tra, giám sát cụ thể còn có thể kiến nghị, thu hồi được những thất thoát, lãng phí cho ngân sách, vừa tiết kiệm thời gian, công sức của cán bộ kiểm tra, vừa không làm ảnh hưởng đến hoạt động của tổ chức đảng, đảng viên được kiểm tra, giám sát.

Hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát đảng còn có những nét mang tính đặc thù là tổ chức đảng và đảng viên không phải chờ đến khi có kết luận, xử lý hoặc kết thúc cuộc kiểm tra mới khắc phục khuyết điểm, mà đòi hỏi phải phát huy tác dụng, hiệu quả ngay từ đầu và trong suốt quá trình kiểm tra, giám sát. Sự chuyển biến về tính tự giác, tự phê bình, tự sửa chữa sai lầm, khuyết điểm của đối tượng và tính giáo dục là những chỉ tiêu hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, đảng viên. Hiệu quả giáo dục, không chỉ với tổ chức đảng, đảng viên đang là đối tượng kiểm tra, giám sát mà còn cho các tổ chức đảng và đảng viên khác; không chỉ giáo dục, cảnh báo, răn đe về những lỗi phạm, mà hiệu quả giáo dục còn ở chỗ: thức tỉnh lương tâm, khơi dậy bản chất người cộng sản, tính tiên phong, gương mẫu của mỗi tổ chức đảng và trong từng đảng viên để tự giác rèn luyện, phấn đấu vươn lên. Ngoài ra, công tác kiểm tra, giám sát đảng còn thể hiện ở sự định hướng phát triển đối với đối tượng được kiểm tra, giám sát - tổ chức đảng, đảng viên. Nhận thức đúng công tác kiểm tra, giám sát có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao toàn diện hiệu quả công tác này.

Thứ hai, nâng cao nhận thức và quyết tâm bằng hành động cụ thể của toàn Đảng về công tác kiểm tra, giám sát. Đây là một trong số những chức năng lãnh đạo và là nhiệm vụ quan trọng của toàn Đảng, đòi hỏi mọi tổ chức đảng, đảng viên, dù ở cương vị nào cũng phải chấp hành, phục tùng sự kiểm tra, giám sát của Đảng. Các tổ chức đảng, trước hết là các cấp ủy phải xác định công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ trực tiếp và thường xuyên, gắn liền với sự lãnh đạo của mình. Điều 30, Điều lệ Đảng (khóa X) đã chỉ rõ: 1. Kiểm tra, giám sát là những chức năng lãnh đạo của Đảng. Tổ chức đảng phải tiến hành công tác kiểm tra, giám sát. Tổ chức đảng và đảng viên chịu sự kiểm tra, giám sát của Đảng. 2. Các cấp ủy lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng và đảng viên chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng(6).

Kiểm tra, giám sát là công việc khó khăn, phức tạp, đòi hỏi tổ chức đảng, đảng viên phải có bản lĩnh chính trị vững vàng, có quyết tâm cao và lòng nhiệt tình, có tâm trong sáng. Để nhận thức biến thành quyết tâm, chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, các cấp ủy, đặc biệt là người đứng đầu tổ chức đảng, phải có quyết tâm chính trị, khi đó tính chủ động trong kiểm tra, giám sát sẽ tăng lên, sẽ góp phần ngăn ngừa các

(6) *Điều lệ đã dẫn*

Digitized by Google

sai lầm, vi phạm; làm cho đối tượng được kiểm tra, giám sát tự giác nhận thấy sai lầm và quyết tâm khắc phục, sửa chữa, tiến bộ, trưởng thành.

Thứ ba, đổi mới và tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ trực tiếp và thường xuyên của các cấp ủy. Các cấp ủy cần quan tâm và coi trọng việc nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn để không ngừng hoàn thiện phương pháp kiểm tra, giám sát. Tiếp tục tổ chức tốt việc quán triệt, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của Đảng về vị trí, vai trò, tầm quan trọng, hiệu quả của công tác kiểm tra, giám sát trong xây dựng Đảng và trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát là nhiệm vụ thường xuyên, trực tiếp của các cấp ủy. Cần đổi mới phương pháp lãnh đạo của các cấp ủy từ khâu xây dựng, ban hành đến việc lãnh đạo, tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, quy định về công tác kiểm tra, giám sát và thực hiện tốt dân chủ trong nội bộ Đảng. Hiện nay, sự lãnh đạo của cấp ủy đối với công tác kiểm tra, giám sát cần tập trung vào phương pháp lãnh đạo với các nội dung chủ yếu: *Một là,* triển khai, quán triệt Điều lệ Đảng, các quy định của Trung ương, của cấp ủy cấp trên và của cấp mình cho các tổ chức đảng, đảng viên trong toàn đảng bộ về công tác kiểm tra, giám sát; *Hai là,* xây dựng phương hướng, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, quy chế, quy trình kiểm tra, giám sát của đảng bộ và cấp ủy cấp mình trong nhiệm kỳ, đồng thời phân công, tổ chức lực lượng thực hiện chương trình, kế hoạch, quy chế đó nhằm bảo đảm quyền kiểm tra, giám sát của tập thể đối với cá nhân, của tổ chức đối với tổ chức, của cá nhân đối với cá nhân và tổ chức, kể cả với người lãnh đạo chủ chốt và tổ chức cấp trên nhằm mở rộng dân chủ trong Đảng. *Ba là,* lãnh đạo và chỉ đạo ủy ban kiểm tra cùng với các ban của cấp ủy, các cơ quan nhà nước có liên quan trong việc xây dựng và thực hiện các quy chế phối hợp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định, hướng dẫn của Trung ương Đảng. *Bốn là,* lãnh đạo, chỉ đạo kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ có chất lượng, cải thiện điều kiện, phương tiện làm việc cho ủy ban kiểm tra của cấp ủy nhằm tạo thuận lợi nhất cho ủy ban kiểm tra hoạt động đúng Điều lệ Đảng và tham mưu tốt đối với cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát.

Trong tổ chức thực hiện, các cấp ủy cần xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch, quy trình kiểm tra, giám sát đối với từng nhiệm vụ, nội dung, đối tượng cụ thể nhằm đưa hoạt động kiểm tra, giám sát của cấp ủy thành chế độ, đi vào nền nếp, coi đó là nhiệm vụ tự nhiên, là nhu cầu không thể thiếu đối với mỗi cấp ủy. Đích thân người đứng đầu mỗi cấp ủy cần trực tiếp thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát; không được "khoán trắng" cho ủy ban kiểm tra. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát các tổ chức đảng, đảng viên chấp hành Nghị quyết Đại hội X của Đảng, các nghị quyết, chỉ thị của Ban Chấp hành Trung ương, của cấp ủy, nhất là về lĩnh vực kinh tế, các dự án và công trình trọng điểm sử dụng ngân sách lớn; công tác cán bộ, xây dựng Đảng; phẩm chất, đạo đức và lối sống của cán bộ, đảng viên, làm cho các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, của cấp ủy đều được kiểm tra, giám sát với hình thức, phương pháp, cơ chế và chế tài thích hợp.

Cần đưa lãnh đạo công tác kiểm tra, giám sát và tổ chức thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của cấp ủy thành một trong những

Digitized by Google

tiêu chuẩn đánh giá phân loại tổ chức đảng, cấp ủy và cấp ủy viên hằng năm.

Thứ tư, đổi mới công tác kiểm tra đồng thời với xây dựng cơ chế giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp. Đại hội X đã bổ sung chức năng giám sát cho ủy ban kiểm tra các cấp. Hiện nay ủy ban kiểm tra các cấp có chức năng tham mưu cho cấp ủy về công tác kiểm tra, giám sát, thực hiện nhiệm vụ cụ thể do cấp ủy giao và chức năng kiểm tra, giám sát theo Điều lệ Đảng. Như vậy, nhiệm vụ của ủy ban kiểm tra các cấp rất nặng, khó khăn và phức tạp, nhất là nhiệm vụ: "Giám sát cấp ủy viên cùng cấp, cán bộ diện cấp ủy cùng cấp quản lý và tổ chức đảng cấp dưới về thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, nghị quyết của cấp ủy và đạo đức, lối sống theo quy định của Ban Chấp hành Trung ương"(7). Để ủy ban kiểm tra các cấp thực hiện có chất lượng, hiệu quả nhiệm vụ kiểm tra, giám sát của mình, cần tăng thẩm quyền và trách nhiệm của ủy ban kiểm tra các cấp; củng cố và kiện toàn cơ quan giúp việc ủy ban kiểm tra; nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ kiểm tra, giám sát, bảo đảm công tâm, trong sạch, đủ năng lực, kể cả năng lực kiểm tra, giám sát việc chấp hành đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đây là nhân tố có tính quyết định, trực tiếp đến nâng cao hiệu quả kiểm tra, giám sát...

Cần nhận thức rằng, công tác kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp chỉ là bộ phận cấu thành quan trọng của công tác kiểm tra, giám sát đảng. Vì vậy, trong quá trình hoạt động, ủy ban kiểm tra các cấp phải nắm vững chức năng, nhiệm vụ được giới hạn trong Điều lệ Đảng để thực hiện đúng thẩm quyền và trách nhiệm của mình; đồng thời chủ động tranh thủ sự lãnh đạo của cấp ủy, sự chỉ đạo của ủy ban kiểm tra cấp trên để tạo sự đồng thuận và ủng hộ nhau hoàn thành tốt nhiệm vụ. Trong tình hình hiện nay, ủy ban kiểm tra các cấp cần tập trung vào thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới, đảng viên khi có dấu hiệu vi phạm nhiệm vụ cấp ủy giao và nhiệm vụ giám sát,...

Đối với ủy ban kiểm tra các cấp, giám sát cũng là một nhiệm vụ mới. Do đó, cần phải xác định rõ phạm vi, đối tượng, nội dung, thẩm quyền giám sát. Chú trọng việc xây dựng quy chế, hình thức và phương pháp giám sát cụ thể đối với từng đối tượng, từng nội dung; tổ chức lực lượng và phân công cán bộ thực hiện nhiệm vụ giám sát, trong đó quy định rõ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cán bộ giám sát. Cán bộ giám sát phải thấm nhuần tư tưởng chỉ đạo và phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát, biết vận dụng vào thực tiễn hoạt động, đồng thời phải có kiến thức nhất định và nắm chắc các quy định của Đảng, của các cấp ủy và Nhà nước để đối chiếu so sánh thì mới phát hiện được đảng viên, tổ chức đảng có thực hiện đúng những quy định hiện hành hay không; trong quá trình giám sát cần phối hợp chặt chẽ với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân.

Thứ năm, phải thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ và các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát đảng. Tập trung dân chủ là nguyên tắc cơ bản trong tổ chức và hoạt động của Đảng và cũng là nguyên tắc xuyên suốt trong toàn bộ hoạt động kiểm tra, giám sát đảng. Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ thì công tác kiểm tra, giám sát mới mang hiệu quả đích thực, không bị chệch hướng, không bị chi phối bởi sự độc đoán, cá nhân hoặc bị sức ép của dân chủ cực đoan,

---

(7) *Điều lệ đã dẫn*, tr 50 - 51

Digitized by Google

vô chính phủ,... Kiểm tra, giám sát đảng là công tác đảng, là sinh hoạt nội bộ Đảng, được tiến hành trong hệ thống tổ chức đảng, nên có đặc thù cơ bản: đối tượng kiểm tra, giám sát là tổ chức đảng, đảng viên, khi được kiểm tra, giám sát thì vừa là đối tượng vừa là chủ thể. Chính đặc thù này quyết định bản chất, phương thức hoạt động và phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát đảng, đó là: dựa vào tổ chức đảng; phát huy tinh thần tự giác, phê bình và tự phê bình của tổ chức đảng, đảng viên; phát huy trách nhiệm xây dựng Đảng của quần chúng nhân dân; thực hiện tốt việc thẩm tra, xác minh; kết hợp chặt chẽ công tác kiểm tra, giám sát đảng với công tác thanh tra nhà nước, thanh tra nhân dân, công tác kiểm tra, giám sát của các đoàn thể chính trị - xã hội, nghề nghiệp và phối hợp với các ban ngành có liên quan. Đây là các phương pháp cơ bản của công tác kiểm tra, giám sát đảng đã được đúc kết qua nhiều nhiệm kỳ hoạt động và mang lại hiệu quả đích thực. Vì vậy, trong quá trình tiến hành hoạt động kiểm tra, giám sát có thể sử dụng linh hoạt các phương pháp đối với từng đối tượng cụ thể, nhưng không được xa rời các phương pháp cơ bản đó.

Công tác kiểm tra, giám sát đảng phải được tiến hành công khai, dân chủ, tập thể và có lãnh đạo, chỉ đạo; không một cá nhân nào, dù giữ bất cứ cương vị công tác nào, được quyền đứng ngoài hoặc đứng trên tổ chức đảng để áp đặt kiểm tra, giám sát; không được dùng biện pháp bí mật để điều tra trong Đảng, càng không được dùng thủ đoạn đối với tổ chức đảng, đảng viên đang là đối tượng kiểm tra, giám sát. Bởi phương pháp tiến hành công tác kiểm tra, giám sát đảng khác về chất với các phương pháp hoạt động thanh tra nhà nước và phương pháp điều tra của các cơ quan bảo vệ pháp luật. Nhưng trong tình hình hiện nay, khi còn một số tổ chức đảng giảm sút tính chiến đấu, nhiều đảng viên kém tự giác, nhiều lúc và nhiều nơi phê bình và tự phê bình chỉ còn là hình thức thì cần chú trọng đến việc phối hợp với các cơ quan thanh tra, điều tra, nhất là trong các vụ việc nổi cộm.

Thứ sáu, phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị trong công tác kiểm tra, giám sát đảng, đặc biệt là giám sát của nhân dân đối với tổ chức đảng, đảng viên; kết hợp chặt chẽ giám sát trong Đảng với giám sát của Nhà nước và giám sát của nhân dân; *coi trọng việc xây dựng hệ thống phản biện xã hội đối với hoạt động lãnh đạo của Đảng.* Trong điều kiện hiện nay, để thực hiện tốt vai trò cầm quyền, lãnh đạo hệ thống chính trị và toàn xã hội của Đảng, việc phát huy chức năng phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân đối với việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách, quyết định lớn của Đảng và việc tổ chức thực hiện, kể cả đối với công tác tổ chức, cán bộ, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Thông qua hệ thống phản biện xã hội chính thống mà biết được mức độ đúng đắn, có phù hợp và khả thi về đường lối, chủ trương, do Đảng hoạch định. Đây còn là một trong những biểu hiện cơ bản của việc phát huy dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội. Muốn vậy, Đảng phải có quy chế cụ thể và lắng nghe ý kiến phản biện, nhất là những ý kiến trung thực, thẳng thắn, có tính xây dựng; cơ chế đó phải khắc phục được mọi biểu hiện quan liêu, né tránh các ý kiến trái chiều, đồng thời có đủ khả năng để phân biệt những ý kiến thuộc dạng phá hoại, phản động. Từ phản biện xã hội phải có sự bàn bạc để đi đến điều chỉnh chính sách, đổi mới phương thức lãnh đạo cho phù hợp với quy luật vận động khách quan của thực tiễn cách mạng. Muốn có ý kiến chính xác thì các thành viên trong

Digitized by Google

hệ thống phản biện phải tăng cường giám sát, kiểm tra để nắm thật chắc tình hình thực tế, có đủ thông tin tin cậy trước khi đưa ra các ý kiến. Từ phản biện xã hội mà tạo nên một không khí tranh luận để đi đến đồng thuận, thống nhất hành động.

Bài học xương máu của quá trình cách mạng đã chỉ rõ, muốn phát huy được tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc để phát triển bền vững đất nước, sự lãnh đạo của Đảng phải có khả năng tập hợp, đoàn kết được quảng đại quần chúng nhân dân. Vì thế, khi nhân dân thực sự giám sát được tổ chức đảng, đảng viên chính là giúp cho Đảng củng cố được mối liên hệ mật thiết với nhân dân, làm cho nhân dân tin cậy vào sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Đảng. Sinh thời V. I. Lê-nin đã chỉ rõ: một trong những nguy cơ lớn nhất và đáng sợ nhất đối với một đảng cầm quyền là xa rời quần chúng. Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng từng căn dặn: cách xa dân chúng, không liên hệ chặt chẽ với dân chúng cũng như đứng lơ lửng giữa trời, nhất định thất bại. Nếu Đảng xa dân, tách khỏi dân thì Đảng không thể tồn tại, Đảng không có dân thì cũng như "cá không có nước". Không có sự giám sát của nhân dân thì đảng viên khó trở thành "người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của nhân dân"; tổ chức đảng, đảng viên dễ trở thành quan liêu, lạm quyền, lộng quyền, thậm chí còn dẫn tới thoái hóa, biến chất.

Giám sát tổ chức đảng, đảng viên vừa là một quyền cơ bản không thể thiếu của công dân, vừa là một nghĩa vụ, trách nhiệm vẻ vang của nhân dân đối với Đảng. Nhân dân giám sát tổ chức đảng, đảng viên là một nội dung về quyền làm chủ của nhân dân nhằm xây dựng Đảng, Nhà nước trong sạch, vững mạnh và từ đó cũng nhằm bảo vệ lợi ích thiết thân, chính đáng, hợp pháp của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Quy chế nhân dân giám sát tổ chức đảng, đảng viên cần xác định rõ mục đích, đối tượng, nội dung, phương pháp, trách nhiệm và thẩm quyền giám sát. Về nội dung giám sát: cần tập trung giám sát đạo đức, lối sống của đảng viên, người thân và giám sát việc thực hiện trách nhiệm, nhiệm vụ của tổ chức đảng, đảng viên, nhưng cần phân biệt rõ giám sát của nhân dân với giám sát của các tổ chức đảng, cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp, với giám sát của các cơ quan nhà nước. Về phương pháp giám sát của nhân dân, cần coi trọng giám sát trực tiếp và giám sát từ dưới lên; thông qua thực hiện Quy chế Dân chủ ở cơ sở, ở tổ dân phố, thôn, làng, cụm dân cư... để nhân dân giám sát trực tiếp hoặc phản ánh thông tin cho tổ chức đảng có thẩm quyền.

Quy định rõ trách nhiệm, thái độ của tổ chức đảng, đảng viên khi được nhân dân giám sát; trách nhiệm và thái độ của các tổ chức đảng, cấp ủy đối với quy chế nhân dân giám sát tổ chức đảng, đảng viên. Có biện pháp kiên quyết bảo vệ nhân dân thực hiện quyền giám sát, nhất là bảo vệ những người trung thực, thẳng thắn, dám phát hiện và phản ánh những hành vi tiêu cực và suy thoái của tổ chức đảng, đảng viên. Kiên quyết đấu tranh và xử lý nghiêm minh những tổ chức đảng, cơ quan hoặc đảng viên có hành vi cản trở, đối phó sự giám sát của nhân dân, đặc biệt cần nghiêm trị những tổ chức, cá nhân có hành vi trù dập, trả thù, kể cả nghiêm trị những tổ chức, cá nhân làm chỗ dựa hoặc bao che, dung túng cho các phần tử cố tình chống lại quyền giám sát của nhân dân. Thái độ của nhân dân cũng phải khách quan, công tâm, trung thực, không được vì lợi ích cá nhân, cục bộ hoặc bị kích động mà phản ánh sai sự thật hoặc lợi dụng việc giám sát để đả kích, nói xấu tổ chức đảng, đảng viên.❑

Digitized by Google

NHỮNG GIÁ TRỊ NGÀY CÀNG TRỞ NÊN SỐNG ĐỘNG

DƯƠNG TRUNG QUỐC *

1 - Định nghĩa từ "cách mạng" thường nhằm vào nghĩa cơ bản là sự cách bỏ cái cũ thay bằng cái mới, tiếp đó là những thuộc tính khác: phải là sự thay đổi về chất, phải phù hợp với sự tiến bộ, với trào lưu của sự phát triển... Và nếu sự thay đổi theo chiều hướng ngược lại thì sẽ là "phản cách mạng"

Theo quan điểm lịch sử, cách mạng phải là một quá trình, sự thay đổi ấy cần có một thời gian và không gian thể hiện. Không gian ấy có thể là một lãnh thổ, một quốc gia hay một khu vực rộng hơn thế. Thời gian ấy phải đủ để thể nghiệm và giúp người ta nhận thức được những thay đổi đó. Thế nhưng, khi nói về một cuộc cách mạng, người ta thường phải xác định một hoặc những cái mốc mang tính lịch sử tiêu biểu.

Cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đúng là một sự kiện lớn của lịch sử dân tộc Việt Nam. Nó xứng đáng được viết hoa, bởi vì nó là cái mốc phân đôi thế kỷ XX thay hai mảng tối và sáng. Nửa trước là một nước Việt Nam thời phong kiến và thuộc địa. Nền phong kiến ở nước ta đã từng trải qua cả ngàn năm, có lúc thịnh, lúc suy, nhưng vào thế kỷ XX nó chỉ còn là một chế độ chính trị đã thối ruỗng vì chỉ còn là bù nhìn cho ngoại bang. Còn chế độ thuộc địa đã được xác lập trên từng phần lãnh thổ nước ta "gần 80 năm" (như Tuyên ngôn độc lập viết) và trên toàn lãnh thổ Việt Nam từ nửa thế kỷ. Thậm chí tên gọi nước Việt Nam của thời Gia Long xưa, hay Đại Nam từ thời Minh Mạng mất hẳn trên bản đồ, thay vì ba khúc bị chặt ngang thành ba xứ Bắc Kỳ, Trung Kỳ và Nam Kỳ gộp với Cao Miên và Ai Lao, bỏ chung "một rọ" được in trên bản đồ thế giới là "Đông Dương thuộc Pháp" (Indochine francaise). Tên gọi Việt Nam chỉ còn gắn với những tổ chức lúc đó bị coi là "bất hợp pháp" như Việt Nam Quang phục hội của Phan Bội Châu; Việt Nam Thanh niên Cách mạng đồng chí hội, Đảng Cộng sản Việt Nam của Nguyễn Ái Quốc, hay Việt Nam Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học...

Còn nửa sau của thế kỷ XX là một quốc gia Việt Nam độc lập hoàn toàn từ một cuộc nổi dậy của toàn dân, của một nước Việt Nam đứng về phía Đồng minh chống chủ nghĩa phát-xít. Một nước Việt Nam lựa chọn một chế độ chính trị hiện đại ngay sau khi chấm dứt chế độ thuộc địa và cáo chung chế độ phong kiến. Chế độ chính trị hiện đại ấy được thiết lập một cách đàng hoàng và minh bạch dựa vào ý chí của một khối đoàn kết toàn dân, trên Cương lĩnh của Mặt trận Việt Minh (5-1941) bắt tay với Đồng minh chống phát-xít Nhật, xây dựng lực lượng vũ trang (1944)

* Tổng Thư ký Hội Sử học Việt Nam

triệu tập Quốc dân Đại hội và thực hiện một cuộc tổng khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn lãnh thổ (1945) thành lập nhà nước trên cơ sở một cuộc Tổng tuyển cử tự do diễn ra trên cả nước theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng giới tính, tôn giáo, sắc tộc, thành lập Quốc hội với nhiều thành phần, chính kiến. Nước Việt Nam ấy đã tuyên bố với thế giới một chính sách đối ngoại độc lập và hợp tác hữu nghị với mọi quốc gia và sẵn sàng tuân thủ để gia nhập Hiến chương Liên hợp quốc ngay khi tổ chức đó mới thành lập. Nhà nước Việt Nam độc lập ấy đã lựa chọn một thể chế chính trị hiện đại với hai nguyên lý cơ bản và phổ quát nhất, phù hợp với trình độ tiến hóa của nhân loại: Dân chủ và Cộng hòa. Thể chế chính trị ấy được xác lập bằng bản Hiến pháp (1946) trong đó ghi rõ và đầy đủ quyền tự quyết của dân tộc và những quyền tự do cơ bản của con người...

2 - Có một thực tế lịch sử là bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã được nhất trí thông qua tại kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa I (11-1946), chưa kịp được ban hành thì toàn quốc kháng chiến đã bùng nổ (12-1946). Trên thực tế chiến tranh đã khởi phát chỉ 3 tuần sau ngày nước Việt Nam mới tuyên bố độc lập: Ngày 23-9-1945 trên toàn Nam Bộ.

Quy luật chiến tranh luôn khắc nghiệt khiến cho mọi quyền tự do, dân chủ của con người phải đặt dưới mục tiêu cao cả là bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc đang bị chủ nghĩa thực dân đe dọa bằng chiến tranh xâm lược. Nói cách khác, những thành quả cơ bản của cuộc Cách mạng Tháng Tám 1945 đang có nguy cơ bị tước đoạt và bảo vệ những thành quả ấy đã trở thành một mục tiêu hàng đầu. Đó là ý chí thực hiện câu kết của bản Tuyên ngôn độc lập "Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy".

Biểu hiện của quyền tự do và độc lập ấy còn gắn với chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc Việt Nam. Thống nhất và không thể chia cắt lãnh thổ là một mục tiêu không khoan nhượng đã buộc dân tộc Việt Nam phải cầm súng. Nhưng để thực hiện những mục tiêu ấy, dân tộc ta phải tiến hành một cuộc chiến tranh dài đến ba mươi năm (1945 - 1975) để "đánh thắng hai đế quốc to" mới thực hiện được mục tiêu bảo vệ nền độc lập và thống nhất Tổ quốc. Hơn thế nữa, trong bối cảnh quốc tế vô cùng phức tạp, chúng ta còn phải đi tiếp một nửa thời gian tiếp theo (1975 - 1989) để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ bằng những cuộc chiến tranh bảo vệ biên giới kể cả bằng việc thực hiện nghĩa vụ quốc tế tiêu diệt chế độ diệt chủng ở nước láng giềng nhằm góp phần bảo vệ chính mình. Chúng ta thực hiện cuộc chiến tranh ấy giữa vòng vây của sự thù địch, cấm vận cùng biết bao khó khăn do những hậu quả vô cùng to lớn của chiến tranh cũng như những ấu trĩ, sai lầm trong công cuộc xây dựng một chế độ mới.

Công cuộc đổi mới ở Việt Nam được đánh dấu bằng Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam (1986), nhưng những nghiên cứu trong dịp tổng kết 20 năm đổi mới cho thấy nó đã hình thành những mầm mống từ trước đó bằng những sáng kiến từ cơ sở và những thử nghiệm thận trọng ở cấp trung ương. Nhưng một môi trường cho công cuộc đổi mới chỉ thực sự đồng bộ cùng với những thành tựu trên hoạt động đối ngoại để chúng ta thoát khỏi vòng vây cấm vận và thù địch, bình thường hóa từng bước với cộng đồng nhiều quốc gia có vai trò quan trọng tạo nên những nguồn lực cho công cuộc đổi mới, trong đó có những nước lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ hay các cộng đồng lớn như Liên minh châu Âu.

Digitized by Google

Nói như vậy là để nhấn mạnh đến một thực tế khác, kể từ khi cuộc Cách mạng Tháng Tám thành công đặt nền móng cho một nước Việt Nam độc lập với thể chế dân chủ cộng hòa cách đây hơn một *hoa hội* (60 năm) thì sự nghiệp xây dựng một chế độ chỉ thực sự có điều kiện thuận lợi gắn với công cuộc đổi mới với những mục tiêu cơ bản: xây dựng một nhà nước pháp quyền để đẩy mạnh quá trình dân chủ hóa; xây dựng một nền kinh tế hướng tới công nghiệp hóa, hiện đại hóa; có đủ bản lĩnh để hội nhập với thế giới mà vẫn giữ được bản sắc Việt Nam trên mọi lĩnh vực đời sống phát triển. Với định hướng xã hội chủ nghĩa thì những mục tiêu đó được viết gọn thành những khẩu hiệu mà hai Đại hội của Đảng đầu thế kỷ XXI đã khẳng định: ***"dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh"***.

3 - Những thành tựu của công cuộc đổi mới vừa được tổng kết tại những văn kiện Đại hội X của Đảng mới đây càng cho thấy một sự thực lịch sử: dù còn vô vàn khó khăn kể cả những yếu kém chủ quan biểu hiện bằng nhiều vấn đề bức xúc trong đời sống xã hội và nhu cầu phát triển, nhưng một "cơ hội Vàng" đã xuất hiện như một bối cảnh lịch sử mà chưa khi nào dân tộc Việt Nam chúng ta có được trong lịch sử trường kỳ của mình.

Trong quá khứ, dân tộc ta đã có một lịch sử dựng nước và giữ nước vẻ vang mà thế hệ chúng ta đang kế thừa. Nhưng nếu kể từ cuối thế kỷ XVIII và nửa đầu thế kỷ XX, trải qua một cuộc đấu tranh lâu dài của nhiều thế hệ đi tới thành công của Cách mạng Tháng Tám 1945 do Đảng ta lãnh đạo cho đến nay, chưa khi nào chúng ta có được một môi trường hòa bình và ổn định như hiện nay. Đây là lần đầu tiên Việt Nam không còn kẻ thù trực tiếp, mọi quốc gia trên thế giới trong đó gồm cả những cường quốc lớn nhất đều sẵn sàng tăng cường hợp tác với nước ta. Sự kiện sắp tới, khi chúng ta gia nhập WTO có thể coi như một cái mốc quan trọng cho sự hội nhập của Việt Nam vào đời sống của cộng đồng nhân loại. Mục tiêu mà 60 năm trước Chủ tịch Hồ Chí Minh bày tỏ trong thông điệp "Việt Nam hoàn toàn độc lập muốn hợp tác với cả thế giới" đang là hiện thực sống động ở đầu thế kỷ XXI này.

Cho dù tinh thần cảnh giác bảo vệ thành quả cách mạng là một đòi hỏi thường trực nhưng dường như vấn đề hàng đầu mang tính chất quyết định cho sự phát triển của dân tộc Việt Nam lại là phát huy nội lực, tự khẳng định mình bằng chính sức mạnh sáng tạo của một dân tộc biết thực hiện quyền tự chủ của mình. Đó là điều mà chúng ta đã thể hiện thành công trong chiến tranh giải phóng. Đó cũng là tinh thần của cuộc Cách mạng Tháng Tám "đem sức ta giải phóng cho ta" mà chúng ta kế thừa.

Chính thực tiễn của công cuộc đổi mới đang diễn ra trong đời sống dân tộc hiện tại đã và sẽ đặt ra hàng loạt những vấn đề nóng bỏng. Nhưng điều đáng nói là dường như nhiều vấn đề cơ bản nhất của ngày hôm nay lại có thể tìm thấy lời giải đáp từ những gì đã diễn ra 60 năm trước. Không cần đi sâu vào những vấn đề lý luận cao xa, chỉ bằng sự cảm nhận từ thực tiễn sống động đang diễn ra quanh ta cũng có thể nhận thấy dường như nhiều giá trị được khởi dựng từ những ngày đầu cách mạng thành công, cách đây 60 năm đang được xác lập trở lại ở một trình độ phù hợp với thời đại và thực tiễn ngày nay.

4 - Mục tiêu xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân được đặt ra ngay từ buổi đầu xây dựng chính quyền cách mạng dựa trên nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân. Nguy cơ quan liêu bộ máy chính quyền cách mạng

Digitized by Google

đã được Người đứng đầu nhà nước cảnh báo ngay sau khi bộ máy chính quyền cách mạng được thành lập. Từ sự cảnh báo rằng quan liêu là nguồn gốc mọi tệ nạn làm mục ruỗng bộ máy nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ gọi đích danh đó tệ nạn quan liêu, hối lộ là "giặc nội xâm" mà còn cho ra đời những thiết chế mạnh mẽ chống sự suy thoái của bộ máy nhà nước. Ngày 22-11-1945, Sắc lệnh số 63 về tổ chức, quyền hạn, cách làm việc của Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp (xã, huyện, tỉnh, kỳ) vừa được ban bố; thì ngày 23-11-1945, Sắc lệnh tiếp theo, số 64 về việc thành lập và quy định quyền hạn Ban Thanh tra đặc biệt và Tòa án đặc biệt được ban hành.

Mục tiêu xây dựng xã hội mới nhằm nâng cao dân trí và năng lực làm chủ xã hội của người dân ngày hôm nay ta có thể tìm thấy trong bài học về xây dựng nền giáo dục mới về bản chất so với nền giáo dục nô dịch được khai giảng chỉ vài tuần sau ngày Tuyên bố độc lập. Lực lượng trí thức kể cả trong tầng lớp trên đều được thu hút để phụng sự xã hội mới với những chính sách cởi mở như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện trong những lời kêu gọi "nhân tài và kiến quốc" (14-11-1945), "Tìm người tài đức" (20-11-1946). Việc bảo vệ bản sắc văn hóa dân tộc đã được đặt ra một cách súc tích, chính xác trong Sắc lệnh số 65 về bảo tồn cổ tích (23-11-1945) và một cuộc vận động "Đời sống mới" phát động sâu rộng năm 1946, được tiếp tục trong thời kháng chiến chống Pháp. Vai trò giới công thương trong sự nghiệp kiến quốc được Người khẳng định trong lá thư viết ngày 13-10-1945: "Nền kinh tế quốc dân thịnh vượng nghĩa là các sự kinh doanh của các nhà công nghiệp và thương nghiệp thịnh vượng". Do vậy, kể từ năm 2004, chúng ta lấy ngày 13-10 hằng năm để kỷ niệm Ngày Doanh nhân Việt Nam.

Một chính sách đối ngoại hòa hiếu với những thông điệp mạnh mẽ gửi Liên hợp quốc, với các nước lớn như Trung Quốc, Hoa Kỳ và với cả Cộng hòa Pháp được xác lập ngay sau khi Việt Nam giành độc lập không chỉ tranh thủ sự ủng hộ đối với nền độc lập non trẻ mà còn mở rộng cửa để thu hút sự đầu tư về tư bản và công nghệ của nước ngoài để xây dựng đất nước. Trong một văn kiện gửi tới các nước lớn và các thành viên Liên hợp quốc chỉ ít ngày trước khi thực dân Pháp gây hấn và kháng chiến toàn quốc bùng nổ (12-1946), Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra thông điệp "Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) nước Việt Nam đành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng tất cả các sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận gia nhập mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc. d) Nước Việt Nam sẵn sàng ký kết với các lực lượng hải quân, lục quân trong khuôn khổ của Liên hợp quốc những hiệp định an ninh đặc biệt và những hiệp ước liên quan đến việc sử dụng một vài căn cứ hải quân và không quân..."(1). Có thể thấy tính thời sự của những thông điệp này sau 60 năm trải nghiệm lịch sử.

Một trong những nội dung cơ bản của công cuộc đổi mới là song hành với quá trình dân chủ hóa và hoàn thiện nền dân chủ ở Việt Nam. Có thể tìm thấy rất nhiều những bài học to lớn của quá trình này được triển khai ngay

(Xem tiếp trang 22)

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1995, t 4, tr 470

Digitized by Google

BÀN THÊM VỀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CUỘC TỔNG KHỞI NGHĨA THÁNG TÁM NĂM 1945

NGUYỄN MẠNH HÀ *

HƠN sáu thập kỷ đã trôi qua nhưng tinh thần và hào khí của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 vẫn còn đọng lại sâu sắc trong lòng mỗi người Việt Nam yêu nước. Đã có nhiều công trình, bài viết đề cập đến nguyên nhân, diễn biến, kết quả, ý nghĩa, hình thái và đặc điểm của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám 1945. Bài viết này đi sâu phân tích một trong những đặc điểm nổi bật của cuộc Tổng khởi nghĩa để chúng ta thấy thêm tính phong phú của nó.

Từ trước đến nay, nhiều đồng chí lãnh đạo và nhiều nhà nghiên cứu đã tập trung nêu lên những đặc điểm của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám:

1 - *Đây là cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ thành công triệt để.* Bởi "... Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị. Dân ta đã đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay để gây dựng nên nước Việt Nam độc lập. Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỷ mà lập nên chế độ dân chủ cộng hòa" (Tuyên ngôn độc lập). Như thế, cuộc cách mạng này đã thực hiện được cả hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng dân tộc dân chủ là phản đế và phản phong.

2 - *Đây là cuộc cách mạng có quá trình chuẩn bị lâu dài, liên tục, đầy khó khăn, thử thách nhưng khi nổ ra thì giành thắng lợi nhanh gọn.* Đảng ta đã chuẩn bị cho thắng lợi của cách mạng trong 15 năm và trải qua ba cuộc tập dượt lớn: cao trào cách mạng năm 1930 - 1931 mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ Tĩnh; cuộc vận động dân chủ năm 1936 - 1939; cuộc vận động đấu tranh giải phóng dân tộc năm 1939 - 1945. Và cuộc Tổng khởi nghĩa từ khi nổ ra đến khi giành thắng lợi hoàn toàn trên phạm vi cả nước chỉ trong vòng 14 ngày (từ ngày 14-8 đến ngày 28-8-1945).

3 - *Đây là cuộc cách mạng phát huy cao độ tính chủ động, sáng tạo, tự lực, tự cường của cán bộ và quần chúng nhân dân nên đã giành thắng lợi áp đảo tại tất cả các địa phương.* "Cách mạng là sự nghiệp của quần chúng". Khi quần chúng đã tự giác và tin theo cách mạng thì tính chủ động và sức sáng tạo của họ là vô tận. Cả nước lúc đó mới có mấy nghìn đảng viên, lực lượng quân sự vừa chưa đông, vừa chưa mạnh, hệ thống thông tin liên lạc hầu như chưa có gì. Nhưng nghe theo lời kêu gọi của Đảng "đem sức ta giải phóng cho ta", hàng triệu quần chúng đã nhanh chóng xuống đường giành chính quyền, giành độc lập, tự do, cơm áo cho chính mình, bằng lòng yêu nước, truyền thống dân tộc và trí thông minh, sáng tạo, tinh thần tự lực, tự cường sẵn có trong mỗi người.

---

* TS, Viện Lịch sử quân sự Việt Nam

Digitized by Google

4 - *Đây là cuộc cách mạng do Đảng Cộng sản Đông Dương trực tiếp lãnh đạo và đã thành công.* Đầu thế kỷ XX, ở Việt Nam xuất hiện rất nhiều tổ chức yêu nước, cách mạng có mục đích đấu tranh cho độc lập dân tộc, vì dân sinh, dân chủ. Tuy nhiên, nhìn chung các tổ chức, đoàn thể, đảng phái này đều không có đường lối rõ ràng, phương pháp đấu tranh chủ yếu theo hình thức cải lương, không triệt để (duy chỉ có Việt Nam Quốc dân đảng chủ trương phải bạo động, khởi nghĩa vũ trang - nhưng đã bị thực dân Pháp đàn áp trong cuộc khởi nghĩa Yên Bái, tháng 2-1930). Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời (đến tháng 10-1930 đổi tên thành Đảng Cộng sản Đông Dương) là đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, ngay từ đầu đã xác định trong đường lối của mình là lãnh đạo nhân dân làm cách mạng đánh đổ đế quốc, phong kiến, giành độc lập. Đây là đảng duy nhất có cơ sở từ Bắc chí Nam, bị thực dân Pháp đàn áp nhiều lần nhưng vẫn tồn tại và ngày càng lớn mạnh.

5 - *Đây là cuộc cách mạng có quá trình chuẩn bị và thực hành đấu tranh đầy gian khổ, hy sinh nhưng khi nổ ra lại rất thuận lợi và thành công trong khung cảnh hòa bình.* Hiếm có cuộc cách mạng nào trên thế giới có được những điều kiện và kết quả tương tự.

Như trên đã đề cập, trải qua 15 năm đấu tranh gian khổ, đặc biệt là trong cao trào cách mạng năm 1930 - 1931, mà đỉnh cao là Xô-viết Nghệ Tĩnh và cuộc khởi nghĩa Nam Kỳ (ngày 23-11-1940), mặc dù bị thực dân Pháp đàn áp, khủng bố rất dã man, gây ra những tổn thất rất nặng nề về con người và tổ chức, nhưng phong trào cách mạng nước ta vẫn ngày càng lớn mạnh. Mỗi lần bị khủng bố, đàn áp là mỗi lần cán bộ, đảng viên và quần chúng lại có thêm kinh nghiệm đấu tranh chống lại kẻ thù, kinh nghiệm xây dựng cơ sở chính trị và lực lượng vũ trang để chuẩn bị đứng lên khi thời cơ tới.

Thực tế lịch sử chứng minh rằng, thực dân đế quốc, cũng như những kẻ thống trị nói chung, không bao giờ nương tay đối với những ai có ý nghĩ và hành động làm phương hại hoặc đe dọa đến địa vị thống trị của chúng. Nhà chí sĩ yêu nước Phan Bội Châu bị nhà cầm quyền Pháp giam lỏng ở Huế chỉ vì cụ công khai ý định "bất hợp tác" với thực dân Pháp sau khi chủ trương "Pháp - Việt đề huề" không thành. Rồi cả chủ trương của Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học... cũng đều bị thực dân Pháp đàn áp.

Chính vì thế, khi Đảng Cộng sản Đông Dương ra đời, công khai đưa ngay vào đường lối của Đảng chủ trương tiến hành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ, đánh đổ đế quốc và phong kiến nhằm đem lại độc lập cho dân tộc, ruộng đất cho dân cày, lẽ đương nhiên là bị thực dân Pháp tìm cách tiêu diệt. Nhưng, được nuôi dưỡng bằng ý thức tự tôn dân tộc, tinh thần yêu nước quật cường và truyền thống bất khuất chống ngoại xâm của ông cha, phong trào đấu tranh cách mạng, tuy bị khủng bố dữ dội, có lúc thoái trào, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, vẫn diễn ra một cách liên tục, bền bỉ, ở khắp mọi nơi và ngày càng phát triển. Biết bao xương máu của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân đã đổ xuống để cuối cùng có được cái "điều kiện chủ quan chín muồi" - nghĩa là, quần chúng nhân dân đã sẵn sàng đứng lên, lực lượng chính trị và lực lượng vũ trang đã được tổ chức xây dựng lớn mạnh, đủ sức cùng toàn dân tiến hành tổng khởi nghĩa thắng lợi.

Diễn biến của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 cho thấy, khởi nghĩa nổ ra gần như đồng thời từ nông thôn đến thành thị, từ các địa phương ven biển đến các tỉnh miền núi, khắp cả Bắc, Trung, Nam với lực lượng áp đảo của quần chúng cách mạng, và đã nhanh chóng giành thắng lợi hoàn toàn. Đây là cuộc Tổng khởi nghĩa có quy mô rất lớn cả về lực lượng quần chúng tham gia và không gian diễn ra, nhưng lại rất ít đổ máu và có tính chất hòa bình.

Vì sao như vậy? Trả lời câu hỏi này, theo tôi, có mấy lý do sau:

Thứ nhất, cần khẳng định rằng, chính nhờ có sự chuẩn bị lâu dài, kỹ lưỡng của Đảng về đường lối đấu tranh giành độc lập, dân chủ; về các cuộc

Digitized by Google

bãi công từ hình thức thấp lên hình thức cao, từ đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ lên khởi nghĩa từng phần giành chính quyền; về cơ sở chính trị và lực lượng chính trị ngày càng hùng hậu; về căn cứ địa - vùng đất "đứng chân", ngày càng rộng lớn, vững chắc; về đấu tranh vũ trang từ thấp lên cao, từ quy mô nhỏ lên quy mô lớn và xây dựng lực lượng vũ trang có tổ chức ngày càng đông, mạnh... nên khi có điều kiện khởi nghĩa chín muồi, quần chúng nhân dân và các lực lượng vũ trang không còn bỡ ngỡ về những việc cần làm và phải làm để mau chóng giành thắng lợi.

Thứ hai, cuộc Tổng khởi nghĩa nổ ra trong bối cảnh quốc tế (điều kiện khách quan) rất thuận lợi. Lãnh tụ Hồ Chí Minh, người có nhãn quan chiến lược xuất chúng, ngay từ đầu tháng 8-1945, mặc dù lúc đó đang ốm nặng, Người đã nói với đồng chí Võ Nguyên Giáp: "Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được độc lập". Lãnh tụ Hồ Chí Minh và Đảng ta đã nhận thấy thời cơ chiến lược đang tới, mặc dù lúc đó phát-xít Nhật chưa đầu hàng Đồng minh, vẫn còn đang điên cuồng kháng cự. Sau đó, lãnh tụ Hồ Chí Minh mới biết rằng, Quyết nghị của Hội nghị Pốt-xđam (kết thúc ngày 2-8-1945) đã phân công quân Anh, quân Trung Hoa dân quốc của Tưởng Giới Thạch vào phía Nam và phía Bắc vĩ tuyến 16 của Việt Nam để giải giáp vũ khí của quân Nhật bại trận.

Như vậy, thời cơ quốc tế thuận lợi để nhân dân ta đứng lên giành chính quyền chỉ xuất hiện trong một thời gian rất ngắn. Đó là khoảng thời gian ngay sau khi Nhật hoàng tuyên bố đầu hàng Đồng minh (ngày 15-8-1945) và trước khi quân Anh, quân Trung Hoa dân quốc kéo vào nước ta (cuối tháng 8, đầu tháng 9-1945), vỏn vẹn chỉ hơn 2 tuần. Chúng ta có thể đặt ra hai giả thiết: Một là, nếu quân Nhật chưa đầu hàng trên phạm vi quốc tế, trong khi cuộc khởi nghĩa nổ ra, thì chắc chắn hơn 80.000 quân Nhật đóng trên đất Việt Nam, mặc dù tinh thần bạc nhược, vẫn sẽ thẳng tay đàn áp cuộc khởi nghĩa. Hai là, sau khi quân Đồng minh kéo vào hai miền Nam - Bắc, cuộc khởi nghĩa mới nổ ra thì cũng không tránh khỏi gặp khó khăn, tổn thất.

Thời cơ quốc tế thuận lợi cộng với tình hình trong nước cũng thuận lợi, các điều kiện khởi nghĩa chín muồi đã khiến cho cuộc Tổng khởi nghĩa nhanh chóng nổ ra và nhanh chóng giành thắng lợi. Các lực lượng đối địch với cuộc khởi nghĩa đều ở trong tình trạng bất lực. Thực dân Pháp ở Đông Dương, kẻ đã thống trị nhân dân ta hơn 80 năm, nay đã bị phát-xít Nhật hất cẳng ngày 9-3-1945; một số bị bắt giam, một số chạy trốn, hầu như không còn thực lực gì đáng kể. Phát-xít Nhật ở Việt Nam, tuy đến ngày 22-8-1945 mới nhận được lệnh chính thức đầu hàng, nhưng ngay từ khi biết tin Nhật hoàng tuyên bố hạ vũ khí trước Đồng minh, đã hoàn toàn mất sức chiến đấu, chỉ chờ quân Đồng minh vào giải giáp. Chính phủ thân Nhật Trần Trọng Kim, được dựng lên vội vàng ít ngày trước đó, cũng cùng chung tình cảnh với quan thầy, không có phản ứng gì đáng kể trước cao trào cách mạng của nhân dân đang dâng cao. Triều đình nhà Nguyễn, đứng đầu là Bảo Đại, cũng hầu như không còn ảnh hưởng gì đến tình hình đang diễn ra khẩn trương lúc đó.

Điều kiện trong nước và quốc tế nửa đầu tháng 8-1945 đã tạo ra một thời cơ đặc biệt. Thời cơ đó đã được Đảng ta cùng lãnh tụ Hồ Chí Minh nhạy bén và quyết đoán nắm lấy, phát động và lãnh đạo toàn dân đứng lên giành chính quyền, lập ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, và lấy tư cách là người chủ đất nước để tiếp và giao thiệp với quân Đồng minh.

Như vậy, có thể nói, lý do ít đổ máu và giành thắng lợi nhanh chóng là do các lực lượng đối địch với cuộc khởi nghĩa đã tan rã, mất sức chiến đấu, không kháng cự quyết liệt trước hành động giành chính quyền của đông đảo quần chúng nhân dân. Cuộc Tổng khởi nghĩa tuy sử dụng bạo lực cách mạng để giành chính quyền nhưng sử dụng bạo lực chính trị của quần chúng là chính, có lực lượng vũ trang hỗ trợ, nên đã mau chóng thắng lợi. Đây cũng là một điểm độc đáo của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Digitized by Google

Thứ ba, dân tộc ta vốn có truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái từ ngàn xưa và luôn luôn có cách xử sự nhân nghĩa "đánh kẻ chạy đi chứ không đánh người chạy lại". Trong lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt của ông cha, có biết bao ví dụ tiêu biểu về vấn đề này. Trong cuộc kháng chiến chống Mông - Nguyên thế kỷ XIII, mặc dù kẻ thù xâm lược rất hung hãn, tàn bạo, gây bao tội ác với nhân dân ta, nhưng khi chúng bị đại bại, vua tôi nhà Trần vẫn rộng lượng khoan hồng, mở đường sống cho chúng về nước. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Minh, quân khởi nghĩa của Lê Lợi, Nguyễn Trãi, mặc dù về thực lực có thể đánh tiêu diệt quân Minh đang bị vây hãm trong các thành trì, đặc biệt là thành Đông Đô, nhưng nghĩa quân chỉ dùng sức ép, không cần đánh mà quân xâm lược vẫn "bạt vía kinh hồn", rút chạy. Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược nhà Thanh cũng vậy, Quang Trung - Nguyễn Huệ không áp dụng hoàn toàn chủ trương đánh tiêu diệt bằng mọi giá, mà vẫn tìm cách đánh để làm cho kẻ thù khiếp sợ, phải rút chạy.

Trong cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám, với tư tưởng "đoàn kết - thành công", quân và dân ta, dưới sự lãnh đạo của Đảng và lãnh tụ Hồ Chí Minh, đã thực hiện xuất sắc chủ trương sử dụng bạo lực chính trị của quần chúng để giành thắng lợi. Diễn biến khởi nghĩa ở các địa phương cho thấy, chỉ có một ít nơi lực lượng vũ trang mới phải nổ súng để khống chế kẻ thù, hỗ trợ cho quần chúng đấu tranh, còn hầu hết là do lực lượng chính trị thực hiện.

Chúng ta đã dùng sức ép của cách mạng để buộc vua Bảo Đại phải thoái vị. Hơn nữa, sau đó, với chủ trương đại đoàn kết, Chủ tịch Hồ Chí Minh còn sử dụng vị vua này làm cố vấn cho Chính phủ lâm thời, nêu tấm gương về đoàn kết và tập hợp mọi công dân vào việc phụng sự đất nước. Một số nhân sĩ, chính khách tham gia chính phủ Trần Trọng Kim cũng được đối xử theo chủ trương đại đoàn kết dân tộc này. Vì thế, thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 càng có ý nghĩa lịch sử to lớn và tính độc đáo sâu sắc.❑

Những giá trị...

(Tiếp theo trang 18)

từ những ngày đầu xây dựng chế độ mới. Tư tưởng xây dựng thể chế, đặc biệt là luật pháp được thực hiện trên tinh thần tạo cơ chế để nhân dân được tham dự. Từ việc vận động xóa nạn mù chữ để sớm tổ chức Tổng tuyển cử, đến thể chế bầu cử dân chủ và theo kịp mọi tập quán chính trị tiên tiến của thế giới: phổ thông đầu phiếu, bình đẳng nam nữ, tôn giáo, sắc tộc, bầu cử có lựa chọn nhiều ứng viên, đến các hoạt động của Quốc hội với các phiên chất vấn người đứng đầu nhà nước ngay từ những phiên họp sớm nhất... và tiêu biểu nhất là tính mẫu mực của các văn bản pháp luật ban hành mà đỉnh cao là bản Hiến pháp năm 1946 cho thấy những nền tảng rất vững chắc của một xã hội mới dù mới chỉ có một thời gian xây dựng rất ngắn ngủi...

Đó cũng chính là những bài học lịch sử, niềm tự hào mà giờ đây khi chúng ta tiếp bước tới tương lai của công cuộc đổi mới cũng là cơ hội để chúng ta trở về với nhiều giá trị của quá khứ để có thể rút ra những bài học thiết thực và những sức mạnh cổ vũ về tinh thần. Đó là sức mạnh về niềm tin rằng dân tộc Việt Nam sau khi đã trải qua và giành thắng lợi trong những thử thách của chiến tranh giữ nước, chúng ta đủ trí tuệ và bản lĩnh để thành công trong sự nghiệp dựng nước ở một thời đại mới cũng đầy cơ hội và thách thức như cuộc Cách mạng 60 năm trước. Những bài học của cuộc Cách mạng Tháng Tám càng trở nên sống động trong công cuộc đổi mới, bởi lẽ đổi mới cũng thực sự là một quá trình Cách mạng.

Nói cách khác là công cuộc đổi mới ngày hôm nay bắt nguồn và kế thừa trực tiếp từ những giá trị lịch sử mà Cách mạng Tháng Tám 1945 đã khởi đầu.❑

Digitized by Google

GIÁM SÁT XÃ HỘI NHƯ MỘT GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ

TẠ NGỌC TẤN

TRONG bài phát biểu bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X ngày 29-7 vừa qua, đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã nhấn mạnh: "Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí đòi hỏi phải tiến hành và thực hiện nghiêm túc các giải pháp đồng bộ. Cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng, Trung ương đề ra các nhóm giải pháp về tư tưởng, chính trị, kinh tế, pháp luật, bao gồm giáo dục đạo đức, lối sống; bổ sung hoàn chỉnh các cơ chế, quy định trước hết về quản lý kinh tế, tài chính, quản lý tài sản công, ngân sách nhà nước, các quỹ do nhân dân đóng góp và do nước ngoài viện trợ, bảo đảm công khai, minh bạch trong hoạt động kinh tế, tài chính; cải cách hành chính nhà nước; cơ chế thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát; thực hiện cơ chế giám sát của Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, của cơ quan truyền thông đại chúng và của nhân dân; tiếp tục đổi mới chế độ tiền lương". Trong bài viết này, chúng tôi xin đề cập và trao đổi rõ thêm về một trong những giải pháp có ý nghĩa quan trọng trong tổng thể những giải pháp phòng, chống tham nhũng, lãng phí ở nước ta hiện nay. Đó là vấn đề giám sát xã hội, bao gồm giám sát hành chính của các cơ quan chức năng thuộc hệ thống nhà nước và giám sát công dân của Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội, các phương tiện truyền thông đại chúng, các thiết chế công dân và mỗi người dân.

*

Giám sát xã hội là sự vận hành của cả một hệ thống xã hội, bao gồm những cơ quan, tổ chức thuộc bộ máy nhà nước, các tổ chức xã hội, các thiết chế văn hóa, các phương tiện truyền thông đại chúng v.v.. và các công dân nhằm cảnh báo, điều chỉnh và thúc đẩy việc thực thi quyền lực nhà nước. Như vậy có hai bộ phận tham gia giám sát xã hội. *Bộ phận thứ nhất* nằm trong chính bộ máy nhà nước, có thể gọi là *hệ thống giám sát hành chính*, được nhà nước xây dựng nên nhằm tự giám sát, điều hòa quyền lực một cách hợp lý. Nó bao gồm bộ máy giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, bộ máy thanh tra chính phủ và thanh tra các ngành... Thực ra, bản thân thiết chế nhà nước đã được hình thành và hoạt động theo một cơ chế tự giám sát để bảo đảm sự cân bằng, hài hòa và hợp lý về quyền lực. Hình thức nhà nước tam quyền phân lập là một bước phát triển, hoàn thiện nhà nước theo phương hướng đó. Cơ chế tự

giám sát nội bộ chính là kết quả trải nghiệm lịch sử và là cơ sở cho sự duy trì quyền lực và phát triển của nhà nước. *Bộ phận thứ hai* là bộ phận mang tính chất công dân, là đại diện của nhân dân, của công luận, có thể gọi là *hệ thống giám sát công dân*. Dó là các tổ chức phi chính phủ, các thiết chế văn hóa, các tổ chức công dân, các phương tiện truyền thông đại chúng, các đại diện cộng đồng dân cư và thậm chí là trực tiếp các công dân. Ở một mức độ nào đó, tính chất, mức độ tham gia giám sát xã hội của bộ phận này là thước đo trình độ phát triển, tính ưu việt của chế độ xã hội. Nói cách khác, đó là thể hiện tính chất dân chủ của xã hội cũng như trình độ phát triển, ý thức tự giác và thái độ trách nhiệm cao của người dân dưới chế độ đó.

Có thể nói, lịch sử hình thành và phát triển của nhà nước cũng là lịch sử không ngừng phát triển, hoàn thiện của hoạt động giám sát xã hội. Chính những yêu cầu, đòi hỏi khách quan của sự tồn tại, phát triển của nhà nước đã dẫn đến sự ra đời, phát triển của hoạt động giám sát xã hội và tìm thấy ở hoạt động này cái chốt hãm cho sự phát triển ổn định của xã hội. Tuy nhiên, nội dung, hình thức, phương pháp giám sát xã hội là rất phong phú. Nó gắn bó chặt chẽ với những điều kiện kinh tế - xã hội, địa lý, kinh nghiệm lịch sử, văn hóa truyền thống cũng như trình độ phát triển của mỗi chế độ chính trị - xã hội cụ thể.

Thực chất, giám sát xã hội là sự kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh hoạt động của các cơ quan, tổ chức, các cá nhân nắm giữ và thực thi quyền lực nhà nước. Đồng thời, nó cũng phát hiện, phân tích, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm khắc phục những thiếu sót hạn chế, những hành vi sai trái, những vấn đề bất hợp lý, lỗi thời, không phù hợp với định hướng và bản chất của xã hội. Mặt khác, hoạt động giám sát xã hội cũng là phương tiện có vai trò vô cùng quan trọng trong việc quản lý, giáo dục đội ngũ cán bộ công chức trong hệ thống các cơ quan nhà nước, các tổ chức thuộc hệ thống chính trị. Nó có ý nghĩa như sự răn đe, cảnh báo thường xuyên những nguy cơ và khả năng vi phạm pháp luật nhà nước, vi phạm tiêu chuẩn phẩm chất, đạo đức người cán bộ. Nó cũng có ý nghĩa quản lý, nhắc nhở cán bộ công chức về trách nhiệm công tác, kỷ luật lao động, kỷ cương của cơ quan công quyền, thái độ tôn trọng người dân và ý thức nghiêm chỉnh, gương mẫu thực hiện pháp luật nhà nước.

Hoạt động giám sát xã hội không chỉ mang tính chất phê phán, mà còn có tác dụng biểu dương những nhân tố tiên tiến, tích cực trong xã hội. Thông qua sự giám sát xã hội, những kết quả hoạt động của các cơ quan công quyền, những thành tựu và hiệu quả thực tế của bộ máy quản lý, những thành tích và năng lực công tác của các cán bộ và nhất là những người lãnh đạo được làm sáng tỏ. Đó là một cơ sở khách quan, điều kiện quan trọng cho việc biểu dương những nhân tố tích cực, lựa chọn bố trí cán bộ hợp lý, không ngừng tăng cường năng lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan lãnh đạo, quản lý.

Từ những ý nghĩa trên, có thể thấy, giám sát xã hội là một yếu tố đặc biệt quan trọng trong phòng, chống tham nhũng. Thực chất, tham nhũng là hiện tượng lợi dụng quyền lực và những điều kiện thuận lợi do vị trí công tác trong bộ máy công quyền, trong các doanh nghiệp kinh tế nhà nước, cũng như môi trường xã hội đặc thù để thu lợi cho cá nhân, chiếm đoạt tiền bạc, của cải của nhà nước, của nhân dân. Một nội dung hoạt động quan trọng của giám sát xã hội chính là nhằm vào việc giám sát đội ngũ cán bộ, công chức nắm giữ những chức vụ quan trọng, những vị trí công tác có đặc quyền, đặc lợi, kiểm tra, phát hiện và đưa

Digitized by Google

ra những biện pháp để kịp thời điều chỉnh, sửa chữa những sai phạm, khuyết điểm nảy sinh trong quá trình thực thi nhiệm vụ của họ. Như vậy, giám sát xã hội có vai trò to lớn trong cả hai khâu là phòng và chống tham nhũng. Với *khâu thứ nhất,* hoạt động giám sát xã hội có ý nghĩa giáo dục ý thức công dân, rèn luyện tác phong công tác, răn đe, củng cố nhận thức của cán bộ về trách nhiệm, danh dự, đạo đức, hướng họ vào việc học tập, tu dưỡng, nâng cao năng lực chuyên môn, hiệu quả công tác, gắn lợi ích cá nhân với quyền lợi của tập thể, của chế độ. Đó chính là cách chống tham nhũng tích cực nhất, hiệu quả nhất. Ở *khâu thứ hai,* giám sát xã hội có vai trò phát hiện, đánh giá mức độ ảnh hưởng tiêu cực, tìm ra giải pháp xử lý hậu quả tham nhũng, cũng như các giải pháp về giáo dục cán bộ, tổ chức, cơ chế vận hành bộ máy, các chế độ, chính sách cụ thể nhằm đề phòng hành vi tham nhũng tái xuất hiện. Trong trường hợp này, cả lý luận và thực tiễn đều đã chỉ ra rằng, giám sát xã hội có vai trò đặc biệt quan trọng. Chỉ có sự giám sát thường xuyên của từng người dân, từng cán bộ ở những vị trí công tác khác nhau, trong những mối quan hệ rất phong phú mới có khả năng lôi ra ánh sáng những hành vi tham nhũng rất phức tạp, khôn khéo, được che đậy dưới những vỏ bọc tinh vi, kín đáo, bất ngờ.

*

Phù hợp với tính chất dân chủ nhân dân, hoạt động giám sát xã hội ở nước ta hiện nay thể hiện sự cân đối, hài hòa giữa giám sát hành chính và giám sát công dân, trong đó, giám sát công dân được đề cao, thể hiện mục đích của chế độ là tất cả vì con người, vì sự phát triển toàn diện của mỗi người dân. Về nguyên tắc và từ chính sách thực tế của Đảng và Nhà nước, các hoạt động giám sát hành chính và giám sát công dân quan hệ hữu cơ với nhau, vì mục đích chung là không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, hệ thống chính trị cũng như vai trò của từng cán bộ, công chức, nhất là của các cán bộ lãnh đạo, quản lý. Đảng và Nhà nước khuyến khích các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, các tổ chức công dân, đại diện cho các cộng đồng dân cư và mọi công dân tham gia vào hoạt động giám sát xã hội. Tuy nhiên, thực tế cho thấy còn có một số vấn đề đang đặt ra cho công tác giám sát xã hội ở nước ta hiện nay, làm cho hoạt động này không phát huy đầy đủ hiệu quả của nó trong cuộc sống. Cũng có thể nói rằng, những hạn chế, khiếm khuyết trong hoạt động giám sát xã hội là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới tình hình tham nhũng, lãng phí hiện nay đang trở thành một nguy cơ đối với chế độ, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, đến môi trường đầu tư cũng như uy tín của đất nước trên trường quốc tế.

- Trước hết, tổ chức, bộ máy, chức năng nhiệm vụ cơ chế, chế tài hoạt động của *hệ thống giám sát hành chính* chưa đầy đủ, rõ ràng và thiếu nhất quán. Về nguyên tắc, hiện nay quyền tối cao trong hệ thống giám sát hành chính thuộc về Quốc hội. Giữa hai kỳ họp Quốc hội thì Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các Hội đồng của Quốc hội, các đoàn đại biểu và cá nhân các đại biểu có quyền thực hiện hoạt động giám sát trong phạm vi điều chỉnh của pháp luật. Tại các địa phương, Hội đồng nhân dân và các cơ quan của Hội đồng nhân dân thực hiện quyền giám sát hành chính đối với toàn bộ hoạt động của bộ máy chính quyền sở tại. Tuy nhiên, còn thiếu những chế tài quy định cụ thể nội dung, cách thức, quyền hạn giám sát của của từng bộ phận. Mặt khác, bản thân các cơ quan của Quốc hội, của các Hội đồng nhân dân cũng

Digitized by Google

chưa đủ những nguồn lực và điều kiện về thời gian, vật chất để thực hiện các hoạt động giám sát cụ thể.

- Đối với *các cơ quan thanh tra,* hiệu quả hoạt động giám sát, nhất là giám sát phòng, chống tham nhũng, lãng phí còn thấp. Bằng chứng là tuyệt đại bộ phận các vụ tham nhũng lớn đều không phải do thanh tra phát hiện. Vụ PMU 18 với một loạt cán bộ liên kết thành những đường dây tiêu cực tham nhũng, chiếm đoạt, phung phí hàng trăm tỉ đồng của Nhà nước mà vẫn tồn tại hàng chục năm bên ngoài sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan chức năng là một ví dụ. Hoạt động của thanh tra nhân dân trong nội bộ cơ quan cũng bị vô hiệu hóa.

- *Hoạt động giám sát công dân* chưa cân xứng với yêu cầu đặt ra cho công tác này. Hệ thống luật định, chế tài còn thiếu, chưa đồng bộ, không cho phép mỗi công dân và các tổ chức công dân tham gia giám sát xã hội có hiệu quả. Đặc biệt không có những chế tài, điều kiện bảo đảm thực thi việc giám sát một cách thuận lợi, có hiệu quả, bảo vệ danh dự, lợi ích và nhiều khi là cả tính mạng của người phát hiện, tố cáo những hành vi tham nhũng, lãng phí hoặc những hiện tượng hành động không đúng chức trách của công dân, sai lệch với đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước.

- *Hoạt động của báo chí* đã góp phần phanh phui nhiều vụ việc tiêu cực lớn, đưa lên tòa án công luận và thúc đẩy quá trình giải quyết các vụ việc đó. Báo chí thực sự trở thành một công cụ giám sát quan trọng, đi đầu trong việc chống tham nhũng, lãng phí, một sức mạnh to lớn tạo thành áp lực xã hội mạnh mẽ nhằm răn đe, giáo dục và ngăn chặn những hành vi tiêu cực, hà lạm, lãng phí của cải, tài sản của đất nước, của nhân dân. Mặt khác, do thiếu trách nhiệm, không kiểm tra, chạy theo xu hướng giật gân mà thông tin báo chí còn không ít những sai sót, thiếu chính xác, ảnh hưởng đến danh dự, uy tín của những cá nhân, tổ chức kinh tế, cơ quan công quyền. Đặc biệt, với cái nhìn thiên lệch, nghiêng về phản ánh các vụ việc tiêu cực nhằm thu hút sự quan tâm của người đọc, không quan tâm đầy đủ đến những thành tựu to lớn trong xây dựng, phát triển, một số sản phẩm báo chí đã hình thành mô hình thông tin với gam màu tối. Một mặt, mô hình thông tin đó tác động vào xã hội, làm cho nhân dân lo lắng, tạo ra dư luận xã hội không có lợi cho việc tổ chức thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Mặt khác, những kẻ thù địch lợi dụng những thông tin đó để kích động sự chống đối, tuyên truyền bôi nhọ chế độ và công cuộc cách mạng của đất nước ta.

- Chính sách *quản lý nhân sự, quản lý tài chính, tiền tệ, đất đai, tài sản* của chúng ta vừa thiếu, vừa không chặt chẽ, chưa đồng bộ, kém hiệu quả, không tạo ra các điều kiện cần thiết để kiểm soát thu nhập và tài sản của công dân. Phần lớn các giao dịch thanh toán trong xã hội đều dùng tiền mặt trao tay, tạo điều kiện cho việc thực hiện những hành vi tiêu cực như: lãng phí, hối lộ, rửa tiền...

*

Đất nước ta đang đứng trước thời cơ, vận hội lớn cho sự nghiệp xây dựng, phát triển theo mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Kinh nghiệm và những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của 20 năm thực hiện chính sách đổi mới của Đảng, cơ hội đầu tư phát triển đang tăng lên cùng xu thế hòa bình, ổn định trong khu vực đang tạo ra những điều kiện thuận lợi to lớn cho sự ổn định chính trị - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế của nước ta. Tuy nhiên, con đường phát triển của nước ta cũng đứng trước

Digitized by Google

nhiều thách thức lớn. Một trong những thách thức đó - "Tình trạng suy thoái về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên gắn với tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí là nghiêm trọng"(1). Việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí không chỉ nhằm quản lý chặt chẽ, sử dụng có hiệu quả những nguồn lực kinh tế trong công cuộc xây dựng, phát triển đất nước, bảo vệ đội ngũ cán bộ, tăng cường hiệu lực quản lý của hệ thống chính trị, mà còn củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng và chế độ, giữ vững ổn định chính trị xã hội. Hơn nữa, việc đẩy lùi, khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí còn góp phần tăng cường sức mạnh đoàn kết dân tộc, làm thất bại những âm mưu chống phá của các thế lực thù địch. Tại Đại hội X, Đảng ta đã thể hiện quyết tâm chính trị cao và nhất quán trong việc "tích cực phòng ngừa và kiên quyết chống tham nhũng, lãng phí". Đây cũng là một chủ trương hợp lòng dân, thể hiện ý chí, nguyện vọng của nhân dân, được nhân dân hoan nghênh, ủng hộ.

Tuy nhiên, tình trạng tham nhũng, lãng phí ở nước ta hiện không chỉ trầm trọng ở mức độ phổ biến trong các cấp, các ngành, các địa phương, mà còn vô cùng phức tạp ở những âm mưu, thủ đoạn tinh vi, ở những mối quan hệ xã hội chằng chịt, ở sự phức tạp về nguyên nhân, điều kiện môi trường luật pháp. Chính vì thế, phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một công việc rất khó khăn, phức tạp, không thể giải quyết trong "ngày một, ngày hai". Đây cũng là một công việc đòi hỏi sự phối hợp triển khai thực hiện nhiều biện pháp khác nhau một cách đồng bộ. Một trong những biện pháp ấy là hoạt động giám sát xã hội.

Để hoạt động giám sát xã hội phát huy hiệu quả thực tế trong việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí, nội dung hoạt động giám sát xã hội phải được bao quát toàn bộ các yếu tố là nguyên nhân trực tiếp cũng như gián tiếp liên quan đến khả năng tạo thành hành vi tham nhũng, lãng phí như:

- Giám sát chương trình công tác của các cơ quan thuộc hệ thống chính trị, bao gồm việc lựa chọn đưa ra và sắp xếp lộ trình giải quyết các vấn đề chính trị, kinh tế, xã hội;

- Giám sát quá trình làm luật và thực thi pháp luật, bao gồm việc chuẩn bị nội dung các điều luật, các văn bản dưới luật sẽ được ban hành, trách nhiệm và hành vi của các cơ quan công quyền, của cá nhân các cán bộ, công chức trong việc tuân thủ và thực hiện pháp luật;

- Giám sát quá trình hoạch định và thực hiện chính sách, bao gồm nội dung và sự phù hợp của các chính sách với pháp luật và lợi ích quốc gia, cộng đồng, công dân; trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, cá nhân trong việc thực hiện chính sách; hiệu quả thực tế của chính sách;

- Giám sát việc thực thi công vụ, bao gồm việc thực thi công vụ của các cơ quan, tổ chức quản lý nhà nước, các cán bộ làm việc trong các cơ quan đó;

- Giám sát công tác tổ chức cán bộ, bao gồm việc giám sát chất lượng, hiệu quả, năng lực công tác, tư cách, đạo đức, lối sống, thái độ trong quan hệ với nhân dân;

- Giám sát các dịch vụ xã hội, bao gồm việc xử lý, thực thi những dịch vụ xã hội phù hợp với chức trách, nhiệm vụ của các cơ quan, tổ chức nhà nước và hệ thống chính trị.

Những nội dung giám sát này được thực hiện song hành bởi cả hệ thống giám sát hành chính và hệ thống giám sát công dân. Hai loại hình giám sát này kết hợp và bổ sung cho nhau, mang lại hiệu quả chung là góp phần phòng, chống tham nhũng, lãng phí. Hệ thống

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 75

Digitized by Google

giám sát hành chính là những cơ quan hoạt động chuyên nghiệp, vì thế có điều kiện thuận lợi trong việc thực hiện giám sát những nội dung phức tạp, đòi hỏi chuyên môn cao, đặc thù như: chương trình công tác của các cơ quan công quyền, quá trình làm luật, hoạch định chính sách, vấn đề sử dụng nguồn lực tài chính, ngân sách, những loại hình hoạt động mang tính kỹ thuật, công nghệ. Với sự phát triển của khoa học, công nghệ hiện đại cùng quy mô ngày càng lớn của các dự án, các công trình xây dựng, hoạt động giám sát trong các lĩnh vực này ngày càng khó khăn, phức tạp hơn. Ví dụ, việc giám sát đối với các dự án về công nghệ thông tin, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến phần mềm, những công trình xây dựng triển khai trên diện rộng với nhiều loại hạng mục phức tạp, những dự án của nhà nước mà hiệu quả đầu tư chỉ có thể tính toán được sau một thời gian tương đối dài...

Hệ thống giám sát công dân tuy hạn chế về tính chuyên nghiệp, nhưng có khả năng rất thuận lợi trong việc triển khai những hoạt động giám sát thường xuyên, liên tục với không gian sống rộng rãi nhất. Đó có thể là những hành vi thuộc về đạo đức, lối sống của từng người cán bộ, công chức, những sự việc, hiện tượng phức tạp, tế nhị mà các cơ quan giám sát hành chính khó tiếp cận. Bởi vì, nói cho cùng thì quy mô tuyệt đối của hệ thống giám sát công dân là toàn dân. Một khi tất cả công dân, mỗi người đều có ý thức và trách nhiệm tự giác thực thi hoạt động giám sát, thì rõ ràng rằng khó có hành vi tham nhũng, lãng phí nào có thể trốn tránh được sự trừng trị của pháp luật. Trên thực tế, phần lớn những vụ tham nhũng, lãng phí gây thiệt hại cho nhà nước và nhân dân là do nhân dân tố cáo hoặc do báo chí phát hiện. Chính vì thế, việc xây dựng và phát huy sức mạnh của hệ thống giám sát công dân có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vừa mang lại hiệu quả tích cực nhất, có khả năng to lớn trong răn đe, đề phòng những hành vi tham nhũng, lãng phí, vừa thể hiện sâu sắc bản chất của nhà nước của dân, do dân và vì dân, cũng như thể hiện mục tiêu hàng đầu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là tạo điều kiện ngày càng nhiều hơn cho sự phát triển toàn diện của mỗi con người.

*

Giám sát xã hội là một yếu tố đặc biệt quan trọng trong phòng, chống nguy cơ tham nhũng, lãng phí ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, hoạt động giám sát xã hội chỉ có hiệu quả khi có những điều kiện nhất định.

Trước hết, hoạt động giám sát xã hội phải tuân thủ nguyên tắc Đảng lãnh đạo, nhằm mục đích bảo vệ và tăng cường sức mạnh của chế độ. Điều đó thể hiện ở nhận thức và quyết tâm chính trị cao của Đảng trong việc tăng cường vai trò, hiệu quả của công tác giám sát xã hội nhằm mục đích bảo đảm kỷ cương, trật tự, công bằng xã hội, bảo vệ và phát huy tốt nhất các nguồn lực phục vụ sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Cũng có nghĩa là, *một mặt* chúng ta đề cao vai trò của hoạt động giám sát xã hội trong việc phòng, chống tham nhũng, lãng phí, *một mặt,* chúng ta cũng đề phòng những âm mưu, thủ đoạn lợi dụng chủ trương về giám sát xã hội để vu cáo, bôi nhọ cán bộ, gây nghi ngờ, mất đoàn kết trong nội bộ nhân dân, chống phá chế độ.

Thứ hai, giám sát xã hội không tách rời những điều kiện của nhà nước pháp quyền, trong đó có sự phân chia và phối hợp các quyền lực nhà nước một cách rõ ràng, đặc biệt là xác lập tính độc lập tương đối của quyền tư pháp và sự hoàn thiện của hệ thống luật pháp.

Thứ ba, hệ thống tổ chức giám sát xã hội phải được xây dựng đủ mạnh, được đáp ứng đủ các nguồn lực cần thiết để thực thi nhiệm

Digitized by Google

vụ. Phải sớm hoàn thiện những nguyên tắc, mối quan hệ của một cơ chế làm việc giữa các bộ phận trong hệ thống giám sát xã hội và giữa các cơ quan, tổ chức, cá nhân của hệ thống giám sát xã hội với các cơ quan quyền lực nhà nước.

Thứ tư, phát triển và quản lý hệ thống báo chí như một phương tiện rất quan trọng trong hoạt động giám sát. Với sức ảnh hưởng vô cùng to lớn đối với xã hội, mối quan hệ thường xuyên, chặt chẽ với mọi nguồn tin trong phạm vi cả nước và khả năng tạo dựng áp lực xã hội mạnh mẽ trong việc xử lý các sự việc, vấn đề nảy sinh, báo chí có vai trò và sức mạnh vô cùng quan trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ giám sát xã hội, chống tham nhũng, lãng phí. Tuy nhiên, nếu đặt trong mối quan hệ về tâm lý xã hội thì thông tin về tham nhũng, lãng phí trên báo chí là những thông tin tiêu cực. Với liều lượng, tỷ lệ quá nhiều, phương pháp đưa tin không hợp lý có thể dẫn tới tác động xấu về tâm lý xã hội, dẫn đến khả năng mất lòng tin vào chế độ hoặc những bức xúc, những phản ứng và hành động manh động không có lợi cho xã hội. Đó là chưa kể đến việc đưa những thông tin sai, không chính xác có thể gây ra những tác hại khôn lường cho những cơ quan, tổ chức kinh tế cũng như những công dân cụ thể. Vì thế, có thể nói rằng, việc quản lý để báo chí có một mô hình thông tin hợp lý, tích cực trong phòng, chống tham nhũng, lãng phí là một vấn đề sống còn, không thể xem nhẹ.

Thứ năm, hoạt động giám sát xã hội cũng như công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí khó có thể có hiệu quả nếu không có một hệ thống chính sách đồng bộ được thực hiện nhằm lành mạnh hóa môi trường xã hội, xóa bỏ những điều kiện trực tiếp dẫn đến khả năng tham nhũng, lãng phí. Trong các chính sách đó, phải kể đến trước nhất là chính sách về tiền lương và phân phối trong xã hội, chính sách về quản lý tài chính, tiền tệ, chính sách về quản lý cán bộ, chính sách về bảo vệ những người tích cực phòng, chống tham nhũng, lãng phí... Đang có một thực tế là mức chênh lệch rất cao về thu nhập giữa các bộ phận người lao động khác nhau trong xã hội, thậm chí ngay cả trong những người có cùng một trình độ, điều kiện lao động. Đặc biệt là thu nhập từ lương của chính những người làm việc trong bộ máy các cơ quan của Đảng, trong các cơ quan công quyền, Mặt trận, các đoàn thể chính trị - xã hội, các cơ quan đang thực thi nhiệm vụ trong hệ thống giám sát hành chính v.v.. đang ở mức thấp, thậm chí thấp hơn nhiều lần so với lương của cán bộ, công chức ở một số cơ quan, tổ chức khác. Hoặc những giao dịch thanh toán bằng tiền mặt, bằng ngoại tệ đang tràn lan, chưa có những biện pháp để hạn chế hoặc phương thức để thay thế v.v..

*

Chống tham nhũng, lãng phí là một cuộc đấu tranh vừa cấp bách, vừa có tính lâu dài, phức tạp, là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước ta và của mỗi cán bộ, đảng viên, là đòi hỏi và mong muốn của nhân dân cả nước. Giám sát xã hội chỉ là một trong những giải pháp hay phương tiện để đạt được mục đích của cuộc đấu tranh đó. Tuy nhiên, đây là giải pháp có ý nghĩa quan trọng hàng đầu. Việc xây dựng và duy trì hoạt động của một hệ thống giám sát xã hội mạnh, hoàn thiện và đồng bộ không chỉ có tác dụng phát hiện, ngăn chặn kịp thời những vụ việc đã xảy ra hoặc có dấu hiệu tham ô, chiếm đoạt, làm thiệt hại tài sản, của cải tiền bạc của Nhà nước, mà về lâu dài còn có ý nghĩa giáo dục, cảnh báo đối với cán bộ, răn đe, ngăn chặn từ gốc rễ những hiện tượng tham nhũng, lãng phí.❑

Digitized by Google

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI TƯ DUY VỀ SỞ HỮU XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

QUANG CẬN

VĂN kiện Đại hội X của Đảng viết: "Qua tổng kết lý luận - thực tiễn 20 năm đổi mới, chúng ta càng thấy rõ giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn của *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* (1991), đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần giải đáp. Sau Đại hội X, Đảng ta cần *tiếp tục nghiên cứu, bổ sung và phát triển Cương lĩnh* (QC nhấn mạnh), làm nền tảng chính trị, tư tưởng cho mọi hoạt động của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta trong quá trình đưa nước ta đi lên chủ nghĩa xã hội"(1). *Việc tiếp tục đổi mới tư duy về sở hữu xã hội chủ nghĩa, thuộc phạm trù quan hệ sản xuất,* là sự cần thiết, vừa cấp bách vừa cơ bản, *xuất phát từ yêu cầu tiếp tục giải phóng và phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và tiếp cận những thành tựu mới nhất của kinh tế tri thức,* góp phần xây dựng mô hình mới của chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Theo đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng về phát triển nền kinh tế nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, được nêu trong Cương lĩnh năm 1991 và được Đại hội X tiếp tục khẳng định, Đảng ta, trên thực tế, đã dần dần tiếp cận *một tư duy mới về sở hữu xã hội chủ nghĩa* trong thời kỳ quá độ dài đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đó là *chế độ đa sở hữu mà chủ thể là chế độ công hữu.* Như vậy, chúng ta chấp nhận cả sở hữu tư nhân, coi kinh tế tư nhân là một thành phần kinh tế, bao gồm kinh tế cá thể, kinh tế tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân, và nó thuộc phạm trù chế độ tư hữu; đồng thời, vẫn khẳng định chủ thể là chế độ công hữu. Đây là sự trở lại luận điểm đúng đắn của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về sự phụ thuộc của quan hệ sản xuất vào lực lượng sản xuất dưới ánh sáng lịch sử và thực tiễn của chủ nghĩa xã hội hiện thực mô hình cũ: không thể xóa bỏ chế độ tư hữu một cách chủ quan khi sự phát triển cao của lực lượng sản xuất chưa cho phép. Vấn đề ở đây là: vẫn cần có *tư duy mới về chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa, về sở hữu toàn dân và sở hữu nhà nước.* Cụ thể là, *trong doanh nghiệp nhà nước của kinh tế nhà nước, thuộc sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân, cùng với chủ sở hữu là nhà nước, có thể còn chấp nhận cả chủ sở hữu trực tiếp của cá nhân và tập thể người lao động không, và ý nghĩa của việc đó như thế nào?* (Ở đây không đề cập đến chủ sở hữu của người lao động cá thể, tiểu chủ, hộ xã viên hợp tác xã đã được xác nhận trong đường lối kinh tế nhiều thành phần).

Nhận thức của chủ nghĩa xã hội theo mô hình cũ về sở hữu xã hội chủ nghĩa là *thiết lập chế độ công hữu, xóa bỏ chế độ tư hữu.*

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 20

Digitized by Google

Điều này đã được ghi trong *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"*: "Những người cộng sản có thể tóm tắt lý luận của mình thành một công thức duy nhất này là: xóa bỏ chế độ tư hữu". Sở hữu cá nhân chỉ được quan niệm là sở hữu về tư liệu sinh hoạt, không chấp nhận sở hữu cá nhân về tư liệu sản xuất, coi đó là sở hữu tư nhân, trái với công hữu. Đây không chỉ là vấn đề lý luận mà còn là vấn đề đường lối chính trị, đường lối kinh tế, là lịch sử và thực tiễn của hơn 70 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội theo mô hình cũ, với cả mặt tích cực và hạn chế, mà sự hạn chế là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Đông Âu và Liên Xô.

Trong chủ nghĩa xã hội mô hình cũ ở nước ta, ở các doanh nghiệp nhà nước thuộc kinh tế nhà nước, sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân, khi người lao động mới được giải phóng, đã xuất hiện động lực to lớn trong sản xuất, kinh doanh, nhưng theo thời gian, động lực đó bị hạn chế dần dần. Hiện nay, nền kinh tế nhiều thành phần và đa sở hữu trong sự nghiệp đổi mới đã giải phóng mạnh mẽ lực lượng sản xuất, động viên các tầng lớp dân cư phát triển sản xuất, kinh doanh, nhưng cá nhân người lao động vô sản vẫn đi làm thuê, không chỉ làm thuê cho chủ tư bản mà còn làm thuê cho cả Nhà nước; trong doanh nghiệp nhà nước, người lao động vẫn không phải là người chủ sở hữu trực tiếp về tư liệu sản xuất. Như vậy, chẳng lẽ chúng ta chỉ chấp nhận quyền chủ sở hữu về tư liệu sản xuất của người lao động cá thể, tiểu chủ, hộ xã viên hợp tác xã và của cả nhà tư bản, chứ không chấp nhận quyền đó của người lao động, của giai cấp công nhân trong doanh nghiệp nhà nước. Do đó, trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, giai cấp công nhân là người làm chủ hay là người làm thuê (hay chỉ làm chủ về chính trị thông qua Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa)? Vai trò làm chủ thực tế, trực tiếp về kinh tế của người lao động trong doanh nghiệp nhà nước được thể hiện như thế nào và liệu có thể tạo nên động lực mạnh mẽ trong các doanh nghiệp nhà nước, trong thành phần kinh tế nhà nước như trong các thành phần kinh tế khác hay không, và do vậy việc phát huy vai trò chủ đạo của thành phần kinh tế này sẽ ra sao?

Bên cạnh đó, một vấn đề quan trọng khác đang được đặt ra là, *kinh tế cổ phần* có phải là giải pháp đột phá cho vấn đề sở hữu tài sản nói chung, sở hữu về tư liệu sản xuất nói riêng đối với mọi người dân trong tất cả các thành phần kinh tế, cả trong kinh tế nhà nước?

Tôi cho rằng, kinh tế cổ phần là một bước tiến bộ, tích cực, huy động được mọi nguồn vốn trong các tầng lớp dân cư, trong và ngoài doanh nghiệp, trong và ngoài nước, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của sản xuất, kinh doanh, tạo nhiều công ăn việc làm cho người lao động... ; ở doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa, thực hiện được phần nào quyền chủ sở hữu của cá nhân người lao động. Do vậy, nó rất cần được tiếp tục phát triển. Tuy nhiên, đó có phải là câu trả lời, là giải pháp của chủ nghĩa xã hội không? Bởi kinh tế cổ phần này là kinh tế của những người hữu sản, những người hữu sản không lao động và những người lao động hữu sản, không chỉ trong doanh nghiệp mà cả ngoài doanh nghiệp, cùng góp vốn vào sản xuất, kinh doanh. Trong đó, *nguyên tắc phân phối là theo tài sản, theo cổ phần, không phải là theo lao động,* nghĩa là tư bản là yếu tố chi phối chứ không phải là lao động (khi người lao động chỉ có thể có tài sản bằng sức lao động của mình). Ở đây là gộp nhiều c (c con) thành C (C to) và phân phối theo C, tức là từ c đến C. Ai cũng biết, giải pháp tích cực có tính đột phá này là thuộc *phạm trù kinh tế tư bản,* xuất hiện từ mấy thế kỷ trước, khi chủ nghĩa tư bản cần tích tụ và tập trung những khoản tiền vốn lớn để xây dựng những công trình lớn, phát triển mạnh mẽ sản xuất, kinh doanh. Trong quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước ở nước ta, có

Digitized by Google

những doanh nghiệp nhà nước cổ phần hóa nhưng thực chất là tư nhân hóa. Đây là điều mà Nghị quyết Trung ương 3, khóa IX đã nhắc nhở cần phải tránh. Vấn đề đặt ra là, người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa được mua cổ phiếu ưu đãi để trở thành cổ đông, đúng là có phần làm chủ, nhưng có chi phối được toàn bộ cổ phần không? Bởi vì, có những trường hợp, do hoàn cảnh khó khăn, người lao động phải bán cổ phiếu của mình cho nhà hữu sản có cổ phần lớn hơn và biến nó thành tư liệu sinh hoạt để giải quyết khó khăn trong đời sống. Điều đó dẫn đến cơ cấu sở hữu cổ phần trong doanh nghiệp thay đổi: sở hữu cổ phần của tư nhân, tư bản tư nhân ngày càng phát triển, tỷ lệ nghịch với sở hữu cổ phần của người lao động trong doanh nghiệp. Lúc này, người có cổ phần chi phối là người làm chủ doanh nghiệp chứ không phải là người lao động. Theo tôi, có thể có cái gọi là *kinh tế cổ phần thuộc phạm trù kinh tế xã hội chủ nghĩa* nếu chi phối cổ phần là người lao động chủ sở hữu (sẽ nêu ở dưới).

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, sức lao động cũng là một loại hàng hóa, nghĩa là có thị trường sức lao động và người lao động bán được hàng hóa sức lao động của mình, có việc làm, *được đi làm thuê*. Giải quyết việc làm cho người lao động, không để thất nghiệp, đúng hơn là hạn chế thất nghiệp ở mức thấp nhất, luôn luôn là vấn đề chiến lược của tất cả các nước, kể cả những nước tư bản phát triển. Tuy nhiên, có việc làm đâu phải chỉ là đi làm thuê. Nếu chỉ là lao động làm thuê, thì cũng chỉ là giải pháp của chủ nghĩa tư bản mà chủ nghĩa xã hội cũng rất cần. Giải pháp về lao động, việc làm, còn phải là *lao động làm chủ*, trong đó điều quan trọng nhất là làm sao để *người lao động làm chủ sở hữu tư liệu sản xuất của mình trong sản xuất, kinh doanh*. Hiện nay đã rõ, người lao động cá thể, tiểu chủ, hộ xã viên hợp tác xã làm chủ trực tiếp sở hữu của mình, nhưng còn người lao động trong doanh nghiệp nhà nước xã hội chủ nghĩa, trong thành phần kinh tế nhà nước xã hội chủ nghĩa, vẫn là người vô sản đi làm thuê như đã nêu ở trên (đương nhiên cả người lao động trong doanh nghiệp tư bản trong nước và ngoài nước). Phải chăng nên đặt vấn đề tìm nhiều biện pháp *làm cho công nhân, người lao động trong doanh nghiệp nhà nước*, thành phần kinh tế nhà nước, trong sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân không chỉ là chủ sở hữu gián tiếp thông qua sở hữu nhà nước, mà còn *thực sự là chủ sở hữu trực tiếp của cá nhân trong sở hữu tập thể, sở hữu nhà nước*, sở hữu toàn dân, công hữu.

Toàn dân sở hữu, toàn dân sản xuất, kinh doanh, người lao động làm chủ sở hữu trực tiếp tư liệu sản xuất của mình, đó là giải pháp theo tư duy mới về sở hữu xã hội chủ nghĩa nói chung, kể cả trong doanh nghiệp nhà nước, kinh tế nhà nước, sở hữu nhà nước, sở hữu toàn dân, công hữu. Làm được như vậy, sẽ tạo ra một động lực mới, to lớn trong sản xuất, kinh doanh. Nhờ đó, cơ sở vật chất bảo đảm cho người dân, người lao động làm chủ chính trị, xã hội, làm chủ bản thân, giữ được phẩm chất, nhân cách trong nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đích thực, sẽ được xác lập và không ngừng tăng cường. Người ta thường nói: "Lao động sáng tạo ra tất cả". *Cương lĩnh Gô-ta* của Hội những người công nhân Đức ở thế kỷ XIX cũng nêu như vậy, và điều đó đã bị C.Mác phê phán trong *"Phê phán Cương lĩnh Gô-ta"* rằng, "đó là điều có thể tìm thấy trong sách vỡ lòng của các nhà trường tư sản". Theo C. Mác, lao động không thể sáng tạo ra tất cả nếu không có đối tượng lao động: thiên nhiên, ruộng đất, hầm mỏ... Nói "lao động sáng tạo ra tất cả" là lờ đi vấn đề cốt tủy: tư liệu sản xuất thuộc về ai? Đương nhiên, về vấn đề này, chủ nghĩa xã hội mô hình cũ đã có lời giải với cả mặt tích cực và hạn chế như chúng ta đã biết, và nay cần được giải quyết theo tư duy mới.

Như vậy, *công hữu xã hội chủ nghĩa phải là sự liên hiệp của những người lao động trí óc và*

Digitized by Google

lao động chân tay làm chủ sở hữu trực tiếp về tư liệu sản xuất của mình trong nhiều hình thức: thông qua Nhà nước, trực tiếp của tập thể và của cá nhân, đan xen trong các hình thức sở hữu khác nhau, trên cơ sở những thành tựu mới của khoa học và công nghệ hiện đại, của văn minh trí tuệ. Công hữu, sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước cần có sự đổi mới như thế nào đó để nó gắn liền với chế độ đa sở hữu và tác động tích cực đến các hình thức sở hữu khác.

Sở hữu thuộc phạm trù quan hệ sản xuất, nhất thiết phải phát triển phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất để phát huy tính tích cực, đẩy mạnh sản xuất, chứ không phát huy tính tiêu cực, hạn chế, kìm hãm sản xuất. Có thể dự báo sự xuất hiện và phát triển nhiều hình thức sở hữu khác nữa (và nhiều loại hình tổ chức sản xuất, kinh doanh) trong chế độ công hữu cũng như trong các hình thức sở hữu khác trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nhất là trước sự tác động của văn minh trí tuệ, trực tiếp là của kinh tế tri thức. Ví dụ, việc chuyển một số tổ chức nghiên cứu khoa học - công nghệ sang hoạt động theo cơ chế doanh nghiệp, sẽ hình thành những cái gọi là "trí nghiệp" (intelprise), khác với những xí nghiệp truyền thống (enterprise), không chỉ là một hình thức sản xuất, kinh doanh mới, mà còn là *một hình thức sở hữu mới* trong kinh tế tri thức. Đó là sự liên kết, hợp tác của những người lao động trí óc chủ sở hữu - làm chủ mà không nhất thiết có người làm thuê, không chỉ là chủ sở hữu trí tuệ mà có thể còn là chủ sở hữu cả cơ sở vật chất, kỹ thuật của nghiên cứu khoa học - công nghệ và sản xuất, kinh doanh.

Nên chăng, để bảo đảm quyền sở hữu trực tiếp về tư liệu sản xuất của cá nhân và tập thể người lao động trong doanh nghiệp nhà nước, ngoài tiền công làm thuê như trong doanh nghiệp tư bản và doanh nghiệp nhà nước của chủ nghĩa xã hội mô hình cũ, *có thể dành cho cá nhân người lao động một phần giá trị thặng dư m do chính họ làm ra, tạo thành sở hữu tập thể, không chia nhưng vẫn hình thành cổ phần riêng của từng người lao động trong tập thể người lao động của doanh nghiệp để mở rộng sản xuất, kinh doanh?* Làm như vậy, người lao động vô sản vẫn có cổ phần gắn với quyền làm chủ doanh nghiệp. Sở hữu tập thể này cũng là cổ phần của tập thể người lao động trong doanh nghiệp, được phân phối theo cổ phần (hưởng cổ tức). Cổ tức được tích tụ và tập trung để không ngừng phát triển sở hữu tập thể, cũng đồng thời là sự phát triển sở hữu cá nhân người lao động trong sở hữu tập thể đó. Nó không phải là sở hữu tư nhân, không giống cổ phần trong kinh tế của chủ nghĩa tư bản. Tuy cũng là cổ phần và cổ tức, nhưng đó là *phân phối theo lao động, bị lao động chi phối. Sở hữu cá nhân trong sở hữu tập thể này là lao động tích lũy của người lao động, trực tiếp thuộc về người lao động, người lao động được hưởng và trở thành tài sản đầu tư cho sản xuất, kinh doanh.* Ở đây, m biến thành c và tích tụ, tập trung m thành C, tức là từ m đến C đều là của người lao động và do lao động chi phối. Từ đó, có thể cho rằng, *kinh tế cổ phần mà người lao động là chủ sở hữu chi phối thuộc phạm trù kinh tế xã hội chủ nghĩa.*

Như vậy, *lao động của người vô sản đã tạo ra tài sản cho người vô sản một cách trực tiếp trong sản xuất, kinh doanh để biến người lao động thành chủ sở hữu.* Ở đây, lao động của người vô sản hoàn toàn khác với nó dưới chế độ tư bản. Nó cũng không giống dưới chủ nghĩa xã hội mô hình cũ: người lao động trong doanh nghiệp nhà nước, trong kinh tế nhà nước vẫn là người làm thuê (nhưng được coi là tạo ra sở hữu cho mình một cách gián tiếp, thông qua Nhà nước).

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ ý tưởng của mình trong Sắc lệnh số 29 (ngày 12-3-1947): "Để khuyến khích công nhân trong các ngành kỹ nghệ và thương mại, có thể định cho công nhân tham gia vào việc chia lãi hàng năm". Ở đây, có thể Người nói đến

(Xem tiếp trang 39)

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VỀ SỞ HỮU VÀ VẤN ĐỀ ĐẢNG VIÊN LÀM KINH TẾ TƯ NHÂN

PHẠM VĂN ĐỨC *

CÔNG cuộc đổi mới toàn diện đất nước, bắt đầu bằng đổi mới tư duy mà trước hết là tư duy kinh tế, đang thu được những thành tựu rất đáng phấn khởi. Từ một nước nông nghiệp có nền kinh tế phát triển chậm, Việt Nam trở thành nước có sự phát triển năng động trong khu vực với tốc độ tăng trưởng hàng năm tương đối cao. Để có được thành tựu đó, căn bản là do những đổi mới về kinh tế và nhân tố có ý nghĩa quyết định trong đó là *đổi mới nhận thức về sở hữu*. Chính sự đổi mới này đã tạo động lực cho nền kinh tế, thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và làm cho nền kinh tế trở nên năng động.

Sở hữu là vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng. Vì vậy, ngay từ Đại hội III của Đảng, việc cải tạo hệ thống các quan hệ sản xuất cũ thành quan hệ sản xuất mới xã hội chủ nghĩa với hai hình thức sở hữu chủ yếu là *sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể*, đã được thực hiện. Hai hình thức sở hữu này là cơ sở để xây dựng và phát triển thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa. Cho đến trước Đại hội VI (năm 1986), nền kinh tế Việt Nam vẫn chỉ có hai thành phần kinh tế chủ yếu - đó là kinh tế xã hội chủ nghĩa và kinh tế phi xã hội chủ nghĩa. Trong thời gian này, chúng ta đã tập trung chú trọng, tạo mọi điều kiện để phát triển các thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa; cải tạo, hạn chế để đi đến xóa bỏ dần các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa.

Bắt đầu từ Đại hội VI và tiếp theo là các Đại hội VII, VIII, IX và X, Đảng ta nhất quán chủ trương đa dạng hóa các hình thức sở hữu với nhiều thành phần kinh tế khác nhau. Các thành phần kinh tế được hình thành trên cơ sở của ba hình thức sở hữu cơ bản là *sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể* và *sở hữu tư nhân*. Các thành phần kinh tế bao gồm kinh tế nhà nước, kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân (cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân), kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài(1).

Điều quan trọng cần nhấn mạnh là, nếu như trước đây, các thành phần kinh tế chủ yếu được xây dựng trên cơ sở sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể thì hiện nay, nhiều thành phần kinh tế được xây dựng và phát triển trên cơ sở của sở hữu tư nhân hoặc sở hữu hỗn hợp về tư liệu sản xuất. Đây là một đổi mới quan trọng góp phần làm nên thắng lợi của công cuộc đổi mới đất nước.

Thực tiễn cho thấy, đổi mới căn bản nhất được thể hiện ở chủ trương, chính sách đối với các thành phần kinh tế dựa trên sở hữu tư nhân. Đó là, trong *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Đảng ta đã

* PGS, TS, Q. Viện trưởng Viện Triết học

(1) Xem: *Văn kiện đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2006, tr 83

Digitized by Google

khẳng định: "Mọi người được *tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp*... Mọi đơn vị kinh tế, không phân biệt quan hệ sở hữu đều hoạt động theo cơ chế *tự chủ kinh doanh, hợp tác và cạnh tranh với nhau bình đẳng trước pháp luật*"(2). Những tư tưởng này, được Đại hội X của Đảng tiếp tục hoàn thiện và phát triển. Chẳng hạn, "Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh... Xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử theo hình thức sở hữu..."(3)

Chúng ta cũng có thể kể ra nhiều thành tựu cụ thể hơn xung quanh việc đổi mới về sở hữu. Vấn đề đặt ra chính là ở chỗ, vậy cơ sở lý luận để dẫn tới những đổi mới căn bản quan niệm về sở hữu trong thời gian qua là gì?

Trước hết, đó là sự đổi mới quan niệm về chủ nghĩa xã hội và quan niệm về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Trước đây, quá độ lên chủ nghĩa xã hội mặc dù được quan niệm là một thời kỳ lâu dài, gian khổ; song, cái lâu dài, gian khổ đó chỉ hạn định trong vài ba kế hoạch 5 năm. Những cái không phải là chủ nghĩa xã hội, những cái là "tàn dư của xã hội cũ" sẽ được xóa bỏ một cách nhanh chóng. Sau vài kế hoạch 5 năm, Việt Nam sẽ có ngay chủ nghĩa xã hội.

Qua thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và nhiều nước trên thế giới, đặc biệt là thực tế của những năm đổi mới, ta ngày càng nhận ra, quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ vô cùng khó khăn và gian khổ. Không ai có thể xác định một cách chính xác độ dài của thời kỳ quá độ. Bởi vì, độ dài của nó không chỉ phụ thuộc vào điểm xuất phát của từng nước, mà còn phụ thuộc vào chiến lược phát triển và bước đi cụ thể của mỗi nước. Nhất là, trong thời gian đó, cần sử dụng những cái không phải là của chủ nghĩa xã hội như *những bước trung gian quá độ* để phát triển sản xuất, tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của nhân dân lao động.

Thêm vào đó, trong thời kỳ đổi mới, quan niệm thế nào là chủ nghĩa xã hội cũng dần dần được sáng tỏ hơn. Trước đây, chủ nghĩa xã hội thường được quan niệm với các đặc trưng cụ thể trong sự so sánh với chủ nghĩa tư bản. Đó chính là những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội đã được các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin dự báo khi so sánh với chủ nghĩa tư bản. Nhưng "các đặc trưng đó lâu nay thường được chúng ta hiểu như những cái *dứt khoát sẽ có*, trong khi đó, sự thực, các đặc trưng ấy hầu hết được C. Mác và Ph. Ăng-ghen trình bày dưới dạng các ***khả năng***, các ***tiên đoán*** về các sự biến tương lai"(4).

Tuy nhiên, bên cạnh cách hiểu về chủ nghĩa xã hội với các đặc trưng cụ thể, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin còn có cách hiểu khác về chủ nghĩa xã hội, coi đó là một xã hội phát triển cao hơn và tốt đẹp hơn chủ nghĩa tư bản. Điều đó được thể hiện ở chỗ, khi đưa ra quan niệm về thời kỳ quá độ, C. Mác chủ yếu nói về thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản sang xã hội cộng sản, còn hầu như không nói tới quá độ từ một nước tiền tư bản lên xã hội cộng sản, hoặc nếu có nói thì xem đó như một trường hợp ngoại lệ, một trường hợp của "sự phát triển rút ngắn" hết sức hiếm hoi. Đặc biệt, trong quan niệm của ông, chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất cho chủ nghĩa xã hội.

Kế thừa quan niệm của C. Mác, Hồ Chí Minh đã đưa ra nhiều ý kiến giải thích một cách vắn tắt về chủ nghĩa xã hội. Có thể nêu một số quan niệm tiêu biểu của Người về chủ nghĩa xã hội, như: "xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt"; "mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng, tự do"; "mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến

(2) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1991, tr 8

(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 83 và 84

(4) Lê Hữu Tầng: *Chủ nghĩa xã hội từ lý luận đến thực tiễn. Những bài học kinh nghiệm chủ yếu*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 29

bộ"; "tất cả mọi người các dân tộc ngày càng no ấm, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng"; "nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc"; "Chủ nghĩa xã hội là làm sao cho dân giàu nước mạnh"(5).

Xuất phát từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên trì con đường xã hội chủ nghĩa, văn kiện Đại hội X của Đảng khẳng định: *"Xã hội xã hội chủ nghĩa* mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao, dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người được giải phóng khỏi áp bức, bất công, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, phát triển toàn diện..."(6). Đó chính là căn cứ để chúng ta xác định thế nào là đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Vận dụng vào vấn đề sở hữu, ta thấy, chủ trương đa dạng hóa các loại hình sở hữu, cho phép nhiều thành phần kinh tế tồn tại và phát triển là một chủ trương đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Theo chúng tôi, đó là cơ sở lý luận *thứ nhất* cho sự thay đổi quan niệm về sở hữu ở Việt Nam. *Thứ hai,* cơ sở của sự đổi mới quan niệm về sở hữu là *sự thay đổi từ quan niệm sở hữu chủ yếu là mục đích sang quan niệm coi sở hữu vừa là mục đích vừa là phương tiện.* Mục đích chính là cái mà con người cần hướng tới, còn phương tiện là cái mà nhờ đó con người có thể đạt tới mục đích.

Đối với cả quá trình cách mạng Việt Nam, trong giai đoạn đấu tranh lật đổ chế độ phong kiến và đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược, vấn đề sở hữu là cốt tử. Đồng thời, việc xây dựng một chế độ tiến bộ làm cơ sở nhằm thủ tiêu mọi áp bức bóc lột, tạo lập sự bình đẳng, hữu nghị giữa các dân tộc là mục đích của sự phát triển xã hội. Song mặt khác, bản thân các hình thức sở hữu lại là hình thức biểu hiện và bị quy định bởi trình độ phát triển của lực lượng sản xuất. Nghĩa là, nếu các hình thức sở hữu phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất thì nó sẽ thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển; ngược lại, nó sẽ cản trở sự phát triển của lực lượng sản xuất. Với ý nghĩa đó, sở hữu lại là *phương tiện* để phát triển lực lượng sản xuất. Điều này, đặc biệt quan trọng đối với những nước chưa trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa thực hiện *quá độ rút ngắn* đi lên chủ nghĩa xã hội.

Do không hiểu được *sở hữu vừa là mục đích vừa là phương tiện,* hoặc quá nhấn mạnh đến khía cạnh mục đích của việc xây dựng chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, trước đổi mới, chúng ta đã tập trung xây dựng chế độ công hữu dưới hai hình thức là sở hữu toàn dân và sở hữu tập thể. Chỉ từ Đại hội VI của Đảng đến nay, cùng với sự đổi mới tư duy kinh tế, quan niệm về sở hữu từng bước được đổi mới. Nhận định mang tính khái quát cao về lý luận của Đại hội VI: "lực lượng sản xuất bị kìm hãm không chỉ trong trường hợp quan hệ sản xuất lạc hậu, mà cả khi quan hệ sản xuất phát triển không đồng bộ, có những yếu tố đi quá xa so với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất"(7) - có liên quan chủ yếu tới vấn đề sở hữu.

Xuất phát từ quan niệm đó, trong quá trình đổi mới, các chính sách cụ thể đối với các loại hình sở hữu và các thành phần kinh tế trở nên thông thoáng hơn và ngày càng được hoàn thiện. Các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế đều được xem là bộ phận hợp thành của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Song, nếu các loại hình sở hữu, đặc biệt là sở hữu tư nhân, chỉ là phương tiện để đạt đến mục tiêu là xây dựng chủ nghĩa xã hội thì phải chăng việc sử dụng phương tiện đó chỉ mang tính nhất thời và trong một thời gian ngắn, sở hữu tư nhân sẽ bị thay thế hoặc bị xóa bỏ?

---

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 1996, t 10, tr 591; t 8, tr 396; t 10, tr 97, 317, 17; t 8, tr 226

(6) *Văn kiện đã dẫn,* tr 68

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI,* Nxb Sự thật, Hà Nội, 1987, tr 57

Digitized by Google

Về lý luận, C. Mác nhiều lần khẳng định, những người cộng sản không có nhiệm vụ xóa bỏ chế độ tư hữu nói chung mà có nhiệm vụ xóa bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa, tức là chế độ tư hữu dùng quyền tư hữu của mình để bóc lột lao động của người khác. Thứ nữa, theo C. Mác và Ph. Ăng-ghen, việc xóa bỏ chế độ tư hữu là do đòi hỏi của sự phát triển của lực lượng sản xuất, của công nghiệp. Nghĩa là, chế độ tư hữu tiền tư bản chủ nghĩa bị chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa xóa bỏ là do đòi hỏi tất yếu của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Tương tự, sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa bị xóa bỏ vì nó trở thành "xiềng xích" đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất. Ngược lại, khi sở hữu tư nhân còn phát huy vai trò của mình đối với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì sự tồn tại của nó lại là tất yếu và cần thiết.

Việt Nam hiện đang tiến hành công cuộc đổi mới, vấn đề là, trong khi tiếp tục xây dựng và phát triển sở hữu toàn dân, làm cho nó thực sự đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế, cần tiếp tục khai thác những mặt mạnh của sở hữu tư nhân để phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân. Đó chính là đòi hỏi khách quan của sự phát triển của lực lượng sản xuất. Nói cách khác, việc cho phép tồn tại và phát triển nhiều loại hình sở hữu, kể cả sở hữu tư nhân không những là tất yếu mà còn cần thiết cho việc phát triển của lực lượng sản xuất. Sự tồn tại của sở hữu tư nhân sẽ là lâu dài và gắn liền với độ dài của thời kỳ quá độ ở nước ta.

Mặt khác, ở các nước tư bản phát triển, dù sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã phát triển đến một trình độ rất cao, song các hình thức sở hữu tư nhân với quy mô nhỏ vẫn tồn tại và không bị các hình thức sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa thủ tiêu. Còn ở Việt Nam, khi nào sở hữu tư nhân bị xóa bỏ? Đây là câu hỏi rất khó xác định về mặt thời gian. Nhưng, về phương pháp luận, có thể khẳng định, chỉ khi nào sở hữu tư nhân không còn là hình thức tất yếu của lực lượng sản xuất, không còn đóng vai trò thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển và trở thành "xiềng xích", mâu thuẫn gay gắt với sự phát triển của lực lượng sản xuất thì khi đó, sở hữu tư nhân sẽ không còn tồn tại.

Rõ ràng, việc thực hiện nền kinh tế nhiều thành phần với các loại hình sở hữu khác nhau là chiến lược lâu dài và tối ưu để làm cho nền kinh tế trở nên năng động nhằm phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao đời sống của nhân dân và là một trong những tiêu chuẩn quan trọng để đánh giá hiệu quả của việc xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đúng như văn kiện Đại hội X của Đảng khẳng định, "Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật đều là bộ phận hợp thành quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, bình đẳng trước pháp luật, cùng phát triển lâu dài, hợp tác và cạnh tranh lành mạnh. Kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân. *Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế*" (8) (tác giả nhấn mạnh - PVĐ).

Như vậy, đường lối đổi mới về sở hữu và các thành phần kinh tế của Đảng ta là nhất quán. Trong đó, vai trò của kinh tế tư nhân ngày càng được nhận thức một cách đầy đủ và càng được đề cao. Vấn đề là, nếu kinh tế tư nhân đóng vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế thì đảng viên làm kinh tế tư nhân có phải là một lẽ đương nhiên hay không?

Về vấn đề này, văn kiện Đại hội X khẳng định: "Mọi công dân có quyền tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh với quyền sở hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh được pháp

(8) *Văn kiện đã dẫn*, tr 83

Digitized by Google

luật bảo hộ; có quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, tiếp cận các cơ hội, nguồn lực kinh doanh, thông tin và nhận thông tin"(9). Mọi công dân, nghĩa là cả đảng viên cũng đều có quyền hoạt động kinh tế bình đẳng như mọi công dân khác. Tuy nhiên, đối với đảng viên, văn kiện Đại hội X chỉ rõ: "Đảng viên làm kinh tế tư nhân phải gương mẫu chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước, nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương"(10).

Đây là điểm mới trong Văn kiện của Đại hội X. Mặc dù những quan điểm mới này đã nhận được sự thống nhất cao trong Đảng và sự đồng tình của đông đảo nhân dân, nhưng vẫn còn một số cán bộ, đảng viên và nhân dân băn khoăn, thảo luận. Có ý kiến còn cho rằng, nếu cho phép đảng viên làm kinh tư nhân thì có nghĩa là có thể làm giàu hết cỡ, có thể bóc lột hết cỡ và như vậy có trái với phẩm chất của người đảng viên hay không? Và vấn đề đặt ra là có nên kết nạp cả những nhà tư bản tư nhân vào Đảng hay không? Câu trả lời cuối cùng vẫn là từ *thực tiễn cuộc sống*. Tuy nhiên, với những suy nghĩ trên, chúng tôi xin có một số ý kiến như sau:

Thứ nhất, chủ trương của Đảng cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân là một chủ trương nhất quán và hợp lô-gic với quan điểm phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, với chính sách kinh tế nhiều thành phần dựa trên sự đổi mới quan niệm về sở hữu, coi kinh tế tư nhân là một trong những động lực của nền kinh tế. Điều đáng nói là, phát triển kinh tế tư nhân là một chủ trương lớn của Đảng. Đảng viên của Đảng lại là công dân, do đó, họ không chỉ thực hiện như công dân mà còn phải đi tiên phong với tư cách đảng viên trong việc đưa quan điểm, chủ trương của Đảng vào thực tiễn cuộc sống.

Thứ hai, một trong những mục tiêu hết sức quan trọng mà Đảng đề ra trong những năm tới là sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển. Để đạt mục tiêu đó, vấn đề giải quyết việc làm và nâng cao đời sống của người lao động trở thành một nhiệm vụ hết sức cấp bách của toàn xã hội. Đối với nước ta hiện nay nhu cầu việc làm là vô cùng to lớn. Khi người lao động có việc làm thì đời sống của họ sẽ được cải thiện, tình trạng tội phạm và tệ nạn xã hội do thất nghiệp sinh ra sẽ giảm, những căng thẳng về mặt xã hội và sự phân hóa giàu nghèo cũng giảm bớt. Việc cho phép các đảng viên làm kinh tế tư nhân sẽ góp phần tạo ra nhiều việc làm không những cho gia đình các đảng viên mà cho toàn xã hội, qua đó, góp phần làm cho các mục tiêu xóa đói, giảm nghèo, tạo thêm công ăn, việc làm, cải thiện và từng bước nâng cao đời sống nhân dân nhanh chóng trở thành hiện thực.

Tuy nhiên, vấn đề là ở chỗ mục tiêu của Đảng là xây dựng một xã hội không còn người bóc lột người. Nếu cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân thì liệu chủ trương đó có đi ngược với mục tiêu, lý tưởng của Đảng hay không? Các đảng viên có trở thành ông chủ tư bản, thành người bóc lột hay không và Đảng ta có kết nạp những doanh nhân vào Đảng không?

Thứ nhất, mục tiêu xóa bỏ mọi áp bức, bất công, chế độ người bóc lột người là mục tiêu và lý tưởng không chỉ của dân tộc mà còn là của cả nhân loại. Trên con đường đi tới mục tiêu, lý tưởng cao đẹp đó, chúng ta phải sử dụng nhiều biện pháp và phương tiện khác nhau; đồng thời, cũng phải chấp nhận bóc lột ở mức độ nhất định để phát triển sản xuất, giải quyết việc làm và nâng cao đời sống cho người lao động. Đối với đất nước ta, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn rất lâu dài và gian khổ. Hiện nay, việc chấp nhận bóc lột ở mức độ nhất định là khó tránh khỏi. Vấn đề quan trọng là phải nhìn nhận xem thế nào là bóc lột và mức độ bóc lột thế nào là chấp nhận được? Việc người đảng viên bỏ vốn thuê lao động để tiến hành sản xuất và

(9), (10) *Văn kiện đã dẫn*, tr 83, 133

Digitized by Google

kinh doanh để có một lợi nhuận nhất định và chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật phải chăng là bóc lột? Việc đó không khác gì việc bỏ vốn vào ngân hàng để lấy lãi hàng tháng. Vấn đề chính là ở sự điều chỉnh của pháp luật.

Thứ hai, chúng ta đang xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước là công cụ đắc lực để điều chỉnh, tạo môi trường và định hướng sự phát triển xã hội. Thêm vào đó, bản thân việc làm kinh tế của đảng viên còn phải tuân theo Điều lệ Đảng và còn phải chịu sự quy định của Ban Chấp hành Trung ương. Như vậy, với tư cách là một công dân, đảng viên phải tuân thủ nghiêm chỉnh những quy định của pháp luật và với tư cách là đảng viên, người đảng viên phải chấp hành những quy định của Đảng. Do đó, việc cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân không dẫn tới tình trạng đi chệch mục tiêu và lý tưởng mà Đảng đã đề ra, mà trái lại còn góp phần hiện thực hóa mục tiêu, lý tưởng của Đảng Cộng sản. Về vấn đề này, văn kiện Đại hội X nêu rõ: "Sớm có quy định và chỉ đạo thực hiện, bảo đảm vừa phát huy khả năng làm kinh tế của đảng viên, vừa giữ được tư cách đảng viên và bản chất của Đảng"(11).

Thứ ba, khi chúng ta đã cho phép đảng viên làm kinh tế tư nhân một cách bình đẳng như mọi công dân khác miễn là nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật và những quy định của Đảng thì chúng ta cũng có thể kết nạp những doanh nhân, nếu họ chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật của Nhà nước và những quy định của Đảng. Việc kết nạp những doanh nhân này không những không làm giảm sức mạnh của Đảng; trái lại, còn góp phần nâng cao năng lực và sức mạnh của Đảng trong việc hiện thực hóa quan điểm đổi mới về sở hữu, về sử dụng kinh tế tư nhân như một động lực, cũng như về việc thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.❑

(11) *Văn kiện đã dẫn,* tr 133

Tiếp tục đổi mới tư duy...

(Tiếp theo trang 33)

những doanh nghiệp tư nhân và tư bản tư nhân có từ trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945 và cả một số ít doanh nghiệp nhà nước mới hình thành sau Cách mạng Tháng Tám. Nhưng Người chỉ mới nói đến việc chia lãi, chưa nói đến việc công nhân sử dụng lãi được chia ấy như thế nào.

Sở hữu tư nhân, cá thể, tiểu chủ, tư bản tư nhân cũng có khả năng đi vào chủ nghĩa xã hội theo đường lối của Đảng *nếu* định hướng xã hội chủ nghĩa được giữ vững. Bởi vậy, cần tiếp tục huy động vốn trong dân cư, vốn của nước ngoài, động viên mọi nguồn lực để mở rộng và hiện đại hóa sản xuất, kinh doanh, đẩy mạnh phát triển kinh tế cổ phần. Cần thực hiện kinh tế cổ phần thuộc phạm trù kinh tế tư bản chủ nghĩa, đồng thời nghiên cứu thực hiện kinh tế cổ phần thuộc phạm trù kinh tế xã hội chủ nghĩa, nhằm dần dần bảo đảm quyền chủ sở hữu cá nhân về tư liệu sản xuất của mọi người lao động trong tất cả các thành phần kinh tế, kể cả trong kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, sở hữu toàn dân, công hữu.

Như vậy, *sở hữu công cộng (công hữu) không đối lập với sở hữu cá nhân (về tư liệu sản xuất). Sở hữu cá nhân phải là những tế bào của sở hữu công cộng để tạo nên động lực mạnh mẽ cho người lao động trong sản xuất, kinh doanh.* Sở hữu toàn dân dưới hình thức sở hữu nhà nước không phải là ngoại lệ, dù là một hình thức đặc thù. Trong công hữu, ngoài sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước, còn có sở hữu tập thể và sở hữu cá nhân. Sở hữu toàn dân, sở hữu nhà nước không phải là vô chủ mà phải có những người chủ trực tiếp, cụ thể *(những cá nhân trong tập thể người lao động mà lợi ích cá nhân gắn bó trực tiếp với lợi ích tập thể, với lợi ích của cả nước).*❑

Digitized by Google

VỀ SỰ CẦM QUYỀN CỦA ĐẢNG

NHỊ LÊ

SÁU mươi mốt năm qua, kể từ Cách mạng Tháng Tám năm 1945, nhất là 20 năm đổi mới, với vị thế là đảng cầm quyền, Đảng ta đã tích lũy và làm phong phú hơn không ít kinh nghiệm trên bình diện cơ bản và quan trọng này. Song, thực tế cầm quyền của Đảng vẫn đang đặt ra không ít vấn đề hết sức cơ bản cả trên phương diện lý luận lẫn bình diện tổ chức thực tiễn cần tiếp tục kiến giải, tổng kết và phát triển nhằm không ngừng nâng cao vị trí, vai trò và năng lực lãnh đạo của Đảng ta ngang tầm công cuộc đổi mới xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc.

Từ thực tế đó, nổi bật *mấy vấn đề* có ý nghĩa cơ bản mang tính quy luật về sự cầm quyền của Đảng ở nước ta hiện nay.

1 - Quan niệm cầm quyền

Cả trên hai bình diện nhận thức lý luận lẫn tổ chức thực tiễn, chúng ta còn không ít vướng mắc, thậm chí lúng túng, lệch lạc về vấn đề Đảng cầm quyền. Nói khái lược, Đảng cầm quyền là *Đảng tiếp tục lãnh đạo sự nghiệp cách mạng trong điều kiện có quyền lực nhà nước và Đảng lãnh đạo trực tiếp, toàn diện Nhà nước của dân, do dân và vì dân, suy rộng ra là lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị nước ta để thực hiện mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.*

Từ nhận thức đó, Đảng lãnh đạo Nhà nước của dân, do dân, vì dân nói riêng, lãnh đạo hệ thống chính trị nói chung là *vì nhân dân làm chủ, để nhân dân làm chủ và cho nhân dân làm chủ* một cách toàn diện, triệt để và sâu sắc. Đảng không phải là cơ quan quyền lực nhà nước nhưng Đảng có *quyền lực về chính trị, quyền lực về tư tưởng chính trị, quyền lực về tổ chức bộ máy và nhân sự, quyền lực về kiểm tra...* đối với toàn bộ hệ thống chính trị, Đảng tự nguyện và phải hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật do Nhà nước xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng. Các quyền đó được dân tộc trao cho Đảng, chứ Đảng không tự vơ lấy cho mình, vì sự phát triển bền vững của đất nước. Điều đó cũng tự nhiên như nhân dân ủy thác cho Nhà nước quyền lực của mình, và khi cần, nói như Chủ tịch Hồ Chí Minh, "có thể đuổi Chính phủ đi", nếu Chính phủ không làm trọn trách nhiệm với nhân dân.

Theo đó, không thể "Đảng hóa Nhà nước" hay "Nhà nước hóa Đảng"...; càng không thể quan liêu, mệnh lệnh... dù là Đảng hay Nhà nước. Vì, Đảng cầm quyền chứ không phải Đảng là Nhà nước, Đảng làm thay việc của Nhà nước, *"Đảng cầm quyền" nhưng dân là chủ. Mọi* "quyền hành và lực lượng *đều ở nơi dân"* (1). Trái nguyên tắc đó, Đảng sẽ biến chất, sẽ trở thành đối lập với nhân dân, đứng trên Nhà nước của dân, do dân, vì dân và đứng trên, đứng ngoài pháp luật, rốt cuộc, không thể lãnh đạo được, nếu không nói là tự đào thải, tự diệt

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995, t 5, tr 698

Digitized by Google

vong. Qua 61 năm cầm quyền, Đảng ta không hề đòi hỏi phải thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà luôn tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động vì lợi ích của giai cấp, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Chính trong đấu tranh và công tác hằng ngày, quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn, năng lực lãnh đạo của Đảng, và Đảng ta giành được địa vị lãnh đạo.

2 - Cơ sở cầm quyền

Sự cầm quyền của Đảng không phải từ "trên trời rơi xuống", như ai đó tự huyễn hoặc càng không phải Đảng "tự vơ" cho mình, như mấy người thường vu cáo. Nó phải được bảo đảm bởi những cơ sở lý luận và cơ sở hiện thực.

Về cơ sở lý luận: Cái làm nền tảng để mọi hoạt động của Đảng diễn ra đúng quy luật và hợp lòng dân, hợp với thời đại là *chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.* Dù thế giới có đổi thay thế nào, cái bất biến về lý luận cầm quyền đó của Đảng không thể thay đổi. Điều đó không hề mâu thuẫn với việc Đảng chủ động không ngừng thâu thái những lý thuyết tinh hoa và tiến bộ khác trên thế giới một cách cầu thị; không kỳ thị và xa lánh những lý thuyết khác, thậm chí cả những lý thuyết không phù hợp với mình... để làm giàu lý thuyết về sự cầm quyền của mình. Chỉ có như thế, Đảng mới thực sự có điều kiện và mở ra nhiều cơ hội, khả năng trong việc trung thành và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh hợp với xu thế phát triển của thời đại, không ngừng làm phong phú và sự phù hợp lý luận cầm quyền của mình.

Về cơ sở kinh tế: Tiếp tục xây dựng một nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo hướng hiện đại, phát triển mạnh mẽ và bền vững, với xung lực là kinh tế tri thức. Nói cách khác, không có sức mạnh của quyền năng kinh tế không có sức mạnh của quyền lực lãnh đạo chính trị. Hơn lúc nào hết, hiện nay, chính trị là sự biểu hiện tập trung của kinh tế. Nói như C. Mác và Ph. Ăng-ghen: "... việc thiết lập chủ nghĩa cộng sản, về thực chất, là có tính chất kinh tế; nó là sự sáng tạo vật chất ra những điều kiện cho sự liên hợp ấy; nó biến những điều kiện hiện có thành những điều kiện của sự liên hợp"(2). Phải không ngừng tạo dựng cho được *văn hóa của sự phát triển bền vững* dựa trên nền tảng một nền kinh tế vững mạnh theo định hướng xã hội chủ nghĩa; và nó chỉ đạo, thấm sâu vào toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng và đối ngoại của đất nước nhằm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc trong bất cứ tình huống nào.

Về cơ sở xã hội: Nhân dân muốn bảo đảm được quyền lực của mình, phải có sự lãnh đạo của Đảng; đến lượt Đảng, muốn giữ vững vị thế và vai trò cầm quyền của mình, cần củng cố cái *nền nhân dân,* phải coi trọng "dân là chủ", "lấy dân làm gốc"... Vì, Đảng ta là "đứa con nòi xuất thân từ giai cấp lao động", bởi "Gốc có vững cây mới bền. Xây lầu thắng lợi trên nền nhân dân", như Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ dẫn. Trong điều kiện nước ta, việc xác định phải có Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức làm nền tảng của cách mạng là một *sáng tạo lớn* của Đảng cầm quyền.

3 - Nguyên tắc, phương châm và chiến lược, sách lược cầm quyền

Về nguyên tắc: Đảng không chia sẻ quyền lãnh đạo cho bất kỳ ai hoặc buông lỏng quyền đó - quyền mà lịch sử và nhân dân giao phó cho Đảng là người đứng mũi chịu sào trước lịch sử. Làm trái đi là Đảng tự tước bỏ vị trí,

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập,* Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 3, tr 102

Digitized by Google

vai trò cầm quyền của mình, là đi ngược với lịch sử, đi ngược với nguyện vọng của nhân dân và dân tộc mà Đảng là đại biểu trung thành là trái với đạo lý Việt Nam mà Đảng là sự chung đúc và biểu hiện.

Về phương hướng: Đảng cầm quyền để đưa nước Việt Nam độc lập tự do lên chủ nghĩa xã hội. Đó là mục tiêu bất di bất dịch, là xu hướng, là quy luật phát triển tất yếu của Đảng, của đất nước đồng thời là nguyện vọng của nhân dân lao động, trong thời đại ngày nay.

Về phương châm: Đảng cầm quyền *để nhân dân là chủ* và *nhân dân làm chủ* thông qua Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong một xã hội Việt Nam dân chủ phát triển không ngừng. Đó cũng chính là biểu hiện tập trung nhất, sinh động nhất toàn bộ mục tiêu cầm quyền của Đảng Cộng sản so với tất cả các đảng chính trị cầm quyền khác. Nói cách khác, mục tiêu đó phải chi phối và quán xuyến toàn bộ hoạt động của Đảng. Vì Đảng ta không phải ai khác mà chính là người lãnh đạo - người đày tớ thật trung thành của nhân dân.

Về chiến lược và sách lược cầm quyền: Trên phương diện này, cần thấu triệt tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Dĩ bất biến ứng vạn biến". Cái *bất biến* là mục tiêu chiến lược của Đảng, là lý tưởng phấn đấu cao cả của Đảng: Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Theo đó, Đảng hoạch định cương lĩnh chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo từng thời kỳ, trên cơ sở đó hoạch định những quyết sách chính trị theo từng giai đoạn một cách phù hợp.

4 - Nội dung cầm quyền

Là người duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng chịu trách nhiệm trước lịch sử dân tộc, trước nhân dân Việt Nam về vận mệnh và sự phát triển của nước Việt Nam. Theo đó, nội dung cầm quyền của Đảng là sự bao quát và chi phối một cách *toàn diện, triệt để* và *sâu sắc toàn bộ* đời sống và hoạt động của đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Trên bình diện *chính trị: Việc hoạch định đường lối chính trị* là trọng trách căn bản của Đảng. Vì thế, Đảng chịu trách nhiệm trước toàn dân về việc tổ chức thực hiện đường lối chiến lược đó. Đến lượt nó, chất lượng và hiệu quả thực hiện đường lối chính trị đó, lại *quyết định* vị thế chính trị và vai trò cầm quyền của Đảng.

Mặt khác, Đảng có trọng trách *xác lập thể chế chính trị - xã hội đất nước* trên cơ sở đường lối chính trị của Đảng trên ba bình diện: cơ cấu tổ chức chính trị - xã hội, cơ chế vận hành xã hội và những điều kiện cần và đủ bảo đảm cho hai vấn đề trên. Theo đó, việc *lãnh đạo trực tiếp hệ thống chính trị xã hội* là việc *mang tính tất yếu* và *được bảo đảm bằng pháp luật.*

Trên bình diện *kinh tế:* Xây dựng *thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.* Đây là *mô hình kinh tế tổng quát* của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Vấn đề mấu chốt là, phải tăng nhanh sự phát triển của lực lượng sản xuất bằng con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn chặt với chủ động hội nhập kinh tế quốc tế. Thực ra, năm 1845, C. Mác và Ph. Ăng-ghen đã chỉ rõ điều căn bản đó: "Sự phát triển ấy của lực lượng sản xuất (cùng với sự phát triển này, sự tồn tại có *tính chất lịch sử thế giới,* chứ không phải có tính chất địa phương nhỏ hẹp, của con người đã thực hiện một cách kinh nghiệm chủ nghĩa) là tiền đề thực tiễn tuyệt đối cần thiết, vì không có nó thì tất cả sẽ chỉ là *sự nghèo nàn* sẽ trở thành phổ biến..."; rằng, "Chủ nghĩa cộng sản chỉ có thể có được một cách kinh nghiệm như là hành động "tức khắc" và đồng thời của những dân tộc chiếm địa vị thống trị, điều này lại giả định là phải có sự phát triển

Digitized by Google

phổ biến của lực lượng sản xuất và của sự giao tiếp có tính chất thế giới gắn liền với chủ nghĩa cộng sản"(3).

Nhưng, việc phát triển kinh tế phải đồng thời với phát triển chính trị và văn hóa, thậm chí trong nhiều trường hợp tính chính trị và văn hóa của sự phát triển kinh tế phải được xem là quá trình đi trước sự phát triển kinh tế đơn thuần để tránh cái quy luật "cá lớn nuốt cá bé", "kinh tế vị kinh tế", "tiền vì tiền"... như đã từng diễn ra ở các nước tư bản chủ nghĩa cùng tiến hành kinh tế thị trường. Đó là *lợi thế so sánh tuyệt đối* của sự phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Về phương diện *văn hóa - xã hội:* Đây là một trong những lĩnh vực cầm quyền chủ yếu của Đảng. Trên nền tảng xây dựng một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, việc trực tiếp và trọng tâm của Đảng là *xây dựng văn hóa chính trị* nói chung, *văn hóa cầm quyền của Đảng nói riêng.* Nói cách khác, là xây dựng *một nền văn hóa trong Đảng* hiện đại và tiến bộ phù hợp với vị thế, công việc cầm quyền của Đảng, điều kiện lịch sử của đất nước và bối cảnh thời đại.V.v..

5 - Cơ chế cầm quyền

Đảng ta là hiện thân của sự kết hợp biện chứng giữa chủ nghĩa Mác - Lê-nin, phong trào công nhân và phong trào yêu nước. Do đó, toàn bộ sự cầm quyền là để nhân dân làm chủ đất nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, bằng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân và vì dân. Bởi vậy, một cách tự nhiên *mối quan hệ giữa Đảng - Nhà nước - Nhân dân là mối quan hệ máu thịt không thể gì cắt chia, không thể gì phá vỡ.* Và một cách hợp lô-gíc và hợp điều kiện lịch sử, cốt lõi và bản chất của cơ chế cầm quyền của Đảng chính là sự vận hành và phát triển không ngừng mối quan hệ đó vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phát huy mạnh mẽ, thực chất quyền lợi và nghĩa vụ làm chủ đất nước của nhân dân theo truyền thống và pháp luật.

Để thực hiện cơ chế đó, Đảng phải *vững mạnh* và *trong sạch,* thực sự xứng đáng vừa là *người lãnh đạo,* vừa là *người đày tớ thật trung thành* của nhân dân. Sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đều nhằm tới xác lập và nâng cao địa vị là chủ và năng lực làm chủ thực tế của nhân dân, theo đó vị thế của Đảng và Nhà nước không ngừng được nâng cao. *Nhân dân làm chủ thông qua Nhà nước, các đoàn thể chính trị - xã hội của mình, dưới sự lãnh đạo của Đảng.* Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: "Dân chủ là thế nào? Là dân làm chủ. Dân làm chủ thì Chủ tịch, bộ trưởng, thứ trưởng, ủy viên này khác là làm gì? Làm đày tớ. Làm đày tớ cho nhân dân, chứ không phải là làm quan cách mạng"(4). Trên phương diện này, càng nghiêm khắc đòi hỏi Đảng "không thiên tư, thiên vị", như Chủ tịch Hồ Chí Minh dạy.

6 - Phương thức cầm quyền

Đây chính là toàn bộ phương pháp và cách thức cầm quyền của Đảng. Nó phải luôn thay đổi theo sự biến đổi của thực tế cách mạng. Nhưng dù thay đổi thế nào cũng không được làm tổn hại tới mục tiêu cầm quyền của Đảng, quyền là chủ và làm chủ của nhân dân. *Nếu* trước đây, khi Đảng ta chưa giành được chính quyền, phương thức lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo nhân dân lao động giành lấy quyền lực nhà nước, lập nên Nhà nước của dân, do dân, vì dân và Đảng trực tiếp lãnh đạo bộ máy nhà nước đó để tiếp tục hoàn thành sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội *thì* qua 61 năm cầm quyền, nhất là hiện nay, cùng với phương

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen: *Sđd,* t 3, tr 50

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd,* t 8, tr 375

Digitized by Google

thức cơ bản đó, Đảng tiếp tục tìm tòi và phát triển các *phương thức lãnh đạo, quản lý xã hội, tổ chức, huy động lực lượng quần chúng bằng các biện pháp hành chính, pháp lý thông qua bộ máy Nhà nước của dân, do dân, vì dân* để thực hiện mục tiêu đó. Mối quan hệ giữa mục tiêu cầm quyền với phương thức cầm quyền của Đảng là mối quan hệ giữa *cái bất biến với cái khả biến, giữa mục tiêu và phương tiện.* Phương thức cầm quyền chủ yếu của Đảng hiện nay là, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và sử dụng Nhà nước ta như một *công cụ quyền lực pháp lý*, một *phương tiện có hiệu lực pháp lý* để *tổ chức và quản lý xã hội mới, huy động mọi tiềm lực và sức mạnh của toàn xã hội* nhằm thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ do thực tiễn cách mạng đặt ra theo đường lối chính trị của Đảng.

Từ xuất phát nhận thức và thực tiễn hiện nay đó, *về nguyên tắc*, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước phải *trực tiếp, toàn diện* nhưng có *trọng điểm, trên cơ sở phân định rõ ràng chức năng, nhiệm vụ của Đảng và Nhà nước. Về phương châm* thực hiện phương thức lãnh đạo có thể là *nhất thể hóa* sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước; cũng có thể là *Đảng "hóa thân"* sự lãnh đạo của mình trong sự quản lý của Nhà nước, trên từng phương diện của đời sống kinh tế - xã hội. Theo đó, Nhà nước đổi mới chức năng, nhiệm vụ của mình theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trên nền tảng xây dựng một xã hội công dân.

Cùng với đó, không ngừng *xây dựng Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội vững mạnh trên cơ sở đổi mới chức năng, nhiệm vụ, vị thế và vai trò của các tổ chức này trong hệ thống chính trị nước ta.* Các tổ chức chính trị - xã hội phải được xem xét với tư cách là những *chủ thể chính trị* cấu thành hệ thống chính trị nước ta.

7 - Nguồn lực cầm quyền

Đây là một trong những vấn đề có ý nghĩa quyết định sự thành bại vị thế cầm quyền, năng lực cầm quyền và hiệu quả cầm quyền của Đảng. Trong số các nguồn lực cầm quyền, nổi bật *ba nguồn lực chính* bảo đảm cho sự cầm quyền vững chắc.

Nguồn lực *con người:* Là nhân tố căn bản, trung tâm trong các nguồn lực cầm quyền của Đảng. Đội ngũ cán bộ, đảng viên phải thực sự bao gồm những phần tử ưu tú nhất của dân tộc, tiêu biểu cho sức mạnh toàn diện của đất nước. Cấp ủy các cấp phải thực sự là những cơ quan tinh hoa nhất của Đảng. Đặc biệt là, những người *đứng đầu cấp ủy phải đồng thời là những thủ lĩnh chính trị thực sự.* Trước yêu cầu mới rất cao, việc *trí thức hóa, trẻ hóa* giai cấp công nhân, nhất là đội ngũ cán bộ, đảng viên là nhu cầu quyết định trực tiếp chất lượng cầm quyền của Đảng.

Tổ chức *bộ máy:* Theo tốc độ phát triển của quy mô, tính chất, mức độ và phương thức cầm quyền của Đảng, tiếp tục đổi mới nhằm tạo dựng một bộ máy cầm quyền các cấp thật tinh, gọn và hiệu quả. Trước mắt, cắt bớt một số bộ phận trùng lắp nhằm xây dựng một bộ máy lãnh đạo của Đảng theo hướng *tập quyền cao độ trên cơ sở một thể chế dân chủ nội bộ rộng rãi nhất, sâu sắc nhất nhưng cũng tập trung nhất và hiệu quả nhất.* Theo đó, chỉnh đốn lại bộ máy của các thành viên của hệ thống chính trị theo chức năng, nhiệm vụ của mỗi thành viên.

Nhân tố *vật chất:* Bảo đảm các phương tiện làm việc một cách hiện đại nhằm tạo sự thông suốt giữa các cơ quan của Đảng với nhau, giữa cơ quan của Đảng với các thành viên của hệ thống chính trị. Trước mắt, *tin học hóa* các công việc phục vụ sự cầm quyền.

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

SỰ PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC CỦA ĐẢNG TA VỀ QUYỀN CON NGƯỜI

CAO ĐỨC THÁI *

MỘT trong những thành quả của đổi mới tư duy lý luận trong thời kỳ đổi mới của Đảng ta đó là nhận thức về quyền con người. Trong hai mươi năm qua, những phát triển về nhận thức quyền con người ở nước ta có những bước chuyển mạnh mẽ theo hướng hoàn thiện tiến bộ. Do đó, việc thực hiện quyền con người ở nước ta cũng có bước tiến vượt bậc.

Cương lĩnh Chính trị năm 1930 của Đảng Cộng sản Việt Nam, tiếp đến các văn kiện Đại hội II, Đại hội III, Đại hội IV... đến Đại hội X, đều thể hiện nhất quán đường lối, chính sách vì lợi ích của dân tộc, vì quyền làm chủ và hạnh phúc của nhân dân. *Tuyên ngôn độc lập* 1945, Hiến pháp 1946, và các hiến pháp 1959, 1980, 1992, đều nhất quán đặt quyền và lợi ích của nhân dân thành một nguyên tắc hiến định. Đây chẳng những là cơ sở pháp lý mà chính là những nội dung cơ bản nhất của quyền con người đã được ghi nhận và bảo đảm trong chế độ xã hội của chúng ta.

Tuy nhiên, trong giai đoạn cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân, do hoàn cảnh chiến tranh, phải tập trung vào mục tiêu giành và bảo vệ độc lập dân tộc, Đảng và Nhà nước ta chưa có nhiều điều kiện để chăm lo đầy đủ đời sống của nhân dân, cũng như chăm lo việc kiện toàn, hoàn thiện nhà nước của nhân dân, bảo đảm đầy đủ các quyền con người. Việc tập trung sức của, sức người nhằm đánh thắng kẻ thù xâm lược thực hiện độc lập dân tộc là mục tiêu quan trọng hơn cả vào lúc đó.

Mặt khác, trong suốt thời kỳ từ khi Cách mạng Tháng Mười Nga (1917) thắng lợi cho đến nay, với sự xuất hiện của một xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa, mà bước khởi đầu là tìm kiếm một con đường xây dựng một xã hội không có tình trạng người bóc lột người, dân tộc này áp bức dân tộc khác... đã diễn ra cuộc đấu tranh chính trị, quân sự, kinh tế, xã hội, văn hóa, ý thức hệ hết sức quyết liệt, giữa chủ nghĩa đế quốc với chủ nghĩa xã hội và phong trào giải phóng dân tộc. Trong điều kiện không cân sức về nhiều mặt khi chủ nghĩa xã hội mới ra đời, chủ nghĩa tư bản đã giành được ưu thế, chủ động dùng hệ tư tưởng tư sản, đặc biệt là quan điểm dân chủ, nhân quyền cực đoan để tấn công các nước xã hội chủ nghĩa trên mặt trận tư tưởng. Kết quả là, việc chấp nhận chủ nghĩa đa nguyên về tư tưởng, đa đảng đối lập, "công khai", "dân chủ", "nhân quyền" theo mô hình cực đoan của chủ nghĩa tư bản đã đưa Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đến sụp đổ.

Ở nước ta về mặt lịch sử, trong những tài liệu trước Cách mạng Tháng Tám (1945) thuật ngữ nhân quyền mới được Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng như là một thứ vũ khí đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân trong một số bài báo, công trình: "Lên án chủ nghĩa thực dân" (1925), "Yêu sách 8 điểm của nhân dân Việt Nam" gửi tới Hội nghị Véc-xây (1919). Với ý nghĩa là một khái niệm tích cực, khái niệm quyền con người đã được

* TS, Trung tâm Nghiên cứu Quyền con người, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh sử dụng trong khi đề cập tới Chính sách của Chính phủ cách mạng lâm thời (1945), đặc biệt là trong Tuyên ngôn độc lập.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, khái niệm quyền con người và cơ chế quốc tế bảo đảm quyền con người đã được Liên Xô và một số nước xã hội chủ nghĩa khác là thành viên của Liên hợp quốc nghiên cứu, sử dụng trong cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận với các nước đế quốc (còn được gọi là các nước phương Tây). Đại diện của Liên Xô đã có đóng góp to lớn trong việc hình thành tổ chức Liên hợp quốc và đề xuất những quan điểm chính trị trong các văn kiện quan trọng của tổ chức này, trong đó có Hiến chương Liên hợp quốc (1945) và Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (1948).

Trong những năm đầu của thời kỳ "cải tổ", ở Liên Xô, Đông Âu đã diễn ra sự "giao thoa" giữa các quan điểm khác nhau về quyền con người. Quyền con người được xem như một giá trị của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quyền con người được quan niệm là công cụ "diễn biến hòa bình" của chủ nghĩa đế quốc.

Với sự thất bại của "cải tổ" ở Liên Xô (1985 - 1991), do tác động của chiến lược "diễn biến hòa bình", lấy dân chủ, nhân quyền làm công cụ, Đảng ta thấy phải cân nhắc thận trọng trong việc xử lý những vấn đề dân chủ và nhân quyền. Tuy nhiên, điều này không cản trở những đổi mới nhận thức lý luận của Đảng ta trên lĩnh vực này.

Đại hội lần thứ VI của Đảng đã mở ra một thời kỳ mới, có tính bước ngoặt cả về mặt lý luận và thực tiễn đối với sự nghiệp xây dựng đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa. Những quan điểm đổi mới của Đại hội không chỉ nhằm khắc phục những nhận thức sai lầm về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, mà còn điều chỉnh cả quan niệm về chủ nghĩa xã hội, trong đó có nhận thức về tính chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa, về con người và quyền con người. Tinh thần này đã được thể hiện trong văn kiện quan trọng - *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991)* và *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.* Có thể nói, Cương lĩnh năm 1991 là *một cột mốc lớn mang tính bước ngoặt trong nhận thức lý luận của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và quyền con người.* Cương lĩnh có đoạn: Kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của tất cả các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người... Dân chủ gắn liền với công bằng xã hội phải được thực hiện trong thực tế cuộc sống trên tất cả các lĩnh vực chính trị kinh tế, văn hóa, xã hội thông qua hoạt động của nhà nước do nhân dân cử ra và bằng các hình thức dân chủ trực tiếp. Dân chủ đi đôi với kỷ luật, kỷ cương phải được thể chế hóa bằng pháp luật và được pháp luật bảo đảm. *Nhà nước định ra các đạo luật nhằm xác định các quyền công dân và quyền con người,* quyền đi đôi với nghĩa vụ và trách nhiệm.

Tuy nhiên, phải đến năm 1992, với Chỉ thị 12/CT-TW ngày 12-7-1992 của Bộ Chính trị, thì quan điểm về quyền con người của Đảng ta mới được hoàn thiện. Văn kiện này đã đề cập đến hầu hết những vấn đề cốt lõi của quyền con người, đó là những quan điểm:

1 - Quyền con người là thành quả của cuộc đấu tranh lâu dài của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Quyền con người là giá trị chung của nhân loại.

2 - Trong xã hội có phân chia giai cấp đối kháng, quyền con người mang tính giai cấp sâu sắc.

3 - Chỉ dưới tiền đề độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì quyền con người mới có điều kiện bảo đảm rộng rãi, đầy đủ, trọn vẹn.

4 - Lợi ích của cá nhân, của con người là mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội. Bảo đảm lợi ích cá nhân, đồng thời phải bảo đảm lợi ích tập thể và cả cộng đồng.

5 - Quyền cá nhân không tách với nghĩa vụ và trách nhiệm. Dân chủ đi đôi với kỷ cương. Mở rộng dân chủ chủ nghĩa xã hội, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời thực hiện chuyên chính với mọi hành động xâm phạm lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân.

Digitized by Google

6 - Quyền con người gắn với quyền dân tộc cơ bản và thuộc phạm vi chủ quyền quốc gia.

7 - Quyền con người luôn luôn gắn liền với lịch sử, truyền thống và phụ thuộc trình độ phát triển kinh tế, văn hóa của đất nước. Do vậy, không thể áp đặt sao chép máy móc các tiêu chuẩn, mô thức của nước này cho nước khác.

8 - Trong quan hệ quốc tế, chúng ta sẵn sàng hợp tác thiện chí trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền quốc gia, đồng thời kiên quyết đấu tranh với các âm mưu, thủ đoạn lợi dụng nhân quyền để chống phá ta.

Nét đặc sắc về tư duy chính trị của Đảng ta trong Chỉ thị 12 là sự khẳng định mạnh mẽ: nhân quyền là bản chất của chế độ ta, do đó chúng ta cần giành lại thế chủ động trong cuộc đấu tranh trên lĩnh vực này.

Quán triệt quan điểm của Đảng ta nêu trong Cương lĩnh (1991) và Chỉ thị 12, Quốc hội đã đưa quyền con người vào Hiến pháp (1992). Tại Điều 50, Hiến pháp ghi: "Ở nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam các quyền con người về chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa và xã hội được tôn trọng, thể hiện ở các quyền công dân và được quy định trong Hiến pháp và luật". *Đây là lần đầu tiên quyền con người với đầy đủ ý nghĩa của nó đã trở thành một nguyên tắc hiến định của chế độ chúng ta.*

Khẳng định lại quan điểm của mình đối với quyền con người, Báo cáo Chính trị Đại hội IX (2001) của Đảng đã ghi: *"Chăm lo cho con người, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của tất cả mọi người; tôn trọng và thực hiện các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã ký kết tham gia"* (1).

Ngày 11-1-2002, trong bài trả lời tạp chí Thời đại (Time - Mỹ), đồng chí Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đã nói: Chúng tôi cho rằng, việc xử lý và bảo vệ quyền con người là trách nhiệm và quyền hạn của mỗi quốc gia dân tộc, phải phù hợp với đặc thù lịch sử, chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa..., đồng thời phải phù hợp với những mục tiêu, chuẩn mực và nguyên tắc quốc tế đã được thừa nhận rộng rãi... Chúng tôi không chấp nhận bên ngoài áp đặt quan điểm về quyền con người và lợi dụng quyền con người để can thiệp vào công việc nội bộ, đặt điều kiện trong quan hệ quốc tế...

Trong hai tài liệu trên và nhiều tài liệu khác, Đảng ta đã bày tỏ rõ quan điểm của mình *về quyền con người trong các quan hệ quốc tế: Việt Nam thực hiện nghiêm chỉnh các điều ước quốc tế về quyền con người mà mình đã tham gia.* Mặt khác, Việt Nam *không chấp nhận sự áp đặt quan điểm nhân quyền của nước khác cho mình và dùng nhân quyền làm phương tiện để can thiệp vào công việc nội bộ, cũng như lấy nhân quyền làm điều kiện cho các quan hệ quốc tế khác.*

Quán triệt quan điểm và chủ trương của Đảng, cho đến nay, Nhà nước ta đã tham gia hầu hết các công ước quốc tế cơ bản về quyền con người. Năm nhóm quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa trong pháp luật Việt Nam về cơ bản đã tương thích với luật quốc tế về quyền con người.

Như vậy là, sự phát triển nhận thức của Đảng ta trên lĩnh vực quyền con người trong thời kỳ đổi mới được thể hiện trên những mặt sau:

Thứ nhất, về thế giới quan và phương pháp luận: nếu như trong các giai đoạn trước, do chưa có điều kiện khách quan để nhận thức được đầy đủ khái niệm quyền con người, thì nay, trong thời kỳ đổi mới, quyền con người được quan niệm đầy đủ hơn. Quyền con người là thành quả của các cuộc đấu tranh của nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, là giá trị chung của nhân loại, là mục tiêu và động lực của cách mạng.

Thứ hai, về nội dung khái niệm quyền con người, nếu như trước đây quan niệm quyền công dân bao quát quyền con người, thì nay được quan niệm chính xác hơn, cả về nội hàm và ngoại diên của khái niệm này. Quyền con người *không chỉ bao quát quyền công dân, mà còn là quyền của tất cả mọi người,* không phân biệt quốc tịch, năng lực hành vi dân sự và năng lực pháp luật. Đó còn là quyền của quốc gia.

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 134

Digitized by Google

Đặc biệt một số quyền kinh tế, xã hội của người dân trong đó có quyền sở hữu tư nhân, quyền tự do kinh doanh... được Nhà nước tôn trọng, bảo vệ và thực hiện.

Quan niệm về *tính chất nhà nước đã có sự điều chỉnh quan trọng, từ nhà nước chuyên chính vô sản* thực hiện chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa *sang nhà nước pháp quyền* xã hội chủ nghĩa *dưới sự lãnh đạo của Đảng"*. Điều này có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo đảm các quyền và tự do của con người.

Thứ ba, về mặt thực tiễn, nếu như trước đây chúng ta quan niệm rằng: quyền con người *mặc nhiên* được bảo đảm trong xã hội chúng ta; *về đối ngoại,* khái niệm quyền con người dường như chỉ là công cụ chính trị tư tưởng của các thế lực đế quốc dùng để can thiệp vào công việc của quốc gia thì nay, đã được điều chỉnh lại. Theo đó, *về đối nội,* quyền con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng. Đảng và Nhà nước chăm lo tới việc bảo đảm và nâng cao mức hưởng thụ các quyền con người cho người dân. *Về đối ngoại,* chúng ta kiên quyết đấu tranh với các thế lực thù địch lợi dụng dân chủ, nhân quyền để can thiệp vào công việc nội bộ của quốc gia, đồng thời sẵn sàng hợp tác và thực hiện nghiêm chỉnh các điều ước quốc tế về quyền con người mà Việt Nam đã tham gia (2).

Sự phát triển nhận thức của Đảng ta về quyền con người trong thời kỳ đổi mới, là một bước phát triển mới đúng đắn về bản chất của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, về chế độ xã hội chủ nghĩa. Về mặt lịch sử, đó là sự kế thừa, phát triển nhận thức về quyền con người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đề cập tới từ năm 1945

Nhận thức mới về quyền con người của Đảng ta là một nhân tố quan trọng cả trong hoạt động thực tiễn và trong hoạt động lý luận của chúng ta.❑

(2) Việt Nam đã tham gia 8 Công ước, 2 Nghị định thư quốc tế về quyền con người. Việt Nam là thành viên của Ủy ban nhân quyền Liên hợp quốc nhiệm kỳ 2001 - 2003

Về sự cầm quyền...

(Tiếp theo trang 44)

8 - Môi trường cầm quyền

Toàn bộ sự cầm quyền của Đảng phải nhằm tới và bảo đảm sự *ổn định chính trị - xã hội để phát triển đất nước, đến lượt nó, mọi sự phát triển đều phải nhằm tới bảo đảm sự ổn định cao hơn về chính trị - xã hội.* Đó cũng là một trong những mục đích của sự cầm quyền của Đảng. Bởi lẽ, không có sự ổn định chính trị - xã hội thì không thể nói tới bất cứ một sự phát triển nào của đất nước nói chung, của Đảng nói riêng. Là đảng duy nhất cầm quyền, Đảng tiếp tục là *tấm gương mẫu mực về gìn giữ và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa,* lãnh đạo các tổ chức chính trị - xã hội thực thi dân chủ, nhất là cổ vũ các tổ chức này đóng vai trò vừa là *những người phản biện và thực thi đường lối* của Đảng trong tư cách là *những người giám sát, kiểm tra hoạt động của Đảng.* Hai mươi năm lãnh đạo công cuộc đổi mới đã cho những kinh nghiệm lớn trên phương diện này.

Cùng với việc giữ vững sự ổn định môi trường chính trị - xã hội, cần không ngừng xác lập và bảo vệ một *môi trường pháp lý* vững bền nhằm bảo đảm triệt để tư cách pháp nhân của Đảng với vị thế là *chủ thể chính trị hạt nhân.*

Đối với bản thân Đảng, phải không ngừng xây dựng và phát triển sự *đoàn kết thống nhất* nội bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ và mỗi cán bộ, đảng viên phải bảo vệ nó như "giữ gìn con ngươi của mắt mình". Đảng tự mình trở thành dân tộc trên cơ sở là một đảng vô sản kiểu mới cầm quyền theo đúng chức năng, nhiệm vụ của mình trong khuôn khổ của Hiến pháp, pháp luật, trong xã hội mới. Đó là *môi trường căn bản,* là *tiền đề để thực thi dân chủ toàn xã hội* bảo đảm trực tiếp cho sự thắng lợi công việc cầm quyền của Đảng. Đồng thời, luôn cảnh giác trước những nguy cơ có thể của một đảng cầm quyền.❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN HỢP TÁC XÃ Ở NƯỚC TA

NGUYỄN MINH TÚ *

TRÊN thế giới, hợp tác xã đã có lịch sử gần 200 năm phát triển liên tục. Lý luận về hợp tác xã cùng với thực tiễn của nó đã được hình thành và phát triển như là một môn khoa học, đã được đưa vào giảng dạy chính thức tại nhiều trường đại học ở nhiều nước trên thế giới, nhất là các nước công nghiệp phát triển.

Nhận thức đúng bản chất hợp tác xã có ý nghĩa quan trọng trong việc hoàn chỉnh khung khổ pháp luật, làm rõ tiềm năng và lợi thế đích thực của hợp tác xã, từ đó làm nó có đóng góp quan trọng, là nòng cốt của kinh tế tập thể và cùng với kinh tế nhà nước ngày càng trở thành nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.

Bản chất hợp tác xã và nhận thức đúng bản chất hợp tác xã là vấn đề đang được nhiều người quan tâm hiện nay. Lý luận về hợp tác xã ở nước ta đã có bước phát triển quan trọng, thể hiện thông qua các quan điểm, chủ trương của Đảng, làm nền tảng cho việc ban hành khung khổ thể chế mới cho hợp tác xã kiểu mới ra đời và phát triển. Luật Hợp tác xã ra đời đã tạo bước phát triển mới về chất cho các hợp tác xã, đóng góp ngày càng quan trọng cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước. Tuy vậy, lý luận và mô hình hợp tác xã ở nước ta cần được tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện. Vì vậy, văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: "Tổng kết thực tiễn, sớm có chính sách, cơ chế cụ thể khuyến khích phát triển mạnh hơn các loại hình kinh tế tập thể đa dạng về hình thức sở hữu và hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh, bao gồm các tổ hợp tác, hợp tác xã kiểu mới. Chú trọng phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cổ phần"(1).

Qua thực tiễn phát triển hợp tác xã ở nước ta, nổi lên hiện tượng phổ biến là: nhận thức của nhiều người về bản chất hợp tác xã chưa rõ ràng, thậm chí lệch lạc, khi cho rằng hợp tác xã là một số cá nhân, góp vốn để tiến hành hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng nhu cầu thị trường kết hợp với một số nguyên tắc hợp tác xã như tham gia tự nguyện, quản lý dân chủ... Quan niệm về hợp tác xã như vậy thực chất là sự quay trở về mô hình hợp tác xã kiểu cũ trong thời kỳ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, làm cho hợp tác xã trở nên hình thức, phát triển không bền vững. Bởi vậy, xin nêu một số vấn đề có liên quan đến bản chất và mô hình hợp tác xã:

1 - *Hợp tác xã phục vụ kinh tế hộ, kinh tế xã viên là cần nhưng chưa đủ.* Cần phải xuất phát từ định nghĩa (pháp lý) mang tính phổ biến trên thế giới và đã được Liên minh hợp

* TS, Vụ trưởng Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, 2006, tr 85, 86

Digitized by Google

tác xã quốc tế (ICA) khuyến cáo chính thức là: "hợp tác xã là hiệp hội tự chủ của các cá nhân liên kết với nhau một cách tự nguyện nhằm *đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung* về kinh tế, xã hội và văn hóa thông qua một doanh nghiệp được sở hữu chung và được kiểm soát một cách dân chủ". Định nghĩa này bao hàm mấy luận đề đáng lưu ý sau đây:

a) Hợp tác xã là tổ chức tập hợp của cá nhân con người (chứ không phải vốn) cùng với hoạt động kinh tế của riêng từng cá nhân, trong đó bao gồm cả hoạt động tiêu thụ/tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ. Nói cách khác, cá nhân con người cùng với hoạt động kinh tế, văn hóa, xã hội của họ là nền tảng của hợp tác xã, là cái có trước, từ đó mới hình thành nên hợp tác xã. Hợp tác xã và hoạt động kinh tế xã viên là hai chủ thể độc lập nhưng gắn bó hữu cơ với nhau. Hợp tác xã không tự nó sinh ra và không có mục đích tự thân. Hợp tác xã hoạt động hết thảy vì lợi ích xã viên, tức lợi ích trong hợp tác xã thuộc về xã viên.

Xã viên hợp tác xã với hoạt động kinh tế riêng của mình đồng thời là pháp nhân tự chủ, tự chịu trách nhiệm và nghĩa vụ trước Nhà nước, trước hết là thuế. Hợp tác xã cần được miễn thuế lợi nhuận (thuế thu nhập doanh nghiệp) đối với lợi nhuận từ hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho xã viên, mà thực chất là khoản dư, nếu hợp tác xã bị đánh thuế này có nghĩa là kinh tế xã viên sẽ phải chịu hai lần cùng một loại thuế.

b) Hoạt động kinh tế của các xã viên có rất nhiều nhu cầu khác nhau. Nhưng các xã viên hợp tác xã phải có nhu cầu chung trong hoạt động kinh tế của mình thì mới có thể tập hợp nhau trong hợp tác xã. Do vậy, hoạt động kinh tế của các xã viên thường giống nhau, hoặc trong cùng một ngành, nghề nhất định. Hợp tác xã không phục vụ hết thảy nhu cầu của các xã viên, mà *chỉ đáp ứng nhu cầu chung*. Những yêu cầu ấy có ý nghĩa quan trọng về hiệu quả kinh tế có thể được đáp ứng tốt hơn thông qua hợp tác xã (tức hợp tác giữa các xã viên với nhau) hơn là từng xã viên thực hiện một cách riêng lẻ. Nói cách khác, chức năng của hợp tác xã là đáp ứng nhu cầu chung của xã viên; xã viên hợp tác xã chính là khách hàng của hợp tác xã. Nói cách khác, hợp tác xã cùng tập thể các xã viên hợp thành một thị trường, theo đó hợp tác xã và tập thể xã viên đều là khách hàng của nhau. Phương án hoạt động của hợp tác xã là phương án tổ chức thực hiện việc đáp ứng nhu cầu chung đó một cách hiệu quả nhất.

Hiện nay có hiện tượng phổ biến là nhiều hợp tác xã lúng túng trong xây dựng phương án sản xuất kinh doanh. Đây là hệ quả của việc thành lập và tổ chức hoạt động hợp tác xã chưa đúng với nguyên tắc hợp tác xã; coi hợp tác xã là doanh nghiệp hoạt động trên thị trường, cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho thị trường bên ngoài hợp tác xã mà không hướng vào xã viên, tức thị trường hàng đầu của mình. Trong khi cạnh tranh, thị trường ngày càng khắc nghiệt, trình độ quản trị kinh doanh của hợp tác xã còn yếu, thì lúng túng là đương nhiên. Lẽ ra, phương án sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã phải là phương án tổ chức hoạt động để đáp ứng nhu cầu chung của xã viên đã được hợp tác xã bàn bạc dân chủ và đưa vào Điều lệ Hợp tác xã; hợp tác xã đăng ký kinh doanh phải theo những ngành nghề tạo sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu chung của xã viên đã được thống nhất, chứ không phải ngành nghề nào đó đáp ứng cho thị trường. Thông qua hợp tác xã, xã viên tiết kiệm được chi phí, nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và sức cạnh tranh sản phẩm, dịch vụ của mình.

Digitized by Google

c) Hợp tác xã có thể phát huy lợi thế và tiềm năng không chỉ trong lĩnh vực kinh tế, mà cả trong lĩnh vực xã hội, văn hóa và trong bất cứ lĩnh vực nào xuất hiện nhu cầu chung của các xã viên. Ví dụ, hợp tác xã dịch vụ an ninh ở Xin-ga-po có 17 xã viên sáng lập là cơ quan thuộc chính phủ; hợp tác xã nhà ở, y tế ở Nhật Bản... Như vậy, thông qua hợp tác xã, xã viên được đáp ứng các nhu cầu về xã hội, văn hóa với chi phí rẻ, chất lượng tốt và bảo đảm tin cậy.

d) Hợp tác xã không phải là tổ chức xã hội mà chỉ mang tính chất xã hội, càng không phải tổ chức từ thiện, mà là tổ chức kinh tế đặc biệt thúc đẩy "hợp tác" trong cộng đồng xã viên hợp tác xã nhằm đáp ứng một cách hiệu quả nhu cầu chung trong hoạt động kinh tế và nhu cầu xã hội, văn hóa của xã viên, trước hết mang lại lợi ích kinh tế cho xã viên. Hợp tác xã phải hoạt động hiệu quả, tối đa hóa lợi nhuận/khoản dư thừa, mà khoản này cuối cùng được phân phối trở lại cho tất cả xã viên.

2 - *Ngoài việc đáp ứng nhu cầu chung của xã viên, hợp tác xã có được cung ứng sản phẩm, dịch vụ của mình đáp ứng nhu cầu thị trường không? nếu được thì đáp ứng mức độ nào và hợp tác xã có thể mở rộng quy mô hoạt động để tăng hiệu quả theo cách thức nào?* Câu trả lời cụ thể tùy thuộc từng nước với các mô hình cụ thể khác nhau. Về cơ bản có ba cách thức sau đây:

- Thu hút thêm xã viên, tức kết nạp thêm nhiều xã viên từ bên ngoài thị trường vào hợp tác xã, từ đó tăng số lượng xã viên và vốn Điều lệ Hợp tác xã, tức tăng số lượng khách hàng của hợp tác xã, giúp hợp tác xã nâng cao hiệu quả phục vụ xã viên;

- Sáp nhập, hợp nhất nhiều hợp tác xã thành một có quy mô lớn hơn cả về số lượng xã viên, vốn Điều lệ và năng lực hoạt động của hợp tác xã;

- Cho phép hợp tác xã giao dịch với thị trường với hai mức độ: giao dịch hạn chế, giao dịch không hạn chế.

Việt Nam nên theo cách thức nào và xử lý như thế nào đối với thực tiễn hợp tác xã ở nước ta hiện nay? Nói cách khác, Việt Nam nên lựa chọn mô hình hợp tác xã nào? Vấn đề là, mô hình hợp tác xã được lựa chọn có quán triệt được các nguyên tắc hợp tác xã hay không, bảo đảm các nguyên tắc hợp tác xã có hiệu lực thực tiễn, chứ không mang tính hình thức, từ đó tạo điều kiện cho hợp tác xã tồn tại bền vững; nếu khác đi, hợp tác xã sẽ đi đến kết cục: giải thể, hoặc chuyển sang hình thức doanh nghiệp khác về mặt pháp lý.

Nói cách khác, thị trường của hợp tác xã trước hết là xã viên hợp tác xã; số xã viên càng lớn thì thị trường đối với hợp tác xã càng lớn. Hai cách thức đầu là những cách thức truyền thống mở rộng quy mô hoạt động của hợp tác xã, mở rộng "thị trường" của hợp tác xã được áp dụng phổ biến ở các nước và làm cơ sở hình thành nguyên tắc "mở" của hợp tác xã đã được cộng đồng quốc tế khuyến cáo thành nguyên tắc đầu tiên cùng với nguyên tắc tự nguyện của hợp tác xã. Cách thứ ba mới được phát triển từ một số thập niên gần đây và ngày càng trở thành xu hướng phổ biến, bảo đảm hợp tác xã liên kết thành mạng lưới có sức mạnh kinh tế tăng lên. Nếu hợp tác xã có quy mô phục vụ thị trường là chủ yếu, chứ không phải là xã viên hợp tác xã thì có nguy cơ hợp tác xã sẽ dần xa rời nguyên tắc hợp tác xã, đi đến chuyển thể sang hình thức doanh nghiệp về mặt pháp lý. Vấn đề này cần được triển khai nghiên cứu tiếp.

Digitized by Google

3 - *Vốn góp của xã viên và sở hữu tập thể không chia của hợp tác xã.* Vốn góp của xã viên hợp tác xã ở nhiều nước có cách gọi khác nhau: dự phần xã hội, vốn góp Điều lệ, cổ phần v.v., là vốn sở hữu của xã viên trong hợp tác xã. Trong suốt quá trình tham gia hợp tác xã, xã viên được sở hữu tư nhân phần vốn góp; còn tài sản hình thành từ hoạt động của hợp tác xã là tài sản chung không chia của hợp tác xã; trường hợp hợp tác xã bị giải thể, tài sản này phải được chuyển giao cho chính quyền địa phương; trường hợp xã viên rút ra khỏi hợp tác xã, anh ta chỉ được rút phần vốn đã góp. Đây là đặc điểm mang tính bản chất của hợp tác xã (nhưng không phải là mục tiêu của hợp tác xã), đề cao tính cộng đồng và sở hữu chung trong hợp tác xã, khác hẳn với doanh nghiệp thương mại, theo đó sở hữu của xã viên doanh nghiệp trong tài sản của doanh nghiệp tương ứng với tỷ lệ góp vốn của mình suốt quá trình hình thành và phát triển doanh nghiệp.

Thập niên 50 và 60 của thế kỷ trước, cộng đồng quốc tế đã bắt đầu đề cao vai trò của tài sản chung trong hợp tác xã. Ngày nay, cộng đồng quốc tế đề cao nguyên tắc hợp tác xã cung cấp dịch vụ cho xã viên đi đôi với việc xã viên phải sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Đây là bản chất kinh tế rất quan trọng làm cho hợp tác xã phát triển bền vững. Hợp tác xã làm hết thảy và hoạt động hiệu quả vì xã viên. Tài sản chung được hình thành và phát triển không có mục đích tự thân, mà phục vụ hiệu quả nhu cầu chung xã viên; có tài sản chung hay chưa có tài sản chung, tài sản chung lớn hay nhỏ, đơn giản hay hiện đại... là do yêu cầu về hiệu quả của việc đáp ứng nhu cầu chung đặt ra. Những người có tinh thần hợp tác sẽ tham gia hợp tác xã; người đặt mục tiêu là lợi nhuận, ưa thích làm việc cá nhân sẽ tham gia doanh nghiệp.

4 - *Chia lợi nhuận, hay chênh lệch thu - chi của hợp tác xã.* Theo nguyên tắc truyền thống, lợi nhuận hay khoản dư thừa trong hợp tác xã không được chia theo vốn góp, vì có thể làm xói mòn tinh thần hợp tác, đề cao tư tưởng lợi nhuận, nhưng nếu không chia thì thật sự không thể hấp dẫn đông đảo xã viên tham gia hợp tác xã. Nhưng, nếu chia toàn bộ lợi nhuận theo vốn góp thì dễ quay trở về mô hình doanh nghiệp thương mại, công ty cổ phần, theo đó lợi nhuận cơ bản chia theo vốn góp, hợp tác xã không còn có lợi thế riêng nữa trong việc khuyến khích tinh thần hợp tác trong cộng đồng. Vì vậy, qua quá trình phát triển lâu dài của hợp tác xã, người ta mới đề ra nguyên tắc cho phép chia một phần lợi nhuận theo vốn góp, không phải toàn bộ lợi nhuận.

Lợi nhuận/khoản dư trong hợp tác xã được chia theo nhiều tiêu thức khác nhau: vốn góp, đặc biệt mức độ sử dụng dịch vụ hợp tác xã; trích lập quỹ phát triển hợp tác xã; trích lập quỹ dự trữ hợp tác xã phòng khi rủi ro. Ngoài ra, nó còn được phân chia cho việc đáp ứng nhu cầu giáo dục, huấn luyện, thông tin cho xã viên hợp tác xã; đáp ứng nhu cầu sinh hoạt văn hóa - xã hội chung của cộng đồng xã viên; đóng góp từ thiện của hợp tác xã đối với cộng đồng dân cư địa phương v.v.. Đây là bản chất nhân văn và mang đậm màu sắc văn hóa của hợp tác xã. Nói cách khác, tất cả thành quả của hợp tác xã được phân phối một cách công bằng (chứ chưa được bình đẳng và cũng không phải là cào bằng) cho mọi xã viên hợp tác xã trên cơ sở nhiều mục tiêu khác nhau, theo đó tất cả xã viên hợp tác xã cùng chia sẻ khó khăn, trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích, từ đó khuyến khích phát triển tinh thần hợp tác, tính cộng

(Xem tiếp trang 62)

Digitized by Google

TÌNH HÌNH NỢ NGÂN HÀNG TRONG LỘ TRÌNH CỔ PHẦN HÓA DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

ĐỖ XUÂN TRƯỜNG *

THỰC hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 3 và 9 (khóa IX), về tiếp tục sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước, đến năm 2005 cả nước đã tiến hành sắp xếp được 2.881 doanh nghiệp (trong tổng số 5.655 doanh nghiệp) theo các hình thức: cổ phần hóa (2.826 doanh nghiệp, trong đó có 670 công ty cổ phần mà nhà nước giữ từ 51% vốn điều lệ, chiếm 36,7%)); giao bán 245 doanh nghiệp; khoán kinh doanh, cho thuê 28 doanh nghiệp; sáp nhập, hợp nhất 408 doanh nghiệp; giải thể phá sản 164 doanh nghiệp; các hình thức khác 238 doanh nghiệp. Năm 2005, doanh nghiệp nhà nước có tổng số vốn là 270.159 tỉ đồng, tăng 127 tỉ đồng so với năm 2001, gần 90% số doanh nghiệp kinh doanh có lãi và không lỗ; đã giảm dần những doanh nghiệp quy mô nhỏ, những ngành, lĩnh vực mà không cần nắm giữ 100% vốn nhà nước. Điển hình như Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông, nhờ có cổ phần hóa, doanh nghiệp ăn nên làm ra mỗi năm nộp ngân sách nhà nước gần 20 tỉ đồng.

Trong những năm qua, các ngân hàng thương mại đã đầu tư hàng ngàn tỉ đồng để giúp các doanh nghiệp ổn định sản xuất, đứng vững trong cơ chế thị trường, nhiều doanh nghiệp, vay vốn trả nợ ngân hàng sòng phẳng. Cùng với vốn tự có, vốn tín dụng ngân hàng đã tham gia tất cả các khâu trong quá trình tái sản xuất mở rộng của doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong quá trình sắp xếp và chuyển đổi hình thức sở hữu, vẫn có không ít những doanh nghiệp tồn tại những khoản nợ tồn đọng cũ như nợ thuế, nợ bảo hiểm, trong đó nợ vay ngân hàng quá hạn đang chiếm tỷ trọng lớn từ những năm trước để lại, làm ảnh hưởng đến việc xác định giá trị doanh nghiệp. Từ thực tiễn về những mối quan hệ giữa ngân hàng và doanh nghiệp, có một số vấn đề đang đặt ra như sau:

- Trong những năm gần đây, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, ngân hàng cùng với các ngành đã xử lý được số nợ tồn đọng khá lớn để giúp các doanh nghiệp nhanh chóng tiến hành sắp xếp, chuyển đổi hình thức sở hữu, tiến hành cổ phần hóa. Khi chuyển sang mô hình mới dưới các hình thức như cổ phần hóa, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, các doanh nghiệp đã gặp phải không ít khó khăn với những món nợ quá hạn, tồn đọng của các ngân hàng thương mại nhà nước. Trong quá trình cổ phần hóa, có doanh nghiệp còn nợ cả gốc và lãi vài ba tỉ đồng. Số nợ tồn đọng đó đặt ra nhiều vấn đề khá nan giải trong việc xử lý, có lúc có

* Chuyên viên, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Digitized by Google

doanh nghiệp coi đó như là những "ung nhọt", mà từ nhiều năm nay vẫn chưa tìm được lời giải dứt điểm, bởi tự thân doanh nghiệp cũng không thể cắt bỏ được, mà phải dùng nhiều biện pháp xử lý với nhiều mối quan hệ chằng chịt rất phức tạp.

- Nghiên cứu ở một số ngành cho thấy, các doanh nghiệp nông - lâm nghiệp và xây dựng cơ bản là đáng quan tâm hơn cả. Thực tế cho thấy những khoản nợ quá hạn lớn và tồn đọng lâu năm thường tập trung ở tất cả các loại hình doanh nghiệp như kinh doanh vật tư nông - lâm nghiệp, thương mại - dịch vụ, các doanh nghiệp chế biến nông - lâm sản... Mỗi khoản nợ tồn đọng của mỗi loại hình doanh nghiệp phát sinh khác nhau và cần có hướng xử lý khác nhau. Xin nêu trường hợp điển hình về tài chính của một doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vật tư nông nghiệp đến thời điểm 30-6-2005, như sau: Vốn nhà nước giao cho doanh nghiệp (bao gồm nguồn vốn kinh doanh và các nguồn vốn khác thuộc sở hữu nhà nước là 6.196 triệu đồng), lỗ lũy kế 1.875 triệu đồng (trong đó lỗ do bị thiệt hại do thiên tai chưa được khắc phục là 1,1 tỉ đồng). Các khoản tổn thất làm mất vốn chưa cân đối vào lỗ là 8.862 triệu đồng, vốn nhà nước còn lại sau khi cân đối âm (- 4,541 tỉ đồng); nợ phải trả cho các tổ chức tín dụng 40.404 triệu đồng và nợ phải trả cho các đối tượng khác là 11.943 triệu đồng.

Nguyên nhân của những khoản nợ tồn đọng này là do hạn hán, lũ lụt; có khoản lỗ do giá thị trường giảm xuống, làm cho giá bán sản phẩm thấp hơn giá thành sản xuất. Điển hình là giá cà phê xuất khẩu trong 3 năm qua giảm liên tục, cung lớn hơn cầu, do các nước Nam Mỹ được mùa, lượng tồn kho cà phê của các nước này tương đối lớn gây bất lợi cho xuất khẩu cà phê của Việt Nam, giá cà phê xuất khẩu giảm từ 548 USD/tấn xuống còn 420 USD/tấn. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trồng, thu mua và chế biến cà phê gặp hạn hán, năng suất thấp, không cho sản phẩm nên không trả được nợ ngân hàng. Dẫu rằng đã được các tổ chức tín dụng cho khoanh nợ, giãn nợ trong 3 năm, nhưng sau thời gian khoanh nợ, giãn nợ doanh nghiệp vẫn không có khả năng trả nợ. Số nợ quá hạn tồn đọng lớn làm cho các doanh nghiệp trong ngành cà phê không tiến hành việc cổ phần hóa đúng tiến độ. Ngoài ra, còn do công tác quản lý yếu kém, đầu tư tràn lan, không tính toán kỹ giữa vùng nguyên liệu với công suất chế biến các nhà máy đường, dẫn đến lãng phí hàng ngàn tỉ đồng của Nhà nước đã đầu tư vào máy móc, thiết bị, nhà xưởng, trong đó có vốn của ngân hàng cho vay đang bị "đắp chiếu" từ mấy năm nay.

Hiện nay, tài chính của các doanh nghiệp vẫn rất khó khăn, không có khả năng trả các khoản nợ tồn đọng vay ngân hàng nên phía doanh nghiệp và cơ quan chủ quản đề nghị xin được xóa khoản nợ quá hạn vay ngân hàng tồn đọng nói trên. Đây là bài toán đang đặt ra cho các ngân hàng thương mại, là một trong những nguyên nhân không thể tiến hành cổ phần hóa theo tiến độ đề ra.

Trong xây dựng cơ bản, những vướng mắc về tài chính để cổ phần hóa cũng giống như các loại hình doanh nghiệp khác, thậm chí còn khó khăn hơn. Vốn cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chủ yếu là dựa vào vốn vay ngân hàng, do đó chi phí trả lãi tiền vay cao, khối lượng xây dựng cơ bản hoàn thành nhưng chưa được vốn ngân sách cấp. Các doanh nghiệp chiếm dụng vốn lẫn nhau tạo thành phản ứng dây chuyền làm cho nợ quá hạn trong các ngân hàng thương mại tăng cao. Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, năm 2005 tổng số nợ đọng đối với doanh nghiệp lĩnh vực xây dựng giao thông là 1946,2 tỉ đồng, trong đó, ngân sách trung ương nợ gần 943 tỉ đồng; ngân sách địa phương nợ 1.003 tỉ đồng. Tình trạng mất cân đối tài chính đối với doanh nghiệp đã cản trở tiến độ thi công các công trình, bởi các doanh nghiệp phải xoay xở trong khuôn khổ nguồn tài chính rất hạn hẹp, do vốn cho hoạt động kinh doanh thiếu. Vốn lưu động chỉ đáp ứng được khoảng 30% và

Digitized by Google

đang bị chiếm dụng, còn lại 70% nhu cầu là phải vay ngân hàng, hoặc các nguồn vốn khác bởi bị khống chế ở hạn mức và lãi suất. Các doanh nghiệp thiếu vốn, nên dù có tìm được thị trường để mở rộng quy mô sản xuất cũng không thể thực hiện được, bởi trong đó có yếu tố hạn mức vay và còn có nợ quá hạn nên các ngân hàng đều từ chối cho vay. Trong bối cảnh đó, bên cạnh các doanh nghiệp bị thua thiệt, thì người lao động cũng phải gánh chịu hậu quả do doanh nghiệp phải nợ lương công nhân và nợ bảo hiểm xã hội y tế.

Nhiều doanh nghiệp trong các lĩnh vực khác cũng đang trong tình trạng như vậy. Nguyên nhân là do hiệu quả sử dụng vốn nhà nước thấp, có doanh nghiệp đi vay gấp 20 đến 30 lần so với vốn tự có; có doanh nghiệp kinh doanh chủ yếu bằng vốn đi vay nên dẫn đến khả năng thanh toán các khoản nợ kém. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp chưa tương xứng với vị trí và tiềm năng, hiệu quả kinh doanh thấp, thua lỗ kéo dài. Theo số liệu báo cáo năm 2003 tỷ suất lợi nhuận trên vốn nhà nước chỉ đạt 10,7%, còn có tới 23,0% số doanh nghiệp thua lỗ với số lũy kế lên đến hàng tỉ đồng. Tình hình tài chính, công nợ của doanh nghiệp có nhiều biến động phức tạp theo chiều hướng không tốt, đã xuất hiện khoản nợ quá hạn lớn gây khó khăn trong việc vay vốn phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Do phải thi công các công trình trọng điểm, cấp bách thuộc nguồn vốn ngân sách trung ương và địa phương quản lý nên chưa thu hồi được vốn để trả nợ. Không ít doanh nghiệp đề nghị ngân hàng thương mại xin giãn nợ và không tính lãi đối với khoản nợ quá hạn để có thể tiến hành cổ phần hóa.

Một nguyên nhân nữa là, do máy móc thiết bị lạc hậu, không đồng bộ, chi phí khấu hao tính trên đơn vị sản phẩm cao do không khai thác hết công suất tài sản cố định. Nhiều doanh nghiệp hiệu suất sử dụng tài sản cố định thấp chỉ đạt khoảng 50% - 60%, năng suất lao động thấp, chất lượng sản phẩm không cao, kiểu dáng chưa đa dạng. Nhiều sản phẩm có chi phí tiêu hao nguyên vật liệu cao so với định mức, số lượng lao động nhiều nên chi phí tiền lương trong giá thành sản phẩm và chi phí quản lý còn cao như trả lãi tiền vay, phí giao dịch, chi tiếp khách, tiếp tân, quảng cáo, xúc tiến thương mại. Do đó, sản phẩm sản xuất ra giá thành cao không có khả năng cạnh tranh ngay từ thị trường trong nước.

Mặt khác, việc cho giải thể phá sản doanh nghiệp nhà nước chậm do có khó khăn cả về thủ tục pháp lý và tâm lý của người lãnh đạo doanh nghiệp. Nhìn chung, quy mô các doanh nghiệp được cổ phần hóa đến nay vẫn còn nhỏ, chưa thu hút được nhiều nhà đầu tư có tiềm năng lớn về vốn và công nghệ, thị trường và kinh nghiệm quản lý, chưa thật sự đổi mới trong quản lý nội bộ doanh nghiệp, chưa phân định và nhận thức rõ về vai trò người đại diện sở hữu phần vốn nhà nước và người trực tiếp quản lý doanh nghiệp cổ phần.

Về phía các tổ chức tín dụng, việc xử lý các khoản nợ tồn đọng và những tài sản thế chấp do các ngân hàng cho vay từ nhiều năm nay đã từng bước được giải quyết nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp có hướng làm ăn mới, giúp doanh nghiệp có vốn để quay vòng cho những chu kỳ sản xuất tiếp theo. Tuy nhiên, việc xử lý nợ cũ chưa được triệt để, có những ngân hàng chưa vì lợi chung của nền kinh tế nên việc xử lý bị kéo dài, có những doanh nghiệp chưa được xem xét xử lý hoặc mới chỉ được xử lý một phần. Có những doanh nghiệp xin được xử lý nợ tồn đọng tiếp, và được khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ lãi vay để tiến hành sắp xếp lại, cổ phần hóa. Khi nợ tồn đọng của ngân hàng không được xử lý thì doanh nghiệp không thể chuyển đổi hình thức sở hữu được.

Có những trường hợp khi xây dựng phương án chuyển đổi sở hữu thuộc các bộ, ngành hoặc Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định

Digitized by Google

cổ phần hóa thường không thấu đáo đến thực trạng cũng như phương án xử lý tài chính của doanh nghiệp, phần nợ của doanh nghiệp đối với ngân hàng, trách nhiệm nghĩa vụ tiếp nhận trả nợ theo các quy định hiện hành. Do vậy, sau khi thực hiện chuyển đổi, hiện tượng trốn tránh nghĩa vụ trả nợ, đùn đẩy giữa doanh nghiệp cũ và những chủ nhân (cổ đông) mới đã nảy sinh, còn các ngân hàng thương mại thì đứng trước nguy cơ nợ xấu.

Để xử lý nợ tồn đọng, nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, sức cạnh tranh của doanh nghiệp và đẩy nhanh tiến độ sắp xếp, cổ phần hóa cần thực hiện các *giải pháp* chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, cần thực hiện đúng các lộ trình hoàn thành các đề án tổng thể về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước đã được phê duyệt. Đẩy mạnh việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước quy mô lớn theo hình thức giữ nguyên vốn nhà nước hiện có và phát hành cổ phiếu để huy động, tích tụ thêm vốn. Đồng thời xử lý dứt điểm các vấn đề tồn tại về vốn và tài chính của doanh nghiệp, nhất là các khoản nợ xấu, xác định đúng và đủ giá trị doanh nghiệp nhà nước trước khi cổ phần hóa. Để tháo gỡ những khó khăn trên, về xử lý tài chính đối với các doanh nghiệp sắp xếp lại chuyển đổi hình thức sở hữu, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 187/2004/NĐ-CP, ngày 16-11-2004 về chuyển công ty nhà nước thành công ty cổ phần. Đây là hướng đi mới giúp cho các doanh nghiệp giải quyết được những tồn tại cũ. Trong quá trình cổ phần hóa, nếu các doanh nghiệp có khó khăn về khả năng thanh toán các khoản nợ quá hạn do kinh doanh thua lỗ thì được xem xét xử lý. Đối với các khoản nợ tồn đọng, Ngân hàng Nhà nước đã có Thông tư số 05/2005/TT-NHNN hướng dẫn một số nội dung liên quan đến hoạt động ngân hàng theo Nghị định nói trên và Thông tư số 05/2003/TT-NHNN ngày 24-2-2003 theo Nghị định số 69/2002/NĐ-CP, ngày 12-7-2002 của Chính phủ về xử lý nợ tồn đọng. Cụ thể là:

- Đối với các doanh nghiệp nhà nước có quyết định thực hiện chuyển đổi nhưng gặp khó khăn không cân đối được nguồn để thanh toán các khoản nợ quá hạn thì Tổng giám đốc Ngân hàng xem xét quyết định cho doanh nghiệp được giãn, khoanh các khoản nợ quá hạn hiện có đến thời điểm thực hiện quyết định chuyển đổi trong thời gian từ 3 đến 5 năm. Trường hợp các doanh nghiệp này bị lỗ, không có khả năng thanh toán thì được xóa nợ lãi vay chưa trả ngân hàng với mức không vượt quá số lỗ còn lại.

- Đối với các doanh nghiệp đang thực hiện cổ phần hóa, giao, bán ngoài biện pháp khoanh nợ, xóa nợ, các ngân hàng thương mại chủ động phối hợp với các doanh nghiệp và các tổ chức có chức năng mua bán nợ và tài sản tồn đọng để xử lý phần nợ gốc quá hạn còn lại theo hướng bán nợ hoặc chuyển nợ thành vốn góp.

- Trường hợp khách hàng không trả nợ lãi đúng kỳ hạn đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và có văn bản điều chỉnh kỳ hạn trả lãi thì tổ chức tín dụng xem xét quyết định điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lãi. Ngân hàng thương mại được quyền miễn, giảm lãi đối với khách hàng khi khách hàng bị tổn thất về tài sản có liên quan đến vốn vay dẫn đến bị khó khăn về tài chính. Việc miễn giảm bao nhiêu là tùy thuộc vào khả năng cân đối tài chính của các tổ chức tín dụng.

- Đối với khoản nợ vay đã được xử lý như khoanh nợ, giãn nợ nay đã hết thời hạn thì ngân hàng phải chuyển sang nợ vay thông thường. Về nguyên tắc doanh nghiệp phải có trách nhiệm hoàn trả nợ vay cho các ngân hàng thương mại theo chế độ tín dụng quy định. Nhưng trong quá trình cổ phần hóa, khi xác định giá trị doanh nghiệp gặp rất nhiều khó khăn, như: công nợ phải thu, công nợ phải trả và lỗ lũy kế từ những năm trước còn để lại,

Digitized by Google

vốn chủ sở hữu âm. Do vậy, nếu không xử lý được các khoản nợ tồn đọng thì doanh nghiệp không thể tiến hành cổ phần hóa được.

Thứ hai, thực hiện tốt mối quan hệ 3 nhà (nhà doanh nghiệp - nhà tài chính - nhà ngân hàng) vì lợi ích chung của nền tài chính quốc gia để cùng chia sẻ khó khăn với nhau tạo điều kiện cho doanh nghiệp giải quyết hết những tồn tại cũ. Bộ Tài chính cùng với các ngành có liên quan, xử lý kịp thời, dứt điểm các khoản nợ của các doanh nghiệp, các khoản nợ tồn đọng bao gồm nợ gốc, nợ lãi bảo đảm lợi ích của nhà nước và của doanh nghiệp... để đẩy nhanh tiến độ sắp xếp chuyển đổi hình thức sở hữu, nhất là cổ phần hóa được thuận lợi. Trong điều kiện vốn ngân sách nhà nước còn nhiều khó khăn phải giải quyết nhu cầu chi tiêu lớn cho an ninh - quốc phòng và các nhu cầu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội khác nên việc trợ giúp cho các doanh nghiệp cũng rất hạn hẹp. Các ngân hàng thương mại cũng là doanh nghiệp nên nguồn vốn cho vay cũng là nguồn vốn huy động. Nếu doanh nghiệp không trả được nợ thì ngân hàng cũng sẽ không có vốn để quay vòng và ngược lại. Doanh nghiệp phải nêu cao tinh thần tự lực cánh sinh là chính, tận dụng mọi nguồn thu và huy động vốn từ nhiều nguồn để giảm bớt những áp lực khó khăn nói chung.

Thứ ba, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành, địa phương và khách hàng vay vốn để khẩn trương thu hồi nợ vay đối với các đơn vị vay vốn để thi công các công trình xây dựng cơ bản. Vấn đề này theo chủ trương của Nhà nước, đến cuối năm 2006 phải xử lý dứt điểm nợ tồn đọng xây dựng cơ bản. Kiên quyết xử lý dứt điểm tài sản, vật tư hàng hóa ứ đọng, tồn kho, kém phẩm chất của doanh nghiệp nhà nước. Thực hiện cơ cấu lại nợ, xử lý triệt để các khoản công nợ dây dưa để làm lành mạnh hóa tình hình tài chính doanh nghiệp trên cơ sở đó xác định rõ thời gian thực hiện cổ phần hóa, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận vốn vay ngân hàng. Nghiên cứu hỗ trợ một phần lãi suất tiền vay đối với những công ty cổ phần vay vốn đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh.

Thứ tư, việc cho khoanh nợ, giãn nợ, xóa nợ, miễn giảm lãi là quyền của các tổ chức tín dụng đối với doanh nghiệp; các ngân hàng thương mại cần hướng dẫn cụ thể các doanh nghiệp về trình tự, thủ tục hồ sơ về xử lý các khoản nợ tồn đọng theo chỉ đạo của các bộ, ngành ở trung ương. Đồng thời, xem xét lại việc điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, cơ cấu lại nợ để tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tiến hành sắp xếp, cổ phần hóa được thuận lợi, dễ dàng với phương châm sát cánh cùng doanh nghiệp. Ngân hàng Nhà nước không can thiệp vào quyền tự chủ kinh doanh của các tổ chức tín dụng. Đối với các doanh nghiệp nhà nước đã, đang và sẽ sắp xếp lại để cổ phần hóa, các ngân hàng thương mại chủ động tham gia xây dựng và quyết định phương án sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước với vai trò là chủ nợ theo tinh thần chỉ đạo của Nghị quyết Trung ương 9 (khóa IX). Tiếp tục mở rộng đầu tư vốn tín dụng để giúp cho các doanh nghiệp đổi mới công nghệ bằng nguồn vốn trung dài hạn để mua sắm các loại máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất và xây dựng nhà xưởng để doanh nghiệp có đủ sức cạnh tranh cao, phát triển nhanh, có hiệu quả và bền vững trong quá trình hội nhập quốc tế.

Thứ năm, cần có những kênh đối thoại giữa ngân hàng và doanh nghiệp chung quanh vấn đề ngân hàng với tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp. Những kênh đối thoại đó do Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính chủ trì cùng với sự tham gia của các ngành có liên quan để cùng với doanh nghiệp tìm lời giải hợp lý cho những khó khăn, vướng mắc về tài chính trong quá trình cổ phần hóa, trên cơ sở đó các ngân hàng thương mại tự lựa chọn phương án kiến nghị lên Chính phủ.❑

Digitized by Google

ĐỂ NGĂN CHẶN VÀ ĐẨY LÙI TỆ NẠN MA TÚY Ở NƯỚC TA

HÀ KHANH

HIỆN nay, tình hình tệ nạn ma túy và hoạt động của tội phạm ma túy trên thế giới và khu vực Đông - Nam Á vẫn diễn biến rất phức tạp; tuy bước đầu đã có dấu hiệu được kiềm chế trên một số lĩnh vực. Diện tích cây có chất ma túy như thuốc phiện, cô-ca, cần sa tuy có giảm, song mỗi năm vẫn sản xuất trên 4.000 tấn thuốc phiện thô, 40.000 tấn cần sa thô và trên 800 tấn cô-ca-in cung cấp cho thị trường ma túy bất hợp pháp của thế giới. Theo ước tính, riêng trong năm 2005, có tới 485 tấn hê-rô-in được sản xuất một cách bất hợp pháp trên toàn thế giới. Châu Á vẫn dẫn đầu về sản xuất hê-rô-in và thuốc phiện.

Thực tế cho thấy, tình trạng sản xuất và buôn bán các chất ma túy tổng hợp nhóm ATS và các chất ma túy gây ảo giác vẫn tiếp tục gia tăng ở nhiều khu vực trên thế giới. Theo thống kê hằng năm của Cơ quan phòng chống tội phạm và ma túy quốc tế của Liên hợp quốc (UNODC), thị trường bán lẻ ma túy bất hợp pháp trên thế giới khoảng 320 tỉ đô la, lượng ATS trị giá 44 tỉ đô la. Trong đó Amphetamine chiếm 28 tỉ đô la, Ecstasy "thuốc lắc", bao gồm MDMA và các chất liên quan chiếm 16 tỉ đô la. Lượng ATS bị phát hiện, bắt giữ tiếp tục tăng trong những năm qua với mức bình quân khoảng từ 25 - 30 tấn/năm. Số người nghiện các chất ma túy trên thế giới vào khoảng 200 triệu đến 210 triệu người, chiếm 3,3% dân số thế giới. Độ tuổi trung bình của người nghiện vẫn có xu hướng giảm (dưới 30 tuổi chiếm 70% - 80%).

Trước những tác động của khu vực và thế giới, tình hình ma túy ở nước ta đang diễn biến rất phức tạp, khó lường. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng đã chỉ rõ: *Tội phạm và một số tệ nạn xã hội đang có chiều hướng gia tăng...* Trong quá trình mở cửa và hội nhập, cùng với những cơ hội lớn để phát triển kinh tế, thu hút đầu tư, thì tác động của mặt trái nền kinh tế thị trường, lối sống thực dụng, coi trọng vật chất, hiểu biết pháp luật ở một số nơi còn hạn chế đã tác động mạnh mẽ đến tình hình phạm tội và tệ nạn ma túy. Trên các tuyến biên giới Tây Bắc, Bắc miền Trung đã phát hiện nhiều đường dây buôn bán, vận chuyển ma túy có quy mô xuyên quốc gia, liên quan đến nước ngoài... Lượng ma túy phát hiện, thu giữ ở 25 tỉnh biên giới chiếm gần 80% tổng số ma túy phát hiện, thu giữ trên phạm vi cả nước, chủ yếu là thuốc phiện, hê-rô-in, tân dược gây nghiện và ma túy tổng hợp.

Tuyến biên giới Tây Nam, tại các tỉnh Tây Ninh, An Giang, Kiên Giang... tội phạm ma túy đã tổ chức vận chuyển hoặc tập kết số lượng lớn hê-rô-in, ma túy tổng hợp, cần sa ở các khu vực giáp biên giới để chờ thời cơ thuận lợi đưa vào nước ta. Chúng ta đã phát hiện và ngăn chặn nhiều vụ vận chuyển ma túy với số lượng lớn như: vụ công an thị xã Rạch Giá (tỉnh Kiên Giang) triệt phá đường dây buôn bán trên 6.000 viên ma túy tổng hợp từ nước ngoài vào thành phố Hồ Chí Minh, bắt 9 đối tượng; vụ Hải quan và công an Kiên Giang bắt một đối tượng

Digitized by Google

nước ngoài vận chuyển trái phép 160.401 viên ma túy tổng hợp vào nước ta.

Ngoài tuyến đường bộ, tội phạm ma túy còn tổ chức vận chuyển ma túy qua các cảng hàng không, chuyển phát nhanh bằng con đường bưu điện với cách thức che giấu rất tinh vi. Đặc biệt đường biển đang gặp nhiều bất cập trong kiểm tra, kiểm soát để phát hiện nhiều vụ vận chuyển ma túy. Có vụ chúng còn núp dưới danh nghĩa viện trợ nhân đạo để vận chuyển một lượng lớn tân dược gây nghiện, thuốc hướng thần vào nước ta như các vụ đã bị phát hiện tại Cảng sân bay quốc tế Tân Sơn Nhất (thành phố Hồ Chí Minh), Cảng hàng không Nội Bài (Hà Nội), cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị).

Trong nội địa, tuy tình hình buôn bán, vận chuyển và tổ chức sử dụng trái phép các chất ma túy đã bớt công khai, trắng trợn song vẫn còn hàng trăm đường dây buôn bán, vận chuyển, tổ chức sản xuất ma túy liên quan đến nhiều tỉnh, thành phố. Tham gia vào các hoạt động phạm tội về ma túy có các đối tượng hình sự, các đối tượng có tiền án, tiền sự về ma túy mãn hạn cải tạo, giam giữ; đối tượng đi nước ngoài làm ăn, trở về nước thăm thân, lợi dụng buôn bán, vận chuyển ma túy, đối tượng nghiện ma túy nhiễm HIV; tỷ lệ phụ nữ và số trẻ em phạm tội ngày càng nhiều. Bên cạnh số người nghiện mới, gần đây nhiều địa phương làm tốt công tác điều tra cơ bản đã đưa vào danh sách nhiều đối tượng trước đây còn sót lọt làm cho số người nghiện được thống kê tăng lên. So với năm 2000, về tổng thể số người nghiện ma túy ở các tỉnh, thành phố tăng trên 56,8% (158.428/101.036 người), bình quân mỗi năm tăng 11,3%, song tốc độ gia tăng người nghiện đã giảm dần và đến năm 2006 số người nghiện đã bắt đầu giảm đáng kể.

Người nghiện ma túy có thành phần rất đa dạng, ở khắp các địa bàn thành thị, nông thôn song chủ yếu tập trung vào nhóm có trình độ văn hóa thấp, đối tượng có tiền án, tiền sự, gái mại dâm, người không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, người trở về từ các khu vực đào đãi vàng, sau các chuyến làm ăn tự do ở các khu vực biên giới, các thành phố lớn. Vừa nghiện ma túy, nhiều đối tượng còn trực tiếp tham gia buôn bán, vận chuyển và tổ chức trái phép ma túy để kiếm lời. Thời gian gần đây, tại một số thành phố, đô thị lớn nổi lên tình trạng thanh, thiếu niên có lối sống đua đòi, ăn chơi sa đọa, sử dụng các chất ma túy tổng hợp kích thích và gây ảo giác trong các khách sạn, nhà hàng, vũ trường, quán bar, ka-ra-ô-kê... phản ánh hiện tượng mới, lối sống tự do buông thả, sự tác động của ma túy tổng hợp từ bên ngoài vào.

Trước những diễn biến phức tạp và thách thức ngày càng gay gắt của tội phạm, tệ nạn ma túy, Chính phủ đã đề ra nhiều chủ trương, biện pháp nhằm tăng cường quản lý nhà nước trong lĩnh vực này; hoàn thiện hệ thống pháp luật để đẩy mạnh công cuộc phòng, chống ma túy. Nhiều địa phương như Hòa Bình, Vĩnh Phúc, Lạng Sơn, Thanh Hóa, Đà Nẵng, Đồng Nai, Đồng Tháp, Cần Thơ, Bình Dương... đã chọn và chỉ đạo điểm, rút kinh nghiệm, sau đó nhân rộng ra các địa bàn. Công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân tham gia phòng, chống ma túy đã được các bộ, ngành, các tỉnh, thành phố đặc biệt quan tâm chỉ đạo và tổ chức thực hiện, đã tạo ra phong trào phòng, chống ma túy rộng khắp cả nước, thu hút nhiều lực lượng tham gia. Cùng với việc tuyên truyền của từng vùng, miền, các địa phương đã tập trung phổ biến kiến thức pháp luật, các kỹ năng phòng ngừa tệ nạn ma túy, các kinh nghiệm, mô hình hay về cai nghiện, quản lý sau cai, hỗ trợ người nghiện tái hòa nhập cộng đồng. Các hình thức tuyên truyền được áp dụng rộng rãi ở hầu hết các địa phương là: tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng, kẻ vẽ pa nô, áp phích, phân phát tờ rơi, lồng ghép các hoạt động văn hóa, văn nghệ như "Đố vui trên truyền hình", hội trại, hái hoa dân chủ, tuyên truyền ở cơ sở thông qua các đội xung kích, nhóm đồng đẳng và nhóm tiếp cận cộng đồng... Điều quan trọng là, công tác tuyên truyền phòng, chống ma túy đã trở thành phong trào thường xuyên, liên tục ở hầu hết các

Digitized by Google

địa phương với sự tham gia tích cực, hiệu quả của các cấp Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, tổ chức Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Liên đoàn Lao động, các đồn biên phòng, góp phần ngăn chặn tốc độ gia tăng người nghiện mới, làm chuyển biến tình hình ở nhiều tỉnh, thành phố.

Điều đáng mừng là, công tác xóa bỏ và thay thế cây có chất ma túy đã được nhiều địa phương tổ chức lồng ghép với các chương trình phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn, định canh, định cư, xây dựng trung tâm cụm xã, hỗ trợ đồng bào đặc biệt khó khăn, trợ giá cước và Chương trình 135, 133 về xóa đói, giảm nghèo... Các tiến bộ khoa học - kỹ thuật về giống cây trồng vật nuôi đã được áp dụng tại các vùng trước đây có nhiều diện tích tái trồng cây thuốc phiện. Các giống ngô lai, lúa lai, đậu tương, cây dược liệu đã được trồng đại trà và trở thành hàng hóa xuất khẩu có giá trị kinh tế cao. Các đàn gia súc, gia cầm đã được quan tâm thay thế nguồn thu nhập từ cây thuốc phiện.

Công tác cai nghiện phục hồi cho người nghiện ma túy đã có những chuyển biến bước đầu rất quan trọng. Chất lượng và hiệu quả công tác cai nghiện phục hồi từng bước được nâng lên. Hàng nghìn người nghiện đã từ bỏ được ma túy, trở thành người có ích cho gia đình và xã hội. Hàng trăm tấm gương điển hình về cai nghiện đã xuất hiện ở hầu hết các tỉnh và thành phố, nhiều người sau cai nghiện đã trở thành chủ trang trại, nhà kinh doanh thành đạt, cán bộ nhà nước, hoặc được bầu vào hội đồng nhân dân xã, phường... Qua đúc kết kinh nghiệm đã tìm ra một số mô hình cai nghiện phù hợp với các vùng, miền, nhóm đối tượng cụ thể (mô hình "Tổ chức quản lý, dạy nghề và giải quyết việc làm cho người sau cai nghiện" tại thành phố Hồ Chí Minh và mốt số địa phương khác; mô hình quản lý sau cai bằng "Câu lạc bộ B93" ở Hà Nội; mô hình cai nghiện ba giai đoạn và "Công trường 06" ở Tuyên Quang và một số tỉnh miền núi phía Bắc; mô hình "Giải quyết việc làm tại chỗ cho người sau cai nghiện" của một số tỉnh như: Ninh Bình, Thanh Hóa, mô hình cai nghiện tại cộng đồng của tỉnh Nam Định... góp phần làm giảm đáng kể tỷ lệ tái nghiện

Những nỗ lực của các cấp, các ngành và chính quyền các địa phương đã góp phần kiềm chế tệ nạn ma túy ở nhiều trường học, nhiều địa phương. Năm 2004, số học sinh, sinh viên sử dụng ma túy chỉ còn trên 600 em, giảm 61% so với năm 2000. Công tác xây dựng xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị không có người nghiện và tội phạm ma túy gắn với cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa" ở khu dân cư, tạo ra phong trào phòng, chống ma túy rộng lớn như "Gia đình văn hóa", "Khu dân cư văn hóa", "Làng văn hóa"... Ở nhiều địa phương, công tác vận động nhân dân cảm hóa, giáo dục người nghiện, người có quá trình lầm lỗi và tổ chức cho các hộ gia đình ký cam kết thực hiện các quy định về phòng, chống ma túy đã trở thành công việc thường xuyên. Sự tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, các tổ chức xã hội, các tổ chức tôn giáo, góp phần vào việc ngăn chặn sự gia tăng của tệ nạn ma túy. Nhiều mô hình tốt được nhân rộng như "Khu dân cư không có tội phạm, ma túy, tệ nạn xã hội", "Gia đình không có người nghiện ma túy", "Dòng họ không có người mắc tệ nạn xã hội", "Khối phố bình yên", "Nhà trọ không có tệ nạn xã hội", xã, huyện không có ma túy... Theo thống kê của Ban Thường trực, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hiện nay có gần 4.000 xã, thị trấn không có tội phạm ma túy và tệ nạn ma túy, chiếm 47% tổng số xã, phường, thị trấn trong cả nước và gần 40.000 cơ quan, đơn vị được công nhận là cơ quan, đơn vị văn hóa không có ma túy, tội phạm và tệ nạn xã hội.

Từ việc xác định rõ nhiệm vụ phòng chống ma túy là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân, là yếu tố quan trọng để ổn định trật tự xã hội, góp phần giữ gìn truyền thống, bản sắc văn hóa dân tộc, thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển, các cấp ủy, chính quyền đã nỗ lực khắc phục những khó khăn, thiếu thốn về kinh phí, nhân lực, chủ động đề ra nhiều sáng kiến, chủ trương,

Digitized by Google

giải pháp để không ngừng nâng cao hiệu quả công tác phòng, chống ma túy. Các lực lượng chuyên trách đấu tranh phòng, chống ma túy từ trung ương đến cơ sở đã từng bước lớn mạnh, sự phối hợp giữa các lực lượng ngày càng chặt chẽ hơn. Đã đánh trúng nhiều đường dây, tổ chức tội phạm ma túy lớn, triệt xóa hàng ngàn tụ điểm phức tạp, tổ chức sử dụng, buôn bán lẻ; xóa bỏ cơ bản tình trạng tái trồng cây có chất ma túy. Công tác cai nghiện phục hồi đã tìm ra một số mô hình mới, hứa hẹn khả năng giảm tỷ lệ tái nghiện, tạo niềm tin cho người nghiện và toàn xã hội.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành công đáng khích lệ, Chương trình hành động phòng, chống ma túy trong thời gian qua còn bộc lộ một số mặt hạn chế, yếu kém. Chúng ta chưa làm giảm được từ 10% - 20% số người nghiện ma túy; chưa giải quyết cơ bản, triệt để tình trạng không có nghiện ma túy trong trường học. Bình quân số người nghiện hằng năm vẫn tăng, chỉ đến giai đoạn cuối của Chương trình mới có dấu hiệu người nghiện được kiềm chế. Số học sinh, sinh viên nghiện ma túy tuy có giảm trong một vài năm trước đây nhưng đến cuối năm 2005 lại tăng lên. Mới có 47% số xã, phường, thị trấn không có tệ nạn ma túy trong khi chỉ tiêu đề ra là 60%. Chưa ngăn chặn được tình trạng ma túy thẩm lậu từ bên ngoài. Tỷ lệ tái nghiện bình quân còn ở mức 80%, trong khi mục tiêu đề ra là 60%. Quá trình nghiên cứu thẩm định các bài thuốc y học dân tộc và các phương pháp y học khác phục vụ công tác cai nghiện ma túy triển khai chậm là khó khăn không nhỏ cho các địa phương trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ cai nghiện, đặc biệt là cai nghiện tại gia đình, cộng đồng. Phong trào quần chúng phòng, chống ma túy chưa được đồng đều, triệt để, mở rộng ở các địa phương, nhiều vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc phong trào còn yếu kém.

Có thể có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản vẫn là do tác động, ảnh hưởng của tình hình ma túy trên thế giới và trong khu vực; địa hình biên giới đường bộ, đường biên dài, hiểm trở, rất khó khăn cho việc kiểm tra, kiểm soát và ngăn chặn ma túy từ bên ngoài, trong khi đó lực lượng chuyên trách, chủ công nòng cốt phòng, chống ma túy lại quá mỏng, đầu tư trang thiết bị còn hạn chế, dẫn đến hiệu quả phòng ngừa, đấu tranh với tội phạm ma túy ngay tại khu vực biên giới còn rất thấp. Nhiều nơi cấp ủy, chính quyền chưa thực sự quan tâm đến công tác phòng, chống ma túy, có lúc, có nơi còn xem nhẹ việc tổ chức chỉ đạo thực hiện, do đó việc triển khai các chương trình, kế hoạch còn chậm, nặng về hình thức, ít hiệu quả.

Kinh phí đầu tư cho công tác phòng, chống ma túy còn thấp, lại dàn trải cho nhiều ngành, nhiều cấp nên kém hiệu quả, nhất là ở trong các lĩnh vực phòng, chống tội phạm, cai nghiện chưa đáp ứng được yêu cầu. Tổ chức lực lượng phòng, chống ma túy chưa được đồng bộ. Ban thường trực phòng chống ma túy các tỉnh, thành phố chưa có cán bộ chuyên trách. Hầu hết cán bộ làm công tác phòng, chống tệ nạn xã hội, ma túy, mại dâm ở các cấp cơ sở đều là cán bộ kiêm nhiệm, trong khi đó chính sách phụ cấp đối với cán bộ xã, phường còn nhiều điểm chưa hợp lý hoặc rất thấp.

Để tiếp tục ngăn chặn và đẩy lùi tình hình phức tạp của tệ nạn ma túy ở nước ta hiện nay, chúng ta cần phải tổng kết, nhân rộng các mô hình, điển hình tiên tiến, phát huy những thành quả, bài học kinh nghiệm đã đạt được trong thời gian qua và thực hiện kiên quyết, đồng bộ các giải pháp sau:

Một là, coi công tác phòng, chống ma túy là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, vừa có tính cấp bách vừa có tính lâu dài và đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của các cấp ủy và chính quyền địa phương. Sự chỉ đạo sát sao và kiên quyết của các cấp ủy, chính quyền là yếu tố quyết định thắng lợi của cuộc đấu tranh phòng, chống ma túy.

Hai là, phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các bộ, ban, ngành, trong đó lực lượng công an giữ vai trò nòng cốt; nâng cao vai trò tham mưu của Ban thường trực phòng, chống ma túy giúp việc

Digitized by Google

cho Ban chỉ đạo các cấp. Quán triệt phương châm: lấy phòng ngừa là chính, tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức là cơ bản, lấy nhân dân làm gốc, gia đình là tế bào, xã, phường, thôn, làng, bản, cơ quan, xí nghiệp, đơn vị làm điểm tựa, công an làm nòng cốt trong công tác phòng, chống tệ nạn ma túy.

Ba là, xây dựng môi trường, lối sống, đời sống văn hóa của mọi người dân ở cơ sở, thôn xóm, bản làng, cộng đồng dân cư, cơ quan, đơn vị, địa phương. Tổ chức toàn dân tích cực tham gia các hoạt động phòng, chống ma túy, tố giác tội phạm, cảm hóa người lầm lỗi và giúp đỡ họ tái hòa nhập cộng đồng. Thường xuyên tuyên truyền, phát động phong trào phòng, chống tội phạm, tệ nạn ma túy; nội dung tuyên truyền phải sát hợp với trình độ và khả năng nhận thức của người dân từng vùng miền, biện pháp tuyên truyền phải đa dạng, phong phú hơn.

Bốn là, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh triệt xóa các đường dây buôn bán ma túy lớn với đấu tranh xóa bỏ các tụ điểm buôn bán, tổ chức nhỏ lẻ, theo phương châm "tiến công liên tục". Công tác cai nghiện ma túy chỉ đạt hiệu quả cao khi được kết hợp chặt chẽ với công tác phòng, chống tội phạm ma túy và thực hiện đồng bộ các hình thức cai nghiện tại gia đình, cộng đồng và cai nghiện trong các trung tâm; biết khơi dậy ý chí quyết tâm của người nghiện, kết hợp lao động, phục hồi với chăm lo, quản lý sau cai nghiện cùng việc làm trong sạch môi trường, địa bàn nơi người nghiện.

Năm là, có biện pháp bồi dưỡng, đào tạo và sử dụng hợp lý cán bộ làm công tác phòng, chống ma túy; tạo điều kiện thực tế và có chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp, thỏa đáng với lực lượng trực tiếp thực hiện nhiệm vụ này; phải biết kết hợp nội lực và ngoại lực thành sức mạnh tổng hợp trong công tác phòng, chống ma túy. Tăng cường hợp tác quốc tế, vì không một quốc gia nào có thể giải quyết tệ nạn ma túy nếu không có sự hợp tác quốc tế; phấn đấu mạnh mẽ hơn nữa để đạt được mục tiêu đến năm 2015 không còn tệ nạn ma túy trên đất nước ta.❑

Phát triển hợp tác xã...

(Tiếp theo trang 52)

đồng, tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các xã viên hợp tác xã. Nói cách khác, nguyên tắc dân chủ, bình đẳng, công bằng, hợp tác của hợp tác xã phải dựa trên cơ sở bản chất, nguyên tắc cụ thể về tổ chức hoạt động và phân phối của hợp tác xã thì mới trở nên hiện thực, mới thực sự hấp dẫn xã viên và nhân dân. Từ những phân tích trên, xin nêu mấy kết luận sau đây:

Một là, lý luận về hợp tác xã là một khoa học; dựa trên thực tiễn phát triển của hợp tác xã một cách phong phú gần hai thế kỷ qua, do vậy có sự phát triển, thay đổi; cần được học tập, nghiên cứu một cách có hệ thống.

Hai là, các giá trị và nguyên tắc của hợp tác xã mang đậm tính đạo đức, chính trị, xã hội, tuy còn có những mặt mâu thuẫn, nhưng cần được nhận thức sâu sắc, nghiêm túc để thiết kế vào các mô hình hợp tác xã (pháp lý) cụ thể, phù hợp điều kiện cụ thể từng nước, bảo đảm các giá trị và nguyên tắc ấy có sức sống, từ đó hợp tác xã mới trở thành thể chế hoạt động có hiệu quả.

Ba là, hợp tác xã là một hình thức pháp lý về tổ chức. Vì vậy, vấn đề quan trọng và cấp bách hiện nay là nhận thức đúng bản chất hợp tác xã, xác định đúng và cụ thể mô hình hợp tác xã, định hình chuẩn về khung khổ pháp luật làm điểm tựa cho hợp tác xã ra đời và phát triển. Có như vậy hợp tác xã, phong trào hợp tác xã mới phát triển bền vững, tiến kịp đà đổi mới, có đóng góp ngày càng quan trọng và tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước.❑

Digitized by Google

Chia chân, tiễn tay

MAI NINH

KHÔNG hiểu sao vài năm gần đây, anh bạn tôi bỗng dưng sính chơi chữ và hay triết lý.

Anh kể rằng, ở cơ quan anh, cứ mỗi lần có sự thuyên chuyển cán bộ lãnh đạo là một lần có tổ chức chia tay. Ở mỗi cuộc chia tay như vậy, đều có ý kiến phát biểu của những người ở lại và người ra đi. Có những buổi chia tay thật cảm động. Người ở lại ca ngợi công lao và đức độ của người ra đi. Thủ trưởng tuy mới nhậm chức chưa bao lâu song đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc. Làm việc tận tình, có nhiều sáng kiến, lãnh đạo đơn vị lập nên những thành tích đáng khen. Sống giản dị, trong sạch, công tâm; biết nâng niu và bồi dưỡng nhân tố mới, tạo nên sự đoàn kết, nhất trí trong đội ngũ. Thủ trưởng được .trọng vì tài, nể vì đức, quý vì tâm.

Cũng có buổi chia tay ngược lại, chỉ mang tính thủ tục. Người ở lại và người ra đi đều không mặn mà gì. Nói cho có nói, không khen cũng chẳng chê. Đó là trường hợp thủ trưởng loại làng nhàng, được việc thì không hẳn mà nói vô tích sự là quá lời. Thủ trưởng không hại ai cũng không bị ai muốn hại. Chỉ có điều ở lại thì ngáng chân người khác, còn ra đi thì khó bố trí công tác nào cho thích hợp.

Lại có những buổi chia tay nguội lạnh hay đầy sóng gió. Kẻ ra đi không muốn dự còn người ở lại có đến cũng là miễn cưỡng. Không ai muốn nói cũng chẳng ai buồn nghe. Sự mất đoàn kết nội bộ trở thành cái căng thẳng trong buổi chia tay. Thủ trưởng ra đi không phải vì yêu cầu thuyên chuyển hay được đề bạt, mà trái lại, bị loại khỏi chức vụ.

Anh bạn tôi chơi chữ: Trong trường hợp này, không nên nói "chia tay" mà nên gọi là "chia chân". Bởi cái phương tiện để chia ở đây không phải tay mà là chân. Thủ trưởng bị đá khỏi chức vụ. Sở dĩ vậy là do trước đó, thủ trưởng hay dùng chân mình dẫm đạp người khác. Dẫm đạp để không ai ngóc lên được, không ai có thể tranh ghế của mình.

Tôi cười. Ông cha ta xưa nay dùng chữ "chia tay" và "tiễn chân" để chỉ sự trìu mến và quyến luyến khi tiễn đưa. Nay ông đảo ngược chữ và nghĩa, đổi chia tay thành chia chân, vậy chẳng lẽ nói tiễn tay thay vì tiễn chân?

Anh bạn tôi cười ha hả: Đấy! đấy! nói thế là đúng ý tôi rồi!. Với trường hợp "chia chân" vị thủ trưởng nói trên, ta có thể dùng chữ "tiễn tay" được. Ở đây, người ta dùng tay để tiễn nhau. Tát cho một cái, đấm cho một cú. Tiễn nhau như vậy chẳng phải tiễn tay thì là gì?

Chữ nghĩa mông mênh. Cái nghịch lý hóa thành thuận lý. Anh bạn tôi kết luận: Ai muốn giữ cho cái nghĩa của chữ được nguyên vẹn như truyền thống, trước hết phải tự mình giữ lấy cái đạo làm người mà cha ông ta đã truyền, giữ lấy cái đức làm cán bộ mà Bác Hồ đã dạy.❑

Digitized by Google

MÔI TRƯỜNG ĐỊA - CHÍNH TRỊ ĐÔNG - NAM Á VỚI HỘI NHẬP VIỆT NAM - ASEAN

TRẦN KHÁNH *

CÙNG với sức ép của toàn cầu hóa và sự leo thang của khủng bố bạo lực, sự trỗi dậy của Trung Quốc, Ấn Độ và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn, trước hết là Mỹ - Trung ở Đông - Nam Á đã và đang làm thay đổi sâu sắc môi trường địa - chính trị khu vực này, tác động lớn đến các mối quan hệ của ASEAN và các nước thành viên. Bài viết này chủ yếu nêu khái quát sự tác động của môi trường địa - chính trị khu vực hiện nay đến sự hội nhập và vai trò của Việt Nam trong ASEAN những năm sắp tới.

I - KHÁI QUÁT VỀ BỨC TRANH ĐỊA - CHÍNH TRỊ ĐÔNG - NAM Á

1 - Tăng sức ép của toàn cầu hóa và liên kết khu vực

Sự kết thúc "chiến tranh lạnh" đã tạo ra bước ngoặt địa - chính trị thế giới và khu vực, đưa đến sự hợp tác sâu rộng giữa các nước trong khu vực, thúc đẩy liên kết ASEAN và hợp tác Đông Á. Đây còn là kết quả gia tăng của toàn cầu hóa, trước hết là kinh tế, trong đó Trung Quốc và Ấn Độ đang chi phối "dòng chảy" công nghệ và vốn với quy mô lớn từ các nước tư bản phát triển sang các nước đang phát triển. Đối với các nước ASEAN, trong gần một thập niên qua, do môi trường cạnh tranh ít được cải thiện nên rơi vào trì trệ, mà biểu hiện rõ nét nhất là khủng hoảng tài chính - tiền tệ những năm 1997 - 1998. Điều này kéo theo sự bất ổn chính trị - xã hội ở nhiều nước, làm chậm tiến trình hội nhập của ASEAN. Tuy nhiên, rủi ro này cũng thôi thúc ASEAN tăng cường tính mở và hội nhập trong khu vực. Sự cam kết xây dựng Cộng đồng ASEAN và mở rộng của tiến trình Hợp tác Đông Á là những xu hướng nổi lên hiện nay, đang tác động lớn đến quan hệ quốc tế, trong đó có sự tham gia đóng góp của Việt Nam.

2 - Gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở Đông - Nam Á

a - Sự trỗi dậy của Trung Quốc với vai trò ngày càng tăng cường ở khu vực

Sự trỗi dậy của Trung Quốc được thể hiện trên mọi lĩnh vực, trước hết là *kinh tế*. Năm 1978, GDP của Trung Quốc lục địa mới chỉ chiếm có khoảng 1% của thế giới, nhưng đến 2005 tăng 4%, vượt I-ta-li-a, đứng vị trí thứ 6 với 1.981 tỉ USD. Về ngoại thương, Trung Quốc đứng hàng thứ 3 trên thế giới (sau Mỹ và Nhật Bản); dự trữ ngoại tệ lớn thứ hai, sau Nhật Bản. Điều gây ấn tượng là đầu tư của Trung Quốc ra nước ngoài trên khắp các châu lục trong thời gian gần đây tăng rất nhanh, với nhiều dự án lớn đạt hàng tỉ USD.

Đối với Đông - Nam Á, Trung Quốc đã trở thành bạn hàng lớn thứ 4 của ASEAN, với kim ngạch xuất nhập khẩu năm 2004 đạt xấp xỉ 106 tỉ USD. Về đầu tư, Trung Quốc đang trên đường trở thành nhà đầu tư lớn của ASEAN;

* TSKH, Viện Nghiên cứu Đông - Nam Á

Digitized by Google

nhiều hợp đồng lớn đầu tư lên tới hàng tỉ USD vừa được ký kết với Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a. Từ năm 2004, Trung Quốc trở thành nhà đầu tư và cung cấp viện trợ phát triển số 1 ở Cam-pu-chia và có thể trở thành nhà đầu tư số 1 tại Mi-an-ma và Lào trong một, hai năm tới. Đồng thời, Trung Quốc là nước hết sức nhiệt tình tham gia phát triển Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng.

Về khía cạnh *chính trị - ngoại giao*, thời gian gần đây, Trung Quốc không chỉ chấp nhận toàn cầu hóa kinh tế, mà còn chủ động hội nhập quốc tế trên tất cả các bình diện, nhất là trong hợp tác với các nước ASEAN.

Ngoài hai lĩnh vực chính trên, sự trỗi dậy của Trung Quốc còn được thể hiện ở sự phát triển nhanh chóng của *khoa học và công nghệ*. Điển hình là Trung Quốc vừa thực hiện thành công phóng tàu vũ trụ "Thần Châu 6", đưa người vào vũ trụ lần thứ hai, trở thành cường quốc chinh phục vũ trụ thứ 3 trên thế giới, sau Nga và Mỹ. Theo kế hoạch, đến năm 2007 Trung Quốc sẽ đưa người lên mặt trăng, và tương lai không xa sẽ xây Trạm không gian vũ trụ.

Trung Quốc trở nên quan tâm hơn đến hợp tác quốc tế ở khu vực Biển Đông. Điều này được thể hiện bằng việc Trung Quốc tham gia hợp tác với Việt Nam và Phi-líp-pin cùng thăm dò địa chấn và dầu khí ở Biển Đông.

b - Gia tăng sự hiện diện và tái can dự của Mỹ ở Đông - Nam Á

Cùng với việc điều chỉnh "Chiến lược toàn cầu mới" sau sự kiện ngày 11-9, sự trỗi dậy của Trung Quốc, sự chuyển mình của Ấn Độ, sự bất ổn chính trị kéo dài ở nhiều nước ASEAN sau khủng hoảng tài chính - tiền tệ (1997 - 1998) và sự gia tăng tâm lý chống Mỹ trong thế giới Hồi giáo đang làm cho Mỹ trở nên quan tâm nhiều hơn đến Đông - Nam Á.

Trước hết *về khía cạnh an ninh - quốc phòng*. Mỹ phục hồi và tăng cường hợp tác an ninh - quân sự với các nước Đông - Nam Á bằng việc ký hàng loạt thỏa thuận quân sự mới với các nước đồng minh truyền thống như Phi-líp-pin, Thái Lan và Xin-ga-po, và cho họ hưởng quy chế "Đồng minh chiến lược ngoài NATO". Ngoài ra, Mỹ còn cải thiện quan hệ và mở rộng hợp tác với đối tác ít thân thiện hơn như In-đô-nê-xi-a và Việt Nam.

Tiếp đến là sự gia tăng can dự và kiểm soát của Mỹ ở eo biển Ma-lắc-ca và khu vực Biển Đông. Điều này được thể hiện bằng việc Mỹ đưa ra hàng loạt sáng kiến mới như: "Sáng kiến an ninh Con-ten-nơ" (CSI), "Sáng kiến an ninh hàng hải khu vực" (RMSI), "Hiệp ước trợ giúp hậu cần" (ACSA) với một số nước ASEAN v.v.. Cùng với những hành động trên, Mỹ trở nên "có lập trường" hơn đối với vấn đề tranh chấp Biển Đông, chuyển từ thái độ " hầu như không có trách nhiệm" hay "trung lập" sang "giúp đỡ" các nước tranh chấp với Trung Quốc. Điều này được thể hiện bằng việc tăng tần số các cuộc tập trận chung trên Biển Đông và điều quân số nhiều hơn đến đồn trú tại khu vực này

Tiếp theo là Mỹ trở nên gây áp lực nhiều hơn đối với ASEAN và một số nước thành viên trong việc thực thi dân chủ và nhân quyền. Điều này được thể hiện bằng việc thúc ép Hiệp hội này thành lập Ủy ban Nhân quyền ASEAN và phản đối việc Mi-an-ma giữ chức Chủ tịch luân phiên ASEAN.

Sự gia tăng vai trò của Mỹ cũng được thể hiện qua *quan hệ kinh tế*. Thương mại Mỹ - ASEAN từ 130 tỉ USD năm 2003 tăng lên gần 140 tỉ USD vào năm 2004. Rất có thể trong một, hai năm tới, Hiệp định mậu dịch tự do (FTA) song phương Mỹ - Thái Lan, Mỹ - Ma-lai-xi-a sẽ được ký kết. Việt Nam đang là điểm khá hấp dẫn mới trong thương mại và đầu tư của Mỹ. Ngoài ra, Mỹ đưa ra các sáng kiến mới như "Sáng kiến Doanh nghiệp ASEAN" (2002), "Chương trình hợp tác ASEAN" (2004) và gần đây nhất là ký với ASEAN "Tuyên bố chung về tăng cường quan hệ đối tác ASEAN - Mỹ" vào ngày 17-11-2005 v.v..

Digitized by Google

c - Gia tăng vai trò đáng kể của các nước lớn khác

Trước hết là **Ấn Độ**. Sự phát triển nhanh chóng về kinh tế, đặc biệt là công nghệ thông tin của Ấn Độ đang tạo ra thế và lực mới cho mở rộng hợp tác quốc tế, trong đó có ASEAN. Ấn Độ là một đối tác chiến lược của ASEAN và đã ký TAC vào năm 2003. Điều nổi bật là Ấn Độ đã ký FTA song phương với Thái Lan (2004) và Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện với Xin-ga-po (2005), và đặc biệt gần đây tham gia Hội nghị Cấp cao Đông Á (EAC) (12-2005), góp phần làm cân bằng sự lo ngại của nhiều nước ASEAN về gia tăng quá nhanh ảnh hưởng của Trung Quốc tại khu vực này. Thương mại ASEAN - Ấn Độ tăng khá nhanh, đạt 16 tỉ USD vào năm 2004.

Nhật Bản đang sử dụng sự phục hồi kinh tế của mình cùng với chiến lược toàn cầu mới của Mỹ để "đuổi kịp chính trị", cạnh tranh với Trung Quốc, trước hết là ở Đông - Nam Á. Ngoài việc tăng cường các hoạt động thương mại, đầu tư (trong đó các nước Đông Dương và In-đô-nê-xi-a đang được quan tâm hơn), Nhật Bản còn tăng cường viện trợ phát triển cho các dự án lớn như Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Cam-pu-chia, Hợp tác Tiểu vùng sông Mê Công mở rộng v.v..

Nước **Nga** đang tận dụng công cụ dầu lửa và công nghệ quốc phòng cũng như sự tăng trưởng kinh tế gần đây để lấy lại ảnh hưởng trên trường quốc tế, trong đó có ASEAN. Sự gia tăng đáng kể thương mại cùng với những hoạt động ngoại giao khá dồn dập giữa Nga và ASEAN trong vài năm trở lại đây (như tham gia TAC (2004), Hội nghị Thượng đỉnh đầu tiên Nga - ASEAN năm 2005) v.v.. đang làm tăng tính hấp dẫn, nhạy cảm, đa chiều trong quan hệ quốc tế của Đông - Nam Á.

Ngoài các xu hướng trên, ở khu vực này trong những năm gần đây xảy ra nhiều vụ *khủng bố bạo lực, ly khai dân tộc*, nhất là ở một số nước như In-đô-nê-xi-a, Phi-líp-pin và Thái Lan. Cùng với tình hình bất lợi này, sự gia tăng tranh chấp chủ quyền tại các vùng biển, nhất là ở Biển Đông, biển Su-la-ve-si, nơi có dự trữ lớn dầu khí và tài nguyên biển lớn, lại là vị trí chiến lược trong hàng hải và phòng thủ quốc tế, và sự khan hiếm về nước sạch dùng cho thủy điện và sinh hoạt trên các con sông, nhất là sông Mê Công có thể làm cho môi trường địa - chính trị Đông - Nam Á trở nên phức tạp hơn. Ngoài các vấn đề trên, sự gia tăng ngân sách quốc phòng, mua sắm vũ khí hiện đại, tiến hành nhiều cuộc tập trận với quy mô lớn trong bối cảnh kinh tế khó khăn cũng là một đặc điểm khá nổi bật hiện nay ở nhiều nước ASEAN.

II - TÁC ĐỘNG CỦA CÁC QUÁ TRÌNH TRÊN ĐẾN SỰ HỘI NHẬP VÀ VAI TRÒ CỦA VIỆT NAM TRONG ASEAN

1 - Tác động đến môi trường cạnh tranh và liên kết ASEAN

Sự gia tăng sức ép của toàn cầu hóa và sự trỗi dậy của hai nền kinh tế mới là Trung Quốc và Ấn Độ đang tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức đối với ASEAN và các nước thành viên. Trước hết, quá trình trên thúc đẩy các nước này cải thiện nhanh hơn môi trường đầu tư và dân chủ hóa xã hội. Tiếp theo là ASEAN trở nên năng động hơn trong việc tìm kiếm cơ chế, giải pháp thúc đẩy liên kết nội khối và hội nhập quốc tế sâu rộng.

Việc các nước lớn, trước hết là Mỹ và Trung Quốc tăng cường quan hệ với các nước ASEAN làm tăng tính nhạy cảm và đa nguyên trong cơ cấu quyền lực và lợi ích chiến lược tại khu vực này. Trong tương lai, xu hướng vượt trội của Trung Quốc trong quan hệ kinh tế với khu vực sẽ thách thức vai trò của Mỹ; và điều này có thể làm gia tăng chủ nghĩa dân tộc của Đông - Nam Á, tạo ra những "cú hích" mới thúc đẩy hội nhập khu vực; đồng thời góp phần tạo thêm "không gian tự do", bổ sung "phương tiện mặc cả" cho việc theo đuổi chính sách "cân bằng thế lực", đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế của ASEAN và các nước thành viên, làm cho Hiệp hội này trở nên quan

Digitized by Google

trọng hơn trong bàn cờ địa - chính trị của các nước lớn.

Thế nhưng, các quá trình trên cũng đang tạo ra không ít thách thức (tuy cơ hội vẫn là nhiều hơn), nhất là việc lựa chọn hay thúc đẩy quan hệ đối tác với từng nước lớn. Hơn nữa, sự nổi lên của Trung Quốc và Ấn Độ có thể làm giảm đi sức hấp dẫn của ASEAN với tư cách là một khu vực kinh tế năng động, đoàn kết chính trị và giữ vai trò chủ đạo trong các nỗ lực hợp tác khu vực. Điều này có thể xảy ra, nếu như ASEAN không khắc phục được những hạn chế "cố hữu" của mình.

2 - Tác động đến hội nhập của Việt Nam trong ASEAN

a - Tác động đến vị thế địa - chiến lược của Việt Nam

Xét tầm với của các nước lớn hiện nay và trong tương lai gần thì Việt Nam có thể trở nên quan trọng hơn đối với ba nước là Trung Quốc, Mỹ và Nhật Bản; Trong tầm trung và dài hạn, Việt Nam còn có khả năng nằm trong bàn cờ chiến lược của cả Nga và Ấn Độ. Sự cạnh tranh chiến lược trên đang làm tăng vị thế địa - chính trị của Việt Nam. Việt Nam có thể trở thành *"đầu mối"* của các nỗ lực hợp tác và liên kết kinh tế cho khu vực và thế giới với tư cách là *"cửa ngõ"* ra biển cho vùng Tây Nam của Trung Quốc, Lào, Cam-pu-chia và miền Bắc Thái Lan, và *"đầu cầu"* trên đất liền, trên biển và trên không giữa Đông - Bắc Á và Đông - Nam Á, giữa Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương, giữa Âu - Mỹ và các nước trong khu vực.

Hơn nữa, qua hơn 20 năm đổi mới, thế và lực của Việt Nam đã được tăng cường. Với tốc độ tăng trưởng kinh tế cao và liên tục, chính trị - xã hội ổn định, thị trường khá hấp dẫn với dân số trên 83 triệu người (2005), Việt Nam đã và đang chiếm được cảm tình trong ASEAN như một quốc gia có trách nhiệm, đáng tin cậy trong cộng đồng khu vực và quốc tế. Với vị thế địa - chiến lược và thực lực kinh tế đang lên, lại có chính sách cởi mở, hội nhập tích cực, Việt Nam có thể trở thành "đầu cầu", "trạm chuyển tiếp" trong sản xuất và lưu thông, giao lưu văn hóa của các nước lớn với khu vực.

b - Tác động đến hội nhập của Việt Nam trong ASEAN

Việt Nam gia nhập ASEAN cách đây 11 năm là một trong những lựa chọn và hành động mang tính chiến lược và lịch sử, không chỉ chứng minh đường lối chủ động hội nhập, mở cửa, góp phần duy trì ổn định chính trị - xã hội, bảo vệ quyền lợi quốc gia - dân tộc và phát triển đất nước, mà còn mở ra một trang sử mới cho đoàn kết và hòa giải khu vực, củng cố sức mạnh của ASEAN. Hơn nữa, sự tham gia và hoạt động có hiệu quả của Việt Nam đã và đang góp phần quan trọng cho việc mở rộng hợp tác quốc tế và hình thành các sáng kiến, cơ chế hợp tác mới của ASEAN. Điển hình nhất là "Chương trình hành động Hà Nội" do Việt Nam đưa ra và đã được chấp thuận tại Hội nghị Cấp cao ASEAN 6 với mục tiêu hiện thực hóa "Tầm nhìn 2020"- nền tảng tư tưởng cho sự ra đời Cộng đồng ASEAN sau này. Trên con tàu ASEAN, Việt Nam nhanh chóng hội nhập với quốc tế, cụ thể là trở thành thành viên sáng lập ASEM (1996), thành viên chính thức của APEC (1998), mở rộng không gian hợp tác với các nước Đông Á (qua cơ chế hợp tác đa phương ASEAN+1, ASEAN+3), và đặc biệt là thuận tiện hơn trong cải thiện quan hệ với Mỹ v.v..

Để thích ứng với bối cảnh mới, ASEAN đã cam kết thiết lập Cộng đồng ASEAN (AC) với 3 trụ cột là Cộng đồng Kinh tế (AEC), Cộng đồng An ninh (ASC) và Cộng đồng Văn hóa - Xã hội (ASCC) vào năm 2020 và tích cực mở rộng đàm phán, thiết lập các FTA song phương và đa phương với các đối tác bên ngoài, mà điển hình là Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN - Trung Quốc được ký từ năm 2002. Bên cạnh đó, ASEAN đã và đang có những linh hoạt hơn trong việc áp dụng phương thức "ASEAN way"

Digitized by Google

bằng cách cho phép thực hiện nguyên tắc hay công thức 10-x (từ 2002). Cùng với bối cảnh quốc tế mới, những cơ chế hay hình thức hợp tác, liên kết mới này đã và đang tạo ra nhiều cơ hội mới thúc đẩy hội nhập của ASEAN và tham gia của Việt Nam.

Trước hết, sự thiết lập AEC sẽ thúc đẩy hoàn thiện hệ thống pháp luật, và nền hành chính quốc gia của mỗi nước, tiếp cận nhiều hơn với các yếu tố bên ngoài, nhất là vốn, thị trường và công nghệ, làm tăng cơ hội việc làm và nâng nhanh mức sống của nhân dân. Còn ASC và ASCC ra đời sẽ làm tăng mức độ hiểu biết, tin cậy lẫn nhau, củng cố ý thức cộng đồng khu vực, giúp ASEAN duy trì được bản sắc của mình, làm tăng khả năng phòng ngừa và tiến tới giải quyết xung đột, xây dựng một cộng đồng xã hội năng động, hòa thuận và khoan dung v.v. Những điều này phù hợp với chính sách và lợi ích trước mắt cũng như lâu dài của Việt Nam. Trên thực tế, Việt Nam đang khẩn trương khai thác tối đa những lợi thế và cơ hội mới đang tạo ra, chủ động hơn nữa hội nhập khu vực và thế giới. Điều này được thể hiện bằng sự cam kết của Việt Nam thực hiện 11 lĩnh vực ưu tiên trong hội nhập ASEAN, bằng việc thành công tổ chức Hội nghị ASEM năm 2004, có những chuyển động lớn, tích cực trong quan hệ với các nước lớn, đặc biệt với Mỹ, khẩn trương hoàn tất thủ tục để gia nhập WTO và triển khai hội nghị APEC vào cuối năm 2006.

Tuy nhiên, bối cảnh mới cũng tạo ra không ít thách thức đối với Việt Nam. Về khía cạnh chính trị, sự hội nhập sâu rộng trong kinh tế đòi hỏi Việt Nam phải hài hòa về hệ thống pháp luật. Điều này ít nhiều đụng chạm đến bản sắc chế độ chính trị - xã hội của nước ta hiện nay. Về kinh tế, Việt Nam đang trong thời kỳ chuyển đổi, còn nhiều bất cập. Nếu hội nhập sâu rộng, sẽ tạo ra sức ép lớn đối với sản phẩm và thị trường của Việt Nam. Điều này có thể phương hại đến nhiều ngành, lĩnh vực kinh tế, tác động tiêu cực về mặt xã hội như thất nghiệp, tệ nạn xã hội, di cư và chảy máu chất xám v.v..

Việt Nam - với tư cách là nước thành viên ASEAN, có nhiều hải cảng nước sâu, các đảo nổi ở khu vực tranh chấp Biển Đông với tiềm năng dầu khí lớn, lại nằm trên các trục lộ giao thông huyết mạch của nền kinh tế khu vực và quốc tế, nơi có sự đan xen các thời cơ, thách thức của thời đại, nên hết sức nhạy cảm với sự gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn và liên kết khu vực. Sự vận động trên đang tạo ra cả cơ hội lẫn thách thức mới, trong đó làm tăng tầm quan trọng vị thế địa - chính trị của Việt Nam. Vì vậy, hơn lúc nào hết, cần đánh giá đúng mức và khai thác một cách có hiệu quả vị thế địa - chính trị này để phát triển đất nước.

Tuy liên kết ASEAN diễn ra chậm chạp, gặp nhiều thách thức, nhưng Việt Nam cần tích cực hơn trong việc thúc đẩy liên kết nội khối, (trong đó có việc phát triển các tiểu vùng, trục giao thông, hành lang kinh tế đi qua Việt Nam). Một ASEAN mạnh sẽ góp phần quan trọng cho thúc đẩy hội nhập và duy trì bản sắc của Việt Nam. Qua ASEAN, Việt Nam sẽ dễ dàng cải thiện quan hệ với các nước lớn, đặc biệt là với Mỹ và Nhật Bản. Hơn nữa, những nỗ lực mới của Việt Nam sẽ là "cú hích" cho đổi mới của ASEAN và các nước thành viên, nhất là đối với Lào, Mi-an-ma và Cam-pu-chia. Đây là cách thức tốt để Việt Nam thúc đẩy hội nhập kinh tế với thế giới, nhất là trong quan hệ với các nước lớn và các tổ chức quốc tế.

Ngoài ra, Việt Nam nên tham gia tích cực hơn vào các cơ chế hợp tác đa phương khác, trong đó có APEC, ASEM, Hợp tác Đông Á theo mô hình mở v.v., và quan trọng nhất là thực hiện một cách có hiệu quả sau khi gia nhập WTO. Điều này sẽ giúp Việt Nam thực hiện tốt hơn chiến lược "cân bằng động", đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ quốc tế, khai thác tốt hơn các tiềm năng sẵn có của mình.❑

Digitized by Google

TRUNG ĐÔNG - MIỀN HỘI TỤ NHIỀU MÂU THUẪN LỚN KHÓ BỀ GIẢI QUYẾT

VÕ THỦ PHƯƠNG

TRUNG Đông, miền đất trải dài từ Tây Nam Á sang Bắc Phi, bao gồm nhiều quốc gia: Ai-cập, A-rập Xê-út, Áp-ga-ni-xtan, Ba-ranh, Cô-oét, Gioóc-đa-ni, I-xra-en, I-ran, I-rắc, Li-băng, Li-bi, Ô-man, Pa-le-xtin, Qua-ta, Thổ Nhĩ Kỳ, Síp, Xy-ri, Xu-đăng[1]. Trong lịch sử tồn tại và phát triển của mình, Trung Đông luôn là nơi hội tụ nhiều mâu thuẫn, tranh chấp, với những cuộc chiến tranh mang tầm cỡ thế giới và rất, rất nhiều các cuộc chiến tranh nhỏ. Trên màn hình vô tuyến, hình ảnh khá quen thuộc với khán giả về Trung Đông trong nhiều thập niên qua, là bom đạn, chết chóc, khủng bố, nét mặt đau khổ của những bà mẹ mất con, những người vợ mất chồng, và những đứa trẻ lang thang trên đường phố đổ nát, để rồi lao vào một cuộc phiêu lưu bằng cách ném gạch đá vào xe tăng của đối phương. Bom đạn, vũ khí và chiến tranh hình như chiếm một góc không nhỏ trong cuộc đời lớp trẻ ở nhiều nước thuộc Trung Đông. Nguyên nhân nào xô đẩy người dân Trung Đông vào thảm cảnh binh đao, khói lửa triền miên?, tiến trình hòa bình Trung Đông sẽ ra sao?. Có thể tìm câu giải đáp cho những vấn đề trên bằng cách phân tích những mâu thuẫn cơ bản hiện đang tồn tại ở miền đất nhiều đau khổ này.

Mâu thuẫn quyền lực, địa - chính trị. Trung Đông trong thời gian từ cuối thế kỷ XIX cho đến nay, luôn là vùng đất mà các thế lực tư bản, và các cường quốc giành giật nhau, chèn ép nhau, hòng độc tôn ngôi bá chủ. Sau chiến tranh thế giới thứ nhất, đế quốc Ôt-tô-man (Thổ Nhĩ Kỳ) bị tan rã, đế quốc Anh và Pháp đã thế chân họ tại Trung Đông. Mâu thuẫn giữa Nga, Anh và Pháp tại khu vực này ngày càng gay gắt, nhưng, dần từng bước, vị thế của đế quốc Anh đã lấn át các đế quốc Pháp và Nga. Để khống chế kênh đào Xuy-ê, Anh sử dụng người Do Thái làm đại diện cho mình, và mở rộng tầm ảnh hưởng nhằm bảo đảm con đường giao thông huyết mạch thông sang thuộc địa phương Đông. Ngày 2-12-1917, tuyên ngôn "Ban-pho"[2] , ủng hộ việc thành lập "gia đình dân tộc người Do Thái" tại Pa-le-xtin. Chủ nghĩa Xi-ôn[3] (chủ nghĩa phục quốc Do Thái) chớp được thời cơ rất thích hợp để phát huy thế lực. Từ đó, trong suốt hơn 20 năm liên tục, người Pa-le-xtin và người Ả-rập không ngừng đấu tranh chống lại ách thống trị của thực dân Anh và sự bành trướng của người Do Thái. Do cuộc đấu tranh bền bỉ của người Pa-le-xtin và người Ả-rập, và lo sợ phát xít Đức tranh giành ảnh hưởng tại Trung Đông, năm 1939, đế quốc Anh buộc phải thay đổi chính sách: không giúp Do Thái chống lại Ả-rập. Cũng từ thời điểm

(1) Cuộc xung đột I-xra-en và Ả-rập, Nxb Thông tấn, Hà Nội, 2002, tr 17

(2) Ban Pho là tên của Bộ trưởng Ngoại giao nước Anh lúc bấy giờ

(3) Người sáng lập chủ nghĩa Xi-ôn (tên một ngọn núi ở Jerusalem) là Te-ô-đo Hec, năm 1896, ông đã viết cuốn sách "Nước Do Thái", được xem là cương lĩnh của chủ nghĩa Xi-ôn

Digitized by Google

này, người Do Thái bắt đầu quay sang tìm kiếm sự giúp đỡ từ phía Mỹ. Sau chiến tranh thế giới thứ hai, lợi ích của Mỹ và người Do Thái phù hợp nhau, Mỹ muốn có lực lượng xung kích tại khu vực này, còn người Do Thái muốn dựa vào Mỹ để phục quốc. Dưới sự tác động tích cực của Mỹ, ngày 29-11-1947, Hội nghị Liên hợp quốc khóa II, thông qua nghị quyết phân trị Pa-le-xtin, theo đó, tại khu vực này sẽ xây dựng 2 nước: nước Ả-rập và nước Do Thái (chiếm 57% diện tích). Ngày 14-5-1948, nước I-xra-en được tuyên bố thành lập, còn nước Ả-rập thì vẫn chưa được hình thành. Ngay ngày hôm sau, 15-5, Liên minh các nước Ả-rập tuyên chiến với I-xra-en, chiến tranh Trung Đông lần thứ nhất bắt đầu, mở ra một giai đoạn đau thương cho khu vực. Năm 1956, chiến tranh Trung Đông lần thứ hai bùng nổ, I-xra-en, dưới sự hỗ trợ mạnh của Anh và Pháp, đã tấn công Ai-cập (được Liên Xô giúp đỡ), cuộc chiến kết thúc với sự thất bại của phía Anh, Pháp và I-xra-en, Ai-cập tuyên bố quốc hữu hóa kênh đào Xuy-ê, các công ty và ngân hàng nước ngoài tại Ai-cập. Từ cuộc chiến này, thông qua "viện trợ quân sự" và "viện trợ kinh tế", Liên Xô gấp rút và tích cực thâm nhập vào Trung Đông. Trung Đông trở thành khu vực tranh giành ảnh hưởng quyết liệt Xô - Mỹ. Chủ nghĩa Ai-xen-hao nhằm ngăn chặn "sự khuếch trương của chủ nghĩa Cộng sản" cũng ra đời trong bối cảnh này. Có thể nói chính sách đối ngoại của Liên Xô và Mỹ đối với các nước Trung Đông đã ảnh hưởng rất lớn đến hòa bình và sự phát triển của khu vực. Tại đây, mục đích chủ yếu của Mỹ là "làm giảm vai trò và tầm ảnh hưởng của Liên Xô", ngăn chặn, không cho "con đường xã hội chủ nghĩa" phát triển, "vũ khí viện trợ" được sử dụng với độ ưu tiên cao, vào giữa những năm 70 của thế kỷ XX, Trung Đông đã chiếm 70% viện trợ an ninh (bao gồm cả bán vũ khí) của Hoa Kỳ, trong khi đó Liên Xô cũng tích cực dùng "viện trợ" để nâng cao vị thế của mình tại khu vực này. Trong thời kỳ sau khi nổ ra "chiến tranh sáu ngày" vào năm 1967 (chiến tranh Trung Đông lần thứ ba), Liên Xô đã ủng hộ mạnh mẽ cho Ai-cập bằng viện trợ quân sự và kỹ thuật để xây dựng lại đội quân bại trận của nước này, còn Mỹ viện trợ cho I-xra-en 1,2 tỉ USD. Khi Xô - Mỹ bước vào thời kỳ "hòa dịu", thì tình hình Trung Đông cũng dịu xuống theo, các bất đồng chỉ ở dạng âm ỉ. Tuy nhiên, Mỹ đã dùng chính sách "hòa dịu" như một liều thuốc để ru ngủ, đưa Liên Xô vào một trạng thái cân bằng quyền lực chính trị ảo tại Trung Đông, và như Tổng thống Ai-cập, An-goa Xa-đát, khẳng định: "99% số lá bài của cuộc chơi nằm trong tay người Mỹ dù người Xô-viết có muốn hay không", Trung Đông, về cơ bản vẫn nằm trong sự khống chế của Mỹ(4).

Trong khi Mỹ thao túng Trung Đông, thì một số nước trong khu vực cũng không chịu thua kém, họ luôn tìm thời cơ để tạo ra thế mạnh và vươn lên giành quyền bá chủ. Các sự kiện: cuộc chiến tranh tám năm giữa I-ran và I-rắc (1981-1988), chiến tranh xâm lược Cô-oét của I-rắc (1990) là những minh chứng về các ý đồ như vậy. Tuy nhiên, Mỹ đã không để những sự kiện này thoát khỏi tầm kiểm soát của mình. Chính quyền Rô-nan Ri-gân đã khai thác cuộc chiến tranh I-ran - I-rắc để duy trì sự cân bằng quyền lực tại Vùng Vịnh. Chính quyền Giooc-giơ Bu-sơ nhân cuộc chiến xâm lược Cô-oét của I-rắc để tiến hành cuộc "Chiến tranh Vùng Vịnh", dằn mặt Xa-đam Hu-xê-in, đồng thời cũng để đạt được một mục tiêu về tâm lý hết sức quan trọng đối với Mỹ, mà như tổng thống Giooc-giơ Bu-sơ đã nói, là "Ơn chúa, chúng ta đã quên đi hội chứng Việt Nam một lần và mãi mãi".

Sau khi Liên Xô tan rã, Mỹ chiếm địa vị độc tôn tại Trung Đông, với đồng minh chiến lược là I-xra-en. Mâu thuẫn quyền lực giữa Mỹ và một số nước (như I-ran) trong khu vực ngày càng lớn dần. Đặc biệt, từ khi Mỹ bị sa lầy tại I-rắc, uy thế quân sự của Mỹ tụt dốc, thì tâm lý sợ Mỹ vốn đang ngự trị đã nhường chỗ cho thái độ phản kháng Mỹ.

---

(4) Xem Thomas J. Mc Cormick, *Nước Mỹ nửa thế kỷ: Chính sách đối ngoại của Hoa Kỳ trong và sau chiến tranh lạnh*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2004, tr 392, 393, 394, 395

Digitized by Google

Cuộc chiến đang diễn ra giữa I-xra-en và Li-băng, mà hiện không còn thể coi là cuộc xung đột biên giới, là sự bùng nổ của mâu thuẫn quyền lực giữa Mỹ với một nhóm nước trong khu vực. Nếu cộng đồng quốc tế không đủ sức can thiệp, thì chắc chắn Xy-ri và cả I-ran cũng sẽ tham gia vào cuộc chiến tranh này, phía Xy-ri đã tuyên bố: "Nếu I-xra-en đánh chiếm Li-băng, tiến sát đến biên giới và đe dọa an ninh quốc gia (của Xy-ri - VTP), Xy-ri sẽ không khoanh tay đứng nhìn", và hậu quả của sự kiện đó sẽ không thể nào lường trước được.

Mâu thuẫn về dầu mỏ - năng lượng, người ta không lạ gì các nền kinh tế - dầu mỏ của không ít nước ở Trung Đông. Hơn 65% trữ lượng dầu mỏ của thế giới (gần 90 tỉ tấn) thuộc về Trung Đông. Trong hai tháng vừa qua, khi chiến tranh I-xra-en và Li-băng nổ ra, giá dầu đã tăng vọt lên mức kỷ lục: vượt 76 USD một thùng. Trước chiến tranh xâm lược Cô-oét của I-rắc, giá dầu mới ở mức 16,40 USD một thùng, lúc đó Mỹ đã lo rằng việc I-rắc kiểm soát được sản lượng dầu mỏ của Cô-oét và mối đe dọa của nó với A-rập Xê-út sẽ đặt cường quốc Trung Đông này vào một vị thế có thể làm thay đổi sâu sắc cấu trúc giá dầu mỏ thế giới, và có khả năng dẫn đến sự suy thoái của Mỹ [5]. Vào tháng 1-2006, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đã khẳng định "Tôi đồng ý với những người Mỹ, những người hiểu rằng sự lệ thuộc vào dầu của nước ngoài là một vấn đề kinh tế và vấn đề an ninh quốc gia". Mỹ đã có rất nhiều động thái để giữ quyền kiểm soát thị trường dầu lửa, yếu tố quyết định an ninh năng lượng và nền kinh tế Mỹ. Tuy nhiên thế giới đã ý thức được rằng Mỹ đã để mất ảnh hưởng của họ đối với các thị trường dầu lửa, bởi Mỹ không còn đủ khối lượng các cơ sở sản xuất để đảm bảo sự dư thừa hàng hóa. Ảnh hưởng này đã chuyển sang tay các nhà sản xuất dầu lửa giá rẻ và những người sở hữu các cơ sở sản xuất dư thừa của khu vực Trung Đông, cũng như chuyển sang các nước lân cận[6]. Trong một tình trạng, dầu mỏ - máu của các nền kinh tế ngày càng cạn kiệt, mà nhu cầu về dầu mỏ thì không hề giảm, điều tất yếu Trung Đông phải là nơi các cường quốc và các công ty xuyên quốc gia tập trung sức lực để tranh giành ảnh hưởng.

Mâu thuẫn giữa các nền văn hóa, văn minh. Trung Đông là cái nôi sản sinh ra ba tôn giáo: Hồi giáo, Thiên chúa giáo và Do Thái giáo. Hồi giáo và Liên minh Ả-rập là hai thế lực lớn về phương diện chính trị và tôn giáo, nhưng không lấn át hết hai tôn giáo kia. Hồi giáo đã có một thời kỳ phát triển rực rỡ ở Trung Đông trong suốt năm thế kỷ (từ năm 700 đến năm 1200), lúc đó đế quốc Hồi giáo đứng đầu thế giới về sự hùng cường[7]. Mâu thuẫn giữa Thiên chúa giáo và Hồi giáo đã dẫn đến cuộc chiến tranh Thập tự chinh thảm khốc. Cho đến ngày nay, các mâu thuẫn giữa các tôn giáo, và mâu thuẫn giữa các dòng Hồi giáo vẫn luôn tồn tại. Thêm vào đó, do sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản vào khu vực này, một mâu thuẫn khác lại nổi lên, đó là mâu thuẫn giữa một bên là chế độ cực quyền dựa trên những tôn ti trật tự truyền thống và chính trị Hồi giáo, và bên kia là chủ nghĩa tư bản. Các học giả gọi mâu thuẫn này bằng những cái tên khác nhau: sự phản toàn cầu hóa, hay sự va chạm giữa các nền văn minh,... dù gọi theo tên nào thì nó cũng đều khẳng định sự tồn tại của mâu thuẫn lớn này. Trong bài viết tổng hợp các cuộc trao đổi tại Hội thảo về các phong trào xã hội của thế giới Ả-rập, được tổ chức ở Cai-rô năm 2001, Xa-mia A-min khẳng định: "Sự ra đời của những phong trào tự xưng là Hồi giáo, thực tế là biểu hiện của một sự phản kháng dữ dội chống lại những hậu quả tàn phá của chủ nghĩa tư bản hiện hữu, chống lại sự hiện đại nửa vời, bị cắt xén và lừa mị đi kèm với nó". Trên thực tế, đây là một mâu thuẫn rất khó giải quyết, nó luôn là một trong những nguyên do tiềm ẩn đưa tới các cuộc xung đột giữa I-xra-en với một số nước Ả-rập. I-xra-en với các nhà

(5) *Sđd*, tr 526

(6) Xem *Các vấn đề quốc tế*, số 7-2006, tr 52

(7) Xem Will Durant, *Lịch sử văn minh Ả-rập*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội 2004, tr 429

Digitized by Google

tư sản thuộc thế hệ mới sẽ luôn gặp phải sự phản kháng của thế giới Hồi giáo chống lại sự xâm nhập của chủ nghĩa tư bản.

Việc Xa-đam Hu-xê-in tấn công Cô-oét, sự kiện mà báo chí thế giới gọi là "Sự kiện Vùng Vịnh", được người Ả-rập và Hồi giáo nhìn nhận một cách rất khác: "cuộc xâm lược này là chuyện trong gia đình, vì vậy phải được giải quyết trong gia đình và bất cứ ai can thiệp vào nhân danh một luận thuyết vĩ đại nào đó của công lý quốc tế cũng chỉ là để vun vén cho quyền lợi ích kỷ của mình và để duy trì sự lệ thuộc của người Ả-rập vào phương Tây", và "Xa-đam đã phạm sai lầm và tội lỗi khi tiến hành chiến tranh xâm lược, nhưng phương Tây còn phạm sai lầm và tội lỗi hơn khi can thiệp vào thế giới Hồi giáo, chính vì thế Xa-đam lại là người chính nghĩa khi chống lại phương Tây, và chúng ta thật đúng khi ủng hộ ông ta"(8). Sự khác biệt quá lớn trong cách nhìn nhận cùng một vấn đề, cho thấy: muốn đạt được một sự đồng thuận nào đó trên các vấn đề về Trung Đông, điều quan trọng trước tiên là Mỹ và phương Tây, và thế giới nói chung, phải hiểu thế giới Ả-rập và Hồi giáo, hiểu rõ nền văn hóa của họ, cùng những mong muốn hợp lý của họ. Ngược lại, thế giới Ả-rập và Hồi giáo cũng cần có những bước đi tương thích với dòng chảy của thời đại.

Trong cuốn sách "Chiếc Lexus và cây Ô liu", Thomas L. Friedman đã viết những đoạn văn rất thú vị về cái bản sắc và cái hiện đại, mà ông đã dùng hình ảnh ẩn dụ là chiếc xe Lexus và cây Ô liu, ông viết: "Ô liu là một loại cây quan trọng. Chúng đại diện cho những gì là gốc rễ của chúng ta, che chở chúng ta và đưa chúng ta vào thế giới này..., một trong những lý do khiến cho khái niệm quốc gia sẽ không bao giờ mất đi, ngay cả khi chúng suy yếu, cũng chính là cây Ô liu - cách diễn đạt tối thượng nguồn gốc của chúng ta về ngôn ngữ, địa lý và lịch sử... Nhưng dầu cây Ô liu thiết yếu đối với bản ngã của chúng ta, chúng ta cứ khư khư bám lấy nó thì có thể khiến chúng ta xây dựng bản sắc, các mối quan hệ và cộng đồng dựa trên sự tận diệt các cộng đồng khác. Và một khi sự lạm dụng đó trở nên không kiểm soát được,... thì sự diệt chủng sẽ xảy ra.", còn "chiếc xe (Lexus) đại diện cho những thị trường mới sôi nổi hoạt động, những định chế tài chính và công nghệ vi tính, phục vụ cho việc nâng cao điều kiện sống ngày nay.". Sự vật lộn giữa cây Ô liu và chiếc Lexus chính là sự tranh chấp về vấn đề giữ gìn bản sắc và quyền lợi phát triển kinh tế và đời sống vật chất.

Dù xem xét trên bất kỳ phương diện nào thì mâu thuẫn về văn hóa, văn minh, tôn giáo vẫn là mâu thuẫn phức tạp, khó giải quyết nhất, trong nhiều trường hợp, nó còn có tác động mạnh đến cả các mâu thuẫn về quyền lực địa - chính trị.

Còn một số mâu thuẫn khác cũng có ảnh hưởng đến tình hình Trung Đông, tuy nhiên ba mâu thuẫn đã nêu trên là quan trọng nhất, và đóng vai trò quyết định tình hình Trung Đông.

Cuối cùng, chúng ta lại đối mặt với những câu hỏi đã được đặt ra:

- Nguyên nhân nào đã đưa người dân Trung Đông vào thảm cảnh binh đao khói lửa hiện nay?. Câu trả lời nằm ngay trong các mâu thuẫn đã được phân tích ở trên.

- Tiến trình hòa bình Trung Đông sẽ ra sao, tương lai nào cho vùng đất đầy đau thương này?. Có thể nói rằng, ngay cả những người lạc quan nhất cũng khó có thể hình dung được một bến đỗ trong tương lai gần cho con tầu hòa bình Trung Đông. Mâu thuẫn phức tạp và quá lớn, độ lệch giữa mục tiêu của hai phía tạo ra một khoảng cách khó hàn gắn trong một thời gian ngắn. Nhưng dù sao, chúng ta vẫn phải hy vọng rằng, với sự nỗ lực của cộng đồng quốc tế và của chính nhân dân Trung Đông, hòa bình sẽ sớm về với mảnh đất có bề dày lịch sử và văn hiến này. Theo cách chúc của tín đồ Hồi giáo, xin đức A-la phù hộ cho nhân dân Trung Đông được an lạc.❑

---

(8) Samuel Hungtington: *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb Lao Động, Hà Nội 2003, tr 359

Digitized by Google

Phường Cẩm Thành

Địa chỉ: Thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 033 714 073





Bí thư: NGUYỄN VĂN SỨ



Chủ tịch: NGUYỄN VĂN TỚN



Trong năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND thị xã Cẩm Phả cùng với sự phối hợp có hiệu quả của UBMTTQ và các ngành đoàn thể, chính quyền và nhân dân phường Cẩm Thành đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị, kinh tế cũng như văn hóa xã hội, 6 tháng đầu năm 2006 cũng đã đạt được kết quả đáng khích lệ.

A. Lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị

- Thu chi ngân sách: Thu 553.398.080 đồng, đạt 35,58% kế hoạch năm, cao hơn so với cùng kỳ năm trước 73.521.008 đồng. Chi 488.801.000 đồng = 31,43% kế hoạch năm, trong đó xây dựng cơ bản trên 123 triệu đồng.

- Văn hóa - xã hội: Tổ chức thực hiện việc chi trả xong lương hưu và trợ cấp hết quý 2- 2006 cho 1443 đối tượng. Công tác khám , chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, kiểm tra an toàn thực phẩm được phường, trạm y tế phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức thực hiện tốt. Tổ chức lễ hội khai trương xây dựng phường văn hóa, tham gia thi đấu giải bóng đá thị xã lần thứ 2....

- Công tác quốc phòng- an ninh: Tổ chức đợt khám, xét tuyển và gọi thanh niên lên đường nhập ngũ, hoàn thành chỉ tiêu giao quân. Cử cán bộ quân sự tham gia tập huấn, tổ chức huấn luyện cụm 6 đơn vị dân quân tự vệ đạt khá. Tổ chức tốt công tác tuần tra, trước, trong và sau tết nguyên đán, thời gian đại hội và các ngày lễ. Triển khai kế hoạch cao điểm tấn công truy quét tội phạm hình sự, ma túy... Tổ chức cho 100% hộ dân ký cam kết thực hiện Chỉ thị 406, không tàng trữ chất cháy, chất nổ.

B. Lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng.

- Tập trung chỉ đạo các tổ chức trong hệ thống chính trị, căn cứ vào yêu cầu, nhiệm vụ công tác của Đảng bộ năm 2006 và sự lãnh đạo của các ban, ngành đoàn thể thị xã. Chú trọng công tác chính trị tư tưởng, động viên hội viên, đoàn viên và nhân dân thực hiện tốt đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội năm 2006, xây dựng các tổ chức trong sạch vững mạnh, phường tiên tiến và khai trương xây dựng phường văn hóa. Quán triệt nghị quyết đại hội và xây dựng chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và thị xã nhiệm kỳ 2005 - 2010.

C. Công tác xây dựng chính quyền, MTTQ và các đoàn thể chính trị- xã hội.

- Sắp xếp lại nội vụ cơ quan, quán triệt nghị quyết của BCH Đảng bộ và Nghị quyết Kỳ họp thứ 5 HĐND thị xã và phường về nhiệm vụ trọng tâm năm 2006

-Thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ. Tổ chức triển khai có hiệu quả nghị quyết công tác năm của BCH Đảng bộ và nhiệm vụ công tác theo hướng dẫn của ủy ban MTTQ và các đoàn thể Thị xã.

D. Công tác xây dựng đảng: Duy trì chế độ sinh hoạt chi ủy, chi bộ, sinh hoạt BCH, Ban thường vụ theo đúng quy định của Điều lệ Đảng, các chi bộ khu phố đã tổ chức sinh hoạt với đảng viên về giữ mối liên hệ theo quy định 76. Xây dựng chương trình công tác kiểm tra và kế hoạch kiểm tra của ủy ban kiểm tra đảng ủy năm 2006. Xét, đề nghị và tổ chức kết nạp 3 quần chúng ưu tú vào đảng.

Digitized by Google

BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN QUẢNG NINH

Địa chỉ: Phường Hồng Hà, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh * Điện thoại: 033 838 112; 033 838 113 * Fax: 033 838 103



Giám đốc: Vi Văn Thái

Hòa chung không khí thi đua của cả nước, ngay từ đầu năm, Bệnh viện Y học cổ truyền Quảng Ninh đã có kế hoạch cụ thể, triển khai tới các khoa, phòng thực hiện tốt chỉ tiêu kế hoạch của Sở Y tế. Được sự hỗ trợ của các cấp, các ban, ngành trong tỉnh, cán bộ viên chức bệnh viện đã đoàn kết, khắc phục mọi khó khăn, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

- Công tác chính trị tư tưởng: Bệnh viện đã thực hiện tốt quy chế dân chủ, đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, bảo đảm cán bộ viên chức biết, cán bộ viên chức bàn và cán bộ viên chức kiểm tra các hoạt động của bệnh viện. Xây dựng khối đoàn kết nội bộ, quan tâm đến đời sống tinh thần, vật chất của cán bộ viên chức và động viên cán bộ viên chức phấn khởi, tin tưởng vào đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước.

- Công tác khám chữa bệnh: Năm 2005, số lượng người bệnh đến khám và điều trị rất đông, nhiều thời điểm quá tải, với số lượng bệnh nhân nội trú trên dưới 300 người bệnh/120 giường bệnh. Tiếp tục phát huy truyền thống tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân của bệnh viện trong nhiều năm qua, nên tuy rất đông bệnh nhân, nhưng cán bộ viên chức bệnh viện cũng làm tốt công tác y đức.

- Công tác dược và trang thiết bị y tế: Khoa dược đã đảm bảo cung ứng thuốc đầy đủ, kịp thời phục vụ cho công tác khám, điều trị người bệnh nội, ngoại trú với chất lượng thuốc tốt. Đảm bảo công tác sử dụng thuốc an toàn, hợp lý trong điều trị, thực hiện tốt chỉ thị số 05/2004/CT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế.

- Công tác thừa kế, nghiên cứu khoa học, tuyên truyền giáo dục và chỉ đạo tuyến: tháng 10 năm 2005, đã thừa kế bài thuốc kinh nghiệm chữa tăng huyết áp của lương y Lê Hữu Thành, Hội đồng Khoa học kỹ thuật bệnh viện đã thẩm định để đưa vào nghiên cứu, đánh giá tác dụng của của bài thuốc trong năm 2006. Cũng trong năm 2005, bệnh viện đăng ký 10 đề tài nghiên cứu khoa học, trong đó có 3 đề tài cấp ngành, 7 đề tài cấp cơ sở. Thường kỳ hàng tháng, kết hợp với các buổi sinh hoạt bệnh nhân toàn bệnh viện để nói chuyện chuyên đề về phòng, chữa bệnh bằng y học cổ truyền, bệnh viện có thư viện cho CBVC và bệnh nhân đọc sách, báo; có ti vi cho bệnh nhân xem.

- Công tác đào tạo: Ban giám đốc bệnh viện luôn quan tâm nâng cao chất lượng cán bộ cho bệnh viện, chú trọng đào tạo học tập nâng cao trình độ chuyên môn, đồng thời đào tạo tin học, ngoại ngữ, chính trị cho CBVC.

- Công tác hậu cần và quản lý kinh tế: tất cả các khoa, phòng đều được trang bị máy vi tính, bệnh viện đã nối mạng vi tính nội bộ thành công. Bệnh viện công khai ngân sách theo kế hoạch phù hợp, chi tiết đáp ứng kịp thời cho mọi hoạt động của bệnh viện

- Công tác đoàn thể: CBVC bệnh viện tham gia đầy đủ.

TRUNG TÂM Y TẾ DỰ PHÒNG TỈNH QUẢNG NINH

Địa chỉ: Phường Bạch Đằng- TP. Hạ long, tỉnh Quảng Ninh

Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Quảng Ninh bao gồm 62 người và 9 khoa, phòng.

Trình độ chuyên môn:

Trên đại học, đại học và cao đẳng 37 người = 57,8%. Trong đó:

Tiến sỹ: 01 người = 1,6%.

Thạc sỹ, chuyên khoa I: 10 người = 16%.

Đại học, cao đẳng: 25 người = 40,3%.

Trình độ trung học: 21 người = 32,8%.

Trình độ sơ cấp: 06 người = 9,8%

Công tác chuyên môn:

- Công tác phòng chống dịch: Năm 2005 nhìn chung các bệnh dịch ổn định không có dịch lớn xảy ra. Riêng cúm AH5N1 chưa có ca nào dương tính. Tuy nhiên qua công tác giám sát đã phát hiện các trường hợp sốt phát ban nghi sởi tại các huyện, thị, xã, trong tỉnh. TTYTDP đã chỉ đạo và triển khai các biện pháp phòng chống dịch. Khống chế không để dịch lan rộng.

- Công tác tiêm chủng mở rộng: Tiến độ tiêm chủng đạt kế hoạch đề ra, chất lượng tiêm chủng ngày càng được nâng cao. Chiến dịch chống OPV bổ sung thực hiện tốt, 99% trẻ< 5 tuổi được uống đủ 2 liều OPV.

- Công tác phòng chống tiêu chảy và nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính: năm 2005 số trẻ đến khám do nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính là 17.962 trường hợp. Tỷ lệ tử vong do viêm phổi không có. Các hoạt động giám sát được thực hiện thường xuyên trong năm.

- Công tác phòng chống HIV/ AIDS: Số lượt người phát hiện nhiễm HIV trong năm 2005 giảm 14% so với cùng kỳ năm 2004. Hệ thống giám sát bệnh nhân AIDS và tử vong do HIV/AIDS được củng cố, các huyện báo cáo đều. Chiều hướng nhiễm HIV giảm ở hầu hết các nhóm đối tượng giám sát trọng điểm, đặc biệt giảm mạnh ở nhóm phụ nữ mang thai.

- Công tác y tế học đường: Cán bộ phụ trách công tác y tế trường học tại các huyện, thị đều kiêm nhiệm nhiều chương trình, mặt khác, không có chi phí cho hoạt động này nên hiệu quả hoạt động của chương trình chưa cao.

- Công tác phòng chống bướu cổ: Công tác điều trị đảm bảo an toàn không nhầm lẫn, không gây tai biến.

- Công tác đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ của Trung tâm y tế dự phòng luôn được chú trọng, năm 2005 có 01 bác sỹ tiếp tục theo học thạc sỹ, 02 y sỹ đang theo học bác sỹ, 03 kỹ thuật viên theo chuyên ngành sinh học, 04 bác sỹ theo học chuyên khoa I.

Digitized by Google

VĂN PHÒNG TỈNH UỶ QUẢNG NINH

CÔNG TY NƯỚC KHOÁNG VÀ TM - DV QUẢNG NINH

Địa chỉ: Vườn Đào - Bãi Cháy - TP. Hạ Long - Quảng Ninh * Điện Thoại: 033.847 [illegible] - 847 196 * Fax: 033. 847 311



ISO 9001 : 2000

HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG TIÊU CHUẨN QUỐC TẾ VỀ VỆ SINH AN TOÀN THỰC PHẨM HACCP VÀ ISO 9001:2000

Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh Special



Một trong những nguồn nước quý hiếm mà thiên nhiên ban tặng

Nước khoáng thiên nhiên Quang Hanh Special có ga là một trong những sản phẩm tốt nhất của công ty được nhiều khách hàng trong và ngoài nước lựa chọn tin dùng, đó là nguồn cổ vũ lớn nhất của Công ty Nước khoáng và Thương mại dịch vụ Quảng Ninh.

TÁC DỤNG GIẢI KHÁT, LỢI TIỂU ĐIỀU HOÀ CHỨC NĂNG TIÊU HOÁ, CHỐNG SAY NẮNG, SAY SÓNG, VIÊM GAN MẬT, DẠ DÀY, CÓ THÀNH PHẦN I-ỐT ĐỂ PHÒNG CHỐNG BƯỚU CỔ VÀ LÀM ĐẸP CHO LÀN DA PHẢI NỮ

Nước khoáng thiên nhiên Yu He - One



Một trong những nguồn nước quý hiếm mà thiên nhiên ban tặng

Nước khoáng thiên nhiên Yu He - One được khai thác từ lỗ khoan có độ sâu 140, trên ngọn núi ở khu vực Bãi Cháy bên bờ Vịnh Hạ Long kỳ thú và xinh đẹp. Đây là sản phẩm tuyệt vời mà thiên nhiên ưu đãi cho Công ty Nước khoáng và Thương mại dịch vụ Quảng Ninh.

ĐẶC BIỆT TRONG KỲ ĐẠI HỘI ĐẢNG TOÀN QUỐC LẦN THỨ X CÁC SẢN PHẨM NƯỚC KHOÁNG THIÊN NHIÊN CỦA CÔNG TY NƯỚC KHOÁNG VÀ TMDV QUẢNG NINH ĐÃ VINH DỰ ĐƯỢC CHỌN LÀM NƯỚC UỐNG PHỤC VỤ ĐẠI HỘI

VINASHIN
SHINTECHPRO

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VIỆT NAM

TRƯỜNG ĐÀO TẠO KỸ THUẬT & NGHIỆP VỤ CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY I

SHIPBUILDING INDUSTRY TECHINICAL & PROFESSIONAL TRAINING SCHOOL N°I

NGÀNH NGHỀ ĐÀO TẠO

- Vỏ tàu thủy.
- Hàn điện.
- Hàn cắt hơi.
- Phóng dạng vỏ tàu thủy.
- Tiện.
- Đồ họa trong CN tàu thủy.
- Đào tạo cán bộ quản lý DN.
- Đào tạo tin học - ngoại ngữ.
- Liên kết với các trường đại học khác để đào tạo cử nhân, kỹ sư.
- Máy tàu thủy.
- Ống tàu thủy.
- Điện.
- Trường đang đầu tư XD cơ sở vật chất để nâng cấp lên thành cao đẳng chuyên nghiệp.



ĐỊA CHỈ: ĐƯỜNG HẢI TRIỀU - PHƯỜNG QUÁN TOAN - QUẬN HỒNG BÀNG - TP. HẢI PHÒNG * ĐIỆN THOẠI: 031 [illegible] * FAX: 031 [illegible]

Digitized by Google

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI



Thực hiện chương trình, kế hoạch công tác chào mừng Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và các ngày lễ lớn, 6 tháng đầu năm 2006 các cấp công đoàn Thủ đô đã tổ chức nhiều hoạt động đạt kết quả tốt:

1. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC:

- Tập trung tuyên truyền Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố lần thứ XIV, Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Tăng cường phổ biến giáo dục pháp luật, nhất là bộ Luật Lao động, luật doanh nghiệp, luật BHXH, những cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế quốc tế... tới đông đảo CNVCLĐ bằng nhiều hình thức phong phú, thiết thực.

- Tổ chức nhiều hoạt động giáo dục truyền thống: cuộc thi tìm hiểu "Viết tiếp hành trình mãi mãi tuổi 20", "Sống đẹp, sống khỏe, sống có ích" được 14.208 bài dự thi; tổ chức cho hàng ngàn CNVCLĐ tiêu biểu đi thăm các di tích lịch sử cách mạng, hoạt động về nguồn...

- Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được tổ chức liên tục, rộng khắp các cơ sở: giải bóng chuyền cúp Báo Lao động thủ đô lần thứ IX, hội khỏe ở các quận, huyện và cụm Văn hóa thể thao... Tạo không khí vui tươi phấn khởi trong CNVCLĐ.

2. CÁC PHONG TRÀO THI ĐUA ĐƯỢC ĐẨY MẠNH GÓP PHẦN HOÀN THÀNH THẮNG LỢI CÁC CHỈ TIÊU KINH TẾ- XÃ HỘI THỦ ĐÔ: Phong trào "Lao động giỏi, lao động sáng tạo", phong trào "Xanh - Sạch - Đẹp, đảm bảo vệ sinh lao động", các cuộc vận động "Xây dựng nếp sống văn hóa công nghiệp", "Xây dựng đơn vị văn hóa", "Con người thủ đô thanh lịch, văn minh". Kết quả có 95% đơn vị phát động thi đua, 6.014 sáng kiến cải tiến kỹ thuật làm lợi 14,358 tỉ đồng, 100 công trình sản phẩm được gắn biển, nhiều hội thi thợ giỏi, thao diễn kỹ thuật được tổ chức thu hút 37.472 CNLĐ tham gia.

3. CHĂM LO, BẢO VỆ QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA CNVCLĐ:

- Tập trung chỉ đạo tiến hành đại hội CNVC, hội nghị CBCC, hội nghị CNLĐ, xây dựng Quy chế Dân chủ, hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể... ở cơ sở.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thi hành Luật Lao động, luật Công đoàn, BHXH, công tác Bảo hộ lao động. Phối hợp các ngành liên quan kiểm tra trực tiếp 250 cuộc ở cơ sở. Thường xuyên giám sát, tổ chức tiếp xúc cử tri, nắm và giải quyết những tranh chấp lao động, các đơn kiến nghị của CNVCLĐ về chế độ chính sách, tham gia với chính quyền thực hiện các phương án sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp đảm bảo chế độ chính sách đối với người lao động... không để xảy ra đình công.

- Các hoạt động xã hội, từ thiện được đẩy mạnh như: quyên góp ủng hộ đồng bào lũ lụt, chất độc màu da cam, xây dựng "Mái ấm công đoàn", quỹ "Vì người nghèo", trợ cấp khó khăn cho CNVCLĐ, triển khai cho vay vốn thông qua các dự án 4,5 tỉ đồng...

4. CÔNG TÁC KIỆN TOÀN TỔ CHỨC, PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN VÀ THAM GIA XÂY DỰNG ĐẢNG:

-Triển khai thực hiện chương trình xây dựng đội ngũ thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH, nâng cao trình độ chính trị, học vấn, chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cho CNVCLĐ Thủ đô. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công đoàn từ tổ trưởng trở lên về chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước mới ban hành, các nghiệp vụ kỹ năng hoạt động công tác công đoàn…

- Công tác quy hoạch, bổ sung cán bộ chuẩn bị đội ngũ cán bộ kế cận được quan tâm.

- Chương trình phát triển 1 triệu đoàn viên được đẩy mạnh: 6 tháng đầu năm đã thành lập 83/1354 CĐCS (61,5% KH), kết nạp 9.686 đoàn viên, chủ yếu ở khu vực ngoài quốc doanh, gắn với công tác xây dựng công đoàn cơ sở vững mạnh.

- Công tác xây dựng Đảng: thường xuyên tổ chức giới thiệu đoàn viên ưu tú để Đảng xem xét kết nạp. 6 tháng đầu năm đã có 1.600 CNVCLĐ được kết nạp vào Đảng. Ngoài ra các cấp công đoàn còn làm tốt việc giới thiệu nhân sự vào các cấp ủy đảng, vận động đoàn viên CĐ tích cực tham gia đóng góp ý kiến vào báo cáo chính trị Đại hội Đảng các cấp.

Hoạt động Công đoàn thủ đô 6 tháng đầu năm 2006 đã góp phần quan trọng vào thực hiện nhiệm vụ kinh tế xã hội và giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của thành phố Hà Nội.

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA THIẾU NIÊN TIỀN PHONG

TIENPHONG PLASTIC JOIN-STOCKCOMPANY - TIFOPLAST

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI (1995-2004)



ÔNG ĐOÀN VĂN CHƯƠNG
GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong, thành lập năm 1960 (thuộc Bộ công nghiệp), là doanh nghiệp chuyên sản xuất các loại ống và phụ tùng bằng nhựa u.PVC, PEHD, PP-R lớn nhất Việt Nam với hệ thống quản lý chất lượng đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001: 2000. Năm 2004 Công ty đạt giải thưởng Sao vàng Đất Việt.

Ống nhựa Tiền Phong đã đoạt giải Cúp Vàng Made in Vietnam, Cúp Sen vàng Hội chợ Xuất nhập khẩu và tiêu dùng. 132 Huy chương Vàng tại các Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp, Hội chợ thương mại, TOP 5 ngành hàng nhựa - cao su Việt Nam và được người tiêu dùng bình chọn là hàng Việt Nam chất lượng cao.

Tháng 6-2006 được người tiêu dùng lựa chọn đạt Cúp tin dùng.

Ống nhựa Tiền Phong được sản xuất theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 4422-4427, DIN 8072, với nguyên liệu của Xin-ga-po, Nhật Bản, Hàn Quốc trên dây chuyền thiết bị hiện đại của CHLB Đức, I-ta-li-a, Nhật Bản đạt chất lượng cao đã tự công bố tiêu chuẩn sản phẩm. Ống nhựa u.PVC có đường kính từ Φ15 đến Φ 500, ống PEHD có đường kính từ Φ 20 đến Φ 500 với áp suất làm việc từ 5-25kg/cm^3 và phụ tùng lắp ghép đồng bộ.

Sản phẩm Profile với các loại máng luồn dẫn điện, coóc nhe nhựa với ưu điểm dễ lắp ráp.

Thương hiệu Tifoplast của Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền Phong đã được đăng ký bảo hộ tại 5 quốc gia: Lào, Cam-pu-chia, Mi-an-ma, Thái Lan và Trung Quốc.

Sản phẩm mới:

* Phụ tùng ống u.PVC nong hàn gia cường bằng Com-po-zite chịu áp lực từ 05Bar-16Bar.

* Ống chịu nhiệt PP-R từ Φ 20 đến Φ 63

Sản phẩm nhựa Tiền Phong phục vụ các ngành cấp thoát nước, công nghiệp, xây dựng, địa chất, các mỏ nước khoáng, dẫn khí, ga, chương trình nước sạch nông thôn, dân dụng, trang trí nội thất....





Công ty Cổ phần Nhựa Thiếu niên Tiền phong rất hân hạnh được phục vụ Quý Khách

Địa chỉ: Số 2 An Đà - Ngô Quyền - Hải Phòng * Tel: (84-31) 852 073 - 640 352 * Fax: (84-31) 640 133
Email: tifoplast@hn.vnn.vn * Website: nhuatienphong-tifoplast.com.vn

Digitized by Google

VNPT

Bưu Điện Thành Phố ĐÀ NẴNG
47 Trần Phú - ĐÀ NẴNG ĐT: 0511.821134 Fax: 0511.826071

Chào mừng 61 năm ngày
Quốc khánh
nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam
(2/9/1945-2/9/2006)



Website: www.danangpt.com.vn

Cuộc sống đích thực

CÔNG TY DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH HÒA

KHANH HOA TRANSPORT SERVICE COMPANY
(KHANHHOATRANSERCO)

Trụ sở chính : 58 Đường 23/10 Nha Trang, Khánh Hòa
Tel : (058).822 136-822 069-828 251-813 885; Fax: (058).814 301
E-mail : cty-dvvtkh@dng.vnn.vn

Doanh nghiệp nhà nước thành lập ngày 13 - 4 - 1993 theo quyết định số 1032/UB của UBND tỉnh Khánh Hòa.



Lãnh đạo Công ty Dịch vụ Vận tải Khánh Hòa với công nhân lái xe Buýt

- Quản lý và khai thác các bến xe trong toàn tỉnh.
- Tổ chức và quản lý hoạt động vận tải công cộng bằng xe Buýt tại TP.Nha Trang và vùng lân cận tỉnh Khánh Hòa.

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :

- Bến xe phía Nam - Tel: (058).822 192 - 820 227
- Bến xe Ninh Hoà - Tel: (058).845 981 - 844 359
- Bến xe Diên Khánh - Tel: (058).850 275
- Bến xe phía Bắc - Tel: (058).836 541 - 838 799
- Bến xe Cam Ranh - Tel: (058).952 519
- Đội xe buýt Nha Trang - Tel: (058).820 835



Nhân viên xe Buýt sẵn sàng phục vụ

Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN VIỆT NAM

AGRIBANK

CHI NHÁNH TỈNH TRÀ VINH

Địa chỉ: 138 Trần Quốc Tuấn, TX Trà Vinh - Điện thoại: (074) 858 867 - 858 499 - Fax: (074) 858 020



NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CHÍNH

* Huy động vốn:
- Nhận tiền gửi dưới các hình thức: Tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm bậc thang, kỳ phiếu bằng Việt Nam đồng (VNĐ) và ngoại tệ (USD) từ các tổ chức kinh tế và cá nhân, các mức lãi suất linh hoạt, hấp dẫn.
- Tiền gửi của quý khách được bảo đảm an toàn và được bảo hiểm theo quy định của nhà nước.

* Cho vay vốn:

Cho vay các thành phần kinh tế, các tầng lớp dân cư theo lãi suất thỏa thuận do Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam quy định, với các loại cho vay đa năng. Ngắn hạn, trung hạn và dài hạn bằng Việt Nam đồng (VNĐ) và ngoại tệ (USD) nhằm đáp ứng nhu cầu vốn cho các phương án, dự án phát triển sản xuất các ngành nghề và các dịch vụ...

* Thực hiện các dịch vụ ngân hàng:
- Bảo lãnh ngân hàng: Bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng bảo lãnh thanh toán... Với các mức phí phù hợp.
- Kinh doanh ngoại tệ và thanh toán quốc tế bằng hệ thống SWIFT với các ngân hàng lớn trên thế giới bảo đảm nhanh chóng, chi phí thấp, an toàn.
- Chuyển tiền nhanh chóng trong và ngoài nước với dịch vụ chuyển tiền nhanh chóng trong và ngoài nước với dịch vụ chuyển tiền nhanh WESTERNUNION.
- Chuyển tiền điện tử nội ngoại tỉnh nhanh chóng, thuận tiện, chi phí thấp.
- Dịch vụ máy ATM hoạt động 24/24h.
- Cung ứng tiền mặt và phương tiện thanh toán khác cho kho bạc Nhà nước thuận tiện nhanh chóng

Với phương châm "Mang phồn thịnh đến với khách hàng"

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Trà Vinh sẽ là người bạn đồng hành với quý khách trong sự nghiệp phát triển kinh tế và hội nhập kinh tế thế giới.

Cuộc sống đích thực **VNPT**

BƯU ĐIỆN TỈNH GIA LAI

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN

ĐỊA CHỈ: 69 HÙNG VƯƠNG. TP PLEIKU

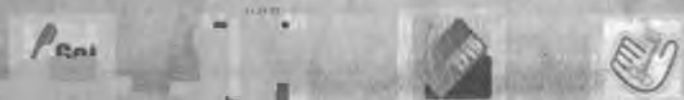
ĐIỆN THOẠI: 059 824 006 - FAX: 059 823 506

WEBSITE::: WWW.GIALAIPT.COM.VN

DỊCH VỤ VIỄN THÔNG
- Điện thoại cố định truyền thống IDD
- Điện thoại cố định gọi Voip 171
- Thẻ trả trước gọi Voip 1719
- Dịch vụ Internet gián tiếp 1260, 1268, 1269
- Dịch vụ Internet tốc độ Mega VNN
- Điện thoại di động trả trước VinaCard VinaDaily - VinaText
- Điện thoại di động trả sau VinaPhone

DỊCH VỤ BƯU CHÍNH
- Bưu phẩm, bưu kiện trong nước - quốc tế
- Dịch vụ chuyển tiền
- Dịch vụ điện hoa
- Dịch vụ tiết kiệm bưu điện
- Dịch vụ chuyển phát nhanh
- Dịch vụ phát hành báo chí
- Dịch vụ khai giá





Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HỒNG PHÁT

212A, Đường 3/2, P.Hưng Lợi, Q.Ninh Kiều, TP.Cần Thơ
Điện thoại: 071.830 150 - Fax: 071.834 083

KHU DÂN CƯ CÁI SƠN HÀNG BÀNG

BÁN NỀN CÓ SỔ ĐỎ

- Khu dân cư **CÁI SƠN HÀNG BÀNG** có vị trí trung tâm TP Cần Thơ, nằm cặp đường Nguyễn Văn Cừ nối dài và nối tỉnh lộ 923, dân cư đông đúc.
- Gần Trường đại học Cần Thơ, Bệnh viện đa khoa, Siêu thị METRO, bến xe, hội đủ các điều kiện đầu tư, sinh hoạt, học tập...



PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN LINH HOẠT
TIỀN MẶT HOẶC CHUYỂN KHOẢN

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG KHÁNH HÒA (KCM)

Add : 194 - 196 Trần Quý Cáp, Nha Trang, Khánh Hòa
Tel : (84.58) 822 124 - 821 005 - 829 662 - 820 197 - 814 203
Fax : (84.58) 816 329
Email: kcmc@dng.vnn.vn

Sản phẩm mới

Các Đơn Vị Trực Thuộc:
- Xí nghiệp gạch Tuynen Diên Khánh
- Xí nghiệp gạch ngói Ninh Hòa
- Công trường Đa Tân Dân
- Cửa hàng kinh doanh vật liệu xây dựng

- Sản xuất gạch ngói đất nung
- Khai thác và chế biến khoáng sản
- Mua bán vật liệu xây dựng, than đá, xăng dầu
- Xây lắp dân dụng và công nghiệp
- Dịch vụ vận tải hàng hóa

Digitized by Google

THÀNH PHỐ HẠ LONG

PHƯỜNG BÃI CHÁY





Trong những năm qua, chính quyền và nhân dân phường Bãi Cháy được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy, HĐND cùng với sự phối hợp có hiệu quả của UBMTTQ và các ngành đoàn thể đã hoàn thành các nhiệm vụ chính trị quan trọng như tham gia phục vụ Đại hội Đảng bộ các cấp, các chỉ tiêu kinh tế - văn hóa - xã hội. Công tác quản lý nhà nước trên địa bàn được nâng cao, cơ bản đáp ứng được nguyện vọng của nhân dân và các tổ chức, doanh nghiệp trên địa bàn trong đó nhiều chỉ tiêu vượt mức kế hoạch đã đề ra như: Thu ngân sách đạt 108% kế hoạch, xóa xong hộ nghèo trong quý I năm 2005... Cơ bản hoàn thành kế hoạch cấp giấy chứng nhận QSDĐ, lấn chiếm đất đai xây dựng trái phép giảm đáng kể so với năm 2004, công tác văn hóa tuyên truyền được quan tâm đúng mức phục vụ tốt các nhiệm vụ chính trị, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tham gia tích cực đồng thời tổ chức tốt các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao, tạo không khí vui tươi phấn khởi trong đông đảo quần chúng nhân dân, tổ chức đơn vị trên địa bàn, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội được duy trì, không có các tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội, công tác phòng chống tội phạm được tăng cường.

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NĂM 2006

A. Về kinh tế xã hội: Tập trung chỉ đạo kế hoạch thu chi ngân sách năm 2006, phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch từ 5- 10%.

B. Công tác quản lý đất đai- đô thị: Giải quyết những tồn tại và bất cập trong công tác cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Tăng cường công tác quản lý đất đai, xây dựng, quy hoạch đô thị. Phối hợp cùng các ban ngành chức năng và các tổ chức xã hội giải quyết những vướng mắc, tồn tại trong công tác GPMB, sớm thi công và đưa vào sử dụng các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn. Tập trung triển khai phương án quản lý khu du lịch Bãi Cháy và đề án chợ ẩm thực đêm theo chỉ đạo của UBND thành phố.

C. Công tác VHTT- TDTT- TBXH: Xây dựng và triển khai tốt các hoạt động tuyên truyền phục vụ Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X và các nhiệm vụ chính trị quan trọng khác. Xây dựng khu phố văn hóa, gia đình văn hóa, phấn đấu trong năm 2006 có trên 90% số hộ được công nhận gia đình văn hóa, 01 khu phó được công nhận lần III, 01 khu phố công nhận lần II, 02 khu phố công nhận lần I.

D. Công tác y tế giáo dục:

- Nâng cao chất lượng dạy và học trong các nhà trường, phấn đấu tăng tỷ lệ giáo viên dạy giỏi, chiến sỹ thi đua, học sinh khá giỏi và đạt giải ở các kỳ thi học sinh giỏi các cấp. Giữ vững các danh hiệu trường tiên tiến xuất sắc cấp tỉnh, cấp thành phố.

- Duy trì khám chữa bệnh tại trạm, tuyên truyền vận động nhân dân phòng ngừa dịch bệnh. Triển khai tốt các kế hoạch phòng chống dịch cúm gia cầm, đại dịch cúm ở người. Tiếp tục triển khai thực hiện Pháp lệnh Dân số, luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3.

E. Công tác an ninh quốc phòng: Duy trì tốt an ninh chính trị - TTATXH, tăng cường công tác phòng chống tội phạm, phòng chống TNXH. Phát huy sức mạnh của hệ thống chính trị trong công tác giữ gìn an ninh Tổ quốc, trong sạch địa bàn, chú trọng công tác quản lý nhà nước trong lĩnh vực dân tộc và tôn giáo.

F. Công tác chính quyền: Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong các lĩnh vực, triển khai và tổ chức thực hiện tốt các kế hoạch, phấn đấu hoàn thành vượt các chỉ tiêu kinh tế - văn hóa - xã hội.

Địa chỉ: Bãi Cháy, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Digitized by Google

S30

CÔNG TY PHÂN ĐẠM VÀ HOÁ CHẤT HÀ BẮC

HABAC NITROGENOUS FERTILIZER AND CHEMICALS COMPANY

Địa chỉ: Thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang
Tel: (84) 240 854 538; Fax: (84) 240 855018 * Email: Pdhabac@hn.vnn.vn



Đ/C Nguyễn Anh Dũng, Tỉnh ủy viên
Bí thư Đảng ủy, Giám đốc Công ty

CÁC THÀNH TÍCH ĐẠT ĐƯỢC

Huy chương vàng Hội chợ kinh tế quốc dân 1986, 1988
Huy chương vàng Hội chợ quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam 1993
Huy chương Vàng Hội chợ quốc tế hoá chất Việt Nam 1997
Giải "Bông lúa vàng" Hội chợ nông nghiệp quốc tế Cần Thơ 2005
Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2005
Thương hiệu "Bạn nhà nông Việt Nam"
Cúp vàng thương hiệu công nghiệp hàng đầu Việt Nam



Đóng bao Urê



Sản phẩm NH_3 và CO_2 lỏng



Sản phẩm CO_2 rắn

CÁC SẢN PHẨM CHÍNH CỦA CÔNG TY

1. Đạm Urê:
Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng $N_2 \geq 46\%$
Sản lượng: 170.000 tấn/năm.

2. Amoniac lỏng
Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng $Nh_3 \geq 99,9\%$
Sản lượng: 97.000 tấn/năm.

3. Các bon Điôxit (CO_2) lỏng, rắn
Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng $Co_2 \geq 99,9\%$
Sản lượng: 14.000 tấn/năm.

4. Nitơ khí (N_2)
Chỉ tiêu chất lượng:
- Nitơ kỹ thuật: Hàm lượng $N_2 \geq 95\%$
- Nitơ thuần: Hàm lượng $N_2 \geq 99\%$

5. Oxy khí: Hàm lượng $O_2 \geq 98\%$; Sản lượng: 360.000 m^3/năm.

6. Phân hỗn hợp NPK các loại: NPK 5.6.7; NPK 10.5.3, NPK 15.5.7; NPK 10.4.12; NPK 8.12.5...



CÔNG TY RẤT HÂN HẠNH PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH!

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 6000Đ

IX
9
. H68B

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV. OF MICH.
SEP 25 2006
CURRENT SERIALS

17
9-2006

Digitized by Google

CÔNG TY PHÂN ĐẠM VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ

Trân trọng cám ơn *Người Tiêu Dùng* đã bình chọn
sản phẩm **ĐẠM PHÚ MỸ** ® của chúng tôi là
"HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 2006"

cho mùa bội thu



ISO 9001 : 2000

HÀNG VIỆT NAM 2006 CHẤT LƯỢNG CAO
DO NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

AFAQ ISO 9001 2000 VERSION

CERTIFIED IQNet MANAGEMENT SYSTEM



PETROVIETNAM
PVFCCo

TỔNG CÔNG TY DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY PHÂN ĐẠM & HÓA CHẤT DẦU KHÍ - PVFCCo.
Số 10 Phổ Quang - Phường 2 - Quận Tân Bình - TP. HCM
Tel: 08. 9 974748 - Fax: 08. 9 974757
Nhà máy đạm Phú Mỹ
Khu Công Nghiệp Phú Mỹ I - Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu
Tel: 064. 921468 - Fax: 064. 921477

Digitized by Google



THÁNG 2 KỲ

RA NGÀY 1 VÀ 16

SỐ 763

17
9-2006

• **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

• **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

• **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

• **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

• **Tổng Biên tập :**
TẠ NGỌC TẤN



Bìa 1: Cầu Bãi Cháy

Ảnh: BÙI HỎA TIỄN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

MỤC LỤC

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

TÒNG THỊ PHÓNG - Không ngừng đổi mới tư duy, làm tốt hơn nữa công tác vận động quần chúng của Đảng 3

VŨ THỊ LIÊN - Thành tựu 20 năm đổi mới và định hướng phát triển ngành ngân hàng Việt Nam 7

NGUYỄN MẠNH HÙNG - Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển 14

NHÂN KỶ NIỆM 61 NĂM CÁCH MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH 2-9 (1945 - 2006)

NGUYỄN TRỌNG PHÚC - Bài học lịch sử vô giá - phát huy sức mạnh của nhân dân trong công cuộc đổi mới, nhìn từ Cách mạng Tháng Tám 19

NGUYỄN VĂN LONG - Tiến trình văn học Việt Nam từ sau Tháng Tám 1945 nhìn từ sự vận động của quan niệm nghệ thuật về con người 24

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

LÊ VĂN HIẾU - Nhớ mãi những ngày tháng cuối cùng của Bác 29

HOÀNG CHÍ BẢO - Đảng Cộng sản cầm quyền lãnh đạo nhà nước và xã hội trong sự nghiệp đổi mới - một số vấn đề đặt ra 33

TRẦN ĐĂNG TUẤN - Phản biện xã hội: một số vấn đề chung 38

TRẦN NGỌC HIÊN - Nguồn gốc những vấn đề phát sinh trong quá trình đô thị hóa và khả năng giải quyết trong điều kiện hiện nay 44

TRƯƠNG GIANG LONG - Đổi mới nhận thức và quan niệm về sở hữu 48

NGUYỄN ÁI ĐOÀN - Các phương pháp tiếp cận khác nhau về lạm phát và vấn đề đánh giá lạm phát ở Việt Nam 52

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

VÕ HÙNG DŨNG - Cần một sự đột phá trong đổi mới tư duy giáo dục ở đồng bằng sông Cửu Long 59

LÊ MẠNH - Quân khu 7 tập trung xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện 63

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

NAM DŨNG - Chuyện ông và cháu 66

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

LÊ CÔNG PHỤNG - APEC và năm APEC Việt Nam 2006 68

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

* * * Đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương làm việc với Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản 71

* * * Đoàn cán bộ Tạp chí A-lun-may (Lào) sang thăm và dự khóa bồi dưỡng nghiệp vụ 72

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• ТОНГ ТХИ ФОНГ: Непрерывное обновление мышления, наилучшим образом проведение агитационной и пропагандистской работы Партии среди народных масс. • ВУ ТХИ ЛИЕН: Достижения 20-летнего обновления и направления развития банковской отрасли Вьетнама. • НГУЕН МАНЬ ХУНГ: Последовательное выполнение внешнеполитической линии независимости, самостоятельности, мира, сотрудничества и развития. • НГУЕН ЧОНГ ФУК: Бесценный исторический урок, извлеченный из Августовской революции – развитие силы народа в деле обновления. • НГУЕН ВАН ЛОНГ: Процесс развития вьетнамской литературы после Августовской революции 1945 г. – с точки зрения движения художественных концепций о человеке. • ЛЕ ВАН ХИЕУ: Навсегда помним последние дни Дяди Хо. • ХОАНГ ТЬИ БАО: Правящая Коммунистическая партия руководит государством и обществом в деле обновления – некоторые поставленные проблемы. • ЧАН ДАНГ ТУАН: Общественный оппонент: некоторые общие проблемы. • ЧАН НГОК ХИЕН: Источники возникающих проблем в процессе урбанизации и возможность их разрешения в настоящих условиях. • ВО ХУНГ ЗУНГ: Необходимость прорыва в обновлении мышления об образовании в дельте реки Кьулонг. • ЛЕ КОНГ ФУНГ: АТЭС и год АТЭС Вьетнама 2006 г.

CONTENTS

• TÒNG THỊ PHÓNG: Unceasingly renovating thinking, fulfilling better the Party's work of propaganda and agitation among the people. • VŨ THỊ LIÊN: Achievements of 20 years of renovation and the developmental orientations of Vietnam's banks. • NGUYÊN MẠNH HÙNG: Consistently fulfilling the foreign affairs of independence, self-control, peace, cooperation, and development. • NGUYÊN TRỌNG PHÚC: Invaluable historical lesson: Promotion of the people's strengths in the renovation cause – viewed from the August Revolution. • NGUYÊN VĂN LONG: The progress of Vietnamese literature since August of 1945 - a view point from the evolution of the artistic conception on man. • LÊ VĂN HIÊU: Remembering forever the last days of Uncle Hò. • HOÀNG CHÍ BẢO: The leadership of the state and society by the Party in power in the renovation cause: some problems put forward. • TRẦN ĐĂNG TUẤN: Social arguments - some general problems. • TRẦN NGỌC HIÊN: The sources of the problems sprang in the process of urbanisation and the ability of their solution in present-day circumstances. • VÕ HÙNG DŨNG: There is needed a breakthrough in the renovation of the thinking on education in the Cửu Long delta. • LÊ CÔNG PHỤNG: APEC and the 2006 APEC year of Vietnam.

SOMMAIRE

• TÒNG THỊ PHÓNG : Renouveler sans cesse la pensée, mener mieux le travail de sensibilisation du Parti auprès des masses. • VŨ THỊ LIÊN : Réalisations des 20 années de renouveau et orientation de développement de la branche bancaire du Vietnam. • NGUYÊN MẠNH HÙNG : Application conséquente de la ligne de politique extérieure indépendante, autonome, pour la paix, la coopération et le développement. • NGUYÊN TRỌNG PHÚC : Une leçon historique inestimable – valoriser la force du peuple dans l'œuvre de renouveau, vue de la Révolution d'Août 1945. • NGUYÊN VĂN LONG : L'évolution de la littérature vietnamienne après Août 1945, vue du mouvement de la conception artistique de l'homme. • LÊ VĂN HIÊU : Souvenir toujours vivant des derniers jours de l'Oncle Hò. • HOÀNG CHÍ BẢO : La direction du Parti communiste au pouvoir vis-à-vis de l'Etat et de la société dans l'œuvre de renouveau – quelques problèmes posés. • TRẦN ĐĂNG TUẤN : Contradiction sociale : quelques questions générales. • TRẦN NGỌC HIÊN : Origines des problèmes nés dans le processus d'urbanisation et possibilités du règlement dans les conditions actuelles. • VÕ HÙNG DŨNG : Le besoin d'une brèche dans la rénovation de la pensée sur l'éducation dans le delta du Mékong. • LÊ CÔNG PHỤNG : L'APEC et l'année de l'APEC Vietnam 2006.

SUMARIO

• TÒNG THỊ PHÓNG: Renovar sin cesar el pensamiento para cumplir mejor la movilización popular del Partido. • VŨ THỊ LIÊN: Éxitos de 20 años de renovación y la orientación de desarrollo de la banca vietnamita. • NGUYÊN MẠNH HÙNG: Implementar consecuentemente la línea exterior de independencia, autonomía, paz, cooperación y desarrollo. • NGUYÊN TRỌNG PHÚC: La inapreciable lección de historia – puesta en acción de la fuerza popular en la renovación, mirada a través de la Revolución de Agosto. • NGUYÊN VĂN LONG: El curso de desarrollo de literatura vietnamita desde la Revolución de Agosto de 1945 mirado mediante el movimiento de la concepción artística del hombre. • LÊ VĂN HIÉU: Recuerdos inolvidables de los últimos días del Tío Hò. • HOÀNG CHÍ BẢO: La toma del Partido Comunista de dirección estatal y social en la causa renovadora – algunas cuestiones planteadas. • TRẦN ĐĂNG TUẤN: Argumentación social: ciertos asuntos comunes. • TRẦN NGỌC HIÊN: La raíz de algunos problemas surgidos en el proceso de urbanización y la capacidad de resolverlos en las condiciones actuales. • VÕ HÙNG DŨNG: La necesidad de un salto en la renovación de ideología educacional en el delta del Mekong. • LÊ CÔNG PHỤNG: La APEC y el año de APEC vietnamita de 2006.

目 录

• 从氏放：不断革新思维，更好地落实党的群众动员的工作 • 武氏莲：20年革新的成就及越南银行行业的发展定向 • 阮孟雄：一贯实现独立自主、和平、合作及发展的对外道路 • 阮仲福：无价的历史经验——汲取八月革命的经验在革新事业中发挥人民的力量 • 阮文龙：1945年后的越南文学进程，从对于人的艺术观念的运动而视之 • 李文孝：永远不忘胡伯伯最后的那些日子 • 黄志宝：共产党在革新事业中执政领导国家及社会——面临的一些问题 • 陈登俊：社会反辩：一些共同的问题 • 陈玉轩：都市化进程中发生的若干问题之根源及在目前条件下解决的可能性 • 武雄勇：必须在九龙江平原地区进行突破性的教育思维革新 • 李功凤：亚太经济组织及2006年的越南的亚太经济组织年。

Digitized by Google

KHÔNG NGỪNG ĐỔI MỚI TƯ DUY, LÀM TỐT HƠN NỮA CÔNG TÁC VẬN ĐỘNG QUẦN CHÚNG CỦA ĐẢNG

TÒNG THỊ PHÓNG *

Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Đó là một trong những nguồn gốc quan trọng nhất của mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Đó cũng là bài học lớn của Đảng ta trong công cuộc đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay.

ĐỔI mới tư duy về công tác vận động quần chúng của Đảng được bắt nguồn từ thực tế, yêu cầu cách mạng, thực sự thổi vào cuộc sống nhân dân ta một tinh thần mới, tạo nên sự chuyển biến mạnh mẽ trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội; góp phần vào việc xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, củng cố và tăng cường lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ. Mốc lịch sử về đổi mới công tác quần chúng của Đảng là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI (gọi tắt là NQTW 8B, khóa VI). Đảng ta chỉ rõ: "Động lực thúc đẩy phong trào quần chúng là đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân và kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân"(1). Điều đó đã được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình ủng hộ. Đó là một trong những điều rất quan trọng trong đổi mới tư duy của Đảng. Từ nhận thức ấy Đảng, Nhà nước đã có những chính sách phù hợp, làm cho mỗi người dân gắn bó hơn với lao động, quan tâm hơn tới thành quả của công việc; cách nhìn nhận về giá trị đóng góp của từng cá nhân cho xã hội trở nên thực tế hơn. Một lần nữa Đảng ta tiếp tục khẳng định nguyên lý: *Cách mạng là sự nghiệp của dân, do dân và vì dân.* Trong hoàn cảnh mới của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, mục tiêu công tác vận động quần chúng được cụ thể hóa thêm: Tiếp tục đổi mới phương thức tập hợp nhân dân; xây dựng một xã hội đồng thuận và ổn định; phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; củng cố và tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước với nhân dân. Và sau 20 năm đổi mới, vấn đề công tác vận động quần chúng là một thành tố quan trọng đã được nêu trong chủ đề Đại hội X của Đảng: **"Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển".** *"Phát huy sức mạnh toàn dân tộc"*

---

* Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Dân vận Trung ương

(1) *Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa VI*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1990, tr 11

là một nội dung có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công tác vận động quần chúng trong tình hình mới.

Tuy chúng ta đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả nhất định trong việc đổi mới công tác vận động quần chúng, nhưng, nhìn chung chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội. Hiện nay, trước bối cảnh phức tạp của tình hình và yêu cầu mới của cách mạng, cần đặc biệt coi trọng và phát huy mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân, nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, đồng thời phát huy vai trò làm chủ của nhân dân một cách có hiệu quả. Cụ thể cần làm tốt hơn nữa các nội dung sau đây:

Một là, *quán triệt và thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng một cách đúng đắn, đáp ứng nguyện vọng chính đáng của nhân dân là điều kiện quyết định để tiến hành có kết quả công tác quần chúng trong giai đoạn mới.*

Trong những năm gần đây, Đảng ta rất coi trọng đổi mới tư duy về công tác vận động quần chúng phù hợp với công cuộc đổi mới của đất nước. Các nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng và các nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, của Bộ Chính trị và Ban Bí thư cũng như các chính sách, pháp luật của Nhà nước đã tiếp tục khẳng định: Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi. Mọi chủ trương, đường lối của Đảng phải xuất phát từ thực tiễn, từ lợi ích và nguyện vọng chính đáng của nhân dân. Có thể nói, đây cũng là thành tựu rất quan trọng đối với công tác vận động quần chúng trong giai đoạn mới. Kinh nghiệm cho thấy rằng, ở đâu các cấp ủy quan tâm chỉ đạo, quán triệt các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết về công tác vận động quần chúng; xây dựng tổ chức, bố trí đúng cán bộ có chất lượng, thì ở đấy công tác vận động nhân dân thực hiện các nhiệm vụ chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và nâng cao đời sống của nhân dân có kết quả. Đó cũng chính là vận động nhân dân thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Hai là, *phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là đường lối chiến lược cơ bản, lâu dài.*

Đại đoàn kết là truyền thống quý báu và là sức mạnh vô song của dân tộc trên con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Đảng không chỉ là hạt nhân lãnh đạo, mà còn phải tiêu biểu cho sự đoàn kết đó. Đại hội X của Đảng khẳng định: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc" (2). Như vậy, chỉ có Đảng ta có uy tín, điều kiện tập hợp đoàn kết toàn dân tộc. Mọi người dân Việt Nam đều coi Đảng là Đảng của mình vì chỉ có Đảng ta là người đại biểu chăm lo cho cuộc sống của nhân dân "Để ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành", như Bác Hồ mong muốn. Dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, để thực hiện và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, chúng ta phải: "vận động tất cả lực lượng của *mỗi một người dân* không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân"(3). Như vậy, phải thực hiện đoàn kết các giai cấp, các tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, thành phần; mọi giới, mọi lứa tuổi, mọi vùng của đất nước, người trong Đảng và người ngoài Đảng, người đang công tác và người đã nghỉ hưu, mọi thành viên trong đại gia đình dân tộc Việt Nam dù sống ở trong nước hay định cư ở nước ngoài. Phải động viên và phát huy tất cả lực lượng vật chất và tinh thần, trí tuệ của cả cộng đồng, truyền thống yêu nước và lòng tự hào dân tộc, lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất vì "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" làm điểm tương đồng; chấp nhận những điểm khác nhau không trái với

---

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 52

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 5, tr 698

Digitized by Google

lợi ích chung của cả dân tộc; xóa bỏ mặc cảm, định kiến, kỳ thị về quá khứ, giai cấp, thành phần; xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau, hướng tới tương lai. Khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phải luôn luôn được củng cố và phát triển ngày càng sâu rộng trên cơ sở liên minh vững chắc giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức. Đó chính là nguồn gốc và sức mạnh của nền tảng xã hội, của mối quan hệ mật thiết giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân trong điều kiện mới.

Ba là, *cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí, thực hành dân chủ, chăm lo lợi ích, phát huy nhân tố con người phải trở thành mục tiêu và động lực của công tác quần chúng.*

Một trong những thành quả quan trọng của những năm đổi mới vừa qua là kinh tế tăng trưởng ở mức cao và ổn định; đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên; an ninh - quốc phòng được giữ vững; quyền dân chủ của nhân dân ngày càng được mở rộng và phát huy; hệ thống pháp luật từng bước được hoàn thiện; pháp chế xã hội chủ nghĩa được đề cao; thể chế chính trị, tổ chức bộ máy đang từng bước được đổi mới, hoàn thiện. Đảng chủ trương thực hiện đồng bộ, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội; phát triển kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước đi và từng chính sách phát triển của đất nước đã đưa đến tỷ lệ người nghèo giảm nhanh, số người khá giả, giàu có tăng lên. Việc chủ động mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại nhiều cơ hội phát triển mới cho đất nước và cải thiện dân sinh, nâng cao dân trí của đại bộ phận nhân dân. Các chương trình, dự án kinh tế liên quan đến đời sống nhân dân được chú trọng đầu tư phát triển, đặc biệt là chính sách xã hội được nhiều nơi quan tâm và thực hiện khá tốt qua các cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư", "Xóa đói, giảm nghèo", "Ngày vì người nghèo", các phong trào "Đền ơn, đáp nghĩa", "Ông bà cha mẹ mẫu mực, con cháu hiếu thảo", "Xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương", giúp đỡ nhau có hiệu quả lúc gặp khó khăn, hoạn nạn do thiên tai, dịch bệnh gây nên...

Vấn đề thực hành dân chủ, chăm lo lợi ích, phát huy nhân tố con người được gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Quyền dân chủ của nhân dân ngày càng được phát huy, công tác tiếp xúc cử tri, công tác bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Quốc hội được đổi mới; ý kiến nhân dân được tiếp thu, bổ sung vào báo cáo, chương trình phát triển kinh tế - xã hội. Nhân dân tham gia xây dựng chính quyền, thực hiện các nghĩa vụ của công dân đối với Nhà nước, địa phương, cơ sở ngày càng mở rộng và hiệu quả.

Bốn là, *tiếp tục đổi mới các hình thức, phương pháp công tác quần chúng cho phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện và các đối tượng quần chúng cụ thể.*

Công cuộc đổi mới là sự nghiệp của nhân dân ta. Do đó, việc phát huy tính chủ động, sáng tạo, sự tham gia một cách chủ động, tích cực, tự giác của các tầng lớp nhân dân là vấn đề mang tính sống còn. Để động viên tốt sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, các giai cấp, các dân tộc, các tôn giáo, mọi thành phần kinh tế đều chủ động và tích cực tham gia và góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới. Việc đổi mới hình thức, phương pháp công tác quần chúng phải góp phần để *giai cấp công nhân* phát triển về số lượng, chất lượng và tổ chức; nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, xứng đáng là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Việc cấp bách trước mắt là, giải quyết việc làm và thất nghiệp; thực hiện tốt chính sách về lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, chính sách ưu đãi nhà ở; xây dựng tổ chức, phát triển đoàn viên công đoàn, nghiệp đoàn đều khắp ở các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuộc các thành phần kinh tế, v.v.. Cần chăm lo đào tạo cán bộ và việc kết nạp đảng viên từ những công nhân ưu tú phải được đặc biệt quan tâm. Đối với *giai cấp nông dân*, những hình thức, phương pháp công tác quần chúng phải góp phần bồi dưỡng sức dân, phát huy vai trò của giai cấp nông dân trong sự

Digitized by Google

nghiệp đổi mới và công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, đưa công nghệ tiên tiến vào nông nghiệp, nông thôn; tạo điều kiện để giúp nông dân chuyển sang làm công nghiệp và dịch vụ, thúc đẩy sản xuất, ổn định và cải thiện đời sống... Đối với *đội ngũ trí thức*, những hình thức, phương pháp công tác quần chúng phải tập trung góp phần động viên và chăm lo để trí thức nâng cao trí tuệ và năng lực mở rộng thông tin, phát huy dân chủ, trọng dụng nhân tài. Khuyến khích đội ngũ trí thức, các nhà khoa học phát minh sáng tạo hướng về cơ sở. Đối với các doanh nhân, thế hệ trẻ, phụ nữ, cựu chiến binh, người cao tuổi, các dân tộc, tôn giáo và đồng bào ta định cư ở nước ngoài... thì các hình thức, phương pháp công tác quần chúng phải rất phong phú, đa dạng và được áp dụng linh hoạt, phù hợp với từng hoàn cảnh, điều kiện và đối tượng là điều vô cùng quan trọng. Tất cả nhằm đạt mục đích đưa đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với mọi người dân, nhanh chóng trở thành phong trào hành động thực tiễn của nhân dân. Thông qua đó, nhân dân ta, đồng bào ta ở nước ngoài ngày càng tin tưởng, gắn bó với chế độ, chủ động và tích cực tham gia các phong trào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Năm là, *quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, kiện toàn Ban Dân vận và các tổ chức làm công tác quần chúng ở các cấp, các ngành.*

Trước yêu cầu tập hợp quần chúng ngày càng sâu rộng, nhiệm vụ cách mạng ngày càng to lớn và phức tạp, do đó càng đòi hỏi năng lực và phẩm chất của đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng phải không ngừng vươn lên tương xứng một cách toàn diện. Người làm công tác quần chúng cần có bản lĩnh, uy tín, năng lực, chuyên môn ở lĩnh vực mình phụ trách với tinh thần trách nhiệm, tự nguyện và tâm huyết với công tác được giao. Do đó, *bản lĩnh, hiểu biết, tình nguyện, khéo léo và dám hy sinh* cũng là đặc trưng của cán bộ làm công tác quần chúng trong điều kiện hiện nay. Có đội ngũ cán bộ như vậy mới làm được việc *"dân vận khéo"*, như Bác Hồ căn dặn.

Trong những năm gần đây, trước sự đòi hỏi của thực tiễn, các cấp ủy đã tăng cường công tác quần chúng, *kiện toàn các ban dân vận của cấp ủy*. Việc tham mưu cho cấp ủy về công tác dân tộc, tôn giáo, mặt trận, đoàn thể và các hội đã thành nền nếp. Những nghị quyết, chỉ thị của Đảng về công tác quần chúng đã được triển khai sâu rộng trong cả hệ thống chính trị, đưa lại kết quả thiết thực trong đời sống xã hội. Tuy nhiên, một số nơi vẫn có tình trạng coi nhẹ, thậm chí có nơi còn quan liêu, buông lỏng, "khoán trắng" công tác quần chúng cho Mặt trận, đoàn thể. Trước yêu cầu và nhiệm vụ mới của cách mạng, đòi hỏi Đảng, Nhà nước và cả hệ thống chính trị cần tiếp tục quan tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ làm công tác quần chúng phải thực hành tốt phong cách "trọng dân, gần dân, hiểu dân, học dân và có trách nhiệm với dân"; "nghe dân nói, nói dân hiểu, làm dân tin".

Sáu là, *công tác quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân.*

Trong việc kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống chính trị nước ta, cơ chế Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ đang được phát huy. Toàn Đảng, từ Trung ương tới từng chi bộ, tới mỗi cán bộ, đảng viên đều phải làm tốt công tác quần chúng theo chức trách của mình. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, chính quyền phải nhanh chóng thể chế hóa và cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng về công tác quần chúng hoặc liên quan đến nhân dân thành các văn bản pháp quy, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhân dân phát huy quyền làm chủ của mình theo phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Các cấp chính quyền cần có chế độ tiếp dân, giải quyết kịp thời đơn thư khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Xây dựng cơ chế, tạo điều kiện cho nhân dân giám sát cán bộ, đảng viên và đấu tranh phòng, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong công tác vận động quần chúng, giúp Đảng, Nhà nước nắm đúng và chắc tâm tư nguyện vọng và nhu cầu của quần chúng, xây dựng mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân.❑

Digitized by Google

THÀNH TỰU 20 NĂM ĐỔI MỚI VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH NGÂN HÀNG VIỆT NAM

VŨ THỊ LIÊN *

20 năm vừa qua, hệ thống ngân hàng Việt Nam đã được đổi mới toàn diện về khuôn khổ pháp lý, mô hình tổ chức và hoạt động phù hợp với nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa, hội nhập quốc tế. Tuy nhiên trước mắt, cùng với những vận hội to lớn để trở thành hệ thống ngân hàng vững mạnh, ngành ngân hàng cũng còn phải đối mặt với không ít khó khăn, thách thức.

1 - Một số thành tựu của ngành ngân hàng Việt Nam sau 20 năm đổi mới và phát triển

Trước thời kỳ đổi mới, nền kinh tế nước ta trong tình trạng khủng hoảng kinh tế nghiêm trọng, tăng trưởng kinh tế thấp, lạm phát cao, thâm hụt ngân sách và cán cân thương mại lớn, tỷ lệ thất nghiệp cao. Hệ thống ngân hàng cũng nằm trong tình trạng bất ổn định kéo dài, lưu thông tiền tệ rối loạn do không kiểm soát được khối lượng tiền mặt, tín dụng trong nền kinh tế một cách hợp lý. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước, 20 năm vừa qua hệ thống ngân hàng Việt Nam đã được đổi mới toàn diện về khuôn khổ pháp lý, mô hình tổ chức và hoạt động phù hợp với xu hướng phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế.

> ***"Đổi mới hoạt động ngân hàng - tài chính phải được coi là khâu đột phá khẩu trong suốt tiến trình đổi mới nền kinh tế đất nước"***
>
> *(Nghị quyết Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam)*

Đổi mới căn bản cấu trúc thể chế và xây dựng mô hình ngân hàng hai cấp phù hợp với thông lệ của các nền kinh tế thị trường. Hệ thống ngân hàng được chuyển từ mô hình ngân hàng một cấp sang mô hình ngân hàng hai cấp, vận hành theo nguyên tắc thị trường, chức năng ngân hàng thương mại được tách khỏi chức năng ngân hàng trung ương và quản lý nhà nước của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) để hình thành lên hệ thống các tổ chức tín dụng thực hiện chức năng kinh doanh tiền tệ, tín

* TS, Phó Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

Digitized by Google

dụng, ngân hàng. Ngân hàng Nhà nước đóng vai trò là Ngân hàng Trung ương của Việt Nam và là cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng. Chính sách tiền tệ được độc lập với chính sách tài khóa và trở thành công cụ quan trọng của Chính phủ trong việc điều tiết kinh tế vĩ mô.

Đến nay, hệ thống các tổ chức tín dụng Việt Nam đã phát triển đa dạng về loại hình và hình thức sở hữu với 5 ngân hàng thương mại nhà nước, 1 ngân hàng chính sách xã hội, 34 ngân hàng thương mại cổ phần, 32 chi nhánh ngân hàng nước ngoài, 4 ngân hàng liên doanh, 6 công ty tài chính, 8 công ty cho thuê tài chính và hơn 900 quỹ tín dụng nhân dân. Trong đó, các ngân hàng thương mại nhà nước đóng vai trò chủ đạo trên thị trường ngân hàng xét về quy mô vốn, tài sản, mạng lưới và thị phần (trên 70%).

Cơ chế quản lý, giám sát hoạt động ngân hàng được đổi mới theo hướng thông thoáng hơn, phù hợp với xu hướng tự do hóa tài chính nhằm tạo môi trường thuận lợi thông thoáng cho các tổ chức tín dụng hoạt động theo nguyên tắc thị trường.

Hoàn thiện hệ thống chính sách, pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng nhằm thúc đẩy quá trình đổi mới và hiện đại hóa hệ thống ngân hàng. Pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước và Pháp lệnh Ngân hàng, Hợp tác xã và Công ty tài chính được ban hành năm 1987. Sau đó, Luật Ngân hàng nhà nước, Luật Các tổ chức tín dụng được ban hành năm 1997 và tiếp tục được sửa đổi trong các năm 2003 và 2004 để không ngừng được củng cố và phát triển hệ thống ngân hàng hai cấp vận hành theo cơ chế thị trường, đồng thời thúc đẩy tiến trình đổi mới hiện đại hóa ngành ngân hàng.

Cơ chế quản lý, giám sát hoạt động ngân hàng được đổi mới theo hướng thông thoáng hơn, phù hợp với xu hướng tự do hóa tài chính nhằm tạo môi trường thuận lợi, thông thoáng cho các tổ chức tín dụng hoạt động theo nguyên tắc thị trường và các tổ chức, cá nhân tiếp cận thuận lợi các dịch vụ ngân hàng. Tư duy, quan điểm xây dựng cơ chế, chính sách quản lý hoạt động ngân hàng được chuyển theo hướng lấy đối tượng bị quản lý làm mục tiêu, tạo điều kiện thuận lợi cho các đối tượng bị quản lý hoạt động hợp pháp thay vì mang tính áp đặt, quan liêu hành chính, song vẫn bảo đảm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động ngân hàng. Các cơ chế, chính sách quản lý và thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng ngày càng được hoàn thiện phù hợp hơn với thực tiễn Việt Nam và các thông lệ, chuẩn mực quốc tế nhằm tạo môi trường thuận lợi cho ổn định kinh tế vĩ mô, tăng trưởng kinh tế và hoạt động của các tổ chức tín dụng được an toàn, hiệu quả, hội nhập nhanh với khu vực và thế giới. Hệ thống cơ chế, chính sách của NHNN ngày càng xác định rõ ràng ranh giới, vị trí, trách nhiệm quản lý nhà nước của NHNN với hoạt động kinh doanh của các tổ chức tín dụng, bảo đảm nâng cao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức tín dụng trong kinh doanh. Điều này thể hiện rõ trong chính sách tín dụng, quản lý ngoại hối và các qui định an toàn hoạt động ngân hàng. Hiện nay, các tổ chức tín dụng hoàn toàn tự chủ trong quyết định cho vay theo nguyên tắc thương mại. Bao cấp, ưu đãi tài chính và phân biệt đối xử giữa các loại hình tổ chức tín dụng ngày càng được giảm thiểu. Cho vay các đối tượng chính sách và cho vay theo chỉ định của

Digitized by Google

Chính phủ đã được tách về căn bản khỏi cho vay thương mại để chuyển sang Ngân hàng Chính sách xã hội và Ngân hàng Phát triển. Các tổ chức, cá nhân có nhu cầu về dịch vụ ngân hàng được tiếp cận các tổ chức tín dụng thuận lợi và không hạn chế. Trong khi đó, NHNN chỉ thực hiện vai trò quản lý nhà nước và điều tiết thị trường bằng pháp luật và các biện pháp kinh tế là chủ yếu.

Cơ chế điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối, lãi suất và tỷ giá đã được đổi mới căn bản để từng bước hình thành hệ thống tiền tệ được điều tiết chủ yếu theo cơ chế thị trường. Cơ chế điều hành chính sách tiền tệ được chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa sang cơ chế điều hành dựa vào thị trường với việc từng bước loại bỏ các biện pháp kiểm soát tiền tệ trực tiếp như các kế hoạch tiền mặt, kế hoạch tín dụng, trần tín dụng, ấn định lãi suất và đưa vào áp dụng các công cụ chính sách tiền tệ gián tiếp như nghiệp vụ thị trường mở, chiết khấu, dự trữ bắt buộc được vận hành linh hoạt và phù hợp với thông lệ quốc tế. Ngân hàng Nhà nước thực hiện điều hành chính sách tiền tệ theo tín hiệu thị trường và hướng tới thực thi mục tiêu tăng trưởng kinh tế, kiểm soát lạm phát trong từng thời kỳ. Quan hệ với ngân sách nhà nước đã được đổi mới theo hướng tạo điều kiện thuận lợi hơn cho điều hành chính sách tiền tệ. Từ năm 1992, NHNN đã chấm dứt phát hành tiền cho chi tiêu ngân sách. Các khoản tín dụng của NHNN dành cho ngân sách nhà nước và các ngân hàng thương mại là các khoản tín dụng ngắn hạn, có bảo đảm.

Cơ chế điều hành lãi suất và tỷ giá có sự đổi mới căn bản nhằm tiến tới một hệ thống lãi suất và tỷ giá linh hoạt, vận hành theo nguyên tắc thị trường. Lãi suất được chuyển dần từ cơ chế lãi suất cố định được kiểm soát bằng các biện pháp mệnh lệnh hành chính sang cơ chế lãi suất thị trường. Cơ chế lãi suất thực dương được thực hiện từ năm 1992. Lãi suất đồng Việt Nam đã được tự do hóa từ tháng 6-2002. Lãi suất ngoại tệ về cơ bản được tự do hóa. Cơ chế đa tỷ giá cố định được điều hành bằng các biện pháp mệnh lệnh hành chính đã được thay thế bằng cơ chế tỷ giá linh hoạt, dựa trên cơ sở thị trường. Cơ chế tỷ giá thị trường được hỗ trợ tích cực bằng việc đổi mới chính sách quản lý ngoại hối theo hướng tự do hóa các giao dịch vãng lai và nới lỏng kiểm soát các giao dịch vốn. Cuối năm 2005, Pháp lệnh Ngoại hối đã được ban hành và IMF đã công nhận Việt Nam là quốc gia tự do hóa các giao dịch vãng lai. Vì vậy, lãi suất và tỷ giá trở thành thước đo giá trị và đòn bẩy kinh tế quan trọng thúc đẩy tiết kiệm, đầu tư, kiểm soát lạm phát, ổn định hệ thống tài chính, góp phần khuyến khích xuất khẩu và tăng trưởng kinh tế.

Đi đôi với đổi mới cơ chế điều hành tiền tệ, lãi suất và tỷ giá, NHNN quan tâm phát triển hệ thống thị trường tiền tệ như thị trường liên ngân hàng, thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, thị trường đấu thầu trái phiếu và thị trường mở để hỗ trợ cho việc thực thi cơ chế điều hành chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức tín dụng hoạt động an toàn, hiệu quả hơn.

Hạ tầng kỹ thuật, công nghệ ngân hàng có những bước tiến vượt bậc. Ngành ngân hàng đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc hiện đại hóa công nghệ ngân hàng dựa trên nền tảng công nghệ thông tin, viễn thông và tự động hóa. Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng được vận hành từ tháng 5-2002 đã đưa trình độ công nghệ thanh toán của Việt Nam tiến gần hơn tới trình độ của các nước trong khu vực. Sự phát triển của hệ thống thanh toán ngân hàng thúc đẩy dịch vụ ngân hàng phát triển đa dạng với chất lượng cao hơn, đặc

Digitized by Google

biệt là công cụ thanh toán hiện đại như thẻ thanh toán, các dịch vụ ngân hàng điện tử để giảm tỷ lệ tiền mặt trong lưu thông. Hiện nay, việc thực hiện một giao dịch chuyển tiền, thanh toán điện tử chỉ mất vài giây. Ngành ngân hàng đang tiếp tục thực hiện dự án hiện đại hóa ngân hàng và hệ thống thanh toán điện tử giai đoạn II tới các địa phương trong cả nước.

Hệ thống các tổ chức tín dụng ngày càng được củng cố, lành mạnh hóa và nâng cao năng lực tài chính, hoạt động, công nghệ, quản trị điều hành và khả năng cạnh tranh đã góp phần quan trọng vào ổn định hệ thống tài chính và phát triển kinh tế - xã hội. Những tiến bộ đạt được của khu vực các tổ chức tín dụng cũng rất đáng khích lệ và là một phần quan trọng trong bức tranh tổng thể về cải cách hệ thống ngân hàng. Cụ thể:

Thứ nhất, các tổ chức tín dụng từng bước hoạt động theo nguyên tắc thị trường. Quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm về tài chính và các rủi ro ngày càng được thể chế hóa rõ ràng và thực hiện tương đối hiệu quả. Các tổ chức tín dụng thực hiện chức năng trung gian tài chính dựa trên cơ sở thương mại - đi vay để cho vay, không dựa vào nguồn vốn phát hành của NHNN để mở rộng tín dụng. Các nguyên tắc và chuẩn mực quốc tế về kinh doanh và quản trị ngân hàng thương mại đang từng bước được áp dụng. Hoạt động của các ngân hàng thương mại ngày càng mang tính chuyên nghiệp và có uy tín hơn với quốc tế. Các ngân hàng thương mại nhà nước đã được kiểm toán quốc tế định kỳ. Hoạt động của các tổ chức tín dụng từng bước được minh bạch hóa thông qua cơ chế kiểm toán độc lập và công bố thông tin công khai.

Thứ hai, với vai trò chủ lực trong hệ thống tài chính, hệ thống ngân hàng là kênh huy động và phân bổ nguồn lực tài chính quan trọng, góp phần tạo nên những thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Hầu hết các ngân hàng thương mại chuyển sang kinh doanh đa năng, cung cấp sản phẩm dịch vụ ngân hàng đa dạng và có chất lượng cao hơn. Trong 20 năm qua, huy động vốn và cho vay của hệ thống ngân hàng thường tăng trưởng ở mức trên 20%/năm, đến cuối năm 2005 đã đạt quy mô tương đương gần 70% GDP.

Thứ ba, năng lực tài chính và mức độ lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng đã được cải thiện đáng kể. Đối với các ngân hàng thương mại nhà nước, tính đến cuối năm 2005 tổng vốn điều lệ đạt hơn 22 ngàn tỉ đồng, đạt tỷ lệ an toàn vốn bình quân 5% - 6%, có ngân hàng đã đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo chuẩn mực quốc tế (8%). Hệ thống quỹ tín dụng nhân dân đã phát triển rộng khắp ở hầu hết các địa phương, chủ yếu khu vực nông thôn, góp phần quan trọng đối với việc phát triển thị trường tiền tệ ở khu vực nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, đẩy lùi tệ cho vay nặng lãi.

Thứ tư, chất lượng tín dụng toàn hệ thống ngân hàng được cải thiện thông qua hàng loạt các biện pháp tăng cường chất lượng tín dụng và đẩy mạnh xử lý nợ xấu theo thông lệ quốc tế. Tỷ lệ nợ xấu so với tổng dư nợ hiện nay của toàn hệ thống ngân hàng (theo tiêu chuẩn của Việt Nam) giảm đáng kể, còn khoảng 3%.

Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và mở cửa lĩnh vực ngân hàng theo các thỏa thuận song phương và đa phương. Thực hiện đường lối, chính sách đối ngoại của Đảng, ngành ngân hàng tích cực, chủ động mở cửa thị trường và tăng cường hợp tác quốc tế song phương, đa phương để tranh thủ sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật từ cộng đồng quốc tế. Sau khi Việt Nam đã bình thường hóa quan hệ với hầu hết các tổ chức tài chính quốc tế như

Digitized by Google

WB, IMF, ADB, NHNN đã làm tốt vai trò đại diện của Chính phủ Việt Nam tại các tổ chức này. Đến cuối năm 2005, WB và ADB cam kết tài trợ tổng giá trị vốn vay hơn 9 tỉ USD cho 108 chương trình, dự án quốc gia thuộc các lĩnh vực phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế, văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, môi trường. Đến nay, NHNN và các tổ chức tín dụng đã có quan hệ hợp tác với hơn 2.000 ngân hàng của hơn 100 quốc gia. Ngoài ra, NHNN cũng tăng cường phát triển các mối quan hệ hợp tác song phương với các nước trong khu vực và trên thế giới, nhất là trong việc hỗ trợ đào tạo cán bộ. Ngành ngân hàng thực hiện đầy đủ các cam kết mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng theo lộ trình trong khuôn khổ Hiệp định Thương mại Việt Nam - Hoa Kỳ và tích cực đổi mới về chính sách và cơ chế hoạt động để tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các cam kết trong khuôn khổ WTO.

Trên cơ sở bảo đảm ổn định tiền tệ, lãi suất, tỷ giá, kiểm soát lạm phát và thực hiện có hiệu quả chức năng trung gian tài chính (huy động và cho vay vốn), ngành ngân hàng đã có những đóng góp quan trọng vào thành tựu 20 năm đổi mới vừa qua của nền kinh tế. Đưa nền kinh tế thoát khỏi tình trạng khủng hoảng, trì trệ; duy trì được sự ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là chấm dứt được tình trạng lạm phát phi mã (năm 1989 lạm phát là 742%) và kiểm soát lạm phát ở mức một chữ số trong 10 năm liên tục; khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, cải thiện cán cân thanh toán quốc tế; hỗ trợ tăng trưởng kinh tế nhanh (tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân 6,77%/năm, riêng trong giai đoạn 2001 - 2005 đạt 7,51%/năm) và trở thành một trong những quốc gia có tốc độ tăng trưởng nhanh trên thế giới, đồng thời góp phần giải quyết những vấn đề xã hội, đặc biệt trong vấn đề xóa đói, giảm nghèo. Bên cạnh đó, ngành ngân hàng Việt Nam đã có những đóng góp hết sức quan trọng trong việc hình thành và phát triển thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam; thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Ngành ngân hàng tuy đạt được nhiều thành tựu nhưng cũng phải trả giá cho những sai lầm, thiếu sót. Sự đổ vỡ hàng loạt các hợp tác xã tín dụng trong các năm 1989 - 1990 như bài học quản lý đất giá trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới. Các vụ án kinh tế liên quan đến ngành ngân hàng như vụ EPCO, Minh Phụng và nhiều vụ kinh doanh thua lỗ, đổ vỡ tín dụng, mất an toàn hoạt động ngân hàng đã để lại hậu quả không nhỏ. Đó cũng là những bài học xương máu khi chuyển sang cơ chế thị trường.

2 - Những khó khăn, thách thức và định hướng đổi mới, phát triển của ngành ngân hàng đến năm 2010 và 2020

Mặc dù đạt được những bước phát triển quan trọng và có những đóng góp to lớn cho nền kinh tế, song hệ thống ngân hàng Việt Nam vẫn ở trình độ phát triển thấp so với khu vực và thế giới. Điều đó thể hiện trên mấy điểm: *Thứ nhất*, hiệu quả điều hành chính sách tiền tệ và hiệu lực quản lý nhà nước, đặc biệt là giám sát hoạt động ngân hàng của NHNN còn hạn chế. *Thứ hai*, khung pháp lý còn nhiều bất cập so với yêu cầu đổi mới và phát triển ngành ngân hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. *Thứ ba*, hệ thống các tổ chức tín dụng có năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ và hiệu quả hoạt động còn yếu so với yêu cầu đổi mới và phát triển của nền kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay và trong tương lai. Mức độ an toàn và lành mạnh của hệ thống các tổ chức tín dụng còn

Digitized by Google

thấp so với thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Chủng loại dịch vụ ngân hàng còn nghèo nàn và chất lượng dịch vụ ngân hàng chưa cao. Các tổ chức tín dụng Việt Nam có qui mô hoạt động nhỏ và chưa có khả năng cạnh tranh quốc tế. Hầu hết các ngân hàng thương mại cổ phần có mức vốn tự có dưới 30 triệu USD và vốn điều lệ bình quân của 4 ngân hàng thương mại nhà nước khoảng 4.550 tỉ đồng. *Thứ tư,* mở cửa thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế làm gia tăng rủi ro bất ổn của hệ thống ngân hàng, đặc biệt là rủi ro về biến động tỷ giá, lãi suất, luồng chu chuyển vốn quốc tế. Ngành ngân hàng vừa mới vượt qua được chính mình, nay lại phải cuốn vào "cuộc chơi" mới với "sân chơi" rộng hơn, luật lệ khắc nghiệt hơn. Sẽ thực sự trở thành thách thức lớn với sự hiện hữu rõ ràng của nguy cơ tụt hậu xa hơn so với các quốc gia khác, nếu không có những cải cách triệt để và chính sách phát triển hợp lý hơn. *Thứ năm,* môi trường hoạt động ngân hàng còn tiềm ẩn nhiều rủi ro, đặc biệt là nguy cơ gia tăng nợ xấu, rủi ro mất vốn luôn rình rập. Kinh tế vĩ mô chưa thực sự ổn định vững chắc và hệ thống doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhà nước có năng lực tài chính và hiệu quả kinh doanh còn thấp.

Năm 2010, hệ thống ngân hàng Việt Nam đạt tỉ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8%.

Bên cạnh những hạn chế trên, ngành ngân hàng đang đứng trước vận hội to lớn để trở thành hệ thống ngân hàng vững mạnh, hiện đại, an toàn và hiệu quả. Năm 2005, Bộ Chính trị đã thông qua mục tiêu, giải pháp phát triển ngành ngân hàng đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020; tháng 5-2006 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án phát triển ngành ngân hàng Việt Nam đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020. Cụ thể:

Đổi mới tổ chức và hoạt động của NHNN để hình thành bộ máy tổ chức tinh gọn, chuyên nghiệp, có đủ nguồn lực, năng lực xây dựng và thực thi chính sách tiền tệ theo nguyên tắc thị trường dựa trên cơ sở công nghệ tiên tiến, thực hiện các thông lệ, chuẩn mực quốc tế về hoạt động Ngân hàng Trung ương, hội nhập với cộng đồng tài chính quốc tế, thực hiện có hiệu quả chức năng quản lý nhà nước trên lĩnh vực tiền tệ và hoạt động ngân hàng, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 phát triển NHNN trở thành Ngân hàng Trung ương hiện đại, đạt trình độ tiên tiến của các ngân hàng trung ương trong khu vực châu Á. Cải cách căn bản, triệt để và phát triển toàn diện hệ thống các tổ chức tín dụng theo hướng hiện đại, hoạt động đa năng để đạt trình độ phát triển trung bình tiên tiến trong khu vực ASEAN với cấu trúc đa dạng về sở hữu, về loại hình tổ chức tín dụng, có quy mô hoạt động lớn hơn, tài chính lành mạnh, đồng thời tạo nền tảng đến sau năm 2010 xây dựng được hệ thống các tổ chức tín dụng hiện đại, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực châu Á, đáp ứng đầy đủ các chuẩn mực quốc tế về hoạt động ngân hàng, có khả năng cạnh tranh với các ngân hàng trong khu vực và trên thế giới.

Để thực hiện các mục tiêu nói trên, nhiệm vụ đặt ra hết sức nặng nề, đòi hỏi toàn ngành ngân hàng phải phát huy tinh thần đoàn kết, thống nhất dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Chính phủ trong việc thực hiện một số nội dung trọng tâm sau:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về tiền tệ và hoạt động ngân hàng với nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng lại hai luật về ngân hàng nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển của

Digitized by Google

ngành ngân hàng trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế. Xây dựng môi trường pháp luật trong lĩnh vực tiền tệ, hoạt động ngân hàng minh bạch và công bằng nhằm thúc đẩy cạnh tranh và bảo đảm an toàn hệ thống tiền tệ, ngân hàng.

- Đổi mới mô hình tổ chức và hoạt động của NHNN theo hướng trở thành Ngân hàng Trung ương hiện đại. Nâng cao vị thế của NHNN để bảo đảm NHNN hoạt động thực sự với tư cách và mang đầy đủ tính chất là Ngân hàng Trung ương trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Sắp xếp lại bộ máy NHNN ở trung ương và cơ cấu lại hệ thống chi nhánh NHNN, tiến tới hình thành các chi nhánh NHNN khu vực.

- Đổi mới cơ chế điều hành chính sách tiền tệ và nâng cao hiệu quả của các công cụ chính sách tiền tệ gắn liền với đổi mới cơ chế điều hành lãi suất, tỷ giá theo nguyên tắc thị trường. Mục tiêu bao trùm của chính sách tiền tệ là ổn định giá trị đồng tiền, kiểm soát lạm phát và góp phần tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế vĩ mô. Từng bước tạo lập các điều kiện cần thiết để sau năm 2010 NHNN chuyển sang điều hành chính sách tiền tệ theo cơ chế lấy kiểm soát lạm phát làm mục tiêu.

- Hiện đại hóa công nghệ ngân hàng và hệ thống thanh toán theo các thông lệ, chuẩn mực quốc tế. Phát triển hệ thống thanh toán điện tử trong toàn quốc; hiện đại hóa hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng, thanh toán bù trừ và hệ thống thanh toán nội bộ của các ngân hàng thương mại. Phát triển công nghệ, phương tiện thanh toán, các hình thức và dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt, an toàn, hiệu quả.

- Phát triển thị trường tiền tệ một cách đồng bộ, an toàn và mang tính cạnh tranh cao nhằm tạo cơ sở quan trọng cho điều hành chính sách tiền tệ, huy động và phân bổ có hiệu quả các nguồn tài chính, giảm thiểu rủi ro cho các tổ chức tín dụng. Xây dựng hệ thống giám sát ngân hàng hiện đại và hữu hiệu nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam và phù hợp với các nguyên tắc, chuẩn mực quốc tế về giám sát ngân hàng; nâng cao hiệu quả quản lý đối với các loại hình tổ chức tín dụng.

- Đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại hệ thống ngân hàng với trọng tâm là đến năm 2010 cổ phần hóa phần lớn các ngân hàng thương mại nhà nước nhằm nâng cao năng lực tài chính, hiệu quả kinh doanh, mở rộng quy mô và năng lực cạnh tranh, đồng thời bảo đảm đạt mức độ an toàn và lành mạnh theo thông lệ, chuẩn mực quốc tế; đạt tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu là 8%. Các ngân hàng thương mại nhà nước và các ngân hàng thương mại có cổ phần chi phối của Nhà nước đóng vai trò chủ lực và đi đầu trong hệ thống ngân hàng về quy mô hoạt động, năng lực tài chính, công nghệ quản lý và hiệu quả kinh doanh.

- Phát triển hệ thống dịch vụ ngân hàng đa dạng, đa tiện ích được định hướng theo nhu cầu của nền kinh tế trên cơ sở tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả các dịch vụ ngân hàng truyền thống, đồng thời tiếp cận nhanh hoạt động ngân hàng hiện đại và các dịch vụ tài chính, ngân hàng có hàm lượng công nghệ cao.

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng trình độ nghiệp vụ và kỹ năng quản lý cho cán bộ của ngành ngân hàng để đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Tích cực, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng theo các cam kết đa phương và song phương, đặc biệt là các quy định, nguyên tắc trong khuôn khổ thỏa thuận của Tổ chức Thương mại thế giới. ❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN NHẤT QUÁN ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI ĐỘC LẬP, TỰ CHỦ, HÒA BÌNH, HỢP TÁC VÀ PHÁT TRIỂN

NGUYỄN MẠNH HÙNG *

Thực tiễn 20 năm qua đã khẳng định đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Đảng ta là hoàn toàn đúng đắn. Theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng, công tác đối ngoại trong thời gian tới cần bám sát những định hướng như: tiếp tục mở rộng, phát triển những mối quan hệ đi vào chiều sâu, bền vững, thúc đẩy giải quyết những vấn đề tồn đọng bằng thương lượng hòa bình, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế, tích cực tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người...

1 - Đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước - một bộ phận trong đường lối chính trị của Đảng góp phần thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam.

Năm 1986, tại Đại hội VI, Đảng ta khởi xướng công cuộc đổi mới trong bối cảnh đất nước đang ở trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, bị bao vây, cấm vận, đồng thời đứng trước những thách thức và tác động sâu sắc từ những đảo lộn diễn ra trên thế giới. Tiến hành đổi mới, về mặt đối ngoại, có hai vấn đề lớn, hết sức cấp bách mà chúng ta phải xử lý: *một là*, phá thế đất nước bị bao vây, cấm vận; *hai là*, thích ứng bối cảnh khách quan của thế giới đang biến đổi sâu sắc với quá trình toàn cầu hóa kinh tế dưới tác động của cách mạng khoa học - công nghệ, với sự sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở các nước Đông Âu và Liên Xô, với những đảo lộn trong cục diện chính trị thế giới... Chính từ việc xử lý các vấn đề này, Đảng ta đã đổi mới đường lối đối ngoại, thực hiện đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại trên cơ sở giữ vững độc lập, tự chủ.

Quá trình hình thành và phát triển đường lối đối ngoại thời kỳ đổi mới của Đảng ta được đánh dấu bởi các mốc lớn như sau:

- Nghị quyết số 13 của Bộ Chính trị (khóa VI) tháng 5-1988 là mốc khởi đầu của quá trình đổi mới tư duy, nhận thức và đường lối đối ngoại của Đảng ta. Nghị quyết nhận định rằng, tình trạng kinh tế yếu kém, tình thế bị bao vây về kinh tế và cô lập về chính trị sẽ thành nguy cơ lớn đối với an ninh và độc lập dân tộc. Từ đó, đề ra nhiệm vụ ra sức tranh thủ các nước anh em, bè bạn và dư luận rộng rãi trên thế giới, phân hóa hàng ngũ đối phương, làm thất bại âm mưu cô lập ta về kinh tế và chính trị; chủ động chuyển cuộc đấu tranh từ trạng thái đối đầu sang đấu tranh và hợp tác trong cùng tồn tại hòa bình; ra

* Vụ trưởng Vụ Nghiên cứu Tổng hợp, Ban Đối ngoại Trung ương

Digitized by Google

sức lợi dụng sự phát triển mạnh mẽ của khoa học - kỹ thuật và xu thế quốc tế hóa cao của kinh tế thế giới, đồng thời tranh thủ vị trí tối ưu trong phân công lao động quốc tế.

- Hội nghị Trung ương 6 (tháng 3-1989), Hội nghị Trung ương 7 (tháng 8-1989) và Hội nghị Trung ương 8 (tháng 3-1990) của khóa VI với *"các nguyên tắc cơ bản cần được quán triệt trong quá trình đổi mới"* và các nghị quyết *"Một số vấn đề cấp bách về công tác tư tưởng trước tình hình trong nước và quốc tế hiện nay"*, *"Tình hình các nước xã hội chủ nghĩa, sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc và nhiệm vụ cấp bách của Đảng ta"* đã tập trung đánh giá tình hình thế giới liên quan đến những biến động xảy ra ở Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, đề ra các quyết sách đối phó với những tác động phức tạp từ diễn biến của tình hình thế giới đối với nước ta và công cuộc đổi mới ở Việt Nam.

- Hội nghị Trung ương 3, khóa VII (tháng 6-1992) đã ra Nghị quyết chuyên đề về công tác đối ngoại. Nghị quyết xác định rõ nhiệm vụ công tác đối ngoại, tư tưởng chỉ đạo chính sách đối ngoại, các phương châm xử lý các vấn đề quan hệ quốc tế; đề ra chủ trương mở rộng, đa phương hóa, đa dạng hóa các mối quan hệ đối ngoại của Việt Nam, cả về chính trị, kinh tế, văn hóa..., trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ và các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi, bảo vệ và phát triển kinh tế, giữ gìn và phát huy những truyền thống tốt đẹp và bản sắc văn hóa dân tộc... Nghị quyết Trung ương 3, khóa VII là văn kiện đánh dấu sự hình thành đường lối đối ngoại của Đảng ta cho thời kỳ đổi mới toàn diện đất nước.

- Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII (tháng 1-1994) và Đại hội VIII (tháng 6-1996) của Đảng ta đã chính thức khẳng định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ với tinh thần "Việt Nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

- Đại hội IX của Đảng (tháng 4-2001) khẳng định Đảng và Nhà nước ta tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại đó với một tinh thần mạnh mẽ hơn và một tâm thế chủ động hơn bằng tuyên bố "Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

- Hội nghị Trung ương 8, khóa IX (tháng 7-2003) đã ra Nghị quyết về *Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới*, trong đó đề cập nhiều nội dung hết sức quan trọng về đối ngoại, đặc biệt là ba vấn đề: về các mâu thuẫn của thế giới hiện nay; về lợi ích của Việt Nam; về đối tượng, đối tác. Cần nhấn mạnh vấn đề cốt lõi trong mọi hoạt động đối ngoại là phải tìm cách thực hiện tối đa lợi ích của đất nước. Do đó, việc nhận thức thật rõ lợi ích của đất nước ta, dân tộc ta là điều vô cùng quan trọng. Hội nghị Trung ương 8, khóa IX đã khẳng định một lần nữa: "độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là mục tiêu cơ bản của cách mạng và cũng là lợi ích căn bản của quốc gia", "kiên định mục tiêu độc lập dân tộc gắn với chủ nghĩa xã hội, lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định để phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa là lợi ích cao nhất của Tổ quốc"(1). Hội nghị cũng đã nhấn mạnh cách nhìn biện chứng về đối tượng, đối tác: "trong mỗi đối tượng vẫn có thể có mặt cần tranh thủ, hợp tác; trong một số đối tác, có thể có mặt khác biệt, mâu thuẫn với lợi ích của ta"(2), làm cơ sở mở rộng và phát triển các mối quan hệ vừa hợp tác vừa đấu tranh với các chủ thể quan hệ quốc tế.

- Đại hội X của Đảng (tháng 4-2006) đã khẳng định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hóa, đa dạng hóa các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, đồng thời

(1) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Tài liệu học tập Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 14 và 46 - 47

(2) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương: *Sđd*, tr 44

Digitized by Google

mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực"(3).

2 - Nhìn lại 20 năm đổi mới, Đại hội X của Đảng ta đã khẳng định: "công cuộc đổi mới ở nước ta đã đạt ***những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử***" (4). Trong những thành tựu đó có đóng góp không nhỏ của công tác đối ngoại.

Các hoạt động đối ngoại đã góp phần giữ vững môi trường hòa bình, tạo các điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị - xã hội, củng cố an ninh, quốc phòng, đưa đất nước vượt qua những thách thức và đi vào giai đoạn phát triển mới; vị thế của nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao.

Từ chỗ bị bao vây, cấm vận về kinh tế, cô lập về chính trị, đến nay nước ta đã phát triển quan hệ đa phương, đa dạng với các chủ thể quan hệ quốc tế. Tính đến thời điểm này, Việt Nam hiện có quan hệ ngoại giao với 169 nước, quan hệ kinh tế, thương mại và đầu tư với 165 nước và vùng lãnh thổ trên thế giới. Nước ta hiện là thành viên của 63 tổ chức quốc tế và khu vực. Đảng ta có quan hệ ở các mức độ khác nhau với trên 200 chính đảng ở các nước trên khắp các châu lục. Các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta có quan hệ với hàng trăm tổ chức nhân dân, tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế.

Trong hai thập kỷ qua, thông qua đàm phán hòa bình, ta đã giải quyết được một số vấn đề do lịch sử để lại về biên giới, lãnh thổ, vùng chồng lấn trên biển với các nước liên quan, phấn đấu xây dựng đường biên giới trên đất liền và trên biển thành đường biên giới hòa bình, hữu nghị, ổn định, hợp tác cùng phát triển. Nước ta đã ký kết Hiệp ước phân định biên giới trên đất liền, Hiệp định phân định Vịnh Bắc Bộ và Hiệp định về hợp tác nghề cá ở Vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc; đã ký Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới năm 1985 với Cam-pu-chia; đã ký kết các hiệp định về phân định thềm lục địa, phân định vùng chồng lấn trên biển với Ma-lai-xi-a, Thái Lan và In-đô-nê-xi-a. Việt Nam cùng các nước ASEAN và Trung Quốc đã ký kết Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở biển Đông (DOC), thúc đẩy việc giải quyết hòa bình các tranh chấp chủ quyền biển đảo ở biển Đông.

Việt Nam đã tăng cường quan hệ đoàn kết, hữu nghị và hợp tác với các đảng cộng sản và công nhân, các đảng cánh tả, các phong trào cách mạng và tiến bộ trên thế giới; góp phần tích cực vào sự hồi phục của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, vào việc củng cố phong trào Không liên kết, vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển bền vững, công bằng và tiến bộ xã hội. Đường lối chính trị của Đảng ta và những thành tựu đổi mới của Việt Nam được bạn bè quốc tế đánh giá cao. Nhiều đảng cộng sản và công nhân trên thế giới cho rằng, đổi mới của Việt Nam là sự phát triển sáng tạo và đóng góp về lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đồng thời, các hoạt động đối ngoại của Đảng, của các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta đã góp phần làm cho dư luận thế giới hiểu đúng về Việt Nam, đồng tình và ủng hộ công cuộc đổi mới, tăng cường hậu thuẫn chính trị quốc tế cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

Nền kinh tế Việt Nam ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đang toàn cầu hóa. Chúng ta tích cực tham gia hình thành các khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA), giữa ASEAN và Trung Quốc (CAFTA), xây dựng quan hệ đối tác kinh tế toàn diện ASEAN - Nhật Bản... Ta đã kết thúc đàm phán song phương với 28 nước và đang hoàn tất quá trình đàm phán đa phương để gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) trong năm 2006. Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đã có mặt trên 200 thị trường quốc gia, khu vực và quốc tế. Trong vòng hai thập kỷ qua, từ một nước nhập khẩu lương thực, Việt Nam đã trở thành một trong những nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới.

---

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X.*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 112

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 67

Digitized by Google

Trong giai đoạn từ năm 1993 - 2004, Việt Nam đã nhận được cam kết tài trợ hơn 20 tỉ USD từ cộng đồng quốc tế, trong đó 85% là vốn vay ưu đãi, còn lại là viện trợ không hoàn lại. Riêng năm 2005, cam kết tài trợ vốn ODA cho Việt Nam là 3,4 tỉ USD.

Với sự ổn định về chính trị - xã hội, truyền thống văn hóa, sự phát triển kinh tế năng động và chính sách đối ngoại rộng mở, môi trường đầu tư thông thoáng, Việt Nam ngày càng trở thành một điểm đến an toàn và hấp dẫn cho hợp tác và đầu tư quốc tế. Tính đến hết tháng 7-2005, đã có hơn 5.500 dự án đầu tư nước ngoài từ 64 nước và vùng lãnh thổ đang hoạt động tại Việt Nam với tổng vốn đầu tư đăng ký trên 48,7 tỉ USD, trong đó số vốn thực hiện đạt gần 29 tỉ USD. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đã trở thành một bộ phận quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam, đóng góp gần 15% GDP và 4,9% tổng thu ngân sách nhà nước, chiếm trên 30% tổng kim ngạch xuất khẩu, tạo ra hàng vạn công ăn việc làm.

Việt Nam đã được các nước ủng hộ đăng cai tổ chức và đã tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp năm 1997, Hội nghị cấp cao ASEAN năm 1998, Hội thảo quốc tế về hợp tác và phát triển Việt Nam và châu Phi năm 2003, Hội nghị cấp cao ASEM-5 năm 2004. Qua các hội nghị cấp cao này, Việt Nam đã để lại dấu ấn của mình trong đời sống chính trị quốc tế đương đại. Việt Nam đang phối hợp chặt chẽ với các nền kinh tế thành viên APEC và tích cực chuẩn bị để tổ chức thành công Hội nghị Thượng đỉnh APEC tại Hà Nội vào tháng 11-2006.

Các mặt công tác thông tin đối ngoại, công tác đối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài... cũng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại đã có bước trưởng thành nhất định, triển khai thực hiện có kết quả đường lối và các chủ trương, chính sách đối ngoại của Đảng.

3 - Thực tiễn hoạt động đối ngoại của ta trong 20 năm đổi mới đã khẳng định đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển của Đảng ta là đúng đắn. Chúng ta kiên trì thực hiện nhất quán đường lối đó.

Theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội X của Đảng, công tác đối ngoại trong thời gian tới bám sát những định hướng lớn như sau:

- Tiếp tục mở rộng và phát triển các mối quan hệ đối ngoại của ta đi vào chiều sâu, ngày càng ổn định và bền vững. Đặc biệt coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác toàn diện với các nước láng giềng có chung biên giới, các nước Đông - Nam Á và Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN). Thúc đẩy quan hệ hợp tác ổn định lâu dài với các nước lớn, các trung tâm kinh tế, chính trị của thế giới. Mở rộng và tăng cường quan hệ hợp tác hữu nghị với các nước bạn bè truyền thống, các nước độc lập dân tộc, các nước đang phát triển ở châu Á, châu Phi, Trung Đông và Mỹ La-tinh, các nước trong phong trào Không liên kết... Tích cực hoạt động tại các tổ chức quốc tế và khu vực.

Không ngừng phát triển quan hệ với các đảng cộng sản và các đảng cầm quyền ở các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng có chung biên giới. Tăng cường quan hệ với các đảng cộng sản, đảng cánh tả, phong trào cách mạng và tiến bộ có nhiều ảnh hưởng ở các khu vực trên thế giới. Mở rộng quan hệ với các đảng cầm quyền, đảng tham chính ở các nước trong khu vực và các nước có quan hệ đối tác quan trọng với nước ta. Tăng cường quan hệ với các chính đảng khác có quan hệ với Đảng ta và hữu nghị với Việt Nam.

Phát triển quan hệ với các đoàn thể, các tổ chức nhân dân ở các nước láng giềng có chung biên giới, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước trong khu vực và các nước lớn. Tích cực hoạt động tại các tổ chức quốc tế và khu vực quan trọng mà các đoàn thể và tổ chức nhân dân ta là thành viên. Chủ động tham gia tích cực các phong trào, diễn đàn quốc tế của nhân dân thế giới chống chiến tranh và chạy đua vũ trang, chống các mặt trái của toàn cầu hóa, chống chủ nghĩa bá quyền và chính trị cường quyền, vì hòa bình, công lý, độc lập dân tộc, dân chủ, phát triển bền vững, công bằng và tiến bộ xã hội. Mở

Digitized by Google

rộng quan hệ với các tổ chức nhân dân các nước, các tổ chức phi chính phủ quốc gia và quốc tế...

- *Tiếp tục thúc đẩy giải quyết bằng thương lượng hòa bình những vấn đề còn tồn tại về biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan;* phấn đấu xây dựng đường biên giới trên đất liền và trên biển với các nước láng giềng thành đường biên giới hòa bình, ổn định, hợp tác cùng phát triển.

- *Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế* theo lộ trình, phù hợp với chiến lược phát triển đất nước từ nay đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020. Mở rộng và củng cố quan hệ kinh tế đối ngoại, tạo lập lợi ích đan xen, nhất là với các đối tác chủ yếu. Kết thúc đàm phán để gia nhập WTO; chuẩn bị tốt các điều kiện để tham gia các hiệp định thương mại tự do song phương và đa phương; tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, tích cực tranh thủ và sử dụng có hiệu quả nguồn vốn ODA, thu hút FDI, chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường, xây dựng các mối quan hệ hợp tác kinh tế, thương mại và đầu tư lâu dài. Khai thác có hiệu quả các cơ hội và giảm tối đa những thách thức, rủi ro khi nước ta là thành viên WTO.

- *Chủ động tham gia cuộc đấu tranh chung vì quyền con người;* sẵn sàng đối thoại với các nước, các tổ chức quốc tế và khu vực có liên quan về vấn đề nhân quyền. Kiên quyết làm thất bại các âm mưu, hành động xuyên tạc và lợi dụng các vấn đề "dân chủ", "nhân quyền", "dân tộc", "tôn giáo" hòng can thiệp vào công việc nội bộ, xâm phạm độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh và ổn định chính trị của Việt Nam.

- *Tích cực tham gia giải quyết các vấn đề toàn cầu;* ủng hộ và cùng nhân dân thế giới đấu tranh bảo vệ hòa bình, chống nguy cơ chiến tranh và chạy đua vũ trang; góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế dân chủ, công bằng.

- *Tiếp tục đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại,* làm cho thế giới hiểu đúng về tình hình mọi mặt và công cuộc đổi mới của Việt Nam, ủng hộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tình hữu nghị và sự hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, cùng phát triển giữa nhân dân ta và nhân dân các nước.

- *Đẩy mạnh công tác vận động người Việt Nam ở nước ngoài, thực hiện có kết quả Nghị quyết 36-NQ/TW của Bộ Chính trị khóa IX.* Chăm lo bảo vệ quyền lợi chính đáng của bà con, phù hợp với luật pháp và thông lệ quốc tế; khuyến khích đồng bào hội nhập và thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp nước sở tại, chăm lo xây dựng cuộc sống thành đạt, nêu cao tinh thần tự trọng và tự hào dân tộc, giữ gìn tiếng Việt, bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc Việt Nam, đoàn kết đùm bọc, thương yêu, giúp đỡ lẫn nhau; vận động bà con hướng về quê hương, đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời tích cực phát huy vai trò là "cầu nối" hữu nghị, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và quan hệ hợp tác giữa nước sở tại mà họ sinh sống với Việt Nam.

- *Thực hiện nghiêm Quy chế quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại (do Bộ Chính trị ban hành theo Quyết định số 101-QĐ/TW),* bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại. Phối hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại của Đảng, hoạt động ngoại giao của Nhà nước và hoạt động đối ngoại nhân dân, giữa chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại, hoạt động đối ngoại và hoạt động quốc phòng, an ninh, giữa thông tin trong nước và thông tin đối ngoại, tạo thành sức mạnh tổng hợp trên lĩnh vực công tác đối ngoại. Phân công, phân nhiệm rõ ràng, đề cao trách nhiệm và vai trò chủ động của các ngành, các cấp trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao liên quan đến đối ngoại; bảo đảm sự giám sát, kiểm tra chặt chẽ.

- *Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo, tham mưu về đối ngoại;* có cơ chế quy tụ, phát huy trí tuệ tập thể và phối hợp tổ chức nghiên cứu các vấn đề cơ bản phục vụ công tác đối ngoại.

- *Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại* vững vàng về chính trị, có năng lực nghiệp vụ cao, có đạo đức và phẩm chất tốt.❑

Digitized by Google

BÀI HỌC LỊCH SỬ VÔ GIÁ - PHÁT HUY SỨC MẠNH CỦA NHÂN DÂN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI, NHÌN TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

NGUYỄN TRỌNG PHÚC *

Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đó là bài học vô giá bắt nguồn từ Cách mạng Tháng Tám.

ĐẢNG Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, từ năm 1930 đến nay, đã lãnh đạo cách mạng và dân tộc Việt Nam giành được những thắng lợi vĩ đại, có ý nghĩa lịch sử và thời đại. Đó là thắng lợi của cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đánh đổ chế độ thuộc địa nửa phong kiến, thành lập Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; là thắng lợi của các cuộc kháng chiến oanh liệt chống đế quốc, thực dân giành độc lập thống nhất và bảo vệ vững chắc Tổ quốc; là thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, từng bước đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám trước hết là nhờ sự kết hợp đúng đắn giữa sự lãnh đạo quả cảm, đầy sáng tạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh với sức mạnh to lớn của toàn dân Việt Nam. Sức mạnh ấy của nhân dân được động viên cao độ bằng tinh thần yêu nước, khát vọng độc lập, tự do và được tập hợp, tổ chức trong Mặt trận Việt Minh, các đoàn thể cứu quốc đã trở thành sức mạnh phi thường, làm nên một Điện Biên Phủ lẫy lừng, một Đại thắng mùa Xuân năm 1975 được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất. Trong thời kỳ cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát huy sức mạnh ấy của toàn dân, đất nước đã từng bước vượt qua những thử thách mới, vừa xây dựng lại đất nước sau chiến tranh vừa bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền của Tổ quốc, năng động, sáng tạo tháo gỡ khó khăn và dũng cảm tìm đường đổi mới.

Cuộc khủng hoảng kinh tế, xã hội ở nước ta đã diễn ra từ cuối những năm 70 của thế

* PGS, TS Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

kỷ XX. Trong bối cảnh đó, Đảng đã từng bước đổi mới tư duy lý luận, nhận thức rõ hơn, đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Mặt khác, Đảng coi trọng tổng kết thực tiễn, lắng nghe ý kiến của nhân dân, làm rõ những mô hình, cách làm đúng đắn, sáng tạo của nhân dân các địa phương trên cả nước, tổng kết thành những kết luận quan trọng có giá trị chỉ đạo thực tiễn. Đó là những cơ sở có ý nghĩa quyết định đến việc hoạch định đường lối đổi mới do Đại hội VI của Đảng khởi xướng và quyết định (12-1986). Tại Đại hội VI, Đảng ta tổng kết hơn 10 năm lãnh đạo cách mạng xã hội chủ nghĩa trên cả nước và có được những bài học rất quan trọng, trong đó bài học hàng đầu là: *Trong toàn bộ hoạt động của mình, Đảng phải quán triệt tư tưởng "lấy dân làm gốc", xây dựng và phát huy quyền làm chủ của nhân dân lao động.* Đảng phải luôn luôn xuất phát từ thực tế, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan. Thực tế đã chứng minh kết luận quan trọng của Đảng ta: *Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân là nguồn gốc hình thành đường lối của Đảng.*

Trải qua 20 năm đổi mới, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có nghĩa lịch sử. "Đất nước đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện. Kinh tế tăng trưởng khá nhanh, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được đẩy mạnh. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt. Hệ thống chính trị và khối đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Chính trị - xã hội ổn định. Quốc phòng và an ninh được giữ vững. Vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng nâng cao. Sức mạnh tổng hợp của quốc gia đã tăng lên rất nhiều, tạo ra thế và lực mới cho đất nước tiếp tục đi lên với triển vọng tốt đẹp"(1) ."Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng sáng tỏ hơn; hệ thống quan điểm lý luận về công cuộc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành trên những nét cơ bản"(2).

Thành tựu và thực tiễn sinh động của quá trình đổi mới 20 năm qua bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân, trong đó phát huy sức mạnh của toàn dân trở thành một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định. Suốt 20 năm qua, Đảng ta đã 4 lần tổng kết mỗi giai đoạn cụ thể của quá trình đổi mới để làm sáng tỏ những bài học quan trọng có ý nghĩa lý luận và thực tiễn.

Đại hội VII của Đảng (6-1991) tổng kết 5 năm đổi mới đã bước đầu nêu ra 5 bài học, trong đó có bài học về *phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân.* Chúng ta khẳng định tiếp tục phát huy ngày càng sâu rộng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng để phát huy dân chủ đúng hướng và đạt kết quả thì quá trình đó phải được lãnh đạo tốt, có bước đi vững chắc, phù hợp với tình hình chính trị, xã hội nói chung. Có như vậy mới thực sự bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, động viên toàn dân hăng hái xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu ngược lại, thì mọi ý định tốt đẹp về phát huy dân chủ không thể thực hiện thành công, sẽ đưa đến những hậu quả làm tổn hại đến lợi ích của nhân dân.

Rõ ràng là, để phát huy sức mạnh của toàn dân phải phát huy dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Nhưng trước hết và căn bản phải có nhận thức đúng đắn về bản chất và phương thức thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa để khơi dậy sức mạnh từ quyền làm chủ của nhân dân. Đại hội VIII của Đảng (6-1996) tổng kết 10 năm đổi mới nêu ra 6 bài học chủ yếu, trong đó có bài học: *Mở rộng và tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân phát huy sức mạnh của cả dân tộc.* Đại hội khẳng định, do nhân dân hưởng ứng đường lối đổi mới, dũng cảm phấn đấu, vượt qua biết bao khó khăn thử thách mà công cuộc đổi mới đạt được những

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 67

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 68

Digitized by Google

thành tựu bước đầu rất quan trọng. Đại hội VIII nhấn mạnh, để tiếp tục đưa sự nghiệp đổi mới tiến lên, giành những thành tựu lớn hơn, cần thực hiện tốt hơn nữa việc mở rộng, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy dân chủ, động viên tối đa sức mạnh của toàn thể dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Cũng như cách mạng giải phóng dân tộc trước đây, trong xây dựng chủ nghĩa xã hội theo đường lối đổi mới, phải nắm vững và thực hiện đúng đắn quan điểm cách mạng là sự nghiệp của nhân dân, vì nhân dân và do nhân dân.

Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội IX của Đảng (4-2001) nhấn mạnh bài học: *Đổi mới phải dựa vào nhân dân, vì lợi ích của nhân dân, phù hợp với thực tiễn, luôn luôn sáng tạo.* Đại hội cho rằng: "Nhân dân tích cực thực hiện đổi mới trên mọi lĩnh vực, tạo ra nhiều điển hình tiên tiến, kinh nghiệm hay và nhân tố mới, từ đó Đảng có cơ sở để tổng kết thực tiễn và phát triển lý luận, đẩy mạnh công cuộc đổi mới. Đổi mới là sự nghiệp của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Để công cuộc đổi mới thành công phải động viên được mọi tầng lớp nhân dân và các thành phần kinh tế tham gia"(3). Thực tiễn đổi mới 10 năm trước đó và từ 2001 đến nay với những thành tựu to lớn, không ngừng phát triển đã chứng minh sự tổng kết đó.

Từ thực tiễn 20 năm đổi mới Đảng và Nhà nước ta đã tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm lãnh đạo và quản lý. Đại hội X của Đảng (4-2006) đã tổng kết 5 bài học lớn. Một trong những bài học đó là: *Đổi mới phải vì lợi ích của nhân dân, dựa vào nhân dân, phát huy vai trò chủ động sáng tạo của nhân dân, xuất phát từ thực tiễn, nhạy bén với cái mới.* Đại hội X nhấn mạnh: "Những ý kiến, nguyện vọng và sáng kiến của nhân dân có vai trò quan trọng trong việc hình thành đường lối đổi mới của Đảng. Dựa vào nhân dân, xuất phát từ thực tiễn và thường xuyên tổng kết thực tiễn, phát hiện nhân tố mới, từng bước tìm ra quy luật phát triển, đó là chìa khóa của thành công"(4).

Sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, sự đóng góp to lớn của nhân dân về trí tuệ, của cải vật chất, ý chí, tinh thần chiến đấu ngoan cường, công sức lao động sáng tạo luôn luôn là một nhân tố quyết định thắng lợi ở mọi thời kỳ cách mạng. Đảng ta đã khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh to lớn đó trong công cuộc đổi mới. Phát huy sức mạnh toàn dân tộc là một nội dung quan trọng trong chủ đề của Đại hội X của Đảng.

Thực tiễn của quá trình đổi mới cho thấy, để phát huy cao độ sức mạnh của toàn dân, Đảng ta đã chú trọng giải quyết một số vấn đề rất cơ bản và bức thiết:

Một là, *Đảng không ngừng đổi mới công tác quần chúng, tăng cường mối quan hệ giữa Đảng và nhân dân.*

Khởi động công cuộc đổi mới, Đảng ta đã quán triệt sâu sắc những chỉ dẫn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác dân vận: Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều của dân. "Công việc đổi mới, xây dựng là trách nhiệm của dân". "Lực lượng của dân rất to. Việc dân vận rất quan trọng. Dân vận kém thì việc gì cũng kém. Dân vận khéo thì việc gì cũng thành công". Đảng chủ động nghe mọi ý kiến dù rời rạc, lẻ tẻ của quần chúng rồi phân tích, nghiên cứu, sắp đặt chúng thành những ý kiến có hệ thống; tuyên truyền, giải thích cho quần chúng và làm cho chúng thành ý kiến của quần chúng, làm cho quần chúng giữ vững và thực hành ý kiến đó. Hồ Chí Minh cho rằng: Vì không biết gom góp ý kiến của quần chúng, kinh nghiệm của quần chúng cho nên ý kiến của những người lãnh đạo thành ra lý luận suông, không hợp với thực tế. Người cũng chỉ

---

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr 81- 82

(4) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X, đã dẫn*, tr 71

Digitized by Google

rõ khả năng to lớn của quần chúng nhân dân: "Dân chúng biết giải quyết nhiều vấn đề một cách giản đơn, mau chóng, đầy đủ, mà những người tài giỏi, những đoàn thể to lớn, nghĩ mãi không ra"(5). Chỉ có gắn bó mật thiết với dân, lắng nghe ý kiến, tổng kết những việc làm cụ thể, thiết thực và những sáng kiến của nhân dân mới thật sự khai thác được trí tuệ và sức mạnh vô tận của nhân dân. Để đổi mới, Đảng ta càng rất chú trọng điều đó. Đảng đã vận động, động viên mọi giai cấp, tầng lớp, mọi dân tộc, tôn giáo, mọi thành phần kinh tế, người Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài đóng góp ý kiến xây dựng đường lối đổi mới, cương lĩnh, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, vì đất nước giàu mạnh và chính cuộc sống ấm no, hạnh phúc của nhân dân.

Phải kiên quyết khắc phục bệnh quan liêu, xa dân, vi phạm dân chủ và quyền làm chủ của nhân dân. Vì công cuộc đổi mới, công tác vận động quần chúng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể; là trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, được phối hợp thống nhất, chặt chẽ dưới sự lãnh đạo của Đảng. Mọi cán bộ, đảng viên, công chức nhà nước đều phải làm công tác quần chúng theo chức trách của mình.

Hai là, *trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước vừa động viên cao độ sức dân, vừa coi trọng đáp ứng lợi ích thiết thực của nhân dân, kết hợp hài hòa các lợi ích, thống nhất quyền lợi với nghĩa vụ công dân.*

Sức dân được hiểu đó là trí tuệ, tài năng, năng lực lao động sản xuất, sự sáng tạo của nhân dân được huy động tối đa và có hiệu quả vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Với đường lối đổi mới, chính sách quản lý điều hành đúng đắn, chúng ta đã giải phóng hiệu quả lực lượng sản xuất, mọi tiềm năng trong nhân dân để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Chính sách phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thật sự huy động tối đa sức dân, khả năng của mọi thành phần kinh tế, mọi lực lượng lao động trong xã hội vào sự nghiệp xây dựng đất nước.

Bản chất của cuộc cách mạng do Đảng ta lãnh đạo là vì dân. Ngay từ ngày đầu thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945 Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: "Nếu nước độc lập mà dân không hưởng hạnh phúc tự do, thì độc lập cũng chẳng có nghĩa lý gì"(6). Tự do, hạnh phúc của nhân dân bắt đầu từ những lợi ích thiết thân; được no ấm, học hành, có cuộc sống vật chất, tinh thần tốt đẹp, biết rõ giá trị của tự do, của độc lập. Trong quá trình đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã giải quyết từng bước vững chắc những lợi ích thiết thân của nhân dân. Thành công của công cuộc xóa đói giảm nghèo đã giảm tỉ lệ đói nghèo từ 58% xuống còn dưới 10% có thể được coi như một kỳ tích trong sự nghiệp đổi mới.

Ngay trong quá trình tìm đường đổi mới, nhất là khi thực hiện đường lối đổi mới, Đảng và Nhà nước ta đã nhận thức *rõ lợi ích cá nhân chính đáng thật sự là một động lực trực tiếp* cho sự phát triển sản xuất và xây dựng đất nước. Đổi mới thành công là nhờ chú trọng bảo vệ và đáp ứng trên thực tế lợi ích thiết thân của người dân, từ đó kết hợp hài hòa với các lợi ích khác, lợi ích của tập thể, của Nhà nước, gắn chặt quyền lợi với nghĩa vụ công dân. Kinh nghiệm cho thấy, phải vừa giáo dục bồi dưỡng tinh thần cách mạng, yêu nước vừa bảo đảm lợi ích vật chất, tinh thần của nhân dân, vừa phát huy dân chủ đồng thời phải giáo dục nêu cao trách nhiệm, nghĩa vụ công dân.

Ba là, *để phát huy sức mạnh toàn dân, Đảng và Nhà nước ta trong quá trình đổi mới luôn luôn nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc.*

Thấm nhuần tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc, trong công cuộc đổi mới, tư tưởng đó được đề cao và quán xuyến trong

---

(5) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 5, tr 295

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 4, tr 56

Digitized by Google

đường lối, cương lĩnh và mọi chủ trương, chính sách và hệ thống pháp luật. Với tinh thần khép lại quá khứ, xóa bỏ hận thù, mặc cảm, mọi giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo, mọi thành phần kinh tế, người ở trong nước và người định cư ở nước ngoài lấy mục tiêu chung là vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh làm điểm tương đồng ra sức góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước vì lợi ích chung của dân tộc và cũng vì lợi ích của mỗi bộ phận, mỗi con người.

Chủ đề của Đại hội IX và Đại hội X của Đảng đều nêu cao nội dung phát huy sức mạnh toàn dân tộc. Sức mạnh của toàn dân chỉ được phát huy cao độ khi lực lượng nhân dân được tổ chức lại; chăm lo xây dựng Đảng vững mạnh; đồng thời, xây dựng Mặt trận dân tộc thống nhất và các đoàn thể nhân dân vững mạnh.

Mỗi bước tiến của công cuộc đổi mới đều cho thấy vai trò to lớn của sức mạnh toàn dân đoàn kết, tập hợp trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội của nhân dân. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị rộng lớn của mọi tầng lớp, giai cấp, lực lượng trong xã hội phấn đấu thực hiện đường lối, cương lĩnh của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vì mục tiêu xây dựng một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ và văn minh. Mặt trận còn là cơ sở chính trị vững chắc của chính quyền nhân dân, đóng góp tích cực vào nhiệm vụ xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Mặt trận và các đoàn thể nhân dân là tổ chức thể hiện quyền làm chủ của nhân dân, nói lên ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân, động viên, tổ chức, hướng dẫn nhân dân, các tầng lớp, giai cấp, lực lượng, giới mình thực hiện có hiệu quả đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Trong điều kiện một Đảng duy nhất cầm quyền, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân còn tham gia tích cực để thực hiện chức năng phản biện xã hội, bảo đảm tính đúng đắn của đường lối của Đảng và hệ thống chính sách pháp luật của Nhà nước. Sức mạnh của khối đại đoàn kết dân tộc cũng chính ở chỗ vừa thực hiện những mục đích tối cao của dân tộc, của đất nước là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhưng đồng thời bảo vệ và vun đắp lợi ích của từng giai cấp, tầng lớp, bộ phận và của mỗi cá nhân.

Kế thừa và phát triển bài học vô giá của lịch sử và của quá trình đổi mới, Đại hội X của Đảng chủ trương phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân. Đại hội X khẳng định: "Đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, dưới sự lãnh đạo của Đảng, là đường lối chiến lược của cách mạng Việt Nam; là nguồn sức mạnh, động lực chủ yếu và là nhân tố có ý nghĩa quyết định bảo đảm thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc"(7). Khối đại đoàn kết đó: Lấy mục tiêu giữ vững độc lập, thống nhất của Tổ quốc, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng để gắn bó đồng bào các dân tộc, các tôn giáo, các tầng lớp nhân dân ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài; xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, thành phần giai cấp. Tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích của dân tộc. Đề cao truyền thống nhân nghĩa, khoan dung, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau vì sự ổn định chính trị và đồng thuận xã hội.

Để đạt được mục tiêu quan trọng đến năm 2020 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, đòi hỏi phải nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, năng lực, hiệu quả quản lý, điều hành của Nhà nước đồng thời với sự nỗ lực phấn đấu đóng góp công sức, trí tuệ của toàn dân, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới phát triển nhanh, bền vững trong thời kỳ mới. ❑

---

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, đã dẫn, tr 116

Digitized by Google

TIẾN TRÌNH VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ SAU THÁNG TÁM 1945 NHÌN TỪ SỰ VẬN ĐỘNG CỦA QUAN NIỆM NGHỆ THUẬT VỀ CON NGƯỜI

NGUYỄN VĂN LONG *

CÁCH mạng Tháng Tám 1945 đã khởi đầu một kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc, đồng thời cũng mở ra một thời kỳ mới của văn học Việt Nam. Thời kỳ văn học từ sau Tháng Tám 1945 có vị trí đặc biệt trong tiến trình văn học dân tộc thế kỷ XX và trong cả lịch sử hơn một nghìn năm của nền văn học Việt Nam. Nó vừa kế tục hành trình hiện đại hóa văn học ở nửa đầu thế kỷ XX, lại vừa có những biến đổi quan trọng trên nhiều phương diện, từ quan niệm nghệ thuật đến thi pháp, và vận động trên một bối cảnh xã hội - lịch sử, văn hóa, tư tưởng đặc thù, có sự khác biệt hẳn so với thời kỳ trước đó. Một trong những yếu tố quan trọng tạo nên sự biến đổi trong ý thức nghệ thuật, dẫn đến nhiều biến đổi về tư tưởng và nghệ thuật của nền văn học mới, đó là sự hình thành và vận động của quan niệm mới về con người.

Nhìn lại tiến trình văn học hơn 60 năm qua, kể từ Tháng Tám 1945, theo sự vận động của quan niệm nghệ thuật về con người, cho chúng ta nhận thức về chiều sâu của những đặc điểm trong cách thể hiện con người và thế giới của văn học thời kỳ này, con người và toàn bộ đời sống của nó, các mối quan hệ của nó với thế giới, từ xưa đến nay vẫn là đối tượng chính yếu để văn học nhận thức, khám phá, miêu tả và biểu hiện. Trong hình tượng con người, luôn bao gồm cả hai bình diện: khách quan và chủ quan. Con người trong nghệ thuật là phản ánh những mẫu người trong thực tại đời sống, ở những điều kiện và hoàn cảnh cụ thể... Nhưng hình tượng con người trong nghệ thuật còn thể hiện quan niệm, sự hình dung, cách thức và phương tiện tạo tác của chủ thể nghệ sĩ. Và chính bình diện thứ hai này - bình diện chủ quan mới quyết định tính độc đáo, giá trị tư tưởng, chiều sâu của sự khám phá và thể hiện hình tượng con người của mỗi nghệ sĩ và mỗi thời đại nghệ thuật.

Quan niệm nghệ thuật về con người của nền văn học mới được hình thành và phát triển trên cơ sở thực tiễn của hiện thực cách mạng và kháng chiến. Nói rõ hơn, đó chính là thực tiễn của sự xuất hiện và trưởng thành của con người Việt Nam mới trong thời đại cách mạng. Ở giai đoạn 1945 - 1975, quan niệm con người của văn học mang tính thống nhất của cả giai đoạn 30 năm nhưng cũng có sự vận động, phát

* PGS, Đại học Sư phạm I Hà Nội

Digitized by Google

triển qua ba chặng đường: 1945 - 1954; 1954 - 1964; 1964 - 1975. Từ sau 1975, nhất là từ khi bắt đầu công cuộc đổi mới đất nước (1986), quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học đã có những biến đổi sâu sắc, nhưng không phải là sự cắt lìa, đối lập hoàn toàn với quan niệm con người của giai đoạn văn học trước đó.

Cách mạng Tháng Tám rồi tiếp đó là cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đã là những biến cố vĩ đại, làm đổi thay sâu sắc xã hội và con người Việt Nam. Tác động lớn lao của cách mạng và kháng chiến với con người Việt Nam không chỉ là giải phóng họ khỏi mọi xiềng xích nô lệ của chủ nghĩa thực dân, mà còn thức tỉnh, khơi dậy mạnh mẽ sức mạnh tiềm tàng của chủ nghĩa yêu nước, ý thức cộng đồng. Cách mạng đã tập hợp mọi người vào trong đội ngũ của đoàn thể, biến những con người riêng rẽ thành con người của một tập hợp đông đảo là dân tộc, nhân dân. Cách mạng và kháng chiến đã đặt nhà văn trước một hiện thực lớn và hết sức mới mẻ, đó là sự thức tỉnh đứng lên và trưởng thành của đông đảo các tầng lớp, mọi lứa tuổi trong quần chúng nhân dân. Con người quần chúng là một phát hiện nghệ thuật quan trọng bậc nhất của nền văn học thời kháng chiến chống Pháp. Phát hiện nghệ thuật này không chỉ quy định đề tài, phương hướng sáng tác mà còn có thể xem là một hệ quy chiếu đã quy tụ và xác định những nguyên tắc của mọi sự tìm tòi, thể hiện nghệ thuật trong văn học thời kỳ ấy.

Cái mới trong hình tượng con người quần chúng của văn học thời kỳ này trước hết là được tập trung thể hiện con người chính trị, con người công dân. Con người của gia đình, gia tộc, làng xóm đã thành con người của dân tộc, giai cấp của đời sống cộng đồng. Việc đưa lên hàng đầu con người chính trị, con người công dân đã khiến cho văn học thời kỳ này tập trung thể hiện những nét tâm lý chung của quần chúng như lòng yêu nước, căm thù giặc, tình nghĩa đồng bào, tình cảm tiền tuyến hậu phương, ý thức giai cấp, sự ham thích đời sống tập thể, sinh hoạt chính trị...

Văn học 1945 - 1954 nhìn chung không xem xét con người ở phương diện cá nhân - cá thể, mà thể hiện con người trong các quan hệ cộng đồng, trong tư cách con người tập thể. Nếu như phát hiện quan trọng nhất đưa đến sự cách tân văn học Việt Nam những năm - từ đầu thế kỷ XX đến 1945 - có thể nói đó là sự phát hiện con người - cá nhân - cá thể, thì sự biến đổi quan trọng ở chiều sâu quan niệm trong văn học sau 1945 chính là ở cái nhìn con người tập thể. Trong buổi đầu, sự thức tỉnh về sức mạnh và giá trị của cộng đồng thường đi liền với thái độ phủ định cái tôi, cái cá thể. Sau Cách mạng Tháng Tám, Hoài Thanh bộc lộ chân thành quan niệm có phần cực đoan của mình, nhưng cũng là ý nghĩ chung của nhiều trí thức, nghệ sĩ lúc ấy: "Đoàn thể tái tạo chúng tôi và trong bầu không khí mới của giang sơn, chúng tôi - những nạn nhân của thời đại chữ "tôi", hay muốn gọi là tội nhân cũng được. Chúng tôi thấy rằng đời sống của cá nhân không có nghĩa gì trong đời sống bao la của đoàn thể" *(Dân khí miền Trung - Tạp chí Tiên Phong*, số 3, 1945). Quan niệm con người tập thể đưa đến cách thể hiện con người luôn được đặt trong đám đông quần chúng. Các nhân vật quần chúng chỉ được hiện ra với vẻ đẹp và sức mạnh ở trong tập thể và họ là đại diện cho tập thể ấy. Cái tôi trữ tình trong thơ kháng chiến là cái tôi quần chúng, biểu hiện tư tưởng, tâm lý, tình cảm của tầng lớp, giai cấp, thế hệ, chứ không phải của một cá nhân. Bởi thế, trong rất nhiều bài thơ, phát ngôn trữ tình là tiếng nói của "chúng tôi", "chúng ta"

Nhìn chung, con người trong văn học giai đoạn 1945 - 1954 chưa được chú ý thể hiện ở tư cách con người cá nhân. Vì thế, các nhân vật cũng thường ít có cá tính rõ nét, đời sống nội tâm chưa được khám phá ở những chiều sâu, vì chỉ được tập trung thể hiện những

Digitized by Google

nét tâm lý, tư tưởng chung của tầng lớp, giai cấp. Nhưng việc phát hiện và miêu tả nhân vật quần chúng ở phương diện con người chính trị, con người tập thể vẫn là một đóng góp quan trọng của văn học cách mạng tạo ra sự biến đổi cơ bản trong quan niệm nghệ thuật về con người, mở ra khả năng và phương hướng mới cho văn học trong việc thể hiện con người của thời đại cách mạng.

Sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, miền Bắc được giải phóng và đi vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội, nền văn học cách mạng có được những điều kiện thuận lợi để phát triển và đạt tới độ trưởng thành trong nửa đầu những năm 60 của thế kỷ XX. Quan niệm nghệ thuật về con người của văn học thời kỳ này vừa kế tục quan niệm trước đó, đồng thời lại có sự phát triển, mở rộng hơn trước. Nét đặc trưng cơ bản trong quan niệm con người của văn học thời kỳ này là con người trong sự thống nhất riêng - chung. Trong văn học kháng chiến chống Pháp, hầu như chưa đặt vấn đề cái riêng của con người, hoặc nếu có nói đến cuộc sống riêng, số phận của một cá nhân nào đó thì cũng là để cụ thể hóa cái chung của dân tộc, giai cấp. "Gác tình riêng" là một cách ứng xử duy nhất đúng lúc ấy mà các nhân vật chính diện của văn học đều lựa chọn một cách dứt khoát, nhẹ nhàng. Nay chiến tranh đã kết thúc, cuộc sống hòa bình trở lại, không thể không quan tâm đến cuộc sống thường nhật và nhu cầu về hạnh phúc về cuộc sống riêng của mỗi con người. Nhưng cái riêng lúc này chẳng những không thể đối lập với cái chung mà còn phải nằm trong cái chung. Nhà thơ Tố Hữu trong một lần trả lời phỏng vấn *Tạp chí Văn nghệ*, đã nói: "Tôi cho cái riêng của ta là của cái chung và cái chung của ta bao gồm được mọi cái riêng" (*Tạp chí văn nghệ*, số 48, tháng 5-1961). Quan niệm con người hài hòa, thống nhất riêng - chung và đặt lợi ích của tập thể lên trên lợi ích cá nhân đã chi phối việc lựa chọn chủ đề xây dựng nhân vật, cốt truyện của văn học thời kỳ này, nhất là trong mảng sáng tác về đề tài cuộc sống mới. Mặc dù sự thống nhất riêng - chung có thể xem là một bước tiến so với quan niệm con người hoàn toàn hòa tan trong tập thể của văn học kháng chiến, nhưng nhìn chung sự thống nhất này chưa phải đã được quan niệm với cả tính biện chứng và đa dạng. Trong nhiều trường hợp, cách nhìn giản đơn còn bộc lộ khá rõ ở sự tuyệt đối hóa cái chung, vai trò của tập thể và các mô-tip đi từ riêng đến chung, từ cô đơn đến chan hòa vào tập thể đã trở thành giải pháp "toàn năng" giải quyết cho mọi vấn đề về số phận, mọi bi kịch của con người.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của nền văn học theo khuynh hướng sử thi. Quan niệm nghệ thuật về con người trong văn học chống Mỹ, cứu nước là sự tiếp tục của quan niệm con người trong văn học 20 năm trước đó, nhưng được phát triển tập trung vào một hướng lớn và đi tới đỉnh cao của nó là quan niệm con người sử thi - con người đại diện và kết tinh sức mạnh, phẩm chất, ý chí và khát vọng của dân tộc, nhân dân. Con người trong văn học thời kỳ kháng chiến chống Pháp thường thể hiện ý thức công dân, nhận thức chính trị một cách hồn nhiên, còn trong văn học chống Mỹ, con người được nhấn mạnh về tầm vóc tư tưởng, về ý thức chính trị. Trong thơ Tố Hữu, Chế Lan Viên con người luôn sống với những vấn đề có ý nghĩa thời đại, với tinh thần và ý chí của cả dân tộc.

Con người sử thi trong văn học thời kỳ chống Mỹ là con người của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Đó là con người có ý chí lớn, quyết tâm lớn và sức mạnh để vượt qua mọi thử thách, hy sinh, lập nên những chiến công phi thường. Nhiều tác phẩm đặt con người trước sự lựa chọn nghiệt ngã giữa sống và chết để khẳng định ý nghĩa cao cả của sự hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, cho lý tưởng

Digitized by Google

cách mạng. Một điểm nổi bật trong con người của nền văn học thời kỳ này là ý thức về lịch sử và sự gắn bó với quê hương đất nước.

Con người trong thời kháng chiến chống Mỹ không chỉ sống với thời gian hiện tại và ước vọng về tương lai mà còn sống với thời gian lịch sử, đồng nhất lịch sử và hiện tại: "Khi quá khứ, tương lai soi mình trong hiện tại" (Tố Hữu). Thời kỳ chống Mỹ cứu nước cũng là lúc mà ý thức về chiều sâu lịch sử, truyền thống dân tộc được khơi dậy mạnh mẽ. Con người đại diện cho dân tộc, đất nước cũng được nhìn nhận như là sự kết tinh của quê hương, xứ sở. Đất đai quê hương xứ sở đã hóa thân vào mỗi con người. Chưa bao giờ như ở văn học thời kỳ này, cảm hứng về quê hương, đất nước được thể hiện đậm đặc và phong phú đến thế. Rất nhiều tác phẩm chỉ đọc tên đã cho thấy nội dung chủ đạo là tình cảm quê hương, đất nước.

Con người sử thi là đại diện đầy đủ cho cộng đồng, vì thế nó cũng được miêu tả trong tính toàn vẹn của phẩm chất. Với quan niệm về con người anh hùng toàn vẹn, văn học thời chống Mỹ, cứu nước chú trọng mô tả con người ở các phương diện ý thức - tư tưởng, ý chí và niềm tin, cả ở hành động anh hùng và cũng rất chú ý khắc họa đời sống tình cảm, vẻ đẹp tâm hồn. Nếu như trong văn học thời kháng chiến chống Pháp, phần đời sống cá nhân của con người hầu như bị bỏ qua, thì văn học thời chống Mỹ cứu nước lại chú trọng khai thác thế giới nội tâm và đời sống con người trong nhiều mối quan hệ tình cảm, để làm nổi bật những vẻ đẹp tâm hồn, sự thống nhất giữa cái riêng và cái chung, lý tưởng và tình cảm.

Quần chúng trong văn học kháng chiến chống Pháp, sinh động và mới mẻ, nhưng đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ đã đạt tới chiều sâu mới với những thành công đáng kể. Nhân dân vừa được biểu hiện trong những hình tượng con người cụ thể, đại diện cho nhân dân, vừa được hiện ra trong những hình ảnh biểu tượng giàu sức khái quát nghệ thuật và rất bình dị, gần gũi, như: sóng, đất, rừng, cát và cỏ. Nhân dân cũng là điểm quy tụ cho mọi suy ngẫm và cảm xúc về đất nước, dân tộc.

Nhìn chung, văn học thời kỳ chống Mỹ cứu nước đã sáng tạo được những hình tượng con người mang dấu ấn tầm vóc tư tưởng và ý chí của thời đại ấy. Con người sử thi trong văn học thời kỳ này là một đóng góp của văn học vào việc khám phá và thể hiện con người đề cao sức mạnh và vẻ đẹp của con người Việt Nam. Tuy nhiên, trong giới hạn của quan niệm con người sử thi, văn học thời kỳ này không tránh khỏi tính phiến diện, cách nhìn một chiều và xu hướng lý tưởng hóa khi miêu tả con người và hiện thực chiến tranh. Hướng xây dựng những hình tượng, biểu tượng khái quát cao rộng nhiều khi dẫn đến thiếu hẳn sự sinh động của đời sống và mất đi tính cụ thể biểu cảm của nghệ thuật.

Từ năm 1945 đến 1975, nền văn học mới đã hình thành và vận động trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt, diễn ra nhiều biến cố lớn lao, tác động sâu sắc đến xã hội và con người Việt Nam. Quan niệm nghệ thuật về con người của văn học 30 năm ấy có cơ sở từ trong đời sống xã hội - chính trị của đất nước, từ hiện thực chiến tranh và cách mạng, đồng thời cũng thể hiện trình độ ý thức, mức độ phát triển của nền văn học. Quan niệm ấy chi phối cả nền văn học, nhưng ở mỗi nhà văn lại có những nét riêng, những đặc điểm riêng trong quan niệm nghệ thuật về con người, tạo nên sự thống nhất và đa dạng trong quan niệm con người của nền văn học.

Ngày 30-4-1975, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta đã giành được thắng lợi trọn vẹn, mở ra một thời kỳ mới của lịch sử dân tộc, đồng thời cũng đem đến một giai đoạn mới trong lịch sử văn học hiện đại Việt Nam. Mặc dù nền văn học sử thi trong thời kỳ chiến tranh vẫn còn tiếp tục quán tính của nó trong nhiều năm sau đó, nhưng yêu cầu

Digitized by Google

đổi mới văn học đã ngày càng mạnh mẽ. Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, cùng với cao trào đổi mới đất nước, nền văn học đã thực sự chuyển biến sâu sắc và toàn diện, mở ra một giai đoạn mới với nhiều thành tựu và triển vọng. Ở chiều sâu của sự đổi mới văn học là sự đổi mới ý thức nghệ thuật, bao gồm quan niệm về văn học, về nhà văn, quan niệm về hiện thực và con người. Quan niệm nghệ thuật về con người của văn học Việt Nam từ sau 1975 là biểu hiện cụ thể của xu thế dân chủ hóa và sự thức tỉnh ý thức cá nhân trên nền tảng tinh thần nhân bản của văn học thời kỳ đổi mới.

Quan niệm nghệ thuật mới về con người, đặt con người ở vị trí trung tâm của toàn bộ hiện thực, là điểm xuất phát và đích đi tới của văn học, cũng là hệ quy chiếu các giá trị của đời sống, của lịch sử. Ngay sau năm 1975, khi bàn về vấn đề viết về chiến tranh, để trả lời câu hỏi "sự kiện hay con người?", Nguyễn Minh Châu đã dứt khoát khẳng định: "trước sau gì thì con người cũng leo lên trên các sự kiện để đòi quyền sống". Cũng Nguyễn Minh Châu trong một lần trả lời phỏng vấn của báo *Văn nghệ* đầu 1986 đã phát biểu: "Văn học và đời sống là hai vòng tròn đồng tâm mà tâm điểm của nó là con người".

Con người trong văn học hôm nay được nhìn ở nhiều vị thế và trong tính đa chiều của mọi mối quan hệ: con người xã hội, con người với lịch sử, con người của gia đình, gia tộc, con người với phong tục, với thiên nhiên, với những người khác và với chính mình... Mối quan hệ giữa con người và hoàn cảnh, cá nhân và lịch sử đã được văn học nhìn nhận lại trong tính phức tạp và hiện thực hơn. Con người sử thi trước 1975 thường đồng nhất với lịch sử, luôn là con người làm chủ hoàn cảnh, chiến thắng hoàn cảnh, số phận cá nhân trùng khít với vận mệnh cộng đồng. Còn bây giờ, khi con người được nhìn nhận như một cá thể, một số phận, thì văn học đã phát hiện không ít sự vênh lệch giữa số phận cá nhân và vận mệnh cộng đồng giữa con người và lịch sử. Quan hệ giữa con người và hoàn cảnh không còn được nhìn một cách duy ý chí và xuôi chiều như trước. Ngược lại, người ta nhận ra rằng con người luôn bị hoàn cảnh chi phối, quy định, nhiều khi trở thành nạn nhân của hoàn cảnh và của chính mình. Chiến tranh đã qua đi, con người trở về với cuộc sống đời thường, cũng là khi họ phải đối mặt với bao nhiêu khó khăn, phức tạp, phiền toái của cuộc sống. Đặt con người vào giữa dòng đời, để quan sát phương diện con người thế sự trong cự ly gần, từ đó chiêm nghiệm những quy luật của đời sống thường ngày, những lẽ đời vốn "đa đoan", đó là phương hướng mà nhiều cây bút nhạy cảm với những chuyển biến của hiện thực đời sống đã tìm đến ngay từ đầu những năm 80 của thế kỷ trước.

Con người cũng được văn học khám phá, soi chiếu ở nhiều bình diện và nhiều tầng bậc: ý thức và vô thức, đời sống tư tưởng, tình cảm và đời sống tự nhiên, bản năng khát vọng cao cả và dục vọng tầm thường, con người cụ thể, cá biệt và con người trong tính nhân loại phổ quát. Nếu Nguyễn Khải vẫn quan tâm chủ yếu đến đời sống tư tưởng của con người, với những sự lựa chọn niềm tin, cách ứng xử trước thời thế, thì Ma Văn Kháng, Nguyễn Huy Thiệp lại coi trọng việc thể hiện phần con người tự nhiên, kể cả phần bản năng trong con người. Nhiều cây bút đã thăm dò và thể hiện thế giới đầy bí ẩn của tâm linh, tiềm thức, vô thức. Ở một số trường hợp cũng không tránh khỏi sự thiên lệch, cực đoan, khi quá nhấn mạnh đến phần con người bản năng vô thức, hoặc tách rời bình diện con người tự nhiên ra khỏi các quan hệ xã hội, hạ thấp phương diện ý thức ở con người. Nhưng nhìn chung, văn học hôm nay đã vượt qua sự nhận thức hạn hẹp và giản đơn về con người, để nhìn con người

(Xem tiếp trang 43)

Digitized by Google

NHỚ MÃI NHỮNG NGÀY THÁNG CUỐI CÙNG CỦA BÁC

LÊ VĂN HIẾU *

Đã 37 năm ngày Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người cha già của dân tộc, lãnh tụ cách mạng vĩ đại của nhân dân Việt Nam, nhà văn hóa lỗi lạc của nhân loại vĩnh biệt chúng ta. Nhưng sự nghiệp cách mạng của Người, trí tuệ và đạo đức của Người, tình cảm mênh mông và tấm gương vĩ đại của Người vẫn còn mãi mãi với chúng ta. Bác Hồ vẫn còn đó cùng với chúng ta, với cả dân tộc đang vững bước trên con đường đổi mới.

HIẾM thấy trong lịch sử có con người nào mà tên tuổi và sự nghiệp lại gắn bó với vận mệnh của cả một dân tộc, một đất nước như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể tìm thấy hình ảnh Người trong từng hơi thở của mỗi người dân và cũng có thể tìm thấy số phận mỗi người dân trong từng ý nghĩ của Người. "Bác Hồ" đó là tên gọi trìu mến nhất, thiêng liêng nhất mà cả dân tộc đã dành để gọi vị lãnh tụ kính yêu của mình. Bác giản dị và gần gũi, không có khoảng cách nào giữa một người dân bình thường với lãnh tụ lại thân thương như vậy. Sinh thời, Bác đã trở thành một lẽ sống không thể thiếu được trong đời sống chính trị và tinh thần của đất nước. Người là một cá nhân, nhưng Người cũng là tất cả.

Đã có biết bao nhiêu anh hùng liệt sỹ, cán bộ, đảng viên và người dân trong đấu tranh cách mạng trước giờ phút hy sinh đã hô lớn "Hồ Chủ tịch muôn năm!", "Bác Hồ muôn năm". Lời hô kính yêu và tha thiết ấy trên chiến trường, ở pháp trường như một lời thề đầy khí phách "tận trung với nước, tận hiếu với dân". Đó cũng là niềm tin tưởng thắng lợi của cách mạng, lời cầu chúc sức khỏe của Bác mãi mãi sống lâu. Nhưng sức khỏe của Bác lại nằm ngoài ý muốn của toàn Đảng, toàn dân ta. Vào giữa những năm thập niên sáu mươi của thế kỷ XX, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đang ở vào giai đoạn quyết liệt nhất, nửa triệu quân Mỹ đã đổ bộ ồ ạt vào miền Nam, tiến hành cuộc chiến tranh cục bộ tàn khốc nhất trong lịch sử dân tộc, tin tức về những người dân vô tội bị giết hại, những làng mạc trù phú ở miền Nam bị bom đạn địch tàn phá trở thành nỗi đau nhức nhối thường xuyên của Bác. Cùng với tuổi tác, sức khỏe của Bác cứ mỗi ngày một suy giảm. Đã có một câu chuyện kể lại rằng, thấy Bác suy giảm sức khỏe vì hút thuốc lá nhiều, các bác sỹ đề nghị Bác không được hút thuốc lá nữa, Bác chấp hành. Nhưng chỉ một thời gian ngắn sau, các bác sỹ lại phải để Bác hút thuốc trở lại vì bỏ thuốc, sức khỏe của Bác có phần sa sút hơn.

* Cựu chiến binh quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Điếu thuốc là người bạn duy nhất của Bác trong những giờ phút riêng tư. Khi mọi người sau một ngày làm việc trở về với cuộc sống gia đình êm ấm của mình, với Bác điếu thuốc cũng là niềm an ủi của mình.

Năm 1962, khi phái đoàn đầu tiên của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam ra thăm miền Bắc, trước khi trở về, thay mặt cho 14 triệu đồng bào miền Nam lúc đó, đoàn chỉ có một yêu cầu với Trung ương Đảng và nhân dân miền Bắc: "Phải cố gắng chăm sóc giữ gìn sức khỏe của Bác cho thật tốt, để đồng bào miền Nam có thể được gặp Người khi nước nhà hoàn toàn giải phóng".

Giữa năm 1966, sau một chuyến đi địa phương trở về, Bác bị rối loạn tuần hoàn não, liệt nhẹ nửa người bên trái. Sang năm 1967, mắt trái của Người bị mờ, tay trái nắm không thật vững, tiếng nói yếu, giọng hơi bị khản. Bộ Chính trị rất lo lắng về sức khỏe của Bác.

Tháng 5-1967, sau lễ mừng thọ nhân ngày sinh thứ 77 của Bác, Bộ Chính trị đã triệu tập một cuộc họp bất thường để bàn việc bảo vệ sức khỏe của Bác và chuẩn bị giữ thi hài của Người lâu dài sau khi Bác qua đời. Cuộc họp do đồng chí Lê Duẩn chủ trì. Hội nghị đã xác định phải bảo đảm hai yêu cầu: phải tuyệt đối giữ bí mật, nếu không nhân dân sẽ hoang mang lo lắng và Bác sẽ phê bình Bộ Chính trị và không cho phép thực hiện; phải chọn một số cán bộ y tế giỏi gửi sang Liên Xô học tập về khoa học gìn giữ thi hài. Nhân sự cụ thể giao cho Ban Tổ chức Trung ương lựa chọn.

Hội nghị cũng nhất trí giao nhiệm vụ đặc biệt này cho Quân ủy Trung ương vì quân đội sẵn có truyền thống nhận và hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ khó khăn phức tạp. Mặt khác, Bộ Chính trị cũng chỉ định đồng chí Nguyễn Lương Bằng thay mặt Trung ương Đảng trực tiếp theo dõi và chăm sóc sức khỏe của Bác.

Vốn là một người sống giản dị, Bác luôn lo lắng đến vận mệnh của dân tộc. Bác thường kêu gọi toàn Đảng, toàn dân ta thực hành tiết kiệm. Bởi vậy, Bác chỉ có một nguyện vọng là sau khi Bác mất, hỏa táng thi hài, lấy tro đựng vào ba chiếc bình, đặt trên ba ngọn đồi thấp ở ba miền Bắc, Trung, Nam để đồng bào cả nước có thể đến với Bác và để Bác mãi mãi được gần gũi với dân. Bác còn dặn thêm rằng, trên mỗi ngọn đồi phải trồng thật nhiều cây có bóng mát và làm nhà để nhân dân có thể ngồi nghỉ khi lên viếng Bác.

Nhưng việc gìn giữ thi hài của Bác cho đời đời con cháu mai sau được chiêm ngưỡng lại là nguyện vọng thiêng liêng của toàn Đảng, toàn dân ta. Đó sẽ là phần thưởng vô giá mà Đảng ta dành lại cho các thế hệ tương lai của đất nước.

Để công việc triển khai sớm, Bộ Chính trị quyết định cử đồng chí Lê Thanh Nghị thay mặt Đảng và Chính phủ sang Liên Xô hội đàm đề nghị giúp đỡ, từ công tác đào tạo cán bộ đến việc giữ gìn lâu dài thi hài Bác. Chuyến đi của đồng chí Lê Thanh Nghị phải giấu kín không để Bác biết. Xuất phát từ lòng kính trọng và nhận rõ vị trí lớn lao của Bác đối với phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cộng sản quốc tế, Đảng và Chính phủ Liên Xô khẳng định ủng hộ và giúp đỡ Việt Nam tận tình về gìn giữ lâu dài thi hài của Chủ tịch Hồ Chí Minh và xây dựng lăng của Người.

Chuyến đi đã đem lại một thành công lớn. Nhưng cũng bắt đầu từ đó, trong lòng mỗi người biết tường tận về sức khỏe của Bác, bắt đầu xuất hiện một khoảng trống, một khoảng trống còn mơ hồ nhưng không có thể bù đắp được. Đó là sự thiếu vắng Bác trong tương lai mà mỗi người dân, mỗi người lính sẽ phải gánh chịu. Không ai muốn điều đó, nhưng lại không thể không nghĩ đến nó.

Bởi trong cuộc đời của Bác có nhiều nỗi đau, nhưng nỗi đau lớn nhất là nỗi đau miền

Digitized by Google

Nam chưa được giải phóng. Ngày 14-7-1969, khi tiếp nữ nhà báo Cu-ba Mác-ta Rô-hát, Bác đã đặt một bàn tay lên ngực mình nói rằng: nhân dân miền Nam, "mỗi nhà, mỗi người đều có một nỗi đau, đem cộng tất cả những nỗi đau đó lại thì đấy là nỗi đau của tôi". Ngày 17-7-1966, Người đã tuyên bố một chân lý bất hủ: "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Chân lý đó cho đến nay vẫn vang lên trên khắp hành tinh, trở thành lẽ sống, thành ngọn đuốc soi đường cho nhiều dân tộc chưa được độc lập, tự do thật sự. Miền Nam luôn ở trong trái tim Bác và Bác cũng luôn có trong trái tim của mỗi người dân miền Nam.

Trong những tháng năm khốc liệt nhất của cuộc kháng chiến chống Mỹ, Bác thường xuyên gọi điện hỏi Đại tướng Võ Nguyên Giáp về tình hình chiến sự ở miền Nam. Được vào miền Nam là nguyện vọng da diết trong những năm cuối đời của Bác. Nhiều lần, Bác đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Bác được vào thăm đồng bào miền Nam theo đường mòn Trường Sơn, hoặc đường hàng không Hà Nội - Phnôm-pênh. Nhưng thấy sức khỏe của Bác không bảo đảm cho chuyến đi, nên Bộ Chính trị đã tìm mọi cách trì hoãn, vì trước đây sau chuyến đi thăm đồng bào Thái Bình trở về, Bác đã bị bệnh co thắt động mạch não. Mùa xuân 1968, theo lời mời của Đảng và Nhà nước Trung Quốc, Bác sang Bắc Kinh nghỉ ngơi và chữa bệnh. Đồng chí Lê Đức Thọ trước khi vào miền Nam công tác đã sang Bắc Kinh chào Bác. Khi nghe đồng chí Lê Đức Thọ báo cáo chuyến đi sắp tới, Bác lại tha thiết đề nghị Bộ Chính trị bố trí để Bác đi vào Nam. Bác bảo: "Chú vào trong đó bàn với chú Hùng (Phạm Hùng) bố trí để Bác vào thăm đồng bào miền Nam". Đồng chí Lê Đức Thọ khéo léo từ chối, nói rằng: "Bác chỉ có thể đi đường hàng không qua Phnôm-pênh, muốn vậy phải làm hộ chiếu và người ta dễ dàng nhận ra Bác vì Bác có râu. Bác bảo: thì Bác cạo râu đi. Nhưng cạo râu thì đồng bào miền Nam không còn nhận ra Bác nữa - đồng chí Lê Đức Thọ trả lời. Bác ngồi yên và rất buồn. Lát sau, Bác lại bảo cho Bác đi đường biển. Hồi đó, tàu chở vũ khí tiếp tế cho chiến trường miền Nam vẫn cập cảng Xi-ha-núc-vin, Bác sẽ cải trang làm một thủy thủ hoặc được giấu dưới hầm tàu... Phương án đã được Bác vạch rất tỉ mỉ. Nhưng cũng như những lần trước, đồng chí Lê Đức Thọ lại khéo léo trì hoãn, và hứa: tình hình còn rất khó khăn, Bộ Chính trị sẽ cố gắng thu xếp để đồng bào miền Nam có thể sớm được gặp Bác. Lúc chia tay, Bác đã ôm chặt đồng chí Lê Đức Thọ mà khóc.

Mùng một Tết nguyên đán năm 1969, Bác đến thăm Quân chủng Phòng không - Không quân, sau đó đi theo quốc lộ 11 lên chúc tết đồng bào huyện Bất Bạt, tỉnh Sơn Tây. Đây là chuyến đi xa cuối cùng của Bác. Buổi trưa, ngồi nghỉ ngay bãi cỏ trên đồi cây, Bác cười quay sang đồng chí Hoàng Hữu Kháng, Cục trưởng Cục Cảnh vệ nói vui: "Nhân dân mình chăm chỉ thật, mồng một Tết vẫn đi làm". Quay sang phía đồng chí Bí thư Đảng ủy xã, Bác hỏi: "Hợp tác xã có hay liên hoan chè chén không?" Nghe đồng chí Bí thư Đảng ủy xã báo cáo là nạn liên hoan chè chén đã được khắc phục, Người rất vui và khen: "Các cháu làm thế là đúng, là biết giữ gìn của cải cho xã viên".

Sau chuyến đi đó trở về, các bác sỹ kiểm tra điện tim, thấy sóng tim của Bác bị đảo ngược. Trước những dấu hiệu không lành ấy, Bộ Chính trị quyết định mời các giáo sư và bác sĩ Trung Quốc sang điều trị cho Bác. Tháng 5 năm 1969, Bác sửa chữa lần cuối cùng bản Di chúc nổi tiếng. Bản Di chúc này, Bác bắt đầu viết từ mùa hè năm 1965, Bác thường gọi là "tài liệu tuyệt đối bí mật". Bác không muốn cho mọi người biết Bác đang làm cái công việc cuối cùng của một đời người. Đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của Bác kể lại rằng, Bác thường viết

Digitized by Google

vào những giờ nhất định trong ngày. Có lần đồng chí Trường Chinh gọi điện xin phép làm việc với Bác đúng vào giờ Bác đang viết bản Di chúc, biết Bác không thể tiếp khách vào giờ đó, đồng chí Vũ Kỳ đã khéo kéo bố trí để đồng chí Trường Chinh đến ăn cơm trưa với Bác, vừa ăn vừa làm việc. Cũng trong tháng 5 rất đáng nhớ này, cán bộ cao cấp toàn quân đến thăm và mừng thọ Bác 79 tuổi. Đồng chí Lê Duẩn, Phạm Văn Đồng cùng dự. Đồng chí Võ Nguyên Giáp thay mặt tất cả anh em chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu và hứa quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ để đón Bác vào thăm miền Nam. Đồng chí Vương Thừa Vũ thay mặt anh em ôm bó hoa lên mừng thọ Bác. Bác vô cùng cảm động nhận hoa và cảm ơn các chú ở quân đội luôn quan tâm tới sức khỏe Bác.

Chiều ngày 12-8, Bác lên nhà nghỉ Hồ Tây thăm phái đoàn ta từ Hội nghị Pa-ri mới về đang nghỉ tại đó. Ngày hôm sau Bác bị nhiễm phế quản, húng hắng ho, khi kiểm tra thấy bạch cầu tăng. Ngày 23 các bác sỹ phải dùng pê-ni-xi-lin tiêm cho Bác. Tối hôm ấy khoảng 9 giờ, Bác thấy đau trong lồng ngực. Các bác sỹ đình chỉ tiêm và làm điện tim ngay, thấy rõ rệt có phản ứng nhồi máu cơ tim, các bác sỹ tiêm thuốc cho Bác. Ngày 28-8, tim Bác bắt đầu loạn nhịp. Trong những ngày đêm căng thẳng ấy, các đồng chí trong Bộ Chính trị túc trực bên Bác. Chiều 30-8, Bác hỏi đồng chí Phạm Văn Đồng: "các chú nhớ phải bắn pháo hoa để mừng chiến thắng". Ngày 31, các đồng chí phục vụ nấu cho Bác một tô cháo thật ngon, Bác ăn được một ít, ai cũng mừng. Nhưng tối hôm đó, lễ kỷ niệm Quốc khánh ở Hội trường Ba Đình diễn ra trong không khí đầy lo âu trên nét mặt các đồng chí trong Bộ Chính trị. Nghe tin bộ đội tên lửa Hà Nội bắn rơi máy bay không người lái của Mỹ ngày 30-8, nên hôm đó (ngày 31-8) Bác bảo Văn phòng gởi tặng lẵng hoa, đó là lẵng hoa cuối cùng của Bác mà các chiến sỹ tên lửa sư đoàn 361 được đón nhận.

Chín giờ 47 phút ngày 2-9 trái tim Bác ngừng đập. Cho đến những giây phút cuối cùng ấy, đồng bào miền Nam và Tổ quốc Việt Nam thiêng liêng vẫn mãi mãi còn lại trong trái tim của Người.

Mồng 2 tháng 9, ngày Người đọc bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa hai mươi bốn năm trước đây, nay cũng vào ngày giờ này Bác kính yêu vĩnh biệt chúng ta!.

Đây là một sự trùng hợp thật kỳ lạ, không sao giải thích được. Lịch sử sẽ mãi mãi ghi nhớ buổi sáng ngày 2-9-1969, ngày dân tộc và đất nước Việt Nam từ giã một người con vĩ đại nhất. Người con mà ngay cả lúc sinh thời đã đi vào truyền thuyết, huyền thoại. Có lẽ, trong thời đại mới của chúng ta, sau cái mất của Lê-nin, chưa có sự ra đi nào lại gây chấn động lớn đối với loài người tiến bộ như sự ra đi của Bác. Khi đài phát thanh vừa đưa tin, đất trời như ngưng lại trong mỗi nỗi đau khôn xiết và cái cảm giác trống vắng như bao phủ lên non sông đất nước.

Năm ấy, trong những ngày lễ tang Bác, trời đổ mưa tầm tã. Vòm trời Ba Đình như trĩu nặng một nỗi buồn. Thiên nhiên cũng đau nỗi đau của con người. Những giọt nước mắt hòa lẫn với nước mưa "Đời tuôn nước mắt, trời tuôn mưa" chảy mãi như không bao giờ hết trong niềm tiếc thương vô hạn của nhân dân Việt Nam và bạn bè quốc tế dành cho Bác.

Ngày 29-8-1975, lễ khánh thành Lăng Bác được tổ chức trọng thể tại Hội trường Ba Đình. Từ ấy đến nay đã có trên 36 triệu người từ mọi miền đất nước và khách quốc tế vào Lăng viếng Bác.

Mỗi lần đến với Bác, mỗi người đều cảm thấy Bác vẫn còn đó cùng với chúng ta, với cả dân tộc đang vững bước trên con đường đổi mới. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG CỘNG SẢN CẦM QUYỀN LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC VÀ XÃ HỘI TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI - MỘT SỐ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

HOÀNG CHÍ BẢO *

ĐẢNG cầm quyền, trước hết là Đảng có quyền lực trên thực tế. Quyền lực đó thể hiện trực tiếp ở vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, các tổ chức, đoàn thể trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Vai trò lãnh đạo của Đảng được *thể chế* hóa thành luật và được ghi vào Hiến pháp - bộ luật cơ bản, cao nhất của Nhà nước, được Nhà nước và xã hội thừa nhận.

Đảng cầm quyền có nghĩa là Đảng hoạt động công khai, hợp pháp; địa vị pháp lý của Đảng được pháp luật khẳng định, bảo vệ. Cán bộ, đảng viên của Đảng không chỉ làm việc trong các cơ quan đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội, mà một phần lớn còn làm việc trong các cơ quan nhà nước, các tổ chức kinh tế, văn hóa, khoa học, giáo dục. Nhiều cán bộ, đảng viên của Đảng là công chức nhà nước, trong đó không ít người có chức, có quyền. Đó cũng là một hiện tượng bình thường. Vấn đề là ở chỗ, làm thế nào để họ không rơi vào thoái hóa, biến chất, nhất là trong điều kiện phát triển nền kinh tế thị trường hiện nay, làm tổn hại tới uy tín, thanh danh của Đảng trước xã hội, làm suy giảm lòng tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước do Đảng lãnh đạo.

Đảng cầm quyền đã tạo cho Đảng rất nhiều thuận lợi về vật chất và tinh thần để đường lối, quan điểm, nghị quyết của Đảng đi vào cuộc sống, thông qua những thể chế hóa của Nhà nước và những hoạt động tuyên truyền, giáo dục trong xã hội. Song, khi đã ở vào vị thế cầm quyền, Đảng đứng trước hàng loạt nguy cơ, thách thức cần phải vượt qua. Những nguy cơ, thách thức đó biểu hiện chủ yếu ở hai mặt:

Thứ nhất, trách nhiệm của Đảng là to lớn và nặng nề đối với sự phát triển của xã hội và cuộc sống của nhân dân. Là lực lượng lãnh đạo, Đảng chịu trách nhiệm cao nhất về mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Liệu Đảng có đủ năng lực, kiến thức, phương pháp, kinh nghiệm và bản lĩnh để thực thi chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo của mình không? Nguy cơ, thách thức này chính là những khó khăn, những đòi hỏi đối với Đảng trước tình hình, nhiệm vụ mới mà không ít lần, trong các văn kiện *chính thức* và *công khai*, Đảng đã tự đánh giá là "chưa ngang tầm với nhiệm vụ mới", "chậm đổi mới khi tình hình, nhiệm vụ mới đã xuất hiện".

---

* GS, TS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Thứ hai, khi Đảng đã cầm quyền, đã có quyền lực thì liệu quyền lực đó có được sử dụng đúng đắn, đúng mức, có rơi vào tình trạng bị tha hóa hay không? Cán bộ, đảng viên của Đảng có đủ phẩm chất đạo đức và bản lĩnh để vượt qua những cám dỗ vật chất tầm thường không? Căn bệnh nan giải của mọi nhà nước là quan liêu và tham nhũng liệu có xâm nhiễm vào Đảng không, và nếu bị xâm nhiễm thì Đảng phải chịu trách nhiệm về mình như thế nào? Nguy cơ, thách thức này chính là sự thoái hóa, biến chất của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, là tình huống đạo đức, lối sống trong Đảng. Nó có quan hệ mật thiết với quần chúng nhân dân, xét từ tâm trạng, dư luận, thái độ và cả những phản ứng, phê phán từ phía họ đối với cán bộ, đảng viên.

Từ những nguy cơ, thách thức nêu trên, có thể thấy, việc giữ gìn và phát huy bản chất của Đảng Cộng sản *trong điều kiện Đảng cầm quyền* là không đơn giản chút nào.

Lời cảnh báo đó được đưa ra từ rất sớm, nhất là từ V.I. Lê-nin và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng ta đã từng nhận thấy những nguy cơ, thách thức đó và không ít lần đưa ra những nhận định, đánh giá mang tinh thần phê phán và tự phê phán nghiêm khắc trong các văn kiện Đại hội, các nghị quyết Trung ương của Đảng. Trong thời kỳ đổi mới, Đảng đã có những nghị quyết, chỉ thị rất quan trọng về xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Nhưng sự chuyển biến của tình hình trong Đảng đã không đạt được như yêu cầu, đòi hỏi của Đảng và sự mong mỏi của quần chúng nhân dân. Hầu như không có một Đảng Cộng sản cầm quyền nào, kể cả Đảng ta, có được khả năng miễn dịch trước những sự thoái hóa, biến chất, những cái xấu, những sự hư hỏng hoàn toàn xa lạ với bản chất cộng sản của Đảng.

Tình huống phức tạp nêu trên bao gồm cả quan niệm, nhận thức lý luận đến hệ thống thiết chế bộ máy, thể chế Đảng, nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là sự phân định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Đảng, để phân biệt và xác lập mối quan hệ tương ứng với Nhà nước. Những vấn đề đó lại không tách rời với công tác tổ chức và cán bộ, công tác tư tưởng, giáo dục và kiểm tra của Đảng. Đó là cả một hệ vấn đề liên quan đến đời sống chính trị và hoạt động lãnh đạo của Đảng, ảnh hưởng trực tiếp tới Nhà nước và xã hội, mà trong một thời gian dài chậm được phát hiện, chậm được giải quyết và khi giải quyết lại không có những giải pháp đủ mạnh, đồng bộ nhằm cải thiện tình hình về căn bản.

Dưới đây, chúng ta xem xét những vấn đề đó, chủ yếu là những vấn đề mà thực tiễn đã bộc lộ khá đầy đủ, cho phép có thể nhận xét, đánh giá và đưa ra những đề nghị, khuyến nghị cụ thể.

Một là, *quyền lực của Đảng khác với quyền lực của Nhà nước; sự lãnh đạo của Đảng khác với sự quản lý của Nhà nước.* Những điểm khác biệt rất căn bản này sẽ quy định những điểm khác biệt khác về chức năng, nhiệm vụ, phương thức, phương pháp hoạt động giữa Đảng và Nhà nước, giữa Đảng và các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội. Do những điểm khác biệt đó không đủ rõ ràng, thấu đáo, chưa chuyển mạnh từ đổi mới nhận thức sang đổi mới tổ chức và hoạt động nên đã xảy ra tình trạng "Nhà nước hóa Đảng" và "hình thức hóa Nhà nước", làm cho Đảng trở nên hành chính hóa, quan liêu hóa kiểu nhà nước và Nhà nước không có thực quyền, vừa thụ động, vừa trì trệ, xơ cứng trong quản lý. Bộ máy của Đảng và Nhà nước đông mà không mạnh.

Quyền lực của Đảng cần được hiểu cho đúng, đó là *quyền lực chính trị.* Đảng là lực lượng lãnh đạo xã hội, quyết định những vấn đề về lựa chọn con đường phát triển của xã hội, về chế độ chính trị, mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa; đưa ra những định hướng lớn về quan điểm, nguyên tắc xây dựng đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Hệ tư tưởng của Đảng,

Digitized by Google

thông qua lãnh đạo, tuyên truyền và giáo dục của Đảng, trở thành ý thức chung của toàn xã hội.

Dó là quyền lực của Đảng đối với xã hội. Còn đối với Nhà nước, Đảng lãnh đạo Nhà nước bằng đường lối, nghị quyết, công tác tổ chức cán bộ và kiểm tra việc Nhà nước thực hiện, chấp hành đường lối, nghị quyết như thế nào, thông qua tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước và các cơ quan chuyên trách của hệ thống Đảng.

Trong nội bộ Đảng, quyền lực của Đảng được thể hiện trực tiếp và nổi bật nhất ở sức mạnh của tổ chức, của nguyên tắc tổ chức, của Điều lệ mà toàn Đảng và từng đảng viên phải chấp hành như là bộ luật của Đảng.

Nhà nước là hệ thống tổ chức quyền lực thực hiện sự ủy quyền của nhân dân. Quyền lực nhà nước là nhằm thực hiện và bảo vệ quyền lực của nhân dân lao động.

Đảng thực thi vai trò, chức năng và nhiệm vụ lãnh đạo, xét đến cùng, là để bảo đảm thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: Đảng là người lãnh đạo, đồng thời là người đày tớ trung thành của nhân dân. Nhân dân là cơ sở xã hội, là điểm xuất phát và mục tiêu hoạt động của Đảng và Nhà nước. Đảng cũng như Nhà nước, chỉ có một mục đích, một lý do duy nhất tồn tại là vì cuộc sống, quyền tự do và hạnh phúc của nhân dân.

Nhà nước được tổ chức để thực hiện quyền lực chung, quyền lực công cộng, nên chức năng công quyền của nó phải được tôn trọng. Pháp luật là sự thể hiện ý chí và quyền lực của nhân dân, là phương tiện thể hiện quyền uy của Nhà nước. Do đó, tuy lãnh đạo Nhà nước nhưng Đảng không can thiệp vào hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước với tất cả những đặc thù của quản lý. Đảng cũng không thể lấn sân, bao biện, làm thay những công việc của chính quyền các cấp trong hệ thống quản lý hành chính từ trung ương đến cơ sở. *Đảng là lực lượng lãnh đạo chính trị,* quyết định những vấn đề chính trị thuộc về chiến lược phát triển, về đường lối, chủ trương, quan điểm, nguyên tắc đối với tổ chức và hoạt động của Nhà nước, nhưng *Nhà nước lại là tổ chức quyền lực,* thực thi vai trò, chức năng quản lý mọi mặt đời sống xã hội bằng *pháp luật.* Đã có Nhà nước thì mọi công dân, mọi tổ chức xã hội đều phải tuân thủ, chịu sự kiểm soát, điều chỉnh của luật pháp. Để quản lý, Nhà nước buộc phải dùng đến sức mạnh của tổ chức và hành chính cũng như sức mạnh cưỡng chế của luật pháp. Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. Các tổ chức đảng và đảng viên chẳng những phải tuân thủ luật pháp mà còn phải gương mẫu chấp hành luật pháp để nêu gương cho xã hội và các công dân ngoài Đảng.

Hai là, *hệ thống tổ chức bộ máy của Đảng phải khác với hệ thống tổ chức bộ máy của Nhà nước để khắc phục tình trạng Nhà nước hóa Đảng và bảo đảm cho Nhà nước có thực quyền.* Cả hai hệ thống này đều đang đứng trước yêu cầu bức xúc phải cải cách, đổi mới theo hướng dân chủ - pháp quyền, trong sạch, vững mạnh, chống quan liêu, tham nhũng có hiệu quả. Tổ chức bộ máy của Đảng phải bảo đảm cho Đảng thực sự là cơ quan lãnh đạo, nhất là các cơ quan đầu não, chiến lược. "Thà ít mà tốt", tinh thần ấy của V.I. Lê-nin phải được thấm nhuần trong đổi mới Đảng và đổi mới hệ thống chính trị nói chung, trước hết trong việc sắp xếp lại tổ chức, phân định chức năng, nhiệm vụ. Những luận điểm quan trọng của V.I. Lê-nin về sự cần thiết, tất yếu của việc thiết lập tổ chức bộ máy xuất phát từ yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị gắn liền với chất lượng con người và chế độ trách nhiệm, nhất là trách nhiệm cá nhân, cần được quán triệt trong đổi mới lĩnh vực rất then chốt này.

Cơ quan đảng là cơ quan lãnh đạo chiến lược nên sự *tinh gọn* và *tinh nhuệ, thể hiện thật rõ tính đặc thù của lãnh đạo chính trị* phải được

Digitized by Google

coi trọng. Sử dụng các chuyên gia giỏi vào công việc được chuyên môn hóa là một trong những cách tốt nhất để giảm thiểu tình trạng thừa bộ máy mà thiếu hoạt động như đã từng xảy ra. Hệ thống tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ của Đảng phải được giải phóng khỏi tính chất quan liêu, hành chính, *tập trung những nguồn lực tốt nhất cho các cơ quan tư tưởng - lý luận, tổ chức* và *kiểm tra* để hoạt động của Đảng thực sự là hoạt động lãnh đạo có tầm tư tưởng, trí tuệ cao, nhạy bén trong lĩnh vực tổ chức, năng động, kiên quyết, kịp thời và hữu hiệu trong kiểm tra, xử lý tình hình ở khắp mọi nơi. Đó là những yêu cầu không thể thiếu đối với tổ chức và lãnh đạo của Đảng.

Hệ thống tổ chức của các cơ quan nhà nước làm nhiệm vụ quản lý phải thiết kế sao cho đảm trách được chức năng *quản lý hành chính nhà nước tốt nhất đối với các lĩnh vực kinh tế - xã hội;* tách bạch quyền quản lý hành chính nhà nước với quyền quyết định sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp, tránh sự lẫn lộn, can thiệp, bao biện, chồng chéo. Quản lý là tạo điều kiện về môi trường xã hội, hành lang pháp lý, cung cấp thông tin, xác lập cơ chế, ban hành chính sách và hỗ trợ các nguồn lực, *tạo ra động lực phát triển* cho các cấp, các ngành, các địa phương, cơ sở. Muốn vậy, phải tăng cường chức năng công quyền của Nhà nước, tổ chức Nhà nước theo hướng hiện đại, đặc biệt chú trọng tới các công cụ và công nghệ quản lý.

Những đòi hỏi rất bức xúc hiện nay đối với việc xây dựng bộ máy nhà nước trên con đường tiến tới Nhà nước pháp quyền là: tạo ra một nền hành chính lành mạnh, thông suốt; xây dựng đồng bộ hệ thống luật và chính sách, bảo đảm đội ngũ công chức được đào tạo cơ bản, tinh thông chuyên môn, nghiệp vụ, tận tụy mẫn cán, am hiểu pháp luật và tôn trọng pháp luật; có chế độ công vụ, kỷ luật và đạo đức công chức được đề cao.

Đảng lãnh đạo Nhà nước cần tập trung vào những trọng điểm như thế để mọi hoạt động của Nhà nước bảo đảm thực hiện tốt nhất đường lối, cương lĩnh của Đảng *bằng sức mạnh của Nhà nước, bằng năng lực và phẩm chất của các công chức Nhà nước.*

Ba là, *phương pháp lãnh đạo của Đảng khác với phương pháp quản lý của Nhà nước; đào tạo, huấn luyện cán bộ đảng khác với đào tạo, huấn luyện công chức nhà nước; bố trí, sử dụng cán bộ trong cơ quan đảng khác với bố trí, sử dụng cán bộ, công chức trong cơ quan nhà nước.*

Những phương thức đặc trưng trong lãnh đạo của Đảng là giáo dục, tuyên truyền, vận động, thuyết phục, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát. *Lãnh đạo bằng sự gương mẫu là một đặc trưng quan trọng trong lãnh đạo của Đảng, của các tổ chức đảng và đảng viên.* Đảng phải luôn coi trọng nhiệm vụ củng cố sự vững mạnh các cơ sở xã hội của Đảng, biểu hiện ở mối liên hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân, giữa đảng viên với quần chúng.

Đào tạo, huấn luyện trong Đảng, về thực chất, là đào tạo lý luận chính trị trên cơ sở một nền tảng học vấn, chuyên môn nhất định của đảng viên. Ở đây không thể xem nhẹ vấn đề giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, công tác đoàn thể, công tác vận động quần chúng, năng lực và phương pháp làm việc với *con người.*

Theo đó, tác dụng và ý nghĩa sâu xa của đào tạo, huấn luyện trong Đảng là *đào tạo, giáo dục và thực hành văn hóa chính trị.* Điều này đặc biệt cần thiết và quan trọng đối với mọi cán bộ, đảng viên của Đảng Cộng sản cầm quyền, làm việc và hoạt động ở mọi lĩnh vực, ở các cơ quan đảng, nhà nước và các đoàn thể, nhất là đối với các cán bộ đảng chuyên trách, những người hoạt động chính trị chuyên nghiệp.

Việc bố trí, sử dụng cán bộ trong các cơ quan đảng đòi hỏi phải chú trọng đến tư cách đảng viên trên tất cả các mặt phẩm chất và năng lực, đặt họ vào những công việc, cương

Digitized by Google

vị, chức trách sao cho họ phát huy tốt nhất những kiến thức và kinh nghiệm của mình.

Tư cách đảng viên trong thời kỳ đổi mới thể hiện trên *ba phương diện:* người lao động giỏi, người công dân gương mẫu và người chiến sỹ tiên phong. Không phải mọi đảng viên đều đã đạt tới những chuẩn mực ấy. Không ít đảng viên còn thua kém quần chúng ngoài đảng cả về năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức. Đó là điều không thể chấp nhận đối với yêu cầu xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, bởi nó làm phương hại đến uy tín, thanh danh của Đảng Cộng sản cầm quyền.

Nhà nước quản lý xã hội bằng luật pháp, cơ chế, chính sách và những công cụ quản lý khác, trong đó *hạt nhân của thể chế quản lý là luật pháp*. Cần thấy rõ đặc trưng của quản lý nhà nước với tư cách là thẩm quyền của cơ quan quyền lực và hệ thống tổ chức quyền lực. Việc phê phán tình trạng quan liêu hóa, hành chính hóa hoàn toàn không có nghĩa là xem nhẹ phương thức hành chính, coi thường hành chính học vốn là điều cần thiết trong quản lý. Cũng như vậy, *đã quản lý thì phải có uy quyền và trật tự quyền uy rõ ràng* để không rơi vào tình trạng "trên nói dưới không nghe". Chống tập trung quan liêu nhưng không vì thế mà xem nhẹ tập trung; đề cao dân chủ nhưng không được tách rời pháp luật, kỷ luật, kỷ cương, dẫn tới thói tự do, vô chính phủ. Vấn đề là ở chỗ, thiết lập lại trật tự theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Việc tháo dỡ những lực cản đối với dân chủ phải gắn liền với việc tạo ra những hành lang an toàn để chặn đứng những phản dân chủ có thể xảy ra. Tất cả là ở sức mạnh của luật pháp, quy chế và các chế tài. Giải quyết các mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ, tập quyền và tản quyền, phân cấp và phân quyền trong quản lý nhà nước đang là một vấn đề thời sự, là hướng tới xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Đặc thù của quản lý nhà nước quy định đặc thù của công tác đào tạo, huấn luyện công chức. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã sớm đặt vấn đề về chế độ thi tuyển, sát hạch công chức nhà nước, đòi hỏi công chức nhà nước phải thạo về chính trị, giỏi chuyên môn, có đạo đức "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư". Chế độ trách nhiệm, kỷ luật và đạo đức công chức được tăng cường và chú trọng thực hiện sẽ là nhân tố bảo đảm cho Nhà nước trong sạch, nền hành chính công thông suốt, lành mạnh, phục vụ nhân dân có hiệu quả.

Việc bố trí, sử dụng công chức đã và đang đi theo hướng tiêu chuẩn hóa, chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa. Điều cần thiết lúc này là phải có những thay đổi về cơ chế, chính sách, tạo động lực thúc đẩy công chức làm việc tự giác, tích cực, tận tụy; bảo đảm cho đội ngũ và từng cá nhân công chức tích cực chống quan liêu, tham nhũng và quyết tâm thực hành dân chủ, liêm khiết, công tâm, chính tâm, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nêu ra.

*

* *

Sự phân biệt và phân định trên đây đã cố gắng làm rõ những khác biệt giữa Đảng và Nhà nước trên một số mặt căn bản. Nhận thức đúng những khác biệt đó sẽ là cơ sở để thực hiện những đổi mới trong Đảng, trong Nhà nước và hệ thống chính trị nói chung, nhằm làm tăng hiệu quả lãnh đạo của Đảng cầm quyền, quản lý của Nhà nước, tham gia kiểm tra, giám sát của các đoàn thể.

Một Đảng Cộng sản cầm quyền trong sạch, vững mạnh, lãnh đạo Nhà nước và xã hội theo đúng quy luật, đáp ứng đúng những đòi hỏi của thực tiễn, có tầm nhìn xa, trông rộng, có những quyết sách sáng suốt, kịp thời, có phong cách dân chủ, tôn trọng sự thật và dũng cảm tự phê phán để tự đổi mới, đi tiên phong trong đổi mới, với đội ngũ cán bộ, đảng viên *gương mẫu, lời nói đi đôi với việc làm...* - đó là nhân tố quan trọng nhất, quyết định thành công của đổi mới. ❑

Digitized by Google

PHẢN BIỆN XÃ HỘI: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CHUNG

TRẦN ĐĂNG TUẤN *

Mặc dù là một yếu tố rất quan trọng, phản biện xã hội cũng chỉ là một trong các biểu hiện của cơ chế tập trung dân chủ, nó chỉ có ý nghĩa và giá trị khi nằm trong tổng thể cơ chế tập trung dân chủ. Phản biện xã hội áp dụng tràn lan và cứng nhắc có thể làm mất đi tính năng động và kịp thời của quá trình điều hành xã hội. Nếu tổ chức không tốt quá trình phản biện xã hội, dẫn đến bị lợi dụng, thì có thể làm tê liệt nhất thời sự điều hành của nhà nước. Do đó, nhìn nhận phản biện xã hội phải theo tư duy nguyên tắc, nhưng cũng phải biện chứng. Điều này rất quan trọng khi chúng ta bàn về phương thức phản biện xã hội.

Nội dung của phản biện xã hội

Phản biện xã hội là đưa ra các lập luận, phân tích nhằm phát hiện, chứng minh, khẳng định, bổ sung hoặc bác bỏ một đề án (phương án, dự án) xã hội đã được hình thành và công bố trước đó.

Một đề án, dự án, phương án xã hội khi đưa ra bao giờ cũng dựa trên những cơ sở lập luận nhất định. Vì vậy, phản biện xã hội dựa vào các lập luận, phân tích từ một góc nhìn khác, một hệ thống công cụ khác với góc nhìn và hệ thống công cụ đã dùng ở đề án xã hội nói trên. Như vậy, phản biện xã hội chỉ có thể triển khai trên cơ sở đa nguyên ý kiến, lập luận và công cụ phân tích (không nên đánh đồng đa nguyên này với đa nguyên về tổ chức chính trị và hệ tư tưởng).

Phản biện xã hội có thể được thực hiện với bất cứ một phương án xã hội nào được công bố, cho dù là từ đâu: từ phía lực lượng lãnh đạo xã hội hay từ các lực lượng hoạt động xã hội khác. Phương án xã hội nhằm chỉ bất cứ một kế hoạch, chủ trương... nào có tính chất xã hội, tức là liên quan đến quyền lợi và đời sống của đông đảo mọi người trong quốc gia. Tuy nhiên, trong trường hợp cụ thể này, chúng ta giới hạn "phản biện xã hội" là sự nhận xét đối với các phương án xã hội lớn do lực lượng đang nắm quyền lãnh đạo xã hội đưa ra (đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật, các quyết định kinh tế - xã hội lớn...).

Khi giới hạn như vậy, một nội hàm hẹp hơn của phản biện xã hội là: những ý kiến, lập luận, quan điểm được đưa ra khác với phương án "chính thống", nhằm mục đích vạch ra những điểm thiếu sót, bổ sung, làm rõ những khía cạnh chưa hợp lý, hoặc khẳng định, hoặc bác bỏ phương án "chính thống".

Lập luận phản biện đương nhiên khác với lập luận "chính thống" là cơ sở của đề án xã hội đã được đưa ra. Tuy nhiên "dải tần" của sự khác

* TS. Phó Tổng Giám đốc Thường trực Đài Truyền hình Việt Nam

Digitized by Google

biệt này rất rộng, dẫn đến các kết quả cuối cùng rất khác nhau. Như trên đã chỉ ra, phản biện có thể dẫn đến kiểm tra, rà soát, bổ khuyết, và có thể cả phê phán và bác bỏ phương án được đưa ra để trưng cầu phản biện.

Phản biện có thể dẫn đến phản bác. Nhưng phản biện khác phản bác chính là ở chỗ "dải tần" của phản biện rộng, và phản bác chỉ là một khả năng, một tình huống có thể có trong phản biện.

Phản biện xã hội và phản biện khoa học có những điểm giống và khác biệt rất quan trọng.

Phản biện xã hội cũng phải dựa trên cơ sở các lập luận và ý kiến hướng đến chân lý khách quan như phản biện khoa học. Trong nhiều trường hợp (tùy thuộc nội dung và chủ thể phản biện xã hội), phản biện xã hội cũng chính là phản biện khoa học. Ví dụ: Chính phủ đưa ra chủ trương phát triển nguồn năng lượng, trong đó đề xuất xây dựng nhà máy điện nguyên tử. Đây vốn là vấn đề kinh tế - kỹ thuật, nhưng do tầm quan trọng lớn lao của nó với an sinh xã hội nên cần phải tranh thủ rộng rãi ý kiến khác nhau, trong đó có phản biện của các nhà khoa học.

Điểm khác nhau giữa phản biện xã hội và phản biện khoa học:

- Phản biện khoa học bao giờ cũng phải có sự hoàn chỉnh tương đối của lập luận để "đua tranh" với lập luận "chính thống". Phản biện xã hội không phải bao giờ cũng như vậy. Có những trường hợp phản biện xã hội là sự tập hợp của nhiều ý kiến, phản ứng, dư luận, lý lẽ... riêng rẽ, không có tính hoàn chỉnh tương đối, nhưng vẫn có thể tác động mạnh đến phương án xã hội "chính thống" đã được đưa ra.

- Phản biện khoa học về bản chất là khách quan, không có tính giai cấp. Phản biện xã hội bên cạnh thuộc tính khoa học, có thuộc tính xã hội, tức là phản ánh các quan điểm, quyền lợi của các tầng lớp khác nhau trong xã hội. Vì vậy phản biện xã hội không phải lúc nào cũng dựa trên cơ sở lập luận khoa học thuần túy. Ngược lại, trong đa số các trường hợp của phản biện xã hội có thể thấy yếu tố quyền lợi chính trị - kinh tế - xã hội được phản ánh thông qua chủ thể phản biện.

Đây là khác biệt hết sức quan trọng. Không nắm vững điểm khác biệt này sẽ dẫn đến những sai lầm nghiêm trọng trong việc nhìn nhận và tổ chức, xây dựng cơ chế phản biện xã hội, nhất là trong bối cảnh xã hội có những quyền lợi khác biệt, trong giai đoạn quá độ.

Phản biện khác với phản kháng. Trước hết, phản biện xã hội theo đúng nghĩa của nó - kể cả trong trường hợp phản biện này dẫn đến phản bác phương án "chính thống" như kết quả cuối cùng của quá trình lập luận, phân tích, mổ xẻ phương án "chính thống" - vẫn là một hoạt động có tính chất xây dựng. Phản biện xã hội chỉ nhằm đến việc có lựa chọn phương án xã hội chính xác nhất (hoặc khẳng định, hoàn thiện phương án chính thống, hoặc đề xuất phương án khác, nhưng vẫn hướng đến phục vụ mục tiêu xã hội thống nhất). Phản kháng xã hội hướng tới sự đả kích, gạt bỏ phương án xã hội "chính thống", do có sự khác biệt về mục tiêu xã hội giữa hai phía. Phản kháng xã hội không dừng lại ở việc đối chọi về lập luận, ý kiến, mà tiếp diễn ở các hình thái khác như tổ chức các hành động phản kháng cụ thể.

Về khái niệm, không khó phân biệt phản biện xã hội và phản kháng xã hội. Tuy nhiên, thực tế đây là vấn đề rất phức tạp. Trong bối cảnh đấu tranh giai cấp, xung đột quyền lợi (kể cả trong nước và quốc tế), phản kháng xã hội có thể nấp dưới hình thức phản biện xã hội, ít ra là trong một giai đoạn nhất định. Trong trường hợp này, phản biện xã hội là hình thức đấu tranh hợp pháp của lực lượng theo đuổi mục tiêu xã hội đối lập với mục tiêu xã hội "chính thống".

Từ một góc nhìn khác, cần lưu ý rằng phản biện xã hội mặc dầu có tính chất xây dựng nhưng trong những bối cảnh, tình huống nhất định có thể bị lực lượng theo đuổi phản kháng

Digitized by Google

xã hội lợi dụng để phục vụ cho hoạt động phản kháng, ít nhất là trong quá trình vận động, tập hợp lực lượng, gây dư luận xã hội. Do vậy, trong bối cảnh cụ thể của nước ta, khi Đảng cộng sản là đảng cầm quyền duy nhất, việc xây dựng cơ chế phản biện xã hội cần phải khoa học, chặt chẽ, tránh kẽ hở để các lực lượng thù địch lợi dụng.

Nội dung của phản biện xã hội rất rộng. Lực lượng lãnh đạo trong xã hội có những đường lối, hệ thống các quan điểm lãnh đạo chính trị - kinh tế - xã hội cho từng giai đoạn, thể chế và pháp chế hóa các chủ trương, quan điểm đó, đồng thời thường xuyên phải cụ thể hóa đường lối của mình thành các chính sách. Đó là đối tượng của phản biện xã hội. Tiếp nữa, vì ở vị thế cầm quyền, lực lượng này phải đưa ra các quyết sách cụ thể. Không phải tất cả các quyết định có tính chất điều hành này đều là đối tượng của phản biện. Nhưng nhiều quyết định có ảnh hưởng lớn đến đời sống và tâm trạng của toàn xã hội hoặc của một bộ phận, tầng lớp dân cư, một khu, vùng miền... cũng cần có phản biện xã hội.

Phản biện xã hội thực hiện chủ yếu ở hai trường hợp: *Một là,* đối với các dự thảo chủ trương, chính sách; *Hai là,* phát hiện các điểm chưa hoàn thiện, thậm chí sai sót, hoặc không còn phù hợp trong đường lối, chính sách, quy định pháp lý... đang được thực hiện trong thực tế, để lực lượng cầm quyền có những điều chỉnh, sửa đổi hoặc thay đổi chính sách cho phù hợp, ưu việt.

Phản biện không hoàn toàn giống với việc đề xuất, phát biểu, kiến nghị nói chung. Phản biện là hoạt động sau khi đã có những công bố (diện hẹp hoặc rộng) các quan điểm, chủ trương, chính sách và nhằm vào các chủ trương, chính sách... đã công bố. Còn việc biểu lộ quan điểm, chính kiến, đề xuất có thể không gắn với một chủ trương, chính sách đã đưa ra thì không thuộc phạm vi khái niệm phản biện xã hội.

Ý nghĩa và giá trị của phản biện xã hội

A - Phản biện xã hội đối với đường lối, chính sách, pháp luật do lực lượng cầm quyền đề xuất và chủ trương thực hiện là hoạt động thường xuyên diễn ra, là hiện tượng không thể thiếu trong cuộc sống chính trị của mỗi đất nước trong các thời kỳ. Có hai nguyên nhân chính dẫn đến điều này:

- *Thứ nhất,* các lực lượng cầm quyền có nhu cầu về phản biện xã hội đối với các chính sách của mình.

Thực tế đã chứng minh rằng cá nhân hoặc lực lượng lãnh đạo, cầm quyền thường cần phản biện xã hội để kiểm tra, khẳng định hay để điều chỉnh, sửa đổi, thay đổi các chủ trương, chính sách, quyết định xã hội của mình. Các hình thức để có được phản biện xã hội thay đổi tùy theo từng thời kỳ, phụ thuộc từng chính thể, có thể rất thô sơ, và cũng có thể rất phức tạp. Trong lịch sử, các nhà cầm quyền khôn ngoan luôn biết cách sử dụng phản biện xã hội như một kênh thông tin rất quan trọng phục vụ cho công việc của mình.

Bản thân việc chấp nhận và sử dụng phản biện xã hội chưa có nghĩa là nhà nước đó là nhà nước tiến bộ. Đối với nhà nước "do dân, vì dân", phản biện xã hội là hình thức sinh hoạt chính trị dân chủ giúp thực hiện mục đích xã hội tốt đẹp. Nhưng các thể chế khác cũng có thể chấp nhận phản biện xã hội như là phương thức thu thập thông tin để xử lý theo hướng đối phó với tâm trạng xã hội. Trong xã hội tư bản, các đảng tư sản đấu tranh quyết liệt để giành vị trí cầm quyền. Điều này phản ánh sự xung đột trong lợi ích của một bộ phận giai cấp tư sản với bộ phận khác. Nhưng giai cấp tư sản có quyền lợi chung, nên xung đột này chỉ giới hạn trong một chừng mực nhất định. Sau khi một đảng thắng cử, đảng tư sản kia trở thành đảng đối lập. Điều ấy không có nghĩa là đảng này đối lập về đường lối và mục tiêu với đảng cầm quyền. Quá trình chỉ trích, phê phán diễn ra trong toàn bộ thời gian sau đó chỉ có ý nghĩa như cuộc tranh cử sớm, và cũng lại có vai trò

Digitized by Google

như một hình thức phản biện xã hội của giai cấp tư sản. Quá trình này phục vụ một cách hiệu quả cho sự cầm quyền của giai cấp tư sản trong nhiều thập kỷ qua.

- *Thứ hai,* trong lịch sử có những thể chế, cá nhân cầm quyền "dị ứng" với sự nhận xét, phê phán của xã hội nhằm vào các chính sách của mình. Nhưng phản biện xã hội là phản ứng tự nhiên của các thành phần trong xã hội đối với các chủ trương, chính sách (đã được áp dụng hoặc mới là dự định) của phía cầm quyền, nó khách quan, không phụ thuộc vào ý muốn của nhà cầm quyền. Khi chính sách được áp dụng hoặc được công bố, nó sẽ động đến quyền lợi của các tầng lớp xã hội. Do vậy các tầng lớp này bao giờ cũng biểu lộ ý kiến của mình. Tùy theo bản chất nhà nước và cách thức vận hành của hệ thống phản biện xã hội mà các ý kiến này được ghi nhận đến đâu, nhưng trong mọi trường hợp nó đều hiện hữu. Một nhà nước không chấp nhận phản biện đối với các chính sách của mình, cũng không thể có phương tiện để ngăn chặn triệt để sự xuất hiện, lan truyền và tác động của phản biện xã hội đối với các chính sách của nhà nước đó. Hơn thế, thực tế chứng minh rằng, ngăn chặn phản biện xã hội là con đường ngắn nhất dẫn đến phản kháng xã hội. Đó là điều mà một thể chế chính trị tỉnh táo nên tránh.

Thực tế diễn ra ở Liên Xô trước đây, riêng trong vấn đề phản biện xã hội, cho ta hai bài học đau xót. *Bài học đầu tiên* là mặc dầu có một hệ thống nghiên cứu khoa học xã hội rất đồ sộ và trình độ dân trí rất cao, nhưng các đường lối, chính sách lớn lại không có sự phản biện xã hội thật sự. Thông thường một số cơ quan nghiên cứu trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô soạn thảo các văn kiện quan trọng, và dự thảo văn kiện được thông qua dưới sự chỉ đạo của một nhóm nhỏ các cá nhân lãnh đạo trong lĩnh vực đó. Ngay trong nội bộ Viện Hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô - một trung tâm có vai trò quan trọng trong việc nghiên cứu, hình thành các văn kiện - quá trình soạn thảo cũng có nhiều ý kiến khác nhau, nhưng không có sự thảo luận dân chủ kỹ càng. Một đặc điểm nữa là việc giao nhiệm vụ chuẩn bị văn kiện cho cơ quan nghiên cứu nào phụ thuộc nhiều vào việc cá nhân người lãnh đạo là ai. Nếu như Tổng Bí thư Brê-giơ-nhép dựa chủ yếu vào bộ máy của Ban Chấp hành Trung ương, thì Tổng Bí thư Goóc-ba-chốp hầu như "không tin tưởng" các cơ quan này. Thời Goóc-ba-chốp, Viện Hàn lâm khoa học xã hội trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô hầu như chỉ là nơi thực hiện các khóa đào tạo. Các văn kiện chủ yếu được tin tưởng giao phó cho một số viện nằm trong cơ cấu Viện Hàn lâm khoa học Liên Xô (ví dụ: Viện nghiên cứu kinh tế của A-ban-kin và Viện nghiên cứu quan hệ quốc tế của Pri-ma-cốp). Hậu quả là quan điểm, chủ trương lớn của toàn Đảng nhiều khi chỉ là "tác phẩm" của một nhóm, một trường phái, một cơ quan khoa học. Có thể nêu ví dụ học thuyết về giai đoạn "chủ nghĩa xã hội phát triển" được Tổng Bí thư Brê-giơ-nhép đưa ra và thể chế hóa trong Hiến pháp Liên Xô năm 1977, đóng vai trò như là định hướng quan trọng nhất của đường lối chính trị - kinh tế - xã hội của Liên Xô giai đoạn này - không phải là sản phẩm khoa học được hình thành qua sự nghiên cứu, chà xát khoa học kỹ lưỡng của toàn bộ các lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội. Ngay từ thời gian đó, nhiều nhà khoa học, nhiều cán bộ Đảng đã có ý kiến cho rằng: xã hội Liên Xô có những biểu hiện trì trệ, nhất là trong lĩnh vực công nghệ (công nghệ thông tin không được áp dụng để đẩy mạnh nền kinh tế), lĩnh vực kinh tế (cơ chế quản lý hành chính quan liêu mệnh lệnh trong kinh tế khiến cho Liên Xô tụt hậu trong việc đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của tiêu dùng trong nước, chưa nói đến phát triển để thích ứng với bối cảnh "chiến tranh kinh tế" trên thế giới). Do đó, thuyết "Giai đoạn chủ nghĩa xã hội phát triển" không vạch ra được con đường bứt phá khỏi trì trệ, mà

Digitized by Google

như sự "hợp thức hóa" trì trệ. Điều này về lâu dài sẽ không có lợi cho sự nghiệp bảo vệ và phát triển chủ nghĩa xã hội tại Liên Xô. Tuy nhiên, những ý kiến đó hầu như không có diễn đàn để thảo luận nghiêm túc, chỉ âm ỉ trong phạm vi hẹp.

Phải nói rằng thiếu phản biện xã hội thực sự, phản biện xã hội có tổ chức trong giai đoạn thể chế chính trị còn rất ổn định tại Liên Xô thời kỳ Brê-giơ-nhép đã khiến cho Ban lãnh đạo Xô-viết khi đó không nắm bắt được các yêu cầu và thách thức xã hội đang ngầm trở thành hiểm họa, do đó không sớm xử lý được nhiệm vụ chính trị, góp phần dẫn đến tình trạng sụp đổ ở giai đoạn sau.

Bài học thứ hai, còn cay đắng hơn, là khi đứng trước tình huống bị tụt hậu khá xa về kinh tế, khi cả xã hội nhận thức được rằng chủ nghĩa xã hội chỉ có thể đứng vững và vượt lên nếu tạo được năng suất lao động không thua kém (điều mà Lê-nin từng khẳng định như một nguyên tắc sống còn), khi cần đưa ra những chủ trương, đường lối mới, thì nhóm Goóc-ba-chốp vừa không thoát khỏi cách làm cũ (quá trình dự thảo chính sách vẫn thiếu sự chuẩn bị khoa học), nhưng đồng thời lại phạm vào những sai lầm mới: biến phản biện xã hội thành một quá trình không kiểm soát được, biến hoạt động khoa học và lý luận của các cơ quan soạn thảo văn kiện nhiều khi thành một hoạt động dạng câu lạc bộ vô chính phủ.

Như vậy, phản biện xã hội vừa là một nhu cầu khách quan của công việc lãnh đạo xã hội, vừa là một hiện thực tất yếu luôn tồn tại trong đời sống xã hội. Không nên và cũng không thể ngăn cản phản biện xã hội, nhưng lại có thể và cần thiết tổ chức phản biện xã hội để phục vụ cho các mục tiêu phát triển xã hội đúng đắn, phân biệt để hạn chế và đấu tranh với việc lợi dụng phản biện xã hội vào các mục đích chống lại thể chế.

B - Phản biện xã hội có ý nghĩa và giá trị lớn, thể hiện qua hai khía cạnh:

- *Thứ nhất,* phản biện xã hội, nếu được thực hiện đúng đắn, sẽ đem lại kết quả tích cực trực tiếp: chủ trương, đường lối, chính sách sẽ phù hợp với vận động của thực tiễn khách quan; các chính sách và chế tài phản ánh đúng nhu cầu thực tế, có cơ sở khoa học vững chắc, đem lại hiệu quả cao, không hoặc ít gây ra các hậu quả trái với mục tiêu đề ra.

Thực tế chỉ ra rằng có những chủ trương, chính sách không hẳn là vấn đề chính trị - xã hội, nhưng ảnh hưởng nhiều đến dân sinh, như: cải cách sách giáo khoa, chế tài về an toàn giao thông, quản lý giá thuốc..., hoàn toàn có điều kiện để trưng cầu phản biện xã hội rộng rãi trước khi đưa vào thực hiện, nhưng do không làm tốt việc này, nên gặp rất nhiều khó khăn. Phản biện xã hội tạo điều kiện để chúng ta có những phương án hợp lý nhất, chắc chắn nhất, hiệu quả nhất, gặp được sự ủng hộ rộng rãi khi đưa vào thực hiện.

- Phản biện xã hội cũng có thể không đem lại hiệu quả cụ thể trước mắt vì nhiều lý do chủ quan và khách quan, nhưng vẫn đem lại hiệu quả xã hội tích cực về lâu dài là góp phần xây dựng nền nếp dân chủ trong hoạch định chính sách, không khí đồng thuận trong xã hội và nhất là tránh được hiện tượng bàng quan chính trị trong dân chúng.

Bàng quan chính trị là hiện tượng nguy hiểm đối với chính thể. Hiện tượng này là kết quả của quá trình giảm sút lòng tin của quần chúng đối với Nhà nước, và cũng là kết quả của việc quần chúng không hoặc ít có cơ hội tham gia vào các quyết sách xã hội. Hiện tượng bàng quan chính trị do không có biểu hiện gay gắt như chống đối và phản kháng, nên mức độ nguy hiểm của nó ít khi được đánh giá đúng mức. Một phân tích kỹ càng sẽ cho ta thấy: Liên Xô sụp đổ không phải do lực lượng chống chế độ có sức mạnh to lớn vào thời điểm đó. Thậm chí vào lúc đó các lực lượng này chưa có một cơ sở xã hội rõ ràng (về cơ bản, hạ tầng kinh tế và xã hội khi đó chưa bị biến dạng quá nhiều so với giai đoạn ổn định). Sự phản bội

Digitized by Google

của nhóm người lãnh đạo Đảng Cộng sản Liên Xô là một yếu tố rất quyết định, nhưng không phải có tính chất gốc rễ, bởi trong một bối cảnh khác, sự phản bội này gây thiệt hại lớn, nhưng không thể dẫn đến sự sụp đổ thể chế. Thể chế chính trị của Liên Xô sụp đổ chủ yếu do đông đảo đảng viên, quần chúng đã không bảo vệ chính thể lúc cần thiết. Và xảy ra điều này là do trước đó, đã có trạng thái bàng quan chính trị trong xã hội, khi đông đảo cán bộ, đảng viên và người dân đã không còn thấy mình là người trong cuộc đối với các vấn đề lớn của xã hội. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng bàng quan chính trị tại Liên Xô trước đây có nhiều, nhưng trong đó có phần thiếu dân chủ trong việc hình thành các chủ trương, chính sách điều chỉnh đời sống xã hội, vi phạm các nguyên tắc dân chủ của Lê-nin.

- Thấy hết ý nghĩa và giá trị của phản biện xã hội là điều cần thiết, nhưng cũng không nên tuyệt đối hóa vai trò của phản biện xã hội, cho đó là giải pháp vạn năng trong đời sống chính trị. Mặc dù là một yếu tố rất quan trọng, phản biện xã hội chỉ là một trong các biểu hiện của cơ chế tập trung dân chủ, nó chỉ có ý nghĩa và giá trị khi nằm trong tổng thể cơ chế tập trung dân chủ. Cũng cần phải vạch ra rằng, phản biện xã hội không thể áp dụng cho mọi trường hợp, mọi tình huống, bối cảnh. Một nhà nước phải điều hành hoạt động xã hội hằng ngày, trong các bối cảnh trong nước và quốc tế rất đa dạng, không thể áp dụng phản biện xã hội cho mọi quyết sách của mình. Phản biện xã hội áp dụng tràn lan và cứng nhắc có thể làm mất đi tính năng động và kịp thời của quá trình điều hành hoạt động xã hội. Nếu tổ chức không tốt quá trình phản biện xã hội, dẫn đến bị lợi dụng, thì có thể còn làm tê liệt nhất thời sự điều hành của nhà nước. Do đó, nhìn nhận phản biện xã hội phải theo tư duy nguyên tắc, nhưng cũng phải biện chứng. Điều này rất quan trọng khi chúng ta bàn về phương thức thực hiện phản biện xã hội. ❑

Tiến trình văn học...

(Tiếp theo trang 28)

như một thực thể xã hội và tự nhiên, phức tạp và còn đầy bí ẩn.

Điều dễ nhận ra là trong phần lớn các tác phẩm văn học thời kỳ này, con người không còn là nhất phiến, đơn trị mà luôn là con người đa diện, đa trị, lưỡng phân. Nếu như con người sử thi thường chỉ là nhất phiến, luôn trùng khít với chính mình, thì con người trong văn học hiện nay thường không trùng khít với chính nó, nhưng vẫn là nó trong cả sự thống nhất và mâu thuẫn, trong sự vận động phức tạp, khó có thể đoán định trước. Cố nhiên, một nền văn học dựa trên nền tảng tinh thần nhân bản không thể đưa đến sự hoài nghi, hạ thấp hay phủ nhận con người. Nó phải cảm thông, thấu hiểu và nâng đỡ con người, nhưng đồng thời cũng đòi hỏi cao ở con người và luôn thức tỉnh sự tự ý thức của con người để hướng tới cái thiện, cái đẹp và sự hoàn thiện nhân cách.

Tìm hiểu tiến trình văn học từ sau Cách mạng Tháng Tám 1945 đến nay nhìn trên sự vận động của quan niệm nghệ thuật về con người cho chúng ta tiếp cận và hình dung về thời kỳ văn học này từ chiều sâu của ý thức nghệ thuật.

Quan niệm nghệ thuật về con người của văn học từ sau năm 1945 đã đi từ cái nhìn và nhận thức tuy mới mẻ nhưng còn giản đơn về con người quần chúng ở buổi đầu, đến con người sử thi kết tinh lý tưởng, khát vọng và sức mạnh của dân tộc trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, rồi đi tới sự mở rộng và đào sâu nhận thức về con người trong tính toàn vẹn, đa chiều, trong sự phong phú, phức tạp và còn đầy bí ẩn ở văn học hôm nay. Nhưng phải chăng những mẫu hình của con người Việt Nam trong thời đại ngày nay vẫn còn khá mờ nhạt trong văn học và đang là sự tìm kiếm của những người cầm bút.❑

Digitized by Google

NGUỒN GỐC NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁT SINH TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA VÀ KHẢ NĂNG GIẢI QUYẾT TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY

TRẦN NGỌC HIÊN *

VỚI những bước tiến của xu hướng phát triển bền vững, người ta ngày càng nhận rõ bộ mặt của đô thị hiện nay. Các đô thị hiện đại đã ra đời trong quá trình công nghiệp hóa. Đô thị là nơi tập trung những ưu thế của nền văn minh công nghiệp, đồng thời cũng tích tụ nhiều mặt lạc hậu, được gọi là những vấn nạn của quá trình đô thị hóa.

Bước sang thế kỷ XXI, khi nhu cầu phát triển bền vững ngày càng trở thành xu hướng chủ đạo của thời đại chúng ta, thì những vấn nạn trong đô thị và trong quan hệ giữa đô thị với nông thôn trở thành những cản trở lớn đối với sự phát triển của xã hội và cộng đồng. Các đô thị hiện đại đã phát triển và tương lai của chúng *không tách rời* các giai đoạn phát triển của kinh tế thị trường: giai đoạn kinh tế công nghiệp kéo dài 300 năm qua và giai đoạn kinh tế tri thức mới bắt đầu từ cuối thế kỷ XX.

Lịch sử các quá trình công nghiệp hóa và hiện đại hóa đã cho thấy: những xu thế và vấn nạn của đô thị hiện nay *có nguồn gốc* từ tính chất kinh tế công nghiệp, nói rõ hơn, từ những ưu điểm và hạn chế của phương thức sản xuất công nghiệp tư bản chủ nghĩa.

Vì vậy, muốn khắc phục những vấn nạn và phát triển đô thị theo hướng bền vững thì không thể dùng phương pháp "sai đâu sửa đấy" hay biện pháp chữa cháy, mà phải làm rõ nguồn gốc của những vấn nạn, phát hiện và vận dụng những khả năng phát triển bền vững ở giai đoạn mới của kinh tế thị trường, tức là khả năng tiềm tàng trong *phương thức sản xuất hậu công nghiệp* đang hình thành.

I - NGUỒN GỐC CỦA NHỮNG VẤN NẠN TRONG QUÁ TRÌNH ĐÔ THỊ HÓA.

Các đô thị hiện đại ra đời và phát triển trong suốt lịch sử kinh tế công nghiệp hơn 300 năm qua đều gắn liền với quá trình công nghiệp hóa, hình thành các nước công nghiệp và tiếp tục hiện đại hóa trở thành các nước công nghiệp phát triển. Những tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đối với phát triển đô thị thể hiện ở mấy mặt sau:

Thứ nhất, đô thị hình thành từ các cực tăng trưởng kinh tế.

Suốt chiều dài phát triển kinh tế công nghiệp đều lấy *tăng trưởng kinh tế* làm mục tiêu, nhằm đạt hai yêu cầu gắn bó với nhau: thu lợi nhuận và thắng thế trong cạnh tranh. Đây là

* GS, TS, Liên hiệp các hội Khoa học - Kỹ thuật Việt Nam

Digitized by Google

những lợi ích sống còn của chủ đầu tư. Chính vì mục tiêu tăng trưởng mà có sự tập trung sản xuất công nghiệp và thương mại, do đó có nhu cầu tập trung dân cư, phát triển khoa học - kỹ thuật, thông tin, văn hóa.

Quá trình tập trung ấy đã hình thành các đô thị. Sự tập trung về mặt không gian các ngành công nghiệp then chốt, những ngành "động lực" với tốc độ tăng trưởng cao tạo ra sức liên kết mạnh mẽ với các ngành kinh tế khác. Cơ cấu kinh tế hình thành từ sự liên kết ấy ở ngay đô thị và có sức lan tỏa ra các vùng. Vì vậy, *đô thị trở thành cực tăng trưởng* của nền kinh tế. Sức cạnh tranh của kinh tế đô thị là nhân tố chủ yếu của sức cạnh tranh quốc gia. Có thể nói mức độ tăng trưởng của một quốc gia thường phụ thuộc vào mức độ tăng trưởng của kinh tế đô thị. Thực tiễn cho thấy, những nền kinh tế đô thị thành công nhất thường là các đô thị đã *xác định đúng các ngành kinh tế "động lực"* và biết thu hút và phát huy mạnh mẽ khoa học công nghệ và khoa học kinh tế.

Thứ hai, sự phát triển đô thị gắn liền với phát triển kinh tế xuất khẩu.

Từ trước đến nay, hướng về xuất khẩu được coi là khâu đặc biệt trong sự tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. Do các điều kiện về sản xuất dịch vụ và quản lý của kinh tế đô thị tốt hơn, nhanh hơn, nền kinh tế xuất khẩu của một quốc gia thường tập trung ở đô thị, nhất là các đô thị lớn. Vì vậy, đã có thời người ta gọi các ngành kinh tế xuất khẩu là *ngành kinh tế kiến tạo đô thị,* bởi vì mức độ phát triển kinh tế xuất khẩu và dịch vụ được coi như chỉ số phát triển đô thị.

Sự tác động của kinh tế xuất khẩu đã đưa đến sự hình thành các loại hình khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, các "vườn ươm" khoa học, công nghệ và công ty.... Có bao nhiêu loại hình phát triển kinh tế mới thì có bấy nhiêu nhân tố thúc đẩy sự phát triển đô thị.

Ngoài ra, kinh tế xuất nhập khẩu cũng là con đường mở đầu sự giao lưu, hợp tác giữa các đô thị trong nước với đô thị nước ngoài. Quá trình giao lưu, hợp tác ấy không những có tác động trực tiếp đến phát triển kinh tế mà còn tác động ngày càng sâu về văn hóa, khoa học, giáo dục và lối sống của dân cư đô thị trong nước.

Thứ ba, tính chất hai mặt của phát triển đô thị trong giai đoạn kinh tế công nghiệp.

Quá trình phát triển đô thị lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm đã đem lại hai mặt đối lập rõ rệt nhất của các đô thị trong thế kỷ XX. *Mặt tích cực của các đô thị* đã được Liên hợp quốc khảo sát với các chỉ số sau như: Nâng mức tuổi thọ trung bình trên thế giới từ 53,4 tuổi (năm 1960) lên 65,6 tuổi (1992). Tỷ lệ trẻ em tử vong trên thế giới đã giảm từ 128 em/1.000 em xuống 60 em/1.000 em. Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng giảm từ 40% (1975) xuống 35% (1990). Tỷ lệ dân cư được dùng nước sạch tăng từ 36% lên 70%. Tỷ lệ xóa nạn mù chữ cho người lớn tăng từ 40% lên 69%.

Ngoài ra, ở các đô thị, khoa học, công nghệ cũng như văn học - nghệ thuật được phát triển mạnh mẽ. Những tiến bộ về các mặt xã hội đó đều dựa trên mức độ tăng trưởng của quốc gia. Trong đó GDP đầu người ở đô thị thường cao hơn 3 đến 5 lần GDP bình quân đầu người của cả nước và cao hơn nhiều lần ở nông thôn. Những tiến bộ ấy đạt được còn nhờ các cuộc đấu tranh của những người lao động đòi cải thiện đời sống và công bằng xã hội.

Ngoài mặt tích cực của các đô thị, còn có *những mặt hạn chế, tiêu cực* được gọi là những vấn nạn phổ biến như: Sự phân hóa giàu nghèo quá mức trong đô thị và giữa đô thị với nông thôn làm trầm trọng những vấn đề xã hội và cản trở kinh tế đô thị phát triển. Môi trường đô thị bị ô nhiễm, còn các vùng phụ cận thì bị tàn phá nặng nề. Tình trạng giao thông đô thị hỗn độn, thậm chí có nơi bế tắc. Sự tan rã của kết cấu gia đình chỉ dựa trên tiền bạc, trẻ em bụi đời tăng nhanh. Nhiều đô thị mở rộng quy mô trong tình trạng vô chủ, nên nhà ở, sinh hoạt của cư dân khó khăn. Tình trạng tội phạm gia tăng, an ninh không bảo đảm. Tuy *mức sống* ở đô thị được nâng cao nhưng *lối sống* do đồng tiền chi phối

Digitized by Google

đã gây ra tình trạng khủng hoảng đô thị phổ biến. Sự mở rộng quy mô đô thị lại đi đôi với sự cằn cỗi của khu vực nội thành.

Tất cả những mặt tích cực và tiêu cực nói trên của đô thị là kết quả tất nhiên của khuynh hướng phát triển phiến diện, tức là khuynh hướng chỉ biết lấy tăng trưởng kinh tế làm trọng tâm, *bất chấp những vấn đề xã hội và môi trường*. Khuynh hướng đó bắt nguồn từ những ưu điểm và hạn chế (có tính chất lịch sử) của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất ở giai đoạn kinh tế công nghiệp.

II - NHỮNG KHẢ NĂNG ĐÔ THỊ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.

Những khả năng phát triển bền vững của đô thị nói ở đây không phải rút ra từ những tư tưởng nhân văn không tưởng, hay từ những mong muốn chủ quan duy ý chí. Thế giới ngày nay đang mở ra những khả năng, những con đường phát triển mới của đô thị, được nhận biết khi phân tích một cách biện chứng các biến đổi có tính chất nghịch lý. Những khả năng này nằm trong các xu hướng đang thúc đẩy sự hình thành mô hình kinh tế - xã hội mới ở giai đoạn hậu công nghiệp. Do đó chỉ khi nhận thức được xu hướng thời đại thì mới phát hiện được những khả năng ấy.

1 - Xu hướng kinh tế tri thức thay thế kinh tế công nghiệp và khả năng đô thị phát triển bền vững.

Trong giai đoạn trước đây, đô thị kiểu cũ với nhiều vấn nạn đã phát triển cùng với kinh tế công nghiệp. Nhưng từ khi xuất hiện quá trình kinh tế tri thức thay thế kinh tế công nghiệp thì phương hướng phát triển đô thị bắt đầu thay đổi theo đòi hỏi của kinh tế tri thức. Sự thay đổi này bắt nguồn *từ tính chất và trình độ lực lượng sản xuất* kinh tế tri thức:

- *Một là,* chỉ có lực lượng sản xuất này mới đủ sức khắc phục các vấn nạn của đô thị về mặt xã hội, do năng suất lao động cao phổ biến, nhờ đó không chỉ đem lại mức sống khá giả phổ biến trong xã hội, mà còn có thể rút ngắn dần thời gian lao động, tăng dần thời gian dành cho các nhu cầu văn hóa và sự phát triển của cá nhân.

- *Hai là,* lực lượng sản xuất này dựa trên lao động tri thức và xã hội học tập, nên dân trí phát triển đồng đều, đem lại lối sống hòa hợp giữa cá nhân - gia đình - cộng đồng, khắc phục tình trạng khủng hoảng gia đình, khủng hoảng đô thị.

- *Ba là,* chỉ có kinh tế tri thức mới tạo ra điều kiện cần thiết để bảo vệ môi trường đô thị và môi trường chung. Nhờ đó lần đầu tiên xuất hiện khả năng đổi mới quan hệ giữa con người với tự nhiên, xây dựng quan hệ thân thiện với tự nhiên.

2 - Xu hướng dân chủ hóa đầy đủ và khả năng phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm.

Tác động chủ yếu của kinh tế tri thức đối với đô thị là sự thay đổi phương hướng phát triển từ "phát triển đô thị lấy tăng trưởng kinh tế làm trung tâm" chuyển lên "phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm". Phương hướng lấy con người làm trung tâm trong phát triển đô thị ở giai đoạn kinh tế tri thức *hoàn toàn khác* với tư tưởng vì con người dựa trên kinh tế kế hoạch của nhà nước thực hiện bao cấp, mà các nước xã hội chủ nghĩa thế kỷ XX đã thực hiện. Điều mới mẻ và sâu sắc trong phương hướng phát triển đô thị lấy con người làm trung tâm là *ở sự tham gia của người dân,* vai trò của người dân và lợi ích của người dân trở thành mục đích trực tiếp của phát triển đô thị.

Sự tham gia của người dân bắt đầu từ *công tác quy hoạch* xây dựng đô thị của chính mình. Sự tham gia của dân được *pháp luật quy định,* đồng thời là một bảo đảm cho dự án được chấp nhận với mức độ cao. Ngoài ra, còn phải có sự tham gia của các cơ quan và đơn vị khác (như bưu điện, trường học, y tế, giao thông, nước sạch...). Theo kinh nghiệm quốc tế, sự tham gia của người dân theo luật định trong đồ án quy hoạch sử dụng mặt bằng và đồ án quy hoạch xây dựng được tiến hành theo hai bước:

Digitized by Google

Bước 1, chính quyền thông báo về mục tiêu quy hoạch, nêu rõ những tác động và ảnh hưởng mà quy hoạch mới có thể đưa lại, để dân góp ý kiến. *Bước 2, niêm yết công khai* khoảng một tháng để tranh thủ rộng rãi ý kiến người dân sau đó chính quyền tổng hợp lại, trình ra hội đồng địa phương.Trong trường hợp dân không được tham gia, họ có quyền kiện ra tòa án và tòa án hành chính thường phán quyết theo ý dân. Như vậy, thể chế nhà nước pháp quyền phát huy tác dụng sâu sắc trong giai đoạn xây dựng đô thị.

3 - Nhu cầu đổi mới quy hoạch không gian trong tiến trình hiện đại hóa, hội nhập và khả năng xây dựng không gian đô thị - nông thôn phát triển bền vững.

Quá trình hiện đại hóa đất nước và hội nhập, tất yếu phải có những thay đổi về quy hoạch không gian cả nước theo yêu cầu mới. Chính sách quy hoạch không gian và phát triển đô thị sẽ quyết định bộ mặt mới của nước ta trong vài thập kỷ tới. Trong đó sự phát triển đô thị bền vững phải quan tâm nhiều tới chính sách sử dụng tiết kiệm đất đai, chính sách giao thông đô thị hợp lý, chính sách môi trường nhằm bảo vệ các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Bởi vì những chính sách ấy có quan hệ trực tiếp đến nông thôn, đến môi trường sống của dân cư nông thôn, do đó ảnh hưởng đến tính hợp lý và bền vững của không gian rộng lớn giữa đô thị với nông thôn.

Muốn vậy, *định hướng quy hoạch không gian* cần hướng tới sự *phát triển bền vững tương đối không đều* các vùng trong cả nước. Quan niệm phát triển tương đối đồng đều không phải là dựa trên đầu tư dàn đều cho các vùng, các địa phương, mà chủ yếu là tạo điều kiện bảo đảm không chênh lệch lớn về điều kiện sống và mức sống. Định hướng này trước hết để khắc phục những vấn nạn ở đô thị *đến từ nông thôn* (như vấn đề dân cư nông thôn đổ về đô thị kiếm việc làm, trẻ em lang thang, lối sống lạc hậu...), sau đó là để phát triển nông thôn.

Định hướng quy hoạch không gian còn phải bảo đảm *phát triển hài hòa giữa công nghiệp với nông nghiệp, thương mại và dịch vụ* sẽ tăng việc làm ở nông thôn, cải thiện điều kiện sống và mức sống, cải thiện môi trường, môi sinh, tạo ra cơ sở phân bố dân cư ngày càng hợp lý hơn. Theo quan điểm phát triển, khi chính sách hướng tới sự phát triển tương đối đồng đều các vùng, sự phát triển hài hòa đô thị với nông thôn, thì rất cần xác định những *trung tâm kinh tế mang tính chất động lực* cho cả vùng, và ở phạm vi rộng lớn hơn.

4 - Cải cách tổ chức và cơ chế quản lý đô thị - điều kiện tiên quyết để đô thị phát triển bền vững.

Những khả năng đô thị phát triển bền vững nói trên là những khả năng thực tế khi vận dụng kinh tế tri thức trong phát triển đô thị. Nhưng muốn biến khả năng khách quan ấy thành hiện thực thì đòi hỏi có điều kiện chủ quan phù hợp. Đó là vấn đề tổ chức và quản lý đô thị.

Hiện trạng đô thị nước ta ghi lại dấu ấn của nhiều "tầng văn hóa - kiến trúc" khác nhau, từ thời phong kiến, thực dân cho đến hiện nay. Tuy vậy, bộ mặt đô thị nước ta hiện nay lại thể hiện đậm nét nhất của văn hóa xây dựng trong cơ chế thị trường, của tư duy và phong cách cán bộ quản lý, đang gây ra nhiều lo lắng bởi tình trạng "có xây dựng mà không có kiến trúc", thậm chí "kiến trúc đô thị - thách thức bản sắc dân tộc" .

Thời đại hiện nay đang đem lại cơ hội và khả năng cho nước ta phát triển theo con đường rút ngắn, nhưng trong lĩnh vực xây dựng người ta đang đi theo con đường khác? Nhiều cuộc hội thảo đã phân tích và tìm nguyên nhân về tư duy, phẩm chất cán bộ và tổ chức quản lý. Phân tích vấn đề sâu hơn, ta thấy từ hiện trạng đô thị, cách làm ăn của người dân, tới cung cách quản lý đang đặt ra câu hỏi "tầng văn hóa - kiến thức" nào đang chi phối các hoạt động xây dựng đô thị nước ta?

Chừng nào chúng ta chưa vượt lên khỏi tầng văn hóa lạc hậu thì chừng đó chưa có sự đổi mới văn hóa về quản lý và đô thị nước ta còn ở dưới mức đô thị thời kỳ công nghiệp thế kỷ XX. ❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI NHẬN THỨC VÀ QUAN NIỆM VỀ SỞ HỮU

TRƯƠNG GIANG LONG

Chúng ta biết rằng, đổi mới nhận thức về sở hữu là một trong những nền tảng cơ bản của mọi thành tựu và đổi thay đang diễn ra. Tuy nhiên, đứng trước những thách thức to lớn mà chúng ta đang phải đối mặt, nhất định cần đổi mới hơn nữa quan niệm về sở hữu và vai trò của các thành phần kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Do chưa thực sự thống nhất cao và nhất quán cả trong nhận thức và hành động về vấn đề sở hữu mà nhiều tiềm năng vốn có của nền kinh tế chưa được khai thác đúng mức.

ĐẠI hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng khẳng định: thành tựu đạt được trong 20 năm đổi mới là to lớn và có ý nghĩa lịch sử, đồng thời cũng chỉ rõ đất nước đang đứng trước những thách thức không nhỏ. Ngay từ Đại hội VII (1991) Đảng ta đã cảnh báo, chúng ta đang đứng trước nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hai nhiệm kỳ tiếp theo của Đại hội VIII và IX, toàn Đảng, toàn dân đã cố gắng phấn đấu góp phần thu ngắn khoảng cách tụt hậu nêu trên, nhưng thách thức vẫn ngày càng nghiêm trọng. Tụt hậu và tụt hậu xa hơn về kinh tế đang là một hiện thực.

Trước năm 1991, nhất là trước thời kỳ đổi mới, sản xuất chưa đáp ứng được những nhu cầu tối thiểu trong nước, nhập siêu, vay nợ nước ngoài tăng cao. Từ 1991 đến nay, sản xuất không những đã đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng cao của xã hội, mà còn có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, hạn chế mức nhập siêu. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam trong vòng 20 năm, nhất là từ 1990 - 2005 đã đi vào thế ổn định. Tổng GDP của nước ta năm 2005 gấp 3,7 lần so năm 1985. Bình quân liên tục 20 năm đạt 6,8%; giai đoạn 1996 - 2005 đạt gần 7,6%/năm [1].

Tuy đã đạt được chỉ số tăng trưởng cao, nhưng tính đến cuối năm 2005, GDP bình quân mới ở mức 10,1 triệu đồng/người/năm (tương đương 637 USD). Nếu tính theo tỷ giá sức mua nước ta cũng mới đạt ở mức trên 2.700 USD. Chỉ số này còn rất xa so với mức bình quân chung của khu vực và thế giới. Theo ý kiến của các chuyên gia kinh tế, giả thiết kinh tế của các nước trong khu vực có tốc độ tăng trưởng GDP bằng tốc độ tăng trưởng dân số (nghĩa là ở trạng thái đứng yên) thì Việt Nam muốn đuổi kịp In-đô-nê-xi-a và Phi-lip-pin phải 5 năm, Thái Lan là 20 năm, Ma-lai-xi-a là 24 năm, Bru-nây là 38 năm, Xin-ga-po trên 40 năm. Thời gian thu hẹp cách biệt nêu trên chỉ là con số có tính giả định, bởi trên thực tế không có nước nào đứng yên tại chỗ để chờ ta đuổi kịp. Sau khủng

(1) Số liệu của Vụ Kế hoạch, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Digitized by Google

hoảng tài chính tiền tệ ở khu vực năm 1997 - 1998, các nước này đang phục hồi và phát triển với tốc độ thần kỳ. Rõ ràng, nền kinh tế Việt Nam so với các nước trong khu vực vẫn đang tụt hậu ngày càng xa hơn. Điều đó được thể hiện thông qua biểu hiện cụ thể của giá trị tuyệt đối. Người ta tính được rằng, giá trị tuyệt đối của Việt Nam tăng 1% chỉ tương đương 6,7 USD, trong khi đó của In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin cũng tăng 1% có giá trị tương đương trên 10 USD, Thái Lan 25 USD, Ma-lai-xi-a trên 45 USD, Bru-nây 140 USD, Xin-ga-po 240 USD. Như vậy, có thể thấy rất rõ cho dù tốc độ tăng của Việt Nam có cao hơn thì chênh lệch tuyệt đối về GDP bình quân đầu người vẫn còn cách biệt rất lớn so với các nước.

Để rút ngắn khoảng cách tụt hậu, cần phát triển theo chiều sâu. Nghị quyết Đại hội X chỉ rõ, tăng trưởng kinh tế nhanh nhưng phải ổn định và vững chắc. Để phấn đấu khắc phục thách thức và đạt được các mục tiêu nói trên, chúng ta cần phải có rất nhiều giải pháp đồng bộ, nhưng căn bản và cốt lõi nhất vẫn phải bắt đầu từ những giải pháp có căn nguyên cơ bản, đó là bắt đầu từ vấn đề sở hữu. Đổi mới nhận thức và quan niệm về sở hữu phù hợp với các quy luật khách quan chính là nền tảng cơ bản để đổi thay mọi cơ chế, chính sách góp phần thúc đẩy nhanh quá trình phát triển.

Chúng ta biết rằng, đổi mới nhận thức về sở hữu là một trong những nền tảng cơ bản của mọi thành tựu và đổi thay đang diễn ra. Tuy nhiên, đứng trước những thách thức to lớn mà chúng ta đang phải đối mặt, nhất định cần đổi mới hơn nữa quan niệm về sở hữu và vai trò của các thành phần kinh tế trong giai đoạn hiện nay. Do chưa thực sự thống nhất cao và nhất quán cả trong nhận thức và hành động về vấn đề sở hữu mà nhiều tiềm năng vốn có của nền kinh tế chưa được khai thác đúng mức.

Rõ ràng, hội nhập và sức ép của hội nhập đang đặt chúng ta trước những thách thức gay gắt. Với những ưu thế vượt trội về khoa học - công nghệ, vốn, sở hữu trí tuệ, năng lực tổ chức quản lý và những kinh nghiệm thương trường, lại gắn chặt với sở hữu và lợi ích rất cụ thể, các nước tư bản chủ nghĩa đang có nhiều ưu thế hơn chúng ta. Vì thế, xác lập rõ vị trí, vai trò của sở hữu và các thành phần kinh tế là giải pháp có ý nghĩa căn bản nhất trong điều kiện hiện nay.

Trước hết cần xác định cho rõ, ở Việt Nam hiện đang tồn tại bao nhiêu loại hình sở hữu. Trên thực tế đang có rất nhiều quan điểm khác nhau về vấn đề này. Gần đây Nghị quyết của Đại hội X đã xác định: "Trên cơ sở ba chế độ sở hữu (toàn dân, tập thể, tư nhân), hình thành nhiều hình thức sở hữu và nhiều thành phần kinh tế"(2). Quan điểm này của Nghị quyết tuy nhận được sự đồng thuận cao nhưng không phải không còn những khác biệt. Có thể khái quát hiện đang nổi lên mấy nhóm ý kiến khác nhau:

- Chỉ nên chia sở hữu thành hai khu vực, khu vực kinh tế nhà nước và dân doanh. Trên cơ sở hai khu vực này mà hình thành các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế.

- Cũng có ý kiến cho rằng cần xác lập về mặt nguyên tắc và gọi đúng bản chất chế độ sở hữu, từ chế độ sở hữu hình thành các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế.

- Ý kiến khác lại lập luận, nêu ba chế độ sở hữu như Nghị quyết Đại hội là có thể chấp nhận được. Từ ba chế độ sở hữu này sẽ có các hình thức sở hữu cụ thể và các thành phần kinh tế khác nhau thích ứng với từng chế độ sở hữu ấy. Dựa vào ba chế độ sở hữu: sở hữu toàn dân có kinh tế nhà nước; sở hữu tập thể có kinh tế tập thể; sở hữu tư nhân có cá thể, tư bản tư nhân, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài. Như vậy, thành phần kinh tế tư nhân gồm cả tư bản tư nhân và cá thể, tiểu chủ.

Từ thời bao cấp chúng ta đã thừa nhận sự tồn tại kinh tế nhiều thành phần, trong đó ngoài

---

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 83

Digitized by Google

kinh tế quốc doanh và tập thể còn có kinh tế cá thể, tư bản tư nhân và công tư hợp doanh... Đó là cơ cấu kinh tế đặc trưng của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhưng do nóng vội, chủ quan, duy ý chí, muốn "đốt cháy giai đoạn", bỏ qua nhanh chóng thời kỳ quá độ, nên đã hạn chế khuynh hướng phát triển khách quan của kinh tế cá thể, tiểu chủ và tìm mọi cách xóa bỏ kinh tế tư bản tư nhân. Kết quả là đã không khai thác và huy động được các nguồn lực tập trung đầu tư phát triển sản xuất, vì thế mà sản xuất trì trệ, tiềm lực của nền kinh tế bị kìm hãm.

Từ Đại hội VI, Đảng ta chính thức thừa nhận sự tồn tại khách quan của nhiều loại hình sở hữu, với thành phần kinh tế được xác định cụ thể: kinh tế quốc doanh, kinh tế tập thể, kinh tế cá thể, tiểu chủ; kinh tế tư bản tư nhân; kinh tế tư bản nhà nước; và xem đó là cơ cấu kinh tế của cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Nhận thức trên đây là phản ánh đúng xu thế phát triển khách quan và phù hợp với quy luật phát triển chung của thời đại. Tuy nhiên, cho đến nay, sau hơn 20 năm đổi mới, quan điểm định hướng cơ bản của Đại hội VI vẫn còn không ít ý kiến khác nhau, kể cả những ý kiến khác nhau ở cấp vĩ mô. Sự thiếu nhất quán trên đây không những tác động nhiều mặt đến quá trình hoạch định chiến lược, cơ chế, chính sách, mà còn hạn chế cả quá trình huy động các nguồn lực, thậm chí ít nhiều còn ảnh hưởng cả đến chính sách đối ngoại trong hoàn cảnh mới.

Tư duy nhất quán của Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng Việt Nam đã được thể hiện và khẳng định rất rõ, chế độ ta là chế độ của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Mục tiêu xây dựng một nước Việt Nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh là mục tiêu nhất quán xuyên suốt toàn bộ quá trình phấn đấu đi lên chủ nghĩa xã hội. Do vậy, mọi phương thức nhằm tạo những điều kiện thuận lợi nhất cho tất cả các thành viên trong xã hội (không có sự phân biệt đối xử), các loại hình sở hữu, các thành phần kinh tế phát huy đến cao nhất những khả năng vốn có về tài lực, vật lực, kinh nghiệm và các mối quan hệ quốc tế..., tổ chức sản xuất kinh doanh làm ra nhiều của cải vật chất cho bản thân và cho xã hội, đều phải được tận dụng và khuyến khích phát triển. Xuất phát từ bản chất, mục tiêu của chế độ ta trong thời kỳ quá độ, cần nhận thức rằng, tuy rất quan trọng và cần thiết nhưng không nên xem sở hữu là mục tiêu duy nhất phải đạt được bằng mọi giá. Sở hữu chỉ là phương thức để thực hiện các mục tiêu bản chất của chế độ đã được xác định, do đó sở hữu phải luôn luôn thay đổi cho phù hợp với xu thế phát triển chung và những yêu cầu rất thiết thực được đặt ra cụ thể trong từng giai đoạn. Trên cơ sở chế độ sở hữu toàn dân, tập thể và chế độ sở hữu tư nhân, chúng ta có các loại hình sở hữu cụ thể tùy thuộc vào thực tế phát triển và nhu cầu của xã hội. Không nên máy móc để rồi đóng khung xu thế phát triển ở bao nhiêu thành phần kinh tế, bao nhiêu loại hình sở hữu cụ thể. Nên thống nhất chung về mặt nhận thức có hai chế độ sở hữu gắn với hai khuynh hướng phát triển của hai chế độ chính trị. *Chế độ sở hữu toàn dân, tập thể là nền tảng kinh tế được tạo lập để từng bước đưa đất nước quá độ đi lên theo định hướng xã hội chủ nghĩa - nền tảng kinh tế, cơ sở khách quan của quá trình hình thành chế độ mới. Chế độ sở hữu tư nhân là nền tảng kinh tế của quá trình tự phát đi theo khuynh hướng phát triển tư bản chủ nghĩa - cơ sở kinh tế khách quan của quá trình tồn tại và phát triển của phương thức sản xuất và chế độ tư bản chủ nghĩa.* Thích ứng với các chế độ sở hữu ấy còn có các loại hình sở hữu hỗn hợp khác nhau, không nên khống chế và định sẵn bao nhiêu loại hình sở hữu cho từng loại và bao nhiêu loại hình sở hữu chung của cả hai loại. Càng không nên quy định từng loại hình sở hữu ấy tồn tại bao lâu về mặt thời gian trong quá trình phát triển. Áp đặt như vậy vừa không phản ánh đúng yêu cầu thực tế khách quan, vừa hạn chế khả năng khai thác và huy động các nguồn lực. Tuyệt đối không nên dùng quyền lực chính trị để can thiệp và chi phối vào quá trình phát triển khách quan

Digitized by Google

của các loại hình sở hữu cụ thể. Nếu sự tồn tại khách quan của các loại hình sở hữu là một hiện thực tất yếu, thì bản thân nó phải được điều tiết và định chế bởi các quy luật khách quan, được tồn tại cho đến khi nào không còn thích ứng với nhu cầu phát triển, khi ấy bản thân nó sẽ bị các quy luật kinh tế đào thải. Vai trò của Nhà nước là định hướng pháp lý cho quá trình tự đào thải ấy diễn ra trong trật tự pháp luật. Tránh khuynh hướng tự phát để tạo ra những xáo trộn và đổ vỡ không cần thiết về mặt xã hội. Trên cơ sở chế độ sở hữu và các loại hình sở hữu cụ thể không nhất thiết phải xác định thêm có bao nhiêu thành phần kinh tế, sở hữu thuộc về ai tất yếu thành phần kinh tế sẽ thuộc về chủ sở hữu ấy. Như vậy, Nhà nước chỉ cần xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế quản lý và chính sách thích hợp cho từng loại hình sở hữu, tạo ra hành lang pháp lý hữu hiệu, cơ chế chính sách linh hoạt để các loại hình sở hữu hoạt động tích cực có hiệu quả.

Thừa nhận sự tồn tại khách quan của các loại hình sở hữu trên cơ sở tất cả các loại hình sở hữu đều bình đẳng trong khuôn khổ của luật pháp và đều là bộ phận cấu thành kết cấu kinh tế trong nền kinh tế là một bước tiến cả về nhận thức lẫn bản lĩnh chính trị của Đảng ta trong điều kiện hiện nay. Bình đẳng trước pháp luật nghĩa là tất cả các thành phần kinh tế đều được quyền tham gia sản xuất kinh doanh những gì mà luật pháp không cấm, đồng thời các loại hình sở hữu đều phải có trách nhiệm và nghĩa vụ như nhau trước nhu cầu phát triển chung của xã hội. Họ được nhà nước tạo mọi điều kiện để cùng phát triển. Thừa nhận sự bình đẳng giữa các loại hình sở hữu là nhân tố tạo động lực cho quá trình phát triển, không chỉ riêng về kinh tế mà còn tác động đến nhiều lĩnh vực khác, kể cả trong mối quan hệ giao tiếp giữa Việt Nam với các nước và giữa các loại hình sở hữu các doanh nghiệp trong nền kinh tế với quốc tế.

Rõ ràng, để nhanh chóng thoát khỏi tình trạng tụt hậu xa hơn về kinh tế, cần phải huy động và tạo mọi điều kiện để tất cả mọi công dân có khả năng đều có thể tham gia đóng góp vào quá trình phát triển. Đương nhiên, nói bình đẳng và được tạo mọi điều kiện không có nghĩa là buông lỏng để cho các loại hình sở hữu phát triển tự phát điều tiết, chi phối xã hội. Cần khẳng định, ở Việt Nam, Đảng Cộng sản là đảng cầm quyền, Nhà nước là của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, tức luật pháp của chế độ ta giữ quyền chủ đạo chi phối tất cả các hoạt động của chủ sở hữu, bảo đảm mọi hoạt động phải được diễn ra trong vòng trật tự pháp luật. Quá trình phấn đấu để đến một xã hội dân giàu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh là một quá trình phấn đấu lâu dài. Thừa nhận sự tồn tại của nhiều loại hình sở hữu và mức độ sở hữu khác nhau cũng có nghĩa là thừa nhận sự bất bình đẳng nhất định về mặt thu nhập. Trong những giai đoạn nhất định, đời sống của các tầng lớp nhân dân vẫn còn những cách biệt về mặt thu nhập xuất phát từ sự khác biệt về sở hữu. Quyền lực của chế độ là phấn đấu từng bước nâng mức sống của những người có thu nhập thấp, mà cụ thể là xóa đói, giảm nghèo, thu ngắn khoảng cách giàu nghèo. Đây là một nhiệm vụ xuyên suốt cả thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Còn một vấn đề khác cũng cần nhận thức lại, trong điều kiện hiện nay, sở hữu vẫn là nhân tố quan trọng và luôn luôn có ý nghĩa quyết định đối với quy mô thu nhập, nhưng sự phân cực xã hội không còn hoàn toàn lệ thuộc vào duy nhất một mình sở hữu tư liệu sản xuất. Sở hữu trong thời đại và điều kiện hiện nay còn bao hàm cả sở hữu trí tuệ và sở hữu vốn.

Xét về mặt lý luận, cho đến nay quan điểm về sở hữu theo quan niệm truyền thống đã có những đổi thay khác với quan niệm của C. Mác. Nếu cách đây hơn 150 năm C. Mác đã nhấn mạnh đến vai trò quan trọng của sở hữu mà hạt nhân là sở hữu tư liệu sản xuất. Sở hữu tư liệu sản xuất là nhân tố phân định sự khác biệt căn bản về mặt địa vị giữa các thành viên

(Xem tiếp trang 67)

Digitized by Google

CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN KHÁC NHAU VỀ LẠM PHÁT VÀ VẤN ĐỀ ĐÁNH GIÁ LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM

NGUYỄN ÁI ĐOÀN *

Lạm phát là một hiện tượng kinh tế phức tạp, liên quan đến mọi người, nên được xã hội rất quan tâm. Hiện tượng giá cả tăng từ năm 2004, ở Việt Nam đã diễn ra cuộc tranh luận khá sôi nổi, đề cập đến hầu hết các khía cạnh của lạm phát, và phương pháp đo lường nó,... Bài viết này đề cập tới những nội dung sau.

I - CÁC PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN KHÁC NHAU VỀ LẠM PHÁT

1 - Cách tiếp cận lạm phát của kinh tế học Liên Xô

Cơ sở chung trong cách tiếp cận của các nhà kinh tế học Liên Xô là quy luật lưu thông tiền tệ, có cội nguồn từ lý thuyết định lượng tiền tệ. Khi cung tiền lớn hơn lượng cầu về tiền trong một nền kinh tế nào đó, thì đồng tiền bị mất giá và đó là lạm phát. Theo định nghĩa trong Từ điển Bách khoa Kinh tế Chính trị của Liên Xô: "Lạm phát là sự mất cân bằng trong quá trình tái sản xuất xã hội, thể hiện ở việc *dư thừa tiền trong lĩnh vực lưu thông so với nhu cầu thực tế (về tiền) của nền kinh tế và tương ứng là sự mất giá của tiền*"(1).

Khi nói mất giá đồng tiền là hình thức biểu hiện của lạm phát, các nhà kinh tế học Liên Xô nhấn mạnh: "Khái niệm mất giá đồng tiền rộng hơn so với lạm phát. Mất giá đồng tiền tồn tại đối với cả tiền kim loại, trong đó có vàng, khi những đồng tiền này bị mất giá do giá trị của kim loại quý giảm sút, trong khi đó lạm phát hoàn toàn bị loại trừ trong điều kiện lưu thông tiền kim loại đủ giá trị. Không thể đồng nhất lạm phát với mọi biểu hiện mất giá tiền giấy"(2).

Như vậy, khi coi lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông và mất giá đồng tiền, các nhà kinh tế học Liên Xô đặt trọng tâm vào quan hệ giữa cung và cầu về tiền trong lưu thông, vào việc dư thừa tiền trong lưu thông, còn mất giá đồng tiền, tăng giá chỉ là hình thức biểu hiện và có thể do cả các yếu tố khác.

Quan điểm về lạm phát trong kinh tế học Liên Xô cũng có nhiều thay đổi theo thời gian. Ban đầu, lạm phát được phân tích chủ yếu trong lĩnh vực lưu thông tiền tệ, thì "vào cuối những năm 60 - đầu những năm 70 của thế kỷ XX, trong sách báo kinh tế xô-viết có nhiều nhà kinh tế đã lên tiếng phản đối quan điểm coi lạm phát như hiện tượng thuần tuý tiền tệ và đề xuất cách tiếp cận rộng hơn khi phân tích khái niệm này,

---

* PGS, TS, Trường đại học Bách khoa, Hà Nội

(1) Kinh tế chính trị, Bách khoa toàn thư Xô-viết (Tiếng Nga), Mát-xcơ-va, 1975, tr 51

(2) Kinh tế chính trị, *Sđd*, tr 53

Digitized by Google

coi đó như biểu hiện có nguồn gốc sâu xa từ quá trình tái sản xuất tư bản chủ nghĩa"[3]. Họ giải thích lạm phát ở các nước tư bản chủ nghĩa bằng cả các nguyên nhân "phi tiền tệ". Các nhà kinh tế này lập luận rằng: "Những yếu tố tăng giá mang tính chu kỳ, thời vụ, thay đổi năng suất lao động, điều tiết giá mang tính độc quyền nhà nước, thuế, phá giá, nâng giá, thay đổi tình hình thị trường, thiên tai và những yếu tố khác dẫn tới biến động giá không phụ thuộc vào tình trạng lưu thông tiền tệ. Tuy nhiên, những yếu tố "phi tiền tệ" này cuối cùng dẫn tới sự mất cân bằng giữa lượng tiền trong lưu thông và cầu thực sự về tiền của nền kinh tế"[4]...

Nhìn chung, lạm phát không phải là vấn đề được ưu tiên trong kinh tế học Liên Xô. Khi nghiên cứu lạm phát ở nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, họ cho rằng: "Nếu như ở các nước tư bản hiện đại, lạm phát là căn bệnh kinh niên của hệ thống tiền tệ, thì ở chủ nghĩa xã hội khả năng xảy ra lạm phát chỉ có thể hoặc là do hoàn cảnh đặc biệt, ví dụ như chiến tranh, hoặc do thiếu sót trong kế hoạch hoá nền kinh tế quốc dân". Một số nhà kinh tế đề xuất, không nên gọi hiện tượng dư thừa tiền trong lưu thông, mất giá đồng tiền ở chủ nghĩa xã hội là lạm phát, mà nên sử dụng một từ khác, ví dụ như "mất cân bằng giữa lưu thông hàng hoá và tiền tệ", "mất giá đồng tiền"[5].

2 - Cách tiếp cận của kinh tế học phương Tây

a - Lạm phát là sự gia tăng mức giá chung. Các nhà kinh tế học phương Tây hiểu lạm phát là sự gia tăng mức giá chung. Tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ tăng mức giá chung[6]. Khi phân tích lạm phát, người ta thường phân biệt lạm phát hay tăng giá tạm thời với lạm phát kéo dài. Tuy nhiên, giữa chúng không phải lúc nào cũng có ranh giới rõ rệt.

Mặc dù không tranh cãi về định nghĩa lạm phát, trong kinh tế học phương Tây có nhiều quan điểm khác nhau, trong đó đáng chú ý tới 2 quan điểm về lạm phát có ảnh hưởng lớn là trường phái trọng tiền của Phờ-rít-man (M. Friedman) và trường phái Kên (Keynes). Sự khác biệt giữa họ là không lớn. "Thực ra, có sự hội tụ đáng kể về các quan điểm giữa hai trường phái trong suốt 3 thập kỷ qua, và những bất đồng hiện nay chỉ là vấn đề nhấn mạnh vào đâu, chứ không phải các vấn đề chân lý cơ bản"[7].

b - Lý thuyết lạm phát của trường phái Kên. "Lý thuyết tổng quát" của Kên đã tạo ra một cuộc cách mạng trong kinh tế học. Kinh tế học vĩ mô của Kên là một hệ thống kịch bản lý thuyết mới, nghiên cứu tác động của các chính sách kinh tế cũng như các đột biến ngoại sinh thông qua kết hợp 2 thành tố tổng cầu và tổng cung. Tổng cầu là đề xuất mới của ông. Còn tổng cung, trong khi cách tiếp cận cổ điển cho rằng lương, giá linh hoạt nên đường tổng cung là thẳng đứng, thì với giả định lương, giá không linh hoạt, đường tổng cung ngắn hạn của ông tương đối thoải và dốc lên về phía trái [8]. Trong đồ thị 1, AD là tổng cầu, AS là tổng cung theo quan điểm của Kên, LAS là đường tổng cung dốc đứng theo quan điểm cổ điển, hiện nay thường được gọi là đường tổng cung dài hạn, P chỉ mức giá, Y_n chỉ mức sản lượng tiềm năng, $Y_{0,1,2,...}$ chỉ các mức sản lượng thực của nền kinh tế. Mô hình này được sử dụng rộng rãi

---

(3) Kinh tế chính trị, *Sđd*, tr 53

(4), (5) Kinh tế chính trị: *Sđd*, tr 53, 58

(6) Ví dụ:"Lạm phát biểu thị một sự tăng lên trong mức giá chung. Tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ thay đổi (tăng) của mức giá chung". Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus: *Kinh tế học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, t 2, tr 391

"Lạm phát là sự tăng giá trung bình của hàng hoá theo thời gian". David Begg, Stanley Fischer, Rudiger Dornbusch: *Kinh tế học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1992, t 2, tr 201

" Sự gia tăng trong mức giá chung được gọi là lạm phát". N. Gregory Mankiw: *Kinh tế vĩ mô*, Nxb Thống kê, tr 39, 155

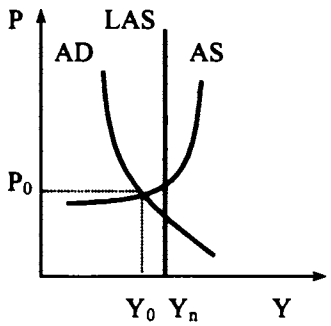
(7) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus: *Kinh tế học*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội - 1997, t 2, tr 460

(8) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus, *sđd*, tr 448 - 449

Digitized by Google

trong kinh tế học hiện đại, cho phép phân tích ảnh hưởng của các yếu tố tác động đồng thời đến các đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản là sản lượng, mức giá, tỷ lệ thất nghiệp,... Quan điểm lạm phát của Kên không phải là một lý thuyết riêng, mà chỉ là sự phát triển tiếp tục cách tiếp cận cơ sở đối với các đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản và được trình bày rất dễ hiểu thông qua mô hình AD - AS này.

Với định nghĩa lạm phát là tăng mức giá chung và phát triển cách tiếp cận tổng cầu - tổng cung, các nhà kinh tế trường phái Kên phân chia các dạng lạm phát dựa trên sự dịch chuyển các đường tổng cung, tổng cầu thành lạm phát quán tính, lạm phát cầu kéo và lạm phát chi phí đẩy,...

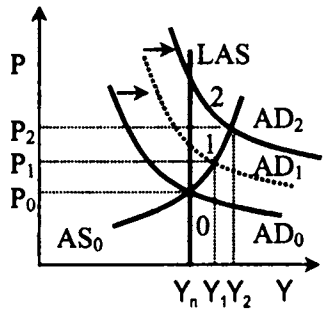


Đồ thị 1. Mô hình AD-AS phản ánh các đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản

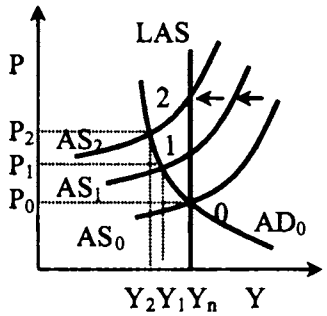
Theo cách tiếp cận của trường phái Kên, đặc trưng của lạm phát cầu kéo là đường tổng cầu dịch chuyển nhanh hơn, vượt quá mức sản lượng tiềm năng, dẫn đến lạm phát. Trong trường hợp này, tỷ lệ thất nghiệp có thể thấp hơn mức tự nhiên. Trong đồ thị 2, khi AD sang phải, tới AD_1, AD_2,... nền kinh tế tới vị trí 1,2,... với mức giá tăng tới P_1, P_2,... và sản lượng tăng tới Y_1, Y_2,... Đặc trưng của lạm phát chi phí đẩy là dưới tác động của các cú sốc cung, đường tổng cung dịch chuyển mạnh sang trái, dẫn đến tình trạng lạm phát - đình trệ ($Y<Y_n$), nếu đường tổng cầu không dịch chuyển sang phải tương ứng (đồ thị 3) và dẫn đến lạm phát, nếu ngân hàng trung ương dịch chuyển đường tổng cầu sang phải tương ứng, giữ cho sản lượng ở mức tiềm năng và tỷ lệ thất nghiệp không đổi.

c - Trường phái trọng tiền của Phờ-rít-man

Trường phái trọng tiền, tương tự quan điểm về lạm phát của kinh tế học Liên Xô, có gốc rễ từ lý thuyết định lượng tiền tệ, có lịch sử lâu đời và được các nhà kinh tế học cổ điển phát triển vào thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Đó là học thuyết về giá trị danh nghĩa của tổng thu nhập được xác định như thế nào. Nó thường được thể hiện qua phương trình trao đổi: MV=PY; (M - lượng tiền trong lưu thông, V - tốc độ chu chuyển thu nhập, P - mức giá, Y - thu nhập thực tế).



Đồ thị 2. Lạm phát cầu kéo: đường tổng cầu AD dịch chuyển sang phải dẫn đến giá tăng, sản lượng tăng và tỷ lệ thất nghiệp giảm



Đồ thị 3. Lạm phát đình trệ: đường AS dịch chuyển sang trái dẫn đến giá tăng, sản lượng giảm, tỷ lệ thất nghiệp tăng

Phân tích phương trình trao đổi, các nhà kinh tế cổ điển cho rằng, V - tốc độ chu chuyển tiền tệ là ổn định, sản lượng thực tế Y được giữ ở mức thất nghiệp tự nhiên (việc làm đầy đủ) và có thể coi là không đổi trong ngắn hạn, lượng cung tiền là biến ngoại sinh phụ thuộc vào chính sách tiền tệ của ngân hàng trung ương, do đó, cung tiền quyết định mức giá của nền kinh tế.

Digitized by Google

Khác với các nhà kinh tế cổ điển, Kên khẳng định rằng, cầu về tiền phụ thuộc vào thu nhập thực tế (Y) và lãi suất (R): $M^d/P = f(Y; R)$, là không ổn định và do đó giá có thể biến đổi ngay cả khi cung tiền ổn định.

Năm 1956, Phờ-rít-man đã đưa ra lý thuyết cầu về tiền mới, một nội dung cơ bản của lý thuyết trọng tiền, trong bài báo: "Lý thuyết định lượng tiền tệ: một sự xác nhận lại". Sử dụng cách tiếp cận của Kên, Phờ-rít-man cố gắng bác bỏ lý thuyết cầu về tiền của Kên, khẳng định lại kết luận của kinh tế học cổ điển về tính ổn định của cầu về tiền và đồng thời với nó là kết luận về cung tiền quyết định mức giá của nền kinh tế.

Lý thuyết trọng tiền giống như lý thuyết của Kên, về cơ bản là lý thuyết về các yếu tố quyết định tổng cầu. Nhưng điểm khác biệt ở chỗ là các nhà trọng tiền tuyên bố: "Chỉ có tiền là quan trọng".

Lý thuyết trọng tiền gồm 3 nội dung chính: a) cầu về tiền là ổn định, b) sản lượng thực của nền kinh tế là ổn định và c) khu vực kinh tế tư nhân là ổn định.

- Nếu cầu về tiền là ổn định thì mức tăng cung tiền là yếu tố quyết định chính, mang tính hệ thống của tăng trưởng GDP danh nghĩa. Để khẳng định cầu về tiền là ổn định Phờ-rít-man viết hàm cầu về tiền thực tế như sau:

$M^d/P = f(Y_P; r_b - r_m; r_e - r_m; \pi^e - r_m)$

Trong đó, Y_P là thu nhập thường xuyên - thu nhập dài hạn bình quân dự tính; r_b - mức sinh lợi dự tính của trái phiếu; r_m - mức sinh lợi dự tính của tiền; r_e - mức sinh lợi dự tính của cổ phiếu, π^e - mức lạm phát dự tính.

Khác với hàm cầu về tiền của Kên, trong hàm cầu về tiền của Phờ-rít-man, thu nhập dự tính là ổn định; khi lãi suất tăng thì lợi tức dự tính của trái phiếu, cổ phiếu,... cũng tăng theo, nên chênh lệch giữa chúng và lãi suất là không đổi. Từ đó suy ra cầu về tiền là ổn định.

- Sản lượng thực của nền kinh tế là ổn định. Nó biến động rất ít xung quanh mức tiềm năng do giá cả và tiền lương linh hoạt, nền kinh tế điều chỉnh nhanh. Kết quả là khi cung tiền tác động đến GDP danh nghĩa (PY) thì trong ngắn hạn có thể tác động đến cả sản lượng và giá cả, nhưng trong dài hạn tác động chính của tăng cung tiền là ở động thái tăng giá.

Như vậy, tương tự như các nhà cổ điển, kết luận của Phờ-rít-man là V, Y ổn định, do đó trong dài hạn, P tăng chỉ có thể là do tăng cung tiền. Lạm phát cao chỉ có nguyên nhân duy nhất là cung tiền cao. "Lạm phát ở bất kỳ nơi nào luôn là hiện tượng tiền tệ với nghĩa là, nó được và có thể được tạo ra chỉ bằng cách tăng lượng tiền nhanh hơn so với tăng sản lượng"(9).

- Các nhà kinh tế trọng tiền tin rằng nền kinh tế tư nhân là ổn định. Phần lớn những biến động của GDP danh nghĩa là hậu quả của những hành động thay đổi cung tiền của chính phủ. Do đó cần thực thi chính sách cung tiền ổn định, để giữ nền kinh tế, trong đó có mức giá ổn định.

d - So sánh các quan điểm của trường phái trọng tiền và trường phái Kên. Khi nói đến lạm phát cao, kéo dài thì cách phân tích của trường phái Kên và trường phái trọng tiền của Phờ-rít-man là không khác nhau: lạm phát có nguyên nhân duy nhất là tăng cung tiền. Tuy nhiên, khi xét trong khoảng thời gian ngắn hơn(10), cách tiếp cận của trường phái Kên cho phép phân tích nguyên nhân tăng giá rộng hơn, ngoài tăng cung tiền. Chẳng hạn, những cú sốc cung kéo dài có thể dẫn đến hiện tượng lạm phát- đình trệ (tồn tại đồng thời cả lạm phát cao và mức thất nghiệp cao)(11).

---

(9) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus, *sđd.* tr 453

(10) "Trong dài hạn, Keynes viết về kinh tế học cổ điển, tất cả chúng ta đều chết. Các nhà kinh tế tự đặt cho mình một nhiệm vụ quá dễ dãi, quá vô tích sự nếu như trong mùa giông bão họ chỉ có thể nói với chúng ta rằng, bão táp sẽ qua và trời sẽ yên, biển sẽ lặng". N. Gregory Mankiw: *Nguyên lý kinh tế học*, Nxb Thống kê, Hà Nội, 2003, t 2, tr 237

(11) Paul A. Samuelson, William D. Nordhaus, *Sđd*, tr 414 - 415

Digitized by Google

II - ĐÁNH GIÁ LẠM PHÁT Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG PHÊ PHÁN GẦN ĐÂY NHẰM VÀO SA-MEN-SƠN (PAUL A. SAMUEL-SON)

1- Đánh giá lạm phát ở Việt Nam

Với các quan điểm khác nhau như trên, chúng ta có thể hiểu được tại sao trong thời gian qua, có quá nhiều cách đánh giá về lạm phát ở Việt Nam đến như vậy.

Dựa theo quan điểm lạm phát là cung tiền lớn hơn cầu về tiền; giá tăng có thể do các nguyên nhân khác, một số người đã khẳng định, giá tăng chỉ là giá tăng, không có lạm phát, hoặc giá tăng do các nguyên nhân khách quan, chính sách tiền tệ không đổi, không có lạm phát,... Những người ôn hoà hơn thì nói có lạm phát nhưng ở mức thấp hơn nhiều so với chỉ số giá tiêu dùng (CPI), có nghĩa là phần tăng giá do tăng cung tiền vượt cầu về tiền không nhiều, phần còn lại do nguyên nhân khách quan,... (Ở đây, tôi chỉ muốn nói: dựa theo quan điểm lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông, chứ không có ý là nếu theo quan điểm đó thì đương nhiên có thể kết luận như vậy).

Cũng dựa theo quan điểm lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông, một số người khác đã kết hợp với cách giải thích dịch chuyển tổng cung của trường phái Kên, cho rằng tăng giá là do giá nguyên-nhiên liệu tăng, dịch cúm gia cầm,... Ngân hàng trung ương không tăng cung tiền trước để dẫn đến tăng giá, mà ngược lại, giá tăng buộc ngân hàng trung ương phải cung tiền... Những người theo quan điểm trọng tiền thì khẳng định tăng giá (lạm phát) là do tăng cung tiền,... Những người theo trường phái Kên (trong đó có Sa-men-sơn) thì giải thích tăng giá (lạm phát) do dịch chuyển cả đường tổng cung (cú sốc cung) và dịch chuyển cả tổng cầu,... có cả nguyên nhân từ các cú sốc cung và có cả nguyên nhân từ tăng cung tiền...

Về đo lường mức độ lạm phát, những người theo quan điểm lạm phát của kinh tế học phương Tây (lạm phát là sự gia tăng mức giá chung) thì coi CPI là một chỉ tiêu quan trọng (dù nó cũng có những nhược điểm nhất định) để đánh giá mức độ lạm phát. Những người khác, sử dụng lập luận lạm phát là dư thừa tiền trong lưu thông, không chấp nhận chỉ tiêu này.

2 - Mối quan hệ giữa tăng giá và tăng cung tiền

Khi sử dụng phương trình trao đổi MV=PY, trường phái trọng tiền không phân biệt P và M, cái nào tăng trước. Nguyên nhân duy nhất làm cho giá tăng chỉ có thể là tăng cung tiền. Từ đó, đề xuất của trường phái trọng tiền là ngân hàng trung ương cần duy trì ổn định tỷ lệ tăng cung tiền, tương ứng với mức tăng sản lượng, để giữ cho giá ổn định.

Cùng sử dụng phương trình trao đổi MV=PY, với quan điểm lạm phát là cung tiền vượt cầu về tiền, nếu không làm rõ, đó là cầu về tiền nào và xác định như thế nào thì người ta có thể lý giải nhiều trường hợp tăng giá liên tục, kéo dài mà không phải là lạm phát. Ví dụ, lạm phát quán tính (theo kinh tế học phương Tây) là do dự tính giá tăng dẫn đến lương tăng, giá tăng, đường cung dịch chuyển sang trái và để giữ tỷ lệ thất nghiệp không tăng, ngân hàng trung ương buộc phải tăng cung tiền theo giá. *Lạm phát chi phí đẩy* cũng có thể diễn giải tương tự: cú sốc cung (chi phí tăng đột ngột) làm cho giá tăng, đường tổng cung dịch chuyển sang trái; để giữ tỷ lệ thất nghiệp không tăng, ngân hàng trung ương tăng cung tiền theo giá đã tăng,... Trong cả hai trường hợp, nếu không thận trọng, người ta có thể đi đến kết luận: ngân hàng trung ương không để cung vượt cầu về tiền và "không có lạm phát, chỉ có giá tăng liên tục"!

3 - Về những phê phán nhằm vào Sa-men-sơn

Vừa qua, có một số phê phán nhằm vào khái niệm "lạm phát giá cả" và "trường phái lạm phát giá cả" của Sa-men-sơn[12]. Như đã trình bày ở trên, các nhà kinh tế phương Tây định nghĩa

(12) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 8/1991. tr 38 - 40; và http://www.dddn.com.vn/Desktop.aspx/Tintuc/Y-Kien

Digitized by Google

lạm phát là tăng mức giá chung. Do đó, có thể thấy ngay rằng "lạm phát giá cả" (tăng) là một cụm từ trùng lắp và thực tế, trong kinh tế học hiện đại không có khái niệm "lạm phát giá cả".

Trong giáo trình kinh tế học của Sa-men-sơn, ở trang 103, tập 1, có trình bày biểu đồ "Xu hướng tăng lạm phát giá cả hàng tiêu dùng 1929 - 1984"(13). Cụm từ "lạm phát giá cả" (thực ra là consumer price inflation) đã được dịch sang tiếng Việt như vậy trong tên biểu đồ này, đây chính là nguồn gốc hình thành cái mà tác giả phê phán Sa-men-sơn gọi là khái niệm "lạm phát giá cả".

Nghĩa thực tên biểu đồ trên nên hiểu là xu hướng lạm phát tính theo CPI và ở đó không chứa đựng khái niệm "lạm phát giá cả". Ngay sau tên biểu đồ, Sa-men-sơn đã ghi rất rõ: "Hình vẽ này cho thấy mức tăng giá hàng tiêu dùng qua các năm được tính bằng chỉ số giá tiêu dùng". Chỉ số giá tiêu dùng, không hoàn hảo, nhưng là một chỉ tiêu được sử dụng khá phổ biến, bên cạnh các chỉ tiêu khác như chỉ số điều chỉnh GDP, chỉ số giá sản xuất,... để đo mức độ lạm phát.

Có hay không trường phái "lạm phát giá cả" của Sa-men-sơn? Ông được thừa nhận là người đã thực hiện sự tổng hợp học thuyết Kên với tư tưởng tân cổ điển"(14). Đây là cơ sở hình thành trường phái chính hiện đại. Những tư tưởng cơ bản của trường phái chính hiện đại được thể hiện đầy đủ nhất trong giáo trình kinh tế học của ông. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là những lý thuyết, những quan điểm được trình bày trong giáo trình đều là của Sa-men-sơn (chúng được tổng hợp, được trình bày theo cách của ông). Khi đề cập đến các quan điểm lạm phát, người ta thường nói đến quan điểm của trường phái Kên, trường phái trọng tiền của Phờ-rít-man...

Thực ra, cái mà một số tác giả phê phán Sa-men-sơn nhằm vào là định nghĩa về lạm phát của ông: "Lạm phát biểu thị một sự tăng lên trong mức giá chung. Tỷ lệ lạm phát là tỷ lệ thay đổi (tăng) của mức giá chung". Từ đó suy ra, Sa-men-sơn đã đồng nhất tăng giá với lạm phát.

Cách tiếp cận lạm phát của Sa-men-sơn khác với cách tiếp cận lạm phát là cung tiền lớn hơn cầu về tiền mà tác giả tin tưởng và sử dụng. Theo tôi, đó là điểm cốt lõi của toàn bộ những phê phán của tác giả đối với Sa-men-sơn và cả nhiều bất đồng khác khi nhận định về tình hình lạm phát ở Việt Nam. Ví dụ, vấn đề có lạm phát hay không? Tăng giá là lạm phát hay không phải lạm phát? Những phê phán khác nhằm vào Sa-men-sơn như suy luận ra lạm phát vàng, nhầm lẫn kinh tế với tiền tệ trong định nghĩa lạm phát cầu kéo, nhầm lẫn cuộc khủng hoảng nguyên-nhiên liệu truyền thống với lạm phát, gọi là lạm phát chi phí đẩy,... đều phát sinh từ sự khác biệt trong cách tiếp cận, hiểu thế nào là lạm phát.

III - MỤC TIÊU ĐIỀU HÀNH KINH TẾ VĨ MÔ VÀ ĐỊNH NGHĨA LẠM PHÁT

Có hai cách định nghĩa khác nhau về lạm phát: Lạm phát là cung tiền lớn hơn cầu về tiền dẫn đến mất giá đồng tiền; và lạm phát là tăng mức giá chung, là mất giá đồng tiền. Cả hai cách tiếp cận đều xuất phát từ mất giá đồng tiền và sự khác biệt cơ bản ở đây là vấn đề diễn đạt. Nếu bỏ qua khái niệm "lạm phát" mà bàn tới vấn đề "tăng mức giá chung" thì các phương pháp tiếp cận trên hoàn toàn không mâu thuẫn mà trái lại, bổ sung cho nhau.

Việc lựa chọn cách tiếp cận nào có lẽ cần căn cứ vào mục tiêu nghiên cứu và từ đó xem xét cách tiếp cận nào đáp ứng tốt hơn cho mục tiêu đó. Bởi vậy, cũng cần quay về vấn đề cơ bản, tại sao kinh tế học nghiên cứu về lạm phát? Chúng ta tranh luận về lạm phát để làm gì?

---

(13) Xem: *Tạp chí Cộng sản*, số 8/1991. tr 38 - 40; và http://www.dddn.com.vn/Desktop.aspx/Tintuc/Y-Kien

(14) A. Gélédan (Chủ biên): *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, t 2, tr 67

Digitized by Google

Xã hội quan tâm không chỉ đến vấn đề giá cả một cách đơn thuần, mà là đến ổn định giá cả. Giá cả cùng với sản lượng, việc làm,... là những đại lượng kinh tế vĩ mô cơ bản mà xã hội quan tâm và do đó, cũng là đối tượng nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô. Một trong những mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô vì vậy cũng là vấn đề ổn định giá[15]. Do đó, chúng ta phải nghiên cứu các nguyên nhân gây ra biến động giá và chỉ ra các khả năng, các công cụ mà chính phủ cần sử dụng để ổn định giá. Vấn đề không phải chỉ là ở tên gọi của hiện tượng.

Dân chúng quan tâm đến mức giá chung, vì khi mức giá chung tăng, tiền lương thực tế của họ bị giảm, người đi vay có lợi, người cho vay bị thiệt,... hàng loạt các quan hệ kinh tế bị méo mó,... Và nếu chúng ta tiếp tục nói "tăng giá chỉ là tăng giá", "tăng giá không phải là lạm phát",... thì dân chúng sẽ nói gì? (Hãy nhớ lại phản ứng của dư luận vào năm 2004 trước những tuyên bố "tăng giá chỉ là tăng giá"). Họ sẽ nói rằng: chúng tôi quan tâm tới hiện tượng tăng giá, mất giá đồng tiền, đồng lương chỉ còn mua được ít hàng hóa hơn trước..., thì khắc phục bằng cách nào?!

Nếu gọi hiện tượng mức giá chung tăng là lạm phát và tỷ lệ tăng mức giá chung là tỷ lệ lạm phát, thì việc nghiên cứu biến động giá trở thành đối tượng nghiên cứu về lạm phát. Dân chúng cũng đều hiểu như vậy. Trên thế giới, nói đến tỷ lệ lạm phát, đương nhiên, người ta đều hiểu là tỷ lệ tăng giá, tỷ lệ mất giá đồng tiền. Các số liệu thống kê của thế giới về lạm phát có nghĩa là về tăng mức giá chung.

Nếu nói lạm phát là cung tiền vượt cầu về tiền thì ngoài việc nghiên cứu lạm phát chúng ta vẫn phải đo động thái của giá. Lạm phát bị quy lại trong một phạm vi hẹp hơn và không đáp ứng được một cách trực tiếp mục tiêu ổn định giá trong điều hành kinh tế vĩ mô.

Mặt khác, trong hoạt động của ngân hàng trung ương, để ổn định giá, đặc biệt là trong ngắn hạn, việc phân tích tác động của các yếu tố đến giá là rất quan trọng để có thể lựa chọn được chính sách thích hợp. Với mục tiêu đó, ngân hàng trung ương của nhiều nước đã sử dụng chỉ số lạm phát cơ bản.

Gần đây, luận điểm về lạm phát cơ bản được nhắc đến khá nhiều và không ít người hiểu rằng, để đo lường mức độ lạm phát cần phải thay chỉ số CPI bằng chỉ số lạm phát cơ bản [16]. Và điều này dường như gián tiếp khẳng định, tăng giá không hoàn toàn là lạm phát. Lạm phát cơ bản cũng chỉ là một chỉ tiêu như các chỉ tiêu đo lường lạm phát khác; chúng bổ sung cho nhau chứ không phải thay thế, loại trừ nhau. Chỉ số lạm phát cơ bản được sử dụng bên cạnh CPI chứ không phải thay cho CPI.

Trong Báo cáo cho Hội thảo của Ủy ban Kinh tế và Ủy ban Thống kê châu Âu "Về cơ sở phương pháp luận và thực tiễn tính lạm phát cơ bản ở Liên bang Nga" do Cục Thống kê quốc gia Liên bang Nga chuẩn bị, có sự trợ giúp của các chuyên gia Anh, Thụy Điển, Phần Lan và Đức, các chuyên gia thống kê châu Âu khẳng định rằng: "Chỉ tiêu quan trọng nhất, phản ánh quá trình lạm phát ở Liên bang Nga là CPI. Tuy nhiên, bên cạnh CPI, để phân tích chi tiết hơn tình hình thị trường tiêu dùng trong nước cần xây dựng hệ thống các chỉ số giá bổ sung"[17]. Và "chỉ tiêu lạm phát cơ bản là một trong số những chỉ tiêu cần thiết nhất trong hệ thống các chỉ số giá hàng tiêu dùng được tính"[18]. Vậy, cách đo lạm phát cơ bản không thể thay thế cho cách tiếp cận coi lạm phát là hiện tượng tăng mức giá chung. Ổn định mức giá chung, ổn định giá cả hàng hóa tiêu dùng - liên quan mật thiết đến đời sống của mọi người, bởi vậy, phải là mục tiêu cơ bản trong điều hành kinh tế vĩ mô của Chính phủ và của Ngân hàng trung ương. ❑

---

(15) Chương 30, trong giáo trình của Sa-men-sơn nói về lạm phát, là "Đảm bảo ổn định giá cả" - TG

(16) http:www.dddn.com.vn/Destop.aspx/tintuc/y-kien

(17), (18) http://www.unece.org/stats/documents/ece/ces/ge22/2006/mtg2/4.rpdf

Digitized by Google

CẦN MỘT SỰ ĐỘT PHÁ TRONG ĐỔI MỚI TƯ DUY GIÁO DỤC Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

VÕ HÙNG DŨNG *

Nguồn nhân lực ở đồng bằng sông Cửu Long – cái nhìn tổng quát

Đồng bằng sông Cửu Long có 17 triệu dân và lực lượng lao động trên 9 triệu người (chiếm 21% của cả nước), nhưng được đánh giá có trình độ học vấn và chuyên môn qua đào tạo thấp. Điều đó ảnh hưởng không nhỏ đến chuyển dịch cơ cấu và phát triển kinh tế của vùng trong các năm qua và nó sẽ tiếp tục gây ra ảnh hưởng không tốt trong những năm tới, đặc biệt khi đất nước tham gia sâu vào quá trình hội nhập kinh tế thế giới.

Trước vấn đề như vậy đã nảy sinh các câu hỏi. Nguyên nhân nào dẫn đến tình hình trên và làm thế nào để khắc phục? Câu trả lời thường được nhắc đến là kết cấu hạ tầng, giao thông yếu kém, hệ thống giáo dục - đào tạo không được đầu tư đúng mức. Hoặc cũng có ý kiến cho rằng do ý thức của người dân nơi đây chưa cao đối với vấn đề học tập nên tỷ lệ biết chữ thấp. Còn giải pháp thì dường như vẫn đang tập trung vào công tác đào tạo, mở thêm hàng loạt trường.

Đồng bằng sông Cửu Long giàu tiềm năng nông nghiệp và đã có những đóng góp đặc biệt trong quá trình phát triển của cả nước. Điều đó đã được khẳng định trong những năm 80 của thế kỷ XX khi lúa gạo được huy động từ đây chở đi khắp mọi miền đất nước để giải quyết cái ăn và xuất khẩu thu những đồng ngoại tệ hiếm hoi, trước khi bàn đến chuyện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cơ cấu kinh tế thiên về nông nghiệp, trong điều kiện giao thông yếu kém, hệ thống giáo dục - đào tạo được đầu tư không đúng mức, trẻ em nơi đây có tỷ lệ đến trường thấp không phải chúng ta hôm nay mới nhận thấy, mà đã biết từ các cuộc điều tra dân số năm 1989 và năm 1999. Tình hình đó đã ảnh hưởng đến tỷ lệ lao động được đào tạo, lao động có trình độ chuyên môn thấp trong những năm sau này.

Đồng bằng sông Cửu Long lâu nay được đánh giá là vùng đất đầy tiềm năng. Điều đó là đúng! Nhưng khiếm khuyết ở chỗ, khi quá nhấn mạnh đến tiềm năng, chúng ta đã tự trói mình trong khuôn khổ của nông nghiệp với sản xuất lúa, thủy sản, thay vì xem đó như là lợi thế ban đầu để phát triển. Thành công trên mặt trận lương thực đã đưa đồng bằng sông Cửu Long có vị trí quan trọng trong nền kinh tế của đất nước, là kết quả của quá trình năng động, cùng trào lưu đổi mới của đất nước

* TS, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Digitized by Google

trong những năm 80, đầu 90 của thế kỷ XX. Thay vì quá trình này được tiếp tục, hơn chục năm tiếp theo không thấy sự đột phá nào từ vùng này.

Đào tạo là biện pháp hàng đầu để cải thiện chất lượng nguồn nhân lực

Chính phủ đang bắt đầu các kế hoạch mới nhằm cải thiện tình trạng giáo dục - đào tạo cho đồng bằng sông Cửu Long. Nhiều dự án cơ sở hạ tầng đang khởi động, hàng loạt trường đại học, cao đẳng, dạy nghề đang được, hoặc sắp được thành lập. Đó là cơ sở để từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực ở đồng bằng sông Cửu Long. Nhưng chắc chắn không phải ngày một, ngày hai và đồng bằng sông Cửu Long cũng không thể chờ đến khi đó mới phát triển kinh tế. Vấn đề đặt ra là phải thay đổi cơ cấu kinh tế của vùng, thay đổi cách nghĩ, cách làm trong các chương trình đào tạo, cách tiếp cận nguồn lực xã hội và chiến lược phát triển.

Trao đổi lao động trở thành nhu cầu để tiếp sức cho công cuộc phát triển kinh tế, xã hội của vùng. Thông qua quá trình trao đổi mà nguồn nhân lực của đồng bằng sông Cửu Long được bổ sung phát triển, điều hòa giữa nơi thừa và nơi thiếu. Đưa số lao động giản đơn mà nơi khác có nhu cầu, thu hút được lao động có kỹ năng cần thiết vào trong vùng. Chúng tôi cho rằng cốt lõi vấn đề nằm ở chỗ phải thay đổi cơ cấu kinh tế của cả vùng. Nếu cơ cấu kinh tế không thay đổi, ngành nghề đơn giản, nhịp sống đơn điệu, thì dù có gia tăng việc đào tạo cũng không giữ chân được lực lượng lao động có chất lượng ở lại, chưa nói việc thu hút nhân tài từ nơi khác về. Với công tác đào tạo, các chương trình hiện nay hầu như tập trung cho mục đích đi tìm việc. Suy nghĩ của đa số sinh viên sau khi ra trường là tìm được chỗ làm tốt, ổn định ở cơ quan nhà nước. Điều đó không thật phù hợp với bối cảnh kinh tế, xã hội đang thay đổi. Thay vì suy nghĩ như thế, nếu những người này được đào tạo để trở thành người khởi sự doanh nghiệp, họ sẽ tạo việc làm cho chính mình (và việc làm cho người khác) thì cơ cấu kinh tế, cách thức giải quyết công ăn việc làm sẽ thay đổi. Tinh thần khởi nghiệp, hoạt động khởi nghiệp, chấp nhận mạo hiểm đi vào kinh doanh của những người được đào tạo mới là động lực thúc đẩy giải quyết việc làm, là tiếp tục của chu trình tự đào tạo và đào tạo trong môi trường làm việc. Chính thông qua quá trình đó mới có được các nhà quản lý trẻ, nhiều người làm việc có kỹ năng, giàu kinh nghiệm.

Nhận thức tầm quan trọng của chất lượng nguồn nhân lực, một số tỉnh thực hiện chính sách "chiêu hiền" bằng cách ban hành chính sách đãi ngộ, bằng tiền cho những người có học vị tiến sĩ, thạc sĩ về địa phương mình làm việc - chủ yếu ở khu vực công. Kết quả thu được là không đáng kể, một số trường hợp còn mất đi những người đã từng sống, làm việc ở địa phương mình. Với những người thực sự có "tài" thì cái họ cần là điều kiện để được làm việc, môi trường để họ có thể phát huy được, lao động của họ có thể tạo được thu nhập cao tương xứng, được đánh giá một cách xứng đáng chứ không phải sự ban ơn. Sự đãi ngộ vật chất được tài trợ bởi ngân sách, ít có kết quả hơn là tạo ra môi trường làm việc và thái độ đối xử. Việc thu hút người "tài" được hay không, do đó còn phụ thuộc vào cấu trúc kinh tế và văn hóa ứng xử ở mỗi địa phương như thế nào.

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực nên được xem là vấn đề chung của quốc gia mà mỗi địa phương có trách nhiệm đóng góp vào. Nhưng trong phạm vi của mỗi tỉnh, để giữ được và để có được nguồn nhân lực có chất lượng thì đó phải là nơi có cơ cấu kinh tế tiến bộ, đô thị phát triển, dịch vụ phát triển,

Digitized by Google

quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế phải diễn ra hợp lý theo hướng hiện đại hóa. Điều đó sẽ làm các địa phương suy nghĩ và lựa chọn chiến lược, cũng như cách làm của mình.

Cơ cấu kinh tế, cơ cấu việc làm và chiến lược phát triển

Trong 3 năm, từ 2002 đến 2004, cả vùng đã tạo thêm được hơn 1 triệu công ăn việc làm mới, trong đó khu vực dịch vụ là 566 nghìn, khu vực công nghiệp - xây dựng là 353 nghìn, khu vực nông nghiệp chỉ tạo thêm được 222 nghìn lao động; riêng năm 2004 đã giảm đi gần 46 nghìn lao động. Trong nhiều năm, nông nghiệp là chỗ dựa giải quyết công ăn việc làm ở địa phương, nhưng tới đây nông nghiệp sẽ không đủ sức đảm đương vai trò đó. Điều này đòi hỏi phải có sự quan tâm tới các ngành công nghiệp, dịch vụ, có chính sách thúc đẩy khu vực tư nhân, các doanh nghiệp nhỏ và vừa phát triển để đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, cơ cấu công ăn việc làm. Về điểm này, đồng bằng sông Cửu Long chưa phải đã có những cải thiện tốt. Tính trung bình toàn vùng gần 700 người dân mới có một doanh nghiệp, trong khi cả nước khoảng 420 người dân/ một doanh nghiệp.

Trong cơ cấu công ăn việc làm, khu vực I vẫn còn chiếm đến 60% (số liệu 2004), giảm chỉ được 5,5% so hồi năm 1996. Cũng xuất phát từ những con số đó, mà quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 1996 - 2010, hầu hết các tỉnh đều lựa chọn phát triển các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động.

Đến nay tình trạng khan hiếm lao động đã xảy ra. Nhiều nhà máy ở các khu công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Bình Dương rất khó khăn trong việc tuyển lao động. Ngay tại Cần Thơ, thủ phủ của vùng đồng bằng sông Cửu Long tình trạng trên cũng đã xảy ra. Nguyên nhân của vấn đề nên được nhìn nhận như thế nào, và liệu có phải dư thừa lao động ở nông thôn là không còn?

Nếu dựa theo các con số thống kê với lao động ở khu vực I vẫn còn chiếm 60%, khu vực II mới chỉ sử dụng 13%, thì nông nghiệp vẫn là nguồn tiềm tàng cho công nghiệp. Vấn đề dường như ở chỗ khu vực công nghiệp chưa đủ hấp dẫn với lao động ở nông thôn. Tiền lương công nhân ở các xí nghiệp trong nhiều năm hầu như không tăng, trái lại ở nông thôn, tiền công đã được cải thiện trong những năm gần đây. Một vấn đề nghiêm trọng hơn, sau nhiều năm phát triển, khu công nghiệp, nhà máy mọc lên nhiều, nhưng chỗ ở cho công nhân gần như không có sự quan tâm nào về mặt chính sách.

Xuất khẩu lao động có thể ảnh hưởng nào đó tới cung cầu của lao động, nhưng chính trình độ cơ giới hóa nông nghiệp thấp, đã giữ một lực lượng lớn lao động giản đơn ở lại nông thôn, ảnh hưởng tới nguồn cung lao động cho công nghiệp. Điểm tháo gỡ cũng phải chú ý từ đây. Công nghiệp đồng bằng sông Cửu Long mạnh ở các ngành chế biến thủy sản, nhưng rất kém ở ngành cơ khí. Trong nghiên cứu ứng dụng chỉ mạnh ở giống lúa, các lĩnh vực khác như công nghệ sinh học ở nông thôn hầu như không có sự đầu tư.

Không phải toàn bộ các ngành công nghiệp thiếu lao động, mà chỉ ở những ngành công nghiệp dựa trên lao động với giá rẻ, năng suất lao động thấp, sức cạnh tranh lao động yếu là khó tuyển, khó giữ chân được lao động ở lại với mình. Quá trình thu hút đầu tư ở thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai, lâu nay dựa vào nguồn nhân lực từ đồng bằng sông Cửu Long và các tỉnh miền Trung. Khi các tỉnh này lập khu công nghiệp giữ một phần lao động tại địa phương thì sức ép lao động tăng lên ở tất cả các khu vực tập trung. Hệ quả có

Digitized by Google

thể thấy là: thúc đẩy phát triển các ngành thâm dụng lao động mà không giải quyết được vấn đề nguồn cung, thì trong dài hạn phải đối phó tình trạng thiếu nhân công gay gắt. Sự hụt hơi như vậy sẽ đẩy lên vòng xoáy mới với giá nhân công cao hơn, khi đó nhiều ngành công nghiệp sẽ mất sức cạnh tranh chứ không riêng ở các ngành thâm dụng lao động. Cũng từ đây câu hỏi được đặt ra: liệu đồng bằng sông Cửu Long có lập lại tình trạng trên, tình trạng thiếu hụt lao động giản đơn trong 10 - 15 năm tới ra sao? Nếu điều đó xảy ra thì lao động được nhập khẩu từ đâu, nếu những vùng khác và các nước lân cận cũng lựa chọn chiến lược công nghiệp sử dụng nhiều lao động?

Nguồn nhân lực, kết cấu hạ tầng và tầm nhìn phát triển

Bài toán nhân lực ở đồng bằng sông Cửu Long trở thành vấn đề lớn, liên quan đến sự phát triển của nhiều vùng, nhiều ngành, nó không còn là vấn đề riêng của từng tỉnh, mà là chiến lược phát triển của quốc gia. Trong quá trình phát triển cần hết sức chú ý mối quan hệ giữa công nghiệp với nông nghiệp, giữa đô thị với nông thôn trong vấn đề xã hội và việc làm. Rút bớt lao động trong nông nghiệp, tăng nguồn cung cho công nghiệp, nhưng không nên để nông nghiệp suy yếu mà phát sinh các vấn đề xã hội trầm trọng sau này. Nên đẩy mạnh chương trình cơ giới hóa nông nghiệp, công nghệ sinh học trong nông nghiệp, gia tăng các chương trình đào tạo nhằm cải thiện chất lượng lao động ở khu vực nông thôn. Đầu tư nhiều hơn cho công tác nghiên cứu, các trường đại học, viện nghiên cứu, các dự án nghiên cứu sâu về nông nghiệp, nông thôn, cơ chế hỗ trợ các hoạt động khởi sự doanh nghiệp, nhất là với các dự án đầu tư mạo hiểm.

Giữ được giá nhân công ổn định là tiêu chí quan trọng thu hút đầu tư, mà đồng bằng sông Cửu Long có điều kiện để thực hiện hơn so với các vùng khác, nhưng nếu năng suất lao động cũng được cải thiện thì năng lực cạnh tranh của vùng sẽ được nhân lên. Chính điều đó mới có ý nghĩa quyết định trong phát triển bền vững. Chiến lược công nghiệp cũng cần được xem xét điều chỉnh ở tầm quốc gia. Ở đồng bằng sông Cửu Long nên hết sức nghiêm túc với những ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động, những nhà máy tập trung quy mô và dễ gây nguy cơ ô nhiễm môi trường.

Nguồn nhân lực là điểm yếu, rất yếu của đồng bằng sông Cửu Long, cùng với yếu kém về cơ sở vật chất, hạ tầng giao thông đã ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế - xã hội của vùng. Giải quyết bài toán nhân lực là một trong 3 điểm mấu chốt: tầm nhìn của lãnh đạo, nguồn nhân lực và kết cấu hạ tầng, đưa đồng bằng sông Cửu Long vào giai đoạn phát triển mới.

Chất lượng lao động là yếu tố động, thay đổi theo thời gian và thường lạc hậu so với thay đổi công nghệ nên phải luôn được bồi đắp, không có điểm dừng. So với nhiều vùng phát triển, chất lượng nguồn nhân lực đồng bằng sông Cửu Long ở mức thấp hơn, so với yêu cầu phát triển của đất nước nó lại còn có khoảng cách xa hơn. Với nhiều nước trong khu vực, chất lượng nguồn nhân lực của nước ta hiện nay cũng không cao hơn. Nhưng tham gia, hội nhập không phải để cạnh tranh với các nước trong khu vực, mà phải hướng đến sân chơi rộng lớn hơn để phát triển. Cuộc cạnh tranh toàn cầu đòi hỏi nguồn nhân lực hoàn toàn khác với giai đoạn mà đất nước vừa mới thoát nghèo như hiện nay. Do đó, để đồng bằng sông Cửu Long phát triển kịp so với cả nước và các nước trong khu vực, cần có một sự đột phá trong đổi mới giáo dục, giáo dục phát triển nguồn nhân lực gắn với thay đổi cơ cấu từ lợi thế của vùng kinh tế khu vực này. ❑

Digitized by Google

QUÂN KHU 7 TẬP TRUNG XÂY DỰNG ĐƠN VỊ VỮNG MẠNH TOÀN DIỆN

LÊ MẠNH *

QUÂN khu 7 - một Quân khu đứng chân trên vùng đất miền Đông Nam Bộ và cực Nam Trung bộ, bao gồm 8 tỉnh và thành phố Hồ Chí Minh. Đây là địa bàn có vị trí chiến lược rất quan trọng của cả nước. Hơn 5 năm qua, quán triệt sâu sắc Chỉ thị 917/1999/CT-QP ngày 22-6-1999 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng "Về xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện trong toàn quân", lực lượng vũ trang Quân khu 7 đã đạt được những kết quả quan trọng, làm cơ sở để Quân khu tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* đi vào chiều sâu và đạt hiệu quả thiết thực. Trong thời kỳ đầu, các đơn vị bắt tay vào thực hiện nhiệm vụ này gặp không ít khó khăn, đó là thiếu trang thiết bị, đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ phân đội còn thiếu; chế độ chính quy chưa thực hiện có nền nếp, còn xảy ra nhiều vụ vi phạm kỷ luật. Đội ngũ cán bộ tuy đã được bồi dưỡng nhưng vẫn còn một số cán bộ thiếu chủ động, còn lúng túng, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước tình hình mới; đời sống vật chất và tinh thần cho bộ đội còn nhiều khó khăn...

Để tiếp tục đẩy mạnh công tác xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện theo 5 tiêu chuẩn do Bộ Quốc phòng quy định, lãnh đạo Quân khu 7 đã tiến hành triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

Thứ nhất, Đảng ủy các cấp phải xây dựng nghị quyết chuyên đề để lãnh đạo cơ quan đơn vị thực hiện tốt Chỉ thị 917 của Bộ Quốc phòng, tổ chức giáo dục cho cán bộ chiến sĩ nắm vững tiêu chuẩn và biện pháp xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện,* coi đó là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của đơn vị.

Thứ hai, chỉ huy các cấp có kế hoạch trực tiếp triển khai và tổ chức thực hiện có hiệu quả cả 5 tiêu chuẩn đơn vị vững mạnh toàn diện. Nêu cao tính tích cực, tinh thần chủ động, tự lực tự cường, phát huy sức mạnh tổng hợp của cơ quan, đơn vị. Tranh thủ sự giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền, các ban, ngành, đoàn thể địa phương nơi đóng quân trong xây dựng đơn vị. Xây dựng mối quan hệ mật thiết gắn bó với nhân dân trên địa bàn đơn vị đóng quân.

Thứ ba, tập trung kiện toàn và ổn định tổ chức biên chế, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt và cán bộ cơ sở gắn với củng cố, kiện toàn tổ chức đảng, kiện toàn cấp ủy và các tổ chức quần chúng. Tạo mọi điều kiện tốt nhất để chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ, chiến sỹ an tâm công tác, gắn bó lâu dài với đơn vị.

Thứ tư, tăng cường công tác kiểm tra, kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, biểu dương khen thưởng những cá nhân, đơn vị hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, xử lý nghiêm các vụ việc sai trái xảy ra, nâng cao vai trò trách nhiệm của cá nhân chỉ huy ở từng

---

* Trung tướng, Tư lệnh Quân khu 7

Digitized by Google

đơn vị. Lấy kết quả xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* để đánh giá phẩm chất, năng lực, mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cấp ủy, chỉ huy các cấp.

Trên cơ sở mục tiêu và giải pháp đã xác định, bằng sự nỗ lực của toàn Đảng bộ và lực lượng vũ trang Quân khu, việc xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* trong các cơ quan, đơn vị (kể cả cơ quan quân sự địa phương) đã có nhiều chuyển biến tích cực. Đội ngũ cán bộ, chiến sỹ luôn kiên định lý tưởng mục tiêu bảo vệ nền hòa bình độc lập của dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có bản lĩnh chính trị vững vàng, sẵn sàng hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Mối đoàn kết trong đơn vị, đoàn kết quân dân luôn được giữ vững và tăng cường. Các tổ chức đảng phát huy được vai trò lãnh đạo, sức chiến đấu và thực sự là hạt nhân đoàn kết thống nhất, nòng cốt trong xây dựng đơn vị. Đội ngũ cán bộ các cấp được bồi dưỡng về trình độ tổ chức chỉ huy, huấn luyện, quản lý bộ đội và chuyên môn nghiệp vụ theo chức trách. Hằng năm, số cán bộ hoàn thành nhiệm vụ theo chức trách đạt 100%, cán bộ hoàn thành nhiệm vụ đạt loại khá, tốt chiếm 80%. Chất lượng huấn luyện được nâng lên, kết quả chung đạt khá, 2 đơn vị B04 và B271 (Đoàn B05) được công nhận là đơn vị huấn luyện giỏi cấp bộ. Việc xây dựng nền nếp chính quy, giữ nghiêm kỷ luật quân đội, xây dựng cảnh quan môi trường văn hóa đã có bước chuyển biến tiến bộ rõ nét. Nơi ăn, ở, sinh hoạt của bộ đội được cải thiện đáng kể, khang trang, sạch sẽ, gọn gàng, phong trào xây dựng "doanh trại xanh, sạch, đẹp" được phát triển và nhân rộng. Các câu lạc bộ quân nhân, phòng Hồ Chí Minh, nhà sinh hoạt chính trị ở đại đội được xây dựng, củng cố đã phát huy tác dụng thiết thực trong quản lý, giáo dục bộ đội. Chính từ những sân chơi mới đó đã góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho lực lượng trong toàn Quân khu.

Cùng với việc chấp hành Chỉ thị của Tư lệnh Quân khu, Nghị quyết của Đảng ủy Quân khu về việc cấm uống rượu, bia và bảo đảm an toàn giao thông là ý thức chấp hành pháp luật nhà nước, kỷ luật quân đội, các chế độ quy định đã có tiến bộ rõ rệt, giảm cơ bản tình trạng đào ngũ, bỏ ngũ, vắng mặt trái phép và vi phạm kỷ luật thông thường. Đó chính là những yếu tố quan trọng tạo ra một khí thế mới và là động lực mạnh mẽ thúc đẩy công tác xây dựng đơn vị trong sạch vững mạnh toàn diện.

Trong 2 năm gần đây, Đoàn B05 là một điển hình trong công tác xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* của toàn quân theo Chỉ thị 41/CT-TM của Tổng tham mưu trưởng. Từ đơn vị được chọn làm điểm này đã tạo nên sự chuyển biến vượt bậc, khá toàn diện, rõ nét nhất là thực hiện về nền nếp chính quy, chấm dứt tình trạng đào ngũ, bỏ ngũ, xây dựng cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, tổ chức tăng gia sản xuất tập trung có hiệu quả. Nhìn chung, kết quả xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* của Đoàn B05 đã đáp ứng yêu cầu cơ bản của bộ và Quân khu đề ra, làm cơ sở để nhân rộng ở tất cả các cơ quan đơn vị trong toàn Quân khu.

Trong thời gian tới, xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* được tiếp tục xác định là một nội dung lớn, một nhiệm vụ trọng tâm thường xuyên của lực lượng vũ trang Quân khu. Chỉ tiêu phấn đấu đến năm 2010 có 100% cơ quan, đơn vị, kể cả các cơ quan quân sự ở địa phương đều đạt 5 tiêu chuẩn đơn vị *vững mạnh toàn diện*. Điều đó, trước hết xuất phát từ những yêu cầu mới, cao hơn trong nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn. Tiếp đến là việc xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* theo Chỉ thị 917/CT-QP của lực lượng vũ trang Quân khu đã đạt kết quả nhất định, có ý nghĩa quan trọng nhưng còn những khuyết điểm, yếu kém cần phải sửa chữa khắc phục.

Để tiếp tục thực hiện mục tiêu đề ra, toàn lực lượng trong Quân khu phải quán triệt nâng cao nhận thức, tiếp tục đổi mới cả về nhận thức

Digitized by Google

tư tưởng đến hoạt động thực tiễn, mà trước hết là từ các cấp ủy, tổ chức chỉ huy và các tổ chức quần chúng. Xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện* trên cả 5 tiêu chuẩn, nhưng phải lấy vững mạnh về chính trị làm cơ sở, có ý nghĩa quyết định. Trong xây dựng kế hoạch phải có bước đi, phương pháp và cách làm cụ thể phù hợp. Xây dựng đơn vị vững mạnh có nhiều khâu, nhiều việc phải làm nhưng phải biết chọn khâu đột phá, có trọng tâm, trọng điểm, chọn đơn vị điểm, chọn việc phù hợp với tính chất đặc điểm của đơn vị. Xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện luôn gắn với với xây dựng tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh, vì sự đi lên của đơn vị, vì yêu cầu nâng cao đời sống vật chất, tinh thần bộ đội. Từ thực tế xây dựng đơn vị vững mạnh toàn diện của Quân khu 7 nói chung cũng như của Đoàn B05 đã rút ra được những bài học kinh nghiệm như sau:

Một là, xác định rõ các *tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ* các cấp là nhân tố quyết định đến thành công của việc xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện.* Dù bất kỳ hoàn cảnh nào, sự lãnh đạo của các tổ chức Đảng và chỉ huy, điều hành của đội ngũ cán bộ các cấp cũng là nhân tố quyết định thành công việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ được giao. Do đó, trong thời gian tới các đơn vị chú trọng tập trung xây dựng và nâng cao sức chiến đấu, năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng, bảo đảm các cấp ủy thực sự là nòng cốt, là hạt nhân lãnh đạo đơn vị về mọi mặt. Mục tiêu hằng năm có 100% cấp ủy cấp trên trực tiếp cơ sở, hơn 90% tổ chức cơ sở đảng, 95% chi bộ đạt trong sạch vững mạnh, không có Đảng bộ, chi bộ yếu kém. Duy trì 100% đại đội đủ quân có chi bộ, đến năm 2008 có 100% chi bộ ở đại đội đủ quân có chi ủy vững chắc. Hằng năm, 100% đảng viên đủ tư cách, 85% trở lên hoàn thành tốt nhiệm vụ. Đi đôi với công tác xây dựng Đảng, phải nắm vững khâu then chốt là xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là đội ngũ cán bộ chủ chốt, cán bộ cơ sở đại đội, trung đội thường xuyên đủ số lượng, có chất lượng ngày càng cao, phấn đấu hơn 80% trở lên hoàn thành nhiệm vụ khá.

Hai là, không sao nhãng nhiệm vụ trung tâm trong thời bình là huấn luyện, nâng cao trình độ và khả năng sẵn sàng chiến đấu, tạo đà thúc đẩy các mặt công tác khác. Tập trung nâng cao trình độ, năng lực lãnh đạo, chỉ huy, quản lý, huấn luyện bộ đội cho đội ngũ cán bộ. Mục tiêu hằng năm đạt 100% khoa mục huấn luyện đạt khá, giỏi, trong đó có 60% – 65% khoa mục đạt giỏi. Huấn luyện dã ngoại, diễn tập ở các cấp đều đạt khá trở lên, bảo đảm an toàn tuyệt đối trong huấn luyện. Các trung đoàn bộ binh đủ quân, các trung đoàn, lữ đoàn binh chủng đều đạt đơn vị huấn luyện giỏi cấp bộ. Đối với các cơ quan quân sự địa phương, phải làm tròn *vai trò nòng cốt trong xây dựng nền quốc phòng toàn dân vững mạnh,* nâng cao chất lượng tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong quản lý nhà nước về lĩnh vực quốc phòng, xây dựng khu vực phòng thủ, xây dựng thế trận, cùng các lực lượng giữ vững ổn định chính trị góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Phối hợp các sở, ban, ngành, đoàn thể địa phương xây dựng "thế trận lòng dân", giữ gìn và tăng cường đoàn kết quân dân, thực hiện quân và dân một ý chí.

Ba là, có *quyết tâm cao, tinh thần thi đua* sôi nổi, rộng khắp, *đầu tư đúng mức* và *phát huy nội lực, tính chủ động, sáng tạo* của các cơ quan đơn vị.

Sáu mươi năm xây dựng và trưởng thành, phát huy truyền thống *"Trung thành vô hạn, chủ động sáng tạo, tự lực tự cường, đoàn kết quyết thắng",* được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng ủy quân sự Trung ương và Bộ Quốc phòng, sự giúp đỡ của cấp ủy, chính quyền và nhân dân địa phương, cán bộ chiến sỹ lực lượng vũ trang Quân khu 7 nhất định thực hiện thắng lợi nhiệm vụ xây dựng đơn vị *vững mạnh toàn diện,* góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. ❑

Digitized by Google

Chuyện ông và cháu

NAM DŨNG

TIẾNG là ông cháu mà mấy năm rồi chẳng gặp nhau. Cháu đi học nghiên cứu sinh ở thành phố khác, còn ông thì công tác ở trung ương nên công việc bận như thời đi chiến khu xưa... Mấy ngày nghỉ 30-4 và 1-5 ông cháu mới có dịp gặp nhau. Còn phải nói - mừng khôn tả, nhất là ông được ngắm nghía đứa cháu đích tôn của mình đang khôn lớn. Ngày sinh ra nó, ông vui sướng vô cùng. Bởi lúc đang bôn ba đi đánh giặc, ông chẳng bao giờ nghĩ mình có giờ phút sau này được gửi gắm, hun đúc cho đứa cháu - dòng máu căn cốt mà đời ông đã chắt chiu, dồn dạy, hy vọng qua gần hai cuộc kháng chiến đầy gian khổ...

Ông cháu trò chuyện thâu đêm như hai người bạn vong niên. Ông rất muốn tâm tình cởi mở với cháu, vừa là để giáo dục thêm, vừa là tìm hiểu đám trẻ bây giờ nghĩ sao. Ông nói, đất nước ta đã trải qua nhiều khó khăn, gian khổ trong kháng chiến chống giặc ngoại xâm. Được như ngày nay cháu có biết bao nhiêu người phải đổ xương máu, thậm chí phải vĩnh viễn nằm xuống nơi chiến trường không người trông nom, hương khói. Bạn ông có đến già nửa ở cái làng này ra đi không trở về, một số thì chẳng còn lành lặn nữa mà bây giờ vẫn phải "một nắng hai sương", chài chãi vật lộn với cuộc sống sao cho đủ ăn, đủ mặc, dành dụm cho các cháu học hành. Ông giảng giải một hồi rồi chợt hỏi: các cháu bây giờ thật sung sướng, có mỗi một việc là học, rồi thả sức mà làm việc, mà cống hiến, con đường rộng mở không ai ngăn cản nữa, có đúng vậy không ?

*Lặng yên một lát và thấy ông cho "cơ chế mở", cháu mạnh dạn: Thưa ông, đúng như ông dạy, chúng cháu rất hiểu và không bao giờ quên mình đang được hưởng thành quả bằng mồ hôi, công sức và xương máu của cha ông. Chúng cháu nghĩ rằng thế hệ ông và cha cháu ngày trước đánh giặc là để **giữ**, thế hệ của chúng cháu bây giờ học tập, làm việc là để **xây**. Giữ có nhiệm vụ của giữ và xây cũng có chức phận riêng của nó. Chúng cháu ngày nay phải đối mặt với nhiều vấn đề của thời đại, cháu xin đơn cử:*

***Thứ nhất,** chúng cháu phải ra sức vật lộn với việc học hành để có đủ kiến thức và làm chủ khoa học - kỹ thuật, công nghệ tiên tiến của thế giới. Trau dồi để đủ năng lực hội nhập, điều hành, quản lý những công việc của nền công nghiệp hiện đại và kinh tế trí thức. Điều đó tưởng chừng đơn giản nhưng thưa ông, con đường làm khoa học - kỹ thuật và cung cách quản lý ngày nay đòi hỏi những tiêu chí, tố chất khác trước. Và cũng không phải là "chỉ có mỗi việc học" ông ạ. Chúng cháu còn phải đối mặt với một số tồn tại, khuyết tật của cơ chế và bộ máy quản lý xơ cứng trước đây, nó bất cập và cồng kềnh cho công tác quản lý. Cán bộ thì vừa thừa vừa thiếu, hiệu quả công việc thấp. Ngân sách để chi phí cho bộ máy công chức từ trung ương đến xã phường lớn hơn thời của ông và bố cháu rất nhiều. Ở đó còn có những căn bệnh trầm kha và sự nhũng nhiễu đến mức đau lòng. Người dân nói rằng ngày xưa có một cửa "quan", bây giờ cửa "quan" nhiều quá. Còn các nhà đầu tư thì ví von: môi trường đầu tư ở một số ngành, địa phương nước ta giống như cái "chợ trời" vậy; làm ăn ở ta vừa "thoáng", vừa "tắc" như đường giao thông ấy... Ông ơi, cháu ở cấp thấp đôi lúc không biết hoạt động ra sao để vừa có hiệu quả cao đúng ý chỉ đạo của trên, lại vừa phù hợp với cơ chế lúc thì "xin - cho", lúc thì "mở cửa" như hiện*

Digitized by Google

nay. Có người bóng gió nói rằng phải biết "hát tân cổ giao duyên" thì mới tồn tại được ông ạ... Chúng cháu thiết nghĩ, đấy có phải là hình thái quản lý tất yếu của thời kỳ quá độ không ông?

Thứ hai, *như ông thường dạy, chúng cháu phải hiểu lịch sử và truyền thống của ông, cha. Nhiều bạn cháu khi nghiên cứu lịch sử nước ta tranh luận với cháu là tại sao nước ta vốn có nhiều người giỏi và truyền thống hào hùng vậy mà đến nay vẫn "được" xếp vào nước kém phát triển ? Cháu giải thích như ông vẫn dạy, bạn cháu chưa "chịu", còn chất vấn: Nước ta giải phóng đã hơn 30 năm rồi, nhìn sang nước khác, sao họ phát triển nhanh thế. Cháu nói, mình là nước nông nghiệp lạc hậu, dân trí nhìn chung còn thấp, lại dồn sức lực cho chiến tranh giữ nước nên không thể như nước khác được. Chúng nó vẫn không thông và tiếp tục đưa ra một loạt câu hỏi: Tại sao các nước cạnh ta cũng phong kiến, lạc hậu, cũng chiến tranh mà họ có bước đi thần kỳ, vừa nhanh vừa vững. Phải chăng họ đã dũng cảm bàn giao cho thế hệ sau trọng trách - mà chỉ có thế hệ này mới làm được. Họ không cầm tay chỉ việc, không áp đặt, công thần. Họ nhận ra rằng mình có công nhưng không ỷ vào cái công ấy để "gặm nhấm thành tích"... Bạn cháu còn bình luận, ở nước ta hiện nay có không ít cán bộ giữ trọng trách nhưng rất cá nhân, bảo thủ, công thần. Đó có phải là rào cản lớn làm cho nước ta tụt hậu không hả ông?*

Nghe một hồi, ông nội đăm chiêu. Ông không trả lời trực tiếp vào câu hỏi của cháu mà lặng lẽ vào giường nằm. Cháu lo quá, trăn trở không sao ngủ được, cứ ân hận, dằn vặt, ngộ nhỡ ông giận thì khốn... Hai tháng sau, cháu nhận được thư ông, ông đã suy nghĩ rất kỹ và tự nguyện bàn giao công việc đang đảm trách. Ông còn viết: Những điều mà thế hệ của ông và cha cháu trước đây đã làm được trong công cuộc giữ nước là rất lớn, rất vĩ đại, nhưng điều làm cho thành tựu đó trở nên có giá trị thiết thực hơn là đừng chậm trễ nữa, phải biết ***bàn giao*** *thế hệ đúng lúc - thời đại nào cần có con người ấy. Đó mới là trách nhiệm trọn vẹn của thế hệ cha ông đối với thế hệ các cháu.* ❑

Đổi mới nhận thức...

(Tiếp theo trang 51)

của xã hội trong quá trình tổ chức quản lý và điều hành nền sản xuất. Đây là nguồn gốc căn bản của mọi sự khác biệt, khác biệt về địa vị xã hội, về quy mô thu nhập và về cả những thang bậc giá trị xã hội. Đấu tranh xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất, từng bước thiết lập chế độ công hữu về tư liệu sản xuất dưới hai hình thức sở hữu toàn nhân dân, sở hữu tập thể là mục tiêu của chủ nghĩa cộng sản. Chế độ công hữu về tư liệu sản xuất sẽ là nhân tố xóa bỏ mọi đối kháng về địa vị và lợi ích giữa các thành viên trong xã hội. Lô-gíc phát triển và nhận định ấy của C. Mác cho đến nay vẫn còn nguyên những giá trị đích thực sống động. Chuyển sang giai đoạn phát triển mới, tính chất cạnh tranh gay gắt và quyết liệt của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đòi hỏi phải có quá trình tích lũy và tập trung tư bản ngày càng lớn, đầu tư trí tuệ ngày càng nhiều. Có tư liệu sản xuất trong tay, nhà tư bản không hẳn đã đủ sức cạnh tranh thắng lợi; vốn và khoa học - công nghệ là những nhân tố không thể thiếu của quá trình phát triển trong điều kiện bùng nổ thông tin, hội nhập quốc tế sâu rộng như hiện nay. Chính vì vậy, sở hữu trí tuệ, sở hữu vốn trở thành những bộ phận không thể thiếu của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vốn và trí tuệ tham gia chi phối và điều tiết rất quan trọng đến tất cả các thang bậc giá trị trong nền sản xuất tư bản chủ nghĩa. Sự khác biệt về mọi phương diện trong lòng phương thức sản xuất tư bản đều bắt đầu từ sở hữu tư liệu sản xuất, nhưng giờ đây điều đó không còn là duy nhất. Những tác động của thời cuộc đã ảnh hưởng sâu rộng đến sự thay đổi của sở hữu và những quan niệm của con người về sở hữu. Cần phải nhận thức đúng lô-gíc của quá trình phát triển để nhận rõ chân giá trị của sở hữu được biểu hiện cụ thể trong quá trình phát triển. ❑

Digitized by Google

APEC VÀ NĂM APEC VIỆT NAM 2006

LÊ CÔNG PHỤNG *

THÀNH lập năm 1989, đến nay, Diễn đàn hợp tác kinh tế khu vực châu Á - Thái Bình Dương (APEC) gồm hai mươi mốt nền kinh tế thành viên. Sau gần hai thập kỷ tồn tại và phát triển, APEC đang đứng trước những cơ hội phát triển mới, đồng thời cũng phải đối phó với những thách thức mới do những thay đổi nhanh chóng của môi trường quốc tế và khu vực, cũng như do những chuyển hóa từ bên trong nội bộ APEC.

Đặc điểm nổi bật của APEC là tính đa dạng. APEC không chỉ có các trung tâm kinh tế lớn như Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, các nền kinh tế phát triển như Ô-xtrây-li-a, Ca-na-đa, Hàn Quốc, mà còn có cả các nền kinh tế đang phát triển như Phi-líp-pin, In-đô-nê-xi-a, các thực thể kinh tế như Đài Loan, Hồng Công. Mỗi nền kinh tế có bản sắc văn hóa, lịch sử, phong tục tập quán riêng, tạo nên một APEC đa dạng và phong phú. Là một khu vực kinh tế giàu tiềm năng, phát triển năng động nhất thế giới, với dân số 2,6 tỉ, chiếm 57% GDP thế giới, 45,8% thương mại toàn cầu, 70% tăng trưởng kinh tế thế giới, APEC ngày càng có tiếng nói quan trọng trong đời sống quốc tế.

APEC là một diễn đàn đối thoại mở, các nền kinh tế thành viên, không phân biệt lớn nhỏ, giàu nghèo, trình độ phát triển cao hay thấp, đều có tiếng nói bình đẳng dựa trên cơ sở các nguyên tắc đồng thuận, tự nguyện, không ràng buộc và linh hoạt. Tiến trình hợp tác trong APEC xoay quanh 3 trụ cột là: Tự do hóa thương mại và đầu tư, trong đó việc thúc đẩy thương mại đa biên, cắt giảm hàng rào phi quan thuế được quan tâm đặc biệt; thuận lợi hóa thương mại và đầu tư, chú trọng các lĩnh vực cải cách thủ tục, giảm chi phí giao dịch, minh bạch hóa, tiêu chuẩn, hợp chuẩn, điều kiện di chuyển của doanh nhân và hàng hóa; hợp tác kinh tế khoa học - kỹ thuật (Ecotech). APEC đã nhất trí đưa ra mục tiêu Bô-go nhằm đạt tự do hóa thương mại và đầu tư vào năm 2010 đối với các nền kinh tế phát triển, và năm 2020 đối với các nền kinh tế đang phát triển.

APEC đã đạt được những kết quả khả quan trong việc thực hiện các mục tiêu của mình; đã thúc đẩy mạnh mẽ quan hệ hợp tác thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật trong nội khối và giữa các nền kinh tế với nhau, đóng góp quan trọng vào việc thúc đẩy đàm phán thương mại đa biên. APEC cũng đi tiên phong trong việc thúc đẩy tự do hóa thương mại và đầu tư, cắt giảm chi phí giao dịch cho doanh nghiệp... Bên cạnh đó, APEC cũng đặc biệt quan tâm đến vấn đề an ninh con người, an toàn cho môi trường kinh doanh, góp phần quan trọng trong việc tạo môi trường thuận lợi cho hợp tác và phát triển.

Tuy nhiên, những biến động phức tạp và khó lường của tình hình thế giới, những tác động của toàn cầu hóa và sự xuất hiện của các nhân tố an ninh phi truyền thống (khủng bố, dịch bệnh, thiên tai, an toàn thực phẩm, an ninh năng lượng...) đang đặt APEC trước nhiều thách thức. Để thực hiện các mục tiêu của mình, APEC cần phải có những biện pháp xử lý thỏa đáng các vấn đề cốt yếu sau:

---

* Thứ trưởng Thường trực Bộ Ngoại giao, Trưởng ban Thư ký APEC 2006, Chủ tịch SOM APEC 2006

Digitized by Google

- Phấn đấu thực hiện mục tiêu Bô-go về tự do hóa thương mại và đầu tư. Năm 2005, APEC đã thông qua Lộ trình Bu-san để thực hiện mục tiêu Bô-go; năm 2006 sẽ thông qua Kế hoạch hành động Hà Nội. Như vậy, định hướng đã rõ, vấn đề quyết định là hành động cụ thể trong thời gian sắp tới.

- Đảm bảo sự phát triển bền vững của cộng đồng trước mối đe dọa đối với con người và môi trường kinh doanh.

- Thu hẹp khoảng cách phát triển trước nguy cơ khoảng cách phát triển và chênh lệch về trình độ ngày càng gia tăng do tác động của toàn cầu hóa và tự do hóa thương mại và đầu tư.

- Phối hợp, hợp tác chặt chẽ giữa khu vực công và tư, đáp ứng tốt hơn các yêu cầu của các doanh nghiệp.

- Tiến hành cải cách APEC để nâng cao hiệu quả hoạt động sau 17 năm tồn tại, đáp ứng các yêu cầu hợp tác ngày càng phát triển đa dạng cả về chiều rộng và chiều sâu.

- Phát huy vai trò, vị trí của APEC trước sự cạnh tranh của các thể chế khác trong khu vực.

Giải quyết tốt các vấn đề trên để thúc đẩy hơn nữa tiến trình APEC đòi hỏi các nền kinh tế thành viên phải tiếp tục nỗ lực hợp tác, phối hợp hành động thông qua các kế hoạch hành động tập thể và quốc gia, các dự án song phương và đa phương, thực hiện các thỏa thuận và cam kết về thương mại, đầu tư, khoa học - kỹ thuật, chống tham nhũng...

***

Cách đây 8 năm, tại Hội nghị Bộ trưởng APEC lần thứ 10 ở Cu-a-la-lăm-pơ (Ma-lai-xi-a, từ 4 đến 15-11-1998), Việt Nam chính thức gia nhập APEC, đánh dấu một bước phát triển mới trong chính sách hội nhập kinh tế của nước ta với khu vực và thế giới. Quán triệt chủ trương: *Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, bảo vệ môi trường,* ngay sau khi gia nhập APEC, Việt Nam đã tích cực tham gia vào nhiều chương trình, dự án hợp tác của APEC, tranh thủ được sự hỗ trợ và giúp đỡ to lớn về vốn, khoa học - kỹ thuật, đào tạo nguồn nhân lực, phục vụ cho các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhiều thành viên APEC hiện là những đối tác kinh tế quan trọng của Việt Nam, chiếm khoảng 67% vốn FDI, khoảng 75% vốn ODA và 70% kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam.

Là thành viên đang phát triển, trình độ phát triển còn ở mức thấp, song Việt Nam đã được các nền kinh tế thành viên tín nhiệm chọn là chủ nhà của Hội nghị APEC 2006. Điều này thể hiện sự đánh giá cao của các nền kinh tế thành viên đối với những đóng góp tích cực của Việt Nam trong những năm qua, đồng thời cũng khẳng định vị thế quốc tế ngày càng cao của Việt Nam trên các diễn đàn quốc tế đa phương. Để xứng đáng với niềm tin của bạn bè quốc tế, chúng ta đang tập trung mọi nỗ lực phấn đấu tổ chức thành công Năm APEC 2006, mang đậm bản sắc Việt Nam. Đến nay, sau những thành công của các hội nghị các quan chức cao cấp (SOM I và SOM II), hội nghị Bộ trưởng Thương mại, hội nghị cấp bộ trưởng về dịch cúm gia cầm và hàng chục hội nghị liên quan khác, chúng ta đã nhận được những đánh giá tích cực, chân thành của các thành viên APEC và bạn bè quốc tế về những đóng góp của chủ nhà năm APEC 2006 trên các vấn đề sau:

Thứ nhất, đưa ra chủ đề và các ưu tiên của Năm APEC 2006 phù hợp với những yêu cầu phát triển của APEC nhằm đối phó với những thách thức mới.

Chủ đề của năm APEC Việt Nam 2006 là *Hướng tới một Cộng đồng năng động vì phát triển bền vững và thịnh vượng* với bốn tiểu chủ đề: (1) Tăng cường thương mại và đầu tư thông qua thực hiện Lộ trình Bu-san và thúc đẩy vòng đàm phán phát triển Đô-ha; (2) Tăng cường

Digitized by Google

hợp tác kinh tế - kỹ thuật để thu hẹp khoảng cách và phát triển bền vững; (3) Thúc đẩy một môi trường kinh doanh an toàn và thuận lợi; (4) Tăng cường gắn kết cộng đồng.

Chúng ta đã nêu 7 ưu tiên của năm APEC 2006 nhằm thúc đẩy hợp tác trên các lĩnh vực thương mại, đầu tư, phát triển bền vững, phòng và chống dịch cúm gia cầm, phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp vừa và nhỏ, chống tham nhũng, liên kết giữa các thành viên APEC thông qua hợp tác và phát triển du lịch.

Thứ hai, xây dựng Kế hoạch hành động Hà Nội thực hiện Lộ trình Bu-san.

Lộ trình Bu-san thực hiện mục tiêu Bô-go là một kết quả quan trọng của năm APEC Hàn Quốc 2005 nhằm thúc đẩy tự do hóa, thuận lợi hóa thương mại, đầu tư, tạo môi trường kinh doanh an toàn và hiệu quả cho cộng đồng doanh nghiệp trong khu vực. Để cụ thể hóa việc thực hiện, Việt Nam đề xuất việc xây dựng Kế hoạch hành động Hà Nội và thành lập *Nhóm bạn bè* của Chủ tịch SOM (FOTC) về vấn đề này. Tại Hội nghị SOM II ở thành phố Hồ Chí Minh, APEC đã thông qua khung Kế hoạch hành động Hà Nội gồm 6 phần: (1) mục tiêu, (2) các nguyên tắc, (3) các nội dung của Kế hoạch hành động Hà Nội, (4) các vấn đề thực hiện, (5) danh mục các vấn đề đạt được trong năm 2006, (6) rà soát. Trên cơ sở đề cương này, các nhóm công tác của APEC sẽ xây dựng các nội dung chi tiết, hành động cụ thể để trình báo cáo Hội nghị SOM III họp ở Đà Nẵng và Hội An vào tháng 9 tới.

Thứ ba, góp phần thúc đẩy vòng Đàm phán phát triển Đô-ha.

Tuy chưa phải là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), song với vai trò chủ nhà APEC 2006, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực nhằm góp tiếng nói chung với các thành viên APEC khác (thông qua Nhóm "APEC Caucus" ở Giơ-ne-vơ) trong việc thúc đẩy các vấn đề của WTO và vòng đàm phán Đô-ha. Với sự tham gia tích cực của Việt Nam, tại Hội nghị Bộ trưởng Thương mại APEC ở thành phố Hồ Chí Minh (từ 2 đến 3-6-2006), APEC ra một Tuyên bố riêng về WTO và vòng đàm phán phát triển Đô-ha.

Thứ tư, thúc đẩy các mục tiêu cải cách APEC hiệu quả và năng động hơn.

Cải cách APEC năng động và hiệu quả là một trong những ưu tiên của năm APEC 2006 và để thúc đẩy việc này Việt Nam đã đề xuất việc thành lập *Nhóm bạn bè* của Chủ tịch SOM về cải cách APEC. Trên cơ sở các đề xuất của ta, các nền kinh tế thành viên, các Nhóm công tác đã đưa ra nhiều ý kiến bổ ích về cải cách APEC theo hướng gọn nhẹ, hiệu quả, năng động, linh hoạt, nối kết giữa APEC với Hội đồng tư vấn kinh doanh (ABAC) và giới nghiên cứu về APEC.

Thứ năm, đề xuất các sáng kiến thúc đẩy hợp tác trong APEC trên một số lĩnh vực cụ thể.

Nhằm phát triển du lịch và tận dụng du lịch - một thế mạnh của Việt Nam trong APEC - chúng ta đã đưa ra sáng kiến tăng cường hợp tác du lịch trong APEC, và Hội nghị Bộ trưởng Du lịch APEC vào tháng 10 tới sẽ thông qua Tuyên bố Hội An, khẳng định quyết tâm của APEC tăng cường gắn kết cộng đồng thông qua phát triển du lịch và các hoạt động lễ hội gắn với du lịch.

Chúng ta cũng đưa các sáng kiến khuyến khích cộng đồng doanh nghiệp APEC tham gia tích cực vào các vấn đề của APEC 2006, sáng kiến đối thoại công - tư về thuận lợi hóa thương mại, các sáng kiến thúc đẩy hợp tác của thanh niên, phụ nữ, xóa đói giảm nghèo, phát triển bền vững...

Đăng cai tổ chức Hội nghị Cấp cao APEC lần thứ 14 là một trong những sự kiện đối ngoại lớn nhất của Việt Nam trong năm 2006. Với quyết tâm và nỗ lực chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, chúng ta tin tưởng rằng, APEC 2006 sẽ thành công tốt đẹp, để lại dấu ấn sâu đậm về vai trò và hình ảnh một nước Việt Nam đổi mới trong tiến trình hội nhập khu vực và thế giới. ❑

Digitized by Google

ĐỒNG CHÍ TRƯƠNG TẤN SANG, ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ, THƯỜNG TRỰC BAN BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG LÀM VIỆC VỚI BỘ BIÊN TẬP TẠP CHÍ CỘNG SẢN



SÁNG ngày 17-8-2006, thực hiện chương trình triển khai Nghị quyết Đại hội X của Đảng, đồng chí Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Thường trực Ban Bí thư Trung ương, đã làm việc với Bộ Biên tập Tạp chí Cộng sản. Tham dự buổi làm việc có đại diện lãnh đạo các Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Bộ Văn hóa - Thông tin cùng Ban Biên tập, đội ngũ cán bộ chủ chốt Tạp chí Cộng sản.

Đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản, thay mặt Bộ Biên tập Tạp chí, báo cáo tình hình tổ chức cán bộ, những thành tựu công tác chính, Chương trình công tác của Tạp chí năm 2006 và kế hoạch thông tin tuyên truyền, nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn góp phần triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội X của Đảng. Để nâng cao chất lượng, vai trò của Tạp chí Cộng sản trong công tác thông tin tuyên truyền thời gian tới, Tạp chí Cộng sản đã xây dựng Đề án công tác, trong đó nêu ra những biện pháp cụ thể như: cải tiến công tác biên tập, đổi mới giao diện Tạp chí Cộng sản Điện tử, xuất bản số chuyên đề phục vụ cơ sở và chuyên san nhằm phục vụ công tác thông tin đối ngoại, chống các quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời xác định một số điều kiện về cơ chế, chính sách và các nguồn lực bảo đảm cho Tạp chí chủ động trong hoạt động chuyên môn. Đại diện các ban, bộ, ngành tham dự buổi làm việc bày tỏ sự ủng hộ, phối hợp chặt chẽ nhất và sẵn sàng tạo mọi điều kiện thuận lợi nhất trong điều kiện cho phép và khả năng có thể, để Tạp chí Cộng sản hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của mình.

Kết luận buổi làm việc, đồng chí Trương Tấn Sang biểu dương những thành tích to lớn mà Tạp chí Cộng sản đạt được trong lịch sử vẻ vang 76 năm của mình, đặc biệt là sự đóng góp quan trọng trong 20 năm đổi mới vừa qua để luôn xứng đáng là ngọn cờ tư tưởng lý luận của Đảng. Đồng chí nhấn mạnh: Để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội X của Đảng, Tạp chí Cộng sản với vị thế là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng có vai trò rất quan trọng, nhiệm vụ rất vinh quang nhưng cũng rất nặng nề. Tạp chí cần tiếp tục đi sâu nghiên cứu, tuyên truyền lý luận chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quán triệt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước, trước mắt là Nghị quyết Đại hội X và các Nghị quyết Hội nghị Trung ương; chủ động tổng kết thực tiễn, qua đó, góp phần làm sáng tỏ hơn, sâu sắc hơn những vấn đề lý luận của công cuộc xây dựng

Digitized by Google

và phát triển đất nước, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng, tháo gỡ những vướng mắc do cuộc sống đặt ra; góp phần nâng cao uy tín của Đảng ta, của đất nước ta trên trường quốc tế. Trung ương Đảng, Nhà nước sẽ tạo mọi điều kiện tốt nhất trong khả năng cho phép để Tạp chí Cộng sản làm tốt hơn trọng trách do Trung ương Đảng giao phó. Đồng chí Trương Tấn Sang giao nhiệm vụ cho Tạp chí: nhanh chóng làm việc với các cơ quan chức năng, chuẩn bị các điều kiện kinh tế, kỹ thuật để trong năm 2006 ra được số chuyên đề phục vụ cơ sở và chuyên san "Hồ sơ sự kiện" phục vụ công tác thông tin đối ngoại, đấu tranh chống "diễn biến hòa bình". Tạp chí Cộng sản làm việc với Ban Tài chính Quản trị Trung ương để xây dựng cơ chế quản lý hợp lý theo tinh thần Nghị định 43 của Chính phủ, tạo điều kiện thuận lợi cho Tạp chí hoàn thành nhiệm vụ chính trị của mình.

ĐOÀN CÁN BỘ TẠP CHÍ A-LUN-MAY (LÀO) SANG THĂM VÀ DỰ KHÓA BỒI DƯỠNG NGHIỆP VỤ



THEO chương trình hợp tác thường niên giữa Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Tạp chí A-lun-may - cơ quan lý luận và thực tiễn của Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, đoàn cán bộ Tạp chí A-lun-may do đồng chí Bua-thoong, Phó Tổng Biên tập, dẫn đầu sang thăm và dự khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí do Tạp chí Cộng sản tổ chức từ ngày 15-8 đến 29-8-2006.

Sáng ngày 16-8-2006, đoàn cán bộ Tạp chí A-lun-may đã có buổi làm việc với Ban Biên tập Tạp chí Cộng sản. Tiếp đó, đồng chí Tạ Ngọc Tấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Biên tập Tạp chí Cộng sản đã khai mạc lớp, giới thiệu những vấn đề chung đặt ra cho Khóa bồi dưỡng và chiêu đãi đoàn. Trong thời gian khóa học, bạn đã được nghe các đồng nghiệp, các nhà báo có kinh nghiệm của Tạp chí Cộng sản giới thiệu những chuyên đề: *"Thời đại ngày nay và chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh"; "Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội - mục tiêu phát triển của chúng ta"; "Những vấn đề lý luận và thực tiễn lớn đặt ra từ Đại hội X của Đảng Cộng sản Việt Nam"; "Các thể loại báo chí chính trên Tạp chí Cộng sản - nhận thức và phương pháp thể hiện"; "Quy trình nghiệp vụ báo chí ở Tạp chí Cộng sản"; "Giới thiệu về Tạp chí Cộng sản điện tử và công tác nghiên cứu khoa học - thực tế phục vụ biên tập ở Tạp chí Cộng sản"; "Công tác cộng tác viên - phát hành - bạn đọc của Tạp chí Cộng sản"; "Công tác văn phòng ở Tạp chí"; "Nghiệp vụ và kỹ thuật tin học ở Tạp chí Cộng sản"; giới thiệu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty in Tạp chí Cộng sản...* Trong thời gian tiến hành khóa học, Tạp chí Cộng sản đã tổ chức cho đoàn đến thăm, nghiên cứu thực tế và làm việc tại thành phố Hải Phòng, huyện đảo Cát Bà; một số cơ quan báo chí địa phương như Báo Hải Dương, Báo Bắc Ninh, Báo Bắc Giang... Ngày 29-8-2006, đoàn rời Hà Nội về nước, kết thúc chuyến thăm và khóa học bồi dưỡng nghiệp vụ báo chí. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ THAN QUẢNG NINH



Toàn cảnh Đại hội Đảng bộ Than Quảng Ninh

Tổng Công Than Việt Nam được Thủ tướng Chính phủ ra quyết định thành lập từ ngày 10/10/1994 và chính thức hoạt động từ ngày 01/01/1995. Được sự thống nhất của ban tổ chức Trung ương, Tỉnh ủy Quảng Ninh đã ra Quyết định số 43 QĐ/TU, ngày 13/7/1996, thành lập Đảng bộ Than Quảng Ninh. Đảng bộ Than Quảng Ninh là đảng bộ cấp trên cơ sở, trực thuộc Tỉnh ủy Quảng Ninh, bao gồm các tổ chức cơ sở Đảng trong các đơn vị thuộc Tổng Công ty Than Việt Nam (nay là Tập đoàn công nghiệp Than và Khoáng sản Việt Nam) đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Nhận thức đúng vai trò, chức năng nhiệm vụ của tổ chức Đảng trong doanh nghiệp nhà nước, Đảng bộ Than Quảng Ninh đã thống nhất với chiến lược phát triển mà lãnh đạo Tổng Công ty Than Việt Nam đã xác định là "Xây dựng Tổng Công ty Than Việt Nam trở thành một tập đoàn kinh doanh đa ngành trên nền sản xuất than". Từ chiến lược phát triển đó, Đảng bộ Than Quảng Ninh đã lãnh đạo các chi, đảng bộ cơ sở trực thuộc thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty giao, lãnh đạo xây dựng các tổ chức đảng vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng và đảng viên để lãnh đạo thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị hàng năm, góp phần to lớn vào sự phát triển của Tổng Công ty Than Việt Nam trong những năm qua.

Đảng bộ Than Quảng Ninh đã lãnh đạo các cơ sở quán triệt tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp về mở rộng thị trường, đầu tư đổi mới công nghệ, đổi mới cơ chế sản xuất - kinh doanh, phát triển nguồn nhân lực... theo đúng định hướng, chiến lược phát triển mà Tổng Công ty Than Việt Nam đã đề ra nhằm ngày càng hoàn thiện theo cơ chế thị trường, làm cho quan hệ sản xuất thích nghi và phù hợp với sự phát triển của lực lượng sản xuất, phát huy tối đa nội lực, thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển bền vững.

Trong 10 năm qua, các cơ sở đảng thuộc Đảng bộ đã lãnh đạo các đơn vị khắc phục khó khăn, tận dụng cơ hội để hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao, góp phần cùng Tổng Công ty lập nên những kỳ tích: Các chỉ tiêu sản xuất than nguyên khai, tiêu thụ than, doanh thu của Tổng công ty đều có mức tăng trưởng 2 con số. Vốn kinh doanh năm 2004 đã tăng 2,32 lần so với năm 1995; tài sản cố định tăng 4,44 lần so với năm 1995; tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu năm 2005 đã đạt 30,5%, tăng 25,2 lần so với 1995. Về sản xuất kinh doanh đa ngành, năm 1995 các ngành khác mới đạt doanh thu là 515 tỉ đồng thì đến năm 2005 đã đạt 5.273 tỉ đồng, tăng 10 lần, chiếm 34% trong tổng doanh thu của Tổng Công ty. Trong các chỉ tiêu đó, các cơ sở thuộc Đảng bộ Than Quảng Ninh chiếm từ 70% - 90%.

Cũng trong 10 năm qua, Tổng Công ty Than Việt Nam đã có 10 đơn vị được tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới; 9 đơn vị được tặng danh hiệu AHLLVTND; có 7 cá nhân được tặng danh hiệu AHLĐ và hàng ngàn tập thể và cá nhân được tặng huân chương các loại.

Về công tác quản lý và phát triển đảng viên, từ năm 1996 đến tháng 6 năm 2006 đã kết nạp 9.590 người vào Đảng đạt bình quân hàng năm là 6,92%. Việc phân công nhiệm vụ đảng viên đã được làm tốt và thường xuyên hơn, nhờ đó đã giúp cho đảng viên phát huy được vai trò tiên phong gương mẫu trong lao động sản xuất và đạo đức lối sống. Số đảng viên đủ tư cách hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ hàng năm đều đạt trên 98%.

Digitized by Google

VNPT

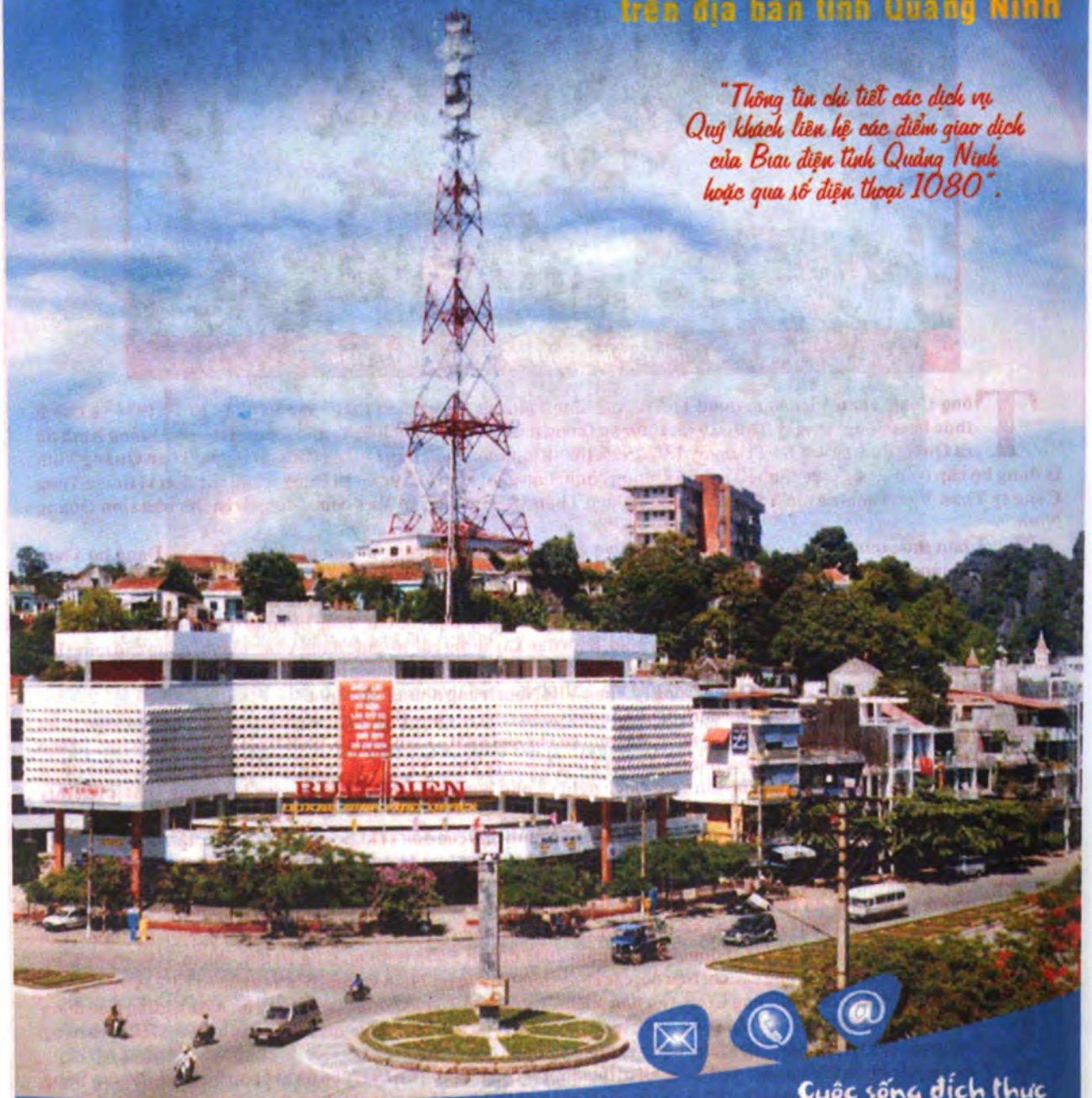
BƯU ĐIỆN TỈNH QUẢNG NINH

Địa chỉ: 539 Lê Thánh Tông - TP Hạ Long - Quảng Ninh
Website: http://www.quangninhpt.com.vn

DOANH NGHIỆP DUY NHẤT

cung cấp **đầy đủ** các dịch vụ
BƯU CHÍNH - VIỄN THÔNG - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh

"Thông tin chi tiết các dịch vụ Quý khách liên hệ các điểm giao dịch của Bưu điện tỉnh Quảng Ninh hoặc qua số điện thoại 1080".



Cuộc sống đích thực

Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách hàng!

Digitized by Google

SỞ DU LỊCH QUẢNG NINH

ĐỊA CHỈ: 166 LÊ THÁNH TÔNG, TP HẠ LONG, QUẢNG NINH
ĐIỆN THOẠI: 033 845 026 * GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN THÀNH

Năm 2006 là năm diễn ra Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ X, năm đầu tiên thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội 5 năm (2006- 2010), năm đầu thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XII và cũng là năm có nhiều sự kiện kinh tế chính trị quan trọng tại Việt Nam và Quảng Ninh như khánh thành cầu Bãi Cháy, Hội nghị hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC)... Đó là những yếu tố thuận lợi cho ngành du lịch phát triển. Đồng thời năm 2006, ngành du lịch vẫn phải đối mặt với những khó khăn thách thức lớn, dịch bệnh gia súc, gia cầm vẫn đang lây lan, giá cả thị trường tăng nhanh, thị trường khách du lịch truyền thống Trung Quốc vẫn chưa được nối lại một cách bình thường.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG DU LỊCH QUẢNG NINH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006

1.CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC:

a.Tổ chức các hoạt động chào đón du lịch hạ Long năm 2006 đã tạo nên không khí ngày hội của quần chúng, thu hút được đông đảo khách du lịch đến với Quảng Ninh. Các hoạt động chào đón này được tổ chức một cách gọn nhẹ, tiết kiệm, an toàn chu đáo và trang trọng. Chương trình biểu diễn nghệ thuật tổ chức tại nhà sân khấu đa năng Tuần châu gây được ấn tượng tốt, đánh dấu sự trưởng thành về năng lực tổ chức, sự phối hợp và tinh thần trách nhiệm của các ban, ngành, đơn vị trong tỉnh.

b. Chỉ đạo các hoạt động nghiệp vụ của ngành như:

- Chỉ đạo tổ chức phục vụ khách trong dịp tết cổ truyền.
- Tập trung giải quyết những vướng mắc để nối lại thị trường khách du lịch Trung Quốc.
- Tham gia các hoạt động do Tổng cục Du lịch tổ chức.
- Đề xuất các cơ chế chính sách cho ngành du lịch Quảng Ninh.
- Các hoạt động chuyên môn khác của văn phòng sở.
- Các hoạt động đầu tư của Sở Du lịch.

2. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH:

- Sáu tháng đầu năm qua ước khách du lịch đến Quảng Ninh là 1.605.150 lượt khách, tăng 7% so với cùng kỳ, trong đó khách quốc tế: 507.100 lượt khách, bằng 93% cùng kỳ.
- Khách lưu trú: 716.780 lượt khách, tăng 24%. Trong đó khách quốc tế: 356.270 lượt khách, tăng 8%
- Khách lữ hành: 126.070 khách, tăng 59%. Trong đó lữ hành quốc tế: 59.485 khách, tăng 20%.
- Doanh thu du lịch: 627.915 triệu đồng, tăng 14%, trong đó doanh thu từ các hoạt động du lịch: 596.115 triệu đồng, tăng 14%. Doanh thu du lịch tăng cao (từ 31% đến 36%). Doanh thu từ dịch vụ vui chơi có thưởng đạt thấp (giảm 43%).
- Nộp ngân sách: 960.310 triệu đồng, bằng 98% so với cùng kỳ. Chỉ tiêu nộp ngân sách đạt chưa cao, chủ yếu do nguồn thu từ dịch vụ vui chơi có thưởng giảm đáng kể.

3. NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG HƯỚNG 6 THÁNG CUỐI NĂM

- Để tiếp tục giải quyết những khó khăn, phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2006, trong 6 tháng còn lại, ngành du lịch cần tập trung vào các nhiệm vu trọng tâm sau:
- Tập trung chuẩn bị cho lễ hội du lịch Hạ Long được tổ chức vào tháng 9/ 2006.
- Tiếp tục tập trung giải quyết vướng mắc để nối lại tuyến du lịch đường bộ qua cửa khẩu quốc tế Móng Cái.
- Chỉ đạo Hiệp Hội Du lịch Quảng Ninh hoạt động có hiệu quả phát huy tốt vai trò, nhằm nâng cao cạnh tranh và sự liên kết giữa các doanh nghiệp kinh doanh du lịch.
- Quan tâm chỉ đạo sắp xếp các đầu mối kinh doanh du lịch lữ hành nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ du lịch.
- Triển khai, phát huy vai trò công tác quảng bá du lịch, xúc tiến tìm kiếm thị trường du lịch trong và ngoài nước, tham gia các cuộc hội thảo và hội chợ phát triển du lịch quốc tế.
- Tổ chức hội thảo phát triển các sản phẩm du lịch mới tại Quảng Ninh.
- Tăng cường công tác thanh kiểm tra các hoạt động du lịch, kiểm tra các điều kiện an toàn của các bãi tắm để đảm bảo sự an toàn cho du khách.



Digitized by Google

CÔNG TY MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HẠ LONG



Địa chỉ: Đường Cao Xanh, TP. Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Bí thư Đảng ủy Công ty
NGUYỄN THẾ KHANG

Năm 2005 được sự chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Ninh và sự hướng dẫn của các ngành chức năng với sự cố gắng vượt bậc của cán bộ công nhân viên toàn công ty, công tác bảo đảm vệ sinh môi trường đã từng bước phát triển vững chắc, vệ sinh đường phố sạch đẹp hơn, thái độ phục vụ của công nhân tốt hơn. Người lao động nắm rõ nội dung và thực hiện đầy đủ các quy trình kỹ thuật. Mỗi công việc trong công ty đều được xây dựng thành một quy trình như: quy trình quét thu gom chất thải rắn; quy trình xử lý nước thải, bùn bể phốt, chăm sóc cây xanh... Kết quả bước đầu đã được nhân dân thành phố ghi nhận. Công tác bảo đảm đời sống, thu nhập cho người lao động luôn được chú trọng và là mục tiêu hàng đầu của lãnh đạo công ty.

NHỮNG KẾT QUẢ CỤ THỂ

A. Công tác bảo đảm vệ sinh môi trường: Năm 2005 Công ty đã thực hiện tốt công tác duy trì quét, thu, gom, vận chuyển, xử lý rác = 50.684 tấn, so với năm 2004 (43. 800 tấn) tăng 8,6%. Tổng doanh thu ngành rác: 11.474.054.239 đồng. Trong đó công ích: 9.999.437.019 đồng; kinh doanh 1.474.617.220 đồng. Công tác quản lý duy tu bảo dưỡng: năm 2005 đã nạo vét khơi thông thường xuyên hệ thống cống thoát nước với tổng kinh phí là 676.914.670 đồng. Công tác rửa đường chống bụi tổng doanh thu 62.949.601 đồng. Trạm xử lý nước thải tại vườn Đào Bãi Cháy vẫn duy trì vận hành thường xuyên đã góp phần xử lý nước thải cho khu du lịch.

B. Công tác vận hành, sửa chữa xây dựng hệ thống điện chiếu sáng công cộng: đây là nhiệm vụ thường xuyên, đảm bảo ánh sáng sinh hoạt và mỹ quan đô thị do vậy công ty đã tập trung chỉ đạo làm tốt công tác quản lý, vận hành, khai thác sử dụng có hiệu quả đồng thời tiết kiệm điện năng tiêu thụ.

C. Công tác chăm sóc cây xanh, vườn hoa tiểu cảnh: năm 2005 doanh thu của ngành cây xanh đạt 4.181.957.532 đồng. Bảo đảm đầy đủ việc làm cho người lao động.

D. Công tác dịch vụ tang lễ: hằng năm cân đối được thu chi giải quyết được việc làm cho người lao động, doanh thu năm 2005: 1.534.094.181 đồng, đạt 81% kế hoạch, phục vụ mai táng được 626 đám, đạt 83% kế hoạch.

E. Công tác thu phí vệ sinh môi trường: năm 2005 đã thực hiện thu 3.860.964.500 đồng, đạt 98,7% kế hoạch.

F. Công tác an ninh quốc phòng: Công ty chủ động phối kết hợp với các phường xã, cơ quan, đơn vị bạn duy trì trật tự an ninh công cộng. Trong năm 2005 không xảy ra vụ trộm cắp tài sản hoặc mất trật tự an ninh công cộng.

G. Hoạt động đoàn thể quần chúng: năm 2005 đã tổ chức các giải cầu lông, bóng đá giữa các đơn vị với mục đích nâng cao sức khỏe cho người lao động. Công đoàn vay vốn xóa đói giảm nghèo cho 50 lượt với số tiền là: 200 triệuđồng cho các đoàn viên khó khăn để làm kinh tế gia đình...

H. Kết quả bình xét danh hiệu thi đua năm 2005: 16 tập thể đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, 27 tập thể lao động giỏi, 58 chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, 353 lao động giỏi. Năm 2006 đã đăng ký 46 đơn vị cơ sở đăng ký đạt danh hiệu tổ lao động xuất sắc, 119 lao động đăng ký đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Công ty đã tổ chức trao giải thi đua năm 2005 cho các đơn vị cơ sở: 212.110.000 đồng.

CÔNG TÁC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006:

6 tháng qua, các sản phẩm công ích, kinh doanh vẫn giữ nhịp độ bình thường; tiền lương, các chế độ khác của người lao động không bị gián đoạn; việc xây dựng kế hoạch đã hoàn thành; cân đối sắp xếp lại 20 lao động giữa các đội.

Doanh thu công ích 6 tháng là: 7.972.033.416 đồng. Các nhiệm vụ thường xuyên của Công ty luôn được hoàn thành, sẵn sàng phục vụ các nhiệm vụ chính trị của thành phố, tỉnh.







Digitized by Google

BAN QUẢN LÝ KHU DI TÍCH YÊN TỬ

ĐỊA CHỈ: PHƯỜNG THANH SƠN, THỊ XÃ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

ĐIỆN THOẠI: 033 854 153/ 660 227 * TRƯỞNG BAN: ĐẶNG ĐÌNH SÁCH





Tổ chức lễ hội

Ngày 23/3/2006, UBND thị xã Uông Bí đã chủ trì phối hợp với các sở, ngành liên quan của tỉnh tổ chức hội nghị: Đánh giá kết quả đầu tư xây dựng tôn tạo Khu Di tích Yên Tử trong gần 10 năm qua và đề xuất giải pháp nâng cao năng lực quản lý của Ban Quản lý Khu Di tích Yên Tử nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển Khu Di tích Yên Tử.

- Sau gần 10 năm thực hiện dự án Yên Tử, tổng số vốn đầu tư đã thực hiện 69 tỉ đồng. Trong đó ngân sách nhà nước cấp là 52,1 tỉ đồng (vốn trung ương, vốn tỉnh là 25,052 tỉ đồng, vốn thị xã là 27,048 tỉ đồng). Huy động công đức, đóng góp 16,9 tỉ đồng (chưa kể vốn đầu tư hệ thống cáp treo Yên Tử khoảng 46 tỉ đồng).
- Sau 8 năm thực hiện dự án Yên Tử, giá trị di tích vật thể và xây dựng cơ sở hạ tầng được đánh giá rất cao, toàn bộ các chùa đều được sửa chữa trong đó đã tôn tạo xong hoàn chỉnh 5 chùa (chùa Hoa Yên, chùa Lân - Thiền viện Trúc lâm Yên Tử, chùa Vân Tiêu, chùa Giải oan và chùa Cấm Thực).
- Việc bảo vệ cảnh quan môi trường đã được xác định, đây là một dự án rất quan trọng đối với khu di tích Yên Tử với 2.686,5 hec-ta rừng đặc dụng Yên Tử được bảo vệ, không để xảy ra các hiện tượng lấn chiếm, chặt phá rừng. Phòng chống cháy rừng, chăm sóc và phát triển rừng luôn xanh tốt.
- Việc bảo vệ môi trường trong và ngoài Yên Tử cũng rất được coi trọng, hằng ngày trên đường hành hương và bến xe đều có nhân viên quét rác và thu gom xử lý rác và đã hạn chế đến mức thấp nhất sự ô nhiễm môi trường.
- Dự án phi vật thể rất quan trọng đối với một di tích của quốc gia với bề dày 700 năm. Toàn bộ di sản văn hóa cha ông ta để lại trên mảnh đất Yên Tử đang được sưu tầm và biên soạn.
- Ban Quản lý Khu Di tích Yên Tử đã góp phần xây dựng khu di tích lịch sử và danh thắng Yên Tử xứng với tầm vóc của mình, khách thập phương trong và ngoài nước về Yên Tử ngày càng đông hơn và đều khen ngợi việc giữ gìn và phát huy giá trị của Yên Tử mà lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh, thị xã Uông Bí đã chỉ đạo thực hiện trong 8 năm qua.

NIPTS

VIỆN CHIẾN LƯỢC BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VÀ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

NATIONAL INSTITUTE OF POSTS AND TELEMATICS STRATEGY

Viện trưởng: TS. Trần Minh Tiến
Điện thoại: (84-4) 5 56 73 88
Email: tmtien@mpt.gov.vn

Phó VT: Nguyễn Thành Phúc
Điện thoại: (84-4) 5 56 50 32
Email: ntphuc@mpt.gov.vn

Quyết định thành lập số 35/2003/QĐ- BBCVT ngày 12 tháng 3 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Bưu chính viễn thông.

CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG:

- Tổ chức nghiên cứu phân tích, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chính sách phát triển, ứng dụng bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin (BCVT & CNTT).
- Thẩm định, tư vấn, đào tạo và xây dựng chiến lược, quy hoạch chính sách và các giải pháp công nghệ cho các cơ quan, doanh nghiệp và địa phương.
- Tham gia xây dựng, sửa đổi các văn bản pháp luật về BCVT & CNTT.
- Thường trực, điều phối, quy hoạch phát triển BCVT & CNTT các vùng kinh tế.
- Hợp tác và triển khai các dự án trong nước và quốc tế trong lĩnh vực BCVT & CNTT.
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn, chuyển giao tri thức, các giải pháp công nghệ và tích hợp hệ thống cho các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp và cá nhân về quản lý, phát triển, ứng dụng BCVT & CNTT.
- Thiết kế, xây dựng cơ sở dữ liệu và các hệ thống thông tin; tổ chức điều tra, thu thập thông tin, cung cấp số liệu CNTT & TT; nghiên cứu, phân tích, thống kê, đánh giá hiện trạng, xu hướng phát triển về BCVT & CNTT.
- Xây dựng và chuyển giao các sản phẩm và dịch vụ ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông (cổng giao tiếp điện tử, các phần mềm quản lý; hệ thống lưu trữ, khai thác số liệu...)



Địa chỉ: 115 Trần Duy Hưng- Hà Nội - Điện thoại: (04) 5 565 340; Fax: (04)5 567 399 - Email: nipts@mpt.gov.vn - Website: www.nipts.gov.vn

Digitized by Google

HITESHIN

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VIỆT NAM- VINASHIN

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ CAO VINASHIN - HITESHIN



Tổng giám đốc
LÊ THANH SƠN

Hòa theo xu hướng phát triển chung của Tập đoàn Kinh tế công nghiệp Tàu thủy Việt Nam - Vinashin là phát triển đa ngành, đa nghề, mạnh và bền vững, cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả. Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển công nghệ cao Vinashin - Hiteshin cũng có những ngành nghề kinh doanh rất đa dạng, trong nhiều lĩnh vực như:

- Điện, điện tử, điện lạnh, công nghệ thông tin, viễn thông, tự động hóa phục vụ trong và ngoài ngành đóng tàu.

- Kinh doanh bất động sản.

- Thiết bị chế biến thực phẩm bia, rượu, sữa, nước hoa quả.

- Kinh doanh du lịch, giải trí.

- Kinh doanh vận chuyển đường thủy.

- Thi công đường, trạm, công trình dân dụng.

- Đào tạo ngành hàn, điện, cơ khí.

- Dịch vụ kỹ thuật và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực hàn, điện, cơ khí.



ĐỊNH HƯỚNG VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN:

Xây dựng và phát triển công ty trở thành đơn vị có khả năng cung cấp các sản phẩm công nghệ cao phục vụ cho ngành đóng tàu, chế biến thực phẩm và các công trình dân dụng

Công ty đang xúc tiến đầu tư xây dựng dự án "Trung tâm phát triển công nghệ cao phục vụ công nghiệp đóng tàu" trên lô đất diện tích 14 héc-ta tại khu công nghiệp của Tập đoàn Kinh tế Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ở Lai Vu, Hải Dương.

Tru sở: 109 Quán Thánh - Ba Đình - Hà Nội.
Văn phòng: Số 9 Phạm Hùng - Từ Liêm - Hà Nội.
Điện thoại: 84 - 4 - 7 687 552 * Fax: 84 - 4 - 7 687 696 * Email: hiteshin@vnn.vn

Digitized by Google

Gia Lai

CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA ĐẢNG BỘ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỈNH GIA LAI
TIẾNG NÓI CỦA ĐẢNG BỘ, CHÍNH QUYỀN VÀ NHÂN DÂN CÁC DÂN TỘC GIA LAI

NGÀY TRUYỀN THỐNG CỦA BÁO GIA LAI 16-3 (1947)

Báo Gia Lai mỗi tuần phát hành 5 kỳ vào thứ 2, 3, 4, 5 và thứ 6 (cuối tuần); vào ngày 20 hằng tháng phát hành Nguyệt san Gia Lai; Báo ảnh (3 ngữ: Bahnar, Jrai, Kinh) phát hành vào ngày 10, 20, 30 hằng tháng. Hằng tháng biên dịch, phát hành bản tin Dân tộc- Miền núi của TTXVN bằng 2 ngữ: Bahnar và Jnai.

Thông tin trên báo Gia Lai hằng ngày còn đưa lên Website của ủy ban nhân dân tỉnh. Đội ngũ phóng viên, biên tập viên có trình độ chuyên cao, kỹ năng làm báo tốt. Các ấn phẩm Báo Gia Lai thường xuyên cải tiến về hình thức, nâng cao chất lượng nội dung, phát hành trung bình mỗi kỳ trên 6.500 tờ.

Báo Gia Lai mang đến cho bạn đọc cả nước thông tin bổ ích về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh. Nhiều chuyên trang, chuyên mục tập quán, con người, danh lam, thắng cảnh của Gia Lai và Tây Nguyên. Trong thời kỳ đổi mới Báo Gia Lai đã được Chủ tịch nước tặng hai Huân chương Lao động hạng Nhất (năm 1997, năm 2002).

Báo Gia Lai là nơi tin cậy để các đơn vị, doanh nghiệp quảng bá thương hiệu, sản phẩm của mình đến người tiêu dùng.

Trụ sở: 2A Hoàng Văn Thụ- 03 Lê Hồng Phong- Tp. Pleiku- Gia Lai
Điện thoại: (059) 872 279- 824 123; Fax: (059) 821 153; Email: baogialai@dng.vnn.vn

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
MEDICAL IMPORT EXPORT JOINT-STOCK COMPANY HOCHIMINH CITY

181 Nguyễn Đình Chiểu, P.6, Q.3 Email: yteco_hcm@yteco.com.vn
ĐT: 9 304 372 - Fax: 84.8.9 306 909 Website: www.yteco.com.vn

I. Thành lập:



Ông Lê Thiện Phước
Giám Đốc Điều Hành

1. Công ty YTECO được thành lập vào năm 1984.
2. Đại hội đồng Cổ đông Thành lập (Nhiệm kỳ 1) của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Y tế TPHCM (YTECO) vào ngày 22/7/2001 đã chuyển đổi Công ty YTECO từ Doanh nghiệp nhà nước sang Công ty cổ phần.
3. Đại hội đồng Cổ đông Nhiệm kỳ 2 của Công ty YTECO được tổ chức vào ngày 28/05/2005 và ngày 12/06/2005 quyết định nâng vốn nhà nước từ 29% đến 51% vốn điều lệ.

II. Chức năng:

1. Kinh doanh xuất nhập khẩu các loại dược phẩm, vac-xin, nguyên liệu dược, y dụng cụ, trang thiết bị y tế, chất dinh dưỡng, mỹ phẩm, các loại sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm và kính đeo mắt.
2. Sản xuất một số mặt hàng y tế thiết yếu đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.
3. Kinh doanh đa ngành nghề theo quy định của pháp luật.

III. Các mặt hàng kinh doanh:

Mặt hàng kinh doanh của Công ty gồm có:

1. Các loại dược phẩm (ngoại nhập và nội địa) được Bộ Y Tế cho phép lưu hành trong cả nước.
2. Các loại vắc-xin và huyết thanh phòng bệnh.
3. Các loại dụng cụ y tế (ống chích, kim chích, chỉ phẫu thuật, dây truyền dịch, huyết áp kế, ...)
4. Các trang thiết bị y tế dùng trong bệnh viện, phòng khám (máy cộng hưởng từ, máy xạ trị Cobalt, máy CT Scanner, máy giúp thở, máy gây mê, bộ nội soi, máy huyết học, máy X quang, máy siêu âm màu, kính hiển vi phẫu thuật, xe cứu thương, ...)
5. Các loại nguyên phụ liệu và các loại máy móc, thiết bị dùng trong sản xuất dược phẩm.
6. Các loại sinh phẩm và hóa chất xét nghiệm.
7. Cho thuê kho bãi, văn phòng, mặt bằng.



IV. Hệ thống phân phối:

Công ty đã xây dựng hệ thống phân phối như sau:

1. Trụ sở chính tại số 181 Nguyễn Đình Chiểu Q.3 là đầu mối giao dịch mua bán, tiếp nhận đơn hàng và tổ chức việc giao hàng.
2. Mạng lưới các cửa hàng bán sỉ dược phẩm và dụng cụ y tế tại Tp.Hồ Chí Minh, Thủ đô Hà Nội và một số thành phố lớn trong cả nước.
3. Hiện Công ty đã thường xuyên cung cấp nguồn hàng và có nhiều quan hệ mua bán với:
   - 3.1. Tất cả các bệnh viện lớn tại Tp.Hồ Chí Minh và nhiều bệnh viện của các tỉnh thành trong cả nước.
   - 3.2. Các hiệu thuốc, phòng khám, trung tâm y tế trên địa bàn Tp.Hồ Chí Minh.
   - 3.3. Các xí nghiệp dược và các Công ty dược phẩm tại Tp.Hồ Chí Minh và các tỉnh.

V. Hệ thống bảo quản hàng hóa:

1. Công ty đã thiết lập một hệ thống kho hàng bảo đảm các quy chế dược chính, đạt tiêu chuẩn về vệ sinh, nhiệt độ, ẩm độ để bảo quản tốt các mặt hàng y tế.
2. Kho hàng của Công ty nằm ở vị trí thuận lợi cho việc giao nhận hàng và có diện tích đủ rộng để có thể tồn trữ một lượng hàng hóa lớn cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
3. Đặc biệt, Công ty có hệ thống kho lạnh chuyên dùng có nhiệt độ ổn định từ 2°C đến 8°C để bảo quản các mặt hàng vắc xin, sinh phẩm, hóa chất xét nghiệm, ...

VI. Ngân hàng giao dịch và phương thức thanh toán:

1. Công ty có mở tài khoản ngoại tệ tại Vietcombank, Eximbank, Incombank, VN Maritime Commercial Stock Bank (MSB) và tài khoản tiền đồng Việt Nam tại Ngân hàng Công thương Việt Nam tại Tp.HCM.
2. Thanh toán trong nước bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
3. Thanh toán với nước ngoài bằng tín dụng thư (L/C), nhờ thu (D/A, D/P), chuyển tiền bằng điện tín (T/T) hoặc đối lưu hàng.

Hướng tới khách hàng. Chất lượng ngày càng cao. - Customer first. Quality always.

Digitized by Google

BỆNH VIỆN BẠCH MAI HÀ NỘI

VIỆN SỨC KHỎE TÂM THẦN

Địa chỉ: 78 đường Giải Phóng - Hà Nội * Điện thoại - Fax: 84.4 8 522 087 * E-mail: nimh@hn.vnn.vn

Viện trưởng: PGS.TS. TRẦN VIẾT NGHỊ

CÁC THÀNH TỰU CHÍNH

1. Hằng năm Viện thu nhận khoảng 500 lượt bệnh nhân vào điều trị nội trú với các rối loạn tâm thần cấp tính hay có liên quan đến các bệnh lý cơ thể khác và duy trì theo dõi ngoại trú cho 1.000 bệnh nhân (trong khu vực Hà Nội).

2. Phối hợp với trường Đại học Y Hà Nội đã đào tạo 8 tiến sĩ chuyên ngành, hiện đang đào tạo 2 nghiên cứu sinh chuyên khoa tâm thần. Đã đào tạo 15 thạc sĩ chuyên ngành, 20 bác sĩ chuyên khoa cấp II tâm thần. Hằng năm đào tạo 5 - 10 bác sĩ chuyên khoa cấp I và 1 - 2 bác sĩ nội trú tâm thần và đào tạo khoảng 300 sinh viên từ trường Đại học Y Hà Nội.

3. Viện đã nghiên cứu thành công 01 đề tài nhánh cấp Nhà nước nghiệm thu năm 2000 và 01 đề tài độc lập cấp Nhà nước nghiệm thu năm 2006. Chủ trì 02 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ. Hằng năm đều có 5 -7 đề tài cấp cơ sở.

4. Hợp tác với Tổ chức Y tế thế giới (WHO) trong các hoạt động nhằm tăng cường sức khỏe tâm thần cho nhân dân.

5. Cùng Bệnh viện Tâm thần Trung ương I chỉ đạo chương trình mục tiêu quốc gia về sức khỏe tâm thần để phát triển mạng lưới và nâng cao chất lượng chăm sóc sức khỏe tâm thần cho nhân dân.

6. Viết các tài liệu giảng dạy, nội san, sách báo, thông tin tuyên truyền... Góp phần nâng cao kiến thức về sức khỏe tâm thần ở cộng đồng.

7. Phối hợp với Sở Y tế và Bệnh viện tâm thần các tỉnh đào tạo cán bộ điều dưỡng chuyên khoa tâm thần.

Viện Sức khỏe Tâm thần là một Viện trong Bệnh viện Bạch Mai. Viện được thành lập theo Quyết định số 784 BYT/QĐ của Bộ Y tế, ký ngày 08/8/1991. Đây là một Viện đầu ngành về tâm thần học với các chức năng nhiệm vụ sau:

- Nghiên cứu và chỉ đạo các cơ sở chuyên khoa tâm thần bậc đại học và sau đại học để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cộng đồng.

- Đào tạo và bổ túc cán bộ chuyên khoa tâm thần bậc đại học và sau đại học để phục vụ công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần cho cộng đồng.

- Kết hợp với Bệnh viện Tâm thần Trung ương I trong công tác chỉ đạo chuyên môn kỹ thuật chuyên khoa tâm thần trong cả nước.

- Cùng Bệnh viện Tâm thần Trung ương I thực hiện nhiệm vụ giám định pháp y tâm thần.

- Hợp tác về khoa học kỹ thuật thuộc lĩnh vực tâm thần học với các nước và các tổ chức quốc tế nhằm phát triển và nâng cao hoạt động của chuyên khoa tâm thần trong cả nước.

- Phối hợp với Bệnh viện Tâm thần Trung ương I và các cơ quan hữu quan tuyên truyền giáo dục kiến thức phổ cập về công tác chăm sóc sức khỏe tâm thần trong nhân dân.



Digitized by Google

CÔNG TY CADIVI
CADIVI CO.,LTD

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG

HÀNG VIỆT NAM CHẤT LƯỢNG CAO
ĐƯỢC NGƯỜI TIÊU DÙNG BÌNH CHỌN

QUACERT JAS-ANZ
ISO 9001 : 2000


GIẤY CHỨNG NHẬN
CÔNG TY DÂY VÀ CÁP ĐIỆN VIỆT NAM CADIVI
THƯƠNG HIỆU NỔI TIẾNG
VỚI NGƯỜI TIÊU DÙNG



Dây & Cáp điện

CADIVI®

Nhãn hiệu đã được đăng ký độc quyền từ năm 1987

Dẫn điện tốt

Cách điện an toàn

Tiết kiệm điện

VĂN PHÒNG : 70 - 72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (08) 8299443 - 8292971 - 8292972 Fax: (08) 8299437
Email: cadivi@hcm.fpt.vn
Website: www.cadivi.com.vn / www.cadivi-vn.com

CHI NHÁNH MIỀN BẮC
41 Hai Bà Trưng - TP.Hà Nội
ĐT: (04) 8249200
Fax: (04) 9349101

CHI NHÁNH MIỀN TRUNG
Lô 4B1-5B1 Đường 2/9-P.Đà Nẵng
Tel: (0511) 611627
Fax: (0511) 611647

Digitized by Google

CỤC THUẾ TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Cục trưởng - Bí thư Đảng ủy: HUỲNH NGỌC SƠN



Hơn 15 năm xây dựng và phát triển từ năm 1990 đến nay, ngành thuế Thừa Thiên Huế đã kế thừa truyền thống vẻ vang của ngành thuế cả nước liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao.

Trong công cuộc cải cách và hiện đại hóa ngành thuế, Cục thuế T.T.Huế là một trong những đơn vị được Tổng cục Thuế chọn làm thí điểm trên nhiều lĩnh vực hoạt động như tuyên truyền hỗ trợ đối tượng nộp thuế, ứng dụng tin học trong quản lý thuế, thực hiện cơ chế quản lý thuế theo chức năng ... và đã thu được những hiệu quả, từng bước xây dựng ngành thuế vững bước đi lên trên con đường hội nhập.

Ngành thuế T.T Huế đã vinh dự được đón nhận Huân chương Lao động hạng Nhì do Nhà nước trao tặng và nhiều danh hiệu cao quý khác.

Hiện nay Đảng bộ Văn phòng Cục thuế đang tập trung chỉ đạo toàn ngành nỗ lực hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thu năm 2006 và triển khai quản lý thuế có ứng dụng tờ khai thuế có mã vạch hai chiều đạt hiệu quả theo lộ trình cải cách và hiện đại hóa của ngành đề ra

Địa chỉ: 24 Lê Lợi - TP Huế * Điện thoại: 054-822 738 - 829 000

CỤC THUẾ TỈNH BÌNH THUẬN

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THU NSNN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2006:

Về kinh tế: Giá trị sản xuất công nghiệp 6 tháng đạt 934,4 tỉ đồng, tăng 15,1% so cùng kỳ năm trước

Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh hoạt động khá ổn định, đạt 843,7 tỉ đồng, khu vực kinh tế có vốn ĐTNN phát triển chậm, đạt 18,1 tỉ đồng. Chỉ số giá tiêu dùng tháng 6/2006 so với tháng 12/2005 tăng 3,80%, dịch bệnh tác động đến hoạt động SX-KD trên địa bàn tỉnh, ảnh hưởng đến tiến độ thu nộp NSNN.

-Về cơ chế chính sách, công tác chỉ đạo, điều hành thu: Kết quả thu ngân sách 6 tháng đầu năm về tổng thể thấp so dự toán và tăng không cao so với cùng kỳ, nhưng số thu từ thuế-phí và thu khác NS được 439.372 triệu đồng

NHIỆM VỤ CÒN LẠI 6 THÁNG CUỐI NĂM THEO DỰ TOÁN PHÁP LỆNH NĂM 2006:

Tổng số : 2.283.240 triệu đồng. Trong đó:

- Thuế và phí: 560.628 triệu đồng
- Thu từ nhà và đất: 480.571 triệu đồng
- Thu từ dầu thô: 1.242. 041 triệu đồng

MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐẨY MẠNH THU 6 THÁNG CUỐI NĂM:

Một là, Bám sát sự chỉ đạo của Bộ Tài chính, Tổng cục Thuế của tỉnh; chủ động tham mưu cho cấp ủy, chính quyền địa phương về cơ chế chính sách để thúc đẩy SXKD phát triển tạo nguồn thu cho 6 tháng cuối năm.

Hai là, tập trung cho công tác quản lý xử lý nợ thuế, công tác thanh, kiểm tra:

Rà soát, xử lý và phân loại nợ đọng thuế theo Thông tư 02 của Bộ Tài chính, đối với các khoản nợ có khả năng thu thì phải tập trung thu ngay.

- Tập trung cho công tác thanh, kiểm tra theo kế hoạch đã được duyệt, nhất là DN ngoài quốc doanh có nghi vấn.

Ba là, tập trung, tăng cường chống thất thu ngân sách; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh; trong đó đối với hộ kinh doanh cần tập trung quản lý hộ, quản lý doanh thu, qua đó đối chiếu giữa kết quả điều tra thống kê và lập bộ thuế, điều chỉnh mức thuế đối với hộ lập bộ thuế 01 tháng, 03 tháng, 06 tháng sát với qui mô kinh doanh

Bốn là, chủ động tham mưu các cấp ủy, chính quyền chỉ đạo điều hành các ngành chức năng cùng ngành thuế tập trung khai thác các nguồn thu, đẩy mạnh thu.

Năm là, tiếp tục bồi dưỡng nghiệp vụ, bố trí sắp xếp cán bộ để đảm bảo khả năng hoàn thành nhiệm vụ của ngành

Nhiệm vụ còn lại tương đối nặng nề, đòi hỏi các cấp, các ngành cần tăng cường chỉ đạo, phối hợp cùng với ngành thuế khai thác các nguồn thu và chống thất thu; tập trung cho các khoản thu từ biện pháp tài chính, công tác xử lý nợ NSNN, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ thu cả năm.

Digitized by Google

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI ĐỒNG THÁP

Trụ sở: 163 Q.lộ 30, Phường Mỹ Phú - TX.Cao Lãnh - Tỉnh Đồng Tháp
Tel: (067) 851 900 - 851 452 * Fax: (067) 851 452
Chi nhánh TP.HCM
013B lô B, Chung cư Lạc Long Quân - P.5 - Quận 11
Tel/Fax: (84.8) 8 652 490 * Email: ctycpsmdt@hcm.vnn.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SAO MAI HOẠT ĐỘNG

Hợp tác - Liên doanh - Liên kết sản xuất kinh doanh & gia công hàng may mặc XK: Somi, Jacket, Tshirt, Polo shirt, quần áo Đạo hồi, khăn bông...

THỊ TRƯỜNG CHÍNH

EU, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Đông, Hồng Kông...



CÔNG TY CẤP THOÁT NƯỚC TIỀN GIANG

ĐC: 4A đường 30/4 - Phường I - TP. Mỹ Tho - Tỉnh Tiền Giang
ĐT: 073.873 425 Fax: 073.872 871
Email: capnuoctg@yahoo.com

HOẠT ĐỘNG

- *Sản xuất và phân phối nước máy*
- *Xây dựng hệ thống cấp nước*
- *Nhập khẩu và kinh doanh các vật tư ngành nước*



LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG QUẬN TÂY HỒ



Địa chỉ: 657 Lạc Long Quân- Hà Nội
Điện thoại: 04. 753 3915

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÁI NGUYÊN

31/10/1966 - 31/10/2006

Hiệu trưởng: Nguyễn Văn Lộc

THÀNH TÍCH TIÊU BIỂU CỦA TRƯỜNG

* Huân chương Độc lập hạng Nhì, Ba.
* Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba.
* 10 cán bộ được phong tặng Nhà giáo ưu tú...
* Đảng bộ liên tục được công nhận đạt trong sạch, vững mạnh.
* Qua 40 năm xây dựng và trưởng thành, Nhà trường đã đào tạo hơn 30.000 giáo viên PTTH và hơn 25.000 giáo viên PTCS.

Địa chỉ: Đường Lương Ngọc Quyến - Tp.Thái Nguyên
Điện thoại: 0280. 851 013 * Fax: 0280. 857 867

Digitized by Google

HUYỆN NGỌC LẶC



Tỉnh ủy viên - Bí thư Huyện ủy,
Chủ tịch HĐND: PHẠM THANH SƠN

Nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết ĐH Đảng bộ huyện lần thứ XX, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Ngọc Lặc đã và đang thực hiện thắng lợi đường lối của Đảng, nỗ lực phấn đấu vươn lên, vượt qua khó khăn thử thách, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, tạo bước phát triển mới trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, xây dựng bền vững hệ thống chính trị của Đảng.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC TRONG 5 NĂM (2001- 2005)

1. Kinh tế:

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm bình quân là 12,1%, tăng 0,6% so với mục tiêu đề ra.

- Tốc độ tăng ngành nông - lâm - thuỷ sản: 8,5%; tốc độ tăng giá trị sản xuất CN - Tiểu thủ CN - xây dựng cơ bản: 24,1%; tốc độ tăng ngành dịch vụ - TM: 21%

- Thu nhập bình quân đầu người đến năm 2005 đạt gần 4 triệu đồng, vượt mục tiêu ĐH XX đề ra. Sản lượng lương thực đến năm 2005 đạt 44.150 tấn. Bình quân lương thực đầu người đạt 317 kg/năm.

- Tổng giá trị đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn đạt 208.555 triệu đồng. Nổi bật là hệ thống giao thông được mở rộng, giải phóng mặt bằng đường Hồ Chí Minh được hoàn chỉnh; giao thông nông thôn được nâng cấp, tu sửa thường xuyên; làm mới hồ đập, kiên cố hoá kênh mương; đầu tư xây dựng mạng lưới điện nông thôn; mạng lưới bưu chính viễn thông được phát triển rộng khắp đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc trên địa bàn.

2. Văn hoá - Xã hội:

- Hệ thống trường, lớp, loại hình học tập phát triển, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu học của nhân dân; chất lượng dạy và học được nâng cao... Đến năm 2004, huyện đã hoàn thành chương trình phổ cập THCS, có 4 trường đạt chuẩn Quốc gia.

- Y tế có nhiều cố gắng về xây dựng cơ sở vật chất, bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ, ứng dụng tiến bộ khoa học vào khám, chữa bệnh và y tế dự phòng. Toàn huyện có 3 trạm y tế đạt chuẩn quốc gia.

3. Công tác xây dựng Đảng:

Đảng bộ huyện coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng nhằm nâng cao nhận thức chính trị, rèn luyện bản lĩnh, truyền thống cách mạng cho đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân

MỘT SỐ MỤC TIÊU CHỦ YẾU NHIỆM KỲ 2006 - 2010:

* Tốc độ tăng tổng sản phẩm trong huyện (GDP) hằng năm: 15% trở lên.
* Bình quân thu nhập đầu người: 10.900.000đồng/người.
* Tốc độ tăng ngành nông - lâm - thuỷ sản: 7,5%.
* Tốc độ tăng ngành công nghiệp - TTCN - xây dựng: 30%.
* Tốc độ tăng dịch vụ - thương mại: 25%.
* Tổng giá trị sản phẩm trong huyện (GDP) đến năm 2010: 1.613 tỉ đồng.
* Trồng rừng tập trung mỗi năm: 1.000 ha; nâng độ che phủ đến năm 2010 là 50%
* Trường học đạt chuẩn Quốc gia: 50%.
* Khai trương làng văn hoá, cơ quan văn hoá: 75% trở lên.
* Xoá hộ đói, giảm hộ nghèo mỗi năm 4% trở lên, hoàn thành xoá nhà tranh tre dột nát đến năm 2007.
* Tạo việc làm cho người lao động: 10.500 lao động.
* 60% xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế đến năm 2010.
* Đảng bộ huyện trong sạch, vững mạnh trong nhiệm kỳ 2006-2010.
* Xây dựng chính quyền, MTTQ, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở vững mạnh toàn diện: 80%.

CÁC CHƯƠNG TRÌNH TRỌNG TÂM:

1. Chương trình thực hiện Nghị quyết 37 của Bộ Chính trị: xây dựng cơ sở hạ tầng đô thị trung tâm vùng miền núi phía Tây tỉnh Thanh Hoá và các đô thị dọc tuyến đường Hồ Chí Minh.

2. Chương trình thâm canh các cây trồng chủ lực: lúa, mía, luống, cao su.

3. Chương trình đẩy mạnh phát triển chăn nuôi trâu, bò, dê; phấn đấu đưa tỷ trọng chăn nuôi đạt 40% trong nông nghiệp trở lên.

4. Chương trình bồi dưỡng đào tạo nguồn nhân lực cho sự phát triển.



Thị trấn Ngọc Lặc

ĐỊA CHỈ: THỊ TRẤN NGỌC LẶC - HUYỆN NGỌC LẶC - TỈNH THANH HOÁ

Digitized by Google

5/30

www.kymdan.com

2.9 1945 2006

Nhiệt liệt chào mừng ngày Quốc Khánh
nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam



KD
KYMDAN
SINCE 1954
Chăm sóc sức khỏe của bạn từ giấc ngủ!

Digitized by Google

IN TẠI CÔNG TY IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 70 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT: 8267944 - CHỈ SỐ 1965 ISSN 0866-7276 - GIÁ: 6000Đ

HX
9
H68P

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM



UNIV OF MICH.
CURRENT SERIALS

18
9-2006

Digitized by Google

HUYỆN QUAN HÓA









Địa chỉ: Thị trấn Quan Hóa - huyện Quan Hóa - tỉnh Thanh Hóa
Điện thoại: 037 875 001



Đ/c HÀ MẠNH HÙNG
Tỉnh ủy viên, Bí thư Huyện ủy

Năm năm qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Quan Hoá đã chung sức, đồng lòng, chủ động vận dụng sáng tạo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước vào tình hình thực tế địa phương. Phát huy ý chí tự lực, tự cường, huy động và sử dụng hiệu quả mọi nguồn lực, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XIX, tạo tiền đề cho việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu mà nghị quyết ĐH đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2005-2010 đề ra; tạo thế và lực cho Quan Hoá tiếp tục đổi mới, phát triển trên tiến trình công nghiệp hoá - hiện đại hóa, xứng đáng với truyền thống cách mạng của quê hương anh hùng.

Những kết quả chủ yếu đạt được trong 6 tháng đầu năm 2006

1. Kinh tế:

- Sản xuất lâm nghiệp: đẩy mạnh khoanh nuôi, bảo vệ rừng, trồng rừng và khai thác lâm sản. Tổng diện tích rừng khoanh nuôi trên 11.400 héc-ta, đạt 67,3% kế hoạch.

- Sản xuất nông nghiệp: Tổng diện tích gieo trồng 3.732 héc ta, đạt 65% kế hoạch; trong đó diện tích lúa ruộng đạt 666,71 héc ta, đạt 30% kế hoạch; năng suất lúa bình quân đạt 42 tạ/héc ta, tổng sản lượng thu được 2.800 tấn, đạt 38,56% kế hoạch. Diện tích ngô xuân trồng được 843,1 héc ta.

Ngoài ra còn trồng được 193,2 héc ta rau màu các loại.

- Tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn tiếp tục tăng trưởng khá: tổng đàn trâu: 7.446 con, đạt 96,7% KH; tổng đàn bò: 14.429 con, đạt 99,51% KH; tổng đàn lợn: 20.500 con, đạt 99,1% KH; đàn gia cầm: 100.033 con, đạt 73,28% KH.

- Đầu tư và xây dựng: tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn 10,99 tỉ đồng (trong đó vốn ngân sách TW 9,5 tỉ đồng).

2. Văn hoá - xã hội:

- Công tác giáo dục - đào tạo: cơ sở vật chất các trường học được quan tâm đầu tư tốt hơn. Chất lượng giáo dục toàn diện được nâng lên, số học sinh giỏi các cấp học và học sinh đạt giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh ngày càng nhiều. Tăng cường chỉ đạo xây dựng trường chuẩn quốc gia; toàn huyện có 3 trường đạt chuẩn quốc gia.

- Cơ sở vật chất ngành y tế được tăng cường, chất lượng khám chữa bệnh được nâng lên, triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình tiêm chủng mở rộng cho trẻ em.

- Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư".

- Các chính sách xã hội, vấn đề việc làm và xoá đói giảm nghèo từng bước được thực hiện hiệu quả, đời sống của nhân dân không ngừng được nâng lên. Phong trào đền ơn, đáp nghĩa được đông đảo các tầng lớp nhân dân đồng tình ủng hộ.

3. An ninh - quốc phòng - nội chính: Đã xây dựng được thế trận lòng dân vững chắc; quân sự, quốc phòng tiếp tục được củng cố; an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn được bảo đảm.

4. Công tác xây dựng Đảng: Đẩy mạnh thực hiện cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn Đảng, duy trì thường xuyên nề nếp chế độ tự phê bình và phê bình; xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh cả về chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Một số chỉ tiêu chủ yếu nhiệm kỳ 2005-2010

* Nhịp độ phát triển kinh tế bình quân đạt 13% trở lên.
* Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 6 triệu đồng/năm.
* Tổng sản lượng lương thực đến năm 2010 đạt 10.500 tấn trở lên.
* Số xã, thị trấn đạt chuẩn phổ cập THCS đạt 100%.
* Giải quyết việc làm trong 5 năm cho 3.000 người.
* Cơ bản xoá hộ đói, mỗi năm giảm 6% hộ nghèo trở lên.
* Đến năm 2010 có 4 xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế.
* Số cơ sở đảng trong sạch vững mạnh đạt 80% trở lên.

Digitized by Google



THÁNG 2 KỲ
RA NGÀY 1 VÀ 16
SỐ 764
18
9-2006

● **BỘ BIÊN TẬP :**
52 Nguyễn Chí Thanh, Hà Nội
Điện thoại : (04) 7 753 605
Fax : (04) 7 753 633
Email: bbttccs@hn.vnn.vn

● **Cơ quan thường trú tại miền Trung :**
26 Trần Phú,
Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại : (080) 51301
Fax : (080) 51303

● **Cơ quan thường trú tại miền Nam :**
19 Phạm Ngọc Thạch,
Thành phố Hồ Chí Minh
Điện thoại : (08) 8 274 638
Fax : (08) 8 231 664

● **Tạp chí Cộng sản điện tử :**
http://www.tapchicongsan.org.vn

● **Tổng Biên tập :**
TẠ NGỌC TẤN



Bìa 1: Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh đến dự Lễ khai giảng năm học mới ở trường PTCS Giảng Võ (Hà Nội)

Ảnh: TTXVN

Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI X CỦA ĐẢNG VÀO CUỘC SỐNG

VŨ VĂN NINH - Định hướng ngân sách nhà nước năm 2007 3

NGUYỄN TÚC - Để nâng cao hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới đất nước 7

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

MAI TRUNG HẬU - Suy nghĩ cách diễn đạt về Đảng 11

ĐỖ ĐỨC HINH - Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng một nền giáo dục Việt Nam hiện đại 16

NGÔ THÀNH DƯƠNG - Dân chủ là kết quả đấu tranh 21

NGUYỄN KÝ - Về trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước 26

ĐINH VĂN THÀNH - Về phát triển thương mại trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta 30

CHU THÁI THÀNH - Phát triển thị trường bất động sản trong công cuộc đổi mới đất nước 36

THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

PHAN QUỐC HƯNG - Bạc Liêu xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới 41

DƯƠNG QUỐC XUÂN - Long An phát triển kinh tế vùng biên giới gắn với quốc phòng - an ninh 45

NGUYỄN ANH TUẤN - Chuyển giao công nghệ qua đầu tư trực tiếp nước ngoài ở Việt Nam những năm qua 49

HỒ NGỌC SỸ - Công ty Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An - nhân tố mới về chế biến và xuất khẩu 55

THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP

ĐÀO SỸ KHUY - Để chống tham nhũng có kết quả 59

SINH HOẠT TƯ TƯỞNG

BẢO LÊ - Máu nóng, máu lạnh! 62

THẾ GIỚI: VẤN ĐỀ - SỰ KIỆN

NGUYỄN AN NINH - Thế giới thứ ba trong trật tự thế giới mới 64

TRẦN ANH PHƯƠNG - Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay 68

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

• ВУ ВАН НИНЬ: Направления составления госбюджета 2007 г. • НГУЕН ТУК: В целях повышения эффективности руководства Партии Отечественным Фронтом Вьетнама в деле обновления страны. • МАЙ ЧУНГ ХАУ: Размышление о способе высказывания о Партии. • ДО ДЫК ХИНЬ: Концепция Президента Хо Ши Мина о строительстве современного образования Вьетнама. • НГО ТХАНЬ ЗЫОНГ: Демократия есть достижение борьбы. • ДИНЬ ВАН ТХАНЬ: О торговом развитии в рыночной экономике с социалистической ориентацией во Вьетнаме. • ФАН КУОК ХЫНГ: Провинция Баклиеу осуществляет строительство отряда кадров в новой обстановке. • ЗЫОНГ КУОК СУАН: Провинция Лонган развивает экономику пограничного района в тесной связи с обеспечением национальной обороны и государственной безопасности. • НГУЕН АНЬ ТУАН: Передача технологий посредством прямых иностранных инвестиций во Вьетнаме в прошедшее время. • НГУЕН АН НИНЬ: Третий мир в новом мировом порядке. • ЧАН АНЬ ФЫОНГ: Вьетнамо-японские экономические отношения в период с первых 90-х годов XX века до настоящего времени.

CONTENTS

• VŨ VĂN NINH: Orientations of the state budget in 2007. • NGUYỄN TÚC: In order to enhance the efficiency of the Party's leadership for the Vietnamese Fatherland Front in the cause of the country renovation. • MAI TRUNG HẬU: Thoughts on the way to express the Party. • ĐỖ ĐỨC HINH: President Hồ Chí Minh's viewpoints on building a modern Vietnamese education. • NGÔ THÀNH DƯƠNG: Democracy is the results of struggling. • ĐINH VĂN THÀNH: Regarding the trade development in the socialist-oriented market economy in our country. • PHAN QUỐC HƯNG: Bạc Liêu province is building the cadres contingent in the new circumstances. • DƯƠNG QUỐC XUÂN: Long An province develops economy in the border areas in combination with promotion of national defend and security. • NGUYỄN ANH TUẤN: Technology transfer through foreign direct investments in Vietnam in the past years. • NGUYỄN AN NINH: Third world in the new world order. • TRẦN ANH PHƯƠNG:Vietnam - Japan economic relations since the early 90s decade of the XX century up to now.

SOMMAIRE

• VŨ VĂN NINH : Orientation du budget d'Etat pour 2007. • NGUYỄN TÚC : Pour améliorer l'efficacité de la direction du Parti vis-à-vis du Front de la Patrie du Vietnam dans l'œuvre de renouveau du pays. • MAI TRUNG HẬU : Réflexion sur l'expression concernant le Parti. • ĐỖ ĐỨC HINH : Le point de vue du Président Hô Chi Minh sur l'édification d'une éducation vietnamienne moderne. • NGÔ THÀNH DƯƠNG : La démocratie – résultat de la lutte. • ĐINH VĂN THÀNH : A propos du développement du commerce dans l'économie de marché à orientation socialiste dans notre pays. • PHAN QUỐC HƯNG : La province de Bac Liêu forme son contingent de cadres dans la nouvelle conjoncture. • DƯƠNG QUỐC XUÂN : La province de Long An développe l'économie frontalière liée à la sécurité et la défense nationale. • NGUYỄN ANH TUẤN : Le transfert des technologies par le cal des investissements étrangers directs au Vietnam ces dernières années. • NGUYỄN AN NINH : Le tiers-monde dans le nouvel ordre du monde. • TRẦN ANH PHƯƠNG : Relations économiques Vietnam-Japon depuis le début des années 90 du XXe siècle.

SUMARIO

• VŨ VĂN NINH: La orientación del presupuesto nacional de 2007. • NGUYỄN TÚC: A fin de elevar la eficiencia de la dirección del Partido sobre el Frente de la Patria de Vietnam en la obra de renovación nacional. • MAI TRUNG HẬU: Pensando la forma de expresión sobre el Partido. • ĐỖ ĐỨC HINH: Punto de vista de Hồ Chí Minh sobre la edificación de una moderna educación vietnamita. • NGÔ THÀNH DƯƠNG: La democracia, fruto de la lucha. • ĐINH VĂN THÀNH: A cerca del desarrollo comercial en la economía mercantil de orientación socialista en nuestro país. • PHAN QUỐC HƯNG: La formación del cuerpo de cuadros de la provincial de Bạc Liêu en la nueva situación. • DƯƠNG QUỐC XUÂN: La provincia de Long An combina el fomento económico con la defensa y seguridad nacional en su zona fronteriza. • NGUYỄN ANH TUẤN: La transferencia tecnológica mediante la inversión extranjera directa a Vietnam en los años pasados. • NGUYỄN AN NINH: El tercer mundo en el nuevo orden mundial. • TRẦN ANH PHƯƠNG: Las relaciones económicas Vietnam-Japón desde el comienzo de los años 90 del siglo XX hasta hoy día.

目 录

•武文宁：2007年国家财政预算定向•阮粟：国家革新事业中为提高党对越南祖国战线的领导效果•梅忠厚：关于党的表述方式的思考•杜德馨：胡志明主席关于建立越南现代教育基础的观点•吴成阳：民主是斗争的结果•丁文成：关于我国社会主义定向的市场经济中的经贸发展•潘国兴：薄辽省在新形势下建设干部队伍•杨国春，隆安省把发展边境地区经济与国防安全相结合•阮英俊：越南近年来通过外国直接投资实现技术转让•阮安宁：世界新秩序下的第三世界•陈英方：20世纪90年代初至今的越南—日本经济关系。

Digitized by Google

ĐỊNH HƯỚNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2007

VŨ VĂN NINH *

Trong những thành tựu của 20 năm đổi mới vừa qua có sự đóng góp tích cực của chính sách tài chính nói chung và chính sách thu – chi tài chính nói riêng. Với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội trong bối cảnh kinh tế quốc tế và khu vực cũng đặt ra đòi hỏi phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính – ngân sách, nhất là định hướng ngân sách cho từng năm kế hoạch.

SAU hơn 20 năm đổi mới, nền kinh tế - xã hội nước ta đã đạt những thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử. Đất nước ta đã ra khỏi khủng khoảng kinh tế - xã hội, có sự thay đổi cơ bản và toàn diện; kinh tế tăng trưởng khá nhanh; sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đang được đẩy mạnh; đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng và an ninh được giữ vững; vị thế nước ta trên trường quốc tế không ngừng được nâng cao. Trong những thành tựu của 20 năm đổi mới vừa qua có sự đóng góp tích cực của chính sách tài chính nói chung, chính sách thu, chi ngân sách nói riêng. Với sự phát triển nhanh chóng về kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập kinh tế khu vực, quốc tế cũng đặt ra đòi hỏi phải không ngừng đổi mới và hoàn thiện chính sách tài chính - ngân sách.

Bước vào năm 2007, chúng ta đã có những thuận lợi cơ bản là nền kinh tế đã có tốc độ tăng trưởng khá trong nhiều năm liền; cơ cấu kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vốn đầu tư toàn xã hội tăng khá nhanh; kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối chủ yếu đáp ứng yêu cầu phát triển; hội nhập kinh tế quốc tế và kinh tế đối ngoại có những bước tiến mới rất quan trọng, khả năng trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) đang đến rất gần; chất lượng nguồn nhân lực có bước chuyển biến; khoa học và công nghệ phát triển; văn hóa - xã hội tiến bộ trên nhiều mặt, nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả quan trọng; việc gắn kết giữa phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội có chuyển biến tích cực; chính trị - xã hội được ổn định, quốc phòng, an ninh được tăng cường, quan hệ chính trị đối ngoại được mở rộng, tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững hơn. Bên cạnh đó còn nhiều thách

* TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ Tài chính

Digitized by Google

thức như tăng trưởng kinh tế còn dưới mức khả năng phát triển của đất nước; chất lượng tăng trưởng còn thấp, năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn yếu; cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm và chưa đồng đều giữa các vùng, các địa phương; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chưa được hoàn chỉnh; các cân đối vĩ mô chưa thật vững chắc; nhiều vấn đề xã hội bức xúc chậm được giải quyết.

Để thực hiện mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng, Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 9 đã đề ra; mục tiêu, nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước giai đoạn 2006 - 2010 là: Xây dựng phát triển tiềm lực tài chính quốc gia tăng về quy mô, hợp lý về cơ cấu và sử dụng có hiệu quả góp phần quan trọng ổn định kinh tế vĩ mô, chủ động thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh, hiệu quả, bền vững thực hiện tốt nhiệm vụ phát triển xã hội, xóa đói, giảm nghèo; có khả năng kiềm chế lạm phát, ổn định tiền tệ, giá cả và thị trường; bảo đảm quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội.

Nhiệm vụ ngân sách nhà nước năm 2007:

Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thực hiện tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở ưu tiên đầu tư phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực, tăng chi giáo dục - đào tạo - dạy nghề, y tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường

Xây dựng ngân sách nhà nước phát triển nhanh, bền vững, với quy mô giai đoạn 2006 - 2010 tăng 2 lần so giai đoạn 2001 - 2005; động viên trên 21% - 22% GDP, trong đó thuế và phí 20% - 21% GDP; chi đầu tư phát triển chiếm 26% - 27% tổng chi ngân sách nhà nước (kể cả trái phiếu Chính phủ là 29% - 30%), bằng 22% - 23% tổng mức đầu tư toàn xã hội; tăng mức và tỷ trọng ngân sách nhà nước đầu tư cho con người và phát triển các lĩnh vực xã hội; tăng ngân sách phát triển giáo dục - đào tạo - dạy nghề từ 18% hiện nay lên 20% tổng chi ngân sách nhà nước trước 2010 hai đến ba năm, chi khoa học và công nghệ đạt 2%, chi sự nghiệp bảo vệ môi trường đạt trên 1%; ưu tiên tăng chi phát triển sự nghiệp y tế, văn hóa; bảo đảm quốc phòng, an ninh, đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn diện và bền vững; đẩy nhanh hơn tiến độ cải cách tiền lương; tăng dự phòng ngân sách, dự trữ tài chính, dự trữ ngoại tệ và dự trữ quốc gia. Thực hiện chính sách ngân sách tích cực, chặt chẽ, bội chi không quá 5% so GDP; giữ mức dư nợ chính phủ, dư nợ quốc gia ở mức hợp lý bảo đảm an ninh tài chính quốc gia.

Để tạo sức bật cho những năm sau, nhằm phấn đấu hoàn thành và hoàn thành vượt mức những mục tiêu, nhiệm vụ giai đoạn 2006 - 2010 đã đề ra; định hướng mục tiêu, nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2007 cụ thể là:

Một là, nhiệm vụ công tác thu ngân sách nhà nước năm 2007. Triển khai thực hiện tốt Luật Quản lý thuế sẽ được Quốc hội khóa XI thông qua tại kỳ họp thứ 10, tập trung tổ chức thực hiện thu đầy đủ, kịp thời các luật thuế, chế độ thu ngân sách nhà nước nhằm động viên hợp lý vừa khuyến khích sản xuất - kinh doanh phát triển, tăng tích lũy, phát triển nguồn thu; vừa bảo đảm nguồn lực thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện thực hiện đầy đủ cam kết hội nhập kinh tế quốc tế, chủ động ứng phó với những tác động của thị trường giá cả trong, ngoài nước; đồng thời đẩy mạnh thực hiện cải cách thủ tục hành chính, nhất là cải cách thủ tục thuế, hải quan, kho bạc, mở rộng cơ chế tự khai, tự nộp tăng trách nhiệm người nộp thuế và cơ quan thu; tăng cường kiểm tra, chống thất thu, nợ đọng, tạo môi trường thuận lợi, bình đẳng cho mọi doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Thực hiện mức động viên vào ngân sách nhà

Digitized by Google

nước trên 22% GDP, trong đó thuế và phí 21% GDP, từng bước tăng tỷ trọng thu nội địa, giảm tỷ trọng thu từ dầu thô, xuất nhập khẩu để tăng cường tính ổn định, vững chắc nguồn thu ngân sách nhà nước.

Hai là, *nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước năm 2007.* Tập trung phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội thực hiện nhiệm vụ tăng trưởng kinh tế bền vững trên cơ sở ưu tiên đầu tư phát triển con người, phát triển nguồn nhân lực, tăng chi giáo dục - đào tạo - dạy nghề, y tế, văn hóa, xã hội và bảo vệ môi trường; bố trí chi ngân sách giáo dục - đào tạo - dạy nghề đạt 20% tổng chi ngân sách nhà nước; lĩnh vực văn hóa - thông tin đạt trên 1,5%; lĩnh vực khoa học và công nghệ đạt 2%; hoạt động sự nghiệp bảo vệ môi trường trên 1% tăng ngân sách; tăng chi y tế, bảo đảm xã hội; bảo đảm an ninh, quốc phòng; đẩy mạnh công tác xóa đói, giảm nghèo, góp phần thực hiện mục tiêu tăng trưởng toàn diện và bền vững; tăng ngân sách đẩy nhanh hơn tiến trình thực hiện cải cách tiền lương; ưu tiên đầu tư cho các vùng kinh tế trọng điểm, đồng thời chú trọng tới các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng dự phòng, dự trữ chủ động phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai và đối phó với các tác động bất lợi của thị trường, giá cả thế giới; bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đến hạn; giữ mức dư nợ chính phủ, nợ quốc gia ở mức an toàn... Đẩy mạnh thực hiện cải cách hành chính; tăng cường phân cấp tăng trách nhiệm, quyền hạn đối với các ngành, các cấp trong quản lý ngân sách. Đồng thời sử dụng có hiệu quả công cụ tài chính - ngân sách tạo cho được sự chuyển biến, nâng cao kỷ cương, kỷ luật tài chính trong quản lý kinh tế - xã hội; chống bố trí dàn trải, thất thoát, lãng phí, tham nhũng. Trong đó:

Chi đầu tư phát triển: Bố trí ở mức 26% - 27% tổng chi ngân sách nhà nước; nếu tính cả nguồn phát hành trái phiếu Chính phủ, công trái giáo dục đạt 30 - 31% tổng chi ngân sách nhà nước. Bảo đảm ưu tiên vốn theo tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm quốc gia; tăng vốn đầu tư hệ thống giao thông, thủy lợi; đầu tư hạ tầng các tỉnh miền núi phía Bắc, miền núi phía Tây các tỉnh miền Trung, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ số 168, 173, 120... và tăng vốn thực hiện Chương trình 135, Quyết định 134 về một số chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nhà ở và nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo, đời sống khó khăn, nhằm thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW, Nghị quyết số 39-NQ/TW của Bộ Chính trị; thực hiện bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương tương ứng với số thu xổ số kiến thiết để tăng đầu tư hạ tầng giáo dục, y tế, nhất là ở các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long; tiếp tục bố trí kinh phí đầu tư nâng cấp hệ thống cơ sở y tế cấp tỉnh, huyện, bệnh viện khu vực và đầu tư các công trình di tích văn hóa quốc gia. Bố trí thực hiện đầu tư hạ tầng quan trọng vùng kinh tế trọng điểm, nhằm tạo điều kiện thu hút vốn đầu tư phát triển kinh tế - xã hội; tăng nguồn lực tài chính từ đó tăng hỗ trợ vùng khó khăn; bảo đảm vốn đối ứng các dự án ODA; tăng dự trữ phương tiện cứu hộ, cứu nạn, phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai; tăng dự trữ trang thiết bị thiết yếu,...; hỗ trợ tín dụng nhà nước hỗ trợ đầu tư những ngành trọng điểm, vùng đặc biệt khó khăn thông qua Ngân hàng Phát triển Việt Nam và thực hiện cho vay xóa đói, giảm nghèo thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội...

Chi phát triển các sự nghiệp giáo dục - đào tạo - dạy nghề, y tế, văn hóa, xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; quản lý hành chính nhà nước, đảng, đoàn thể. Dự toán chi được tính toán trên cơ sở định mức phân bổ chi thường xuyên ngân sách nhà nước theo Quyết định số 151/2006/QĐ-TTg ngày 29-6-2006 của Thủ tướng Chính phủ, đồng thời bảo đảm một số mục tiêu quan trọng theo các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội như củng cố kết quả xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học; thực hiện nhiệm vụ phổ cập giáo dục trung học cơ sở; tăng đầu tư cho các trường dân tộc nội trú và chính sách đối với học sinh dân tộc thiểu số; đổi mới chương trình giáo dục phổ thông; tập trung đầu tư hoàn thiện các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, khu công nghệ cao, khu phần mềm; bảo đảm thực hiện các chương trình

Digitized by Google

khoa học trọng điểm; tăng chi cho hoạt động văn hóa - thông tin; đồng thời tăng chi lĩnh vực y tế để tiếp tục tăng mức chi khám chữa bệnh cho người nghèo, trẻ em dưới 6 tuổi; tăng kinh phí bảo đảm quốc phòng, an ninh, nhất là đời sống cán bộ, chiến sỹ; bảo đảm kinh phí thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công; hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số đặc biệt khó khăn và nhiệm vụ cứu trợ xã hội; tăng cường chất lượng, thời lượng phát thanh, truyền hình, thông tin đối với vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đối ngoại; đẩy mạnh công tác phòng, chống dịch cúm gia cầm, dịch lở mồm, long móng; đẩy nhanh tiến độ phân giới cắm mốc Việt Nam - Trung Quốc, Việt Nam - Cam-pu-chia, Việt Nam - Lào; tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, xúc tiến du lịch; tăng chi khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư; bảo đảm kinh phí bầu cử Quốc hội khóa XII; ưu tiên kinh phí bảo vệ môi trường; đẩy nhanh lộ trình cải cách tiền lương,...

Phấn đấu để bội chi ngân sách nhà nước ở mức hợp lý, nguồn bù đắp bội chi từ nguồn vay trong nước và vay ưu đãi nước ngoài, không vay thương mại cho bù đắp bội chi

Dự phòng ngân sách: Bố trí bảo đảm chủ động phòng chống khắc phục hậu quả thiên tai, thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, cấp bách phát sinh trong năm.

Ba là, *bội chi ngân sách nhà nước năm 2007 ở mức hợp lý; nguồn bù đắp bội chi từ nguồn vay trong nước và vay ưu đãi nước ngoài; không vay thương mại cho bù đắp bội chi.*

Bốn là, *bảo đảm cân đối vững chắc ngân sách nhà nước, phát huy vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương và tính chủ động của ngân sách địa phương.*

Ngân sách trung ương bảo đảm kinh phí thực hiện nhiệm vụ quan trọng của quốc gia như: bảo đảm an ninh, quốc phòng, đối ngoại, các công trình hạ tầng giao thông, thủy lợi trọng điểm quốc gia,... và bảo đảm kinh phí bổ sung cân đối cho các địa phương nguồn thu thấp, chưa cân đối được ngân sách và bổ sung có mục tiêu cho các địa phương thực hiện những nhiệm vụ quan trọng, chương trình, mục tiêu quốc gia.

Đối với ngân sách các địa phương: Thực hiện tăng cường phân cấp cho ngân sách địa phương, năm 2007 là năm đầu của thời kỳ ổn định ngân sách mới nên việc cân đối ngân sách địa phương có ý nghĩa quan trọng trong việc chủ động thực hiện nhiệm vụ của từng địa phương trong cả giai đoạn. Do vậy, đối với các địa phương trong giai đoạn 2004 - 2006 có tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương cần tiếp tục duy trì số tỉnh có tỷ lệ điều tiết và tăng tỷ lệ điều tiết về ngân sách trung ương trong giai đoạn 2007 - 2010 để có nguồn thực hiện những nhiệm vụ quan trọng của quốc gia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước. Đối với các địa phương trong giai đoạn 2004 - 2006 chưa tự cân đối được ngân sách thì phấn đấu giảm mức hỗ trợ cân đối ngân sách từ trung ương trong giai đoạn 2007 - 2010.

Năm là, *tăng cường công tác quản lý ngân sách bảo đảm thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và có hiệu quả.*

Thực hiện rà soát các cơ chế chính sách về quản lý, sử dụng tài chính - ngân sách để kịp thời sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế, đồng thời khắc phục những kẽ hở trong công tác quản lý, sử dụng ngân sách, góp phần thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng.

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị trong quản lý và sử dụng ngân sách. Thực hiện đầy đủ chế độ công khai tài chính - ngân sách; phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát của nhân dân, các đoàn thể đối với công tác quản lý, sử dụng ngân sách ở các cấp, các ngành và từng đơn vị.

Tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra, kiểm toán trong công tác quản lý tài chính - ngân sách; xử lý nghiêm minh, kịp thời các trường hợp vi phạm. ❑

Digitized by Google

ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN TÚC *

Quy mô, tốc độ và chiều sâu của công cuộc đổi mới tiếp tục đòi hỏi phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc ở một tầm cao mới. Điều đó đòi hỏi phải tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, nhằm tiếp tục nhân lên sức mạnh toàn dân tộc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Các cấp ủy tiếp tục đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo đối với Mặt trận Tổ quốc các cấp một cách ngang tầm và hiệu quả. Đến lượt mình, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam không ngừng chủ động xây dựng chương trình hành động thiết thực, hiệu quả, tổ chức các cấp vững mạnh và thống nhất, làm cho Mặt trận luôn xứng đáng là mái nhà chung của các tầng lớp, các giới vì sự nghiệp cách mạng hiện nay.

HƠN 76 năm qua, kể từ ngày Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, những thắng lợi vĩ đại mà nhân dân ta giành được gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng - một đảng vững mạnh được xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong quá trình phát triển, Đảng ta rất coi trọng công tác xây dựng Đảng để luôn xứng đáng là Đảng lãnh đạo, được nhân dân tin yêu.

Trong sự nghiệp đổi mới đất nước, Đảng xác định xây dựng kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt. Đặt xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt là quán triệt lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Đảng có vững cách mệnh mới thành công, cũng như người cầm lái có vững thuyền mới chạy". Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết; Thành công, thành công, đại thành công".

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, giữa tăng cường sự lãnh đạo của Đảng với phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc có mối quan hệ hữu cơ và biện chứng. Đây là mối quan hệ giữa Đảng với dân, mối quan hệ "tin cậy lẫn nhau", "tín nhiệm lẫn nhau", "bổ sung cho nhau". Đảng chỉ mạnh khi gắn bó mật thiết với nhân dân và sức mạnh của nhân dân sẽ được

* Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam

Digitized by Google

nhân lên gấp bội khi có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng.

Là Đảng cầm quyền, Đảng lãnh đạo nhân dân quản lý đất nước. Sự lãnh đạo của Đảng được triển khai trên quy mô toàn xã hội với nội dung ngày càng phong phú và đa dạng. Vì mỗi một lĩnh vực hoạt động có tính đặc thù và quy luật riêng của nó, đòi hỏi phương thức lãnh đạo của Đảng phải phù hợp với tính đặc thù của lĩnh vực đó, tổ chức đó.

Hiện nay, nước ta đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân ta lúc này là: "*Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển*"(1). Đây là một sự nghiệp chưa có tiền lệ, vô cùng khó khăn và phức tạp, chúng ta phải vừa làm, vừa rút kinh nghiệm. Để làm được điều đó, phải giữ vững, tăng cường và đổi mới phương thức lãnh đạo, nâng cao năng lực, sức chiến đấu của Đảng, để Đảng mãi mãi gắn bó với dân và huy động được mọi nguồn lực trong dân.

Hiện nay, nhiệm vụ cách mạng đã thay đổi, đòi hỏi Đảng phải kịp thời đổi mới phương thức lãnh đạo của mình đối với hệ thống chính trị nói chung, với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam nói riêng. Trong Mặt trận, Đảng Cộng sản Việt Nam vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo. Vì vậy, như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: "Đảng không thể đòi hỏi Mặt trận thừa nhận quyền lãnh đạo của mình, mà phải tỏ ra là một bộ phận trung thành nhất, hoạt động nhất và chân thực nhất. Chỉ trong đấu tranh và công tác hằng ngày, khi quần chúng rộng rãi thừa nhận chính sách đúng đắn và năng lực lãnh đạo của Đảng, thì Đảng mới giành được địa vị lãnh đạo"(2).

Đảng lãnh đạo Mặt trận và các đoàn thể qua Đảng đoàn (trừ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh) với quy chế làm việc chặt chẽ. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng thể hiện trước nhất ở đường lối, chính sách mà Đảng đề ra phải phù hợp với quy luật khách quan, đáp ứng được nguyện vọng và lợi ích chính đáng của quần chúng.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng còn thể hiện ở chỗ không chỉ quán triệt trong quần chúng chủ trương, đường lối do Đảng đã đề ra, mà quan trọng hơn là phải thực hiện thành nền nếp việc Đảng, Nhà nước lấy ý kiến của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trước khi ban hành những chủ trương, chính sách lớn. Có nghĩa là, quần chúng phải được trực tiếp tham gia xây dựng đường lối, những chủ trương và chính sách lớn, tham gia vào việc đánh giá, lựa chọn và đề bạt cán bộ. Qua 20 năm đổi mới, ngoài những phần được đề cập trong văn kiện của các Đại hội VI, VII, VIII, IX và *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng ta đã có 4 nghị quyết quan trọng về đại đoàn kết dân tộc và Mặt trận dân tộc thống nhất.

Ngày 18-4-1983, Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa V ra Chỉ thị số 17-CT/TW về "Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam". Chỉ thị nêu rõ: Trong cơ chế Đảng lãnh đạo, nhân dân làm chủ, Nhà nước quản lý, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là một tổ chức chính trị - xã hội rộng lớn nhất, vừa có tính liên hiệp rộng rãi, vừa có tính quần chúng sâu sắc... là sợi dây nối liền các tầng lớp xã hội rộng rãi với Đảng, là chỗ dựa vững chắc của Nhà nước, được xây dựng trên cơ sở công nông liên minh dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Vào những năm cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 của thế kỷ XX, tình hình quốc tế diễn biến hết sức phức tạp; cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội diễn ra nghiêm trọng ở hầu hết các nước xã hội chủ nghĩa, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô và Đông Âu bị sụp đổ. Tình hình đó đã tác động tiêu cực vào nước ta, làm nảy sinh nhiều vấn đề phức tạp trong tâm trạng, tư tưởng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 12

(2) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 3, tr 139

Digitized by Google

và lối sống của một số cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân.

Trước tình hình đó, ngày 27-3-1990, Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VI) đã ra Nghị quyết về "Đổi mới công tác vận động quần chúng của Đảng, tăng cường mối liên hệ giữa Đảng và nhân dân". Về yêu cầu đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng, Nghị quyết nêu rõ: Phải làm sao để nhân dân cảm nhận được Đảng bảo vệ lợi ích cho dân và quyền làm chủ của dân được Đảng tôn trọng và phát huy.

Điều cực kỳ quan trọng trong đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, theo tinh thần Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VI, chính là: Đảng phải tiến hành công tác quần chúng bằng chính sức mạnh của bản thân tổ chức mình, bằng sự gắn bó với dân, gương mẫu, tiên phong của từng đảng viên trong mọi công việc, thực hiện khẩu hiệu "đảng viên đi trước, làng nước theo sau".

Để tranh thủ thời cơ, vượt qua thử thách, thực hiện đại đoàn kết dân tộc ở tầm cao mới và chiều sâu mới, làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn phá hoại của các thế lực thù địch, đưa dân tộc và đất nước tiến lên theo con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, ngày 17-11-1993, Bộ Chính trị (khóa VII) ra Nghị quyết chuyên đề 07 - NQ/TW "Về đại đoàn kết dân tộc và tăng cường Mặt trận dân tộc thống nhất". Nghị quyết nêu rõ yêu cầu đại đoàn kết trong tình hình mới và đề ra nhiệm vụ chung của Mặt trận dân tộc thống nhất trong giai đoạn hiện nay là: Phát huy truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, ý chí tự lực, tự cường, đoàn kết mọi người Việt Nam tán thành công cuộc đổi mới nhằm mục tiêu giữ vững độc lập thống nhất, chủ quyền quốc gia và toàn vẹn lãnh thổ, phấn đấu sớm thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, tiến lên "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh", thực hiện Di chúc thiêng liêng của Chủ tịch Hồ Chí Minh "xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh", góp phần tích cực vào sự nghiệp hòa bình, độc lập, dân chủ và tiến bộ trên thế giới.

Trên cơ sở 4 chủ trương, quan điểm lớn nhằm củng cố, tăng cường đại đoàn kết dân tộc, Nghị quyết nêu rõ nội dung đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong giai đoạn mới là:

- Với trách nhiệm vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận, Đảng phải thực hiện đúng vai trò tiền phong của mình; cán bộ, đảng viên của Đảng phải gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách và pháp luật, gắn bó mật thiết với nhân dân, thường xuyên tự phê bình và lắng nghe ý kiến phê bình của nhân dân, của Mặt trận.

- Đảng lãnh đạo Mặt trận thông qua Đảng đoàn Mặt trận và Đảng đoàn các tổ chức thành viên của Mặt trận.

- Các cấp ủy cử phó bí thư hoặc ủy viên thường vụ tham gia Ủy ban Mặt trận cùng cấp và trực tiếp làm Bí thư Đảng đoàn.

- Đại diện cấp ủy tham gia Ủy ban Mặt trận trình bày các chủ trương của Đảng và kiến nghị những vấn đề cần thiết với Mặt trận; cùng bàn bạc dân chủ, phối hợp và thống nhất giữa các thành viên; tranh thủ ý kiến của Mặt trận tham gia xây dựng chủ trương, đường lối của Đảng liên quan đến khối đại đoàn kết toàn dân.

- Quy định thành nền nếp chế độ làm việc của cấp ủy với Đảng đoàn Mặt trận.

Tiếp đó, để động viên mạnh mẽ mọi tầng lớp nhân dân, mọi giai cấp, mọi dân tộc và tôn giáo, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân nhằm phát huy sức mạnh toàn dân tộc, tạo ra động lực mới phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX đã ra các Nghị quyết số 23-NQ/TW, về "Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh"; số 24-NQ/TW "Về công tác dân tộc"; số 25-NQ/TW "Về công tác tôn giáo"; tiếp theo đó, Bộ Chính trị ra Nghị quyết "Về công tác đối với người Việt Nam ở nước ngoài".

Digitized by Google

Để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm phát huy hơn nữa vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX nhấn mạnh :

- Phải kiên trì thực hiện tốt cuộc vận động xây dựng và chỉnh đốn Đảng. Củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và trong từng tổ chức đảng. Đảng viên gương mẫu tham gia sinh hoạt và làm nòng cốt trong các tổ chức nhân dân. Có cơ chế để động viên nhân dân tham gia xây dựng Đảng.

- Kết hợp thực hiện chế độ tập trung dân chủ trong Đảng và chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận để làm phong phú thêm nền dân chủ ở nước ta.

- Khi Đảng có chủ trương, chính sách lớn, đại diện của cấp ủy cần chủ động trình bày trước hội nghị Mặt trận để mọi thành viên cùng bàn bạc, đóng góp ý kiến trên tinh thần dân chủ, xây dựng.

- Tiếp tục cụ thể hóa việc phân công trách nhiệm giữa các bộ phận trong hệ thống chính trị trên lĩnh vực kinh tế - xã hội cho phù hợp với thời kỳ đổi mới. Giao cho Mặt trận và các đoàn thể nhân dân đảm nhiệm một số công việc có liên quan đến đời sống nhân dân.

- Chăm lo đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đội ngũ cán bộ Mặt trận và các đoàn thể. Sắp xếp, tổ chức lại và hiện đại hóa từng bước hệ thống các trường đoàn thể ở trung ương. Cử những cán bộ đủ tiêu chuẩn sang công tác ở Mặt trận và các đoàn thể, theo chủ trương luân chuyển cán bộ, qua đó phát hiện những cán bộ tốt để bồi dưỡng, đề bạt vào những cương vị lãnh đạo, quản lý của Đảng và Nhà nước.

Tại Đại hội X, từ thực tiễn lãnh đạo, chỉ đạo của nhiệm kỳ khóa IX, nhận định về nhiệm vụ đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân, *Báo cáo Chính trị* nêu rõ: Đảng tạo điều kiện để Mặt trận và các đoàn thể xác định đúng mục tiêu, phương hướng hoạt động; đồng thời, phát huy tinh thần tự chủ, sáng tạo trong xây dựng, đổi mới tổ chức và hoạt động của mình.

Qua Nghị quyết của các Đại hội Đảng, của Ban Chấp hành Trung ương, của Bộ Chính trị từ khi đất nước ta tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện, có thể thấy sự đổi mới về lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc gồm các nội dung sau:

1 - Các cấp ủy từ trung ương đến cơ sở phải nắm vững và làm đúng chức năng lãnh đạo của mình bằng phương pháp dân chủ, khắc phục lối làm việc quan liêu, mệnh lệnh.

2 - Các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở đều lấy công tác vận động và chăm lo lợi ích của quần chúng, coi lợi ích thiết thân của họ là động lực của phong trào, là một nội dung chủ yếu trong hoạt động của các cấp ủy đảng.

3 - Phải lãnh đạo, chỉ đạo Mặt trận và các đoàn thể nhân dân sớm đa dạng hóa các hình thức tập hợp quần chúng cho phù hợp với sự phát triển kinh tế nhiều thành phần.

4 - Đảng lãnh đạo Mặt trận thông qua Đảng đoàn Mặt trận và Đảng đoàn các tổ chức thành viên.

5 - Phân công đồng chí trong cấp ủy (phó bí thư hoặc thường vụ) tham gia Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp và trực tiếp làm Bí thư Đảng đoàn và nếu được Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp đó tín nhiệm bầu cử thì kiêm Chủ tịch Mặt trận.

6 - Đại diện cấp ủy tham gia Ủy ban Mặt trận có trách nhiệm trình bày các chủ trương của Đảng và kiến nghị những vấn đề cần thiết với Mặt trận; cùng bàn bạc dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên; tranh thủ ý kiến của Mặt trận tham gia xây dựng chủ trương, chính sách của Đảng liên quan đến khối đại đoàn kết toàn dân. Quy định thành nền nếp chế độ làm việc của cấp ủy với Đảng đoàn Mặt trận. Tạo điều kiện thuận lợi để Mặt trận thực hiện tốt chức năng tập hợp, đoàn kết toàn dân vì mục tiêu "Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh" và nhiệm vụ giám sát nhân dân, phản biện xã hội.

7 - Với trách nhiệm vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo, Đảng thực hiện đúng vai trò

(Xem tiếp trang 20)

Digitized by Google

SUY NGHĨ CÁCH DIỄN ĐẠT VỀ ĐẢNG

MAI TRUNG HẬU *

Có thể khẳng định, thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thắng lợi vĩ đại của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới đất nước là ba mốc son chói lọi trong lịch sử cách mạng Việt Nam từ ngày có Đảng lãnh đạo, là niềm tự hào to lớn của toàn thể nhân dân và dân tộc Việt Nam. Nói cách khác, từ khi ra đời đến nay, Đảng ta luôn luôn phấn đấu cho mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Như vậy, Đảng ta xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam.

VĂN kiện Đại hội X của Đảng có nêu một số điểm bổ sung, sửa đổi Điều lệ Đảng, trong đó có điểm bổ sung cách diễn đạt về Đảng: "Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc"(1), khác với Điều lệ Đảng trước đây chỉ nêu: "Đảng là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc"(2). Đây là điểm bổ sung quan trọng, được Đại hội X nhất trí tán thành, nhưng cũng còn có một số ý kiến băn khoăn, vì sợ nêu như thế sẽ làm mất đi bản chất giai cấp công nhân của Đảng, biến Đảng thành Đảng của toàn dân (?).

Theo chúng tôi, điểm bổ sung này không phải là hoàn toàn mới mà chính là sự khẳng định lại và làm rõ thêm quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng nêu trước đây. Tại Đại hội II, Đảng ta quyết định Đảng ra hoạt động công khai và đổi tên Đảng là Đảng Lao động Việt Nam. Trong Báo cáo Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: "Trong giai đoạn này, quyền lợi của giai cấp công nhân và nhân dân lao động và của dân tộc là một. Chính vì Đảng Lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là Đảng của dân tộc Việt Nam"(3).

Trong buổi nói chuyện với đảng viên và cán bộ hoạt động lâu năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh

---

* PGS

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 351, 355

(2) *Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2003, tr 5

(3) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 6, tr 175

Digitized by Google

nói một cách vắn tắt hơn: "Đảng ta là Đảng của giai cấp, đồng thời cũng là của dân tộc, không thiên tư, thiên vị"(4).

Quan điểm nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về Đảng Cộng sản vào điều kiện lịch sử cụ thể của cách mạng Việt Nam. Trước hết, cần thấy rõ mối quan hệ giữa tính giai cấp và tính dân tộc của các Đảng Cộng sản. Tính giai cấp thể hiện trước hết ở hệ tư tưởng Mác - Lê-nin và chủ nghĩa quốc tế vô sản; tính dân tộc thể hiện ở bản sắc dân tộc của mỗi Đảng Cộng sản, vì Đảng Cộng sản và giai cấp công nhân là một bộ phận cấu thành của dân tộc mình. Tính giai cấp là cái thuộc về bản chất của Đảng Cộng sản, còn tính dân tộc hay bản sắc dân tộc là cái đặc thù, phân biệt các Đảng Cộng sản thuộc các dân tộc khác nhau như: Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng Cộng sản Pháp, Đảng Cộng sản I-ta-li-a, v.v.. Như vậy, bản chất giai cấp và bản sắc dân tộc của các Đảng Cộng sản không đối lập nhau, không bài trừ nhau mà có quan hệ hữu cơ với nhau. Đảng Cộng sản không thể đánh mất bản chất giai cấp, đồng thời cũng không thể đánh mất bản sắc dân tộc của mình. Đánh mất bản chất giai cấp, Đảng sẽ không còn là Đảng Cộng sản theo đúng nghĩa của nó; đánh mất bản sắc dân tộc, Đảng sẽ trở thành một đảng "hư vô". Bởi vì, hoạt động của Đảng Cộng sản trước hết và chủ yếu là hoạt động trong mỗi quốc gia, dân tộc. Nếu chỉ đoàn kết quốc tế mà không đoàn kết được dân tộc, chỉ là đoàn kết các tầng lớp nhân dân lao động chiếm đại bộ phận trong dân tộc, thì giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản không thể giành thắng lợi trong đấu tranh cách mạng.

Trong xã hội tư sản, giai cấp tư sản là giai cấp cầm quyền, giai cấp thống trị trong xã hội dưới sự lãnh đạo của các đảng tư sản. Mọi sự áp bức, bóc lột giai cấp công nhân và nhân dân lao động đều được giai cấp tư sản nhân danh vì "lợi ích của quốc gia, dân tộc". Vì vậy, để giai cấp công nhân thật sự là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc "trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, tuy hoàn toàn không phải theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu"(5). Đó là điều kiện chung mà *"Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản"* đã nêu.

Ở Việt Nam, do những điều kiện lịch sử cụ thể và sự tiếp cận đúng đắn những điều kiện lịch sử cụ thể ấy của Đảng Cộng sản Việt Nam nên cách giải quyết vấn đề có khác. Từ khi đất nước bị thực dân Pháp xâm chiếm, biến thành thuộc địa của chúng, dân tộc Việt Nam rơi vào cảnh vong quốc nô. Không chỉ giai cấp công nhân, nhân dân lao động mà cả dân tộc Việt Nam (trừ một thiểu số trong chính quyền phong kiến làm tay sai cho bọn thực dân) đều bị áp bức, bóc lột nặng nề, bị đối xử tàn tệ, lâm vào cảnh khốn khổ, bần cùng. Với tinh thần yêu nước, yêu độc lập, tự do, dân tộc Việt Nam không hề chịu khuất phục, không ngừng đấu tranh, phản kháng. Nhưng các phong trào chống thực dân Pháp do tổ chức Cần Vương và các đảng tiểu tư sản, tư sản lãnh đạo đều lần lượt bị thất bại, bị chính quyền thực dân, phong kiến, thẳng tay đàn áp. Cả dân tộc Việt Nam đắm chìm trong cảnh đêm đen nô lệ, chưa có lối ra. Trong bối cảnh đó, khát vọng và yêu cầu bức xúc của dân tộc Việt Nam là phải có chính đảng của một giai cấp tiên tiến có đủ tầm vóc và bản lĩnh gánh lấy sứ mệnh lịch sử đưa dân tộc Việt Nam thoát khỏi vòng nô lệ, giành độc lập, tự do. Giai cấp tiên tiến đó chính là giai cấp công nhân Việt Nam và đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam là sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lê-nin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước của dân tộc Việt Nam. Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Đảng Cộng sản

---

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 467

(5) C. Mác và Ph. Ăng-ghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, t 4, tr 623 - 624

Digitized by Google

Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã hiểu một cách sâu sắc rằng, ở Việt Nam, quyền lợi tối cao của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc là đuổi cổ bọn xâm lược ra khỏi đất nước, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc, xóa bỏ chế độ thực dân, phong kiến, xây dựng chế độ mới không còn áp bức giai cấp, áp bức dân tộc. Từ đó, Đảng đề ra đường lối cách mạng với hai mục tiêu chiến lược là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Hai mục tiêu chiến lược đó gắn bó mật thiết với nhau, làm tiền đề và điều kiện của nhau. Độc lập dân tộc là mục tiêu được đặt lên hàng đầu, vì có giành được độc lập dân tộc thì mới tạo được tiền đề cho mục tiêu tiếp theo là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Xây dựng chủ nghĩa xã hội là điều kiện căn bản để bảo vệ vững chắc nền độc lập dân tộc, xóa bỏ nạn áp bức giai cấp, áp bức dân tộc trên Tổ quốc Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "cách mạng giải phóng dân tộc phải phát triển thành cách mạng xã hội chủ nghĩa thì mới giành được thắng lợi hoàn toàn"(6); "có tiến lên chủ nghĩa xã hội thì nhân dân mình mỗi ngày một no ấm thêm, Tổ quốc mỗi ngày một giàu mạnh thêm"(7).

Ra đời trong bối cảnh lịch sử như vậy và với đường lối cách mạng đúng đắn nên Đảng Cộng sản Việt Nam không chỉ được giai cấp công nhân, nhân dân lao động mà còn được cả dân tộc Việt Nam tin cậy, phó thác vận mệnh của mình cho Đảng. Điều đó đương nhiên làm cho Đảng Cộng sản Việt Nam là Đảng của giai cấp, đồng thời là Đảng của dân tộc, không phải đợi đến khi giành được chính quyền. Đó là *nét độc đáo* của Đảng Cộng sản Việt Nam, bởi nó chẳng những không làm mất đi bản chất giai cấp công nhân của Đảng mà còn là *điều kiện cơ bản* để Đảng đề ra và thực hiện thành công chính sách đại đoàn kết dân tộc, tập hợp được lực lượng yêu nước trong Mặt trận dân tộc thống nhất mà nền tảng là liên minh công - nông (hiện nay là liên minh công - nông - trí thức), tạo nên *sức mạnh tổng hợp* to lớn của dân tộc trong quá trình đấu tranh cách mạng. Chính quyền thực dân, phong kiến coi Đảng Cộng sản Việt Nam là một "hiểm họa to lớn" đối với chúng. Chúng dùng mọi thủ đoạn để tiêu diệt Đảng. Trước sự đàn áp, khủng bố vô cùng dã man, tàn bạo của kẻ thù, Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên cường, bất khuất, luôn đứng vững ở đầu trận tuyến, tổ chức lãnh đạo nhân dân kiên quyết đấu tranh, không hề lùi bước. Nhiều đảng viên của Đảng đã anh dũng hy sinh, xứng đáng là những người con ưu tú của giai cấp, của dân tộc.

Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhân dân Việt Nam đã đứng lên làm cuộc Cách mạng Tháng Tám năm 1945, đánh đuổi thực dân Pháp và phát-xít Nhật, giành lấy chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, Đảng Cộng sản Việt Nam trở thành Đảng cầm quyền duy nhất. Trách nhiệm của Đảng đối với giai cấp và dân tộc càng thêm nặng nề. Tiếp theo, Đảng lãnh đạo nhân dân tiến hành hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược. Đây là hai cuộc kháng chiến của một nước nhỏ vừa mới giành lại độc lập, có nền kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, cơ sở vật chất - kỹ thuật chưa có gì đáng kể, chống lại hai đế quốc lớn, nhất là đế quốc Mỹ, một đế quốc siêu cường có sức mạnh kinh tế và quân sự to lớn; có vũ khí và phương tiện chiến tranh tối tân, hiện đại. Điều đó làm cho nhiều người trên thế giới tuy có cảm tình và ủng hộ các cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam, cảm phục tinh thần dũng cảm, bất khuất của dân tộc Việt Nam, nhưng không tin là Việt Nam có thể chiến thắng. Với đường lối chính trị và quân sự đúng đắn, kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, Đảng đã phát động cuộc chiến tranh nhân dân thần kỳ, từng bước làm thay đổi sự so sánh lực

(6) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 305

(7) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 9, tr 173

Digitized by Google

lượng có lợi cho cách mạng. Kết quả là, chúng ta chẳng những đánh bại thực dân Pháp mà còn đánh bại cả đế quốc Mỹ, quét sạch bọn xâm lược ra khỏi đất nước, giành độc lập hoàn toàn, thống nhất Tổ quốc, đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội trong cả nước, một biến động lịch sử to lớn xảy ra đã gây bất lợi cho chủ nghĩa xã hội. Đó là sự tan rã của Liên bang Xô-viết và sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu làm cho hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới bị phá vỡ; phong trào cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới lâm vào bước thoái trào nghiêm trọng. Có những Đảng Cộng sản không chịu được sự thử thách khắc nghiệt của lịch sử, tỏ ra bi quan, dao động, mất lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, quay sang lập trường của chủ nghĩa xã hội dân chủ. Ở nước ta, do có lúc đã phạm phải giáo điều, máy móc, chủ quan duy ý chí, nóng vội, muốn đưa đất nước tiến nhanh lên chủ nghĩa xã hội, nên có những chủ trương, chính sách không phù hợp với thực tiễn và quy luật khách quan. Hậu quả là, đất nước có thời kỳ rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng. Trong khi đó, các thế lực thù địch với chủ nghĩa xã hội không ngừng tiến công về tư tưởng, chính trị. Chúng lấy sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu để làm căn cứ phủ nhận chủ nghĩa Mác - Lê-nin và chủ nghĩa xã hội, chứng minh cho sự tồn tại vĩnh viễn của chủ nghĩa tư bản. Những diễn biến hết sức bất lợi đó đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến tư tưởng của một số cán bộ, đảng viên và quần chúng nhân dân, và đây là một thử thách to lớn đối với Đảng. Tuy nhiên, đại bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân vẫn giữ vững lòng tin đối với Đảng, vì bản thân họ đã trải nghiệm qua thực tiễn đấu tranh cách mạng lâu dài nên có sự giác ngộ nhất định về chính trị, không bị rơi vào cạm bẫy của kẻ thù. Đó là một sự khích lệ to lớn đối với Đảng, làm cho Đảng càng kiên quyết giữ vững lập trường cách mạng kiên định, trung thành với giai cấp, dân tộc, bình tĩnh, sáng suốt, tìm cách đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, mở đường cho sự phát triển trong điều kiện lịch sử mới.

Đảng Cộng sản Việt Nam nhận định một cách đúng đắn rằng, sự sụp đổ của chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu là sự sụp đổ một mô hình cụ thể của chủ nghĩa xã hội, mà nguyên nhân chủ yếu là do các Đảng Cộng sản cầm quyền ở đó phạm phải những sai lầm nghiêm trọng về chính trị trong đường lối cải tổ. Vì vậy, Đảng chủ trương tìm ra một mô hình mới về chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của đất nước và thế giới đang trong quá trình toàn cầu hóa. Mô hình đó được thể hiện dần trong đường lối đổi mới toàn diện về nhận thức và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam do Đại hội VI của Đảng khởi xướng.

Đại hội VI là một bước đột phá có ý nghĩa lịch sử, mở ra thời kỳ mới của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Đại hội VII của Đảng, qua tổng kết bước đầu thực tiễn công cuộc đổi mới, đề ra "Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Trong Cương lĩnh đã nêu lên những nét khái quát về mô hình chủ nghĩa xã hội mà Việt Nam xây dựng; định hướng cho việc bổ sung, hoàn thiện đường lối đổi mới ở các đại hội tiếp theo của Đảng. Đường lối đổi mới toàn diện của Đảng, đặc biệt là đổi mới trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị và ngoại giao - ba lĩnh vực cực kỳ quan trọng, đã giúp Đảng kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong công cuộc đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam vẫn kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Vấn đề là làm cho chủ nghĩa xã hội có được nhận thức mới và được xây dựng một cách sống động, có hiệu quả. Đường lối đổi mới của Đảng là sự thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng và trí tuệ sáng suốt: *dám đổi mới và biết đổi mới* trên cơ sở vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Khi hoạch định đường lối đổi mới, Đảng kiên

Digitized by Google

quyết từ bỏ những phương pháp và mô hình cũ không phù hợp với thực tiễn, sáng tạo những phương pháp và mô hình mới trong xây dựng chủ nghĩa xã hội; khắc phục tư tưởng giáo điều, bảo thủ, chủ quan, nóng vội, đồng thời cũng chống tư tưởng hữu khuynh, xét lại, xa rời mục tiêu xã hội chủ nghĩa.

Đường lối đổi mới trở thành lực đẩy mạnh mẽ, giúp Đảng vượt qua thách thức, nắm bắt thời cơ, đưa đất nước tiến lên theo kịp thời đại. Để củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Đảng chủ trương lấy mục tiêu giữ vững độc lập thống nhất, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh làm điểm tương đồng; tôn trọng những ý kiến khác nhau không trái với lợi ích chung của dân tộc, xóa bỏ mặc cảm, định kiến, phân biệt đối xử về quá khứ, giai cấp, thành phần, xây dựng tinh thần cởi mở, tin cậy lẫn nhau và cùng hướng tới tương lai. Đảng và Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế, các tổ chức, cá nhân làm giàu hợp pháp, lợi nhà, ích nước, cùng nhau đoàn kết phấn đấu *xóa bỏ cái nhục đói nghèo,* cũng như trước đây đã từng *xóa bỏ cái nhục mất nước* với hào khí dân tộc Việt Nam được hun đúc từ suốt hàng nghìn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Những ai có thành tích góp phần làm giàu cho đất nước, dân tộc đều được Đảng, Nhà nước và xã hội tôn vinh. Đảng và Nhà nước chủ trương đẩy mạnh phát triển kinh tế, đồng thời từng bước thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; quan tâm đến vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, đẩy mạnh công cuộc "xóa đói, giảm nghèo"; quyết tâm thực hiện bằng được điều mong ước của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến: "làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ta ai cũng có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành".

Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng đáp ứng được yêu cầu của cách mạng, nguyện vọng của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam nên được cán bộ, đảng viên và nhân dân nhiệt liệt hưởng ứng. Trải qua 20 năm đổi mới, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: kinh tế – xã hội thoát khỏi khủng hoảng, có những bước phát triển nhảy vọt; chính trị ổn định, an ninh, quốc phòng được giữ vững; đời sống của nhân dân không ngừng được cải thiện về vật chất và tinh thần. Hợp tác kinh tế quốc tế ngày càng có hiệu quả, góp phần quan trọng vào việc phát triển kinh tế, xã hội. Vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế không ngừng được củng cố và nâng cao.

Trên cơ sở những thành tựu đã đạt được trong 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng và 20 năm đổi mới, Đại hội X của Đảng đề ra mục tiêu và phương hướng tổng quát của 5 năm 2006 – 2010 là *sớm* đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển; coi đó là mục tiêu trực tiếp của Đại hội, là thể hiện sự nhìn nhận nghiêm túc, khách quan về tình hình đất nước hiện nay. Đảng chủ trương ra sức khắc phục những yếu kém, tồn tại trong công tác lãnh đạo, kiên quyết bài trừ tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí; không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, làm trong sạch tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, cũng như toàn bộ hệ thống chính trị; đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới đi vào chiều sâu. Đồng thời, Đảng chủ trương phát huy hơn nữa sức mạnh toàn dân tộc, động viên, cổ vũ nhân dân vươn lên với tinh thần tự tôn dân tộc, với ý chí và quyết tâm thực hiện thắng lợi mục tiêu của Đại hội.

Chúng ta có thể khẳng định một cách dứt khoát rằng, thành công của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, thắng lợi vĩ đại của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, những thành tựu có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới là *ba mốc son chói lọi* trong lịch sử cách mạng Việt Nam từ ngày có Đảng lãnh đạo, là niềm tự hào to lớn của cả dân tộc. Đảng Cộng sản Việt Nam xứng đáng là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam. Đó là một chân lý lịch sử không thể phủ nhận. ❑

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỀ XÂY DỰNG MỘT NỀN GIÁO DỤC VIỆT NAM HIỆN ĐẠI

ĐỖ ĐỨC HINH *

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều công sức cho sự nghiệp xây dựng nền giáo dục nhân dân, phục vụ nhân dân và sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và chấn hưng đất nước. Trong kho tàng di sản của Người về giáo dục, chúng ta có thể tìm thấy và tiếp cận nhiều quan điểm khác nhau, trong đó có quan điểm nổi bật là xây dựng một nền giáo dục Việt Nam hiện đại.

SINH thời, ngay từ thuở ra đi tìm đường cứu nước, Chủ tịch Hồ chí Minh đã có những nhận thức hết sức chính xác về vai trò của giáo dục. Người cho rằng chính dốt nát đã gây ra đói nghèo và cũng chính dốt nát đã đẩy cả một dân tộc rơi vào vòng nô lệ, đã làm cho một quốc gia có bề dày lịch sử hàng nghìn năm, có truyền thống quật cường, bất khuất phải chịu thất bại vì không nhận thức được thời đại không tìm thấy con đường phát triển của chính mình. Có thể vì thế mà vào trạc tuổi 13, khi đã làm quen với những tư tưởng rất nổi tiếng của Cách mạng tư sản Pháp: Tự do - Bình đẳng - Bác ái, Người muốn sang phương Tây để tìm hiểu, xem đằng sau những từ hấp dẫn ấy là cái gì? Và bắt đầu từ ngày đó (5-6-1911), Người ra đi tìm đường cứu nước, tuyên truyền, giác ngộ và đấu tranh để thành lập Đảng (1930) giành chính quyền về tay nhân dân (1945) tiến hành các cuộc kháng chiến chống xâm lược... cho đến lúc từ giã cõi đời (2-9-1969), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều công sức cho sự nghiệp xây dựng nền giáo dục nhân dân, phục vụ nhân dân và sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc, chấn hưng đất nước. Trong kho tàng di sản của Người về văn hóa, giáo dục, chúng ta có thể tìm thấy và tiếp cận nhiều quan điểm cơ bản, quan trọng khác nhau. Ở bài viết này xin được nêu *ba quan điểm theo chúng tôi là cơ bản, để xây dựng một nền giáo dục hiện đại của nước nhà:*

Một là, "Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"(1). Chúng ta có thể xem đây là quan điểm "gốc" của giáo dục, bởi vì quan điểm này đặt vấn đề giáo dục có ý nghĩa quyết định đến vận mệnh của một dân tộc. Có thể hiểu một cách nôm na là: dốt thì không thể phát huy được cả về chính trị, kinh tế, quân sự, văn hóa, xã hội - dốt sẽ thất bại trong tất cả và không thể vượt qua được cái rào cản của một dân tộc "nhược tiểu". Quan điểm này là kết quả của cả một quá trình khảo

---

* Phó Giám đốc Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch

(1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000, t 4, tr 98

Digitized by Google

sát vòng quanh thế giới và đi đến nhận thức: hầu hết các nước thuộc địa và kể cả một số nước phụ thuộc đều là những quốc gia bị hạn chế rất nặng nề về giáo dục, bất cập với sự phát triển chung của nhân loại và ngày càng bị khoảng cách xa vời với văn minh và khoa học - kỹ thuật tiên tiến. Chính vì thế mà Chủ nghĩa đế quốc đã dùng nó làm công cụ, làm chỗ dựa để nô dịch các dân tộc chịu thiệt thòi đó. Có thể nêu ra một số ví dụ như: Tại Đại hội lần thứ 18 Đảng Xã hội Pháp (tháng 12 năm 1920), Chủ tịch Hồ Chí Minh lấy tên là Nguyễn Ái Quốc đã lớn tiếng tố cáo: Ở Đông Dương "nhà tù nhiều hơn trường học... chúng tôi không có quyền tự do báo chí và ngôn luận... chúng tôi phải sống trong cảnh ngu dốt tối tăm vì chúng tôi *không có quyền tự do học tập*". Trong bài Đông Dương đăng trên Tạp chí Thư tín quốc tế năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã viết: "Sự thật người Đông Dương *không có một phương tiện hành động và học tập nào hết*... Rượu cồn và thuốc phiện cùng báo chí phản động của bọn cầm quyền bổ sung cho cái công cuộc ngu dân của chính phủ. Máy chém và nhà tù làm nốt phần còn lại...". Trong "Bản án chế độ thực dân Pháp" (1925), Nguyễn Ái Quốc đã dẫn chứng rằng: Ở xứ Goa-đơ-lúp 10.000 trẻ em không có trường học. Tại An-giê-ri, suốt 94 năm trong số 5 triệu dân chỉ có 35.000 học sinh được hưởng nền giáo dục nhỏ, còn 695.000 trẻ em khác phải chịu cảnh thất học. Tại Cao Miên chỉ có 60 trường cho hơn 2 triệu dân. Còn ở Nam Kỳ (Việt Nam) trong số hơn 2,5 triệu người chỉ có vẻn vẹn 51.000 em được đến trường... Bằng sự chứng minh như vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng dốt sẽ dẫn đến đói nghèo, dốt sẽ dẫn đến mất nước và rơi vào vòng nô lệ. Và Người khái quát: *"Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu"*. Chính sách ngu dân là một trong những chính sách độc ác mà thực dân Pháp dùng để cai trị nhân dân ta.

Sau khi Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, một trong những nhiệm vụ hàng đầu của chính quyền cách mạng được xác định là "kiến thiết nền giáo dục" và "dốt" được coi là "giặc", một trong ba kẻ thù nguy hiểm "giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm". Bác đã kêu gọi toàn dân tham gia diệt giặc dốt. Những người chưa biết chữ cố gắng học cho biết chữ. Vợ chưa biết thì chồng bảo, em chưa biết thì anh bảo, cha mẹ không biết thì con bảo, những người giàu có thì mở lớp học ở tư gia dạy cho những người không biết chữ ở hàng xóm láng giềng, các chủ ấp, chủ đồn điền, chủ hầm mỏ, nhà máy thì mở lớp học cho những tá điền, những người làm của mình... Đồng thời, với việc lập Nha bình dân học vụ, Nha Giáo dục, Chính phủ của Cụ Hồ Chí Minh đã đạt kỳ tích hiếm có, chỉ trong 3 năm đã giải quyết được cơ bản nạn mù chữ, có hơn 8 triệu người được xóa nạn mù chữ. Số người được dạy nâng cao về các kiến thức thường thức tăng lên đáng kể.

"1. Thường thức vệ sinh, để dân bớt đau ốm.

2. Thường thức khoa học, để bớt mê tín.

3. Bốn phép tính để làm ăn có ngăn nắp.

4. Lịch sử và địa dư nước ta (vắn tắt bằng thơ hoặc ca) để nâng cao lòng yêu nước.

5. Đạo đức công dân để thành người công dân đứng đắn".

Đây có thể xem là kỳ tích, là cơ sở để bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Bởi theo Người, *"không có giáo dục, không có cán bộ, thì cũng không thể nói gì đến kinh tế, văn hóa"*.

Thấm nhuần quan điểm đó của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và Nhà nước ta đã xây dựng đường lối, chính sách và các chế tài để thực hiện một nền giáo dục toàn dân, nền giáo dục đồng đều, thực hiện bằng được các mục tiêu giáo dục phổ cập, giáo dục bắt buộc và giáo dục không mất tiền... Trong từng giai đoạn lịch sử và các điều kiện khác nhau, nền giáo dục nước ta không xa rời các mục tiêu giáo dục mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra. Bài học của các nước xung quanh ta như Nhật Bản sau năm 1945, Hàn Quốc sau năm 1953 và Xin-ga-po, Thái Lan rất đáng cho chúng ta suy nghĩ.

Digitized by Google

Hai là, "Học phải đi đối với hành":(2)

Để đào tạo nên những người tài đức cho công cuộc kiến thiết nước nhà. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: Học phải đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội. Quan điểm này của Người có ý nghĩa từ vi mô đến vĩ mô trong việc hoạch định các chương trình giáo dục, mục đích đào tạo, giải quyết mối quan hệ giữa chính sách, chế tài của Nhà nước với xã hội hóa giáo dục. Trong cuốn sổ vàng của trường Nguyễn Ái Quốc năm 1949, khi đến thăm cán bộ, học sinh nhà trường, Người đã viết:

"Học để làm việc, làm người, làm cán bộ,

Học để phụng sự đoàn thể, giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại".

Muốn đạt mục đích thì phải: Cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Nói chuyện tại Hội nghị toàn quốc lần thứ I về công tác huấn luyện và học tập ngày 6-5-1950, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phân tích hết sức cụ thể và thuyết phục về mối quan hệ giữa học và hành. Bài nói này thực sự là một văn kiện quan trọng phục vụ thiết thực cho ngành giáo dục nước ta trong điều kiện "cải cách" chồng lên "cải cách" hiện nay. Trong văn kiện này, Bác đã phân tích về vấn đề thiết thực và chu đáo trong huấn luyện "chống hữu danh vô thực" chống bệnh thành tích, đồng thời Người còn chỉ ra đối tượng cần được huấn luyện (học tập), chỉ ra ai là người chịu trách nhiệm và đặc biệt là xác định và huấn luyện cái gì? (phải huấn luyện lý luận, huấn luyện công tác, huấn luyện văn hóa, huấn luyện chuyên môn). Người phân tích cách huấn luyện như thế nào cho tốt, sử dụng những tài liệu nào cho kết quả, và rất chú trọng đến vấn đề tự học... Bác khẳng định: "Học với hành phải đi đôi. Học mà không hành thì vô ích. Hành mà không học thì không trôi chảy". Bác đặc biệt chú trọng đến thế hệ trẻ trong việc học và hành. Bác khuyên: "Các cháu học sinh không nên học gạo, không nên học vẹt. Học phải suy nghĩ, học phải liên hệ với thực tế, phải có thí nghiệm và thực hành. Học với hành phải kết hợp với nhau"(3).

Làm theo những lời dạy của Bác, trong những giai đoạn khó khăn nhất của cách mạng, Đảng và Nhà nước ta đã đào tạo được nhiều cán bộ tốt, nhiều nhà khoa học, nhà chuyên môn vừa có trình độ cao, vừa có tinh thần yêu nước nồng nàn, sẵn sàng xả thân vì độc lập của Tổ quốc và tự do của nhân dân. Chúng ta đã thành công trong việc "công nông trí thức hóa và trí thức công nông hóa". Trong các trường học không chỉ giảng dạy lý thuyết mới, mà còn gắn lý thuyết với thực tế để kiểm nghiệm lý thuyết, phục vụ đời sống nhân dân và sự phát triển của đất nước. Nắm vững quan điểm "học đi đôi với hành", học để làm việc, học để phục vụ thiết thực cho cuộc sống, chúng ta sẽ có định hướng, biện pháp và quyết tâm để giải quyết có hiệu quả những tồn tại về sự mất cân bằng trong quy mô đào tạo dẫn đến tình trạng "thừa thầy, thiếu thợ", tình trạng đào tạo mà không sử dụng được, đào tạo một nghề sử dụng một công việc khác. Khắc phục tình trạng chất lượng đào tạo không ổn định và có chiều hướng không đáp ứng được yêu cầu thực tế, nhất là không đủ trình độ hội nhập với khu vực và quốc tế. Ví dụ: năm 1975, mặt bằng giáo dục của ta so với Thái Lan là tương đương, thì đến năm 2000, ở những ngành học tiên tiến, Thái Lan đã tiến xa ta đến 50 bậc. Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại hội nghị về chất lượng giáo dục và kỹ năng sống thì chất lượng giáo dục nước ta chỉ đạt 3,7 điểm trên thang điểm 10. Trong số 12 nước châu Á được lựa chọn thì Việt Nam đứng thứ 11... "cải cách" giáo dục của nước ta đã trở thành vấn đề phức tạp, không chỉ đau đầu các nhà giáo dục, các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục mà cả người dân. Hình ảnh những đứa trẻ với cặp kính dầy cộm và chiếc ba lô nặng trĩu những sách giáo khoa, sách đọc thêm, sách hướng dẫn, sách bổ sung đã quá quen thuộc. Hằng năm đều đưa ra các chương trình cải cách như: "cải cách" chữ viết, "cải cách" phương pháp dạy, "cải cách chương trình

(2) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 92

(3) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 11, tr 331

Digitized by Google

học"... khiến học trò sợ "cải cách" đã đành, phụ huynh cũng sợ "cải cách" và đặc biệt là xã hội không thể không quan tâm và lo lắng đến "cải cách" giáo dục của nước nhà. Nghiên cứu đầy đủ và vận dụng quan điểm "học đi đôi với hành" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng ta còn khắc phục được vấn nạn "bằng giả - học giả", "bằng thật - học giả"... đang tạo ra một xã hội chạy đua bằng cấp làm ảnh hưởng không nhỏ đến mục tiêu "học ra học, dạy ra dạy" và "thầy ra thầy, trò ra trò" hiện nay. Phải xem quan điểm "học đi đối với hành" vừa là mục đích, vừa là phương pháp, vừa là đạo đức giáo dục của xã hội ta để thực hiện được nền giáo dục toàn dân đi vào công nghiệp hóa và hiện đại hóa một cách vững chắc.

Ba là, xây dựng một xã hội học tập và học tập suốt đời.

Thực tế đã chứng minh rằng một xã hội giàu mạnh, văn minh, ổn định, bền vững thì yếu tố phát triển đồng đều là đặc biệt quan trọng, đương nhiên phát triển đồng đều không phải là bình quân hay cào bằng. Trong lĩnh vực giáo dục, sự phát triển đồng đều càng có vai trò quan trọng trong ổn định và phát triển xã hội. Đó chính là cơ sở để Chủ tịch Hồ Chí Minh kiến tạo và xây dựng một nền giáo dục toàn dân. Người nhấn mạnh: "giáo dục là sự nghiệp của quần chúng"(4); không phân biệt già, trẻ, gái, trai, cứ là người Việt Nam thì phải tham gia học tập, tham gia xóa nạn mù chữ. Theo thống kê chưa đầy đủ, từ năm 1954 đến năm 1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã có hơn 700 lần đi thăm cơ sở. Có thể nói, ở bất kỳ đâu và với đối tượng nào, Bác cũng căn dặn phải học tập để nâng cao trình độ, để hiểu biết được nhiều và phục vụ được tốt. Bác nhắc nhở: "Từ trước đến nay, đồng bào ta đã hết lòng giúp đỡ công việc giáo dục. Tôi mong rằng từ nay về sau, đồng bào sẽ cố gắng giúp đỡ nhiều hơn nữa cho trường học và ai cũng tự mình cố gắng học tập"(5). Nói với học sinh, thanh niên, Bác càng nhấn mạnh hơn nhiệm vụ học tập "chỉ có không ngừng học tập thì mới tiến bộ mãi". Đến thăm các thầy cô giáo, Bác cũng không quên nhắc nhở "phải không ngừng học tập để bồi bổ kiến thức mà dạy cho học sinh ngày một tốt hơn". Chỉ có xây dựng được một "xã hội học tập" thì mới thực hiện được vấn đề "học tập suốt đời" và ngược lại, mỗi con người Việt Nam, mỗi công dân Việt Nam có lấy học tập là mục đích, là công việc suốt đời thì mới đóng góp được vào việc xây dựng một xã hội học tập.

Quan điểm xây dựng một xã hội học tập và học tập suốt đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một quan điểm giáo dục hiện đại, đặc biệt là trong điều kiện khoa học - kỹ thuật phát triển cực kỳ nhanh chóng, khoa học xã hội và nhân văn cũng không ngừng đổi mới, kiến thức của con người luôn luôn bị lạc hậu, nên không học tập thì chắc chắn sẽ bị thụt lùi. Mặt khác, thấm nhuần quan điểm xây dựng một xã hội học tập và học tập suốt đời, sẽ giải quyết được một vấn đề không nhỏ hiện nay là quá trọng hình thức về môi trường đào tạo, chạy trường, chạy lớp, chạy ngành, chạy nghề, coi nhẹ chất lượng và làm mất động cơ rất quan trọng của giáo dục là tự học dưới mọi hình thức. Ở nước ta, ngoài việc đào tạo chính quy, bài bản cần phải đẩy mạnh phong trào tự học, tự đào tạo, tự bồi dưỡng và nâng cao kiến thức. Thực tế cho thấy, có người nông dân bình thường chưa có bằng cấp nhưng nhờ tự học đã chế tạo được máy gặt, máy xạ hạt và có người thợ bình thường đã chế tạo thành công Rô bốt - một lĩnh vực đòi hỏi kỹ thuật cao. Nếu, không tự học họ không thể tự làm được những công việc kỹ thuật tinh vi, phức tạp đó.

Nếu chúng ta giải quyết tốt vấn đề xây dựng một xã hội học tập và học tập suốt đời thì chủ trương xã hội hóa giáo dục mới thực sự có chiều sâu, vấn đề công bằng xã hội trong giáo dục mới có sức thu hút và hấp dẫn với mọi người. Đương nhiên, để giải quyết được thì phải có chế tài chế định cụ thể mà trước hết là những người tự học phải được thi tuyển lấy bằng và được tuyển dụng. Thấm nhuần quan điểm này một cách đầy

(4) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 12, tr 403

(5) Hồ Chí Minh: *Sđd*, t 10, tr 191

Digitized by Google

đủ và vận dụng nó một cách khoa học còn có tác dụng rất lớn đối với chiến lược phát triển nguồn lực chất lượng cao của nước ta hiện nay và một trong bốn nguồn lực đó là lao động, trong nguồn lực lao động thì vấn đề chất lượng người lao động lại là yếu tố hàng đầu. Chất lượng nguồn lao động của nước ta hiện nay còn thấp, ngoài vấn đề sức khỏe và bệnh nghề nghiệp, thì số liệu điều tra năm 2002 cho thấy, lao động nước ta số mù chữ là 3,74%, số chưa qua cấp 1 là 15,96%, số ở trình độ cấp 1 là 31,83%, cấp 2 là 32% và cấp 3 là 13,08%. Bình quân số năm đi học mới đạt xấp xỉ 7,3 năm. Trong khi đó In-đô-nê-xi-a là 10 năm, Hàn Quốc là 15 năm, Trung Quốc là 13 năm, Phi-líp-pin là 11 năm và Lào là 8 năm... Nghị quyết Đại hội X của Đảng đã đặt vấn đề giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, là nền tảng và động lực thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và đã đặt ra một số chủ trương cụ thể như: Phấn đấu đến năm 2010: Hoàn thành phổ cập giáo dục trung học cơ sở; đạt 200 sinh viên đại học và cao đẳng/10.000 dân; lao động đã qua đào tạo chiếm 40% tổng lao động xã hội. Muốn đạt được các chỉ tiêu đó, ngành giáo dục và đào tạo cần phải thấm nhuần quan điểm giáo dục hiện đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các phương pháp thực hiện mà Người đã trải nghiệm và căn dặn chúng ta.

Giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu. Giáo dục - đào tạo còn được coi là máy cái để tạo ra sự phát triển của đất nước. Chìa khóa để thực hiện có hiệu quả quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng một nền giáo dục Việt Nam hiện đại chính là phải: Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, hệ thống trường lớp và hệ thống quản lý giáo dục, thực hiện chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, chấn hưng nền giáo dục Việt Nam. Đây là nhiệm vụ cơ bản và bao trùm của sự nghiệp xây dựng một nền giáo dục Việt Nam hiện đại theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. ❑

Để nâng cao hiệu quả...

(Tiếp theo trang 10)

tiền phong của mình: cán bộ, đảng viên gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách, pháp luật, gắn bó mật thiết với nhân dân; thường xuyên tự phê bình và lắng nghe ý kiến phê bình của nhân dân, của Mặt trận.

8 - Xây dựng quy chế định kỳ cấp ủy làm việc với Đảng đoàn Mặt trận.

9 - Kết hợp thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng với chế độ hiệp thương dân chủ trong tổ chức Mặt trận để làm cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng phong phú hơn.

Những nội dung trên đây xuất phát từ yêu cầu và nhiệm vụ của thời kỳ đổi mới đất nước. Nó được đúc kết từ kinh nghiệm hoạt động của Đảng trong Mặt trận.

Trong điều kiện Đảng lãnh đạo toàn xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc bao hàm một nội dung quan trọng nữa là lãnh đạo Nhà nước sớm thể chế hóa các nghị quyết, chủ trương của Đảng về đại đoàn kết dân tộc, về Mặt trận thành các quy định của pháp luật, thành chính sách và các chế độ.

Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng với Mặt trận gắn liền với sự vươn lên của cả hệ thống tổ chức Mặt trận, nhất là của những người đảng viên trực tiếp công tác ở đây. Mỗi đảng viên cộng sản được Đảng trao trách nhiệm làm công tác mặt trận phải vũ trang cho mình những đức tính cần thiết như: phẩm chất chính trị trong sáng; sự hiểu biết sâu rộng về các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng, đối ngoại; am hiểu tường tận tính chất, vị trí, vai trò của từng tổ chức thành viên của Mặt trận; là văn hóa ứng xử đầy tính thuyết phục: nghiêm khắc với mình, bao dung, độ lượng với người, để hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó. ❑

Digitized by Google

DÂN CHỦ LÀ KẾT QUẢ ĐẤU TRANH

NGÔ THÀNH DƯƠNG *

Dân chủ là kết quả đấu tranh lâu dài của nhân loại. Nó mang tính giai cấp và lịch sử cụ thể, vì thế, không thể áp đặt nền dân chủ của xã hội này đối với xã hội khác. Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu, vừa là động lực của cách mạng Việt Nam. Hiện nay, khi các thế lực phản động quốc tế sử dụng con bài dân chủ để can thiệp vào nội bộ các nước, Đảng ta chủ trương không ngừng phát huy, mở rộng dân chủ trong Đảng và toàn xã hội. Để đạt được điều đó cần "nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng".

HIỆN nay, vấn đề dân chủ có ý nghĩa thời sự nóng hổi cả về lý luận và thực tiễn.

Ở nước ta, một số rất ít người cũng tự cho mình là lực lượng dân chủ đấu tranh đòi Đảng ta không được độc quyền lãnh đạo đất nước, thực hiện "đa nguyên, đa đảng", từ bỏ chủ nghĩa Mác - Lê-nin, không đi theo hướng xã hội chủ nghĩa. Tuyệt đại đa số nhân dân ta ủng hộ sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, tán thành đường lối đổi mới đi lên của chủ nghĩa xã hội, song cũng yêu cầu Đảng ta mở rộng dân chủ hơn nữa để phát huy tính sáng tạo của nhân dân trong công cuộc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Nhiều đảng viên trung thành với Đảng, với sự nghiệp đổi mới, cũng đề nghị Đảng ta thực hiện tốt hơn nữa dân chủ trong đảng, nhất là ở cơ sở, ra sức chống bệnh quan liêu, tham nhũng, thiếu dân chủ...

Những năm gần đây, nhất là trong dịp Đại hội X của Đảng, đã có nhiều bài viết về vấn đề dân chủ. Trong bài này, xin đề cập đến mấy khía cạnh sau đây:

Trước hết, chúng ta không tán thành quan điểm cho rằng "dân chủ không có tính từ". Theo quan điểm này, dân chủ là một khái niệm chung cho loài người, là siêu giai cấp. Lý luận khoa học mác-xít xem xét dân chủ không phải là một cái gì tuyệt đối và chết cứng, vĩnh cửu và bất biến. Dân chủ là một phạm trù lịch sử, nảy sinh và phát triển dưới ảnh hưởng của đấu tranh giai cấp.

Các nhà khoa học đã chứng minh rằng loài người đã từng sống hàng vạn năm dưới thời cộng sản nguyên thủy với chế độ thị tộc. Ngày nay, có thể gọi chế độ thị tộc là một chế độ dân chủ. Với tất cả tính ngây thơ và giản dị của nó, chế độ thị tộc thực sự là một tổ chức xã hội tốt đẹp, vì mọi người đều sống bình đẳng, tự do, không có hiện tượng người bóc lột người. Khi chuyển sang chế độ chiếm hữu nô lệ, khái niệm dân chủ ra đời từ thời cổ đại, gắn liền với cuộc đấu tranh của tầng lớp chủ nô dân chủ chống lại tầng lớp chủ nô quý tộc. Trong

* GS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

xã hội đó, những người nô lệ bị coi như súc vật, không có chút quyền tự do dân chủ nào.

Dưới chế độ phong kiến, nền quân chủ chuyên chế thống trị trong hàng ngàn năm. Giai cấp nông dân bị áp bức bóc lột cũng không có quyền tự do, dân chủ nào ngoài quyền sử dụng một mảnh đất nhỏ nhoi để tự cày cấy. Vua được coi là con trời cai trị thiên hạ. Các quan được coi là cha mẹ dân, có trách nhiệm chăn dắt thần dân. Tuy nhiên, dưới chế độ phong kiến, một số vua, quan thanh liêm và một số triết gia đã có những tư tưởng tiến bộ tôn trọng nhân dân và biết dựa vào dân để giải quyết những khó khăn của đất nước. Đã có những tư tưởng dân chủ như: "dân vi bản, dân vi quý, quân vi khinh", hay, "dân là nước, những người cai trị là thuyền. Đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân". Song, những tư tưởng dân chủ đó mang tính chất ân huệ mà những người cai trị ban cho dân trong một phạm vi nhất định, ở một thời điểm nhất định khi gặp khó khăn như thiên tai hay ngoại xâm, cần huy động sức dân để giải quyết.

Giai cấp tư sản đã có công lớn đấu tranh chống chế độ phong kiến, phát huy nền dân chủ cả về lý luận lẫn thực tiễn. Nội dung của khái niệm dân chủ đã được xác định cụ thể với các quyền tự do, dân chủ như: Mọi người sinh ra đều bình đẳng, có quyền sống và mưu cầu hạnh phúc, được hưởng các quyền tự do ngôn luận, báo chí, mít tinh, biểu tình, hội họp, lập đảng, tự do bầu cử, ứng cử, không phân biệt giới tính và dân tộc, v.v..

Giai cấp tư sản đã nhân danh toàn xã hội đấu tranh cho tự do dân chủ để lôi kéo đông đảo quần chúng lao động đứng lên làm cách mạng lật đổ chế độ phong kiến. Nhưng đến khi giành được chính quyền, giai cấp tư sản đã phản bội lại lợi ích của nhân dân lao động, chỉ thực hiện các quyền tự do, dân chủ cho giai cấp mình. V.I Lê-nin đã nói nền dân chủ tư sản là bước tiến bộ vĩ đại so với chế độ phong kiến, là thiên đường cho bọn giàu có, nhưng lại là sự lừa bịp đối với những người nghèo khổ bị bóc lột.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa đã thay đổi một cách căn bản bản chất giai cấp và nội dung của dân chủ, mang lại tính thực tế cho các quyền tự do, dân chủ đối với nhân dân lao động. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mở rộng quyền dân chủ, không phải chỉ ở lĩnh vực chính trị mà sang tất cả các lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Ngoài những quyền tự do, dân chủ mà giai cấp tư sản đã tuyên bố, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa còn thừa nhận quyền được lao động và nghỉ ngơi, quyền tự do tư tưởng, tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng, quyền được bảo đảm tuổi già, trong trường hợp ốm đau, mất sức lao động, v.v..

Qua sự phân tích trên, cho thấy dân chủ không phải là cái gì có sẵn, được ban cho nhân dân, mà dân chủ là kết quả của đấu tranh. Trong xã hội từ khi có giai cấp, dân chủ là thành tựu của cuộc đấu tranh giai cấp, nó lại trở thành vũ khí đấu tranh giai cấp. Cho nên, dân chủ mang tính giai cấp. Bản chất giai cấp và các thể chế của dân chủ thay đổi tùy theo từng giai cấp.

Trình độ thực hiện dân chủ và vai trò của nó trong đấu tranh giai cấp cũng thay đổi trong quá trình phát triển. Trong lịch sử đã có những kiểu dân chủ khác nhau: dân chủ chủ nô, dân chủ thời phong kiến, dân chủ tư sản và dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nói đến một nền dân chủ nào đó, không thể nói chung chung mà phải kèm theo một tính từ để bổ nghĩa cho nó. Xem xét một nền dân chủ, ngoài tính chất giai cấp còn phải đánh giá trình độ của nó đạt tới mức nào. Trình độ của nền dân chủ một nước ở một thời kỳ nào đó phụ thuộc vào nhiều yếu tố: tương quan lực lượng giữa các giai cấp, mức độ đấu tranh của nhân dân lao động, tình hình kinh tế - xã hội, truyền thống lịch sử, văn hóa dân tộc, v.v.. Cho nên, quan niệm về dân chủ, nội dung dân chủ ở mỗi nước, mỗi thời đại cũng khác nhau. Không thể lấy quan niệm

Digitized by Google

giá trị dân chủ ở một nước này mà áp đặt cho một nước khác được.

Chúng ta cần phê phán quan điểm cho rằng dân chủ phải gắn liền với "đa nguyên, đa đảng", không thực hiện "đa nguyên, đa đảng" thì không có dân chủ. Về lý luận, có người viết: "Đa nguyên luôn luôn là điều kiện cần của dân chủ". Về thực tiễn, họ ca tụng chế độ đa nguyên, đa đảng của nền dân chủ tư sản ở phương Tây, cho đó là mẫu hình lý tưởng của dân chủ. Cần phải đứng trên lập trường của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để xem xét vấn đề này. Thực tế, nền dân chủ tư sản chỉ phục vụ lợi ích của giai cấp tư sản, đối với nhân dân lao động thì những quyền tự do, dân chủ chỉ là bánh vẽ chứ không là thực tế.

Từ khi giành được chính quyền, giai cấp tư sản đã xác lập các thể chế thực hiện dân chủ tư sản như chế độ tổng thống, chế độ đại nghị với "tam quyền phân lập". Nhưng chúng tìm "trăm phương, nghìn kế" để bóp nghẹt, hạn chế những quyền tự do, dân chủ đối với nhân dân lao động. Chúng tuyên bố phổ thông đầu phiếu tự do, nhưng định hạn tuổi cho người đi bầu, quy định mức tài sản cho những người ứng cử vào quốc hội và các cơ quan chính quyền địa phương, chia khu vực bầu cử có lợi cho giai cấp tư sản. Ở Mỹ, bản Tuyên ngôn Nhân quyền ra đời từ năm 1776, nhưng sau đó 144 năm mãi đến năm 1920, người phụ nữ mới có quyền bầu cử. Trong các cuộc bầu cử, nhiều đảng ra tranh cử nhưng ở Mỹ chỉ có hai đảng lớn là Đảng Cộng hòa và Đảng Dân chủ thay nhau cầm quyền hàng trăm năm nay. Hai đảng này đều đại diện cho những tập đoàn tư bản kếch sù. Muốn ra tranh cử tổng thống, phải có hàng trăm triệu đô la để vận động tranh cử. Báo chí có thể phê phán tổng thống về tư cách cá nhân, nhưng không thể động chạm đến cơ sở tồn tại của chính quyền tư sản.

Trong hàng trăm năm nay, những cuộc biểu tình, đình công của các giai cấp công nhân, nông dân và các tầng lớp lao động khác đã buộc giai cấp tư sản phải nhượng bộ và thực thi một phần nào quyền lợi cho nhân dân lao động, để duy trì ổn định xã hội và phát triển sản xuất. Nhờ trình độ phát triển cao của khoa học và công nghệ, nền kinh tế tư bản chủ nghĩa đã mang lại siêu lợi nhuận cho giai cấp tư sản, nên chúng có thể phân phối lại một phần nhỏ cho nhân dân lao động. Do cuộc đấu tranh của nhân dân lao động ngày một cao, nhiều đảng thuộc cánh tả giành được thắng lợi ở một số nước, có nơi thành lập "nhà nước phúc lợi", mức sống của nhân dân lao động cũng được nâng cao. Ở một số nước tư bản, nhà nước đã bảo đảm lương thất nghiệp cho công nhân. Như vậy, trình độ tự do, dân chủ ở mỗi nước cũng khác nhau, tùy thuộc vào mức độ đấu tranh của nhân dân lao động. Song, về cơ bản nền dân chủ đó vẫn chỉ phục vụ lợi ích cho giai cấp tư sản, không thể là mẫu hình lý tưởng cho nhân dân lao động.

Chỉ khi cách mạng vô sản giành được thắng lợi mới thực hiện được một nền dân chủ mới, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân lao động. Từ khi Liên Xô, nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới và sau đó một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa hình thành, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được xây dựng trong hiện thực. Mỗi nước xã hội chủ nghĩa đã tìm ra những thể chế thực thi dân chủ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội ở nước mình. Nhìn lại 70 năm qua, chúng ta thấy nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã biểu hiện rõ tính ưu việt của mình, đã có sự bình đẳng thật sự, đoàn kết, hợp tác tương trợ lẫn nhau giữa các tầng lớp nhân dân, giữa các dân tộc. Nói chung, đời sống của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa tuy chưa cao, nhưng tương đối đầy đủ về cả vật chất lẫn tinh thần.

Thế mà bọn tư bản đế quốc vẫn vu cáo các nước xã hội chủ nghĩa là theo chế độ độc tài, đảng trị, không dân chủ. Từ khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu sụp đổ,

Digitized by Google

chúng lại càng lớn tiếng hô hào can thiệp vào các nước này để chống chế độ chuyên chế, đòi thiết lập nền dân chủ kiểu phương Tây. Những phần tử cơ hội, những người giao động về chính trị cũng đã hùa theo những luận điệu đó, phủ nhận hoàn toàn những thành tựu mà nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã đạt được, ca tụng hết lời nền dân chủ tư sản với chế độ đa nguyên, đa đảng. Họ công kích chế độ do Đảng Cộng sản lãnh đạo ở những nước xã hội chủ nghĩa còn lại, cho Đảng độc quyền lãnh đạo là độc tài, đảng trị, không dân chủ.

Sự sụp đổ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu là một tổn thất lớn của phong trào cộng sản thế giới, nhưng những thành tựu tự do, dân chủ mà nhân dân lao động đã đạt được ở những nước xã hội chủ nghĩa thật là quý giá. Nền dân chủ này đã thể hiện một cách toàn diện trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội. Tuy nhiên, nó còn chưa hoàn thiện là do trình độ kinh tế - xã hội còn chưa cao, do một số người lãnh đạo còn mắc bệnh quan liêu, độc đoán, chuyên quyền ở nơi này nơi khác, ở thời điểm này thời điểm khác. Những người cách mạng chân chính cần phải tiếp tục đấu tranh để hoàn thiện nền dân chủ đó chứ không phải là xóa bỏ nó để quay trở về nền dân chủ tư sản. Thực tế đã chứng minh: một số nước thuộc Liên Xô trước đây sau các cuộc "cách mạng sắc màu" đi theo con đường dân chủ tư sản, thực hiện đa nguyên, đa đảng, đang gặp nhiều khó khăn, đời sống chính trị rối ren, kinh tế suy giảm, đời sống của nhân dân lao động sút kém, thậm chí có nơi còn xảy ra xung đột sắc tộc, tôn giáo.

Đứng trước những kinh nghiệm đó, Đảng ta kiên quyết bác bỏ chế độ đa nguyên, đa đảng. Đảng ta khẳng định rằng không phải cứ có nhiều đảng đấu tranh với nhau mới là dân chủ. Một đảng lãnh đạo mà toàn tâm, toàn ý phục vụ nhân dân thì vẫn mang lại một nền dân chủ chân chính. Chắc chắn là nhân dân lao động không bao giờ tán thành "đa nguyên, đa đảng" tranh giành quyền lợi với nhau để gây rối loạn đất nước. Nhân dân lao động và cả dân tộc ta hoàn toàn tin tưởng vào sự lãnh đạo duy nhất của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đảng ta chủ trương đổi mới toàn diện nhưng vẫn kiên trì lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, quyết tâm xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và tìm nhiều giải pháp phù hợp để hoàn thiện nó. Xuất phát từ tinh thần đó, văn kiện Đại hội X của Đảng khẳng định: "Dân chủ xã hội chủ nghĩa vừa là mục tiêu vừa là động lực của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thể hiện mối quan hệ gắn bó giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân. Nhà nước đại diện quyền làm chủ của nhân dân, đồng thời là người tổ chức thực hiện đường lối chính trị của Đảng. Mọi đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đều vì lợi ích của nhân dân, có sự tham gia ý kiến của nhân dân.

Xây dựng một xã hội dân chủ, trong đó cán bộ, đảng viên và công chức phải thực sự là công bộc của nhân dân. Xác định các hình thức tổ chức và có cơ chế để nhân dân thực hiện quyền dân chủ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội..."[1].

Chúng ta không tán thành quan điểm cho rằng Đảng ta còn thiếu dân chủ vì áp dụng nguyên tắc "tập trung dân chủ". Có người đề nghị đảo ngược lại thành "dân chủ tập trung" vì cho rằng nói "tập trung dân chủ" thì chỉ nặng về tập trung mà coi nhẹ dân chủ. Theo phân tích của họ: dân chủ là điểm xuất phát, đồng thời là mục tiêu đạt tới, còn tập trung chỉ là phương pháp. Nói như vậy là không nắm được lý luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin về nguyên tắc "tập trung dân chủ", một nguyên tắc quan trọng về mặt tổ chức.

Đầu thế kỷ XX, V.I. Lê-nin phê phán quan điểm sai lầm của phái men-sê-vích chủ trương xây dựng đảng của giai cấp công nhân giống như một câu lạc bộ. Người đã nêu ra những nguyên lý về xây dựng một đảng kiểu mới của

Digitized by Google

giai cấp công nhân. Theo V.I. Lê-nin, Đảng Cộng sản (bôn-sê-vích) Nga phải là một khối thống nhất, được tổ chức chặt chẽ, có kỷ luật thép. Mỗi đảng viên cộng sản phải là một chiến sỹ cách mạng, sinh hoạt trong một chi bộ nhất định. Đảng được tổ chức theo nguyên tắc tập trung dân chủ, nghĩa là thiểu số phải phục tùng đa số, cấp dưới phải phục tùng cấp trên, toàn đảng phải phục tùng trung ương. Có như vậy, Đảng mới trở thành một tổ chức có sức mạnh để đấu tranh lật đổ chế độ tư bản, xây dựng một xã hội mới, xã hội chủ nghĩa. Nguyên tắc tập trung dân chủ nói lên hai mặt tập trung và dân chủ, nhưng thống nhất với nhau một cách biện chứng. Dân chủ phải dưới sự chỉ đạo tập trung, còn tập trung phải dựa trên cơ sở dân chủ. Tập trung là một danh từ, dân chủ là tính từ để bổ nghĩa cho tập trung. Sự tập trung phải có tính dân chủ, chứ không phải là sự tập trung quan liêu.

Làm đúng nguyên tắc tập trung dân chủ thì không thể dẫn đến sự độc đoán, chuyên quyền. V.I. Lê-nin và Hồ Chí Minh là những lãnh tụ vĩ đại của giai cấp công nhân đã lãnh đạo Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa, không hề rơi vào độc đoán, chuyên quyền.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa, các Đảng Cộng sản và công nhân đã thiết lập những thể chế dân chủ mang lại lợi ích thiết thực cho nhân dân lao động. Sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu bộc lộ rõ những nhược điểm, thiếu sót của nền dân chủ đó. Những nước xã hội chủ nghĩa còn lại đã chủ trương cải cách, đổi mới để hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đã được xác lập. Phải tiến hành cải cách hành chính, tìm ra những thể chế dân chủ tốt hơn nhằm phát huy mạnh mẽ dân chủ trong đảng và ngoài xã hội. Đảng ta khẳng định rằng bệnh quan liêu độc đoán, chuyên quyền nảy sinh không phải do áp dụng nguyên tắc tập trung dân chủ trong Đảng và Nhà nước, mà là do năng lực và phẩm chất của một số cán bộ lãnh đạo còn thiếu sót.

Thực vậy, người cán bộ, đảng viên nếu không tu dưỡng tốt, khi nắm được quyền lực thì dễ có xu hướng lạm quyền vì động cơ cá nhân. Những người bị lãnh đạo không được thụ động ngồi chờ cấp trên ban cho dân chủ, mà phải đấu tranh, phê phán những hiện tượng tiêu cực của những người lãnh đạo ở các cấp vi phạm vào dân chủ. Phương pháp đấu tranh đó chính là tiến hành tự phê bình và phê bình thường xuyên ở trong Đảng. Phải tìm ra và thực hiện những cơ chế, chính sách đảm bảo dân chủ ngày càng tốt hơn như: cơ chế cử tri giám sát các đại biểu mà mình đã bầu ra, cơ chế đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp giám sát các cơ quan của chính phủ, v.v.. Muốn có được một chế độ dân chủ thật sự, ngày càng hoàn thiện ở trong Đảng và ngoài xã hội, phải đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ngày càng vững mạnh, toàn tâm, toàn ý phục vụ lợi ích của nhân dân. Chúng ta tin rằng Đảng Cộng sản Việt Nam, mang bản chất giai cấp công nhân, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc, sẽ bảo đảm thực hiện được chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa ngày càng hoàn thiện hơn.

Chính vì lẽ đó, Đại hội X của Đảng một lần nữa chỉ rõ, trong điều kiện đổi mới toàn diện và hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, càng cần phải "Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng". Chủ trương đó đáp ứng nhu cầu thực hiện mục tiêu nóng bỏng này. Cuộc đấu tranh để hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải được tiến hành kiên trì, quyết liệt, không ngừng ở trong Đảng cũng như ở toàn xã hội. ❑

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 125

Digitized by Google

VỀ TRÁCH NHIỆM CÁ NHÂN NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

NGUYỄN KÝ

Trong tổ chức và quản lý công việc của các cơ quan hành chính nhà nước, đang bộc lộ nhiều vấn đề: vị trí, trách nhiệm cá nhân và vai trò, trách nhiệm tập thể không rõ ràng, nảy sinh nhiều vấn đề bất cập. Trước tình hình mới, đề cao trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước là một nhiệm vụ trọng tâm trong cải cách thủ tục hành chính ở nước ta hiện nay.

QUẢN lý hành chính nhà nước là hoạt động hành chính của các cơ quan thực thi quyền lực nhà nước để quản lý, điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội theo pháp luật, được tổ chức và quản lý chặt chẽ trong một hệ thống thống nhất từ trung ương đến cơ sở. Hầu hết các nước trên thế giới, người đứng đầu các cơ quan hành chính nhà nước đều chịu trách nhiệm cá nhân, không có cơ chế trách nhiệm tập thể trong cơ quan hành chính nhà nước. Trong những nhiệm kỳ gần đây, Trung Quốc cũng đã thực hiện theo chế độ tỉnh trưởng, thị trưởng...

Ở nước ta hiện nay, trong hoạt động của tổ chức bộ máy hành chính nhà nước vừa tồn tại cơ chế tập thể gắn với cá nhân theo hình thức bầu cử và phê duyệt (ủy ban nhân dân và chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp), vừa có cơ chế thủ trưởng theo hình thức bổ nhiệm (bộ trưởng, thủ trưởng các cơ quan ngang bộ, thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, giám đốc sở ở cấp tỉnh...). Trên thực tế, trong tổ chức và quản lý công việc của các cơ quan hành chính nhà nước, cơ chế tập thể và cá nhân cùng chịu trách nhiệm đang bộc lộ nhiều vấn đề cần được nghiên cứu, mà *điểm nổi cộm là trách nhiệm tập thể và cá nhân không rõ ràng*. Mặc dù Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cũng đã quy định các nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp (chủ tịch ủy ban nhân dân), nhưng cơ chế đó chưa được quy định đủ rõ và thực tế trong cơ quan hành chính nhà nước, không dễ phân biệt ranh giới đâu là trách nhiệm tập thể, đâu là trách nhiệm cá nhân và vai trò cá nhân trong tập thể. Do đó, tình trạng nhập nhằng, dựa dẫm vào nhau trong quản lý và điều hành công việc, thực thi công vụ, làm cho trật tự kỷ cương không nghiêm và làm giảm hiệu lực, hiệu quả của bộ máy nhà nước... đang trở thành mối quan tâm lớn của toàn xã hội.

Nghị quyết Đại hội X của Đảng, khi bàn và quyết định về nhiệm vụ cải cách nền hành chính nhà nước, đã xác định một trong những nhiệm vụ trọng tâm là: " Tiếp tục cải cách mạnh thủ tục hành chính, phân cấp và làm rõ quyền hạn, trách

Digitized by Google

nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng đơn vị và người đứng đầu cơ quan" (1). Và gần đây, tại diễn đàn Quốc hội, nhiều đại biểu đã đề cập và nhấn mạnh trách nhiệm cá nhân. Để góp phần thảo luận làm rõ hơn về vấn đề đó, bước đầu chúng tôi đề cập một số vấn đề chủ yếu về trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở các cấp.

1 - Trách nhiệm tổ chức, điều hành thực hiện chức năng, nhiệm vụ của tổ chức, cơ quan, đơn vị

Vấn đề quan trọng của người đứng đầu là phải nắm chắc chức năng và nhiệm vụ của tổ chức, cơ quan, đơn vị; ý thức đầy đủ và bao quát được công việc hoặc nói cách khác là quản lý được công việc mình phụ trách; xác định đúng trọng tâm và đích thực những công việc cần tập trung giải quyết theo đúng chức năng; có ý tưởng định hướng và lộ trình để thực hiện nhiệm vụ đó; có chương trình, kế hoạch cụ thể, có sự phân công, phân nhiệm, bố trí cán bộ, công chức, bố trí kinh phí và điều kiện cần và đủ khác để triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo ý tưởng và lộ trình đã vạch ra; kiểm tra, giám sát việc thực hiện; nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để phát huy cái tốt, cái đúng, khắc phục cái bất hợp lý trong chủ trương cũng như trong hành động cụ thể.

Trong tổ chức, thực hiện nhiệm vụ được giao, đặc biệt chú trọng đến việc thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị. Sức mạnh của tổ chức bộ máy là ở chỗ, mọi bộ phận trong dây chuyền vận hành đúng chức năng mà nó quyết định do người điều khiển và bố trí. Chúng ta thường ít chú trọng đến vấn đề này, dễ bị những công việc sự vụ hằng ngày cuốn hút. Trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, chức năng chủ yếu của các cơ quan quản lý nhà nước là định hướng phát triển ; tạo môi trường pháp lý, xã hội... lành mạnh; tăng cường việc kiểm tra giám sát và thông qua các công cụ chính sách về tài chính, thuế... để điều tiết, bảo đảm công bằng xã hội. Còn việc sản xuất, kinh doanh, đầu tư có hiệu quả thế nào lại là chức năng của các doanh nhân. Không ít trường hợp, khi xem xét lại các chức năng, nhiệm vụ mới thấy việc làm của mình là "lộn sân", làm thay, làm nhầm công việc của người khác, của tổ chức khác. Thực tế tình hình cũng như ý kiến của nhiều đại biểu Quốc hội trong các kỳ họp gần đây, càng thấy rõ hơn nhiều "chỗ hổng" trong công tác quản lý hành chính nhà nước ở nhiều bộ, ngành trung ương cũng như các cấp chính quyền địa phương, như vấn đề quản lý nhà nước về y tế, về đầu tư, về giáo dục, trật tự an toàn xã hội, đặc biệt là quản lý đất đai, tài nguyên ở các cấp chính quyền địa phương... Những "chỗ hổng" đó đang làm cho nền kinh tế phát triển thiếu bền vững, thiếu sức cạnh tranh mà có khi chúng ta khó nhìn thấy. Điều đáng tiếc là trách nhiệm đó đều là của "chúng ta", nên kết quả của việc khắc phục còn rất khiêm tốn.

Trong khi đó, việc kiểm tra, giám sát của các cơ quan, đơn vị cấp trên không chặt chẽ, có thể do quan liêu hoặc hời hợt dẫn đến việc đánh giá phong trào ở một số cơ quan đơn vị thiếu chính xác. Việc làm đó, vô tình đã khuyến khích sự dối trá, chủ nghĩa hình thức, chủ nghĩa thành tích trong một bộ phận cán bộ. Thậm chí có những cơ quan, đơn vị hành chính nhà nước nhiều năm liền không hoàn thành nhiệm vụ, hoặc không có gì đặc biệt xuất sắc nhưng người đứng đầu vẫn được cất nhắc, đề bạt lên vị trí cao hơn. Điều đó đã làm giảm động lực thi đua chính đáng trong đội ngũ cán bộ.

2 - Chịu trách nhiệm về các quyết định hành chính của mình và các quyết định của tập thể

Người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước bất kỳ theo cơ chế bầu cử hoặc bổ nhiệm, bất kỳ ở trung ương hoặc địa phương cũng đều có trách nhiệm và thẩm quyền đưa ra những quyết định hành chính để thực hiện nhiệm vụ được giao. Đối với bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ được ban hành văn bản quy phạm

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 256

Digitized by Google

pháp luật để thống nhất quản lý ngành, lĩnh vực trong phạm vi cả nước. Chủ tịch ủy ban nhân dân các cấp được ra chỉ thị, quyết định để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình trong phạm vi địa phương. Do vậy, trách nhiệm trước hết của người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước phải tự chịu trách nhiệm về những quyết định của mình, bảo đảm theo đúng thẩm quyền và đúng pháp luật.

Đồng thời người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước phải chịu trách nhiệm về các nghị quyết của tập thể (ủy ban nhân dân) các cấp. Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003 đã quy định những nhiệm vụ phải được thảo luận tập thể, và khi đã nói đến quyết định tập thể có nghĩa là quyết định đó đúng, sai thì cả tập thể phải chịu trách nhiệm, nhưng *người đứng đầu vẫn phải chịu trách nhiệm chính và trước hết.* Nội dung và chất lượng các nghị quyết của tập thể lệ thuộc vào mấy yếu tố: có được thông tin đầy đủ, chính xác về các vấn đề cần bàn và quyết định; có đủ thời gian thảo luận và gợi ý tranh luận những vấn đề trọng tâm, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; thái độ người chủ trì có thực sự tôn trọng, lắng nghe và tạo không khí cởi mở để mọi người nói hết ý kiến của mình, nhất là những ý kiến không đồng nhất với ý kiến người đứng đầu; phân tích và gợi mở những vấn đề cần thảo luận và quyết định. Những vấn đề đó nằm trong tay và thuộc thẩm quyền của người đứng đầu.

Nhưng khi đề cập tới vấn đề này, có người cho rằng, đã là tập thể thì người đứng đầu cũng chỉ là một ý kiến. Điều đó đúng nhưng không hoàn toàn như vậy. Về mặt pháp lý, Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân, và Ủy ban nhân dân đã quy định: *"Chủ tịch ủy ban nhân dân là người lãnh đạo và điều hành công việc của ủy ban nhân dân"* (Điều 126). Quy chế làm việc của Chính phủ đã nêu rõ: "Khi biểu quyết tại phiên họp cũng như khi dùng phiếu lấy ý kiến, nếu số phiếu đồng ý và không đồng ý ngang nhau thì quyết định theo ý kiến mà Thủ tướng đã biểu quyết" (Khoản 3 - Điều 2) . Theo đó, ủy ban nhân dân các cấp cũng được quy định như vậy. Việc đó đã chứng tỏ vị trí của người đứng đầu. Về mặt thực tiễn, như đã phân tích ở trên, trong mọi trường hợp người đứng đầu luôn có vị trí quyết định, nghĩa là người đứng đầu rất có điều kiện và cơ hội để đưa vấn đề ra tập thể thảo luận hoặc không thảo luận, hoặc thảo luận đến mức nào các công việc của cơ quan, đơn vị.

Khi xem xét trách nhiệm người đứng đầu cơ quan hành chính, cần đánh giá cụ thể trong năm đó, trong nhiệm kỳ đó ban hành bao nhiêu quyết định, có bao nhiêu quyết định đúng thẩm quyền, đúng pháp luật, hợp lòng dân và có tính khả thi cao, được thực tế cuộc sống chấp nhận; có bao nhiêu quyết định trái thẩm quyền, trái pháp luật hoặc chỉ vì sự tiện ích cho công tác quản lý của mình mà bày vẽ ra những thủ tục phiền hà để tự hành hạ mình, hành hạ dân và doanh nghiệp. Trong trường hợp quyết định gây hậu quả xấu, phải được xem xét trách nhiệm rõ ràng. Khắc phục tình trạng đánh giá chung, thậm chí có nhiều người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ban hành văn bản trái thẩm quyền, trái pháp luật vẫn không được nhắc nhở, uốn nắn.

3 - Tổ chức quản lý đội ngũ cán bộ thuộc thẩm quyền

Để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao, mỗi tổ chức, cơ quan, đơn vị đều được quy định một số lượng cán bộ, công chức. Và, việc quản lý đội ngũ cán bộ, công chức đó do người đứng đầu quyết định từ việc bố trí các chức danh, các vị trí, đến việc phân công, phân nhiệm, xét nâng lương, nâng ngạch, bậc, khen thưởng, kỷ luật... (tất nhiên có cơ quan chuyên môn giúp việc), chỉ trừ một số rất ít cán bộ, thuộc quyền quản lý của cấp trên, của tập thể nhưng ý kiến đề xuất, kiến nghị với tập thể, với cấp trên của người đứng đầu là rất quan trọng.

Hơn ai hết, người phụ trách công việc rất có điều kiện để am hiểu cán bộ dưới quyền, thông qua công việc thực tế và ý kiến của cán bộ, công chức và ý kiến của đối tượng người cán bộ đó trực tiếp phục vụ để đánh giá, xem xét và bố trí cán bộ hợp lý theo khả năng và sở trường, để

Digitized by Google

khai thác và phát huy tối đa năng lực, phẩm chất của mỗi cán bộ. Hơn nữa, ở mỗi cơ quan, đơn vị đều có các tổ chức như kiểm tra của tổ chức đảng, thanh tra nhà nước, thanh tra nhân dân, công đoàn... Người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải sử dụng các lực lượng đó để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, thanh tra các hành vi của cán bộ, công chức trong khi thực thi công vụ, nhằm thực hiện tốt nhất chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị.

Do đó việc buông lỏng quản lý, hoặc quan liêu đối với đội ngũ cán bộ, công chức dưới quyền để xảy ra tình trạng mất đoàn kết, bè phái, tham ô, hà lạm của công, hạch sách, nhũng nhiễu dân, đặc biệt là để xảy ra tham nhũng, lãng phí, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân... tại cơ quan, đơn vị thì người đứng đầu phải liên đới chịu trách nhiệm. Không có một cá nhân đứng đầu một tập thể nào lại không phải chịu trách nhiệm về những gì diễn ra trong cơ quan, ngành, cấp của mình.

Hiện nay, không ít người đứng đầu các cơ quan, đơn vị có thể do trình độ quản lý, do quan liêu, hoặc do nhiều lý do "tế nhị" khác, né tránh "dễ người, dễ ta", không quan tâm đúng mức tới công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện đội ngũ cán bộ, công chức dưới quyền, nên tình trạng kỷ luật, kỷ cương, nhất là tinh thần tận tụy, vì công việc, vì dân trong một số cơ quan công quyền đang bị dư luận nhân dân bất bình, nhưng chậm được khắc phục đã và đang làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả hoạt động và lòng tin của nhân dân đối với bộ máy công quyền.

Điều cơ bản để quản lý tốt đội ngũ cán bộ, công chức dưới quyền phụ thuộc rất quan trọng, nếu không muốn nói là quyết định vào năng lực, phẩm chất và tinh thần gương mẫu của người đứng đầu.

4 - Trách nhiệm quản lý tài sản công

Một nhiệm vụ hết sức nặng nề của các cơ quan quản lý hành chính nhà nước là, được nhân dân giao quản lý một khối lượng tài sản công cộng theo sự phân cấp của cấp trên. Người đứng đầu phải biết tổ chức điều tra nắm chắc tài sản công cộng trên địa bàn, cả số lượng và chất lượng thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cơ quan, đơn vị mình. Trên cơ sở đó, có sự phân loại tài sản, xây dựng quy hoạch, kế hoạch phân giao trách nhiệm rõ ràng, minh bạch cho các cá nhân, tổ chức sử dụng, bảo quản và khai thác từng loại tài sản có hiệu quả nhất, bảo đảm mọi tài sản đều có chủ đích thực quản lý, sử dụng; hằng năm có kiểm kê, đánh giá thực chất việc quản lý, sử dụng tài nguyên đó. Đồng thời, người đứng đầu cơ quan, đơn vị phải quản lý và sử dụng tài sản, kinh phí được nhà nước giao một cách chặt chẽ và có hiệu quả nhất, không để lãng phí, tham ô, làm thất thoát tài sản công. Chính phủ đã có Nghị định về việc giao khoán kinh phí hành chính và biên chế cho các đơn vị hành chính - đây chỉ là bộ phận nhỏ trong trách nhiệm quản lý tài chính công, nhưng là bước mở đầu để tạo cho người đứng đầu có ý thức trong quản lý và sử dụng tài chính công của dân có hiệu quả nhất.

Lâu nay, chúng ta thường ít coi trọng vấn đề này, nhất là việc quản lý tài nguyên, đất đai, kết cấu hạ tầng cơ sở..., nên tình trạng phổ biến đến mức báo động hiện nay là tài sản công, đặc biệt là tài nguyên, đất đai ngày càng bị xâm hại nặng nề, nhiều tài sản công bị mất mát, lãng phí, để cho nhiều giá trị của tài sản công lọt vào tay một số người, gây bất bình trong xã hội. Điều đáng nói là, tệ làm mất mát và phí phạm tài sản công cộng đó đang còn đổ vấy trách nhiệm cho nhau và không có người chịu trách nhiệm.

Thực hiện rõ trách nhiệm cá nhân, không chỉ để đề cao trách nhiệm, xiết chặt trật tự kỷ cương trong hệ thống hành chính nhà nước, mà cơ bản là tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ nâng cao tính chủ động sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, làm xuất hiện rõ, chính xác những cán bộ có tài năng trong quản lý và điều hành công việc hành chính của Nhà nước.

Trong kiểm điểm hằng năm cũng như mỗi nhiệm kỳ, người đứng đầu các cơ quan hành

(Xem tiếp trang 35)

Digitized by Google

VỀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

ĐINH VĂN THÀNH *

Muốn định hướng xã hội chủ nghĩa cho nền kinh tế thị trường ở nước ta, trước hết phải có một nền thương mại phát triển và mang bản chất của một chế độ tiên tiến - chế độ xã hội chủ nghĩa. Để đạt được điều đó nền thương mại nước nhà phải đặt ra những mục tiêu định hướng chiến lược thật cụ thể.

1 - Khái quát về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Kể từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI (năm 1986) đến nay, tư duy lý luận của Đảng về đổi mới nói chung và đổi mới trong xây dựng và phát triển nền kinh tế đã có những bước phát triển rất rõ rệt. Nếu như tại Đại hội VI, Đảng ta đã chủ trương phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, thì đến Đại hội VII, Cương lĩnh (năm 1991) khẳng định: "Phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước". Như vậy, Đảng ta đã xác định rõ cơ chế vận hành nền kinh tế là cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đến Đại hội VIII, mệnh đề đó lại tiếp tục phát triển, bổ sung bằng việc khẳng định: "Sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, mà là thành tựu phát triển của nền văn minh nhân loại, tồn tại khách quan, cần thiết cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và cả khi chủ nghĩa xã hội đã được xây dựng". Tại Đại hội này vẫn chưa đề cập đến khái niệm nền kinh tế thị trường. Tại Đại hội IX, khái niệm "Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa" đã chính thức được đưa vào văn kiện, xem đó là *mô hình kinh tế tổng quát* trong suốt thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và chỉ rõ: "kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, tổ chức quản lý và phân phối". Nói cách khác, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa cũng chính là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, nhằm đạt được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

* PGS, TS, Bộ Thương mại

Digitized by Google

Vậy, cơ chế thị trường là gì? Theo nhiều nhà kinh tế thì cơ chế thị trường là tổng thể các nhân tố, quan hệ cơ bản vận động dưới sự chi phối của các quy luật thị trường (quy luật giá trị, giá cả, cung cầu, cạnh tranh... nhằm mục tiêu lợi nhuận). Cơ chế thị trường có những đặc trưng cơ bản như sau:

- Các vấn đề liên quan đến phân bổ, sử dụng các nguồn tài nguyên khan hiếm như lao động, vốn, tài nguyên thiên nhiên về cơ bản được quyết định thông qua sự hoạt động của các quy luật thị trường.

- Tất cả các mối quan hệ giữa các chủ thể kinh tế được tiền tệ hóa.

- Động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và lợi ích kinh tế được biểu hiện tập trung ở lợi nhuận.

- Tự do lựa chọn việc sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng từ phía các nhà sản xuất, các nhà thương mại và người tiêu dùng thông qua các mối quan hệ kinh tế đều tuân theo các quy luật thị trường.

- Cạnh tranh là môi trường và động lực thúc đẩy sự phát triển kinh doanh, tăng năng suất và nâng cao hiệu quả.

Tuy nhiên, nước ta không chủ trương phát triển kinh tế thị trường theo kiểu tự do, mà là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc trưng cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã được xác định như sau:

- Mục đích của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là phát triển lực lượng sản xuất, phát triển kinh tế để xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội; sử dụng cơ chế thị trường, áp dụng các hình thức và phương pháp quản lý kinh tế thị trường để kích thích sản xuất, phát huy tinh thần năng động sáng tạo của người lao động, giải phóng sức sản xuất, thúc đẩy công nghiệp hóa, hiện đại hóa; lãnh đạo, quản lý nền kinh tế để không ngừng nâng cao hiệu quả kinh tế - xã hội, bảo đảm hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường theo hướng bền vững, đúng hướng xã hội chủ nghĩa.

- Trong nền kinh tế quốc dân có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.

- Kinh tế thị trường ở nước ta là có sự quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, Nhà nước quản lý bằng pháp luật, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và các công cụ quản lý kinh tế khác.

- Thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế, đồng thời phân phối theo phương thức đóng góp vốn và trí tuệ vào sản xuất kinh doanh và thông qua phúc lợi xã hội; tăng trưởng kinh tế gắn liền với đảm bảo tiến bộ và công bằng xã hội.

2 - Suy nghĩ bước đầu về phát triển thương mại

Thương mại, với tư cách là một khâu của quá trình tái sản xuất xã hội, nhưng lại là khâu trung gian, mắt xích quan trọng, nên để phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thì thương mại cũng phải phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa - đó là đòi hỏi khách quan của các quan hệ phân phối - lưu thông và sự tác động của nó đến định hướng chung của nền kinh tế quốc dân. Mặt khác, với tư cách là một ngành kinh tế - kỹ thuật trong tổng thể nền kinh tế quốc dân, việc phát triển thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa không chỉ là mục đích tự thân, mà còn do yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra cho thương mại là phải góp phần vào xây dựng kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Thứ nữa, trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa và hội nhập kinh tế quốc tế đang ngày càng diễn ra mạnh mẽ và sôi động như hiện nay, khi mà phạm vi và nội dung điều chỉnh của luật pháp và công ước quốc tế liên quan đến thương mại không chỉ dừng lại ở phạm vi thương mại hàng hóa như trước đây, mà còn bao hàm cả các loại

Digitized by Google

hình thương mại dịch vụ, các vấn đề đầu tư liên quan đến thương mại, các vấn đề thương mại của quyền sở hữu trí tuệ và các vấn đề thương mại - môi trường... Việt Nam đang chủ trương đẩy mạnh hội nhập kinh tế quốc tế, do đó chúng ta dù muốn hay không cũng phải tiếp cận khái niệm thương mại theo một nghĩa rộng hơn, bao gồm hầu hết các phân ngành thuộc lĩnh vực dịch vụ và cả một số phân ngành thuộc lĩnh vực công nghiệp - xây dựng, nông nghiệp. Đồng thời, nói đến hội nhập kinh tế quốc tế cũng là nói tới với việc chúng ta phải mở cửa thị trường nội địa, xâm nhập vào thị trường thế giới và cùng hợp tác kinh doanh với các đối tác nước ngoài, mà chủ yếu là đối tác ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển theo hướng tư bản chủ nghĩa.

Xuất phát từ những vấn đề chung về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và đặc thù của thương mại trong bối cảnh mới như trên, chúng tôi xin đề xuất một số ý tưởng mang tính định hướng trong phát triển thương mại ở nước ta như sau:

- ***Thứ nhất,*** phát triển thương mại phải bảo đảm phát triển nhanh và bền vững. Muốn có nền kinh tế phát triển nhanh và bền vững thì ngành thương mại cũng phải phát triển nhanh đồng thời bảo đảm cho cả nền kinh tế vận động theo hướng bền vững. Chẳng hạn, để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP thời kỳ 2001 - 2010 là 7,5% - 8,0%/năm đòi hỏi thương mại phải có những bước phát triển rất cao. Theo tính toán của một số chuyên gia về tác động của xuất khẩu tới tăng trưởng kinh tế Việt Nam thời kỳ 1989 - 2002 cho thấy, cứ 1% tăng lên của xuất khẩu thì GDP tăng trung bình là 0,27%. Hiện nay, xuất khẩu đã chiếm khoảng 50% GDP, vậy nên để đạt được tốc độ tăng trưởng GDP là 7,5% - 8%/năm thì xuất khẩu phải tăng trưởng với mức trên 16%/năm. Đây là một nhiệm vụ không đơn giản bởi khi quy mô của xuất khẩu đã khá lớn thì để tăng trưởng ở mức cao như vậy phải có những giải pháp hết sức căn bản. Việc tăng trưởng xuất khẩu những năm qua cũng đi liền với việc gia tăng tình trạng nhập siêu và nguy cơ đó ngày càng cao khi chúng ta phải mở cửa thị trường nội địa theo các cam kết quốc tế. Tình trạng trên có nguyên nhân từ việc lựa chọn cơ cấu xuất khẩu và cơ cấu sản xuất, nhất là gia công sản xuất - xuất khẩu trong nước. Bởi vậy, để phát triển thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa chúng ta phải tiếp tục nỗ lực gia tăng xuất khẩu và đi liền với đó là thay đổi mạnh cơ cấu xuất khẩu - nhập khẩu, kiểm soát tốt nhập khẩu để giảm nhập siêu và tiến tới cân bằng cán cân thương mại vào năm 2010. Tính định hướng xã hội chủ nghĩa phải được thể hiện bằng việc Nhà nước chủ động can thiệp vào thị trường khi nắm bắt được quy luật vận động và nhận thấy có những biểu hiện lệch lạc.

- ***Thứ hai,*** phát triển thương mại phải góp phần thúc đẩy việc xây dựng đồng bộ thể chế kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa. Hình thành đồng bộ các loại thị trường, phát triển mạnh các loại hình thương mại dịch vụ đi liền với việc xây dựng, hoàn thiện khung khổ pháp lý và thể chế cần thiết để thị trường hoạt động năng động, có hiệu quả, có trật tự kỷ cương trong môi trường cạnh tranh lành mạnh, hạn chế và kiểm soát độc quyền kinh doanh. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta thời kỳ 2001 - 2010 đã xác định rõ mục tiêu đưa tỷ trọng dịch vụ trong cơ cấu GDP vào năm 2010 là 42% - 43%. Đây là mục tiêu không cao, nhưng tình hình thực hiện có dấu hiệu rất đáng lo ngại. Nếu năm 1996, dịch vụ chiếm 43,6% GDP thì đến năm 2000 tỷ trọng này là 41,4% và đến năm 2003 là 39%. Trong khi đó, theo thống kê của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), hiện tại dịch vụ chiếm 80% cơ cấu GDP của Hoa Kỳ, chiếm 60% - 70% cơ cấu GDP của các nước EU và chiếm tới 70% trong cơ cấu GDP của Xin-ga-po. Như vậy, nếu đến năm 2010, chúng ta đạt được mục tiêu đưa cơ

Digitized by Google

cấu dịch vụ chiếm 42% - 43% GDP thì cũng chỉ bằng tỷ trọng đạt được của nước ta vào năm 1996 và sẽ lạc hậu rất xa so với các nước trong khu vực. Mặt khác, số liệu điều tra của Dự án VIE 02/009 MPI-UNDP cho thấy, sự biến đổi tỷ trọng xuất - nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ ở nước ta cũng đang diễn ra theo chiều hướng bất lợi. Nếu năm 1998 cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa chiếm tỷ trọng 77,9% trong tổng số, thì đến năm 2003 đã là 85,9%; còn cơ cấu xuất - nhập khẩu dịch vụ lại giảm từ 22,1% xuống còn 14,1% vào năm 2003.

Từ những số liệu trên cho thấy, để phát triển thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải tập trung cao độ cho phát triển các loại hình thương mại dịch vụ, xem đó là một trong những mục tiêu hết sức quan trọng trong phát triển thương mại nói chung. Nhà nước cần có các chính sách và cơ chế để phát triển mạnh thương mại dịch vụ, có như vậy mới góp phần vào việc hình thành đồng bộ các loại thị trường, tạo cho thị trường hoạt động vừa năng động, vừa hiệu quả và bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh.

- ***Thứ ba,*** phát triển thương mại phải dựa trên cơ sở khai thác và tạo lập năng lực cạnh tranh ở cả 3 cấp độ, lấy mục tiêu hiệu quả kinh tế làm thước đo tiêu chuẩn trong mỗi bước đường phát triển.

Hoạt động thương mại là hoạt động kinh doanh để tìm kiếm lợi nhuận, bởi vậy lợi nhuận là chỉ tiêu chủ yếu phản ánh hiệu quả kinh tế của hoạt động thương mại. Có nhiều biện pháp khác nhau nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận cao, nhưng sự khác biệt của thương mại phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa là ở chỗ, lợi nhuận được hình thành trên cơ sở phát triển kinh doanh đúng pháp luật, thực hiện tốt các quan hệ phân phối do Nhà nước quy định, sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, tiết kiệm các khoản chi phí lưu thông, nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và doanh nghiệp trên thị trường, phát huy lợi thế so sánh. Phát triển thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải loại trừ những hành vi tìm kiếm lợi nhuận bằng bất cứ giá nào, kể cả vi phạm pháp luật như buôn lậu, gian lận thương mại, buôn bán hàng giả, cạnh tranh không lành mạnh và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Đồng thời, phải phân định rõ mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội, lấy mục tiêu nâng cao hiệu quả kinh tế làm cơ sở và điều kiện để thực hiện mục tiêu xã hội. Nước ta là nước nghèo và thương mại, thị trường còn chậm phát triển, nên Nhà nước cần có trách nhiệm lớn trong điều hòa và giải quyết các vấn đề xã hội. Tuy nhiên, cần phải tách các mục tiêu xã hội và chuyển chức năng này cho các cơ quan bảo trợ xã hội, các doanh nghiệp công ích, hoạt động phi lợi nhuận hoặc thị trường hóa nhiệm vụ này để có thể lựa chọn đúng tổ chức hay doanh nghiệp thực hiện tốt nhiệm vụ, hạn chế và tiến tới chấm dứt tình trạng khi kinh doanh thua lỗ thường vin vào lý do phải giải quyết vấn đề xã hội, nhất là đối với các doanh nghiệp nhà nước hiện nay.

- ***Thứ tư,*** phát triển thương mại phải chú trọng tới xây dựng nền thương mại Việt Nam văn minh và hiện đại. Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm (2001 - 2010) ở nước ta thực chất là chiến lược đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Thương mại có 2 vấn đề rất quan trọng phải giải quyết, đó là, ngành thương mại phải đóng góp như thế nào vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phải phát triển ra sao để thương mại Việt Nam sớm thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Hiện nay, với sự phát triển như vũ bão của khoa học - công nghệ, đặc biệt là công nghệ thông tin, đã tạo tiền đề và điều kiện cho sự ra đời và phát triển kinh tế tri thức. Gắn liền với

Digitized by Google

nền kinh tế tri thức là sự phát triển rất nhanh chóng của thương mại điện tử. Nếu như tăng trưởng của thương mại thế giới nói chung chỉ ở mức 6% - 7%/năm, thì thương mại điện tử nói riêng hiện đã có mức tăng trưởng bình quân 60% - 70%/năm. Như vậy, để không bị tụt hậu về lĩnh vực kinh tế nói chung và thương mại nói riêng, vấn đề rất quan trọng là phải tập trung phát triển thương mại điện tử, trước hết là khẩn trương xây dựng kết cấu hạ tầng về kỹ thuật - công nghệ và cơ sở pháp lý cho phát triển thương mại điện tử. Mặt khác, phải từng bước phát triển các kỹ năng quản lý nhà nước và quản trị doanh nghiệp theo yêu cầu xây dựng chính phủ điện tử.

Phát triển thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa còn đòi hỏi phải phát triển các loại hình thương mại văn minh, hiện đại như xây dựng và phát triển các sàn giao dịch hàng hóa, hệ thống trung tâm thương mại và siêu thị, các loại hình chợ... Chỉ có trên cơ sở xây dựng và phát triển các loại hình thương mại văn minh, hiện đại mới tạo ra khả năng vật chất để hạn chế và đẩy lùi tình trạng kinh doanh thương mại ở vỉa hè, lòng đường và ở nhiều khu vực gây ô nhiễm môi trường như hiện nay. Đồng thời, phát triển thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta cũng là quá trình xây dựng văn hóa kinh doanh hiện đại và mang đậm bản sắc dân tộc.

- ***Thứ năm,*** phát triển thương mại phải trên cơ sở bảo vệ và giữ gìn an ninh quốc gia và môi trường sinh thái. Có thể nói, thế giới đang chuyển sang thời đại kinh tế tri thức dựa trên sự phát triển rất nhanh chóng của công nghệ thông tin, công nghệ vật liệu và công nghệ sinh học. Nhiều người theo chủ nghĩa lạc quan cho rằng, toàn cầu hóa về kinh tế và sự phát triển như vũ bão của cách mạng khoa học - công nghệ sẽ làm cho biên giới kinh tế giữa các quốc gia bị lu mờ dần. Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, không gian kinh tế sẽ được mở rộng và các định chế kinh tế quốc tế sẽ được áp dụng một cách phổ biến hơn, nhưng lợi ích kinh tế, lợi ích chính trị - xã hội và vấn đề môi trường sinh thái của từng quốc gia là không thể đồng nhất. Bằng chứng là ở chỗ vòng đàm phán Đô-ha trong khuôn khổ WTO còn quá nhiều bất đồng về lợi ích giữa các nước phát triển và đang phát triển; Các tranh chấp trong thương mại quốc tế giữa các nước ngày càng gia tăng về số vụ và qui mô ảnh hưởng; Nghị định thư Ki-ô-tô về giảm lượng phát thải công nghiệp gây hiệu ứng nhà kính còn chưa được nhiều nước ký tham gia, trong đó có cả những nước giàu và có tỷ lệ phát thải công nghiệp gây hiệu ứng nhà kính rất lớn.

Từ những vấn đề thực tế đã và sẽ tiếp tục diễn ra như trên đòi hỏi chúng ta, *một mặt,* phải chủ động hội nhập ngày càng sâu rộng vào hệ thống thương mại toàn cầu và khu vực, *mặt khác,* phải hết sức chú trọng tới các lợi ích quốc gia, đặc biệt là vấn đề bảo vệ an ninh quốc gia và môi trường sinh thái trong phát triển thương mại. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác, vừa đấu tranh và để có vị thế vững chắc trong hợp tác và đấu tranh cần phải củng cố sức mạnh một cách toàn diện. Tuy nhiên, để tạo lập và củng cố được sức cạnh tranh tổng thể lại cần không ít thời gian, vật chất và trí tuệ. Do đó, để hội nhập thành công vào hệ thống thương mại thế giới mà vẫn tiếp tục phát triển thương mại theo định hướng xã hội chủ nghĩa phải kết hợp chặt chẽ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế với yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng và bảo vệ môi trường, thông qua hội nhập để tăng cường sức mạnh tổng hợp và lợi ích của quốc gia, nhằm giữ vững chủ quyền và an ninh đất nước, bảo vệ môi trường trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thứ sáu, tiếp tục đổi mới và hoàn thiện chính sách, cơ chế quản lý nhà nước về thương mại. Những năm vừa qua chúng ta đã đổi mới

Digitized by Google

một cách cơ bản cơ chế, chính sách thương mại theo hướng tập trung xóa bỏ quan liêu, bao cấp để chuyển sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Tuy nhiên, xét trên nhiều góc độ thì cơ chế, chính sách hiện hành chưa thực sự phù hợp với yêu cầu xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, nhất là chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển nhanh, bền vững, chủ động và tích cực hội nhập thành công vào kinh tế quốc tế và khu vực. Vì vậy, Nhà nước cần tập trung đổi mới một cách cơ bản cơ chế, chính sách thương mại theo hướng phải coi trọng phát triển đồng bộ các yếu tố của thị trường, phát huy vai trò của các thành phần kinh tế và các doanh nhân trong phát triển thương mại và thị trường. Đồng thời, việc đổi mới cơ chế và chính sách thương mại phải nhằm vào vấn đề có tính quyết định là tiếp tục tháo gỡ các vướng mắc đang cản trở sự phát triển thương mại dịch vụ, các hình thức thương mại văn minh, hiện đại. Tập trung nguồn lực cho phát triển thương mại và thị trường nội địa để làm cơ sở cho đẩy mạnh xuất khẩu và thâm nhập ngày càng sâu rộng vào thị trường thế giới, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiếp tục hoàn thiện cơ chế và chính sách thương mại để chủ động hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng theo hướng phát huy, gây sức ép và tạo tiền đề, cũng như các điều kiện để thương mại Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh cả trên thị trường thế giới và thị trường nội địa. Kiên quyết xóa bỏ các khoản bao cấp mới được hình thành, các khoản ưu đãi riêng cho một số đối tượng... để thông qua đó lành mạnh hóa thị trường. Đẩy mạnh công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thương mại qua việc xây dựng bộ máy quản lý có nhiều cán bộ giỏi về chuyên môn nghiệp vụ và có phẩm chất tốt, đáp ứng yêu cầu thực tiễn...❑

Về trách nhiệm cá nhân...

(Tiếp theo trang 29)

chính (kể cả bầu cử và bổ nhiệm) cũng như cơ quan có trách nhiệm quản lý cán bộ, *cần xem xét kết quả việc thực hiện các nội dung chủ yếu đó để đánh giá chính xác đối với mỗi cán bộ.* Mặc dầu cơ chế hành chính của ta chưa thể phân định rạch ròi trách nhiệm chính trị và trách nhiệm công vụ, nhưng người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước cũng cần đề cao trách nhiệm chính trị trước nhân dân, tự rút lui khỏi vị trí khi tự nhận biết mình không đủ tín nhiệm để đảm đương công việc đó. Và, nên coi và khuyến khích hình thức từ chức là chuyện bình thường đối với người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Để xác định và thực hiện đúng trách nhiệm cá nhân người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước, *cần sửa đổi, bổ sung một số quy định cần thiết: Một là,* tiếp tục nghiên cứu, xây dựng quy chế quản lý cán bộ đúng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội X của Đảng: "Nghiên cứu áp dụng cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan hành chính cấp dưới" (2), tuân thủ nguyên tắc quản lý cán bộ của Đảng, nhưng giành tiếng nói đích đáng cho người phụ trách công việc. *Hai là,* xây dựng một số quy định cụ thể về trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan hành chính trên các lĩnh vực chủ yếu theo đúng chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị, đi liền với chế độ kiểm tra, thanh tra, kiểm toán chặt chẽ của cấp trên có thẩm quyền. *Ba là,* tuân thủ chế độ công khai minh bạch về chức năng, nhiệm vụ và hoạt động của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trước nhân dân, để nhân dân thực hiện quyền giám sát và đánh giá cán bộ. ❑

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr 255 - 256

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẤT ĐỘNG SẢN TRONG CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

CHU THÁI THÀNH

Qua hai mươi năm đổi mới, thị trường bất động sản nước ta đã hình thành và phát triển với tốc độ nhanh. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, hoạt động của thị trường bất động sản còn bộc lộ nhiều khuyết tật, hiệu quả còn hạn chế. Thị trường bất động sản quá "nóng" dẫn tới "sốt" hoặc quá "lạnh" dẫn tới "đóng băng" đều ảnh hưởng không tốt đến đầu tư phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng nhấn mạnh: **Phát triển thị trường bất động sản,** ***bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, góp phần vào công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước.***

PHÁT triển và quản lý có hiệu quả thị trường bất động sản sẽ góp phần quan trọng vào quá trình thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, tạo khả năng thu hút đa dạng các nguồn vốn đầu tư cho phát triển, đóng góp thiết thực vào quá trình xây dựng đô thị và nông thôn theo hướng phát triển bền vững. Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng nhấn mạnh: *Phát triển thị trường bất động sản,* bao gồm thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất, làm cho đất đai thực sự trở thành nguồn vốn cho phát triển, thị trường bất động sản trong nước có sức cạnh tranh so với thị trường khu vực, có sức hấp dẫn các nhà đầu tư.

Cho đến nay, ở hầu hết các nước trên thế giới đều phân loại tài sản theo luật cổ La Mã, thành *bất động sản* và *động sản.* Bất động sản không chỉ là đất đai, của cải trong lòng đất mà còn là tất cả những gì được tạo ra do sức lao động của con người gắn liền với đất đai. Thị trường bất động sản có nhiều khu vực, bao gồm thị trường nhà ở, thị trường bất động sản trong công nghiệp và dịch vụ; thị trường bất động sản nông nghiệp; thị trường hạ tầng cơ sở, hạ tầng xã hội và công trình công cộng, thị trường dịch vụ hỗ trợ. Xét về hình thức kinh doanh, có thị trường mua bán, chuyển nhượng, thị trường cho thuê, thị trường xây dựng, kinh doanh, chuyển giao. Hàng hóa bất động sản là đòn bẩy để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội. Từ khi Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo công cuộc đổi mới, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, thị trường bất động

Digitized by Google

sản nước ta đã từng bước hình thành và phát triển nhanh chóng.

Thị trường quyền sử dụng đất phát triển nhanh trên các lĩnh vực giao đất, cho thuê, chuyển đổi, chuyển nhượng và thế chấp quyền sử dụng đất, góp phần sử dụng có hiệu quả nguồn lực của đất đai (nguồn tư liệu sản xuất đặc biệt), thúc đẩy các ngành cũng như nhiều lĩnh vực của nền kinh tế phát triển (công nghiệp, nông nghiệp, giao thông - vận tải, xây dựng, dịch vụ, du lịch...). Nhà nước đã tiến hành có kết quả việc giao đất, cho thuê đất để tạo điều kiện cho các hoạt động của các ngành kinh tế và hộ gia đình trên phạm vi cả nước. Nguồn lực đất đai của quốc gia đã dần được sử dụng với hiệu quả ngày càng cao hơn. Sau hơn 25 năm, kể từ Hiến pháp năm 1980 và 13 năm, kể từ Luật Đất đai năm 1993 tới nay, vấn đề quan tâm về sử dụng đất ổn định, lâu dài đã được khẳng định. Toàn bộ diện tích đất đai có khả năng sử dụng vào các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đều đã được Nhà nước giao và cho thuê. Thí dụ, bằng việc giao và cho thuê trên 71% tổng diện tích lãnh thổ quốc gia, Chính phủ đã trao quyền sử dụng đất cho: 12 triệu hộ nông dân; gần 20.000 hợp tác xã; hơn 5.000 doanh nghiệp nhà nước; hơn 70.000 công ty và doanh nghiệp tư nhân; hơn 60.000 trang trại và gần 4.000 dự án đầu tư nước ngoài.

Thị trường nhà đất phát triển thúc đẩy tính năng động trong hoạt động đầu tư, góp phần làm cho tình hình kinh tế - xã hội của đất nước chuyển biến nhanh. Phát triển thị trường bất động sản đã thu hút sự tham gia đông đảo, đa dạng của các thành phần kinh tế vào đầu tư phát triển bất động sản. Các đối tượng tham gia vào thị trường bất động sản hiện nay tương đối đa dạng. Nhà nước cung cấp đất đai lần đầu cho người sử dụng đất thông qua giao đất, cho thuê đất. Quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước cần nhiều đất từ nông nghiệp. Người nông dân được Nhà nước giao đất, sẽ *cung* đất cho các công trình, các khu công nghiệp, các dự án và khu đô thị mới.

Phát triển thị trường bất động sản nhà ở đã thu hút một số lượng lớn vốn đầu tư trong nước và nước ngoài tham gia vào đầu tư phát triển bất động sản. Hằng năm khối lượng xây dựng nhà ở của cả nước rất lớn. Theo tính toán thống kê trên các dự án đầu tư phát triển nhà, trong một dự án trung bình đầu tư 28 tỉ đồng/ha sẽ tạo ra 7.000 m^2 nhà ở và 6.000 m^2 dịch vụ với lãi suất 2,2 tỉ đồng, tạo mới 200 công việc thường xuyên trong lĩnh vực dịch vụ cho người lao động. Trong những năm qua, diện tích nhà ở của những thành phố lớn tăng đáng kể. Chủ trương phát triển nhà ở theo dự án được triển khai ở nhiều tỉnh, thành phố. Ở Hà Nội: Linh Đàm, Định Công, Mỹ Đình; Hải Phòng: ngã 5 sân bay Cát Bi, hồ Sen, Cầu Rào; Đà Nẵng: khu dân cư Bàn Thạc Gián, Vĩnh Trung, Bắc Mỹ An, Liên Chiểu. Ở thành phố Hồ Chí Minh: Phú Mỹ Hưng được coi là một điểm sáng về một đô thị văn minh, hiện đại, xanh- sạch - đẹp, mang đậm tính nhân văn. Nơi đây có rất nhiều loại hình dịch vụ được mở ra và hoạt động sôi nổi như bệnh viện, trường học, các địa điểm vui chơi giải trí, ngân hàng, siêu thị, cửa hàng bán lẻ, nhà hàng... Theo các nhà khoa học, việc đầu tư vào lĩnh vực nhà ở sử dụng sản phẩm của trên 60 ngành sản xuất. Do đó phát triển nhà ở có tác dụng thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển. Số tiền đầu tư vào xây dựng nhà ở hằng năm càng lớn, càng tạo thêm nhiều công ăn việc làm cho người lao động, thúc đẩy các ngành sản xuất phát triển, góp phần tăng trưởng kinh tế, ổn định đời sống xã hội.

Hoạt động đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực nhà ở cũng đã có những chuyển biến đáng kể. Một số dự án nhà ở có vốn đầu tư nước ngoài được triển khai thành công tại thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội và nhiều địa phương khác. Việc đầu tư vào các lĩnh vực bệnh viện, trường học, văn phòng, khách sạn, thương mại, khu du lịch, vui chơi giải trí... đã làm cho diện mạo đô thị thêm khởi sắc. Hiện nay, cả nước có hơn 650 ngàn cơ sở sản xuất công nghiệp. Các khu công nghiệp, khu chế

Digitized by Google

xuất ra đời góp phần đáng kể vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thu hút vốn đầu tư vào sản xuất, nhất là vốn đầu tư nước ngoài chiếm trên 40% đầu tư nước ngoài vào Việt Nam.

Thị trường bất động sản nhà ở và các loại bất động sản khác đã từng bước đáp ứng nhu cầu bức xúc của nhân dân về cải thiện chỗ ở và góp phần thúc đẩy phát triển đô thị và nông thôn theo hướng văn minh, hiện đại. Nhiều khu nhà mới khang trang đang dần dần thay thế các khu nhà ổ chuột, khu nhà ở cũ bị xuống cấp, hư hỏng. Nhà ở phát triển đa dạng cả về kiểu dáng, không gian kiến trúc và chất lượng nội, ngoại thất. Bên cạnh việc phát triển các loại nhà biệt thự, nhà vườn, một số thành phố lớn đã bắt đầu quan tâm và khuyến khích phát triển nhà chung cư cao tầng, với kiến trúc đẹp và cơ cấu căn hộ hợp lý. Nhiều đô thị trong thời gian qua đã hình thành những khu dân cư mới, tuyến phố mới, với kiến trúc và quy hoạch đẹp góp phần vào việc chỉnh trang đô thị và tạo ra chỗ ở bền vững.

Trong quá trình phát triển thị trường bất động sản, hệ thống các văn bản pháp quy được ban hành và sửa đổi bổ sung ngày một hoàn thiện như: Luật Dân sự; Luật Đầu tư trong nước; Luật Đầu tư ngoài nước; Luật Đất đai; Luật Xây dựng; Luật Nhà ở và Luật về kinh doanh bất động sản... Thông qua thực tế vận hành thị trường bất động sản, công tác quản lý nhà nước và thể chế kinh tế thị trường được hình thành hoàn thiện từng bước để phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập.

Qua hai mươi năm đổi mới, thị trường bất động sản nước ta đã hình thành và phát triển với tốc độ nhanh. Tuy nhiên, bên cạnh những mặt tích cực, hoạt động của thị trường bất động sản còn bộc lộ nhiều khuyết tật, hiệu quả còn hạn chế. Thị trường bất động sản quá "nóng" dẫn tới "sốt", hoặc quá "lạnh" dẫn đến "đóng băng" đều ảnh hưởng không tốt đến đầu tư phát triển sản xuất và đời sống của nhân dân.

Điều đáng nói là, chúng ta đã sử dụng không có hiệu quả tiềm năng đất đai. Thí dụ, việc giao và cho thuê đất chưa tính toán hết kinh tế của đất; việc áp dụng cơ chế đổi đất lấy hạ tầng chưa tính toán hết được giá trị tương lai của đất; nhiều tổ chức, doanh nghiệp nhà nước sử dụng lãng phí các cơ sở làm việc, sản xuất, kinh doanh. Giao và cho thuê đất không đúng thẩm quyền, không đúng mục đích xảy ra thường xuyên không chỉ ở cấp xã, cấp huyện mà cả ở cấp tỉnh và các cấp tương đương ở đô thị. Ở nhiều địa phương, đất đai được các cơ quan hành chính ban phát theo cơ chế "xin - cho" không dựa trên cơ sở luận chứng kinh tế - kỹ thuật khả thi về dự án đầu tư trên đất được giao hoặc cho thuê. Tài sản bất động sản chưa được tính hết giá trị tại các doanh nghiệp. Ở nước ta, đất đai thuộc sở hữu toàn dân, Nhà nước đại diện chủ sở hữu thống nhất quản lý nhưng không những không huy động được giá trị to lớn của đất mà lại phải chi phí rất nhiều tiền đền bù khi tiến hành thu hồi đất để xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị và công trình quốc gia. Nhiều nơi tiền đền bù gấp 9 - 10 lần tiền làm đường, có trường hợp chiếm trên 50% tổng mức đầu tư.

Chúng ta cũng chưa có giải pháp hữu hiệu trong quản lý và điều tiết thị trường bất động sản để xảy ra tình trạng giá cả có khi biến động mạnh, vượt khỏi tầm kiểm soát của Nhà nước, ảnh hưởng đến đầu tư phát triển, tác động không tốt đến đời sống tâm lý của một bộ phận đáng kể nhân dân, nhất là các đối tượng có thu nhập thấp, đối tượng thuộc diện bị thu hồi đất nông nghiệp. Hàng hóa bất động sản và thị trường bất động sản còn nhiều khiếm khuyết. Bất động sản chưa hoàn toàn được thừa nhận là hàng hóa. Thị trường "ngầm" phát triển rất đa dạng trong tất cả các khâu. Ở các khu vực đô thị, thị trường này chi phối khoảng 70% - 80% các giao dịch về nhà đất. "Cung - cầu" bất động sản nhà đất mất cân đối. Trong khi nhu cầu của dân cư về nhà ở và nhu cầu về mặt bằng kinh doanh của các doanh nghiệp rất lớn nhưng chưa được đáp ứng. Tình trạng "sốt" nhà đất, đầu cơ bất động sản khá phổ biến ở nhiều địa phương, nhất là các đô thị lớn làm ảnh hưởng không

Digitized by Google

tốt đến hoạt động đầu tư, gây mất ổn định đời sống xã hội, làm tăng khoảng cách giàu nghèo và nảy sinh các vấn đề xã hội như tham nhũng, lừa đảo, hối lộ, sách nhiễu. Theo tính toán, đến năm 2010, dân số nước ta khoảng 88,3 triệu người, trong đó dân số đô thị khoảng 29,2 triệu người, chiếm tỷ lệ trên 33% tổng số dân toàn quốc. Điều đó dẫn đến nhu cầu bất động sản nhà ở rất lớn, tăng thêm áp lực vốn đã căng thẳng cho thị trường bất động sản. Đó cũng là nguyên nhân nảy sinh tình trạng đầu cơ nhà đất ngày càng trở nên trầm trọng.

Thị trường bất động sản trong thời gian qua trải qua hai đợt "sốt" là 1991 - 1993 và 2001 - 2003. Sau cơn sốt, mặt bằng mới được tạo ra và hầu như không giảm, dù cho thị trường giai đoạn tiếp theo đang đóng băng. Giao dịch trên thị trường bất động sản còn nhiều bức xúc. Quá trình mua bán phức tạp, qua nhiều khâu trung gian không cần thiết, tốn nhiều thời gian, sức lực, chi phí giao dịch cao. Các văn phòng môi giới hình thành tự phát, hoạt động không chuyên nghiệp, hiện nay chủ yếu là môi giới giữa người mua và người bán, chưa cung cấp được cho người mua những thông tin cần thiết về bất động sản. Thị trường bất động sản thiếu công khai, minh bạch dẫn đến nhiều tiêu cực, phiền hà, sách nhiễu đã ảnh hưởng đến quyền và lợi ích chính đáng của nhân dân và tạo ra tâm lý không tin tưởng đối với các quy định của hệ thống pháp luật. Quản lý nhà nước yếu kém dẫn đến lãng phí, thất thoát, xây dựng tự phát tràn lan phá vỡ quy hoạch và để phát sinh nhiều tiêu cực trên nhiều mặt, nhất là công tác lập và quản lý quy hoạch, quản lý và điều hành quyền sử dụng đất. Công tác kiểm tra, kiểm soát và xử lý vi phạm của các cơ quan quản lý nhà nước và chính quyền các cấp đối với các mặt hoạt động của thị trường bất động sản, đặc biệt là hoạt động giao dịch bị thả nổi dẫn đến vi phạm kỷ cương, pháp luật và hậu quả tất yếu là sự thất thu ngân sách. Mô hình tổ chức quản lý và năng lực của cán bộ trong lĩnh vực bất động sản và thị trường bất động sản còn quá bất cập trước yêu cầu bức xúc của thực tiễn.

Vấn đề bức thiết đặt ra là, phải nhanh chóng khắc phục những yếu kém, bất cập trong phát triển thị trường bất động sản hiện nay; hướng tới các mục tiêu: tăng khả năng thu hút các nguồn lực của xã hội, khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển hàng hóa bất động sản. Khai thác, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả bất động sản nhà đất, phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực từ đất đai và nhà cửa để phát triển kinh tế - xã hội, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện công khai, minh bạch và tăng cường tính pháp lý kỷ luật, kỷ cương trong quản lý đất đai. Nhà nước điều tiết giá đất bằng quan hệ cung - cầu về đất đai và thông qua các chính sách về thuế có liên quan đến đất đai. Nhà nước vừa quản lý tốt thị trường bất động sản vừa là nhà đầu tư bất động sản lớn nhất nhằm ổn định thị trường, góp phần tăng trưởng kinh tế, phát triển nông thôn, đô thị bền vững.

Để đạt được các mục tiêu nêu trên, nhằm khơi dậy nguồn lực to lớn phục vụ công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước, đáp ứng nhu cầu thiết yếu của nhân dân, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ X của Đảng về *phát triển thị trường bất động sản*, trong thời gian tới, chúng ta cần tập trung thực hiện một số giải pháp cơ bản sau:

Một là, tăng khả năng cung cấp hàng hóa cho thị trường bất động sản, nhất là bất động sản nhà ở, bảo đảm bình ổn thị trường theo quy luật cung - cầu. Mở rộng các hình thức *cung* của thị trường bất động sản nhà ở bao gồm: nhà cho thuê, nhà bán trả dần để vừa tăng nguồn *cung* vừa phù hợp với các đối tượng của thị trường. Phát huy vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước trong kinh doanh và bình ổn giá bất động sản. Từng bước mở rộng thị trường bất động sản cho người Việt Nam ở nước ngoài và người nước ngoài tham gia đầu tư. Khuyến khích đầu tư để tăng khả năng cung cấp hàng hóa bất động sản, nhất là bất động sản nhà ở và bất động sản khu công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, thương mại, khách sạn, văn phòng... nhằm phục vụ các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Digitized by Google

Hai là, xây dựng hệ thống pháp luật, các cơ chế chính sách phù hợp để phát triển và quản lý có hiệu quả thị trường bất động sản. Trước mắt, cần tập trung hoàn thành cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai, Luật Nhà ở... hoàn thiện việc phân loại, đánh giá đất đai và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và công trình để hàng hóa bất động sản có đủ điều kiện tham gia giao dịch hợp pháp trên thị trường bất động sản. Giá bất động sản được hình thành theo nguyên tắc thị trường. Nhà nước tác động đến giá đất trên thị trường bằng các chính sách kinh tế vĩ mô trên cơ sở quan hệ "cung - cầu" về đất đai. Tạo cơ chế chính sách thuận lợi về tín dụng để phục vụ tốt hơn yêu cầu phát triển thị trường bất động sản.

Ba là, có chế tài đủ mạnh để hạn chế các giao dịch ngoài luồng theo hướng đơn giản thủ tục, giảm phiền hà, sách nhiễu và tạo điều kiện thuận lợi để các chủ thể dễ dàng tham gia thị trường từ khâu đầu tư tạo lập bất động sản, đến giao dịch để tăng cường khả năng lưu thông của hàng hóa, góp phần định hướng thị trường bất động sản. Tăng cường tính công khai, minh bạch trong giao dịch trên thị trường bất động sản. Có cơ chế định giá đất, đền bù giải phóng mặt bằng bảo đảm bình đẳng, công khai phục vụ phát triển thị trường bất động sản và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Tích cực đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực trong quản lý đất đai và giải quyết triệt để tình trạng tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai. Tăng cường các biện pháp chống đầu cơ, giao dịch không theo quy định của pháp luật, nhất là tình trạng mua bán trao tay, trốn lậu thuế cũng như các nghĩa vụ khác đối với Nhà nước.

Bốn là, tạo cơ chế, chính sách đồng bộ để đẩy mạnh phát triển thị trường bất động sản theo hướng tăng cường tính cạnh tranh, khai thông ách tắc, tạo điều kiện cho thị trường hoạt động lành mạnh và hiệu quả. Chú trọng cơ chế, chính sách về giao đất và cho thuê đất, về dự án, bán đấu giá, về thuế, thế chấp, định giá... Đổi mới cơ chế giao dịch bất động sản trên nguyên tắc của giá cả thị trường để tạo môi trường cạnh tranh lành mạnh. Có chế tài kiểm tra chặt chẽ đối với các loại bất động sản khác nhau, hạn chế đầu cơ và tạo cơ hội cho người có nhu cầu có thể mua, thuê bất động sản. Nhà nước thống nhất quản lý việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất. Đổi mới toàn diện công tác lập quy hoạch để nâng cao chất lượng của quy hoạch và quản lý đầu tư xây dựng theo quy hoạch. Xây dựng hệ thống đăng ký, thông tin bất động sản. Xúc tiến việc hoàn thiện thị trường chứng khoán, sàn giao dịch bất động sản để tạo điều kiện cho thị trường bất động sản vận hành có hiệu quả. Phát triển nhanh các dịch vụ thị trường bất động sản.

Năm là, hoàn thiện bộ máy quản lý đất đai, nâng cao trình độ và đạo đức của cán bộ quản lý thị trường bất động sản. Điều quan trọng là phải đổi mới nhận thức về phát triển và quản lý thị trường bất động sản. Chính quyền các cấp cần nhận thức rõ thị trường bất động sản là một trong những thị trường quan trọng của nền kinh tế quốc dân, có quan hệ trực tiếp với các thị trường khác như thị trường vốn, thị trường lao động, thị trường khoa học và công nghệ... Phát triển thị trường bất động sản góp phần huy động được nguồn vốn lớn cho phát triển kinh tế và tạo tác động lan tỏa tới sự phát triển của các ngành, lĩnh vực khác nhau; thúc đẩy quá trình phát triển đô thị, nông thôn theo hướng bền vững. Nhận thức rõ vai trò của thị trường này đối với nền kinh tế, chính quyền các cấp sẽ có định hướng phát triển, điều tiết vĩ mô và kiểm soát đối với hoạt động của thị trường nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế-xã hội của đất nước.

Phát triển thị trường bất động sản là góp phần vào sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta lãnh đạo; tạo tiền đề phát triển mạnh mẽ đô thị và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

BẠC LIÊU XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ TRONG TÌNH HÌNH MỚI

PHAN QUỐC HƯNG *

Bạc Liêu là một tỉnh giàu truyền thống cách mạng. Qua quá trình xây dựng và phát triển trong những năm qua cho thấy, nguồn lực mà chủ yếu là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp là yếu tố quyết định trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

BẠC Liêu là một tỉnh ven biển đồng bằng sông Cửu Long, có 6 huyện và 1 thị xã; diện tích tự nhiên 2.542km², dân số trên 800 ngàn người, với 3 dân tộc Kinh, Hoa, Khơ-me sinh sống. Khi được tái lập ngày 1-1-1997, hầu hết các sở, ban, ngành cấp tỉnh phải điều động cán bộ từ huyện, thị để bổ sung; đồng thời tăng cường tuyển dụng cán bộ, công chức... khắc phục dần tình trạng thiếu cán bộ. Do cùng một lúc phải điều động, bố trí, sắp xếp, tuyển dụng nhiều cán bộ nên có không ít trường hợp còn bị động, chắp vá, trình độ, năng lực một số cán bộ còn hạn chế, chưa ngang tầm với nhiệm vụ, ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị của đảng bộ.

Khắc phục tình trạng trên, Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, lựa chọn, bố trí, sử dụng cán bộ, nhất là đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa, trẻ hóa đội ngũ cán bộ từ tỉnh đến cơ sở. Đến nay trình độ của đội ngũ cán bộ trong tỉnh đã được nâng lên đáng kể: có *5% cán bộ chủ chốt cấp tỉnh có trình độ sau đại học; trên 67% có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đẳng, đại học; trên 87% có trình độ cao cấp, cử nhân về lý luận chính trị. Có 45% cán bộ chủ chốt cấp huyện, thị có trình độ chuyên môn nghiệp vụ cao đẳng, đại học; 70% có trình độ cao cấp, cử nhân về lý luận chính trị. Có 14% cán bộ chủ chốt các xã, phường, thị trấn có trình độ chuyên môn nghiệp vụ từ trung cấp trở lên, trên 92% có trình độ trung cấp về lý luận chính trị trở lên.* Tỉnh đã hoàn thành quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2010; đa số cán bộ trong quy hoạch tuổi đời còn trẻ, bảo đảm tính kế thừa và phát triển liên tục.

Đảng bộ và nhân dân Bạc Liêu giàu truyền thống cách mạng, cần cù, sáng tạo, đoàn kết, lập nhiều chiến công trong các cuộc kháng chiến cứu nước, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ ngày tái lập tỉnh đến nay, mặc dù còn nhiều khó khăn, thử thách nhưng với truyền thống cách mạng, đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã nỗ lực, đoàn kết,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bạc Liêu

Digitized by Google

vượt qua mọi khó khăn, thử thách, xây dựng tỉnh nhà phát triển khá toàn diện: kinh tế liên tục tăng trưởng với tốc độ khá cao, bình quân 15%/năm; cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng; đời sống nhân dân được cải thiện. Năm 2005, giá trị tổng sản phẩm đạt 7.784 tỉ đồng; thu nhập bình quân đầu người đạt trên 600 USD. Những kết quả đạt được là tiền đề quan trọng để Bạc Liêu bước vào thời kỳ phát triển nhanh và bền vững, góp phần xứng đáng vào sự phát triển chung của khu vực và đất nước.

Quá trình xây dựng và phát triển trong những năm qua cho thấy, nguồn nhân lực mà chủ yếu là đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp là yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển của tỉnh.

Trước yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp của tỉnh vẫn còn nhiều mặt chưa ngang tầm; chất lượng đào tạo chưa cao; ý thức tự học, vươn lên của cán bộ, công chức còn hạn chế; cơ cấu đội ngũ cán bộ nhiều nơi chưa hợp lý, tỷ lệ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người Khơ-me còn thấp. Trình độ chuyên môn, năng lực tổ chức thực tiễn, tính năng động, ý thức trách nhiệm với công việc được giao của không ít cán bộ, trong đó có cả cán bộ chủ chốt các cấp, các ngành chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tính tiền phong, gương mẫu; sự đoàn kết thống nhất, toàn tâm, toàn ý lo cho công việc của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên chưa cao.

Bên cạnh đó là những hạn chế, bất cập từ quy trình nhận xét, đánh giá, quy hoạch, đào tạo, đề bạt, sử dụng cán bộ, chính sách đãi ngộ và những hạn chế của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ... chậm được khắc phục; một số trường hợp do không đánh giá đúng, nên việc luân chuyển, bổ nhiệm, đề bạt, bố trí cán bộ không phát huy được hiệu quả; một số ít cán bộ thiếu rèn luyện, suy thoái về phẩm chất, đạo đức, lối sống, không hoàn thành tốt công việc được giao; chưa kịp thời thay thế số cán bộ phẩm chất, năng lực hạn chế, làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của một số địa phương, đơn vị.

Có thể nói, không cấp ủy nào coi nhẹ công tác cán bộ, ngay cả những nơi yếu kém. Tuy nhiên, thực tế cho thấy đây là công việc có liên quan nhiều đến động cơ, quan điểm và phương pháp tiến hành của từng ban thường vụ các cấp ủy và cơ quan tham mưu về công tác tổ chức cán bộ, trong đó yếu tố chi phối thường gặp ở những nơi yếu kém là vấn đề tình cảm, thân quen, gắn bó lợi ích, các quan hệ gia đình,... không dựa trên cơ sở năng lực, đạo đức của cán bộ và thiếu tầm nhìn xa.

Để xây dựng đội ngũ cán bộ đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và những thử thách của quá trình hội nhập, nhanh chóng vượt qua tình trạng tỉnh nghèo, Đảng bộ tập trung thực hiện một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu sau đây:

1 - Đổi mới mạnh mẽ cả về nhận thức và cách tiến hành công tác đánh giá cán bộ, trong đó chú ý khắc phục hai khuynh hướng: *một là,* không nắm chắc cán bộ vì thiếu đi sâu tìm hiểu, chỉ nghe báo cáo; *hai là,* không để lẫn lộn giữa tình cảm, lợi ích cá nhân, cục bộ với yêu cầu công việc. Do đó, việc nhận xét, đánh giá cán bộ phải được các cấp ủy đặc biệt quan tâm, đổi mới nhận thức và cách tiến hành, bảo đảm khách quan, công tâm, toàn diện và cụ thể đối với từng trường hợp.

Để thực hiện được yêu cầu này, từng đồng chí trong ban thường vụ cấp ủy các cấp phải nắm vững quy hoạch cán bộ do cấp ủy quản lý, có kế hoạch tìm hiểu năng lực và đạo đức cán bộ được quy hoạch, làm cơ sở cho việc tham gia quyết định về công tác cán bộ; đồng thời các cấp ủy tạo điều kiện cho đảng viên và nhân dân góp ý, giám sát, đánh giá cán bộ, coi đó là giải pháp trọng yếu để nâng cao chất lượng cán bộ và các tổ chức đảng; các cấp ủy có trách

Digitized by Google

nhiệm trả lời cho người góp ý. Có như thế, mới có được những cán bộ thực sự có đức, có tài, xứng đáng với sự tin cậy của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đồng thời chống được tiêu cực, tham nhũng...

Trên cơ sở làm tốt việc đánh giá cán bộ, thường xuyên bổ sung, điều chỉnh quy hoạch cán bộ, phải làm cho quy hoạch cán bộ vừa bảo đảm chất lượng, vừa không khép kín, tạo môi trường lành mạnh cho mỗi cán bộ, đảng viên phát huy năng lực của mình, cống hiến cho sự nghiệp cách mạng và có cơ hội được trọng dụng như nhau, kể cả việc quan tâm tuyển chọn cán bộ từ học sinh, sinh viên, cán bộ hoạt động thực tiễn cả trong và ngoài đảng; qua đó phát hiện cán bộ có phẩm chất, năng lực, cán bộ trẻ có triển vọng, những nhân tố tích cực để chủ động chăm bồi, đào tạo, mạnh dạn giao việc để rèn luyện, thử thách nhằm tạo nguồn cán bộ cho trước mắt và lâu dài.

2 - Đi đôi với đổi mới công tác đánh giá cán bộ, coi trọng chất lượng quy hoạch gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, khắc phục tình trạng đào tạo chỉ nhằm mục tiêu đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa cán bộ một cách hình thức; nhiều cán bộ sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nhưng hiệu quả công việc vẫn không cao. Hiện tượng chạy bằng, chạy điểm,... không phải chỉ có ở các trường phổ thông mà có cả các cơ sở đào tạo cán bộ của Đảng và Nhà nước. Trong phạm vi trách nhiệm của mình Đảng bộ tỉnh sẽ có chương trình nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm bồi dưỡng chính trị các huyện, thị; đồng thời liên hệ chặt chẽ với các cơ sở đào tạo của trung ương để theo dõi việc học tập của cán bộ đưa đi đào tạo. Mặt khác, để khắc phục tình trạng cán bộ đi học cốt để có bằng cấp, chạy theo yêu cầu chuẩn hóa, không tập trung học tập, nghiên cứu, nâng cao kiến thức của mình, Tỉnh ủy sẽ ưu tiên xem xét năng lực thực tế của cán bộ, coi trọng việc tự học, tự nâng cao trình độ cũng như rèn luyện đạo đức, lối sống của cán bộ, coi đây như là tiêu chí hàng đầu trong xem xét, đề bạt cán bộ.

3 - Coi trọng năng lực và đạo đức thực tế trong xem xét đề bạt cán bộ, kể cả cán bộ là người ngoài đảng, không chạy theo tiêu chuẩn và trẻ hóa một cách hình thức, bảo đảm cho đội ngũ cán bộ được quy hoạch vừa đáp ứng được yêu cầu kế thừa các chức danh, vừa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh việc đào tạo cán bộ theo quy hoạch, quan tâm tuyển chọn một số học sinh, sinh viên khá giỏi *(đã tốt nghiệp)*, có phẩm chất đạo đức tốt, quan hệ chính trị rõ ràng để đào tạo, chuẩn bị nguồn cán bộ lâu dài.

Kết hợp chặt chẽ giữa đào tạo với sử dụng cán bộ; mạnh dạn cất nhắc đúng người, đúng việc và đúng lúc; tin tưởng và dám giao những công việc quan trọng cho cán bộ có đức, có tài; không để việc bố trí cụ thể một cán bộ nào đó lại trở thành lực cản đối với công việc, gây mất đoàn kết nội bộ, tạo nên tình trạng bất ổn, làm giảm sút sức mạnh của đơn vị; không để xảy ra tình trạng: có những người không được cán bộ, đảng viên và nhân dân tín nhiệm nhưng vẫn cứ được đề bạt, cất nhắc, hoặc tiếp tục giữ những chức vụ quan trọng.

4 - Vừa chủ động, vừa có tầm nhìn lâu dài trong việc phát hiện, chăm sóc, bồi dưỡng những tài năng, làm cơ sở cho việc quy hoạch, đào tạo, sử dụng cán bộ, nhất là cán bộ trẻ. Khi lựa chọn cán bộ cần hết sức khách quan, công tâm, lấy yêu cầu công việc và đạo đức, năng lực thực tế của cán bộ làm chuẩn. Kiên quyết không để những người kém đạo đức giữ các vị trí chủ chốt. Thường xuyên theo dõi, kịp thời giúp đỡ với những cán bộ có tâm huyết, dám nghĩ, dám làm... để giúp họ khắc phục, vươn lên.

5 - Quan tâm thực hiện tốt chế độ, chính sách đối với cán bộ, bảo đảm cả lợi ích vật chất và tinh thần, nhằm động viên cán bộ tích cực

Digitized by Google

trong công tác, hoàn thành nhiệm vụ được giao; trân trọng, tin tưởng và tạo môi trường thuận lợi cho cán bộ phát huy năng lực. Có chính sách đãi ngộ, trọng dụng, thu hút cán bộ có trình độ cao, cán bộ khoa học - công nghệ, cán bộ quản lý các ngành chuyên môn, quan tâm đúng mức chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở...

6 - Kiện toàn các cơ quan tham mưu giúp cấp ủy các cấp trong công tác xây dựng đảng, nhất là tham mưu về công tác cán bộ. Để bảo đảm chất lượng công tác cán bộ của các cấp ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy sẽ xây dựng quy định về trách nhiệm của cơ quan tham mưu về công tác cán bộ; đồng thời xây dựng các quy định tương tự về trách nhiệm trong giới thiệu kết nạp đảng viên, trách nhiệm các cơ quan trong hệ thống chính trị trong việc giới thiệu, đề xuất về cán bộ của đơn vị mình phụ trách. Chính vì thiếu những quy định cụ thể này nên lâu nay những hạn chế, khuyết điểm trong công tác cán bộ rất khó xác định trách nhiệm và gần như ít có cán bộ làm công tác tổ chức cán bộ nào bị kỷ luật vì những sai lầm trong công tác này. Đây là kẽ hở phát sinh tình trạng "chạy chức, chạy quyền" mà dư luận đề cập.

7 - Gắn công tác xây dựng đội ngũ cán bộ với củng cố, xây dựng, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu các tổ chức cơ sở đảng, tăng cường công tác quản lý, giáo dục, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Coi trọng chất lượng đảng viên mới, chú trọng trẻ hóa và nâng cao trình độ đảng viên; gắn công tác phát triển đảng với việc chuẩn bị nguồn cán bộ kế thừa cho từng cơ quan, đơn vị.

8 - Thực hiện công khai, minh bạch trong công tác cán bộ nói chung, trong công tác quy hoạch cán bộ nói riêng. Tạo điều kiện thu hút những cán bộ trung thực, có tài để họ đóng góp tài năng, tâm huyết vào công việc chung; ngăn ngừa tình trạng "chạy chức, chạy quyền", hạn chế những kẻ cơ hội giữ các trọng trách quan trọng trong hệ thống chính trị các cấp. Coi trọng việc giám sát của nhân dân đối với cán bộ; phát huy vai trò các cơ quan tham mưu, đề cao trách nhiệm của thường trực, ban thường vụ cấp ủy và người đứng đầu cấp ủy trong công tác cán bộ.

Sự công khai, minh bạch, dân chủ trong công tác cán bộ chính là vì lợi ích của Đảng và của nhân dân; làm cho những đánh giá về cán bộ của các cấp ủy với nhân dân ngày càng gần gũi và thống nhất; từng bước xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm đòi hỏi của tình hình mới; góp phần giữ vững niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp cách mạng của đất nước.

9 - Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng chỉnh đốn đảng, trong đó chống tham nhũng, lãng phí là nhiệm vụ trọng tâm. Tập trung kiểm tra việc thực hiện các chính sách, quy chế, quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế, tài chính, quản lý tài sản công, xóa bỏ các thủ tục hành chính gây phiền hà trong giải quyết công việc; nâng cao chất lượng hoạt động của ủy ban kiểm tra, cơ quan thanh tra các cấp, lực lượng công an, viện kiểm sát, tòa án; đề cao trách nhiệm, động viên nhân dân tích cực đấu tranh, chống tham nhũng; xử lý kịp thời, nghiêm minh những kẻ tham nhũng; đồng thời cảnh giác với những người lợi dụng cuộc đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí để vu khống, bôi đen cán bộ, đảng viên, gây phức tạp nội bộ...

Tóm lại, công tác cán bộ là vấn đề quan trọng, là "nguyên nhân của mọi nguyên nhân" quyết định sự thành bại của công việc, như lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đảng bộ Bạc Liêu coi công tác cán bộ là khâu đột phá để đẩy mạnh sự phát triển, nhanh chóng vượt qua tình trạng tỉnh nghèo vươn lên ngang bằng với các tỉnh trong khu vực, tích cực góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. ❑

Digitized by Google

LONG AN PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÙNG BIÊN GIỚI GẮN VỚI QUỐC PHÒNG - AN NINH

DƯƠNG QUỐC XUÂN *

Long An là tỉnh thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long; có đường biên giới dài 137,7 km giáp với tỉnh Svây-riêng và Prây-veng (Vương quốc Cam-pu-chia). Để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân làm cơ sở vững chắc cho công tác quốc phòng, an ninh trên tuyến biên giới, Long An tập trung đầu tư, phát triển hạ tầng, xây dựng một số tuyến đường giao thông vào các đồn biên phòng để thúc đẩy phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ an ninh biên giới.

LONG An là tỉnh nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Nam. Biên giới giáp với tỉnh Svây-riêng và Prây-veng, Vương quốc Cam-pu-chia với chiều dài 137,7 km, đi qua 20 xã của 5 huyện: Đức Huệ, Thạnh Hóa, Mộc Hóa, Vĩnh Hưng, Tân Hưng, trong đó có 39 km biên giới đường sông và 98 km biên giới đường bộ. Theo Hiệp ước biên giới năm 1985, đến nay Việt Nam và Cam-pu-chia đã cắm mốc được 41 km, phần còn lại được hai bên quản lý theo hiện trạng. Trên tuyến này có cửa khẩu chính (quốc gia) Bình Hiệp (huyện Mộc Hóa) và 4 cửa khẩu phụ là Tho Mo (huyện Đức Huệ), Long Khốt, Vàm Đồn, Kênh 28 (huyện Vĩnh Hưng), ngoài ra còn có 6 điểm trao đổi hàng hóa khác.

Địa hình khu vực biên giới tương đối bằng phẳng, phần lớn là bưng biền, đồng ruộng, trong đó có một số vị trí chưa được phân định rõ mốc giới. Khu vực này thường xuyên xảy ra lũ lụt gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất và đời sống của người dân. Dân cư chủ yếu sinh sống dọc theo các bờ sông, kênh rạch, các trục đường giao thông và gần đây là trong các cụm, tuyến dân cư, nhưng mật độ còn thưa thớt và không ổn định. Nghề nghiệp chính là sản xuất nông, lâm nghiệp; các hoạt động công nghiệp, thương mại, dịch vụ còn rất hạn chế.

Mặc dù trong thời gian qua được sự quan tâm đầu tư của Đảng và Nhà nước, nhưng tình hình kinh tế - xã hội khu vực biên giới tỉnh Long An còn chậm phát triển, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và sinh hoạt còn nghèo nàn, hệ thống đường giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, nước sạch, điện lưới quốc gia chưa hoàn thiện. Đội ngũ cán bộ y tế, giáo dục

* Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An

Digitized by Google

còn thiếu, trang thiết bị lạc hậu, trình độ chuyên môn chưa đáp ứng nhu cầu thực tế.

Trong những năm qua, mối quan hệ đoàn kết hữu nghị, hợp tác giữa các cấp chính quyền, lực lượng vũ trang và nhân dân hai bên biên giới luôn được tôn trọng và tăng cường. Chủ quyền lãnh thổ và an ninh biên giới luôn được bảo vệ tốt, trật tự an toàn xã hội ổn định. Trong thực hiện nhiệm vụ, các lực lượng chức năng đã kịp thời phát hiện và xử lý đúng chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đối với các hoạt động xâm canh, tranh chấp, lấn chiếm biên giới, vượt biên, buôn lậu, gian lận thương mại và những vấn đề nảy sinh giữa nhân dân hai bên biên giới.

Tuy nhiên, cũng còn tình trạng người dân Cam-pu-chia, người dân Khơ-me Nam Bộ qua lại biên giới trái phép để mua bán, làm ăn, thăm viếng, tìm kiếm việc làm; có một số người lợi dụng tình hình này gây trộm cướp có vũ trang; buôn lậu, mua bán, vận chuyển trái phép chất ma túy; các tệ nạn xã hội vẫn còn tồn tại. Một số trường hợp người dân Cam-pu-chia do chưa nhận thức đầy đủ về biên giới nên đã khai thác, canh tác đất lấn vào phần đường biên giới chưa phân định chủ quyền. Tình hình buôn lậu và gian lận thương mại diễn ra phức tạp tập trung ở các địa bàn có cửa khẩu tiểu ngạch.

Các tổ chức phản động người Việt Nam lưu vong ở nước ngoài, tổ chức đưa người, vũ khí, tài liệu phản động, độc hại và móc nối với các phần tử chống đối trong nước để tuyên truyền, phá hoại an ninh quốc gia. Một số đối tượng lợi dụng tôn giáo để tuyên truyền mê tín dị đoan, phát triển đạo bất hợp pháp.

Trong quan hệ với tỉnh bạn giáp biên, trên tinh thần hợp tác, hữu nghị, hỗ trợ nhau để cùng phát triển, tỉnh Long An đã giúp cho tỉnh Svây-Riêng xây dựng cổng ra-vào cửa khẩu Prây-vo; xây dựng một số trạm, chốt kiểm soát dọc theo tuyến biên giới; hỗ trợ lương thực, xăng dầu giúp nhân dân tỉnh Svây-riêng khắc phục thiên tai, hạn hán kéo dài, khám và cấp thuốc chữa bệnh miễn phí cho 1.900 lượt người dân Cam-pu-chia. Bên cạnh đó, lãnh đạo các cấp của tỉnh Long An và tỉnh Svây-riêng cũng thường xuyên gặp gỡ, trao đổi nhằm tăng cường thắt chặt mối quan hệ hữu nghị, truyền thống giữa hai tỉnh, hai dân tộc.

Để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân làm cơ sở vững chắc cho công tác quốc phòng - an ninh trên tuyến biên giới, trong những năm qua, tỉnh Long An đã triển khai các dự án trong Chương trình 135 phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng ở các xã, huyện biên giới; dự án khu kinh tế cửa khẩu Bình Hiệp (huyện Mộc Hóa), quy hoạch phát triển kinh tế biên mậu và một số dự án quan trọng khác nhằm hình thành kết cấu hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội kết hợp với an ninh - quốc phòng. Tỉnh đã tập trung tối đa các nguồn lực để khai thác tiềm năng kinh tế, chú trọng đầu tư kết cấu hạ tầng, tăng cường công tác khuyến nông, khuyến ngư, bảo vệ thực vật, phát triển và đa dạng hóa giống cây trồng, giống vật nuôi, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất từ sản xuất nông nghiệp sang công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch. Từng bước ổn định đời sống và nâng cao thu nhập cho người dân, thông qua đó cũng hạn chế được sự biến động dân cư để hỗ trợ cho việc hình thành các cụm, tuyến dân cư, các vành đai phòng thủ trên tuyến biên giới.

Các chương trình khai hoang, cải tạo môi trường, ngăn mặn, rửa phèn, phát triển hệ thống giao thông, thủy lợi đã có những kết quả tích cực. Sản xuất nông nghiệp từ 1 vụ/năm lên 2 đến 3 vụ/năm với năng suất bình quân 5,5 tấn/ha/vụ, sản lượng lương thực trung bình đạt 2,9 tấn/người/năm; sản lượng đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, chăn nuôi gia súc, gia cầm đều tăng trưởng mạnh. Đến nay, trên khu vực biên giới tỉnh đã trồng được hơn 11.000 ha rừng tràm, bạch đàn có tác dụng cải tạo môi trường, phòng chống lũ rất hiệu quả, nâng cao thu nhập cho người dân và là vành đai xanh trên

Digitized by Google

biên giới. Về kết cấu hạ tầng cũng đã có những kết quả tích cực. Tỉnh đã xây dựng được hơn 1.700 km đường giao thông, hiện tại có 14/20 xã có đường ô-tô đến trung tâm xã. Ngành thủy lợi đã thực hiện được 214,75 km kênh mương tưới tiêu cho hơn 100.000 ha với kinh phí hằng năm từ 7 - 13 tỉ đồng, đưa điện lưới quốc gia đến hơn 19/20 xã, nâng tỷ lệ dân sử dụng điện lên 70%. Hằng năm tỉnh đã đầu tư từ ngân sách nhà nước kết hợp với sự đóng góp của nhân dân để làm các công trình nước sạch nên 20 xã đã có trạm cấp nước, đưa tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt 60%.

Trong lĩnh vực văn hóa - xã hội: 13/20 xã đã có trường mẫu giáo, 20 xã có trường tiểu học, 15 xã có trường trung học cơ sở. Các trường đã được xây và ngói hóa. Đội ngũ giáo viên được quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn, cải thiện đời sống. Đến nay Long An đã xây dựng được 12 chợ ở 10 xã biên giới, 12 xã có bưu điện văn hóa, 8 xã có sân thể thao, 20 xã biên giới có trạm y tế. Các trạm y tế trong tỉnh thường xuyên được trang bị thêm các trang thiết bị mới phục vụ công tác khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe người dân. Các phong trào chăm sóc sức khỏe cộng đồng, vệ sinh phòng dịch, phòng bệnh, mô hình quân dân y kết hợp... được đẩy mạnh và nhận được sự quan tâm hỗ trợ của tỉnh cũng như các tổ chức y tế từ thiện.

Tỉnh đã chỉ đạo các lực lượng hoàn thành việc xây dựng, triển khai các kế hoạch tác chiến nhằm bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; tập trung xây dựng các huyện biên giới thành các khu vực phòng thủ; bố trí các cụm tuyến dân cư hình thành thế trận làng, xã chiến đấu, tạo thế phòng thủ vững chắc cho tuyến biên giới theo chiều sâu, liên hoàn - vững mạnh trong thời bình, cơ động trong thời chiến. Các lực lượng bộ đội biên phòng, công an, quân đội luôn được nâng cao bản lĩnh chiến đấu, tăng cường tiềm lực và xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch vững mạnh.

Tỉnh đã quan tâm đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng, xây dựng mới một số tuyến đường giao thông vào các đồn biên phòng có ý nghĩa chiến lược trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế kết hợp với bảo vệ an ninh - quốc phòng, vừa phục vụ nhu cầu thiết yếu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa bảo đảm yêu cầu phòng thủ nếu có chiến tranh xảy ra.

Tuy đã đạt được một số kết quả như trên, song trên thực tế Long An còn có một số vấn đề cần được tiếp tục quan tâm giải quyết:

- Việc phân định mốc giới trên tuyến biên giới tuy đã có những tiến bộ đáng kể, nhưng hiện tại vẫn còn một số vị trí chưa được phân định rõ ràng dẫn đến tình trạng tranh chấp, khai thác trái phép, gây mất ổn định và khó khăn trong việc quản lý khu vực biên giới.

- Các chương trình phát triển kinh tế - xã hội kết hợp an ninh - quốc phòng thực hiện chưa đồng bộ. Quy hoạch sắp xếp một số khu dân cư chưa hợp lý. Nguồn lực đầu tư thực hiện hạn chế và không ổn định, nên còn có dự án chưa đạt được các mục tiêu đề ra.

- Lực lượng cán bộ chủ chốt còn thiếu, năng lực chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, nên việc triển khai thực hiện, theo dõi, đánh giá hiệu quả để từ đó có phương hướng điều chỉnh các dự án còn chậm.

- Hầu hết các xã biên giới đều là xã nghèo, thường xuyên bị lũ lụt, kết cấu hạ tầng kém, giao thông hạn chế, hệ thống cung cấp điện, nước sạch, viễn thông còn thiếu thốn, chưa đáp ứng được nhu cầu thiết yếu của người dân. Dân cư phân tán nên đòi hỏi bố trí nhiều công trình kết cấu hạ tầng nhưng hiệu quả sử dụng thấp.

- Tình trạng buôn lậu qua biên giới vẫn còn nhiều diễn biến phức tạp, đang có chiều hướng gia tăng. Thời gian gần đây tình hình xuất khẩu trái phép xăng dầu trên tuyến biên giới gây thiệt hại cho ngân sách quốc gia và là một trong những nguyên nhân gây mất ổn định về trật tự xã hội ở địa phương.

Digitized by Google

Để tiếp tục thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống cho nhân dân, góp phần củng cố quốc phòng - an ninh trên tuyến biên giới, trong thời gian tới tỉnh Long An chủ trương:

Một là, đẩy mạnh chương trình xây dựng cụm, tuyến dân cư để từ đó đầu tư kết cấu hạ tầng cho khu vực biên giới một cách tập trung, nhằm phát huy hiệu quả đầu tư của nguồn vốn ngân sách, từng bước hình thành các thị tứ vùng biên, thúc đẩy trao đổi thương mại trên tuyến biên giới.

Hai là, tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh kết cấu hạ tầng thiết yếu như giao thông, thủy lợi, trường học, trạm y tế, bưu điện, các công trình chống lũ, vượt lũ, hệ thống kênh mương thủy lợi phục vụ trồng trọt, chăn nuôi; đưa điện, nước sạnh và hệ thống giao thông đường bộ đến 100% các xã biên giới để hỗ trợ cho chương trình sống chung với lũ ở khu vực Đồng Tháp Mười của tỉnh.

Ba là, xác định chính xác tiềm năng của từng khu vực để đầu tư tập trung về vốn ngân sách, nhân lực để nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo đòn bẩy kích thích các khu vực lân cận. Triển khai đồng bộ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, tập trung đào tạo bồi dưỡng cán bộ để hỗ trợ chương trình chuyển đổi cơ cấu sản xuất tại địa phương, tăng cường sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch, chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất vật liệu xây dựng để nâng cao thu nhập của người dân.

Bốn là, tổ chức phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng đẩy mạnh các biện pháp vận động, hỗ trợ để bảo đảm 100% trẻ em trong độ tuổi được đến trường. Giảm tỷ lệ trẻ bỏ học, hoàn thành chương trình phổ cập giáo dục tiểu học, trung học cơ sở đúng thời gian theo kế hoạch. Bảo đảm số lượng giáo viên ở các cấp, trang bị đầy đủ trang thiết bị dạy học cho trường học các xã biên giới.

Năm là, nâng cấp các cơ sở khám chữa bệnh, bảo đảm 100% trạm y tế có bác sỹ, trang thiết bị thiết yếu, thuốc chữa bệnh. Kết hợp tổ chức các mô hình y tế quân - dân y để chăm sóc sức khỏe cộng đồng, nâng cao ý thức bảo vệ vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh. Đẩy mạnh các hoạt động văn hóa - thể dục - thể thao ở cơ sở nhằm nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của người dân trên tuyến biên giới.

Cùng với các hoạt động trên, tỉnh phối hợp với lãnh đạo các cấp của Cam-pu-chia tiếp tục tiến hành phân định và cắm cột mốc biên giới phần còn lại nhằm tăng cường quản lý an ninh trật tự trên tuyến biên giới, bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Tỉnh cũng tập trung thực hiện tốt việc củng cố, bố trí các đồn, trạm biên phòng, tăng cường trang thiết bị kỹ thuật, quân sự cho các lực lượng trên tuyến biên giới, nhằm bảo đảm nhiệm vụ bảo vệ an ninh - quốc phòng. Bên cạnh đó tỉnh thường xuyên tổ chức tốt việc tuyên truyền giáo dục, học tập bồi dưỡng để từng bước nâng cao nhận thức về chính trị cho đội ngũ cán bộ và quần chúng nhân dân, xây dựng thế trận biên phòng toàn dân gắn với thế trận quốc phòng toàn dân và thế trận an ninh nhân dân trên khu vực biên giới.

Để giúp Long An thực hiện tốt các nhiệm vụ nêu trên đề nghị Chính phủ cho tiếp tục thực hiện Chương trình 135 bởi chương trình này đã có tác động tích cực trong việc phát triển kinh tế kết hợp an ninh - quốc phòng vùng biên giới; xây dựng hoàn chỉnh tuyến tỉnh lộ N1 (đường quốc lộ trên tuyến biên giới Tây Nam) nhằm thúc đẩy kinh tế trên vành đai biên giới và bảo đảm tính cơ động, sự phối hợp nhanh chóng giữa các lực lượng phòng thủ khi có tình huống xảy ra. Đề nghị Chính phủ tiếp tục hỗ trợ cho tỉnh Long An quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cho khu vực biên giới và đẩy mạnh tiến độ các dự án thành lập khu kinh tế cửa khẩu quốc gia, các cửa khẩu tiểu ngạch nhằm tăng cường hoạt động thương mại và qua đó cũng kiểm soát chặt chẽ hơn tình hình an ninh trên tuyến biên giới. ❑

Digitized by Google

CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ QUA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI Ở VIỆT NAM NHỮNG NĂM QUA

NGUYỄN ANH TUẤN *

Bên cạnh những tác dụng to lớn trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và đẩy mạnh xuất khẩu, đầu tư trực tiếp nước ngoài còn là một kênh quan trọng trong việc chuyển giao công nghệ. Tuy vậy, việc sử dụng kênh đó trong thực tế ở nước ta chưa phải đã hoàn toàn tốt đẹp. Nếu không sớm nhận ra những mặt hạn chế để có giải pháp khắc phục kịp thời thì nguy cơ nước ta trở thành bãi thải công nghệ là khó tránh khỏi.

KHÁC với các luồng vốn đầu tư gián tiếp, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) thường đi liền với việc chuyển giao công nghệ, kiến thức quản lý và khai thác thị trường, tiếp thị (marketing)..., nhờ đó tác động mạnh tới sự thay đổi cơ cấu kinh tế, nhất là cơ cấu ngành ở các nước nhận đầu tư. Bởi vì, FDI không chỉ là một quá trình trong đó tài sản được trao đổi, lưu thông từ quốc gia này sang quốc gia khác, mà còn liên quan đến sản xuất, tái sản xuất mang tính chất toàn cầu; không chỉ thuần túy thể hiện sự di chuyển của các luồng vốn, là sự dịch chuyển "cả gói" bao gồm vốn, kỹ năng quản lý và công nghệ mới.

Tuy vậy, các nhận định đều tương đối đồng nhất giữa nhiều cách tiếp cận khác nhau về chuyển giao công nghệ qua FDI là công nghệ không được chuyển giao một cách tự động, hay nói cách khác không phải lúc nào cũng có sự chuyển giao công nghệ qua FDI một cách tích cực. Nguyên nhân chính là các hiệp định về cấp bằng chứng nhận sáng chế và sở hữu công nghiệp không coi công nghệ là "hàng hóa sử dụng chung". Bởi vậy, vấn đề là ở chỗ các công ty bản địa (ở các nước đang phát triển) phải tìm mọi cách để thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ qua FDI, nhất là thông qua hợp tác với các chủ thể nắm giữ nhiều công nghệ như các tập đoàn xuyên quốc gia.

Trước năm 1987, việc chuyển giao công nghệ ở nước ta phần lớn được thực hiện thông qua nguồn viện trợ của nước ngoài và đầu tư mới của các doanh nghiệp trong nước, trong đó chủ yếu bằng nguồn viện trợ của nước ngoài (trong phe xã hội chủ nghĩa). Chuyển giao công nghệ mang hình thái cung ứng - giao nhận nên công nghệ thường không thích hợp, không đồng bộ, chắp vá, cũ nát và lạc hậu.

Sau khi Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành (29-12-1987), việc chuyển giao công nghệ đã có sự chuyển biến tích cực. Chuyển giao công nghệ lúc này đã gắn với phương hướng kinh doanh và theo định hướng

* TS, Học viện Quan hệ quốc tế

Digitized by Google

thị trường. Điều này thể hiện rõ qua thực tế là hầu hết các chương trình chuyển giao công nghệ được thực hiện bởi sức ép cạnh tranh trên thị trường. Chuyển giao công nghệ đã trở thành hoạt động của chính bản thân các doanh nghiệp, thuộc quyền chủ động của doanh nghiệp, vì mục tiêu nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, tối đa hóa lợi nhuận.

Nếu nhìn vào thực trạng chung, trình độ công nghệ của nền sản xuất của cả nước còn rất lạc hậu so với khu vực và thế giới [1], ta thấy vai trò của FDI trong việc chuyển giao công nghệ vào nước ta rõ nét hơn. Chẳng hạn, tính đến hết năm 2005 có khoảng trên 70% dự án có nội dung chuyển giao công nghệ. Chuyển giao công nghệ chủ yếu tập trung trong lĩnh vực công nghiệp, chiếm 50,7% trong tổng số các hợp đồng chuyển giao công nghệ; chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp chiếm 5,3%; dịch vụ: 2,3%; các lĩnh vực khác: 41,75%. Đến năm 2005, 90% số hợp đồng chuyển giao công nghệ tại Việt Nam là chuyển giao qua FDI.

Hoạt động của khu vực FDI đã tạo ra nhiều ngành, nghề mới, năng lực sản xuất và công nghệ mới trong các ngành sản xuất quan trọng của nền kinh tế; tạo ra bước ngoặt trong sự phát triển một số ngành kinh tế mũi nhọn, như: thăm dò, khai thác dầu khí, sản xuất thép, xi-măng, lắp ráp, sản xuất ô-tô, xe máy, tàu thủy, phát triển viễn thông quốc tế và nội hạt, xây dựng hệ thống các khách sạn hiện đại đạt tiêu chuẩn quốc tế... Nhiều công nghệ mới đã được nhập vào nước ta, như: thiết kế, chế tạo máy và sản phẩm cơ khí điều khiển chương trình, sản xuất ống thép bằng phương pháp cuốn và hàn tự động theo đường xoắn ốc, sản xuất ống gang chịu áp lực bằng gra-phít cầu, sản xuất đồ trang sức theo quy mô công nghiệp bằng đúc khuôn mẫu chảy... Nhiều dây chuyền sản xuất tự động đã được đưa vào nước ta, như: dây chuyền lắp ráp hàng điện tử, mạch điện tử, lắp ráp tổng đài điện thoại tự động kỹ thuật số, dây chuyền thêu tự động nhiều màu, nhiều đầu máy điều khiển bằng vi tính...

Nhìn chung, phần lớn các trang thiết bị đưa vào các doanh nghiệp có vốn FDI là đồng bộ, có trình độ cơ khí hóa trung bình hoặc cao hơn các thiết bị tiên tiến đã có trong nước và thuộc loại phổ cập ở các nước trong khu vực. Một số thiết bị tuy đã qua sử dụng, nhưng được tân trang và nâng cấp bằng cơ cấu điều khiển bán tự động, hoặc tự động như máy cán kim loại, máy dệt...

Hoạt động chuyển giao công nghệ trong FDI đã tạo ra nhiều sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, nhất là trong lĩnh vực sản xuất hàng tiêu dùng, như: hàng dệt may, giày dép, sản xuất mía đường, mì chính, rau quả xuất khẩu, nuôi trồng thủy sản, ngọc trai... Thêm vào đó, sự cạnh tranh của các sản phẩm thuộc khu vực kinh tế có vốn FDI, của hàng ngoại đã thúc ép các doanh nghiệp phải đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm. Chất lượng sản phẩm của các doanh nghiệp FDI đều đạt tiêu chuẩn Việt Nam, số đạt tiêu chuẩn quốc tế ISO đang tăng nhanh. Các doanh nghiệp FDI cũng đi đầu trong lĩnh vực tiêu chuẩn hóa quản lý chất lượng công nghệ.

Vai trò của FDI trong chuyển giao công nghệ được thể hiện rõ nhất trong *lĩnh vực dầu khí*. Tuy ngành công nghiệp dầu khí nước ta được thành lập muộn (tháng 9-1975) so với các nước trong khu vực, nhưng đến nay ngành đã khẳng định được vị thế của mình trong nền kinh tế quốc dân và được xếp hạng thứ 33 trong cộng đồng các

(1) Năm 2005, Viện Nghiên cứu Quản lý kinh tế Trung ương phối hợp với UNDP- Việt Nam đã công bố kết quả khảo sát về đổi mới công nghệ tại các doanh nghiệp Việt Nam (35 doanh nghiệp trong ngành hóa chất và 65 doanh nghiệp trong ngành dệt may) cho thấy, hầu hết doanh nghiệp Việt Nam đang sử dụng dây chuyền công nghệ, máy móc, thiết bị đồng bộ thuộc thế hệ từ những năm 80 của thế kỷ XX; 69% số doanh nghiệp phụ thuộc vào thiết bị công nghệ nhập khẩu của nước ngoài và 19% doanh nghiệp lệ thuộc vào bí quyết công nghệ. Điều này cho thấy tốc độ triển khai công nghệ mới trong các doanh nghiệp còn rất chậm. Mức độ đầu tư cho đổi mới công nghệ của doanh nghiệp chỉ đạt 3% doanh thu/năm - TG

Digitized by Google

nước sản xuất dầu khí trên thế giới, đứng thứ tư ở Đông - Nam Á về sản lượng khai thác dầu khí. Đạt được kết quả cao như vậy, ngoài sự đóng góp quan trọng của Vietso Petro, - doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lớn nhất trong ngành dầu khí Việt Nam, còn phải kể đến sự hợp tác, đầu tư của các tập đoàn nổi tiếng như BP, Shell, Statoil... Các nhà đầu tư đã tích cực chuyển giao nhiều công nghệ hiện đại vào Việt Nam, giúp nâng cao hiệu quả khai thác cũng như chất lượng sản phẩm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Các công nghệ hiện đại có thể được kể đến như công nghệ ép nước vào vỉa cải tiến, công nghệ bơm nén khí vào vỉa dầu (gaslift). Nhờ đó, sản lượng khai thác tăng thêm 600 tấn dầu/ngày và 29 mỏ dầu hoạt động trở lại. Ngoài ra, các nhà đầu tư cũng đã ứng dụng thành công công nghệ khoan ngang, công nghệ xiên hoặc đứng, công nghệ vỡ vỉa thủy lực, làm sạch đáy giếng bằng chất tạo bọt, hoặc axit hóa có tác dụng, giúp dầu dễ lưu thông...

Với dự án khí liên hợp Nam Côn Sơn (tổng giá trị 1,189 tỉ USD), hai tập đoàn BP và Statoil đã đầu tư xây dựng một đường ống hai pha chạy dưới đáy biển để vận chuyển khí và chất lỏng từ ngoài khơi vào đất liền. Khi dự án hoàn thành, Việt Nam sẽ là nước có đường ống hai pha dài nhất thế giới (37km). Việc này sẽ tạo điều kiện khai thác có hiệu quả và phát triển các nguồn khí sẵn có trong nước, từ đó đem lại nhiều cơ hội lớn giúp cho việc phát triển kinh tế Việt Nam [2].

Hơn nữa, việc áp dụng những công nghệ tiên tiến từ các nước công nghiệp phát triển sẽ giúp cho nước ta được lợi rất nhiều từ hoạt động sản xuất. Chẳng hạn trong *lĩnh vực nhiệt điện*, nếu thời gian trung bình để sản xuất ra điện là 3 năm, thì với việc áp dụng phương thức sản xuất hỗn hợp mới nhập từ EU, thời gian này chỉ còn 2 năm. Độ ô nhiễm không khí thấp hơn một cách đáng kể so với mức bình thường theo tập quán các nhà máy nhiệt điện và khối lượng nhiên liệu đầu vào cũng thấp hơn 30% so với việc sử dụng công nghệ điện khác.

Trong ngành *bưu chính - viễn thông*, các nhà đầu tư nước ngoài góp phần quan trọng vào những thay đổi có tính đột phá ở Việt Nam, bởi đã thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài lớn như France Telecom, Siemen, Ericsson... Các hợp đồng hợp tác kinh doanh giữa Việt Nam và các đối tác EU đã thu được những kết quả cao, đưa vào Việt Nam những công nghệ viễn thông tiên tiến nhất, tạo bước nhảy vọt cho mạng lưới dịch vụ viễn thông Việt Nam từ 300 kênh quốc tế năm 1990 với kỹ thuật an-na-lốc (analog) truyền dẫn vệ tinh, đến nay đã có hơn 5.900 kênh với kỹ thuật truyền dẫn cáp quang đi qua biển và vệ tinh. Đối với dịch vụ thông tin di động, Comvik - tập đoàn viễn thông nổi tiếng thế giới của Thụy Điển - là nhà đầu tư đầu tiên hợp tác với Việt Nam trong việc đầu tư xây dựng hệ thống điện thoại di động mạng Mobi Fone. Nhờ đó, từ chỗ chưa có đầu vào những năm 90 của thế kỷ trước, đến nay, Tổng Công ty Bưu chính - Viễn thông đã có mạng di động công nghệ GSM (hệ thống thông tin toàn cầu) cung cấp dịch vụ toàn quốc. Những đóng góp của các nhà đầu tư nước ngoài trong ngành này đã góp phần đưa nước ta từ một nước lạc hậu về bưu chính - viễn thông, trở thành một nước có mạng lưới viễn thông tiên tiến trong khu vực chỉ trong vòng 10 năm.

Với các thiết bị gia công khuôn mẫu của Anh, Đức, ngành *công nghiệp cơ khí* của Việt Nam đã chế tạo được những sản phẩm dùng cho công đoạn chế biến thô, bắt đầu thích nghi với cơ chế thị trường, hướng vào sản xuất các thiết bị toàn bộ, các phương tiện vận tải đường thủy và đường bộ mà trước đây nước ta chưa sản xuất được. Trong ngành vật liệu xây dựng, xi-măng lò quay được đầu tư mới bằng công nghệ của Đan Mạch, Pháp đã nâng công suất lên 1,2 triệu tấn/năm.

Lĩnh vực nông nghiệp Việt Nam cũng tiếp thu được nhiều kỹ thuật và phương pháp sản xuất chế biến, như: đường, trồng rau, sản xuất

(2) Xem: *Đầu tư từ EU vào Việt Nam – tăng khi Việt Nam vào WTO*, <http://www.mpi.gov.vn>, ngày 29-09-2005

Digitized by Google

thức ăn gia súc... Điển hình là nhà máy mía đường Bourbon Tây Ninh có công suất 8 ngàn tấn mía/ngày, đạt công suất cao nhất trong số các nhà máy mía đường Việt Nam có vốn FDI (như Ô-xtrây-li-a, Nhật, Mỹ, Ấn Độ...). Tới đây, nhà máy đường Tat & line liên doanh với Nghệ An còn tiếp tục mở rộng công suất lên 16 ngàn tấn mía/ngày.

Ngoài ra, hợp tác dưới các hình thức liên doanh, Việt Nam có điều kiện tiếp cận và *học tập kinh nghiệm quản lý tiên tiến* của họ trong sản xuất, kinh doanh. Điển hình, nhờ học tập kinh nghiệm từ dây chuyền sản xuất Cora (của tập đoàn Bourbon tại Việt Nam), các công ty trong nước đã đạt được tiêu chuẩn hiện đại và quốc tế về cách trình bày sản phẩm, ổn định chất lượng hàng hóa.

Có thể thấy, việc tiếp nhận FDI vào Việt Nam đáp ứng được cả hai yếu tố cơ bản và quan trọng nhất quyết định sự phát triển kinh tế của Việt Nam. Đó là vốn và công nghệ; là nhân tố tạo đà và kích thích sự phát triển của những lĩnh vực khác trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nếu chuyển giao được công nghệ hiện đại, những tác động của FDI đối với nền kinh tế không chỉ dừng lại ở việc chuyển giao vốn và công nghệ, mà còn ở chỗ, nhờ có những nguồn vốn và công nghệ, nước ta có điều kiện tập trung phát triển các lĩnh vực kinh tế khác, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng các nguồn lực trong nước...

Tuy nhiên, bên cạnh những điểm mạnh nêu trên, FDI vào Việt Nam, xét trên khía cạnh vốn và công nghệ, còn nhiều điều đáng lưu tâm, đặc biệt là ở hai vấn đề: công nghệ thải loại dẫn đến giá thành sản xuất cao (3) và công nghệ gây ô nhiễm môi trường (4). Trước mắt, có thể thấy nổi cộm mấy vấn đề sau:

a - Có quá ít các doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong ngành công nghiệp phụ trợ, nếu có thì mới chủ yếu tham gia khâu đóng gói, bao bì, trong khi phía đầu tư nước ngoài lại rất muốn đầu tư và chuyển giao công nghệ cho các ngành công nghiệp phụ trợ để giảm giá thành do không phải nhập từ các quốc gia thứ ba (hiện có tới 99% nhà cung cấp linh phụ kiện cho các công ty nước ngoài đều là những doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài). Điều này thể hiện tính thiếu đồng bộ trong việc phát triển ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam.

Kinh nghiệm của các nước cho thấy muốn thu hút được các công ty lớn có công nghệ hiện đại, thì công nghiệp phụ trợ phải đi tiên phong, tạo nền tảng để cung ứng các sản phẩm đầu vào cần thiết cho các ngành công nghiệp lắp ráp. Bởi lẽ, công nghiệp phụ trợ có vai trò rất quan trọng trong việc thu hút dòng vốn FDI, bản thân các tập đoàn và các công ty lớn về lắp ráp hiện cũng chỉ giữ lại trong quy trình của mình các khâu nghiên cứu, phát triển sản phẩm và lắp ráp thay vì tất cả gói gọn trong một công ty hay nhà máy. Ngay cả trong lĩnh vực điện tử, một lĩnh vực khá phát triển ở nước ta, hiện công nghiệp phụ trợ phát triển cũng không tương xứng với lắp ráp sản phẩm. Chỉ có 1/4 số doanh nghiệp hoạt động

---

(3) Năm 1985, khi Trung Quốc đồng ý liên doanh với Nhật Bản trong lĩnh vực sản xuất vô tuyến và đồng ý để cho phía Nhật Bản góp vốn bằng công nghệ với license lắp ráp vô tuyến của Nhật Bản thì những cải tiến mới nhất lại không được chuyển cho liên doanh, nên hàng của liên doanh sản xuất ra trở nên quá lạc hậu, không thể cạnh tranh và bán được trên thị trường quốc tế. Nguyên nhân là trình độ thẩm định công nghệ của Trung Quốc không đủ cao để đánh giá hết tình trạng của công nghệ và do vậy, không hạn chế được tác động tiêu cực này.

(4) Mê-hi-cô là nước chủ nhà của 1.800 nhà máy lắp ráp sản xuất của các tập đoàn xuyên quốc gia (TNC) Mỹ. Các nhà máy này đều nằm gần biên giới Mê-hi-cô - Mỹ, vì thế một số nhà máy đó được chuyển sang Mê-hi-cô để tránh những qui định chặt chẽ về môi trường của Mỹ và lợi dụng những kẽ hở chưa được hoàn thiện trong luật môi trường của Mê-hi-cô. Một nghiên cứu của Phong trào chống chất thải độc hại của Mỹ (American National Toxic Campaign) cho thấy trong số 23 nhà máy như vậy có 17 nhà máy phải chịu trách nhiệm về những chất thải có nhiều độc tố, về điều kiện làm việc cũng như tiêu chuẩn đảm bảo an toàn và sức khỏe rất thấp ở các nhà máy này. Mặc dù gần đây, Mê-hi-cô đã tiến hành những biện pháp thắt chặt Luật Bảo vệ môi trường nhằm trừng trị những kẻ gây ô nhiễm môi trường, tuy nhiên cơ chế thi hành Luật vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Digitized by Google

trong ngành sản xuất phụ tùng linh kiện, do đó, tỷ lệ nội địa hóa sản phẩm ngành rất thấp, mới đạt khoảng 20%.

Ngành công nghiệp ô-tô Việt Nam đi sau các nước trong khu vực hàng chục năm và đang trong giai đoạn hội nhập. Trong đó, chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lắp ráp và có quá ít các nhà cung cấp linh kiện của Việt Nam phục vụ cho quá trình lắp ráp (một khâu có giá trị thấp nhất trong chuỗi giá trị của một ngành công nghiệp). Trong nhiều năm qua, ngành công nghiệp ô-tô Việt Nam được phản ánh chủ yếu qua hoạt động của 11 liên doanh FDI thuộc Hiệp hội Các nhà sản xuất ô-tô Việt Nam (VAMA). Hầu hết các doanh nghiệp này mới chỉ lắp ráp ô-tô dạng CKD với trình độ công nghệ được chuyển giao đơn giản, gần giống nhau, tỷ lệ nội địa hóa rất thấp, giá trị gia tăng đạt được chủ yếu ở các khâu sơn, hàn, lắp ráp... Hơn 90% các bộ linh kiện, phụ tùng được cung cấp từ các công ty mẹ hoặc các liên doanh của họ từ các nước trong khu vực [5].

b - Khoảng cách về tiêu chuẩn chất lượng giữa các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp nước ngoài quá lớn. Hơn nữa, các doanh nghiệp trong nước chủ yếu đang có quy mô vừa và nhỏ, nên khả năng đáp ứng về yêu cầu chất lượng rất kém. Do vậy, các doanh nghiệp FDI phải cân nhắc và chỉ chuyển giao công nghệ tầm trung.

c - Việc áp dụng các dây chuyền hiện đại, có công suất lớn nhiều khi tỏ ra không thích hợp với quy mô ngành nghề, năng lực đáp ứng nguyên liệu đầu vào, thậm chí là khả năng tiêu thụ của thị trường trong nước. Đây tuy không phải là một vấn đề có tính phổ biến, nhưng nếu không được giải quyết sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư của dự án nói riêng và hiệu quả kinh tế ngành nói chung. Đồng thời, điều này còn có ảnh hưởng đến khả năng thu hút FDI do tính hấp dẫn của mỗi lĩnh vực được thể hiện thông qua mức độ thành công của các dự án đã triển khai.

d - Việt Nam vẫn chưa có chính sách thích hợp để thu hút với khả năng cao nhất tiềm năng đầu tư đổi mới công nghệ và tận dụng tối đa công nghệ được chuyển giao từ các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là trong việc thu hút các công ty xuyên quốc gia qui mô lớn với tiềm lực mạnh về khoa học và công nghệ.

Từ những phân tích và nhận định trên và để thúc đẩy hiệu quả hơn nữa quá trình chuyển giao công nghệ qua FDI, bước đầu xin có một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, thay chính sách khuyến khích thu hút FDI vào một số ngành theo quy định như hiện nay, bằng chính sách cho phép đầu tư vào mọi lĩnh vực ngoài các lĩnh vực cấm. Đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, mở cửa hơn nữa cho việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong nước ở một số ngành mà hiện nay vẫn do doanh nghiệp nhà nước nắm giữ là chủ yếu. Đồng thời thực hiện tốt cam kết về giảm thuế quan và hàng rào phi thuế quan theo lộ trình hội nhập và tiến trình tự do hóa thương mại, qua đó tạo áp lực về cạnh tranh cho tất cả các doanh nghiệp và giảm thiểu mức độ bảo hộ đối với một số ngành đang được ưu đãi. Mục đích của các biện pháp trên là nhằm giảm mức độ tập trung của FDI vào một số ngành sản xuất thay thế nhập khẩu, thu hút nguồn vốn này vào tất cả các ngành, qua đó tạo cơ hội để có được tác động chuyển giao công nghệ cho các doanh nghiệp trong nước nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Thứ hai, tiếp tục đẩy mạnh chính sách phát triển các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đồng thời có biện pháp hỗ trợ tạo mối liên kết sản xuất giữa chúng với các doanh nghiệp FDI trong cùng nhóm ngành. Nhà nước cần hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng năng lực để có thể tự học hỏi, tiếp thu công nghệ mới và chuyển giao công

(5) Theo tính toán của các chuyên gia, mỗi chiếc xe ô-tô có khoảng 30.000 linh kiện khác nhau nên không một doanh nghiệp nào, dù giỏi đến đâu, lớn đến đâu có thể tự đáp ứng được. Và để có thể hoạt động tốt thì mỗi doanh nghiệp lắp ráp, hoàn thiện ôtô phải cần tối thiểu 20 nhà cung cấp linh kiện. Nhưng ở nước ta mới chỉ đạt mức 2 - 3 nhà cung cấp cho một doanh nghiệp ô-tô -TG

Digitized by Google

nghệ từ đối tác liên kết sản xuất. Các biện pháp thường được thực hiện trên thế giới là cung cấp thông tin miễn phí hoặc phí rất thấp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, tổ chức các cuộc gặp gỡ để các doanh nghiệp có thể trao đổi trực tiếp với nhau, tổ chức các lớp bồi dưỡng, đào tạo cán bộ làm việc trong các doanh nghiệp này.

Thứ ba, tăng năng lực về nghiên cứu và triển khai (R&D) của doanh nghiệp trong nước để tăng khả năng hấp thụ công nghệ mới và thúc đẩy chuyển giao công nghệ thông qua nhiều biện pháp. Ví dụ, Nhà nước hỗ trợ đào tạo cán bộ R&D của doanh nghiệp bằng cách tài trợ các chương trình trao đổi chuyên gia giữa các viện nghiên cứu, trường đại học v.v. và doanh nghiệp [6]; thực hiện các chương trình nghiên cứu (ngành, sản phẩm mới) có sự tham gia và đồng tài trợ của các bên cùng hưởng lợi. Nâng nhanh tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của cả nền kinh tế nói chung, của lao động tại các doanh nghiệp trong nước nói riêng, để tăng khả năng đón nhận, làm chủ tiến bộ khoa học, kỹ thuật mới.

Thứ tư, nhanh chóng cải cách các tổ chức R&D của Nhà nước nhằm tăng năng lực của các tổ chức này, kể cả nhân lực sao cho đủ khả năng tiếp thu kiến thức và tiến bộ công nghệ mới. Một mặt luôn cập nhật, phân tích và xử lý thông tin về các công ty lớn, nhất là công ty có khả năng về R&D hàng đầu trên thế giới, cũng như nghiên cứu chiến lược kế hoạch về chuyển giao công nghệ, về phạm vi hoạt động và về đổi mới công nghệ của các công ty này. Khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp quan tâm là rất cần thiết, nhưng cũng phải giao cho một cơ quan nhất định để theo dõi và phân tích có hệ thống. Học tập kinh nghiệm của các nước về việc thu hút những công ty nước ngoài có tiềm năng về công nghệ [7].

Thứ năm, để thu hút các công ty lớn có tiềm lực về công nghệ và khuyến khích chuyển giao công nghệ, ngoài môi trường đầu tư chung đủ thông thoáng và ổn định để tạo lòng tin cho các nhà đầu tư, cũng nên có chính sách ưu đãi đầu tư và có cam kết thực hiện nghiêm túc quyền sở hữu trí tuệ và bảo hộ bản quyền theo luật pháp quốc tế và các hiệp định song và đa phương. Cách tiếp cận ở đây là không áp dụng chính sách ưu đãi đầu tư tràn lan, mà chỉ nên tập trung vào một vài lĩnh vực thỏa mãn các điều kiện được hưởng các ưu đãi này. Nhà nước cần bảo đảm việc thực hiện các chính sách ưu đãi, nhằm giảm thiểu chi phí giao dịch liên quan. Có nhiều biện pháp có thể áp dụng như ưu đãi về thuế, về kết cấu hạ tầng (đất đai và các dịch vụ cung cấp cơ sở hạ tầng), chính sách ưu đãi liên quan đến người lao động (thuế thu nhập cá nhân).

Thứ sáu, rà soát và đánh giá việc thực hiện các chính sách liên quan đến chuyển giao công nghệ trong giai đoạn vừa qua để rút ra các bài học về thành công và thất bại. Hiện nay, nước ta đã có nhiều chính sách khuyến khích chuyển giao công nghệ từ các doanh nghiệp FDI. Tuy nhiên, kết quả thu được còn rất thấp. Do vậy, cần tiến hành điều tra khảo sát để có những đánh giá sâu và cụ thể về nguyên nhân dẫn đến hiệu quả thấp trong việc thực hiện các chính sách này. ❑

---

(6) Có lẽ trong thời gian tới, Nhà nước cần tiếp tục ban hành các chính sách miễn giảm thuế thu nhập đối với các viện nghiên cứu bán kết quả nghiên cứu công nghệ, hoạt động chuyển giao công nghệ và đào tạo liên quan đến công nghệ. Khuyến khích doanh nghiệp lập quỹ nghiên cứu đổi mới công nghệ, phát triển sản phẩm, cho phép tính chi phí nghiên cứu khoa học vào giá thành sản phẩm. Đặc biệt cần sớm cho ra đời Quỹ đầu tư mạo hiểm của Chính phủ để hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ - TG

(7) Theo kinh nghiệm thực hiện thành công quá trình công nghiệp hóa tại Nhật Bản, cùng với việc thúc đẩy chuyển giao công nghệ thông qua FDI, hoạt động R&D được phát triển mạnh thông qua việc hình thành các trung tâm "nghiên cứu, ứng dụng và phát triển công nghệ được chuyển giao" từ những ngày đầu của công nghiệp hóa chính là nhân tố giúp Nhật Bản đạt được nhiều thành tựu công nghệ trong một thời gian không dài (khoảng 8 năm). Nhật Bản đã khôn khéo bắt tay với các TNCs của Mỹ và tận dụng triệt để việc chuyển giao công nghệ của các TNCs trong suốt giai đoạn 1970-1983. Đây là một chiến lược mang lại hiệu quả cao mà các nước đang phát triển có thể hoàn toàn áp dụng được. Điều đó cũng cho thấy nếu chỉ biết tiếp nhận một cách thuần túy sẽ gây ra một sự lãng phí lớn về vốn và chất xám của đất nước - TG

Digitized by Google

CÔNG TY ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CHÈ NGHỆ AN - NHÂN TỐ MỚI VỀ CHẾ BIẾN VÀ XUẤT KHẨU

HỒ NGỌC SỸ *

Sản xuất và tiêu thụ được sản phẩm trong cơ chế thị trường đã khó, tìm cho mình một chỗ đứng tương đối vững chắc trên thị trường thế giới lại còn khó hơn. Thế mà Công ty Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An đã trải qua một quá trình phát triển đầy những gian nan, vất vả để có được như hôm nay - sản xuất ra đến đâu xuất khẩu hết đến đó. Không những thế, Công ty còn chủ động tìm kiếm những thị trường "cần những cái mình có".

NĂM 2005, toàn thể cán bộ, công nhân viên Công ty Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An (sau đây gọi tắt là Công ty) đã vinh dự đón nhận Huân chương Lao động hạng III do Chủ tịch nước trao tặng. Đây là thành tích chung của nhiều thế hệ người lao động toàn Công ty, đồng thời cũng đánh dấu một bước ngoặt trưởng thành trong cơ chế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế với những thời cơ, thách thức mới.

1 - Nhìn lại một chặng đường đã qua

Tiền thân là Liên hiệp các xí nghiệp chè Nghệ - Tĩnh, Công ty Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An là doanh nghiệp nhà nước hạng II gồm 7 đơn vị thành viên, đóng trên địa bàn của 3 huyện: Thanh Chương, Anh Sơn, Con Cuông và thành phố Vinh. Tuy mới ra đời được 20 năm, nhưng đó là thời gian đất nước có nhiều thay đổi về cơ chế, chính sách, nên Công ty gặp không ít khó khăn, lúng túng.

Năm 1986, Liên hiệp các Xí nghiệp chè Nghệ Tĩnh (Liên hiệp) mới bắt đầu tham gia xuất khẩu những tấn chè đầu tiên theo phương thức ủy thác. Năm 1987, Liên hiệp đã xuất khẩu được 300 tấn. Đầu năm 1988, Liên hiệp đã nhận được vốn vay Chương trình hợp tác Liên Xô - Ba Lan để đầu tư thâm canh và trồng mới, chuẩn bị khai thác thị trường các nước trong Khối Hội đồng tương trợ kinh tế. Liên hiệp bắt đầu mở diện tích trồng chè (ra ngoài nông trường) để chuẩn bị nguyên liệu cho công suất của các nhà máy chế biến.

Năm 1991, Liên hiệp đã được Chính phủ cho vay 10 triệu Ru-pi của Ấn Độ thuộc vốn tín dụng ODA, hoàn thành việc đầu tư lắp đặt 2 dây chuyền chế biến chè đen CTC công suất 12 tấn búp tươi/ngày tại Nông trường Bãi Phủ, Hạnh Lâm. Cũng vào năm đó Nghệ - Tĩnh được tách ra thành 2 tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh. Liên hiệp các xí nghiệp chè Nghệ Tĩnh bị chia tách thành hai gây nhiều xáo trộn về mặt tổ chức và sản xuất, kinh doanh. Khó khăn này chưa hết, khó khăn khác đã ập tới. Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu tan rã, một thị trường tiêu

* Tỉnh ủy viên, Giám đốc Công ty Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An

Digitized by Google

thụ lớn, một nguồn đầu tư khá mạnh đã mất đi, trong lúc nền kinh tế quốc dân đang chuyển đổi mạnh mẽ sang cơ chế thị trường. Mô hình quản lý theo kiểu liên hiệp các xí nghiệp không còn phù hợp. Thực hiện Nghị định 388 của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An ra Quyết định số 2494/QĐ-UB, ngày 29-12-1992 chuyển Liên hiệp thành Công ty Đầu tư Phát triển Chè Nghệ An, các nông trường trực thuộc thành các xí nghiệp chế biến, dịch vụ. Đây cũng là giai đoạn chuyển đổi cơ chế quản lý mới trong lĩnh vực đất đai và kinh tế hộ gia đình. Quyết định 1586 của Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trương giao khoán đất, bán vườn cây cho hộ gia đình quản lý. Các hộ gia đình được thừa nhận là đơn vị kinh tế tự chủ, tự hạch toán và chịu trách nhiệm về kết quả sản xuất, kinh doanh. Do đó, Công ty phải chuyển giao phần lớn đất đai cho địa phương, đồng thời tiếp nhận gần 1.000 hộ gia đình mới dãn dân vào vùng sản xuất nguyên liệu; xây dựng mô hình trang trại gia đình có từ 5 - 10 ha chè; mô hình các hộ thuộc diện công nhân viên nông trường quản lý, sử dụng bình quân 1 - 2 ha tập trung vào trồng chè công nghiệp kết hợp với trồng rừng theo Chương trình 327.

Công ty được Bộ Thương mại cho phép xuất khẩu trực tiếp, được Chính phủ cho tham gia Chương trình trả nợ nước ngoài bằng sản phẩm chè sang An-giê-ri, Li-bi, I-rắc, ủy thác qua Tổng công ty Chè Việt Nam với số lượng khoảng 400 tấn/năm. Có thể nói, đến năm 1994, Công ty đã vượt qua những khó khăn, thử thách để cơ bản thích nghi với cơ chế mới.

Từ năm 1995, Nghị quyết 13 và 14 của Đảng bộ tỉnh Nghệ An xác định cây chè là một trong 6 cây công nghiệp chủ lực được tập trung đầu tư phát triển. Nhờ đó, đến hết năm 2000 tổng diện tích trồng chè của Nghệ An lên đến trên 5.000 ha, chủ yếu trồng các giống chè mới như PH1, LDP1+2. Năng suất chè không ngừng tăng lên, có nơi đã đạt 18 - 20 tấn/ha/năm.

Nhưng đây cũng là thời kỳ cuối của các chương trình trả nợ chính phủ, Công ty phải chuyển sang độc lập tiếp cận thị trường, "tự thân vận động". Công ty đã chủ động tiếp cận nhiều đối tượng khách hàng để ký các hợp đồng xuất khẩu trực tiếp đầu tiên. Năm 2000, Công ty xuất khẩu được 2.000 tấn, đạt khoảng 2,5 triệu USD, nộp ngân sách tỉnh từ 3 - 4 tỉ đồng. Sản phẩm chè xuất khẩu của Công ty không ngừng tăng lên, năm sau cao hơn năm trước.

Năm 2005, Công ty xuất khẩu được trên 4.000 tấn chè. Đây là con số cao nhất từ trước đến nay, đạt kim ngạch xuất khẩu gần 5 triệu USD. Dự kiến năm 2006, Công ty sẽ xuất được 5.500 tấn, chiếm 90% sản lượng chè. Có được kết quả trên là do nhiều nguyên nhân, nhưng có hai điều cần nhấn mạnh: *Thứ nhất,* nếu cách đây vài thập niên có người còn cho rằng: "Nghệ An không nên phát triển cây chè", thì nay các xí nghiệp chè của Công ty không những khẳng định "chỗ đứng" của cây chè trên đất Nghệ An, mà còn tham gia hiệu quả vào tiêu thụ, chế biến và xuất khẩu chè. *Thứ hai,* kết quả đó đạt được trong bối cảnh thị trường xuất khẩu chè cả nước đang gặp rất nhiều khó khăn do tình hình chiến sự phức tạp tại khu vực Trung Đông và những diễn biến thất thường của cục diện chung thị trường thế giới, nhất là thị trường chè.

2 - Những điều rút ra từ thực tiễn

- Chọn đúng mô hình quản lý đáp ứng yêu cầu thực tiễn cuộc sống. Công ty đã hoàn thiện và xây dựng mô hình quản lý mới gắn trách nhiệm với quyền lợi trong từng khâu công việc từ sản xuất đến xuất khẩu. Tôn trọng quyền tự chủ của kinh tế hộ trên cơ sở thực hiện cơ chế trách nhiệm giữa Công ty và hộ gia đình thông qua hợp đồng vay vốn, dịch vụ kỹ thuật và bán sản phẩm. Công ty lo vốn, công nghệ, thị trường; các xí nghiệp chế biến lo chỉ đạo sản xuất theo giá thành đã được Công ty duyệt. Đến nay, mô hình quản lý này đang cho phép vừa điều hành sản xuất tập trung để bảo đảm tiêu chuẩn, chất lượng phù hợp với yêu cầu của thị trường thế giới, thực hiện tốt các chiến lược sản phẩm một cách có trọng tâm, trọng điểm, vừa phát huy được tinh thần năng động, sáng tạo của người lao động.

- Trách nhiệm làm chủ thể hiện ở thái độ của người quản lý đối với từng đồng của Công ty. Ban lãnh đạo Công ty luôn nắm chắc tình trạng sử dụng vốn, tài sản...; thường xuyên phân loại các khoản nợ, huy động các nguồn vốn có lãi

Digitized by Google

suất thấp để ưu tiên thanh toán dứt điểm các khoản nợ lãi suất cao (nếu không thì làm được bao nhiêu cũng chỉ đủ để nuôi ngân hàng), không ngừng làm lành mạnh các nguồn vốn vay của Công ty; khi có ngoại tệ từ xuất khẩu, thì sẵn sàng vận dụng cho các doanh nghiệp bạn vay nhập khẩu... Cuối cùng, lãi suất các khoản vay của Công ty đã giảm từ 1,1%/tháng xuống còn 0,4% - 0,5%, tình trạng nợ đã được cải thiện rõ rệt. Giảm được nợ lãi cao không những như trút được một gánh nặng nguy hiểm, mà Công ty còn có điều kiện bố trí thêm các khoản vốn để thực hiện chiến lược phát triển vùng nguyên liệu.

- *Xác định phát triển vùng nguyên liệu là khâu trọng điểm cần tập trung các nguồn lực.* Để có một vườn chè cho thu hoạch không phải là chuyện đơn giản. Thử tính, 1 héc-ta chè phải đầu tư từ 25 - 30 triệu đồng, Công ty cho các hộ gia đình vay đúng yêu cầu và phải đến năm thứ 7 mới thu hồi được hết vốn. Bởi vậy, độ rủi ro trong kinh doanh cao hơn nhiều so với việc chỉ lo đầu tư cho khâu thu mua, chế biến. Có nguyên liệu là đã đi được 9/10 đoạn đường đến thành công. Nếu chỉ đầu tư khâu xây dựng nhà máy chế biến thì không khó, nhưng những lúc thị trường đầu ra khó khăn, mọi hậu quả thường người trồng chè phải gánh chịu thì giải quyết thế nào, bởi họ là những hộ nông dân nghèo, vốn rất dễ bị tổn thương bởi những biến cố của thương trường. Đây là một bài toán mà lãnh đạo Công ty phải trăn trở, tính toán và giải quyết. Nếu không có tầm nhìn chiến lược, Công ty rất dễ đặt mình vào vị trí cứ như người chỉ biết ăn quả, không biết trồng cây. Và nếu chỉ bằng quan hệ như thế không thể gọi là bền vững, thậm chí là vô trách nhiệm.

Người trồng chè nguyên liệu cho Công ty không những được vay vốn, mà còn được hướng dẫn kỹ thuật chăm sóc, thu hoạch. Tới năm thứ tư (năm chè cho thu hoạch) Công ty mới thu 30% gốc và 50% lãi của 3 năm đầu, tính cho từng ki-lô-gam chè búp tươi. Năm thứ năm: thu 30% gốc và 50% lãi của 3 năm đầu và 100% lãi phát sinh. Năm thứ sáu: thu 30% gốc và 100% lãi phát sinh phải thu trong năm. Năm thứ bảy: thu nốt 10% gốc còn lại và 100% lãi phát sinh. Như vậy, bất kể nguồn vốn của Công ty là ngắn hạn, trung hạn hay dài hạn, các hộ trồng chè đều được vay dài hạn để đầu tư cho cây chè.

- *Quy hoạch có ý nghĩa quyết định đến việc cân đối nguyên liệu với công suất chế biến.* Thực ra, Công ty có thể không làm được những điều mong muốn, nếu không có một quy hoạch hợp lý của lãnh đạo tỉnh Nghệ An - quy hoạch vùng nguyên liệu gắn với công nghiệp chế biến, nguyên liệu phát triển đến đâu cho phép doanh nghiệp chế biến mở rộng công suất đến đó. Chính sách trên vừa tránh được tình trạng tranh mua, tranh bán nguyên liệu, vừa khuyến khích các doanh nghiệp chế biến lựa chọn chiến lược sản xuất hợp lý - trước hết và quan trọng nhất là chăm lo phát triển vùng nguyên liệu. Tại một số địa phương, số doanh nghiệp "bung ra" không còn theo một quy hoạch cân đối giữa nguồn nguyên liệu với công suất chế biến làm các doanh nghiệp đều phải đối mặt với một thực tế là không có nguồn nguyên liệu chủ động. Chẳng hạn, Công ty chè Sông Cầu (Thái Nguyên) có 600 ha vùng nguyên liệu của mình, ngoài ra còn có khoảng 1000 ha của dân cư trong vùng, thế mà có tới 7 nhà máy chế biến, nên các nhà máy chè chỉ có thể hoạt động được 30% - 50% công suất thiết kế. Kết quả điều tra của Hiệp hội chè Việt Nam cho biết, bình quân cả nước các doanh nghiệp chè mới chủ động được 37% nguyên liệu, phần còn lại mua trôi nổi trên thị trường(1).

- *Cùng với bà con nông dân từ bỏ lối làm ăn tiểu nông, sản xuất nhỏ hướng vào những mối quan hệ làm ăn mới - văn minh, trách nhiệm và bền vững.* Cây chè có khả năng phát triển tốt nơi vùng cao, vùng xa là vì dễ trồng, đến lúc cho thu hoạch thì chè có thể bảo đảm nguồn thu gần như quanh năm. Cây chè, bởi vậy, được thừa nhận là cây "xóa đói giảm nghèo". Người hái chè, nếu mỗi ngày hái được 30 - 50 kg, với mức tiền công như hiện nay, họ cũng có thể thu nhập từ 15 - 20 ngàn đồng/ngày. Tuy vậy, tại những nơi đó lại thường có những tập quán làm ăn còn lạc hậu, nặng về tiểu nông, sản xuất nhỏ, kinh tế hàng hóa chưa phát triển. Tuy đã có hợp đồng giao kèo chặt chẽ, nhưng vẫn có những trường hợp đáng tiếc xảy ra, như: hộ nông dân chấp nhận

(1) http://www.*baothuongmai*.com.vn/printarticle.aspx?Article-ID=11175

Digitized by Google

giá thấp hơn so với mức của Công ty, tìm cách bán ra các lò sấy thủ công bên ngoài để trốn tránh việc phải trừ nợ vào giá thu mua. Những trường hợp đó, cán bộ Công ty tìm cách giải thích cụ thể, như: giá cạnh tranh, tính ổn định của chính sách, trách nhiệm lâu dài của Công ty với người trồng chè... Trên cơ sở đó, cán bộ Công ty khơi dậy tinh thần trách nhiệm trước những bản hợp đồng vay vốn đã ký 3 - 4 năm về trước. Kiên nhẫn thuyết phục và thông qua một vài vụ việc xảy ra cụ thể, bà con dần dần tự ý thức được rằng, các lò mi-ni không hề có trách nhiệm nào với người trồng chè khi thị trường chao đảo, "lợi thì họ đến - không lợi thì họ đi". Số hộ này cuối cùng rồi cũng quay về với những điều khoản đã cam kết đôi bên của hợp đồng giữa họ với Công ty để giữ được mối quan hệ liên kết làm ăn lâu dài, bền vững.

- *Thực tế cho phép khẳng định rằng, chúng ta hoàn toàn có thể "tìm thị trường cần những cái mình có".* Người ta thường nói: "bán những gì thị trường cần, chứ không bán những gì mình có", nhưng điều đó không hoàn toàn đúng đối với phần lớn nông phẩm nói chung và chè nói riêng, bởi chất lượng phụ thuộc rất lớn vào điều kiện sinh hóa, thổ nhưỡng và thời tiết, khí hậu. Với mảnh đất khắc nghiệt bởi nắng và gió lào, thì cái chất của chè Nghệ An khác với Yên Bái, Thái Nguyên. Nếu đi theo con đường tiêu thụ trong nước bằng chế biến chè xanh không lên men (chè móc câu) thì chè Nghệ An hoàn toàn bị "lép vế". Nhưng nếu chế biến bằng công nghệ hiện đại, thì chè Nghệ An được nước, chát, đậm và sau khi uống có dư vị. Qua một quá trình tìm tòi, đến nay có thể khẳng định chất chè đó rất phù hợp với người tiêu dùng của thị trường Trung cận Đông đối với sản phẩm chè xanh và châu Âu đối với sản phẩm chè đen CTC. Gần đây, sản phẩm chè của Công ty đã vượt qua hàng rào kiểm tra 28 dư mẫu để lọt vào thị trường khó tính vào bậc nhất thế giới là EU và Mỹ. Hiện tại chè Nghệ An sản xuất đến đâu tiêu thụ hết đến đó.

Như vậy, từ rất nhiều những điều tưởng như bất lợi, thế mà cây chè không những đã hiện hữu, phát triển tốt góp phần đắc lực vào công cuộc "xóa đói, giảm nghèo", phát triển kinh tế tại những vùng trung du, miền núi đầy khó khăn của miền Tây Nghệ An, mà còn là một trong số những mặt hàng xuất khẩu chủ lực của tỉnh trong mấy năm gần đây. Cuối năm 2003, Cục Sở hữu trí tuệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu hàng hóa số 51676, Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã cấp mã vạch cho các sản phẩm chè của Công ty. Hướng tới Công ty sẽ thiết lập trang Web điện tử để quảng bá sâu rộng hơn cho thương hiệu của chè Nghệ An.

- *"Quyền sử dụng mềm" về đất đai* ở đây có nghĩa là không cần phải nắm giữ "sổ đỏ", mà Công ty đã có thể huy động một diện tích ngày một tăng cho vùng nguyên liệu chè phục vụ chế biến xuất khẩu. Trong mấy năm khó khăn, Công ty đã phải chuyển phần lớn số diện tích hiện có cho địa phương (trong số 7000 ha), chỉ quản lý khoảng 2.700 ha. Số đất này cũng giao khoán hết cho các hộ nông trường viên. Do cách làm nguyên liệu phù hợp lợi ích người trồng chè, mà nay số diện tích chè thuộc vùng nguyên liệu cung cấp cho Công ty (nghĩa là có ký kết hợp đồng vay vốn, tiếp nhận dịch vụ kỹ thuật chăm bón và thu hoạch) đã vượt lên con số 7000 ha. Như vậy, đâu cứ phải có "sổ đỏ" mới có đất làm nguyên liệu chè. "Đất lành, chim đậu", bằng cơ chế gắn bó lợi ích bền chặt với người nông dân, thì bà con đến với Công ty tự nguyện và cùng có lợi. Thấy được giá trị kinh tế của cây chè, các địa phương có diện tích đồi núi đều muốn làm ăn chặt chẽ với Công ty. Huyện ủy Thanh Chương còn ban hành Nghị quyết số 04-NQ/HU, ngày 25-4-2006, về phát triển vườn chè, theo đó giao chỉ tiêu diện tích cho từng xã, và coi việc thực hiện chỉ tiêu về diện tích chè là một trong số các tiêu chí đánh giá chất lượng các tổ chức cơ sở đảng.

Mục tiêu phấn đấu của Công ty là tới năm 2010 sản lượng chè búp tươi đạt khoảng 45 ngàn tấn; chè khô các loại đạt 10 ngàn tấn, xuất khẩu được 9 - 10 ngàn tấn; thu kim ngạch khoảng 10 - 12 triệu USD; đưa doanh thu lên khoảng 150 tỉ đồng; nâng thu nhập bình quân từ 1,7 - 2,0 triệu đồng/người/tháng. Với những kinh nghiệm đã được rút ra trong thời gian vừa qua, Công ty sẽ vững tin hơn trong việc thực hiện những mục tiêu kế hoạch đã đề ra cho những năm tiếp theo, sẵn sàng hội nhập kinh tế quốc tế. ❑

Digitized by Google

ĐỂ CHỐNG THAM NHŨNG CÓ KẾT QUẢ

ĐÀO SỸ KHUY *

Một câu hỏi đặt ra là liệu chúng ta có thể chống tham nhũng được không? Câu trả lời chắc chắn là được! Đó là điều khẳng định chung của nhiều bức thư gửi tới tòa soạn Tạp chí Cộng sản trong thời gian qua.

TẠI sao chúng ta có thể chống được tham nhũng? Bởi vì, chúng ta có một hệ thống chính quyền vững chắc từ trung ương tới địa phương đã được xây dựng và hoạt động hiệu quả 61 năm qua (1945 - 2006); có hệ thống pháp luật tương đối hoàn chỉnh; có hệ thống chính trị bao gồm các đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội đoàn kết trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam; có công cụ chuyên chính là quân đội, công an, kiểm sát, tòa án, thanh tra và các trại giam. Nếu có sự phối hợp chặt chẽ, thường xuyên, của các cơ quan, đoàn thể, của các cấp, các ngành và biết dựa vào dân chắc rằng kẻ tham nhũng không còn đất để sống.

Kẻ tham nhũng đã được xác định là một số người có chức, có quyền, nằm trong bộ máy công quyền của Nhà nước. Lúc đầu họ là người của chúng ta, được bồi dưỡng, đào tạo và đề bạt, cất nhắc. Sau đó, họ đã thoái hóa, biến chất; tham ô, tham nhũng phản lại quyền lợi của nhân dân, của dân tộc. Do đó, phải kiên quyết loại trừ họ ra khỏi bộ máy của Nhà nước và xử lý theo pháp luật. Kẻ tham nhũng lấy của công làm của riêng, thiếu trách nhiệm đối với tài sản nhà nước, hoặc lợi dụng chức quyền để kiếm chác từ những người dưới quyền, tiêu xài hoang phí, nghiêm trọng hơn là tạo thành đường dây trên dưới, trong ngoài, nhằm mục đích phục vụ cho lợi ích của cá nhân hoặc một nhóm cá nhân, từ đó làm giảm lòng tin của nhân dân đối với chế độ, làm cho chủ trương, đường lối đúng đắn của Đảng, Nhà nước không đến được người dân, thậm chí khi đến còn bị méo mó, lệch lạc...

Nhiều năm nay, lãnh đạo các bộ, ban, ngành, địa phương, trung ương... đã hứa trước toàn dân, trước Quốc hội quyết tâm chống "quốc nạn" tham nhũng, không khoan nhượng với tội phạm tham nhũng, kiên quyết xử lý và trừng trị nghiêm minh, bất kể họ là ai, ở bất cứ cương vị nào, để bộ máy nhà nước thật sự trong sạch và vững mạnh... Song, không những chúng ta chưa đẩy lùi được tệ tham nhũng, mà nó lại có chiều hướng gia tăng, với quy mô lớn hơn, mức độ tinh vi hơn, hậu quả nguy hiểm hơn, thậm chí lây lan tới cả các cán bộ cao cấp, phát triển ngày một rộng từ cá nhân tới tập thể. Nguy hiểm nhất là tệ tham nhũng chẳng những phát triển ở các cơ quan kinh tế, tài chính, kinh doanh, sản xuất, mà còn gây "vẩn đục" ở cả các cơ quan văn hóa, giáo dục, văn học - nghệ thuật, luồn lách cả vào

* Thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

các cơ quan thực thi pháp luật như công an, kiểm sát, tòa án.... Đặc biệt là nó còn vào cả các cơ quan làm chức năng lựa chọn, đào tạo và tuyển dụng cán bộ làm cho "cán cân công lý" không còn chuẩn mực. Các phương tiện thông tin đại chúng vừa qua đã phanh phui, nhiều vụ án đưa ra xét xử những năm gần đây cho thấy, đây thực sự là nguy cơ lớn, thực trạng đáng báo động.

Tại kỳ họp lần thứ 6, Quốc hội khóa XI, Chính phủ đã đề nghị với Quốc hội xem xét, cho thành lập một tổ chức chuyên chống tham nhũng. Hiện nay, tổ chức đó đã thành lập do Thủ tướng Chính phủ làm Trưởng ban và có một Phó Thủ tướng thường trực. Việc làm đó được dư luận cả nước đồng tình, hưởng ứng và tin tưởng. Sau đây, tôi xin có vài ý kiến góp vào nhiệm vụ đấu tranh tham nhũng hiện nay ở nước ta.

1 - Việc đấu tranh chống nạn tham nhũng, là nhiệm vụ của toàn dân, nhưng các cơ quan hành pháp đóng vai trò quyết định. Tuy nhiên, trong mấy thập kỷ qua các cơ quan này làm chưa tốt, không những không ngăn chặn được tham nhũng, mà tệ này lại ngày một phổ biến. Do vậy, nếu cứ để nguyên hiện trạng này thì không thể nào giải quyết được tệ tham nhũng. Vì thế, việc ra đời tổ chức chuyên trách chống tham nhũng là một sự cần thiết, hợp với lòng dân. Bởi vậy, cần sớm có cơ chế, chế tài hoạt động cụ thể.

2 - Ủy ban chống tham nhũng phải do Đảng trực tiếp lãnh đạo, có hệ thống tổ chức, có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đủ mạnh để hoàn thành nhiệm vụ. Ủy ban chống tham nhũng phải là những người có chuyên môn nghiệp vụ giỏi, những người trung, hiếu vẹn toàn - cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư. Khi cần, Ủy ban này có thể trưng tập một số cán bộ, đảng viên là cựu chiến binh, hoặc đã nghỉ hưu, trung thực, có nghiệp vụ về thanh tra, còn sức khỏe tham gia vào đội quân chống tham nhũng. Mỗi Ủy ban nên có những luật sư tinh thông về pháp luật, những nhà báo giỏi về nghiệp vụ, các chuyên gia am hiểu về tài chính kế toán.

3 - Việc chống tham nhũng muốn giành thắng lợi nhất thiết phải dựa vào dân, phải "lấy dân làm gốc". Ủy ban chống tham nhũng ở các tỉnh, thành nên dựa hẳn vào Mặt trận Tổ quốc, điều đó cũng có nghĩa là dựa vào các tổ chức thành viên của Mặt trận như Công đoàn, Hội Nông dân, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh... Mặt trận Tổ quốc cần có kế hoạch phối hợp với các cơ quan chức năng của địa phương, có trách nhiệm giúp đỡ, tạo điều kiện thuận lợi cho Ủy ban hoạt động một cách độc lập theo chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng. Các Ủy ban chống tham nhũng ở những bộ, ngành trực thuộc Trung ương phải dựa vào những tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ ở các đơn vị đó khi tiến hành nhiệm vụ. Ngoài ra, nơi làm việc của Ủy ban chống tham nhũng nên thuận lợi để mọi cán bộ, đảng viên và công dân có thể tới phản ánh, trao đổi, dễ dàng và vào bất cứ lúc nào. Ngoài ra, nên thiết lập trang Web điện tử thu nhận thông tin từ người tố giác. Chúng ta không sợ thông tin giả, sai sự thật, vì sau khi nhận thông tin còn có quá trình điều tra, thăm dò và đánh giá sự thật đúng sai, mức độ của vi phạm... Nếu làm được điều đó, chúng ta sẽ có được hàng triệu tai, mắt của nhân dân soi rõi ở khắp mọi miền, mọi lĩnh vực của đất nước. Thực tế cho thấy đa số dư luận, ý kiến phản ánh của người dân là chính xác và đúng đắn.

4 - Phương châm chống tham nhũng là: chủ trương 1, kế hoạch 10 và biện pháp phải 20 thì mới đạt kết quả. Để có nhiều biện pháp chống tham nhũng, tiến tới tiêu diệt tệ tham nhũng, chúng ta nên mở đợt tuyên truyền sâu rộng cho tất cả các cán bộ, đảng viên, các đoàn thể chính trị - xã hội trong Mặt trận Tổ quốc các cấp, cho mọi người dân ở tổ dân phố, ở thôn, ấp, xã,... nhằm làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức tư tưởng để thấy rằng đây là đợt tổng tiến công quyết thanh trừng, tiêu diệt tệ tham nhũng.

Các cơ quan thông tin đại chúng (báo, đài, truyền hình...) từ trung ương tới địa phương

Digitized by Google

đồng loạt mở chuyên mục về chống tham nhũng, tạo ra một khí thế đấu tranh quyết liệt để dân tin, kẻ tham nhũng lo sợ, chùn bước và có thể ra đầu thú. Thực tế đã chứng minh, trong thời gian vừa qua, thông tin đại chúng là những chiến sỹ xung kích, chiến đấu dũng cảm nhất, trung kiên, hiệu quả trên mặt trận chống tham nhũng, được quần chúng tin cậy, kẻ tham nhũng lo ngại, tìm cách đối phó.

5 - Những kẻ tham nhũng giàu rất nhanh trong thời gian đương chức. Chúng rất khôn ngoan và xảo quyệt. Một mặt, thì khúm núm, đút lót, nịnh hót cấp trên, mặt khác thì ban ơn, mua chuộc, đe dọa cấp dưới. Tiền của do tham nhũng mà có thường phân tán, cho bố mẹ, con cái, anh chị em ruột... đứng tên dưới hình thức bất động sản (đất đai, nhà cửa), mua sắm đồ dùng đắt tiền (ô-tô, xe máy, ti-vi, tủ lạnh...); mua vàng bạc, kim cương... cất giữ, gửi tiết kiệm hoặc mở tài khoản cá nhân nội, ngoại tệ ở trong và ngoài nước... Kẻ tham nhũng chủ yếu phá hoại về kinh tế nên khi xét xử chúng nên "lấy độc trị độc", lấy "kinh tế trị kinh tế" mới có tác dụng giáo dục, răn đe, ngăn ngừa, chẳng những làm cho chúng khiếp sợ mà Nhà nước lại thu hồi lại được tiền của cho công quỹ. Thường số tiền mà cơ quan pháp luật phát hiện do tham nhũng chỉ là phần nổi (chiếm chừng 5% - 10%), còn phần chìm chưa phát hiện được (chiếm chừng 90% - 95%) nên bọn chúng có thừa khả năng thi hành án về mặt kinh tế. Hiện nay khung hình phạt chưa đủ răn đe, ngăn ngừa, thường chỉ là nộp phạt một khoản tiền không đáng kể và tù 5 - 7 năm là điều mà chúng sẵn sàng chấp nhận để khi mãn tù, được tha... gia đình chúng vẫn sống ung dung, giàu có, sung sướng. Nên chăng, xét xử bọn tham nhũng nên gắn thời gian tù tội với lợi ích kinh tế, không nên áp dụng án tử hình. Nghĩa là mỗi năm tù tương ứng với một lượng tiền, nếu trả đủ tiền thì sớm được ra để thu hồi tiền của về cho công quỹ. Chỉ khi nào chúng nộp phạt đầy đủ số tiền do tòa án đã tuyên phạt cho công quỹ thì sau 6 tháng đến 12 tháng, nếu kẻ đó thực sự ăn năn, hối cải, có tiến bộ trong thời gian giam giữ, lúc này pháp luật sẽ xét và tha tội.

Trường hợp kẻ tham nhũng chưa hoàn thành việc xử phạt về kinh tế thì họ phải tiếp tục ở tù. Thời gian ở tù nhanh hay chậm phụ thuộc việc hoàn thành trách nhiệm kinh tế chứ không nên có quy định cụ thể. Như thế là Nhà nước thu hồi được kinh tế (tuy chưa thật đầy đủ do thất thoát, do tham nhũng và lãng phí); kẻ tham nhũng mới sợ (vì bị phạt gấp nhiều lần về kinh tế); lại rất nhân đạo (không tử hình, không có thời hạn tù nhất định); có tác dụng giáo dục, răn đe, ngăn ngừa cao, bởi ai đó có ý định tham nhũng cũng phải run tay, chùn bước, vì ăn hối lộ một phải đền mười. Kẻ đồng lõa, bao che cho hối lộ, tham nhũng cũng phải cảnh tỉnh. Kẻ tham nhũng và gia đình họ khi hoàn thành được án nộp phạt về kinh tế được ra tù họ phải sống bằng chính sức lao động của mình làm ra chứ không phải do của cải tham nhũng còn lại. Như vậy thì họ sẽ chăm lo làm ăn, xã hội mới ổn định.

6 - Tăng cường chức năng kiểm tra, giám sát của ủy ban kiểm tra các cấp. Mọi chủ trương, biện pháp dù hay đến mấy khi thực hiện cũng gặp những khó khăn trở ngại nhất định. Do đó, nếu thiếu kiểm tra, đôn đốc thì hiệu quả sẽ hạn chế và có thể dẫn tới làm sai, hỏng việc. Kiểm tra, giám sát, đôn đốc thường xuyên mới phát hiện được cái tốt để kịp thời động viên khen thưởng, uốn nắn cái sai, loại trừ cái xấu.

Thời gian qua do ta còn buông lỏng việc kiểm tra, giám sát, đôn đốc hoặc có cũng chưa sát sao, không nghiêm túc trên nhiều lĩnh vực, nên nội bộ trong cơ quan có tham nhũng, mà không phát hiện được, kể cả số vụ do các tổ chức cơ sở đảng, các cơ quan chức năng của Chính phủ tự phát hiện cũng rất thấp. Hầu hết các vụ tham nhũng làm thất thoát, lãng phí tiền của từ to tới nhỏ được phát hiện là do các cơ quan thông tin đại chúng khởi đầu, phanh phui, lên án, quần chúng nhân dân tố cáo, tố giác qua nhiều đơn thư..., sau đó các cơ quan chức năng mới vào cuộc xử lý. Do vậy, phải tăng cường kiểm tra, giám sát, kết hợp chặt chẽ giữa nói và làm theo pháp luật thì kỷ cương phép nước mới được giữ vững, mới thực sự diệt trừ được bọn tham nhũng. ❑

Digitized by Google

MÁU NÓNG, MÁU LẠNH!

BẢO LÊ

Tự nhiên cả phòng cấp cứu của bệnh viện huyện K. nháo nhác một cách khác thường như chưa bao giờ như vậy. Một vụ tai nạn giao thông khủng khiếp, mà ở đây đã mấy chục năm nay chưa gặp một ca cấp cứu nào trầm trọng và nan y đến như vậy!

Đến lượt phòng huyết học lại nháo nhác hơn cả phòng cấp cứu. Chưa bao giờ kho dự trữ máu lại gặp khó khăn đến như vậy, dù từ trước đến nay, ở đây người ta vẫn có quyền và luôn tự hào về sự chủ động cứu người hơn cứu hỏa. Thế mà giờ đây lại chịu bó tay!

Thì ra, tất cả sự bất thường ấy chỉ bởi trên phòng cấp cứu có một nạn nhân đang cận kề cái chết trong gang tấc, nếu không được tiếp máu kịp thời. Nạn nhân chừng 40 tuổi, trông dáng mẽ có vẻ là một người làm công ăn lương nhà nước. Anh ta đã thấm vẻ tê lạnh, vì mất quá nhiều máu. Các y, bác sỹ của phòng cấp cứu vẫn luống cuống trông chờ sự cứu tinh từ phòng huyết học. Năm phút... mười phút... rồi mười ba phút... Cơ chừng tưởng đã bó tay nhìn nạn nhân nhích dần tới cõi trăm năm vĩnh viễn. Ai cũng thầm tiếc cho anh ta đời còn trai trẻ!

Tất cả các y, bác sỹ của hai phòng vẫn chạy đôn chạy đáo... và chạy ngược... chạy xuôi... tìm nhóm máu hợp với anh ta.

Và tất cả tưởng như đã vô vọng.

Bỗng một ông cụ, cơ chừng tuổi đã thất thập cổ lai hy, đi lại chỗ các y, bác sỹ nói một câu rất trầm và ấm, khiến tất cả đều trợn tròn đôi mắt:

- Anh này chỉ cần nửa lít máu cá là khỏe ngay.

Tất cả vẫn chưa hết ngạc nhiên vì câu nói dù trầm ấm nhưng vẫn đượm vẻ vừa ngô nghê vừa như uất ức ấy, thì ông cụ buông tiếp một câu lơ lửng:

- Thì... tôi biết, anh ta là người... máu lạnh... mà (!).

Và, ông cụ chìa cánh tay mình và nói với các bác sỹ chưa hết kinh ngạc, vẫn giọng trầm ấm ấy nhưng đã bớt đi vẻ uất ức mấy phần:

- Xin hãy lấy máu của tôi truyền cho anh ta! Có thể tôi cùng nhóm máu!

Digitized by Google

Cũng xin các bác sỹ thử và làm ngay cho, kẻo muộn. Mạng người là vô giá!

Đến lượt tôi ngạc nhiên... rồi lẳng lặng dõi theo sự việc và đi theo ông cụ đến cùng.

*

* *

Và, độ một tháng sau...

Vào cái chiều mùa thu đẹp lắm, nhưng chớm se lạnh, tôi đến thăm cụ! Cụ chưa hết ngạc nhiên, thì tôi thưa chuyện:

- Cháu xin lạy cụ một lạy! Đời cháu chưa gặp chuyện ấy bao giờ! Và, tôi kể việc tôi theo xem cụ làm hôm ở bệnh viện.

Cụ hồn hậu:

- Đời vẫn như thế! Chỉ có điều ta ít để ý nó thôi! Thời buổi này, người ta coi tình nghĩa rẻ rúng quá! Tôi nhìn thấy cậu hôm ấy cứ lẽo đẽo theo tôi! Hình như cậu lại đưa tôi về nhà! Tôi nói hình như... là bởi lúc trên đường từ viện về, tôi thiêm thiếp, chỉ thấy mọi sự một cách mơ màng thôi. Bác sỹ bảo, tôi cho nhiều máu quá!

Và, với giọng buồn buồn, cụ kể cho tôi nghe những chuyện sau đó. Rồi, kết một câu như sự dồn tụ lại tinh hoa đời cụ trải nghiệm:

*- Đời lắm người... **máu lạnh** quá!*

Tôi cãi lại cụ một cách hồn nhiên:

- Máu lạnh chỉ có ở loài động vật thôi! Làm gì có ở loài người? Thưa cụ!

*

* *

Thì ra, cái anh chàng mà ông cụ cho máu và nhờ đó anh ta sống sót là một vị trưởng phòng lao động - thương binh và xã hội ở huyện nọ. Nghe đâu anh ta bây giờ vẫn làm ở đấy, một cách khỏe mạnh, hồng hào... như không hề mất máu bao giờ.

*Rồi cụ kể, cụ đi đến lần thứ bao nhiêu không thèm nhớ nữa, chỉ vì cái việc xin anh ta làm thủ tục giải quyết chế độ **gia đình có công với cách mạng**, bởi bố cụ đã nuôi giấu cán bộ thời tiền khởi nghĩa năm bốn lăm, dù đã đủ xác nhận của các nhân chứng và chứng thực của ủy ban nhân dân xã. Cụ lận lội vất vả cũng chỉ vì cái danh dự gia đình cụ. Nhưng anh ta vẫn nói: - Thủ tục còn thiếu. Để chúng tôi tiếp tục thẩm tra. Giận quá, tôi buột miệng: - Chỉ sợ đến lúc không ai cho anh máu nữa mà anh sống... mà anh đi làm cái việc gọi là thẩm tra gia đình tôi của anh thôi.*

*Cụ buồn và nói tiếp: - Tôi ít học, vẫn thường nghe nói nhưng không tin rằng, cán bộ, công chức bây giờ lắm người có máu lạnh lắm. Nhưng giờ thì tôi tin. Họ như vô tình, vô nghĩa. Hình như họ lấy sự hạch sách, nhũng nhiễu được ai đến "cầu cạnh, xin xỏ" họ, dù rất chính đáng, để làm oai thì phải?! Nếu muốn được việc, phải có cái gì đó "lót tay" (!). Bằng không, họ thờ ơ, phó mặc. Dân nói, họ là người mang máu cá lạnh tanh. Đồ "lót tay" mới là thứ **"máu nóng"** của họ đấy.*

Rồi cụ thở ra một hơi thật mạnh, và luôn giục tôi uống nước chè xanh cho ấm bụng, do tự tay cụ hãm, như sợ nguội mất. ❑

Digitized by Google

THẾ GIỚI THỨ BA TRONG TRẬT TỰ THẾ GIỚI MỚI

NGUYỄN AN NINH *

Còn không ít vấn đề đang đặt ra cho con đường phát triển của thế giới thứ ba, như nhiều nước vẫn chưa thoát khỏi sự lệ thuộc vào các nước tư bản. Nhưng tính độc lập trong quan hệ đối ngoại đã ngày càng rõ nét, thể hiện rõ trong xu hướng cánh tả trở lại cầm quyền ở nhiều nước Mỹ La-tinh, cùng với sự phát triển kinh tế nhanh chóng ở nhiều nước, đặc biệt là Trung Quốc, thế giới thứ ba sẽ là một lực lượng quan trọng trong trật tự thế giới mới.

1 - Vài nét về bối cảnh thế giới thập niên 1996 - 2006

Về kinh tế, sau giai đoạn khủng hoảng 1997 - 2001, kinh tế thế giới bước vào giai đoạn phục hồi, cùng với đó là nhu cầu lớn về nguyên liệu, năng lượng. Sự kiện nổi bật là giá cả năng lượng tăng vọt - chỉ trong vòng 5 năm giá dầu lửa tăng khoảng 7 lần. Những quyết định tăng - giảm sản lượng dầu của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) trở nên có "trọng lượng" và được chú ý chẳng kém gì những phán quyết của các tổ chức quốc tế lớn. Vị thế của những nước xuất khẩu dầu lửa trong thế giới thứ ba, theo đó cũng đã khác trước.

Toàn cầu hóa kinh tế vẫn tiếp tục tiến triển nhưng chậm chạp, do sự khác nhau về quan điểm và lợi ích giữa các nước thế giới thứ ba với các nước phát triển. Nổi cộm vẫn là những cuộc tranh cãi tại các diễn đàn kinh tế mà hầu hết chủ đề đều xoay quanh các hiệp định của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO). Cuộc đấu tranh chống "chủ nghĩa tự do mới" đòi độc lập và bình đẳng trong phát triển đang diễn ra mạnh mẽ tại các nước thế giới thứ ba là sự phản ánh quá trình trên.

Về chính trị, nhiều nước thế giới thứ ba đã qua được cơn "sốc" khủng hoảng chính trị sau sự kiện Đông Âu - Liên Xô và đứng vững trên "mảnh đất hiện thực của mình". Sự lớn mạnh và xu thế hợp tác của khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ La-tinh đang trở thành yếu tố gây nên sự chú ý của thế giới. Biểu hiện tích cực của chính trị trong nhiều nước thế giới thứ ba là "cánh tả lên ngôi" - nắm chính quyền ở nhiều nước; phong trào cộng sản và công nhân phục hồi; nhiều nước đã lựa chọn chủ nghĩa xã hội làm xu hướng phát triển...

Nét đáng chú ý khác là nước Mỹ với chủ nghĩa đơn phương, tham vọng bá chủ vốn coi thế giới thứ ba là đối tượng chinh phục đầu tiên, đang lúng túng trong chính sách đối ngoại của mình. Mỹ vừa lợi dụng lại vừa phải cố gắng điều tiết những bất đồng, xung đột giữa nhiều nước vốn là đồng minh của mình (cuộc

* TS, Học Viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

xung đột giữa I-xra-en và Li-băng hiện nay). Hai xu hướng khác nhau ngay trong một chính sách đối ngoại cùng gợi nên hình ảnh của đường lối cũ: "cái gậy và củ cà rốt". Song trong bối cảnh chính trị mới, "cái gậy" của Mỹ - mà biến thái của nó là "can thiệp nhân đạo" và "đánh đòn phủ đầu để chống khủng bố", trên thực tế đã không còn đủ sức "răn đe". "Củ cà rốt" - viện trợ, vốn, công nghệ Mỹ... cũng bị xu thế đa phương hóa, đa dạng hóa làm giảm đi sức hấp dẫn. Thế giới thứ ba ngày nay không còn là "sân sau", "chư hầu" của các nước lớn, họ đang dần khẳng định vị thế chính trị và là một lực lượng ngăn trở mưu toan thao túng trật tự thế giới mới của Mỹ.

Thập niên qua, thế giới thứ ba cũng còn một nét đáng chú ý về bối cảnh chính trị, đó là biểu hiện bất ổn định, xung đột vẫn còn diễn ra tại nhiều nước, khu vực. Chưa vội bàn về nguyên nhân và hậu quả phản phát triển của hiện tượng này, song có lẽ nên thêm một góc nhìn mới: những bất ổn, xung đột đang diễn ra trong nhiều nước thế giới thứ ba có thể còn phản ánh nhu cầu về cách thức và hướng phát triển. Vì gắn liền với nhu cầu phát triển cho nên những nỗ lực khá lớn của cộng đồng quốc tế, của Liên hợp quốc... một khi chưa đúng hướng, sẽ chưa thể giải quyết được triệt để những xung đột ấy. Nếu nhu cầu phát triển của thế giới được giải quyết thỏa đáng, đúng hướng, chắc chắn một vị thế mới tích cực hơn cho thế giới thứ ba và rộng hơn, một trật tự phù hợp hơn cho cả thế giới sẽ được xác lập.

2 - Những thay đổi về vị thế của thế giới thứ ba trong việc kiến tạo trật tự thế giới mới

Vị thế này đang được xác lập từ những chuyển biến tích cực của các nước thế giới thứ ba ở hầu khắp các châu lục.

Châu Á - Thái Bình Dương thập niên qua là một không gian của sự tăng trưởng kinh tế mạnh mẽ và đã thu hẹp được nhiều khoảng cách về phát triển. Các quá trình hội nhập đang diễn ra rất năng động. Nhiều quốc gia tại khu vực này đang có quá trình vươn lên để khẳng định vị thế của mình trong trật tự thế giới mới.

Trung Quốc đang là điển hình cho thành công của khu vực. Với tốc độ tăng trưởng GDP khoảng 10%/năm, hiện Trung Quốc là nước trong nhóm đứng đầu thế giới về dự trữ ngoại tệ; là nước đứng đầu về thu hút vốn đầu tư nước ngoài với khoảng gần 600 tỉ USD; thập niên gần đây nước này đã bắt đầu đầu tư ra hơn 160 nước với số vốn khoảng 33 tỉ USD. Sức mạnh kinh tế của Trung Quốc khiến cho nước này được mệnh danh là "công xưởng và thị trường lớn của thế giới". Những chuyển biến tích cực trong đường lối ngoại giao của Trung Quốc gần đây như: "Hòa bình trỗi dậy, chủ động xử lý các vấn đề quốc tế, đưa ra các sáng kiến xử lý điểm nóng quốc tế; thực hiện chính sách ngoại giao nước lớn..."; với các nước láng giềng là "mục lân, an lân, phú lân" đã khiến cho vị thế của Trung Quốc ngày càng tăng trong quá trình định hình trật tự thế giới mới. Có thể khái niệm "nước đang phát triển" vào khoảng năm 2050 sẽ không còn phù hợp với Trung Quốc được nữa. Một vị thế mới của nước này lúc ấy sẽ tác động mạnh đến trật tự mới của thế giới.

Ấn Độ thập niên gần đây cũng đang phát triển kinh tế với tốc độ khá nhanh, khoảng 8%/năm. Cùng với đó là những động thái tích cực làm lành mạnh quan hệ ngoại giao với những nước lân bang, nhất là với Pa-ki-xtan, Ấn Độ đang nỗ lực để góp phần vào hòa bình và ổn định của khu vực. Vị thế này còn được củng cố thông qua hiện tượng "ấm dần lên" của quan hệ Mỹ - Ấn Độ. Năm 2004, Tổng thống Mỹ G. Bu-sơ đã tuyên bố Ấn Độ là đối tác chiến lược và đề xuất với Quốc hội Mỹ xây dựng một thỏa thuận song phương liên quan tới trao đổi công nghệ hạt nhân. Dĩ nhiên, tuyên bố này có liên quan tới chính sách nước đôi của Mỹ ở châu Á, nhưng điều căn bản vẫn là tiềm lực kinh tế, triển vọng phát triển và uy tín quốc tế của Ấn Độ đang khiến cho các nước lớn phải quan tâm nhiều hơn tới quốc gia này.

Digitized by Google

Một điểm chung trong chiến lược phát triển của Trung Quốc và Ấn Độ là vừa bang giao, lại vừa coi Mỹ là đối thủ để cạnh tranh thế lực. Các nước này đều không giấu giếm những mục tiêu đuổi kịp Mỹ trên một số lĩnh vực cụ thể. Thừa nhận Mỹ là một thế lực hiện tồn nhưng hướng tới để chia sẻ, cạnh tranh ảnh hưởng với Mỹ - tư duy chiến lược này sẽ góp phần định hình trật tự mới của thế giới.

Châu Phi - châu lục được coi là điển hình của thế giới thứ ba, từng được mô tả với hình ảnh nghèo đói, lạc hậu và mất ổn định... thập niên qua đang làm cho thế giới phải có cái nhìn khác về mình. Xu hướng dần ổn định về chính trị, những thành công đáng khích lệ trong cải cách về kinh tế, nguồn tài nguyên to lớn và nhất là một thị trường rộng mở... đang làm cho châu Phi trở thành môi trường đầu tư, hợp tác phát triển khá hấp dẫn. Lợi ích kinh tế đang ràng buộc châu lục này với nhiều quốc gia trên thế giới. Chính các quốc gia nơi đây cũng đang tìm những phương thức để liên kết lại trong Cộng đồng châu Phi (AU). Có thể những tác động thúc đẩy phát triển mà AU mang lại thời gian qua chưa được như mong đợi, nhưng triển vọng và vai trò của nó với việc thiết lập trật tự thế giới mới sẽ ngày càng tăng.

Mỹ La-tinh thập niên qua đầy sôi động về chính trị - xã hội. Chỉ trong một thời gian ngắn, ở Nam Mỹ, đã có 6 chính phủ tiến bộ lên cầm quyền. Họ đã tuyên bố hoặc tiến hành nhiều cải cách kinh tế xã hội mà xu hướng chung là chuyển từ mô hình chủ nghĩa tự do mới sang mô hình kinh tế thị trường kết hợp với giải quyết các vấn đề xã hội theo hướng coi trọng lợi ích quốc gia và quan tâm đến người lao động. Nhiều cải cách về kinh tế đã được tiến hành khá mạnh dạn và mang lại hiệu quả tích cực trên nhiều mặt. Cải cách ruộng đất, quốc hữu hóa ngành dầu khí, chính sách bảo vệ chủ quyền và lợi ích dân tộc trước những công ty tư bản xuyên quốc gia, xu hướng phát triển chủ nghĩa xã hội Mỹ La-tinh... là những hiện tượng đáng lưu ý đang diễn ra tại Vê-nê-xu-ê-la và Bô-li-vi-a.

Về đối ngoại, tuy nhiều nước chưa thoát khỏi những lệ thuộc vào một số nước lớn nhưng tính độc lập trong quan hệ đối ngoại đã ngày càng rõ nét hơn. Cùng với những nỗ lực bản thân, các nước trong khu vực đã liên kết chặt chẽ hơn trong các tổ chức kinh tế khu vực như Khu vực mậu dịch tự do Nam Mỹ (MERCOSUR), qua đó, làm tăng sức cạnh tranh của mình. Các diễn đàn, hội thảo, hội nghị... được tổ chức thường xuyên giữa những tổ chức chính trị - xã hội và đảng phái khác nhau cũng tạo ra cơ hội để thống nhất về quan điểm và liên kết về hành động. "Chủ nghĩa tự do mới" bị phê phán, những thủ đoạn bao vây cấm vận Cu-ba bị lên án, hợp tác giữa các nước trong khu vực được đẩy mạnh... Về triển vọng trong trật tự của thế giới mới, Tổng thống Vê-nê-xu-ê-la, Hu-gô Cha-vét khẳng định: "Khu vực Mỹ La-tinh có đủ mọi điều kiện để trở thành một thế lực lớn trên thế giới". Những chuyển động tích cực trên nhiều phương diện của các nước Mỹ La-tinh thập niên qua đã chứng minh nhận định đó.

3 - Thấy gì từ vai trò của thế giới thứ ba trong quá trình xây dựng trật tự thế giới mới thập niên vừa qua

Mô hình và cấu trúc của trật tự thế giới mới như thế nào sau "trật tự thế giới hai cực" là vấn đề đang còn bàn cãi. Các phương án đưa ra trong vòng một thập niên qua là rất khác nhau. Phương án "thế giới một cực" nhanh chóng bị thực tế phủ nhận bởi sự suy giảm vai trò của Mỹ đã là khá rõ; hơn nữa chủ nghĩa đơn phương đang bị lên án mạnh mẽ. Phương án "nhất siêu, đa cường" cũng không phải là giải pháp hợp lý, vì không nước nào trong thế giới hiện đại lại chấp nhận để siêu cường quyết định vận mệnh của mình. Phương án "thế giới đa cực" có vẻ dễ chấp nhận hơn (vì tạo ra cảm giác "bình đẳng" nào đó), nhưng nó lại lúng túng bởi khó biện minh trước thực tế dường như trên thế giới mọi thứ đều phân thành hai cực: nước giàu và nước nghèo, nước phương Bắc và nước phương Nam, nước phát triển và đang phát triển, con nợ và chủ nợ... Một nhược

Digitized by Google

điểm lớn trong các quan niệm gần đây về trật tự thế giới mới là các phương án đã "quên" mất vai trò của thế giới thứ ba. Có lẽ, đây là một nguyên nhân khiến các phương án trên đều không được thực tế chấp nhận.

Nhìn chung, thế giới đang được cấu trúc lại, còn theo trật tự nào thì lịch sử sẽ phán quyết. Song có một điều ngày càng rõ là thế giới thứ ba trong thế kỷ XXI sẽ là một lực lượng mà người ta sẽ phải tính đến trong trật tự thế giới mới. Nếu cố tình quên thì thực tế sẽ nhắc nhở bằng "một diễn đàn Đa-vốt khác", bằng phong trào "phản toàn cầu hóa", bằng những vòng đàm phán như Xi-a-tơn, Đô-ha... để chống lại những mặt trái mang tính chất của chủ nghĩa thực dân mới của quá trình toàn cầu hóa kinh tế. Chính những vấn đề của quá trình toàn cầu hóa kinh tế hiện nay lại đang xác định vai trò của thế giới thứ ba. Bằng những nỗ lực không mệt mỏi, bằng trí tuệ và tiềm năng giàu có và đa dạng; bằng những kinh nghiệm được trả giá bằng máu, mồ hôi và nước mắt của mình trong quan hệ với các nước của thế giới thứ nhất suốt mấy thế kỷ qua... các nước thế giới thứ ba đang có tiếng nói riêng, đầy trọng lượng trên các diễn đàn lớn của thế giới.

Từ thực tiễn của đời sống chính trị và kinh tế thế giới, nhiều khái niệm vốn gắn liền với thế giới thứ ba đang cần được xem xét lại và bổ sung thêm những nội hàm mới. Chẳng hạn, tính chất "thứ ba" của thế giới thứ ba chỉ là một danh xưng còn lại từ thời "chiến tranh lạnh" chứ không phản ánh được địa vị của nhóm nước này. Với số lượng biểu quyết khoảng 2/3 trong các nước thành viên của Liên hợp quốc, kết luận đồng ý hay phản đối của tổ chức quốc tế này phụ thuộc khá nhiều vào ý kiến của các nước thế giới thứ ba. Một ví dụ khác, sự phát triển của kinh tế thế giới hiện đại lại đang phụ thuộc vào sự phát triển của "các nước đang phát triển", chứ không hoàn toàn tùy thuộc vào sự định đoạt của G8. Thế giới thứ nhất cần đến thế giới thứ ba như cần đến một không gian mà ở đó nó có thể tiếp tục sự tồn tại. An ninh năng lượng thế giới - một chủ đề lớn của Hội nghị Thượng đỉnh G8 vừa qua - cũng tùy thuộc vào dòng dầu mỏ từ thế giới thứ ba. Vòng đàm phán Đô-ha vừa qua đã thất bại sau hơn 5 năm bàn cãi mà một nguyên nhân là thái độ kiên quyết và thống nhất giữa các nước đang phát triển trong đàm phán với các nước phát triển về vấn đề trợ giá cho sản phẩm nông nghiệp... Những thế mạnh này là một thực tế và điều đó đang khiến người ta phải nhìn nhận lại nhiều quan niệm cũ về vị thế của thế giới thứ ba.

Mục tiêu chung của thế giới ở thế kỷ XXI vẫn không thay đổi, đó là hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển. Theo đó, một trật tự thế giới mới góp phần cho xu thế ấy sẽ vẫn là trật tự mà đa số nhân loại mong đợi. Vượt qua những khó khăn và thách thức, thập niên qua, bằng những năng động, sáng tạo và nỗ lực của mình, thế giới thứ ba đã cống hiến cho nhân loại nhiều kinh nghiệm cho phát triển và cho cả những mô hình của trật tự thế giới mới.

Việc giữ gìn hòa bình, ổn định và hợp tác trong từng khu vực và giữa các nước láng giềng là tiền đề để mỗi nước phát triển. Các nước thế giới thứ ba hiện khá khác nhau về trình độ phát triển kinh tế và thể chế chính trị, song họ có thể tìm được tiếng nói chung. Lịch sử để lại trong mối quan hệ bang giao giữa nước này với nước khác có thể "khi ấm, khi lạnh", song nếu biết khép lại quá khứ, cởi mở và cùng hướng tới hòa bình, hữu nghị và hợp tác thì tương lai tươi sáng sẽ thuộc về họ.

Toàn cầu hóa kinh tế và tăng cường hội nhập, liên kết trên bình diện thế giới và khu vực đang là xu thế chung. Thập niên qua, những nước thuộc thế giới thứ ba thành công nhất trong phát triển là do đã biết cách hội nhập theo cách riêng của mình. Sự thất bại của "chủ nghĩa tự do mới" ở nhiều khu vực thuộc thế giới thứ ba vài thập niên trước đây cho thấy không phải lời khuyên nào của các tổ chức quốc tế, của IMF, WB... cũng là phù hợp với thực tiễn của mỗi nước. Những cải cách kinh tế và thể chế chính trị mang tính rập khuôn hình

(Xem tiếp trang 72)

Digitized by Google

QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - NHẬT BẢN TỪ ĐẦU THẬP NIÊN 90 CỦA THẾ KỶ XX ĐẾN NAY

TRẦN ANH PHƯƠNG*

Quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay nhìn chung vẫn đạt sự tăng trưởng đáng kể, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của cả hai nước, đặc biệt có ý nghĩa quan trọng đối với Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Để khai thác tốt hơn nữa quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản, hai nước đều phải có những giải pháp nỗ lực hợp tác phát triển, phù hợp với tiềm năng và nhu cầu của cả hai nước trong bối cảnh toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế hiện nay.

THÔNG qua việc phân tích về động thái tiến triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản trên các lĩnh vực thương mại, du lịch, đầu tư và viện trợ phát triển chính thức (ODA) từ đầu thập niên 90 của thế kỷ XX đến nay, bài viết này sẽ phản ánh thực trạng và triển vọng của mối quan hệ đó. Đây cũng là việc làm góp phần vào các hoạt động hướng tới kỷ niệm 33 năm ngày thiết lập chính thức quan hệ ngoại giao giữa hai nước Việt Nam - Nhật Bản (21-9-1973 - 21-9-2006).

1 - Hợp tác thương mại

Kể từ đầu những năm 90 cho đến năm 1998, động thái tiến triển kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Nhật Bản vẫn liên tục phát triển mạnh, năm sau tăng cao hơn năm trước. Từ năm 1999 đến 2002 đã có sự khác trước, đó là sự tăng trưởng nhưng không đều. Cụ thể, năm 1999 kim ngạch xuất nhập khẩu Việt - Nhật chỉ đạt được 3,262 tỉ USD, giảm 18% so với năm 1998. Thế nhưng năm 2000 lại là năm tăng rất mạnh, kim ngạch xuất nhập khẩu Việt Nam - Nhật Bản đạt 4,87 tỉ USD, vượt 49,3% so với năm 1999.

Thực trạng phát triển khả quan trên khiến cho từ đầu thập niên 1990 đến nay, Nhật Bản đã luôn là bạn hàng, thị trường lớn nhất của Việt Nam. Năm 2004, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đạt 7,05 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam đạt khoảng 3,79 tỉ USD, tăng 16,6% so với năm 2003. Đến năm 2005, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu giữa hai nước đã tăng đáug kể, đạt 8,2 tỉ USD, trong đó kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam là 4,56 tỉ USD, tăng hơn 20% so với năm 2004 và chiếm khoảng 15% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Đây là lần đầu tiên xuất khẩu Việt Nam sang Nhật Bản tăng trên 20% kể từ năm 2000.

Về cơ cấu xuất nhập khẩu giữa hai nước: Việt Nam xuất khá nhiều mặt hàng, trong đó có các mặt hàng chủ lực là dầu thô, may mặc, hải sản, than đá, thủ công mỹ nghệ... Việt Nam nhập từ Nhật Bản chủ yếu là máy móc thiết bị và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất (chiếm trên

* TS, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam

Digitized by Google

60% kim ngạch nhập khẩu từ Nhật Bản năm 2005). Trong số các mặt hàng xuất khẩu của ta sang Nhật Bản, tôm đông lạnh là mặt hàng đang có nhiều lợi thế. Đồ gỗ xuất khẩu của ta vào thị trường Nhật Bản cũng đang là mặt hàng được bạn ưa thích, có xu hướng tăng nhanh, năm 2005 đã vượt Thái Lan, vươn lên vị trí thứ ba về thị phần ở Nhật Bản, sau Trung Quốc và Đài Loan.

Các hoạt động xuất nhập khẩu đã đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội của cả hai nước, đặc biệt là với Việt Nam đang trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, so với nhu cầu và tiềm năng phát triển, quan hệ thương mại giữa hai nước vẫn chưa được khai thác triệt để. Trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Nhật Bản, hàng hóa Việt Nam chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ bé khoảng 0,6%, trong khi đó tỷ trọng của Trung Quốc là 12,4%, Thái Lan: 2,6%, Ma-lai-xi-a: 2,7%... Cơ cấu hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản còn đơn điệu, chủ yếu là nguyên liệu thô và sản phẩm mới qua sơ chế (trên 50%). Nhật Bản đã và đang dành cho Việt Nam hệ thống ưu đãi thuế quan phổ cập (GSP), tuy nhiên hàng Việt Nam vào thị trường Nhật vẫn hay gặp phải khó khăn là hệ thống kiểm tra phi thuế quan chặt chẽ, đặc biệt là các quy định khắt khe về tiêu chuẩn chất lượng và vệ sinh, kiểm dịch. Trong quan hệ song phương, hai nước đã dành cho nhau ưu đãi tối huệ quốc (MFN) về thuế, song khó khăn lớn nhất hiện nay đối với Việt Nam là phía Nhật Bản vẫn chưa đồng ý ký kết Hiệp định Thương mại tự do hoặc Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện với Việt Nam. Tuy nhiên khó khăn này đang được cả hai bên nỗ lực giải quyết. Từ ngày 16 đến 18-2-2006 tại Hà Nội, kỳ họp thứ nhất Nhóm nghiên cứu hỗn hợp Hiệp định hợp tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA) diễn ra và đã thành công tốt đẹp. Vì thế, có thể trong tương lai gần, hai nước Việt - Nhật sẽ ký kết chính thức Hiệp định này, đồng thời một Hiệp định Thương mại tự do (FTA) giữa hai nước cũng sẽ được hoàn tất ký kết, khi đó Việt Nam có thể đã trở thành thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), mở ra một thời kỳ mới, tạo cơ hội và động lực cho sự phát triển quan hệ hợp tác kinh tế toàn diện giữa hai nước, trong đó hợp tác thương mại chắc chắn vẫn là lĩnh vực sẽ được tiếp tục phát triển mạnh mẽ, sôi động. Và do đó, mục tiêu phấn đấu đạt 10 tỉ USD kim ngạch xuất nhập khẩu Việt - Nhật như các nhà hoạch định chính sách của cả hai nước đã đề ra trong năm 2006 có thể sẽ trở thành hiện thực.

2 - Hợp tác du lịch

Hơn thập niên qua, lượng khách du lịch Nhật Bản đến Việt Nam ngày càng tăng nhanh. Năm 1990, lượng khách Nhật Bản du lịch Việt Nam mới có 1.390 người, nhưng đến năm 2002 con số đó là 279.769 người, tăng gấp hơn 20 lần. Liên tục trong 5 năm (2000 - 2005), tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm đạt mức cao, trên 30%. Nhật Bản trở thành thị trường khách nước ngoài hàng đầu của du lịch Việt Nam về hiệu quả kinh tế và chỉ đứng sau Trung Quốc về lượng khách.

Tiềm năng và triển vọng của thị trường khách Nhật Bản du lịch vào Việt Nam còn rất lớn. Hằng năm, khách Nhật Bản có nhu cầu du lịch nước ngoài lên tới 17 - 18 triệu người, trong đó riêng đối với khu vực 10 nước ASEAN là khoảng 3,7 - 4 triệu người. Trong số đó, khách Nhật Bản đến Việt Nam mới chỉ trên dưới 0,3 triệu người. Điều này chứng tỏ thị trường này vẫn còn là tiềm năng rất lớn mà ngành du lịch Việt Nam cần tập trung mọi nỗ lực để khai thác. Tuy nhiên, du lịch Việt Nam còn có một số hạn chế, bất cập cần nhanh chóng khắc phục như giá cả thuê nhà ở và một số dịch vụ du lịch kèm theo còn quá cao so với mặt bằng giá khu vực, cơ sở hạ tầng, vệ sinh môi trường ở một số địa phương có khu du lịch còn kém chất lượng và thiếu đồng bộ, hướng dẫn viên du lịch vừa thông thạo tiếng Nhật vừa giỏi về văn hóa du lịch vẫn còn thiếu, chưa đáp ứng kịp nhu cầu của du khách.

Digitized by Google

Một trong những giải pháp quan trọng đang được ngành du lịch Việt Nam xúc tiến là khuyến khích các nhà đầu tư Nhật Bản thành lập các công ty liên doanh du lịch giữa hai nước. Ngoài ra, du lịch Việt Nam còn phối hợp với ngành thông tin - văn hóa và với nhiều cơ quan hữu quan khác của Việt Nam để tăng cường nhiều hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch Việt Nam tại thị trường Nhật Bản. Hy vọng mục tiêu đón 500.000 khách Nhật Bản trong một vài năm tới và đón 1 triệu khách Nhật Bản vào năm 2010 có thể trở thành hiện thực.

3 - Hợp tác đầu tư

Đầu tư của Nhật Bản (JDI) vào Việt Nam kể từ năm 1993, khi các tổ chức quốc tế nối lại việc cung cấp vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) cho Việt Nam (với nguồn cung cấp ODA lớn nhất là từ Nhật Bản). Tính đến cuối tháng 5-2002, Nhật Bản là nước đứng thứ 3 trong số các nước và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư vào Việt Nam với tổng số 386 dự án được cấp phép, vốn đăng ký đạt 4,3 tỉ USD. Cần lưu ý, tuy Nhật Bản đứng thứ 3 về vốn đầu tư đăng ký tại Việt Nam, nhưng lại đứng đầu về vốn thực hiện (đạt 3,04 tỉ USD). Do đó, xét thực chất, đầu tư của Nhật Bản ngay từ năm 2002 đã ở vị trí số 1 tại Việt Nam và do đó đã có nhiều đóng góp trực tiếp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của cả hai nước, đặc biệt là với Việt Nam.

Tuy nhiên, cũng như hoạt động thương mại, đầu tư trực tiếp của Nhật Bản ở Việt Nam chưa tương xứng với khả năng và nhu cầu của cả hai bên. Ngoài ra, đầu tư mới của Nhật Bản vào Việt Nam hiện đang gặp phải sự cạnh tranh mạnh của Trung Quốc và các nước trong khu vực. Chính vì thế, để đẩy mạnh hơn nữa dòng đầu tư của Nhật Bản vào Việt Nam, đòi hỏi cả hai bên đều phải nỗ lực tháo gỡ những khó khăn, ách tắc còn tồn đọng trong cơ chế, chính sách hợp tác đầu tư. Vấn đề này đã được đề cập ở Chương trình nghị sự của chính phủ hai nước. Trong chuyến đi thăm và làm việc tại Nhật Bản vào ngày 7-4-2003, Thủ tướng Việt Nam Phan Văn Khải đã cùng Thủ tướng Nhật Bản J. Côi-dư-mi quyết tâm thực hiện một Chương trình hành động mang tên: "Sáng kiến chung Nhật Bản - Việt Nam nhằm cải thiện môi trường đầu tư và tăng cường sức cạnh tranh của Việt Nam" gọi tắt là "Sáng kiến chung Nhật Bản - Việt Nam". Tiếp đó, ngày 14-11-2003, tại Tô-ki-ô, đại diện của chính phủ hai nước đã ký kết Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư. Sự kiện quan trọng này đã mở ra triển vọng to lớn cho hợp tác đầu tư Nhật - Việt. Theo số liệu thống kê mới đây của Cơ quan Xúc tiến thương mại Nhật Bản (JETRO), nếu như năm 2000, Việt Nam chỉ đứng thứ 8 trong danh sách đầu tư của Nhật Bản ra nước ngoài, thì đến năm 2005, Việt Nam đã đứng vị trí thứ 4 (sau Trung Quốc, Ấn Độ, Thái Lan) và đứng thứ 2 trong những điểm đến của các công ty vừa và nhỏ Nhật Bản khi đầu tư ra nước ngoài (sau Trung Quốc). Đó là chưa kể Nhật Bản là nước thực hiện cam kết đầu tư cao nhất tại Việt Nam. Trong năm 2005, Nhật Bản đã có 97 dự án tại Việt Nam, với tổng số vốn là 400 triệu USD. Theo Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam, nếu chỉ tính riêng với các dự án còn hiệu lực cho đến ngày 31-12-2005, Nhật Bản đã đầu tư vào Việt Nam 600 dự án với tổng số vốn đầu tư lên tới gần 6,37 tỉ USD. Thực tiễn phát triển cho thấy, làn sóng đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam đang "nóng lên" hơn bao giờ hết khi Việt Nam sắp sửa gia nhập WTO và là nước chủ nhà Hội nghị APEC sắp tới. JETRO cũng đã nhận định, trong 5 - 10 năm tới, làn sóng đầu tư Nhật Bản sẽ chuyển dịch mạnh đến Việt Nam. Lý do cơ bản khiến cho nhiều nhà đầu tư Nhật Bản chọn Việt Nam làm địa điểm đầu tư là vì Việt Nam có thể chế chính trị - xã hội ổn định, nhịp độ tăng trưởng và phát triển kinh tế cao, lao động dồi dào, giá rẻ; Việt Nam và Nhật Bản có nhiều điểm tương đồng về văn hóa, có quan hệ hợp tác phát triển từ nhiều năm qua... Chính vì thế, sau khi Luật Doanh nghiệp và Luật Đầu tư mới ban hành của Việt Nam đã có hiệu lực thực thi kể từ ngày 1-7-2006 đồng

Digitized by Google

thời với việc chính phủ hai nước tiếp tục thực hiện giai đoạn hai "Sáng kiến chung Nhật Bản - Việt Nam" đã khiến cho làn sóng đầu tư Nhật Bản vào Việt Nam càng trở nên sôi động hơn. Đó cũng là lý do chính khiến cho 30 tập đoàn lớn của Nhật Bản nằm trong tổng số khoảng 500 doanh giới đang đầu tư vào Việt Nam. Tuy nhiên, theo nhiều nhà đầu tư Nhật Bản, băn khoăn lớn của họ vẫn là liệu môi trường đầu tư của Việt Nam có ổn định lâu dài và nhất là một số hạn chế, bất cập lâu nay tồn đọng có nhanh chóng được tháo gỡ như kết cấu hạ tầng của nhiều địa phương, địa bàn đầu tư quá yếu kém, thủ tục hành chính còn cồng kềnh, phiền hà, trong khi đó giá cả thuê đất, văn phòng, nhà xưởng, một số dịch vụ kèm theo cần thiết khác lại quá đắt so với giá tương quan chung khu vực... Những băn khoăn này phản ánh một thực trạng còn yếu kém của môi trường đầu tư Việt Nam đã có từ nhiều năm qua, đòi hỏi các nhà nghiên cứu, hoạch định chính sách đầu tư của Việt Nam cần quan tâm cùng tìm giải pháp tháo gỡ.

4 - Hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) của Nhật Bản

Vào cuối năm 1992, Nhật Bản là nước phát triển đầu tiên tuyên bố nối lại viện trợ ODA cho Việt Nam và tích cực góp phần khai thông mối quan hệ của Việt Nam với các tổ chức tài chính quốc tế chủ chốt. Từ đó đến nay, mặc dù nền kinh tế Nhật Bản còn gặp nhiều khó khăn, nhưng Chính phủ Nhật Bản luôn là nhà tài trợ ODA lớn nhất cho Việt Nam, chiếm 40% tổng nguồn ODA của các nước và các tổ chức quốc tế cung cấp cho Việt Nam. Tính đến cuối năm 2005, tổng số ODA của Nhật Bản dành cho Việt Nam đã vượt qua con số 10 tỉ USD, trong đó trên 10% là viện trợ không hoàn lại, phần còn lại là các khoản tín dụng ưu đãi với lãi suất thấp và thời gian tài trợ dài. Tại Hội nghị Nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt Nam (CG) mới đây, một lần nữa, Nhật Bản lại khẳng định vị trí đứng đầu với cam kết sẽ tài trợ ODA trong năm 2006 cho nước ta trị giá 835,6 triệu USD.

Thông qua các nguồn ODA, Nhật Bản đã giúp Việt Nam xây dựng nhiều công trình hạ tầng kinh tế - xã hội. Việc phát triển nguồn nhân lực, giáo dục và đào tạo của Việt Nam cũng đã được Chính phủ Nhật Bản hỗ trợ tích cực. Hằng năm thông qua nguồn ODA từ nhiều quỹ tài chính khác nhau, Nhật Bản đã cung cấp một số lượng đáng kể học bổng để đào tạo đại học và sau đại học cho các sinh viên và cán bộ khoa học - kỹ thuật của Việt Nam. Một số lượng lớn chuyên gia và người tình nguyện Nhật Bản hiện đang hỗ trợ Việt Nam trong nhiều lĩnh vực phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục và đào tạo.

Từ thực tiễn sử dụng ODA của Nhật Bản trong những năm qua, vấn đề quan trọng đặt ra cho Việt Nam hiện nay là cần nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng ODA, trong đó có việc giải ngân nguồn vốn này đang là quan tâm chung của cả hai phía, mà trách nhiệm trước hết là phía Việt Nam cần phấn đấu thực hiện nghiêm chỉnh, đúng tiến độ thời gian và có kết quả cao. Mặc dù Nhật Bản còn rất nhiều khó khăn, thách thức cần vượt qua do vừa ra khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài suốt hơn thập niên qua, song Chính phủ Nhật Bản đã khẳng định vẫn tiếp tục ưu tiên ODA cho các nước châu Á đang trong trong quá trình chuyển sang kinh tế thị trường, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên vừa qua, trước vụ việc tiêu cực PMU 18, nhà tài trợ Nhật Bản cũng đã thể hiện rõ quan điểm: Nếu như phát hiện thấy có tiêu cực trong sử dụng ODA Nhật Bản mà Việt Nam không kiên quyết xử lý và khắc phục có hiệu quả thì sẽ xem xét lại để điều chỉnh, thậm chí có thể cắt giảm, vì ODA Nhật Bản về thực chất, như Đại sứ Nhật Bản tại Việt Nam, ngài No-ri-o Hat-to-ri gần đây đã nhấn mạnh và chúng ta cũng đã quá rõ, đó chính là các nguồn thu từ thuế do người dân Nhật đóng góp... Từ đó cho thấy, chúng ta cần có quyết tâm cao và giải pháp tích cực nhiều hơn nữa về vấn

Digitized by Google

đề này mới có thể giữ được niềm tin của người Nhật trong việc tiếp tục thực hiện chính sách ODA ưu tiên cho Việt Nam.

5 - Triển vọng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản

Qua sự phân tích, lý giải ở những nét chung nhất về động thái tiến triển quan hệ kinh tế Việt Nam - Nhật Bản từ đầu thập niên 90 củathế kỷ XX đến nay, có thể rút ra nhận xét: mặc dù vẫn còn một số hạn chế, bất cập như đã đề cập đến trong các hoạt động hợp tác phát triển kinh tế giữa hai nước, song về cơ bản động thái tiến triển của các hoạt động đó là sự tăng trưởng và phát triển khả quan. Một số hạn chế, bất cập đó không phải là do vị trí, vai trò của mối quan hệ này bị suy giảm mà chủ yếu là do phía Nhật Bản và bối cảnh kinh tế khu vực Đông Á có nhiều khó khăn trong thời gian qua. Ngoài ra, do nguyên nhân từ cơ chế, chính sách phối hợp giữa hai nước còn có những điểm chưa thống nhất; và một lý do khác riêng về phía Việt Nam cần nhanh chóng khắc phục, đó là môi trường, thể chế, trình độ phát triển kinh tế thị trường còn thấp... Thực tế cho thấy, nếu chỉ xét riêng về khía cạnh chính trị đối ngoại thì quan hệ Việt Nam - Nhật Bản những năm gần đây có thể nói là đã phát triển rất khả quan. Kết quả của các chuyến viếng thăm và làm việc liên tục giữa các nguyên thủ quốc gia hai nước kể từ năm 2002 đến nay đều rất tốt đẹp đã khẳng định thêm tầm cao mới của mối quan hệ đó. Đặc biệt, hàng loạt hoạt động thiết thực kỷ niệm 30 năm thiết lập quan hệ ngoại giao Việt Nam - Nhật Bản trong năm 2003 và cho đến nay là những minh chứng về sự phát triển tốt đẹp của quan hệ Việt Nam - Nhật Bản. Chính vì thế, trong tương lai không xa, nếu Nhật Bản ký với Việt Nam Hiệp định hợp tác kinh tế toàn diện (VJEPA) và do đó, một Hiệp định tự do thương mại song phương (FTA) giữa hai nước cũng được hoàn tất ký kết thì khi đó, quan hệ thương mại giữa hai nước sẽ có thêm điều kiện phát triển tốt đẹp hơn. ❑

Thế giới thứ ba...

(Tiếp theo trang 67)

mẫu của các nước phát triển đã không thể phù hợp và ít mang lại những điều tốt lành. Không thể có những phương án chung cho mọi nước trên lộ trình hội nhập. Thế giới thứ ba đang tìm tòi một cách đi riêng của mình. Thành công trên thực tế đang khích lệ họ.

Cũng còn không ít vấn đề đang đặt ra trước con đường phát triển của thế giới thứ ba. Hầu hết các nước thế giới thứ ba đều thiếu vốn, công nghệ và tri thức quản lý... cho quá trình phát triển. Vay mượn của các nước phát triển thuộc phương Tây hay các tổ chức quốc tế nắm giữ những tài nguyên này là giải pháp thường thấy. Hệ quả tích cực ban đầu có thể chỉ ra bằng những con số biểu đạt sự tăng trưởng kinh tế, thậm chí có thể là "tăng trưởng nóng". Song còn có một kinh nghiệm cay đắng khác cần được chỉ ra trong quá trình các nước thế giới thứ ba đối diện với "chủ nghĩa tự do mới". Đó là *những khoản đầu tư hàng tỉ đô-la... chỉ là một phương tiện để biến đất nước ấy thành con nợ vĩnh viễn và bằng cách đó quay trở lại chế độ phụ thuộc.* Làm thế nào để tận dụng được những thành tựu của văn minh nhân loại, những thời cơ phát triển mà không bị lệ thuộc về kinh tế, bị lôi kéo vào những mưu mô của các cường quốc trên "bàn cờ lớn"?

Các nước lớn hiện nay vẫn còn theo đuổi những mô hình mà theo họ là "hợp lý" cho trật tự thế giới mới. Sai lầm cũ của thế giới thứ nhất: quên mất vai trò của thế giới thứ ba trong trật tự thế giới mới đã là nhân tố cản trở quá trình tái tạo này. Thế giới thứ nhất - chủ nghĩa tư bản - vẫn còn những ưu thế và có khả năng tác động đến nhiều nước của thế giới thứ ba. Nhưng điều đó không có nghĩa là họ có quyền định đoạt tương lai cho thế giới này. Đấu tranh cho độc lập, bình đẳng thực sự vẫn là một mục tiêu mà các nước thế giới thứ ba đang hướng tới. ❑

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ QUÂN SỰ TỈNH QUẢNG NINH

KẾT QUẢ LÃNH ĐẠO THỰC HIỆN NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ (2001-2006):

Dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Đảng ủy Bộ Tư lệnh Quân khu 3, trực tiếp là Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Ninh, sự phối kết hợp chặt chẽ, hiệu quả của các ban ngành, đoàn thể, cấp ủy, chính quyền các địa phương, Đảng bộ và lực lượng vũ trang tỉnh đã quán triệt và chấp hành nghiêm các Nghị quyết, Chỉ thị của Đảng, mệnh lệnh của cấp trên, nỗ lực phấn đấu chủ động khắc phục khó khăn, hoàn thành toàn diện các nhiệm vụ, nhiều nhiệm vụ hoàn thành tốt, có nhiệm vụ hoàn thành xuất sắc, góp phần quan trọng cùng các lực lượng làm nòng cốt cho toàn dân giữ vững chủ quyền an ninh biên giới, biển đảo, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường thuận lợi phát triển kinh tế - xã hội địa phương, xây dựng tiềm lực và thế trận quốc phòng toàn dân ngày càng vững chắc, chất lượng tổng hợp, khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng vũ trang địa phương được tăng cường, đủ sức hoàn thành nhiệm vụ trong mọi tình huống, xứng đáng là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành, tin cậy của Đảng, chính quyền và nhân dân địa phương.

CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG:

- Đảng bộ Quân sự tỉnh Quảng Ninh liên tục đạt trong sạch vững mạnh.
- 05 tổ chức cơ sở đảng được Tỉnh ủy Quảng Ninh biểu dương Đảng bộ trong sạch vững mạnh tiêu biểu 5 năm (2001-2005), đó là: Đảng bộ phòng chính trị, Đảng bộ quân sự thị xã Móng Cái, Đảng bộ quân sự huyện (Hải Hà, Vân Đồn và Hoành Bồ)
- Từ năm 2001 đến nay luôn có từ 95% - 100% tổ chức cơ sở đảng đạt trong sạch vững mạnh, cấp chi bộ có từ 93% đến 98% đạt trong sạch vững mạnh. Tỷ lệ đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ từ 77% đến 83%.
- Kết nạp đảng viên mới: Đảng bộ quân sự tỉnh và Đảng bộ quân sự thành phố, huyện, thị xã, đã xét và kết nạp được 149 đảng viên mới, đạt 100% chỉ tiêu kế hoạch

ĐÀO TẠO BỒI DƯỠNG CÁN BỘ:

- Chất lượng đội ngũ cán bộ cơ quan quân sự địa phương: Tỷ lệ đảng viên 97,6%; qua chiến đấu 22,4%; qua trường 100%; có trình độ đại học 33,8%, cao đẳng 43%.
- Hoàn thành 05 khóa đào tạo cán bộ cơ sở với tổng số 324 đồng chí.
- Hoàn thành 02 khóa đào tạo chỉ huy trưởng quân sự xã, phường, thị trấn với 125 đồng chí.
- Kết quả bồi dưỡng kiến thức quốc phòng cho các đối tượng: trong 5 năm toàn tỉnh đã mở 147 lớp bồi dưỡng KTQP cho 10. 029 lượt cán bộ.



Đoàn Chủ tịch Đại hội Đảng bộ quân sự tỉnh nhiệm kỳ 2005 -2010



Thượng tướng Nguyễn Huy Hiệu, UVTW Đảng, Thứ trưởng BQP cùng các đ/c Tư lệnh Qk3, lãnh đạo tỉnh Quảng Ninh tại lễ tiễn đưa thanh niên TP. Hạ Long lên đường nhập ngũ năm 2006



Phân đội súng máy cao xạ 12,7mm thực hành bắn đạn thật trong diễn tập UB-05



Cán bộ chiến sỹ Ban chỉ huy Quân sự huyện Bình Liêu giúp đỡ các hộ nghèo xã Húc Động (Bình Liêu) xóa nhà dột nát

Digitized by Google

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP TÀU THỦY VIỆT NAM

VINASHIN BUSINEESS GROUP

VINASHIN

Địa chỉ: 109 Quán Thánh - Hà Nội * ĐT: 84.4. 843 9816; 733 6762 * Fax: 84.4. 733 0167



Sẵn sàng hợp tác với mọi đối tác trong và ngoài nước

TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG KIM LIÊN

Địa chỉ: Trung Tự - Quận Đống Đa - Hà Nội * Điện thoại: 04. 852 758

Được thành lập tháng 9-1974, qua hơn 30 năm phấn đấu trưởng thành, trường đạt danh hiệu tiên tiến xuất sắc nhiều năm liền.

Các danh hiệu và phần thưởng thi đua :

- Liên tục đạt danh hiệu trường tiên tiến xuất sắc của thành phố.
- Huân chương Lao động hạng Nhì, Ba.
- Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ. Cờ Thi đua đơn vị xuất sắc dẫn đầu thành phố các năm học: 1998- 1999, 2002- 2003.
- Chi bộ trong sạch liên tục 25 năm, đạt xuất sắc của quận Đống Đa các năm: 1998, 2002, 2003. Chi bộ được nâng cấp thành đảng bộ tháng 11- 2003. Đảng bộ xuất sắc của quận Đống Đa năm 2004.
- Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh luôn đạt danh hiệu xuất sắc. Trường tiên tiến xuất sắc về TDTT.
- Chất lượng đội ngũ giáo viên: 100% đạt chuẩn DDHSP.
- Chất lượng giáo dục: tỷ lệ HS giỏi hằng năm đạt trên 50%, HS khá giỏi trên 94%, tỷ lệ đỗ ĐH trên 80% (có từ 15-20 HS đỗ thủ khoa các trường ĐDDH)

Phương hướng nhiệm vụ công tác 5 năm tới:

- Nâng tỷ lệ trên chuẩn 20%.
- Phổ cập tin học cơ bản 90%, lớp nâng cao 30%
- Sử dụng phương tiện hiện đại trong giảng dạy. Đổi mới phương pháp, nội dung và đánh giá học sinh.
-Tiếp cận chương trình SGK mới và phương trình phân ban. Đáp ứng có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hoá - hiện đại hoá đất nước, xã hội hoá Giáo dục, phục vụ tốt công tác dạy và học.





Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ nhà trường, toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh trường PTTH Kim Liên quyết tâm phấn đấu giữ vững các thành tích đã đạt được, phấn đấu đạt chuẩn quốc gia, luôn xứng với lòng tin yêu của các cấp lãnh đạo và các bậc cha mẹ học sinh.

Digitized by Google

TẬP ĐOÀN KINH TẾ CÔNG NGHIỆP TÀU THUỶ

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP TÀU THUỶ HOÀNG ANH

HOANG ANH SHIPBUILDING INDUSTRY JOINT STOCK COMPANY

VINASHIN
HOANG ANH

Trụ sở : Thôn Trà Thượng, xã Xuân Hùng, huyện Xuân Trường, Nam Định
Điện thoại: 84-350 885 336/ 763 021 * Fax: 0350 885 589
VPĐD Hà Nội: Tòa nhà Hoàng Anh Vinashin Lô G5, đường Hồng Liên, quận Thanh Xuân, TP. Hà Nội
Điện thoại: 04 - 5 574 172 * Fax: 5 574 171
GIÁM ĐỐC: NGUYỄN VĂN TUYÊN







NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- ❖Đóng mới và sửa chữa phương tiện vận tải thủy trọng tải dưới 3000 DWT.
- ❖Kinh doanh vận tải sông biển.
- ❖Có khả năng đóng mới tàu có trọng tải 15.000 DWT.
- ❖Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi.
- ❖Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, kinh doanh bất động sản.
- ❖Cho thuê mặt bằng và khai thác khu công nghiệp Mỹ Trung.
- ❖Trong tương lai sẽ xây dựng nhà máy cán thép phục vụ đóng tàu.





Digitized by Google

Chợ Bến Thành :
GIỮ VỮNG DANH HIỆU CHỢ "VĂN MINH THƯƠNG NGHIỆP"

Nằm ở trung tâm thành phố Hồ Chí Minh, chợ Bến Thành là một trong những biểu tượng gắn liền với lịch sử hình thành và phát triển của thành phố. Ngày nay, ngoài chức năng cung cấp các loại hàng hóa, nhu yếu phẩm thiết yếu cho người tiêu dùng, Chợ còn là điểm đến du lịch của nhân dân cả nước và du khách nước ngoài.



Nhằm nâng cao tính cạnh tranh với hàng loạt các trung tâm thương mại, siêu thị... xuất hiện khắp nơi trong thành phố, những năm qua, BQL Chợ đã có những vận dụng sáng tạo trong công tác quản lý nhằm đưa hoạt động đi vào nền nếp. Cơ sở vật chất kỹ thuật luôn được quan tâm đầu tư, sửa chữa, tạo môi trường kinh doanh sạch đẹp, văn minh, hiện đại. Quy hoạch, sắp xếp các ngành hàng riêng biệt đảm bảo tính khoa học, thuận lợi cho việc đi lại mua sắm, cũng như công tác phòng cháy chữa cháy. Sản phẩm kinh doanh vô cùng phong phú, đa dạng với nhiều chủng loại hàng khác nhau, cơ bản có thể đáp ứng hầu hết các nhu cầu của khách hàng.

Chợ Đêm Bến Thành khai trương vào tháng 4-2002 với 175 gian hàng, trong đó có 56 điểm kinh doanh ăn uống, số còn lại bán hàng lưu niệm, quần áo, giày dép, tranh ảnh... Các gian hàng đồng loạt được bày trí đẹp mắt, sinh động, thu hút. Hàng hóa niêm yết giá, thái độ mua bán lịch sự, mến khách. Lực lượng bảo vệ luôn túc trực, có mặt khắp nơi để đảm bảo công tác an ninh. Khách hàng và du khách đến với Chợ Đêm ngày một đông hơn, họ xem chợ như là địa điểm sinh hoạt văn hóa nhằm thỏa mãn nhu cầu mua sắm, giải trí về đêm...

Công tác xây dựng Đảng luôn được BQL Chợ quan tâm. Hiện chi bộ đã kết nạp được 25 Đảng viên trong tổng số 49 CBCNV. Chợ có sáu người tốt nghiệp đại học, trung cấp chính trị; 14 người đã học qua khóa đào tạo quản lý Nhà nước. Dự kiến đến cuối năm 2006 sẽ phát triển thêm 2 Đảng viên là tiểu thương. Từ năm 2003 đến nay, chi bộ Đảng chợ Bến Thành luôn được công nhận là ***đơn vị trong sạch, vững mạnh***. Ngoài ra, đơn vị còn tích cực vận động bà con tiểu thương tham gia các phong trào xã hội, từ thiện, quỹ đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, cứu trợ đồng bào lũ lụt, xây nhà tình nghĩa... Số tiền vận động trung bình mỗi năm từ 200 đến 300 triệu đồng.

Năm 2003, Cục thuế thành phố đã chọn Chợ Bến Thành làm thí điểm thực hiện mô hình giao khoán thu thuế các hộ kinh doanh trong chợ. Liên tục trong 3 năm, đơn vị xuất sắc hoàn thành vượt mức chỉ tiêu được giao. Cụ thể: Năm 2003, giao khoán 17.000.000.000 đồng, đạt 18.021.000.000 đồng; Năm 2004, giao khoán 18.000.000.000 đồng, đạt 18.828.886.000 đồng; Năm 2004, giao khoán 18.000.000.000 đồng, đạt 18.828.886.000 đồng; Năm 2005, giao khoán 19.200.000.000 đồng, đạt 19.800.000.000 đồng.

Trong những năm qua, Chợ Bến Thành đã được Chính phủ, UBND thành phố trao tặng nhiều bằng khen..., công nhận chợ ***"Văn Minh Thương Nghiệp"*** từ năm 2005. Ông Nguyễn Ngọc Tuấn, trưởng BQL Chợ cho biết: "Không bằng lòng với những gì đã có, Chợ Bến Thành luôn cố gắng hoàn thành nhiệm vụ được giao, giữ vững danh hiệu ***"Đơn vị văn hóa"***, phấn đấu xây dựng chợ ngày một văn minh, hiện đại.

Digitized by Google



Digitized by Google

LIÊN ĐOÀN LAO ĐỘNG TỈNH LÀO CAI

Địa chỉ: Số 004 đường Hoàng Liên, thành phố Lào Cai
Điện thoại: 020.822 143 * Fax: 020.824 815



Thừa ủy quyền của Chủ tịch nước, đ/c Sùng Chúng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh trao Huân chương Lao động hạng Nhì cho LĐLĐ tỉnh Lào Cai.



Các đ/c lãnh đạo tỉnh Lào Cai; LĐLĐ tỉnh Lào Cai; Công đoàn Dầu khí Việt Nam tặng quà và cắt băng khánh thành 2 phòng học trường THCS xã Ô Quý Hồ, huyện Sa Pa.

Năm 1999, Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai vinh dự được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Ba. Phát huy thành tích đã đạt được trong 5 năm qua, Liên đoàn Lao động tỉnh Lào Cai đã chú trọng đẩy mạnh việc tổ chức và chỉ đạo các cấp công đoàn trong tỉnh phối hợp với chuyên môn tổ chức học tập quán triệt các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật Nhà nước, nghị quyết Tổng LĐLĐ Việt Nam và nghị quyết của Ban Chấp hành LĐLĐ tỉnh Lào Cai trong CNVC-LĐ với nhiều nội dung và hình thức phong phú như:

- Tổ chức các Hội nghị báo cáo viên tuyên truyền, hội thảo, tọa đàm, thông tin hoạt động Công đoàn và các chế độ chính sách hàng tháng; Thông qua mít tinh kỷ niệm, ôn lại truyền thống lịch vẻ vang của Đảng, của đất nước và các tổ chức công đoàn; Tổ chức các hoạt động văn hóa-thể dục thể thao và đặc biệt là tổ chức các cuộc thi tìm hiểu "75 năm lịch sử vẻ vang của Đảng Cộng Sản Việt Nam"; "Các kỳ Đại hội công đoàn Việt Nam"; "60 năm nước CHXHCN Việt Nam"; Tìm hiểu bộ Luật Lao động mới được sửa đổi bổ sung…
- Tổ chức các phong trào thi đua yêu nước trong CNVC-LĐ, mang lại hiệu quả thiết thực góp phần hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kinh tế xã hội của tỉnh; Phong trào thi đua "Giỏi việc nước, đảm việc nhà gắn với phong trào phụ nữ tích cực học tập lao động sáng tạo, xây dựng gia đình hạnh phúc"; Phong trào thi đua "Xanh - sạch - đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động".
- Tham gia xây dựng, kiểm tra giám sát thực hiện chế độ, chính sách , pháp luật, chăm lo, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của CNVC-LĐ và tham gia các hoạt động xã hội. Thực hiện Nghị quyết 101/2001 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai về luân chuyển, tăng cường cán bộ giúp đỡ cơ sở ở các xã trong Chương trình 135. Quán triệt thực hiện tốt phong trào toàn dân xây dựng đời sống văn hóa ở khu dân cư, cuộc vận động xây dựng quỹ ngày vì người nghèo, xây dựng nhà đại đoàn kết và ủng hộ các quỹ khác của CNVC-LĐ.

Các danh hiệu thi đua:

- Năm 1999: Huân chương Lao động hạng Ba.
- Năm 2000: Cờ thi đua TLĐ và Cờ thi đua xuất sắc UBND tỉnh Lào Cai.
- Năm 2001: Bằng khen của UBND tỉnh.
- Năm 2002: Bằng khen bộ LĐ- TBXH.
- Năm 2003: Cờ thi đua Chính phủ.
- Năm 2004: Bằng khen của UBND tỉnh.
- Nam 2005: Bằng khen của UBND tỉnh về chỉ đạo và thực hiện chương trình 135.
- Từ năm 2000 - 2005: LĐLĐ Tỉnh liên tục đạt tập thể ..lao động xuất sắc...



Các đ/c lãnh đạo Tỉnh; LĐLĐ tỉnh Lào Cai trao cờ và hoa cho các đội văn nghệ trong đêm Liên hoan văn nghệ chào mừng 77 năm ngày thành lập Công đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2006)

Vinh dự và tự hào được Đảng và Nhà nước tặng thưởng Huân chương cao quý, LĐLĐ tỉnh Lào Cai quyết tâm đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, nâng cao năng lực đội ngũ CNVC-LĐ lên tầm cao mới xứng đáng là lực lượng nòng cốt trong sự nghiệp CNH-HĐH đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

Digitized by Google



XÍ NGHIỆP 951
ĐƠN VỊ ANH HÙNG

Xí nghiệp 951 là đơn vị thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ, có chức năng sản xuất các loại tài liệu phục vụ chuyên ngành cơ yếu.

Xuyên suốt quá trình phấn đấu và trưởng thành, xây dựng từ không đến có, từ thủ công, lạc hậu đến khoa học hiện đại đơn vị luôn coi công tác xây dựng đảng, xây dựng bồi dưỡng đội ngũ là yếu tố quan trọng quyết định mọi thắng lợi của đơn vị. Các cấp ủy luôn được đổi mới và củng cố cả về lượng và chất. Đội ngũ CBCNV luôn được giáo dục bồi dưỡng về chính trị, phẩm chất đạo đức, được nâng cao về nghiệp vụ, được chăm lo về đời sống... Trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn, lãnh đạo đơn vị luôn sát cánh, chia sẻ khó khăn với anh em . Vì vậy, đội ngũ cán bộ công nhân viên 951 có tinh thần đoàn kết chặt chẽ, tính kỷ luật cao và trung thành tuyệt đối. Hiện nay, chúng ta đang quyết tâm chống tham nhũng, lãng phí thì điều này rất có ý nghĩa thực tiễn: ở đâu công tác đảng được quan tâm, hoạt động có chiều sâu thì ở đó tiêu cực, tham nhũng bị đẩy lùi, các nhân tố tích cực, tinh thần đấu tranh, dũng cảm dám chịu trách nhiệm cá nhân... được nâng cao. Các đoàn thể đặc biệt là Đoàn thanh niên cũng luôn được chăm lo phát triển, xứng đáng là cánh tay phải của Đảng và là đội xung kích trong mọi hoạt động của đơn vị với tinh thần "Đâu cần thanh niên có, đâu khó có thanh niên".

Giám đốc Đỗ Như Thủy là tấm gương sáng, cống hiến không mệt mỏi. Công sức và trí tuệ của đồng chí có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển của đơn vị.

Đến nay, XN 951 đã có đội ngũ cán bộ, công nhân viên vững vàng về chính trị, giỏi về nghiệp vụ, tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, đoàn kết gắn bó, có tinh thần chịu đựng gian khổ hy sinh thiệt thòn, chủ động sáng tạo vượt mọi khó khăn và chính nhờ đội ngũ này, 951 đã đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác:

- Trong chiến tranh: được thành lập vào tháng 9 năm 1951, trưởng thành từ một tổ ấn loát ban đầu với bàn đá li tô, vừa học vừa làm, đơn vị đã sản xuất được hàng trăm triệu trang tài liệu phục vụ nhiệm vụ cách mạng.

- Sau chiến tranh, đất nước bước vào giai đoạn đổi mới với muôn vàn khó khăn: trong gian khó bản lĩnh của những người lính thợ tiếp tục được tôi luyện và với tinh thần " trí tuệ - cần cù - bền bỉ" phẩm chất "Anh bộ đội Cụ Hồ" trong họ tiếp tục tỏa sáng. Từ đây, có hàng trăm sáng kiến cải tiến máy móc, cải tiến kỹ thuật, tổ chức lại quản lý sản xuất. Họ đã làm được khối lượng công việc tưởng như không thể trong hoàn cảnh đất nước còn bộn bề khó khăn. Gác sang bên cuộc sống vật chất của gia đình, của bản thân còn nhiều thiếu thốn, họ đã bắt những cỗ máy thô sơ tưởng phải loại bỏ trở nên hữu ích, đã tiết kiệm được hàng ngàn ngày công lao động, hàng trăm triệu đồng hằng năm cho ngân sách nhà nước... Chân dung của người anh hùng 951 đã được tạo ra trong lao động, sản xuất, cống hiến không mệt mỏi.

Trải qua 55 năm không ngừng phấn đấu, khắc phục mọi khó khăn, luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, XN 951 đã được Đảng, Nhà nước trao tặng nhiều phần thưởng cao quý: Anh hùng Lao động trong thời kỳ đổi mới (năm 1999), Anh hùng Lực lượng Vũ trang (năm 2005) cho tập thể và danh hiệu Anh hùng Lao động cho cá nhân đồng chí giám đốc Đỗ Như Thủy.

Digitized by Google

VSC

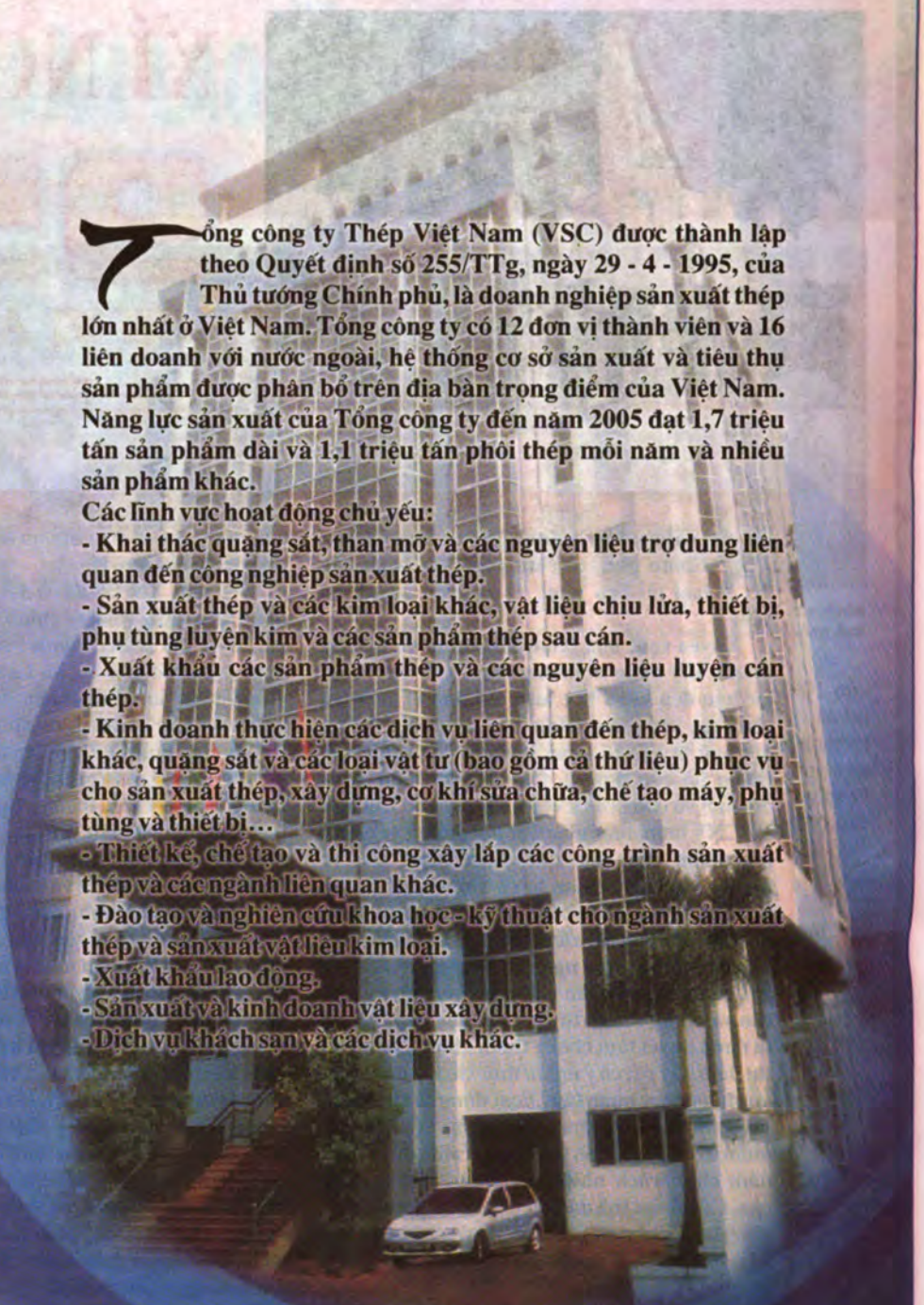
CHỦ TỊCH HĐQT
NGUYỄN KIM SƠN.
TỔNG GIÁM ĐỐC
ĐẬU VĂN HÙNG



Tổng công ty Thép Việt Nam (VSC) được thành lập theo Quyết định số 255/TTg, ngày 29 - 4 - 1995, của Thủ tướng Chính phủ, là doanh nghiệp sản xuất thép lớn nhất ở Việt Nam. Tổng công ty có 12 đơn vị thành viên và 16 liên doanh với nước ngoài, hệ thống cơ sở sản xuất và tiêu thụ sản phẩm được phân bố trên địa bàn trọng điểm của Việt Nam. Năng lực sản xuất của Tổng công ty đến năm 2005 đạt 1,7 triệu tấn sản phẩm dài và 1,1 triệu tấn phôi thép mỗi năm và nhiều sản phẩm khác.

Các lĩnh vực hoạt động chủ yếu:

- Khai thác quặng sắt, than mỡ và các nguyên liệu trợ dung liên quan đến công nghiệp sản xuất thép.
- Sản xuất thép và các kim loại khác, vật liệu chịu lửa, thiết bị, phụ tùng luyện kim và các sản phẩm thép sau cán.
- Xuất khẩu các sản phẩm thép và các nguyên liệu luyện cán thép.
- Kinh doanh thực hiện các dịch vụ liên quan đến thép, kim loại khác, quặng sắt và các loại vật tư (bao gồm cả thứ liệu) phục vụ cho sản xuất thép, xây dựng, cơ khí sửa chữa, chế tạo máy, phụ tùng và thiết bị...
- Thiết kế, chế tạo và thi công xây lắp các công trình sản xuất thép và các ngành liên quan khác.
- Đào tạo và nghiên cứu khoa học - kỹ thuật cho ngành sản xuất thép và sản xuất vật liệu kim loại.
- Xuất khẩu lao động.
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Dịch vụ khách sạn và các dịch vụ khác.



TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM
VIETNAM STEEL CORPORATION

chi [illegible]áng Hạ- Đống Đa- Hà Nội Điện thoại: (04) 8 561 750, 8 561 795 *Fax: (04) 8 561 815
[illegible]hi Minh: 56 Thủ Khoa Huân- Quận1 * Điện thoại: (08) 8 238 697 * Fax: (08) 8 238 702
Web: http://www.vsc.com.vn

Digitized by Google

CÔNG TY TNHH XỔ SỐ KIẾN THIẾT TỈNH TÂY NINH

Địa chỉ : 167 Đại lộ 30/4, Thị xã Tây Ninh - ĐT : 822327 - 827536



Vì ích nước, lợi nhà hãy mua vé số Tây Ninh

KÍNH CHÚC QUÝ ĐỒNG BÀO
THAM GIA XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

May Mắn và Hạnh Phúc

GIÁM ĐỐC
Nguyễn Hữu Tài

Digitized by Google

180

TẬP ĐOÀN THAN VÀ KHOÁNG SẢN VIỆT NAM

CÔNG TY TUYỂN THAN CỬA ÔNG

BÍ THƯ ĐẢNG ỦY, GIÁM ĐỐC: NGUYỄN TRỌNG BẰNG

ĐƠN VỊ ANH HÙNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG NHÂN DÂN
ĐƠN VỊ ANH HÙNG LAO ĐỘNG THỜI KỲ ĐỔI MỚI







Địa chỉ: Cửa Ông, thị xã Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
Điện thoại: 033 865 043 * Fax: 033 865 656

ĐẢNG BỘ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH TIÊU BIỂU 5 NĂM (2001 - 2005)

Đảng bộ Công ty Tuyển than Cửa Ông, trong nhiều năm qua luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị được giao. Được Đảng ủy cấp trên công nhận danh hiệu trong sạch vững mạnh: năm 1993-1994 và năm 1995-1996; năm 1997-2000 được Tỉnh ủy Quảng Ninh biểu dương đảng bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc. Năm 2000 tập thể công nhân, cán bộ công ty được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới. Từ năm 2001 đến nay, do nhu cầu than trong nước và xuất khẩu tăng nên kế hoạch sản xuất cấp trên giao hàng năm đều tăng. Năm 2005 so với năm 2001 tăng 206%, trong khi nhu cầu về vốn đầu tư chưa đáp ứng kịp. Trước yêu cầu đó, Đảng bộ Công ty đã tập trung cao trong lãnh đạo, chỉ đạo khắc phục khó khăn, phát huy tối đa nội lực trong đội ngũ CBCNV, duy trì triệt để năng lực thiết bị hiện có với việc từng bước đầu tư có trọng tâm, trọng điểm. Phối hợp chặt chẽ có hiệu quả với các doanh nghiệp trên địa bàn và địa phương; nhiệm vụ chính trị giữ vững, thu nhập của CBCNV hằng năm được cải thiện; cơ sở hạ tầng văn hóa xã hội, điều kiện làm việc của công nhân và nhân dân trên địa bàn được cải thiện, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao được đầu tư, đời sống tinh thần của CBCNV được cải thiện rõ nét. Với những thành tích đạt được trong các năm từ 2001-2005, các tổ chức chính trị trong Đảng bộ đều được cấp trên công nhận đạt trong sạch vững mạnh. Đảng bộ Công ty hàng năm đạt danh hiệu vững mạnh, được Nhà nước phong tặng danh hiệu Anh hùng Lực lượng Vũ trang trong năm 2004, Huân chương Độc lập hạng Nhì năm 2005, cờ, bằng khen của cấp, ngành cho tập thể công nhân, cán bộ công ty

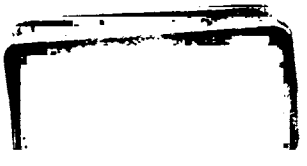
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 06610 3691





Digitized by Google